Esoteric Healing



Esoteric Healing



ESOTERIC HEALING TRỊ LIỆU HUYỀN MÔN

Volume IV

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS

by

ALICE A. BAILEY

Index Edition

Published by the Lucis Publishing Companies

The first and only publisher of the

24 books of Alice A. Bailey

www.lucistrust.org/books

Tập IV

LUẬN VỀ BẢY CUNG

của

ALICE A. BAILEY

Ấn bản Chỉ mục

Do các công ty xuất bản Lucis xuất bản

Nhà xuất bản đầu tiên và duy nhất của

24 cuốn sách của Alice A. Bailey

www.lucistrust.org/books

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN — TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng

offers to the Guru and Master Whom he is as yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity-not to the Master.

hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters can be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư có thể được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG TÁM 1934

THE GREAT INVOCATION — ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
“The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	“Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the Divine Plan work out."

ALICE A. BAILEY

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ bề ngoài, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

ALICE A. BAILEY

INTRODUCTORY REMARKS — NHỮNG NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

[1]

The entire subject of healing is as old as the ages themselves, and has ever been the subject of investigation and experiment. But as to the right use of the healing faculty and forces, the knowledge is in its infancy. Only in this age and generation is it at last possible to impart the laws of magnetic healing, and to indicate the causes of those diseases—originating in the three inner bodies—which today devastate the human frame, cause endless suffering and pain, and usher man through the portal which leads to the world of bodiless existence. Only today is man at the point in the evolution of his consciousness where he can begin to realise the power of the subjective worlds, and the new and vast science of psychology is his response to this growing interest. Processes of adjustment, of elimination and of cure engage the minds of all thoughtful people as well as of all suffering people. We have much to do, and I ask therefore for patience on your part.

When one enters the realm of healing, one enters a world of much esoteric knowledge, and of an infinity of conclusions, and one is faced with the formulations of many minds, who, through the ages, have sought to heal and to help. The why and the wherefore of disease have been the subject of endless investigations and speculations, and much definite deduction has been made as to the cures of such complaints; there has been also much formulation of methods, of techniques, of formulae, of prescription, of varied manipulations and of [2] theories. All these serve to fill the mind with many ideas

[1]

Toàn bộ đề tài trị liệu xưa như chính các thời đại, và luôn luôn là đối tượng của sự khảo cứu và thử nghiệm. Nhưng về việc sử dụng đúng đắn năng lực và các mãnh lực trị liệu thì tri thức vẫn còn ở thời kỳ ấu trĩ. Chỉ trong thời đại và thế hệ này, cuối cùng mới có thể truyền đạt các định luật của trị liệu từ tính, và chỉ ra các nguyên nhân của những bệnh tật đó—phát sinh trong ba thể bên trong—mà ngày nay tàn phá cơ thể con người, gây ra đau khổ và đau đớn vô tận, và đưa con người đi qua cánh cổng dẫn đến thế giới tồn tại không thân xác. Chỉ ngày nay con người mới ở vào điểm tiến hoá trong tâm thức của mình mà tại đó y có thể bắt đầu chứng nghiệm quyền năng của các thế giới chủ quan, và khoa học mới mẻ và bao la về tâm lý học là sự đáp ứng của y đối với mối quan tâm đang lớn dần này. Các tiến trình điều chỉnh, loại bỏ và chữa trị đang thu hút trí óc của mọi người biết suy nghĩ cũng như của mọi người đang đau khổ. Chúng ta còn nhiều việc phải làm, và vì vậy tôi yêu cầu nơi bạn sự kiên nhẫn.

Khi một người bước vào lĩnh vực trị liệu, người ấy bước vào một thế giới của nhiều tri thức huyền bí và của vô số kết luận, và phải đối diện với những quan niệm do nhiều nhà tư tưởng hình thành, những người qua các thời đại đã tìm cách chữa lành và giúp đỡ. Căn nguyên và lý do của bệnh tật đã là đối tượng của vô số cuộc khảo cứu và suy đoán, và nhiều suy luận xác định đã được đưa ra về cách chữa những chứng bệnh như thế; cũng đã có nhiều sự hình thành các phương pháp, kỹ thuật, công thức, toa thuốc, những thao tác đa dạng và các [2] lý thuyết. Tất cả những điều này làm đầy trí óc bằng nhiều ý tưởng—

—some correct, some erroneous—and this makes it most difficult for new ideas to enter and for the student to assimilate the hitherto unknown.

một số đúng, một số sai—và điều này khiến cho các ý tưởng mới rất khó đi vào và khiến đạo sinh khó đồng hoá điều từ trước đến nay chưa biết.

Aspirants lose much by refusing to let go of that which the lower mind cherishes. When they do succeed in being entirely open minded and are ready to accept the new theories and hypotheses, they discover that the old and dearly held truth is not really lost, but only relegated to its rightful place in a larger scheme.

Người chí nguyện mất mát nhiều khi từ chối buông bỏ điều mà hạ trí trân quý. Khi họ thực sự thành công trong việc hoàn toàn cởi mở và sẵn sàng chấp nhận các lý thuyết và giả thuyết mới, họ khám phá rằng chân lý cũ từng được gìn giữ tha thiết không thật sự mất đi, mà chỉ được đặt vào đúng vị trí của nó trong một hệ thống lớn hơn.

All initiates of the Ageless Wisdom are necessarily healers, though all may not heal the physical body. The reason for this is that all souls that have achieved any measure of true liberation are transmitters of spiritual energy. This automatically affects some aspect of the mechanism which is used by the souls they contact. When I employ the word “mechanism” in these instructions I refer to different aspects of the instrument, the body or form nature, through which all souls seek manifestation. I refer, therefore, to:

Mọi điểm đạo đồ của Minh Triết Ngàn Đời tất yếu đều là những người chữa lành, dù không phải tất cả đều chữa lành thể xác. Lý do là mọi linh hồn đã đạt được một mức độ giải thoát chân thực nào đó đều là những người truyền dẫn năng lượng tinh thần. Điều này tự động ảnh hưởng đến một phương diện nào đó của bộ máy được các linh hồn mà họ tiếp xúc sử dụng. Khi tôi dùng từ “bộ máy” trong các chỉ dẫn này, tôi muốn nói đến những phương diện khác nhau của công cụ, của thân thể hay bản chất hình tướng, qua đó mọi linh hồn tìm cách biểu hiện. Vì vậy, tôi muốn nói đến:

1. The dense physical body, which is the sumtotal of all the organisms which compose it; these possess the varying functions which enable the soul to express itself on the physical or objective plane as part of a greater and more inclusive organism. The physical body is the response apparatus of the indwelling spiritual man and serves to put that spiritual entity en rapport with the response apparatus of the planetary Logos, the Life in which we live and move and have our being.

1. *Thể xác đậm đặc*, là tổng thể của mọi cơ quan cấu thành nên nó; chúng có những chức năng khác nhau giúp linh hồn biểu lộ chính mình trên cõi hồng trần hay cõi khách quan như một phần của một cơ thể lớn hơn và có phạm vi bao quát rộng hơn. Thể xác là bộ máy đáp ứng của con người tinh thần nội tại và dùng để đặt thực thể tinh thần đó vào mối tương quan với bộ máy đáp ứng của Hành Tinh Thượng Đế, Sự sống mà trong đó chúng ta sống, vận động và hiện hữu.

2. The etheric body, which has one main objective. This is to vitalise and energise the

2. *Thể dĩ thái,* có một mục tiêu chính. Đó là tiếp sinh lực và cấp năng lượng cho thể xác

physical body and thus integrate it into the energy body of the Earth and of the solar system. It is a web of energy streams, of lines of force and of light. It constitutes part of the vast network [3] of energies which underlies all forms whether great or small (microcosmic or macrocosmic). Along these lines of energy the cosmic forces flow, as the blood flows through the veins and arteries. This constant, individual—human, planetary and solar—circulation of life-forces through the etheric bodies of all forms is the basis of all manifested life, and the expression of the essential non-separateness of all life.

và nhờ đó tích hợp nó vào thể năng lượng của Trái Đất và của hệ mặt trời. Nó là một mạng lưới các dòng năng lượng, các đường mãnh lực và ánh sáng. Nó cấu thành một phần của mạng lưới bao la [3] các năng lượng làm nền cho mọi hình tướng dù lớn hay nhỏ (tiểu thiên địa hay đại thiên địa). Dọc theo các đường năng lượng này, các mãnh lực vũ trụ lưu chuyển, như máu chảy qua các tĩnh mạch và động mạch. Sự tuần hoàn liên tục, riêng biệt—nhân loại, hành tinh và thái dương—của các mãnh lực sự sống qua các thể dĩ thái của mọi hình tướng là nền tảng của mọi sự sống biểu hiện, và là biểu hiện của tính bất khả phân ly cốt yếu của mọi sự sống.

3. The astral or desire body (sometimes called the emotional body) is the effect of the interplay of desire and of sentient response upon the self at the centre, and the resultant effect—in that body—is experienced as emotion and as pain and pleasure and the other pairs of opposites. In these two bodies, the etheric and astral bodies, ninety percent of the causes of physical disease and troubles is to be found.

3. *Thể cảm dục hay thể dục vọng* (đôi khi được gọi là thể cảm xúc) là hiệu quả của sự tương tác giữa dục vọng và sự đáp ứng cảm giác lên cái ngã ở trung tâm, và hiệu quả phát sinh—trong thể đó—được kinh nghiệm như cảm xúc, như đau đớn và khoái lạc cùng các cặp đối đãi khác. Trong hai thể này, thể dĩ thái và thể cảm dục, có thể tìm thấy chín mươi phần trăm các nguyên nhân của bệnh tật và rối loạn thể xác.

4. The mental body, or that much of the chitta or mind stuff which an individual human unit can use and impress, constitutes the fourth of the series of mechanisms at the disposal of the soul. At the same time let it not be forgotten that these four constitute one mechanism. Five percent of all modern disease originates in this body or state of consciousness, and here I wish to enunciate the truth that the constant reiteration by certain schools of healers that the mind is the cause of all sickness is not as yet a fact. A million years hence, when the focus of human attention has shifted from the emotional nature to the mind, and when men are essentially mental

4. *Thể trí*, hay phần chitta hoặc chất liệu trí tuệ mà một đơn vị nhân loại cá biệt có thể sử dụng và gây ấn tượng lên, cấu thành cơ chế thứ tư trong chuỗi các cơ chế sẵn có cho linh hồn. Đồng thời, đừng quên rằng bốn thể này cấu thành một cơ chế duy nhất. Năm phần trăm mọi bệnh tật hiện đại phát sinh trong thể này hay trong trạng thái tâm thức này, và ở đây tôi muốn tuyên bố chân lý rằng việc một số trường phái trị liệu liên tục lặp đi lặp lại rằng trí tuệ là nguyên nhân của mọi bệnh tật hiện vẫn chưa phải là sự thật. Một triệu năm nữa, khi tiêu điểm chú ý của nhân loại đã chuyển từ bản chất cảm xúc sang trí tuệ, và khi con người về bản chất là trí tuệ như ngày nay họ về bản chất là cảm xúc, *thì khi*

as today they are essentially emotional, then the causes of disease must be sought in the mind realm. They are today to be found (except in a few rare cases) in lack of vitality or in too much stimulation, and in the realm of feeling, of desires (thwarted or over-indulged) and in the moods, suppressions, or expressions of the deep-seated [4] longings, irritations, secret delights and the many hidden impulses which emanate from the desire life of the subject.

ấy các nguyên nhân của bệnh tật phải được tìm trong lĩnh vực trí tuệ. Ngày nay chúng được tìm thấy (trừ một vài trường hợp hiếm hoi) trong sự thiếu sinh lực hoặc trong sự kích thích quá mức, và trong lĩnh vực cảm giác, dục vọng (bị ngăn trở hoặc được nuông chiều quá độ) và trong các tâm trạng, các sự dồn nén, hay các biểu lộ của những [4] khát vọng sâu kín, những bực bội, những khoái lạc bí mật và nhiều xung lực ẩn giấu phát ra từ đời sống dục vọng của chủ thể.

This urge to be and to have has first of all built, and is building, the outer physical response apparatus, and is today forcing a mechanism that has been constructed essentially for physical ends, to serve more subjective purposes. This again produces trouble, and only when man realises that within the outer physical sheath there exist other bodies which serve more subtle response purposes will we see the gradual readjustment and health of the physical body. With these more subtle sheaths we shall later deal.

Sự thôi thúc được hiện hữu và được sở hữu này trước hết đã xây dựng, và đang xây dựng, bộ máy đáp ứng thể xác bên ngoài, và ngày nay đang buộc một cơ chế vốn được kiến tạo chủ yếu cho các mục đích thể xác phải phục vụ những mục đích chủ quan hơn. Điều này lại gây ra rắc rối, và chỉ khi con người nhận ra rằng bên trong lớp vỏ thể xác bên ngoài còn có những thể khác phục vụ các mục đích đáp ứng tinh tế hơn, chúng ta mới thấy sự điều chỉnh dần dần và sức khỏe của thể xác. Với những lớp vỏ tinh tế hơn này, chúng ta sẽ bàn đến sau.

You naturally ask here: What is the general plan which I shall seek to follow as I instruct you in the laws of healing, those laws which guide the initiates and must gradually supersede the more physical methods of the present art of healing? You naturally also seek to know what is the special technique which you—as healers—must learn to employ, both as regards yourselves and as regards those you seek to heal. I will briefly outline the teaching I shall endeavour to give and point out where you must lay the emphasis, as you commence the study of this subject.

Tại đây, dĩ nhiên bạn hỏi: Kế hoạch tổng quát mà tôi sẽ cố gắng theo đuổi khi chỉ dạy bạn về các định luật trị liệu, những định luật hướng dẫn các điểm đạo đồ và phải dần dần thay thế các phương pháp thiên về thể xác hơn của nghệ thuật trị liệu hiện nay là gì? Dĩ nhiên bạn cũng muốn biết kỹ thuật đặc biệt nào mà bạn—với tư cách những người chữa lành—phải học để sử dụng, cả đối với chính mình lẫn đối với những người mà bạn tìm cách chữa lành. Tôi sẽ phác thảo ngắn gọn giáo huấn mà tôi sẽ cố gắng truyền đạt và chỉ ra nơi bạn phải đặt trọng tâm khi bắt đầu nghiên cứu đề tài này.

I shall endeavour first of all to touch upon the causes of disease, for the occult student

Trước hết, tôi sẽ cố gắng đề cập đến các nguyên nhân của bệnh tật, vì đạo sinh huyền bí học phải luôn luôn bắt đầu trong

must ever begin in the world of origins and not in the world of effects.

thế giới của các nguyên nhân chứ không phải trong thế giới của các hiệu quả.

In the second place, I shall elaborate the seven methods of healing which govern the "work of restitution" (as it is called in the occult terminology) as practiced by the initiates of the world. These determine the techniques which must be employed. You will note that these methods and techniques are conditioned by the rays (of which I have written in A Treatise on the Seven Rays Vol I & Vol II) and that therefore the healer has to take into [5] consideration not only his own ray but also the ray of the patient. There are therefore seven ray techniques, and these require elucidation before they can be applied intelligently.

Thứ hai, tôi sẽ khai triển bảy phương pháp trị liệu chi phối "công việc hoàn nguyên" (như nó được gọi trong thuật ngữ huyền bí học) như được các điểm đạo đồ của thế giới thực hành. Chúng quyết định các kỹ thuật phải được sử dụng. Bạn sẽ lưu ý rằng các phương pháp và kỹ thuật này được các cung quy định (mà tôi đã viết trong *Luận về Bảy Cung Tập I & Tập II*) và vì vậy người chữa lành phải xét đến [5] không chỉ cung của chính mình mà còn cả cung của bệnh nhân. Do đó có bảy kỹ thuật cung, và chúng cần được làm sáng tỏ trước khi có thể được áp dụng một cách thông minh.

In the third place, I shall lay emphasis upon psychological healing and upon the need to deal with the patient in his inner life, for the basic law underlying all occult healing may be stated to be as follows:

Thứ ba, tôi sẽ nhấn mạnh đến trị liệu tâm lý và đến nhu cầu phải đề cập đến bệnh nhân trong đời sống bên trong của y, vì định luật căn bản làm nền cho mọi trị liệu huyền bí có thể được phát biểu như sau:

LAW I

ĐỊNH LUẬT I

All disease is the result of inhibited soul life, and that is true of all forms in all kingdoms. The art of the healer consists in releasing the soul, so that its life can flow through the aggregate of organisms which constitute any particular form.

Mọi bệnh tật đều là kết quả của đời sống linh hồn bị ngăn trở, và điều đó đúng với mọi hình tướng trong mọi giới. Nghệ thuật của nhà trị liệu là giải phóng linh hồn để sự sống của linh hồn có thể tuôn chảy qua tập hợp các cơ cấu sống cấu thành bất kỳ hình tướng cụ thể nào.

It is interesting to note that the attempt of the scientist to release the energy of the atom is of the same general nature as the work of the esotericist when he endeavours to release the energy of the soul. In this release the nature of the true art of healing is hidden. Herein lies an occult hint.

Điều đáng chú ý là nỗ lực của nhà khoa học nhằm giải phóng năng lượng của nguyên tử có cùng bản chất tổng quát với công việc của nhà bí truyền học khi y cố gắng giải phóng năng lượng của linh hồn. Trong sự giải phóng này, bản chất của nghệ thuật trị liệu chân chính được ẩn giấu. Chính trong đó có một gợi ý huyền bí.

In the fourth place, we will consider the physical body, its diseases and ills, but only after we have studied that part of man which lies behind and surrounding the dense physical body. In that way we shall work from the world of inner causes to the world of outer happenings. We shall see that all that concerns the health of man originates from:

Thứ tư, chúng ta sẽ xem xét thể xác, các bệnh tật và đau yếu của nó, nhưng chỉ sau khi chúng ta đã nghiên cứu phần con người nằm phía sau và bao quanh thể xác đậm đặc. Bằng cách đó, chúng ta sẽ làm việc từ thế giới của các nguyên nhân bên trong đến thế giới của các biến cố bên ngoài. Chúng ta sẽ thấy rằng mọi điều liên quan đến sức khỏe của con người đều phát sinh từ:

1. The sumtotal of forces, feelings, desires and occasional mental processes which characterises the three subtler bodies and determines the life and experience of the physical body.

1. Tổng số các mãnh lực, cảm giác, dục vọng và những tiến trình trí tuệ thỉnh thoảng xuất hiện, vốn đặc trưng cho ba thể tinh tế hơn và quyết định đời sống cùng kinh nghiệm của thể xác.

2. The effect upon the physical body of the condition of humanity as a whole. A human being is an integral part of humanity, an organism in a greater organism. Conditions existing in the whole will be reflected in [6] the unit self, and many of the ills from which man suffers today are the effect upon him of conditions existing in the fourth kingdom in nature as a whole. For these he is not held responsible.

2. Hiệu quả lên thể xác của tình trạng của nhân loại *như một toàn thể*. Một con người là một phần không thể tách rời của nhân loại, một cơ thể trong một cơ thể lớn hơn. Những điều kiện hiện hữu trong toàn thể sẽ được phản ánh trong [6] bản ngã đơn vị, và nhiều chứng bệnh mà con người đang chịu đựng ngày nay là hiệu quả nơi y của những điều kiện hiện hữu trong toàn bộ giới thứ tư trong thiên nhiên. Về những điều này, y không phải chịu trách nhiệm.

3. The effect upon his physical body of the planetary life, which is the expression of the life of the planetary Logos, Who is an evolving entity. The implications of this are largely beyond our ken, but the effects are discernible.

3. Hiệu quả lên thể xác của y của sự sống hành tinh, vốn là biểu hiện của sự sống của Hành Tinh Thượng Đế, Đấng là một thực thể đang tiến hoá. Những hàm ý của điều này phần lớn vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, nhưng các hiệu quả thì có thể nhận thấy.

I am not interested primarily in training individuals in order to make them more efficient healers. It is group healing at which I aim, and it is the work which is done in formation which interests me at this time. But no group of people can work as a unit unless they love and serve each other. The

Mối quan tâm chính của tôi không phải là huấn luyện các cá nhân để làm cho họ thành những người chữa lành hữu hiệu hơn. Điều tôi nhắm đến là trị liệu *nhóm*, và điều khiến tôi quan tâm vào lúc này là công việc được thực hiện theo đội hình nhóm. Nhưng không một nhóm người nào có thể hoạt

healing energy of the spiritual Hierarchy cannot flow through the group if there is disharmony and criticism. The first work, therefore, of any group of healers, is to establish themselves in love and to work towards group unity and understanding.

động như một đơn vị trừ phi họ yêu thương và phụng sự lẫn nhau. Năng lượng trị liệu của Thánh đoàn không thể tuôn chảy qua nhóm nếu có bất hòa và chỉ trích. Vì vậy, công việc đầu tiên của bất kỳ nhóm chữa lành nào là thiết lập chính mình trong tình thương và hướng đến sự hợp nhất cùng thấu hiểu nhóm.

I would like to point out here the need for patience as a healing group integrates and the auras of the group members blend. It takes a little time for people to learn to work together in perfect understanding and impersonality, and at the same time to achieve, during their work, a one-pointedness which will produce the needed group rhythm—a rhythm of such unity and intensity that the work can synchronise internally. Aspirants and students as they work along these lines must train themselves to think as a group, and to give to the group (without a niggardly or reticent spirit) the best that is in them, and also the fruit of their meditation upon these matters.

Tôi muốn chỉ ra ở đây nhu cầu về sự kiên nhẫn khi một nhóm chữa lành tích hợp và các hào quang của các thành viên trong nhóm hòa trộn với nhau. Cần một ít thời gian để con người học cách làm việc cùng nhau trong sự *thấu hiểu* và *vô ngã* hoàn hảo, đồng thời đạt được, trong khi làm việc, một trạng thái nhất tâm sẽ tạo ra nhịp điệu nhóm cần thiết—một nhịp điệu hợp nhất và mãnh liệt đến mức công việc có thể đồng bộ hóa bên trong. Người chí nguyện và đạo sinh khi làm việc theo các đường lối này phải tự rèn luyện để suy nghĩ như một nhóm, và cống hiến cho nhóm (không với tinh thần keo kiệt hay dè dặt) điều tốt đẹp nhất nơi mình, cũng như thành quả của sự tham thiền của mình về các vấn đề này.

I might also add that these instructions must be as concise as possible. I shall have to endeavour to put much truth [7] and information into a brief space, so as to make each sentence convey some real idea and give some real light on the problems which confront a healing group. That which I have to say will fall into two parts: First, we will deal with the general work of healing and teaching, and this will involve the impartation by me of laws, of techniques and methods. Secondly, we will consider the healer and how he can perfect himself in the art of healing.

Tôi cũng có thể nói thêm rằng các chỉ dẫn này phải càng súc tích càng tốt. Tôi sẽ phải cố gắng đưa nhiều chân lý [7] và thông tin vào trong một không gian ngắn gọn, để mỗi câu truyền đạt một ý tưởng thực sự và soi sáng thực sự cho những vấn đề mà một nhóm chữa lành phải đối diện. Điều tôi phải nói sẽ chia thành hai phần: Thứ nhất, chúng ta sẽ đề cập đến công việc trị liệu và giảng dạy tổng quát, và điều này sẽ bao gồm việc tôi truyền đạt các định luật, kỹ thuật và phương pháp. Thứ hai, chúng ta sẽ xem xét người chữa lành và cách y có thể hoàn thiện chính mình trong nghệ thuật trị liệu.

Is it not true that the prime requisite of all healers is a sympathetic rapport with the

Chẳng phải điều kiện tiên quyết hàng đầu của mọi người chữa lành là một mối tương

patient, so that the healer achieves insight into the trouble and establishes the confidence of the patient?

giao cảm thông với bệnh nhân, để người chữa lành đạt được sự thấu suốt về chứng bệnh và thiết lập được lòng tin của bệnh nhân sao?

Two words I give you which embody the requirements of all true healers, and towards which you must work. They are Magnetism and Radiation. A healer must be magnetic above everything else, and he must attract to him:

Tôi trao cho bạn hai từ bao hàm các yêu cầu của mọi người chữa lành chân chính, và là điều mà bạn phải hướng đến. Đó là *Từ điện* và *Bức xạ*. Trên hết mọi sự, một người chữa lành phải có từ tính, và y phải thu hút về mình:

a. The power of his own soul; this involves alignment through individual meditation.

a. Quyền năng của chính linh hồn mình; điều này bao hàm sự chỉnh hợp thông qua tham thiền cá nhân.

b. Those whom he can help; this involves a decentralised attitude.

b. Những người mà y có thể giúp; điều này bao hàm một thái độ không lấy bản thân làm trung tâm.

c. Those energies, when need arises, which will stimulate the patient to the desired activity. This involves occult knowledge and a trained mind.

c. Những năng lượng, khi nhu cầu phát sinh, sẽ kích thích bệnh nhân đến hoạt động mong muốn. Điều này bao hàm tri thức huyền bí học và một trí tuệ được rèn luyện.

The healer must understand also how to radiate, for the radiation of the soul will stimulate to activity the soul of the one to be healed and the healing process will be set in motion; the radiation of his mind will illumine the other mind and polarise the will of the patient; the radiation of his astral body, controlled and selfless, will impose a rhythm upon the agitation of the patient's astral body, and so enable the patient to take right action, whilst the radiation of the vital body, working through the splenic centre, will aid in [8] organising the patient's force-body and so facilitate the work of healing. Therefore, the healer has the duty of rendering himself effective, and according to what he is, so will be the effect upon the patient. When a healer works magnetically and radiates his soul force to the patient,

Người chữa lành cũng phải thấu hiểu cách bức xạ, vì bức xạ của linh hồn sẽ kích thích linh hồn của người được chữa lành đi vào hoạt động và tiến trình trị liệu sẽ được khởi động; bức xạ của thể trí y sẽ soi sáng thể trí của người kia và phân cực ý chí của bệnh nhân; bức xạ của thể cảm dục của y, được kiểm soát và vô ngã, sẽ áp đặt một nhịp điệu lên sự xáo động của thể cảm dục của bệnh nhân, và nhờ đó giúp bệnh nhân có hành động đúng đắn, trong khi bức xạ của thể sinh lực, hoạt động qua trung tâm lá lách, sẽ hỗ trợ trong việc [8] tổ chức thể mãnh lực của bệnh nhân và nhờ đó tạo thuận lợi cho công việc trị liệu. Vì vậy, người chữa lành có bổn phận làm cho mình trở nên hữu hiệu, và tùy theo y là gì, hiệu quả lên bệnh nhân sẽ như thế. Khi một người chữa lành hoạt động một cách từ tính và bức xạ mãnh lực linh

that patient is enabled more easily to achieve the end desired—which may be complete healing, or it may be the establishing of a state of mind which will enable the patient to live with himself and with his complaint, unhandicapped by the karmic limitations of the body. Or it may be enabling the patient to achieve (with joy and facility) the right liberation from the body and, through the portal of death, to pass to complete health.

hồn của mình đến bệnh nhân, bệnh nhân đó sẽ dễ dàng hơn trong việc đạt đến mục đích mong muốn—có thể là sự chữa lành hoàn toàn, hoặc có thể là việc thiết lập một trạng thái tâm trí giúp bệnh nhân sống với chính mình và với chứng bệnh của mình mà không chịu sự cản trở của những giới hạn nghiệp quả của thể xác. Hoặc có thể là giúp bệnh nhân đạt được (với sự hoan hỉ và dễ dàng) sự giải thoát đúng đắn khỏi thể xác và, qua cánh cổng tử vong, đi đến sức khỏe hoàn toàn.

PART ONE - The Basic Causes of Disease — PHẦN MỘT - Những Nguyên Nhân Căn Bản của Bệnh Tật

[9]

This is the problem with which all medical practice down the ages has wrestled. In our present mechanistic age we have wandered far to the surface of things and away from the partially true point of view of earlier centuries which traced disease back of the "evil humours" bred and festering in the inner subjective life of the patient. In the evolution of knowledge on every hand we are now on the surface of things (note I do not use the word "superficial"), and the hour has struck in which knowledge can again re-enter the realm of the subjective and transmute itself into wisdom. There is today a dawning recognition on the part of the best minds in the medical and allied professions, that in the subjective and hidden attitudes of the mind and of the emotional nature, and in the life of inhibited or excessive sex expression, must be sought the causes of all disease.

From the beginning of our studies, I would like to point out that the ultimate cause of disease, even if known to me, would fail to be comprehended by you. The cause lies back in the history of the distant past of our planet, in the career (occultly understood) of the planetary Life, and that it has its roots in what is largely designated "cosmic evil." This is a perfectly meaningless phrase, but one that is symbolically descriptive of a condition in consciousness which is that of [10] certain of the "imperfect Gods." Given the initial premise that Deity itself is working towards a perfection past our comprehension, it may be inferred that there may exist for the Gods Themselves and

[9]

Đây là vấn đề mà mọi thực hành y khoa qua các thời đại đã vật lộn. Trong thời đại cơ giới hiện nay của chúng ta, chúng ta đã đi quá xa ra bề mặt của sự vật và rời xa quan điểm phần nào đúng đắn của các thế kỷ trước, vốn truy nguyên bệnh tật về những "dịch thể xấu" được sinh ra và nung mủ trong đời sống chủ quan bên trong của bệnh nhân. Trong sự tiến hoá của tri thức ở khắp nơi, hiện nay chúng ta đang ở trên bề mặt của sự vật (xin lưu ý tôi không dùng từ "hời hợt"), và giờ đây đã đến lúc tri thức có thể một lần nữa đi vào lĩnh vực chủ quan và chuyển hoá chính nó thành minh triết. Ngày nay đang có một sự nhận biết đang ló rạng nơi những trí tuệ ưu tú nhất trong ngành y và các ngành liên hệ, rằng trong những thái độ chủ quan và ẩn kín của trí tuệ và của bản chất cảm xúc, cũng như trong đời sống biểu lộ tính dục bị ngăn trở hay quá mức, phải tìm ra các nguyên nhân của mọi bệnh tật.

Ngay từ đầu các nghiên cứu của chúng ta, tôi muốn chỉ ra rằng nguyên nhân tối hậu của bệnh tật, ngay cả nếu tôi biết, cũng sẽ không thể được bạn thấu hiểu. Nguyên nhân ấy nằm lui về trong lịch sử quá khứ xa xăm của hành tinh chúng ta, trong sự nghiệp (được hiểu theo huyền bí học) của Sự Sống hành tinh, và nó có gốc rễ trong điều phần lớn được gọi là "điều ác vũ trụ." Đây là một cụm từ hoàn toàn vô nghĩa, nhưng lại mô tả một cách biểu tượng về một *tình trạng trong tâm thức* vốn là tình trạng của [10] một số "Thượng đế bất toàn." Nếu chấp nhận tiền đề ban đầu rằng chính Thượng đế cũng đang tiến đến một sự hoàn hảo vượt ngoài sự hiểu biết của chúng ta, thì có thể suy ra rằng đối

for GOD (as the LIFE of the solar system), certain limitations and certain areas or states of consciousness which still await mastering. These limitations and relative imperfections may cause definite effects in Their bodies of manifestation—the various planets as expressions of Lives, and the solar system as the expression of a LIFE. Given also the hypothesis that these outer bodies of divinity, the planets, are the forms through which certain Deities express Themselves, it may be a true and logical deduction that all lives and forms within those bodies may be necessarily subject also to these limitations, and to the imperfections growing out of these unconquered areas of consciousness and these states of awareness, hitherto unrealised by the Deities, incarnated in planetary and solar form. Given the postulate that every form is a part of a still greater form, and that we do indeed "live and move and have our being" within the body of God (as St. Paul expresses it) we, as integral parts of the fourth kingdom in nature, share in this general limitation and imperfection.

với chính các Thượng đế và đối với THƯỢNG ĐẾ (với tư cách là SỰ SỐNG của hệ mặt trời), có thể tồn tại những giới hạn nhất định và những khu vực hay trạng thái tâm thức nào đó vẫn còn chờ được làm chủ. Những giới hạn và bất toàn tương đối này có thể gây ra những hiệu quả xác định trong các thể biểu hiện của Các Ngài—các hành tinh khác nhau như những biểu hiện của các Sự Sống, và hệ mặt trời như biểu hiện của một SỰ SỐNG. Nếu cũng chấp nhận giả thuyết rằng những thể bên ngoài của thiên tính này, các hành tinh, là những hình tướng qua đó một số Thượng đế biểu lộ Chính Các Ngài, thì có thể là một suy luận đúng đắn và hợp lý rằng mọi sự sống và hình tướng bên trong những thể ấy cũng tất yếu phải chịu những giới hạn này, và những bất toàn phát sinh từ các khu vực tâm thức chưa được chinh phục và các trạng thái nhận biết mà cho đến nay các Thượng đế, đang nhập thể trong hình tướng hành tinh và thái dương, vẫn chưa chứng nghiệm. Nếu chấp nhận định đề rằng mọi hình tướng là một phần của một hình tướng còn lớn hơn nữa, và rằng quả thật chúng ta "sống, vận động và hiện hữu" trong thân thể của Thượng đế (như Thánh Paul diễn đạt) thì chúng ta, với tư cách là những phần không thể tách rời của giới thứ tư trong thiên nhiên, cùng chia sẻ giới hạn và bất toàn chung này.

More than this general premise is beyond our powers to grasp and to express, for the general mental equipment of the average aspirant and disciple is inadequate to the task. Such terms as "cosmic evil, divine imperfection, limited areas of consciousness, the freedom of pure spirit, divine mind," which are so freely bandied about by the mystical and occult thinkers of the time: What do they really mean? The affirmations of many schools of healing as to ultimate divine perfection, and the formulation of their beliefs in the real

Ngoài tiền đề tổng quát này, mọi điều khác đều vượt ngoài khả năng nắm bắt và diễn đạt của chúng ta, vì trang bị trí tuệ tổng quát của người chí nguyện và đệ tử trung bình không đủ cho nhiệm vụ ấy. Những thuật ngữ như "ác vũ trụ, bất toàn thiêng liêng, các khu vực tâm thức bị giới hạn, sự tự do của tinh thần thuần túy, trí tuệ thiêng liêng," vốn được các nhà tư tưởng thần bí và huyền bí học của thời đại này tung ra quá dễ dàng: chúng thực sự có nghĩa là gì? Những khẳng định của nhiều trường phái trị liệu về sự hoàn hảo thiêng liêng tối hậu, và việc

freedom of humanity from ordinary ills of the flesh, are they not frequently high sounding phrases, embodying an ideal, and based often on selfish desire? Do they not constitute [11] utterly meaningless sentences in their mystical implications? How can it be otherwise, when only the perfected man has any real idea of what constitutes divinity?

hình thành các niềm tin của họ về sự tự do thực sự của nhân loại khỏi những đau yếu thông thường của xác thân, chẳng phải thường chỉ là những cụm từ kêu vang, hàm chứa một lý tưởng, và thường dựa trên dục vọng ích kỷ sao? Chẳng phải chúng cấu thành [11] những câu hoàn toàn vô nghĩa trong các hàm ý thần bí của chúng sao? Làm sao có thể khác được, khi chỉ con người hoàn hảo mới có một ý niệm thực sự về điều gì cấu thành thiên tính?

It is surely better for us to admit that it is not possible for man to understand the deep-seated causes of that which can be seen emerging in the evolution of form life. Is it not wise to face the issue and the facts, as they exist for our present realisation, and understand that just as man can enter more intelligently into the mind of God than can the lesser mind of the animal, so there may exist other and greater Minds, functioning in other and higher kingdoms in nature which will surely see life more truly and more accurately than does mankind? It is possible, is it not, that the objective of evolution (as outlined and emphasised by man) may (in the last analysis) be only that partial fragment of a greater objective than he, with his finite understanding, can grasp. The whole intent, as it lies hid in the mind of God, may be very different to what man may conceive today, and cosmic evil and cosmic good, reduced to terminologies, may lose their significance altogether, and are only to be seen through the glamour and the illusion with which man surrounds all things. The best minds of this age are only just beginning to see the first dim ray of light which is piercing this glamour, and serving first of all to reveal the fact of illusion. Through the light thus cast, the following truth may stand revealed to those who have the expectant attitude and the open mind: Deity itself is on the road

Chắc chắn tốt hơn cho chúng ta là thừa nhận rằng con người không thể thấu hiểu những nguyên nhân sâu xa của điều có thể thấy đang xuất hiện trong sự tiến hoá của đời sống hình tướng. Chẳng phải là khôn ngoan khi đối diện với vấn đề và với các sự kiện như chúng hiện hữu đối với sự chứng nghiệm hiện nay của chúng ta, và hiểu rằng cũng như con người có thể đi vào trí của Thượng đế một cách thông minh hơn so với trí tuệ thấp hơn của con vật, thì cũng có thể tồn tại những Trí Tuệ khác và lớn lao hơn, hoạt động trong những giới khác và cao hơn trong thiên nhiên, chắc chắn sẽ thấy sự sống chân thực và chính xác hơn nhân loại sao? Có thể chăng mục tiêu của tiến hoá (như được con người phác họa và nhấn mạnh) rốt cuộc chỉ là một mảnh vụn bộ phận của một mục tiêu lớn hơn mà y, với sự hiểu biết hữu hạn của mình, không thể nắm bắt. Toàn bộ ý định, như nó ẩn trong trí của Thượng đế, có thể rất khác với điều con người có thể hình dung ngày nay, và ác vũ trụ cùng thiện vũ trụ, khi bị giản lược thành thuật ngữ, có thể hoàn toàn mất đi thâm nghĩa của chúng, và chỉ được nhìn thấy qua ảo cảm và ảo tưởng mà con người bao phủ lên mọi sự. Những trí tuệ ưu tú nhất của thời đại này mới chỉ bắt đầu thấy tia sáng mờ nhạt đầu tiên đang xuyên thủng ảo cảm này, và trước hết giúp phơi bày sự kiện của ảo tưởng. Qua ánh sáng được chiếu rọi như thế, chân lý sau đây có thể được mặc khải cho những ai có thái độ

towards perfection. The implications of that statement are many.

chờ đợi và trí tuệ cởi mở: *Chính Thượng đế cũng đang trên con đường tiến đến hoàn hảo.* Những hàm ý của phát biểu đó thật nhiều.

In dealing with the causes of disease, we will take the position that the foundational and ultimate cosmic cause lies beyond our comprehension, and that only as the kingdom of God is revealed on earth shall we enter into some real understanding of the general widespread disease to be found upon our planet in all the four kingdoms in nature. A few [12] basic statements can be made, however, which will be found true eventually in the macrocosmic sense, and can already be demonstrated to be true where the microcosm is intelligently concerned.

Khi đề cập đến các nguyên nhân của bệnh tật, chúng ta sẽ giữ lập trường rằng nguyên nhân vũ trụ nền tảng và tối hậu nằm ngoài sự hiểu biết của chúng ta, và chỉ khi Thiên Giới được mặc khải trên trần gian thì chúng ta mới đi vào một sự thấu hiểu thực sự nào đó về bệnh tật phổ biến rộng khắp được tìm thấy trên hành tinh chúng ta trong cả bốn giới trong thiên nhiên. Tuy nhiên, có thể đưa ra một vài [12] phát biểu căn bản, mà cuối cùng sẽ được thấy là đúng theo nghĩa đại thiên địa, và đã có thể được chứng minh là đúng khi tiểu thiên địa được xét đến một cách thông minh.

1. All disease (and this is a platitude) is caused by lack of harmony—a disharmony to be found existing between the form aspect and the life. That which brings together form and life, or rather, that which is the result of this intended union, we call the soul, the self where humanity is concerned, and the integrating principle where the subhuman kingdoms are concerned. Disease appears where there is a lack of alignment between these various factors, the soul and the form, the life and its expression, the subjective and the objective realities. Consequently, spirit and matter are not freely related to each other. This is one mode of interpreting Law I, and the entire thesis is intended to be an exposition of that Law.

1. Mọi bệnh tật (và đây là một điều sáo mòn) đều do thiếu hài hòa gây ra—một sự bất hòa được tìm thấy giữa phương diện hình tướng và sự sống. Điều kết hợp hình tướng và sự sống lại với nhau, hay đúng hơn, điều là kết quả của sự kết hợp được chủ định này, chúng ta gọi là linh hồn, là bản ngã trong trường hợp nhân loại, và là nguyên lý tích hợp trong trường hợp các giới dưới nhân loại. Bệnh tật xuất hiện nơi nào có sự thiếu chỉnh hợp giữa các yếu tố khác nhau này, linh hồn và hình tướng, sự sống và biểu hiện của nó, các thực tại chủ quan và khách quan. Do đó, tinh thần và vật chất không liên hệ tự do với nhau. Đây là một cách diễn giải Định luật I, và toàn bộ luận đề này nhằm trình bày định luật đó.

2. This lack of harmony, producing what we call disease, runs through all the four kingdoms in nature, and causes those conditions which produce pain (where the sentiency is exquisite and developed) and everywhere congestion, corruption and

2. Sự thiếu hài hòa này, tạo ra điều mà chúng ta gọi là bệnh tật, xuyên suốt cả bốn giới trong thiên nhiên, và gây ra những điều kiện tạo nên đau đớn (nơi cảm năng tinh tế và phát triển) và ở khắp nơi là sự tắc nghẽn, hư hoại và cái chết. Hãy suy ngẫm về những từ

death. Ponder on these words: Inharmony, Disease, Pain, Congestion, Corruption, Death, for they are descriptive of the general condition governing the conscious life of all forms, macrocosmic and microcosmic. They are not causes.

này: Bất hòa, Bệnh tật, Đau đớn, Tắc nghẽn, Hư hoại, Cái chết, vì chúng mô tả tình trạng chung chi phối đời sống hữu thức của mọi hình tướng, đại thiên địa và tiểu thiên địa. Chúng không phải là nguyên nhân.

3. All these conditions, however, can be regarded as purificatory in their effects, and must be so regarded by humanity if the right attitude towards disease is to be assumed. This is oft forgotten by the fanatical healer and by the radical exponent of an idea, finitely grasped and in most cases only part of a greater idea. [13]

3. Tuy nhiên, tất cả những điều kiện này có thể được xem là có tác dụng thanh lọc, và nhân loại phải xem như vậy nếu muốn có thái độ đúng đối với bệnh tật. Người chữa lành cuồng tín và người cổ xúy cực đoan một ý tưởng thường quên điều này; ý tưởng ấy được nắm bắt một cách hạn hẹp và trong hầu hết trường hợp chỉ là một phần của một ý tưởng lớn hơn. [13]

4. Methods of healing and techniques of alleviation are peculiar to humanity and are the result of man's mental activity. They indicate his latent power as a creator, and as one who progresses towards freedom. They indicate his discriminative ability to sense perfection, to vision the goal, and hence to work towards that ultimate liberation. His error at this time consists in:

4. Các phương pháp trị liệu và kỹ thuật làm giảm nhẹ là đặc thù của nhân loại và là kết quả của hoạt động trí tuệ của con người. Chúng chỉ ra quyền năng tiềm ẩn của y với tư cách một đấng sáng tạo, và như một người đang tiến đến tự do. Chúng chỉ ra khả năng phân biện của y để cảm nhận sự hoàn hảo, để hình dung mục tiêu, và do đó để hướng đến sự giải thoát tối hậu ấy. Sai lầm của y vào lúc này nằm ở:

a. His inability to see the true uses of pain.

a. Sự bất lực của y trong việc thấy những công dụng chân thực của đau đớn.

b. His resentment at suffering.

b. Sự oán giận của y đối với đau khổ.

c. His misunderstanding of the law of nonresistance.

c. Sự hiểu sai của y về định luật không kháng cự.

d. His over-emphasis of the form nature.

d. Sự nhấn mạnh quá mức của y vào bản chất hình tướng.

e. His attitude to death, and his feeling that the disappearance of the life out of visual perception through the medium of form,

e. Thái độ của y đối với cái chết, và cảm giác của y rằng sự biến mất của sự sống khỏi nhận thức thị giác qua trung gian của hình

and the consequent disintegration of that form, indicates disaster.

tướng, và sự tan rã tiếp theo của hình tướng đó, là một tai họa.

5. When human thought reverses the usual ideas as to disease, and accepts disease as a fact in nature, man will begin to work with the law of liberation, with right thought, leading to nonresistance. At present, by the power of his directed thought and his intense antagonism to disease, he only tends to energise the difficulty. When he reorients his thought to truth and the soul, physical plane ills will begin to disappear. This will become apparent as we study later the method of eradication. Disease exists. Forms in all kingdoms are full of inharmony and out of alignment with the indwelling life. Disease and corruption and the tendency towards dissolution are found everywhere. I am choosing my words with care.

5. Khi tư tưởng của con người đảo ngược những quan niệm thông thường về bệnh tật, và chấp nhận bệnh tật như một sự kiện trong thiên nhiên, con người sẽ bắt đầu làm việc với định luật giải thoát, với tư tưởng đúng đắn, dẫn đến không kháng cự. Hiện nay, bằng quyền năng của tư tưởng được định hướng và sự đối kháng mãnh liệt của mình đối với bệnh tật, y chỉ có khuynh hướng tiếp năng lượng cho khó khăn mà thôi. Khi y tái định hướng tư tưởng của mình về chân lý và linh hồn, những đau yếu cõi hồng trần sẽ bắt đầu biến mất. Điều này sẽ trở nên rõ ràng khi sau này chúng ta nghiên cứu phương pháp loại trừ. Bệnh tật hiện hữu. Các hình tướng trong mọi giới đều đầy bất hòa và không chỉnh hợp với sự sống nội tại. Bệnh tật, hư hoại và khuynh hướng tan rã được tìm thấy ở khắp nơi. Tôi đang chọn từ ngữ của mình một cách cẩn trọng.

6. Disease is not, therefore, the result of wrong human thought. It existed among the many forms of life long before the human family appeared on earth. If you seek verbal expression, and if you want to talk within the limits of the human mind, you can say with a measure of accuracy: God, [14] the planetary Deity, is guilty of wrong thinking. But you will not be expressing the truth, but only a tiny fraction of the cause, as it appears to your feeble finite mind, through the medium of the general world glamour and illusion.

6. Vì vậy, bệnh tật không phải là kết quả của tư tưởng sai lầm của con người. Nó đã tồn tại giữa nhiều hình tướng sự sống từ lâu trước khi gia đình nhân loại xuất hiện trên trần gian. Nếu bạn tìm kiếm một cách diễn đạt bằng lời, và nếu bạn muốn nói trong giới hạn của trí tuệ con người, bạn có thể nói với một mức độ chính xác nào đó: Thượng đế, [14] Hành Tinh Thượng Đế, có lỗi vì tư tưởng sai lầm. Nhưng bạn sẽ không diễn đạt chân lý, mà chỉ một phần rất nhỏ của nguyên nhân, như nó hiện ra đối với trí tuệ hữu hạn yếu ớt của bạn, qua trung gian của ảo cảm và ảo tưởng chung của thế gian.

7. From one angle, disease is a process of liberation, and the enemy of that which is static and crystallised. Think not, from what I say, that therefore disease should be welcomed, and that the process of death

7. Từ một góc độ, bệnh tật là một tiến trình giải phóng, và là kẻ thù của điều tĩnh tại và kết tinh. Từ những gì tôi nói, đừng nghĩ rằng vì vậy bệnh tật nên được hoan nghênh, và tiến trình chết nên được trân trọng. Nếu

should be cherished. Were that the case, one would cultivate disease and put a premium on suicide. Fortunately for humanity, the whole tendency of life is against disease, and the reaction of the form life upon the thought of man fosters the fear of death. This has been rightly so, for the instinct of self-preservation and the preservation of form integrity is a vital principle in matter, and the tendency to self-perpetuation of the life within the form is one of our greatest God-given capacities and will persist. But in the human family this must eventually give place to the use of death as the organised, freeing process in order to conserve force and give to the soul a better instrument of manifestation. For this liberty of action, mankind as a whole is not yet ready. The disciples and aspirants of the world should now, however, begin to grasp these newer principles of existence. The instinct to self-preservation governs the relation of spirit and matter, of life and form as long as the Deity Himself wills to incarnate within His body of manifestation—a planet, or a solar system. I have in the above statement given to you a hint as to one of the basic causes of disease, and to the endless fight between the imprisoned spirit and the imprisoning form. This fight uses for its method that innate quality which expresses itself as the urge to preserve and the urge to perpetuate—both the present form and the species. [15]

đúng như thế, người ta sẽ nuôi dưỡng bệnh tật và đề cao việc tự sát. May thay cho nhân loại, toàn bộ khuynh hướng của sự sống là chống lại bệnh tật, và phản ứng của đời sống hình tướng đối với tư tưởng của con người nuôi dưỡng nỗi sợ cái chết. Điều này là đúng đắn, vì bản năng tự bảo tồn và bảo tồn tính toàn vẹn của hình tướng là một nguyên khí thiết yếu trong vật chất, và khuynh hướng tự duy trì của sự sống bên trong hình tướng là một trong những năng lực lớn lao nhất do Thượng đế ban cho chúng ta và sẽ còn tồn tại. Nhưng trong gia đình nhân loại, điều này cuối cùng phải nhường chỗ cho việc sử dụng cái chết như một tiến trình giải phóng có tổ chức nhằm bảo tồn mãnh lực và trao cho linh hồn một công cụ biểu hiện tốt hơn. Đối với sự tự do hành động này, toàn thể nhân loại vẫn chưa sẵn sàng. Tuy nhiên, các đệ tử và người chí nguyện của thế giới giờ đây nên bắt đầu nắm bắt những nguyên lý hiện hữu mới mẻ hơn này. Bản năng tự bảo tồn chi phối mối liên hệ giữa tinh thần và vật chất, giữa sự sống và hình tướng chừng nào chính Thượng đế còn muốn nhập thể trong thể biểu hiện của Ngài—một hành tinh, hay một hệ mặt trời. Trong phát biểu trên, tôi đã trao cho bạn một gợi ý về một trong những nguyên nhân căn bản của bệnh tật, và về cuộc chiến vô tận giữa tinh thần bị giam cầm và hình tướng giam cầm. Cuộc chiến này sử dụng làm phương pháp của nó phẩm tính bẩm sinh biểu lộ như sự thôi thúc bảo tồn và sự thôi thúc duy trì—cả hình tướng hiện tại lẫn loài. [15]

8. The law of cause and effect, called Karma in the East, governs all this. Karma must be regarded in reality as the effect (in the form life of our planet) of causes, deep-seated and hidden in the mind of God. The causes that we may trace in relation to disease and death are in reality only the working out of certain basic principles which govern—rightly or wrongly, who shall say?—the life of God in

8. Định luật nhân quả, được gọi là Karma ở phương Đông, chi phối tất cả điều này. Thực ra, Karma phải được xem là hiệu quả (trong sự sống hình tướng của hành tinh chúng ta) của những nguyên nhân ăn sâu và ẩn kín trong Trí của Thượng đế. Những nguyên nhân mà chúng ta có thể truy tìm liên quan đến bệnh tật và cái chết, thực ra chỉ là sự triển khai của một số nguyên lý căn bản chi

form, and they must ever remain incomprehensible to man until such time as he takes the great initiation which is symbolised for us in the Transfiguration. All along in our studies, we shall be dealing with secondary causes and their effects, with the phenomenal results of those subjective effects which emanate from causes too far away for us to grasp. This should be admitted and grasped. This is the best man can do with his present mental apparatus. When the intuition rarely works, and the mind is seldom illumined, why should man arrogantly expect to understand everything? Let him work at the development of his intuition and at achieving illumination. Understanding may then come his way. He will have earned the right to divine knowledge. But the above recognition will suffice for our work and will enable us to lay down those laws and principles which will indicate the way humanity may gain release from the form consciousness and consequent immunity from the victory of death and those disease-dealing conditions which govern today our planetary manifestation.

phối—đúng hay sai, ai có thể nói được?—sự sống của Thượng đế trong hình tướng, và chúng mãi mãi vẫn không thể hiểu nổi đối với con người cho đến khi y trải qua cuộc điểm đạo lớn được tượng trưng cho chúng ta trong Biến hình. Trong suốt quá trình nghiên cứu của chúng ta, chúng ta sẽ bàn đến các nguyên nhân *thứ yếu* và các hiệu quả của chúng, đến các kết quả hiện tượng của những hiệu quả chủ quan phát xuất từ những nguyên nhân quá xa vời để chúng ta nắm bắt. Điều này cần được thừa nhận và nắm vững. Đó là điều tốt nhất con người có thể làm với bộ máy trí tuệ hiện nay của mình. Khi trực giác hiếm khi hoạt động, và trí tuệ hiếm khi được soi sáng, tại sao con người lại kiêu ngạo mong hiểu được mọi sự? Hãy để y nỗ lực phát triển trực giác của mình và đạt đến sự soi sáng. Khi đó, sự thấu hiểu có thể đến với y. Y sẽ xứng đáng với quyền được biết tri thức thiêng liêng. Nhưng sự nhìn nhận trên đây là đủ cho công việc của chúng ta và sẽ giúp chúng ta nêu ra những định luật và nguyên lý chỉ ra con đường mà nhân loại có thể đạt được sự giải thoát khỏi tâm thức hình tướng và do đó miễn nhiễm khỏi sự chiến thắng của cái chết cùng những tình trạng gây bệnh đang chi phối sự biểu hiện hành tinh của chúng ta ngày nay.

We will divide our consideration of the causes of disease into three parts, eliminating from our quest for truth the quite understandable but equally futile desire to apprehend the mind of Deity.

Chúng ta sẽ chia việc xem xét các nguyên nhân của bệnh tật thành ba phần, loại bỏ khỏi cuộc truy tầm chân lý của mình khát vọng hoàn toàn dễ hiểu nhưng cũng hoàn toàn vô ích là nắm bắt Trí của Thượng đế.

I. The psychological causes.

I. Các nguyên nhân tâm lý.

II. Causes emanating from group life.

II. Các nguyên nhân phát xuất từ đời sống nhóm.

III. Our karmic liabilities, the karmic causes.

[16]

In all this we shall but gain a general idea (all that is now possible) as to the presence of disease in the human family, and of that to be found also, in part, in the animal kingdom. When this general idea is grasped, we shall have a clearer understanding of our problem and can then proceed with our consideration of the methods which will enable us to handle the undesirable effects with greater facility. Students of the Art of Healing should likewise remember that there are three ways in which healing can be brought about, and that all three ways have their place and value, dependent upon the point in evolution of the subject being healed.

First, there is the application of those palliatives and ameliorating methods which gradually cure disease and eliminate undesirable conditions; they build up the form life and foster the vitality, so that disease can be thrown off. Of these methods the allopathic and the homeopathic schools and the various osteopathic and chiropractic and other therapeutic schools are good exponents. They have done much good and constructive work, and the debt of humanity to the wisdom, skill and unselfish attentions of the physicians is great. They are dealing all the time with urgent conditions and dangerous effects of causes which are not apparent on the surface. Under these methods, the patient is in the hands of an outside party, and should be passive, quiescent and negative.

III. Các món nợ nghiệp quả của chúng ta, các nguyên nhân nghiệp quả.

[16]

Trong tất cả điều này, chúng ta chỉ đạt được một ý niệm tổng quát (là tất cả những gì hiện nay có thể có) về sự hiện diện của bệnh tật trong gia đình nhân loại, và cả về điều cũng được tìm thấy, phần nào, trong giới động vật. Khi ý niệm tổng quát này được nắm vững, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn vấn đề của mình và khi đó có thể tiến tới xem xét các phương pháp giúp chúng ta xử lý những hiệu quả không mong muốn một cách dễ dàng hơn. Các đạo sinh của Nghệ Thuật Chữa Lành cũng nên nhớ rằng có ba cách mà sự chữa lành có thể được thực hiện, và cả ba cách đều có vị trí và giá trị của chúng, tùy thuộc vào điểm tiến hoá của đối tượng được chữa lành.

Thứ nhất, có sự áp dụng những phương pháp làm dịu và cải thiện, dần dần chữa lành bệnh tật và loại bỏ những tình trạng không mong muốn; chúng xây dựng sự sống hình tướng và nuôi dưỡng sinh lực, để bệnh tật có thể bị loại bỏ. Trong số những phương pháp này, các trường phái đối chứng và đồng căn cùng các trường phái nắn xương, chỉnh cột sống và các trường phái trị liệu khác là những đại diện tốt. Chúng đã làm được nhiều công việc tốt đẹp và có tính xây dựng, và món nợ của nhân loại đối với minh triết, kỹ năng và sự chăm sóc vô ngã của các y sĩ là rất lớn. Họ luôn luôn xử lý những tình trạng khẩn cấp và những hiệu quả nguy hiểm của các nguyên nhân không biểu lộ trên bề mặt. Theo những phương pháp này, bệnh nhân ở trong tay một tác nhân bên ngoài, và nên thụ động, yên lặng và ở trạng thái tiếp nhận.

Secondly, there is the appearance of the work and methods of the modern psychologist, who seeks to deal with subjective conditions and to straighten out those wrong attitudes of mind, those inhibitions, psychoses, and complexes which bring about the outer states or disease, the morbid conditions and neurotic and mental disasters. Under this method, the patient is taught to cooperate as much as he can with the psychologist, so that he may arrive at a proper [17] understanding of himself, and so learn to eradicate those inner compelling situations which are responsible for the outer results. He is trained to be positive and active, and this is a great step in the right direction. The tendency to combine psychology with the outer physical treatment is sound and right.

Thứ hai, có sự xuất hiện của công việc và các phương pháp của nhà tâm lý học hiện đại, người tìm cách xử lý các tình trạng chủ quan và điều chỉnh những thái độ sai lầm của trí tuệ, những sự ức chế, loạn tâm thần và phức cảm gây ra các trạng thái bên ngoài hay bệnh tật, các tình trạng bệnh hoạn và những tai họa thần kinh và trí tuệ. Theo phương pháp này, bệnh nhân được dạy phải hợp tác tối đa với nhà tâm lý học, để y có thể đi đến một sự [17] thấu hiểu đúng đắn về chính mình, và nhờ đó học cách loại trừ những tình huống cưỡng bách bên trong vốn chịu trách nhiệm về các kết quả bên ngoài. Y được huấn luyện để tích cực và chủ động, và đây là một bước tiến lớn theo đúng hướng. Khuynh hướng kết hợp tâm lý học với việc điều trị thể xác bên ngoài là lành mạnh và đúng đắn.

Thirdly, the highest and the newest method is that of calling into positive activity a man's own soul. The true and the future healing is brought about when the life of the soul can flow without any impediment and hindrance throughout every aspect of the form nature. It can then vitalise it with its potency, and can also eliminate those congestions and obstructions which are such a fruitful source of disease.

Thứ ba, phương pháp cao nhất và mới nhất là phương pháp kêu gọi linh hồn của chính một người vào hoạt động tích cực. Sự chữa lành chân chính và của tương lai được thực hiện khi sự sống của linh hồn có thể tuôn chảy không bị cản trở hay ngăn ngại qua mọi phương diện của bản chất hình tướng. Khi đó, nó có thể tiếp sinh lực cho bản chất ấy bằng mãnh lực của mình, và cũng có thể loại bỏ những chỗ tắc nghẽn và bế tắc vốn là nguồn gốc rất phong phú của bệnh tật.

This gives you much to ponder upon. If we go slowly as regards the practical application of techniques and methods, it is because I seek to lay a sound foundation for that which I shall later impart.

Điều này cho bạn nhiều điều để suy ngẫm. Nếu chúng ta tiến chậm về phương diện áp dụng thực tiễn các kỹ thuật và phương pháp, đó là vì tôi tìm cách đặt một nền tảng vững chắc cho điều mà về sau tôi sẽ truyền đạt.

THE TRAINING OF THE HEALER

SỰ HUẤN LUYỆN CỦA NGƯỜI CHỮA LÀNH

As regards the training of the healer, I will give from time to time the six rules which govern (or should govern) his activity. Bear

Về sự huấn luyện của người chữa lành, thỉnh thoảng tôi sẽ đưa ra sáu quy luật chi phối (hoặc nên chi phối) hoạt động của y. Hãy ghi

in mind the two words which I earlier gave. They sum up the healer's story: MAGNETISM and RADIATION. They are different in their effects as we shall later see.

nhớ hai từ mà trước đây tôi đã đưa ra. Chúng tóm lược toàn bộ câu chuyện của người chữa lành: TỪ ĐIỆN và BỨC XẠ. Chúng khác nhau trong các hiệu quả của chúng, như sau này chúng ta sẽ thấy.

RULE ONE

QUY LUẬT MỘT

The healer must seek to link his soul, his heart, his brain and his hands. Thus can he pour the vital healing force upon the patient. This is magnetic work. It cures disease, or may increase the so-called evil state, according to the knowledge of the healer.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, trái tim, bộ não và đôi tay của mình. Nhờ đó, y có thể tuôn đổ mãnh lực chữa lành mang sinh lực lên bệnh nhân. Đây là *công việc từ tính*. Nó chữa lành bệnh tật, hoặc có thể làm gia tăng tình trạng được gọi là xấu xa, tùy theo tri thức của người chữa lành.

The healer must seek to link his soul, his brain, his heart and auric emanation. Thus can his presence feed the [18] soul life of the patient. This is the work of radiation. The hands are needed not. The soul displays its power. The patient's soul responds through the response of his aura to the radiation of the healer's aura, flooded with soul energy.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, bộ não, trái tim và sự phát xạ hào quang của mình. Nhờ đó, sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng [18] sự sống linh hồn của bệnh nhân. Đây là công việc bức xạ. Không cần đến đôi tay. Linh hồn biểu lộ quyền năng của nó. Linh hồn của bệnh nhân đáp ứng thông qua sự đáp ứng của hào quang bệnh nhân đối với bức xạ từ hào quang nhà trị liệu, vốn tràn ngập năng lượng linh hồn.

In considering the Causes of Disease, I find it necessary to speak a word in connection with conditions—external and internal. It will be apparent to the casual thinker that many diseases and many causes of death are due to environing conditions for which he is in no way responsible. These range all the way from purely external occurrences to hereditary predispositions. They might be listed as follows:

Khi xem xét các Nguyên nhân của Bệnh tật, tôi thấy cần phải nói một lời liên quan đến các tình trạng—bên ngoài và bên trong. Đối với người suy nghĩ hời hợt, hiển nhiên là nhiều bệnh tật và nhiều nguyên nhân của cái chết là do các điều kiện môi trường mà y hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Chúng trải dài từ những biến cố hoàn toàn bên ngoài đến những khuynh hướng di truyền. Chúng có thể được liệt kê như sau:

1. Accidents, which may be due to personal negligence, group happenings, the carelessness of other people, and the results of fighting, as in labour strikes or war. They can also be brought about by attacks from

1. *Tai nạn*, có thể do sự bất cẩn cá nhân, các biến cố tập thể, sự cẩu thả của người khác, và kết quả của xung đột, như trong các cuộc đình công lao động hay chiến tranh. Chúng cũng có thể do sự tấn công từ giới động vật

the animal or the snake world, accidental poisonings and many other causes.

2. Infections coming to a man from outside and not as the result of his own peculiar blood condition. Such infections are the various so-called infectious and contagious diseases, and prevalent epidemics. These may come to a man in the line of duty, through his daily contacts, or through a widespread condition of disease in his environment.

3. Diseases due to malnutrition, particularly when found in the young. This state of undernourishment predisposes the body to disease, lowers the resistance and the vitality, and of offsets the "fighting powers" of the man, leading to premature death.

4. Heredity. There are, as you well know, certain forms of hereditary weaknesses, which either predispose a person to certain illnesses and consequent death, or produce in him those conditions which lead to a steady weakening [19] of his hold on life; there are also those tendencies which constitute a form of dangerous appetite, which lead to undesirable habits, a letting down of the morale, and are dangerous to the will of the person, rendering him futile to fight these predispositions. He succumbs to them and pays the price of such habits, which is disease and death.

These four types of disease and causes of death account for much that we see happening around us in people's lives, but they are not to be classed definitely under any of the psychological causes of disease, and will only be considered, and that very briefly, under the section dealing with group life and its predisposing causes of disease. Infectious diseases are there dealt with, but

hay loài rắn, do ngộ độc ngẫu nhiên và nhiều nguyên nhân khác.

2. *Sự nhiễm bệnh* đến với một người từ bên ngoài chứ không phải là kết quả của tình trạng máu đặc thù của chính y. Những sự nhiễm bệnh như vậy là các bệnh được gọi là truyền nhiễm và lây lan, cùng các dịch bệnh phổ biến. Chúng có thể đến với một người trong khi thi hành bổn phận, qua các tiếp xúc hằng ngày của y, hoặc qua một tình trạng bệnh lan rộng trong môi trường của y.

3. *Bệnh do suy dinh dưỡng*, đặc biệt khi thấy ở người trẻ. Tình trạng thiếu dinh dưỡng này khiến thể xác dễ mắc bệnh, làm giảm sức đề kháng và sinh lực, và làm suy giảm "năng lực chiến đấu" của con người, dẫn đến cái chết sớm.

4. *Di truyền*. Như các bạn đều biết rõ, có một số dạng suy yếu di truyền, hoặc khiến một người dễ mắc một số bệnh nhất định và hậu quả là cái chết, hoặc tạo ra nơi y những tình trạng dẫn đến sự suy yếu dần dần [19] của sự bám giữ vào sự sống; cũng có những khuynh hướng cấu thành một dạng ham muốn nguy hiểm, dẫn đến những thói quen không mong muốn, làm suy giảm tinh thần, và gây nguy hại cho ý chí của người ấy, khiến y bất lực trong việc chống lại những khuynh hướng này. Y khuất phục trước chúng và phải trả giá cho những thói quen ấy, mà cái giá đó là bệnh tật và cái chết.

Bốn loại bệnh tật và nguyên nhân của cái chết này giải thích phần lớn những gì chúng ta thấy xảy ra quanh mình trong đời sống con người, nhưng chúng không được xếp rõ ràng vào bất kỳ nguyên nhân tâm lý nào của bệnh tật, và sẽ chỉ được xét đến, mà rất ngắn gọn, trong phần bàn về đời sống nhóm và các nguyên nhân khiến dễ mắc bệnh của nó. Các bệnh truyền nhiễm được bàn đến ở đó,

such situations as arise out of an automobile or railroad accident, for instance, are not to be considered as coming under the heading of causes producing disease. That the work of the healer may be involved in these cases is quite true, but the work to be done is somewhat different to that accomplished when dealing with those diseases which have their roots in some subtle body or other, or in the results of group disease, etc. The ills growing out of malnutrition and the wrong feeding of our modern life and civilisation will not here be considered. For these no child is individually responsible. I am concerned with the diseases arising in wrong internal conditions.

nhưng những tình huống phát sinh từ một tai nạn xe hơi hay xe lửa chẳng hạn, thì không được xem là thuộc đề mục các nguyên nhân gây ra bệnh tật. Đúng là công việc của người chữa lành có thể liên quan đến những trường hợp này, nhưng công việc phải làm có phần khác với công việc được thực hiện khi xử lý những bệnh có gốc rễ trong một thể vi tế nào đó, hoặc trong các kết quả của bệnh nhóm, v.v. Những chứng bệnh phát sinh từ suy dinh dưỡng và sự ăn uống sai lầm của đời sống và nền văn minh hiện đại của chúng ta sẽ không được xét ở đây. Không một đứa trẻ nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những điều đó. Tôi quan tâm đến những bệnh phát sinh từ các tình trạng nội tại sai lầm.

The responsibility of a child for his living conditions is practically nil, unless you admit karma as a predisposing factor, and its power to produce those re-adjustments which emerge out of the past and affect the present. I shall deal with this more fully under our third point, dealing with our karmic liabilities. I would only suggest here that the whole subject of disease could be treated from the angle of karma and be definite and conclusive in its value [20] had there been right teaching on this abstruse subject from the time that it was given out in the West. But the truth as it has come to us from the East has been as much distorted by the Eastern theologian as the doctrines of the Atonement and of the Virgin Birth have been misinterpreted and taught by the Western theologian. The real truth bears little resemblance to our modern formulations. I am, therefore, seriously handicapped when dealing with the subject of disease from the angle of karma. It is difficult for me to convey to you anything of the truth as it really exists, owing to the pre-conceived ideas as to the ancient Law of Cause and Effect which are necessarily in

Trách nhiệm của một đứa trẻ đối với các điều kiện sống của nó thực tế là bằng không, trừ phi bạn chấp nhận nghiệp quả như một yếu tố khiến dễ mắc phải, và quyền năng của nó trong việc tạo ra những sự tái điều chỉnh phát sinh từ quá khứ và ảnh hưởng đến hiện tại. Tôi sẽ bàn đầy đủ hơn về điều này dưới điểm thứ ba của chúng ta, liên quan đến các món nợ nghiệp quả của chúng ta. Ở đây tôi chỉ muốn gợi ý rằng toàn bộ chủ đề bệnh tật có thể được xử lý từ góc độ nghiệp quả và sẽ có giá trị rõ ràng và xác đáng [20] nếu đã có giáo huấn đúng đắn về chủ đề thâm áo này từ khi nó được truyền ra ở phương Tây. Nhưng chân lý như nó đến với chúng ta từ phương Đông đã bị nhà thần học phương Đông bóp méo nhiều chẳng kém gì các giáo lý về Sự Chuộc Tội và về Sự Giáng Sinh Đồng Trinh đã bị nhà thần học phương Tây diễn giải sai và giảng dạy sai. Chân lý thực sự rất ít giống với những công thức hiện đại của chúng ta. Vì vậy, tôi bị cản trở nghiêm trọng khi bàn về chủ đề bệnh tật từ góc độ nghiệp quả. Tôi khó có thể truyền đạt cho các bạn bất cứ điều gì về chân lý như nó thực sự hiện hữu, do những ý niệm có sẵn về Định luật Nhân Quả cổ xưa vốn tất yếu có trong trí các

your mind. When I say to you that the doctrine of Emergent Evolution and the modern theories of the work of a catalyst upon two substances which—when brought into relation with each other under the effect of the catalyst produce a third and different substance—carry in them much of the truth anent karma, will you understand? I question it. When I say to you that the emphasis given to the Law of Karma as it explains apparent injustices and stresses always the appearance of pain, disease, and suffering gives only partial presentation of the basic cosmic truth, is your mind in any way clarified? When I point out that the Law of Karma, rightly understood and rightly wielded, can bring that which produces happiness, good, and freedom from pain more easily than it brings pain, with its chain of consequences, do you feel able to grasp the significance of what I am saying?

bạn. Khi tôi nói với các bạn rằng học thuyết về tiến hoá phát sinh và các lý thuyết hiện đại về tác động của một chất xúc tác lên hai chất liệu—mà khi được đặt vào tương quan với nhau dưới tác động của chất xúc tác sẽ tạo ra một chất liệu thứ ba và khác biệt—mang trong chúng nhiều chân lý liên quan đến karma, liệu các bạn có hiểu không? Tôi nghi ngờ điều đó. Khi tôi nói với các bạn rằng sự nhấn mạnh đặt vào Định luật Karma như một lời giải thích cho những bất công bề ngoài và luôn nhấn mạnh đến sự xuất hiện của đau đớn, bệnh tật và đau khổ chỉ đưa ra một sự trình bày từng phần về chân lý vũ trụ căn bản, liệu trí các bạn có được sáng tỏ phần nào không? Khi tôi chỉ ra rằng Định luật Karma, nếu được hiểu đúng và vận dụng đúng, có thể mang lại điều tạo ra hạnh phúc, điều thiện và sự giải thoát khỏi đau đớn dễ dàng hơn là nó mang lại đau đớn cùng chuỗi hậu quả của đau đớn, liệu các bạn có cảm thấy mình có thể nắm bắt được thâm nghĩa của điều tôi đang nói không?

The world of glamour is at this time so strong and the sense of illusion so potent and vital that we fail to see these basic laws in their true significance.

Thế giới của ảo cảm hiện nay quá mạnh và cảm thức về ảo tưởng quá mãnh liệt và sống động đến nỗi chúng ta không thấy được những định luật căn bản này trong thâm nghĩa chân thực của chúng.

The Law of Karma is not the Law of Retribution, as one would surmise as one reads the current books upon the subject; that is but one aspect of the working of the Law [21] of Karma. The Law of Cause and Effect is not to be understood as we now interpret it. There is, to illustrate, a law called the Law of Gravitation, which has long imposed itself upon the minds of men; such a law exists, but it is only an aspect of a greater law, and its power can be, as we know, relatively offset, for each time that we see an aeroplane soaring overhead, we see a demonstration of the offsetting of this law

Định luật Karma không phải là Định luật Báo Ứng, như người ta có thể suy ra khi đọc những sách hiện hành về chủ đề này; đó chỉ là một phương diện trong sự vận hành của [21] Định luật Karma. Định luật Nhân Quả không được hiểu theo cách chúng ta hiện đang diễn giải nó. Chẳng hạn, có một định luật gọi là Định luật Hấp Dẫn, từ lâu đã áp đặt chính nó lên trí con người; một định luật như thế quả có tồn tại, nhưng nó chỉ là một phương diện của một định luật lớn hơn, và quyền năng của nó có thể, như chúng ta biết, được hóa giải tương đối, vì mỗi khi chúng ta thấy một chiếc máy bay lượn trên đầu,

by mechanical means, symbolising the ease with which it can be surmounted by human beings. If they could but realise it, they are learning the ancient technique of which the power to levitate is one of the easiest and simplest initial exercises.

chúng ta thấy một minh chứng cho việc hóa giải định luật này bằng phương tiện cơ giới, tượng trưng cho sự dễ dàng mà con người có thể vượt lên trên nó. Nếu họ chỉ có thể nhận ra điều đó, thì họ đang học kỹ thuật cổ xưa mà trong đó năng lực bay lên là một trong những bài tập khởi đầu dễ nhất và đơn giản nhất.

The Law of Consequences is not the inevitable and set affair which modern thought surmises, but is related to the Laws of Thought far more closely than has been believed; towards an understanding of this, mental science has been groping. Its orientation and purposes are right and good and hopeful of results; its conclusions and modes of work are at present woefully at fault, and most misleading.

Định luật Hệ Quả không phải là một sự việc tất yếu và cố định như tư tưởng hiện đại suy đoán, mà liên hệ với các Định luật của Tư tưởng chặt chẽ hơn nhiều so với điều người ta đã tin; khoa học trí tuệ đã lần mò hướng tới sự thấu hiểu điều này. Định hướng và mục đích của nó là đúng đắn, tốt đẹp và đầy hy vọng về kết quả; nhưng các kết luận và phương thức làm việc của nó hiện nay lại sai lầm một cách đáng buồn và rất dễ gây ngộ nhận.

I have referred to this misunderstanding of the Law of Karma as I am anxious to have you set out on this study of the Laws of Healing with a free and open mind as far as may be, realising that your understanding of these laws is limited by:

Tôi đã đề cập đến sự hiểu sai này về Định luật Karma vì tôi mong các bạn bắt đầu việc nghiên cứu các Định luật Chữa Lành này với một trí tuệ tự do và cởi mở hết mức có thể, nhận ra rằng sự hiểu biết của các bạn về những định luật này bị giới hạn bởi:

1. Old theologies, with their static, distorted, and erroneous points of view. The teaching of theology is most misleading, but is, alas, generally accepted.

1. Các nền thần học cũ, với những quan điểm tĩnh tại, bóp méo và sai lầm của chúng. Giáo huấn thần học rất dễ gây ngộ nhận, nhưng than ôi, lại thường được chấp nhận.

2. World thought, strongly tinged with the desire element, and with little in it of real thought. Men interpret these dimly sensed laws in terms of finality and from their little point of view. The idea of retribution runs through much of the teaching on Karma, for instance, because men seek a plausible explanation of things as [22] they appear to be, and are themselves fond of dealing out retribution. Yet there is far more general good karma than bad, little as you may think

2. Tư tưởng thế gian, bị nhuốm đậm yếu tố ham muốn, và trong đó có rất ít tư tưởng thực sự. Con người diễn giải những định luật được cảm nhận mơ hồ này theo những thuật ngữ mang tính chung quyết và từ quan điểm nhỏ hẹp của mình. Chẳng hạn, ý niệm báo ứng xuyên suốt phần lớn giáo huấn về Karma, vì con người tìm kiếm một lời giải thích có vẻ hợp lý cho sự vật như [22] chúng dường như là, và bản thân họ cũng thích ban phát sự báo ứng. Tuy nhiên, nghiệp tốt nói

it when immersed in such a period as the present.

chung nhiều hơn nghiệp xấu rất nhiều, dù bạn có thể ít nghĩ như vậy khi đang chìm trong một thời kỳ như hiện nay.

3. The world illusion and glamour, which prevents the average and ignorant man from seeing life as it truly is. Even the advanced man and the disciples are only beginning to get a fleeting and inadequate glance at a glorious reality.

3. Ảo tưởng và ảo cảm của thế gian, ngăn cản con người trung bình và vô minh thấy được sự sống như nó thực sự là. Ngay cả người tiến bộ và các đệ tử cũng chỉ mới bắt đầu có được một cái nhìn thoáng qua và chưa đầy đủ về một thực tại huy hoàng.

4. Uncontrolled minds and unreleased and unawakened brain cells also hinder man from correct realisation. This fact is often unrecognised. The apparatus of realisation is as yet inadequate. This point needs emphasising.

4. Những thể trí không được kiểm soát và những tế bào não chưa được giải phóng và chưa được đánh thức cũng cản trở con người đạt đến sự nhận biết đúng đắn. Sự kiện này thường không được nhận ra. Bộ máy của sự nhận biết vẫn còn chưa đầy đủ. Điểm này cần được nhấn mạnh.

5. National and racial temperaments, with their predisposing temperaments, and prejudices. These factors again prevent a just appreciation of these realities.

5. Các khí chất quốc gia và chủng tộc, cùng những khí chất và thành kiến khiến dễ thiên lệch của chúng. Những yếu tố này một lần nữa ngăn cản sự đánh giá công bằng về các thực tại này.

I have given enough here to indicate to you the stupidity of attempting to state that you understand these laws towards which you are groping and which you seek to understand. Nowhere in human thought is the darkness greater than in connection with the laws concerning disease and death.

Tôi đã nói đủ ở đây để chỉ cho các bạn thấy sự ngu xuẩn của việc cố tuyên bố rằng các bạn hiểu những định luật mà các bạn đang lần mò hướng tới và đang tìm cách thấu hiểu. Không nơi nào trong tư tưởng nhân loại mà bóng tối lại lớn hơn trong mối liên hệ với các định luật liên quan đến bệnh tật và cái chết.

It is necessary, therefore, to realise that, from the start, in all I have to say, under the heading The Psychological Causes of Disease, I am not dealing with those complaints or predispositions to disease which emerge out of the environment, or with those definitely physical taints which are inherited from parents who have carried in their bodies and transmitted to their children disease germs which they, in their

Vì vậy, cần phải nhận ra rằng ngay từ đầu, trong tất cả những gì tôi phải nói dưới đề mục *Các Nguyên Nhân Tâm Lý của Bệnh Tật*, tôi không bàn đến những chứng bệnh hay những khuynh hướng dễ mắc bệnh phát sinh từ môi trường, cũng không bàn đến những nhiễm độc rõ rệt về mặt thể xác được thừa hưởng từ cha mẹ, những người đã mang trong cơ thể mình các mầm bệnh và truyền chúng cho con cái; đến lượt mình,

turn, may have inherited from their parents. I would like to point out that these inherited diseases are far fewer than is at present surmised; of these, the predisposition [23] to tuberculosis, to syphilis and to cancer are the most important where our present humanity is concerned; they are inherited and also can be imparted by contact. These I will deal with under our second major heading on the diseases emanating from the group.

chính những người cha mẹ này có thể đã thừa hưởng các mầm bệnh ấy từ cha mẹ của họ. Tôi muốn chỉ ra rằng những bệnh di truyền này ít hơn nhiều so với điều hiện nay người ta suy đoán; trong số đó, khuynh hướng [23] mắc bệnh lao, giang mai và ung thư là quan trọng nhất đối với nhân loại hiện nay của chúng ta; chúng được di truyền và cũng có thể được truyền qua tiếp xúc. Tôi sẽ bàn đến những bệnh này dưới đề mục lớn thứ hai của chúng ta về các bệnh phát xuất từ nhóm.

CHAPTER I - The Psychological Causes of Disease — CHƯƠNG I - Các Nguyên Nhân Tâm Lý của Bệnh Tật

[24]

The point I would like to make here, before proceeding further, is that I shall seek to avoid, as far as possible, all technicalities. Our theme is the esoteric consideration of disease and its forms; it seeks to elucidate the subject of and the vital causes of such diseases, and to indicate the general laws with which the healer must work and the six rules which he must impose upon himself—and to which he gives obedience, through discipline and understanding.

You will have noted that I listed the psychological causes under four headings:

1. Those arising out of the emotional-feeling nature.

2. Those which have their origin in the etheric body.

3. Those which are based on wrong thought.

4. The peculiar complaints and psychological troubles of disciples.

It may have interested you to see that I place the ills of the etheric body in the second place and not the first. The reason for this is that the group ills and diseases which have fastened upon the race, work primarily through the etheric body and find their way out into manifestation via the etheric bodies of all forms. But I have placed them second, even though they are in the last analysis the

[24]

Điểm tôi muốn nêu ra ở đây, trước khi đi xa hơn, là tôi sẽ cố tránh, càng nhiều càng tốt, mọi thuật ngữ chuyên môn. Chủ đề của chúng ta là sự xem xét một cách huyền bí về bệnh tật và các hình thức của nó; nó tìm cách làm sáng tỏ chủ đề này cùng các nguyên nhân thiết yếu của những bệnh như thế, và chỉ ra các định luật tổng quát mà người chữa lành phải làm việc với chúng và sáu quy luật mà y phải áp đặt lên chính mình—và tuân phục chúng bằng kỷ luật và sự thấu hiểu.

Các bạn hẳn đã lưu ý rằng tôi đã liệt kê các nguyên nhân tâm lý dưới bốn đề mục:

1. Những nguyên nhân phát sinh từ bản chất cảm xúc-cảm giác.

2. Những nguyên nhân bắt nguồn trong thể dĩ thái.

3. Những nguyên nhân dựa trên tư tưởng sai lầm.

4. Những chứng bệnh đặc thù và những rối loạn tâm lý của các đệ tử.

Có thể các bạn thấy thú vị khi thấy tôi đặt các chứng bệnh của thể dĩ thái ở vị trí thứ hai chứ không phải thứ nhất. Lý do là vì *các chứng bệnh và bệnh tật của nhóm* đã bám chặt vào nhân loại, hoạt động chủ yếu qua thể dĩ thái và tìm đường đi ra biểu hiện qua các thể dĩ thái của mọi hình tướng. Nhưng tôi đã đặt chúng ở vị trí thứ hai, dù xét cho cùng chúng là nhiều nhất, bởi vì nhân loại hiện chưa thể

most numerous, owing to the fact that humanity cannot as yet deal with [25] these en masse. The approach has to be through individuals, and men must clear their astral or emotional bodies of those conditions which pre-dispose them to disease, as individuals. At present, the race is astrally polarised. The emotional sentient nature is all-powerful in the masses. This leads to a relatively negative etheric body which is tuned in on the entire etheric substance of the planet. This substance, which underlies all forms, is simply a transferring and transmitting agency for vital energy to the outer dense physical body. Energy sweeps through this etheric substance, free from all control by the individual human being, and quite unrealised by him because his focus of attention is astral. From the astral or emotional state of consciousness, much concerning individual physical conditions can be deduced. We must, however, eliminate those ills which are group ills and which have swept into and through all mankind from the world of etheric force, leaving him in some way depleted, or overstimulated, or in such a condition that Death naturally supervenes. It might be stated as a basic generalisation that personal physical trouble has its seat at present in the emotional body, and that that vehicle of expression is the one predominant predisposing agent in the ill health of the individual, just as group ills and the sweep of epidemics of any kind through the masses are founded in some condition in the etheric substance of the planet. Those diseases which are general, national, racial and planetary find their way to an individual via his etheric body, but are not so personal in their implications. Upon this I will later enlarge. Today I but lay down the general proposition.

xử lý [25] chúng trên quy mô lớn. Sự tiếp cận phải thông qua các cá nhân, và con người phải thanh lọc các thể cảm dục hay cảm xúc của mình khỏi những tình trạng khiến họ dễ mắc bệnh, với tư cách cá nhân. Hiện nay, nhân loại phân cực cảm xúc. Bản chất cảm xúc và cảm nhận chi phối hoàn toàn quần chúng. Điều này dẫn đến một thể dĩ thái tương đối thụ động, hòa nhịp với toàn bộ chất liệu dĩ thái của hành tinh. Chất liệu này, vốn nằm bên dưới mọi hình tướng, đơn giản là một tác nhân chuyển giao và truyền dẫn năng lượng sinh lực đến thể xác đậm đặc bên ngoài. Năng lượng quét qua chất liệu dĩ thái này, không hề chịu sự kiểm soát nào của cá nhân con người, và hoàn toàn không được y nhận biết vì tiêu điểm chú ý của y là cảm dục. Từ trạng thái tâm thức cảm dục hay cảm xúc, có thể suy ra nhiều điều liên quan đến các tình trạng thể xác cá nhân. Tuy nhiên, chúng ta phải loại khỏi phạm vi xem xét những chứng bệnh thuộc về nhóm và đã tràn vào rồi xuyên qua toàn thể nhân loại từ thế giới của mãnh lực dĩ thái, khiến con người theo một cách nào đó bị suy kiệt, hoặc bị kích thích quá mức, hoặc ở trong một tình trạng mà Cái Chết tự nhiên xảy đến. Có thể nêu như một khái quát căn bản rằng rắc rối thể xác cá nhân hiện nay bắt nguồn trong thể cảm dục, và vận cụ biểu lộ ấy là tác nhân khiến dễ mắc bệnh chủ yếu trong tình trạng sức khỏe kém của cá nhân, cũng như các chứng bệnh nhóm và làn sóng dịch bệnh đủ loại quét qua quần chúng được đặt nền trên một tình trạng nào đó trong chất liệu dĩ thái của hành tinh. Những bệnh có tính tổng quát, quốc gia, chủng tộc và hành tinh tìm đường đến một cá nhân qua thể dĩ thái của y, nhưng không mang hàm ý cá nhân nhiều đến thế. Về điều này tôi sẽ khai triển thêm sau. Hôm nay tôi chỉ nêu ra mệnh đề tổng quát.

I would also like to point out that the diseases for the masses, for the average citizen, for the intelligentsia, and for the disciples of the world may, and do, differ widely—not so much in their expression as in their field of expression. [26] This is a point most difficult for the average healer to recognise; it is not easy or possible for him to grasp these distinctions and to gauge the point in evolution which a man may have reached. Some diseases must be dealt with from the mental plane, and will call in the mind of the healer; others require a concentration of emotional energy by the healing agent; and again, in other cases, the healer should seek to be only a transmitter of pranic energy to the etheric body of the patient, via his own etheric body. How many healers are really consciously aware of the focus of the consciousness or the life force in the patient with whom they may be concerned? How many realise anything of the type of healing which it is possible and necessary to apply to a disciple? How few realise that no disciple, for instance, can place himself in the hands of the average magnetic healer or radiatory worker, or psychological expert of any kind! A disciple dare not subject himself to the auric emanations of any chance healer, nor put himself in the power of the inexperienced academic psychologist, no matter how prominent he may be. He may, however, subject himself to the wise skill of the physical plane physician or surgeon, as—for him—the physical body is but an automaton. He can therefore avail himself of physical means for its benefiting. Much of the failure of the healing methods at present employed consists in the inability of the healer to:

Tôi cũng muốn chỉ ra rằng các bệnh của quần chúng, của công dân trung bình, của giới trí thức, và của các đệ tử thế gian có thể, và thực sự, khác nhau rất nhiều—không phải nhiều ở biểu hiện của chúng cho bằng ở lĩnh vực biểu hiện của chúng. [26] Đây là một điểm mà người chữa lành trung bình rất khó nhận ra; đối với y, không dễ và cũng không thể nắm bắt những khác biệt này và đánh giá điểm tiến hoá mà một người có thể đã đạt tới. Một số bệnh phải được xử lý từ cõi trí, và sẽ đòi hỏi thể trí của người chữa lành; những bệnh khác đòi hỏi tác nhân chữa lành phải tập trung năng lượng cảm xúc; và trong những trường hợp khác nữa, người chữa lành chỉ nên tìm cách là một tác nhân truyền dẫn năng lượng prana đến thể dĩ thái của bệnh nhân, qua chính thể dĩ thái của mình. Có bao nhiêu người chữa lành thực sự có ý thức về tiêu điểm của tâm thức hay của sinh lực nơi bệnh nhân mà họ có thể đang quan tâm? Có bao nhiêu người nhận ra được điều gì đó về loại chữa lành có thể và cần phải áp dụng cho một đệ tử? Có quá ít người nhận ra rằng chẳng hạn, không một đệ tử nào có thể đặt mình vào tay người chữa lành từ tính trung bình hay người hoạt động bằng bức xạ, hoặc chuyên gia tâm lý thuộc bất kỳ loại nào! Một đệ tử không dám đặt mình dưới các phát xạ hào quang của bất kỳ người chữa lành ngẫu nhiên nào, cũng không đặt mình vào quyền lực của một nhà tâm lý học hàn lâm thiếu kinh nghiệm, bất kể ông ta nổi tiếng đến đâu. Tuy nhiên, y có thể đặt mình dưới kỹ năng minh triết của vị y sĩ hay phẫu thuật gia trên cõi hồng trần, vì—đối với y—thể xác chỉ là một cỗ máy tự động. Do đó y có thể sử dụng các phương tiện thể xác để làm lợi cho nó. Phần lớn sự thất bại của các phương pháp chữa lành hiện đang được sử dụng nằm ở chỗ người chữa lành không thể:

1. Gauge the extent of the trouble, where it may be located basically, and in what body it principally arises and lies.

1. Đánh giá mức độ của rắc rối, nơi nó có thể được định vị một cách căn bản, và trong thể nào nó chủ yếu phát sinh và nằm ở đó.

2. Know where the patient stands upon the ladder of evolution, and where, therefore, he must look first for the source of the difficulty.

2. Biết bệnh nhân đang đứng ở đâu trên nấc thang tiến hoá, và do đó trước hết phải tìm nguồn gốc của khó khăn ở đâu.

3. Differentiate between the diseases which are due to inner personal conditions, or to inherited tendencies, or to group distribution. [27]

3. Phân biệt giữa những bệnh do các tình trạng nội tại cá nhân, hay do các khuynh hướng di truyền, hay do sự lan truyền trong nhóm. [27]

4. To know whether the disease should be handled,

4. Biết liệu bệnh ấy nên được xử lý,

a. Allopathically or homeopathically, for both can play their part at times, or through any of the other media of modern skill and science.

a. Bằng đối chứng hay đồng căn, vì cả hai đôi khi đều có thể đóng vai trò của mình, hoặc qua bất kỳ phương tiện nào khác của kỹ năng và khoa học hiện đại.

b. Through radiation or magnetisation, or both.

b. Bằng bức xạ hay từ hóa, hoặc cả hai.

c. Through right inner psychological adjustment, aided by true insight on the part of the healing agent.

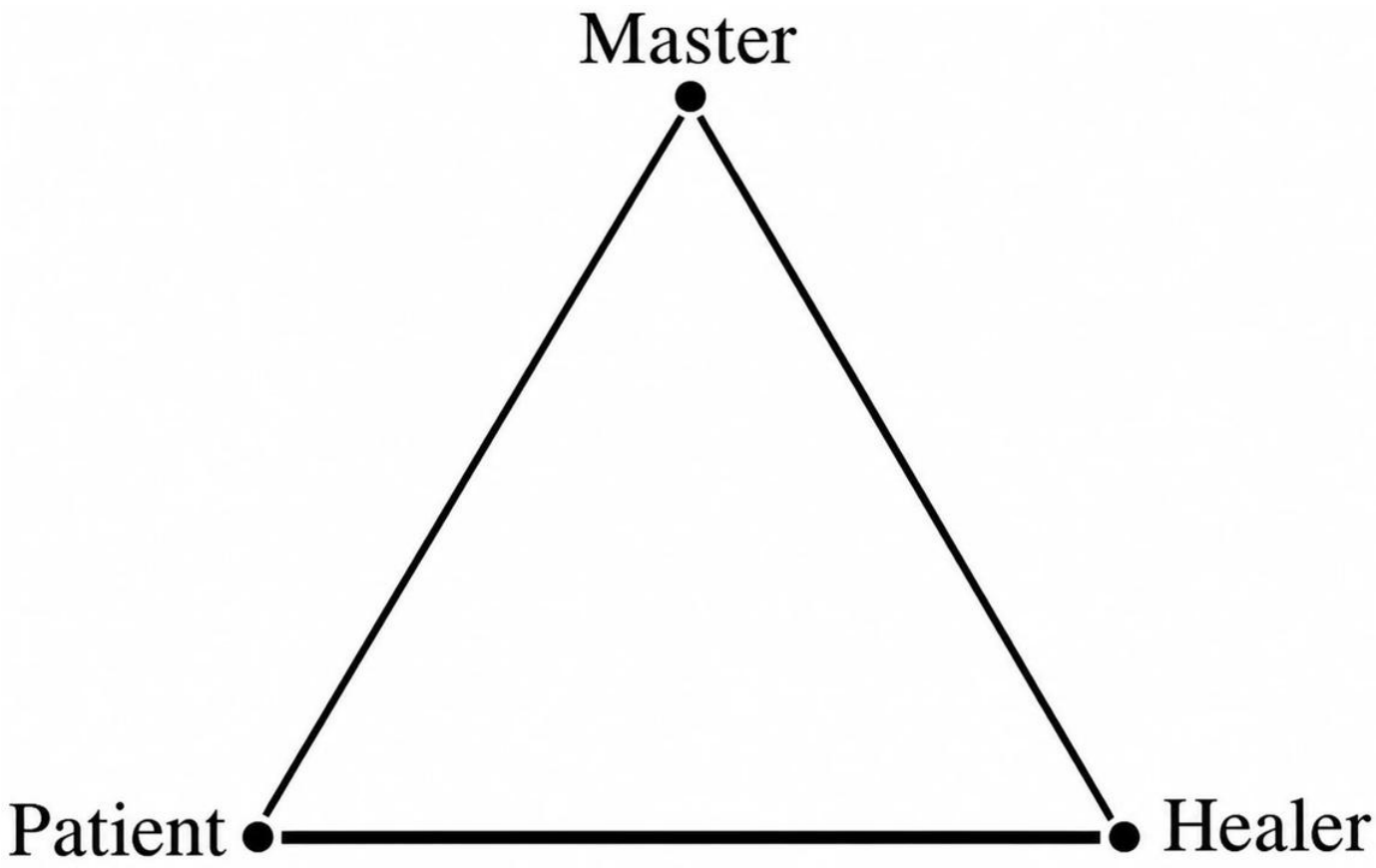
c. Bằng sự điều chỉnh tâm lý bên trong đúng đắn, nhờ sự thấu suốt chân chính nơi tác nhân chữa lành.

d. Through calling in the power of a man's own soul—a thing that is not possible except to advanced people.

d. Bằng cách kêu gọi quyền năng của chính linh hồn một người—điều này không thể thực hiện ngoại trừ đối với những người tiến bộ.

e. Through definite occult means, such as forming a healing triangle of—

e. Bằng những phương tiện huyền bí xác định, như hình thành một tam giác chữa lành gồm—



This method involves much knowledge and a high point of spiritual attainment on the part of the healer;—it also presupposes the healer's link with a Master and the Master's group, plus the earned right to call upon that group for energy on behalf of the patient—a thing as yet rarely granted.

Phương pháp này đòi hỏi nhiều tri thức và một điểm thành tựu tinh thần cao nơi người chữa lành; nó cũng giả định sự liên kết của người chữa lành với một Chân sư và nhóm của Chân sư, cộng với quyền mà y đã đạt được để kêu gọi nhóm ấy ban năng lượng vì lợi ích của bệnh nhân—một điều hiện nay hiếm khi được cho phép.

I would like first of all to point out that my purpose and intent is not to write a medical treatise. I shall not, therefore, deal with the anatomy of the body, nor shall I discuss the symptoms of diseases, except quite incidentally. I do not intend to elaborate symptoms or consider the many [28] diseases with long names which distinguish the race at this time; all such information you can gather from the ordinary textbooks, if you so choose, and these you can study, if you care to do so. I find it personally not particularly satisfying. We will start with the premise that there is disease; that disease is an effect of inner causes; that man

Trước hết tôi muốn chỉ ra rằng mục đích và ý định của tôi không phải là viết một luận văn y học. Vì vậy, tôi sẽ không bàn đến giải phẫu của thể xác, cũng không thảo luận các triệu chứng của bệnh tật, ngoại trừ khi đề cập sơ qua. Tôi không có ý định khai triển các triệu chứng hay xem xét nhiều [28] bệnh có tên dài vốn đặc trưng cho nhân loại vào thời điểm này; mọi thông tin như thế các bạn có thể thu thập từ các sách giáo khoa thông thường, nếu các bạn muốn, và các bạn có thể nghiên cứu chúng, nếu các bạn muốn làm như vậy. Cá nhân tôi thấy điều đó không đặc biệt thỏa đáng. Chúng ta sẽ bắt đầu với tiền đề rằng có bệnh tật; rằng bệnh tật là một

has made as vast strides in the understanding of the effect of these causes as they produce changes in the outer garment of man, as science has made in the understanding of the outer garment of God, the world of phenomenal nature.

hiệu quả của các nguyên nhân bên trong; rằng con người đã đạt được những bước tiến lớn lao trong việc hiểu hiệu quả của những nguyên nhân này khi chúng tạo ra những thay đổi trong chiếc áo khoác bên ngoài của con người, cũng như khoa học đã đạt được trong việc hiểu chiếc áo khoác bên ngoài của Thượng đế, tức thế giới của bản chất hiện tượng.

The ameliorative and palliative and curative work of medicine and surgery are proved beyond all controversial discussion. The methods employed, such as the vivisection of animals, may rightly cause distress. In spite of all this the indebtedness of mankind to the medical profession is great, and the service rendered to humanity by the profession does largely offset the evil. That they know not everything is true; that there is a small percentage of physicians and surgeons (less than in any other profession) who are self-seeking and no credit to their craft is equally true; that they already know enough to be willing to admit how very much more there is to be known is also correct. But that it is a great and good and self-sacrificing group within the human family, is equally true. Forget this not.

Công việc cải thiện, làm dịu và chữa trị của y học và phẫu thuật đã được chứng minh vượt ngoài mọi tranh luận. Những phương pháp được sử dụng, như mổ xẻ động vật sống, có thể đúng là gây đau lòng. Dù vậy, món nợ của nhân loại đối với ngành y là rất lớn, và sự phụng sự mà ngành này cống hiến cho nhân loại phần lớn hóa giải điều xấu. Đúng là họ không biết mọi sự; cũng đúng là có một tỷ lệ nhỏ các y sĩ và phẫu thuật gia (ít hơn bất kỳ ngành nghề nào khác) là những người vụ lợi và không đem lại danh dự cho nghề nghiệp của họ; cũng đúng là họ đã biết đủ để sẵn sàng thừa nhận còn biết bao điều nữa cần phải biết. Nhưng cũng đúng không kém rằng đó là một nhóm lớn lao, tốt đẹp và đầy tinh thần hi sinh trong gia đình nhân loại. Đừng quên điều này.

I deal with the subjective aspect of man, and with the secondary causes which have their roots in man's inner bodies and in the subjective side of nature itself. The major primary causes, as I earlier explained, are impossible for you to grasp. They lie beyond the capacity of the concrete mind. I seek to make clear what man may do to free himself increasingly from the accumulation of the past, both individually and as a group, and in so doing to clear his physical body of the germs of disease. It must, however, be borne in mind that many diseases are of a group [29] nature, and are consequently inherent

Tôi bàn đến phương diện chủ quan của con người, và đến các nguyên nhân thứ yếu có gốc rễ trong các thể bên trong của con người và trong chính phương diện chủ quan của bản chất. Những nguyên nhân sơ cấp lớn lao, như tôi đã giải thích trước đây, là điều các bạn không thể nắm bắt. Chúng nằm ngoài khả năng của trí cụ thể. Tôi tìm cách làm sáng tỏ điều con người có thể làm để ngày càng giải thoát mình khỏi sự tích lũy của quá khứ, cả với tư cách cá nhân lẫn nhóm, và khi làm như vậy thì thanh lọc thể xác của mình khỏi các mầm bệnh. Tuy nhiên, phải ghi nhớ rằng nhiều bệnh có bản chất [29]

in humanity itself. Just as the insect world devastates and destroys the vegetable kingdom, as any chance walker through the woods can note, so germs—individual and group—today devastate and destroy the human kingdom. They are agents of destruction and are performing a definite office and duty in the great scheme of things at present.

nhóm, và do đó vốn cố hữu trong chính nhân loại. Cũng như thế giới côn trùng tàn phá và hủy diệt giới thực vật, như bất kỳ người đi bộ nào trong rừng cũng có thể nhận thấy, thì các mầm bệnh—cá nhân và nhóm—ngày nay cũng tàn phá và hủy diệt giới nhân loại. Chúng là những tác nhân hủy diệt và hiện đang thực hiện một chức năng và bổn phận xác định trong đại kế hoạch của vạn vật.

The intent is for men to die, as every man has to die, at the demand of this own soul. When man has reached a higher stage in evolution, with deliberation and definite choice of time, he will consciously withdraw from his physical body. It will be left silent and empty of the soul; devoid of light, yet sound and whole: it will then disintegrate, under the natural process, and its constituent atoms will pass back into "the pool of waiting units," until they are again required for the use of incarnating souls. Again, on the subjective side of life, the process is repeated, but many have already learnt to withdraw from the astral body without being subject to that "impact in the fog," which is the symbolic way of describing the death of a man upon the astral plane. He then withdraws on to the mental level, and leaves his astral carcass to swell the fog and increase its density.

Mục đích là để con người chết, như mọi người đều phải chết, *theo đòi hỏi của chính linh hồn mình*. Khi con người đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá cao hơn, với sự cân nhắc và lựa chọn thời điểm rõ ràng, y sẽ có ý thức rút ra khỏi thể xác của mình. Thể xác ấy sẽ được để lại im lặng và trống rỗng linh hồn; không còn ánh sáng, nhưng vẫn lành lặn và nguyên vẹn: khi đó nó sẽ tan rã theo tiến trình tự nhiên, và các nguyên tử cấu thành của nó sẽ quay trở lại "kho các đơn vị đang chờ đợi," cho đến khi chúng lại được cần đến để các linh hồn nhập thể sử dụng. Một lần nữa, ở phương diện chủ quan của sự sống, tiến trình ấy được lặp lại, nhưng nhiều người đã học được cách rút ra khỏi thể cảm dục mà không phải chịu "cú va chạm trong sương mù," là cách biểu tượng để mô tả cái chết của một người trên cõi cảm dục. Khi đó y rút lên cấp độ trí tuệ, và để lại xác cảm dục của mình làm dày thêm sương mù và tăng mật độ của nó.

I seek to point out, therefore, that my avoidance of medical technicalities will be deliberate, though we shall refer often to the physical body and to the diseases of which it is a prey.

Vì vậy, tôi tìm cách chỉ ra rằng việc tôi tránh các thuật ngữ y học sẽ là có chủ ý, dù chúng ta sẽ thường xuyên đề cập đến thể xác và những bệnh mà nó là nạn nhân.

Secondly, I seek today to give you another of the Laws of Healing, as well as one of the Rules for the Healer. Study these with care.

Thứ hai, hôm nay tôi tìm cách trao cho các bạn một Định luật Chữa Lành khác, cũng như một trong các Quy luật dành cho Người Chữa Lành. Hãy nghiên cứu chúng cẩn thận.

LAW II

Disease is the Product of, and subject to, three influences. First, a man's past, wherein he pays the price of [30] ancient error. Second, his inheritance, wherein he shares with all mankind those tainted streams of energy which are of group origin. Thirdly, he shares with all the natural forms that which the Lord of Life imposes on His body. These three influences are called "The Ancient Law of Evil Sharing." This must give place some day to that new Law of Ancient Dominating Good which lies behind all that God made. This law must be brought into activity by the spiritual will of man.

What is a law, my brother? It is the imposition (upon both the lesser and the more important) of the will and purpose of that which is superlatively great. Therefore, it lies beyond man's ken. Man has some day to learn that all the laws of nature have their higher, spiritual counterparts, and of these we shall shortly be in search. Our laws today are but secondary laws. They are the laws of group life and they govern the kingdoms of nature and find their expression (for the human kingdom) through the medium of the mind, of the emotional nature, and through a physical plane agent. It is not my intention in this present short treatise to elucidate the primary laws. I but state them, and at a future time (dependent upon certain factors yet undeveloped) I may deal with them.

In this treatise, the third part of it is stated to deal with the basic laws of Healing. These

ĐỊNH LUẬT II

Bệnh tật là sản phẩm của, và chịu sự chi phối của, ba ảnh hưởng. Thứ nhất, quá khứ của một người, trong đó y trả giá cho [30] những sai lầm cổ xưa. Thứ hai, di sản của y, trong đó y chia sẻ với toàn thể nhân loại những dòng năng lượng nhiễm độc có nguồn gốc nhóm. Thứ ba, y chia sẻ với mọi hình tướng tự nhiên điều mà Chúa Tể của Sự Sống áp đặt lên thân thể của Ngài. Ba ảnh hưởng này được gọi là "Định luật Cổ xưa về Sự Chia sẻ Điều Ác." Một ngày nào đó nó phải nhường chỗ cho Định luật mới về Điều Thiện Cổ xưa Chi Phối, vốn nằm phía sau mọi điều mà Thượng đế đã tạo ra. Ý chí tinh thần của con người phải đưa định luật này vào hoạt động.

Huynh đệ của Tôi, định luật là gì? Đó là sự áp đặt (lên cả cái nhỏ hơn lẫn cái quan trọng hơn) ý chí và mục đích của cái gì đó siêu việt lớn lao. Vì vậy, nó nằm ngoài tầm hiểu biết của con người. Một ngày nào đó con người phải học rằng mọi định luật của thiên nhiên đều có các đối phần cao hơn, tinh thần của chúng, và chúng ta sẽ sớm đi tìm những đối phần ấy. Các định luật của chúng ta ngày nay chỉ là những định luật thứ yếu. Chúng là những định luật của đời sống nhóm và chúng chi phối các giới trong thiên nhiên và tìm thấy biểu hiện của chúng (đối với giới nhân loại) qua trung gian của thể trí, của bản chất cảm xúc, và qua một tác nhân trên cõi hồng trần. Trong luận văn ngắn hiện tại này, tôi không có ý định làm sáng tỏ các định luật sơ cấp. Tôi chỉ nêu chúng ra, và vào một thời điểm tương lai (tùy thuộc vào một số yếu tố còn chưa phát triển) tôi có thể bàn đến chúng.

Trong luận văn này, phần thứ ba của nó được nói là sẽ bàn đến các định luật căn bản của Chữa Lành. Những định luật này không bàn đến các Định luật được nhắc ở trên, mà

deal not with the Laws referred to above, but with the practical aspects of the healing art.

bàn đến các phương diện thực tiễn của nghệ thuật chữa lành.

The second rule for the healer is as follows:

Quy luật thứ hai dành cho người chữa lành như sau:

RULE TWO

QUY LUẬT HAI

The healer must achieve magnetic purity through purity of life. He must attain that dispelling radiance which shows itself in every man when he has linked the centres in the head. When this magnetic field is established, the radiation too goes forth. [31]

Nhà trị liệu phải đạt được sự thanh khiết từ tính thông qua sự thanh khiết của đời sống. Y phải đạt được sự chói rạng có sức xua tan, vốn biểu lộ nơi mỗi người khi y đã nối kết các luân xa trong đầu. Khi từ trường này được thiết lập, bức xạ cũng phát ra. [31]

The significance of this will be somewhat apparent to the advanced esoteric student. As you know, the magnetic field is established when the powerful vibration of the centre in front of the pituitary body, and the centre around and above the pineal gland, swing into each other's orbit. The only controversial point in connection with the above rule (which we shall have later to consider) is how and in what manner magnetic purity is to be achieved, and how the two centres in the head can form together one magnetic field. Later, in our conclusion, which is intended to be intensely practical, I will touch upon these two points.

Ý nghĩa của điều này sẽ phần nào hiển nhiên đối với đạo sinh nội môn tiến bộ. Như các bạn biết, từ trường được thiết lập khi rung động mạnh mẽ của trung tâm ở phía trước tuyến yên, và trung tâm ở quanh và phía trên tuyến tùng quả, đi vào quỹ đạo của nhau. Điểm duy nhất còn có thể tranh luận liên quan đến quy luật trên (mà sau này chúng ta sẽ phải xem xét) là làm thế nào và bằng cách nào sự thanh khiết từ tính được đạt tới, và làm thế nào hai trung tâm trong đầu có thể cùng nhau tạo thành một từ trường. Sau này, trong phần kết luận của chúng ta, vốn được dự định là hết sức thực tiễn, tôi sẽ đề cập đến hai điểm này.

One of the things which should definitely emerge in our studies is the fact that disease is seldom of individual origin, unless a man misspends his life and definitely misuses his body (through drink or sexual dissipation), and that the bulk of the disease to be found in the world today is almost entirely of group origin, is inherited, is the result of infection, or the result of undernourishment. The last named cause is primarily an evil of civilisation; it is the result of economic maladjustment or the

Một trong những điều chắc chắn phải nổi lên trong quá trình nghiên cứu của chúng ta là sự kiện rằng bệnh tật hiếm khi có nguồn gốc cá nhân, trừ phi một người phung phí đời mình và rõ ràng lạm dụng thể xác của mình (qua rượu chè hay phóng túng tình dục), và rằng phần lớn bệnh tật hiện thấy trên thế giới ngày nay hầu như hoàn toàn có nguồn gốc nhóm, là di truyền, là kết quả của sự lây nhiễm, hoặc là kết quả của suy dinh dưỡng. Nguyên nhân được nêu sau cùng chủ yếu là một điều ác của nền văn minh; nó là kết quả

corruption of food. As I earlier pointed out, these latter causes of disease are not primarily the result of inner subtle forces, but are the pouring upwards, into the etheric body, of energies from the physical plane itself and from the outer world of forces.

của sự mất điều chỉnh kinh tế hoặc của thực phẩm bị hư hỏng. Như tôi đã chỉ ra trước đây, những nguyên nhân bệnh tật vừa nêu sau cùng không chủ yếu là kết quả của các mãnh lực vi tế bên trong, mà là sự tuôn lên, vào thể dĩ thái, của các năng lượng từ chính cõi hồng trần và từ thế giới bên ngoài của các mãnh lực.

Little attention has been paid by occult teachers to these forces which come from without, which originate upon the physical plane, and which affect the inner bodies. There are physical energy and streams of force entering into the etheric bodies of all forms, just as the world illusion and the miasmas of the astral plane oft have their causes in physical plane conditions. The energies entering into the centres of man from the subtler levels have oft been considered in occult books, but the forces which find their way into the centres from the world of physical plane life [32] are seldom realised or discussed. This is a somewhat new thought which I offer for your consideration.

Các huấn sư huyền bí học ít chú ý đến những mãnh lực đến từ bên ngoài, bắt nguồn trên cõi hồng trần, và ảnh hưởng đến các thể bên trong. Có những năng lượng hồng trần và những dòng mãnh lực đi vào các thể dĩ thái của mọi hình tướng, cũng như ảo tưởng thế gian và những chướng khí của cõi cảm dục thường có nguyên nhân trong các điều kiện của cõi hồng trần. Các năng lượng đi vào các trung tâm của con người từ các cấp độ vi tế hơn thường đã được xét đến trong các sách huyền bí học, nhưng những mãnh lực tìm đường vào các trung tâm từ thế giới của đời sống cõi hồng trần [32] thì hiếm khi được nhận ra hay thảo luận. Đây là một ý tưởng phần nào mới mẻ mà tôi đưa ra để các bạn suy xét.

I have asked A.A.B. to insert a very brief synopsis of some of the points I have already made under the heading, What is Disease? I suggest the following:

Tôi đã yêu cầu A.A.B. chèn vào đây một bản tóm lược rất ngắn về một số điểm tôi đã nêu dưới đề mục, Bệnh Tật là gì? Tôi gợi ý như sau:

1. All disease is disharmony and lack of alignment and control.

1. Mọi bệnh tật đều là sự bất hòa và thiếu chỉnh hợp cùng kiểm soát.

a. Disease is found in all the four kingdoms in nature.

a. Bệnh tật được tìm thấy trong cả bốn giới trong thiên nhiên.

b. Disease is purificatory in effect.

b. Bệnh tật có tác dụng thanh lọc.

c. Definite methods of healing are peculiar to humanity, and mental in origin.

c. Những phương pháp chữa lành xác định là đặc thù của nhân loại, và có nguồn gốc trí tuệ.

2. Disease is a fact in nature.

2. Bệnh tật là một sự kiện trong thiên nhiên.

a. Antagonism to disease simply energises it.

a. Sự đối kháng với bệnh tật chỉ tiếp năng lượng cho nó.

b. Disease is not the result of wrong human thought.

b. Bệnh tật không phải là kết quả của tư tưởng sai lầm của con người.

3. Disease is a process of liberation and the enemy of that which is static.

3. Bệnh tật là một tiến trình giải thoát và là kẻ thù của cái gì tĩnh tại.

4. The law of cause and effect governs disease as it governs all else in manifestation.

4. Định luật nhân quả chi phối bệnh tật cũng như nó chi phối mọi điều khác trong biểu hiện.

We found also that healing is brought about in three ways:

Chúng ta cũng đã thấy rằng sự chữa lành được thực hiện theo ba cách:

1. Through the application of the methods of the many schools of medicine and surgery, and allied groups.

1. Qua việc áp dụng các phương pháp của nhiều trường phái y học và phẫu thuật, cùng các nhóm liên hệ.

2. Through the use of psychology.

2. Qua việc sử dụng tâm lý học.

3. Through the activity of the soul.

3. Qua hoạt động của linh hồn.

I have also stated that the major causes of disease are three in number: they are psychological in nature; they are inherited through group contact; and they are karmic. Remember, however, that these are the secondary causes and with the first of these we will now deal.

Tôi cũng đã nói rằng các nguyên nhân chính của bệnh tật có ba loại: chúng có bản chất tâm lý; chúng được thừa hưởng qua tiếp xúc nhóm; và chúng có tính nghiệp quả. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng đây là những nguyên nhân thứ yếu và giờ đây chúng ta sẽ bàn đến nguyên nhân thứ nhất trong số đó.

1. CAUSES ARISING IN THE EMOTIONAL-DESIRE NATURE — 1. CÁC NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH TRONG BẢN CHẤT CẢM XÚC-HAM MUỐN

[33]

[33]

In A Treatise on White Magic, I gave the world for the first time information as to the nature and the control of the astral body. This book is practically the first one ever given out to the public on this theme. Much has been given in the past on the subject of the physical body and its care, both by exoteric and esoteric science. Much of it is true, and some of it is illusion. It is illusion because it is based on false premises. Modern esotericists have dealt with the subject of the etheric body, and this too has been partially true and partially false, but it is more generally true from the occult point of view than it is exoterically. I may surprise you here if I tell you that A Treatise on White Magic is also true as far as it goes, but it is necessarily limited, and because of these limitations it is also partially incorrect. Does the above statement astonish you? Remember, how can it be entirely true when we consider the limitations of your power to comprehend? It is impossible for me to convey to you the truth, because there exist neither the terminology nor an adequate groundwork of knowledge on your part. This makes my task difficult. This teaching on healing is likewise the hardest I have yet undertaken, and this for two reasons. First (the real nature of) the phrase "subtler bodies" is somewhat meaningless, is it not? They are not bodies like the physical body. They can be regarded as centres or reservoirs of particular types of force, attached to each individual, and possessing their proper inlets and outlets. They are collections of atoms, vibrating at high speed and coloured (according to some schools of occultism) by certain definite hues; they emit a certain tone, and are at varying points of evolution. According to others, they are states of consciousness and some regard them as made in the likeness of a man. What is your definition, Brother of mine?

Trong *Luận về Chánh Thuật*, lần đầu tiên tôi đã cung cấp cho thế giới thông tin về bản chất và việc kiểm soát thể cảm dục. Cuốn sách này thực tế là cuốn đầu tiên từng được công bố cho công chúng về chủ đề này. Trong quá khứ, nhiều điều đã được đưa ra về chủ đề thể xác và sự chăm sóc nó, bởi cả khoa học ngoại môn lẫn nội môn. Phần lớn trong đó là đúng, và một phần là ảo tưởng. Nó là ảo tưởng vì nó dựa trên những tiền đề sai lầm. Các nhà bí truyền học hiện đại đã bàn đến chủ đề thể dĩ thái, và điều này cũng phần nào đúng và phần nào sai, nhưng từ quan điểm huyền bí học thì nó nhìn chung đúng hơn là từ quan điểm ngoại môn. Ở đây tôi có thể làm các bạn ngạc nhiên nếu tôi nói với các bạn rằng *Luận về Chánh Thuật* cũng đúng trong chừng mực của nó, nhưng tất yếu là có giới hạn, và vì những giới hạn ấy nên nó cũng phần nào không chính xác. Lời phát biểu trên có làm các bạn ngạc nhiên không? Hãy nhớ, làm sao nó có thể hoàn toàn đúng khi chúng ta xét đến những giới hạn trong năng lực lĩnh hội của các bạn? Tôi không thể truyền đạt chân lý cho các bạn, vì không có sẵn thuật ngữ cũng như nền tảng tri thức đầy đủ nơi các bạn. Điều này làm cho nhiệm vụ của tôi trở nên khó khăn. Giáo huấn này về chữa lành cũng là công việc khó nhất mà tôi từng đảm nhận, và điều này vì hai lý do. Thứ nhất, cụm từ "các thể vi tế" (bản chất thực sự của nó) có phần vô nghĩa, phải không? Chúng không phải là những thân thể giống thể xác. Chúng có thể được xem như những trung tâm hay những bể chứa của các loại mãnh lực đặc thù, gắn với mỗi cá nhân, và có những lối vào và lối ra thích hợp của chúng. Chúng là những tập hợp nguyên tử, rung động với tốc độ cao và được tô màu (theo một số trường phái huyền bí học) bằng những sắc thái xác định; chúng phát ra một âm điệu nhất định, và ở những điểm tiến hoá khác nhau. Theo những người khác, chúng là những trạng thái tâm thức và

có người xem chúng được tạo ra theo hình dáng của một con người. Huynh đệ của tôi, định nghĩa của bạn là gì?

[34]

[34]

The astral body is, for the majority of mankind, the major determining factor to be considered. It is an outstanding cause of ill health. The reason for this is that it has a potent and predisposing effect upon the vital and etheric body. The physical body is an automaton of whichever inner body is the strongest. When you remember that the vital body is the recipient of the streams of energy, and is in fact composed and formed of such streams, and that the physical body is driven into activity by these streams, it is apparent that that stream which is the most potent is the one which will control the action of the physical body upon the physical plane. There are, however, two streams of energy which must be considered in studying the factors leading to physical plane actions. I would remind you in this connection that disease is an activity of the physical plane.

Thể cảm dục, đối với đa số nhân loại, là yếu tố quyết định chủ yếu cần được xét đến. Nó là một nguyên nhân nổi bật của tình trạng sức khỏe kém. Lý do là vì nó có một tác động mạnh mẽ và tạo khuynh hướng lên thể sinh lực và thể dĩ thái. Thể xác là một bộ máy tự động của bất cứ thể nội tại nào mạnh nhất. Khi bạn nhớ rằng thể sinh lực là cơ quan tiếp nhận các dòng năng lượng, và thực ra được cấu tạo và hình thành từ các dòng ấy, và rằng thể xác được thúc đẩy vào hoạt động bởi các dòng này, thì hiển nhiên là dòng nào mạnh nhất sẽ là dòng kiểm soát hoạt động của thể xác trên cõi hồng trần. Tuy nhiên, có hai dòng năng lượng phải được xét đến khi nghiên cứu các yếu tố dẫn đến những hành động trên cõi hồng trần. Tôi muốn nhắc bạn trong mối liên hệ này rằng bệnh tật là một hoạt động của cõi hồng trần.

1. The stream of life itself, anchored in the heart, which determines the vitality of the man, his capacity for work, and the term of his existence.

1. Chính dòng sự sống, được neo trong tim, quyết định sinh lực của con người, khả năng làm việc của y, và thời hạn tồn tại của y.

2. The predominating stream of energy coming from the astral, mental or soul bodies. These control his expression upon the physical plane.

2. Dòng năng lượng trội hơn đến từ thể cảm dục, thể trí hoặc thể linh hồn. Các dòng này kiểm soát sự biểu hiện của y trên cõi hồng trần.

With the masses of people throughout the world, and those whom we call the vast unthinking public, the dominating factors are the stream of life and the stream of astral

Đối với quần chúng trên khắp thế giới, và những người mà chúng ta gọi là công chúng đông đảo không suy tư, các yếu tố chi phối là dòng sự sống và dòng năng lượng cảm dục

or desire energy. This can be either of a low or medium calibre.

hay dục vọng. Dòng này có thể thuộc phẩm cấp thấp hoặc trung bình.

With the thinking public, the dominating factors are these two streams, plus a steady inflowing and increasing tide of mental energy.

Đối với công chúng biết suy nghĩ, các yếu tố chi phối là hai dòng này, cộng thêm một làn sóng năng lượng trí tuệ đều đặn tuôn vào và ngày càng gia tăng.

With the intelligentsia of the world and the aspirant (those ready for, or already on, the probationary path) [35] we find the above three streams reaching a point of equilibrium, and thus producing an integrating or coordinating personality. These number amongst them also the mystics of the world and the creative workers, who are conscious of the inspiration and the spiritual contact which indicates a beginning of the inflow of soul energy.

Đối với giới trí thức của thế giới và người chí nguyện (những người đã sẵn sàng cho, hoặc đã ở trên, Con Đường Dự Bị) [35] chúng ta thấy ba dòng trên đạt đến một điểm quân bình, và do đó tạo ra một phàm ngã tích hợp hay phối hợp. Trong số họ cũng có các nhà thần bí của thế giới và những người hoạt động sáng tạo, những người có ý thức về cảm hứng và sự tiếp xúc tinh thần, điều cho thấy sự khởi đầu của dòng năng lượng linh hồn tuôn vào.

With the disciples of the world, we find a group of men and women coming under the control of soul energy, whilst the other three energies are being increasingly subordinated to this higher type of control.

Đối với các đệ tử của thế giới, chúng ta thấy một nhóm những người nam và nữ đang chịu sự kiểm soát của năng lượng linh hồn, trong khi ba năng lượng kia ngày càng bị đặt dưới loại kiểm soát cao hơn này.

It should be borne in mind that there are two other types of energy with which to reckon, when considering intelligent man.

Cần ghi nhớ rằng còn có hai loại năng lượng khác phải được tính đến khi xét con người thông minh.

1. The energy which is composed of the fused and blended forces of a coordinated personality.

1. Năng lượng được cấu thành từ các mãnh lực dung hợp và hòa trộn của một phàm ngã phối hợp.

2. The energy of the physical plane itself, which is finally identified by the aspirant or disciple, and becomes so utterly negated that eventually it constitutes one of the major factors in the release of the centres.

2. Năng lượng của chính cõi hồng trần, cuối cùng được người chí nguyện hay đệ tử nhận diện, và trở nên bị phủ định hoàn toàn đến nỗi rốt cuộc nó cấu thành một trong những yếu tố chủ yếu trong sự giải phóng các trung tâm.

Finally the time comes when the initiate works simply with three types of energy whilst expressing himself in incarnation: the energy of life itself, the negative energy of the personality, and the positive energy of the soul. Thus he is an expression in conscious manifestation of the three aspects of the Trinity.

Cuối cùng, thời điểm đến khi điểm đạo đồ chỉ làm việc với ba loại năng lượng trong khi biểu hiện chính mình đang lâm phàm: năng lượng của chính sự sống, năng lượng âm của phàm ngã, và năng lượng dương của linh hồn. Như vậy y là một biểu hiện trong sự hiển lộ có ý thức của ba phương diện của Ba Ngôi/Tam Vị.

Certain things should be established as occult facts in the consciousness of the healer before he is able to work constructively.

Một số điều cần được xác lập như những sự kiện huyền bí trong tâm thức của nhà chữa lành trước khi y có thể làm việc một cách xây dựng.

1. First of all, that there is nothing but energy and this energy manifests itself as many differing and varying [36] energies. Of these many energies, the universe is composed. Likewise man's bodies or vehicles of manifestation are without exception constituted of energy units. These we call atoms, and these atomic units are held together in body form by the coherent force of more potent energies.

1. Trước hết, không có gì ngoài năng lượng và năng lượng này biểu hiện thành nhiều năng lượng khác nhau và biến thiên [36]. Vũ trụ được cấu thành từ nhiều năng lượng ấy. Tương tự như vậy, các thể hay vận cụ biểu hiện của con người, không ngoại lệ, đều được cấu thành từ các đơn vị năng lượng. Chúng ta gọi chúng là các nguyên tử, và các đơn vị nguyên tử này được giữ lại với nhau trong hình thể nhờ mãnh lực cố kết của những năng lượng mạnh hơn.

2. The major focal point of energy to be found in human beings is that of the soul, but its potency as an agent of cohesion and of integration is as yet greater than its quality potency. In the earlier stages of human evolution, it is the coherence aspect that demonstrates. Later as man's response apparatus, or bodies, becomes more developed, the quality aspect of the soul begins to demonstrate increasingly.

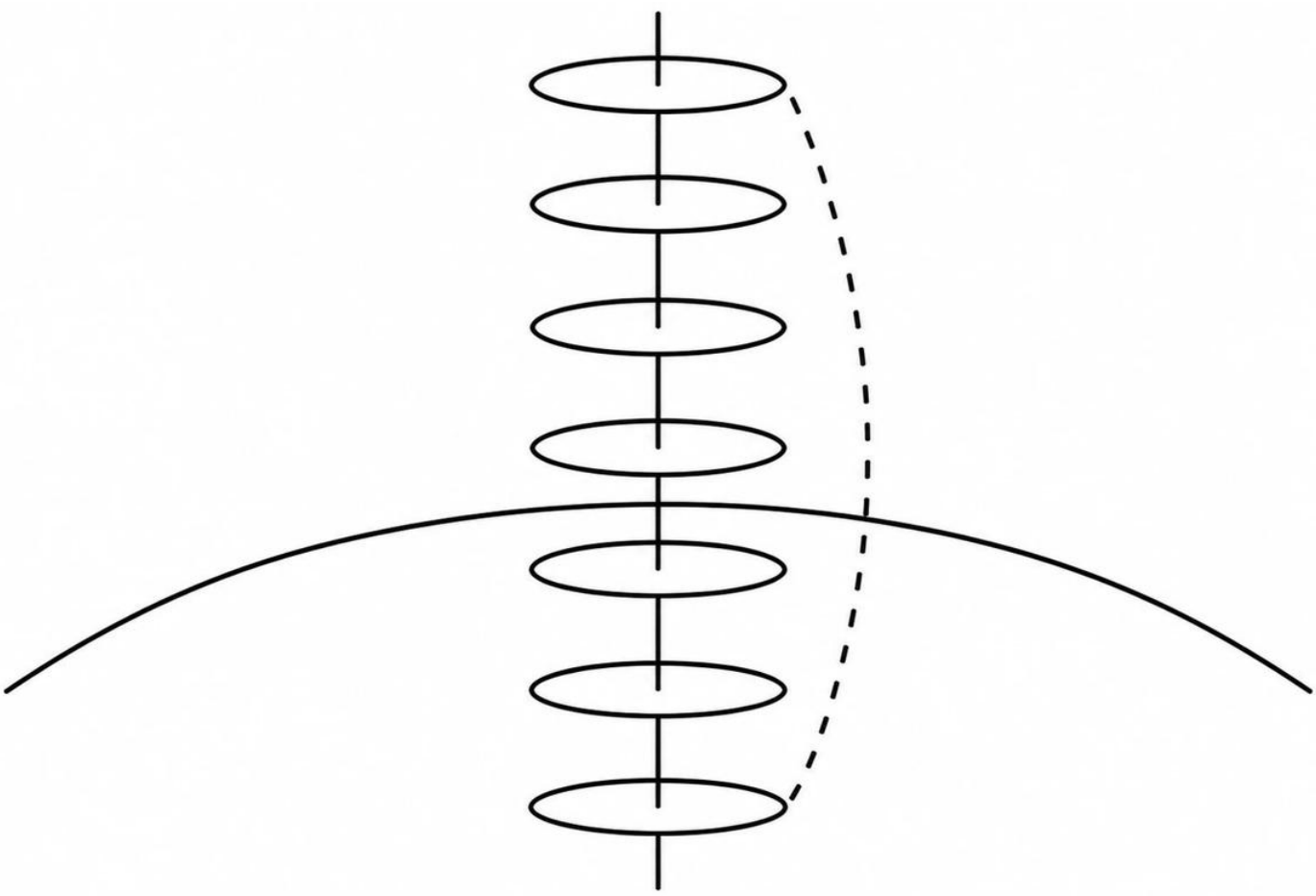
2. Tiêu điểm năng lượng chủ yếu được tìm thấy nơi con người là linh hồn, nhưng tiềm lực của nó như một tác nhân của sự cố kết và của sự tích hợp hiện vẫn lớn hơn tiềm lực phẩm tính của nó. Trong các giai đoạn đầu của tiến hoá nhân loại, chính phương diện cố kết biểu lộ. Về sau, khi bộ máy đáp ứng của con người, hay các thể của y, trở nên phát triển hơn, phương diện phẩm tính của linh hồn bắt đầu biểu lộ ngày càng nhiều.

3. Seen from the inner side where time is not, the human creature demonstrates as an amazing kaleidoscopic mutable phenomenon. Bodies, so called, or rather aggregates of atomic units, fade out and disappear, or flash again into manifestation.

3. Nhìn từ mặt bên trong, nơi không có thời gian, tạo vật con người biểu lộ như một hiện tượng biến đổi kỳ diệu, giống kính vạn hoa. Những cái gọi là các thể, hay đúng hơn là những tập hợp các đơn vị nguyên tử, mờ dần rồi biến mất, hoặc lại lóe lên vào sự biểu

Streams of colours pass and repass; they twine or intertwine. Certain areas will then suddenly intensify their brightness and blaze forth with brilliance; or again they can be seen dying out and the phenomenon in certain areas will be colourless and apparently non-existent. But always there is a persistent over-shadowing light, from which a stream of lights pours down into the phenomenal man; this can be seen attaching itself in two major localities to the dense inner core of the physical man. These two points of attachment are to be found in the head and in the heart. There can also be seen, dimly at first but with increasing brightness, seven other pale disks of light which are the early evidence of the seven centres. [37]

hiện. Những dòng màu sắc qua lại không ngừng; chúng quấn vào nhau hay đan xen nhau. Khi ấy, một số khu vực bỗng tăng cường độ sáng và bừng cháy rực rỡ; hoặc ngược lại, có thể thấy chúng tắt dần và hiện tượng ở một số khu vực trở nên không màu và dường như không hiện hữu. Nhưng luôn luôn có một ánh sáng phủ bóng bền bỉ, từ đó một dòng ánh sáng tuôn xuống con người hiện tượng; có thể thấy nó gắn vào lõi nội tại đậm đặc của con người hồng trần tại hai vị trí chính. Hai điểm gắn kết này nằm ở đầu và ở tim. Cũng có thể thấy, lúc đầu mờ nhạt nhưng ngày càng sáng hơn, bảy đĩa ánh sáng nhạt khác, là bằng chứng ban đầu của bảy trung tâm. [37]



4. These centres, which constitute the quality aspects and the consciousness aspects, and whose function it is to colour the appearance or outer expression of man

4. Các trung tâm này, vốn cấu thành các phương diện phẩm tính và các phương diện tâm thức, và có chức năng tô màu cho sắc tướng hay biểu hiện bên ngoài của con người

and use it as a response apparatus, are (during the evolutionary process) subject to three types of unfoldment.

và dùng nó như một bộ máy đáp ứng, thì (trong tiến trình tiến hoá) chịu ba loại khai mở.

a. That unfoldment which takes place as a physical plane child grows from an infant to a man. By the time he is twenty-one, the centres should normally have reached the same quality of expression as they had attained when he passed out of life in a previous incarnation. The man then takes up life where he had previously left it off.

a. Sự khai mở diễn ra khi một đứa trẻ trên cõi hồng trần lớn lên từ trẻ sơ sinh thành người trưởng thành. Vào lúc y hai mươi mốt tuổi, các trung tâm thông thường phải đạt đến cùng phẩm tính biểu hiện như chúng đã đạt được khi y rời bỏ sự sống trong một lần nhập thể trước. Khi ấy con người tiếp tục sự sống tại chỗ trước đây y đã dừng lại.

b. The awakening of the centres through life experience. Occasionally only one centre may be dealt with in any one life; sometimes several are brought into greater functioning consciousness.

b. Sự thức tỉnh các trung tâm qua kinh nghiệm sống. Đôi khi chỉ một trung tâm được chú trọng phát triển trong một đời sống; đôi khi vài trung tâm được đưa vào tâm thức hoạt động lớn hơn.

c. There is, finally, the awakening of these centres through the process of initiation. This of course only happens when the man is consciously upon the Path.

c. Cuối cùng là sự thức tỉnh các trung tâm này qua tiến trình điểm đạo. Dĩ nhiên điều này chỉ xảy ra khi con người có ý thức ở trên Đường Đạo.

5. The centres determine the man's point of evolution as far as his phenomenal expression is concerned; they work directly upon the physical body through the medium [38] of the endocrine system. This point should be borne in mind, for the future occult healer will approach his patient with this knowledge. He will then work through those centres and glands which govern the particular area of the body wherein the disease or discomfort is located. The time, however, for this has not yet come, for man's ignorance is great. Over-stimulation of the centres, and consequently of the glands, could easily be brought about, and the diseased condition might be stimulated also and increased, instead of dissipated or healed.

5. Các trung tâm quyết định điểm tiến hoá của con người *xét theo biểu hiện hiện tượng của y*; chúng tác động trực tiếp lên thể xác qua trung gian [38] của hệ nội tiết. Điểm này cần được ghi nhớ, vì nhà chữa lành huyền bí trong tương lai sẽ tiếp cận bệnh nhân của mình với tri thức này. Khi ấy y sẽ làm việc qua những trung tâm và tuyến kiểm soát khu vực đặc thù của cơ thể nơi bệnh tật hay sự khó chịu tọa lạc. Tuy nhiên, thời điểm cho việc này vẫn chưa đến, vì sự vô minh của con người còn lớn. Sự kích thích quá mức các trung tâm, và do đó các tuyến, có thể dễ dàng bị gây ra, và tình trạng bệnh cũng có thể bị kích thích và gia tăng, thay vì được làm tiêu tan hay chữa lành.

A. Uncontrolled and Ill-Regulated Emotion.

A. Cảm xúc không được kiểm soát và điều hòa kém.

Given these basic facts, it can be seen how wrong emotional attitudes and a general unhealthy condition of the astral body must be potent factors in producing discomfort and disease. This is due to the fact that the vital or etheric bodies of the masses of humanity are governed primarily and swept into activity through the action of the astral body. Agitation in that body, any violent activity under stress of temper, intense worry or prolonged irritation will pour a stream of astral energy into and through the solar plexus centre, and will galvanise that centre into a condition of intense disturbance. This next affects the stomach, the pancreas, the gall duct and bladder. Few people (and I might well ask who is exempt at this particular time in the world's history) are free from indigestion, from undesirable gastric conditions, or from trouble connected with the gall bladder.

Với những sự kiện căn bản này, có thể thấy những thái độ cảm xúc sai lầm và tình trạng không lành mạnh nói chung của thể cảm dục hẳn phải là những yếu tố mạnh mẽ gây ra sự khó chịu và bệnh tật. Điều này là do thể sinh lực hay thể dĩ thái của quần chúng nhân loại chủ yếu bị chi phối và bị cuốn vào hoạt động qua tác động của thể cảm dục. Sự kích động trong thể ấy, bất kỳ hoạt động dữ dội nào dưới áp lực của nóng giận, lo âu mãnh liệt hay bực bội kéo dài sẽ tuôn một dòng năng lượng cảm dục vào và xuyên qua trung tâm tùng thái dương, và sẽ kích hoạt trung tâm đó vào một trạng thái xáo trộn dữ dội. Điều này tiếp theo ảnh hưởng đến dạ dày, tuyến tụy, ống mật và túi mật. Ít người nào (và tôi hoàn toàn có thể hỏi ai là người được miễn trừ vào thời điểm đặc biệt này trong lịch sử thế giới) thoát khỏi chứng khó tiêu, khỏi những tình trạng dạ dày không mong muốn, hay khỏi những rắc rối liên quan đến túi mật.

The tendency to criticism, to violent dislikes, and to hatreds based on criticism or a superiority complex, produces much of the acidity from which the majority of people suffer. I would like to add in passing that I am here generalising. So many people are prone to an inferiority complex [39] in relation to themselves, but to a superiority complex where their relation to other people is concerned! Stomachic physical plane effects are closely tied up with the desire aspect of the physical body, which finds expression in the eating and drinking of that which is desired, leading subsequently to those attacks of biliousness to which so many are prone.

Khuynh hướng chỉ trích, những ác cảm dữ dội, và những hận thù dựa trên sự chỉ trích hay mặc cảm tự cao tạo ra phần lớn chứng tăng axit mà đa số người ta phải chịu. Nhân tiện tôi muốn nói thêm rằng ở đây tôi đang khái quát hóa. Rất nhiều người có xu hướng mắc mặc cảm tự ti [39] đối với chính mình, nhưng lại mắc mặc cảm tự cao trong mối quan hệ với người khác! Những hậu quả nơi dạ dày trên cõi hồng trần gắn chặt với *phương diện dục vọng* của thể xác, vốn tìm thấy sự biểu hiện trong việc ăn uống những gì mình ham muốn, rồi sau đó dẫn đến những cơn rối loạn mật mà rất nhiều người dễ mắc phải.

I offer these above illustrations to demonstrate the effect of the prevalent wrong attitudes to life and people which today distinguish mankind and produce the above mentioned conditions.

Tôi đưa ra những minh họa trên để chứng minh tác động của những thái độ sai lầm phổ biến đối với sự sống và con người, những điều ngày nay đặc trưng cho nhân loại và tạo ra các tình trạng đã nêu trên.

The ills which are based on criticism, upon hatred, and upon the capacity to judge each other (usually unkindly) work through from the throat centre to the solar plexus. This inter-relation existing between the centres is one that has never been properly considered. The centres in the etheric body pass varying kinds of energies amongst themselves, and a great deal of the energy transmitted from one centre to another is undesirable, flowing from the centres below the diaphragm to those above.

Những bệnh tật dựa trên sự chỉ trích, trên hận thù, và trên khả năng phán xét lẫn nhau (thường là thiếu thiện ý) tác động từ trung tâm cổ họng xuống tùng thái dương. Mối tương quan hiện hữu giữa các trung tâm này là điều chưa bao giờ được xem xét đúng mức. Các trung tâm trong thể dĩ thái truyền qua lại giữa chúng nhiều loại năng lượng khác nhau, và rất nhiều năng lượng được truyền từ trung tâm này sang trung tâm khác là không mong muốn, chảy từ các trung tâm dưới cơ hoành lên các trung tâm phía trên.

The physical body (etheric and dense) can be pictured as a house with two telephonic installations—one bringing in energies from without the house and the other being in the nature of a house telephone from room to room. The analogy is far more accurate than appears to the casual thinker. In every modern house, light and water and gas and telephonic interchange are brought. Light, the symbol of the soul; water, the symbol of the emotions; telephonic interchange, the symbol of mind with its intercommunication of knowledges; and gas, the symbol of the etheric nature.

Thể xác (dĩ thái và đậm đặc) có thể được hình dung như một ngôi nhà với hai hệ thống điện thoại—một hệ thống đưa năng lượng từ bên ngoài ngôi nhà vào và hệ thống kia có tính chất như điện thoại nội bộ từ phòng này sang phòng khác. Sự tương đồng này chính xác hơn nhiều so với điều mà người suy nghĩ hời hợt nhận ra. Trong mọi ngôi nhà hiện đại, ánh sáng, nước, khí đốt và sự liên lạc điện thoại đều được đưa vào. Ánh sáng, biểu tượng của linh hồn; nước, biểu tượng của cảm xúc; sự liên lạc điện thoại, biểu tượng của trí tuệ với sự truyền thông tri thức của nó; và khí đốt, biểu tượng của bản chất dĩ thái.

It is interesting and saddening to note that that which at present goes out of the average house is the refuse that is undesirable—this is the correspondence to that which is [40] selfish and sad and the demand for the satisfaction of personal needs and desires.

Thật thú vị mà cũng đáng buồn khi lưu ý rằng điều hiện nay đi ra khỏi ngôi nhà trung bình là rác thải không mong muốn—đây là sự tương ứng với điều [40] ích kỷ và buồn bã cùng với đòi hỏi thỏa mãn các nhu cầu và dục vọng cá nhân.

It can be seen, therefore, why I have so emphatically impressed the need of harmlessness upon all of you, for it is the scientific method, par excellence and esoterically speaking, of cleaning house and of purifying the centres. Its practice clears the clogged channels and permits the entrance of the higher energies.

Do đó có thể thấy vì sao tôi đã nhấn mạnh mạnh mẽ đến nhu cầu về *tính vô tổn hại* nơi tất cả các bạn, vì đó là phương pháp khoa học, tuyệt hảo nhất và nói theo huyền bí học, để dọn sạch ngôi nhà và thanh lọc các trung tâm. Việc thực hành nó làm thông các kênh bị tắc nghẽn và cho phép các năng lượng cao hơn đi vào.

The emotional causes of disease and the mental attitudes which produce physical discomfort are at this particular time those which are the most prevalent. When they are persisted in over a long period of time, and are carried over from life to life, they cause the more violent aspects of the conditions referred to above, and from them serious and destructive diseases can emerge, necessitating, for instance, the removal of the gall bladder or those operations incident to the appearance of chronic gastric ulcers. Other diseases grow from a constant pandering to the desire nature, though sexual diseases come under another category. It can be seen from the above how desirable it is that the true healer should combine in himself, not only a measure of esoteric knowledge, but—until he is an initiate—something of psychology, something of the work of a magnetic healer, and also be a trained medical man or surgeon.

Các nguyên nhân cảm xúc của bệnh tật và những thái độ trí tuệ tạo ra sự khó chịu nơi thể xác hiện nay là những điều phổ biến nhất. Khi chúng được duy trì trong một thời gian dài, và được mang từ đời này sang đời khác, chúng gây ra những phương diện dữ dội hơn của các tình trạng đã nói ở trên, và từ đó những bệnh nghiêm trọng và có tính hủy hoại có thể xuất hiện, chẳng hạn đòi hỏi phải cắt bỏ túi mật hoặc những cuộc phẫu thuật đi kèm với sự xuất hiện của loét dạ dày mãn tính. Những bệnh khác phát sinh từ việc liên tục nuông chiều bản chất dục vọng, dù các bệnh tình dục thuộc một loại khác. Từ những điều trên có thể thấy điều mong muốn biết bao là nhà chữa lành chân chính phải kết hợp trong chính mình không chỉ một mức độ tri thức huyền bí, mà còn—cho đến khi y là một điểm đạo đồ—một phần nào tâm lý học, một phần nào công việc của một nhà chữa lành từ tính, và đồng thời phải là một bác sĩ hay phẫu thuật gia được đào tạo.

Much of the healing now done is worse than useless, because the three above mentioned conditions are lacking. Most doctors, especially those who are called general practitioners, are good psychologists and they have also a sound knowledge of symptoms and of anatomy and of curative measures which are usually lacking in the average metaphysical healer. But they are entirely ignorant of one great field of knowledge—that concerning the energies

Phần lớn việc chữa lành hiện nay còn tệ hơn là vô ích, vì thiếu ba điều kiện nêu trên. Hầu hết các bác sĩ, đặc biệt là những người được gọi là bác sĩ đa khoa, đều là những nhà tâm lý học giỏi và họ cũng có tri thức vững chắc về triệu chứng, giải phẫu học và các biện pháp chữa trị mà nhà chữa lành siêu hình trung bình thường thiếu. Nhưng họ hoàn toàn không biết một lĩnh vực tri thức lớn—đó là lĩnh vực liên quan đến các năng lượng gặp gỡ và giao chiến trong cơ cấu con người

which meet and war within the human frame and of the [41] potencies which can be set in motion if certain esoteric truths are admitted in place. Until they work with the etheric body and study the science of the centres, they can make little further progress. The esoteric healer knows much about the inner forces and energies and has some understanding of the basic causes of the exoteric diseases, but his ignorance of man's mechanism is deplorable, and he fails to realise two things:

và những [41] tiềm lực có thể được khởi động nếu một số chân lý huyền bí được chấp nhận đúng chỗ. Chừng nào họ chưa làm việc với thể dĩ thái và nghiên cứu khoa học về các trung tâm, họ còn ít có thể tiến xa hơn. Nhà chữa lành huyền bí biết nhiều về các mãnh lực và năng lượng bên trong và có phần nào thấu hiểu các nguyên nhân căn bản của các bệnh ngoại môn, nhưng sự thiếu hiểu biết của y về bộ máy của con người thật đáng tiếc, và y không nhận ra hai điều:

First, that disease is sometimes the working out into manifestation of undesirable subjective conditions. These, when externalised and brought to the surface of the human body, can then be known, dealt with and eliminated. It is well to remember also that sometimes this working out and elimination may well bring about the death of that particular body. But the soul goes on. One short life counts for very little in the long cycle of the soul, and it is counted well worthwhile if a period of ill health (even if it eventuates in death) brings about the clearing away of wrong emotional and mental conditions.

Thứ nhất, bệnh tật đôi khi là sự vận hành đi vào biểu hiện của những tình trạng chủ quan không mong muốn. Khi những tình trạng này được ngoại hiện và đưa lên bề mặt của thân thể con người, khi ấy chúng có thể được biết đến, được xử lý và được loại bỏ. Cũng nên nhớ rằng đôi khi sự vận hành và loại bỏ này rất có thể dẫn đến cái chết của thân thể cụ thể ấy. Nhưng linh hồn vẫn tiếp tục. Một đời sống ngắn ngủi có giá trị rất ít trong chu kỳ dài của linh hồn, và hoàn toàn đáng giá nếu một giai đoạn sức khỏe kém (ngay cả khi kết thúc bằng cái chết) đem lại sự quét sạch những tình trạng cảm xúc và trí tuệ sai lầm.

Second, disease is sometimes incident upon and part of the process of the withdrawal of the soul from its habitation. This we call death, and it can come quickly and unexpectedly when the soul withdraws with suddenness from its body. Or death can spread itself over a long period of time, and the soul may take several months or years for its slow and gradual emergence from the body, with the body dying by inches all the time.

Thứ hai, bệnh tật đôi khi là điều đi kèm và là một phần của tiến trình linh hồn rút ra khỏi nơi cư ngụ của nó. Chúng ta gọi điều này là cái chết, và nó có thể đến nhanh chóng và bất ngờ khi linh hồn đột ngột rút khỏi thân thể của nó. Hoặc cái chết có thể trải ra trong một thời gian dài, và linh hồn có thể mất vài tháng hay vài năm để từ từ và dần dần thoát ra khỏi thân thể, trong khi thân thể cứ chết dần từng chút một suốt thời gian đó.

There is not sufficient knowledge yet among healers to enable them to deal with wisdom

Hiện nay giữa các nhà chữa lành vẫn chưa có đủ tri thức để giúp họ xử lý những vấn đề

in these matters. We might therefore conclude that: [42]

này một cách minh triết. Vì vậy chúng ta có thể kết luận rằng: [42]

1. Disease is a purificatory process, carried out in order to produce a purer expression, life aroma, influence and soul usefulness. When this is the case, a cure is possible.

1. Bệnh tật là một tiến trình thanh lọc, được thực hiện nhằm tạo ra một biểu hiện, hương thơm sự sống, ảnh hưởng và tính hữu dụng của linh hồn tinh khiết hơn. Khi là trường hợp này, việc chữa khỏi là có thể.

2. Disease can be a gradual and slow process of dying and of thus releasing the soul. A cure then will not be possible, though palliative and ameliorative measures are needed and should most certainly be used. The length of the life can be prolonged, but a permanent and final cure is out of the question. This the average mental healer fails to realise. They make a horror out of death, whereas death is a beneficent friend.

2. Bệnh tật có thể là một tiến trình chết dần dần và chậm chạp, nhờ đó giải phóng linh hồn. Khi ấy việc chữa khỏi sẽ không thể có, dù các biện pháp giảm nhẹ và cải thiện là cần thiết và chắc chắn nên được sử dụng. Thời gian sống có thể được kéo dài, nhưng một sự chữa khỏi thường trực và cuối cùng là điều không thể. Nhà chữa lành trí tuệ trung bình không nhận ra điều này. Họ biến cái chết thành một điều kinh hoàng, trong khi cái chết là một người bạn nhân từ.

3. Disease can be the sudden and final call to the body to relinquish the soul and set it free for other service.

3. Bệnh tật có thể là tiếng gọi đột ngột và cuối cùng đối với thể xác để từ bỏ linh hồn và giải thoát nó cho một sự phụng sự khác.

In all these cases everything possible should be done from the standpoint of modern medical and surgical science and the allied sciences of which there are today so many. Much too can be done from the angle of mental and spiritual healing, aided by the science of psychology. Some day there must come cooperation in these various fields and a synthesising of their efforts.

Trong mọi trường hợp này, mọi điều có thể đều nên được thực hiện từ quan điểm của khoa học y khoa và phẫu thuật hiện đại cùng các khoa học liên hệ mà ngày nay có rất nhiều. Cũng có thể làm được nhiều điều từ góc độ chữa lành bằng trí tuệ và tinh thần, được hỗ trợ bởi khoa học tâm lý học. Một ngày nào đó phải có sự hợp tác trong các lĩnh vực khác nhau này và sự tổng hợp các nỗ lực của chúng.

I have earlier pointed out that the astral body is the prime motivating factor in the lives of the majority. This is caused by the fact that:

Trước đây tôi đã chỉ ra rằng thể cảm dục là yếu tố thúc đẩy chính trong đời sống của đa số người ta. Điều này là do sự kiện rằng:

1. It is the body in which the bulk of human beings are today centering their consciousness.

1. Đó là thể cảm dục, trong đó phần lớn nhân loại ngày nay đang tập trung tâm thức của mình.

2. It is the most developed of the bodies at this time, and therefore receives the bulk of the life energy as it comes down the life stream, from the soul, and likewise receives the energy of the stream of consciousness. [43]

2. Đó là thể cảm dục, thể phát triển nhất vào thời điểm này, và vì thế tiếp nhận phần lớn năng lượng sự sống khi nó đi xuống theo dòng sự sống từ linh hồn, đồng thời cũng tiếp nhận năng lượng của dòng tâm thức. [43]

3. It is oriented, if I may so express it, outwards or towards the plane of physical experience. That orientation shifts at times and, temporarily in the case of the aspirant, turns inwards. Just as the centres in man, the "lotuses of life," are depicted as turned downwards and with the stalk upwards in the undeveloped man, but are turned upwards in the case of the developed, so there are conditions in the astral body analogous to this. In the case of the highly evolved man, of the initiate or the Master, the astral body is steadily oriented towards the soul. In the mystic, the aspirant and the disciple, the process of thus definitely changing the direction of the forces is going on and producing, therefore, a temporary chaos.

3. Nó được định hướng, nếu tôi có thể nói như vậy, ra bên ngoài hay hướng về cõi kinh nghiệm hồng trần. Sự định hướng ấy đôi khi thay đổi và, tạm thời trong trường hợp người chí nguyện, quay vào bên trong. Cũng như các trung tâm nơi con người, "những hoa sen của sự sống," được mô tả là quay xuống dưới và cuống quay lên trên nơi con người chưa phát triển, nhưng lại quay lên trên trong trường hợp người đã phát triển, thì trong thể cảm dục cũng có những điều kiện tương tự như vậy. Trong trường hợp con người tiến hoá cao, điểm đạo đồ hay Chân sư, thể cảm dục được định hướng vững chắc về phía linh hồn. Trong nhà thần bí, người chí nguyện và đệ tử, tiến trình thay đổi dứt khoát hướng đi của các mãnh lực như thế đang diễn ra và vì vậy tạo ra một tình trạng hỗn loạn tạm thời.

4. The astral body of man, being the latest to develop (the physical and the etheric being the first two in order of time) is still the most alive and potent. It reached its acme of development in late Atlantean days and its potency is still great, constituting the mass potency, the mass emphasis, and the mass polarisation. This is also augmented by energies coming from the animal kingdom, which is entirely astral in its point of attainment.

4. Thể cảm dục của con người, vì là thể phát triển sau cùng (thể xác và thể dĩ thái là hai thể đầu tiên theo thứ tự thời gian), vẫn còn sống động và mạnh mẽ nhất. Nó đạt đến cực điểm phát triển vào cuối thời Atlantis và sức mạnh của nó vẫn còn lớn, cấu thành sức mạnh quần chúng, sự nhấn mạnh quần chúng, và sự phân cực quần chúng. Các năng lượng đến từ giới động vật còn tăng cường điều này, vốn hoàn toàn là cảm dục trong điểm thành tựu của nó.

I would remind you here that the use of the word "body" is most misleading and unfortunate. It produces in the consciousness the idea of a defined form and a specific shape. The astral body is an aggregate of forces, working through into the consciousness in the form of desires, impulses, longings, wishes, determinations, incentives, and projections, thus laying the basis for much of the truth of the teachings of modern psychology. Psychologists have discovered (or rather uncovered) the nature of some of these forces, and their terminology in this connection is frequently more truly occult and accurate than is that of [44] the orthodox esotericist and theosophist.

Tôi muốn nhắc bạn ở đây rằng việc dùng từ "thân thể" rất dễ gây hiểu lầm và đáng tiếc. Nó tạo ra trong tâm thức ý niệm về một hình thể xác định và một hình dạng đặc thù. Thể cảm dục là một tập hợp các mãnh lực, tác động vào tâm thức dưới hình thức các dục vọng, xung lực, khát khao, ước muốn, quyết tâm, động cơ thúc đẩy, và các sự phóng chiếu, nhờ đó đặt nền tảng cho phần lớn chân lý trong giáo huấn của tâm lý học hiện đại. Các nhà tâm lý học đã khám phá ra (hay đúng hơn là đã vén lộ) bản chất của một số mãnh lực này, và thuật ngữ của họ trong mối liên hệ này thường huyền bí và chính xác hơn thuật ngữ của [44] nhà bí truyền học và nhà Thông Thiên Học chính thống.

It may be of interest to you if I do two things. First of all, give you some technical information in connection with the working through of the forces from the astral plane into the physical body, and then give you the effects of that working through, as they take the form—owing to man's wrong use of them—of disease and the many varying disorders to which man is prone. With their cure we are not at this time concerned. I am here simply laying down the structure of fact upon which we can later base our conclusions. We shall, in this connection, only consider the average man. The problems of the disciple will be dealt with under Part I.4.

Có thể bạn sẽ thấy thú vị nếu tôi làm hai việc. Trước hết, cung cấp cho bạn một số thông tin kỹ thuật liên quan đến sự tác động xuyên qua của các mãnh lực từ cõi cảm dục vào thể xác, rồi sau đó nêu ra các hiệu quả của sự tác động ấy, khi chúng mang hình thức—do con người sử dụng sai chúng—của bệnh tật và nhiều chứng rối loạn khác nhau mà con người dễ mắc phải. Hiện nay chúng ta không quan tâm đến việc chữa trị chúng. Ở đây tôi chỉ đơn giản đặt ra cấu trúc của các sự kiện mà sau này chúng ta có thể dựa vào đó để xây dựng các kết luận của mình. Trong mối liên hệ này, chúng ta sẽ chỉ xét con người trung bình. Các vấn đề của đệ tử sẽ được bàn đến trong Phần I.4.

I pointed out earlier that the three major groups of diseases for the masses are—

Trước đây tôi đã chỉ ra rằng ba nhóm bệnh chính đối với quần chúng là—

1. Tuberculosis.

1. Bệnh lao.

2. The social diseases, as they are called: the venereal diseases and syphilis.

2. Các bệnh xã hội, như chúng được gọi: các bệnh hoa liễu và giang mai.

3. Cancer.

To these we must add two other groups of disease which predominantly affect those who are a little above the average and whose general level of intelligence is higher than that of the mass; this includes also the aspirants of the world.

4. Heart diseases, but not what is called heart failure.

5. The nervous diseases so prevalent at this time.

These five groups of disease, and their various sub-divisions are responsible for the bulk of the physical ills which attack humanity. A right grasp of their preponderating causes will be of definite assistance to future medicine. How much will be accepted is at this time doubtful.

I would like to point out here that, as you well know, there are physical correspondences to the seven centres of [45] forces located in the etheric body, and fed from the astral body. These we call the endocrine glands. These glands are effects of or testifying evidence to, the centres, and are in their turn initiating causes of lesser effects in the physical body. It will be of value if we here tabulate some of the things we know, and aid comprehension.

3. Ung thư.

Vào đó chúng ta phải thêm hai nhóm bệnh khác, chủ yếu ảnh hưởng đến những người cao hơn mức trung bình đôi chút và có trình độ thông minh chung cao hơn quần chúng; điều này cũng bao gồm những người chí nguyện của thế giới.

4. Bệnh tim, nhưng không phải điều được gọi là suy tim.

5. Các bệnh thần kinh rất phổ biến vào thời điểm này.

Năm nhóm bệnh này, cùng các phân nhóm khác nhau của chúng, chịu trách nhiệm cho phần lớn các bệnh tật thể xác tấn công nhân loại. Sự nắm bắt đúng đắn các nguyên nhân chủ yếu của chúng sẽ là một trợ giúp rõ rệt cho y học tương lai. Hiện nay còn đáng ngờ là bao nhiêu điều trong đó sẽ được chấp nhận.

Tôi muốn chỉ ra ở đây rằng, như bạn đã biết rõ, có những đối phần hồng trần với bảy trung tâm [45] mãnh lực nằm trong thể dĩ thái và được nuôi dưỡng từ thể cảm dục. Chúng ta gọi chúng là các tuyến nội tiết. Các tuyến này là những hiệu quả của, hay bằng chứng xác nhận cho, các trung tâm, và đến lượt chúng lại là những nguyên nhân khởi phát của các hiệu quả nhỏ hơn trong thể xác. Sẽ có giá trị nếu ở đây chúng ta lập bảng một số điều mình biết và hỗ trợ sự thấu hiểu.

	Trung tâm	Tuyến	Các Cơ quan Thể chất	Loại Mãnh lực	Nguồn gốc	Thân thể
	Centre	*Gland*	*Physical Organs*	*Type of Force*	*Origin*	*Body*

1.	Đầu. Brahmarandra. Hoa sen 1.000 cánh.	Tuyến tùng	Phần trên của bộ não. Mắt phải	Ý chí tinh thần. Tổng hợp. Năng động.	Atma. Chân thần qua linh hồn. Ý chí.	Thể nguyên nhân. Bảo Châu trong hoa sen.
	Head Brahmarandra. 1000-petalled lotus.	*Pineal*	*Upper brain Right eye*	*Spiritual will. Synthetic. Dynamic.*	*Atma Monad via soul Will.*	*Causal body. Jewel in the lotus.*
	nhà huyền bí học.	điểm đạo đồ.	Chân sư.	Chi phối sau Cuộc Điểm Đạo thứ ba.		
	Occultist.	*Initiate.*	*Master.*	*Dominant after 3rd Initiation.*		
2.	Luân xa giữa hai mắt. Luân xa ajna	Tuyến yên.	Phần dưới của bộ não. Mắt trái. Mũi. Hệ thần kinh.	Mãnh lực linh hồn. Bác ái. Từ tính. Ánh sáng. Trực giác. Linh thị.	Toàn bộ các cánh hoa của hoa sen chân ngã.	Hiện thể Bồ đề. Thể nguyên nhân. Thượng trí.
	Centre between the eyes. Ajna centre	*Pituitary body.*	*Lower brain. Left eye. Nose. Nervous system.*	*Soul force Love. Magnetic. Light. Intuition. Vision.*	*Petals of egoic lotus, as a whole.*	*Buddhic vehicle Causal body. Higher mental.*
	người chí nguyện.	đệ tử.	Nhà thần bí.	Chi phối sau Cuộc Điểm Đạo thứ hai.		
	Aspirant.	*Disciple.*	*Mystic.*	*Dominant after 2nd Initiation.*		
3.	Tim. Anahata.	Tuyến ức	Tim. Hệ tuần hoàn. Máu. Cả dây thần kinh phế vị.	Mãnh lực sự sống. Tâm thức nhóm	Các cánh hoa bác ái	Thượng trí. Thể nguyên nhân.
	Heart. Anahata.	*Thymus*	*Heart Circulatory system. Blood. Also Vagus nerve.*	*Life force Group consciousness*	*Love petals*	*Higher. mental. Causal body.*
	Mọi loại Người Tinh thần.			Chi phối sau Cuộc Điểm Đạo thứ nhất.		
	All types of Spiritual People.			*Dominant after 1st Initiation.*		
4.						thể trí.

	Luân xa cổ họng	Tuyến giáp	Bộ máy hô hấp. Ống tiêu hóa	Năng lượng sáng tạo. Âm thanh. Ngã thức	Các cánh hoa tri thức	
	Throat centre	*Thyroid*	*Breathing apparatus. Alimentary canal*	*Creative energy. Sound. Self-consciousness*	*Knowledge petals*	*Mental body.*
	Các Nghệ sĩ Sáng tạo.		Toàn bộ nhân loại tiến bộ.		Giới Trí thức.	
	Creative Artists.		*All advanced humanity.*		*The Intelligentsia.*	
5.	tùng thái dương	Tuyến tụy	Dạ dày. Gan. Túi mật. Hệ thần kinh.	Mãnh lực cảm dục. Cảm xúc. Dục vọng. Xúc giác.	Các trung tâm cảm dục	thể cảm dục.
	Solar plexus	*Pancreas*	*Stomach. Liver. Gall bladder. Nervous system.*	*Astral force. Emotion. Desire. Touch.*	*Astral centres*	*Astral body.*
	Nhân loại trung bình.			Những người thông thường.		
	Average humanity.			*Ordinary people.*		
6.	Luân xa xương cùng.	Các tuyến sinh dục	Các cơ quan sinh dục	Mãnh lực sự sống. Mãnh lực cõi hồng trần. Năng lượng sinh lực. Sự sống động vật	cõi hồng trần	thể dĩ thái.
	Sacral centre.	*Gonads*	*Sex organs*	*Life force. Physical plane force. Vital energy. Animal life*	*Physical plane*	*Etheric body.*
			Những người thuộc loại động vật cấp thấp.			
			Low grade animal type of men.			
7.	Đáy cột sống. Muladhara.	Các tuyến thượng thận	Thận. Cột sống.	Năng lượng ý chí. Sự sống vũ trụ. Kundalini	Mẹ của Thế Giới.	
	Base of spine. Muladhara.	*Adrenals*	*Kidneys Spinal column.*	*Will energy. Universal life. Kundalini*	*The Mother of the World.*	

[46] This tabulation is simply an outline and, like the tabulation of the principles and their correspondences, as given by H.P.B. in the third volume of The Secret Doctrine, its interpretation will be dependent upon the point of view of the student. We shall employ it later and add further columns to it and further correspondences. In all our considerations, what we have to say will have the following synthesis of structure behind it:

[46] Bảng này chỉ là một phác thảo và, giống như bảng về các nguyên khí và các đối phần của chúng do H.P.B. đưa ra trong quyển ba của Giáo Lý Bí Nhiệm, sự diễn giải nó sẽ tùy thuộc vào quan điểm của đạo sinh. Chúng ta sẽ dùng nó về sau và thêm vào đó các cột khác cùng các đối phần khác nữa. Trong mọi xem xét của chúng ta, điều chúng ta phải nói sẽ có sự tổng hợp cấu trúc sau đây ở phía sau:

1. The soul.

1. Linh hồn.

2. The subtler bodies of the mind and the emotions, which are simply qualified energy centres.

2. Các thể vi tế hơn của trí và cảm xúc, vốn chỉ đơn giản là các trung tâm năng lượng được phẩm tính hóa.

3. The vital body with its seven major centres of force.

3. Thể sinh lực với bảy trung tâm mãnh lực chính của nó.

4. The endocrine system, which is an effect of the seven centres, and the determining controlling factor in the physical body of man.

4. Hệ nội tiết, là một hiệu quả của bảy trung tâm, và là yếu tố quyết định kiểm soát trong thể xác của con người.

5. The nervous system in its three divisions.

5. Hệ thần kinh trong ba phân bộ của nó.

6. The blood stream.

6. Dòng máu.

All the subsidiary organs of man are effects; they are not pre-determining causes. The determining causes in man, and that which makes him what he is, are the glands. They are externalisations of the types of force pouring through the etheric centres from the subtler worlds of being. They express the point in evolution which the man has reached; they are vital and active or non-vital and inactive, according to the condition of the centres. They demonstrate a

Tất cả các cơ quan phụ thuộc của con người đều là các hiệu quả; chúng không phải là những nguyên nhân tiền quyết định. Những nguyên nhân quyết định nơi con người, và điều làm cho y là chính y, là các tuyến. Chúng là những sự ngoại hiện của các loại mãnh lực tuôn qua các trung tâm dĩ thái từ những thế giới vi tế hơn của bản thể. Chúng biểu lộ điểm tiến hoá mà con người đã đạt đến; chúng sinh động và hoạt động hoặc không sinh động và bất hoạt, tùy theo tình

sufficiency, an oversufficiency or a deficiency, according to the condition of the etheric vortices.

trạng của các trung tâm. Chúng biểu lộ sự đầy đủ, quá đầy đủ hoặc thiếu hụt, tùy theo tình trạng của các xoáy dĩ thái.

Again, the process of control may be stated to be via the nervous system; the close interlocking directorate of the nervous system, the brain and the blood stream (as a carrier of the life principle) governs the activities of the man—conscious, sub-conscious, self-conscious, and finally, [47] super-conscious. The three centres in supreme control today for the majority are:

Một lần nữa, tiến trình kiểm soát có thể được nói là diễn ra qua hệ thần kinh; sự điều hành liên kết chặt chẽ của hệ thần kinh, bộ não và dòng máu (với tư cách là vật mang nguyên khí sự sống) chi phối các hoạt động của con người—hữu thức, tiềm thức, ngã thức, và cuối cùng, [47] siêu thức. Ba trung tâm hiện nay nắm quyền kiểm soát tối cao đối với đa số là:

1. The ajna centre, the centre between the eyebrows.

1. Trung tâm ajna, trung tâm giữa hai chân mày.

2. The solar plexus.

2. Tùng thái dương.

3. The sacral centre.

3. Trung tâm xương cùng.

Eventually, when man will have “become that which he is” (that paradoxical esoteric phrase), the centres of control will be:

Cuối cùng, khi con người sẽ “trở thành điều mà y là” (cụm từ huyền bí nghịch lý ấy), các trung tâm kiểm soát sẽ là:

1. The head centre, the brahmarandra.

1. Trung tâm đầu, brahmarandra.

2. The heart centre.

2. Trung tâm tim.

3. The centre at the base of the spine.

3. Trung tâm ở đáy cột sống.

Between the present and the future, the emphasis will be laid upon a constantly shifting triplicity, and each man will be different from his fellowmen as to emphasis, as to the conditions of his centres, as to their glandular correspondences in the physical body, and therefore as to the diseases and the ills, inhibitions, and difficulties to which his flesh will fall heir. It is in this connection that it becomes obvious that the work of the physician and of the psychologist must

Giữa hiện tại và tương lai, sự nhấn mạnh sẽ được đặt lên một bộ ba luôn luôn thay đổi, và mỗi người sẽ khác với đồng loại của mình về sự nhấn mạnh, về tình trạng các trung tâm của mình, về các đối phần tuyến của chúng trong thể xác, và do đó về các bệnh tật, sự ức chế và khó khăn mà xác thân của y sẽ thừa hưởng. Chính trong mối liên hệ này mà trở nên hiển nhiên rằng công việc của bác sĩ và của nhà tâm lý học cuối cùng phải song

eventually go hand in hand. The three most important aspects of all diagnoses are:

hành với nhau. Ba phương diện quan trọng nhất của mọi chẩn đoán là:

1. The psychological, or the gauging of the inner bodies of man from the angle of their development, their integration and the total coordination of the personality, as these subtler aspects of the human being express themselves in consciousness.

1. *Tâm lý học*, hay sự đánh giá các thể bên trong của con người từ góc độ sự phát triển của chúng, sự tích hợp của chúng và sự phối hợp tổng thể của phàm ngã, khi các phương diện vi tế hơn này của con người biểu lộ trong tâm thức.

2. The work of the endocrinologist, as he deals with the endocrine glands, viewing them as power stations through which energy—dynamic and illuminating—can pour through from the centres.

2. *Công việc của nhà nội tiết học,* khi ông xử lý các tuyến nội tiết, xem chúng như những trạm năng lượng qua đó năng lượng—năng động và soi sáng—có thể tuôn qua từ các trung tâm.

3. The physician, who, taking into consideration the conclusions of the two above experts, diagnoses the [48] disease, and treats it in collaboration with the other two.

3. *Bác sĩ,* người, có xét đến các kết luận của hai chuyên gia trên, chẩn đoán [48] bệnh và điều trị nó trong sự cộng tác với hai người kia.

These three may call in other experts and specialists in electro-therapy, osteopathy and chiropractic, but it is in the combination of the knowledge of the physician, the psychologist and the endocrinologist that the medical profession can take on a new expression of usefulness, and enter the new age equipped to deal with the people who will gradually assume the new types and a changing physical organism. Electricity, in relation to human ills, is as yet an infant science, but it has in it the germs of the new techniques and methods of healing. The work done by the chiropractors is good and needed but should, with osteopathy, constitute a definite subsidiary technique to that of the other three. The work of the chiropractors and of the osteopaths forms two halves of one whole, little as their practitioners may like to recognise it. The former group need a more careful and

Ba người này có thể mời thêm các chuyên gia và nhà chuyên môn khác về điện trị liệu, nắn xương và chỉnh cột sống, nhưng chính trong sự kết hợp tri thức của bác sĩ, nhà tâm lý học và nhà nội tiết học mà ngành y có thể mang lấy một biểu hiện hữu dụng mới, và bước vào kỷ nguyên mới được trang bị để xử lý những con người sẽ dần dần mang những loại hình mới và một cơ thể hồng trần đang thay đổi. Điện lực, trong mối liên hệ với các bệnh tật của con người, hiện vẫn là một khoa học non trẻ, nhưng trong nó có những mầm mống của các kỹ thuật và phương pháp chữa lành mới. Công việc do các nhà chỉnh cột sống thực hiện là tốt và cần thiết nhưng, cùng với nắn xương, nên cấu thành một kỹ thuật phụ trợ xác định cho kỹ thuật của ba ngành kia. Công việc của các nhà chỉnh cột sống và của các nhà nắn xương tạo thành hai nửa của một toàn thể, dù những người hành nghề của họ có ít thích thừa nhận điều đó đến đâu. Nhóm trước cần được

lengthy training, and a higher standard of technical knowledge should be required.

đào tạo cẩn thận và lâu dài hơn, và một tiêu chuẩn tri thức kỹ thuật cao hơn cần được đòi hỏi.

Medicine is entering slowly into a new usefulness. Once the cause of disease is shifted out of an organ or bodily system into a more subtle and vital realm, we shall see radical and needed changes, leading to simplification and not to a greater complexity and difficulty.

Y học đang chậm rãi bước vào một tính hữu dụng mới. Một khi việc truy tìm nguyên nhân của bệnh tật chuyển từ một cơ quan hay hệ thống cơ thể sang một lĩnh vực vi tế và sinh lực hơn, chúng ta sẽ thấy những thay đổi triệt để và cần thiết, dẫn đến sự đơn giản hóa chứ không phải đến sự phức tạp và khó khăn lớn hơn.

From the above remarks it will be seen that disease emerges into the physical body from the world of the unseen, and from the use, or misuse, of the subtler forces on the inner planes. It must be remembered, however, that disease—as it expresses itself in man—can be generally regarded as due to the following causes, and students would do well to have this most carefully in mind as they ponder on these matters:

Từ những nhận xét trên sẽ thấy rằng bệnh tật xuất hiện vào thể xác từ thế giới vô hình, và từ việc sử dụng, hay sử dụng sai, các mãnh lực vi tế hơn trên các cõi bên trong. Tuy nhiên, cần nhớ rằng bệnh tật—khi nó biểu lộ nơi con người—nói chung có thể được xem là do các nguyên nhân sau đây, và các đạo sinh nên hết sức cẩn thận ghi nhớ điều này khi suy ngẫm về các vấn đề ấy:

1. Individual disease, due to interior conditions in a man's own equipment, to his mental state, or to an emotional [49] condition which can produce serious ills. This is inherited from the past.

1. Bệnh cá nhân, do những điều kiện nội tại trong chính bộ máy của một người, do trạng thái trí tuệ của y, hoặc do một tình trạng cảm xúc [49] có thể tạo ra những bệnh nghiêm trọng. Điều này được thừa hưởng từ quá khứ.

2. Disease inherent in humanity as a whole. There are certain diseases to which all men are prone; the germs of these diseases are latent in the physical vehicles of the majority of men, only awaiting predisposing conditions in order to manifest. They might be regarded as group diseases.

2. Bệnh vốn có trong toàn thể nhân loại. Có những bệnh nhất định mà mọi người đều dễ mắc; mầm mống của các bệnh này tiềm ẩn trong các vận cụ hồng trần của đa số người ta, chỉ chờ những điều kiện tạo khuynh hướng để biểu lộ. Chúng có thể được xem như những bệnh nhóm.

3. Diseases which are, curiously enough, accidental. To these a man falls heir when, for instance, he succumbs to some infectious or contagious complaint.

3. Những bệnh, kỳ lạ thay, là ngẫu nhiên. Một người thừa hưởng chúng khi, chẳng hạn, y mắc phải một chứng bệnh truyền nhiễm hay lây lan nào đó.

4. Diseases inherent in the soil. Of these as yet but little is known. The soil of our earth, however, is very ancient, and is impregnated with disease germs which take their toll of the vegetable, animal and human kingdoms, manifesting differently in each, yet being due basically to the same causes.

4. Những bệnh vốn có trong đất. Về những bệnh này hiện vẫn biết rất ít. Tuy nhiên, đất của Trái Đất chúng ta rất cổ xưa, và đã thấm đầy các mầm bệnh gây tổn hại cho giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại, biểu lộ khác nhau trong mỗi giới, nhưng về căn bản đều do cùng những nguyên nhân.

5. Diseases which are the difficulties of mysticism. These are the peculiar ills and complaints which attack the disciples and aspirants of the world. These can be traced in every case to the pouring in of energy through centres which are not properly equipped, or adequately developed, to handle the force.

5. Những bệnh là các khó khăn của thần bí học. Đây là những bệnh và chứng đặc thù tấn công các đệ tử và người chí nguyện của thế giới. Trong mọi trường hợp, chúng có thể được truy nguyên về sự tuôn vào của năng lượng qua các trung tâm chưa được trang bị đúng mức, hay chưa phát triển đầy đủ, để xử lý mãnh lực.

The above is a generalisation which may be found useful.

Những điều trên là một *sự khái quát hóa* có thể thấy hữu ích.

The method whereby these astral forces (which are, as we know, preeminently the determining life forces for the majority of men at this time) work out into manifestation is a relatively simple matter. In the astral vehicle of expression there are, as you may realise, the correspondences of the seven centres in the etheric body. These are essentially the seven major focal points of force, and each of them is expressive of one of the seven ray energies. Let me first of all make clear which centres express these seven ray types:[50]

Phương pháp nhờ đó các mãnh lực cảm dục này (vốn, như chúng ta biết, hiện nay nổi bật là các mãnh lực sự sống quyết định đối với đa số người ta) vận hành đi vào biểu hiện là một vấn đề tương đối đơn giản. Trong vận cụ biểu hiện cảm dục có, như bạn có thể nhận ra, các đối phần của bảy trung tâm trong thể dĩ thái. Về bản chất, đây là bảy tiêu điểm mãnh lực chính, và mỗi tiêu điểm biểu lộ một trong bảy năng lượng cung. Trước hết, hãy để tôi làm rõ những trung tâm nào biểu lộ bảy loại cung này:[50]

	Trung tâm	cung	phẩm tính	Nguồn gốc
	Centre	*Ray*	*Quality*	*Origin*
1.	Luân xa đầu	Thứ nhất	Ý Chí Thiêng Liêng.	chân thần
	Head Centre	*1st*	*The Divine Will.*	*Monadic*

2.	Luân xa ajna	Thứ bảy	Tổ chức. Phương hướng.	atma
	Ajna Centre	*7th*	*Organisation. Direction.*	*Atmic*
3.	Luân xa tim	Thứ hai	Bác Ái – Minh Triết. Tình thương nhóm.	Bồ đề
	Heart Centre	*2nd*	*Love-Wisdom. Group love.*	*Buddhic*
4.	Luân xa cổ họng	Thứ năm	Khả năng sáng tạo.	Trí tuệ
	Throat Centre	*5th*	*Creativity.*	*Mental*
5.	tùng thái dương	Thứ sáu	Cảm xúc. Dục vọng.	cảm dục
	Solar Plexus	*6th*	*Emotion. Desire.*	*Astral*
6.	Luân xa xương cùng	Thứ ba	Sinh sản.	dĩ thái.
	Sacral Centre	*3rd*	*Reproduction.*	*Etheric.*
7.	đáy cột sống	Thứ tư	Hài hòa. Kết hợp thông qua xung đột.	Hồng trần
	Base of Spine	*4th*	*Harmony. Union through conflict.*	*Physical*

Note: In the fourth kingdom, the human, it is the energy of the fourth ray which, cooperating with the first ray, eventually brings synthesis. There is a close relation between the highest centre (the head centre), and that at the base of the spine. This fourth type of energy thus expresses itself in cooperation with the first type because we are still Atlantean in our polarisation, and that civilisation was the fourth in order. It is very largely the work done in our fifth civilisation, our present Aryan race, which will, in cooperation with the fifth principle of the mind, bring a shift into a higher level of consciousness. This will produce a harmonising of all the centres through an act of the will, intellectually and

Lưu ý: Trong giới thứ tư, giới nhân loại, chính năng lượng của cung bốn, hợp tác với cung một, cuối cùng mang lại sự tổng hợp. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa trung tâm cao nhất (trung tâm đầu), và trung tâm ở đáy cột sống. Loại năng lượng thứ tư này do đó biểu lộ trong sự hợp tác với loại thứ nhất vì sự phân cực của chúng ta vẫn mang tính Atlantis, và nền văn minh ấy là nền văn minh thứ tư theo thứ tự. Chính phần lớn công việc được thực hiện trong nền văn minh thứ năm của chúng ta, nhân loại Arya hiện nay của chúng ta, sẽ, trong sự hợp tác với nguyên khí thứ năm của trí tuệ, mang lại một sự chuyển dịch lên một cấp độ tâm thức cao hơn. Điều này sẽ tạo ra sự hài hòa hóa mọi trung tâm bằng một hành động của ý

intelligently applied, with the objective of producing harmony. This point warrants thought.

chí, được áp dụng một cách trí tuệ và thông minh, với mục tiêu tạo ra sự hài hòa. Điểm này đáng để suy ngẫm.

On the astral plane there will also be found in every astral body seven corresponding focal points through which energy can enter, raying forth then into the vital centres in the etheric physical body as seven differentiated types of force. These types of force produce both bad and good effects, according to the quality of the negative dense physical body. These differ according to the type of ray or force, and it may be interesting if I here indicate to you the good and the bad effects and the corresponding diseases. [51]

Trên cõi cảm dục cũng sẽ được tìm thấy trong mỗi thể cảm dục bảy tiêu điểm tương ứng qua đó năng lượng có thể đi vào, rồi từ đó phát ra vào các trung tâm sinh lực trong thể hồng trần dĩ thái như bảy loại mãnh lực phân biệt. Các loại mãnh lực này tạo ra cả hiệu quả xấu lẫn tốt, tùy theo phẩm tính của thể hồng trần đậm đặc âm. Chúng khác nhau tùy theo loại cung hay mãnh lực, và có thể sẽ thú vị nếu ở đây tôi chỉ cho bạn các hiệu quả tốt và xấu cùng các bệnh tương ứng. [51]

Mãnh lực cảm dục	Trung tâm	Phương diện Xấu	Bệnh	Phương diện Tốt
Astral Force	*Centre*	*Bad Aspect*	*Disease*	*Good Aspect*
cung một. Ý chí hay Quyền năng.	Đầu	Tự thương hại. Cái Tôi thích phô diễn	Cự Giải.	Hi sinh. Sự hiến mình của cái Tôi.
First ray. Will or Power.	*Head*	*Self-pity. The Dramatic I*	*Cancer.*	*Sacrfice. Dedication of the I.*
cung hai. Bác Ái – Minh Triết.	Tim	Tự yêu mình. Phàm ngã.	Rối loạn tim. Rối loạn dạ dày.	Tình thương Linh hồn. Tình thương Nhóm.
Second ray. Love-Wisdom.	*Heart*	*Self-love. Personality.*	*Heart trouble. Stomach trouble.*	*Soul Love. Group Love.*
Cung ba. Hoạt động.	xương cùng	Tính dục. Hoạt động quá mức.	Các bệnh xã hội.	Tình thương cha mẹ. Sự sống nhóm.
Third ray. Activity.	*Sacral*	*Sexuality. Over-activity.*	*Social diseases.*	*Parental love. Group life.*
	ajna	Ích kỷ. Giáo điều.	Các chứng loạn trí.	Thần bí học.

Cung bốn. Hài hòa.				
Fourth ray Harmony.	*Ajna*	*Selfishness. Dogmatism.*	*Insanities.*	*Mysticism.*
Cung năm. Tri thức.	Cổ họng	Thông linh bậc thấp.	Chuyển hóa sai lệch. Một số bệnh ung thư.	Khả năng sáng tạo. Sự nhạy cảm. Cảm hứng
Fifth ray. Knowledge.	*Throat*	*Lower psychism.*	*Wrong metabolism. Certain Cancers.*	*Creativity. Sensitivity. Inspiration*
Cung sáu. Sùng tín.	tùng thái dương	Tính thiên về cảm xúc.	Các bệnh thần kinh. Viêm dạ dày. Rối loạn gan.	Khát vọng. Phương hướng đúng đắn.
Sixth ray. Devotion.	*Solar Plexus*	*Emotionalism.*	*Nervous diseases. Gastritis. Liver trouble.*	*Aspiration. Right direction.*
Cung bảy. Tổ chức.	Đáy cột sống.	Tư lợi. Ích kỷ thuần túy. Hắc thuật.	Các bệnh tim. Các khối u.	Chánh Thuật.
Seventh ray. Organisation.	*Base of the spine.*	*Self-interest. Pure selfishness. Black Magic.*	*Heart diseases. Tumors.*	*White Magic.*

[52] Please remember in studying this tabulation that it is a generalisation, and only a partial listing of the types of disease which can be the result of the inflow of energy. It is only intended to be suggestive; the complexity of the human equipment and the intricacy of the ray energies are such that no hard and fast rules can be laid down. The ray forces manifest differently, according to ray type and point in evolution. There is therefore no contradiction here to the previous tabulations. If you bear in mind that every human being is basically an expression of five ray forces:

1. The ray of the soul,

[52] Xin nhớ khi nghiên cứu bảng này rằng đó là một sự khái quát hóa, và chỉ là một danh sách từng phần các loại bệnh có thể là kết quả của dòng năng lượng tuôn vào. Nó chỉ nhằm gợi ý; sự phức tạp của bộ máy con người và tính rắc rối của các năng lượng cung là như thế nên không thể đặt ra những quy luật cứng nhắc. Các mãnh lực cung biểu lộ khác nhau, tùy theo loại cung và điểm tiến hoá. Vì vậy ở đây không có mâu thuẫn nào với các bảng trước. Nếu bạn ghi nhớ rằng mỗi con người về căn bản là một biểu hiện của năm mãnh lực cung:

1. Cung của linh hồn,

2. The ray of the personality,

3. The ray governing the mental body,

4. The ray governing the astral equipment,

5. The ray of the physical nature,

it will become apparent that for the average person two such tabulations would have to be drawn up.

1. There would be required the positive analysis of the astral forces as they express the personality.

2. An analysis of the soul forces as they are faintly indicated. A negative analysis concerning what is not present in the equipment can be of little value here.

It will again be necessary to have an analysis of the forces, playing through into the physical body from the astral plane, which are received directly from the soul and are therefore a combination of soul-force plus the highest type of astral energy. This would be in the nature of a synthetic analysis and would only be possible in the case of a disciple or an initiate. You will therefore eventually have for each person: [53]

1. A positive analysis of the personality forces, primarily of the astral force as that is the predominating force pouring into the etheric centres.

2. A negative analysis of those aspects of soul energy which are not present.

2. Cung của phàm ngã,

3. Cung chi phối thể trí,

4. Cung chi phối bộ máy cảm dục,

5. Cung của bản chất hồng trần,

thì sẽ trở nên hiển nhiên rằng đối với người trung bình cần phải lập hai bảng như vậy.

1. Cần có sự phân tích *những yếu tố hiện hữu của* các mãnh lực cảm dục khi chúng biểu lộ phàm ngã.

2. Một sự phân tích các mãnh lực linh hồn như chúng được chỉ ra một cách mờ nhạt. Một sự phân tích những yếu tố vắng mặt liên quan đến điều không hiện diện trong bộ máy thì ở đây ít có giá trị.

Một lần nữa, sẽ cần có một sự phân tích các mãnh lực tác động xuyên vào thể xác từ cõi cảm dục, được tiếp nhận trực tiếp từ linh hồn và do đó là một sự kết hợp của mãnh lực linh hồn cộng với loại năng lượng cảm dục cao nhất. Điều này sẽ có tính chất của một sự phân tích tổng hợp và chỉ có thể thực hiện trong trường hợp một đệ tử hay một điểm đạo đồ. Vì vậy cuối cùng bạn sẽ có đối với mỗi người: [53]

1. Một sự phân tích các mãnh lực phàm ngã hiện hữu, chủ yếu là mãnh lực cảm dục vì đó là mãnh lực trội hơn tuôn vào các trung tâm dĩ thái.

2. Một sự phân tích sự vắng mặt của những phương diện của năng lượng linh hồn không hiện diện.

3. A synthetic analysis, based on both the above. but combining also the record of positive soul expression.

In these tabulations and statements I have given you much food for thought.

B. Desire, Inhibited or Rampant.

It would be of value to you here if I made clear that one of the first things a student has to remember is that—for the majority of human beings, for the huge majority—the influences and impulses which emanate from the astral plane are a predisposing factor in all matters with which the individual concerns himself, apart from those conditions which (being imposed upon him from his environment and the period in which he lives) are, for him, unavoidable. The astral plane is a centre of dynamic emanating force, which is fundamentally conditioning in its effect because of the stage of the individual consciousness at which that majority finds itself. Men are swayed by the impulse of desire of a high or low calibre. This is, of course, a broad generalisation, for that basic condition is becoming steadily modified by impulses coming from the mental plane. This necessarily complicates the problem. Influences emanating from the soul are also becoming appreciably present, and still further complicate the problem of the advanced human being. This "problem of complication" (if I might so call it) constitutes a "hard saying" for the student to understand in relation to his own physical condition or to that of any one whom he may be seeking to help.

[54]

3. Một sự phân tích tổng hợp, dựa trên cả hai điều trên, nhưng cũng kết hợp ghi nhận về sự biểu lộ linh hồn thực sự hiện hữu.

Trong các bảng và các phát biểu này tôi đã cho bạn nhiều điều đáng suy ngẫm.

B. Dục vọng bị kìm hãm hoặc buông thả.

Ở đây sẽ có giá trị cho bạn nếu tôi làm rõ rằng một trong những điều đầu tiên mà đạo sinh phải nhớ là—đối với đa số con người, đối với đại đa số—những ảnh hưởng và xung lực phát ra từ cõi cảm dục là một yếu tố tạo khuynh hướng trong mọi vấn đề mà cá nhân quan tâm đến, ngoài những điều kiện vốn được áp đặt lên y từ môi trường và thời kỳ mà y đang sống, và vì thế đối với y là không thể tránh khỏi. Cõi cảm dục là một trung tâm của mãnh lực phát xạ năng động, về căn bản có tác dụng *định hình* vì giai đoạn tâm thức cá nhân mà đa số ấy đang ở. Con người bị chi phối bởi xung lực của dục vọng thuộc phẩm cấp cao hay thấp. Dĩ nhiên đây là một sự khái quát rộng, vì điều kiện căn bản ấy đang đều đặn được biến đổi bởi các xung lực đến từ cõi trí. Điều này tất yếu làm vấn đề phức tạp thêm. Những ảnh hưởng phát ra từ linh hồn cũng đang hiện diện một cách đáng kể, và càng làm phức tạp thêm vấn đề của con người tiến bộ. "Vấn đề của sự phức tạp" này (nếu tôi có thể gọi như vậy) là một "lời khó hiểu" đối với đạo sinh khi tìm cách thấu hiểu nó trong mối liên hệ với tình trạng thể xác của chính mình hay của bất kỳ ai mà y có thể đang tìm cách giúp đỡ.

[54]

I should like here, in this connection, to give you the third of the Laws which govern the sacred art of healing.

Ở đây, trong mối liên hệ này, tôi muốn trao cho bạn định luật thứ ba trong các Định luật chi phối nghệ thuật thiêng liêng của sự chữa lành.

LAW III

ĐỊNH LUẬT III

Diseases are an effect of the basic centralisation of a man's life energy. From the Plane whereon those energies are focussed, proceed those determining conditions which produce ill health, and which, therefore, work out as disease or as freedom from disease.

Bệnh tật là một hiệu quả của sự tập trung căn bản của năng lượng sự sống của con người. Từ Cõi nơi các năng lượng ấy được tập chú, phát sinh những điều kiện quyết định tạo ra sức khỏe kém, và vì thế biểu lộ thành bệnh tật hoặc thành sự tự do khỏi bệnh tật.

It will be apparent to you, therefore, that a shift of the inner attention (the mental attitude) of the patient can and will produce either real freedom from physical ills or an intensification of those reactions which produce discomfort, disease or death.

Do đó, hiển nhiên với bạn rằng một sự chuyển dịch của sự chú ý bên trong (thái độ trí tuệ) của bệnh nhân có thể và sẽ tạo ra hoặc sự giải thoát thực sự khỏi các bệnh tật thể xác hoặc sự tăng cường những phản ứng tạo ra khó chịu, bệnh tật hay cái chết.

In the three laws which I have given you and which you now have before you for consideration, it is obvious that the following facts emerge. These should form the basis of your reflection:

Trong ba định luật mà tôi đã trao cho bạn và hiện bạn đang có trước mắt để suy xét, rõ ràng là các sự kiện sau đây xuất hiện. Chúng nên tạo thành nền tảng cho sự suy tư của bạn:

1. Disease is the result of the blocking of the free flow of the life of the SOUL.

1. Bệnh tật là kết quả của sự ngăn chặn dòng chảy tự do của sự sống của LINH HỒN.

2. It is the product, or the result, of three influences:

2. Nó là sản phẩm, hay kết quả, của ba ảnh hưởng:

a. Ancient error, emanating from the past history of the person involved.

a. Sai lầm cổ xưa, phát ra từ lịch sử quá khứ của người liên hệ.

b. Human taints, inherited because one is a member of the human family.

b. Những ô nhiễm của nhân loại, được thừa hưởng vì người ta là một thành viên của gia đình nhân loại.

c. Planetary evil, imposed upon all forms on earth by the basic condition, and by time.

c. Điều ác hành tinh, áp đặt lên mọi hình tướng trên Trái Đất bởi điều kiện căn bản và bởi thời gian.

3. It is conditioned by the forces emanating from that plane whereon a man's consciousness is primarily centred.

3. Các mãnh lực phát ra từ cõi nơi con người chủ yếu tập trung tâm thức định hình bệnh tật.

To the above statements should be added a further fact, already mentioned, that: [55]

Vào các phát biểu trên cần thêm một sự kiện nữa, đã được nhắc đến, rằng: [55]

4. There are five major groups of diseases, with their allied complaints and subsidiary diseases.

4. Có năm nhóm bệnh chính, cùng với các chứng bệnh liên hệ và các bệnh phụ thuộc của chúng.

a. Tuberculosis.

a. Lao.

b. The syphilitic diseases.

b. Các bệnh giang mai.

c. Cancer.

c. Ung thư.

d. Heart difficulties.

d. Các chứng bệnh tim.

e. Nervous diseases.

e. Các bệnh thần kinh.

I am not dividing what I have to say into organic and functional troubles, nor do I here refer to illnesses induced by epidemics or by accidents. I refer to those basic taints or predispositions that are the dubious heritage of humanity as a whole, and to those difficulties which are incident to those stages in evolutionary development which are characteristic of those upon the more advanced stages of the Path. It will be seen, therefore, that man comes into incarnation having inherited predispositions to disease which come:

Tôi không phân chia điều tôi phải nói thành các rối loạn thực thể và chức năng, cũng không đề cập ở đây đến các bệnh do dịch bệnh hay do tai nạn gây ra. Tôi nói đến những ô nhiễm căn bản hay những khuynh hướng dễ mắc bệnh vốn là di sản đáng ngờ của toàn thể nhân loại, và đến những khó khăn gắn liền với các giai đoạn phát triển tiến hoá vốn là đặc trưng của những người ở các giai đoạn cao hơn trên Đường Đạo. Do đó, sẽ thấy rằng con người đi vào lâm phàm với những khuynh hướng dễ mắc bệnh được thừa hưởng từ:

1. From his own past; i.e., effects which are the result of causes initiated in earlier incarnations.

1. Quá khứ riêng của y; tức là các hậu quả là kết quả của những nguyên nhân đã được khởi phát trong các kiếp sống trước.

2. From the general racial heritage of humanity.

2. Di sản chủng tộc chung của nhân loại.

3. From the condition of the planetary life. These latter causes lift the whole problem out of the usual comprehension of the average man.

3. Tình trạng của sự sống hành tinh. Những nguyên nhân sau cùng này đưa toàn bộ vấn đề vượt ra ngoài sự thấu hiểu thông thường của người trung bình.

A human being is also predisposed to trouble if he has succeeded (as a result of a long evolutionary history) in awakening in some fashion, however slight, the centres above the diaphragm. The moment that that occurs he becomes subject, for a long cycle of lives, to difficulties connected with the heart or with the nervous system in its various branches. Frequently an advanced human being, such as an aspirant or a disciple, may have freed himself from the inherited taints, but will succumb to heart trouble, to nervous disorders, mental imbalance, and overstimulation. They are [56] classified occasionally as the "diseases of the Mystics."

Một con người cũng dễ mắc rối loạn nếu y đã thành công (do kết quả của một lịch sử tiến hoá lâu dài) trong việc đánh thức theo một cách nào đó, dù rất nhẹ, các trung tâm ở phía trên cơ hoành. Ngay khi điều đó xảy ra, trong một chu kỳ dài của nhiều kiếp sống, y trở nên dễ mắc các khó khăn liên quan đến tim hoặc hệ thần kinh trong các phân nhánh khác nhau của nó. Thường thường một con người tiến bộ, như một người chí nguyện hay một đệ tử, có thể đã giải thoát mình khỏi các ô nhiễm di truyền, nhưng lại khuất phục trước bệnh tim, các rối loạn thần kinh, sự mất quân bình trí tuệ, và sự kích thích quá mức. Chúng đôi khi được [56] xếp loại là "các bệnh của các nhà thần bí."

I would like to make it clear that it is not my intention to enter into the realm of physiological discussion, to elaborate the symptoms of disease, or to deal with the lesions, the pathological conditions, and the distressing details attendant upon the breakdown of any human organism. I am not going to write a treatise on anatomy or on the various sciences which have grown up from a study of the mechanism of the human being, connected as they are with the framework and structure, the organs, nerves, brain tissue and interrelated systems which compose that intricate piece of

Tôi muốn nói rõ rằng ý định của tôi không phải là đi vào lĩnh vực bàn luận sinh lý học, khai triển các triệu chứng của bệnh tật, hay đề cập đến các thương tổn, các tình trạng bệnh lý, và những chi tiết đau đớn đi kèm với sự suy sụp của bất kỳ cơ thể con người nào. Tôi sẽ không viết một luận thuyết về giải phẫu học hay về các khoa học khác nhau đã phát triển từ việc nghiên cứu bộ máy của con người, liên hệ như chúng vốn có với khung sườn và cấu trúc, các cơ quan, dây thần kinh, mô não và các hệ thống tương liên hợp thành cỗ máy phức tạp ấy, tức thân

machinery, the human body. As far as the exoteric science is concerned, two things would successfully deter me:

thể con người. Xét theo khoa học ngoại môn, có hai điều sẽ ngăn tôi làm như vậy:

1. The whole subject is marvelously dealt with in the many books which embody the literature of medicine and of surgery. There is little that I could add which would be of profit in such a discussion as this.

1. Toàn bộ chủ đề này đã được xử lý một cách kỳ diệu trong nhiều sách thuộc văn liệu y học và phẫu thuật. Tôi có rất ít điều có thể thêm vào mà lại có ích trong một cuộc bàn luận như thế này.

2. The readers of my words are not, with few exceptions, versed in the construction and constitution of the human body; and pathological details, the description of diseases, and the various unpleasant symptoms of human degeneration are unwholesome reading for the average man or woman. A little knowledge along these lines can be a most dangerous thing.

2. Những người đọc lời tôi, trừ rất ít ngoại lệ, không tinh thông về cấu tạo và cơ chế của thân thể con người; và các chi tiết bệnh lý, sự mô tả bệnh tật, cùng các triệu chứng khó chịu khác nhau của sự suy thoái nơi con người là loại đọc không lành mạnh đối với người nam hay nữ trung bình. Một ít hiểu biết theo những đường hướng này có thể là một điều cực kỳ nguy hiểm.

I seek to deal primarily with causes, with the inner sources of dis-ease and deal with those states of consciousness (I do not say states of mind only) which induce wrong functioning, and eventually wrong conditions.

Tôi chủ yếu tìm cách đề cập đến các *nguyên nhân*, đến các *nguồn gốc* bên trong của bệnh tật và đề cập đến những trạng thái tâm thức (tôi không chỉ nói các trạng thái trí tuệ) gây ra sự vận hành sai lệch, và cuối cùng là các tình trạng sai lệch.

The problem of the healer, therefore, is twofold: First, he must know whether the difficulty lies above or below the diaphragm; this takes him definitely into the realm of occult as well as of psychological knowledge. Secondly, he must [57] have a clear grasp of the patient's inner emphasis; this last aids him in the diagnosis of the first.

Do đó, vấn đề của người chữa bệnh có hai mặt: Thứ nhất, y phải biết khó khăn nằm ở trên hay dưới cơ hoành; điều này đưa y dứt khoát vào lĩnh vực của tri thức huyền bí cũng như tri thức tâm lý học. Thứ hai, y phải [57] nắm thật rõ trọng điểm bên trong của bệnh nhân; điều sau cùng này giúp y chẩn đoán điều thứ nhất.

This statement brings me to the formulation of the third Rule for Healers.

Phát biểu này đưa tôi đến việc hình thành Quy luật thứ ba cho những người chữa bệnh.

RULE THREE

QUY LUẬT BA

Let the healer train himself to know the inner stage of thought or of desire of the one

Hãy để nhà trị liệu tự rèn luyện để biết trạng thái nội tâm về tư tưởng hay dục vọng của

who seeks his help. He can thereby know the source from which the trouble comes. Let him relate the cause and the effect, and know the point exact through which relief must come.

người tìm đến nhờ y giúp đỡ. Nhờ đó y có thể biết nguồn gốc từ đó rối loạn phát sinh. Hãy để y liên hệ nguyên nhân với kết quả và biết chính xác điểm mà qua đó sự giảm nhẹ phải đến.

I would like to call your attention to those last few words, and would emphasise to you the fact that disease primarily is an effort on the part of the natural physical body to seek relief and achieve release from inner pressures, from subjective inhibitions and hidden retentions. Primarily, from the point of view of esotericism, all physical disease is the result of:

Tôi muốn lưu ý các bạn về mấy lời cuối ấy, và nhấn mạnh rằng bệnh tật chủ yếu là một nỗ lực của thể xác tự nhiên nhằm tìm sự giảm nhẹ và thoát khỏi những áp lực bên trong, những ức chế nội tại và những sự ứ giữ ẩn kín. Theo quan điểm của huyền bí học, mọi bệnh tật của thể xác chủ yếu là kết quả của:

1. Wrong stimulation, or overstimulation, or wrongfully placed stimulation and of inner tensions in some part of the mechanism.

1. Sự kích thích sai lệch, hoặc kích thích quá mức, hoặc kích thích không đúng vị trí, cùng với những căng thẳng bên trong ở một bộ phận nào đó của bộ máy.

2. Inhibitions, psychical starvation, and those accumulated subjective forces which dam the flow of the life forces.

2. Những ức chế, tình trạng thiếu nuôi dưỡng về mặt thông linh, và những mãnh lực nội tại tích tụ làm ngăn dòng lưu chuyển của các mãnh lực sự sống.

You will see, therefore, that again (in the domain of health) all problems resolve themselves into the right use and the correct handling of force, in order to effect the free flow of energy.

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rằng một lần nữa, trong lĩnh vực sức khỏe, mọi vấn đề đều quy về việc sử dụng đúng đắn và vận dụng chính xác mãnh lực, nhằm giúp năng lượng lưu chuyển thông suốt.

The following questions will inevitably arise: From whence come these inherited taints? Is it possible to arrive at their source? The problem of the past, and the present effects of that past, is too vast for consideration, nor can any statements anent the situation possibly help humanity. [58] One generalisation I can, however, make, and even that may convey but little to your understanding.

Những câu hỏi sau đây tất yếu sẽ nảy sinh: Những ô nhiễm di truyền này đến từ đâu? Có thể truy đến nguồn gốc của chúng không? Vấn đề của quá khứ, và các hậu quả hiện tại của quá khứ ấy, quá rộng lớn để xem xét, và cũng không có phát biểu nào liên quan đến tình trạng ấy có thể giúp ích cho nhân loại. [58] Tuy nhiên, tôi có thể đưa ra một khái quát, và ngay cả điều đó cũng có thể truyền đạt rất ít đến sự thấu hiểu của bạn.

Of the three major diseases which have been inherited from the past, it might be said that the syphilitic or so-called social diseases are remainders of the excesses indulged in in Lemurian times; they are of such ancient origin that the very soil is permeated with the germs of these diseases—a fact quite unknown to modern science. Down the ages, men have suffered from these groups of infections; they have died and been buried and in their millions have contributed their quota of infection to the earth. In Lemurian times, the emphasis of the life force was upon the physical body, upon its development, its use and control, and also upon its perpetuation or reproduction. It was in Lemurian times that troubles connected with the misuse of the sex life began; this was, in a peculiar sense, the essential primeval evil, and concerning this fact, ancient legends and hints are found throughout the earliest records and writings. There is much misinterpreted testimony to this effect, and when men can read the records more correctly and with right interpretation, they will understand the way out, because they will see more clearly the underlying causes.

Về ba bệnh lớn được thừa hưởng từ quá khứ, có thể nói rằng các bệnh giang mai hay cái gọi là các bệnh xã hội là tàn dư của những sự thái quá được buông thả trong thời Lemuria; chúng có nguồn gốc cổ xưa đến mức chính đất đai cũng đã thấm đầy mầm bệnh của các bệnh này—một sự kiện hoàn toàn không được khoa học hiện đại biết đến. Qua các thời đại, con người đã chịu đựng các nhóm nhiễm bệnh này; họ đã chết và được chôn cất, và hàng triệu người trong số họ đã góp phần lây nhiễm của mình vào lòng đất. Trong thời Lemuria, trọng điểm của mãnh lực sự sống đặt trên thể xác, trên sự phát triển, việc sử dụng và kiểm soát nó, và cả trên sự duy trì hay sinh sản của nó. Chính trong thời Lemuria mà các rối loạn liên quan đến việc lạm dụng đời sống tính dục bắt đầu; theo một nghĩa đặc biệt, đây là điều ác nguyên thủy cốt yếu, và liên quan đến sự kiện này, các truyền thuyết cổ và những ám chỉ được tìm thấy khắp các biên niên và trước tác sớm nhất. Có nhiều chứng cứ bị diễn giải sai theo hướng này, và khi con người có thể đọc các biên niên một cách đúng đắn hơn và với sự giải thích chính xác, họ sẽ hiểu được lối thoát, bởi vì họ sẽ thấy rõ hơn các nguyên nhân nền tảng.

Cancer is a gift to modern man from the Atlantean humanity, and the scourge of this disease was the major factor which devastated the inhabitants of old Atlantis. The roots of this dire evil are deep-seated in the emotional or desire nature, and are grounded in the astral body. Cancer is partially the result of a reaction to the diseases connected with the sex life which became so rampant in later Lemurian times and early Atlantean days. The people of those times, seeing the fearful evils and the extent of the disease which grew up out of the fertile Lemurian life, resulting from the promiscuous sex life on every hand, for the

Ung thư là một món quà mà nhân loại Atlantis để lại cho con người hiện đại, và tai họa của căn bệnh này là yếu tố chính đã tàn phá cư dân của Atlantis cổ. Cội rễ của điều ác khủng khiếp này nằm sâu trong bản chất cảm xúc hay dục vọng, và được đặt nền trong thể cảm dục. Ung thư phần nào là kết quả của một *phản ứng* đối với các bệnh liên quan đến đời sống tính dục đã trở nên quá lan tràn trong thời kỳ Lemuria muộn và những ngày đầu Atlantis. Người của các thời ấy, khi thấy những điều ác đáng sợ và mức độ của bệnh tật phát sinh từ đời sống Lemuria sung mãn, do đời sống tính dục bừa bãi khắp nơi gây ra, vì mục đích tự bảo tồn

sake of self-preservation dammed back the natural flow of desire (the [59] flow of life as it expresses itself through the centres of reproduction and procreation), and this in due time produced other evils. Cancer is primarily a disease of inhibition, just as the syphilitic diseases are those of over-expression and overuse of one aspect of the mechanism of man.

đã ngăn chặn dòng chảy tự nhiên của dục vọng (dòng chảy [59] của sự sống khi nó biểu lộ qua các trung tâm sinh sản và truyền giống), và điều này đến lúc thích hợp đã tạo ra những điều ác khác. Ung thư trước hết là một bệnh của sự ức chế, cũng như các bệnh giang mai là những bệnh của sự biểu lộ quá mức và lạm dụng quá mức một phương diện của bộ máy con người.

Today, owing to the vast reaches of time involved and to the untold generations of those who have died upon the earth, the "germs" (so-called by the unlearned thinker) of the dread complaint of cancer are to be found in the very soil on which we live, infecting the vegetable kingdom and also the human family. A correspondence to the syphilitic complaints of man are to be found in the mineral kingdom.

Ngày nay, do khoảng thời gian bao la liên hệ và do vô số thế hệ đã chết trên mặt đất, các "mầm bệnh" (được nhà tư tưởng thiếu học gọi như vậy) của chứng bệnh ung thư đáng sợ có thể được tìm thấy ngay trong chính đất đai nơi chúng ta sống, lây nhiễm cho giới thực vật và cả gia đình nhân loại. Một sự tương ứng với các chứng bệnh giang mai của con người có thể được tìm thấy trong giới kim thạch.

Tuberculosis, which was devastatingly rampant at a certain stage in Atlantean times, is nevertheless a disease which has been generated principally in our Aryan race, and one which we are bequeathing to the animal kingdom and are sharing with them. This is beginning to be realised. So close, however, is the relation between men and animals (particularly the domestic animals) that they today share with men practically all his ailments in some form or another, sometimes recognisable and sometimes not. Curiously enough, the cause of this great white scourge is to be found in the fact of the shift of the life emphasis away from the emotional nature into that of the mind nature, producing a temporary starvation of the emotional nature. It is largely a disease of depletion. Cancer, in its turn, was based similarly on a previous shift of the life force from the physical body into that of the emotional nature, producing an overdevelopment of the cellular life,

Bệnh lao, tuy đã lan tràn gây tàn phá ở một giai đoạn nào đó trong thời Atlantis, vẫn là một bệnh đã được *tạo ra* chủ yếu trong nhân loại Arya của chúng ta, và là một bệnh mà chúng ta đang để lại cho giới động vật và đang cùng chia sẻ với chúng. Điều này đang bắt đầu được nhận ra. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa con người và động vật (đặc biệt là các động vật nuôi trong nhà) gần gũi đến mức ngày nay chúng chia sẻ với con người hầu như mọi bệnh tật của y dưới hình thức này hay hình thức khác, đôi khi nhận ra được và đôi khi không. Điều khá lạ là nguyên nhân của tai họa trắng lớn lao này được tìm thấy trong sự chuyển dịch trọng điểm của sự sống ra khỏi bản chất cảm xúc sang bản chất trí tuệ, tạo ra một sự đói khát tạm thời nơi bản chất cảm xúc. Phần lớn đây là một bệnh của sự suy kiệt. Đến lượt mình, ung thư cũng tương tự như vậy, được đặt nền trên một sự chuyển dịch trước đó của mãnh lực sự sống từ thể xác sang bản chất cảm xúc, tạo ra sự phát triển quá mức của sự sống tế bào, do

through overstimulation. I realise the difficulty of grasping these statements. I can only give you these unsubstantiated hints. Later discoveries alone can prove the truth of my suggestions. Let us here tabulate our conclusions: [60]

kích thích quá mức. Tôi nhận ra sự khó khăn trong việc nắm bắt các phát biểu này. Tôi chỉ có thể đưa cho bạn những gợi ý không được chứng minh này. Chỉ những khám phá về sau mới có thể chứng minh chân lý của các gợi ý của tôi. Ở đây, chúng ta hãy lập bảng các kết luận của mình: [60]

Bệnh	Giống dân	Thân thể	giới	Cơ quan
Disease	*Race*	*Body*	*Kingdom*	*Organ*
Giang mai	Lemuria	Hồng trần	Kim thạch	Các cơ quan sinh dục. Luân xa Xương cùng.
Syphilitic	*Lemurian*	*Physical*	*Mineral*	*Sex organs. Sacral Centre.*
Cự Giải	Atlantis	cảm dục	Thực vật	tùng thái dương
Cancer	*Atlantean*	*Astral*	*Vegetable*	*Solar Plexus*
Bệnh lao	Arya	Trí tuệ	Động vật	Bộ máy hô hấp. Luân xa cổ họng.
Tuberculosis	*Aryan*	*Mental*	*Animal*	*Breathing apparatus. Throat centre.*

In referring above to the centres I am referring to the centre for the distribution of the life force, wherein the emphasis for the mass will be found. From the above it will be apparent where the emphasis of the possible cure will have to lie. Already, and because it is the latest, and therefore the least deep-seated of the three major diseases inherited by modern man, we have learnt how to cure tuberculosis. It has been discovered (when the mind was intelligently applied to the problem) that sunshine and good food could cure, or at any rate arrest, the disease. It is an interesting item in the field of esoteric correspondence that just as the light of the

Khi đề cập ở trên đến các trung tâm, tôi đang nói đến trung tâm phân phối mãnh lực sự sống, nơi sẽ tìm thấy trọng điểm đối với quần chúng. Từ điều trên, sẽ rõ nơi mà trọng điểm của sự chữa trị khả dĩ phải đặt vào. Ngay từ bây giờ, và bởi vì nó là bệnh mới nhất, do đó ít ăn sâu nhất trong ba bệnh lớn được con người hiện đại thừa hưởng, chúng ta đã học được cách chữa bệnh lao. Người ta đã khám phá ra (khi trí tuệ được áp dụng một cách thông minh vào vấn đề) rằng ánh nắng mặt trời và thực phẩm tốt có thể chữa khỏi, hay ít nhất là ngăn chặn, căn bệnh này. Đây là một chi tiết thú vị trong lĩnh vực định luật tương ứng huyền bí rằng cũng như ánh

soul, pouring into the mind, can be depended upon to solve any problem, so that light of the sun and its prophylactic rays can dispel the dread symptoms of tuberculosis.

sáng của linh hồn, tuôn vào thể trí, có thể được tin cậy để giải quyết bất kỳ vấn đề nào, thì ánh sáng mặt trời và các tia phòng bệnh của nó cũng có thể xua tan các triệu chứng đáng sợ của bệnh lao.

Similarly, as the race develops right emotional control we shall see the gradual disappearance of the phenomena of cancer. I said right emotional control; inhibition and the suppression of the desire impulses by the force of the will is not right control. It is interesting also to note that though both men and women suffer from the disease of cancer, the general cause is not identical, though the basic cause (reaction from an over-expression of the sex life through the cultivation of the desire nature) remains the same. Women, owing to the risks they run in childbearing, through the turning of the life emphasis to the sex aspect of life, have revolted on a large scale (as did the Atlanteans) against this form of life expression, and it is along this line—the sex [61] line—that their major inhibitions are found. They do not suffer so much from the general inhibition of the emotional-desire-feeling expression. Men do suffer from this latter inhibition and have a tradition or a marked tendency to greater emotional control in the handling of life than have women. Men do not require or acquire so marked a sex control. The general field of their inhibited life tendency is therefore of greater extent, and consequently (if statistics can be trusted) more men suffer from cancer than do women, though it is a dread disease, feared by all.

Tương tự như vậy, khi nhân loại phát triển sự kiểm soát cảm xúc đúng đắn, chúng ta sẽ thấy hiện tượng ung thư dần dần biến mất. Tôi đã nói sự kiểm soát cảm xúc đúng đắn; sự ức chế và sự đè nén các xung lực dục vọng bằng sức mạnh của ý chí không phải là sự kiểm soát đúng đắn. Cũng thú vị khi lưu ý rằng dù cả nam lẫn nữ đều mắc bệnh ung thư, nguyên nhân chung không giống hệt nhau, mặc dù nguyên nhân *căn bản* (phản ứng từ sự biểu lộ quá mức của đời sống tính dục qua việc nuôi dưỡng bản chất dục vọng) vẫn như nhau. Phụ nữ, do những nguy cơ họ phải chịu trong việc sinh con, qua việc chuyển trọng điểm của sự sống sang phương diện tính dục của đời sống, đã phản kháng trên quy mô lớn (như người Atlantis đã làm) chống lại hình thức biểu lộ sự sống này, và chính theo đường hướng này—đường hướng tính dục [61]—mà các sự ức chế lớn nhất của họ được tìm thấy. Họ không chịu đựng nhiều đến thế sự ức chế chung của sự biểu lộ cảm xúc-dục vọng-cảm giác. Nam giới *quả thật* chịu đựng sự ức chế vừa nêu sau cùng và có một truyền thống hay một khuynh hướng rõ rệt hướng đến sự kiểm soát cảm xúc lớn hơn trong việc xử lý đời sống so với phụ nữ. Nam giới không cần đến hay đạt được sự kiểm soát tính dục rõ rệt đến thế. Do đó, lĩnh vực chung của khuynh hướng sống bị ức chế nơi họ rộng lớn hơn, và vì vậy (nếu có thể tin vào thống kê) số nam giới mắc ung thư nhiều hơn nữ giới, dù đây là một căn bệnh đáng sợ mà mọi người đều e ngại.

In the secret of right transmutation lies the cure of cancer, and this will eventually be realised. I am using this phrase not only

Trong bí mật của sự *chuyển hoá* đúng đắn có phương thuốc chữa ung thư, và điều này cuối cùng sẽ được nhận ra. Tôi dùng cụm từ

symbolically but also technically and scientifically. This again will later be seen. In the secret of right rhythmic living and in a right proportional accent upon all phases of life will come (and it is rapidly coming) complete immunity from tuberculosis. In the secret of right understanding of times and cycles and of periodic reproductive creation, will come the emergence of the race from the evils of the social diseases.

này không chỉ theo nghĩa biểu tượng mà còn theo nghĩa kỹ thuật và khoa học. Điều này rồi đây cũng sẽ được thấy. Trong bí mật của *đời sống nhịp điệu đúng đắn* và trong sự nhấn mạnh cân xứng đúng đắn trên mọi phương diện của đời sống sẽ đến (và đang đến rất nhanh) sự miễn nhiễm hoàn toàn đối với bệnh lao. Trong bí mật của *sự thấu hiểu đúng đắn về thời gian và chu kỳ* và về sự sáng tạo sinh sản có tính chu kỳ, sẽ đến việc nhân loại thoát khỏi các tai họa của những bệnh xã hội.

It will be apparent to you, therefore, that the syphilitic diseases will be the last to disappear, just as they were the first to devastate the race. Tuberculosis is disappearing. The attention of the experts is now being given to the cure of cancer.

Do đó, bạn sẽ thấy rõ rằng các bệnh giang mai sẽ là những bệnh biến mất sau cùng, cũng như chúng là những bệnh đầu tiên tàn phá nhân loại. Bệnh lao đang biến mất. Sự chú ý của các chuyên gia hiện đang được dành cho việc chữa trị ung thư.

I would like to add one or two comments which will be of general or rather modern interest. I have said that these taints to which humanity is prone are found in the soil, and that their presence there is largely due to the burial, down the ages, of millions of corpses. By the increased use of the processes of cremation, this condition will be steadily improved. Gradually, very gradually, the taint will thus die out. It is therefore highly desirable that there be as much propaganda as possible for the use of this method of [62] disposing of the discarded physical vehicles of the souls who are passing out of incarnation. As the soil becomes less tainted, and as soul contact is established, we can hope to see a steady decrease in the number of those who succumb to the inherited taints. Curiously enough, the free use of salt sea bathing has a definite effect on the healthiness of the physical body. The water, incidentally absorbed through the medium of the skin

Tôi muốn thêm một hay hai nhận xét được quan tâm nói chung, hay đúng hơn là được quan tâm trong thời hiện đại. Tôi đã nói rằng những ô nhiễm mà nhân loại dễ mắc phải này được tìm thấy trong đất, và sự hiện diện của chúng ở đó phần lớn là do việc chôn cất, qua các thời đại, hàng triệu xác chết. Với việc gia tăng sử dụng các tiến trình hỏa táng, tình trạng này sẽ được cải thiện đều đặn. Dần dần, rất dần dần, ô nhiễm ấy sẽ theo đó mà chết đi. Vì vậy, rất đáng mong muốn là phải có càng nhiều sự cổ động càng tốt cho việc sử dụng phương pháp này để [62] xử lý các vận cụ hồng trần bị bỏ lại của các linh hồn đang rời khỏi lâm phàm. Khi đất đai bớt ô nhiễm hơn, và khi sự tiếp xúc linh hồn được thiết lập, chúng ta có thể hy vọng thấy số người khuất phục trước các ô nhiễm di truyền giảm đi đều đặn. Điều khá lạ là việc thường xuyên tắm nước biển có một tác động rõ rệt lên tính lành mạnh của thể xác. Nước được hấp thụ trong lúc tắm qua da và qua miệng, có một tác dụng phòng bệnh hết sức quan trọng.

and by the mouth, has a vitally prophylactic effect.

One of the major problems today to the psychologist and in a lesser degree to the medical man, is the growth of homosexuality, both female and male. Specious arguments are brought forth in order to prove that this abnormal development (and the consequent interest in this morbid tendency) is due to the fact that the race is slowly becoming androgynous in its development, and that the future hermaphroditic man or woman is gradually making its appearance. This, again, is not true. Homosexuality is what you call a "left-over" from the sexual excesses of Lemurian times, an inherited taint, if you like. Egos who individualised and incarnated in that vast period of time are the ones who today demonstrate homosexual tendencies. In those days, so urgent was the sexual appetite, the normal processes of human intercourse did not satisfy the insatiable desire of the advanced man of the period. Soul force, flowing in through the processes of individualisation, served to stimulate the lowest centres. Hence, forbidden methods were practised. Those who thus practised them are today, in great numbers, in incarnation, and the ancient habits are too strong for them. They are now far enough advanced upon the evolutionary path so that the cure lies ready at this time—if they choose to employ it. They can, with relative ease, transfer the sex impulse to the throat centre, and thus become creative in the higher sense, employing the energy [63] sensed and circulating in right and constructive ways. Many of them are beginning automatically to do this. However, it is well known that, among the so-called artistic types, homosexuality is very prevalent. I say "so-called" for the truly

Một trong những vấn đề lớn ngày nay đối với nhà tâm lý học và ở mức độ thấp hơn đối với y sĩ, là sự gia tăng của đồng tính luyến ái, cả nữ lẫn nam. Những lập luận có vẻ hợp lý được đưa ra nhằm chứng minh rằng sự phát triển bất thường này (và sự quan tâm kéo theo đối với khuynh hướng bệnh hoạn này) là do nhân loại đang chậm rãi trở nên lưỡng tính trong sự phát triển của mình, và rằng người nam hay nữ lưỡng tính trong tương lai đang dần dần xuất hiện. Điều này, một lần nữa, *không* đúng. Đồng tính luyến ái là điều mà bạn gọi là một "tàn dư" từ những sự thái quá tính dục của thời Lemuria, một ô nhiễm di truyền, nếu bạn muốn gọi như vậy. Những chân ngã đã biệt ngã hóa và nhập thể trong giai đoạn thời gian bao la ấy là những người ngày nay biểu lộ các khuynh hướng đồng tính. Trong những ngày đó, dục vọng tính dục mãnh liệt đến mức các tiến trình giao hợp bình thường của con người không làm thỏa mãn được ham muốn vô độ của con người *tiến bộ* thời ấy. Mãnh lực linh hồn, tuôn vào qua các tiến trình biệt ngã hóa, đã phục vụ để kích thích các trung tâm thấp nhất. Vì thế, các phương pháp bị cấm đã được thực hành. Những ai đã thực hành như vậy ngày nay đang lâm phàm với số lượng lớn, và các thói quen cổ xưa quá mạnh đối với họ. Hiện nay họ đã tiến đủ xa trên con đường tiến hoá để phương thuốc đã sẵn có vào lúc này—nếu họ chọn sử dụng nó. Họ có thể, tương đối dễ dàng, chuyển dịch xung lực tính dục lên trung tâm cổ họng, và nhờ đó trở nên sáng tạo theo nghĩa cao hơn, sử dụng năng lượng [63] được cảm nhận và lưu chuyển theo những cách đúng đắn và có tính xây dựng. Nhiều người trong số họ đang tự động bắt đầu làm điều này. Tuy nhiên, ai cũng biết rằng trong số những kiểu người được gọi là nghệ sĩ, đồng tính luyến ái rất phổ biến. Tôi nói "được gọi là" vì người nghệ

creative artist is not the victim of these ancient evil predisposing habits.

sĩ thực sự sáng tạo *không* là nạn nhân của những thói quen cổ xưa xấu xa dễ dẫn đến này.

It might be pointed out here that homosexuality is of three kinds:

Ở đây có thể chỉ ra rằng đồng tính luyến ái có ba loại:

1. That which is the result of ancient evil habits. This is the major cause today and indicates:

1. Loại là kết quả của những thói quen xấu xa cổ xưa. Đây là nguyên nhân chính ngày nay và cho thấy:

a. Individualisation upon this planet; for those who individualised upon the moon chain are not susceptible to these dangerous characteristics.

a. Sự biệt ngã hóa trên hành tinh này; vì những ai đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng thì không dễ bị các đặc tính nguy hiểm này.

b. A relatively advanced stage upon the evolutionary path which was achieved by the Lemurian egos who succumbed to this desire-satisfaction.

b. Một giai đoạn tương đối tiến bộ trên con đường tiến hoá mà các chân ngã Lemuria đã đạt được, những người đã khuất phục trước sự thỏa mãn dục vọng này.

c. A consequent study of sex magic, plus a constant insatiable physical and sexual urge.

c. Hệ quả là sự nghiên cứu huyền thuật tính dục, cộng với một thôi thúc hồng trần và tính dục liên tục, vô độ.

2. Imitative homosexuality. A number of persons of all classes imitated their betters (if I might use so paradoxical a term) and so developed evil habits in sexual intercourse from which they might otherwise have remained free. This is one of the prevalent reasons today, among many men and women, and is based upon a too active imagination, plus a powerful physical or sex nature, and a prurient curiosity. This I say with advisement. This category accounts for many of our Sodomites and Lesbians.

2. Đồng tính luyến ái do bắt chước. Một số người thuộc mọi giai cấp đã bắt chước những người hơn mình (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ nghịch lý như vậy) và do đó phát triển những thói quen xấu trong giao hợp tính dục mà nếu không thì họ có thể đã tránh được. Đây là một trong những lý do phổ biến ngày nay nơi nhiều người nam và nữ, và được đặt nền trên một trí tưởng tượng hoạt động quá mức, cộng với một bản chất hồng trần hay tính dục mạnh mẽ, và một sự tò mò dâm ô. Tôi nói điều này một cách cân nhắc. Loại này giải thích cho nhiều người đồng tính nam và đồng tính nữ của chúng ta.

3. A few rare, very rare, cases of hermaphroditism. These people, combining

3. Một vài trường hợp hiếm, rất hiếm, của lưỡng tính thật sự. Những người này, kết

in themselves both aspects of the sex life, are faced with a very real problem. It is a problem which is greatly increased by human ignorance, human refusal to face facts, wrong early training and teaching, [64] and a widespread misunderstanding. These cases are to be found in small numbers everywhere, even though their numbers, in relation to the world population, is still negligible. But that they exist is of real interest to the medical profession and a subject of deep pity and commiseration to the humanitarian and the understanding psychologist. They face a difficult situation.

hợp trong chính mình cả hai phương diện của đời sống tính dục, đang đối diện với một vấn đề rất thực tế. Đó là một vấn đề bị làm tăng lên rất nhiều bởi sự thiếu hiểu biết của con người, sự từ chối đối diện sự thật của con người, sự huấn luyện và dạy dỗ sai lầm từ sớm, [64] và một sự hiểu lầm lan rộng. Những trường hợp này được tìm thấy với số lượng nhỏ ở khắp nơi, dù số lượng của họ, so với dân số thế giới, vẫn không đáng kể. Nhưng việc họ hiện hữu là điều thực sự đáng quan tâm đối với giới y khoa và là một chủ đề của lòng thương xót sâu sắc và sự cảm thông đối với nhà nhân đạo và nhà tâm lý học biết thấu hiểu. Họ đối diện với một hoàn cảnh khó khăn.

I have somewhat elaborated this matter as it is of use for you to know such facts and the information is of value to you. It serves to throw light upon a problem which an increasingly large number of people are called upon to face. Psychologists, social workers, physicians, and all those occupied with group training constantly meet with this problem, and it is just as well that some distinction is made between the types which must be considered, thus clarifying the issue. (The Problem of Sex. Pages 268-307. Esoteric Psychology Vol I)

Tôi đã khai triển phần nào vấn đề này vì việc bạn biết những sự kiện như vậy là hữu ích và thông tin này có giá trị đối với bạn. Nó giúp soi sáng một vấn đề mà ngày càng nhiều người được kêu gọi phải đối diện. Các nhà tâm lý học, nhân viên xã hội, y sĩ, và tất cả những ai bận tâm với việc huấn luyện nhóm thường xuyên gặp vấn đề này, và cũng tốt khi có một vài sự phân biệt được thực hiện giữa các loại cần được xem xét, nhờ đó làm sáng tỏ vấn đề. *(Vấn Đề Tính Dục. Trang 268-307. Tâm Lý Học Nội Môn, Tập I)*

You will find in these instructions many hints which, though they may not be classified definitely as instructions in healing, yet fall into that category, for they will make those of you who read more efficient in understanding.

Bạn sẽ tìm thấy trong các chỉ dẫn này nhiều gợi ý mà, dù có thể không được xếp loại rõ ràng là chỉ dẫn về chữa bệnh, vẫn thuộc vào loại đó, vì chúng sẽ làm cho những ai trong các bạn đọc chúng trở nên hữu hiệu hơn trong sự thấu hiểu.

You will note also from the above how this taint, as might well be expected, has its roots in the astral or sentient body, the body of sensation. It is for this reason that I have included it. It would be an interesting experiment in analysis if these various well-

Bạn cũng sẽ lưu ý từ phần trên rằng ô nhiễm này, như có thể chờ đợi, có cội rễ trong thể cảm dục hay thể cảm giác, thể cảm thọ. Chính vì lý do này mà tôi đã đưa nó vào. Sẽ là một thí nghiệm thú vị trong phân tích nếu các khó khăn, bệnh tật và chứng bệnh quen

known difficulties, diseases and complaints could be classified under their originating impulses. So few of them have a mental origin, in spite of all that Christian Science or Mental Science may say to the contrary. Perhaps I should say, rather, that they are not based on wrong human thought, though all evil can be aggravated and intensified by wrong thought. Many or perhaps most of the [65] complaints from which average man suffers are based upon astral causes or upon some clearly defined desire. A formulated desire is one that finds expression in some form of activity. Of these homosexuality is one of the clearest to define. The other diseases to which humanity is heir are sometimes not so easy to clarify and define. The man or woman is a victim but the cause producing the illness or difficulty—physical or psychological—lies hid in a long past which the victim (with his limited knowledge) is unable to investigate, nor can he arrive at the cause producing the effect. All that he can affirm is that, in all probability, desire was the initiating impulse. What human beings are today and what they suffer is the result of their long past, and the past presupposes long and well-established habits. Such habits are inevitably the result of one of two factors:

thuộc khác nhau này có thể được phân loại theo các xung lực khởi nguyên của chúng. Rất ít trong số chúng có nguồn gốc trí tuệ, bất chấp mọi điều mà Khoa Học Cơ Đốc hay Khoa Học Tinh Thần có thể nói ngược lại. Có lẽ đúng hơn tôi nên nói rằng chúng không dựa trên tư tưởng sai lầm của con người, mặc dù mọi điều ác đều có thể bị làm trầm trọng và tăng cường bởi tư tưởng sai lầm. Nhiều hay có lẽ phần lớn các [65] chứng bệnh mà con người trung bình phải chịu đựng đều dựa trên các nguyên nhân cảm dục hay trên một dục vọng được xác định rõ ràng nào đó. Một dục vọng được hình thành là dục vọng tìm được sự biểu lộ trong một hình thức hoạt động nào đó. Trong số này, đồng tính luyến ái là một trong những điều rõ ràng nhất để xác định. Các bệnh khác mà nhân loại là kẻ thừa hưởng đôi khi không dễ làm sáng tỏ và xác định đến thế. Người nam hay nữ là nạn nhân nhưng nguyên nhân tạo ra bệnh tật hay khó khăn—hồng trần hay tâm lý—lại ẩn giấu trong một quá khứ xa xưa mà nạn nhân (với tri thức hạn hẹp của mình) không thể khảo cứu, cũng không thể đi đến nguyên nhân tạo ra hậu quả. Tất cả những gì y có thể khẳng định là, rất có thể, dục vọng là xung lực khởi đầu. Con người ngày nay là gì và chịu đựng điều gì là kết quả của quá khứ lâu dài của họ, và quá khứ ấy giả định những thói quen lâu đời và đã được thiết lập vững chắc. Những thói quen như vậy tất yếu là kết quả của một trong hai yếu tố:

1. Desire, dominating and controlling action,

1. Dục vọng, chi phối và kiểm soát hành động,

or

hoặc

2. Mental control which substitutes for desire a planned campaign which will run counter in many cases to the normally sensed, defined desire.

2. Sự kiểm soát trí tuệ thay thế dục vọng bằng một chiến dịch có kế hoạch, trong nhiều trường hợp sẽ đi ngược lại dục vọng bình thường được cảm nhận và xác định.

You will note from the above that it is my wish that you grasp the importance of the emotional sentient body and its power to initiate those secondary causes which, in this life, demonstrate as disease.

Bạn sẽ lưu ý từ phần trên rằng điều tôi mong muốn là bạn nắm được tầm quan trọng của thể cảm giác cảm xúc và quyền năng của nó trong việc khởi phát những nguyên nhân thứ yếu mà, trong kiếp này, biểu lộ thành bệnh tật.

You will note consequently the emphasis I have laid upon the astral body as a promoter of wrong physical conditions, and the necessity for astral understanding and control on the part of the patient, if there is to be a true overcoming of disease. Will you understand me if I say that the true overcoming may mean an acceptance of the Way of Death as the way out, should it come normally, or of healing, if the causes [66] which are the initial impulses are exhausted? Ponder on this.

Do đó, bạn sẽ lưu ý sự nhấn mạnh mà tôi đã đặt vào thể cảm dục như một tác nhân thúc đẩy các tình trạng hồng trần sai lệch, và sự cần thiết của sự thấu hiểu và kiểm soát cảm dục nơi bệnh nhân, nếu muốn có sự vượt thắng bệnh tật chân chính. Bạn có hiểu tôi không nếu tôi nói rằng sự vượt thắng chân chính có thể có nghĩa là chấp nhận Con Đường Chết như lối thoát, nếu nó đến một cách tự nhiên, hoặc chấp nhận sự chữa lành, nếu các nguyên nhân [66] là những xung lực ban đầu đã cạn kiệt? Hãy suy ngẫm về điều này.

In all the above, even in connection with what I have said concerning homosexuality, I have considered either rampant or inhibited desire, but I have only considered it in general terms and in a broad outline. Will you misunderstand if I point out to you that where desire is inhibited (which is the case with many aspirants today) all kinds of diseases—cancer, congestion of the lungs and certain liver complaints—become possible, as well as the dread malady of tuberculosis? The diseases of inhibition are numerous and serious, as you will note from the above enumeration. It should be noted that where desire is rampant and uncontrolled and no inhibition is present, such diseases as the syphilitic disorders, homosexuality and inflammations and fevers appear. According to the temperament so will be the types of disease, and the temperament is dependent upon the ray quality. People on the different rays are predisposed to certain disorders. The

Trong tất cả phần trên, ngay cả liên quan đến điều tôi đã nói về đồng tính luyến ái, tôi đã xét đến dục vọng hoặc buông thả hoặc bị ức chế, nhưng tôi chỉ xét nó theo những thuật ngữ tổng quát và trong một phác thảo rộng. Bạn có hiểu sai không nếu tôi chỉ ra với bạn rằng nơi nào dục vọng bị ức chế (điều này đúng với nhiều người chí nguyện ngày nay), thì đủ loại bệnh—ung thư, sung huyết phổi và một số chứng bệnh gan—đều có thể xảy ra, cũng như căn bệnh đáng sợ là lao? Các bệnh của sự ức chế thì nhiều và nghiêm trọng, như bạn sẽ thấy từ sự liệt kê trên. Cần lưu ý rằng nơi nào dục vọng buông thả và không được kiểm soát và không có sự ức chế hiện diện, thì các bệnh như các rối loạn giang mai, đồng tính luyến ái, các chứng viêm và sốt sẽ xuất hiện. Tùy theo khí chất mà sẽ có các loại bệnh tương ứng, và khí chất tùy thuộc vào phẩm tính cung. Những người thuộc các cung khác nhau dễ mắc một số rối loạn nhất định. Các nhà tâm lý học đúng trong sự phân biệt căn bản của họ về con

psychologists are right in their basic differentiation of human beings into the two major types—extroverts and introverts. These two types produce their own qualities of disease, which demonstrate as ill health through over-expression or inhibition.

người thành hai loại chính—hướng ngoại và hướng nội. Hai loại này tạo ra những phẩm tính bệnh tật riêng của chúng, biểu lộ thành sức khỏe kém qua sự biểu lộ quá mức hoặc sự ức chế.

We have considered our second point under the healing of diseases which arise in the emotional or desire nature. Our first point deals with uncontrolled emotion. I would remind you of our premise that we would only consider the ills to which advanced humanity, the aspirants and disciples of all degrees are prone. We will not deal (in this short treatise) with the whole gamut of diseases which affect humanity as a whole, or down the ages. The more advanced the aspirant, the greater probability there is that the diseases from which he suffers will be pronounced and powerfully demonstrating, on account of the inflow to a greater [67] or less degree of the stimulating force of the soul. Subsidiary to the five major groups of diseases to which I earlier referred, and working out in connection with them in the human frame, are a group of symptoms which are loosely covered by the terms: fevers, tumors, congested areas, plus general debility and the auto-intoxication which lies behind so many symptoms. I would have you remember this with care and bear steadily in mind that I am here only generalising, but that this generalisation is basic and therefore of importance.

Chúng ta đã xem xét điểm thứ hai của mình dưới đề mục chữa trị các bệnh phát sinh trong bản chất cảm xúc hay dục vọng. Điểm thứ nhất của chúng ta đề cập đến cảm xúc không được kiểm soát. Tôi xin nhắc bạn về tiền đề của chúng ta rằng chúng ta sẽ chỉ xem xét những bệnh tật mà nhân loại tiến bộ, những người chí nguyện và các đệ tử ở mọi cấp độ dễ mắc phải. Chúng ta sẽ không đề cập (trong luận thuyết ngắn này) đến toàn bộ phổ bệnh tật ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại, hay xuyên suốt các thời đại. Người chí nguyện càng tiến bộ thì xác suất các bệnh mà y mắc phải càng rõ rệt và biểu lộ mạnh mẽ hơn, do sự tuôn vào ở mức độ lớn [67] hay nhỏ của mãnh lực kích thích của linh hồn. Phụ thuộc vào năm nhóm bệnh chính mà tôi đã nói đến trước đây, và biểu lộ liên hệ với chúng trong cơ thể con người, là một nhóm triệu chứng được gọi một cách lỏng lẻo bằng các thuật ngữ: sốt, khối u, các vùng sung huyết, cộng với sự suy nhược toàn thân và sự tự nhiễm độc nằm sau rất nhiều triệu chứng. Tôi muốn bạn ghi nhớ điều này cẩn thận và luôn luôn nhớ rằng ở đây tôi chỉ đang khái quát hóa, nhưng sự khái quát hóa này là căn bản và do đó quan trọng.

C. Diseases of Worry and Irritation.

C. Các Bệnh của Lo Âu và Kích Ứng.

The third category of complaints which arise in the emotional or astral body is synthesised esoterically under the term: diseases of irritation. These are the insidious poisons which lurk behind the phenomena of disease.

Loại chứng bệnh thứ ba phát sinh trong thể cảm xúc hay cảm dục được tổng hợp một cách huyền bí dưới thuật ngữ: các bệnh của kích ứng. Đây là những chất độc ngấm ngầm ẩn sau hiện tượng bệnh tật.

It might be said that all diseases can be covered by two definitions, from the standpoint of occultism:

Có thể nói rằng mọi bệnh tật đều có thể được bao quát bởi hai định nghĩa, theo quan điểm của huyền bí học:

1. Diseases which are the result of auto-intoxication. These are the most general.

1. Các bệnh là kết quả của sự tự nhiễm độc. Đây là loại tổng quát nhất.

2. Diseases which are the result of irritation. These are very common amongst disciples.

2. Các bệnh là kết quả của sự kích ứng. Đây là loại rất phổ biến nơi các đệ tử.

We hear much today about auto-intoxication, and many efforts are made to cure this by diet and the regulation of the life in terms of rhythmic living. All this is good and of help, but it does not constitute a basic cure, as its protagonists would lead us to believe. Irritation is a basic psychological complaint and has its roots in the intensification of the astral body, which definitely produces abnormal effects upon the nervous system. It is a disease of self-interest, of self-sufficiency, and of self-satisfaction. Again I would say, ponder on these terms, for these three aspects of irritation are of general discovery. We will therefore [68] deal with irritation, "imperil," as it is called by exponents of the first ray, such as the Master M.

Ngày nay chúng ta nghe nhiều về sự tự nhiễm độc, và nhiều nỗ lực được thực hiện để chữa trị điều này bằng chế độ ăn uống và sự điều chỉnh đời sống theo nhịp điệu sống. Tất cả điều đó đều tốt và hữu ích, nhưng không cấu thành một sự chữa trị căn bản, như những người chủ trương nó muốn chúng ta tin. Kích ứng là một chứng bệnh tâm lý căn bản và có cội rễ trong sự tăng cường của thể cảm dục, điều chắc chắn tạo ra những tác động bất thường lên hệ thần kinh. Đây là một bệnh của sự tập trung vào bản thân, của sự tự mãn tự túc, và của sự tự thỏa mãn. Một lần nữa tôi xin nói, hãy suy ngẫm về các thuật ngữ này, vì ba phương diện kích ứng này thường được phát hiện. Do đó, chúng ta sẽ [68] đề cập đến kích ứng, "imperil," như nó được những người thuộc cung một, như Chân sư M., gọi như vậy.

We have nearly completed our first section under the heading Psychological Causes of Disease, and have very briefly, yet I believe suggestively, considered those problems which arise from the overactivity and wrong condition of the astral body. All I can do in this short treatise is to generalise, because most of the statements I may make are, in any case, so new and revolutionary (from the standpoint of orthodox medicine) that it will take time for even this first inner structure of ideas and this somewhat new formulation of truth to make its impact

Chúng ta gần như đã hoàn tất phần thứ nhất của mình dưới đề mục Các Nguyên Nhân Tâm Lý của Bệnh Tật, và đã rất ngắn gọn, nhưng tôi tin là có tính gợi mở, xem xét những vấn đề phát sinh từ sự hoạt động quá mức và tình trạng sai lệch của thể cảm dục. Tất cả những gì tôi có thể làm trong luận thuyết ngắn này là khái quát hóa, bởi vì hầu hết các phát biểu tôi có thể đưa ra, trong bất kỳ trường hợp nào, đều mới mẻ và có tính cách mạng đến mức (theo quan điểm của y học chính thống) sẽ cần thời gian để ngay cả cấu trúc nội tại đầu tiên này của các ý tưởng

upon the thinkers of the race. Then, if accepted as hypothetical possibilities by the open-minded among them, a long period of time must elapse before there has been enough investigation, leading to definitely formulated conclusions, which will make the ideas of popular recognition and use. In saying this, I am not reflecting critically upon the medical profession. The money-grasping specialist and the charlatan are rare; they of course exist, as do the corrupt and the undesirable in every profession. Where are they not to be found? The closed minds are many; but again, where are they not found? The pioneers along the new lines of thought and the man who has grasped some of the New Age concepts have often equally closed minds and see nothing but the new ways, modes and methods, and throw overboard all the old, losing much thereby. The medical profession has one of the greatest and most beautiful records in the world of its purpose and field of activity, and has developed some of the greatest of the soul qualities—self-sacrifice, compassion and service. But the ways and the techniques of the New Age are hard to grasp. Much of the old ways have to be given up and much sacrificed before the new art of healing becomes possible.

và sự hình thành chân lý phần nào mới mẻ này tạo được tác động lên các nhà tư tưởng của nhân loại. Rồi sau đó, nếu được những người cởi mở trong số họ chấp nhận như những khả năng giả thuyết, thì phải trải qua một thời gian dài trước khi có đủ sự khảo cứu dẫn đến những kết luận được hình thành rõ rệt, khiến các ý tưởng ấy được công nhận và sử dụng rộng rãi. Khi nói điều này, tôi không phê phán giới y khoa. Chuyên gia tham tiền và kẻ lang băm thì hiếm; dĩ nhiên họ có tồn tại, cũng như những kẻ đồi bại và không đáng mong muốn trong mọi ngành nghề. Có nơi nào mà không có họ? Những đầu óc khép kín thì nhiều; nhưng một lần nữa, có nơi nào mà không có? Những người tiên phong theo các đường lối tư tưởng mới và người đã nắm bắt được một số khái niệm của Kỷ Nguyên Mới cũng thường có những đầu óc khép kín tương tự và không thấy gì ngoài những con đường, phương thức và phương pháp mới, rồi vứt bỏ tất cả cái cũ, do đó đánh mất nhiều điều. Giới y khoa có một trong những thành tích lớn lao và đẹp đẽ nhất trên thế giới về mục đích và lĩnh vực hoạt động của mình, và đã phát triển một số phẩm tính linh hồn lớn lao nhất—hy sinh, từ bi và phụng sự. Nhưng các đường lối và kỹ thuật của Kỷ Nguyên Mới thì khó nắm bắt. Nhiều đường lối cũ phải được từ bỏ và nhiều điều phải được hy sinh trước khi nghệ thuật chữa bệnh mới trở nên khả hữu.

[69]

[69]

Until the fact of the subtler bodies is properly recognised by the world thinkers, and their existence is established through a right and true science of psychology and the development of the faculty of clairvoyance, the tracing of the causes of disease back to the subtler bodies is relatively meaningless. The best reaction which the most open-minded physician can (I say can and not

Cho đến khi sự kiện về các thể vi tế hơn được các nhà tư tưởng thế giới công nhận đúng đắn, và sự hiện hữu của chúng được xác lập qua một khoa học tâm lý học đúng đắn và chân thực cùng sự phát triển của năng lực thông nhãn, thì việc truy nguyên các nguyên nhân của bệnh tật trở lại các thể vi tế hơn tương đối vô nghĩa. Phản ứng tốt nhất mà vị y sĩ cởi mở nhất có thể (tôi nói *có thể*

will) produce or admit is that the psychological attitude, the mental state, and the emotional condition of the patient do either help or hinder. Many are already admitting that. That in itself is much.

chứ không phải *sẽ*) tạo ra hay thừa nhận là thái độ tâm lý, trạng thái trí tuệ, và tình trạng cảm xúc của bệnh nhân quả thật có giúp ích hoặc cản trở. Nhiều người đã thừa nhận điều đó. Tự thân điều ấy đã là nhiều.

When, therefore, I say that cancer, for instance, has its roots in an astral condition and began its career in Atlantean times, it means but little to the average man today. He does not realise that large numbers of people today are Atlantean in their consciousness.

Do đó, khi tôi nói rằng chẳng hạn ung thư có cội rễ trong một tình trạng cảm dục và đã bắt đầu sự nghiệp của nó trong thời Atlantis, điều đó có ý nghĩa rất ít đối với người trung bình ngày nay. Y không nhận ra rằng ngày nay có rất nhiều người mang tâm thức Atlantis.

I want briefly to touch upon the most common of all causes of trouble: Worry and Irritation. They are more prevalent at this time than ever before, and for the following reasons:

Tôi muốn ngắn gọn đề cập đến nguyên nhân phổ biến nhất của mọi rối loạn: Lo Âu và Kích Ứng. Chúng phổ biến vào lúc này hơn bao giờ hết, vì những lý do sau đây:

1. The world situation is such, the problems and uncertainty are such, that scarcely a person in the world at this time is exempt. Everyone is more or less involved in the planetary situation.

1. Tình hình thế giới là như vậy, các vấn đề và sự bất định là như vậy, đến nỗi hầu như không một ai trên thế giới vào lúc này được miễn trừ. Mọi người đều ít nhiều bị cuốn vào tình hình hành tinh.

2. The intercommunication between people has increased so much, and men live so much in massed groups—large or small—that it is inevitable that they produce an effect upon each other as never before. “If one member suffers, all the members suffer with it” is a statement of truth, ancient but new in application and today realised for the first time.

2. Sự liên lạc giữa con người đã gia tăng rất nhiều, và con người sống quá nhiều trong các nhóm quần tụ—lớn hay nhỏ—đến mức tất yếu họ tạo tác động lên nhau như chưa từng có trước đây. “Nếu một chi thể đau khổ, mọi chi thể đều cùng đau khổ với nó” là một phát biểu chân thật, cổ xưa nhưng mới trong sự áp dụng và ngày nay lần đầu tiên được nhận ra.

3. The increased sensitivity of the human mechanism is also such that men “tune in” on each other’s emotional conditions and mental attitudes in a new and more potent [70] manner. To their own engrossing concerns and worries are added those of

3. Sự nhạy cảm gia tăng của bộ máy con người cũng đến mức con người “bắt sóng” các tình trạng cảm xúc và thái độ trí tuệ của nhau theo một cách mới và mạnh mẽ hơn [70]. Vào những mối quan tâm và lo âu vốn đã chiếm trọn họ, nay còn được thêm vào

their fellowmen with whom they may be en rapport.

những mối lo của đồng loại mà họ có thể có sự liên hệ.

4. Telepathically, and also with a developed sense of prevision, men are today adding the difficulties that belong to someone else, or to some other group of thinkers and of people, to the difficulties that may be. It is not sure that they will be.

4. Một cách viễn cảm, và cũng với một cảm nhận tiên tri đã phát triển, ngày nay con người đang cộng thêm những khó khăn thuộc về người khác, hay thuộc về một nhóm nhà tư tưởng và con người nào khác, vào *những khó khăn có thể xảy ra.* Không chắc rằng chúng *sẽ xảy ra.*

These problems will demonstrate to you how intensely difficult it is for men to face up to life. It will be obvious that the problems of worry and irritation (called by the Master Morya "imperil") are many and must be considered.

Những vấn đề này sẽ cho bạn thấy việc con người đối diện với đời sống khó khăn đến mức nào. Sẽ rõ ràng rằng các vấn đề của lo âu và kích ứng (được Chân sư Morya gọi là "imperil") thì rất nhiều và phải được xem xét.

Why are these difficulties of the astral body so "perilous" and so serious? Worry and Irritation are dangerous because:

Tại sao những khó khăn của thể cảm dục này lại "nguy hiểm" và nghiêm trọng đến vậy? Lo Âu và Kích Ứng nguy hiểm vì:

1. They lower the vitality of the man to such a point that he becomes susceptible to disease. The scourge of influenza has its roots in fear and worry, and once the world settles down to freedom from the present "fearful" condition, we shall see the disease die out.

1. Chúng hạ thấp sinh lực của con người đến mức y trở nên dễ mắc bệnh. Tai họa cúm có cội rễ trong sợ hãi và lo âu, và một khi thế giới ổn định trở lại, thoát khỏi tình trạng "đầy sợ hãi" hiện nay, chúng ta sẽ thấy bệnh này biến mất.

2. They are so highly infectious from the astral point of view that they lower in a peculiar manner the astral atmosphere, and thus make it hard for people—in the astral sense—to breathe freely.

2. Chúng có tính lây nhiễm rất cao theo quan điểm cảm dục đến mức chúng làm hạ thấp bầu khí quyển cảm dục theo một cách đặc biệt, và do đó khiến con người khó "thở" tự do theo nghĩa cảm dục.

3. Because the astral conditions of fear, worry and irritation are so widespread today that they might be regarded as epidemic, in a planetary sense.

3. Bởi vì các tình trạng cảm dục của sợ hãi, lo âu và kích ứng ngày nay lan rộng đến mức chúng có thể được xem là *dịch bệnh,* theo nghĩa hành tinh.

4. Because irritation (I speak not here of worry) is inflammatory in its effects—and

4. Bởi vì kích ứng (ở đây tôi không nói về lo âu) có tính gây viêm trong các tác động của

inflammation is hard to bear—and leads to much difficulty. It is interesting to note that certain forms of eye trouble are caused by this.[71]

5. Because worry and irritation prevent true vision. They shut out the view. The man who is the victim of these conditions sees nothing but the cause of his complaints and is so submerged through self-pity, self-consideration, or in a focussed negative condition, that his vision is narrowed and his group hindered. Remember that there is group selfishness as well as individual selfishness.

I have cited sufficient reasons for the effects of Worry and Irritation to demonstrate to you the wideness of the difficulty. It is not much use at this time to talk of the remedy. One does not say to an influenza patient (when the worst throes of the disease are upon him), "There is nothing the matter. Pay no attention. Get up and go about your business." It is no use saying to men today, "Do not fear. Leave off worrying. All will be well." They will not believe you, for one thing—and that is fortunate, for it is not true. Things are not well and humanity and the Planetary life are not well. This, the Hierarchy knows, and is working for the amelioration of the conditions. When the throes of the "planetary influenza" are over (and the patient will not die), then investigation can be made and effort produced which can prevent a recurrence. At present, all that can be done is to keep the patient quiet and also keep the fever down. This is the work of the New Group of World Servers and the intelligent men of goodwill. Their name is Legion.

nó—mà viêm thì khó chịu đựng—và dẫn đến nhiều khó khăn. Thật thú vị khi lưu ý rằng một số dạng bệnh về mắt là do điều này gây ra.[71]

5. Bởi vì lo âu và kích ứng ngăn cản linh thị chân chính. Chúng che khuất tầm nhìn. Người là nạn nhân của các tình trạng này không thấy gì ngoài nguyên nhân của những than phiền của mình và bị chìm ngập trong sự tự thương hại, sự tự lưu tâm, hay trong một tình trạng tiêu cực tập trung đến mức tầm nhìn của y bị thu hẹp và nhóm của y bị cản trở. Hãy nhớ rằng có sự ích kỷ nhóm cũng như sự ích kỷ cá nhân.

Tôi đã nêu đủ lý do về các tác động của Lo Âu và Kích Ứng để cho bạn thấy mức độ rộng lớn của khó khăn này. Vào lúc này, nói về phương thuốc không ích lợi gì nhiều. Người ta không nói với một bệnh nhân cúm (khi cơn bệnh dữ dội nhất đang giày vò y), "Không có gì đâu. Đừng để ý. Hãy đứng dậy và đi làm việc của anh." Cũng vô ích khi nói với con người ngày nay, "Đừng sợ. Hãy thôi lo âu. Mọi sự sẽ ổn." Trước hết, họ sẽ không tin bạn—và điều đó là may mắn, vì điều ấy không đúng. Mọi sự không ổn và nhân loại cùng sự sống Hành tinh đều không ổn. Điều này, Thánh Đoàn biết, và đang hoạt động để cải thiện các điều kiện. Khi những cơn đau dữ dội của "bệnh cúm hành tinh" qua đi (và bệnh nhân sẽ không chết), khi ấy có thể tiến hành khảo cứu và tạo ra nỗ lực có thể ngăn ngừa sự tái phát. Hiện tại, tất cả những gì có thể làm là giữ cho bệnh nhân yên tĩnh và cũng giữ cho cơn sốt hạ xuống. Đây là công việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và những người thiện chí thông minh. Tên của họ là Legion.

2. CAUSES ARISING IN THE ETHERIC BODY — 2. CÁC NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH TRONG THỂ DĨ THÁI

It will be wise for you to bear in mind that I am not here going to deal with those causes which, producing effects in the physical body, arise in the mind or in the astral body. Necessarily they pass through the etheric body. The etheric body is a transmitter of all energies to the physical body, [72] and all types of force pass through it to different parts of the physical form, producing good and bad results, negative or positive results, as the case may be. This is a fact which we accept. I am here considering the diseases, problems and physical difficulties which arise in the etheric body itself and work out in its relations to the physical body. These are quite widespread and usual. It is essential that you keep these two lines of force-activity clearly differentiated in your mind. Both pass through and from the etheric body into the physical body, but only one of them originates in or is concerned with difficulties which have an etheric origin.

Bạn nên ghi nhớ rằng ở đây tôi sẽ không đề cập đến những nguyên nhân, tuy tạo ra các hậu quả trong thể xác, nhưng phát sinh trong thể trí hay trong thể cảm dục. Tất yếu chúng đi qua thể dĩ thái. Thể dĩ thái là một bộ truyền dẫn mọi năng lượng đến thể xác, [72] và mọi loại mãnh lực đều đi qua nó đến các phần khác nhau của hình tướng hồng trần, tạo ra kết quả tốt hay xấu, kết quả tiêu cực hay tích cực, tùy trường hợp. Đây là một sự kiện mà chúng ta chấp nhận. Ở đây tôi đang xem xét các bệnh tật, vấn đề và khó khăn hồng trần phát sinh trong chính thể dĩ thái và biểu lộ trong các quan hệ của nó với thể xác. Những điều này khá phổ biến và thông thường. Điều cốt yếu là bạn phải giữ cho hai đường hoạt động của mãnh lực này được phân biệt rõ ràng trong trí tuệ của mình. Cả hai đều đi qua và từ thể dĩ thái vào thể xác, nhưng chỉ một trong hai phát sinh trong hoặc liên quan đến những khó khăn có nguồn gốc dĩ thái.

The etheric body is a body composed entirely of lines of force and of points where these lines of force cross each other and thus form (in crossing) centres of energy. Where many such lines of force cross each other, you have a larger centre of energy, and where great streams of energy meet and cross, as they do in the head and up the spine, you have seven major centres. There are seven such, plus twenty-one lesser centres and forty-nine smaller centres known to the esotericists. However, we will confine ourselves at this time to the etheric body as a whole and to the seven major centres. It might be of interest to you, nevertheless, to be told where the twenty-

Thể dĩ thái được cấu tạo hoàn toàn bằng các đường mãnh lực và các điểm nơi những đường mãnh lực này cắt nhau và nhờ đó hình thành (trong sự giao cắt) các trung tâm năng lượng. Nơi nhiều đường mãnh lực như vậy cắt nhau, bạn có một trung tâm năng lượng lớn hơn, và nơi các dòng năng lượng lớn gặp nhau và cắt nhau, như chúng xảy ra trong đầu và dọc theo cột sống, bạn có bảy trung tâm chính. Có bảy trung tâm như vậy, cộng với hai mươi mốt trung tâm nhỏ hơn và bốn mươi chín trung tâm nhỏ hơn nữa mà các nhà bí truyền học biết đến. Tuy nhiên, vào lúc này chúng ta sẽ giới hạn vào thể dĩ thái như một toàn thể và vào bảy trung tâm chính. Dẫu vậy, có lẽ bạn sẽ thấy thú vị nếu được cho biết hai mươi mốt trung

one minor centres are to be found. They can be located at the following points:

tâm phụ được tìm thấy ở đâu. Chúng có thể được định vị tại các điểm sau:

There are two of them in front of the ears close to where the jaw bones are connected.

Có hai trung tâm ở phía trước tai, gần nơi các xương hàm nối với nhau.

There are two of them just above the two breasts.

Có hai trung tâm ngay phía trên hai bầu ngực.

There is one where the breast bones meet, close to the thyroid gland. This, with the two breast centres, makes a triangle of force.

Có một trung tâm ở nơi các xương ngực gặp nhau, gần tuyến giáp. Trung tâm này cùng với hai trung tâm ngực tạo thành một tam giác mãnh lực.

There are two, one each in the palms of the hands. [73]

Có hai trung tâm, mỗi lòng bàn tay một trung tâm. [73]

There are two, one each in the soles of the feet.

Có hai trung tâm, mỗi lòng bàn chân một trung tâm.

There are two, just behind the eyes.

Có hai trung tâm, ngay phía sau mắt.

There are two also connected with the gonads.

Cũng có hai trung tâm liên hệ với các tuyến sinh dục.

There is one close to the liver.

Có một trung tâm ở gần gan.

There is one connected with the stomach; it is related, therefore, to the solar plexus, but is not identical with it.

Có một trung tâm liên hệ với dạ dày; vì vậy, nó có liên quan đến tùng thái dương, nhưng không đồng nhất với trung tâm ấy.

There are two connected with the spleen. These form one centre in reality, but such a centre is formed by the two being superimposed one on the other.

Có hai trung tâm liên hệ với lá lách. Thực ra, chúng tạo thành một trung tâm, nhưng một trung tâm như thế được hình thành do hai trung tâm chồng lên nhau.

There are two—one at the back of each knee.

Có hai trung tâm—một ở phía sau mỗi đầu gối.

There is one powerful centre which is closely connected with the vagus nerve. This is most potent and is regarded by some schools

Có một trung tâm mạnh mẽ liên hệ mật thiết với dây thần kinh phế vị. Trung tâm này rất mãnh liệt và được một số trường

of occultism as a major centre; it is not in the spine, but is no great distance from the thymus gland.

phái huyền bí học xem là một trung tâm chính; nó không ở trong cột sống, nhưng cũng không cách xa tuyến ức bao nhiêu.

There is one which is close to the solar plexus, and relates it to the centre at the base of the spine, thus making a triangle of the sacral centre, the solar plexus, and the centre at the base of the spine.

Có một trung tâm ở gần tùng thái dương, và liên hệ trung tâm này với trung tâm ở đáy cột sống, nhờ đó tạo thành một tam giác gồm trung tâm xương cùng, tùng thái dương, và trung tâm ở đáy cột sống.

The two triangles referred to in this tabulation are of real importance. One is above and the other below the diaphragm.

Hai tam giác được nhắc đến trong bảng liệt kê này thực sự quan trọng. Một ở trên và một ở dưới cơ hoành.

It is of course apparent that where there is a free flow of force through the etheric body into the dense physical body there will be less likelihood of disease or sickness. There may, however, be increased tendency to difficulties arising from overstimulation and its consequent results of overactivity of the nervous system, with all the attendant problems. These forces, seeking inlet into the dense vehicle, are emanations from three directions (if I may use such a term): [74]

Dĩ nhiên, hiển nhiên là ở đâu có sự lưu chuyển tự do của mãnh lực qua thể dĩ thái vào thể xác đậm đặc thì ở đó sẽ ít có khả năng phát sinh bệnh tật hay đau yếu hơn. Tuy nhiên, có thể có xu hướng gia tăng những khó khăn phát sinh từ sự kích thích quá mức và các hậu quả tiếp theo của nó là sự hoạt động quá độ của hệ thần kinh, cùng mọi vấn đề đi kèm. Các mãnh lực này, tìm cách đi vào vận cụ đậm đặc, là những phát xạ từ ba hướng (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ như vậy): [74]

1. From the personality vehicles—the astral and mental bodies.

1. Từ các vận cụ của phàm ngã—thể cảm dục và thể trí.

2. From the soul, if contact, recognised or unrecognised, has been established.

2. Từ linh hồn, nếu sự tiếp xúc, được nhận biết hay không được nhận biết, đã được thiết lập.

3. From the environing world to which the vehicles of the soul and of the personality have acted as “doors of entrance.” Incidentally, in connection with this last phrase, I would call your attention to a possible relation between these “doors of entrance” and the phrase “door of initiation.”

3. Từ thế giới bao quanh mà các vận cụ của linh hồn và của phàm ngã đã hoạt động như những “cửa ngõ đi vào.” Nhân đây, liên quan đến cụm từ cuối này, tôi muốn lưu ý bạn đến một mối liên hệ khả dĩ giữa những “cửa ngõ đi vào” này và cụm từ “cửa điểm đạo.”

In the case where these centres, through which the inflowing energy from these sources of supply flow, are quiescent, unawakened or only functioning partially or too slowly (as far as their vibratory rhythm is concerned), then you will have a condition of blocking. This will produce congestion in the etheric vehicle, and consequent and subsequent difficulties in the functioning of the physical body. One of the most common of these is congestion of the lungs which—though it may be exoterically traced to certain and definite physical causes—is in reality those causes, plus an inner condition of etheric congestion. It is the bringing together of the outer apparent cause and the apparent inner true cause which is responsible for the outbreak of the trouble. When these two conditions are brought into conjunction with each other, and you have a physical handicap and an etheric situation which is undesirable, then you will have disease, illness, or weakness of some kind. Every outer congestion can always be traced to these two causes—an inner and an outer cause. In these cases, the outer cause is not an effect of the individual inner cause, which is interesting. You will note, therefore, that all ills are not purely subjective or psychological in origin as far as an individual is concerned, [75] but are sometimes both exoteric and esoteric. Hence the complication of the problem.

Trong trường hợp các trung tâm này, qua đó năng lượng tuôn vào từ các nguồn cung ứng ấy lưu chuyển, lại tĩnh lặng, chưa thức tỉnh hoặc chỉ hoạt động từng phần hay quá chậm (xét về nhịp điệu rung động của chúng), thì bạn sẽ có một tình trạng bế tắc. Điều này sẽ tạo ra sự tắc nghẽn trong thể dĩ thái, và kéo theo những khó khăn tiếp diễn trong hoạt động của thể xác. Một trong những biểu hiện thông thường nhất là sự ứ đọng ở phổi; tuy bề ngoài có thể truy nguyên đến những nguyên nhân hồng trần nhất định và rõ rệt, nhưng thực ra đó là những nguyên nhân ấy cộng thêm một tình trạng tắc nghẽn dĩ thái bên trong. Chính sự kết hợp giữa nguyên nhân bên ngoài biểu kiến và nguyên nhân bên trong có vẻ là chân thực mới là điều chịu trách nhiệm cho sự bộc phát của chứng bệnh. Khi hai tình trạng này kết hợp với nhau, và bạn có một khiếm khuyết hồng trần cùng một tình trạng dĩ thái không mong muốn, thì bạn sẽ có bệnh tật, đau yếu, hoặc một loại suy nhược nào đó. Mọi sự tắc nghẽn bên ngoài luôn luôn có thể truy nguyên về hai nguyên nhân này—một nguyên nhân bên trong và một nguyên nhân bên ngoài. Trong những trường hợp này, nguyên nhân bên ngoài không phải là một hiệu quả của nguyên nhân bên trong cá nhân, điều này thật đáng chú ý. Vì vậy, bạn sẽ lưu ý rằng không phải mọi bệnh tật đều hoàn toàn có nguồn gốc chủ quan hay tâm lý xét theo phương diện cá nhân, [75] mà đôi khi vừa ngoại môn vừa nội môn. Do đó, vấn đề trở nên phức tạp.

The above statement opens up the whole question of the activity of the seven centres of force in the etheric body. These can be regarded as dormant or unawakened, awakening but only as yet sluggishly alive, or functioning normally, which means that some of the energies which produce the form of the centre are moving rhythmically,

Phát biểu trên mở ra toàn bộ vấn đề về hoạt động của bảy trung tâm mãnh lực trong thể dĩ thái. Chúng có thể được xem là đang ngủ yên hay chưa thức tỉnh, đang thức tỉnh nhưng cho đến nay vẫn chỉ sống động một cách trì trệ, hoặc đang hoạt động bình thường, nghĩa là một số năng lượng tạo nên hình tướng của trung tâm đang vận động có

and are therefore receptive to inflow, while others are still entirely inactive and unresponsive. Other centres will be fully active, and therefore predominantly attractive to any inflowing forces; still others will be only partially so. For the majority of people, the centres below the diaphragm are more active than those above the diaphragm (I am referring here to the seven major centres and not to the twenty-one minor centres). For aspirants, centres below the diaphragm are active and the heart and throat centres are slowly coming into activity, while in the case of disciples, the ajna centre, plus those centres below it in the body, are rapidly awakening. In the initiate, the head centre is coming into vibrant activity, thus swinging all the centres into real and coordinated rhythm. Each patient or human being, being on some ray, responds differently; the time factor also differs; the pattern of the unfoldment varies, and the response to the inflowing forces is slightly differentiated.

nhịp điệu và vì vậy tiếp nhận được dòng tuôn vào, trong khi những năng lượng khác vẫn hoàn toàn bất hoạt và không đáp ứng. Những trung tâm khác sẽ hoàn toàn hoạt động, và vì vậy chủ yếu có tính hấp dẫn đối với bất kỳ mãnh lực nào tuôn vào; còn những trung tâm khác nữa thì chỉ hoạt động từng phần. Đối với đa số người, các trung tâm dưới cơ hoành hoạt động mạnh hơn các trung tâm trên cơ hoành (ở đây tôi nói đến bảy trung tâm chính chứ không phải hai mươi mốt trung tâm phụ). Đối với người chí nguyện, các trung tâm dưới cơ hoành hoạt động và các trung tâm tim cùng cổ họng đang chậm rãi đi vào hoạt động, trong khi ở trường hợp các đệ tử, trung tâm ajna, cùng với các trung tâm bên dưới nó trong thân thể, đang nhanh chóng thức tỉnh. Ở điểm đạo đồ, trung tâm đầu đang đi vào hoạt động rung động, nhờ đó đưa tất cả các trung tâm vào nhịp điệu thực sự và phối hợp. Mỗi bệnh nhân hay mỗi con người, vì thuộc một cung nào đó, đáp ứng khác nhau; yếu tố thời gian cũng khác nhau; mô hình khai mở cũng biến đổi, và sự đáp ứng đối với các mãnh lực tuôn vào cũng hơi khác biệt.

All of this we will consider with due care when we deal with Chapter IX, which concerns itself with the seven modes of healing. I simply mention it here so as to lay the foundation for what must later be considered, and thus show you how the whole question of the relation of the etheric body to the physical body is connected with the problem of healing. It will be apparent, therefore, how important it is—before real healing can take place—that the healer should know the point in evolution reached by [76] the patient, and should also know his ray type, both personality and egoic. If to this you add some knowledge of his astrological inclinations and indications, a far more accurate diagnosis can be produced. The key to all release (either

Tất cả điều này chúng ta sẽ xem xét cẩn trọng khi bàn đến Chương IX, chương đề cập đến bảy phương thức trị liệu. Tôi chỉ nhắc đến ở đây để đặt nền tảng cho điều về sau phải được xem xét, và nhờ đó cho bạn thấy toàn bộ vấn đề về mối liên hệ của thể dĩ thái với thể xác gắn liền với vấn đề trị liệu như thế nào. Vì vậy, sẽ hiển nhiên rằng trước khi sự trị liệu thực sự có thể diễn ra, điều quan trọng là người chữa trị phải biết điểm tiến hoá mà [76] bệnh nhân đã đạt tới, và cũng phải biết loại cung của y, cả cung phàm ngã lẫn cung chân ngã. Nếu thêm vào đó một ít hiểu biết về các khuynh hướng và chỉ dấu chiêm tinh của y, thì có thể đưa ra một chẩn đoán chính xác hơn nhiều. Chìa khóa của mọi sự giải thoát (hoặc qua việc chữa lành bệnh về thể xác hoặc qua cái chết) nằm trong

through the physical cure of disease or through death) lies in the understanding of the condition of the centres in the etheric body. These determine the rate of the bodily vibratory activity and the general responsiveness of the physical body. They even condition the activity and accuracy of the instinctual nature and its relation to the outer plane life and the "wholeness" and general health of the sympathetic nervous system.

sự thấu hiểu tình trạng của các trung tâm trong thể dĩ thái. Chúng quyết định tốc độ hoạt động rung động của cơ thể và khả năng đáp ứng tổng quát của thể xác. Chúng thậm chí còn tác động lên hoạt động và độ chính xác của bản chất bản năng cùng mối liên hệ của nó với đời sống cõi ngoài và với "tính toàn vẹn" cùng sức khỏe tổng quát của hệ thần kinh giao cảm.

A. Congestion.

A. Tắc nghẽn.

Much real difficulty can be traced to congestion or to the lack of the free play of the forces. In this connection it might be pointed out that the etheric body is a mechanism for intake and for outlet. There is consequently a curious and intimate relation between it and such organs as the lungs, the stomach, and the kidneys. The symbology here present, when correctly understood, will tend to show that there is a deep underlying esoteric relation between:

Nhiều khó khăn thực sự có thể truy nguyên về sự tắc nghẽn hoặc về sự thiếu vắng sự vận hành tự do của các mãnh lực. Liên quan đến điều này, có thể chỉ ra rằng thể dĩ thái là một bộ máy để tiếp nhận và để thoát ra. Do đó, có một mối liên hệ kỳ lạ và mật thiết giữa nó với những cơ quan như phổi, dạ dày và thận. Tính biểu tượng hiện diện ở đây, khi được thấu hiểu đúng đắn, sẽ có khuynh hướng cho thấy rằng có một mối liên hệ nội môn sâu xa tiềm ẩn giữa:

1. The mind and the lungs. The process of breathing, with its stages of inhalation, the interlude, and exhalation, works out in connection with both aspects of force, mental and physical.

1. Thể trí và phổi. Tiến trình hô hấp, với các giai đoạn hít vào, khoảng ngừng, và thở ra, được triển khai liên hệ với cả hai phương diện của mãnh lực, trí tuệ và hồng trần.

2. The desire nature and the stomach. Here again is the process of intake, of assimilation, and of elimination.

2. Bản chất ham muốn và dạ dày. Ở đây lại có tiến trình tiếp nhận, đồng hoá, và loại bỏ.

3. The etheric body itself and the kidneys, with the processes clearly defined in both cases of absorption, chemicalisation, and transmission.

3. Chính thể dĩ thái và thận, với các tiến trình được xác định rõ ràng trong cả hai trường hợp là hấp thụ, hoá học hoá, và truyền dẫn.

There is no symbol so relatively accurate to the whole [77] creative process as the human frame.

Không có biểu tượng nào tương đối chính xác đối với toàn bộ [77] tiến trình sáng tạo bằng cơ thể con người.

Congestion in the etheric body, producing much distress in the physical body, can exist. therefore, at the point of intake from the astral body or from the astral plane (Note the phrasing and the difference.) or at the point of outlet, in relation to the centre to which the particular type of etheric force most easily flows and through which it most easily passes. Where there is no free play between the etheric body and the astral body, you will have trouble. Where there is no free play between the etheric body and the physical body, involving also the nerve ganglia and the endocrine system, you will also have trouble. The close relation between the seven major centres and the seven major glands of the physical system must never be forgotten. The two systems form one close interlocking directorate, with the glands and their functions determined by the condition of the etheric centres. These, in their turn, are conditioned by the point in evolution and gained experience of the incarnate soul, by the specific polarisation of the soul in incarnation, and by the rays (personality and soul) of the man. Forget not, that the five aspects of man (as he functions in the three worlds) are determined by certain ray forces; you have the ray of the soul, the ray of the personality, and the rays of the mental, the astral and the physical bodies. All these will, in the coming New Age, be definitely considered and discovered, and this knowledge will reveal to the healer the probable condition of the centres, the order of their awakening, and their individual and basic note or notes. The new medical science will be outstandingly built upon the science of the centres, and upon this knowledge all diagnosis and possible cure will be based.

Vì vậy, sự tắc nghẽn trong thể dĩ thái, gây ra nhiều đau khổ trong thể xác, có thể tồn tại tại điểm tiếp nhận từ thể cảm dục hoặc từ cõi cảm dục (Hãy lưu ý cách diễn đạt và sự khác biệt.) hoặc tại điểm thoát ra, liên hệ với trung tâm mà loại mãnh lực dĩ thái đặc thù ấy dễ dàng chảy đến nhất và dễ dàng đi qua nhất. Ở đâu không có sự vận hành tự do giữa thể dĩ thái và thể cảm dục, ở đó bạn sẽ có rắc rối. Ở đâu không có sự vận hành tự do giữa thể dĩ thái và thể xác, đồng thời liên quan cả đến các hạch thần kinh và hệ nội tiết, ở đó bạn cũng sẽ có rắc rối. Mối liên hệ mật thiết giữa bảy trung tâm chính và bảy tuyến chính của hệ thống hồng trần không bao giờ được quên. Hai hệ thống này tạo thành một ban điều hành đan kết chặt chẽ, với các tuyến và chức năng của chúng được quyết định bởi tình trạng của các trung tâm dĩ thái. Đến lượt mình, các trung tâm này được tác động bởi điểm tiến hoá và kinh nghiệm đã đạt được của linh hồn đang nhập thể, bởi sự phân cực đặc thù của linh hồn đang lâm phàm, và bởi các cung (phàm ngã và linh hồn) của con người. Đừng quên rằng năm phương diện của con người (khi y hoạt động trong ba cõi giới) được quyết định bởi những mãnh lực cung nhất định; bạn có cung của linh hồn, cung của phàm ngã, và các cung của thể trí, thể cảm dục và thể xác. Tất cả những điều này, trong Kỷ Nguyên Mới sắp đến, sẽ được xem xét và khám phá một cách rõ rệt, và tri thức này sẽ tiết lộ cho người chữa trị tình trạng *có thể có* của các trung tâm, trật tự thức tỉnh của chúng, và âm điệu hay các âm điệu cá biệt và căn bản của chúng. Khoa học y học mới sẽ được xây dựng nổi bật trên khoa học về các trung tâm, và trên tri thức này mọi chẩn đoán và việc chữa trị khả dĩ sẽ được đặt nền. Nhà nội tiết học

The endocrinologist is only beginning to glimpse possibilities, and much that he is now considering has in it the seeds of future truth. The "balancing of the glandular system" [78] and the relation of the glands to the blood stream, and also to character and predispositions of many kinds, are considerations of real value and worth following. Much, however, remains to be discovered before it will be really safe to work with the glands, making them a major subject of attention (as some day will be the case in all forms of illness).

chỉ mới bắt đầu thoáng thấy các khả năng, và nhiều điều mà hiện nay ông đang xem xét chứa trong đó những hạt giống của chân lý tương lai. "Sự quân bình của hệ tuyến" [78] và mối liên hệ của các tuyến với dòng máu, cũng như với tính cách và các khuynh hướng thuộc nhiều loại, là những điều đáng giá thực sự và đáng được theo đuổi. Tuy nhiên, còn nhiều điều phải được khám phá trước khi thực sự an toàn để làm việc với các tuyến, biến chúng thành một đối tượng chú ý chính yếu (như một ngày kia sẽ là trường hợp trong mọi dạng bệnh tật).

Throughout this short treatise I will give many hints which will serve to guide the open minded investigator in the right direction. Before passing on to the consideration of the relation of the etheric body, as a unit, to the physical body, I would like to point out that I place the complications of congestion first upon the list of diseases arising in the etheric body, because it is at this time—and will be for a couple of centuries—the major cause of difficulty for the bulk of humanity or of those people whom we esoterically call "solar-sacral" people. This is partly due to the age-long habits of suppression and of inhibition which the race, as a whole, has developed. It is this congestion at the point of intake and of outlet in the etheric body which is responsible for the impeding of the free flow of the life force, with the results of a rapid succumbing to diseases. Hence, also, you will see how carefully assigned breathing exercises, with their subtle effects of reorganising and readjusting the subtler bodies (particularly the etheric and astral bodies) will become more and more generally used. The widespread interest in breathing today evidences a subjective recognition of this fact, though not enough is yet known about methods and effects.

Xuyên suốt chuyên luận ngắn này, tôi sẽ đưa ra nhiều gợi ý để hướng dẫn nhà nghiên cứu có đầu óc cởi mở đi đúng hướng. Trước khi chuyển sang xem xét mối liên hệ của thể dĩ thái, như một đơn vị, với thể xác, tôi muốn chỉ ra rằng tôi đặt các biến chứng của sự tắc nghẽn lên đầu danh sách các bệnh phát sinh trong thể dĩ thái, bởi vì vào lúc này—và sẽ còn như vậy trong hai thế kỷ nữa—đó là nguyên nhân chính gây khó khăn cho phần lớn nhân loại hoặc cho những người mà chúng tôi một cách huyền bí gọi là những người "thái dương-xương cùng". Điều này một phần là do những thói quen lâu đời về sự đè nén và ức chế mà toàn thể nhân loại đã phát triển. Chính sự tắc nghẽn này tại điểm tiếp nhận và điểm thoát ra trong thể dĩ thái chịu trách nhiệm cho việc cản trở sự lưu chuyển tự do của sinh lực, với kết quả là nhanh chóng khuất phục trước bệnh tật. Vì vậy, bạn cũng sẽ thấy những bài tập thở được chỉ định cẩn thận, với các tác động vi tế của chúng trong việc tái tổ chức và tái điều chỉnh các thể vi tế hơn (đặc biệt là thể dĩ thái và thể cảm dục), sẽ ngày càng được sử dụng rộng rãi hơn. Sự quan tâm lan rộng đối với hơi thở ngày nay chứng tỏ có một sự nhận biết chủ quan về sự kiện này, dù các phương pháp và tác dụng của nó vẫn chưa được biết đủ.

One other thing I would like to call to your attention is that the points of congestion may exist either in the astral body centre or in the etheric body, and this situation the healer will have to investigate. [79]

Còn một điều khác tôi muốn lưu ý bạn là các điểm tắc nghẽn có thể tồn tại hoặc trong trung tâm của thể cảm dục hoặc trong thể dĩ thái, và người chữa trị sẽ phải khảo sát tình trạng này. [79]

B. Lack of Coordination and Integration.

B. Thiếu phối hợp và tích hợp.

We come now to a brief consideration of our second point of difficulty to be found in the etheric body, which in our tabulation we have called lack of coordination or integration. This is exceedingly prevalent today and is responsible for a good deal of trouble. The etheric body is the inner "substantial" form upon which the physical body is built or constructed. It is the inner scaffolding which underlies every part of the whole outer man; it is the framework which sustains the whole; it is that upon which the outer form is patterned; and it is the network of nadis (infinitely intricate) which constitutes the counterpart or the duplicate aspect of the entire nervous system which forms such an important part of the human mechanism. It is thus definitely, with the blood stream, the instrument of the life force. If, therefore, there is weakness in the relation between this inner structure and the outer form, it will be immediately apparent to you that real difficulty is bound to supervene. This difficulty will take three forms:

Giờ đây chúng ta đi đến một sự xem xét ngắn gọn về điểm khó khăn thứ hai được tìm thấy trong thể dĩ thái, điều mà trong bảng liệt kê của chúng ta đã được gọi là *thiếu phối hợp hoặc tích hợp.* Điều này hiện nay cực kỳ phổ biến và chịu trách nhiệm cho khá nhiều rắc rối. Thể dĩ thái là hình tướng "chất liệu" bên trong mà trên đó thể xác được xây dựng hay cấu tạo. Nó là giàn khung bên trong làm nền cho mọi phần của toàn bộ con người bên ngoài; nó là bộ khung nâng đỡ toàn thể; nó là cái mà trên đó hình tướng bên ngoài được mô phỏng theo; và nó là mạng lưới các nadis (vô cùng phức tạp) cấu thành đối phần hay phương diện sao bản của toàn bộ hệ thần kinh, vốn tạo thành một phần rất quan trọng của bộ máy con người. Vì vậy, cùng với dòng máu, nó rõ rệt là công cụ của sinh lực. Do đó, nếu có sự yếu kém trong mối liên hệ giữa cấu trúc bên trong này và hình tướng bên ngoài, thì bạn sẽ thấy ngay rằng khó khăn thực sự chắc chắn sẽ phát sinh. Khó khăn này sẽ mang ba hình thức:

1. The physical form in its dense aspect is too loosely connected with the etheric form or counterpart. This leads to a devitalised and debilitated condition, which predisposes man to sickness or ill health.

1. Hình tướng hồng trần trong phương diện đậm đặc của nó được nối kết quá lỏng lẻo với hình tướng dĩ thái hay đối phần của nó. Điều này dẫn đến một tình trạng mất sinh lực và suy nhược, khiến con người dễ mắc bệnh hoặc sức khỏe kém.

2. The connection is poor in certain directions or aspects of the equipment.

2. Sự nối kết kém trong một số hướng hay phương diện của bộ máy. Qua một số tiêu

Through certain focal points or centres the life force cannot adequately flow, and therefore you have a definite weakness in some part of the physical body. For instance, impotence is such a difficulty and a tendency to laryngitis is another—to mention two widely different disorders.

điểm hay trung tâm nhất định, sinh lực không thể lưu chuyển đầy đủ, và vì vậy bạn có một sự suy yếu rõ rệt ở một phần nào đó của thể xác. Chẳng hạn, liệt dương là một khó khăn như thế và khuynh hướng viêm thanh quản là một khó khăn khác—để nêu ra hai chứng rối loạn rất khác nhau.

3. The connection can also be so basically loose and poor that the soul has very little hold upon its vehicle [80] for outer manifestation, and obsession or possession is easily established. This is an extreme example of the difficulties incident to this condition. Others are certain forms of fainting or loss of consciousness and "petit mal."

3. Sự nối kết cũng có thể lỏng lẻo và kém đến mức căn bản đến nỗi linh hồn có rất ít sự nắm giữ đối với vận cụ của mình [80] để biểu hiện ra bên ngoài, và sự ám nhập hay chiếm hữu dễ dàng được thiết lập. Đây là một ví dụ cực đoan về những khó khăn gắn liền với tình trạng này. Những biểu hiện khác là một số dạng ngất xỉu hay mất ý thức và "petit mal."

There are also, as will be apparent, the exactly reverse conditions when the etheric body is so closely knit or integrated with the personality—whether it is of a highly evolved nature or simply an example of an ordinary etheric body—that every part of the physical body is in a constant condition of stimulation, of galvanic effort, with a resultant activity in the nervous system which—if not correctly regulated—can lead to a great deal of distress. It is to this that I refer in the third heading, "Overstimulation of the Centres." Too loose a connection or too close a connection leads to trouble, though the first kind of difficulty is usually more serious than the others. I have here given enough to show how interesting and how important a study of the etheric body may be. The whole theme of healing is "tied up" (to use a modern phrase which I find difficult) with the development, unfoldment and control of the seven major centres.

Cũng có, như sẽ hiển nhiên, những tình trạng hoàn toàn ngược lại khi thể dĩ thái được đan kết hay tích hợp quá chặt với phàm ngã—dù đó là một bản chất tiến hoá cao hay chỉ đơn giản là một ví dụ của một thể dĩ thái thông thường—đến mức mọi phần của thể xác đều ở trong một tình trạng kích thích liên tục, nỗ lực điện hoá, với kết quả là một hoạt động trong hệ thần kinh mà—nếu không được điều chỉnh đúng—có thể dẫn đến rất nhiều đau khổ. Chính điều này mà tôi đề cập trong tiêu đề thứ ba, "*Sự kích thích quá mức của các trung tâm.*" Sự nối kết quá lỏng lẻo hoặc quá chặt chẽ đều dẫn đến rắc rối, dù loại khó khăn thứ nhất thường nghiêm trọng hơn các loại khác. Ở đây tôi đã đưa ra đủ để cho thấy việc nghiên cứu thể dĩ thái có thể thú vị và quan trọng đến mức nào. Toàn bộ chủ đề trị liệu "gắn chặt" (dùng một cụm từ hiện đại mà tôi thấy khó dùng) với sự phát triển, khai mở và kiểm soát của bảy trung tâm chính.

C. Overstimulation of the Centres.

C. Sự kích thích quá mức của các trung tâm.

There is much that I could add to what I have said on the cause of disease arising in the etheric body, but in Part II (when dealing with the section on certain basic requirements) I shall elaborate the theme much further. Congestion, lack of integration and over-stimulation of the centres, are obviously fundamental causes as far as the dense physical body is concerned, but they themselves are frequently effects of subtler causes, hidden in the life of the astral and mental bodies and, in the case of overstimulation, [81] the result sometimes of soul contacts. The etheric body reacts normally, and by design, to all the conditions found in the subtler vehicles. It is essentially a transmitter and not an originator and it is only the limitations of the observer which lead him to ascribe the causes of bodily ills to the etheric body. It is a clearing house for all the forces reaching the physical body, provided the point in evolution has brought the various force centres to a condition wherein they are receptive to any particular type of force. Esoterically speaking, the centres can be in one of five conditions or states of being. These can be described in the following terms:

Còn nhiều điều tôi có thể thêm vào những gì tôi đã nói về nguyên nhân bệnh phát sinh trong thể dĩ thái, nhưng trong Phần II (khi bàn đến phần về một số yêu cầu căn bản) tôi sẽ khai triển chủ đề này xa hơn nhiều. Sự tắc nghẽn, thiếu tích hợp và sự kích thích quá mức của các trung tâm rõ ràng là những nguyên nhân căn bản xét theo phương diện thể xác đậm đặc, nhưng bản thân chúng thường lại là những hiệu quả của các nguyên nhân vi tế hơn, ẩn giấu trong đời sống của thể cảm dục và thể trí, và trong trường hợp kích thích quá mức, [81] đôi khi là kết quả của những tiếp xúc với linh hồn. Thể dĩ thái phản ứng một cách bình thường, và theo đúng thiết kế, với mọi tình trạng được tìm thấy trong các vận cụ vi tế hơn. Về bản chất, nó là một bộ truyền dẫn chứ không phải một nguồn khởi phát, và chỉ những giới hạn của người quan sát mới khiến ông quy các nguyên nhân của bệnh tật thể xác cho thể dĩ thái. Nó là một trạm phân phối cho mọi mãnh lực đi đến thể xác, miễn là điểm tiến hoá đã đưa các trung tâm mãnh lực khác nhau đến một tình trạng trong đó chúng tiếp nhận được bất kỳ loại mãnh lực đặc thù nào. Nói theo nội môn, các trung tâm có thể ở trong một trong năm tình trạng hay trạng thái hiện hữu. Chúng có thể được mô tả bằng các thuật ngữ sau:

1. Closed, still and shut, and yet with signs of life, silent and full of deep inertia.

1. Khép kín, tĩnh lặng và đóng chặt, nhưng vẫn có dấu hiệu của sự sống, im lìm và đầy quán tính sâu xa.

2. Opening, unsealed, and faintly tinged with colour; the life pulsates.

2. Đang mở ra, được tháo niêm phong, và phảng phất sắc màu; sự sống đang đập nhịp.

3. Quickened, alive, alert in two directions; the two small doors are open wide.

3. Được tiếp sinh lực, sống động, tỉnh thức theo hai hướng; hai cánh cửa nhỏ mở rộng.

4. Radiant and reaching forth with vibrant note to all related centres.

4. Rạng ngời và vươn ra với âm điệu rung động đến mọi trung tâm liên hệ.

5. Blended they are and each with each works rhythmically. The vital force flows through from all the planes. The world stands open wide.

5. Chúng được dung hợp và mỗi cái với mỗi cái hoạt động có nhịp điệu. Sinh lực tuôn chảy xuyên qua từ mọi cõi. Thế giới mở rộng thênh thang.

Related to these five stages, wherein the etheric body expands and becomes the vital livingness of all expression upon the physical plane, are the five races of men, beginning with the Lemurian race, the five planes of human and superhuman expression, the five stages of consciousness and the various other groupings of five with which you meet in the esoteric philosophy. Incidentally it might be of value and of interest to point out that the five-pointed star is not only the sign and symbol of initiation and finally perfected man, but it is also the basic symbol of the etheric [82] body and of the five centres which control perfected man—the two head centres, the heart centre, the throat centre and the centre at the base of the spine. When these centres are fully awakened and functioning in right rhythm with each other, the various quintuplets to which I have referred above form an integral part of the consciousness of the perfected man.

Liên hệ với năm giai đoạn này, trong đó thể dĩ thái mở rộng và trở thành *sự sống động sinh lực* của mọi biểu hiện trên cõi hồng trần, là năm giống dân, bắt đầu với giống dân Lemuria, năm cõi biểu hiện của con người và siêu nhân, năm giai đoạn của tâm thức và nhiều nhóm năm khác nhau mà bạn gặp trong triết học nội môn. Nhân đây, có lẽ sẽ có giá trị và thú vị nếu chỉ ra rằng ngôi sao năm cánh không chỉ là dấu hiệu và biểu tượng của điểm đạo và của con người cuối cùng được hoàn thiện, mà còn là biểu tượng căn bản của thể dĩ thái [82] và của năm trung tâm kiểm soát con người hoàn thiện—hai trung tâm đầu, trung tâm tim, trung tâm cổ họng và trung tâm ở đáy cột sống. Khi các trung tâm này hoàn toàn thức tỉnh và hoạt động trong nhịp điệu đúng đắn với nhau, thì các bộ năm khác nhau mà tôi đã nhắc đến ở trên tạo thành một phần toàn vẹn của tâm thức của con người hoàn thiện.

Though this particular piece of information is not definitely related to the Science of Healing, yet the entire subject is related to energy, and energy in some form or another is related to the causes and the effects of disease, because disease is the undesirable effect of energy upon the energy unit which we call the atom.

Dù mẩu thông tin đặc thù này không liên hệ trực tiếp với Khoa Học Trị Liệu, toàn bộ chủ đề vẫn liên hệ với năng lượng, và năng lượng dưới hình thức này hay hình thức khác thì liên hệ với các nguyên nhân và các hiệu quả của bệnh tật, bởi vì bệnh tật là hiệu quả không mong muốn của năng lượng tác động lên đơn vị năng lượng mà chúng ta gọi là nguyên tử.

It should be remembered that the etheric body of the human being is an integral part of the etheric body of the planetary Logos and is, therefore, related to all forms found within that body in any and all the

Cần nhớ rằng thể dĩ thái của con người là một phần toàn vẹn của thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế và vì vậy có liên hệ với mọi hình tướng được tìm thấy trong thể ấy ở bất kỳ và mọi giới nào trong thiên nhiên. Nó là

kingdoms in nature. It is part of the substance of the universe, coordinated with planetary substance, and hence provides the scientific basis for unity.

một phần của chất liệu của vũ trụ, được phối hợp với chất liệu hành tinh, và do đó cung cấp nền tảng khoa học cho sự hợp nhất.

If you were to ask me what, in reality, lies behind all disease, all frustrations, error and lack of divine expression in the three worlds, I would say it was separativeness which produces the major difficulties arising in the etheric body, plus the inability of the outer tangible form to respond adequately to the inner and subtler impulses. Here is found the cause (the secondary cause, as I pointed out above) of the bulk of the trouble. The etheric body of the planet does not yet freely transmit and circulate the forces which are seeking entrance into the consciousness and the expression of man upon the physical plane. These forces emanate from within himself as he functions on the subtler levels of consciousness and from the soul; they come also from associated and contacted groups, from the planetary life, [83] and eventually, in the last analysis, from the entire universe. Each of the centres can, when fully awakened and consciously and scientifically employed, serve as an open door through which awareness of that which lies beyond the individual human life can enter. The etheric body is fundamentally the most important response apparatus which man possesses, producing not only the right functioning of the five senses and consequently providing five major points of contact with the tangible world, but it also enables a man to register sensitively the subtler worlds, and, when energised and controlled by the soul, the spiritual realms stand wide open also.

Nếu bạn hỏi tôi điều gì thực sự nằm sau mọi bệnh tật, mọi thất bại, sai lầm và sự thiếu vắng biểu hiện thiêng liêng trong ba cõi giới, tôi sẽ nói đó là *tính phân ly* tạo ra những khó khăn chính phát sinh trong thể dĩ thái, cộng với sự bất lực của hình tướng hữu hình bên ngoài trong việc đáp ứng đầy đủ với các xung lực bên trong và vi tế hơn. Ở đây tìm thấy nguyên nhân (nguyên nhân thứ yếu, như tôi đã chỉ ra ở trên) của phần lớn rắc rối. Thể dĩ thái của hành tinh vẫn chưa tự do truyền dẫn và lưu chuyển các mãnh lực đang tìm cách đi vào tâm thức và sự biểu hiện của con người trên cõi hồng trần. Các mãnh lực này phát ra từ bên trong chính y khi y hoạt động trên các cấp độ vi tế hơn của tâm thức và từ linh hồn; chúng cũng đến từ các nhóm có liên hệ và tiếp xúc, từ sự sống hành tinh, [83] và cuối cùng, trong phân tích rốt ráo, từ toàn thể vũ trụ. Mỗi trung tâm, khi hoàn toàn thức tỉnh và được sử dụng một cách hữu thức và khoa học, có thể phục vụ như một cánh cửa mở qua đó sự nhận biết về điều nằm vượt ngoài đời sống cá nhân của con người có thể đi vào. Thể dĩ thái về căn bản là bộ máy đáp ứng quan trọng nhất mà con người sở hữu, không những tạo ra sự hoạt động đúng đắn của năm giác quan và do đó cung cấp năm điểm tiếp xúc chính với thế giới hữu hình, mà còn giúp con người ghi nhận một cách nhạy bén các thế giới vi tế hơn, và khi được linh hồn tiếp sinh lực và kiểm soát, các cõi tinh thần cũng mở rộng thênh thang.

The etheric body is a potent receiver of impressions, which are conveyed to the human consciousness through the medium

Thể dĩ thái là một bộ tiếp nhận mạnh mẽ các ấn tượng, được chuyển đến tâm thức con người qua trung gian của các trung tâm đã

of the awakened centres. There is, for instance, no true clairvoyance until either the solar plexus or the ajna centre is awakened. These transmitted impressions and information become the incentive whereby conscious activity is initiated. There are many words used to describe these forces and their actuating effects: such as impulses, incentives, influences, potencies, desires, aspirations, and many such terms which are only synonyms for force or energy and thus convey the same general idea. All of these words refer to forms of activity of the etheric body, but only as the physical body registers them and acts under their impression. The whole theme of motivating force is one of great interest.

thức tỉnh. Chẳng hạn, không có thông nhãn chân chính cho đến khi hoặc tùng thái dương hoặc trung tâm ajna được thức tỉnh. Những ấn tượng và thông tin được truyền đạt này trở thành động lực nhờ đó hoạt động hữu thức được khởi xướng. Có nhiều từ được dùng để mô tả các mãnh lực này và các tác động thúc đẩy của chúng: như xung lực, động cơ, ảnh hưởng, tiềm lực, ham muốn, khát vọng, và nhiều thuật ngữ tương tự chỉ là những từ đồng nghĩa của mãnh lực hay năng lượng và do đó chuyển tải cùng một ý niệm tổng quát. Tất cả những từ này đều chỉ đến các hình thức hoạt động của thể dĩ thái, nhưng chỉ trong chừng mực thể xác ghi nhận chúng và hành động dưới ấn tượng của chúng. Toàn bộ chủ đề về mãnh lực thúc đẩy là một chủ đề rất đáng quan tâm.

The vastness of the subject is, however, so real that only little by little can humanity grasp the situation and come to the realisation that man is essentially (through his etheric body) an integral part of a great and vibrant Whole; only in time will he learn that, through the processes of evolution, can he hope to register all the different areas of divine expression. Only when the etheric body is swept into [84] activity under the influence and through the "impressed forces" of the soul, the mind, and temporarily, of the astral body, can man become aware of all worlds, all phenomena, and all states of consciousness, and so achieve that omniscience which is the birth right of all the sons of God.

Tuy nhiên, tính bao la của chủ đề này là quá thực đến nỗi chỉ từng chút một nhân loại mới có thể nắm bắt tình hình và đi đến chỗ chứng nghiệm rằng con người về bản chất (qua thể dĩ thái của mình) là một phần toàn vẹn của một Toàn Thể vĩ đại và rung động; chỉ theo thời gian y mới học được rằng, qua các tiến trình tiến hoá, y mới có thể hy vọng ghi nhận mọi lĩnh vực khác nhau của biểu hiện thiêng liêng. Chỉ khi thể dĩ thái được đưa vào [84] hoạt động dưới ảnh hưởng và qua các "mãnh lực được in dấu" của linh hồn, thể trí, và tạm thời của thể cảm dục, con người mới có thể nhận biết mọi thế giới, mọi hiện tượng, và mọi trạng thái tâm thức, và nhờ đó đạt được sự toàn tri vốn là quyền thừa sinh của mọi con của Thượng đế.

But, during the period wherein this state of being is in process of achievement, the lack of development, the failure to register, the life work of awakening and organising the various centres and of then correctly relating them to each other, produces much difficulty. It is this condition which is the

Nhưng trong giai đoạn mà trạng thái hiện hữu này đang trong tiến trình thành tựu, sự thiếu phát triển, sự thất bại trong ghi nhận, công việc suốt đời là thức tỉnh và tổ chức các trung tâm khác nhau rồi sau đó liên hệ chúng đúng đắn với nhau, tạo ra nhiều khó khăn. Chính tình trạng này là nguồn phong

fruitful source of those difficulties which, when carried down into the physical body, produce disease of various kinds, the many tensions and congestions, the overstimulation of the centres in one part of the etheric vehicle and their underdevelopment in another, plus the unequal unfoldment and wrong balance of the centres.

phú của những khó khăn mà, khi được chuyển xuống thể xác, tạo ra nhiều loại bệnh tật khác nhau, nhiều căng thẳng và tắc nghẽn, sự kích thích quá mức của các trung tâm ở một phần của vận cụ dĩ thái và sự kém phát triển của chúng ở phần khác, cộng với sự khai mở không đồng đều và sự mất quân bình sai lệch của các trung tâm.

Much is said today in modern medical investigation anent the "imbalance" of the endocrine glands, and many physical difficulties are ascribed to this frequent imbalance. But behind this condition of the glandular system lies the basic imbalance of the centres themselves. Only when there is a right understanding of force and its reception and consequent use, will right balance be achieved and the human endocrine system control the physical man in the manner that is intended.

Ngày nay, trong nghiên cứu y học hiện đại, người ta nói nhiều về sự "mất quân bình" của các tuyến nội tiết, và nhiều khó khăn hồng trần được quy cho sự mất quân bình thường xuyên này. Nhưng đằng sau tình trạng của hệ tuyến này là sự mất quân bình căn bản của chính các trung tâm. Chỉ khi có sự thấu hiểu đúng đắn về mãnh lực và sự tiếp nhận cùng việc sử dụng tiếp theo của nó, thì sự quân bình đúng đắn mới đạt được và hệ nội tiết của con người mới kiểm soát được phàm nhân hồng trần theo cách đã được dự định.

There is much need today for the study of the following problems:

Ngày nay rất cần nghiên cứu các vấn đề sau:

1. The problem of the right reception of force through the appropriate centre. An instance of this might be found in the correct control of the solar plexus centre as the one in which astral sensitivity can be registered and properly handled.[85]

1. Vấn đề tiếp nhận đúng đắn mãnh lực qua trung tâm thích hợp. Một ví dụ về điều này có thể được tìm thấy trong việc kiểm soát đúng đắn trung tâm tùng thái dương như là trung tâm trong đó sự nhạy cảm cảm dục có thể được ghi nhận và xử lý thích đáng.[85]

2. The problem of the right relation of a particular centre to its related gland, permitting the free play of the force pouring through the centre to the allied glandular correspondence, thus conditioning its peculiar hormone and eventually conditioning the blood stream. If you grasp this sequence of contact, you will understand more clearly the occult significance of the words in the Old

2. Vấn đề về mối liên hệ đúng đắn của một trung tâm đặc thù với tuyến liên hệ của nó, cho phép sự vận hành tự do của mãnh lực tuôn qua trung tâm đến đối ứng tuyến liên kết, nhờ đó tác động lên hormone đặc thù của nó và cuối cùng tác động lên dòng máu. Nếu bạn nắm được chuỗi tiếp xúc này, bạn sẽ hiểu rõ hơn ý nghĩa huyền bí của những lời trong Cựu Ước rằng "máu là sự sống." Chính sinh lực đến từ thể dĩ thái hoạt động xuyên

Testament that “the blood is the life.” It is the vitality coming from the etheric body which works through into the blood stream, via the centre which is responsive to one of the seven peculiar types of force, and its allied gland. It will be apparent, therefore, that there is a close relation between:

vào dòng máu, qua trung tâm đáp ứng với một trong bảy loại mãnh lực đặc thù, và tuyến liên kết của nó. Vì vậy, sẽ hiển nhiên rằng có một mối liên hệ mật thiết giữa:

a. The etheric body as a transmitter of a vast aggregate of energies and forces.

a. Thể dĩ thái như một bộ truyền dẫn của một tổng thể rộng lớn các năng lượng và mãnh lực.

b. The endocrine system whose various glands are in reality the externalisation or materialisation of the centres, major and minor.

b. Hệ nội tiết mà các tuyến khác nhau của nó thực ra là sự ngoại hiện hay hiện hình của các trung tâm, chính và phụ.

c. The heart, which is the centre of life as the brain is the centre of consciousness. From the heart, the blood circulates and is controlled. Thus these three great systems are related.

c. Tim, là trung tâm của sự sống cũng như não là trung tâm của tâm thức. Từ tim, máu lưu thông và được kiểm soát. Như vậy, ba hệ thống lớn này có liên hệ với nhau.

d. The entire glandular system to the nervous system through the medium of the network of nerves and the “nadis” which underlie this network. These nadis are the threads of life force which underlie every part of the body and particularly the nervous system in all its aspects.

d. Toàn bộ hệ tuyến với hệ thần kinh qua trung gian của mạng lưới thần kinh và các “nadis” làm nền cho mạng lưới này. Các nadis này là những sợi dây sinh lực làm nền cho mọi phần của cơ thể và đặc biệt là hệ thần kinh trong mọi phương diện của nó.

To these problems and relationships another might be added. This is the interrelation which must be established between all the centres, permitting the free play of force in correct rhythm throughout the physical vehicle.

Vào các vấn đề và các mối liên hệ này có thể thêm một vấn đề khác. Đó là mối tương liên phải được thiết lập giữa tất cả các trung tâm, cho phép sự vận hành tự do của mãnh lực trong nhịp điệu đúng đắn xuyên suốt vận cụ hồng trần.

[86]

[86]

You have, therefore, certain great interlocking directorates which control or fail to control the physical body. Where there

Vì vậy, bạn có một số ban điều hành đan kết lớn kiểm soát hoặc không kiểm soát được thể xác. Ở đâu có sự thiếu kiểm soát, điều đó

is lack of control it is due to the failure to establish right relations within the body, or to lack of development. These interlocking groups are:

là do thất bại trong việc thiết lập các mối liên hệ đúng đắn bên trong cơ thể, hoặc do thiếu phát triển. Những nhóm đan kết này là:

1. That of the etheric body, which works primarily through its seven major centres but also through many other centres.

1. Nhóm của thể dĩ thái, hoạt động chủ yếu qua bảy trung tâm chính của nó nhưng cũng qua nhiều trung tâm khác.

2. That of the endocrine system, which works primarily through the seven major glandular groups, but also through many other less important glands.

2. Nhóm của hệ nội tiết, hoạt động chủ yếu qua bảy nhóm tuyến chính, nhưng cũng qua nhiều tuyến khác ít quan trọng hơn.

3. That of the nervous system (the sympathetic and the cerebro-spinal) with a peculiar emphasis laid upon the vagus nerve with its effect upon the heart and consequently upon the blood stream.

3. Nhóm của hệ thần kinh (giao cảm và não-tủy) với sự nhấn mạnh đặc biệt đặt vào dây thần kinh phế vị cùng tác động của nó lên tim và do đó lên dòng máu.

All these points have to be considered and correlated in any system of occult healing, and the technical matter to be covered is, in the last analysis, less intricate than the vast system built up by orthodox medicine and surgery. It is because of the lack of coordination of these three systems that the healing art is at this time failing to achieve all that it desires. It has done much, but must move another step onto the etheric plane before the real clue to disease and its cure can be ascertained.

Tất cả những điểm này phải được xem xét và tương liên trong bất kỳ hệ thống trị liệu huyền bí nào, và về phân tích rốt ráo, vấn đề kỹ thuật cần được bao quát ít phức tạp hơn hệ thống đồ sộ do y học và phẫu thuật chính thống xây dựng. Chính vì thiếu phối hợp của ba hệ thống này mà nghệ thuật trị liệu hiện nay chưa đạt được tất cả những gì nó mong muốn. Nó đã làm được nhiều, nhưng phải tiến thêm một bước nữa lên cõi dĩ thái trước khi đầu mối thực sự của bệnh tật và cách chữa trị nó có thể được xác định.

For instance, lack of vitality and the common subnormal conditions with which we are so familiar, indicate the inertia of the etheric body and its lack of vitality. The results of this inertness of the vital body can be both physical and psychological, because the glands in the physical body will not function normally and, as is well known, they condition the physical expression of man as well as his emotional and mental states, in so far as those are able or not able

Chẳng hạn, sự thiếu sinh lực và những tình trạng dưới mức bình thường thông thường mà chúng ta quá quen thuộc cho thấy tính trì trệ của thể dĩ thái và sự thiếu sinh lực của nó. Kết quả của sự trì trệ này của thể sinh lực có thể vừa là hồng trần vừa là tâm lý, bởi vì các tuyến trong thể xác sẽ không hoạt động bình thường và, như ai cũng biết, chúng tác động lên sự biểu hiện hồng trần của con người cũng như lên các trạng thái cảm xúc và trí tuệ của y, trong chừng mực các trạng

to [87] find expression through the medium of the physical vehicle. The glands do not condition the inner man or his states of consciousness, but they can and do prevent those inner states finding manifestation outwardly. In the reverse situation, too powerful an etheric body and the overstimulation of the centres concerned, may put too great a strain upon the nervous system and produce, as a consequence, definite nervous trouble, migraine, mental and emotional imbalance and, in some cases, lead to insanity.

thái ấy có thể hay không thể [87] tìm được sự biểu hiện qua trung gian của vận cụ hồng trần. Các tuyến không tác động lên con người bên trong hay các trạng thái tâm thức của y, nhưng chúng có thể và thực sự ngăn cản các trạng thái bên trong ấy tìm được biểu hiện ra ngoài. Trong tình huống ngược lại, một thể dĩ thái quá mạnh và sự kích thích quá mức của các trung tâm liên quan có thể đặt một áp lực quá lớn lên hệ thần kinh và do đó tạo ra những rối loạn thần kinh rõ rệt, chứng đau nửa đầu, sự mất quân bình trí tuệ và cảm xúc, và trong một số trường hợp dẫn đến điên loạn.

I have elaborated this matter somewhat because the relation of the etheric body to the physical body and its receptivity to the inner energies most decidedly condition the man. It will be necessary for us to have this ever in mind as we study the causes of the diseases arising in the mental body, or due to the activity of the soul in the life of the disciple, or as we investigate the processes whereby a man is prepared for initiation. The etheric body must always, and invariably does, act as the transmitting agent of the inner energies to the outer plane, and the physical body has to learn to respond to and recognise that which is transmitted. The effectiveness of the transmission and the resultant physical activity depend always upon the centres, which, in their turn, condition the glands; these, later, determine the nature and the expressed consciousness of the man. If the centres are awakened and receptive, there will be found a physical apparatus which will be responsive to the forces flowing through. If the centres are asleep, and thus little force can be transmitted, you will find a physical apparatus which will be equally slow and unresponsive. If the centres below the diaphragm are awakened and those above are not, you will have a man whose

Tôi đã khai triển vấn đề này hơi nhiều vì mối liên hệ của thể dĩ thái với thể xác và tính tiếp nhận của nó đối với các năng lượng bên trong rõ ràng là tác động lên con người. Chúng ta cần luôn luôn ghi nhớ điều này khi nghiên cứu các nguyên nhân của bệnh phát sinh trong thể trí, hoặc do hoạt động của linh hồn trong đời sống của đệ tử, hoặc khi khảo sát các tiến trình nhờ đó con người được chuẩn bị cho điểm đạo. Thể dĩ thái luôn luôn, và thực sự luôn luôn, phải hoạt động như tác nhân truyền dẫn các năng lượng bên trong ra cõi ngoài, và thể xác phải học cách đáp ứng và nhận biết điều được truyền đạt. Hiệu quả của sự truyền dẫn và hoạt động hồng trần phát sinh từ đó luôn luôn tùy thuộc vào các trung tâm, mà đến lượt chúng tác động lên các tuyến; rồi về sau các tuyến này quyết định bản chất và tâm thức được biểu hiện của con người. Nếu các trung tâm đã thức tỉnh và tiếp nhận, sẽ tìm thấy một bộ máy hồng trần đáp ứng được với các mãnh lực đang tuôn qua. Nếu các trung tâm đang ngủ, và do đó ít mãnh lực có thể được truyền đi, bạn sẽ thấy một bộ máy hồng trần cũng chậm chạp và không đáp ứng tương ứng. Nếu các trung tâm dưới cơ hoành đã thức tỉnh còn các trung tâm trên đó thì chưa, bạn sẽ có một con người mà tâm thức của y sẽ tập trung trong bản chất động vật và cảm

consciousness will be focussed in the animal and the emotional natures, and much of his physical disease will lie below the diaphragm also. You will see, therefore, how intricate and complex [88] this whole matter is—so complex that it will only be truly understood when human beings regain the lost power to "see the light" of the etheric body and of its seven major centres and, through a developed sense of touch in the hands and fingers, to ascertain the rate of vibration in the various centres. When these two means of knowledge are available, the entire subject of the etheric body will take on a new importance and be correctly understood.

xúc, và phần lớn bệnh tật hồng trần của y cũng sẽ nằm dưới cơ hoành. Vì vậy, bạn sẽ thấy toàn bộ vấn đề này phức tạp và rắc rối đến mức nào [88]—phức tạp đến nỗi nó chỉ thực sự được thấu hiểu khi con người lấy lại được năng lực đã mất là "thấy ánh sáng" của thể dĩ thái và của bảy trung tâm chính của nó và, qua một xúc giác đã phát triển ở bàn tay và các ngón tay, xác định được tốc độ rung động trong các trung tâm khác nhau. Khi hai phương tiện tri thức này sẵn có, toàn bộ chủ đề về thể dĩ thái sẽ mang một tầm quan trọng mới và được hiểu đúng đắn.

3. CAUSES ARISING IN THE MENTAL BODY — 3. CÁC NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH TRONG THỂ TRÍ

I started this section of our study with the causes arising in the astral and etheric bodies because they are the major sources of trouble, owing to the fact that the bulk of humanity is astrally focussed, just as the bulk of the forms in the animal kingdom are etherically focussed. The forces pouring into the animal kingdom come predominantly from etheric levels and from the dense physical levels of life. The higher animals, however, owing to the development brought about through their contact with human beings, are becoming susceptible to forces coming from the astral plane, and they thus develop actions and reactions which are not purely instinctual.

Tôi đã bắt đầu phần này của công trình nghiên cứu của chúng ta với các nguyên nhân phát sinh trong thể cảm dục và thể dĩ thái bởi vì chúng là những nguồn gốc chính của rắc rối, do sự kiện là phần lớn nhân loại tập trung trong cảm dục, cũng như phần lớn các hình tướng trong giới động vật tập trung trong dĩ thái. Các mãnh lực tuôn vào giới động vật đến chủ yếu từ các cấp độ dĩ thái và từ các cấp độ hồng trần đậm đặc của sự sống. Tuy nhiên, các động vật cao cấp hơn, do sự phát triển có được nhờ tiếp xúc với con người, đang trở nên nhạy cảm với các mãnh lực đến từ cõi cảm dục, và do đó chúng phát triển những hành động và phản ứng không hoàn toàn chỉ là bản năng.

Today, owing to the development of the mind in the Aryan race, certain difficulties may arise in the physical body. Their origin is not basically mental but primarily due to the fact that the mental body is the transmitter (when active and rightly

Ngày nay, do sự phát triển của trí tuệ trong giống dân Arya, một số khó khăn có thể phát sinh trong thể xác. Nguồn gốc của chúng không căn bản là trí tuệ mà chủ yếu là do thể trí là bộ truyền dẫn (khi hoạt động và được chỉnh hợp đúng) của năng lượng linh hồn,

aligned) of soul energy and this soul energy, pouring into the physical body, can produce certain conditions of overstimulation and difficulties connected with the nervous system. But it is the transmitted energy which causes the trouble and not the factor arising from the mind itself. I will elaborate this a little later. [89]

và năng lượng linh hồn này, tuôn vào thể xác, có thể tạo ra một số tình trạng kích thích quá mức và những khó khăn liên hệ với hệ thần kinh. Nhưng chính năng lượng được truyền dẫn gây ra rắc rối chứ không phải yếu tố phát sinh từ chính thể trí. Tôi sẽ khai triển điều này thêm một chút sau. [89]

A. Wrong Mental Attitudes.

A. Những thái độ trí tuệ sai lầm.

I would like to deal, first of all, with the basic premise that disease and physical liabilities are not the result of wrong thought. They are far more likely to be the result of no thought at all, or are caused by the failure to follow those fundamental laws which govern the Mind of God. One interesting instance of this failure is the fact that man does not follow the basic Law of Rhythm, which governs all the processes of nature, and man is a part of nature. It is to this failure to work with the Law of Periodicity that we can trace much of the difficulty inherent in the use and the misuse of the sex urge. Instead of man being governed by the cyclic manifestation of the sex impulse, and his life, therefore, being ruled by a definite rhythm, there exists at this time no such thing, except in the cycles through which the female passes, and little attention is paid to these. The male, however, is not governed by any such cycles, and has broken in also on the rhythm to which the female body should be subordinated, and which—rightly understood—would determine the use of the sex relationship, including naturally the male impulse also. This failure to live by the Law of Periodicity and to subordinate the appetites to cyclic control is one of the major causes of disease; and as these laws are given form on the mental plane, one might legitimately say that their infringement has a mental basis. This might be the case if the

Trước hết, tôi muốn đề cập đến tiền đề căn bản rằng bệnh tật và những yếu kém hồng trần không phải là kết quả của tư tưởng sai lầm. Chúng rất có thể là kết quả của việc hoàn toàn không suy nghĩ, hoặc do thất bại trong việc tuân theo những định luật căn bản chi phối Trí của Thượng đế. Một ví dụ thú vị về sự thất bại này là sự kiện con người không tuân theo Định luật Nhịp điệu căn bản, vốn chi phối mọi tiến trình của thiên nhiên, và con người là một phần của thiên nhiên. Chính từ sự thất bại trong việc làm việc với Định luật Chu kỳ này mà chúng ta có thể truy nguyên phần lớn khó khăn vốn có trong việc sử dụng và lạm dụng xung lực tính dục. Thay vì con người được chi phối bởi sự biểu hiện có chu kỳ của xung lực tính dục, và do đó đời sống của y được cai quản bởi một nhịp điệu xác định, thì hiện nay không hề có điều như vậy, ngoại trừ trong các chu kỳ mà người nữ trải qua, và người ta cũng ít chú ý đến các chu kỳ ấy. Tuy nhiên, người nam không bị chi phối bởi bất kỳ chu kỳ nào như thế, và cũng đã phá vỡ nhịp điệu mà cơ thể người nữ đáng lẽ phải tuân theo, và nhịp điệu ấy—nếu được hiểu đúng—sẽ quyết định việc sử dụng mối quan hệ tính dục, dĩ nhiên bao gồm cả xung lực nam giới. Sự thất bại trong việc sống theo Định luật Chu kỳ và trong việc đặt các dục vọng dưới sự kiểm soát có chu kỳ là một trong những nguyên nhân chính của bệnh tật; và vì các định luật này được định hình trên cõi trí,

race were working mentally, but it is not. It is in the modern world of today that there is beginning a widespread infringement of these mental laws, particularly of the Law of Cycles, which determines the tides, controls world events and should also condition the individual and so establish rhythmic life habits—one of the major predisposing incentives to good health.

nên người ta có thể chính đáng nói rằng sự vi phạm chúng có một nền tảng trí tuệ. Điều này có thể đúng nếu nhân loại đang hoạt động bằng trí tuệ, nhưng không phải vậy. Chính trong thế giới hiện đại ngày nay mới bắt đầu có một sự vi phạm rộng khắp các định luật trí tuệ này, đặc biệt là Định luật Chu kỳ, vốn quyết định thủy triều, kiểm soát các biến cố thế giới và cũng phải tác động lên cá nhân để từ đó thiết lập các thói quen sống có nhịp điệu—một trong những động lực chính khiến sức khỏe tốt được hình thành.

[90]

[90]

By breaking this Law of Rhythm, man has disorganised the forces which, rightly used, tend to bring the body into a sound and healthy condition; by so doing, he has laid the foundation for that general debility and those inherent organic tendencies which predispose a man to ill health and which permit entrance into the system of those germs and bacteria which produce the outer forms of malignant disease. When humanity regains an understanding of the right use of time (which determines the Law of Rhythm on the physical plane), and can determine the proper cycles for the various manifestations of the life force upon the physical plane, then what was earlier an instinctual habit will become the intelligent usage of the future. This will constitute an entirely new science, and the rhythm of the natural processes and the establishing, as habits, the correct cycles of physical functioning, will bring about a new era of health and of sound physical conditions for the entire race. I used the word "establishing," for as the focus of racial attention shifts into the region of the higher values the physical vehicle will gain enormously, and good health—through right rhythmic living, plus correct thinking

Bằng cách phá vỡ Định luật Nhịp điệu này, con người đã làm rối loạn các mãnh lực mà, nếu được sử dụng đúng, có khuynh hướng đưa thể xác vào một tình trạng lành mạnh và khỏe mạnh; khi làm như vậy, y đã đặt nền tảng cho sự suy nhược tổng quát và những khuynh hướng hữu cơ cố hữu khiến con người dễ đau yếu và cho phép những vi trùng và vi khuẩn tạo ra các hình thức bên ngoài của bệnh ác tính xâm nhập vào hệ thống. Khi nhân loại lấy lại được sự thấu hiểu về việc sử dụng đúng đắn thời gian (điều quyết định Định luật Nhịp điệu trên cõi hồng trần), và có thể xác định các chu kỳ thích hợp cho những biểu hiện khác nhau của sinh lực trên cõi hồng trần, thì điều trước kia là một thói quen bản năng sẽ trở thành cách sử dụng thông minh của tương lai. Điều này sẽ cấu thành một khoa học hoàn toàn mới, và nhịp điệu của các tiến trình tự nhiên cùng việc thiết lập, như những thói quen, các chu kỳ đúng đắn của hoạt động hồng trần sẽ mang lại một kỷ nguyên mới của sức khỏe và những điều kiện hồng trần lành mạnh cho toàn thể nhân loại. Tôi đã dùng từ "thiết lập," vì khi tiêu điểm chú ý của nhân loại chuyển vào lĩnh vực của các giá trị cao hơn thì vận cụ hồng trần sẽ được lợi rất nhiều, và sức khỏe

and soul contact—will become permanently established.

tốt—nhờ đời sống có nhịp điệu đúng đắn, cộng với tư tưởng đúng đắn và tiếp xúc linh hồn—sẽ được thiết lập một cách bền vững.

There are, therefore, very few ills to which flesh is heir which are mentally based. It is exceedingly difficult to establish what they are. There are two reasons for this statistical failure:

Do đó, có rất ít bệnh tật mà xác thịt phải gánh chịu lại có nền tảng trí tuệ. Việc xác định chúng là gì cực kỳ khó khăn. Có hai lý do cho sự thất bại về mặt thống kê này:

1. The fact that very few, relatively speaking of the race are mentally polarised and therefore thinking.

1. Sự kiện là tương đối rất ít người trong nhân loại được phân cực trí tuệ và do đó thực sự suy nghĩ.

2. The fact that the bulk of diseases are etheric or astral.

2. Sự kiện là phần lớn bệnh tật thuộc về dĩ thái hoặc cảm dục.

Another factor producing this difficulty is that the thinking and the emotional reactions of man are so closely interrelated that it is not easy at this stage in evolution to [91] separate feeling and thought, or to say that such or such ills arise in the astral or the mental body, or that certain ills are due to wrong feeling and others to wrong thinking. Speaking in terms of the entire human family, the thinking that is done in the world of today, is done by the relatively few. The rest are occupied with feeling, with sensuous perception and with the many and differing aspects of emotionalism such as irritability, worry, acute anxiety, aspiration towards some desired end or goal, depression, plus the dramatic life of the senses and of the "I in the centre" consciousness. Few live in the world of thought and fewer still in the world of reality. When they do, the result is inevitably a better average of health, because there is better integration, and as a result a freer play of the life forces throughout the vehicles of expression.

Một yếu tố khác tạo ra khó khăn này là tư tưởng và các phản ứng cảm xúc của con người liên hệ chặt chẽ với nhau đến mức ở giai đoạn tiến hoá này không dễ [91] tách biệt cảm giác và tư tưởng, hoặc nói rằng bệnh này hay bệnh kia phát sinh trong thể cảm dục hay thể trí, hoặc rằng một số bệnh là do cảm xúc sai lầm còn những bệnh khác là do tư tưởng sai lầm. Nói theo toàn thể gia đình nhân loại, sự suy nghĩ đang được thực hiện trong thế giới ngày nay là do số ít tương đối. Phần còn lại bận rộn với cảm giác, với tri giác cảm quan và với nhiều phương diện khác nhau của cảm xúc tính như tính dễ cáu, lo lắng, ưu tư gay gắt, khát vọng hướng đến một cứu cánh hay mục tiêu mong muốn, trầm uất, cộng với đời sống kịch tính của các giác quan và của tâm thức "cái tôi ở trung tâm". Ít người sống trong thế giới của tư tưởng và còn ít hơn nữa trong thế giới của thực tại. Khi họ làm được như vậy, kết quả tất yếu là mức sức khỏe trung bình tốt hơn, bởi vì có sự tích hợp tốt hơn, và do đó có sự vận hành tự do hơn của các sinh lực xuyên suốt các vận cụ biểu hiện.

B. Mental Fanaticism. The Dominance of Thoughtforms.

I would point out here that the diseases and difficulties which arise from what I have called wrong mental attitudes, fanaticisms and frustrated idealisms and thwarted hopes, fall into three categories, and a study of these will show you that, in the last analysis, they are not of mental origin at all, but primarily are the result of emotionalism entering in.

1. Those incident to the imposed physical plane activity and work which find their incentive in these mental conditions. They lead, for instance, to furious activity and overwork, due to the determination not to be frustrated but to make the plan work. The result is frequently the breaking down of the nervous system, which could have been avoided had the mental condition been changed and right rhythm on the physical plane achieved. But it was the work of a physical nature which caused the trouble far more than the mental condition. [92]

2. Those brought about by the state of rebellion which colours all the life, and the registering of violent emotional reactions. These may be based upon a mental realisation of the Plan, for instance, plus a recognition that those plans are not materialising, owing often to the inadequacy of the physical equipment; but the basic cause of the disease is the emotional rebellion, and therefore not the mental condition. Bitterness, disgust, hatred and a sense of frustration can and do produce many of the prevalent toxic conditions and a state of general poisoning and ill health from which many people habitually suffer. Their vision is bigger than their accomplishment, and this causes

B. Sự cuồng tín trí tuệ. Sự thống trị của các hình tư tưởng.

Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng các bệnh tật và khó khăn phát sinh từ điều mà tôi gọi là những thái độ trí tuệ sai lầm, những sự cuồng tín và những lý tưởng bị thất bại cùng những hy vọng bị ngăn trở, thuộc vào ba loại, và việc nghiên cứu chúng sẽ cho bạn thấy rằng, trong phân tích rốt ráo, chúng hoàn toàn không có nguồn gốc trí tuệ, mà chủ yếu là kết quả của cảm xúc tính xen vào.

1. Những điều gắn liền với hoạt động và công việc trên cõi hồng trần bị áp đặt, vốn tìm thấy động lực của chúng trong các tình trạng trí tuệ này. Chẳng hạn, chúng dẫn đến hoạt động cuồng nhiệt và làm việc quá sức, do quyết tâm không để bị thất bại mà phải làm cho kế hoạch thành công. Kết quả thường là sự suy sụp của hệ thần kinh, điều lẽ ra có thể tránh được nếu tình trạng trí tuệ được thay đổi và nhịp điệu đúng đắn trên cõi hồng trần được đạt tới. Nhưng chính công việc có tính chất hồng trần gây ra rắc rối nhiều hơn là tình trạng trí tuệ. [92]

2. Những bệnh do trạng thái phản kháng gây ra, trạng thái này nhuốm màu toàn bộ đời sống, và do sự ghi nhận các phản ứng cảm xúc dữ dội. Chúng có thể dựa trên một sự nhận thức bằng trí tuệ về Thiên Cơ, chẳng hạn, cộng với sự nhận biết rằng các kế hoạch ấy không được hiện thực hóa, thường là do sự bất toàn của bộ máy thể xác; nhưng nguyên nhân căn bản của bệnh là sự phản kháng cảm xúc, và vì thế không phải là tình trạng trí tuệ. Sự cay đắng, chán ghét, thù hận và cảm giác thất bại có thể và thực sự tạo ra nhiều tình trạng nhiễm độc phổ biến cùng một trạng thái đầu độc tổng quát và sức khỏe suy nhược mà nhiều người thường xuyên phải chịu. Tầm nhìn của họ lớn hơn thành tựu của họ, và điều này gây ra đau khổ

emotional suffering. The cure for this condition is to be found in the simple word acceptance. This is not a negative state of settling down to a submissive nonactive life, but it is a positive acceptance (in thought and in practical expression) of a condition which seems at present unavoidable. This leads to an avoidance of the waste of time in attempting the impossible and to right effort to carry forward that which is possible.

cảm xúc. Cách chữa trị cho tình trạng này được tìm thấy trong từ đơn giản là *sự chấp nhận*. Đây không phải là một trạng thái tiêu cực của việc cam chịu một đời sống phục tùng, không hoạt động, mà là một sự chấp nhận tích cực (trong tư tưởng và trong biểu hiện thực tiễn) đối với một tình trạng hiện nay dường như không thể tránh khỏi. Điều này dẫn đến việc tránh lãng phí thời gian trong nỗ lực làm điều bất khả, và đến nỗ lực đúng đắn để tiếp tục điều khả thi.

3. Those difficulties which are caused by the failure of the physical apparatus to measure up to the demands of the thought life of the individual. These are, naturally and usually, a part of the physical inheritance, and where this is the case there is normally nothing much to do, though where the aspiration is real and persistent, a great deal might be accomplished in bringing about improvement and laying the ground for better functioning in another life cycle.

3. Những khó khăn do sự thất bại của bộ máy thể xác trong việc đáp ứng các đòi hỏi của đời sống tư tưởng của cá nhân. Một cách tự nhiên và thông thường, đây là một phần của di truyền thể xác, và khi đúng như vậy thì thường không thể làm được nhiều, mặc dù ở nơi nào khát vọng là chân thật và bền bỉ, rất nhiều điều có thể được thực hiện để đem lại sự cải thiện và đặt nền tảng cho sự hoạt động tốt hơn trong một chu kỳ sống khác.

It is necessary here that I should deal, as briefly as possible, with the problem of mental healing and with the teaching that all disease is the product of wrong thought. You are starting out to work, and I would have clear thinking on this point. The two problems which I have posited [93] are closely related. We could express them in the form of two questions:

Ở đây, tôi cần đề cập, càng ngắn gọn càng tốt, đến vấn đề trị liệu trí tuệ và đến giáo huấn cho rằng mọi bệnh tật đều là sản phẩm của tư tưởng sai lầm. Các bạn đang bắt đầu công việc, và tôi muốn có sự suy nghĩ rõ ràng về điểm này. Hai vấn đề mà tôi đã nêu ra [93] có liên hệ chặt chẽ với nhau. Chúng ta có thể diễn đạt chúng dưới hình thức hai câu hỏi:

1. Is disease the result of thought?

1. Bệnh tật có phải là kết quả của tư tưởng không?

2. Can the power of thought produce healing effects when used by an individual or a group?

2. Quyền năng của tư tưởng có thể tạo ra các hiệu quả chữa lành khi được một cá nhân hay một nhóm sử dụng không?

In view of the fact that many diseases are, as I have told you, latent in the very material of the planet itself, it is obvious that human

Xét theo sự kiện rằng nhiều bệnh tật, như tôi đã nói với các bạn, tiềm ẩn ngay trong chính vật chất của hành tinh này, thì hiển nhiên là

thought is not responsible for disease. It antedates the arrival of humanity upon the planet. There is disease in the mineral world, in the vegetable kingdom, and also among animals, even in their wild states and in their natural habitat, uncontaminated by man. Hence, man cannot be held responsible for this, nor is it the result of human wrong thinking. It provides no answer to the question to say that it must therefore be due to the wrong thinking of the planetary Logos or of the solar Logos. This is only a begging of the question and an evasion of the issue.

tư tưởng của con người không chịu trách nhiệm về bệnh tật. Nó có trước sự xuất hiện của nhân loại trên hành tinh. Có bệnh trong giới kim thạch, trong giới thực vật, và cả nơi giới động vật, ngay cả trong trạng thái hoang dã và trong môi trường sống tự nhiên của chúng, không bị con người làm ô nhiễm. Vì thế, con người không thể bị quy trách nhiệm về điều này, cũng không phải đó là kết quả của tư tưởng sai lầm của con người. Không thể trả lời câu hỏi bằng cách nói rằng vì vậy nó hẳn phải là do tư tưởng sai lầm của Hành Tinh Thượng Đế hay của Thái dương Thượng đế. Điều này chỉ là lấy điều cần chứng minh làm tiền đề và né tránh vấn đề.

I would here remind you of the two definitions of the causes of disease which I earlier gave. Let me call them to your careful attention:

Ở đây tôi muốn nhắc các bạn về hai định nghĩa về nguyên nhân của bệnh mà trước đây tôi đã đưa ra. Hãy để tôi kêu gọi sự chú ý cẩn trọng của các bạn đến chúng:

"All disease is the result of inhibited soul life. This is true of all forms in all kingdoms."

"Mọi bệnh tật đều là kết quả của sự sống linh hồn bị ngăn trở. Điều này đúng với mọi hình tướng trong mọi Giới."

"Disease is the product of and subject to three influences. First, a man's past wherein he pays the price of ancient error. Second, his inheritance wherein he shares with all mankind those tainted streams of energy which are of group origin. Thirdly, he shares with all the natural forms that which the Lord of Life imposes on those forms. Those three influences are called the Ancient Law of evil Sharing. This must give place some day to that new Law of Ancient Dominating Good. This law will be brought into activity by the spiritual will of man."

"Bệnh tật là sản phẩm của và chịu sự chi phối của ba ảnh hưởng. Thứ nhất, quá khứ của một người, trong đó y trả giá cho lỗi lầm xưa cũ. Thứ hai, di truyền của y, trong đó y chia sẻ với toàn thể nhân loại những dòng năng lượng nhiễm độc có nguồn gốc nhóm. Thứ ba, y chia sẻ với mọi hình tướng tự nhiên điều mà Chúa Tể của Sự Sống áp đặt lên các hình tướng ấy. Ba ảnh hưởng đó được gọi là *Định luật Cổ xưa của sự Chia sẻ điều ác*. Một ngày nào đó, nó phải nhường chỗ cho *Định luật Mới của Điều Thiện Cổ xưa Thống Trị*. Ý chí tinh thần của con người sẽ đưa định luật này vào hoạt động."

[94]

[94]

If you analyse the four causes of disease here given, you will note that disease will

Nếu các bạn phân tích bốn nguyên nhân của bệnh được nêu ở đây, các bạn sẽ nhận thấy

eventually be controlled by the release of the soul in all forms, and that this will be done by the active use by man of his spiritual will. We could word this otherwise and say that when soul energy and the right use of the will (which in the individual is the reflection and the agent of the will energy of the soul) is released and rightly directed by the mind, then disease can be handled and brought eventually to an end. It is therefore by the imposition of a higher energy and of a higher rhythm upon the lower forces that disease can be controlled. Disease is therefore the result in the physical body of the failure to bring in these higher energies and rhythms, and that, in its turn, is dependent upon the point in evolution.

rằng bệnh tật rốt cuộc sẽ được kiểm soát bằng sự giải phóng linh hồn trong mọi hình tướng, và điều này sẽ được thực hiện bằng việc con người sử dụng tích cực ý chí tinh thần của mình. Chúng ta có thể diễn đạt điều này theo cách khác và nói rằng khi năng lượng linh hồn và việc sử dụng đúng đắn ý chí (vốn trong cá nhân là sự phản chiếu và là tác nhân của năng lượng ý chí của linh hồn) được giải phóng và được thể trí hướng dẫn đúng đắn, thì bệnh tật có thể được xử lý và cuối cùng được chấm dứt. Vì vậy, chính bằng việc áp đặt một năng lượng cao hơn và một nhịp điệu cao hơn lên các lực thấp hơn mà bệnh tật có thể được kiểm soát. Do đó, bệnh là kết quả trong thể xác của sự thất bại trong việc đưa các năng lượng và nhịp điệu cao hơn này vào, và điều đó đến lượt nó lại tùy thuộc vào điểm tiến hoá.

It is the dim sensing of this failure and the realisation of these facts that has brought so many groups to believe in the cure of disease by thought power and to ascribe the appearance of disease to wrong thinking. But in reality, humanity must some day learn that it is only the higher consciousness of the soul, working through the mind, that can finally solve this difficult problem.

Chính sự cảm nhận mơ hồ về sự thất bại này và sự nhận biết các sự kiện này đã khiến nhiều nhóm tin vào việc chữa bệnh bằng quyền năng tư tưởng và quy sự xuất hiện của bệnh cho tư tưởng sai lầm. Nhưng trên thực tế, một ngày nào đó nhân loại phải học rằng chỉ có tâm thức cao hơn của linh hồn, hoạt động qua thể trí, mới có thể rốt ráo giải quyết vấn đề khó khăn này.

We cannot consequently affirm that disease, as a general rule, has any relation to thought. It is simply the misuse of the forces of the etheric, the astral and of the dense physical levels. The majority of people are helpless to do anything about it, as the forces which constitute the physical body, for instance, and which pass through and play upon it, are inherited from a very ancient past, are a constituent part of the environment and of the group life into which they are integrated and which they share with all their fellowmen. Such force-matter is coloured with the results of

Do đó, chúng ta không thể khẳng định rằng bệnh tật, như một quy luật chung, có bất kỳ liên hệ nào với tư tưởng. Nó chỉ đơn giản là sự sử dụng sai các lực của các cấp dĩ thái, cảm dục và hồng trần đậm đặc. Đa số mọi người bất lực không thể làm gì về điều đó, vì các lực cấu thành thể xác, chẳng hạn, và đi xuyên qua cũng như tác động lên nó, được thừa hưởng từ một quá khứ rất xa xưa, là một phần cấu thành của môi trường và của đời sống nhóm mà họ được tích hợp vào và chia sẻ với tất cả đồng loại của mình. Loại vật chất-lực ấy nhuốm màu các kết quả của những nhịp điệu sai lầm cổ xưa, những lực

ancient wrong rhythms, misused forces and inherited qualities. Soul energy, expressed through right thinking, can cure diseases to which man is prone. It is failure to think and to register [95] and express the higher states of consciousness which leads to wrong rhythms. Consequently, I repeat that disease is not the result of thought.

bị sử dụng sai và những phẩm tính di truyền. Năng lượng linh hồn, được biểu lộ qua tư tưởng đúng đắn, có thể chữa các bệnh mà con người dễ mắc phải. Chính sự thất bại trong việc suy nghĩ, ghi nhận [95] và biểu lộ các trạng thái tâm thức cao hơn dẫn đến những nhịp điệu sai lầm. Vì vậy, tôi nhắc lại rằng bệnh tật không phải là kết quả của tư tưởng.

C. Frustrated Idealism.

C. Chủ nghĩa lý tưởng bị thất bại.

There are, however, certain diseases which appear in the physical mechanism and which are definitely rooted in the fact that activity (which is the result of thinking specifically) has been coloured and conditioned by the emotional life of the individual, and the emotional life is a fruitful source of disease and of establishing wrong rhythms. It is therefore the predominance of the astral force, and not of the mental energy, which really causes the physical trouble. I am not referring here to the diseases of the nervous system and of the brain, which are the result of overstimulation and of the impact of energy (often from the mind and the soul) upon an instrument unfitted to handle it. These we will consider later. I refer simply to the following sequence of events in the psychological life and the consequent resultant activities:

Tuy nhiên, có một số bệnh xuất hiện trong bộ máy thể xác và rõ ràng bắt nguồn từ sự kiện rằng hoạt động (vốn là kết quả của tư tưởng, xét riêng về tư tưởng) đã bị nhuốm màu và bị tác động bởi đời sống cảm xúc của cá nhân, và đời sống cảm xúc là một nguồn phong phú của bệnh tật và của việc thiết lập những nhịp điệu sai lầm. Vì vậy, chính sự trội vượt của lực cảm dục, chứ không phải của năng lượng trí tuệ, mới thật sự gây ra rắc rối thể xác. Ở đây tôi không nói đến các bệnh của hệ thần kinh và của bộ não, vốn là kết quả của sự kích thích quá mức và của tác động của năng lượng (thường từ thể trí và linh hồn) lên một công cụ không thích hợp để xử lý nó. Chúng ta sẽ xét đến những điều này sau. Tôi chỉ đề cập đến chuỗi sự kiện sau đây trong đời sống tâm lý và các hoạt động hệ quả phát sinh từ đó:

Disease is a form of activity.

Bệnh tật là một hình thức hoạt động.

1. Mental activity and energy produces (through the power of thought) certain registration of plans, idealisms and ambitions.

1. Hoạt động và năng lượng trí tuệ tạo ra (qua quyền năng của tư tưởng) một sự ghi nhận nào đó về các kế hoạch, các lý tưởng và các tham vọng.

2. This energy, blended with astral energy, becomes dominated and controlled by astral reactions of an undesirable kind, such as

2. Năng lượng này, hòa trộn với năng lượng cảm dục, trở nên bị chi phối và kiểm soát bởi các phản ứng cảm dục không mong muốn,

worry over non-accomplishment, the failure to materialise the plans, etc. The life becomes consequently embittered.

3. Disease then appears in the physical body, according to the predisposing tendencies of the body and its inherent, inherited weaknesses.

[96]

You will note that, in reality, the mental body, and the power of thought, have in no case been the cause of trouble. It has been caused by the obliteration of the original thought and its stepping down to the level of emotionalism. When this stepping down and eventual control by astral forces does not take place, and the thought remains clear and untouched upon the mental plane, there may be trouble of another kind, due to a failure to "carry through" the thought into effective action upon the physical plane. This failure produces not only the cleavage in the personality so well known to the practicing psychologist, but also a cutting off of a much needed stream of energy. As a consequence, the physical body is devitalised and falls heir to bad health. When the thought can be carried through to the physical brain and there becomes a directing agent of the life force, you will usually have a condition of good health, and this has proved true whether the individual thought has been good or bad, rightly motivated or wrongly oriented. It is simply the effect of integration, because saints and sinners, the selfish and the unselfish and all kinds of people, can achieve integration and a thought-directed life.

như lo lắng vì không hoàn thành, thất bại trong việc hiện thực hóa các kế hoạch, v.v. Do đó đời sống trở nên cay đắng.

3. Khi ấy bệnh xuất hiện trong thể xác, tùy theo các khuynh hướng dễ mắc bệnh của thể xác và các điểm yếu nội tại, di truyền của nó.

[96]

Các bạn sẽ lưu ý rằng, trên thực tế, thể trí và quyền năng của tư tưởng trong không trường hợp nào là nguyên nhân của rắc rối. Rắc rối do sự xóa mờ tư tưởng nguyên thủy và việc hạ thấp nó xuống cấp độ cảm tính gây ra. Khi sự hạ thấp này và sự kiểm soát cuối cùng bởi các lực cảm dục không xảy ra, và tư tưởng vẫn rõ ràng, không bị chạm đến trên cõi trí, thì có thể có một loại rắc rối khác, do sự thất bại trong việc "thực hiện đến cùng" tư tưởng thành hành động hữu hiệu trên cõi hồng trần. Sự thất bại này không những tạo ra sự phân ly trong phàm ngã vốn rất quen thuộc với nhà tâm lý học thực hành, mà còn cắt đứt một dòng năng lượng rất cần thiết. Hệ quả là thể xác bị mất sinh lực và rơi vào tình trạng sức khỏe kém. Khi tư tưởng có thể được chuyển đến bộ não thể xác và ở đó trở thành một tác nhân chỉ đạo của sinh lực, các bạn thường sẽ có một tình trạng sức khỏe tốt, và điều này đã được chứng minh là đúng dù tư tưởng cá nhân ấy là tốt hay xấu, được thúc đẩy đúng hay định hướng sai. Đó đơn giản là hiệu quả của sự tích hợp, bởi vì các thánh nhân và tội nhân, người ích kỷ và người vị tha cùng mọi loại người đều có thể đạt được sự tích hợp và một đời sống được tư tưởng chỉ đạo.

The second question asks whether an individual or a group can heal by thought power.

Câu hỏi thứ hai đặt ra rằng liệu một cá nhân hay một nhóm có thể chữa lành bằng quyền năng tư tưởng hay không.

Most certainly the generalisation can be made that an individual and a group can heal and that thought can play its potent part in the healing process, but not thought alone and unaided. Thought can be the directing agency of forces and energies which can disrupt and dispel disease, but the process must be aided by the power to visualise, by an ability to work with particular forces as is deemed advisable, by an understanding of the rays and their types of energies, and also by a capacity to handle light substance, as it is called. To these powers must be added the ability to be en rapport with the one to be healed, plus a loving heart. In [97] fact, once these conditions are met, too much use of the thinking faculty and too potent a use of the mind processes can arrest and hinder the healing work. Thought has to condition the initial incentive, bringing the intelligence of the man to bear upon the problem of healing and a comprehension of the nature of the one to be healed; but once it has aided in focussing the attention of the healer and the healing group, it should become a steady but subconscious directive agent and nothing more than that.

Chắc chắn có thể khái quát rằng một cá nhân và một nhóm có thể chữa lành và rằng tư tưởng có thể đóng vai trò mạnh mẽ của nó trong tiến trình chữa lành, nhưng không phải chỉ có tư tưởng và không có trợ lực. Tư tưởng có thể là *tác nhân chỉ đạo của các lực* và năng lượng có thể phá vỡ và làm tiêu tan bệnh tật, nhưng tiến trình ấy phải được hỗ trợ bởi quyền năng hình dung, bởi khả năng làm việc với những lực đặc thù khi được xem là thích hợp, bởi sự thấu hiểu các cung và các loại năng lượng của chúng, và cũng bởi năng lực xử lý *chất liệu ánh sáng*, như nó được gọi. Vào các quyền năng này còn phải thêm khả năng thiết lập sự tương thông với người được chữa lành, cộng với một trái tim đầy yêu thương. Thực [97] ra, một khi các điều kiện này được đáp ứng, việc sử dụng quá nhiều năng lực suy nghĩ và việc vận dụng quá mạnh các tiến trình của trí tuệ có thể ngăn chặn và cản trở công việc chữa lành. Tư tưởng phải tác động lên động lực ban đầu, đem trí thông minh của con người áp dụng vào vấn đề chữa lành và vào sự hiểu biết bản chất của người được chữa lành; nhưng một khi nó đã giúp tập trung sự chú ý của người chữa lành và của nhóm chữa lành, nó nên trở thành một tác nhân chỉ đạo vững vàng nhưng tiềm thức, và không hơn thế.

The healing is accomplished, when possible, by the use of energy rightly directed and by detailed visualisation; love also plays a great part, as does the mind in the early stage. Perhaps I should say that a loving heart is one of the most potent of all the energies employed.

Việc chữa lành được thực hiện, khi có thể, bằng việc sử dụng năng lượng được hướng dẫn đúng đắn và bằng sự hình dung chi tiết; tình thương cũng đóng một vai trò lớn, cũng như trí tuệ trong giai đoạn đầu. Có lẽ tôi nên nói rằng một trái tim đầy yêu thương là một trong những năng lượng mạnh mẽ nhất trong tất cả các năng lượng được sử dụng.

I have brought these two questions to your attention because I am anxious for your minds to be clear upon these problems before you start any group work in healing.

Tôi đã đưa hai câu hỏi này ra để các bạn chú ý vì tôi mong trí tuệ của các bạn được sáng tỏ về các vấn đề này trước khi các bạn bắt đầu bất kỳ công việc chữa lành theo nhóm nào.

Thought neither cures disease nor causes it. Thought must be employed in the processes, but it is not the sole or the most important agent. It is on this point that many groups and healers go astray. The mind can direct energy and this energy can, in its turn, produce overstimulation of the brain and of the body cells and so cause nervous trouble and sometimes brain disease, but the mind itself and thinking, per se, cannot cause disease and trouble in the physical body. As the race learns to think clearly and definitely, and as the laws of thought begin to control the racial consciousness, disease—as we now know it—will be greatly lessened and more and more people will achieve integration. Where there is integration there is the free play of force and of energy throughout the material body. The problems of stimulation will, however, steadily increase with the growing sensitivity of the physical man and the developing focus of his consciousness in the mind nature. This will go on until [98] man learns how to handle the higher energies and to recognise the need for a rhythmic life, paying attention to the Law of Periodicity.

Tư tưởng không chữa bệnh cũng không gây bệnh. Tư tưởng phải được sử dụng trong các tiến trình ấy, nhưng nó không phải là tác nhân duy nhất hay quan trọng nhất. Chính ở điểm này mà nhiều nhóm và nhiều người chữa lành đi lạc đường. Thể trí có thể hướng dẫn năng lượng và năng lượng này, đến lượt nó, có thể tạo ra sự kích thích quá mức của bộ não và của các tế bào cơ thể và do đó gây ra rối loạn thần kinh và đôi khi là bệnh não, nhưng bản thân thể trí và tư tưởng, chính chúng, không thể gây ra bệnh và rắc rối trong thể xác. Khi nhân loại học cách suy nghĩ rõ ràng và dứt khoát, và khi các quy luật của tư tưởng bắt đầu kiểm soát tâm thức của nhân loại, thì bệnh tật—như chúng ta hiện biết—sẽ giảm đi rất nhiều và ngày càng nhiều người sẽ đạt được sự tích hợp. Nơi nào có sự tích hợp, nơi đó có sự vận hành tự do của lực và năng lượng khắp thân thể vật chất. Tuy nhiên, các vấn đề về kích thích sẽ đều đặn gia tăng cùng với sự nhạy cảm ngày càng lớn của phàm nhân thể xác và sự tập trung đang phát triển của tâm thức y vào bản chất trí tuệ. Điều này sẽ tiếp diễn cho đến khi [98] con người học được cách xử lý các năng lượng cao hơn và nhận ra nhu cầu của một đời sống có nhịp điệu, chú ý đến Định luật Chu Kỳ.

In healing work, certain rules should be mastered and followed by the healer. I have given three important rules already. Briefly they are as follows, and I am dividing the first one into its component parts for the sake of clarity.

Trong công việc chữa lành, người chữa lành cần nắm vững và tuân theo một số quy luật. Tôi đã đưa ra ba quy luật quan trọng rồi. Tóm lại, chúng như sau, và tôi chia quy luật thứ nhất thành các phần cấu thành của nó cho rõ ràng.

1. a. The healer must seek to link his soul, his heart, his brain, and his hands. Thus can he

1. a. Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, trái tim, bộ não và đôi tay của mình.

pour the vital force with healing power upon his patient. This is magnetic work.

Nhờ vậy y có thể tuôn đổ sinh lực với quyền năng chữa lành lên bệnh nhân của mình. *Đây là công việc từ tính.*

b. The healer must seek to link his soul, his brain, his heart and auric emanation. Thus can his presence feed the soul life of the patient. This is the work of radiation. The hands are needed not. The soul displays its power.

b. Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, bộ não, trái tim và sự phát xạ hào quang của mình. Nhờ đó, sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng sự sống linh hồn của bệnh nhân. *Đây là công việc bức xạ.* Không cần đến đôi tay. Linh hồn biểu lộ quyền năng của nó.

2. The healer must achieve magnetic purity, through purity of life. He must achieve that dispelling radiance which shows itself in every man once he has linked the centres in the head. When this magnetic field has been established, the radiance then goes forth.

2. Nhà trị liệu phải đạt được sự thanh khiết từ tính thông qua sự thanh khiết của đời sống. Y phải đạt được sự bức xạ làm tiêu tan, điều tự biểu lộ nơi mỗi người một khi y đã nối kết các trung tâm trong đầu. Khi từ trường này đã được thiết lập, bức xạ khi ấy sẽ phát ra.

3. Let the healer train himself to know the inner stage of thought or of desire of the one who seeks his help. He can thereby know the source from which the trouble comes. Let him relate the cause and the effect, and know the point exact through which relief must come.

3. Hãy để nhà trị liệu tự rèn luyện để biết trạng thái nội tâm về tư tưởng hay dục vọng của người tìm đến nhờ y giúp đỡ. Nhờ đó y có thể biết nguồn gốc từ đó rắc rối phát sinh. Hãy để y liên hệ nguyên nhân với kết quả và biết chính xác điểm mà qua đó sự giảm nhẹ phải đến.

I would here give you, as a group, another rule, making four major rules:

Ở đây tôi muốn đưa cho các bạn, với tư cách một nhóm, thêm một quy luật nữa, thành bốn quy luật chính:

RULE FOUR

QUY LUẬT BỐN

The healer and the healing group must keep the will in leash. It is not will that must be used, but love.

Người chữa lành và nhóm chữa lành phải giữ ý chí trong vòng kiềm chế. Phải sử dụng tình thương, không phải ý chí.

This last rule is of great importance. The concentrated will of any individual and the directed will of a united group [99] should never be employed. The free will of the individual must never be subjected to the impact of a powerfully focussed group or

Quy luật cuối cùng này vô cùng quan trọng. Ý chí tập trung của bất kỳ cá nhân nào và ý chí được hướng dẫn của một nhóm hợp nhất [99] không bao giờ được sử dụng. Ý chí tự do của cá nhân không bao giờ được đặt dưới tác động của một nhóm hay một cá nhân được

individual; it is far too dangerous a procedure to be permitted. Will energy (particularly that of a number of people simultaneously playing upon the subtle and physical bodies of the one to be healed) can greatly increase the trouble instead of curing it. It can stimulate the disease itself to dangerous proportions and disrupt instead of cooperating with nature's healing forces, and can even eventually kill the person concerned by so increasing the disease that the patient's normal resistance can prove futile. I would ask you, therefore, in any group work of healing, to keep the will (and even keen desire) in abeyance. Only initiates of high degree are permitted to cure by the power of the will, focussed in the WORD OF POWER, and this only because they can test the capacity of the patient, the tension of the disease, and know also whether or no it is the will of the soul that the disease should be cured.

tập trung mãnh liệt; đó là một thủ tục quá nguy hiểm để có thể cho phép. Năng lượng ý chí (đặc biệt là của một số người đồng thời tác động lên các thể vi tế và thể xác của người được chữa lành) có thể làm tăng rắc rối rất nhiều thay vì chữa nó. Nó có thể kích thích chính bệnh ấy đến mức nguy hiểm và phá hoại thay vì hợp tác với các lực chữa lành của thiên nhiên, và thậm chí cuối cùng có thể giết chết người liên hệ bằng cách làm bệnh tăng lên đến mức sức đề kháng bình thường của bệnh nhân trở nên vô hiệu. Vì vậy, tôi yêu cầu các bạn, trong bất kỳ công việc chữa lành theo nhóm nào, hãy giữ ý chí (và ngay cả ham muốn mãnh liệt) ở trạng thái đình chỉ. Chỉ các điểm đạo đồ cấp cao mới được phép chữa lành bằng quyền năng của ý chí, được tập trung trong Quyền năng từ, và điều này chỉ vì Các Ngài có thể kiểm tra năng lực của bệnh nhân, mức độ căng thẳng của bệnh, và cũng biết liệu có phải ý chí của linh hồn là bệnh ấy nên được chữa khỏi hay không.

We have covered much ground of importance in this section and it will warrant your careful study. In the next one we will take up the peculiar problems of the disciple; I would ask you, in preparation for this, to study with attention, the teaching which I gave earlier on the diseases of the mystics. (A Treatise on the Seven Rays, Vol II, Pages 520-625) Much said there need not be repeated by me, but should be incorporated in our teachings on healing. I suggest that you read them and know something of the problems themselves, both theoretically and from an understanding of yourself. You should be aware of some of these difficulties in your own experience, at least to some degree.

Chúng ta đã bao quát nhiều điểm quan trọng trong phần này và nó xứng đáng để các bạn nghiên cứu cẩn thận. Trong phần kế tiếp, chúng ta sẽ bàn đến những vấn đề đặc thù của đệ tử; để chuẩn bị cho điều này, tôi yêu cầu các bạn chú ý nghiên cứu giáo huấn mà trước đây tôi đã đưa ra về các bệnh của các nhà thần bí. *(Luận về Bảy Cung, Tập II, Trang 520-625)* Nhiều điều đã nói ở đó tôi không cần lặp lại, nhưng nên được kết hợp vào giáo huấn của chúng ta về chữa lành. Tôi gợi ý rằng các bạn hãy đọc chúng và biết đôi điều về chính các vấn đề ấy, cả về mặt lý thuyết lẫn từ sự thấu hiểu chính mình. Các bạn nên ý thức được một số khó khăn này trong kinh nghiệm riêng của mình, ít nhất ở một mức độ nào đó.

I do not intend, in this treatise, to deal with the pathology of disease, with its systems and their maleficent indications. [100] These are fully covered in any ordinary medical treatise and textbook and I, my brothers, am no trained physician or medical authority, nor have I the time to be engrossed with the technicalities. What I am concerned with is to give the world some idea of the true and occult causes of disease and their hidden origins, and with the work of healing, as it is carried on and sanctioned by the Great White Lodge.

Trong bộ luận này, tôi không có ý đề cập đến bệnh lý học của bệnh tật, đến các hệ thống của nó và các biểu hiện tai hại của chúng. [100] Những điều này đã được trình bày đầy đủ trong bất kỳ bộ luận và giáo trình y học thông thường nào, và, hỡi các huynh đệ của Tôi, Tôi không phải là một thầy thuốc được đào tạo hay một chuyên gia y khoa, cũng không có thời gian để bị cuốn vào các chi tiết kỹ thuật. Điều tôi quan tâm là đem đến cho thế giới một vài ý niệm về các nguyên nhân chân thực và huyền bí của bệnh tật cùng các nguồn gốc ẩn kín của chúng, và về công việc chữa lành như nó được tiến hành và được Thánh đoàn chuẩn nhận.

The work is, in reality, that of the judicious use of energy, applied with love and science. All that I tell you is the result of experiment. Such healing falls into two categories:

Công việc ấy, trên thực tế, là việc sử dụng năng lượng một cách khôn ngoan, được áp dụng với tình thương và khoa học. Tất cả những gì tôi nói với các bạn đều là kết quả của thực nghiệm. Việc chữa lành như thế thuộc vào hai loại:

1. In magnetic healing, the healer, or the healing group. does two things:

1. Trong *chữa lành từ tính*, người chữa lành, hay nhóm chữa lành, làm hai việc:

a. He attracts to the healing centre that type of energy which will counteract the disease.

a. Y thu hút vào trung tâm chữa lành loại năng lượng sẽ đối kháng với bệnh.

This is necessarily a vast subject and one of deep scientific import. Certain types of ray force can be used with certain types of disease, necessitating the use of certain specific centres for the distribution. These we shall consider and outline when we come to the section entitled The Seven Modes of Healing.

Đây tất yếu là một đề tài rộng lớn và có ý nghĩa khoa học sâu xa. Một số loại lực cung nhất định có thể được dùng với một số loại bệnh nhất định, đòi hỏi phải sử dụng những trung tâm đặc thù nhất định để phân phối. Chúng ta sẽ xem xét và phác thảo những điều này khi đến phần mang tên *Bảy Phương Thức Chữa Lành.*

b. He attracts to himself and absorbs those forces which are producing the disease, drawing it forth from the patient.

b. Y thu hút vào chính mình và hấp thụ những lực đang tạo ra bệnh, kéo chúng ra khỏi bệnh nhân.

This latter process necessitates a careful guarding of the healer from all contamination by the disease, so that the forces can find no place in his body. There must also be the supplying of fresh energy to the patient, in order to take the place of that which has been withdrawn. This process sets up a definite interplay between the healer and the patient. There is consequently some real [101] danger in this work of occult healing, and for this reason the healers in training should bear in mind that they will work as a group and not as individuals. The free circulation of force produces good health in the individual or group. The free circulation of force between a healer or a healing group and the person to be healed can produce the cure of disease, provided it is the destiny of the man to be healed at any given time and his cooperation is given when possible, though this is not really essential. It facilitates more rapid results in many cases. In others, the patient's anxiety can negate the desired effects.

Tiến trình vừa nêu sau cùng đòi hỏi phải bảo vệ cẩn thận người chữa lành khỏi mọi sự lây nhiễm của bệnh, để các lực ấy không tìm được chỗ nào trong thân thể của y. Cũng phải cung cấp năng lượng mới cho bệnh nhân, để thay thế điều đã được rút ra. Tiến trình này thiết lập một sự tương tác rõ rệt giữa người chữa lành và bệnh nhân. Vì vậy, có một mối nguy hiểm thực sự nào đó [101] trong công việc chữa lành huyền bí này, và vì lý do đó, những người chữa lành đang được huấn luyện nên ghi nhớ rằng họ sẽ làm việc như một nhóm chứ không phải như những cá nhân. Sự lưu thông tự do của lực tạo ra sức khỏe tốt nơi cá nhân hay nhóm. Sự lưu thông tự do của lực giữa một người chữa lành hay một nhóm chữa lành và người được chữa lành có thể tạo ra sự chữa khỏi bệnh, miễn là đó là số mệnh của người ấy được chữa lành vào thời điểm nhất định nào đó và sự hợp tác của y được trao ra khi có thể, dù điều này thực ra không thật sự thiết yếu. Trong nhiều trường hợp, nó tạo điều kiện cho kết quả nhanh hơn. Trong những trường hợp khác, sự lo âu của bệnh nhân có thể làm mất tác dụng mong muốn.

2. In radiatory healing, the process is simpler and safer for the healer simply gathers power into himself and then radiates it out on to the patient in the form of a steadily outflowing stream of radiant energy. This stream of energy should be directed to the centre nearest to the location of the disease.

2. *Trong chữa lành bằng bức xạ*, tiến trình đơn giản hơn và an toàn hơn vì người chữa lành chỉ thu tập quyền năng vào chính mình rồi bức xạ nó ra bệnh nhân dưới hình thức một dòng năng lượng bức xạ tuôn chảy đều đặn. Dòng năng lượng này nên được hướng đến trung tâm gần nhất với vị trí của bệnh.

In this work there is no risk to the healer, but if the element of will enters into his thought or the stream of energy projected is too strong, there may be danger to the patient. The impact of the force which is being radiated upon him may not only produce nervous tension, but may lead to an increase in the power of the disease and its

Trong công việc này không có nguy cơ cho người chữa lành, nhưng nếu yếu tố ý chí đi vào tư tưởng của y hoặc dòng năng lượng được phóng chiếu quá mạnh, thì có thể có nguy hiểm cho bệnh nhân. Tác động của lực đang được bức xạ lên y không những có thể tạo ra căng thẳng thần kinh, mà còn có thể dẫn đến sự gia tăng quyền năng của bệnh và

intensification by stimulating the atoms and cells involved in the activity of the force responsible for the trouble. For this reason beginners must avoid any concentration upon the disease itself or the area in the physical body involved and carefully keep all thought in abeyance, once the preliminary work has been done, for energy ever follows thought and goes where the thought is focussed. [102]

sự tăng cường của nó bằng cách kích thích các nguyên tử và tế bào liên quan đến hoạt động của lực chịu trách nhiệm về rắc rối ấy. Vì lý do này, những người mới bắt đầu phải tránh bất kỳ sự tập trung nào vào chính căn bệnh hay vào vùng thể xác có liên quan và cẩn thận giữ mọi tư tưởng ở trạng thái đình chỉ, một khi công việc sơ bộ đã được thực hiện, vì năng lượng luôn luôn đi theo tư tưởng và đi đến nơi tư tưởng được tập trung vào. [102]

The healers have to determine the effectiveness of what they are attempting and the potency of their united group work and of the force which they can wield. They have also to discover their ability to keep the will in the background and to send the healing radiance out upon a stream of love-energy. Have ever in mind that love is energy and that it is a substance as real as dense matter. That substance can be used to drive out diseased tissue and provide a healthy substitute in place of the diseased material which has been eliminated.

Những người chữa lành phải xác định hiệu quả của điều họ đang cố gắng thực hiện và tiềm lực của công việc nhóm hợp nhất của họ cũng như của lực mà họ có thể vận dụng. Họ cũng phải khám phá khả năng giữ ý chí ở hậu cảnh và gửi bức xạ chữa lành ra trên một dòng năng lượng tình thương. Hãy luôn ghi nhớ rằng tình thương là năng lượng và rằng nó là một chất liệu cũng thực như vật chất đậm đặc. Chất liệu ấy có thể được dùng để đẩy mô bệnh ra ngoài và cung cấp một sự thay thế lành mạnh thay cho vật chất bệnh đã bị loại bỏ.

They will, therefore, in the first cycle of work, attempt the radiatory method. It is simpler and far more easily mastered. Later, they can experiment with the method of magnetic healing.

Vì vậy, trong chu kỳ công việc đầu tiên, họ sẽ thử phương pháp bức xạ. Nó đơn giản hơn và dễ nắm vững hơn nhiều. Sau này, họ có thể thử nghiệm với phương pháp chữa lành từ tính.

You will now see the purpose of the rules anent the modes of healing which I gave early in this series of instructions. You will realise why, in this radiatory work, the linking process involves the soul, the brain and the entire aura or the magnetic field of individual or group activity. The mind is not mentioned or involved, and the brain acts solely as the focussing point of the love and the healing force to be projected into the stream of energy which issues from the ajna centre.

Bây giờ các bạn sẽ thấy mục đích của các quy luật liên quan đến các phương thức chữa lành mà tôi đã đưa ra sớm hơn trong loạt chỉ dẫn này. Các bạn sẽ nhận ra vì sao, trong công việc bức xạ này, tiến trình nối kết bao gồm linh hồn, bộ não và toàn bộ hào quang hay từ trường của hoạt động cá nhân hoặc nhóm. Thể trí không được nhắc đến hay tham dự, và bộ não chỉ hoạt động như điểm tập trung của tình thương và lực chữa lành sẽ được phóng vào dòng năng lượng phát ra từ trung tâm ajna.

The healer will, therefore, keep all the forces focussed in the head, and his attention must be concentrated there also. The heart will be automatically involved, as he will be using the energy of love—at first entirely.

Vì vậy, người chữa lành sẽ giữ mọi lực được tập trung trong đầu, và sự chú ý của y cũng phải được tập trung ở đó. Tim sẽ tự động được bao hàm, vì y sẽ sử dụng năng lượng của tình thương—thoạt đầu hoàn toàn là như vậy.

Let us now tabulate the rules under which all healing groups must work. I would like to interpolate here that it is not always necessary or possible to meet and work together in group formation. This work can be carried forward efficiently and potently, if the members work as a subjective group; each should then follow the instructions each day [103] and as if he were working in his group in tangible form. This real linking is brought about by imagining himself as in the presence of his brothers. If they were to meet as a group upon the physical plane, it would be hard to prevent the dissipation of force through discussion, through the ordinary pleasantries of meeting, and through the physical interplay between personalities. It would be inevitable that there would be too much conversation, and the work done would not be adequately effective. From the physical standpoint, they work alone; from the true inner standpoint, they work in the closest cooperation.

Bây giờ chúng ta hãy lập bảng các quy luật mà mọi nhóm chữa lành phải làm việc theo. Ở đây tôi muốn xen vào rằng không phải lúc nào cũng cần hay có thể gặp nhau và làm việc cùng nhau trong hình thức nhóm. Công việc này có thể được tiến hành hữu hiệu và mạnh mẽ nếu các thành viên làm việc như một *nhóm chủ quan*; khi đó mỗi người nên làm theo các chỉ dẫn mỗi ngày [103] như thể y đang làm việc trong nhóm của mình dưới hình thức hữu hình. Sự nối kết thực sự này được tạo ra bằng cách hình dung mình đang ở trong sự hiện diện của các huynh đệ của mình. Nếu họ gặp nhau như một nhóm trên cõi hồng trần, sẽ khó ngăn chặn sự làm tiêu tan lực qua thảo luận, qua những xã giao thông thường khi gặp gỡ, và qua sự tương tác thể xác giữa các phàm ngã. Sẽ không tránh khỏi việc có quá nhiều chuyện trò, và công việc được thực hiện sẽ không đủ hiệu quả. Từ quan điểm thể xác, họ làm việc một mình; từ quan điểm nội tại chân thực, họ làm việc trong sự hợp tác mật thiết nhất.

Here are the first rules which I would have the student master:

Đây là những quy luật đầu tiên mà tôi muốn đạo sinh nắm vững:

Preliminary Rules for Radiatory Healing

Các Quy Luật Sơ Bộ cho Chữa Lành bằng Bức Xạ

1. By an act of the will, after making your own quick, conscious alignment, link up as a soul with the souls of your group brothers. Then link up with their minds, and then with their emotional natures. Do this by the use of the imagination, realising that energy

1. Bằng một hành động của ý chí, sau khi thực hiện sự chỉnh hợp nhanh chóng và có ý thức của riêng bạn, hãy nối kết như một linh hồn với các linh hồn của các huynh đệ trong nhóm của bạn. Sau đó nối kết với thể trí của họ, rồi với bản chất cảm xúc của họ. Hãy làm

follows thought and that the linking process is inevitable, if correctly done. You can then function as a group. Then forget about the group relation and concentrate upon the work to be done.

điều này bằng cách sử dụng sự tưởng tượng, nhận ra rằng năng lượng đi theo tư tưởng và rằng tiến trình nối kết là điều tất yếu, nếu được thực hiện đúng. Khi ấy bạn có thể hoạt động như một nhóm. Sau đó hãy quên mối liên hệ nhóm đi và tập trung vào công việc phải làm.

2. Within yourself, then, link soul and brain and gather together the forces of love that are to be found in your aura and focus yourself and all that you have to offer within the head, picturing yourself as a radiant centre of energy or a point of vivid light. This light is to be projected upon the patient through the ajna centre between the eyes.

2. Rồi trong chính bạn, hãy nối kết linh hồn và bộ não và tập hợp các lực tình thương có thể tìm thấy trong hào quang của bạn, rồi tập trung chính bạn và tất cả những gì bạn có thể cống hiến vào trong đầu, hình dung mình như một trung tâm năng lượng bức xạ hay một điểm sáng rực rỡ. Ánh sáng này sẽ được phóng lên bệnh nhân qua trung tâm ajna giữa hai mắt.

3. Then say the following group mantram:

3. Sau đó hãy đọc mantram nhóm sau đây:

"With purity of motive, inspired by a loving heart, we offer ourselves for this work of healing. This offer we make as a group and to the one we seek to heal."

"Với sự thanh khiết của động cơ, được cảm hứng bởi một trái tim đầy yêu thương, chúng tôi hiến mình cho công việc chữa lành này. Sự hiến dâng này chúng tôi thực hiện như một nhóm và cho người mà chúng tôi tìm cách chữa lành."

[104]

[104]

As you do this, visualise the linking process going on. See it as moving lines of living light substance, linking you to your brothers on the one hand, and to the patient on the other. See these lines going out from you to the heart centre of the group and to the patient. But work ever from the ajna centre until instructed to do differently. In this way, the ajna centre and the heart centre of all the persons involved will be closely interrelated. You see here where the value of visualisation comes in. It is in reality the etheric externalisation of the creative imagination. Think this last sentence out.

Khi làm điều này, hãy hình dung tiến trình nối kết đang diễn ra. Hãy thấy nó như những đường chuyển động của chất liệu ánh sáng sống động, nối kết bạn với các huynh đệ của bạn ở một phía, và với bệnh nhân ở phía kia. Hãy thấy những đường này đi ra từ bạn đến trung tâm tim của nhóm và đến bệnh nhân. Nhưng hãy luôn làm việc từ trung tâm ajna cho đến khi được chỉ dẫn làm khác đi. Bằng cách này, trung tâm ajna và trung tâm tim của tất cả những người liên hệ sẽ được tương liên chặt chẽ. Ở đây các bạn thấy giá trị của sự hình dung xuất hiện ở đâu. Trên thực tế, đó là sự ngoại hiện dĩ thái của Sự tưởng

tượng sáng tạo. Hãy suy nghĩ về câu cuối này.

4. Then use thought, directed thought, for a brief moment and think of the one you seek to heal, linking up with him, and focussing your attention on him so that he becomes a reality in your consciousness and close to you. When you are aware what the physical difficulty is, then simply recall it to your mind and then dismiss it. Forget now the details of the work, such as the group, yourself and the difficulty of the patient, and concentrate upon the type of force you are going to handle, which is, in this case and for the present, second ray force, the force of love. What I am here giving out is an adaptation of the second ray method of healing, arranged for beginners.

4. Sau đó hãy dùng tư tưởng, tư tưởng được hướng dẫn, trong một khoảnh khắc ngắn và nghĩ đến người mà bạn tìm cách chữa lành, nối kết với y, và tập trung sự chú ý của bạn vào y để y trở thành một thực tại trong tâm thức của bạn và ở gần bạn. Khi bạn biết khó khăn thể xác là gì, thì chỉ đơn giản gợi nó lại trong trí bạn rồi gạt nó đi. Bây giờ hãy quên các chi tiết của công việc, như nhóm, chính bạn và khó khăn của bệnh nhân, và tập trung vào loại lực mà bạn sắp xử lý, trong trường hợp này và hiện tại là lực cung hai, lực của tình thương. Điều tôi đang truyền ra ở đây là một sự thích nghi của phương pháp chữa lành cung hai, được sắp xếp cho người mới bắt đầu.

5. Feel a deep love pouring into you. Regard it as substantial light which you can and will manipulate. Then send it out as a stream of radiant light from the ajna centre and direct it through the medium of your hands to the patient. In doing this, hold the hands before the eyes, palms outward and with the hacks of the hands next to the eyes and about six inches away from the face. In this way, the stream which is issuing from the ajna centre, becomes divided into two and pours out through the two hands. It is thus directed on to the patient. Visualise it as pouring out [105] and sense the patient receiving it. As you do this, say aloud in a low voice:

5. Hãy cảm nhận một tình thương sâu sắc đang tuôn vào bạn. Hãy xem nó như ánh sáng có chất liệu mà bạn có thể và sẽ vận dụng. Sau đó hãy gửi nó ra như một dòng ánh sáng bức xạ từ trung tâm ajna và hướng nó qua trung gian của hai bàn tay bạn đến bệnh nhân. Khi làm điều này, hãy giữ hai bàn tay trước mắt, lòng bàn tay hướng ra ngoài và mu bàn tay gần mắt, cách mặt chừng sáu inch. Bằng cách này, dòng phát ra từ trung tâm ajna được chia làm hai và tuôn ra qua hai bàn tay. Như thế nó được hướng đến bệnh nhân. Hãy hình dung nó đang tuôn ra [105] và cảm nhận bệnh nhân đang tiếp nhận nó. Khi làm điều này, hãy đọc thành tiếng bằng giọng nhỏ:

“May the love of the One Soul, focussed in this group, radiate upon you, my brother, and permeate every part of your body—healing, soothing, strengthening; and dissipating all that hinders service and good health.”

“Nguyện tình thương của Linh Hồn Duy Nhất, được tập trung trong nhóm này, bức xạ lên bạn, Huynh đệ của Tôi, và thấm nhuần mọi phần trong thân thể bạn—chữa lành, xoa dịu, tăng cường; và làm tiêu tan mọi điều cản trở sự phụng sự và sức khỏe tốt.”

Say this slowly and deliberately, believing in the results. See that no thought-power or will-power enters into the stream of healing energy, but only a concentrated radiating love. The use of the visualising faculty and of the creative imagination, plus a sense of deep and steadfast love, will keep the mind and the will in abeyance.

Hãy nói điều này chậm rãi và có chủ ý, tin tưởng vào kết quả. Hãy bảo đảm rằng không có quyền năng tư tưởng hay quyền năng ý chí nào đi vào dòng năng lượng chữa lành, mà chỉ có một tình thương bức xạ được tập trung. Việc sử dụng năng lực hình dung và sự tưởng tượng sáng tạo, cộng với cảm thức về một tình thương sâu sắc và bền vững, sẽ giữ trí tuệ và ý chí ở trạng thái đình chỉ.

I would emphasise the urgent necessity for complete silence and reticence in relation to all healing work. Never let it be known by anyone that you are working in this manner, and never mention to anyone the names of those you are seeking to aid. Do not discuss the patient under treatment even among yourselves. If this basic rule of silence is not kept, it will indicate that you are not yet ready for this work and should discontinue it. This injunction is far more important than you can realise; for speech and discussion not only tend to deflect and dissipate force, but violate a fundamental rule which all healers are trained to keep, and even the medical profession on the physical plane follows the same general procedure.

Tôi muốn nhấn mạnh sự cần thiết khẩn cấp của *sự im lặng và kín đáo hoàn toàn* liên quan đến mọi công việc chữa lành. Đừng bao giờ để bất kỳ ai biết rằng các bạn đang làm việc theo cách này, và đừng bao giờ nhắc với ai tên của những người mà các bạn đang tìm cách trợ giúp. Đừng bàn luận về bệnh nhân đang được điều trị ngay cả giữa chính các bạn. Nếu quy luật căn bản về sự im lặng này không được giữ, điều đó sẽ cho thấy rằng các bạn chưa sẵn sàng cho công việc này và nên ngưng nó lại. Mệnh lệnh này quan trọng hơn nhiều so với điều các bạn có thể nhận ra; vì lời nói và sự bàn luận không những có khuynh hướng làm lệch hướng và làm tiêu tan lực, mà còn vi phạm một quy luật căn bản mà mọi người chữa lành đều được huấn luyện để giữ, và ngay cả ngành y trên cõi hồng trần cũng tuân theo cùng một thủ tục tổng quát.

Three Major Laws of Health

Ba Định Luật Chính của Sức Khỏe

There are three major laws of health and seven minor laws. These work out in the three worlds, which is all that concerns you at this time. In all teaching to be given in the immediate future, the main emphasis will eventually be laid upon the technique of the etheric body, for that is the next step forward. The three major laws are: [106]

Có ba định luật chính của sức khỏe và bảy định luật phụ. Chúng vận hành trong ba cõi giới, là điều duy nhất liên quan đến các bạn vào lúc này. Trong mọi giáo huấn sẽ được đưa ra trong tương lai gần, trọng tâm chính cuối cùng sẽ được đặt vào kỹ thuật của thể dĩ thái, vì đó là bước tiến kế tiếp. Ba định luật chính là: [106]

1. The law controlling the will to live, a manifestation of the first aspect of the Logos, will or power.

1. Định luật kiểm soát ý chí sống, một biểu lộ của phương diện thứ nhất của Thượng đế, ý chí hay quyền năng.

2. The law controlling equality of rhythm, a manifestation of the second aspect of the Logos, love or wisdom.

2. Định luật kiểm soát sự đồng đều của nhịp điệu, một biểu lộ của phương diện thứ hai của Thượng đế, bác ái hay minh triết.

3. The law controlling crystallisation, a manifestation of the third aspect of the Logos, the activity or foundational aspect.

3. Định luật kiểm soát sự kết tinh, một biểu lộ của phương diện thứ ba của Thượng đế, hoạt động hay phương diện nền tảng.

These three governing factors or laws manifest themselves through the three major divisions of the human entity.

Ba yếu tố hay định luật chi phối này biểu lộ qua ba phân bộ chính của thực thể con người.

1. The will aspect manifests through the organs of respiration. Another of its expressions is the faculty of sleep. In both of these you have a repetition or an analogy in the microcosm of Logoic manifestation and Logoic pralaya.

1. *Phương diện ý chí* biểu lộ qua các cơ quan hô hấp. Một biểu hiện khác của nó là năng lực ngủ. Trong cả hai điều này, các bạn có một sự lặp lại hay một sự tương đồng trong tiểu thiên địa của sự biểu lộ của Thượng đế và giai kỳ qui nguyên của Thượng đế.

2. The love aspect shows itself through the heart, the circulatory system and the nervous system. This is in many ways most important for you to understand, for it controls paramountly the etheric body and its assimilation of prana or vitality. This prana works through both the blood and the nerves, for the life force uses the blood stream and psychic force works through the nervous system. These two departments of the human organism are those which cause the greatest amount of trouble at this time and will even more in the future. The race learns through suffering, and only dire need drives man to seek solution and relief. From the present standpoint of healing, man forms again a lesser trinity of importance:

2. *Phương diện bác ái* biểu lộ qua tim, hệ tuần hoàn và hệ thần kinh. Điều này theo nhiều cách là quan trọng nhất để các bạn thấu hiểu, vì nó kiểm soát một cách tối cao thể dĩ thái và sự đồng hóa prana hay sinh lực của nó. Prana này hoạt động qua cả máu lẫn thần kinh, vì sinh lực sử dụng dòng máu và mãnh lực thông linh hoạt động qua hệ thần kinh. Hai bộ phận này của cơ thể con người là những bộ phận gây ra nhiều rắc rối nhất vào lúc này và sẽ còn hơn thế trong tương lai. Nhân loại học qua đau khổ, và chỉ nhu cầu cấp bách mới thúc đẩy con người tìm kiếm giải pháp và sự giảm nhẹ. Từ quan điểm chữa lành hiện nay, con người lại hình thành một tam vị nhỏ hơn nhưng quan trọng:

a. The dense physical body, of which science and medicine know much. [107]

a. Thể xác đậm đặc, điều mà khoa học và y học biết nhiều. [107]

b. The etheric body, which is the next field of endeavour, of experiment and of discovery.

b. Thể dĩ thái, là lĩnh vực nỗ lực, thực nghiệm và khám phá kế tiếp.

c. The astral body which, simultaneously with the etheric, is the next object for scientific control. The science of psychology will work here.

c. Thể cảm dục, cùng lúc với thể dĩ thái, là đối tượng kế tiếp cho sự kiểm soát khoa học. Khoa học tâm lý học sẽ làm việc ở đây.

3. The activity aspect, which manifests primarily through the organs of assimilation and elimination. I seek here to emphasise one point. Just as our solar system is developing the love aspect, which is the second aspect, and just as the human being is polarised in the astral body, which is the reflection of that second aspect, so the second of the three above mentioned departments of the human organism, the etheric, is the one of paramount importance. Up to date it has been the transmitter primarily of astral energy to the physical body. This is now in process of changing.

3. *Phương diện hoạt động*, biểu lộ chủ yếu qua các cơ quan đồng hóa và bài tiết. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh một điểm. Cũng như hệ mặt trời của chúng ta đang phát triển phương diện bác ái, tức phương diện thứ hai, và cũng như con người được phân cực trong thể cảm dục, vốn là sự phản chiếu của phương diện thứ hai ấy, thì bộ phận thứ hai trong ba bộ phận vừa nêu của cơ thể con người, tức thể dĩ thái, là bộ phận có tầm quan trọng tối cao. Cho đến nay nó chủ yếu là bộ truyền dẫn năng lượng cảm dục đến thể xác. Điều này hiện đang trong tiến trình thay đổi.

The whole trend of medical science should now be awake to the concrete facts of the dense physical body and moving towards the study of vitalisation and circulation, for these two are closely related. The nervous system is controlled principally today from the astral body, via the etheric, and the basis of all nervous trouble lies hidden in the emotional body wherein humanity at this time is polarised. The circulatory system of the physical body is controlled principally from the etheric body. When you have an etheric body that is not functioning properly and does not transmit prana sufficiently, and when you have an astral or emotional body that is not adequately or properly controlled, you have in these two the source

Toàn bộ xu hướng của khoa học y học hiện nay nên thức tỉnh trước các sự kiện cụ thể của thể xác đậm đặc và tiến tới việc nghiên cứu sự tiếp sinh lực và sự tuần hoàn, vì hai điều này có liên hệ chặt chẽ. Hệ thần kinh ngày nay chủ yếu được kiểm soát từ thể cảm dục, qua trung gian thể dĩ thái, và nền tảng của mọi rối loạn thần kinh nằm ẩn trong thể cảm xúc, nơi mà nhân loại hiện đang phân cực. Hệ tuần hoàn của thể xác chủ yếu được kiểm soát từ thể dĩ thái. Khi các bạn có một thể dĩ thái không hoạt động đúng và không truyền đủ prana, và khi các bạn có một thể cảm dục hay cảm xúc không được kiểm soát đầy đủ hay đúng đắn, thì trong hai điều này các bạn có nguồn gốc của phần lớn các bệnh tật và các tình trạng thần kinh và trí tuệ

of the majority of the diseases and nervous and mental conditions that are annually increasing. The reflex action of inadequate circulation upon the physical brain (again due to the etheric body) leads to mental strain and eventual collapse. From this you can see the importance of the etheric vehicle.

đang gia tăng hằng năm. Tác động phản hồi của sự tuần hoàn không đầy đủ lên bộ não thể xác (lại do thể dĩ thái) dẫn đến căng thẳng trí tuệ và cuối cùng là suy sụp. Từ đó các bạn có thể thấy tầm quan trọng của vận cụ dĩ thái.

[108]

[108]

The first aspect, which has for its expression and field of control the organs of respiration and the faculty of sleep, when not functioning properly, produces death, insanity and some of the diseases of the brain.

Phương diện thứ nhất, có biểu hiện và lĩnh vực kiểm soát là các cơ quan hô hấp và năng lực ngủ, khi không hoạt động đúng sẽ tạo ra cái chết, sự điên loạn và một số bệnh của bộ não.

The third aspect, when not functioning properly, causes stomach troubles, bowel complaints and the various diseases that are located beneath and below the solar plexus in the abdomen.

Phương diện thứ ba, khi không hoạt động đúng, gây ra các rối loạn dạ dày, các bệnh đường ruột và các bệnh khác nằm bên dưới tùng thái dương trong vùng bụng.

You see, therefore, how medical science must eventually seek solution in a simplification of methods and a return from a complexity of drugs and operations to an understanding of the right use of the energies which pour through from the inner man, via the etheric body, to the physical.

Vì vậy, các bạn thấy khoa học y học cuối cùng phải tìm giải pháp trong sự đơn giản hóa các phương pháp và trong sự quay trở lại từ sự phức tạp của thuốc men và phẫu thuật đến sự thấu hiểu việc sử dụng đúng đắn các năng lượng tuôn xuống từ con người bên trong, qua thể dĩ thái, đến thể xác.

The following suggestions may help:

Những gợi ý sau đây có thể hữu ích:

1. By the development of goodwill, which is the will of good intention and motive, will come the healing of diseases of the respiratory tract, lungs and throat, the stabilising of the cells of the brain, the cure of insanities and obsessions, and an attainment of equilibrium and of rhythm. Longevity will ensue, for death should be the recognition by the soul of work

1. *Qua sự phát triển thiện chí*, vốn là ý chí của thiện ý và động cơ đúng đắn, sẽ đến sự chữa lành các bệnh của đường hô hấp, phổi và cổ họng, sự ổn định các tế bào của bộ não, sự chữa trị các chứng điên loạn và ám nhập, và sự đạt được quân bình cùng nhịp điệu. Sự trường thọ sẽ theo sau, vì cái chết phải là sự nhận biết của linh hồn rằng công việc đã hoàn tất và giai kỳ qui nguyên đã được xứng

consummated and pralaya earned. It will only take place later at long and separated periods, and will be controlled by the will of the man. He will cease to breathe when he has finished his work, and then will send the atoms of his body into pralaya. That is the sleep of the physical, the end of manifestation, and the occult significance of this is not yet comprehended.

hưởng. Nó sẽ chỉ xảy ra về sau vào những thời kỳ dài và cách biệt, và sẽ được kiểm soát bởi ý chí của con người. Y sẽ ngừng thở khi đã hoàn tất công việc của mình, rồi sẽ gửi các nguyên tử của thân thể mình vào giai kỳ qui nguyên. Đó là giấc ngủ của thể xác, sự chấm dứt biểu lộ, và ý nghĩa huyền bí của điều này vẫn chưa được thấu hiểu.

2. By a comprehension of the laws of vitality —and in this phrase are comprehended the laws governing prana, radiation and magnetism—will come the healing of the diseases in the blood, of the arteries and veins, of certain nervous complaints, lack of vitality, senile decay, poor circulation and similar ills. This too will result in the [109] prolongation of life. The laws of electrical energy will also be better understood in this connection.

2. *Qua sự thấu hiểu các định luật của sinh lực* —và trong cụm từ này bao hàm các định luật chi phối prana, bức xạ và từ điện—sẽ đến sự chữa lành các bệnh trong máu, trong động mạch và tĩnh mạch, một số rối loạn thần kinh, sự thiếu sinh lực, sự suy tàn tuổi già, tuần hoàn kém và các bệnh tương tự. Điều này cũng sẽ dẫn đến sự [109] kéo dài đời sống. Các định luật của năng lượng điện cũng sẽ được hiểu rõ hơn trong mối liên hệ này.

3. By the understanding of right methods of assimilation and elimination will come the healing of diseases connected with the bodily tissues, the stomach and bowels and the male and female organs of generation. It will some day be understood that these latter are only another system of assimilation and elimination, centred this time in the feminine aspect or woman, for again remember that this is the second or love system. The order is thus:

3. *Qua sự thấu hiểu các phương pháp đúng đắn của đồng hóa và bài tiết* sẽ đến sự chữa lành các bệnh liên quan đến các mô cơ thể, dạ dày và ruột, cùng các cơ quan sinh sản nam và nữ. Một ngày nào đó người ta sẽ hiểu rằng các cơ quan vừa nêu sau cùng chỉ là một hệ thống khác của đồng hóa và bài tiết, lần này tập trung trong phương diện nữ tính hay người nữ, vì một lần nữa hãy nhớ rằng đây là hệ thống thứ hai hay hệ thống bác ái. Trật tự là như sau:

a. The first system was masculine.

a. Hệ thống thứ nhất là nam tính.

b. The present system, the second, is feminine.

b. Hệ thống hiện tại, thứ hai, là nữ tính.

c. The third system will be hermaphroditic.

c. Hệ thống thứ ba sẽ là lưỡng tính.

E'en though the evolving human Hierarchy is masculine or positive, yet that is no

Dù Huyền Giai con người đang tiến hoá là nam tính hay dương tính, điều đó vẫn không

guarantee that all that is found in the present system is masculine too. The fact is that the negative faculty or the feminine aspect dominates, even though this may be unrecognised by you. Let me demonstrate and give some indication by figures of this hypothesis:

bảo đảm rằng mọi điều được tìm thấy trong hệ thống hiện tại cũng đều là nam tính. Sự thật là năng lực âm hay phương diện nữ tính đang chi phối, dù điều này có thể không được các bạn nhận ra. Hãy để tôi chứng minh và đưa ra một vài chỉ dẫn bằng các con số cho giả thuyết này:

1. In the first solar system there was one dominant evolution, and it consisted of one hundred thousand million monads.

1. Trong hệ mặt trời thứ nhất có một tiến hoá chi phối, và nó gồm một trăm ngàn triệu chân thần.

2. In the present system, the second, there are two dominant evolutions, the human and the deva; there are—as earlier stated—sixty thousand million human monads. Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand million. This elucidates my statement anent this being a feminine system. [110]

2. Trong hệ thống hiện tại, thứ hai, có hai tiến hoá chi phối, nhân loại và thiên thần; có —như đã nói trước đây—sáu mươi ngàn triệu chân thần *nhân loại*. Cộng thêm vào đó tiến hoá nữ tính của *thiên thần*, gồm một trăm bốn mươi ngàn triệu, và các bạn có đủ hai trăm ngàn triệu cần thiết. Điều này làm sáng tỏ phát biểu của tôi về việc đây là một hệ thống nữ tính. [110]

3. In the third solar system, the total number in evolution will be the needed three hundred thousand million that perfection requires of the threefold Logos.

3. Trong hệ mặt trời thứ ba, tổng số đang tiến hoá sẽ là ba trăm ngàn triệu cần thiết mà sự toàn hảo đòi hỏi nơi Thượng đế tam phân.

Our discussion has necessarily been sketchy for all that I am here attempting to do is to give indications as to the lines along which the new art of healing must eventually run, and to give certain hints which will point the way to the cause of the prevalent diseases, and so enable the wise to negate effects. This brevity and this system of imparting knowledge through the medium of hints is essentially occult, and will be the only mode of dealing with this relatively dangerous subject until such time as a sound medical, surgical and neurological training of a technical nature is combined with an equally sound psychological understanding, plus a measure of spiritual vision. The ideal physician and surgeon is the man who is

Cuộc bàn luận của chúng ta tất yếu chỉ có tính phác thảo, vì tất cả những gì tôi đang cố gắng làm ở đây là đưa ra những chỉ dẫn về các đường hướng mà nghệ thuật chữa bệnh mới rốt cuộc phải đi theo, và nêu ra một số gợi ý sẽ chỉ đường đến nguyên nhân của những bệnh tật phổ biến, nhờ đó giúp người minh triết vô hiệu hóa các hậu quả. Sự vắn tắt này và hệ thống truyền đạt tri thức qua phương tiện các gợi ý về bản chất là huyền bí học, và sẽ là phương thức duy nhất để đề cập đến chủ đề tương đối nguy hiểm này cho đến khi nào một sự đào luyện y khoa, giải phẫu và thần kinh học vững chắc về mặt kỹ thuật được kết hợp với một sự thấu hiểu tâm lý học cũng vững chắc không kém, cộng thêm một mức độ linh thị tinh thần. Vị thầy thuốc

also a metaphysician; to the lack of this combination much of the present difficulty and confusion can be ascribed. The metaphysical header today is so engrossed by that which is not the body that he is far less useful to the sick, diseased and damaged human being than is the practical physician. The average metaphysician, no matter by what label he calls himself, has a closed mind; he overemphasises the divine possibilities to the exclusion of the material or physical probabilities. Complete spiritual healing will be divinely possible ultimately; but this is not materially possible at certain given moments in time and space and with people at widely differing points on the ladder of evolution. Right timing and a sound knowledge of the working of the Law of Karma, plus a large measure of intuitive perception, are essential to the high art of spiritual healing. To this must be added the knowledge that the form nature and the physical [111] body are not essentially the major considerations or of the vast importance that some may think.

và nhà giải phẫu lý tưởng là người đồng thời cũng là một nhà siêu hình học; phần lớn khó khăn và hỗn loạn hiện nay có thể quy về sự thiếu vắng sự kết hợp này. Nhà chữa trị siêu hình ngày nay quá mải mê với điều không phải là thể xác đến nỗi y kém hữu ích cho con người đau yếu, bệnh hoạn và tổn thương hơn nhiều so với vị thầy thuốc thực tiễn. Nhà siêu hình học trung bình, bất kể y tự gọi mình bằng nhãn hiệu nào, đều có một trí tuệ khép kín; y nhấn mạnh quá mức các khả năng thiêng liêng đến mức loại trừ các xác suất vật chất hay hồng trần. Sự chữa lành tinh thần hoàn toàn rốt cuộc sẽ có thể thực hiện được một cách thiêng liêng; nhưng về mặt vật chất, điều đó không thể có ở những thời điểm nhất định trong thời gian và không gian, và với những người ở những điểm tiến hoá rất khác nhau trên chiếc thang tiến hoá. Đúng thời điểm và một tri thức vững chắc về sự vận hành của Định luật Karma, cộng với một mức độ cao về tri giác trực giác, là điều thiết yếu đối với nghệ thuật cao cả của sự chữa lành tinh thần. Cần phải thêm vào đó tri thức rằng bản chất hình tướng và thể [111] xác hồng trần về căn bản không phải là những điều cân nhắc chủ yếu hay có tầm quan trọng to lớn như một số người có thể nghĩ.

Various cultists and healers usually take the position that it is of major importance that the physical vehicle be rendered free from disease and clutched away from the processes of death. It might, however, be desirable (and it often is) that the disease be permitted to do its work and death open the door to the escape of the soul from imprisonment. The time comes inevitably to all incarnated beings when the soul demands liberation from the body and from form life, and nature has her own wise ways of doing this. Disease and death must be recognised as liberating factors when they come as the result of right timing by the

Những người theo các giáo phái và những người chữa trị thường cho rằng điều quan trọng nhất là làm cho vận cụ hồng trần không còn bệnh tật và níu giữ nó khỏi các tiến trình của cái chết. Tuy nhiên, có thể điều đáng mong muốn (và thường là như vậy) lại là để bệnh tật thực hiện công việc của nó và để cái chết mở cánh cửa cho linh hồn thoát khỏi sự giam cầm. Đối với mọi sinh linh đang nhập thể, tất yếu sẽ đến lúc linh hồn đòi hỏi được giải phóng khỏi thân thể và đời sống hình tướng; thiên nhiên có những cách thức khôn ngoan riêng để thực hiện điều này. Bệnh tật và cái chết phải được nhìn nhận là những yếu tố giải phóng khi

soul. It must be realised by students that the physical form is an aggregate of atoms, built into organisms and finally into a coherent body, and that this body is held together by the will of the soul. Withdraw that will onto its own plane or (as it is occultly expressed) "let the soul's eye turn in another direction" and, in this present cycle, disease and death will inevitably supervene. This is not mental error, or failure to recognise divinity, or succumbing to evil. It is, in reality, the resolution of the form nature into its component parts and basic essence. Disease is essentially an aspect of death. It is the process by which the material nature and the substantial form prepares itself for separation from the soul.

chúng xảy đến vào thời điểm thích hợp do linh hồn định đoạt. Các đạo sinh cần nhận ra rằng hình tướng hồng trần là một tập hợp các nguyên tử, được tổ chức thành những cấu trúc hữu cơ và cuối cùng thành một thân thể gắn kết; chính ý chí của linh hồn duy trì sự gắn kết của thân thể này. Khi ý chí ấy được thu về cõi riêng của linh hồn, hay theo cách diễn đạt huyền bí, "để con mắt của linh hồn hướng sang một hướng khác", thì trong chu kỳ hiện tại, bệnh tật và cái chết tất yếu sẽ xảy đến. Đây không phải là sai lầm trong tư duy, không phải là sự thất bại trong việc nhận biết thiên tính, cũng không phải là khuất phục điều ác. Trên thực tế, đó là sự phân rã bản chất hình tướng thành các thành phần cấu tạo và tinh chất cơ bản của nó. Về bản chất, bệnh tật là một phương diện của cái chết. Đó là tiến trình qua đó bản chất vật chất và hình tướng chất liệu tự chuẩn bị để tách khỏi linh hồn.

It must be borne in mind however that where there is illness or discomfort or disease which is not related to the final dissolution, the causes thereof are to be found in many factors; they can be found in the surroundings, for a number of diseases are environmental and epidemic; in the tuning in of the individual to streams of poison emanating from world hate, or from psychological complexes with some of which we have already dealt, and in the diseases [112] (if I might so call them) which are indigenous to the matter of which humanity has chosen to construct its physical vehicle, isolating it and separating it from the general substance of manifestation, and thus creating a type of matter which is consecrated to the task of forming the outer expression of the inward reality. This constitutes, therefore, a unique and peculiar aspect of the universal substance, perfected to a certain point in the last solar system and of a necessarily higher

Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng ở đâu có đau ốm hay khó chịu hay bệnh tật không liên hệ đến sự tan rã cuối cùng, thì nguyên nhân của chúng phải được tìm thấy trong nhiều yếu tố; chúng có thể được tìm thấy trong môi trường xung quanh, vì một số bệnh là do môi trường và có tính dịch bệnh; trong sự hòa nhịp của cá nhân với các luồng độc tố phát ra từ lòng thù hận của thế giới, hoặc từ các phức cảm tâm lý mà một số trong đó chúng ta đã bàn đến, và trong các bệnh [112] (nếu tôi có thể gọi như vậy) vốn là bản địa của chính vật chất mà nhân loại đã chọn để cấu tạo nên vận cụ hồng trần của mình, cô lập nó và tách nó ra khỏi chất liệu chung của biểu hiện, và như thế tạo ra một loại vật chất được thánh hiến cho nhiệm vụ hình thành biểu hiện bên ngoài của thực tại bên trong. Vì vậy, điều này cấu thành một phương diện độc nhất và đặc thù của chất liệu vũ trụ, đã được hoàn thiện đến một mức độ nào đó trong hệ mặt trời trước và tất yếu thuộc một trật tự cao hơn chất liệu rung động một cách

order than the substance which vibrates creatively to the call of the three subhuman kingdoms in nature.

sáng tạo trước tiếng gọi của ba giới dưới nhân loại trong thiên nhiên.

The Causes of Disease Summarised

Các Nguyên Nhân của Bệnh Tật Tóm Lược

In every occult consideration of disease it must be accepted as a basic proposition that all disease is a result of the misuse of force in some earlier life or in this. This is fundamental. In connection with this I would remind you of some statements I have earlier made on this matter.

Trong mọi sự xem xét huyền bí học về bệnh tật, phải chấp nhận như một mệnh đề căn bản rằng mọi bệnh tật đều là kết quả của việc sử dụng sai mãnh lực trong một kiếp sống trước hay trong kiếp này. Đây là điều nền tảng. Liên quan đến điều này, tôi muốn nhắc bạn nhớ đến một số phát biểu mà trước đây tôi đã đưa ra về vấn đề này.

1. Ninety per cent of the causes of disease are to be found in the etheric and astral bodies. Wrong use of mental energy and misapplied desire are paramount factors, yet with the bulk of humanity still in the Atlantean stages of consciousness, only five per cent of the prevalent diseases are due to mental causes. The percentage varies with the development of the race and its evolution. Disease is therefore the working out into manifestation of undesirable, subjective conditions—vital, emotional and mental.

1. Chín mươi phần trăm nguyên nhân của bệnh tật được tìm thấy trong thể dĩ thái và thể cảm dục. Việc sử dụng sai năng lượng trí tuệ và dục vọng bị áp dụng sai là những yếu tố tối quan trọng, tuy nhiên với phần lớn nhân loại vẫn còn ở các giai đoạn tâm thức Atlantis, chỉ có năm phần trăm các bệnh phổ biến là do nguyên nhân trí tuệ. Tỷ lệ phần trăm thay đổi theo sự phát triển của nhân loại và sự tiến hoá của nó. Vì vậy, bệnh tật là sự biểu lộ ra ngoài của những trạng thái chủ quan không mong muốn—sinh lực, cảm xúc và trí tuệ.

2. Everything concerning the health of man can be approached from three angles:

2. Mọi điều liên quan đến sức khỏe của con người có thể được tiếp cận từ ba góc độ:

a. That of the personality life...of this we are learning much. [113]

a. Góc độ của đời sống phàm ngã...về điều này chúng ta đang học hỏi được nhiều. [113]

b. That of humanity as a whole..this is beginning to be appreciated.

b. Góc độ của toàn thể nhân loại...điều này đang bắt đầu được đánh giá.

c. That of the planetary life....of this we can know little.

c. Góc độ của sự sống hành tinh....về điều này chúng ta có thể biết rất ít.

3. All disease is caused by lack of harmony between form and life, between soul and

3. Mọi bệnh tật đều do sự thiếu hài hòa giữa hình tướng và sự sống, giữa linh hồn và

personality; this lack of harmony runs through all the kingdoms in nature.

phàm ngã; sự thiếu hài hòa này xuyên suốt mọi giới trong thiên nhiên.

4. The bulk of diseases are of:

4. Phần lớn bệnh tật là:

a. Group origin.

a. Có nguồn gốc nhóm.

b. The result of infection.

b. Kết quả của sự lây nhiễm.

c. Malnutrition, physically, subjectively and occultly understood.

c. Suy dinh dưỡng, được hiểu theo nghĩa hồng trần, chủ quan và huyền bí học.

5. Diseases for the masses, for the average citizen, for the intelligentsia and for disciples differ widely and have differing fields of expression.

5. Bệnh tật của quần chúng, của công dân trung bình, của giới trí thức và của các đệ tử khác nhau rất xa và có những lĩnh vực biểu hiện khác nhau.

a. The three major groups of diseases for the first two classes are:

a. Ba nhóm bệnh chính đối với hai hạng đầu là:

Tuberculosis.

Bệnh lao.

The social diseases.

Các bệnh xã hội.

Cancer.

Ung thư.

b. The two major diseases for the intelligentsia and for disciples are:

b. Hai bệnh chính đối với giới trí thức và các đệ tử là:

Heart complaints.

Bệnh tim.

Nervous diseases.

Các bệnh thần kinh.

6. Disease is a fact in nature. When this is accepted, men will begin to work with the Law of Liberation, with right thought, leading to right attitudes and orientation, and with the principle of nonresistance. Of this nonresistance, the overpowering willingness to die which is so frequently a characteristic of the final stage immediately

6. Bệnh tật là một sự kiện trong thiên nhiên. Khi điều này được chấp nhận, con người sẽ bắt đầu làm việc với Định luật Giải Thoát, với tư tưởng đúng đắn dẫn đến thái độ và định hướng đúng đắn, và với nguyên lý không kháng cự. Về sự không kháng cự này, sự sẵn lòng muốn chết mạnh mẽ vốn thường là đặc điểm của giai đoạn cuối ngay trước cái

preceding death is the lowest manifestation. It is nonresistance which psychologically governs coma. [114]

chết là biểu hiện thấp nhất. Chính sự không kháng cự này chi phối trạng thái hôn mê về mặt tâm lý. [114]

7. The Law of Cause and Effect, or of Karma, governs all disease. This embraces individual, group, national and total human karma.

7. Định luật Nhân Quả, hay Karma, chi phối mọi bệnh tật. Điều này bao gồm karma cá nhân, nhóm, quốc gia và toàn thể nhân loại.

If you will pause at this point and review what I have re-stated, and if you will reread and reflect upon the four Laws and the four Rules you will possess the needed groundwork upon which to proceed with our future studies, beginning with the diseases incident to the life of discipleship. Some of this I have already dealt with in the second volume of A Treatise on the Seven Rays (pages 520-625). There the approach was largely from the angle of the mystic, whereas I am here going to touch upon the problems of the accepted disciple.

Nếu bạn dừng lại ở điểm này và ôn lại điều tôi đã tái khẳng định, và nếu bạn đọc lại và suy ngẫm về bốn Định luật và bốn quy luật, bạn sẽ có được nền tảng cần thiết để tiếp tục các nghiên cứu tương lai của chúng ta, bắt đầu với những bệnh tật gắn liền với đời sống địa vị đệ tử. Một phần điều này tôi đã bàn đến trong tập hai của *Luận về Bảy Cung* (trang 520-625). Ở đó cách tiếp cận phần lớn là từ góc độ của nhà thần bí, trong khi ở đây tôi sẽ đề cập đến các vấn đề của người đệ tử được chấp nhận.

4. DISEASES DUE TO THE LIFE OF DISCIPLESHIP — 4. NHỮNG BỆNH TẬT DO ĐỜI SỐNG ĐỊA VỊ ĐỆ TỬ

Earlier I told you that disease originated in the four following causes:

Trước đây tôi đã nói với bạn rằng bệnh tật phát sinh từ bốn nguyên nhân sau đây:

1. It is the result of blocking the free life of the soul.

1. Nó là kết quả của việc ngăn chặn sự sống tự do của linh hồn.

2. It is caused by three influences or sources of contamination:

2. Nó do ba ảnh hưởng hay nguồn ô nhiễm gây ra:

a. Ancient mistakes, so-called sins and errors of the individual concerned, committed in this life or another earlier incarnation.

a. Những sai lầm cổ xưa, những cái gọi là tội lỗi và lỗi lầm của cá nhân liên hệ, đã phạm trong kiếp này hay một lần nhập thể trước đó.

b. Những ô nhiễm và khuynh hướng di truyền của nhân loại, được thừa hưởng

b. Human taints and predispositions, inherited in common with all the rest of humanity.

chung với toàn thể phần còn lại của nhân loại.

c. Planetary evil, incident to the point achieved by the planetary Logos and conditioned by planetary Karma.

c. Điều ác hành tinh, gắn liền với điểm mà Hành Tinh Thượng Đế đã đạt tới và chịu sự tác động của karma hành tinh.

3. It is conditioned by the forces emanating from the plane upon which the man's consciousness is primarily focussed. [115]

3. Các mãnh lực phát ra từ cõi mà tâm thức của con người chủ yếu tập trung vào tác động đến nó. [115]

4. The five major types of disease, with their allied and subsidiary effects, can and do produce results where the disciple is concerned; he is not immune until after the third initiation.

4. Năm loại bệnh chính, cùng với các hậu quả liên đới và phụ thuộc của chúng, có thể và thực sự tạo ra kết quả nơi người đệ tử; y không được miễn nhiễm cho đến sau lần điểm đạo thứ ba.

A. The Diseases of Mystics.

A. Những Bệnh Tật của Các Nhà Thần Bí.

However, the disciple is seldom tubercular (except when karmically conditioned), nor is he prone to succumb to the social diseases except as they may affect him physically through his sacrificial life of service. Contagion can affect him but not seriously so. Cancer may claim him as a victim, but he is more liable to succumb to heart complaints and to nervous trouble of some kind or another. The straight mystic succumbs more to purely psychological situations connected with the integrated personality, and therefore incident to his being focussed largely on the astral plane. The disciple is more prone to mental difficulties and to those complaints which are concerned with energy and are due to fusion—either completed or in process—of soul and personality.

Tuy nhiên, người đệ tử hiếm khi mắc bệnh lao (trừ khi bị karma tác động), và y cũng không dễ khuất phục trước các bệnh xã hội ngoại trừ khi chúng có thể ảnh hưởng đến y về mặt hồng trần qua đời sống phụng sự hi sinh của y. Sự lây nhiễm có thể ảnh hưởng đến y nhưng không nghiêm trọng lắm. Ung thư có thể biến y thành nạn nhân, nhưng y dễ khuất phục hơn trước các bệnh tim và một loại rối loạn thần kinh nào đó. Nhà thần bí thuần túy khuất phục nhiều hơn trước các tình huống hoàn toàn tâm lý liên hệ với phàm ngã tích hợp, và vì vậy gắn liền với việc y chủ yếu tập trung trên cõi cảm dục. Người đệ tử dễ mắc hơn các khó khăn trí tuệ và những bệnh liên quan đến năng lượng và do sự dung hợp—hoặc đã hoàn tất hoặc đang trong tiến trình—giữa linh hồn và phàm ngã.

The first cause which I listed earlier in this treatise was summed up in the statement that disease is the result of the blocking of

Nguyên nhân thứ nhất mà trước đây tôi đã liệt kê trong bộ luận này được tóm lại trong phát biểu rằng bệnh tật là kết quả của việc

the free life and the inpouring energy of the soul. This blockage is brought about by the mystic when he succumbs to his own thoughtforms, created constantly in response to his mounting aspiration. These become barriers between him and the free life of the soul and block his contact and the consequent resulting inflow of soul energy.

ngăn chặn sự sống tự do và năng lượng tuôn đổ vào của linh hồn. Sự ngăn chặn này do nhà thần bí tạo ra khi y khuất phục trước các hình tư tưởng của chính mình, được tạo ra liên tục để đáp ứng với khát vọng ngày càng tăng của y. Chúng trở thành những rào cản giữa y và sự sống tự do của linh hồn và ngăn chặn sự tiếp xúc của y cùng dòng năng lượng linh hồn tuôn vào do đó mà có.

The disciple reverses the entire situation and falls a victim (prior to the third initiation) to the terrific inflow of soul energy—the energy of the second aspect—coming to him from: [116]

Người đệ tử đảo ngược toàn bộ tình thế và trở thành nạn nhân (trước lần điểm đạo thứ ba) của dòng năng lượng linh hồn tuôn vào mãnh liệt—năng lượng của phương diện thứ hai—đến với y từ: [116]

a. His own soul, with which centre of energy fusion is rapidly taking place.

a. Chính linh hồn của y, trung tâm năng lượng mà với nó sự dung hợp đang diễn ra nhanh chóng.

b. His group or the Ashram with which he, as an accepted disciple, is affiliated.

b. Nhóm của y hay ashram mà với nó y, với tư cách một đệ tử được chấp nhận, có liên hệ.

c. His Master, with Whom he has spiritual relation and to Whose vibratory influence he is ever susceptible.

c. Chân sư của y, với Ngài y có liên hệ tinh thần và với ảnh hưởng rung động của Ngài y luôn luôn nhạy cảm.

d. The Hierarchy, the energy of which can reach him through the medium of all the three above factors.

d. Thánh Đoàn, năng lượng của Thánh Đoàn có thể đến với y qua trung gian của cả ba yếu tố trên.

All these streams of energy have a definite effect upon the centres of the disciple, according to his ray and his specific polarisation in this incarnation. As each centre is related to one or other of the glands, and these in their turn condition the blood stream, and also have a specific effect upon the organic structure within the range of their vibratory influence (i.e. the stomach, close to the solar plexus, and the heart, close to the heart centre, etc.), you will see how it is possible that the major diseases from

Tất cả các dòng năng lượng này đều có một tác động xác định lên các trung tâm của người đệ tử, tùy theo cung của y và sự phân cực đặc thù của y trong lần nhập thể này. Vì mỗi trung tâm liên hệ với một tuyến nội tiết nào đó, và các tuyến này đến lượt chúng tác động lên dòng máu, đồng thời cũng có một ảnh hưởng đặc thù lên cấu trúc cơ quan trong phạm vi ảnh hưởng rung động của chúng (tức là dạ dày, gần tùng thái dương, và tim, gần trung tâm tim, v.v.), bạn sẽ thấy làm sao có thể xảy ra việc những bệnh chính mà

which a disciple can suffer (which are unique and confined primarily to advanced humanity) will be the result of overstimulation or the inflow of energy to one particular centre, producing excessive and localised trouble.

một người đệ tử có thể mắc phải (vốn là đặc thù và chủ yếu giới hạn trong nhân loại tiến bộ) sẽ là kết quả của sự kích thích quá mức hoặc của dòng năng lượng tuôn vào một trung tâm đặc biệt nào đó, tạo ra rối loạn quá mức và cục bộ.

To these conditions the mystic is not so prone unless he is rapidly becoming the practical mystic or occultist. This is a definite transitional cycle between the mystical attitude and that more definite position which the occultist assumes. I shall not therefore deal with the diseases to which mystics fall heir, except that I would like to point out one interesting fact: The mystic is ever conscious of duality. He is the seeker in search of light, of the soul, of the beloved, of that higher something which he senses as existing and as that which can be found. He strives after recognition of and by the divine: he is the follower of the [117] vision, a disciple of the Christ, and this conditions his thinking and his aspiration. He is a devotee and one who loves the apparently unattainable—the Other than himself.

Nhà thần bí không dễ mắc những trạng thái này như vậy, trừ khi y đang nhanh chóng trở thành nhà thần bí thực tiễn hay nhà huyền bí học. Đây là một chu kỳ chuyển tiếp xác định giữa thái độ thần bí và lập trường xác định hơn mà nhà huyền bí học đảm nhận. Vì vậy, tôi sẽ không bàn đến những bệnh mà các nhà thần bí thừa hưởng, ngoại trừ việc tôi muốn chỉ ra một sự kiện thú vị: Nhà thần bí luôn luôn ý thức về nhị nguyên tính. Y là người tìm kiếm đang đi tìm ánh sáng, linh hồn, đấng yêu dấu, cái gì đó cao hơn mà y cảm nhận là hiện hữu và là điều có thể tìm thấy. Y phấn đấu để nhận biết cái thiêng liêng và được cái thiêng liêng nhận biết: y là người theo đuổi [117] linh ảnh, một đệ tử của Đức Christ, và điều này tác động lên tư tưởng và khát vọng của y. Y là một người sùng tín và là người yêu mến cái dường như không thể đạt tới—Cái Khác hơn chính y.

Only when he becomes the occultist does the mystic learn that all the time the magnet which attracted him, and the dualism which coloured his life and thoughts and which gave motive to all he sought to do, was his true self, that one Reality. He recognises then that assimilation into and identification with that one reality enables duality to be transmuted into unity and the sense of search to be transformed into the effort to become what he essentially is—a Son of God, one with all Sons of God. Having accomplished that, he finds himself one with the ONE in Whom we live and move and have our being.

Chỉ khi trở thành nhà huyền bí học, nhà thần bí mới học được rằng suốt mọi thời gian nam châm đã thu hút y, và tính nhị nguyên đã nhuốm màu đời sống và tư tưởng của y và đã tạo động cơ cho mọi điều y tìm cách làm, chính là chân ngã thật sự của y, thực tại duy nhất ấy. Khi đó y nhận ra rằng sự đồng hóa vào và sự đồng nhất với thực tại duy nhất ấy khiến nhị nguyên tính được chuyển hoá thành hợp nhất và cảm thức tìm kiếm được chuyển đổi thành nỗ lực trở thành điều mà về bản chất y vốn là—một Con của Thượng đế, một với tất cả các Con của Thượng đế. Khi đã hoàn thành điều đó, y thấy mình là một với Đấng Duy Nhất, trong

Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu.

Next, I would point out that the lowest expression of the mystical condition, and one with which we are becoming increasingly familiar, is that which is called a "split personality"; when this condition is present, the personal lower self expresses itself through a basic condition of duality and two persons express themselves, apparently, instead of the integrated personality-soul. This necessarily creates a dangerous psychological condition and one which warrants trained scientific handling. That is largely lacking at this time, as so few trained psychologists and psychiatrists recognise the fact of the soul. I mention this as it is of value today, and will be increasingly so in the later years when it will be necessary to trace and comprehend the analogies existing in the human consciousness to great unexplored areas of awareness. The split personality and the mystic are two aspects of one whole—the aspect which is right, and along the line of high spiritual unfoldment, and the aspect which is a reflection and a distortion of that grade of development which precedes that of trained occultist. There are many conditions prevalent in humanity [118] at this time which can be subjected to the same reasoning, and one of the modes of healing which will be worked out later is the discovery of the higher correspondences to the lower difficulties and diseases, and the recognition that they are but distortions of a great reality. This leads to the transference of the attention of the one under the care of the healer to that recognised higher aspect.

Tiếp theo, tôi muốn chỉ ra rằng biểu hiện thấp nhất của trạng thái thần bí, và là điều mà chúng ta đang ngày càng quen thuộc hơn, là cái được gọi là "nhân cách phân liệt"; khi trạng thái này hiện diện, phàm ngã thấp cá nhân tự biểu lộ qua một trạng thái căn bản của nhị nguyên tính và hai con người biểu lộ ra, dường như vậy, thay vì phàm ngã-linh hồn tích hợp. Điều này tất yếu tạo ra một trạng thái tâm lý nguy hiểm và là điều cần được xử lý bằng khoa học được đào luyện. Điều đó phần lớn đang thiếu vào lúc này, vì quá ít nhà tâm lý học và bác sĩ tâm thần được đào luyện thừa nhận sự kiện về linh hồn. Tôi nêu điều này vì nó có giá trị ngày nay, và sẽ ngày càng có giá trị hơn trong những năm sau khi cần phải truy tìm và thấu hiểu các tương đồng hiện hữu trong tâm thức con người với những lĩnh vực nhận biết rộng lớn chưa được khám phá. Nhân cách phân liệt và nhà thần bí là hai phương diện của một toàn thể—phương diện đúng đắn, và theo đường hướng của sự khai mở tinh thần cao, và phương diện là sự phản chiếu và bóp méo của cấp độ phát triển đi trước cấp độ của nhà huyền bí học được đào luyện. Có nhiều trạng thái phổ biến trong nhân loại [118] vào lúc này có thể được đặt dưới cùng một lối lý luận, và một trong những phương thức chữa lành sẽ được triển khai về sau là khám phá ra các tương ứng cao hơn đối với những khó khăn và bệnh tật thấp hơn, và nhận ra rằng chúng chỉ là những sự bóp méo của một thực tại vĩ đại. Điều này dẫn đến việc chuyển sự chú ý của người đang được nhà chữa bệnh chăm sóc sang phương diện cao hơn đã được nhận biết ấy.

The whole Science of Integration is involved in this matter. This science, if properly

Toàn bộ Khoa Học Tích Hợp đều liên quan đến vấn đề này. Khoa học này, nếu được thấu

understood, will open up an entirely new field of psychological approach to disease, whether physiological or nervous. A small beginning has already been made along this line by spiritually minded psychologists and educators. The system of helping people psychologically is definitely along these new lines, and might be expressed as follows: the average psychologist employs the method (when dealing with nervous cases, with those on the borderland, and with neurotically inclined people) of discovering the deep-seated complexes, the scars, the ancient shocks or the fears which lie behind the experience of the present and which have made the man what he is today. These conditioning factors can usually be traced back to the subconscious by the process of unearthing the past, of taking into consideration the present environment, of reckoning with heredity, and of studying the effects of education—either academic or based upon life itself. Then the factor which has been a major handicap, and which has turned the man into a psychological problem, is brought (with his assistance, if possible) to the surface of his consciousness, is then intelligently explained and related to the existing condition, and the man is consequently brought to an understanding of his personality, its problems and its impending opportunity.

hiểu đúng đắn, sẽ mở ra một lĩnh vực hoàn toàn mới của cách tiếp cận tâm lý học đối với bệnh tật, dù là sinh lý hay thần kinh. Các nhà tâm lý học và nhà giáo dục hướng về tinh thần đã bước đầu thực hiện một ít công việc theo đường hướng này. Hệ thống giúp đỡ con người về mặt tâm lý rõ ràng đang đi theo những đường hướng mới này, và có thể được diễn tả như sau: nhà tâm lý học trung bình sử dụng phương pháp (khi xử lý các trường hợp thần kinh, những người ở ranh giới, và những người có khuynh hướng loạn thần kinh) là khám phá các phức cảm ăn sâu, các vết sẹo, các cú sốc xưa cũ hay các nỗi sợ nằm phía sau kinh nghiệm hiện tại và đã làm cho con người trở thành như ngày nay. Những yếu tố tác động này thường có thể được truy ngược về tiềm thức bằng tiến trình khai quật quá khứ, xét đến môi trường hiện tại, tính đến di truyền, và nghiên cứu các ảnh hưởng của giáo dục—dù là học thuật hay dựa trên chính đời sống. Sau đó yếu tố từng là một trở ngại chính, và đã biến con người thành một vấn đề tâm lý, được đưa lên bề mặt tâm thức của y (với sự trợ giúp của chính y, nếu có thể), rồi được giải thích một cách thông minh và liên hệ với tình trạng hiện hữu, và do đó con người được dẫn đến sự thấu hiểu phàm ngã của mình, các vấn đề của nó và cơ hội sắp đến của nó.

The spiritual technique, however, is entirely different. The personality problem and the process of delving into [119] the subconscious are ignored, because the conditions which are undesirable are regarded as the result of lack of soul contact and of soul control. The patient (if I might so call him) is taught to take his eyes, and consequently his attention, away from himself, his feelings, his complexes and his fixed ideas and undesirable thoughts, and to focus them upon the soul, the divine Reality

Tuy nhiên, kỹ thuật tinh thần thì hoàn toàn khác. Vấn đề phàm ngã và tiến trình đào sâu vào [119] tiềm thức bị bỏ qua, vì các trạng thái không mong muốn được xem là kết quả của sự thiếu tiếp xúc với linh hồn và thiếu sự kiểm soát của linh hồn. Bệnh nhân (nếu tôi có thể gọi y như vậy) được dạy phải rời mắt mình, và do đó rời sự chú ý của mình, khỏi chính mình, khỏi các cảm xúc, các phức cảm và các ý tưởng cố chấp cùng những tư tưởng không mong muốn của mình, và tập trung chúng vào linh hồn, thực tại thiêng liêng bên

within the form, and the Christ consciousness. This could well be called the process of scientific substitution of a fresh dynamic interest for that which has hitherto held the stage; it brings into functioning activity a cooperative factor whose energy sweeps through the lower life of the personality and carries away wrong psychological tendencies, undesirable complexes, leading to erroneous approaches to life. This eventually regenerates the mental or thought life, so that the man is conditioned by right thinking under the impulse or the illumination of the soul. This produces the "dynamic expulsive power of a new affection"; the old idées fixes, the old depressions and miseries, the hindering and handicapping ancient desires—these all disappear, and the man stands free as a soul and master of his life processes.

trong hình tướng, và tâm thức Christ. Điều này hoàn toàn có thể được gọi là tiến trình thay thế một cách khoa học một mối quan tâm năng động mới cho điều từ trước đến nay đã chiếm sân khấu; nó đưa vào hoạt động chức năng một yếu tố hợp tác mà năng lượng của nó quét qua đời sống thấp của phàm ngã và cuốn đi những khuynh hướng tâm lý sai lầm, những phức cảm không mong muốn, dẫn đến những cách tiếp cận sai lầm đối với đời sống. Điều này cuối cùng tái sinh đời sống trí tuệ hay đời sống tư tưởng, để con người được tác động bởi tư tưởng đúng đắn dưới xung lực hay sự soi sáng của linh hồn. Điều này tạo ra "quyền năng xua đuổi năng động của một tình cảm mới"; những ý niệm cố chấp cũ, những nỗi u uất và khổ sở cũ, những dục vọng xưa cũ cản trở và làm tê liệt—tất cả những điều này đều biến mất, và con người đứng tự do như một linh hồn và là chủ nhân của các tiến trình đời sống của mình.

I have discussed these two conditions at length because it is essential that another law anent healing be understood before we proceed any further. The discussion about the split personality, the problems of the mystic and the new mode of approach to disease (from the soul angle and the realm of causes, instead of from the personality angle and the realm of effects) can clarify this law in your minds and indicate at least its reasonableness and its valuable application to human need.

Tôi đã bàn dài về hai trạng thái này vì điều thiết yếu là phải hiểu thêm một định luật liên quan đến chữa lành trước khi chúng ta đi xa hơn nữa. Cuộc thảo luận về nhân cách phân liệt, các vấn đề của nhà thần bí và phương thức mới để tiếp cận bệnh tật (từ góc độ linh hồn và lĩnh vực nguyên nhân, thay vì từ góc độ phàm ngã và lĩnh vực hậu quả) có thể làm sáng tỏ định luật này trong trí bạn và ít nhất chỉ ra tính hợp lý của nó cùng sự áp dụng có giá trị của nó đối với nhu cầu của con người.

LAW IV

ĐỊNH LUẬT IV

Disease, both physical and psychological, has its roots in the good, the beautiful and the true. It is but a distorted [120] refection of divine possibilities. The thwarted soul, seeking full expression of some divine characteristic or inner spiritual reality,

Bệnh tật, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều bắt nguồn từ điều thiện, điều đẹp và điều chân thật. Nó chỉ là một sự phản [120] chiếu méo mó của các khả năng thiêng liêng. Linh hồn bị ngăn trở, khi tìm cách biểu lộ trọn vẹn một đặc tính thiêng liêng hay một thực tại

produces within the substance of its sheaths a point of friction. Upon this point the eyes of the personality are focussed, and this leads to disease.

tinh thần nội tại nào đó, tạo ra một điểm ma sát trong chất liệu của những lớp vỏ bao bọc mình. Đôi mắt của phàm ngã tập trung vào Điểm này, và điều ấy dẫn đến bệnh tật.

The art of the healer is concerned with the lifting of the downward focussed eyes unto the soul, the Healer within the form. The spiritual or third eye then directs the healing force, and all is well.

Nghệ thuật của nhà chữa bệnh liên quan đến việc nâng đôi mắt đang hướng xuống ấy lên linh hồn, Đấng Chữa Lành bên trong hình tướng. Khi ấy, con mắt tinh thần, hay con mắt thứ ba, điều khiển mãnh lực chữa lành và mọi sự đều ổn thỏa.

B. Diseases of Disciples.

B. Những Bệnh Tật của Các Đệ Tử.

We will divide what we have to say anent the diseases of disciples into two parts: the specific problems of all disciples, and the difficulties incident to soul contact.

Chúng ta sẽ chia điều phải nói liên quan đến những bệnh tật của các đệ tử thành hai phần: những vấn đề đặc thù của mọi đệ tử, và những khó khăn gắn liền với sự tiếp xúc linh hồn.

We need here to remember that all disciples are susceptible to the major categories of disease. They are attempting to be one with all humanity, and this includes, therefore, all the ills to which flesh is heir. They may not, however, succumb to the frailties of the ordinary man, and should remember that diseases of the heart and of the nerves constitute their major problem. In this connection it might be pointed out that the disciples are found in two major groups: Those who live above the diaphragm and who are, therefore, prone to heart diseases, to thyroid and throat troubles, and those who are in process of transferring the energies of the centres below the diaphragm into the centres above the diaphragm. Most of these at this time are transferring solar plexus energies into the heart, and the world agony is profoundly hastening the process. Stomachic, liver and respiratory troubles accompany this transference.

Ở đây chúng ta cần nhớ rằng mọi đệ tử đều dễ bị các loại bệnh chính tác động. Họ đang cố gắng trở thành một với toàn thể nhân loại, và vì vậy điều này bao gồm mọi bệnh tật mà xác thịt phải thừa hưởng. Tuy nhiên, họ có thể không khuất phục trước những yếu đuối của con người bình thường, và nên nhớ rằng các bệnh về tim và thần kinh cấu thành vấn đề chính của họ. Liên quan đến điều này, có thể chỉ ra rằng các đệ tử được tìm thấy trong hai nhóm chính: những người sống phía trên cơ hoành và vì vậy dễ mắc bệnh tim, các rối loạn tuyến giáp và cổ họng, và những người đang trong tiến trình chuyển các năng lượng của các trung tâm dưới cơ hoành lên các trung tâm trên cơ hoành. Phần lớn những người này hiện nay đang chuyển các năng lượng của tùng thái dương vào tim, và nỗi thống khổ của thế giới đang thúc đẩy tiến trình ấy một cách sâu sắc. Các rối loạn dạ dày, gan và hô hấp đi kèm với sự chuyển dịch này.

1. The Specific Problems of Disciples.

These special problems are, as you know, peculiar to those who have lifted themselves in consciousness out of the life of the personality into that of the soul. They [121] are primarily related to energy, its inflow, its assimilation or non-assimilation, and its rightly directed use. The other ills to which all flesh is heir at this time in human evolution (for it must be remembered that diseases vary according to the point in evolution and are also cyclic in their appearance), and to which disciples can and do succumb, are not dealt with here; suffice it to say that the three major diseases of humanity to which reference has been made take their toll of disciples, particularly in bringing about the liberation of the soul from its vehicle. They are, however—little as it may appear—controlled in these cases from soul levels, and the departure is planned to take place as a result of soul decision, and not as a result of the efficiency of the disease. The reason that these three major diseases, indigenous to the planetary life in which we live and move and have our being, have this power over disciples is that disciples are themselves an integral part of the planetary life, and in the earlier stages of their recognition of this unity they are prone to fall a ready prey to the disease. This is a fact little known or realised, but explains why disciples and advanced people are susceptible to these diseases.

We could divide these problems into four categories:

1. Those which are connected with the blood or with the life aspect, for “the blood is the life.” These have specific effect upon the

1. Những Vấn Đề Đặc Thù của Các Đệ Tử.

Những vấn đề đặc biệt này, như bạn biết, là đặc thù đối với những người đã nâng mình trong tâm thức ra khỏi đời sống của phàm ngã để đi vào đời sống của linh hồn. Chúng [121] chủ yếu liên hệ đến năng lượng, sự tuôn vào của nó, sự đồng hóa hay không đồng hóa nó, và việc sử dụng nó được hướng dẫn đúng đắn. Những bệnh khác mà mọi xác thịt hiện nay trong tiến trình tiến hoá của con người đều phải thừa hưởng (vì cần nhớ rằng bệnh tật thay đổi tùy theo điểm tiến hoá và cũng có tính chu kỳ trong sự xuất hiện của chúng), và những bệnh mà các đệ tử có thể và thực sự khuất phục, không được bàn đến ở đây; chỉ cần nói rằng ba bệnh chính của nhân loại đã được nhắc đến cũng gây tổn thất cho các đệ tử, đặc biệt trong việc đem lại sự giải thoát của linh hồn khỏi vận cụ của nó. Tuy nhiên—dù bề ngoài ít cho thấy điều đó—trong những trường hợp này chúng được kiểm soát từ các cấp độ linh hồn, và sự ra đi được hoạch định diễn ra như kết quả của quyết định của linh hồn, chứ không phải như kết quả của hiệu lực của bệnh tật. Lý do khiến ba bệnh chính này, vốn bản địa của đời sống hành tinh trong đó chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu, có quyền lực này đối với các đệ tử là vì chính các đệ tử là một phần không thể tách rời của đời sống hành tinh, và trong các giai đoạn đầu của sự nhận biết của họ về tính hợp nhất này, họ dễ trở thành con mồi sẵn có của bệnh tật. Đây là một sự kiện ít được biết đến hay nhận ra, nhưng nó giải thích vì sao các đệ tử và những người tiến bộ lại dễ mắc các bệnh này.

Chúng ta có thể chia những vấn đề này thành bốn loại:

1. Những vấn đề liên hệ với máu hay với phương diện sự sống, vì “máu là sự sống.” Chúng có ảnh hưởng đặc thù lên tim, nhưng

heart, but usually of a functional nature only. Organic disease of the heart arises in more deeply seated causes.

thường chỉ có tính chức năng. Bệnh tim thực thể phát sinh từ những nguyên nhân ăn sâu hơn.

2. Those which are a direct effect of energy, playing upon and through the nervous system, via the directing brain.

2. Những vấn đề là hậu quả trực tiếp của năng lượng, tác động lên và xuyên qua hệ thần kinh, qua trung gian của bộ não chỉ đạo.

3. Those which are related to the respiratory system and have an occult source.

3. Những vấn đề liên hệ với hệ hô hấp và có một nguồn gốc huyền bí học.

4. Those which are specifically due to the receptivity or the non-receptivity, to the functioning or the non-functioning, [122] and to the influence of the centre. Necessarily, these fall into seven groups, affecting seven major areas of the body. For the average disciple, before there is complete soul control and monadic direction, the major directing agent, via the brain, is the vagus nerve, along which the energies (entering via the head centre) are distributed to the rest of the body. A definite science of the centres and their relation to kundalini has been built up by a certain powerful esoteric school in the orient. It has in it much truth, but also much error.

4. Những vấn đề đặc biệt do tính tiếp nhận hay không tiếp nhận, do sự hoạt động hay không hoạt động, [122] và do ảnh hưởng của trung tâm. Tất yếu, chúng rơi vào bảy nhóm, ảnh hưởng đến bảy khu vực chính của thân thể. Đối với người đệ tử trung bình, trước khi có sự kiểm soát hoàn toàn của linh hồn và sự chỉ đạo của chân thần, tác nhân chỉ đạo chính, qua trung gian bộ não, là dây thần kinh phế vị, dọc theo đó các năng lượng (đi vào qua trung tâm đầu) được phân phối đến phần còn lại của thân thể. Một trường phái huyền bí học mạnh mẽ ở phương Đông đã xây dựng một khoa học xác định về các trung tâm và mối liên hệ của chúng với kundalini. Trong đó có nhiều chân lý, nhưng cũng có nhiều sai lầm.

I have differentiated between problems and physical reactions and disease because the inflow, distribution and direction of energy do not necessarily produce disease. Always, however, during the novitiate which precedes all the initiations, they do produce difficulties and problems of some kind or another, either within the consciousness of the disciple or in his relation to those around him. Hence his environment is affected, and consequently his own reciprocal action.

Tôi đã phân biệt giữa các vấn đề và các phản ứng hồng trần cùng bệnh tật vì sự tuôn vào, phân phối và định hướng năng lượng không nhất thiết tạo ra bệnh tật. Tuy nhiên, trong suốt thời kỳ tập sự đi trước mọi lần điểm đạo, chúng luôn luôn tạo ra những khó khăn và vấn đề thuộc loại này hay loại khác, hoặc trong tâm thức của người đệ tử hoặc trong mối liên hệ của y với những người xung quanh. Vì thế môi trường của y bị ảnh hưởng, và do đó chính phản ứng tương hỗ của y cũng vậy.

It should be remembered in this connection that all disciples are energy centres in the body of humanity and are in process of becoming points of focussed, directed energy. Their function and activity always and inevitably produce effects, results, awakenings, disruptions and reorientations in the lives of those around them. In the early stages, they produce this unconsciously, and hence frequently the results on those they contact is not desirable, nor is the energy wisely directed, deflected or retained. Intelligent intent must lie behind all wise direction of energy. Later, when they are learning consciously to be and are becoming radiatory centres of healing force, consciously directed, this informing and then transmitted energy is more constructively employed along both psychological and physical lines. Nevertheless, in any case, the disciple becomes [123] an effective influence and can never be what is esoterically called "unnoticed in his place and minus impact on other souls." His influence, emanation and forceful energy inevitably produce problems and difficulties for him; these are based on the human relations which he has karmically established and the reactions of those he contacts, either for good or for ill.

Cần nhớ trong mối liên hệ này rằng mọi đệ tử đều là những trung tâm năng lượng trong thân thể của nhân loại và đang trong tiến trình trở thành những điểm năng lượng tập trung, được định hướng. Chức năng và hoạt động của họ luôn luôn và tất yếu tạo ra các hiệu quả, kết quả, sự thức tỉnh, sự phá vỡ và sự tái định hướng trong đời sống của những người xung quanh họ. Trong các giai đoạn đầu, họ tạo ra điều này một cách vô thức, và vì vậy thường các kết quả nơi những người họ tiếp xúc không đáng mong muốn, và năng lượng cũng không được định hướng, chuyển hướng hay giữ lại một cách minh triết. Ý định thông minh phải nằm phía sau mọi sự định hướng năng lượng minh triết. Về sau, khi họ đang học một cách hữu thức để hiện hữu và đang trở thành những trung tâm bức xạ của mãnh lực chữa lành, được định hướng một cách hữu thức, thì năng lượng thấm nhuần rồi được truyền đi này được sử dụng một cách xây dựng hơn theo cả đường hướng tâm lý lẫn hồng trần. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, người đệ tử trở thành [123] một ảnh hưởng hữu hiệu và không bao giờ có thể là điều được gọi một cách huyền bí là "không bị nhận thấy ở vị trí của mình và không gây tác động lên các linh hồn khác." Ảnh hưởng, phát xạ và năng lượng mãnh liệt của y tất yếu tạo ra các vấn đề và khó khăn cho y; những điều này dựa trên các quan hệ con người mà y đã thiết lập theo karma và các phản ứng của những người y tiếp xúc, hoặc tốt hoặc xấu.

Essentially the influence of a disciple of the Great White Lodge is fundamentally good and spiritually conditioning; superficially and in its outer effects—particularly where the disciple is concerned—difficult situations, apparent cleavages and the emergence of faults as well as virtues upon the part of those affected make their appearance, and often persist for many lives,

Về bản chất, ảnh hưởng của một đệ tử của Thánh đoàn về căn bản là tốt lành và tác động theo hướng tinh thần; trên bề mặt và trong các hiệu quả bên ngoài—đặc biệt nơi người đệ tử—những tình huống khó khăn, những chia rẽ bề ngoài và sự xuất hiện của các lỗi lầm cũng như các đức tính nơi những người bị ảnh hưởng sẽ lộ ra, và thường kéo dài qua nhiều kiếp sống, cho đến khi người

until the person thus influenced becomes what is called "occultly reconciled to the emanating energy." Ponder on this. The adjustment has to come from the side of those influenced, and not from the disciple.

bị ảnh hưởng như vậy trở thành điều được gọi là "được hòa giải một cách huyền bí với năng lượng phát xạ." Hãy suy ngẫm về điều này. Sự điều chỉnh phải đến từ phía những người bị ảnh hưởng, chứ không phải từ phía người đệ tử.

Let us now consider the four problems from the psychological angle, not the physical:

Bây giờ chúng ta hãy xem xét bốn vấn đề này từ góc độ tâm lý, chứ không phải hồng trần:

a. The problems arising from the awakened heart centre of the disciple are perhaps the commonest and frequently some of the most difficult to handle. These problems are based on living relationships and the interplay of the energy of love with the forces of desire. In the early stages, this inflowing love-force establishes personality contacts which veer between the stages of wild devotion and utmost hate on the part of the person affected by the disciple's energy. This produces constant turmoil in the disciple's life, until he has become adjusted to the effects of his energy distribution, and also frequent disruption of relationships and frequent reconciliations. When the disciple is of sufficient importance to become the organising centre of a group, or is in a position to begin to form, esoterically, his own ashram (prior to taking some of the major initiations), [124] then the difficulty can be very real and most disturbing. There is, however, little that can be done by the disciple, except to attempt to regulate the outgoing energy of love. The problem remains fundamentally that of the one affected; the adjustments, as I have remarked above, have to be made from the other side, with the disciple standing ready to cooperate at the first indication of a willingness to recognise relationship and intention to cooperate in group service. This is a point which both parties—the disciple and the person reacting to his influence—

a. *Những vấn đề phát sinh từ trung tâm tim đã thức tỉnh của người đệ tử* có lẽ là phổ biến nhất và thường là một số vấn đề khó xử lý nhất. Những vấn đề này dựa trên các mối liên hệ sống động và sự tương tác của năng lượng bác ái với các mãnh lực của dục vọng. Trong các giai đoạn đầu, mãnh lực bác ái tuôn vào này thiết lập những tiếp xúc phàm ngã dao động giữa các giai đoạn sùng tín cuồng nhiệt và thù ghét tột độ nơi người bị ảnh hưởng bởi năng lượng của người đệ tử. Điều này tạo ra sự xáo trộn liên tục trong đời sống của người đệ tử, cho đến khi y đã thích nghi với các hiệu quả của sự phân phối năng lượng của mình, và cũng tạo ra sự đổ vỡ thường xuyên của các mối liên hệ cùng những sự hòa giải thường xuyên. Khi người đệ tử đủ quan trọng để trở thành trung tâm tổ chức của một nhóm, hoặc ở vào vị trí bắt đầu hình thành, một cách huyền bí, ashram riêng của mình (trước khi nhận một số lần điểm đạo lớn), [124] thì khó khăn có thể rất thực và cực kỳ xáo trộn. Tuy nhiên, người đệ tử có thể làm được rất ít, ngoại trừ cố gắng điều hòa năng lượng bác ái phát ra. Vấn đề về căn bản vẫn là của người bị ảnh hưởng; như tôi đã nhận xét ở trên, các sự điều chỉnh phải được thực hiện từ phía bên kia, với người đệ tử đứng sẵn sàng hợp tác ngay khi có dấu hiệu đầu tiên của thiện chí thừa nhận mối liên hệ và ý định hợp tác trong phụng sự nhóm. Đây là một điểm mà cả hai bên—người đệ tử và người phản ứng với ảnh hưởng của y—đều cần xem xét. Người đệ tử

need to consider. The disciple stands ready; the responsive party usually withdraws or approaches according to the urge of his soul or of his personality—probably the latter in the early stages. Eventually, however, he stands with the disciple in full cooperative understanding, and the trying time of difficulty is ended.

đứng sẵn sàng; phía đáp ứng thường rút lui hoặc tiến đến tùy theo thúc đẩy của linh hồn hay của phàm ngã của mình—có lẽ là cái sau trong các giai đoạn đầu. Tuy nhiên, cuối cùng y đứng cùng người đệ tử trong sự thấu hiểu hợp tác trọn vẹn, và thời kỳ thử thách khó khăn chấm dứt.

It is not possible for me to enter into explicit detail in considering these problems connected with the heart and the life energy of the disciple. They are conditioned by his ray, the initiation for which he is being prepared, and the quality, evolutionary status and the ray of those affected.

Tôi không thể đi vào chi tiết minh bạch khi xem xét những vấn đề này liên hệ với tim và năng lượng sự sống của người đệ tử. Chúng bị tác động bởi cung của y, lần điểm đạo mà y đang được chuẩn bị, và phẩm tính, tình trạng tiến hoá cùng cung của những người bị ảnh hưởng.

There are also difficulties and problems of a more subtle nature arising from the same cause, but not localised in certain definite human relationships. A disciple serves; he writes and speaks; his words and influence permeate into the masses of men, arousing them to activity of some kind—often good and spiritual, sometimes evil, antagonistic and dangerous. He has therefore to deal not only with his own reactions to the work he is doing, but also, in a general and specific sense, to deal with the masses whom he is beginning to affect. This is not an easy thing to do, particularly for an inexperienced worker with the Plan. He fluctuates between the mental plane, where he normally [125] attempts to function, and the astral plane, where the masses of men are focussed, and this brings him into the realm of glamour and consequent danger. He goes out in consciousness towards those he seeks to help, but it is sometimes as a soul (and then he frequently overstimulates his hearers), and sometimes as a personality (and then he feeds and enhances their personality reactions).

Cũng có những khó khăn và vấn đề thuộc bản chất tinh tế hơn phát sinh từ cùng nguyên nhân, nhưng không khu trú trong những mối liên hệ con người xác định nào. Một người đệ tử phụng sự; y viết và nói; lời nói và ảnh hưởng của y thấm vào quần chúng, khơi dậy nơi họ một loại hoạt động nào đó—thường là tốt và tinh thần, đôi khi là xấu, đối kháng và nguy hiểm. Vì vậy y không chỉ phải xử lý các phản ứng của chính mình đối với công việc mình đang làm, mà còn, theo nghĩa chung và riêng, phải xử lý quần chúng mà y đang bắt đầu ảnh hưởng. Đây không phải là điều dễ làm, đặc biệt đối với một người hoạt động thiếu kinh nghiệm với Thiên Cơ. Y dao động giữa cõi trí, nơi y bình thường [125] cố gắng hoạt động, và cõi cảm dục, nơi quần chúng tập trung, và điều này đưa y vào lĩnh vực của ảo cảm và do đó là nguy hiểm. Y vươn ra trong tâm thức đến những người y tìm cách giúp đỡ, nhưng đôi khi là như một linh hồn (và khi đó y thường kích thích quá mức những người nghe mình), và đôi khi là như một phàm ngã (và khi đó y nuôi dưỡng và làm tăng cường các phản ứng phàm ngã của họ).

As time goes on he learns—through the difficulties brought about by the necessary heart approach—to stand firm at the centre, sending forth the note, giving his message, distributing directed love energy, and influencing those around him, but he remains impersonal, a directing agency only and an understanding soul. This impersonality (which can be defined as a withdrawing of personality energy) produces its own problems, as all disciples well know; there is nothing, however, that they can do about it but wait for time to lead the other person forward into clear understanding of the significance and esoteric meaning of right human relations. The problem of workers with individuals and with groups is basically connected with the energy of the heart and with the vivifying force of its embodied life. In connection with this problem and its reactions upon the disciple, certain definite physical difficulties are apt to occur, and with these I will shortly deal.

Theo thời gian y học được—qua những khó khăn do cách tiếp cận bằng tim tất yếu gây ra—cách đứng vững ở trung tâm, phát ra chủ âm, trao thông điệp của mình, phân phối năng lượng bác ái được định hướng, và ảnh hưởng đến những người xung quanh, nhưng y vẫn vô ngã, chỉ là một tác nhân định hướng và một linh hồn thấu hiểu. Tính vô ngã này (có thể được định nghĩa là sự rút năng lượng phàm ngã lại) tạo ra những vấn đề riêng của nó, như mọi đệ tử đều biết rõ; tuy nhiên, họ không thể làm gì về điều đó ngoài việc chờ thời gian dẫn người kia tiến tới sự thấu hiểu rõ ràng về thâm nghĩa và ý nghĩa huyền bí của các quan hệ con người đúng đắn. Vấn đề của những người hoạt động với cá nhân và với nhóm về căn bản liên hệ với năng lượng của tim và với mãnh lực tiếp sinh lực của sự sống được thể hiện của nó. Liên quan đến vấn đề này và các phản ứng của nó lên người đệ tử, một số khó khăn hồng trần xác định dễ xảy ra, và tôi sẽ sớm bàn đến chúng.

It should also be pointed out that difficulties of rhythm are apt to occur, and problems connected with the cyclic life of the disciple. The heart and the blood are esoterically related, and symbolically define the pulsating life of the soul which demonstrates upon the physical plane in the outgoing and the withdrawing dual life of discipleship, each phase of which presents its own problems. Once a disciple has mastered the rhythm of his outer and inner life, and has organised his reactions so that he extracts the utmost meaning from them but is not conditioned by them, he then [126] enters upon the relatively simple life of the initiate. Does that phrase astonish you? You need to remember that the initiate has freed himself, after the second initiation, from the complexities of emotional and

Cũng cần chỉ ra rằng những khó khăn về nhịp điệu dễ xảy ra, và những vấn đề liên hệ với đời sống chu kỳ của người đệ tử. Tim và máu liên hệ với nhau một cách huyền bí, và tượng trưng xác định cho sự sống rung động của linh hồn, vốn biểu lộ trên cõi hồng trần trong đời sống nhị nguyên của địa vị đệ tử gồm sự hướng ngoại và sự rút lui, mỗi giai đoạn đều trình bày những vấn đề riêng của nó. Một khi người đệ tử đã làm chủ được nhịp điệu của đời sống bên ngoài và bên trong của mình, và đã tổ chức các phản ứng của mình sao cho y rút ra được ý nghĩa tối đa từ chúng nhưng không bị chúng tác động, thì khi đó y [126] bước vào đời sống tương đối đơn giản của điểm đạo đồ. Cụm từ đó có làm bạn ngạc nhiên không? Bạn cần nhớ rằng điểm đạo đồ, sau lần điểm đạo thứ hai, đã giải thoát mình khỏi những phức tạp của

astral control. Glamour can no longer overpower him. He can stand with steadfastness in spite of all that he may do and feel. He realises that the cyclic condition is related to the pairs of opposites and is part of the life manifestation of existence itself. In the process of learning this, he passes through great difficulties. He, as a soul, subjects himself to a life of outgoing, of magnetic influence and of extroversion. He may follow this immediately with a life of withdrawal, of apparent lack of interest in his relationships and environment, and with an intense introspective, introverted expression. Between these two extremes he may flounder distressingly—sometimes for many lives—until he learns to fuse and blend the two expressions. Then the dual life of the accepted disciple, in its various grades and stages, becomes clear to him; he knows what he is doing. Constantly and systematically, both outgoing and withdrawing, serving in the world and living the life of reflection, play their useful part.

sự kiểm soát cảm xúc và cảm dục. Ảo cảm không còn có thể áp đảo y nữa. Y có thể đứng vững vàng bất chấp mọi điều y có thể làm và cảm thấy. Y nhận ra rằng trạng thái chu kỳ liên hệ với các cặp đối đãi và là một phần của chính biểu hiện sự sống của hiện hữu. Trong tiến trình học điều này, y trải qua những khó khăn lớn. Y, với tư cách một linh hồn, tự đặt mình vào một đời sống hướng ngoại, ảnh hưởng từ tính và biểu lộ hướng ngoại. Ngay sau đó y có thể theo bằng một đời sống rút lui, dường như thiếu quan tâm đến các mối liên hệ và môi trường của mình, và với một biểu hiện nội quan, hướng nội mãnh liệt. Giữa hai cực đoan này y có thể chao đảo một cách đau đớn—đôi khi trong nhiều kiếp sống—cho đến khi y học được cách dung hợp và hòa trộn hai biểu hiện ấy. Khi đó đời sống nhị nguyên của người đệ tử được chấp nhận, trong các cấp độ và giai đoạn khác nhau của nó, trở nên rõ ràng đối với y; y biết mình đang làm gì. Một cách liên tục và có hệ thống, cả sự hướng ngoại lẫn sự rút lui, phụng sự trong thế giới và sống đời sống suy tư, đều đóng vai trò hữu ích của chúng.

Many psychological difficulties arise whilst this process is being mastered, leading to psychological cleavages, both deep-seated and superficial. The goal of all development is integration—integration as a personality, integration with the soul, integration into the Hierarchy, integration with the Whole, until complete unity and identification has been achieved. In order to master this science of integration whose basic goal is identity with the One Reality, the disciple progresses from one unification to another, making mistakes, arriving often at complete discouragement, identifying himself with that which is undesirable until, as soul-personality, he repudiates the earlier relationships; he pays [127] the penalty again and again of misplaced fervour, distorted aspiration, the overpowering effect

Nhiều khó khăn tâm lý phát sinh trong khi tiến trình này đang được làm chủ, dẫn đến những phân rẽ tâm lý, cả sâu xa lẫn bề mặt. Mục tiêu của mọi phát triển là sự tích hợp—tích hợp như một phàm ngã, tích hợp với linh hồn, tích hợp vào Thánh Đoàn, tích hợp với Toàn Thể, cho đến khi đạt được sự hợp nhất và đồng nhất hoàn toàn. Để làm chủ khoa học tích hợp này mà mục tiêu căn bản là sự đồng nhất với thực tại *Duy Nhất*, người đệ tử tiến từ sự hợp nhất này sang sự hợp nhất khác, phạm sai lầm, thường đi đến chỗ hoàn toàn nản lòng, đồng hóa mình với điều không mong muốn cho đến khi, như linh hồn-phàm ngã, y từ bỏ các mối liên hệ trước kia; y phải trả [127] giá hết lần này đến lần khác cho nhiệt tâm đặt sai chỗ, khát vọng méo mó, ảnh hưởng áp đảo của ảo cảm, và nhiều trạng thái rối loạn tâm lý và hồng trần

of glamour, and the many conditions of psychological and physical disarrangement which must arise whilst cleavages are being healed, right identification achieved and correct orientation established.

tất yếu phát sinh trong khi các phân rẽ đang được chữa lành, sự đồng nhất đúng đắn được đạt tới và định hướng đúng đắn được thiết lập.

Whilst this basic, inescapable and necessary process is taking place, a definite work is going forward in the etheric body. The disciple is learning to lift the energies, gathered from the lower centres, into the solar plexus and from that centre into the heart centre, thus bringing about a re-focussing of the energies above the diaphragm instead of putting the emphasis below. This leads frequently to profound complications, because—from the personality angle—the solar plexus centre is the most potent, being the clearing house for the personality forces. It is that process of decentralisation and "elevation" of the lower consciousness to the higher which produces the main difficulties to which the disciple is subjected. It is this process also which is going on in the world as a whole today, causing the appalling disruption of human affairs, culture, and civilisation. The entire focus of humanity's consciousness is being changed; the selfish life (characteristic of the man centred in his desires and consequently in the solar plexus centre) is giving place to the decentralised life of the man who is unselfish (centred in the Self or soul), aware of his relationships and responsibility to the Whole and not to the part. This sublimation of the lower life into the higher is one of deepest moment to the individual and to the race. Once the individual disciple, and humanity as well, symbolising the world disciple, have mastered the process of transference in this respect, we shall see the new order of individual service and of world service

Trong khi tiến trình căn bản, không thể tránh và cần thiết này đang diễn ra, một công việc xác định đang tiến hành trong thể dĩ thái. Người đệ tử đang học cách nâng các năng lượng, được tập hợp từ các trung tâm thấp, lên tùng thái dương và từ trung tâm đó lên trung tâm tim, nhờ đó tạo ra một sự tái tập trung các năng lượng phía trên cơ hoành thay vì đặt trọng tâm ở phía dưới. Điều này thường dẫn đến những biến chứng sâu sắc, bởi vì—từ góc độ phàm ngã—trung tâm tùng thái dương là mạnh nhất, là trạm phân phối các mãnh lực phàm ngã. Chính tiến trình phi tập trung vào bản thân và "nâng cao" tâm thức thấp lên cao hơn này tạo ra những khó khăn chính mà người đệ tử phải chịu. Chính tiến trình này cũng đang diễn ra trong toàn thế giới ngày nay, gây ra sự phá vỡ khủng khiếp của các công việc nhân loại, văn hóa và văn minh. Toàn bộ tiêu điểm của tâm thức nhân loại đang được thay đổi; đời sống ích kỷ (đặc trưng của con người tập trung trong các dục vọng của mình và do đó trong trung tâm tùng thái dương) đang nhường chỗ cho đời sống phi tập trung vào bản thân của con người vị tha (tập trung trong Bản Ngã hay linh hồn), ý thức về các mối liên hệ và trách nhiệm của mình đối với Toàn Thể chứ không phải đối với bộ phận. Sự thăng hoa đời sống thấp vào đời sống cao này là điều có ý nghĩa sâu xa nhất đối với cá nhân và đối với nhân loại. Một khi người đệ tử cá nhân, và cả nhân loại nữa, tượng trưng cho người đệ tử thế giới, đã làm chủ được tiến trình chuyển dịch theo phương diện này, chúng ta sẽ thấy trật tự mới của phụng sự cá nhân và phụng sự thế giới được thiết lập, và

established, and therefore the coming in of the awaited new order.

do đó sự xuất hiện của trật tự mới được mong đợi.

[128]

[128]

Of all these processes, the circulation of the blood stream is the symbol, and the clue to the establishment of the world order lies hid in this symbology—free circulation of all that is needed to all parts of the great framework of humanity. The blood is the life, and free interchange, free sharing, free circulation of all that is required for right human living will characterise the world to be. Today these conditions do not exist, the body of humanity is diseased and its internal life disrupted. Instead of free circulation between all parts of the life aspect, there has been separation, blocked channels, congestion and stagnation. It has needed the terrific crisis of the present to arouse humanity to its diseased condition, to the extent of the evil which is now discovered to be so great, and the diseases of the "blood of humanity" (symbolically understood) so severe that only the most drastic measures—pain, agony, despair and terror—can suffice to establish a cure.

Trong tất cả các tiến trình này, sự tuần hoàn của dòng máu là biểu tượng, và đầu mối cho việc thiết lập trật tự thế giới nằm ẩn trong biểu tượng học này—sự lưu thông tự do của mọi điều cần thiết đến mọi phần của bộ khung lớn lao của nhân loại. Máu là sự sống, và sự trao đổi tự do, chia sẻ tự do, lưu thông tự do của mọi điều cần thiết cho đời sống con người đúng đắn sẽ là đặc trưng của thế giới tương lai. Ngày nay những điều kiện này không tồn tại, thân thể của nhân loại đang bệnh hoạn và đời sống nội tại của nó bị phá vỡ. Thay vì sự lưu thông tự do giữa mọi phần của phương diện sự sống, đã có sự phân ly, các kênh bị bế tắc, sự tắc nghẽn và đình trệ. Cuộc khủng hoảng khủng khiếp của hiện tại đã cần đến để đánh thức nhân loại về tình trạng bệnh hoạn của mình, về mức độ của điều ác nay được phát hiện là quá lớn, và những bệnh tật của "máu của nhân loại" (được hiểu theo nghĩa biểu tượng) nghiêm trọng đến mức chỉ những biện pháp quyết liệt nhất—đau đớn, thống khổ, tuyệt vọng và kinh hoàng—mới có thể đủ để thiết lập một sự chữa lành.

Healers would do well to remember this, and to have in mind that disciples and all good men and aspirants share in this universal disease of humanity which must take its toll psychologically or physically or both. The trouble is of ancient origin and of long established habit and inevitably affects the physical vehicle of the soul. Exemption from the effects of human ills is no indication of spiritual superiority. It might simply indicate what one of the Masters has called "the depths of spiritual selfishness and self-satisfaction." The initiate of the third degree

Các nhà trị liệu nên ghi nhớ điều này, và nên nhớ rằng các đệ tử cùng tất cả những người thiện lành và những người chí nguyện đều chia sẻ căn bệnh phổ quát này của nhân loại, căn bệnh phải đòi cái giá của nó về mặt tâm lý hoặc thể xác hoặc cả hai. Rắc rối này có nguồn gốc xa xưa và là một thói quen đã được thiết lập từ lâu, tất yếu ảnh hưởng đến vận cụ hồng trần của linh hồn. Việc được miễn khỏi các hậu quả của những nỗi khổ của con người không phải là dấu hiệu của sự vượt trội tinh thần. Điều đó có thể chỉ cho thấy điều mà một trong các Chân sư đã gọi là

can hold himself exempt, but this is only because he has completely freed himself from glamour and no aspect of the personality life has any further power over him. All the ray types are equally subjected to these particular problems. The seventh ray, however, is more susceptible to the problems, difficulties and diseases incident to the blood stream than are any of the other ray types. The reason is that this is the ray which has [129] to do with the expression and manifestation of life upon the physical plane and with the organisation of the relationship between spirit and matter into form. It is concerned therefore today, as it seeks to create the new order, with free circulation and with a consequently intended freedom of humanity from the ills and problems of the past. This is of interest to remember, and students would find it helpful at this time, if they want to cooperate intelligently with the happenings of the day, to collect and study all that I have written about the seventh ray of ceremonial order and magic.

"chiều sâu của sự ích kỷ tinh thần và tự mãn." Điểm đạo đồ ở cấp ba có thể giữ mình được miễn trừ, nhưng điều này chỉ vì y đã hoàn toàn giải thoát mình khỏi ảo cảm và không một phương diện nào của đời sống phàm ngã còn có quyền lực gì đối với y nữa. Mọi loại cung đều chịu những vấn đề đặc thù này như nhau. Tuy nhiên, cung bảy dễ bị các vấn đề, khó khăn và bệnh tật liên quan đến dòng máu hơn bất kỳ loại cung nào khác. Lý do là vì đây là cung có [129] liên quan đến sự biểu lộ và hiện hình của sự sống trên cõi hồng trần và với việc tổ chức mối liên hệ giữa tinh thần và vật chất thành hình tướng. Vì vậy, ngày nay nó liên quan, khi tìm cách tạo ra trật tự mới, đến sự lưu thông tự do và do đó đến sự tự do mà nhân loại được dự định có khỏi những nỗi khổ và vấn đề của quá khứ. Điều này đáng ghi nhớ, và các đạo sinh sẽ thấy hữu ích vào lúc này, nếu họ muốn hợp tác một cách thông minh với những biến cố của thời đại, khi thu thập và nghiên cứu tất cả những gì tôi đã viết về cung bảy của trật tự nghi lễ và huyền thuật.

b. Diseases of the nervous system, due to the flow of energy to all parts of the body, directed by either the personality, some aspect of the personal lower self, or by the soul, via the brain, are many and become acute as the disciple nears initiation or becomes an initiate. Apart from the physiological ills which this produces, there are many other conditions brought about by this inflow of force. The disciple becomes, for instance, overstimulated, and therefore overactive; he becomes unbalanced, and when I say this I do not refer to mental imbalance (though that can happen), but to overdevelopment and overexpression in some part of his nature. He can become extravagantly overorganised through the medium of some overactive centre, or underorganised and inactive. He is therefore

b. *Các bệnh của hệ thần kinh*, do dòng năng lượng đi đến mọi phần của thân thể, được điều khiển hoặc bởi phàm ngã, hoặc bởi một phương diện nào đó của phàm ngã thấp, hoặc bởi linh hồn qua bộ não, thì rất nhiều và trở nên trầm trọng khi đệ tử tiến gần điểm đạo hoặc trở thành một điểm đạo đồ. Ngoài những bệnh lý sinh lý mà điều này tạo ra, còn có nhiều trạng thái khác do sự tuôn vào của mãnh lực này gây nên. Chẳng hạn, đệ tử trở nên bị kích thích quá mức, và vì vậy quá hoạt động; y trở nên mất quân bình, và khi tôi nói điều này tôi không ám chỉ sự mất quân bình trí tuệ (dù điều đó có thể xảy ra), mà là sự phát triển quá mức và biểu lộ quá mức ở một phần nào đó trong bản chất của y. Y có thể trở nên được tổ chức quá mức một cách thái quá qua trung gian của một trung tâm quá hoạt động, hoặc bị tổ chức kém và

subject to the imbalance of the glandular system, with all its attendant difficulties. His overstimulation or his undevelopment, where the centres are concerned, normally affects the glands, and they in their turn produce character difficulties which necessarily, in their turn, produce environmental problems as well as personality handicaps.

bất hoạt. Vì vậy y dễ bị mất quân bình của hệ tuyến, với tất cả những khó khăn đi kèm. Sự kích thích quá mức hoặc sự kém phát triển của y, xét về các trung tâm, thông thường ảnh hưởng đến các tuyến, và đến lượt chúng tạo ra những khó khăn về Tính cách, mà đến lượt chúng tất yếu tạo ra những vấn đề môi trường cũng như những trở ngại của phàm ngã.

It is then a vicious circle, and is all due to wrong direction of force and the inflow of force from one or other of the [130] personality vehicles to its related centre (i.e., the astral force and its relation to the solar plexus), and then the appearance of the problems of health, of character and of influence. Over-radiatory activity, through the medium of some centre, attracts attention and the disciple becomes the victim of his own achievement. I shall deal with these at greater length when I take up the diseases which develop from the four categories.

Khi đó, đây là một vòng luẩn quẩn, và tất cả đều do sự định hướng sai của mãnh lực và sự tuôn vào của mãnh lực từ một vận cụ này hay vận cụ khác của [130] phàm ngã đến trung tâm liên hệ của nó (tức là mãnh lực cảm dục và mối liên hệ của nó với tùng thái dương), rồi sau đó là sự xuất hiện của các vấn đề về sức khỏe, về Tính cách và về ảnh hưởng. Hoạt động bức xạ quá mức, qua trung gian của một trung tâm nào đó, thu hút sự chú ý và đệ tử trở thành nạn nhân của chính thành tựu của mình. Tôi sẽ bàn đến những điều này dài hơn khi tôi đề cập đến các bệnh phát triển từ bốn loại.

These difficulties are of a most general kind but do affect primarily second and sixth ray disciples. The one because the second ray is the building ray, and is therefore concerned predominantly with outer manifestation and with the utilisation of all the centres, and the other because it is primarily the ray of tension—a tension which can work out in the form of the most evil fanaticism or the most altruistic devotion. All the rays present the same problems, needless to say, but the second ray deals largely with the soul's activity through all the centres (those above and those below the diaphragm) but with the heart as the prime centre of attention. The sixth ray has a close relation to the solar plexus centre as the clearing house and the place of reorientation of the life force in the personality. Bear this constantly in mind.

Những khó khăn này thuộc loại rất phổ biến nhưng chủ yếu ảnh hưởng đến các đệ tử cung hai và cung sáu. Một bên là vì cung hai là cung kiến tạo, và do đó chủ yếu liên quan đến biểu hiện bên ngoài và việc sử dụng tất cả các trung tâm, còn bên kia là vì đó chủ yếu là cung của sự căng thẳng—một sự căng thẳng có thể biểu lộ dưới hình thức cuồng tín xấu xa nhất hoặc tận tụy vị tha nhất. Dĩ nhiên, mọi cung đều trình hiện cùng những vấn đề ấy, nhưng cung hai phần lớn xử lý hoạt động của linh hồn qua tất cả các trung tâm (những trung tâm ở trên và ở dưới cơ hoành), nhưng với tim là trung tâm chính của sự chú ý. Cung sáu có mối liên hệ mật thiết với trung tâm tùng thái dương như là trạm chuyển tiếp và nơi tái định hướng của sinh lực trong phàm ngã. Hãy luôn ghi nhớ điều này.

c. The problems connected with the respiratory or breathing system are all related to the heart, and therefore concerned with the establishing of right rhythm and right contact with the environment. The drawing in of the life breath, the sharing of the air with all other human beings, denotes both an individual centre of life and participation also in the general life of all. To these problems of individual or separative existence and of its opposite, the Sacred Word, the OM, is intimately related. It might be said [131] in the words of an occult manual on healing, given to advanced disciples, that

c. *Các vấn đề liên quan đến hệ hô hấp hay hệ thở* đều liên hệ với tim, và do đó liên quan đến việc thiết lập nhịp điệu đúng và tiếp xúc đúng với môi trường. Việc hít vào hơi thở sự sống, việc chia sẻ không khí với mọi con người khác, biểu thị cả một trung tâm sự sống cá nhân lẫn sự tham dự vào sự sống chung của tất cả. Với những vấn đề này của sự tồn tại cá nhân hay phân ly và của đối cực của nó, Linh từ Thiêng, OM, có liên hệ mật thiết. Có thể nói [131] bằng lời của một cẩm nang huyền bí về trị liệu, được trao cho các đệ tử cao cấp, rằng

"He who lives under the sound of the AUM knows himself. He who lives sounding the OM knows his brother. He who knows the SOUND knows all."

"Người sống dưới âm thanh của AUM biết chính mình. Người sống khi xướng OM biết huynh đệ của mình. Người biết ÂM THANH biết tất cả."

Then, in the cryptic and symbolic language of the initiate, the manual goes on:

Rồi, bằng ngôn ngữ kín đáo và biểu tượng của điểm đạo đồ, cẩm nang tiếp tục:

"The breath of life becomes the cause of death to the one who lives within a shell. He exists but he is not; the breath then leaves and spirals to the whole.

"Hơi thở của sự sống trở thành nguyên nhân của cái chết đối với kẻ sống trong một cái vỏ. Y hiện hữu nhưng y không là; khi ấy hơi thở rời đi và xoắn ốc về toàn thể.

"He who breathes forth the OM knows not himself alone. He knows the breath is prana, life, the fluid of connection. The ills of life are his because they are the lot of man—not generated in a shell, because the shell is not.

"Kẻ thở ra OM không chỉ biết riêng mình. Y biết hơi thở là prana, là sự sống, là lưu chất của sự nối kết. Những nỗi khổ của sự sống là của y vì chúng là số phận của con người—không được tạo ra trong một cái vỏ, bởi vì cái vỏ không hiện hữu.

"He who is the SOUND and sounding forth knows not disease, knows not the hand of death."

"Kẻ là ÂM THANH và đang xướng ra không biết bệnh tật, không biết bàn tay của cái chết."

In these few words the whole problem of the third group of problems and diseases is summed up. They are concerned with the

Trong vài lời này, toàn bộ vấn đề của nhóm thứ ba các vấn đề và bệnh tật được tóm lược. Chúng liên quan đến sự lưu thông của năng

circulation of soul energy, which is the energy of love, and they are not concerned with the circulation of the life essence. These two basic energies, as they play upon the forces of the personality, bring about the bulk of the problems to which humanity falls heir. These are lack of love, lack of life, failure to sound forth correctly the note of the soul and of the ray, and failure to transmit. The secret of constituting a pure channel (to use mystic but not occult phraseology), is considered in the first group of problems; and the establishing of right relation by right sounding forth of the attractive note of the soul, is considered in the last two groups.

lượng linh hồn, vốn là năng lượng của bác ái, và *không* liên quan đến sự lưu thông của tinh chất sự sống. Hai năng lượng căn bản này, khi tác động lên các mãnh lực của phàm ngã, tạo ra phần lớn những vấn đề mà nhân loại phải thừa hưởng. Đó là thiếu bác ái, thiếu sự sống, không xướng ra đúng chủ âm của linh hồn và của cung, và không chuyển truyền. Bí mật để cấu thành một kênh dẫn thanh khiết (dùng thuật ngữ thần bí chứ không phải huyền bí học) được xét trong nhóm vấn đề thứ nhất; còn việc thiết lập mối liên hệ đúng bằng cách xướng ra đúng nốt hấp dẫn của linh hồn được xét trong hai nhóm cuối.

[132]

[132]

This third group of difficulties, problems and diseases are of course those of people upon all the rays, but first ray people have a definite predisposition to these specific troubles. At the same time, when they rightly utilise their latent powers, they can overcome by the right use of the OM, and finally of the SOUND, the incidental problems and difficulties far more easily than those on other rays. You have here a reference to the Lost Word of Masonry and to the SOUND of the Ineffable Name.

Nhóm thứ ba này của những khó khăn, vấn đề và bệnh tật dĩ nhiên là của những người trên mọi cung, nhưng những người cung một có một khuynh hướng rõ rệt đối với các rắc rối đặc thù này. Đồng thời, khi họ sử dụng đúng các quyền năng tiềm ẩn của mình, họ có thể vượt qua bằng cách sử dụng đúng OM, và cuối cùng là ÂM THANH, những vấn đề và khó khăn ngẫu phát dễ dàng hơn nhiều so với những người ở các cung khác. Ở đây bạn có một ám chỉ đến Linh từ Thất Truyền của Hội Tam Điểm và đến ÂM THANH của Danh Xưng Bất Khả Ngôn.

The sound of the AUM, the sound of the OM, and the SOUND itself, are all related to vibration and its differing and varied effects. The secret of the Law of Vibration is progressively revealed as people learn to sound forth the WORD in its three aspects. Students would do well to ponder on the distinction between the breath and the sound, between the process of breathing and the process of creating vibratory activity.

Âm thanh của AUM, âm thanh của OM, và chính ÂM THANH, tất cả đều liên hệ với rung động và những hiệu quả khác nhau, đa dạng của nó. Bí mật của Định luật Rung động được mặc khải dần dần khi con người học cách xướng LINH TỪ trong ba phương diện của nó. Các đạo sinh nên suy ngẫm về sự phân biệt giữa hơi thở và âm thanh, giữa tiến trình hô hấp và tiến trình tạo ra hoạt động rung động. Chúng có liên hệ nhưng

They are related but distinct from each other. One is related to Time and the other to Space and (as the Old Commentary puts it) "the sound, the final and yet initiating sound, concerns that which is neither Time nor Space; it lies outside the manifested All, the Source of all that is and yet is naught" (or no-thing. A.A.B.).

khác biệt với nhau. Một cái liên hệ với Thời gian và cái kia với Không gian và (như Cổ Luận nói) "âm thanh, âm thanh tối hậu nhưng đồng thời khai mở, liên quan đến cái không phải là Thời gian cũng không phải là Không gian; nó nằm ngoài Toàn Thể biểu hiện, Nguồn Cội của mọi cái đang là mà vẫn là hư vô" (hay không-vật. A.A.B.).

For this reason, disciples on the fourth ray usually can develop by the power of the intuition an understanding of the OM. This ray of harmony through conflict (the conflict of the pairs of opposites) is necessarily concerned with the bringing in of that vibratory activity which will lead to unity, to harmony and to right relations, and to the release of the intuition.

Vì lý do này, các đệ tử cung bốn thường có thể phát triển, bằng quyền năng của trực giác, một sự thấu hiểu về OM. Cung của hòa điệu qua xung đột này (xung đột của các cặp đối cực) tất yếu liên quan đến việc đưa vào hoạt động rung động sẽ dẫn đến hợp nhất, hòa điệu và các mối liên hệ đúng, và đến sự giải phóng trực giác.

d. The problems incident to the activity of inactivity of the centres are perhaps the most important from the standpoint of disease, because the centres govern the glandular [133] system and the glands have a direct relation to the blood stream and they condition also the major and most important areas in the human body; they have both a physiological and a psychological effect upon the personality and its interior and exterior contacts and relations. The reaction is primarily physical but the effects are largely psychological, and it is therefore this fourth group upon which I shall principally enlarge, dealing with the diseases of disciples and giving some definite instructions upon the centres. This will indicate more clearly than elsewhere the causes of the many human ills and physical difficulties.

d. *Các vấn đề liên quan đến hoạt động hay bất hoạt động của các trung tâm* có lẽ là quan trọng nhất từ quan điểm bệnh tật, vì các trung tâm chi phối hệ tuyến [133] và các tuyến có liên hệ trực tiếp với dòng máu, đồng thời chúng cũng tác động lên các khu vực chính và quan trọng nhất trong thân thể con người; chúng có cả tác động sinh lý lẫn tâm lý lên phàm ngã và lên các tiếp xúc cùng mối liên hệ bên trong và bên ngoài của nó. Phản ứng trước hết là hồng trần nhưng các hiệu quả phần lớn là tâm lý, và vì vậy chính nhóm thứ tư này là nhóm mà tôi sẽ chủ yếu khai triển, khi bàn đến các bệnh của đệ tử và đưa ra một số chỉ dẫn rõ ràng về các trung tâm. Điều này sẽ chỉ ra rõ hơn bất cứ chỗ nào khác các nguyên nhân của nhiều nỗi khổ và khó khăn thể xác của con người.

Before proceeding to our next point, try to grasp somewhat more fully the Laws of Healing and the Rules given thus far and repeated here to facilitate your endeavours.

Trước khi tiếp tục sang điểm kế tiếp, hãy cố nắm bắt đầy đủ hơn đôi chút các Định luật Trị liệu và các Quy luật đã được đưa ra cho

đến nay và được lặp lại ở đây để tạo thuận lợi cho nỗ lực của các bạn.

LAW I

ĐỊNH LUẬT I

All disease is the result of inhibited soul life and this is true of all forms of all kingdoms. The art of the healer consists in releasing the soul so that its life can flow through the aggregate of organisms which constitute any particular form.

Mọi bệnh tật đều là kết quả của đời sống linh hồn bị ức chế và điều này đúng với mọi hình tướng của mọi giới. Nghệ thuật của nhà trị liệu là giải phóng linh hồn để sự sống của linh hồn có thể tuôn chảy qua tập hợp các cơ cấu sống cấu thành bất kỳ hình tướng cụ thể nào.

LAW II

ĐỊNH LUẬT II

Disease is the product of, and subject to, three influences: first, a man's past, wherein he pays the price of ancient error; second, his inheritance, wherein he shares with all mankind those tainted streams of energy which are of group origin; third, he shares with all the natural forms that which the Lord of Life imposes on His body. These three influences are called "The Ancient Law of Evil Sharing." This must give place someday to that new "Law of Ancient Dominating Good" which lies behind all that God made. This law must be brought into activity by the spiritual will of man.

Bệnh tật là sản phẩm của, và chịu sự chi phối của, ba ảnh hưởng: thứ nhất, quá khứ của một người, trong đó y trả giá cho lỗi lầm xa xưa; thứ hai, di truyền của y, trong đó y chia sẻ với toàn thể nhân loại những dòng năng lượng nhiễm độc có nguồn gốc nhóm; thứ ba, y chia sẻ với mọi hình tướng tự nhiên điều mà Chúa Tể của Sự Sống áp đặt lên thân thể của Ngài. Ba ảnh hưởng này được gọi là "Định luật Cổ xưa về Sự Chia sẻ Điều Ác." Một ngày nào đó nó phải nhường chỗ cho "Định luật mới về Điều Thiện Cổ xưa Chi Phối" nằm phía sau mọi điều mà Thượng đế đã tạo ra. Ý chí tinh thần của con người phải đưa định luật này vào hoạt động.

LAW III

ĐỊNH LUẬT III

Diseases are an effect of the basic centralisation of a man's life energy. From the Plane whereon those energies [134] are focussed, proceed those determining conditions which produce ill health, and which, therefore, work out as disease or as freedom from disease.

Bệnh tật là một hiệu quả của sự tập trung căn bản của năng lượng sự sống của một người. Từ Cõi mà trên đó những năng lượng ấy [134] được tập chú, phát sinh những điều kiện quyết định tạo ra tình trạng sức khỏe xấu, và do đó biểu lộ thành bệnh tật hoặc thành sự tự do khỏi bệnh tật.

LAW IV

ĐỊNH LUẬT IV

Disease, both physical and psychological, has its roots in the good, the beautiful and the true. It is but a distorted reflection of divine possibilities. The thwarted soul, seeking full expression of some divine characteristic or inner spiritual reality, produces within the substance of its sheaths a point of friction. Upon this point the eyes of the personality are focussed, and this leads to disease. The art of the healer is concerned with the lifting of the downward focussed eyes unto the soul, the Healer within the form. The spiritual or third eye then directs the healing force, and all is well.

Bệnh tật, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều bắt nguồn từ điều thiện, điều đẹp và điều chân thật. Bệnh tật chỉ là sự phản chiếu méo mó của những khả năng thiêng liêng. Linh hồn bị ngăn trở, khi tìm cách biểu lộ trọn vẹn một đặc tính thiêng liêng hay một thực tại tinh thần nội tại nào đó, tạo ra một điểm ma sát trong chất liệu của những lớp vỏ bao bọc mình. Đôi mắt của phàm ngã tập trung vào Điểm này, và điều ấy dẫn đến bệnh tật. Nghệ thuật của nhà trị liệu liên quan đến việc nâng đôi mắt đang hướng xuống ấy lên linh hồn, Đấng Trị Liệu bên trong hình tướng. Khi ấy, con mắt tinh thần, hay con mắt thứ ba, điều khiển mãnh lực chữa lành và mọi sự đều ổn thỏa.

RULE ONE

QUY LUẬT MỘT

The healer must seek to link his soul, his heart, his brain and his hands. Thus can he pour the vital healing force upon the patient. This is magnetic work. It cures disease, or increases the evil state, according to the knowledge of the healer.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, trái tim, bộ não và đôi tay của mình. Nhờ đó, y có thể tuôn đổ mãnh lực chữa lành mang sinh lực lên bệnh nhân. *Đây là công việc từ tính*. Công việc này chữa khỏi bệnh hoặc làm tình trạng bệnh trầm trọng hơn, tùy theo tri thức của nhà trị liệu.

The healer must seek to link his soul, his brain, his heart and auric emanation. Thus can his presence feed the soul life of the patient. This is the work of radiation. The hands are needed not. The soul displays its power. The patient's soul responds through the response of his aura to the radiation of the healer's aura, flooded with soul energy.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, bộ não, trái tim và sự phát xạ hào quang của mình. Nhờ đó, sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng sự sống linh hồn của bệnh nhân. *Đây là công việc bức xạ*. Không cần đến đôi tay. Linh hồn biểu lộ quyền năng của nó. Linh hồn của bệnh nhân đáp ứng thông qua sự đáp ứng của hào quang bệnh nhân đối với bức xạ từ hào quang nhà trị liệu, vốn tràn ngập năng lượng linh hồn.

RULE TWO

QUY LUẬT HAI

The healer must achieve magnetic purity, through purity of life. He must attain that dispelling radiance which shows itself in

Nhà trị liệu phải đạt được sự thanh khiết từ tính thông qua sự thanh khiết của đời sống. Y phải đạt đến bức xạ xua tan ấy, bức xạ tự

every man when he links the centres in the head. When this magnetic field is established, the radiation too goes forth.

biểu lộ nơi mọi người khi y nối kết các trung tâm trong đầu. Khi trường từ tính này được thiết lập, bức xạ cũng phát ra.

RULE THREE

QUY LUẬT BA

Let the healer train himself to know the inner stage of thought or of desire of the one who seeks his help. He [135] can thereby know the source from which the trouble comes. Let him relate the cause and the effect, and know the point exact through which the help must come.

Hãy để nhà trị liệu tự rèn luyện để biết trạng thái nội tâm về tư tưởng hay dục vọng của người tìm đến nhờ y giúp đỡ. Nhờ đó y [135] có thể biết nguồn gốc từ đó rắc rối phát sinh. Hãy để y liên hệ nguyên nhân với kết quả, và biết chính xác điểm mà qua đó sự trợ giúp phải đến.

RULE FOUR

QUY LUẬT BỐN

The healer and the healing group must keep the will in leash. It is not will that must be used but love.

Nhà trị liệu và nhóm trị liệu phải giữ ý chí trong vòng kiềm chế. Phải sử dụng tình thương, không phải ý chí.

2. Difficulties Incident to Soul Contact.

2. Những khó khăn liên quan đến tiếp xúc linh hồn.

Today we begin a study of the difficulties, the diseases and the psychological troubles (neurological and mental) of the aspirants and of the disciples of the world. These we shall study definitely from the angle of the seven centres, as well as considering the results of the forces and energies (I use these distinctive words advisedly) which pour through them. Much that I shall say will be open to question from the viewpoint of orthodox medicine, yet, at the same time, orthodox medicine has been steadily drifting towards the occult point of view. I shall not attempt to relate the esoteric attitude of healing, its propositions and methods, to the modern schools of therapy. The two are gradually approaching each other, in any case. The lay reader, for whom these teachings are intended, will get a clearer comprehension of my thesis if it is

Hôm nay chúng ta bắt đầu nghiên cứu những khó khăn, bệnh tật và các rắc rối tâm lý (thần kinh học và trí tuệ) của những người chí nguyện và các đệ tử của thế giới. Chúng ta sẽ nghiên cứu chúng một cách rõ rệt từ góc độ của bảy trung tâm, đồng thời xem xét các kết quả của những mãnh lực và năng lượng (tôi dùng những từ phân biệt này một cách có chủ ý) tuôn qua chúng. Nhiều điều tôi sẽ nói sẽ có thể bị chất vấn từ quan điểm y học chính thống, tuy nhiên đồng thời y học chính thống đã đều đặn trôi dần về phía quan điểm huyền bí học. Tôi sẽ không cố gắng liên hệ thái độ trị liệu nội môn, các mệnh đề và phương pháp của nó với các trường phái trị liệu hiện đại. Dù sao đi nữa, hai bên đang dần dần tiến gần nhau. Người đọc phổ thông, đối tượng mà các giáo huấn này nhắm đến, sẽ có được sự hiểu biết rõ hơn về luận đề của tôi nếu nó được giữ tương đối

kept relatively free from the technical terms and the academic attitudes of the medical sciences. They would but serve to confuse, and my effort is to give a general picture of the underlying causes of outer physical ills. I seek to present certain aspects of occult therapy for which mankind is now ready, reminding you that the presentation is naturally inadequate and partial, and for that reason may appear incorrect and to be challenging to those who look ever for outlets for human credulity. That, however, concerns me not. Time will prove the accuracy of my statements.

thoát khỏi các thuật ngữ kỹ thuật và các thái độ hàn lâm của khoa học y học. Chúng chỉ làm rối trí thêm, và nỗ lực của tôi là đưa ra một bức tranh tổng quát về các nguyên nhân nền tảng của những bệnh tật hồng trần bên ngoài. Tôi tìm cách trình bày một số phương diện của trị liệu huyền bí học mà nhân loại hiện nay đã sẵn sàng tiếp nhận, đồng thời nhắc các bạn rằng sự trình bày này tự nhiên là không đầy đủ và phiến diện, và vì lý do đó có thể có vẻ không đúng và có vẻ thách thức đối với những ai luôn tìm lối thoát cho tính cả tin của con người. Tuy nhiên, điều đó không liên quan đến tôi. Thời gian sẽ chứng minh tính chính xác của những phát biểu của tôi.

[136]

[136]

The new medicine will deal with factors which are dimly recognised at present and which are not, as yet, brought into any real or factual relationship to man and his body. The basic theory upon which the new medical teaching will rest can best be summed up in the statement that there is in reality nothing but energy to be considered, and the forces which are resistant to or assimilative of higher or different types of energy. Let me therefore start by giving you a new Law to add to the four already communicated. The previous Laws have been in the nature of abstract propositions, and unless related to this fifth Law will remain somewhat vague and meaningless.

Nền y học mới sẽ bàn đến những yếu tố hiện nay mới chỉ được nhận ra một cách mơ hồ và chưa được đặt vào bất kỳ mối liên hệ thực sự hay thực tế nào với con người và thân thể của y. Lý thuyết căn bản mà trên đó giáo huấn y học mới sẽ đặt nền tốt nhất có thể được tóm lược trong phát biểu rằng thực ra không có gì ngoài năng lượng cần được xem xét, và những mãnh lực kháng cự hoặc đồng hoá các loại năng lượng cao hơn hay khác biệt. Vì vậy, hãy để tôi bắt đầu bằng cách trao cho các bạn một Định luật mới để thêm vào bốn Định luật đã được truyền đạt. Các Định luật trước có tính chất của những mệnh đề trừu tượng, và nếu không được liên hệ với Định luật thứ năm này, chúng sẽ vẫn còn phần nào mơ hồ và vô nghĩa.

LAW V

ĐỊNH LUẬT V

There is naught but energy, for God is life. Two energies meet in man, but other five are present. For each is to be found a central point of contact. The conflict of these energies with forces and of the forces twixt

Không có gì ngoài năng lượng, vì Thượng Đế là Sự Sống. Hai năng lượng gặp nhau trong con người, nhưng năm năng lượng khác cũng hiện diện. Với mỗi năng lượng, có thể tìm thấy một Điểm tiếp xúc ở trung tâm.

themselves produce the bodily ills of man. The conflict of the first and second persists for ages until the mountain top is reached—the first great mountain top. The fight between the forces produces all disease, all ills and bodily pain, which seek release in death. The two, the five, and thus the seven, plus that which they produce, possess the secret. This is the fifth Law of Healing within the world of form.

Xung đột của các năng lượng này với các mãnh lực và của các mãnh lực với nhau tạo ra những bệnh tật thể xác của con người. Sự xung đột giữa cái thứ nhất và cái thứ hai kéo dài qua nhiều thời đại cho đến khi đạt tới đỉnh núi—đỉnh núi lớn đầu tiên. Cuộc chiến giữa các mãnh lực tạo ra mọi bệnh tật, mọi nỗi khổ và đau đớn thể xác, những thứ tìm sự giải thoát trong cái chết. Hai, năm, và như vậy là bảy, cùng với điều chúng tạo ra, nắm giữ bí mật. Đây là Định luật Chữa Lành thứ năm trong thế giới hình tướng.

This Law can be resolved into certain basic statements which can be tabulated as follows:

Định luật này có thể được phân giải thành một số phát biểu căn bản có thể được liệt kê như sau:

1. We live in a world of energies and are a constituent part of them ourselves.

1. Chúng ta sống trong một thế giới của các năng lượng và bản thân chúng ta là một phần cấu thành của chúng.

2. The physical vehicle is a fusion of two energies and seven forces.

2. Vận cụ hồng trần là một sự dung hợp của hai năng lượng và bảy mãnh lực.

3. The first energy is that of the soul, the ray energy. It is the producer of conflict as the soul energy seeks to control the forces.

3. Năng lượng thứ nhất là năng lượng của linh hồn, năng lượng cung. Nó là tác nhân tạo ra xung đột khi năng lượng linh hồn tìm cách kiểm soát các mãnh lực.

[137]

[137]

4. The second energy is that of the threefold personality—the personality ray as it is resistant to the higher energy.

4. Năng lượng thứ hai là năng lượng của phàm ngã tam phân—cung phàm ngã khi nó kháng cự năng lượng cao hơn.

5. The forces are the other energies or ray potencies which control the seven centres and are dominated either by the energy of the personality or by that of the soul.

5. Các mãnh lực là những năng lượng khác hay những tiềm lực cung kiểm soát bảy trung tâm và bị chi phối hoặc bởi năng lượng của phàm ngã hoặc bởi năng lượng của linh hồn.

6. Two conflicts, therefore, proceed between the two major energies and between the

other energies, focussed through the seven centres.

6. Vì vậy, hai cuộc xung đột diễn ra giữa hai năng lượng chính và giữa các năng lượng khác, được tập trung qua bảy trung tâm.

7. It is the interplay of these energies which produces good health or bad.

7. Chính sự tương tác của các năng lượng này tạo ra sức khỏe tốt hay xấu.

There has been much teaching given anent the age-long struggle between personality and soul, but it has always been presented in the language of spiritual approach, of mysticism and of religion, or else in terms of character reaction, of abstract aspiration and of purity or non-purity. With these I shall not deal. My theme is the effects of this conflict in the physical body. I wish, therefore, to confine myself only to the physiological and psychological problems incident to the struggle which, in the main, make hard the lot of the disciple. It might be posited that:

Đã có nhiều giáo huấn được đưa ra về cuộc đấu tranh lâu đời giữa phàm ngã và linh hồn, nhưng nó luôn được trình bày bằng ngôn ngữ của tiếp cận tinh thần, của thần bí học và tôn giáo, hoặc bằng các thuật ngữ của phản ứng Tính cách, của khát vọng trừu tượng và của sự thanh khiết hay không thanh khiết. Với những điều đó tôi sẽ không bàn đến. Chủ đề của tôi là các hiệu quả của cuộc xung đột này trong thể xác. Vì vậy, tôi chỉ muốn giới hạn mình vào các vấn đề sinh lý và tâm lý liên quan đến cuộc đấu tranh mà nhìn chung làm cho số phận của đệ tử trở nên khó khăn. Có thể nêu ra rằng:

A. All diseases and physical difficulties are caused by one or more of three things or conditions:

A. Mọi bệnh tật và khó khăn thể xác đều do một hay nhiều trong ba điều hay ba trạng thái sau gây ra:

1. A developed soul contact, thus producing the vitalisation of all the centres in ordered rhythm, according to the soul ray. This necessarily produces stress and strain in the physical vehicle.

1. Một tiếp xúc linh hồn đã phát triển, do đó tạo ra sự tiếp sinh lực cho tất cả các trung tâm theo nhịp điệu có trật tự, tùy theo cung linh hồn. Điều này tất yếu tạo ra áp lực và căng thẳng trong vận cụ hồng trần.

2. Personality life and focus, which attempts to negate this soul control, and which is largely expressed through the activity of the throat centre (predisposing an activity of the thyroid gland) and of the centres below the diaphragm.

2. Đời sống và sự tập chú của phàm ngã, vốn cố gắng vô hiệu hóa sự kiểm soát này của linh hồn, và phần lớn được biểu lộ qua hoạt động của trung tâm cổ họng (khiến hoạt động của tuyến giáp dễ phát sinh) và của các trung tâm dưới cơ hoành.

[138]

[138]

3. A cycle in the life of the aspirant wherein personality control begins to weaken and in

3. Một chu kỳ trong đời sống của người chí nguyện trong đó sự kiểm soát của phàm ngã

which the emphasis and consequent activity shifts into the centres above the diaphragm —again causing trouble and readjustment.

bắt đầu suy yếu và trong đó sự nhấn mạnh cùng hoạt động hệ quả chuyển sang các trung tâm trên cơ hoành—một lần nữa gây ra rắc rối và sự điều chỉnh lại.

B. Certain objectives present themselves to the aspirant at various stages, and each involves progress, but at the same time certain attendant difficulties.

B. Một số mục tiêu tự trình hiện trước người chí nguyện ở các giai đoạn khác nhau, và mỗi mục tiêu đều bao hàm tiến bộ, nhưng đồng thời cũng bao hàm một số khó khăn đi kèm.

1. The objective before the initiate is to have every centre in the etheric body responsive to the ray energy of the soul and with all the other seven ray energies subsidiary to it. This process of stimulation, of readjustment, and the attainment of established control goes on until after the third initiation. Then, when that initiation has been taken, the physical vehicle is of a totally different calibre and quality, and the Rules and Laws of Health no longer apply.

1. *Mục tiêu trước điểm đạo đồ* là làm cho mọi trung tâm trong thể dĩ thái đáp ứng với năng lượng cung của linh hồn và khiến tất cả bảy năng lượng cung khác đều phụ thuộc vào nó. Tiến trình kích thích, điều chỉnh lại và đạt đến sự kiểm soát được thiết lập này tiếp diễn cho đến sau lần điểm đạo thứ ba. Khi lần điểm đạo ấy đã được tiếp nhận, vận cụ hồng trần có một tầm mức và phẩm tính hoàn toàn khác, và các Quy luật cùng Định luật về Sức khỏe không còn áp dụng nữa.

2. The objective before the disciple is to promote control of the centres in the body, via the soul, through stimulation, elimination and eventual stabilisation. This inevitably produces difficulty, and the vitalisation or inspiration (either of these words would be appropriate), or their lack or deficiency, affect the bodily organs within the areas around the centres and affect all substances surrounding the centres.

2. *Mục tiêu trước đệ tử* là thúc đẩy sự kiểm soát các trung tâm trong thân thể, qua linh hồn, bằng sự kích thích, loại trừ và cuối cùng là ổn định hóa. Điều này tất yếu tạo ra khó khăn, và sự tiếp sinh lực hay cảm hứng (một trong hai từ này đều thích hợp), hoặc sự thiếu vắng hay thiếu hụt của chúng, ảnh hưởng đến các cơ quan thể xác trong những vùng quanh các trung tâm và ảnh hưởng đến mọi chất liệu bao quanh các trung tâm.

3. The objective before the aspirant or the probationary disciple is to transfer the forces from the centres below the diaphragm, via the solar plexus centre, to the centres above the diaphragm. The energy of the base of the spine has to be transferred to the head; the energy of the sacral centre must be lifted to the throat, whilst the energy of the solar plexus must be transferred to the heart. This is done in

3. Mục tiêu trước người chí nguyện hay đệ tử dự bị là chuyển các mãnh lực từ các trung tâm dưới cơ hoành, qua trung tâm tùng thái dương, đến các trung tâm trên cơ hoành. Năng lượng của đáy cột sống phải được chuyển lên đầu; năng lượng của trung tâm xương cùng phải được nâng lên cổ họng, trong khi năng lượng của tùng thái dương phải được chuyển lên tim. Điều này được thực hiện để đáp ứng với "sức hút" từ tính

response to the magnetic "pull" of the soul ray as it begins to dominate the personality ray. It is a long and painful [139] process, covering many lives and carrying, as the result, many physical ills.

của cung linh hồn khi nó bắt đầu chi phối cung phàm ngã. Đây là một tiến trình dài và đau đớn [139], kéo dài qua nhiều kiếp sống và mang theo, như một kết quả, nhiều bệnh tật thể xác.

4. The objective before the average man (unconsciously effective) is to respond fully to personality force, focussed primarily at the middle point, the solar plexus, and then steadily and intelligently to coordinate these forces so that an integrated personality is presented eventually to the soul for control and use.

4. Mục tiêu trước con người trung bình (có hiệu lực một cách vô thức) là đáp ứng trọn vẹn với mãnh lực phàm ngã, chủ yếu được tập trung tại điểm giữa, tùng thái dương, rồi sau đó đều đặn và một cách thông minh phối hợp các mãnh lực này để cuối cùng một phàm ngã tích hợp được trình lên linh hồn để kiểm soát và sử dụng.

5. The objective before the primitive or undeveloped man (again unconsciously effective) is to live a full animal and emotional life, thereby gaining experience of growth, of contact, and eventually of understanding. By this means the response apparatus of the soul in the three worlds is built.

5. Mục tiêu trước con người nguyên thủy hay chưa phát triển (một lần nữa có hiệu lực một cách vô thức) là sống một đời sống động vật và cảm xúc trọn vẹn, nhờ đó thu được kinh nghiệm về tăng trưởng, về tiếp xúc, và cuối cùng là về thấu hiểu. Bằng phương tiện này, bộ máy đáp ứng của linh hồn trong ba cõi giới được xây dựng.

I would also call attention to the thought which I have here interjected, that the objectives intrinsically in themselves have an effect upon that towards which man is striving. This is a thought warranting careful consideration.

Tôi cũng muốn lưu ý đến tư tưởng mà tôi đã xen vào ở đây, rằng các mục tiêu tự thân chúng có một hiệu quả lên điều mà con người đang phấn đấu hướng tới. Đây là một tư tưởng đáng được cân nhắc cẩn thận.

These generalisations will be useful only if you remember that they are generalisations. No aspirant at any stage is perfectly clear cut in his endeavour until after the third initiation, nor is he entirely particularised in his life and effort. Men are at all imaginable stages of development, and many of these stages are intermediate to the five stages above mentioned. These all merge and blend into each other, and often constitute a formidable and confusing arena for thought and activity. It is only in the life of the undeveloped individual that clear simplicity

Những khái quát hóa này sẽ chỉ hữu ích nếu các bạn nhớ rằng chúng là những khái quát hóa. Không một người chí nguyện nào ở bất kỳ giai đoạn nào hoàn toàn rạch ròi trong nỗ lực của mình cho đến sau lần điểm đạo thứ ba, cũng như y không hoàn toàn được biệt định trong đời sống và nỗ lực của mình. Con người ở mọi giai đoạn phát triển có thể hình dung được, và nhiều giai đoạn trong số đó là trung gian giữa năm giai đoạn đã nêu trên. Tất cả những giai đoạn này hòa lẫn và dung hợp vào nhau, và thường tạo thành một đấu trường đáng sợ và gây rối cho tư tưởng và

is to be found. In between—from the stage of infancy of the race or of the man to that of the state of liberation from personality life—there is nothing but complexity, the overlapping of states of consciousness, difficulty, disease, psychological problems, illness and death.

hoạt động. Chỉ trong đời sống của cá nhân chưa phát triển mới có thể tìm thấy sự đơn giản rõ rệt. Ở khoảng giữa—từ giai đoạn ấu thơ của nhân loại hay của con người cho đến trạng thái giải thoát khỏi đời sống phàm ngã—không có gì ngoài sự phức tạp, sự chồng lấn của các trạng thái tâm thức, khó khăn, bệnh tật, các vấn đề tâm lý, đau ốm và cái chết.

[140]

[140]

This must obviously be so when the vast number of energies and forces which constitute man's being and form his environment are brought into relation with each other. Every human being is, in reality, like a miniature whirlpool in that great ocean of Being in which he lives and moves—ceaselessly in motion until such time as the soul "breathes upon the waters" (or forces) and the Angel of the Presence descends into the whirlpool. Then all becomes still. The waters stirred by the rhythm of life, and later stirred violently by the descent of the Angel, respond to the Angel's healing power and are changed "into a quiet pool into which the little ones can enter and find the healing which they need." So says the Old Commentary.

Điều này hiển nhiên phải như vậy khi số lượng khổng lồ các năng lượng và mãnh lực cấu thành bản thể con người và tạo nên môi trường của y được đặt vào mối liên hệ với nhau. Mỗi con người, trên thực tế, giống như một xoáy nước thu nhỏ trong đại dương lớn của Bản Thể mà trong đó y sống và vận động—chuyển động không ngừng cho đến khi linh hồn "thở trên mặt nước" (hay các mãnh lực) và Thiên Thần của Hiện Diện giáng xuống xoáy nước. Khi ấy mọi sự trở nên tĩnh lặng. Những làn nước bị khuấy động bởi nhịp điệu của sự sống, và về sau bị khuấy động dữ dội bởi sự giáng xuống của Thiên Thần, đáp ứng với quyền năng trị liệu của Thiên Thần và được biến đổi "thành một hồ nước yên lặng mà trong đó những kẻ bé nhỏ có thể bước vào và tìm thấy sự trị liệu mà chúng cần." Cổ Luận nói như vậy.

The Centres and the Glandular System

Các Trung Tâm và Hệ Tuyến

It will therefore be apparent to you that disease (when not of a group origin, or the result of planetary karma or based on accident) takes its rise in the activity or the non-activity of the centres. This is a statement of a basic truth, given in the simplest manner. The centres, as you know, govern the endocrine system which, in its turn, controls the seven major areas of the physical body and is responsible for the

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ rằng bệnh tật (khi không có nguồn gốc nhóm, hoặc không phải là kết quả của nghiệp quả hành tinh hay dựa trên tai nạn) phát sinh từ hoạt động hoặc sự bất hoạt động của các trung tâm. Đây là một phát biểu về một chân lý căn bản, được đưa ra theo cách đơn giản nhất. Như các bạn biết, các trung tâm chi phối hệ nội tiết, và đến lượt hệ này kiểm soát bảy khu vực chính của thể xác và chịu trách nhiệm cho sự vận hành

correct functioning of the entire organism, producing both physiological and psychological effects.

đúng đắn của toàn bộ cơ thể, tạo ra cả các hiệu quả sinh lý lẫn tâm lý.

The importance of this glandular system cannot be overestimated. It is a replica in miniature of the septenary constitution of the universe and the medium of expression and the instrument of contact for the seven ray forces, the seven Spirits before the Throne of God. Around this at present unrecognised truth the medicine and the healing methods of the future civilisation will be built.

Dù đề cao tầm quan trọng của hệ tuyến này đến đâu cũng không quá mức. Nó là một bản sao thu nhỏ của cấu tạo thất phân của vũ trụ và là phương tiện biểu lộ cùng công cụ tiếp xúc cho bảy mãnh lực cung, Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai của Thượng đế. Chung quanh chân lý hiện nay chưa được nhận ra này, nền y học và các phương pháp trị liệu của nền văn minh tương lai sẽ được xây dựng.

The glands constitute a great relating system in the body; they bring all parts of the physical vehicle into relation with each other; they also relate the man to the etheric [141] body—both individual and planetary—and likewise to the blood stream, the carrier of the life principle to all parts of the body. There are consequently four major agents of distribution to be found in the physical body. They are all complete in themselves, all contributory to both the functional and the organic life of the body, all closely interrelated and all producing both physiological and psychological results according to their potency, the response of the centres to the higher inflow, the point in evolution achieved, and the free expression, or the reverse, of the incoming energies. These four agents of distribution of energy are:

Các tuyến cấu thành một hệ thống liên hệ lớn trong thân thể; chúng đưa mọi phần của vận cụ hồng trần vào mối liên hệ với nhau; chúng cũng liên hệ con người với thể dĩ thái [141]—cả cá nhân lẫn hành tinh—và cũng với dòng máu, là vật mang nguyên khí sự sống đến mọi phần của thân thể. Do đó, có bốn tác nhân phân phối chính được tìm thấy trong thể xác. Tất cả chúng đều hoàn chỉnh trong chính mình, tất cả đều góp phần vào cả đời sống chức năng lẫn đời sống cơ quan của thân thể, tất cả đều liên hệ mật thiết với nhau và tất cả đều tạo ra cả kết quả sinh lý lẫn tâm lý tùy theo tiềm lực của chúng, sự đáp ứng của các trung tâm đối với sự tuôn vào cao hơn, điểm tiến hoá đã đạt được, và sự biểu lộ tự do hay ngược lại của các năng lượng đi vào. Bốn tác nhân phân phối năng lượng này là:

1. The etheric vehicle itself. This with its myriads of lines of force and of energy, the incoming and the outgoing energies, its responsiveness to energy impacts coming from the environment as well as from the inner spiritual man and the subtle bodies, underlies the entire physical body. In it are to be found the seven centres as focal points of

1. *Chính vận cụ dĩ thái.* Với vô số đường mãnh lực và năng lượng của nó, các năng lượng đi vào và đi ra, sự đáp ứng của nó đối với các tác động năng lượng đến từ môi trường cũng như từ con người tinh thần bên trong và các thể vi tế, nó làm nền cho toàn bộ thể xác. Trong đó có thể tìm thấy bảy trung tâm như những tiêu điểm tiếp nhận

reception and of distribution; they are the recipients of seven types of energy, and they distribute these seven energies through the entire little human system.

và phân phối; chúng là những trung tâm tiếp nhận bảy loại năng lượng, và chúng phân phối bảy năng lượng này qua toàn bộ tiểu hệ thống con người.

2. The nervous system and its various interlocking directorates. This is a relatively tangible network of energies and forces which are the outer expression of the inner, vital, dynamic network of the etheric body and the millions of nadis or the prototype of the nerves which underlie the more substantial body. These nerves and plexi and their many ramifications are the negative aspects of the positive energies which condition or are attempting to condition the man.

2. *Hệ thần kinh* và các ban điều hành đan xen khác nhau của nó. Đây là một mạng lưới tương đối hữu hình của các năng lượng và mãnh lực, là biểu hiện bên ngoài của mạng lưới nội tại, sinh động, năng động của thể dĩ thái và của hàng triệu nadi hay nguyên mẫu của các dây thần kinh làm nền cho thể xác đậm đặc hơn. Những dây thần kinh và đám rối này cùng vô số phân nhánh của chúng là các phương diện âm của những năng lượng dương đang tác động lên hoặc đang cố gắng tác động lên con người.

3. The endocrine system. This is the tangible and exoteric expression of the activity of the vital body and its seven centres. The seven centres of force are to be found in the same region where the seven major glands are located, and [142] each centre of force provides, according to the esoteric teaching, the power and the life of the corresponding gland which is, in fact, its externalisation.

3. *Hệ nội tiết.* Đây là biểu hiện hữu hình và ngoại môn của hoạt động của thể sinh lực và bảy trung tâm của nó. Bảy trung tâm mãnh lực được tìm thấy trong cùng khu vực nơi bảy tuyến chính tọa lạc, và [142] mỗi trung tâm mãnh lực cung cấp, theo giáo huấn nội môn, quyền năng và sự sống cho tuyến tương ứng, vốn thực ra là sự ngoại hiện của nó.

Các Trung tâm	Các tuyến
Centres	*Glands*
Luân xa đầu	Tuyến tùng
Head centre	*Pineal gland*
Trung tâm giữa hai lông mày	Tuyến yên
Centre between eyebrows	*Pituitary body*

Luân xa cổ họng	Tuyến giáp
Throat centre	*Thyroid gland*
Luân xa tim	Tuyến ức
Heart centre	*Thymus gland*
Luân xa tùng thái dương	Tuyến tụy
Solar plexus centre	*Pancreas*
Luân xa xương cùng	Các tuyến sinh dục
Sacral centre	*The gonads*
Luân xa ở đáy cột sống	Các tuyến thượng thận
Centre at base of spine	*Adrenal glands*

These three systems are very closely related to each other and constitute an interlocking directorate of energies and forces which are essentially vital, galvanic, dynamic and creative. They are basically interdependent, and upon them the entire interior health of the physical organism depends. They are responsive first to one or other of the bodies (emotional or mental), then to the integrated personality and its ray, and finally to the soul ray as it begins to assume control. They are, in reality, responsible for the production of the physical body and—after birth—they condition its psychological quality, and this in its turn produces the developing physical man. They are the agents for the three divine aspects of all manifestation: life quality appearance.

Ba hệ thống này liên hệ rất mật thiết với nhau và cấu thành một ban điều hành đan xen của các năng lượng và mãnh lực vốn về bản chất là sinh động, điện lực, năng động và sáng tạo. Về căn bản chúng phụ thuộc lẫn nhau, và toàn bộ sức khỏe nội tại của cơ thể hồng trần tùy thuộc vào chúng. Trước hết chúng đáp ứng với thể này hay thể khác (thể cảm dục hay thể trí), rồi đến phàm ngã tích hợp và cung của nó, và cuối cùng đến cung linh hồn khi nó bắt đầu nắm quyền kiểm soát. Trên thực tế, chúng chịu trách nhiệm cho việc tạo ra thể xác và—sau khi sinh—chúng tác động lên phẩm tính tâm lý của nó, và điều này đến lượt nó tạo ra con người thể xác đang phát triển. Chúng là các tác nhân cho ba phương diện thiêng liêng của mọi biểu hiện: sự sống phẩm tính sắc tướng.

4. The blood stream. This is the carrier of the life principle and of the combined energies and forces of the three above systems. This will be an idea of some novelty to the orthodox. The relationship of the circulatory system of the blood to the nervous system has not been as yet adequately developed in modern medicine. Much, however, has been done to relate the glandular system to the blood.

4. *Dòng máu.* Đây là vật mang nguyên khí sự sống và các năng lượng cùng mãnh lực kết hợp của ba hệ thống trên. Đây sẽ là một ý tưởng phần nào mới lạ đối với giới chính thống. Mối liên hệ của hệ tuần hoàn máu với hệ thần kinh cho đến nay vẫn chưa được phát triển đầy đủ trong y học hiện đại. Tuy nhiên, đã có nhiều việc được thực hiện để liên hệ hệ tuyến với máu.

[143]

[143]

Only when these four interrelated systems are viewed as one integrated whole and as the four aspects of one vital circulatory system will the truth emerge. Only as they are acknowledged to be the four major distributing agents of the combined rays of the individual man will the true nature of material phenomena be grasped. It might be added here that:

Chỉ khi nào bốn hệ thống liên hệ qua lại này được nhìn như một toàn thể tích hợp và như bốn phương diện của một hệ tuần hoàn sinh động duy nhất thì chân lý mới xuất hiện. Chỉ khi nào chúng được thừa nhận là bốn tác nhân phân phối chính của các cung kết hợp của cá nhân con người thì bản chất thực sự của các hiện tượng vật chất mới được nắm bắt. Có thể thêm ở đây rằng:

1. The etheric vehicle from the circulatory angle, is governed by the Moon, as it veils Vulcan.

1. Vận cụ dĩ thái, xét từ góc độ tuần hoàn, được cai quản bởi Mặt Trăng, khi nó che giấu Vulcan.

2. The nervous system is ruled by Venus.

2. Hệ thần kinh được cai quản bởi Sao Kim.

3. The endocrine system is governed by Saturn.

3. Hệ nội tiết được cai quản bởi Sao Thổ.

4. The blood stream is governed by Neptune.

4. Dòng máu được cai quản bởi Sao Hải Vương.

These four systems are in reality the manifestation of the four aspects of matter in its lowest or purely physical expression. There are other aspects of expression of the fundamental substance, but these are the four of greatest importance.

Bốn hệ thống này trên thực tế là biểu hiện của bốn phương diện của vật chất trong biểu lộ thấp nhất hay thuần hồng trần của nó. Có những phương diện biểu lộ khác của chất liệu căn bản, nhưng đây là bốn phương diện quan trọng nhất.

Each of these is essentially dual, and each duality corresponds to the ray of the soul or of the personality. Each is therefore both positive and negative; each can be described as a unit of resistant force and of dynamic energy; each is a combination of certain aspects of matter and substance—the matter being the relatively static aspect, and the substance the relatively fluid or quality-endowing agent. Their interplay, relationship and unified function are an expression of the One Life Principle, and when they have reached a point of perfected fusion or synthesis or coordinated activity there then appears that "life more abundantly" of which Christ spoke and of which we, as yet, know nothing. The four aspects of matter produce the correspondence also to the four divine attributes as well as to the three divine aspects.

Mỗi phương diện này về bản chất là kép, và mỗi tính kép tương ứng với cung của linh hồn hay của phàm ngã. Vì vậy mỗi cái vừa dương vừa âm; mỗi cái có thể được mô tả như một đơn vị của mãnh lực kháng cự và của năng lượng năng động; mỗi cái là một sự kết hợp của một số phương diện của vật chất và chất liệu—vật chất là phương diện tương đối tĩnh, còn chất liệu là tác nhân tương đối lưu động hay ban phẩm tính. Sự tương tác, mối liên hệ và chức năng hợp nhất của chúng là một biểu hiện của Nguyên Khí Sự Sống Duy Nhất, và khi chúng đạt đến một điểm dung hợp hay tổng hợp hay hoạt động phối hợp hoàn hảo thì khi ấy xuất hiện "sự sống dồi dào hơn" mà Đức Christ đã nói đến và điều mà chúng ta, cho đến nay, vẫn chưa biết gì. Bốn phương diện của vật chất cũng tạo ra sự tương ứng với bốn thuộc tính thiêng liêng cũng như với ba phương diện thiêng liêng.

[144]

[144]

The analogy of the basic dualism of all manifestation is also preserved, thus making the nine of initiation—the three, the four and the two. This correspondence to the initiatory process is, however, in the reverse direction, for it is initiation into the creative third aspect, the matter aspect and the world of intelligent activity. It is not initiation into the second or soul aspect, as is the case with the hierarchical initiations for which the disciple is preparing. It is the initiation of the soul into the experience of physical incarnation, into physical plane existence, and into the art of functioning as a human being. The door into this experience is the "Gate of Cancer." Initiation into the kingdom of God is entered through the "Gate of Capricorn." These four attributes and the three aspects of matter, plus their dual activity, are the

Sự tương đồng của nhị nguyên tính căn bản của mọi biểu hiện cũng được bảo tồn, do đó tạo thành số chín của điểm đạo—ba, bốn và hai. Tuy nhiên, sự tương ứng này với tiến trình điểm đạo lại theo chiều ngược lại, vì đó là điểm đạo vào phương diện sáng tạo thứ ba, phương diện vật chất và thế giới của hoạt động thông minh. Đó không phải là điểm đạo vào phương diện thứ hai hay phương diện linh hồn, như trường hợp của các cuộc điểm đạo của Thánh đoàn mà đệ tử đang chuẩn bị. Đó là điểm đạo của linh hồn vào kinh nghiệm lâm phàm hồng trần, vào sự hiện hữu trên cõi hồng trần, và vào nghệ thuật hoạt động như một con người. Cánh cửa đi vào kinh nghiệm này là "Cổng Cự Giải." Điểm đạo vào Thiên Giới được bước vào qua "Cổng Ma Kết." Bốn thuộc tính này và ba phương diện của vật chất, cộng với hoạt động kép của chúng, là sự tương ứng

correspondence to the four aspects of the personality and the Spiritual Triad and their dual active relationship. In this statement is hidden the key to liberation.

với bốn phương diện của phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần cùng mối liên hệ hoạt động kép của chúng. Trong phát biểu này ẩn giấu chìa khóa của sự giải thoát.

The Seven Major Centres

Bảy Trung Tâm Chính

It would be of value here if we consider for a moment the nature of the centres themselves, summarising somewhat the teaching already given in my other books, and so presenting a clear picture of the energy body which underlies the dense physical vehicle.

Sẽ có giá trị ở đây nếu chúng ta xét trong chốc lát bản chất của chính các trung tâm, tóm lược phần nào giáo huấn đã được đưa ra trong các sách khác của tôi, và như vậy trình bày một bức tranh rõ ràng về thể năng lượng làm nền cho vận cụ hồng trần đậm đặc.

There are many focal points of force within the body, but we shall deal only with the major seven which control in some degree or other all the remaining. In that way we shall not be confused. We shall consider the five centres found upon the spinal column and the two which are found in the head.

Có nhiều tiêu điểm mãnh lực trong thân thể, nhưng chúng ta sẽ chỉ bàn đến bảy trung tâm chính, những trung tâm kiểm soát ở mức độ nào đó tất cả các trung tâm còn lại. Bằng cách đó chúng ta sẽ không bị rối. Chúng ta sẽ xét năm trung tâm nằm trên cột sống và hai trung tâm nằm trong đầu.

1. The Head Centre. This is located at the very top of the head. It is frequently called "the thousand-petalled lotus" or the Brahmarandra. [145]

1. *Trung tâm đầu.* Trung tâm này nằm ở đỉnh đầu. Nó thường được gọi là "hoa sen ngàn cánh" hay Brahmarandra. [145]

a. It corresponds to the central spiritual sun.

a. Nó tương ứng với Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

b. It is brought into functioning activity after the third initiation and is the organ for the distribution of monadic energy, of the will aspect of divinity.

b. Nó được đưa vào hoạt động chức năng sau lần điểm đạo thứ ba và là cơ quan để phân phối năng lượng chân thần, phương diện ý chí của thiên tính.

c. It is related to the triple personality by the antahkarana, which disciples and initiates are in process of constructing and which reaches its full usefulness only after the destruction of the causal body at the fourth initiation.

c. Nó liên hệ với phàm ngã tam phân bằng antahkarana, mà các đệ tử và điểm đạo đồ đang trong tiến trình xây dựng và chỉ đạt đến tính hữu dụng trọn vẹn sau khi thể nguyên nhân bị hủy diệt ở lần điểm đạo thứ tư.

d. It is the Shamballa centre in the physical body and the agent of the Father or of the first divine aspect.

d. Nó là trung tâm Shamballa trong thể xác và là tác nhân của Chúa Cha hay của phương diện thiêng liêng thứ nhất.

e. It registers purpose, corresponds to the "electric fire" of the solar system, and is dynamic in quality.

e. Nó ghi nhận mục đích, tương ứng với "Lửa Điện" của hệ mặt trời, và có phẩm tính năng động.

f. Its dense physical externalisation is the pineal gland in the head. This remains active during infancy and until the will-to-be is sufficiently established so that the incarnating person is firmly anchored in physical incarnation. In the final stages of divine expression in man it again comes into activity and usefulness as the agent for the accomplishment on earth of the will energy of established Being.

f. Sự ngoại hiện hồng trần đậm đặc của nó là tuyến tùng trong đầu. Tuyến này vẫn hoạt động trong thời thơ ấu và cho đến khi ý chí-hiện-hữu được thiết lập đầy đủ để con người đang nhập thể được neo vững chắc trong sự lâm phàm hồng trần. Trong các giai đoạn cuối của biểu lộ thiêng liêng nơi con người, nó lại đi vào hoạt động và hữu dụng như tác nhân để hoàn thành trên Trái Đất năng lượng ý chí của Bản Thể đã được thiết lập.

g. It is the organ of synthesis because, after the third initiation and prior to the destruction of the causal body, it gathers into itself the energies of all the three aspects of manifested life. Where man is concerned, this means the energies of the Spiritual Triad, of the threefold egoic lotus and of the triple personality, thus again making the nine of initiation. The energies thus synchronised and focussed in, around and above [146] the head are of great beauty and extensive radiation, plus dynamic effectiveness. They serve to relate the initiate to all parts of the planetary life, to the Great Council at Shamballa, and to the Lord of the World, the final Initiator—via the Buddha and one of the three Buddhas of Activity. The Buddha, in a most peculiar sense, relates the initiate to the second aspect of divinity—that of love—and therefore to the Hierarchy; the Buddhas of Activity relate him to the third aspect of divinity, that of active intelligence. Thus the energy of will, of consciousness and of

g. Nó là cơ quan của tổng hợp bởi vì, sau lần điểm đạo thứ ba và trước khi thể nguyên nhân bị hủy diệt, nó thu tập vào chính nó các năng lượng của cả ba phương diện của sự sống biểu hiện. Xét nơi con người, điều này có nghĩa là các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần, của Hoa Sen Chân Ngã tam phân và của phàm ngã tam phân, như vậy một lần nữa tạo thành số chín của điểm đạo. Các năng lượng được đồng bộ hóa và tập trung như thế trong, quanh và trên [146] đầu có vẻ đẹp lớn lao và bức xạ rộng khắp, cộng với hiệu quả năng động. Chúng dùng để liên hệ điểm đạo đồ với mọi phần của sự sống hành tinh, với Đại Hội Đồng tại Shamballa, và với Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Điểm đạo tối hậu—qua Đức Phật và một trong ba vị Phật Hoạt Động. Đức Phật, theo một ý nghĩa rất đặc biệt, liên hệ điểm đạo đồ với phương diện thứ hai của thiên tính—đó là bác ái—và do đó với Thánh Đoàn; các vị Phật Hoạt Động liên hệ y với phương diện thứ ba của thiên tính, đó là trí tuệ hoạt động. Như vậy năng lượng của ý chí, của tâm thức và của

creativity meet in him, providing the synthesis of the divine aspects.

sáng tạo gặp nhau trong y, cung cấp sự tổng hợp của các phương diện thiêng liêng.

h. This is the only one of the seven centres which at the time of perfected liberation retains the position of an inverted lotus, with the stem of the lotus (the antahkarana, in reality) reaching up into "the seventh Heaven," thus linking the initiate with the first major planetary centre, Shamballa. All the other centres start by being inverted, with all the petals turned downwards towards the base of the spine; all, in the process of evolution, gradually unfold their petals and then slowly turn upwards "towards the summit of the rod," as it is called in the Old Commentary. The above is a piece of information which is of small value, except in so far as it presents a truth, completes a picture, and gives the student a symbolic idea of that which is essentially a distributing agent of the will energy of Deity.

h. Đây là trung tâm duy nhất trong bảy trung tâm mà vào lúc giải thoát hoàn hảo vẫn giữ vị trí của một hoa sen đảo ngược, với cuống hoa sen (thực ra là antahkarana) vươn lên "cõi trời thứ bảy," nhờ đó liên kết điểm đạo đồ với trung tâm hành tinh lớn thứ nhất, Shamballa. Tất cả các trung tâm khác khởi đầu bằng việc bị đảo ngược, với mọi cánh hoa quay xuống dưới về phía đáy cột sống; tất cả, trong tiến trình tiến hoá, dần dần mở các cánh hoa của mình rồi chậm rãi quay lên trên "về phía đỉnh của thần trượng," như được gọi trong Cổ Luận. Điều trên là một mẩu thông tin ít giá trị, ngoại trừ ở chỗ nó trình bày một chân lý, hoàn chỉnh một bức tranh, và cho đạo sinh một ý niệm biểu tượng về điều vốn về bản chất là một tác nhân phân phối năng lượng ý chí của Thượng đế.

2. The Ajna Centre. This is the centre between the eyebrows and is found in the region of the head just above [147] the two eyes, where it "acts as a screen for the radiant beauty and the glory of the spiritual man."

2. *Trung tâm Ajna.* Đây là trung tâm giữa hai chân mày và được tìm thấy trong vùng đầu ngay phía trên [147] hai mắt, nơi nó "hoạt động như một tấm màn cho vẻ đẹp rạng ngời và vinh quang của con người tinh thần."

a. It corresponds to the physical sun and is the expression of the personality, integrated and functioning—first of all as the disciple, and finally as the initiate. This is the true persona or mask.

a. Nó tương ứng với mặt trời hồng trần và là biểu hiện của phàm ngã, đã được tích hợp và đang hoạt động—trước hết như đệ tử, và cuối cùng như điểm đạo đồ. Đây là persona hay chiếc mặt nạ đích thực.

b. It achieves this functioning activity fully by the time the third initiation is taken. I would remind you that this initiation is regarded by the Hierarchy as the first major initiation, a fact which I have already communicated. It is the organ for the

b. Nó đạt được hoạt động chức năng này một cách trọn vẹn vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận. Tôi xin nhắc bạn rằng lần điểm đạo này được Thánh đoàn xem là lần điểm đạo lớn đầu tiên, một sự kiện mà tôi đã truyền đạt trước đây. Nó là cơ quan để phân

distribution of the energy of the third aspect —the energy of active intelligence.

phối năng lượng của phương diện thứ ba— năng lượng của trí tuệ linh hoạt.

c. It is related to the personality by the creative thread of life, and is therefore closely connected with the throat centre (the centre of creative activity), just as the head centre is related to the centre at the base of the spine. An active interplay, once established between the ajna centre and the throat centre, produces a creative life and a manifested expression of the divine idea on the part of the initiate. In the same way, the active interplay between the head centre and the centre at the base of the spine produces the manifestation of the divine will or purpose. The forces of the ajna and the throat centres, when combined, produce the highest manifestation of "fire by friction," just as the energies of the head centre and the basic centre produce the individual "electric fire" which, when fully expressing itself, we call the kundalini fire.

c. Nó liên hệ với phàm ngã qua sợi dây sáng tạo của sự sống, và vì thế gắn bó mật thiết với trung tâm cổ họng (trung tâm của hoạt động sáng tạo), cũng như trung tâm đầu liên hệ với trung tâm ở đáy cột sống. Một sự tương tác linh hoạt, một khi đã được thiết lập giữa trung tâm ajna và trung tâm cổ họng, sẽ tạo ra một đời sống sáng tạo và một biểu hiện hiển lộ của ý tưởng thiêng liêng nơi điểm đạo đồ. Cũng theo cách đó, sự tương tác linh hoạt giữa trung tâm đầu và trung tâm ở đáy cột sống tạo ra sự biểu hiện của ý chí hay mục đích thiêng liêng. Các lực của trung tâm ajna và trung tâm cổ họng, khi kết hợp, tạo ra biểu hiện cao nhất của "Lửa ma sát," cũng như các năng lượng của trung tâm đầu và trung tâm đáy tạo ra "Lửa Điện" cá nhân mà khi tự biểu lộ trọn vẹn, chúng ta gọi là lửa kundalini.

d. It is the centre through which the fourth Creative Hierarchy on its own plane finds expression, [148] and here also this Hierarchy and fourth kingdom in nature, the human family are fused and blended. The head centre relates the monad and the personality. The ajna centre relates the Spiritual Triad (the expression of the monad in the formless worlds) to the personality. Ponder on this statement, because you have here—in the symbolism of the head centre, physically considered—the reflection of the spiritual will, atma, and spiritual love, buddhi. Here also comes in the teaching on the place of the eyes in the development of conscious expression, creatively carrying forward the divine purpose.

d. Nó là trung tâm mà qua đó Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư trên cõi riêng của mình tìm được sự biểu lộ, [148] và cũng chính tại đây Huyền Giai này và giới thứ tư trong thiên nhiên, gia đình nhân loại, được dung hợp và hòa trộn. Trung tâm đầu liên hệ chân thần với phàm ngã. Trung tâm ajna liên hệ Tam Nguyên Tinh Thần (sự biểu lộ của chân thần trong các thế giới vô tướng) với phàm ngã. Hãy suy ngẫm về phát biểu này, vì ở đây—trong biểu tượng của trung tâm đầu, xét về mặt thể xác—bạn có sự phản ánh của ý chí tinh thần, atma, và tình thương tinh thần, Bồ đề. Ở đây cũng xuất hiện giáo huấn về vị trí của đôi mắt trong sự phát triển của biểu hiện hữu thức, mang mục đích thiêng liêng tiến lên một cách sáng tạo.

The Third Eye..... the head centre..... Will. Atma.

Con Mắt Thứ Ba..... trung tâm đầu..... Ý chí. Atma.

The eye of the Father, the Monad. SHAMBALLA.

Con mắt của Cha, Chân thần. SHAMBALLA.

The first aspect of will or power and purpose.

Phương diện thứ nhất của ý chí hay quyền năng và mục đích.

Related to the pineal gland.

Liên hệ với tuyến tùng quả.

The Right Eye..... the ajna centre.....Love. Buddhi.

Mắt Phải..... trung tâm ajna..... Bác ái. Bồ đề.

The eye of the Son, the Soul. HIERARCHY.

Con mắt của Con, Linh hồn. THÁNH ĐOÀN.

The second aspect of love-wisdom.

Phương diện thứ hai của Bác Ái – Minh Triết.

Related to the pituitary body.

Liên hệ với tuyến yên.

The Left Eye..... the throat centre..... Active Intelligence.

Mắt Trái..... trung tâm cổ họng..... Trí Tuệ Linh Hoạt.

The eye of the Mother, the personality. HUMANITY.

Con mắt của Mẹ, phàm ngã. NHÂN LOẠI.

The third aspect of intelligence.

Phương diện thứ ba của trí tuệ.

Related to the carotid gland.

Liên hệ với tuyến cảnh.

When these three eyes are functioning and all of them “seeing” simultaneously, you will then have insight into divine purpose (the initiate), intuitive vision of the plan (the disciple), and a spiritual direction of the resulting creative activity (the Master).

Khi ba con mắt này hoạt động và tất cả đều “thấy” đồng thời, khi ấy bạn sẽ có sự thấu suốt về mục đích thiêng liêng (điểm đạo đồ), linh thị trực giác về Thiên Cơ (đệ tử), và sự định hướng tinh thần đối với hoạt động sáng tạo phát sinh từ đó (Chân sư).

e. The ajna centre registers or focusses the intention to create. It is not the organ of creation in the [149] same sense that the throat centre is, but it embodies the idea lying behind active creativity, the subsequent act of creation producing eventually the ideal form for the idea.

e. Trung tâm ajna ghi nhận hay tập trung *ý định* sáng tạo. Nó không phải là cơ quan sáng tạo theo cùng ý nghĩa như trung tâm cổ họng, [149] nhưng nó thể hiện ý tưởng nằm phía sau tính sáng tạo linh hoạt, còn hành vi sáng tạo tiếp theo rốt cuộc tạo ra hình tướng lý tưởng cho ý tưởng đó.

f. Its dense physical externalisation is the pituitary body: the two lobes of this gland correspond to the two multiple petals of the ajna centre. It expresses imagination and desire in their two highest forms, and these are the dynamic factors lying behind all creation.

f. Sự ngoại hiện hồng trần đậm đặc của nó là tuyến yên: hai thùy của tuyến này tương ứng với hai cánh hoa đa phân của trung tâm ajna. Nó biểu lộ sự tưởng tượng và dục vọng trong hai hình thức cao nhất của chúng, và đây là các yếu tố năng động nằm phía sau mọi sáng tạo.

g. It is the organ of idealism therefore, and,—curiously enough—it is closely related to the sixth ray, just as the head centre is essentially related to the first ray. The sixth is peculiarly linked to the third ray and the third aspect of divinity as well as to the second ray and the second aspect. It fuses, anchors and expresses. This is a fact which I have not hitherto emphasised in my other writings. The ajna centre is the point in the head where the dualistic nature of manifestation in the three worlds is symbolised. It fuses the creative energies of the throat and the sublimated energies of desire or the true love of the heart.

g. Vì vậy, nó là cơ quan của chủ nghĩa lý tưởng, và—điều khá lạ lùng—nó liên hệ mật thiết với cung sáu, cũng như trung tâm đầu về bản chất liên hệ với cung một. Cung sáu được nối kết một cách đặc biệt với cung ba và phương diện thứ ba của thiên tính cũng như với cung hai và phương diện thứ hai. Nó dung hợp, neo giữ và biểu lộ. Đây là một sự kiện mà cho đến nay tôi chưa nhấn mạnh trong các trước tác khác của tôi. Trung tâm ajna là điểm trong đầu nơi bản chất nhị nguyên tính của sự biểu hiện trong ba cõi thấp được tượng trưng. Nó dung hợp các năng lượng sáng tạo của cổ họng và các năng lượng đã được thăng hoa của dục vọng hay tình thương chân chính của tim.

h. This centre, having only two real petals, is not a true lotus in the same sense as are the other centres. Its petals are composed of 96 lesser petals or units of force (48 + 48 = 96) but these do not assume the flower shape of the other lotuses. They spread out like the wings of an airplane to the right and left of the head, and are symbolic of the right hand path and the left hand path, of the way of matter and the way of spirit. They constitute symbolically, therefore, the two

h. Trung tâm này, chỉ có hai cánh hoa thực sự, không phải là một hoa sen đích thực theo cùng ý nghĩa như các trung tâm khác. Các cánh hoa của nó được cấu thành bởi 96 cánh hoa nhỏ hơn hay đơn vị lực (48 + 48 = 96) nhưng chúng không mang hình dạng hoa như các hoa sen khác. Chúng xòe ra như cánh của một chiếc máy bay về bên phải và bên trái đầu, và là biểu tượng của chánh đạo và tả đạo, của con đường vật chất và con đường tinh thần. Vì vậy, về mặt biểu tượng,

[150] arms of the Cross upon which the man is crucified—two streams of energy or light placed athwart the stream of life descending from the monad to the base of the spine and passing through the head.

The idea of relativity is one that must ever be held in mind as the student seeks to comprehend the centres, interiorly related within the etheric body, related at the same time to the subtler bodies, to the states of consciousness which are synonymous to states of being and of expression, to ray energies, to environing conditions, to the three periodical vehicles (as H. P. B. calls the personality, the threefold soul and the Spiritual Triad), to Shamballa and to the totality of manifested Lives. The complexity of the subject is extreme, but when the disciple or initiate is functioning in the three worlds and the various energies of the whole man are "grounded" in the earthbound man, then the situation becomes clearer. I use the expression "grounded" in its true and correct sense, and not as the description of a man who has discarded his physical body as the spiritualists use the term. Certain recognitions in time and space become possible; certain effects can be noted, certain ray influences appear more dominant than others; certain "patterns of being" appear; an expression of a spiritual Being at a certain point of conscious experience emerges into clarity and can then be spiritually diagnosed. Its aspects and attributes, its forces and energies, can be determined at that time and for a particular created expression of life. This must be borne in mind, and the thoughts of the student must not be permitted to rove too far afield but must be concentrated upon the appearance of the man (himself or another) and upon the emerging quality. When that

chúng cấu thành hai [150] cánh tay của Thập Giá mà trên đó con người bị đóng đinh —hai dòng năng lượng hay ánh sáng đặt ngang qua dòng sự sống đi xuống từ chân thần đến đáy cột sống và đi qua đầu.

Ý tưởng về tính tương đối là điều mà đạo sinh phải luôn ghi nhớ khi tìm cách thấu hiểu các trung tâm, vốn liên hệ nội tại bên trong thể dĩ thái, đồng thời liên hệ với các thể vi tế hơn, với các trạng thái tâm thức đồng nghĩa với các trạng thái hiện hữu và biểu lộ, với các năng lượng cung, với các điều kiện chung quanh, với ba vận cụ chu kỳ (như H. P. B. gọi phàm ngã, linh hồn tam phân và Tam Nguyên Tinh Thần), với Shamballa và với tổng thể các Sự Sống đã biểu hiện. Tính phức tạp của đề tài này là cực độ, nhưng khi đệ tử hay điểm đạo đồ đang hoạt động trong ba cõi giới và các năng lượng khác nhau của toàn thể con người được "nối đất" trong con người bị ràng buộc vào đất, thì tình hình trở nên rõ ràng hơn. Tôi dùng từ "nối đất" theo ý nghĩa chân chính và đúng đắn của nó, chứ không phải như cách các nhà thần linh học dùng để mô tả một người đã bỏ thể xác của mình. Một số sự nhận biết trong thời gian và không gian trở nên khả hữu; một số hiệu quả có thể được ghi nhận, một số ảnh hưởng cung xuất hiện trội hơn những ảnh hưởng khác; một số "mô hình hiện hữu" xuất hiện; một biểu hiện của một Hữu thể tinh thần tại một điểm kinh nghiệm hữu thức nhất định nổi lên rõ ràng và khi ấy có thể được chẩn đoán một cách tinh thần. Các phương diện và thuộc tính, các lực và năng lượng của nó, có thể được xác định vào lúc đó và đối với một biểu hiện sự sống được sáng tạo cụ thể. Điều này phải được ghi nhớ, và tư tưởng của đạo sinh không được phép lang thang quá xa mà phải tập trung vào *vẻ ngoài* của con người (chính y hay người khác) và vào *phẩm tính* đang xuất hiện. Khi đạo sinh ấy là một

student is a disciple or an initiate, he will be able also to study the life aspect.

[151]

Our study will, however, be somewhat different, for we shall attempt to discover the diseases and difficulties incident to the energy stimulation or the lack of stimulation of the centres, and so arrive at some of the effects which this energy inflow and conflict with forces will produce.

3. The Throat Centre. This centre is to be found at the back of the neck, reaching up into the medulla oblongata, thus involving the carotid gland, and down towards the shoulder blades. It is an exceedingly powerful and well developed centre where average humanity is concerned. It is interesting to note in this connection that

a. The throat centre is ruled by Saturn just as the two head centres are ruled respectively by Uranus (ruling the head centre) and Mercury (ruling the ajna centre). This is only where the disciple is concerned; the rulership changes after the third initiation or before the first. These three planets constitute a most interesting triangle of forces and in the following triplicities and their inevitable inter-relations you have—again only in the case of disciples—a most amazing picture story or symbol of the ninefold of initiation:

1. The head centre

The ajna centre

The throat centre

đệ tử hay một điểm đạo đồ, y cũng sẽ có thể nghiên cứu phương diện *sự sống*.

[151]

Tuy nhiên, việc nghiên cứu của chúng ta sẽ có phần khác đi, vì chúng ta sẽ cố gắng khám phá các bệnh tật và khó khăn phát sinh từ sự kích thích năng lượng hay sự thiếu kích thích của các trung tâm, và nhờ đó đi đến một số hiệu quả mà dòng năng lượng tuôn vào này và sự xung đột với các lực sẽ tạo ra.

3. *Trung Tâm Cổ Họng*. Trung tâm này nằm ở phía sau cổ, vươn lên vào hành tủy, do đó bao gồm tuyến cảnh, và kéo xuống về phía hai xương bả vai. Đây là một trung tâm cực kỳ mạnh mẽ và phát triển tốt nơi nhân loại trung bình. Điều đáng chú ý trong mối liên hệ này là

a. Trung tâm cổ họng do Sao Thổ cai quản cũng như hai trung tâm đầu lần lượt do Sao Thiên Vương (cai quản trung tâm đầu) và Sao Thủy (cai quản trung tâm ajna) cai quản. Điều này chỉ đúng trong trường hợp đệ tử; sự cai quản thay đổi sau lần điểm đạo thứ ba hoặc trước lần điểm đạo thứ nhất. Ba hành tinh này tạo thành một tam giác lực rất đáng chú ý và trong các bộ ba sau đây cùng những tương liên tất yếu của chúng, bạn có—một lần nữa chỉ trong trường hợp các đệ tử—một bức tranh biểu tượng hết sức kỳ diệu về tính cửu phân của điểm đạo:

1. Trung tâm đầu

Trung tâm ajna

Trung tâm cổ họng

2. The third eye

2. Con mắt thứ ba

The right eye

Mắt phải

The left eye

Mắt trái

3. The pineal gland

3. Tuyến tùng quả

The pituitary body

Tuyến yên

The carotid gland

Tuyến cảnh

thus presenting the mechanism through which the Spiritual Triad, the soul and the personality work. [152] The key to a right understanding of process lies in the relation of the three planets: Uranus, Mercury and Saturn, as they pour their energies through these nine "points of spiritual contact" upon the physical plane into the "grounded sphere of light and power which is the man in time and space."

như thế trình bày bộ máy mà qua đó Tam Nguyên Tinh Thần, linh hồn và phàm ngã hoạt động. [152] Chìa khóa để thấu hiểu đúng tiến trình nằm trong mối liên hệ của ba hành tinh: Sao Thiên Vương, Sao Thủy và Sao Thổ, khi chúng tuôn các năng lượng của mình qua chín "điểm tiếp xúc tinh thần" này trên cõi hồng trần vào "khối cầu ánh sáng và quyền năng đã được nối đất, tức là con người trong thời gian và không gian."

b. This centre is related to the first initiation and develops great activity when that point in experience is achieved, as it has been achieved by the vast majority of men who are at this time the aspirants and the probationary disciples of the world. (Forget not that, technically speaking, the first major initiation from the hierarchical angle is the third. The first initiation is regarded by the Masters as signifying admission to the Path. It is called an initiation, by humanity, because in Lemurian days, it was then the first initiation, signifying entrance into complete physical control). It is the organ for the distribution of creative energy, of the energy of the third aspect by souls at the above point of evolution. There are three centres in the human being which are related to and the major expression of the

b. Trung tâm này liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất và phát triển hoạt động mạnh khi điểm kinh nghiệm đó đạt được, như đã được đạt tới bởi đại đa số những người nam và nữ hiện nay là những người chí nguyện và các đệ tử dự bị của thế giới. (Đừng quên rằng, nói theo kỹ thuật, lần điểm đạo lớn đầu tiên theo góc nhìn của Thánh đoàn là lần thứ ba. Lần điểm đạo thứ nhất được các Chân sư xem là biểu thị sự gia nhập vào Đường Đạo. Nó được nhân loại gọi là một lần điểm đạo vì trong thời Lemuria, khi ấy đó là lần điểm đạo thứ nhất, biểu thị sự bước vào sự kiểm soát thể xác hoàn toàn). Nó là cơ quan mà các linh hồn ở điểm tiến hoá nói trên dùng để phân phối năng lượng sáng tạo, năng lượng của phương diện thứ ba. Có ba trung tâm trong con người liên hệ với và là biểu hiện chính của cung ba hay phương diện thứ ba ở

third ray or aspect at certain differing stages of development upon the path:

1. The sacral centre for the undeveloped and the average man.

2. The throat centre for the aspirant and probationary disciple.

3. The ajna centre for disciples and initiates.

những giai đoạn phát triển khác nhau trên đường đạo:

1. Trung tâm xương cùng dành cho người chưa phát triển và người trung bình.

2. Trung tâm cổ họng dành cho người chí nguyện và đệ tử dự bị.

3. Trung tâm ajna dành cho các đệ tử và điểm đạo đồ.

Here again you have a great triplicity of energies, containing great potencies today, owing to the fact that the expression of the third aspect of active intelligence [153] has reached such heights through human development and consciousness.

Ở đây một lần nữa bạn có một bộ ba lớn của các năng lượng, chứa đựng những tiềm lực lớn lao ngày nay, do sự kiện rằng biểu hiện của phương diện thứ ba là trí tuệ linh hoạt [153] đã đạt đến những đỉnh cao như thế qua sự phát triển và tâm thức của nhân loại.

c. It is related to the personality by the creative thread, to the soul by the thread of consciousness, and to the monad by the sutratma or life thread. It is not related to any of the divine aspects by the antahkarana because that thread which links monad and personality directly (and finally independently of the soul) simply anchors the monadic expression of life in the head, at the head centre. Then direct consciousness is established between the monad and the personality, and a great duality comes into being. Life, consciousness and form are then all focussed creatively and actively in the head, and their activity is directed from the head via the two head centres. The ajna centre only comes into creative activity when the antahkarana has been built. In the earlier stages it is the throat centre which is the creative agent, and in the earliest period of all the sacral centre is active. You have, however, one interesting thing to remember. The building of the antahkarana only becomes genuinely possible when the creative life of the aspirant shifts from the

c. Nó liên hệ với phàm ngã qua sợi dây sáng tạo, với linh hồn qua Sợi dây Tâm thức, và với chân thần qua sutratma hay sinh mệnh tuyến. Nó không liên hệ với bất kỳ phương diện thiêng liêng nào qua antahkarana bởi vì sợi dây nối kết trực tiếp chân thần và phàm ngã (và cuối cùng độc lập với linh hồn) chỉ đơn giản neo giữ biểu hiện sự sống chân thần trong đầu, tại trung tâm đầu. Khi ấy tâm thức trực tiếp được thiết lập giữa chân thần và phàm ngã, và một nhị nguyên tính lớn xuất hiện. Sự sống, tâm thức và hình tướng khi ấy đều được tập trung một cách sáng tạo và linh hoạt trong đầu, và hoạt động của chúng được điều khiển từ đầu qua hai trung tâm đầu. Trung tâm ajna chỉ đi vào hoạt động sáng tạo khi antahkarana đã được xây dựng. Trong các giai đoạn sớm hơn, chính trung tâm cổ họng là tác nhân sáng tạo, và trong thời kỳ sớm nhất thì trung tâm xương cùng hoạt động. Tuy nhiên, có một điều thú vị bạn cần nhớ. Việc xây dựng antahkarana chỉ thực sự trở nên khả hữu khi đời sống sáng tạo của người chí nguyện chuyển từ trung tâm xương cùng lên cổ

sacral centre into the throat and is becoming factual and expressive. Of this connecting "bridge," the neck itself is the symbol, as it relates the head—alone and isolated—to the dual torso, consisting of that which lies above the diaphragm and that which lies below—the symbol of the soul and the personality united, fused and blended into one. The head is the symbol of what Patanjali describes as the state of "isolated unity."

họng và đang trở nên thực tế và biểu lộ. Chính cổ là biểu tượng của "cây cầu" nối kết này, vì nó liên hệ cái đầu—đơn độc và cô lập—với thân mình nhị phân, gồm phần ở trên cơ hoành và phần ở dưới—biểu tượng của linh hồn và phàm ngã được hợp nhất, dung hợp và hòa trộn thành một. Cái đầu là biểu tượng của điều mà Patanjali mô tả là trạng thái "Hợp Nhất Cô Lập."

d. It is the centre through which the intelligence aspect of humanity focusses creatively. It is therefore the [154] centre through which the creative energy of that great planetary centre called Humanity flows. The three major planetary centres are Shamballa, Hierarchy and Humanity. When perfection has been achieved, the Shamballa energy of will, power and purpose will pour freely through the head centre, the love-wisdom energies of the Hierarchy will flow through the heart centre, and the energy of humanity will focus through the throat centre, with the ajna centre acting as the agent of all three. Then will take place a new activity on the part of mankind. It is the task of relating the three superhuman kingdoms to the three subhuman kingdoms, and thus establishing the new heavens and the new earth. Then humanity will have reached the summit of its evolutionary goal on this Earth.

d. Nó là trung tâm mà qua đó phương diện trí tuệ của nhân loại tập trung một cách sáng tạo. Vì vậy, nó là [154] trung tâm mà qua đó năng lượng sáng tạo của trung tâm hành tinh vĩ đại gọi là Nhân Loại tuôn chảy. Ba trung tâm hành tinh chính là Shamballa, Thánh đoàn và Nhân Loại. Khi sự hoàn thiện đã đạt được, năng lượng ý chí, quyền năng và mục đích của Shamballa sẽ tuôn chảy tự do qua trung tâm đầu, các năng lượng bác ái-minh triết của Thánh đoàn sẽ chảy qua trung tâm tim, và năng lượng của nhân loại sẽ tập trung qua trung tâm cổ họng, với trung tâm ajna hoạt động như tác nhân của cả ba. Khi ấy một hoạt động mới nơi nhân loại sẽ diễn ra. Đó là nhiệm vụ liên hệ ba giới siêu nhân với ba giới hạ nhân, và nhờ đó thiết lập trời mới và đất mới. Khi ấy nhân loại sẽ đạt tới đỉnh cao của mục tiêu tiến hoá của mình trên Trái Đất này.

e. The throat centre is the organ specifically of the creative WORD. It registers the intention or creative purpose of the soul, transmitted to it by the inflow of energy from the ajna centre; the fusion of the two energies, thus brought about, will lead to some type of creative activity. This is the higher correspondence to the creativity of the sacral centre. In that centre the negative

e. Trung tâm cổ họng là cơ quan đặc biệt của LINH TỪ sáng tạo. Nó ghi nhận ý định hay mục đích sáng tạo của linh hồn, được truyền đến nó bởi dòng năng lượng tuôn vào từ trung tâm ajna; sự dung hợp của hai năng lượng, do đó được tạo ra, sẽ dẫn đến một loại hoạt động sáng tạo nào đó. Đây là sự tương ứng cao hơn với tính sáng tạo của trung tâm xương cùng. Trong trung tâm đó, các năng

and the positive creative energies are embodied in the separate male and female organisms and are brought into relation in an act of creation, consciously undertaken, though as yet without much definite purpose.

lượng sáng tạo âm và dương được thể hiện trong các cơ thể nam và nữ riêng biệt và được đưa vào liên hệ trong một hành vi sáng tạo, được thực hiện một cách có ý thức, dù cho đến nay vẫn chưa có nhiều mục đích xác định.

f. The dense physical externalisation of this centre is the thyroid gland. This gland is regarded as of supreme importance in the well-being of the average human being of today. Its purpose is to guard health, to balance the bodily equilibrium in certain important aspects of the physical nature, and it symbolises [155] the third aspect of intelligence and of substance impregnated with mind. It is in reality connected with the Holy Ghost, or the third divine aspect in manifestation, "overshadowing" (as the Bible expresses it), the Mother, the Virgin Mary. The parathyroids are symbolic of Mary and Joseph and the relation they hold to the overshadowing Holy Ghost. It will eventually be determined that there is a close physiological relation existing between the thyroid gland and the pineal gland, and between the parathyroids and the two lobes of the pituitary body, thus bringing into one related system the entire area of the throat and of the head.

f. Sự ngoại hiện hồng trần đậm đặc của trung tâm này là tuyến giáp trạng. Tuyến này được xem là có tầm quan trọng tối cao đối với sự an lành của con người trung bình ngày nay. Mục đích của nó là bảo vệ sức khỏe, quân bình trạng thái cân bằng của cơ thể trong một số phương diện quan trọng của bản chất hồng trần, và nó tượng trưng cho [155] phương diện thứ ba của trí tuệ và của chất liệu được thấm nhuần bởi trí tuệ. Thực ra nó liên hệ với Chúa Thánh Thần, hay phương diện thiêng liêng thứ ba trong biểu hiện, "phủ bóng" (như Kinh Thánh diễn tả) lên Mẹ, Đức Trinh Nữ Mary. Các tuyến cận giáp tượng trưng cho Mary và Joseph và mối liên hệ mà họ giữ với Chúa Thánh Thần đang phủ bóng. Rốt cuộc người ta sẽ xác định được rằng có một mối liên hệ sinh lý chặt chẽ giữa tuyến giáp trạng và tuyến tùng quả, cũng như giữa các tuyến cận giáp và hai thùy của tuyến yên, nhờ đó đưa toàn bộ vùng cổ họng và đầu vào trong một hệ thống liên hệ thống nhất.

g. Just as the head symbolises the essentially dualistic nature of the manifested God, so the throat centre symbolises the triple nature of the divine expression. The dualistic nature appears fused and blended in the head in the relation between the two centres and their two dense physical reflections. The three great energies which are brought into play during the divine creative activity are unified in activity by the full expression of the energy flowing through the throat centre, through the apparatus of speech and the two lungs. You

g. Cũng như đầu tượng trưng cho bản chất nhị nguyên tính cốt yếu của Thượng đế biểu hiện, thì trung tâm cổ họng tượng trưng cho bản chất tam phân của biểu hiện thiêng liêng. Bản chất nhị nguyên tính xuất hiện được dung hợp và hòa trộn trong đầu qua mối liên hệ giữa hai trung tâm và hai phản ánh hồng trần đậm đặc của chúng. Ba năng lượng lớn được đưa vào hoạt động trong suốt hoạt động sáng tạo thiêng liêng được hợp nhất trong hoạt động nhờ sự biểu lộ trọn vẹn của năng lượng tuôn qua trung tâm cổ họng, qua bộ máy phát âm và hai lá phổi. Trong

have in this relation: Life or Breath, the Word or the Soul, and the throat centre of Substance in activity.

mối liên hệ này bạn có: Sự sống hay Hơi thở, Linh từ hay Linh hồn, và trung tâm cổ họng của Chất liệu trong hoạt động.

h. This lotus of the throat is inverted in the early stages of evolution, and its petals reach out towards the shoulders and include the two lungs or parts of them. During the life cycle of the soul, it slowly reverses itself, and its petals then reach out towards the two ears and include the medulla oblongata and the carotid gland. This gland is more closely related [156] to the thyroid gland than it is to the two other glands in the head.

h. Hoa sen cổ họng này bị đảo ngược trong các giai đoạn đầu của tiến hoá, và các cánh hoa của nó vươn ra về phía hai vai và bao gồm hai lá phổi hay các phần của chúng. Trong chu kỳ sống của linh hồn, nó từ từ tự đảo lại, và khi ấy các cánh hoa của nó vươn ra về phía hai tai và bao gồm hành tủy cùng tuyến cảnh. Tuyến này liên hệ mật thiết hơn [156] với tuyến giáp trạng hơn là với hai tuyến kia trong đầu.

Thus it will be apparent to you how whole areas of the physical organism can be brought into active and correct functioning, can be vitalised and kept in good and true condition by the activity in some form or another of the centre nearest to the area of the body under consideration. It will also be apparent to you that deficiency and disease can result from the inactivity of a centre.

Như vậy, bạn sẽ thấy rõ làm thế nào toàn bộ các vùng của cơ thể hồng trần có thể được đưa vào hoạt động đúng đắn và linh hoạt, có thể được tiếp sinh lực và được giữ trong tình trạng tốt và đúng đắn nhờ hoạt động dưới hình thức nào đó của trung tâm gần nhất với vùng cơ thể đang được xem xét. Bạn cũng sẽ thấy rõ rằng sự thiếu hụt và bệnh tật có thể phát sinh từ sự bất hoạt của một trung tâm.

4. The Heart Centre. This is located between the shoulder blades and is—in this day and age—the centre which is receiving the most attention from Those Who are responsible for the unfoldment of the human consciousness. It might be truly said, brother of mine, that the rapid unfoldment of this lotus is one of the reasons why the world war could not be avoided. In one sense, it was a necessary happening (given the blind selfishness of the bulk of humanity) because it had become necessary to do away with all the old forms of government, of religion and of the crystallised social order. Humanity has now reached a point of group awareness and of group interplay of a deeply spiritual kind, and new forms were required through

4. *Trung Tâm Tim.* Trung tâm này nằm giữa hai xương bả vai và—trong thời đại hiện nay—là trung tâm đang nhận được nhiều sự chú ý nhất từ Các Ngài chịu trách nhiệm về sự khai mở tâm thức nhân loại. Hỡi huynh đệ của Tôi, có thể nói một cách xác thực rằng sự khai mở nhanh chóng của hoa sen này là một trong những lý do khiến chiến tranh thế giới không thể tránh khỏi. Theo một nghĩa nào đó, đó là một biến cố cần thiết (xét đến sự ích kỷ mù quáng của phần lớn nhân loại) vì đã trở nên cần thiết phải loại bỏ mọi hình thức cũ của chính quyền, tôn giáo và trật tự xã hội đã kết tinh. Nhân loại hiện nay đã đạt tới một điểm của nhận thức nhóm và tương tác nhóm mang tính tinh thần sâu sắc, và cần có những hình thức mới để tinh thần mới này có thể hoạt động một cách thích đáng hơn.

which this new spirit could function more adequately.

a. The heart centre corresponds to the "heart of the Sun," and therefore to the spiritual source of light and love.

b. It is brought into functioning activity after the second initiation. That initiation marks the completion of the process whereby the emotional nature (with its outstanding quality of desire) is brought under soul control, and the desire of the personal lower self has been transmuted into love. It is the organ for the distribution of hierarchical energy, poured out [157] via the soul into the heart centre of all aspirants, disciples and initiates; in this way this energy is made available and brings about two results:

1. The regeneration of humanity through love.

2. The relationship, firmly established, between a rapidly developing humanity and the Hierarchy. In this way two great planetary centres—the Hierarchy and Humanity—are brought into a close contact and relationship.

As the Bible says: "the love of God is shed abroad" in the human heart, and its transforming, magnetic and radiatory power is essential for the reconstruction of the world and for the establishment of the new world order. Upon the unfoldment of the heart centre, and on an intelligent relation of mankind to the Hierarchy, with the consequent response of man to the energy of love, all disciples are asked at this time to ponder and reflect, for as a "man thinketh in his heart, so is he." Thinking in the heart becomes truly possible only when

a. Trung tâm tim tương ứng với "trái tim của Mặt Trời," và do đó với nguồn tinh thần của ánh sáng và tình thương.

b. Nó được đưa vào hoạt động chức năng sau lần điểm đạo thứ hai. Lần điểm đạo đó đánh dấu sự hoàn tất của tiến trình mà qua đó bản chất cảm xúc (với phẩm tính nổi bật là dục vọng) được đặt dưới sự kiểm soát của linh hồn, và dục vọng của phàm ngã thấp đã được chuyển hoá thành tình thương. Nó là cơ quan để phân phối năng lượng của Thánh đoàn, được tuôn đổ [157] qua linh hồn vào trung tâm tim của mọi người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đồ; bằng cách này năng lượng ấy được làm cho khả dụng và đem lại hai kết quả:

1. Sự tái sinh của nhân loại qua tình thương.

2. Mối liên hệ, được thiết lập vững chắc, giữa một nhân loại đang phát triển nhanh chóng và Thánh đoàn. Bằng cách này hai trung tâm hành tinh lớn—Thánh đoàn và Nhân Loại—được đưa vào sự tiếp xúc và liên hệ mật thiết.

Như Kinh Thánh nói: "tình thương của Thượng đế được tuôn đổ rộng khắp" trong tim con người, và quyền năng chuyển đổi, từ tính và phóng xạ của nó là điều thiết yếu cho việc tái thiết thế giới và cho việc thiết lập trật tự thế giới mới. Về sự khai mở của trung tâm tim, và về mối liên hệ thông minh của nhân loại với Thánh đoàn, cùng với sự đáp ứng tất yếu của con người đối với năng lượng tình thương, mọi đệ tử hiện nay đều được yêu cầu suy ngẫm và phản tỉnh, vì "con người nghĩ trong tim mình thế nào, y là như vậy." Suy nghĩ trong tim chỉ thực sự trở nên

the mental faculties have been adequately developed and have reached a fairly high stage of unfoldment. Feeling in the heart is often confused with thinking. The ability to think in the heart is the result of the process of transmuting desire into love during the task of elevating the forces of the solar plexus into the heart centre. Heart thinking is also one of the indications that the higher aspect of the heart centre, the twelve-petalled lotus found at the very centre of the thousand-petalled lotus, has reached a point of real activity. Thinking as a result of correct feeling is then substituted for personal sensitivity. It gives us the first faint indications, likewise, of [158] that state of being which is characteristic of the monad and which cannot be called consciousness—as we understand the term.

khả hữu khi các năng lực trí tuệ đã được phát triển đầy đủ và đã đạt tới một giai đoạn khai mở khá cao. Cảm nhận trong tim thường bị lẫn lộn với suy nghĩ. Khả năng suy nghĩ trong tim là kết quả của tiến trình chuyển hoá dục vọng thành tình thương trong công việc nâng các lực của tùng thái dương lên trung tâm tim. Suy nghĩ bằng tim cũng là một trong những dấu hiệu cho thấy phương diện cao hơn của trung tâm tim, hoa sen mười hai cánh nằm ngay tại trung tâm của hoa sen ngàn cánh, đã đạt tới một điểm hoạt động thực sự. Khi ấy sự suy nghĩ phát sinh từ cảm nhận đúng đắn thay thế tính nhạy cảm cá nhân. Nó cũng cho chúng ta những chỉ dấu mờ nhạt đầu tiên về [158] trạng thái hiện hữu vốn là đặc trưng của chân thần và không thể được gọi là tâm thức —như chúng ta hiểu thuật ngữ ấy.

c. The heart centre becomes essentially related to the personality when the process of alignment with the soul is being mastered. This process is today being taught in all the newer and sounder esoteric schools, and has been emphasised in The Arcane School from the start; it is that procedure (distinguished by right orientation, concentration and meditation) which relates the personality to the soul, and thus to the Hierarchy. Relationship to the Hierarchy automatically takes place as this alignment goes forward and direct soul contact is thereby established. Personality consciousness is superseded by group consciousness, and the inflow of hierarchical energy follows as a natural consequence, for all souls are only aspects of the Hierarchy. It is this established relationship, with its subsequent interplay (magnetic and radiatory), which brings about the final destruction of the soul body or causal body as the relationship reaches its highest point of intensified recognition.

c. Trung tâm tim trở nên liên hệ cốt yếu với phàm ngã khi tiến trình chỉnh hợp với linh hồn đang được làm chủ. Tiến trình này hiện nay đang được giảng dạy trong tất cả các trường nội môn mới hơn và lành mạnh hơn, và đã được nhấn mạnh trong Trường Arcane ngay từ đầu; đó là thủ tục (có đặc trưng là định hướng đúng, tập trung và tham thiền) liên hệ phàm ngã với linh hồn, và nhờ đó với Thánh đoàn. Mối liên hệ với Thánh đoàn tự động diễn ra khi sự chỉnh hợp này tiến triển và nhờ đó sự tiếp xúc trực tiếp với linh hồn được thiết lập. Tâm thức phàm ngã được thay thế bằng tâm thức nhóm, và dòng năng lượng của Thánh đoàn tuôn vào theo như một hệ quả tự nhiên, vì mọi linh hồn chỉ là các phương diện của Thánh đoàn. Chính mối liên hệ đã được thiết lập này, cùng với sự tương tác tiếp theo của nó (từ tính và phóng xạ), đem lại sự hủy diệt cuối cùng của thể linh hồn hay thể nguyên nhân khi mối liên hệ ấy đạt tới điểm cao nhất của sự nhận biết được tăng cường.

d. It is that centre, therefore, in the physical body through the medium of which the Hierarchy works; it is also the agent of the soul. When I here use the word "soul" I refer not only to the individual soul of man but to the soul also of the planetary Logos, both of which are the result of the union of spirit and matter, of the Father aspect and the Mother aspect. This is a great mystery which only initiation can reveal.

d. Vì vậy, đó là trung tâm trong thể xác mà qua trung gian của nó Thánh đoàn hoạt động; nó cũng là tác nhân của linh hồn. Khi ở đây tôi dùng từ "linh hồn" tôi không chỉ nói đến linh hồn cá nhân của con người mà còn nói đến linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế, cả hai đều là kết quả của sự hợp nhất giữa tinh thần và vật chất, giữa phương diện Cha và phương diện Mẹ. Đây là một huyền nhiệm lớn mà chỉ điểm đạo mới có thể mặc khải.

e. The heart centre registers the energy of love. It might here be stated that when the antahkarana has been finally constructed, the three aspects of the [159] Spiritual Triad will each find a point of contact within the etheric mechanism of the initiate who is functioning upon the physical plane. The initiate is now a fusion of soul and personality through which the full life of the monad can be poured.

e. Trung tâm tim ghi nhận năng lượng của tình thương. Ở đây có thể nói rằng khi antahkarana cuối cùng đã được kiến tạo, mỗi một trong ba phương diện của [159] Tam Nguyên Tinh Thần sẽ tìm được một điểm tiếp xúc trong bộ máy dĩ thái của điểm đạo đồ đang hoạt động trên cõi hồng trần. Điểm đạo đồ lúc này là một sự dung hợp của linh hồn và phàm ngã mà qua đó sự sống trọn vẹn của chân thần có thể được tuôn đổ.

1. The head centre becomes the point of contact for the spiritual will, Atma.

1. Trung tâm đầu trở thành điểm tiếp xúc cho ý chí tinh thần, Atma.

2. The heart centre becomes the agent for spiritual love, Buddhi.

2. Trung tâm tim trở thành tác nhân cho tình thương tinh thần, Bồ đề.

3. The throat centre becomes the expression of the universal mind, Manas.

3. Trung tâm cổ họng trở thành biểu hiện của Vũ Trụ Trí, Manas.

In the work of the initiate, as he works out the divine purpose according to the plan, the ajna centre becomes the directing agent or the distributor of the blended energies of the divine man. The heart centre corresponds to "solar fire" within the solar system, and is magnetic in quality and radiatory in activity. It is the organ of the energy which brings about inclusiveness.

Trong công việc của điểm đạo đồ, khi y thực hiện mục đích thiêng liêng theo Thiên Cơ, trung tâm ajna trở thành tác nhân điều khiển hay phân phối các năng lượng đã được hòa trộn của con người thiêng liêng. Trung tâm tim tương ứng với "Lửa Thái dương" trong hệ mặt trời, và có phẩm tính từ tính cùng hoạt động phóng xạ. Nó là cơ quan của năng lượng đem lại tính bao gồm.

f. Its dense physical externalisation is the thymus gland. Of this gland little is known at present, though much will be learned as investigators accept and experiment with the hypotheses which the occult sciences present, and as the heart centre develops and the thymus gland is returned to adult functioning activity. This is not as yet the case. The nature of its secretion is not yet established, and the effects of this gland are better known from their psychological angle than from the physical. Modern psychology, when allied to medicine, recognises that this gland when overactive will produce the irresponsible and amoral person. As the race of men learns the nature of responsibility we shall have [160] the first indications of soul alignment, of personality decentralisation and of group awareness, and then—paralleling this development—we shall find the thymus gland becoming correctly active. At present, the general imbalance of the endocrine system militates against the safe and full functioning of the thymus gland in the adult. There is as yet an unrecognised relation existing between the pineal gland and the thymus gland, as well as between both of these and the centre at the base of the spine. As the Spiritual Triad becomes active through the medium of the personality, these three centres and their three externalisations will work in synthesis, governing and directing the whole man. As the pineal gland is returned to full adult functioning (as is not the case with adult man) the divine will-to-good will make itself felt and divine purpose be achieved; when the thymus gland similarly becomes active in the adult, goodwill will become apparent and the divine plan will begin to work out. This is the first step towards love, right human relations and peace. This goodwill is already making its presence felt in the world today, indicating

f. Sự ngoại hiện hồng trần đậm đặc của nó là tuyến ức. Hiện nay người ta biết rất ít về tuyến này, dù sẽ học được nhiều khi các nhà nghiên cứu chấp nhận và thử nghiệm các giả thuyết mà các khoa học huyền bí trình bày, và khi trung tâm tim phát triển cùng tuyến ức được phục hồi vào hoạt động chức năng nơi người trưởng thành. Điều này hiện chưa phải như vậy. Bản chất của sự tiết xuất của nó vẫn chưa được xác lập, và các hiệu quả của tuyến này được biết đến rõ hơn từ góc độ tâm lý học hơn là từ góc độ thể chất. Tâm lý học hiện đại, khi kết hợp với y học, thừa nhận rằng tuyến này khi hoạt động quá mức sẽ tạo ra con người vô trách nhiệm và không có ý thức đạo đức. Khi nhân loại học được bản chất của trách nhiệm, chúng ta sẽ có [160] những chỉ dấu đầu tiên của sự chỉnh hợp với linh hồn, của sự phi tập trung vào bản thân nơi phàm ngã và của nhận thức nhóm, và khi ấy—song song với sự phát triển này—chúng ta sẽ thấy tuyến ức trở nên hoạt động đúng đắn. Hiện nay, sự mất quân bình chung của hệ nội tiết cản trở hoạt động an toàn và trọn vẹn của tuyến ức nơi người trưởng thành. Hiện vẫn còn một mối liên hệ chưa được nhận biết giữa tuyến tùng quả và tuyến ức, cũng như giữa cả hai tuyến này với trung tâm ở đáy cột sống. Khi Tam Nguyên Tinh Thần trở nên linh hoạt qua trung gian của phàm ngã, ba trung tâm này và ba sự ngoại hiện của chúng sẽ hoạt động trong tổng hợp, cai quản và điều khiển toàn thể con người. Khi tuyến tùng quả được phục hồi vào hoạt động trọn vẹn nơi người trưởng thành (điều hiện không xảy ra nơi người trưởng thành), Ý Chí-hướng Thiện thiêng liêng sẽ tự làm cho được cảm nhận và mục đích thiêng liêng sẽ được hoàn thành; khi tuyến ức cũng trở nên linh hoạt tương tự nơi người trưởng thành, thiện chí sẽ trở nên hiển nhiên và Thiên Cơ thiêng liêng sẽ bắt đầu được thực hiện. Đây là bước đầu tiên hướng tới tình thương, các mối quan hệ

the coming into activity of the heart centre, and proving that the heart centre in the head is beginning to unfold as a result of the growing activity of the heart centre up the spine.

đúng đắn giữa người với người và hòa bình. Thiện chí này đã bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong thế giới ngày nay, cho thấy trung tâm tim đang đi vào hoạt động, và chứng minh rằng trung tâm tim trong đầu đang bắt đầu khai mở như là kết quả của hoạt động ngày càng tăng của trung tâm tim dọc theo cột sống.

g. It is the organ of fusion, just as the head centre is the organ of synthesis. As the heart centre becomes active, the individual aspirant is slowly drawn into an increasingly closer relation to his soul, and then two expansions of consciousness take place which are interpreted by him as events or happenings:[161]

g. Nó là cơ quan của sự dung hợp, cũng như trung tâm đầu là cơ quan của sự tổng hợp. Khi trung tâm tim trở nên linh hoạt, người chí nguyện cá nhân từ từ được kéo vào một mối liên hệ ngày càng mật thiết hơn với linh hồn của y, và khi ấy hai sự mở rộng tâm thức diễn ra mà y diễn giải như những biến cố hay sự kiện:[161]

1. He is drawn into the Ashram of one of the Masters, according to his soul ray, and becomes an accepted disciple in the technical sense. The Master is Himself the heart centre of the Ashram and He can now reach His disciple, via the soul, because that disciple, through alignment and contact, has put his heart into close rapport with the soul. He then becomes responsive to the heart of all things which, as far as humanity is at present concerned, is the Hierarchy.

1. Y được kéo vào ashram của một trong các Chân sư, tùy theo cung linh hồn của y, và trở thành một đệ tử được chấp nhận theo nghĩa kỹ thuật. Chính Chân sư là trung tâm tim của ashram và giờ đây Ngài có thể tiếp cận đệ tử của Ngài, qua linh hồn, bởi vì đệ tử ấy, nhờ chỉnh hợp và tiếp xúc, đã đặt tim mình vào sự tương thông mật thiết với linh hồn. Khi ấy y trở nên đáp ứng với trái tim của vạn vật, mà xét theo mức độ hiện nay của nhân loại, đó là Thánh đoàn.

2. He is drawn into close service relationship with humanity. His growing sense of responsibility, due to heart activity, leads him to serve and work. Eventually he too becomes the heart of a group or of an organisation—small at first but becoming worldwide as his spiritual power develops and he thinks in terms of the group and of humanity. These two relationships on his part are reciprocal. Thus the love aspect of divinity becomes active in the three worlds, and love is anchored on earth and takes the place of emotion, of desire and of the material aspects of feeling. Note that phrase.

2. Y được kéo vào mối liên hệ phụng sự mật thiết với nhân loại. Ý thức trách nhiệm ngày càng tăng của y, do hoạt động của tim, dẫn y đến phụng sự và làm việc. Cuối cùng chính y cũng trở thành trái tim của một nhóm hay một tổ chức—lúc đầu nhỏ nhưng dần trở nên toàn cầu khi quyền năng tinh thần của y phát triển và y suy nghĩ theo nhóm và theo nhân loại. Hai mối liên hệ này về phía y là có tính tương hỗ. Như vậy phương diện bác ái của thiên tính trở nên linh hoạt trong ba cõi giới, và tình thương được neo giữ trên Trái Đất và thay thế cảm xúc, dục vọng và các

phương diện vật chất của cảm nhận. Hãy lưu ý cụm từ đó.

h. In the early stages of unfoldment, of both the individual and the race, the inverted heart lotus with its twelve petals reaches downwards towards the solar plexus centre. This last centre, since Atlantean days, has been reversed, and its petals are now reaching upwards towards the next centre up the spine, the heart centre, owing to the slowly mounting energies from the solar plexus centre which are seeking to escape from the "prison of the lower regions" through a process of transmutation.

h. Trong các giai đoạn đầu của sự khai mở, của cả cá nhân lẫn nhân loại, hoa sen tim đảo ngược với mười hai cánh của nó vươn xuống dưới về phía trung tâm tùng thái dương. Trung tâm sau cùng này, kể từ thời Atlantis, đã được đảo lại, và các cánh hoa của nó hiện đang vươn lên trên về phía trung tâm kế tiếp ở phía trên dọc cột sống, tức trung tâm tim, do các năng lượng từ trung tâm tùng thái dương đang từ từ dâng lên và tìm cách thoát khỏi "nhà tù của các vùng thấp" qua một tiến trình chuyển hoá.

[162]

[162]

As a result the heart centre is beginning slowly to unfold and also to reverse itself. The reversal of the "lotus centres" is always brought about as the result of a dual action —the pushing from below and the pull from above.

Kết quả là trung tâm tim đang bắt đầu từ từ khai mở và cũng tự đảo lại. Sự đảo ngược của các "trung tâm hoa sen" luôn luôn được tạo ra như là kết quả của một tác động kép—sự đẩy từ bên dưới và sự hút từ bên trên.

The reversal of the heart lotus and its upward unfolding is due to the following factors:

Sự đảo ngược của hoa sen tim và sự khai mở hướng lên trên của nó là do các yếu tố sau:

1. The growing potency of the hierarchical approach.

1. Hiệu lực ngày càng tăng của sự tiếp cận từ Thánh đoàn.

2. A rapidly establishing soul contact.

2. Sự tiếp xúc với linh hồn đang nhanh chóng được thiết lập.

3. The response of the unfolding heart lotus to the pull of the Master's Ashram.

3. Sự đáp ứng của hoa sen tim đang khai mở đối với lực hút của ashram của Chân sư.

4. The surging upwards of the transmuted energies from below the diaphragm, via the solar plexus, in response to spiritual will.

4. Sự dâng trào đi lên của các năng lượng đã được chuyển hoá từ bên dưới cơ hoành, qua tùng thái dương, để đáp ứng với ý chí tinh thần.

5. The growing understanding by man as to the nature of love.

5. Sự thấu hiểu ngày càng tăng của con người về bản chất của tình thương.

There are other factors but these are the ones you will most easily understand if you will regard them as symbolic and not too literally. Until the year, 1400 A.D., the relation of the solar plexus centre to the heart centre might be pictorially expressed as indicated in this diagram.*

Còn có những yếu tố khác nhưng đây là những yếu tố mà bạn sẽ dễ hiểu nhất nếu xem chúng là biểu tượng và không quá theo nghĩa đen. Cho đến năm 1400 sau Công nguyên, mối liên hệ của trung tâm tùng thái dương với trung tâm tim có thể được diễn tả bằng hình ảnh như được chỉ ra trong sơ đồ này.*

Eventually, at the close of the next root race, you will have the full expression of love and the lotuses up the spine will appear—all five of them—differing only in the number of petals found in each.

Cuối cùng, vào lúc kết thúc giống dân gốc kế tiếp, bạn sẽ có sự biểu lộ trọn vẹn của tình thương và các hoa sen dọc cột sống sẽ xuất hiện—cả năm hoa sen—chỉ khác nhau ở số cánh hoa nơi mỗi hoa.

Finally at the close of the great world cycle when all the lotuses have reversed themselves, all will be opening and presenting free channels for the inflow and the transmission of the three major divine energies and the four lesser forces.

Sau hết, vào lúc kết thúc đại chu kỳ thế giới khi mọi hoa sen đã tự đảo lại, tất cả sẽ mở ra và trình bày các kênh tự do cho sự tuôn vào và truyền dẫn của ba năng lượng thiêng liêng chính và bốn lực nhỏ hơn.

To this constant movement of the centres and to the constant inflow of energies we can trace much of the discomfort of humanity in its various bodies; it is the inability of the centres to respond or to unfold which in many cases produces disease and difficulty; it is the unbalanced unfoldment of the centres, their arrested development and their lack of response which creates problems in other cases; it is their premature unfoldment and their overactivity which in other cases brings about danger; it is the failure of the physical mechanism to measure up to the inner unfoldment which causes so much trouble. Thus again you can see the complexity of the subject. The stage of theory is a simple one, except in so far as it sets forces in motion

Chính từ sự chuyển động liên tục này của các trung tâm và từ sự tuôn vào liên tục của các năng lượng mà chúng ta có thể truy nguyên phần lớn sự khó chịu của nhân loại trong các thể khác nhau của mình; chính sự bất lực của các trung tâm trong việc đáp ứng hay khai mở là điều trong nhiều trường hợp tạo ra bệnh tật và khó khăn; chính sự khai mở mất quân bình của các trung tâm, sự phát triển bị đình trệ và sự thiếu đáp ứng của chúng tạo ra vấn đề trong những trường hợp khác; chính sự khai mở quá sớm và hoạt động quá mức của chúng trong những trường hợp khác đem lại nguy hiểm; chính sự thất bại của bộ máy hồng trần trong việc theo kịp sự khai mở bên trong gây ra quá nhiều rắc rối. Như vậy một lần nữa bạn có thể thấy tính phức tạp của đề tài này. *Giai*

which eventually lead to difficulty. The stage of reaction to response and of adjustment to the theory also institutes a cycle of intense difficulty and complexity, because it leads to a cycle of experiment and experience during which the disciple learns much and suffers much. Then as experience is gained, the stage of spiritual expression supervenes and freedom from danger and emancipation from difficulty and liberation from disease takes place. Simplicity is restored.[163]

đoạn lý thuyết là một giai đoạn đơn giản, ngoại trừ ở chỗ nó khởi động các lực mà rốt cuộc dẫn đến khó khăn. *Giai đoạn phản ứng* đối với sự đáp ứng và sự điều chỉnh theo lý thuyết cũng mở ra một chu kỳ khó khăn và phức tạp mãnh liệt, vì nó dẫn đến một chu kỳ thử nghiệm và kinh nghiệm trong đó đệ tử học được nhiều và chịu đau khổ nhiều. Rồi khi kinh nghiệm đã đạt được, giai đoạn của *biểu hiện tinh thần* xuất hiện và sự thoát khỏi nguy hiểm, sự giải phóng khỏi khó khăn và sự giải thoát khỏi bệnh tật diễn ra. Sự đơn giản được phục hồi.[163]

The Body, Phenomenal Appearance

Thân Thể, Sắc Tướng Hiện Tượng

Not much need be written here anent this, for the body nature and the form aspect have been the object of investigation and the subject of thought and discussion of thinking men for many centuries. Much at which they have arrived is basically correct. The modern investigator will admit the Law of Analogy as the basis of his premises and recognises, sometimes, that the Hermetic theory, "As above, so below," may throw much light on the present problems. The following postulates may serve to clarify:

Không cần viết nhiều ở đây về điều này, vì bản chất thân thể và phương diện hình tướng đã là đối tượng khảo cứu và là chủ đề suy tư cùng thảo luận của những người biết suy nghĩ trong nhiều thế kỷ. Phần lớn những gì họ đạt tới về căn bản là đúng. Nhà nghiên cứu hiện đại sẽ thừa nhận định luật tương đồng như nền tảng cho các tiền đề của mình và đôi khi nhận ra rằng lý thuyết Hermes, "trên sao, dưới vậy," có thể soi sáng nhiều cho các vấn đề hiện tại. Những định đề sau đây có thể giúp làm sáng tỏ:

1. Man, in his body nature, is a sumtotal, a unity.

1. Con người, trong bản chất thân thể của mình, là một tổng thể, một hợp nhất.

2. This sumtotal is subdivided into many parts and organisms.

2. Tổng thể này được phân chia thành nhiều phần và cơ quan.

3. Yet these many subdivisions function in a unified manner, and the body is a correlated whole.

3. Tuy nhiên, nhiều phân bộ này hoạt động theo một cách thống nhất, và thân thể là một toàn thể có tương quan.

4. Each of its parts differs in form and in function, but all are interdependent.

4. Mỗi phần của nó khác nhau về hình dạng và chức năng, nhưng tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau.

5. Each part and each organism is, in its turn, composed of molecules, cells and atoms, and these are held together in the form of the organism by the life of the sumtotal.

5. Mỗi phần và mỗi cơ quan, đến lượt mình, được cấu thành bởi các phân tử, tế bào và nguyên tử, và chúng được giữ lại với nhau trong hình tướng của cơ quan nhờ sự sống của tổng thể.

6. The sumtotal called man is roughly divided into five parts, some of greater importance than others, but all completing that living organism we call a human being.

6. Tổng thể được gọi là con người được chia đại khái thành năm phần, có phần quan trọng hơn những phần khác, nhưng tất cả đều hoàn tất cơ thể sống mà chúng ta gọi là một con người.

a. The head

a. Đầu

b. The upper torso, or that part which lies above the diaphragm.

b. Phần thân trên, hay phần nằm trên cơ hoành.

c. The lower torso, or that part lying below the diaphragm.

c. Phần thân dưới, hay phần nằm dưới cơ hoành.

d. The arms

d. Hai cánh tay

e. The legs

e. Hai chân

[164]

[164]

7. These organisms serve varied purposes, and upon their due functioning and proper adjustment the comfort of the whole depends.

7. Các cơ quan này phục vụ những mục đích khác nhau, và sự an ổn của toàn thể tùy thuộc vào chức năng đúng đắn và sự điều chỉnh thích hợp của chúng.

8. Each of these has its own life, which is the sum total of the life of its atomic structure, and is also animated by the unified life of the whole, directed from the head by the intelligent will or energy of the spiritual man.

8. Mỗi cơ quan này có sự sống riêng của nó, là tổng số sự sống của cấu trúc nguyên tử của nó, và cũng được làm sinh động bởi sự sống hợp nhất của toàn thể, được điều khiển từ đầu bởi ý chí hay năng lượng thông minh của con người tinh thần.

9. The important part of the body is that triple division, the head, upper and lower

9. Phần quan trọng của thân thể là sự phân chia tam phân đó: đầu, thân trên và thân

torso. A man can function and live without his arms and legs.

dưới. Một người có thể hoạt động và sống mà không có tay và chân.

10. Each of these three parts is also triple from the physical side, making the analogy of the three parts of man's nature and the nine of perfected monadic life. There are other organs, but those enumerated are those which have an esoteric significance of greater value than the other parts.

10. Mỗi phần trong ba phần này cũng là tam phân xét từ phương diện hồng trần, tạo nên sự tương đồng với ba phần của bản chất con người và chín phần của sự sống chân thần hoàn thiện. Còn có những cơ quan khác, nhưng những cơ quan được liệt kê là những cơ quan có ý nghĩa huyền bí có giá trị lớn hơn các phần khác.

a. Within the head are:

a. Bên trong đầu có:

1. The five ventricles of the brain, or what we might call the brain as a unified organism.

1. Năm não thất của bộ não, hay điều mà chúng ta có thể gọi là bộ não như một cơ quan thống nhất.

2. The three glands, carotid, pineal and pituitary.

2. Ba tuyến, tuyến cảnh, tuyến tùng quả và tuyến yên.

3. The two eyes.

3. Hai mắt.

b. Within the upper body are:

b. Bên trong phần thân trên có:

1. The throat

1. Cổ họng

2. The lungs

2. Hai lá phổi

3. The heart

3. Tim

c. Within the lower body are:

c. Bên trong phần thân dưới có:

1. The spleen

1. Lá lách

2. The stomach

2. Dạ dày

3. The sex organs

3. Các cơ quan sinh dục

11. The sumtotal of the body is also triple:

11. Tổng thể của cơ thể cũng là tam phân:

a. The skin and bony structure. [165]

b. The vascular or blood system.

c. The threefold nervous system.

12. Each of these triplicities corresponds to the three parts of man's nature:

a. Physical nature: The skin and bony structure are the analogy to the dense and etheric body of man.

b. Soul nature: The blood vessels and circulatory system are the analogy to that all pervading soul which penetrates to all parts of the solar system, as the blood goes to all parts of the body.

c. Spirit nature: The nervous system, as it energises and acts throughout the physical man is the correspondence to the energy of spirit.

13. In the head we have the analogy to the spirit aspect, the directing will, the monad, the One.

a. The brain with its five ventricles is the analogy to the physical form which the spirit animates in connection with man, the fivefold sumtotal which is the medium through which the spirit on the physical plane has to express itself.

b. The three glands in the head are closely related to the soul or psychic nature (higher and lower).

c. The two eyes are the physical plane correspondences to the monad, who is will

a. Da và cấu trúc xương. [165]

b. Hệ mạch hay hệ máu.

c. Hệ thần kinh tam phân.

12. Mỗi bộ ba này tương ứng với ba phần của bản chất con người:

a. Bản chất hồng trần: Da và cấu trúc xương là sự tương đồng với thể xác đậm đặc và thể dĩ thái của con người.

b. Bản chất linh hồn: Các mạch máu và hệ tuần hoàn là sự tương đồng với linh hồn bao trùm khắp mọi nơi, thấm nhập vào mọi phần của hệ mặt trời, như máu đi đến mọi phần của cơ thể.

c. Bản chất tinh thần: Hệ thần kinh, khi nó tiếp năng lượng và hoạt động khắp con người hồng trần, là sự tương ứng với năng lượng của tinh thần.

13. Trong đầu chúng ta có sự tương đồng với phương diện tinh thần, ý chí điều khiển, chân thần, Đấng Duy Nhất.

a. Bộ não với năm não thất của nó là sự tương đồng với hình tướng hồng trần mà tinh thần làm sinh động trong mối liên hệ với con người, tổng thể ngũ phân là môi trường mà qua đó tinh thần trên cõi hồng trần phải biểu lộ chính mình.

b. Ba tuyến trong đầu liên hệ mật thiết với bản chất linh hồn hay thông linh (cao và thấp).

c. Hai mắt là những tương ứng trên cõi hồng trần với chân thần, vốn là ý chí và bác ái-

and love-wisdom, or atma-buddhi, according to the occult terminology.

minh triết, hay atma-buddhi, theo thuật ngữ huyền bí.

14. In the upper body we have an analogy to the triple soul nature.

14. Trong phần thân trên, chúng ta có một sự tương đồng với bản chất tam phân của linh hồn.

a. The throat, corresponding to the third creative aspect or the body nature, the active intelligence of the soul.

a. Cổ họng, tương ứng với phương diện sáng tạo thứ ba hay bản chất thân thể, tức trí tuệ linh hoạt của linh hồn.

b. The heart, the love-wisdom of the soul, the buddhi or Christ principle. [166]

b. Tim, Bác Ái – Minh Triết của linh hồn, Bồ đề hay nguyên khí Christ. [166]

c. The lungs, the analogy for the breath of life, is the correspondence to spirit.

c. Phổi, sự tương đồng cho hơi thở của sự sống, là sự tương ứng với tinh thần.

15. In the lower torso again we have this triple system carried out.

15. Trong phần thân dưới, chúng ta lại có hệ thống tam phân này được triển khai.

a. The sex organs, the creative aspect, the fashioner of the body.

a. Các cơ quan sinh dục, phương diện sáng tạo, tác nhân tạo tác thân thể.

b. The stomach as the physical manifestation of the solar plexus is the analogy to the soul nature.

b. Dạ dày, như sự biểu hiện hồng trần của tùng thái dương, là sự tương đồng với bản chất linh hồn.

c. The spleen, the receiver of energy and therefore the physical plane expression of the centre which receives this energy, is the analogy to the energizing spirit.

c. Lá lách, cơ quan tiếp nhận năng lượng và vì vậy là biểu hiện cõi hồng trần của trung tâm tiếp nhận năng lượng này, là sự tương đồng với tinh thần tiếp sinh lực.

I realise well the technicalities which I have given here and their difficulty and apparent uselessness. It might be asked: Why should it be necessary to be so meticulous in enumerating the physical, psychological and systemic details of a purely academic nature when, by an act of the will and of divine power, and by the use of certain Words of Power, healing can be accomplished? These ideas are basically true, but are based upon a

Tôi hiểu rõ những chi tiết kỹ thuật mà tôi đã đưa ra ở đây, cùng sự khó khăn và vẻ vô dụng bề ngoài của chúng. Có thể người ta sẽ hỏi: Tại sao lại cần phải tỉ mỉ đến thế trong việc liệt kê các chi tiết hồng trần, tâm lý và hệ thống có tính thuần học thuật, khi mà bằng một hành vi của ý chí và quyền năng thiêng liêng, cùng bằng việc sử dụng một số Quyền năng từ, sự chữa lành có thể được thực hiện? Về căn bản, các ý tưởng này là đúng, nhưng

misapprehension—in time and space. If all healers were Masters of the Wisdom, if they were all clairvoyant, if they comprehended the Law of Karma and its working out in the life of the patient, if they had the full cooperation of the patient, and if they had the ability to add to all the above requirements the use of certain Words and Mantrams, then the academic knowledge would indeed be needless. But these requirements are not and can not be met. Healers, as a rule, have none of these powers. That they frequently heal (though not as often as they think they do) is true, but when successful they have succeeded in doing one or other of the following:

chúng dựa trên một sự hiểu sai—trong thời gian và không gian. Nếu tất cả những người chữa lành đều là các Chân sư Minh triết, nếu tất cả họ đều là nhà thông nhãn, nếu họ thấu hiểu Định luật Nghiệp quả và sự vận hành của nó trong đời sống bệnh nhân, nếu họ có được sự hợp tác trọn vẹn của bệnh nhân, và nếu họ có khả năng bổ sung vào tất cả các đòi hỏi trên việc sử dụng một số Linh từ và mantram, thì tri thức học thuật quả thật sẽ không cần thiết. Nhưng các đòi hỏi này chưa được đáp ứng và không thể được đáp ứng. Những người chữa lành, theo quy luật chung, không có năng lực nào trong số đó. Việc họ thường chữa lành được (dù không thường xuyên như họ nghĩ) là đúng, nhưng khi thành công thì họ đã thành công trong việc làm một hay việc khác trong những điều sau đây:

[167]

[167]

Healed the patient when his destiny and fate so willed it and his soul had therefore drawn its vehicle (the physical man) into the radiatory aura of a healer or a healing group. The probability is that the patient would have recovered in any case but that the process was hastened by the applied effort and attention, plus faith.

Chữa lành bệnh nhân khi định mệnh và số phận của y muốn như vậy, và do đó linh hồn của y đã kéo vận cụ của mình (con người hồng trần) vào trong hào quang phóng xạ của một người chữa lành hay một nhóm chữa lành. Khả năng lớn là trong mọi trường hợp bệnh nhân cũng sẽ hồi phục, nhưng tiến trình đã được thúc đẩy nhanh hơn nhờ nỗ lực và sự chú tâm được áp dụng, cộng với đức tin.

Interfered with the immediate design or pattern of the patient's life, and so postponed certain processes of spiritual tuition which were needed. This is very apt to be forgotten. It is too intricate a subject to be dealt with here, but I may be able to make it somewhat clearer as we deal with our final section.

Can thiệp vào thiết kế hay mô hình tức thời của đời sống bệnh nhân, và do đó trì hoãn một số tiến trình huấn luyện tinh thần vốn cần thiết. Điều này rất dễ bị quên lãng. Đây là một đề tài quá phức tạp để bàn đến ở đây, nhưng có lẽ tôi sẽ có thể làm cho nó sáng tỏ phần nào khi chúng ta bàn đến phần cuối cùng của mình.

Therefore (until there is full knowledge) it is vitally necessary that the structure of power

Do đó, cho đến khi có tri thức đầy đủ, việc nghiên cứu cấu trúc của quyền năng và sinh

and vitality and the network of energies and forces which compose the human organism should be studied. A mental grasp of the processes of healing is needed; and the reasons which make them seem difficult and complicated, unnecessary and wasteful of time, are as follows:

lực cùng mạng lưới các năng lượng và mãnh lực cấu thành cơ thể con người là điều tối cần thiết. Cần có một sự nắm bắt bằng trí tuệ về các tiến trình chữa lành; và những lý do khiến chúng dường như khó khăn và phức tạp, không cần thiết và lãng phí thời gian là như sau:

The inability of even the most advanced human mind to grasp themes and subjects as a whole. The synthetic element is as yet lacking. At present, the teaching and processes involved must be mastered step by step, detail by detail, precept by precept, application by application. But the future holds the promise clear, and the ability of the human eye to function synthetically, to grasp a landscape, for instance, in its broad and salient outlines and to do this simultaneously and in a flash of vision is the guarantee of the future technique of the race. One look by the illumined mind, one great radiation of love, and the healer or the healing group [168] will know whether to heal, to aid the effort of the patient—a much slower process—or to refrain from healing.

Sự bất lực của ngay cả trí tuệ con người tiến bộ nhất trong việc nắm bắt các chủ đề và đề tài *như một toàn thể. Yếu tố tổng hợp vẫn còn thiếu.* Hiện nay, giáo huấn và các tiến trình liên hệ phải được lĩnh hội từng bước một, từng chi tiết một, từng giới luật một, từng ứng dụng một. Nhưng tương lai chứa đựng một lời hứa rõ ràng, và khả năng của mắt người trong việc hoạt động một cách tổng hợp, chẳng hạn nắm bắt một phong cảnh trong những đường nét rộng lớn và nổi bật của nó, và làm điều này đồng thời trong một thoáng nhìn, chính là sự bảo đảm cho kỹ thuật tương lai của nhân loại. Một cái nhìn của trí tuệ được soi sáng, một sự phóng xạ lớn lao của tình thương, và người chữa lành hay nhóm chữa lành [168] sẽ biết có nên chữa lành, có nên trợ giúp nỗ lực của bệnh nhân—một tiến trình chậm hơn nhiều—hay nên kiêng không chữa lành.

The inertia of the average man or woman, which rebels against the effort needed to master the technical side of healing. It is so much easier to fall back on divinity (a divinity in reality latent but not expressive) and "let God do it." It is so much easier to recognise love and the outpouring of love than to master the processes whereby it can be made effective—or the nature of that which must be affected.

Tính trì trệ của người nam hay nữ trung bình, vốn phản kháng nỗ lực cần thiết để làm chủ mặt kỹ thuật của việc chữa lành. Dựa vào thiên tính thì dễ hơn nhiều (một thiên tính thực ra tiềm ẩn nhưng chưa biểu lộ) và "để Thượng đế làm điều đó." Nhận biết tình thương và sự tuôn đổ của tình thương thì dễ hơn nhiều so với việc làm chủ các tiến trình nhờ đó nó có thể trở nên hữu hiệu—hay bản chất của điều phải được tác động đến.

These are points requiring careful attention and consideration. They merit reflection. The synthetic power of the mind, aided by

Đó là những điểm đòi hỏi sự chú ý và cân nhắc cẩn trọng. Chúng đáng để suy ngẫm. Quyền năng tổng hợp của trí tuệ, được trợ

true love, will some day be the instrument of all true healers. In the meantime, for the sake of the future and in order to aid the formulation of the coming healing art—based on the understanding of energy, its inflow and circulation—this treatise will deal somewhat with the academic side. After all, the facts given are facts in existence and are truly present, as are those emotions which the average healer calls love.

giúp bởi tình thương chân chính, một ngày kia sẽ là công cụ của mọi người chữa lành chân chính. Trong lúc này, vì tương lai và để trợ giúp việc hình thành nghệ thuật chữa lành sắp đến—đặt nền trên sự thấu hiểu năng lượng, sự tuôn vào và lưu chuyển của nó—bộ luận này sẽ bàn phần nào đến mặt học thuật. Rốt cuộc, các sự kiện được nêu ra là những sự kiện hiện hữu và thực sự hiện diện, cũng như những cảm xúc mà người chữa lành trung bình gọi là tình thương.

The Seven Major Centres—(Continued)

Bảy Trung Tâm Chính—(Tiếp theo)

Let us now continue with our consideration of the centres. We have dealt with the four above the diaphragm—the three centres through which the Spiritual Triad must eventually work, and the synthetic centre, the ajna centre, which finally expresses the integrated personality and becomes the direct agent of the soul. We now have three more centres to consider, all of them to be found below the diaphragm—the solar plexus centre, the sacral centre, [169] and the centre at the base of the spine. The most important for all aspirants at this time is the solar plexus centre; the most active—generally speaking—in humanity as a whole, is still the sacral centre; the most quiescent centre in the body (from the angle of the spiritual man) is the basic centre.

Giờ đây chúng ta hãy tiếp tục việc khảo sát các trung tâm. Chúng ta đã bàn đến bốn trung tâm phía trên cơ hoành—ba trung tâm mà qua đó Tam Nguyên Tinh Thần rốt cuộc phải hoạt động, và trung tâm tổng hợp, trung tâm ajna, vốn cuối cùng biểu lộ phàm ngã tích hợp và trở thành tác nhân trực tiếp của linh hồn. Giờ đây chúng ta còn ba trung tâm nữa để xem xét, tất cả đều nằm dưới cơ hoành—trung tâm tùng thái dương, trung tâm xương cùng, [169] và trung tâm ở đáy cột sống. Quan trọng nhất đối với mọi người chí nguyện vào lúc này là trung tâm tùng thái dương; trung tâm hoạt động mạnh nhất—nói chung—trong toàn thể nhân loại vẫn là trung tâm xương cùng; trung tâm tĩnh lặng nhất trong thân thể (xét từ góc độ con người tinh thần) là trung tâm căn bản.

5. The Solar Plexus Centre. This is located well below the shoulder blades in the spine and is exceedingly active. In Atlantean days, it was brought to a high stage of development, just as in Aryan days, the throat centre is being rapidly awakened. This centre is peculiarly related to two other centres: The heart and the ajna centre, and they form at this time an interesting triangle of energies in the human body and one which is receiving much attention from

5. *Trung Tâm Tùng Thái Dương*. Trung tâm này nằm khá thấp dưới xương bả vai trong cột sống và cực kỳ hoạt động. Trong thời Atlantis, nó đã được đưa đến một giai đoạn phát triển cao, cũng như trong thời Arya, trung tâm cổ họng đang được đánh thức nhanh chóng. Trung tâm này có liên hệ đặc biệt với hai trung tâm khác: tim và trung tâm ajna, và vào lúc này chúng tạo thành một tam giác năng lượng lý thú trong thân thể con người, một tam giác đang nhận được

the Hierarchy. There is a downflow of energy from the ajna centre to the heart from the soul, just in so far as the aspirant is in touch with his soul. This leads to three things:

nhiều sự chú ý từ Thánh Đoàn. Có một dòng năng lượng tuôn xuống từ trung tâm ajna đến tim từ linh hồn, trong chừng mực người chí nguyện tiếp xúc được với linh hồn của mình. Điều này dẫn đến ba việc:

A stimulation of the heart centre.

Một sự kích thích trung tâm tim.

A responsive reaction from the heart which evokes a stimulation of the ajna centre and produces eventually the recognition of group consciousness by the personality.

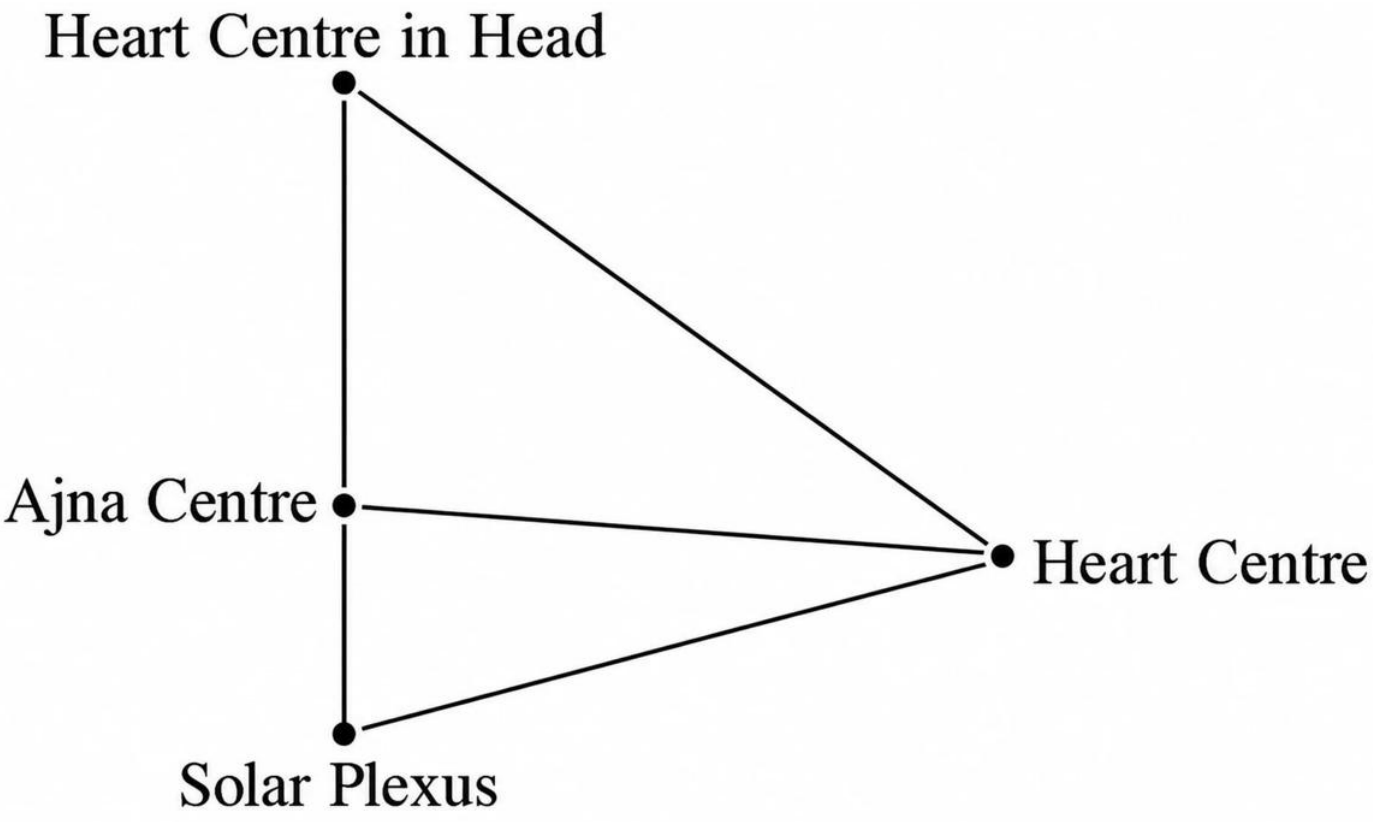
Một phản ứng đáp ứng từ tim, gợi lên sự kích thích trung tâm ajna và cuối cùng tạo ra sự nhận biết tâm thức nhóm bởi phàm ngã.

The evocation of the heart centre in the head.

Sự gợi lên trung tâm tim trong đầu.

All this, however, is facilitated by the advanced development of the solar plexus in the aspirant, which has its own effect upon the heart and a reciprocal effect upon the ajna centre. There are, consequently, two important triangles to consider: [170]

Tuy nhiên, tất cả điều này được tạo điều kiện bởi sự phát triển tiến bộ của tùng thái dương nơi người chí nguyện, vốn có tác động riêng của nó lên tim và một tác động hỗ tương lên trung tâm ajna. Vì vậy, có hai tam giác quan trọng cần xem xét: [170]



Just as there is, astrologically, a Science of Triangles, so there will later be developed a science of triangles in relation to the human system. But the time is not yet. I but give occasional indications of such a science upon which the intuition of disciples may play.

Cũng như trong chiêm tinh học có một Khoa Học về các Tam Giác, thì về sau cũng sẽ phát triển một khoa học về các tam giác liên hệ đến hệ thống con người. Nhưng thời điểm ấy chưa đến. Tôi chỉ đưa ra đôi khi những chỉ dẫn về một khoa học như thế để trực giác của các đệ tử có thể vận dụng trên đó.

a. The solar plexus is a reflection in the personality of the "heart of the sun," just as the heart centre is. It is the central factor in the life of the personality for all humanity below the grade of probationary disciple. At that point the mind definitely begins to function, however faintly. It is the outlet—if such a word can be used—of the astral body into the outer world, and the instrument through which emotional energy flows. It is the organ of desire. It is of supreme importance in the life of the average man, and its control is a vital goal for the aspirant. He must transmute desire into aspiration.

a. Tùng thái dương là một phản ánh trong phàm ngã của "trái tim của mặt trời", cũng như trung tâm tim vậy. Nó là yếu tố trung tâm trong đời sống phàm ngã đối với toàn thể nhân loại dưới cấp độ đệ tử dự bị. Ở điểm đó, trí tuệ bắt đầu hoạt động một cách rõ rệt, dù rất mờ nhạt. Nó là lối thoát—nếu có thể dùng từ như vậy—của thể cảm dục ra thế giới bên ngoài, và là công cụ qua đó năng lượng cảm xúc tuôn chảy. Nó là cơ quan của dục vọng. Nó có tầm quan trọng tối thượng trong đời sống của con người trung bình, và việc kiểm soát nó là một mục tiêu sống còn đối với người chí nguyện. Y phải chuyển hoá dục vọng thành khát vọng.

b. The solar plexus came into full functioning in Atlantean times, during the period wherein the second great human race was developing. These lower centres are not so specifically related to initiations as are the centres above the diaphragm, for they are personality centres and have [171] to be under the full control of the soul when initiations of a certain degree are taken.

b. Tùng thái dương đã đi vào hoạt động đầy đủ trong thời Atlantis, trong giai đoạn mà giống dân lớn thứ hai đang phát triển. Các trung tâm thấp này không liên hệ đặc biệt với các lần điểm đạo như các trung tâm phía trên cơ hoành, vì chúng là các trung tâm phàm ngã và phải [171] nằm dưới sự kiểm soát trọn vẹn của linh hồn khi các lần điểm đạo ở một mức độ nào đó được tiếp nhận.

c. The solar plexus centre is the great clearing-house for all energies below the diaphragm. This refers to the three major centres and the minor centres which were enumerated on page 72. The relation of this centre to the astral plane is (to use a peculiar but most expressive word) acute. It is the recipient of all emotional reactions and of desire impulses and energies and, because humanity is today becoming active in a

c. Trung tâm tùng thái dương là trạm tập hợp và phân phối lớn cho mọi năng lượng dưới cơ hoành. Điều này liên quan đến ba trung tâm chính và các trung tâm phụ đã được liệt kê ở trang 72. Liên hệ của trung tâm này với cõi cảm dục là, dùng một từ hơi lạ nhưng rất biểu cảm, hết sức gay gắt. Nó là nơi tiếp nhận mọi phản ứng cảm xúc cùng các xung lực và năng lượng dục vọng, và bởi vì ngày nay nhân loại đang trở nên hoạt

group sense and is more inclusive than ever before in human history, the situation is one of acute and extreme difficulty. Mankind, through the individual and also through the collective solar plexus, is being subjected to almost unendurable pressure. Such are the tests of initiation! It is not my intention to deal here with the processes of attracting the lower energies, the mode of centralising them in the solar plexus, and there transmuting them and refining them to the point where transference into the heart centre becomes possible. Much of this is connected with the training given to accepted disciples, prior to the second initiation. It would be too intricate a matter to discuss, as well as carrying with it certain peculiar dangers for those not ready for the process; it is, however, one that—under living effort—goes forward almost automatically. The solar plexus is thus the most separative of all the centres (except the ajna centre, in the case of the man on the left-hand path) because it stands at the midway point, between the throat and the heart centres—above the diaphragm—and the sacral and basic centres—below the diaphragm. This is a consideration of major importance.

động theo ý thức nhóm và bao gồm hơn bao giờ hết trong lịch sử loài người, nên tình hình là một tình hình cực kỳ gay gắt và khó khăn. Nhân loại, qua tùng thái dương cá nhân và cả tập thể, đang chịu một áp lực gần như không thể chịu nổi. Đó là những thử thách của điểm đạo! Chủ ý của tôi ở đây không phải là bàn đến các tiến trình thu hút các năng lượng thấp, phương thức tập trung chúng trong tùng thái dương, và tại đó chuyển hoá và tinh luyện chúng đến mức có thể chuyển dịch vào trung tâm tim. Phần lớn điều này liên hệ với sự huấn luyện được ban cho các đệ tử được chấp nhận trước lần điểm đạo thứ hai. Đây sẽ là một vấn đề quá phức tạp để thảo luận, đồng thời cũng mang theo những nguy hiểm đặc biệt cho những ai chưa sẵn sàng cho tiến trình ấy; tuy nhiên, dưới nỗ lực *sống động*, nó tiến triển gần như tự động. Vì vậy, tùng thái dương là trung tâm có tính phân ly nhất trong tất cả các trung tâm (ngoại trừ trung tâm ajna, trong trường hợp con người trên tả đạo) bởi vì nó đứng ở điểm ở giữa, giữa các trung tâm cổ họng và tim—phía trên cơ hoành—và các trung tâm xương cùng và căn bản—phía dưới cơ hoành. Đây là một điều có tầm quan trọng lớn.

d. The solar plexus is the centre in the etheric vehicle through which humanity (average, unenlightened humanity) [172] lives and moves and has its being. Humanity is conditioned by desire—good desire, selfish desire, wrong desire, and spiritual desire. It is the centre through which most of the energies flow which make a man progressive because he is ambitious, selfish because his personal desires are of importance, and fluidic because astrally polarised. Through it the "bright light generated in Atlantis" is poured, and the astral light is contacted. It is therefore the centre through which most mediums work and clairvoyants function.

d. Tùng thái dương là trung tâm trong thể dĩ thái mà qua đó nhân loại (nhân loại trung bình, chưa giác ngộ) [172] sống, vận động và tồn tại. Nhân loại bị dục vọng tác động—dục vọng tốt, dục vọng ích kỷ, dục vọng sai lầm, và dục vọng tinh thần. Đây là trung tâm mà qua đó phần lớn các năng lượng tuôn chảy, khiến một người tiến bộ vì y đầy tham vọng, ích kỷ vì các dục vọng cá nhân của y là quan trọng, và linh động vì phân cực cảm dục. Qua nó, "ánh sáng rực rỡ được tạo ra trong Atlantis" được tuôn đổ, và ánh sáng cảm dục được tiếp xúc. Vì vậy, đây là trung tâm mà qua đó phần lớn các đồng tử hoạt động và các nhà thông nhãn vận hành. Về sau,

Later, these people will learn to work as intermediaries, consciously and intelligently using their powers; they will possess clear perception, and this will supersede clairvoyance. They will then be polarised in the ajna centre. It is consequently a most disturbing centre in the body, and is a basic cause of the majority of stomach complaints and troubles connected with the liver. The entire area immediately below the diaphragm is in a constant state of turmoil, where average man is concerned; this is due to individual and collective causes.

những người này sẽ học cách hoạt động như các trung gian, một cách hữu thức và thông minh sử dụng các năng lực của mình; họ sẽ sở hữu tri giác sáng tỏ, và điều này sẽ thay thế thông nhãn. Khi ấy họ sẽ được phân cực trong trung tâm ajna. Do đó, đây là một trung tâm rất *gây xáo trộn* trong thân thể, và là nguyên nhân căn bản của phần lớn các chứng bệnh dạ dày và các rối loạn liên hệ đến gan. Toàn bộ vùng ngay dưới cơ hoành ở trong trạng thái xáo động thường xuyên, xét nơi con người trung bình; điều này là do các nguyên nhân cá nhân và tập thể.

It is interesting to note here that just as the ajna centre (the synthesis of the personality forces, when highly developed) is a great directing and distributing agent, so the solar plexus centre (the synthesis of the average developed personality energies, prior to the process of integration) is a centre for collection, for a gathering-in of all the lower energies, and is finally a focal point for the direction and distribution of these collected energies—remitting them to their receptive higher centres:

Điều thú vị cần lưu ý ở đây là cũng như trung tâm ajna (sự tổng hợp các mãnh lực phàm ngã, khi được phát triển cao) là một tác nhân chỉ đạo và phân phối lớn, thì trung tâm tùng thái dương (sự tổng hợp các năng lượng phàm ngã phát triển trung bình, trước tiến trình tích hợp) là một trung tâm để thu gom, để tập hợp mọi năng lượng thấp, và cuối cùng là một tiêu điểm cho việc chỉ đạo và phân phối các năng lượng đã được thu gom này—chuyển chúng đến các trung tâm cao hơn có tính tiếp nhận của chúng:

1. The energies of the solar plexus centre itself have to be directed to the heart centre.

1. Các năng lượng của chính trung tâm tùng thái dương phải được chỉ đạo đến trung tâm tim.

2. The energies of the sacral centre have to be transmitted to the throat centre. [173]

2. Các năng lượng của trung tâm xương cùng phải được truyền đến trung tâm cổ họng. [173]

3. The energies of the centre at the base of the spine have to be transferred to the head centre. After the third initiation, these basic energies are raised, controlled or distributed by an act of the will of the Spiritual Triad. Then “the light generated in Lemuria” (the sacral light) and “the light generated in Atlantis” (solar plexus light) will die out, and those two centres will simply be recipients

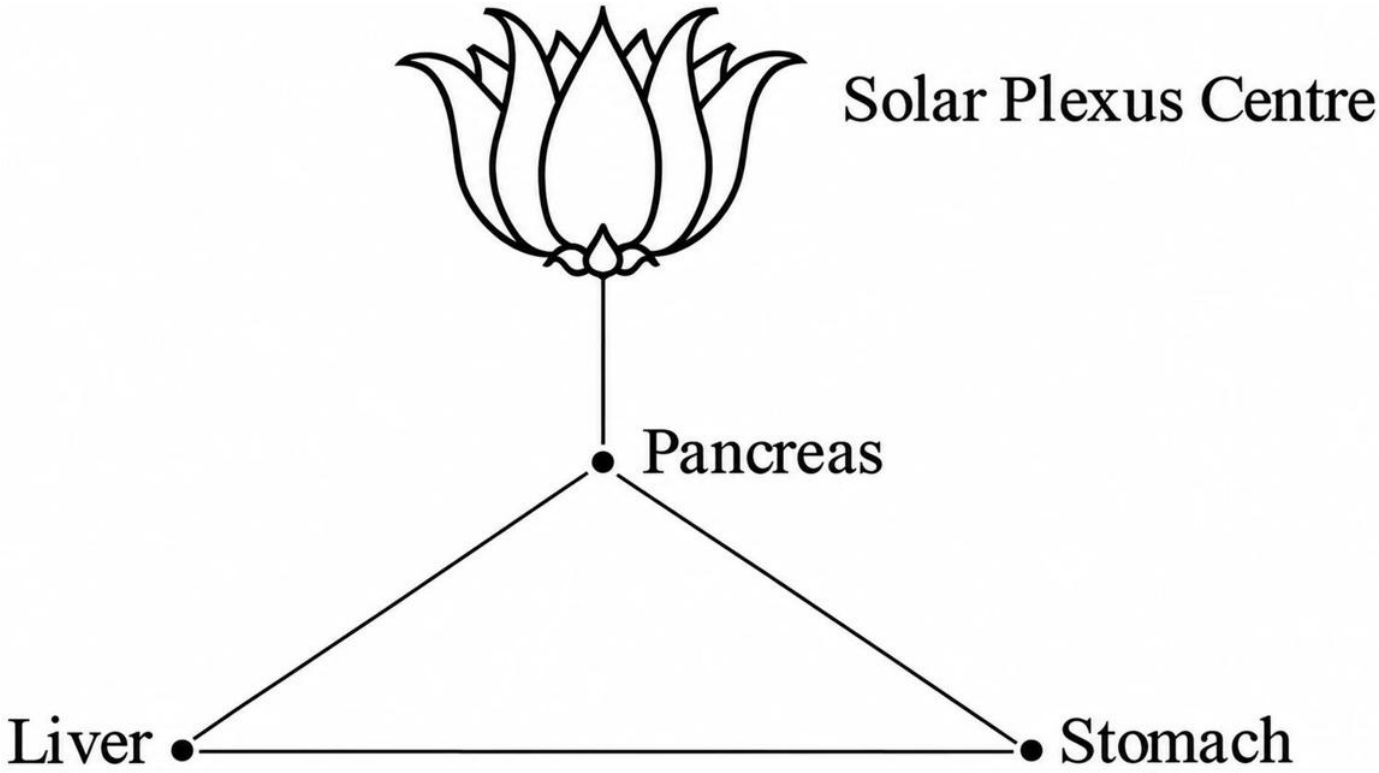
3. Các năng lượng của trung tâm ở đáy cột sống phải được chuyển dịch đến trung tâm đầu. Sau lần điểm đạo thứ ba, các năng lượng căn bản này được nâng lên, kiểm soát hay phân phối bằng một hành vi của ý chí của Tam Nguyên Tinh Thần. Khi ấy “ánh sáng được tạo ra trong Lemuria” (ánh sáng xương cùng) và “ánh sáng được tạo ra trong Atlantis” (ánh sáng tùng thái dương) sẽ tắt

of spiritual energies from on high; they will possess no direct, inherent light of their own; the light which they will transmit will come to them from collective sources on etheric planes.

đi, và hai trung tâm đó sẽ chỉ đơn giản là những nơi tiếp nhận các năng lượng tinh thần từ trên cao; chúng sẽ không có ánh sáng trực tiếp, cố hữu của riêng mình; ánh sáng mà chúng truyền đi sẽ đến với chúng từ các nguồn tập thể trên các cõi dĩ thái.

The dense physical externalisation of this centre is the pancreas, with a secondary externalisation in the stomach. There is, in relation to the solar plexus centre, a curious relation which is symbolic both in form and in implication. You have

Sự ngoại hiện hồng trần đậm đặc của trung tâm này là tuyến tụy, với một ngoại hiện thứ yếu ở dạ dày. Có, liên hệ với trung tâm tùng thái dương, một mối liên hệ kỳ lạ vừa mang tính biểu tượng về hình thức vừa về hàm ý. Bạn có



Here again appears the theme of a centre of spiritual force (for astral force is spiritual in essence) and its three manifestations. All these three dense materialisations are fed and nurtured by the forces and energies of the solar plexus centre. I have here given a very important fact to those who are interested in the study of medicine from the esoteric angle; rightly appreciated, it will lead to an understanding [174] of the healing art. Control of the solar plexus centre, and the right reception and release of

Ở đây lại xuất hiện chủ đề về một trung tâm mãnh lực tinh thần (vì mãnh lực cảm dục về bản chất là tinh thần) và ba biểu hiện của nó. Cả ba sự vật chất hóa đậm đặc này đều được nuôi dưỡng và duy trì bởi các mãnh lực và năng lượng của trung tâm tùng thái dương. Ở đây tôi đã đưa ra một sự kiện rất quan trọng cho những ai quan tâm đến việc nghiên cứu y học từ góc độ huyền bí; nếu được đánh giá đúng, nó sẽ dẫn đến một sự thấu hiểu [174] nghệ thuật chữa lành. Việc kiểm soát trung tâm tùng thái dương, cùng

the energies focussed in that centre would bring about a major purification, an intensive strengthening and a vital protection of the three vital organs to be found in that area of the human physical mechanism.

sự tiếp nhận và giải phóng đúng đắn các năng lượng được tập trung trong trung tâm ấy, sẽ mang lại một sự thanh lọc lớn, một sự tăng cường mạnh mẽ và một sự bảo vệ thiết yếu cho ba cơ quan trọng yếu nằm trong vùng đó của bộ máy hồng trần con người.

As I have earlier pointed out, this centre is an organ of synthesis and gathers into itself all the lower energies at a certain point in the higher development of the human being. It is factually then an instrument (when rightly understood and rightly directed) for aiding in the integration of the personality life. The major problem of the man who is highly developed but not yet spiritually inclined is that of desire. What are his goals? To what are his aims directed? What is the nature of his realised ambitions? To what does he aspire? According to the nature of the forces and the energies which his thought life brings to bear upon the solar plexus centre, so will be his decision to move forward along the path of light, to remain statically self-centred, or to take the lower way which leads to the blotting out of the soul light.

Như tôi đã chỉ ra trước đây, trung tâm này là một cơ quan tổng hợp và thu gom vào chính nó mọi năng lượng thấp ở một điểm nào đó trong sự phát triển cao hơn của con người. Khi ấy, trên thực tế, nó là một công cụ (khi được hiểu đúng và chỉ đạo đúng) để trợ giúp trong việc tích hợp đời sống phàm ngã. Vấn đề lớn của con người phát triển cao nhưng chưa nghiêng về tinh thần là dục vọng. Các mục tiêu của y là gì? Các mục đích của y hướng đến đâu? Bản chất của những tham vọng đã được thực hiện của y là gì? Y khát vọng điều gì? Tùy theo bản chất của các mãnh lực và năng lượng mà đời sống tư tưởng của y đem tác động lên trung tâm tùng thái dương, quyết định của y sẽ là tiến bước trên con đường ánh sáng, ở yên trong trạng thái tập trung vào bản thân một cách tĩnh tại, hay đi theo con đường thấp dẫn đến sự xóa mờ ánh sáng linh hồn.

As we have seen, the petals of the solar plexus centre are reaching upwards towards the heart centre. This, in reality, means that emotional energy, desire and ambition (in the race of men as a whole) are striving upwards towards the higher way.

Như chúng ta đã thấy, các cánh hoa của trung tâm tùng thái dương đang vươn lên phía trung tâm tim. Điều này, trên thực tế, có nghĩa là năng lượng cảm xúc, dục vọng và tham vọng (trong toàn thể nhân loại) đang nỗ lực hướng lên con đường cao hơn.

It should be noted here that the transference of solar plexus energy per se is the task of all aspirants to the Path of Discipleship at this particular time, plus the gradual awakening of the heart centre. The first members of the human family to become group conscious are naturally the aspirants and the disciples, and these set the pace for the rest of humanity. This they achieve through the

Cần lưu ý ở đây rằng việc chuyển dịch năng lượng tùng thái dương *chính nó* là nhiệm vụ của mọi người chí nguyện vào Con Đường Đệ Tử trong thời điểm đặc biệt này, cùng với sự thức tỉnh dần dần của trung tâm tim. Những thành viên đầu tiên của gia đình nhân loại trở nên có tâm thức nhóm dĩ nhiên là những người chí nguyện và các đệ tử, và họ đặt nhịp độ cho phần còn lại của nhân loại. Điều này

pressure of life itself and of circumstances, and not by the following [175] of set rules or specific meditations. Later, prior to a certain major initiation, such rules and measures may be applied so as to give the initiate immediate and conscious control over the astral body and its focal point of entry into the physical organism, the solar plexus centre, and again at the time that certain major transferences are consciously made. Of these transferences there are three of primary importance:

họ đạt được qua áp lực của chính đời sống và hoàn cảnh, chứ không phải bằng việc tuân theo [175] các quy luật cố định hay các bài thiền đặc biệt. Về sau, trước một lần điểm đạo lớn nào đó, các quy luật và biện pháp như thế có thể được áp dụng để trao cho điểm đạo đồ sự kiểm soát tức thời và hữu thức đối với thể cảm dục và tiêu điểm đi vào cơ thể hồng trần của nó, tức trung tâm tùng thái dương, và một lần nữa vào lúc một số chuyển dịch lớn được thực hiện một cách hữu thức. Trong các chuyển dịch này có ba chuyển dịch quan trọng hàng đầu:

1. From the three centres below the diaphragm into the heart, throat and ajna centres.

1. Từ ba trung tâm dưới cơ hoành vào các trung tâm tim, cổ họng và ajna.

2. From the two centres above the diaphragm—the heart and throat centres—into the ajna centre and the thousand-petalled lotus of the head.

2. Từ hai trung tâm trên cơ hoành—các trung tâm tim và cổ họng—vào trung tâm ajna và hoa sen ngàn cánh của đầu.

3. From the ajna centre into the head centre, signifying the complete unification of all the energies throughout the entire etheric body into one central focal point of distribution—under direct control of the Spiritual Triad.

3. Từ trung tâm ajna vào trung tâm đầu, biểu thị sự hợp nhất hoàn toàn của mọi năng lượng trong toàn bộ thể dĩ thái vào một tiêu điểm phân phối trung tâm duy nhất—dưới sự kiểm soát trực tiếp của Tam Nguyên Tinh Thần.

The processes involved in these three great experiences (each preceded by much testing and experiment) naturally put a strain upon the physical body and are the cause of many of the ills to which disciples fall heir.

Các tiến trình liên hệ trong ba kinh nghiệm lớn này (mỗi kinh nghiệm đều được đi trước bởi nhiều thử nghiệm và thực nghiệm) dĩ nhiên gây căng thẳng lên thể xác và là nguyên nhân của nhiều chứng bệnh mà các đệ tử phải gánh chịu.

It will be obvious to you, for instance, that the transference of all the accumulated energies in the solar plexus centre into the heart centre will cause difficulty, very frequently of a serious nature; this is the reason why today so many advanced people die of heart disease. In the long cycle of the

Chẳng hạn, bạn sẽ thấy hiển nhiên rằng việc chuyển dịch mọi năng lượng tích lũy trong trung tâm tùng thái dương vào trung tâm tim sẽ gây khó khăn, rất thường là nghiêm trọng; đó là lý do vì sao ngày nay rất nhiều người tiến bộ chết vì bệnh tim. Trong chu kỳ dài của đời sống và kinh nghiệm linh hồn,

soul life and experience, this is of relatively small moment; in the short cycle of the individual disciple's life it is of great difficulty and oft of tragedy. Similarly, the transference of the energies of the five centres up the spine into the head centres will carry with it its own problems. The stimulation of the ajna centre by the focussing of these energies may lead to disastrous psychological problems. A [176] man may become an ego-maniac temporarily (all is temporary in the long life of the soul!) and become such a human monster as Hitler and others of his ilk, though in lesser degree; there may be also violent conditions of epilepsy, or the eyesight may be affected and a man may become blind. All these points warrant careful thought.

điều này tương đối ít quan trọng; trong chu kỳ ngắn của đời sống cá nhân của đệ tử, đó là một khó khăn lớn và thường là bi kịch. Tương tự, việc chuyển dịch các năng lượng của năm trung tâm dọc cột sống vào các trung tâm đầu sẽ mang theo những vấn đề riêng của nó. Sự kích thích trung tâm ajna bằng việc tập trung các năng lượng này có thể dẫn đến những vấn đề tâm lý tai hại. Một [176] người có thể tạm thời trở thành một kẻ cuồng ngã (mọi sự đều là tạm thời trong đời sống dài lâu của linh hồn!) và trở thành một quái vật nhân loại như Hitler và những kẻ cùng loại với ông, dù ở mức độ thấp hơn; cũng có thể có những trạng thái động kinh dữ dội, hoặc thị lực có thể bị ảnh hưởng và một người có thể bị mù. Tất cả những điểm này đều đáng được suy nghĩ cẩn trọng.

6. The Sacral Centre. This centre is located in the lower part of the lumbar area and is a very powerful centre, controlling as it does the sex life. One of the interesting things about this centre is that it must always remain a powerful centre until two-thirds of mankind have taken initiation, for the generative processes must go on and remain active in order to provide bodies for incoming souls. But as the race progresses, this centre will be controlled and its activities will be carried forward intelligently and as the result of knowledge, of insight and of higher and subtler contacts, and not as the result of unlimited and uncontrolled desire, as is now the case. I cannot enlarge further upon this matter as the theme is too big. I can, however, bring to your attention what I have already written, and suggest that someone with the interest and the time should collect all I have said in all my books anent the subject of sex so that a pamphlet on the subject may be compiled.

6. *Trung Tâm Xương Cùng*. Trung tâm này nằm ở phần dưới của vùng thắt lưng và là một trung tâm rất mạnh, vì nó kiểm soát đời sống tính dục. Một trong những điều thú vị về trung tâm này là nó luôn luôn phải vẫn là một trung tâm mạnh cho đến khi hai phần ba nhân loại đã tiếp nhận điểm đạo, vì các tiến trình sinh sản phải tiếp tục và vẫn hoạt động để cung cấp thân thể cho những linh hồn đi vào. Nhưng khi nhân loại tiến bộ, trung tâm này sẽ được kiểm soát và các hoạt động của nó sẽ được tiến hành một cách thông minh và như kết quả của tri thức, của sự thấu suốt và của những tiếp xúc cao hơn và tinh tế hơn, chứ không phải như kết quả của dục vọng vô hạn độ và không được kiểm soát như hiện nay. Tôi không thể khai triển thêm về vấn đề này vì đề tài quá lớn. Tuy nhiên, tôi có thể nhắc bạn chú ý đến điều tôi đã viết, và gợi ý rằng một ai đó có quan tâm và có thời gian nên thu thập tất cả những gì tôi đã nói trong mọi sách của tôi liên quan đến đề tài tính dục để có thể biên soạn một tập sách nhỏ về chủ đề này.

a. The sacral centre corresponds to the physical sun, the source of vitality, and the life-giving agent on our planet.

a. Trung tâm xương cùng tương ứng với mặt trời hồng trần, nguồn sinh lực, và tác nhân ban sự sống trên hành tinh chúng ta.

b. The symbolism of the sacral centre is concerned primarily with the gestation period prior to birth, and in its right understanding can be traced and expanded the whole story of conception, of form-building, and this whether it is the physical form of a human being, the form of an idea, an organisation [177] built around a central truth, the form of a planet or of a solar system. It is perhaps above everything else else the centre through which the forces of IMPERSONALITY must eventually express themselves, and the whole problem of dualism must be resolved. This solution and interpretation of the symbol must come from the realm of the mind, thereby controlling the physical reaction and occupying itself with purposes and not with desire. Ponder on this. When it is thus understood, then we shall be reaching the point where a great transference can take place into the higher centre of creation, the throat centre.

b. Biểu tượng của trung tâm xương cùng chủ yếu liên hệ đến thời kỳ thai nghén trước khi sinh, và trong sự thấu hiểu đúng đắn về nó có thể truy ra và khai triển toàn bộ câu chuyện về sự thụ thai, về sự tạo dựng hình tướng, dù đó là hình tướng hồng trần của một con người, hình tướng của một ý tưởng, một tổ chức [177] được xây dựng quanh một chân lý trung tâm, hình tướng của một hành tinh hay của một hệ mặt trời. Có lẽ trên hết mọi thứ, đây là trung tâm mà qua đó các mãnh lực của TÍNH VÔ NGÃ rốt cuộc phải biểu lộ, và toàn bộ vấn đề nhị nguyên tính phải được giải quyết. Sự giải quyết và diễn giải biểu tượng này phải đến từ lĩnh vực của trí tuệ, nhờ đó kiểm soát phản ứng hồng trần và bận tâm đến các mục đích chứ không phải dục vọng. Hãy suy ngẫm về điều này. Khi được thấu hiểu như vậy, khi ấy chúng ta sẽ tiến đến điểm mà một sự chuyển dịch lớn có thể diễn ra vào trung tâm sáng tạo cao hơn, tức trung tâm cổ họng.

c. The sacral centre is therefore closely related to matter, and there is a flow of energy between three points in the lower part of the human body:

c. Vì vậy, trung tâm xương cùng có liên hệ chặt chẽ với vật chất, và có một dòng năng lượng giữa ba điểm ở phần dưới của thân thể con người:

1. The spleen, the organ of prana or of physical vitality coming from the sun.

1. Lá lách, cơ quan của prana hay sinh lực hồng trần đến từ mặt trời.

2. The sacral centre, the predisposing agent towards physical generation.

2. Trung tâm xương cùng, tác nhân tạo khuynh hướng đối với sự sinh sản hồng trần.

3. The centre at the base of the spine which (until the will aspect is aroused in man) feeds the life-giving principle, the will-to-live, to all parts of the human frame.

3. Trung tâm ở đáy cột sống, trung tâm này (cho đến khi phương diện ý chí được khơi dậy nơi con người) nuôi dưỡng nguyên khí

ban sự sống, ý chí muốn sống, cho mọi phần của khung thể con người.

These create a great triangle of force, concerned with matter, with substance, form-building, creation, vitality and persistence in form. This triangle is a reflection of a much higher one, composed of

Ba điểm này tạo thành một tam giác mãnh lực lớn, liên hệ đến vật chất, chất liệu, việc tạo dựng hình tướng, sáng tạo, sinh lực và sự bền bỉ trong hình tướng. Tam giác này là một phản ánh của một tam giác cao hơn nhiều, gồm có

1. The throat centre, corresponding to the sacral centre.

1. Trung tâm cổ họng, tương ứng với trung tâm xương cùng.

2. The pituitary body, corresponding to the splenic centre.

2. Tuyến yên, tương ứng với trung tâm lá lách.

[178]

[178]

3. The pineal gland, corresponding to the basic centre.

3. Tuyến tùng, tương ứng với trung tâm căn bản.

In the relation of these two triangles lies the clue to the instinct of self-preservation, the survival of the subtle bodies after death, and the principle of immortality which is seated in the soul and functions when self-preservation and survival no longer hold sway. This constitutes a triplicity of ideas which requires most careful study and which—if I might so express it—gives the key to the spiritualistic movement.

Trong mối liên hệ của hai tam giác này có manh mối cho bản năng tự bảo tồn, sự tồn tại của các thể vi tế sau khi chết, và nguyên lý bất tử vốn ngự trong linh hồn và hoạt động khi sự tự bảo tồn và sự tồn tại không còn chi phối nữa. Điều này tạo thành một bộ ba ý tưởng đòi hỏi sự nghiên cứu hết sức cẩn trọng và—nếu tôi có thể diễn đạt như vậy—trao chìa khóa cho phong trào thần linh học.

d. The sacral centre is also connected with the ajna centre in the last analysis; the two together create a functioning duality which is productive of that subtle quality which we call personality. There is a wide field for investigation in the theme of personality as an integrated whole and in the quality of personality, which is the aroma, the influence, the effect and the radiation of a personality. I throw out these ideas to students, hoping that some research may

d. Trung tâm xương cùng cũng được nối kết với trung tâm ajna trong phân tích cuối cùng; cả hai cùng nhau tạo nên một nhị nguyên tính hoạt động, sản sinh ra phẩm tính vi tế mà chúng ta gọi là *phàm ngã*. Có một lĩnh vực rộng lớn để khảo cứu trong chủ đề phàm ngã như một toàn thể tích hợp và trong phẩm tính của phàm ngã, vốn là hương thơm, ảnh hưởng, hiệu quả và sự phóng xạ của một phàm ngã. Tôi nêu ra những ý tưởng này cho các đạo sinh, hy

follow which will relate this subject of the centres to the recognised facts of coordination, integration and their effects in producing greatness.

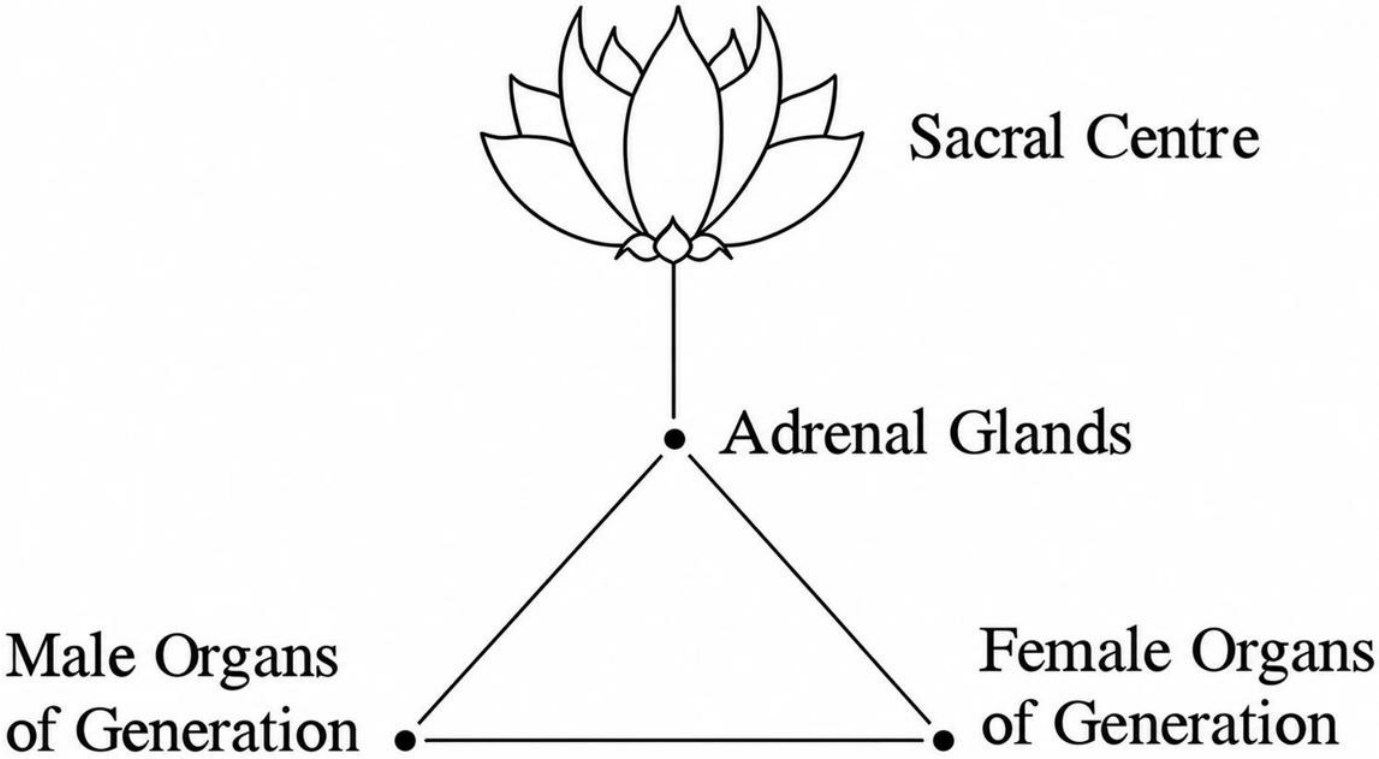
vọng rằng sẽ có một số nghiên cứu tiếp theo, liên hệ chủ đề các trung tâm này với các sự kiện đã được công nhận về sự phối hợp, sự tích hợp và các hiệu quả của chúng trong việc tạo ra sự vĩ đại.

For those of you who are students of The Secret Doctrine, there is much to be unfolded anent the relation of the "lunar Lords," the Barhishad Pitris, to the solar Lord or Angel. The field of work of the former is the sacral centre, par excellence; that of the solar Angel is the throat centre.

Đối với những ai trong các bạn là đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, có nhiều điều cần được khai mở liên quan đến mối liên hệ của các "nguyệt tinh quân", các Barhishad Pitris, với nhật tinh quân hay Thái dương Thiên Thần. Lĩnh vực hoạt động của các vị trước là trung tâm xương cùng, theo nghĩa nổi bật nhất; của Thái dương Thiên Thần là trung tâm cổ họng.

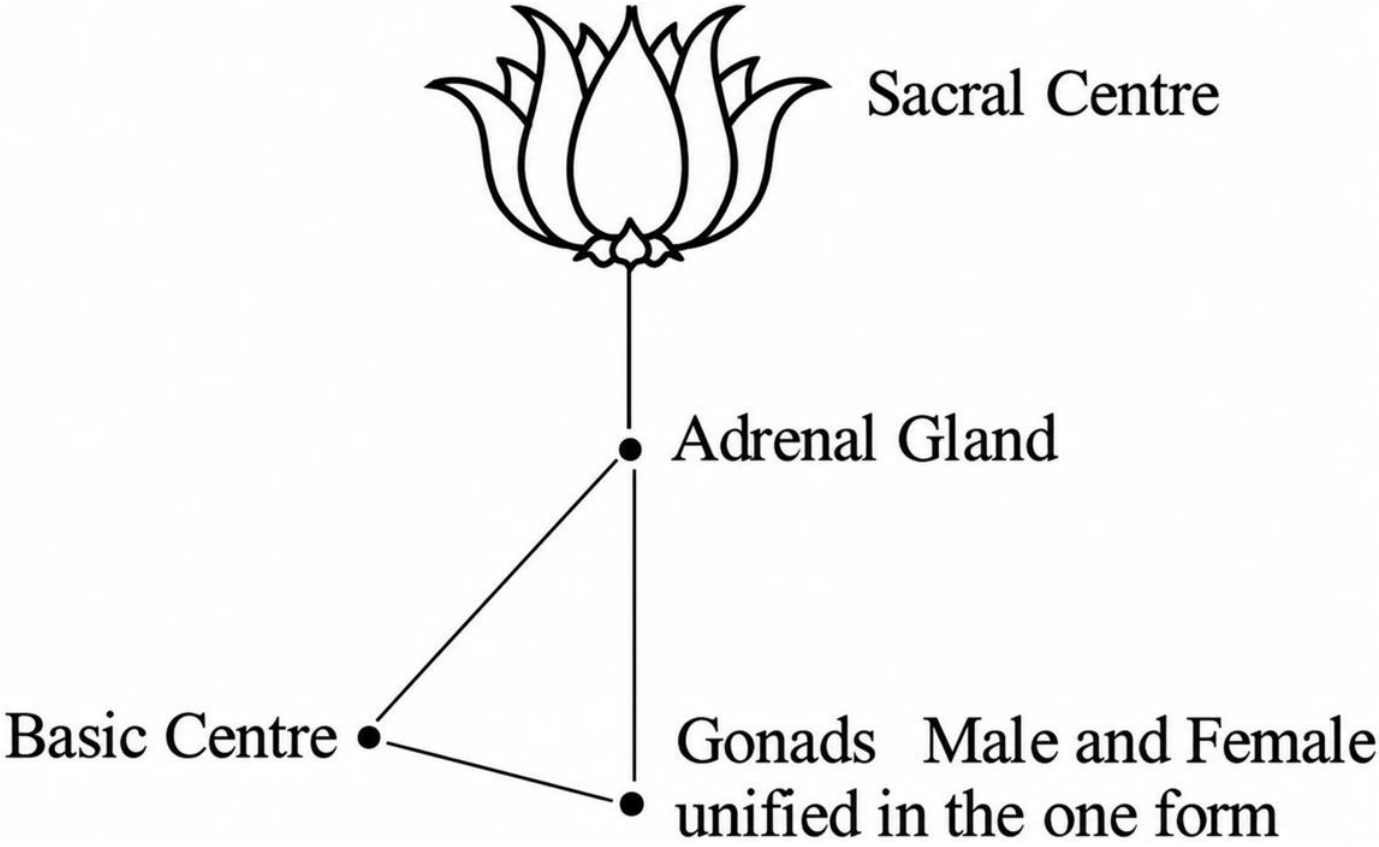
e. The sacral centre registers the energy of the third aspect of divinity, just as the solar plexus centre registers that of the second aspect and the basic centre expresses the energy of the first aspect. Here [179] again you have the lower centres reflecting the throat, heart and head centres and thus completing the higher and the lower manifestation of the divine Trinity in man. This centre was brought into full functioning activity in old Lemuria, the first human race; its energy is that of the Holy Spirit, overshadowing virgin substance. Here again we find also another divine reflection in the following:

e. Trung tâm xương cùng ghi nhận năng lượng của phương diện thứ ba của thiên tính, cũng như trung tâm tùng thái dương ghi nhận năng lượng của phương diện thứ hai và trung tâm căn bản biểu lộ năng lượng của phương diện thứ nhất. Ở đây [179] một lần nữa bạn có các trung tâm thấp phản ánh các trung tâm cổ họng, tim và đầu, và như vậy hoàn tất biểu hiện cao và thấp của Tam Vị thiêng liêng trong con người. Trung tâm này đã được đưa vào hoạt động đầy đủ trong thời Lemuria cổ, giống dân đầu tiên; năng lượng của nó là năng lượng của Chúa Thánh Thần, phủ bóng chất liệu đồng trinh. Ở đây một lần nữa chúng ta cũng thấy một phản ánh thiêng liêng khác trong điều sau đây:



Eventually, in the Divine Hermaphrodite (later to appear) you will have another combination:

Cuối cùng, trong Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng (sẽ xuất hiện về sau), bạn sẽ có một sự kết hợp khác:



Again you will note, my brother, how the Science of Triangles governs the human

Một lần nữa, Huynh đệ của Tôi, bạn sẽ lưu ý cách Khoa Học về các Tam Giác chi phối khung thể con người trong mọi phương diện

frame in all its aspects, as well as the frame of a solar system. This is to be expected.

f. The dense physical externalisation of this centre is to be found in the gonads, the human organs of generation—[180] viewing them as a basic unity, though temporarily separated in the present dualistic expression of the human being. It must be remembered that this separation fosters a powerful impulse towards fusion, and this urge to blend we call sex. Sex is, in reality, the instinct towards unity: first of all, a physical unity. It is the innate (though much misunderstood) principle of mysticism, which is the name we give to the urge to union with the divine. Like all else that undeveloped man has touched, we have perverted and distorted a divine idea and prostituted an immaterial urge to material desire. We have reversed the direction of the sacral energy, hence the over-developed animal nature and functions of average humanity.

There is necessarily much more that I could add to the above, but the theme would require much careful analysis, elucidation and wording that time permits not, or the established balance of this Treatise would not be preserved.

There is also little that I can say anent the centre at the base of the spine. Before, however, I take up whatever information is fruitful or possible, I would like to point out that the diagram on page 162 portrays the point in evolution of a disciple and not of an advanced initiate. It is not a description either of the everyday, average human being. This is indicated by the fact that the reflection of the heart centre in the head is

của nó, cũng như khung thể của một hệ mặt trời. Điều này là điều có thể chờ đợi.

f. Sự ngoại hiện hồng trần đậm đặc của trung tâm này được tìm thấy trong các tuyến sinh dục, các cơ quan sinh sản của con người—[180] xét chúng như một hợp nhất căn bản, dù tạm thời bị tách biệt trong biểu hiện nhị nguyên hiện nay của con người. Cần nhớ rằng sự tách biệt này nuôi dưỡng một xung lực mạnh mẽ hướng đến sự dung hợp, và sự thôi thúc hòa trộn này chúng ta gọi là tính dục. Tính dục, trên thực tế, là bản năng hướng đến hợp nhất: trước hết là một hợp nhất hồng trần. Nó là nguyên lý bẩm sinh (mặc dù bị hiểu sai nhiều) của thần bí học, là tên chúng ta đặt cho sự thôi thúc hướng đến hợp nhất với cái thiêng liêng. Giống như mọi điều khác mà con người chưa phát triển đã chạm đến, chúng ta đã làm sai lệch và bóp méo một ý tưởng thiêng liêng và biến một thôi thúc phi vật chất thành dục vọng vật chất. Chúng ta đã đảo ngược hướng của năng lượng xương cùng, do đó mới có bản chất và chức năng động vật phát triển quá mức của nhân loại trung bình.

Dĩ nhiên còn nhiều điều nữa mà tôi có thể thêm vào phần trên, nhưng đề tài này sẽ đòi hỏi rất nhiều sự phân tích cẩn trọng, sự làm sáng tỏ và cách diễn đạt mà thời gian không cho phép, hoặc sự quân bình đã được thiết lập của bộ Luận này sẽ không được giữ gìn.

Cũng có rất ít điều tôi có thể nói liên quan đến trung tâm ở đáy cột sống. Tuy nhiên, trước khi tôi đề cập đến bất cứ thông tin nào hữu ích hay khả dĩ, tôi muốn chỉ ra rằng biểu đồ ở trang 162 mô tả điểm tiến hoá của một đệ tử chứ không phải của một điểm đạo đồ tiến bộ. Nó cũng không phải là mô tả về con người trung bình thường nhật. Điều này được chỉ ra bởi sự kiện rằng phản ánh của trung tâm tim trong đầu đang quay lên trên

turning upwards in response to an increased activity of the heart centre itself, and that the definition of the ajna centre is clear and exact, demonstrating an integrated, coordinated personality. This is not therefore the diagram of the centres of the ordinary or undeveloped person. It is impossible for such diagrams to do more than give some point of consummation, but it should be remembered [181] that these points of consummation are not static attainments but are each of them preceded by phases and stages of activity which produce constantly changing results and varying aspects of the centres; these, in their turn, are succeeded by other cycles of movement, of change and of a renewed release of energies. The effects of the deep underlying causes themselves become causes, for in the cycle of manifestation there is nothing static or fixed or finally determined. This is a point of extreme importance. Be not therefore misled by apparent moments of achievement. They are but prefaces to change, for such is the Law of Being.

để đáp ứng với hoạt động gia tăng của chính trung tâm tim, và rằng sự xác định của trung tâm ajna là rõ ràng và chính xác, chứng tỏ một phàm ngã tích hợp, phối hợp. Vì vậy, đây không phải là biểu đồ các trung tâm của người bình thường hay chưa phát triển. Những biểu đồ như thế không thể làm gì hơn là đưa ra một điểm thành tựu, nhưng cần nhớ [181] rằng các điểm thành tựu này không phải là những thành quả tĩnh tại mà mỗi điểm đều được đi trước bởi các pha và giai đoạn hoạt động tạo ra những kết quả luôn thay đổi và những phương diện biến thiên của các trung tâm; đến lượt chúng, các điều này lại được tiếp nối bởi những chu kỳ khác của chuyển động, của thay đổi và của một sự giải phóng năng lượng mới mẻ. Chính các hiệu quả của những nguyên nhân nền tảng sâu xa ấy lại trở thành nguyên nhân, vì trong chu kỳ biểu hiện không có gì là tĩnh tại hay cố định hay được quyết định sau cùng. Đây là một điểm cực kỳ quan trọng. Vì vậy, đừng để bị đánh lừa bởi những khoảnh khắc thành tựu bề ngoài. Chúng chỉ là lời mở đầu cho thay đổi, vì đó là Định luật của Bản Thể.

7. The Centre at the Base of the Spine. This centre is, above everything else, controlled and governed by the Law of Being, above referred to, and is established where spirit and matter meet and where matter, the Virgin Mary—under the influence of the Holy Spirit, the energy of the etheric vehicle—is translated "into Heaven," there (as the Christian phraseology puts it) "to be seated beside her Son in the house of the Father."

7. *Trung Tâm ở Đáy Cột Sống*. Trung tâm này, trên hết mọi thứ, được kiểm soát và chi phối bởi Định luật của Bản Thể vừa được nhắc đến ở trên, và được thiết lập tại nơi tinh thần và vật chất gặp nhau, và nơi vật chất, Đức Mẹ Đồng Trinh—dưới ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần, năng lượng của thể dĩ thái—được chuyển dịch "lên Thiên Đàng", tại đó (theo cách nói của Cơ Đốc giáo) "ngồi bên Con của mình trong nhà của Cha."

This centre is found at the very base of the spine, and supports all the other centres. It is relatively quiescent at this time, for it is only roused into full activity by an act of the will, directed and controlled by the initiate. It is responsive only to the will aspect, and the

Trung tâm này được tìm thấy ở chính đáy cột sống, và *nâng đỡ* mọi trung tâm khác. Hiện nay nó tương đối tĩnh lặng, vì chỉ được khơi dậy vào hoạt động đầy đủ bằng một hành vi của ý chí, được điểm đạo đồ chỉ đạo và kiểm soát. Nó chỉ đáp ứng với phương

will-to-be in incarnation is the factor which at present controls its life and produces its effects as it feeds and directs the life principle in matter and form. Just as we are told that the life principle is "seated in the heart," so the will-to-be is seated in the base of the spine. There has been much idle and dangerous talk anent this centre, and the whole subject of the "kundalini fire" has proved an exciting and enticing tale by the pseudo-occultists of the world. The true occultist in training has naught to do with the kundalini fire—as usually [182] understood. It is not possible for me to do more than make certain facts somewhat clearer to you, and yet at the same time I must refrain from indicating modes and methods of arousing the activity of this centre, on account of the extreme danger involved in any premature work on the basic centre. The best I can do is to make a series of statements which will be comprehended in the right way by those who know (and these are as yet few and far between), which will aid the thinking of those who are in training and give them a somewhat more complete picture, but which will protect the ignorant from disaster. I shall make these statements as clearly and briefly as possible, but shall give practically no explanatory matter with them.

diện ý chí, và ý chí muốn hiện hữu trong lâm phàm là yếu tố hiện đang kiểm soát đời sống của nó và tạo ra các hiệu quả của nó khi nó nuôi dưỡng và chỉ đạo nguyên khí sự sống trong vật chất và hình tướng. Cũng như chúng ta được bảo rằng nguyên khí sự sống "ngự trong tim", thì ý chí muốn hiện hữu ngự ở đáy cột sống. Đã có rất nhiều lời bàn tán vô ích và nguy hiểm liên quan đến trung tâm này, và toàn bộ chủ đề về "lửa kundalini" đã trở thành một câu chuyện kích thích và quyến rũ do các nhà huyền bí giả hiệu của thế giới dựng nên. Nhà huyền bí học chân chính đang được huấn luyện không can dự vào lửa kundalini—như thường [182] được hiểu. Tôi không thể làm gì hơn là làm sáng tỏ phần nào một số sự kiện cho bạn, nhưng đồng thời tôi cũng phải tránh chỉ ra các phương thức và phương pháp khơi dậy hoạt động của trung tâm này, vì mối nguy cực lớn liên quan đến bất kỳ công việc nào quá sớm trên trung tâm căn bản. Điều tốt nhất tôi có thể làm là đưa ra một loạt phát biểu, những phát biểu sẽ được những ai biết hiểu theo cách đúng đắn (và những người này hiện còn rất ít và thưa thớt), sẽ trợ giúp tư duy của những ai đang được huấn luyện và cho họ một bức tranh phần nào đầy đủ hơn, nhưng sẽ bảo vệ người thiếu hiểu biết khỏi tai họa. Tôi sẽ đưa ra những phát biểu này rõ ràng và ngắn gọn nhất có thể, nhưng hầu như không kèm theo phần giải thích nào.

1. This basic centre is the point where, under the evolutionary law, spirit and matter meet, and life is related to form.

1. Trung tâm căn bản này là điểm mà tại đó, dưới định luật tiến hoá, tinh thần và vật chất gặp nhau, và sự sống được liên hệ với hình tướng.

2. It is therefore the centre where the essential dualism of the manifested divinity —man or planetary Logos—meet and produce form.

2. Vì vậy, đây là trung tâm nơi hai mặt của nhị nguyên tính cốt yếu trong thiên tính biểu hiện—con người hay Hành Tinh Thượng Đế—gặp nhau và tạo ra hình tướng.

3. The nature of this divinity is only revealed when the second aspect has accomplished its work, through the medium of the third aspect, but under the directing will of the first aspect.

3. Bản chất của thiên tính này chỉ được mặc khải khi phương diện thứ hai đã hoàn thành công việc của nó, qua trung gian của phương diện thứ ba, nhưng dưới ý chí chỉ đạo của phương diện thứ nhất.

4. It is the centre where the "serpent of God" undergoes two transformations:

4. Đây là trung tâm nơi "con rắn của Thượng đế" trải qua hai sự chuyển đổi:

a. The serpent of matter lies coiled.

a. Con rắn của vật chất nằm cuộn lại.

b. This serpent is transformed into the serpent of wisdom.

b. Con rắn này được chuyển đổi thành con rắn minh triết.

c. The serpent of wisdom is translated and becomes the "dragon of living light."

c. Con rắn minh triết được chuyển dịch và trở thành "con rồng của ánh sáng sống."

5. These three stages are nurtured by the life and energy pouring down through the entire length of the spinal [183] column, via the etheric correspondence of the spinal cord, and—in time and space—this downpouring (plus the simultaneously uprising life) produces:

5. Ba giai đoạn này được nuôi dưỡng bởi sự sống và năng lượng tuôn xuống qua toàn bộ chiều dài của cột sống [183], qua đối phần dĩ thái của tủy sống, và—trong thời gian và không gian—sự tuôn đổ này (cộng với sự sống đồng thời dâng lên) tạo ra:

a. The awakening in a gradual and orderly manner of the centres, according to ray types.

a. Sự thức tỉnh các trung tâm một cách dần dần và có trật tự, tùy theo các loại cung.

b. The reversal of the centres so that the consciousness of the indwelling man is adequate to his environment.

b. Sự đảo ngược các trung tâm để tâm thức của con người nội tại thích ứng đầy đủ với môi trường của mình.

c. The synthesis of the life energies of all the centres, and adequacy to the demands of the initiate and the service of the Hierarchy and of Humanity.

c. Sự tổng hợp các năng lượng sự sống của mọi trung tâm, và sự thích ứng đầy đủ với các đòi hỏi của điểm đạo đồ và sự phụng sự Thánh Đoàn và Nhân loại.

6. The spinal column (from the angle of the esoteric sciences) houses a threefold thread. This is the externalisation of the antahkarana, composed of the antahkarana

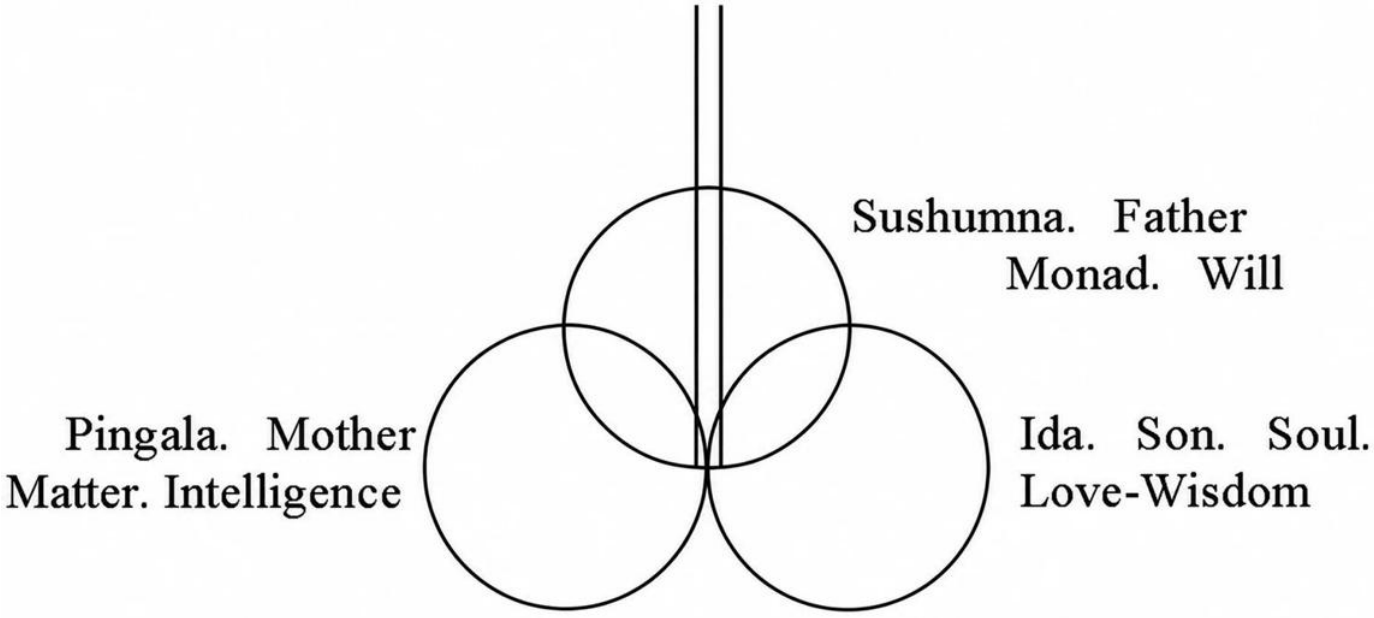
6. Cột sống (xét từ góc độ các khoa học huyền bí) chứa một sợi dây tam phân. Đây là sự ngoại hiện của antahkarana, gồm antahkarana đúng nghĩa, sutratma hay sợi

proper, the sutratma or life thread, and the creative thread. This threefold thread within the spinal column is therefore composed of three threads of energy which have channeled for themselves in the substance of the interior of the column a "threefold way of approach and of withdrawal." These are called in the Hindu terminology: the ida, the pingala and the sushumna paths, and they together form the path of life for the individual man and are awakened into activity sequentially and according to ray type and the point of evolution. The sushumna path is not used correctly and safely until the antahkarana has been built and the Monad and Personality are thereby related, even if it is only by the most tenuous thread. Then the Monad, the Father, the will aspect, can reach the personality in a direct manner, and can arouse the basic centre, and with it blend, unify and raise the three fires. [184]

dây sự sống, và sợi dây sáng tạo. Vì vậy, sợi dây tam phân này trong cột sống gồm ba sợi năng lượng đã tự tạo cho mình trong chất liệu bên trong cột sống một "con đường tam phân để tiếp cận và rút lui." Trong thuật ngữ Ấn giáo, chúng được gọi là các đường *ida*, *pingala* và *sushumna*, và cùng nhau chúng tạo thành con đường sự sống cho con người cá nhân và được đánh thức vào hoạt động một cách tuần tự tùy theo loại cung và điểm tiến hoá. Đường sushumna không được sử dụng đúng đắn và an toàn cho đến khi antahkarana đã được xây dựng và Chân thần và phàm ngã nhờ đó được liên hệ, dù chỉ bằng sợi dây mong manh nhất. Khi ấy Chân thần, Đức Cha, phương diện ý chí, có thể tiếp cận phàm ngã một cách trực tiếp, và có thể khơi dậy trung tâm căn bản, và cùng với nó hòa trộn, hợp nhất và nâng ba ngọn lửa lên. [184]

7. One of these paths is the one along which the energy which feeds matter is poured. Another is related to the path of consciousness and of sensitive psychic unfoldment. The third is the path of pure spirit. Thus in every living form the work of the Father, of the Mother and of the Son is carried on. Life-consciousness-form and life-quality-appearance are blended, and the response apparatus of the divine man is perfected, enabling him to contact and recognise the major divine aspects in the kingdoms in nature, in the planet and in the solar system—eventually.

7. Một trong các đường này là đường mà qua đó năng lượng nuôi dưỡng vật chất được tuôn đổ. Một đường khác liên hệ đến con đường của tâm thức và sự khai mở thông linh nhạy cảm. Đường thứ ba là con đường của tinh thần thuần túy. Như vậy trong mọi hình tướng sống động, công việc của Cha, của Mẹ và của Con được tiến hành. Sự sống-tâm thức-hình tướng và sự sống-phẩm tính-sắc tướng được hòa trộn, và bộ máy đáp ứng của con người thiêng liêng được hoàn thiện, giúp y tiếp xúc và nhận biết các phương diện thiêng liêng chính trong các giới trong thiên nhiên, trong hành tinh và trong hệ mặt trời —cuối cùng là như vậy.



Be not betrayed into placing these interlaced spheres of living energy on the right or the left of the spinal cord. Constantly a movement, an interplay and a reversal is going on. I can but portray the nature of a symbol which will indicate the special path of the three energies of the divine Trinity. I indicate not a fact in location or place, for it is this materialising and localising of the main concept which has produced so much danger. The initiate-student seeks to grasp the relation of the three basic energies, the three paths of living fire, their relation and inter-relation and their sequential polarisation. He seeks not to narrow the teaching down to points and lines and place until such [185] time when these terms mean little to him and he knows more.

Đừng để bị dẫn dắt đến chỗ đặt các khối cầu đan xen này của năng lượng sống ở bên phải hay bên trái của tủy sống. Luôn luôn có một chuyển động, một tương tác và một sự đảo ngược đang diễn ra. Tôi chỉ có thể mô tả bản chất của một biểu tượng sẽ chỉ ra con đường đặc biệt của ba năng lượng của Tam Vị thiêng liêng. Tôi chỉ ra *không phải một sự kiện về vị trí hay nơi chốn,* vì chính việc vật chất hóa và định vị khái niệm chính này đã tạo ra quá nhiều nguy hiểm. Đạo sinh-điểm đạo đồ tìm cách nắm bắt mối liên hệ của ba năng lượng căn bản, ba con đường của lửa sống, mối liên hệ và tương liên của chúng cùng sự phân cực tuần tự của chúng. Y không tìm cách thu hẹp giáo huấn thành các điểm, các đường và vị trí cho đến khi [185] những thuật ngữ này ít còn ý nghĩa đối với y và y biết nhiều hơn.

8. These three paths of life are the channels for electric fire, solar fire and fire by friction, and are related in their usage to the three stages of the path of evolution: the path of evolution in the material, earlier stages; the Path of Probation, and the early stages of the Path of Discipleship until the third initiation; and the Path of Initiation itself.

8. Ba con đường sự sống này là các kênh cho Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát, và trong cách sử dụng của chúng, chúng liên hệ đến ba giai đoạn của con đường tiến hoá: con đường tiến hoá trong các giai đoạn vật chất ban đầu; Con Đường Dự Bị, và các giai đoạn đầu của Con Đường Đệ Tử cho đến lần điểm đạo thứ ba; và chính Con Đường Điểm Đạo.

9. The Kundalini Fire, about which so much is taught and written in the East, and increasingly in the West, is in reality the union of these three fires, which are focussed by an act of the enlightened will, under the impulse of love, in the basic centre. This unified fire is then raised by the use of a Word of Power (sent forth by the will of the Monad) and by the united authority of the soul and personality, integrated and alive. The human being who can do this in full consciousness is therefore an initiate who has left the third initiation behind him. He, and he alone, can safely raise this triple fire from the base of the spine to the head centre.

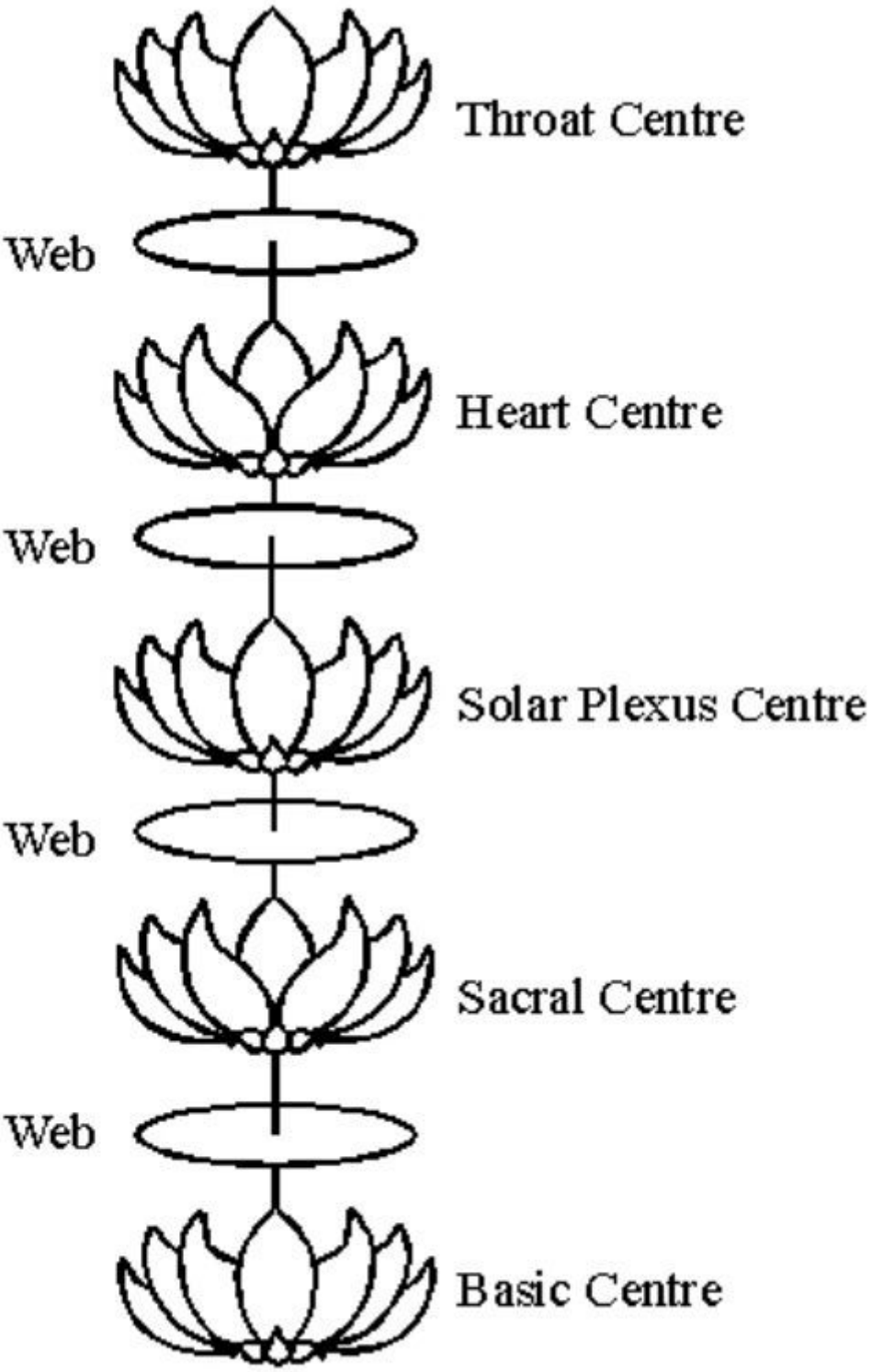
9. Lửa Kundalini, điều đã được giảng dạy và viết nhiều ở phương Đông, và ngày càng nhiều ở phương Tây, trên thực tế là sự hợp nhất của ba ngọn lửa này, được tập trung bằng một hành vi của ý chí được soi sáng, dưới xung lực của tình thương, trong trung tâm căn bản. Ngọn lửa hợp nhất này sau đó được nâng lên bằng việc sử dụng một Quyền năng từ (được phát ra bởi ý chí của Chân thần) và bởi thẩm quyền hợp nhất của linh hồn và phàm ngã, đã được tích hợp và sống động. Vì vậy, con người có thể làm điều này trong tâm thức trọn vẹn là một điểm đạo đồ đã vượt qua lần điểm đạo thứ ba. Chỉ y, và chỉ riêng y, mới có thể an toàn nâng ngọn lửa tam phân này từ đáy cột sống lên trung tâm đầu.

10. As usually interpreted by the ignorant esotericist in the various occult groups, the kundalini fire is something which must be "raised," and when it is raised all the centres will then come into functioning activity and the channels up and down the spine will be cleared of all obstruction. This is a dangerous generalisation and a reversal of the facts. The kundalini fire will be raised and carried up into heaven when all the centres are awakened and the channels up the spine are unimpeded. This removal of all obstruction is the result of the livingness of the individual centres which, [186] through the potency of their life, themselves are effective in destroying all hindrances and obstructions. They can "burn up" all that hinders their radiation. What usually happens in those accidental cases (which do so much harm) is that the aspirant, through his ignorant curiosity and by an effort of the mind (not of the spiritual will, but purely as an expression of personality will), succeeds in arousing the lowest of the three fires, the fire of matter, fire by friction; this produces a premature burning and destroys the etheric

10. Như thường được nhà bí truyền học vô minh trong các nhóm huyền bí khác nhau diễn giải, lửa kundalini là một cái gì đó phải được "nâng lên," và khi được nâng lên thì mọi trung tâm sẽ đi vào hoạt động chức năng và các kinh mạch lên xuống dọc cột sống sẽ được khai thông khỏi mọi chướng ngại. Đây là một sự khái quát hóa nguy hiểm và là sự đảo ngược các sự kiện. Lửa kundalini sẽ được nâng lên và mang lên thiên thượng khi mọi trung tâm đều được thức tỉnh và các kinh mạch dọc cột sống không còn bị ngăn trở. Việc loại bỏ mọi chướng ngại này là kết quả của sức sống nơi các trung tâm cá biệt; chính chúng, [186] nhờ quyền năng của sự sống mình, có hiệu quả trong việc tự hủy diệt mọi cản trở và chướng ngại. Chúng có thể "thiêu hủy" mọi điều ngăn trở sự bức xạ của chúng. Điều thường xảy ra trong những trường hợp ngẫu nhiên ấy (vốn gây rất nhiều tổn hại) là người chí nguyện, do tính tò mò vô minh của y và bằng một nỗ lực của trí tuệ (không phải của ý chí tinh thần, mà hoàn toàn như một biểu hiện của ý chí phàm ngã), đã thành công trong việc khơi dậy ngọn lửa thấp nhất trong ba ngọn lửa, lửa của vật

web in the etheric body. These circular disks or webs are to be found between each pair of the centres up the spine and also in the head. They are normally dissipated as purity of life, the discipline of the emotions, and the development of the spiritual will are carried forward.

chất, Lửa ma sát; điều này tạo ra một sự thiêu đốt non sớm và phá hủy mạng lưới dĩ thái trong thể dĩ thái. Những đĩa tròn hay mạng lưới này được tìm thấy giữa mỗi cặp trung tâm dọc cột sống và cả trong đầu nữa. Bình thường, chúng được làm tiêu tan khi sự thanh khiết của đời sống, sự kỷ luật cảm xúc và sự phát triển của ý chí tinh thần được xúc tiến.



[187]

There are four of these webs. When the fourfold personality is highly developed and the ajna centre is awakening, then these webs slowly and gradually, normally and

[187]

Có bốn mạng lưới như vậy. Khi phàm ngã tứ phân được phát triển cao và trung tâm ajna đang thức tỉnh, thì các mạng lưới này chậm rãi và dần dần, một cách bình thường và tự

automatically disappear. The webs in the head are of much higher quality and bisect the skull horizontally and vertically. Thus they symbolise the Cross upon which a Son of God is crucified.

động, biến mất. Các mạng lưới trong đầu có phẩm tính cao hơn nhiều và chia hộp sọ theo chiều ngang và chiều dọc. Vì vậy chúng tượng trưng cho thập giá mà trên đó một Con của Thượng đế bị đóng đinh.

11. The three channels up the spine are responsive in their totality to the three major centres:

11. Ba kinh mạch dọc cột sống trong toàn thể của chúng đáp ứng với ba trung tâm chính:

a. To the solar plexus centre, providing thus the impulse of desire and feeding the physical life and the creative urge.

a. Với trung tâm tùng thái dương, nhờ đó cung cấp xung lực của dục vọng và nuôi dưỡng đời sống thể xác cùng thôi thúc sáng tạo.

b. To the heart centre, providing the impulse to love and to conscious contact with ever widening areas of divine expression.

b. Với trung tâm tim, nhờ đó cung cấp xung lực yêu thương và sự tiếp xúc hữu thức với những phạm vi ngày càng mở rộng của biểu hiện thiêng liêng.

c. To the head centre, providing the dynamic impulse of the will to live.

c. Với trung tâm đầu, nhờ đó cung cấp xung lực năng động của ý chí sống.

I do not indicate which channel is responsive to which centre, except in the case of the sushumna channel which is responsive only to the energy of the head centre and the directing will, centred in the 1000-petalled lotus. This can be safely stated, as the spiritual will is as yet undeveloped in those who seek to arouse kundalini. When it is aroused, they will know what they can safely do.

Tôi không chỉ ra kinh mạch nào đáp ứng với trung tâm nào, ngoại trừ trường hợp kinh mạch sushumna chỉ đáp ứng với năng lượng của trung tâm đầu và ý chí chỉ đạo, được định tâm trong hoa sen ngàn cánh. Điều này có thể được nói ra một cách an toàn, vì ý chí tinh thần vẫn chưa phát triển nơi những ai tìm cách khơi dậy kundalini. Khi nó được khơi dậy, họ sẽ biết họ có thể làm gì một cách an toàn.

12. The three centres in the head are also related to this triple channel:

12. Ba trung tâm trong đầu cũng liên hệ với kinh mạch tam phân này:

a. The medulla oblongata area (the alta major centre) and the carotid gland.

a. Vùng hành tủy (trung tâm alta major) và tuyến cảnh.

b. The ajna centre and the pituitary body.

b. Trung tâm ajna và tuyến yên.

c. The 1000-petalled lotus and the pineal gland.

c. Hoa sen ngàn cánh và tuyến tùng.

Students will find it interesting to relate all these triplicities to the three major rays: [188]

Các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi liên hệ tất cả các bộ ba này với ba cung chính:[188]

a. The first ray of will or power,

a. cung một của ý chí hay quyền năng,

b. The second ray of love-wisdom,

b. cung hai của bác ái-minh triết,

c. The third ray of active intelligence,

c. cung ba của trí tuệ linh hoạt,

and also to the three human races which are endowed with the power to unfold the seed of these divine aspects: Lemuria, Atlantis and the Aryan race. These can be linked, as seed, to the two final races which will fuse and synthesise all the above powers, qualities, achievements and goals into one perfected planetary life.

và cũng với ba giống dân được phú cho quyền năng khai mở hạt giống của các phương diện thiêng liêng này: Lemuria, Atlantis và giống dân Arya. Các giống dân này có thể được nối kết, *như hạt giống*, với hai giống dân cuối cùng, là những giống dân sẽ dung hợp và tổng hợp mọi quyền năng, phẩm tính, thành tựu và mục tiêu nói trên thành một sự sống hành tinh hoàn thiện duy nhất.

Another synthesis is also possible and of importance:

Một sự tổng hợp khác cũng có thể có và rất quan trọng:

a. Path of Evolution.....centres below the diaphragm.

a. Con Đường tiến hoá.....các trung tâm dưới cơ hoành.

b. Path of Discipleship.....centres above the diaphragm.

b. Con Đường Đệ Tử.....các trung tâm trên cơ hoành.

c. Path of Initiation.....centres in the head.

c. Con Đường Điểm Đạo.....các trung tâm trong đầu.

These groups and triplicities are all related in time and space to the triple spinal cord.

Các nhóm và các bộ ba này đều liên hệ trong thời gian và không gian với tủy sống tam phân.

13. There is also—again in relation to all the above points of synthesis in the body—one consummating point of complete fusion. I give each of these in the sequence of their work of fusion:

13. Cũng còn có—một lần nữa liên hệ với mọi điểm tổng hợp nói trên trong thân thể—một điểm hoàn tất của sự dung hợp trọn vẹn. Tôi nêu ra từng điểm này theo trình tự công việc dung hợp của chúng:

a. The solar plexus centre, fusing the centres below the diaphragm.

a. Trung tâm tùng thái dương, dung hợp các trung tâm dưới cơ hoành.

b. The ajna centre, fusing centres both above and below the diaphragm.

b. Trung tâm ajna, dung hợp các trung tâm cả trên lẫn dưới cơ hoành.

c. The base of the spine, fusing all six centres.

c. Đáy cột sống, dung hợp cả sáu trung tâm.

d. The thousand-petalled lotus of the head, fusing all the seven energies.

d. Hoa sen ngàn cánh nơi đầu, dung hợp cả bảy năng lượng.

Bear in mind, in connection with all the above, that we are dealing entirely with forces and energies, functioning through the etheric body; that we are dealing with [189] the tertiary world of causes, which is responsible for the organic world of the dense physical manifestation. This physical manifestation is itself subject to the influence of the secondary world of conscious life, which in its turn is responsive in time and space to the dynamic world of purpose and of Being.

Hãy ghi nhớ, liên hệ với tất cả những điều trên, rằng chúng ta hoàn toàn đang đề cập đến các mãnh lực và năng lượng, vận hành qua thể dĩ thái; rằng chúng ta đang đề cập đến [189] thế giới cấp thứ ba của các nguyên nhân, thế giới chịu trách nhiệm cho thế giới hữu cơ của biểu hiện hồng trần đậm đặc. Bản thân biểu hiện hồng trần này lại chịu ảnh hưởng của thế giới thứ cấp của sự sống hữu thức, mà đến lượt nó trong thời gian và không gian đáp ứng với thế giới năng động của mục đích và của Bản Thể.

The key to the full life of the soul lies hidden in my words, but it takes the dedicated life and the illumined mind to profit by the knowledge conveyed, and to see behind the form of words the key thought which gives it life and—occultly speaking—generative warmth.

Chìa khóa cho sự sống trọn vẹn của linh hồn được ẩn giấu trong lời tôi, nhưng cần có đời sống tận hiến và trí tuệ được soi sáng mới có thể hưởng lợi từ tri thức được truyền đạt, và thấy được đằng sau hình thức ngôn từ tư tưởng chủ chốt ban cho nó sự sống và—nói theo huyền bí học—hơi ấm sinh thành.

Have clearly in mind the concepts of stimulation or lack of stimulation, of interplay or of separativeness, of quiescence

Hãy ghi rõ trong trí các khái niệm về sự kích thích hay thiếu kích thích, về sự tương tác hay tính biệt lập, về sự tĩnh tại hay hoạt

or of activity, for in these dualities are to be found the causes of health or of disease.

động, vì trong các nhị nguyên này có thể tìm thấy các nguyên nhân của sức khỏe hay bệnh tật.

The Etheric Body, Nervous and Endocrine Systems

Thể Dĩ Thái, Hệ Thần Kinh và Hệ Nội Tiết

What I have to say here is based upon certain remarks in the previous pages wherein I pointed out that

Điều tôi phải nói ở đây dựa trên một số nhận xét trong các trang trước, nơi tôi đã chỉ ra rằng

1. The etheric body itself

1. Chính thể dĩ thái

2. The nervous system

2. Hệ thần kinh

3. The endocrine system

3. Hệ nội tiết

are closely "related to each other and constitute an interlocking directorate of energies and forces which are essentially vital, galvanic, dynamic and creative.... Upon them, the entire interior health of the body depends." To these three I then added the blood stream as the conveyor throughout the body of

có liên hệ mật thiết với nhau và tạo thành một ban chỉ đạo đan kết của các năng lượng và mãnh lực vốn về bản chất là sinh lực, điện lực, năng động và sáng tạo.... Toàn bộ sức khỏe nội tại của thể xác tùy thuộc vào chúng." Sau đó tôi đã thêm vào ba yếu tố này dòng máu như tác nhân chuyên chở khắp cơ thể

1. The Life Principle.

1. Nguyên khí Sự Sống.

2. The combined energies of the three above systems,

2. Các năng lượng kết hợp của ba hệ thống trên,

and pointed out that the great combination of forces which we call the pairs of opposites or the major dualities, govern [190] the underlying causes of health and disease. In making these statements, I am endeavouring to reduce our entire theme to one of the utmost simplicity. In so doing, some of the truth is lost, but it is essential that certain broad generalisations are grasped by the student before he begins to study the exceptions and to deal with

và đã chỉ ra rằng sự kết hợp lớn lao của các mãnh lực mà chúng ta gọi là các cặp đối lập hay các nhị nguyên chính chi phối [190] các nguyên nhân nền tảng của sức khỏe và bệnh tật. Khi đưa ra các phát biểu này, tôi đang cố gắng giản lược toàn bộ chủ đề của chúng ta thành một điều hết sức đơn giản. Khi làm như vậy, một phần chân lý bị mất đi, nhưng điều cốt yếu là đạo sinh phải nắm được một số khái quát rộng lớn trước khi bắt đầu nghiên cứu các ngoại lệ và đề cập đến các chi

minutiae and the detail of bodily defects or their opposites.

It has become a truism with students of the occult that the etheric body conditions, controls and determines the life expression of the incarnated individual. It is a secondary truism that this etheric body is the conveyor of the forces of the personality, through the medium of the centres, and thereby galvanises the physical body into activity. These forces, routed through the centres, are those of the integrated personality as a whole, or are simply the forces of the astral or emotional body and the mind body; they also transmit the force of the personality ray or the energy of the soul ray, according to the point in evolution reached by the man. The physical body, therefore, is not a principle. It is conditioned and does not condition—a point oft forgotten. It is a victim of personality life or the triumphant expression of soul energy. It is for this reason that the science of psychology will, during the next two centuries, dominate modern medical science, except in the category of those diseases with which we will deal in our next section—those emanating from group life, such as tuberculosis, venereal diseases and cancer. Until the race is more definitely group conscious (something as yet far distant) it will not be possible to apply broad psychological generalisations to the diseases indigenous to our planet. We can, however, consider the handling of similar difficulties which arise in the individual unit; these are based on the conflict of the pairs of opposites and upon the lack of harmony to be found in the three major interlocking, directing systems.

[191]

tiết vụn vặt cùng các khuyết tật của cơ thể hay các đối cực của chúng.

Đối với các đạo sinh huyền bí học, việc thể dĩ thái tác động lên, kiểm soát và quyết định biểu hiện sự sống của cá nhân đang lâm phàm đã trở thành một điều hiển nhiên. Một điều hiển nhiên thứ hai là thể dĩ thái này là tác nhân chuyên chở các mãnh lực của phàm ngã, qua trung gian các trung tâm, và nhờ đó kích hoạt thể xác đi vào hoạt động. Các mãnh lực này, được dẫn truyền qua các trung tâm, là những mãnh lực của toàn bộ Phàm ngã tích hợp, hoặc đơn giản là các mãnh lực của thể cảm dục hay thể cảm xúc và thể trí; chúng cũng truyền dẫn mãnh lực của cung phàm ngã hay năng lượng của cung linh hồn, tùy theo điểm tiến hoá mà con người đã đạt tới. Vì vậy, thể xác không phải là một nguyên khí. *Nó bị tác động và không tác động*—một điểm thường bị quên lãng. Nó là nạn nhân của đời sống phàm ngã hoặc là biểu hiện chiến thắng của năng lượng linh hồn. Chính vì lý do này mà khoa học tâm lý học, trong hai thế kỷ tới, sẽ chi phối khoa học y học hiện đại, ngoại trừ trong loại bệnh mà chúng ta sẽ đề cập đến trong phần kế tiếp—những bệnh phát sinh từ đời sống nhóm, như lao, bệnh hoa liễu và ung thư. Chừng nào nhân loại chưa có tâm thức nhóm rõ rệt hơn (điều hiện vẫn còn rất xa) thì sẽ không thể áp dụng các khái quát tâm lý học rộng lớn vào những bệnh tật bản địa của hành tinh chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta có thể xem xét việc xử lý những khó khăn tương tự phát sinh trong đơn vị cá nhân; những khó khăn này dựa trên xung đột của các cặp đối lập và trên sự thiếu hài hòa nơi ba hệ thống chỉ đạo đan kết chính.

[191]

You have, therefore, three systems to carry in your minds, and one carrier or conveying agent, plus the basic occult fact that certain great opposing energies, working within the body, produce what we call disease. To the above factors I would add another needed correlation. I would remind you that we are concerned with forms of life, and that all these forms are creative within themselves, and can create potentially more forms or can provide environments in which these forms can live. Please note this mode of expressing a fundamental truth. The basis of all the occult teaching as regards manifestation is that the building forces exist, and that this statement is true whether you are concerned with the Life of a solar system or only with the consciousness of that body in which the human being moves and lives—along sound or unsound lines; we are dealing with the world body in which a human being lives. Owing to this, we come up against another great natural Law which can be expressed simply as follows:

Vì vậy, các bạn cần ghi nhớ ba hệ thống, một vật mang hay tác nhân truyền dẫn, cùng với sự thật huyền bí cơ bản rằng một số năng lượng đối nghịch mạnh mẽ, hoạt động bên trong thân thể, tạo ra điều chúng ta gọi là bệnh tật. Ngoài những yếu tố trên, Tôi muốn bổ sung một mối tương quan cần thiết khác. Tôi xin nhắc các bạn rằng chúng ta đang xét các hình tướng của sự sống; tất cả những hình tướng này đều có khả năng sáng tạo nội tại, có tiềm năng tạo thêm các hình tướng hoặc cung cấp môi trường để những hình tướng ấy có thể sống. Xin lưu ý cách diễn đạt này về một chân lý căn bản. Cơ sở của mọi giáo huấn huyền bí về sự biểu hiện là các mãnh lực kiến tạo hiện hữu; điều này đúng dù các bạn đang xét Sự Sống của một hệ mặt trời hay chỉ xét tâm thức của thân thể mà trong đó con người vận động và sống—theo những đường hướng lành mạnh hay không lành mạnh; chúng ta đang xét thân thể của thế giới mà trong đó con người sống. Chính vì vậy, chúng ta gặp một Định luật tự nhiên vĩ đại khác, có thể được diễn đạt đơn giản như sau:

LAW VI

ĐỊNH LUẬT VI

When the building energies of the soul are active in the body, then there is health, clean interplay and right activity. When the builders are the lunar lords and those who work under the control of the moon and at the behest of the lower Personal self, then you have disease, ill health and death.

Khi những năng lượng kiến tạo của linh hồn hoạt động trong thân thể, sẽ có sức khỏe, sự tương tác trong sạch và hoạt động đúng đắn. Khi các đấng kiến tạo là các nguyệt tinh quân và những vị hoạt động dưới sự kiểm soát của mặt trăng, theo mệnh lệnh của phàm ngã thấp, thì có bệnh tật, sức khỏe kém và cái chết.

This is a profoundly simple rule, but it gives the clue to the causes of disease and to the reason for an established immortality; it will be understood with great clarity and comprehension in a few years' time and will then supersede those idealistic but factually unsound and untrue systems to which we

Đây là một quy luật hết sức đơn giản nhưng sâu xa, song nó đưa ra đầu mối về các nguyên nhân của bệnh tật và về lý do của sự bất tử đã được thiết lập; trong vài năm nữa nó sẽ được hiểu với sự sáng tỏ và thấu hiểu lớn lao, và khi đó sẽ thay thế những hệ thống thiên về lý tưởng nhưng không vững chắc về

give the name Unity, Mental Science and Christian Science. These systems present as immediate, demonstrable possibilities the stage of final liberation [192] from the natural and material limitations which today control all forms; they ignore the time factor, and overlook the evolutionary process and also the point of development of the person concerned; their position is based on wishful thinking and on the innate desire of the average human being for comfort and physical harmony, and gloss the innate selfishness of their presentation of truth with the concept that all is to the eternal glory of God. Unquestionably, disease and physical limitations of any kind will vanish, but this will only happen when the soul of the individual controls and the lower personal self becomes as much an automaton of the soul as the physical body is at this time the automaton of the emotional nature, of the mind, and occasionally (and only very occasionally for the majority of people) of the soul.

mặt sự kiện và không chân thực mà chúng ta gọi là Unity, Mental Science và Christian Science. Các hệ thống này trình bày như những khả năng tức thời, có thể chứng minh được, giai đoạn giải thoát cuối cùng [192] khỏi những giới hạn tự nhiên và vật chất hiện đang kiểm soát mọi hình tướng; chúng bỏ qua yếu tố thời gian, xem nhẹ tiến trình tiến hoá và cả điểm phát triển của người liên hệ; lập trường của chúng dựa trên tư duy mong muốn và trên khát vọng bẩm sinh của con người trung bình đối với sự tiện nghi và hài hòa thể xác, đồng thời che đậy tính ích kỷ bẩm sinh trong cách trình bày chân lý của chúng bằng khái niệm rằng mọi sự đều vì vinh quang vĩnh cửu của Thượng đế. Không nghi ngờ gì nữa, bệnh tật và các giới hạn thể xác dưới bất kỳ hình thức nào sẽ biến mất, nhưng điều này chỉ xảy ra khi linh hồn của cá nhân kiểm soát và phàm ngã thấp trở thành một cỗ máy tự động của linh hồn cũng nhiều như thể xác hiện nay là cỗ máy tự động của bản chất cảm xúc, của trí tuệ, và đôi khi (và chỉ rất hiếm khi đối với đa số người) của linh hồn.

Only when the soul, consciously and with the cooperation of the personality, builds the temple of the body, and then keeps it full of light, will disease disappear; this building is, however, a scientific process, and in the early stages of discipleship (which is the time wherein the soul begins to grasp its instrument, the personality) this leads inevitably to conflict, increased strain and frequently aggravated disease and disharmony. This dis-harmony and dis-ease lead to much necessary trouble and consequent undesirable effects. These effects will be overcome but—in the interim of adjustment—whilst they are registering and expressing themselves, there will be much distress, physical and psychological,

Chỉ khi linh hồn, một cách hữu thức và với sự hợp tác của phàm ngã, xây dựng ngôi đền của thể xác, rồi giữ cho nó đầy ánh sáng, thì bệnh tật mới biến mất; tuy nhiên, việc xây dựng này là một tiến trình khoa học, và trong các giai đoạn đầu của địa vị đệ tử (là thời kỳ linh hồn bắt đầu nắm lấy công cụ của mình là phàm ngã) điều này tất yếu dẫn đến xung đột, gia tăng căng thẳng và thường là bệnh tật cùng bất hòa trầm trọng hơn. Sự bất hòa và bất an này dẫn đến nhiều rắc rối cần thiết và các hậu quả không mong muốn tiếp theo. Những hậu quả này sẽ được vượt qua nhưng—trong giai đoạn điều chỉnh tạm thời—khi chúng đang ghi nhận và biểu lộ chính mình, sẽ có nhiều đau khổ, cả thể xác lẫn tâm lý, và mọi khó khăn lớn nhỏ mà nhân loại dường như phải thừa hưởng.

and all the major and minor difficulties to which humanity seems heir.

In undeveloped humanity, the conflict (from the angle of consciousness) is practically nil; you have less susceptibility to the subtler diseases emanating from the three interlocking systems, but at the same time a much greater responsiveness to the three indigenous diseases, to infectious [193] and contagious diseases, and to the great epidemics which sweep through nations and great planetary areas. As humanity develops, diseases become more personal (if I might express it in this manner) and are not so definitely related to the herd or mass condition. They arise within the persons themselves, and though they may be related to the mass diseases, they are based on individual causes.

Trong nhân loại chưa phát triển, xung đột (xét từ góc độ tâm thức) hầu như không có; bạn có ít tính nhạy cảm hơn đối với các bệnh tinh tế hơn phát sinh từ ba hệ thống đan kết, nhưng đồng thời lại đáp ứng mạnh hơn nhiều với ba bệnh bản địa, với các bệnh truyền nhiễm [193] và lây lan, và với những trận dịch lớn quét qua các quốc gia và những vùng hành tinh rộng lớn. Khi nhân loại phát triển, bệnh tật trở nên mang tính cá nhân hơn (nếu tôi có thể diễn đạt như vậy) và không còn liên hệ quá rõ rệt với tình trạng bầy đàn hay quần chúng nữa. Chúng phát sinh bên trong chính con người, và dù có thể liên hệ với các bệnh quần chúng, chúng vẫn dựa trên các nguyên nhân cá nhân.

When a man steps out of the general mass and steps upon the probationary path, and thus becomes a candidate for discipleship, then the diseases of the flesh and the inharmony of his entire threefold system, plus the conveying stream, constitute a conscious problem and one which the aspirant must himself tackle—thus revealing to him the need for conscious, creative building.

Khi một người bước ra khỏi khối quần chúng chung và bước lên Con Đường Dự Bị, và nhờ đó trở thành một ứng viên cho địa vị đệ tử, thì các bệnh của xác thân và sự bất hòa của toàn bộ hệ thống tam phân của y, cộng với dòng truyền dẫn, tạo thành một vấn đề hữu thức mà chính người chí nguyện phải tự mình giải quyết—nhờ đó bộc lộ cho y nhu cầu về sự kiến tạo hữu thức, sáng tạo.

It is at this point that the doctrine of reincarnation becomes of supreme value; the disciple begins to institute those conditions, to create those forms and build those vehicles which, in another life, will prove more suitable for soul control and more adequate instruments with which tocarry forward the perfecting process which the soul demands. Let me point out that the disciple does not concentrate upon the physical body at any time, or begin with any physical emphasis to work at the

Chính tại điểm này mà giáo lý luân hồi trở nên có giá trị tối thượng; đệ tử bắt đầu thiết lập những điều kiện, tạo ra những hình tướng và xây dựng những vận cụ mà trong một kiếp sống khác sẽ tỏ ra thích hợp hơn cho sự kiểm soát của linh hồn và là những công cụ đầy đủ hơn để tiếp tục tiến trình hoàn thiện mà linh hồn đòi hỏi. Xin để tôi chỉ ra rằng đệ tử không tập trung vào thể xác vào bất kỳ lúc nào, cũng không bắt đầu bằng bất kỳ sự nhấn mạnh hồng trần nào để làm việc loại trừ bệnh tật hay bất hòa. Y bắt đầu

elimination of disease or disharmony. He begins with the psychology which the soul teaches and commences with the causes which are producing the effects upon the physical plane. It is a slower process, but endures. Much of the violent auto-suggestion of the systems allied to Christian Science and Unity are only temporary in their effects and are based upon a process of scientific suppression, plus a refusal to recognise existent factors. They are not based on truth. In a later life, the suppressed condition will again emerge in ever greater potency and will continue so to do until such time as it is ignored altogether and the life emphasis is laid on soul contact [194] and the life expression is extroverted into service to others.

với tâm lý học mà linh hồn dạy và khởi sự từ các nguyên nhân đang tạo ra các kết quả trên cõi hồng trần. *Đó là một tiến trình chậm hơn, nhưng bền vững*. Phần lớn sự tự ám thị mãnh liệt của các hệ thống liên hệ với Christian Science và Unity chỉ có tác dụng tạm thời và dựa trên một tiến trình đè nén có tính khoa học, cộng với sự từ chối thừa nhận các yếu tố hiện hữu. Chúng không dựa trên chân lý. Trong một kiếp sống sau, tình trạng bị đè nén ấy sẽ lại xuất hiện với năng lực ngày càng lớn hơn và sẽ tiếp tục như vậy cho đến khi nó bị hoàn toàn phớt lờ và trọng tâm đời sống được đặt vào sự tiếp xúc linh hồn [194] và biểu hiện sự sống được hướng ngoại vào việc phụng sự tha nhân.

In connection with physical disease and its relation to the centres (regarding these as focal points for incoming energies from some source or another) it might be useful if certain broad generalisations were made here, remembering that to all of these there may be exceptions, particularly in the case of the health or the non-health of disciples.

Liên hệ với bệnh thể xác và mối quan hệ của nó với các trung tâm (xem các trung tâm như những tiêu điểm cho các năng lượng đi vào từ nguồn này hay nguồn khác), sẽ hữu ích nếu ở đây đưa ra một số khái quát rộng lớn, đồng thời nhớ rằng đối với tất cả những điều này đều có thể có ngoại lệ, đặc biệt trong trường hợp sức khỏe hay tình trạng không khỏe của các đệ tử.

1. Each of the seven major centres governs or conditions—from the material angle as well as from that of the soul and of the life principle—the area of the physical body in which it is found, including the multitude of lesser centres of energy and plexi of force which may be found therein.

1. Mỗi một trong bảy trung tâm chính chi phối hay tác động—từ góc độ vật chất cũng như từ góc độ của linh hồn và của nguyên khí sự sống—lên khu vực của thể xác nơi nó tọa lạc, kể cả vô số trung tâm năng lượng nhỏ hơn và các đám rối mãnh lực có thể được tìm thấy trong đó.

2. The three great basic and manifesting divisions of divinity are to be found symbolically present in every centre:

2. Ba phân bộ lớn căn bản và biểu hiện của thiên tính hiện diện một cách tượng trưng trong mọi trung tâm:

a. The life principle, the first aspect, discloses itself when the entire centre is esoterically unfolded or awakened. It is

a. Nguyên khí sự sống, phương diện thứ nhất, tự bộc lộ khi toàn bộ trung tâm được khai mở hay thức tỉnh một cách huyền bí.

present all the time in latency, but it is not a dynamic factor producing monadic stimulation until the end of the great cycle of evolution.

Nó luôn hiện diện trong trạng thái tiềm ẩn, nhưng không phải là một yếu tố năng động tạo ra sự kích thích chân thần cho đến cuối đại chu kỳ tiến hoá.

b. The quality or soul aspect is gradually disclosed in the process of evolutionary unfoldment and produces, in time and space, the definite effect which the centre has upon its environment. This quality is dependent upon the ray (either of the personality or the soul) which is the source of the incoming energy, or upon the ray governing the astral body in the case of the little evolved: it is also dependent upon the point in evolution and upon the radiatory influence of other centres.

b. Phẩm tính hay phương diện linh hồn dần dần được bộc lộ trong tiến trình khai mở tiến hoá và tạo ra, trong thời gian và không gian, hiệu quả xác định mà trung tâm gây ra lên môi trường của nó. Phẩm tính này tùy thuộc vào cung (hoặc của phàm ngã hoặc của linh hồn) là nguồn của năng lượng đi vào, hoặc vào cung chi phối thể cảm dục trong trường hợp người ít tiến hóa; nó cũng tùy thuộc vào điểm tiến hoá và vào ảnh hưởng bức xạ của các trung tâm khác.

c. The appearance in the etheric body of a developed or a developing centre indicates the place of the man upon the ladder of evolution, his racial affiliations, and his conscious goal; this latter can range all the [195] way from an emphasis upon the sex life, and consequent activity of the sacral centre, to the goal of the initiate, which brings the head centre into activity. All this produces a consequent effect upon the surrounding tissue, substance and organic forms within the radius of influence of the centre. The area of this influence is variable according to the activity of the centre and this is dependent upon the point of development reached by the individual and the preponderant type of energy to which the individual reacts.

c. Sắc tướng trong thể dĩ thái của một trung tâm đã phát triển hay đang phát triển cho biết vị trí của con người trên nấc thang tiến hoá, các liên hệ chủng tộc của y, và mục tiêu hữu thức của y; mục tiêu sau cùng này có thể trải dài [195] từ sự nhấn mạnh vào đời sống tính dục, và do đó là hoạt động của trung tâm xương cùng, cho đến mục tiêu của điểm đạo đồ, vốn đưa trung tâm đầu vào hoạt động. Tất cả điều này tạo ra một hiệu quả tương ứng lên mô, chất liệu và các hình tướng hữu cơ xung quanh trong bán kính ảnh hưởng của trung tâm. Khu vực ảnh hưởng này thay đổi tùy theo hoạt động của trung tâm, và điều này lại tùy thuộc vào điểm phát triển mà cá nhân đã đạt tới và loại năng lượng trội hơn mà cá nhân đáp ứng.

3. The incoming energy is transmuted within the centre into forces. This involves a process of differentiation into secondary energies of the primary energy involved, and is an automatic happening; the rate of transmutation process, the strength of the resultant aggregation of forces, and the

3. Năng lượng đi vào được chuyển hoá trong trung tâm thành các mãnh lực. Điều này bao hàm một tiến trình biến phân thành các năng lượng thứ cấp của năng lượng sơ cấp liên hệ, và đó là một diễn biến tự động; tốc độ của tiến trình chuyển hoá, sức mạnh của tập hợp mãnh lực kết quả, và hoạt động bức

subsequent radiatory activity producing conditioning results upon the dense physical body) are dependent upon the extent of the unfoldment of the particular centre involved and its awakened or unawakened state.

xạ tiếp theo tạo ra các kết quả tác động lên thể xác hồng trần đậm đặc) đều tùy thuộc vào mức độ khai mở của trung tâm liên hệ và trạng thái thức tỉnh hay chưa thức tỉnh của nó.

4. The outgoing forces from a centre play upon the etheric counterpart of the entire intricate network of nerves which constitute the nervous system. These counterparts of identical subjective correspondences are called in the Hindu philosophy, the "nadis"; they constitute an intricate and most extensive network of fluid energies which are an intangible, interior, paralleling system to that of the bodily nerves, which latter system is in fact an externalisation of the inner pattern of energies. There is as yet no word in the. English language or in any European tongue for the ancient word "nadi," because the existence of this subjective system is not yet recognised, and only the materialistic concept of the nerves as a system built up in response to a tangible [196] environment yet holds sway in the West. The idea of these nerves being the dense physical result of an inner sensitive response apparatus is still undefined and unrecognised by modern Western science. When recognition is accorded to this subtle substance (composed of threads of energy) underlying the more tangible nerves, we shall have moved forward in our approach to the entire problem of health and disease, and the world of causes will be that much nearer. This network of nadis forms a definite life pattern which varies according to the personality ray.

4. Các mãnh lực đi ra từ một trung tâm tác động lên đối phần dĩ thái của toàn bộ mạng lưới thần kinh phức tạp cấu thành hệ thần kinh. Những đối phần của các tương ứng chủ quan đồng nhất này được gọi trong triết học Ấn Độ là "nadis"; chúng tạo thành một mạng lưới phức tạp và hết sức rộng lớn của các năng lượng lưu chất, là một hệ thống song hành vô hình, nội tại với hệ thần kinh của cơ thể, mà hệ vừa nêu sau cùng thực ra là sự ngoại hiện của mô hình năng lượng bên trong. Hiện nay trong tiếng Anh hay trong bất kỳ ngôn ngữ châu Âu nào vẫn chưa có từ nào cho từ cổ "nadi," vì sự hiện hữu của hệ thống chủ quan này vẫn chưa được thừa nhận, và chỉ có quan niệm duy vật về thần kinh như một hệ thống được xây dựng để đáp ứng với một môi trường hữu hình [196] vẫn còn thống trị ở phương Tây. Ý tưởng cho rằng các dây thần kinh này là kết quả hồng trần đậm đặc của một bộ máy đáp ứng nhạy cảm bên trong vẫn còn chưa được xác định và chưa được khoa học phương Tây hiện đại công nhận. Khi sự công nhận được dành cho chất liệu tinh tế này (được cấu thành từ các sợi năng lượng) nằm dưới các dây thần kinh hữu hình hơn, chúng ta sẽ tiến thêm một bước trong cách tiếp cận toàn bộ vấn đề sức khỏe và bệnh tật, và thế giới của các nguyên nhân sẽ gần hơn rất nhiều. Mạng lưới nadis này tạo thành một mô hình sự sống xác định, thay đổi *theo cung phàm ngã.*

5. The nadis, therefore, determine the nature and the quality of the nervous system with its extensive network of nerves and plexi covering the entire physical body. The nadis, and consequently the network of

5. Vì vậy, các nadis quyết định bản chất và phẩm tính của hệ thần kinh với mạng lưới rộng lớn các dây thần kinh và đám rối bao phủ toàn bộ thể xác. Các nadis, và do đó mạng lưới thần kinh, liên hệ chủ yếu với hai

nerves, are related primarily to two aspects of man's physical equipment—the seven major centres in the etheric body (the substantial body which underlies the dense physical body), and the spinal column with the head. It must always be remembered that the etheric body is a physical body, though composed of subtler material than the one we can see and touch. It is made of substance or of that which "substands," or underlies, every part and particle of the dense physical vehicle. This is a point which will later receive attention from healers and from enlightened medical men in the New Age. When this relationship existing between the nadis and the nerves, and their joint relationship to the centres and spinal column is recognised, we shall see a great revolution in medical and psychiatric methods. Experience will tend to show that the more closely the interplay between these two—the nadis and the nerves—can be brought about, the more rapidly will the control of disease also be implemented.

phương diện của trang bị hồng trần của con người—bảy trung tâm chính trong thể dĩ thái (thể chất liệu nằm dưới thể xác hồng trần đậm đặc), và cột sống cùng đầu. Phải luôn nhớ rằng thể dĩ thái là một thể hồng trần, dù được cấu thành bằng vật chất tinh tế hơn thể mà chúng ta có thể thấy và chạm vào. Nó được làm bằng chất liệu hay bằng cái "nâng đỡ," hay nằm dưới, mọi phần và mọi hạt của vận cụ hồng trần đậm đặc. Đây là một điểm mà sau này các nhà trị liệu và các y sĩ được soi sáng trong Kỷ Nguyên Mới sẽ chú ý. Khi mối quan hệ hiện hữu giữa các nadis và các dây thần kinh, cùng mối quan hệ chung của chúng với các trung tâm và cột sống được công nhận, chúng ta sẽ thấy một cuộc cách mạng lớn trong các phương pháp y học và tâm thần học. Kinh nghiệm sẽ có xu hướng cho thấy rằng sự tương tác giữa hai hệ này—các nadis và các dây thần kinh—càng được thiết lập chặt chẽ bao nhiêu, thì việc kiểm soát bệnh tật cũng sẽ được thực hiện nhanh chóng bấy nhiêu.

[197]

[197]

6. The nadis in the physical body correspond to the life or spirit aspect; the nerves are the correspondence to the soul or quality aspect. That which demonstrates as their united externalisation is the endocrine system which corresponds to the form or matter aspect. These three—the nadis, the nervous system and the glands—are the material correspondences to the three divine aspects; they are esoterically responsive to these three aspects and they make the man upon the physical plane what he is. These three groups are themselves conditioned (via the seven centres, as we have earlier seen) by the astral or mental vehicles, or by the integrated personality, or by the soul which begins to use the personality as a

6. Các nadis trong thể hồng trần tương ứng với phương diện sự sống hay tinh thần; các dây thần kinh là tương ứng với phương diện linh hồn hay phẩm tính. Điều biểu lộ như sự ngoại hiện hợp nhất của chúng là hệ nội tiết, tương ứng với phương diện hình tướng hay vật chất. Ba yếu tố này—các nadis, hệ thần kinh và các tuyến—là những tương ứng vật chất với ba phương diện thiêng liêng; chúng đáp ứng một cách huyền bí với ba phương diện này và chúng làm cho con người trên cõi hồng trần trở thành như y là. Bản thân ba nhóm này được tác động (qua bảy trung tâm, như chúng ta đã thấy trước đây) bởi các vận cụ cảm dục hay vận cụ trí, hoặc bởi phàm ngã tích hợp, hoặc bởi linh hồn bắt đầu sử dụng phàm ngã như một tác nhân

transmitting and transmuting agency, and —at the close of the Path of Discipleship—by the monad, via the antahkarana, using that self-created path as a direct channel of communication to the seven centres and from there to the threefold system of nadis, nerves and glands.

truyền dẫn và chuyển hoá, và—vào cuối Con Đường Đệ Tử—bởi chân thần, qua antahkarana, sử dụng con đường do chính mình tạo ra ấy như một kênh giao tiếp trực tiếp đến bảy trung tâm và từ đó đến hệ tam phân gồm nadis, thần kinh và tuyến.

7. These three major systems within the human being express through the medium of the physical body the condition or the state of development of the centres. The life, the quality and the energy which they represent are conveyed to every part of the physical vehicle via the blood stream. This, modern science is already recognising as a fact, indicating that the blood stream conveys certain elements released by the glands. It does not yet recognise the fact of the relationship of the glands to the centres, with the intermediate systems of nadis and nerves. The next great move in medicine will be to recognise the fact of the etheric body, the physical substance which underlies dense matter.

7. Ba hệ thống chính này bên trong con người biểu lộ qua trung gian thể xác tình trạng hay trạng thái phát triển của các trung tâm. Sự sống, phẩm tính và năng lượng mà chúng biểu hiện được truyền đến mọi phần của vận cụ hồng trần qua dòng máu. Khoa học hiện đại đã công nhận điều này như một sự kiện, cho thấy rằng dòng máu chuyên chở một số yếu tố do các tuyến tiết ra. Nó vẫn chưa công nhận sự kiện về mối quan hệ của các tuyến với các trung tâm, cùng các hệ trung gian là nadis và thần kinh. Bước tiến lớn tiếp theo trong y học sẽ là công nhận sự kiện về thể dĩ thái, chất liệu hồng trần nằm dưới vật chất đậm đặc.

8. when the centres are awakened throughout the body, there will then be present a highly electric nervous system, responsive with immediacy to the energy carried by [198] the nadis; the result of this will be a well-balanced endocrine system. The vitality and life pouring through the entire body will then be of such potency that automatically the physical body will be resistant to disease, either innate, hereditary, or of group origin. In these words I express for you a future probability but not an immediate possibility. Man will some day have the three systems perfectly coordinated, psychically responsive to the inner pattern of nadis and centres, and consciously integrated with the soul, and

8. Khi các trung tâm được thức tỉnh khắp cơ thể, khi đó sẽ hiện diện một hệ thần kinh có điện tính cao, đáp ứng tức thời với năng lượng được chuyên chở bởi [198] các nadis; kết quả của điều này sẽ là một hệ nội tiết cân bằng tốt. Sinh lực và sự sống tuôn chảy qua toàn bộ cơ thể khi đó sẽ có quyền năng đến mức tự động làm cho thể xác kháng cự được bệnh tật, dù là bẩm sinh, di truyền hay có nguồn gốc nhóm. Trong những lời này tôi diễn đạt cho bạn một triển vọng tương lai chứ không phải một khả năng tức thời. Một ngày nào đó con người sẽ có ba hệ thống được phối hợp hoàn hảo, đáp ứng thông linh với mô hình bên trong của các nadis và các trung tâm, và được tích hợp hữu thức với linh hồn, rồi sau đó—qua antahkarana—với Nguyên khí Sự Sống.

later—via the antahkarana—with the Life principle.

9. Today as there is uneven development, with some centres unawakened, others overstimulated, and with the centres below the diaphragm overactive, you have consequently, whole areas of the body where the nadis are in an embryonic state, other areas where they are highly energised but with their flow arrested because some centre along the path of their activity is still unawakened or—if awakened—is still non-radiatory. These uneven conditions produce potent effects upon the nervous system and upon the glands, leading to overstimulation in some cases, subnormal conditions in others, lack of vitality, overactivity, and other undesirable reactions which inevitably produce disease. Such diseases either arise from within the body itself as the result of inherent (or should I say indigenous) or hereditary tendencies or predispositions, present in the bodily tissue; or they arise as the result of the radiation or the non-radiation of the centres, which work through the nadis; they can also arise as a result of external impacts or contact (such as infectious or contagious diseases and epidemics). These, the subject is unable to resist, owing to the lack of development of his centres.

9. Ngày nay, vì có sự phát triển không đồng đều, với một số trung tâm chưa thức tỉnh, những trung tâm khác bị kích thích quá mức, và với các trung tâm dưới cơ hoành hoạt động quá mạnh, nên hậu quả là có những vùng toàn bộ của cơ thể nơi các nadis ở trong trạng thái phôi thai, những vùng khác nơi chúng được nạp năng lượng cao nhưng dòng chảy của chúng bị ngưng lại vì một trung tâm nào đó trên đường hoạt động của chúng vẫn chưa thức tỉnh hoặc—nếu đã thức tỉnh—vẫn chưa bức xạ. Những tình trạng không đồng đều này tạo ra các hiệu quả mạnh mẽ lên hệ thần kinh và lên các tuyến, dẫn đến sự kích thích quá mức trong một số trường hợp, tình trạng dưới mức bình thường trong những trường hợp khác, thiếu sinh lực, hoạt động quá độ, và những phản ứng không mong muốn khác tất yếu gây ra bệnh tật. Những bệnh này hoặc phát sinh từ bên trong chính cơ thể như kết quả của các khuynh hướng hay thiên hướng bẩm sinh (hay tôi nên nói là bản địa) hoặc di truyền, hiện diện trong mô cơ thể; hoặc chúng phát sinh như kết quả của sự bức xạ hay không bức xạ của các trung tâm, vốn hoạt động qua các nadis; chúng cũng có thể phát sinh như kết quả của các tác động hay tiếp xúc bên ngoài (như các bệnh truyền nhiễm hay lây lan và các trận dịch). Những điều này, chủ thể không thể kháng cự, do sự thiếu phát triển của các trung tâm của y.

10. To sum all up: Disease, physical disability of any kind except of course those due to accidents and, to some [199] extent, to planetary conditions inducing epidemics of a peculiarly virulent nature such as war oft produces), and the many differing aspects of ill health can be directly traced to the condition of the centres, as they determine

10. Tóm lại tất cả: Bệnh tật, sự tàn tật hồng trần dưới bất kỳ hình thức nào ngoại trừ dĩ nhiên những gì do tai nạn gây ra và, ở một mức độ nào đó, do [199] các điều kiện hành tinh gây nên những trận dịch có tính độc lực đặc biệt như chiến tranh thường tạo ra), và nhiều phương diện khác nhau của tình trạng sức khỏe kém đều có thể được truy nguyên

the activity or the non-activity of the nadis; these, in their turn, affect the nervous system, making the endocrine system what it is in the individual man, and the blood stream is responsible for this condition reaching every part of the body.

trực tiếp đến tình trạng của các trung tâm, vì chúng quyết định hoạt động hay không hoạt động của các nadis; đến lượt mình, các nadis này ảnh hưởng đến hệ thần kinh, làm cho hệ nội tiết trở thành như nó là nơi con người cá biệt, và dòng máu chịu trách nhiệm đưa tình trạng này đến mọi phần của cơ thể.

Effects Produced in Specific Areas

Các Hiệu Quả Được Tạo Ra Trong Những Khu Vực Cụ Thể

Let us now consider certain of the effects of the above facts, and their effect upon the areas governed by the centres and in which disease appears.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một số hiệu quả của các sự kiện trên, và ảnh hưởng của chúng lên những khu vực do các trung tâm chi phối và nơi bệnh tật xuất hiện.

It will be apparent to you that as the energy pours through the centres, via the nadis and the nerves and potently affecting the glandular system and the blood stream, the areas of the body become vitally involved and responsive. This covers, of course, the head, the throat and the torso. The energy thus despatched penetrates to every part of the physical vehicle, to every organism and to every cell and atom. It is the working of the quality of energy upon the body which induces, stimulates, removes or palliates disease. I am not here referring to the three major indigenous diseases (if I may call them that)—cancer, syphilis and tuberculosis. With these I will deal later because they are planetary in scope, present in the substance of which all forms are made, and are responsible for producing a host of lesser diseases which are sometimes recognised as affiliates but are frequently not so known.

Bạn sẽ thấy rõ rằng khi năng lượng tuôn qua các trung tâm, qua các nadis và các dây thần kinh và tác động mạnh mẽ lên hệ tuyến cùng dòng máu, thì các khu vực của cơ thể trở nên bị cuốn vào một cách sinh động và đáp ứng. Điều này dĩ nhiên bao gồm đầu, cổ họng và thân mình. Năng lượng được phóng đi như vậy thâm nhập vào mọi phần của vận cụ hồng trần, vào mọi cơ quan và mọi tế bào cùng nguyên tử. Chính sự tác động của phẩm tính năng lượng lên cơ thể gây ra, kích thích, loại bỏ hay làm dịu bệnh tật. Ở đây tôi không đề cập đến ba bệnh bản địa chính (nếu tôi có thể gọi như vậy)—ung thư, giang mai và lao. Tôi sẽ đề cập đến chúng sau vì chúng có phạm vi hành tinh, hiện diện trong chất liệu mà từ đó mọi hình tướng được tạo nên, và chịu trách nhiệm tạo ra vô số bệnh nhỏ hơn đôi khi được công nhận là có liên hệ nhưng thường thì không được biết như vậy.

Those diseases which are loosely called mental diseases, and which are related to the brain, are little understood as yet. There was very little mental trouble in the last rootrace, the Atlantean; the mind nature

Những bệnh được gọi một cách lỏng lẻo là bệnh tâm thần, và có liên hệ với bộ não, cho đến nay vẫn còn ít được hiểu. Trong giống dân gốc trước, giống Atlantis, có rất ít rối loạn tâm thần; bản chất trí tuệ khi đó tĩnh

was then quiescent and little stimulation was conveyed through mental [200] levels via the head centre to the pineal gland and the brain. There was very little eye trouble either, and no nasal difficulties, for the ajna centre was unawakened and the third eye rapidly becoming inactive. The ajna centre is the organ of the integrated personality, the instrument of direction, and is closely related to the pituitary body and the two eyes, as well as to all the frontal areas of the head. In Atlantean days, personality integration was largely unknown, except in the case of disciples and initiates, and the goal of the initiate then, and the sign of his achievement, was this triple integration. Today, the goal is that of a still higher fusion —that of the soul and personality. Speaking in terms of energy, this involves the formation, activity and related interplay of the following triangles of force:

lặng và rất ít kích thích được truyền qua các [200] cấp độ của cõi trí qua trung tâm đầu đến tuyến tùng và bộ não. Cũng có rất ít bệnh về mắt, và không có khó khăn về mũi, vì trung tâm ajna chưa thức tỉnh và con mắt thứ ba đang nhanh chóng trở nên bất hoạt. Trung tâm ajna là cơ quan của phàm ngã tích hợp, công cụ chỉ đạo, và liên hệ mật thiết với tuyến yên và hai mắt, cũng như với mọi vùng phía trước của đầu. Trong thời Atlantis, sự tích hợp phàm ngã phần lớn chưa được biết đến, ngoại trừ trong trường hợp các đệ tử và các điểm đạo đồ, và mục tiêu của điểm đạo đồ khi ấy, cũng như dấu hiệu thành tựu của y, là sự tích hợp tam phân này. Ngày nay, mục tiêu là một sự dung hợp còn cao hơn nữa—đó là sự dung hợp của linh hồn và phàm ngã. Nói theo thuật ngữ năng lượng, điều này bao hàm sự hình thành, hoạt động và tương tác liên hệ của các tam giác mãnh lực sau đây:

I. 1. The soul, the spiritual man on his own plane.

I. 1. Linh hồn, con người tinh thần trên cõi riêng của mình.

2. The personality, the threefold integrated man in the three worlds.

2. Phàm ngã, con người tam phân tích hợp trong ba cõi giới.

3. The head centre.

3. Trung tâm đầu.

II. 1. The head centre, the point of the second fusion.

II. 1. Trung tâm đầu, điểm của sự dung hợp thứ hai.

2. The ajna centre, the point of the first fusion.

2. Trung tâm ajna, điểm của sự dung hợp thứ nhất.

3. The centre in the medulla oblongata, controlling the spine.

3. Trung tâm ở hành tủy, kiểm soát cột sống.

III. 1. The pineal gland, the externalisation of the head centre.

III. 1. Tuyến tùng, sự ngoại hiện của trung tâm đầu.

2. The pituitary body, related to the ajna centre.

2. Tuyến yên, liên hệ với trung tâm ajna.

3. The carotid gland, the externalisation of the third head centre.

3. Tuyến cảnh, sự ngoại hiện của trung tâm đầu thứ ba.

All these triplicities, present within the circumference of the head, constitute the mechanism through which:

Tất cả các bộ ba này, hiện diện trong chu vi của đầu, cấu thành bộ máy qua đó:

1. The soul controls its instrument, the personality.

1. Linh hồn kiểm soát công cụ của nó là phàm ngã.

2. The personality directs the activities of the physical body.

2. Phàm ngã chỉ đạo các hoạt động của thể xác.

[201]

[201]

The spinal column (esoterically, the ida, pingala and sushumna channels), the two eyes and the total brain tissue are receptive to, stimulated by, or nonreceptive to these energies in the head. In the latter case, the entire area is in a quiescent state, spiritually speaking, and the focus of energy is elsewhere.

Cột sống (một cách huyền bí là các kinh mạch ida, pingala và sushumna), hai mắt và toàn bộ mô não tiếp nhận, được kích thích bởi, hoặc không tiếp nhận các năng lượng này trong đầu. Trong trường hợp sau, toàn bộ khu vực ở trong trạng thái tĩnh tại, xét về mặt tinh thần, và tiêu điểm năng lượng ở nơi khác.

This deficiency or this stimulation, if unbalanced or if misapplied, will produce some definite type of trouble, frequently of a physiological nature as well as psychological, and in our Aryan times we shall see an increasing amount of diseases of the brain (a constantly increasing mental imbalance), and of eye difficulties, until the nature of the centres and the type of incoming force and their regulation are recognised and carefully and scientifically studied. Then we shall see the science of the regulation of energy, as it conditions the human being, developed. In the meantime, there is much difficulty everywhere, and

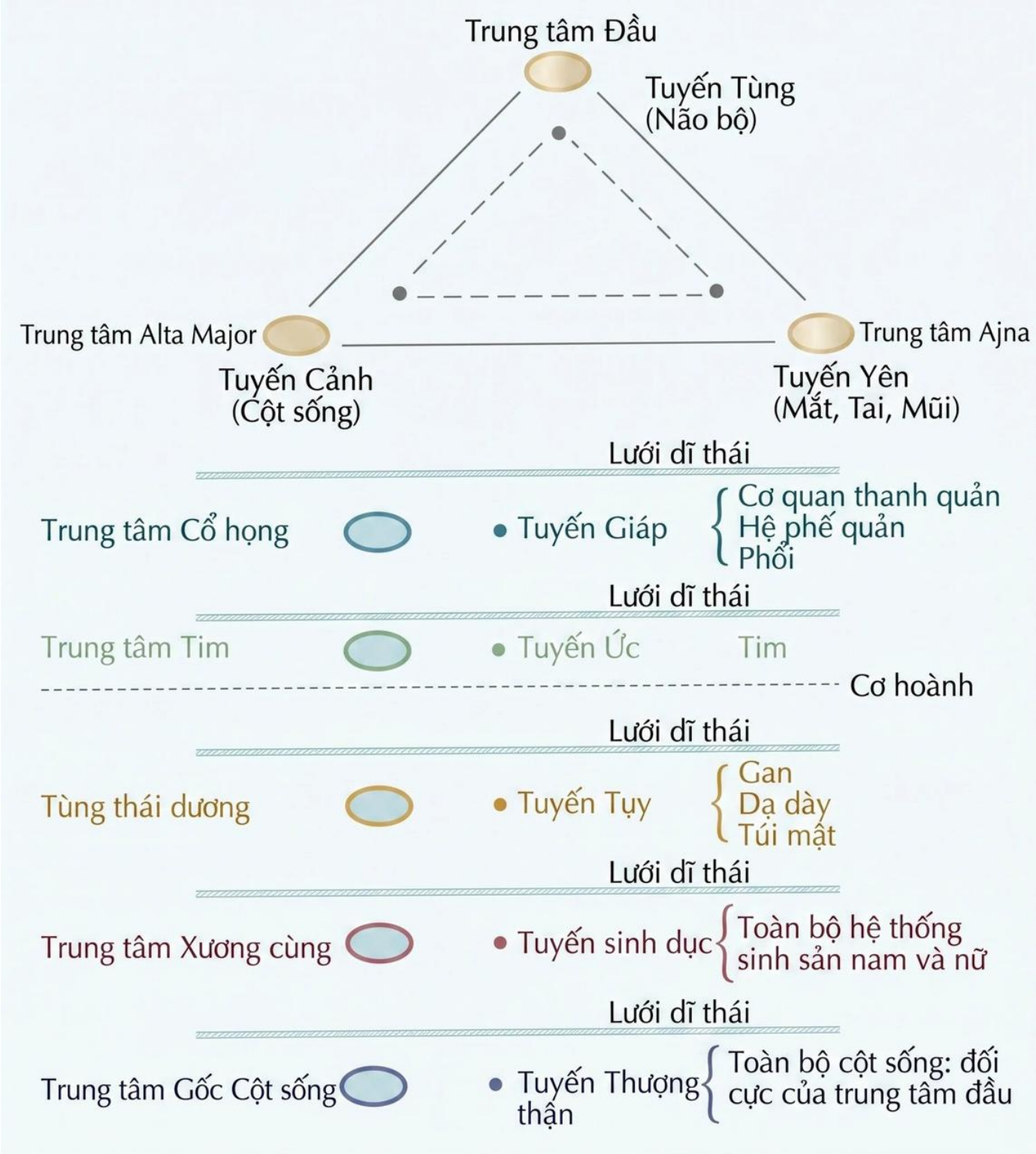
Sự thiếu hụt hay sự kích thích này, nếu mất cân bằng hoặc bị áp dụng sai, sẽ tạo ra một loại rối loạn xác định nào đó, thường mang tính sinh lý cũng như tâm lý, và trong thời Arya của chúng ta, chúng ta sẽ thấy số lượng bệnh về não gia tăng (một sự mất cân bằng trí tuệ ngày càng tăng), cùng các khó khăn về mắt, cho đến khi bản chất của các trung tâm và loại mãnh lực đi vào cùng sự điều hòa của chúng được công nhận và được nghiên cứu cẩn trọng, khoa học. Khi đó chúng ta sẽ thấy khoa học điều hòa năng lượng, khi nó tác động lên con người, được phát triển. Trong lúc này, ở khắp nơi có rất nhiều khó khăn, và các bệnh tâm thần, các tình trạng

mental diseases, neurotic conditions, insanities and, perhaps even more prevalent, glandular imbalance, are on an expanding arc. To date, in the West, little is known as to the methods of control or cure, and in the East, where some knowledge can be found, nothing is done, owing to the apathy there present.

loạn thần kinh, chứng điên loạn và, có lẽ còn phổ biến hơn, sự mất cân bằng tuyến, đang trên một vòng cung mở rộng. Cho đến nay, ở phương Tây, người ta biết rất ít về các phương pháp kiểm soát hay chữa trị, và ở phương Đông, nơi có thể tìm thấy một ít tri thức, thì không làm gì cả, do sự thờ ơ hiện diện ở đó.

The spinal column is primarily intended to be the channel through which the energising of the centres and the distribution of energy to the surrounding areas of the body is carried forward by the intelligent, integrated personality, acting under the conscious direction of the soul. I refer not here to the bony structure of the spinal column, but to the cord, its esoteric counterpart, and to the nerves which issue from the spine. Today this planned, directed esoteric control of energy is not present, except in the case of those with the initiate consciousness and certain advanced disciples. There are inhibitions, blockages, unawakened areas, deficiency of vitality, lack of free flow and consequent lack [202] of development within the whole man; or else there is too much stimulation, a too rapid vibratory activity, a premature awakening of the centres, leading to the overactivity of the atoms and cells governed by any particular centre. All these conditions, along with others not mentioned, affect the nervous system, condition the glands and produce psychological difficulty and disease in some form or another. You have the following simple yet suggestive and symbolic diagram of the spinal column and the head, looking at both from the angle of the centres and the glands:

Cột sống trước hết được dự định là kênh qua đó việc tiếp sinh lực cho các trung tâm và sự phân phối năng lượng đến các khu vực xung quanh của cơ thể được thực hiện bởi phàm ngã tích hợp, thông minh, hành động dưới sự chỉ đạo hữu thức của linh hồn. Ở đây tôi không nói đến cấu trúc xương của cột sống, mà nói đến tủy sống, đối phần huyền bí của nó, và các dây thần kinh phát ra từ cột sống. Ngày nay, sự kiểm soát năng lượng huyền bí có kế hoạch và có định hướng này không hiện diện, ngoại trừ trong trường hợp những người có tâm thức điểm đạo và một số đệ tử tiến bộ. Có những sự ức chế, tắc nghẽn, những vùng chưa thức tỉnh, thiếu sinh lực, thiếu dòng chảy tự do và hậu quả là thiếu [202] phát triển trong toàn bộ con người; hoặc ngược lại có quá nhiều kích thích, hoạt động rung động quá nhanh, sự thức tỉnh non sớm của các trung tâm, dẫn đến hoạt động quá mức của các nguyên tử và tế bào do bất kỳ trung tâm nào chi phối. Tất cả những tình trạng này, cùng với những tình trạng khác không được nêu ra, ảnh hưởng đến hệ thần kinh, tác động lên các tuyến và tạo ra khó khăn tâm lý cùng bệnh tật dưới hình thức này hay hình thức khác. Bạn có sơ đồ đơn giản nhưng gợi ý và tượng trưng sau đây về cột sống và đầu, nhìn cả hai từ góc độ các trung tâm và các tuyến:



[203]

You will note that the spleen is not included in this diagram. Its function is a peculiar one, being the centre of vitality in relation to the planetary vitality and the radiation from the sun. It is not controlled in any way from the spinal column. It must be borne in mind that this diagram is simply an effort to relate

[203]

Bạn sẽ lưu ý rằng lá lách không được đưa vào sơ đồ này. Chức năng của nó là một chức năng đặc biệt, vì nó là trung tâm sinh lực liên hệ với sinh lực hành tinh và bức xạ từ mặt trời. Nó không bị kiểm soát theo bất kỳ cách nào từ cột sống. Cần ghi nhớ rằng sơ đồ này chỉ đơn giản là một nỗ lực nhằm liên hệ

in pictorial form the centres, the glands which they condition, and the organs which are affected by both. It is not intended to be a true picture of any physiological organic relations.

dưới hình thức minh họa các trung tâm, các tuyến mà chúng tác động, và các cơ quan bị ảnh hưởng bởi cả hai. Nó không nhằm là một bức tranh chân thực về bất kỳ mối quan hệ sinh lý hữu cơ nào.

The centre at the base of the spine has a unique function. It is to the substance of the body, to the physical tissue and to all matter not included in the organs mentioned above, the source of life. In the perfected man, the two centres (the highest head centre and the basic centre) represent the great duality of spirit and matter, and they then control and govern, in perfect unison, the entire direction of the vehicle of the soul. Finally, you will have the spiritual aspect of the human being expressing itself perfectly through the related monad and personality (which is brought about by a third great major fusion). The material man is then responsive to these two, via the head centre (the monad) and the basic centre (the spiritually energised personality). These two centres will then be in complete rapport, expressing the full nature of the spiritual man.

Trung tâm ở đáy cột sống có một chức năng độc đáo. Đối với chất liệu của cơ thể, đối với mô hồng trần và đối với mọi vật chất không bao gồm trong các cơ quan đã nêu ở trên, nó là nguồn của sự sống. Trong con người hoàn thiện, hai trung tâm (trung tâm đầu cao nhất và trung tâm căn bản) biểu hiện nhị nguyên tính lớn lao của tinh thần và vật chất, và khi đó chúng kiểm soát và cai quản, trong sự hợp nhất hoàn hảo, toàn bộ sự chỉ đạo của vận cụ của linh hồn. Cuối cùng, bạn sẽ có phương diện tinh thần của con người biểu lộ một cách hoàn hảo qua chân thần và phàm ngã có liên hệ (điều này được thực hiện nhờ một sự dung hợp lớn thứ ba). Khi đó con người vật chất đáp ứng với hai yếu tố này, qua trung tâm đầu (chân thần) và trung tâm căn bản (phàm ngã được tiếp sinh lực một cách tinh thần). Khi đó hai trung tâm này sẽ ở trong sự tương thông hoàn toàn, biểu lộ trọn vẹn bản chất của con người tinh thần.

It is essential that spiritual healers should get clearly in their minds the picture of the areas in the body which are governed by the head centres and the other centres, because within those areas are the various organs which react to disease. The health of these organs is largely dependent upon the centres, as they condition the glands and as the energy is distributed throughout the body. A full and balanced flow of energy from the centre into the area which it controls leads to resistance to so-called disease; [204] where there is lack of development and an unbalanced situation, where the centres are concerned, there will

Điều cốt yếu là các nhà trị liệu tinh thần phải có rõ trong trí bức tranh về các khu vực trong cơ thể do các trung tâm đầu và các trung tâm khác chi phối, vì trong những khu vực ấy có các cơ quan khác nhau phản ứng với bệnh tật. Sức khỏe của các cơ quan này phần lớn tùy thuộc vào các trung tâm, vì chúng tác động lên các tuyến và vì năng lượng được phân phối khắp cơ thể. Một dòng năng lượng đầy đủ và cân bằng từ trung tâm vào khu vực mà nó kiểm soát dẫn đến sự kháng cự đối với cái gọi là bệnh tật; [204] nơi nào có sự thiếu phát triển và một tình trạng mất cân bằng, xét về các trung tâm, thì sẽ không có năng lực kháng cự. Tiến trình trị

be no power to resist. The healing process in the New Age will start with definitely planned work with the centres, and the general trend of the healing art will then be —as you can easily see—preventive in nature rather than curative. The whole emphasis will be upon the energy centres, energy currents and the direction of energy to the organs within the radius of the influence of any particular centre. From a study of the glands (a study so much in its infancy that it hardly merits the word "embryonic") much will be later learned of their relationship to the centres, and much experimental work will be done. From the standpoint of the esotericist who admits the fact of the centres, the glands are, par excellence, the major determining factor in connection with the general health of an individual; they indicate not only his psychological development far more than is today grasped, but they have (as is suspected by the orthodox medical science) a most potent effect upon the whole organic system; their influence, via the blood stream, reaches into every part of the body and to the extremities. The glands are the result of the activity of the centres; they are first, last, and all the time effects of inner predisposing causes, and it is through the centres and their affiliated glands that the soul builds the apparatus upon the physical plane which we call the physical man.

liệu trong Kỷ Nguyên Mới sẽ bắt đầu bằng công việc có kế hoạch rõ rệt với các trung tâm, và xu hướng chung của nghệ thuật trị liệu khi đó sẽ—như bạn có thể dễ dàng thấy —mang tính phòng ngừa hơn là chữa trị. Toàn bộ sự nhấn mạnh sẽ đặt trên các trung tâm năng lượng, các dòng năng lượng và sự hướng dẫn năng lượng đến các cơ quan nằm trong bán kính ảnh hưởng của bất kỳ trung tâm nào. Từ việc nghiên cứu các tuyến (một nghiên cứu còn ở giai đoạn sơ khai đến mức hầu như không xứng với từ "phôi thai") về sau người ta sẽ học được nhiều điều về mối quan hệ của chúng với các trung tâm, và nhiều công trình thực nghiệm sẽ được tiến hành. Từ quan điểm của nhà bí truyền học, người thừa nhận sự kiện về các trung tâm, thì các tuyến chính là yếu tố quyết định chủ yếu liên hệ với sức khỏe tổng quát của một cá nhân; chúng không chỉ cho thấy sự phát triển tâm lý của y nhiều hơn mức ngày nay được hiểu, mà còn có (như khoa học y học chính thống nghi ngờ) một tác động hết sức mạnh mẽ lên toàn bộ hệ hữu cơ; ảnh hưởng của chúng, qua dòng máu, lan đến mọi phần của cơ thể và đến các đầu chi. Các tuyến là kết quả của hoạt động của các trung tâm; trước hết, sau hết, và luôn luôn chúng là *các kết quả của những nguyên nhân nội tại tạo thiên hướng*, và chính qua các trung tâm cùng các tuyến liên hệ của chúng mà linh hồn xây dựng bộ máy trên cõi hồng trần mà chúng ta gọi là con người hồng trần.

Therefore, the group of related factors with which we have been dealing must be carefully studied and grasped by any practicing healer, for he will eventually have to work through his own centres in relation to the patient whose ills he is endeavouring to heal. He must remember, consequently, three factors: The centres, their related glands, and the group of organs for which these two are responsible. You have in the seven areas of the body, governed by the

Vì vậy, nhóm các yếu tố liên hệ mà chúng ta đã đề cập phải được bất kỳ nhà trị liệu hành nghề nào nghiên cứu cẩn thận và nắm vững, vì cuối cùng y sẽ phải làm việc qua chính các trung tâm của mình trong mối liên hệ với bệnh nhân mà y đang cố gắng chữa lành các bệnh tật. Do đó, y phải nhớ ba yếu tố: các trung tâm, các tuyến liên hệ của chúng, và nhóm cơ quan mà hai yếu tố này chịu trách nhiệm. Bạn có trong bảy khu vực của cơ thể, do [205] bảy trung tâm chính và các tuyến

[205] seven major centres and their affiliated glands, the appearance again of the basic trinity of manifestation:

liên hệ của chúng chi phối, sự xuất hiện một lần nữa của bộ ba căn bản của biểu hiện:

1. Life or spirit.....the energy centre.

1. Sự sống hay tinh thần.....trung tâm năng lượng.

2. Soul or quality.....the gland.

2. Linh hồn hay phẩm tính.....tuyến.

3. Form or matter.....the organs in any particular area governed by any one centre.

3. Hình tướng hay vật chất.....các cơ quan trong bất kỳ khu vực đặc thù nào được cai quản bởi bất kỳ trung tâm nào.

This brings us to another law which the healer must ever have in mind.

Điều này đưa chúng ta đến một định luật khác mà nhà chữa lành phải luôn ghi nhớ.

LAW VII

ĐỊNH LUẬT VII

When life or energy flows unimpeded and through right direction to its precipitation (the related gland), then the form responds and ill health disappears.

Khi sự sống hay năng lượng tuôn chảy không bị cản trở, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, đến nơi nó ngưng tụ (tuyến liên quan), hình tướng sẽ đáp ứng và tình trạng sức khỏe kém sẽ biến mất.

This is a basic law in healing and concerns the true art of relating spiritual energy with form life, and upon this the health and the vitality of the organs depend. Therefore we come to the next rule which the healer has to master. This is concisely expressed, and those phrases which convey instruction must be understood and applied intelligently.

Đây là một định luật căn bản trong việc chữa lành và liên quan đến nghệ thuật chân chính của việc liên kết năng lượng tinh thần với sự sống hình tướng, và sức khỏe cùng sinh lực của các cơ quan tùy thuộc vào đó. Vì vậy, chúng ta đến với quy luật kế tiếp mà nhà chữa lành phải làm chủ. Quy luật này được diễn đạt ngắn gọn, và những cụm từ chuyển tải chỉ dẫn ấy phải được thấu hiểu và áp dụng một cách thông minh.

RULE FIVE

QUY LUẬT NĂM

Let the healer concentrate the needed energy within the needed centre.

Hãy để nhà trị liệu tập trung năng lượng cần thiết vào luân xa thích hợp.

Let that centre correspond to the centre which has need.

Hãy để luân xa ấy tương ứng với luân xa đang cần năng lượng.

Let the two synchronise and together augment force.

Hãy để hai luân xa đồng bộ và cùng nhau tăng cường mãnh lực.

Thus shall the waiting form be balanced in its work.

Nhờ đó, hình tướng đang chờ đợi sẽ được quân bình trong hoạt động của nó.

Thus shall the two and the one, under right direction, heal.

Nhờ đó, hai và một, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, sẽ chữa lành.

It will be obvious to you, therefore, that healers at the present time (I refer not here to the medical profession but to the multitude of the many schools of thought) have not yet got back to the basic factor, in spite of all their talk anent love being the healing force. They are in reality [206] emphasising and dealing with the motive which impels the healer to ply his healing art. They are concerned with the instrumentality whereby contact can be made with the patient to be healed. That contact must ever be established in LOVE—fresh, compelling and selfless. But once that relation is established, the healer must grasp the fact that, as far as he is concerned, he must work scientifically; he must apply knowledge and—after right diagnosis, after right modern therapeutic methods, after due common sense, which includes the best that the tried science of medicine can give—he must then begin to work through his own centre, putting it en rapport with the centre in the patient which governs the distressed area or diseased organ.

Do đó, hiển nhiên đối với bạn rằng các nhà chữa lành vào lúc này (ở đây tôi không nói đến giới y khoa mà nói đến vô số trường phái tư tưởng) vẫn chưa quay trở lại với yếu tố căn bản, bất chấp mọi lời họ nói về tình thương như là mãnh lực chữa lành. Thực ra họ đang [206] nhấn mạnh và đề cập đến động cơ thúc đẩy nhà chữa lành thực hành nghệ thuật chữa lành của y. Họ quan tâm đến phương tiện nhờ đó có thể thiết lập tiếp xúc với bệnh nhân cần được chữa lành. Sự tiếp xúc ấy phải luôn luôn được thiết lập trong TÌNH THƯƠNG—mới mẻ, thôi thúc mãnh liệt và vị tha. Nhưng một khi mối liên hệ ấy đã được thiết lập, nhà chữa lành phải nắm được sự kiện rằng, xét về phần mình, y phải làm việc một cách khoa học; y phải áp dụng tri thức và—sau khi chẩn đoán đúng, sau khi áp dụng các phương pháp trị liệu hiện đại đúng đắn, sau khi vận dụng lương tri thích đáng, bao gồm điều tốt nhất mà khoa học y học đã được kiểm chứng có thể cung cấp—thì y phải bắt đầu làm việc qua chính trung tâm của mình, đặt nó vào mối tương quan với trung tâm nơi bệnh nhân đang cai quản khu vực đau yếu hay cơ quan bệnh hoạn.

As he thus works, the energy which loving intent and skilled knowledge has tapped and brought in is not permitted (during the healing process) to stimulate or affect the healer's own related glands or produce action in the connected area of his own

Khi làm việc như thế, năng lượng mà ý định đầy thương yêu và tri thức thiện xảo đã khai mở và đưa vào sẽ không được phép (trong tiến trình chữa lành) kích thích hay tác động đến các tuyến liên hệ của chính nhà chữa lành hoặc tạo ra hoạt động trong khu vực

body. The healer must learn to insulate himself from the energy to be used on behalf of the patient. He blends it with the energy of the patient's centre, governing the diseased area; the allied gland is then doubly energised (or lessened, as the case may be and diagnosis requires), and the blood stream releases into the diseased tissue that which is needed to cure or prevent the growth of the disease.

tương ứng của thân thể y. Nhà chữa lành phải học cách cách ly mình khỏi năng lượng được dùng vì lợi ích của bệnh nhân. Y hòa trộn nó với năng lượng của trung tâm nơi bệnh nhân đang cai quản khu vực bệnh hoạn; khi ấy tuyến liên hệ được tiếp sinh lực gấp đôi (hoặc được giảm bớt, tùy trường hợp và theo yêu cầu của chẩn đoán), và dòng máu giải phóng vào mô bệnh điều cần thiết để chữa lành hoặc ngăn chặn sự phát triển của bệnh.

In this instruction I have given you much food for thought. I have emphasised an aspect of scientific esoteric healing which has not before been brought to the attention of students. I would have you grasp the general picture and get the outlines of process clear; I would have you study the relation between the healer and the patient as he passes out of the stage of just loving and sending out love or of seeing the patient in the light of love, and goes on to the scientific work of augmenting the patient's own spiritual [207] energy. He thus enables him to effect his own cure, consciously or unconsciously.

Trong huấn thị này tôi đã cho bạn nhiều điều đáng suy ngẫm. Tôi đã nhấn mạnh một phương diện của việc chữa lành huyền bí học khoa học mà trước đây chưa được đưa ra cho các đạo sinh chú ý. Tôi muốn bạn nắm được bức tranh tổng quát và làm cho các nét chính của tiến trình trở nên rõ ràng; tôi muốn bạn nghiên cứu mối liên hệ giữa nhà chữa lành và bệnh nhân khi y vượt ra khỏi giai đoạn chỉ yêu thương và gửi tình thương ra ngoài hoặc nhìn bệnh nhân trong ánh sáng của tình thương, để tiến tới công việc khoa học là gia tăng năng lượng tinh thần [207] của chính bệnh nhân. Như thế y giúp người ấy tự thực hiện sự chữa lành của mình, một cách hữu thức hay vô thức.

You have, therefore, the healer, the patient and the reservoir of spiritual energy, plus the scientific process of bringing all three into a close and healing rapport. This is done via the centre concerned in the equipment of the patient, the corresponding centre in the equipment of the healer, and the direction (by an act of the will of the healer or of the healing group) of the united streams of required specific energy to the area diseased. This is usually done via the related gland, though it is not always so.

Vì vậy, bạn có nhà chữa lành, bệnh nhân và kho dự trữ năng lượng tinh thần, cộng thêm tiến trình khoa học đưa cả ba vào một mối tương quan chặt chẽ và chữa lành. Điều này được thực hiện qua trung tâm liên hệ trong bộ máy của bệnh nhân, trung tâm tương ứng trong bộ máy của nhà chữa lành, và sự định hướng (bằng một hành vi của ý chí nơi nhà chữa lành hay của nhóm chữa lành) các dòng năng lượng đặc thù cần thiết đã hợp nhất đến khu vực bệnh hoạn. Điều này thường được thực hiện qua tuyến liên hệ, dù không phải lúc nào cũng vậy.

Ponder on these things and see, if you can, the simplicity of the process which is based on loving intent, which isolates the specific area in which the trouble exists, which identifies itself with the spiritual centre of energy in the patient, and which then applies and directs the fused and blended energies.

Hãy suy ngẫm về những điều này và, nếu có thể, hãy thấy sự đơn giản của tiến trình vốn dựa trên ý định đầy thương yêu, vốn cô lập khu vực đặc thù nơi rắc rối hiện hữu, vốn đồng hoá với trung tâm năng lượng tinh thần nơi bệnh nhân, và rồi áp dụng cũng như định hướng các năng lượng đã được dung hợp và hòa trộn.

Effects of Under-Stimulation and Over-Stimulation of the Centres

Những Hậu Quả của Sự Kích Thích Thiếu và Kích Thích Quá Mức đối với các Trung tâm

We have been for some time studying the centres and their relation to the dense physical body. We have also noted the areas which are conditioned by these centres and the mediating work of the ductless glands. We have seen that two major predisposing causes of physical trouble, arising within the physical organism, are the understimulation or the overstimulation of the centres. There are also, as you will recall, three diseases which are inherent in substance itself, and which therefore create basic predispositions within the human body: cancer, syphilis and tuberculosis. With these three we are not at this time dealing. But the condition of the centres produces, basically, all the difficulties, permitting entrance to infections and germs which might not otherwise cause trouble, producing those situations [208] where the diseases inherent in the form nature can be fostered, and making undesirable tendencies powerful. We might consequently lay down the premise (one which the medical profession will later accept in its entirety) that diseases which are self-engendered (if I may use so curious and inadequate a phrase), and which are not the result of contagion or infection or of accidents, are caused by the failure, the limitation, the deficiency or the excess, and by the overdevelopment or the underdevelopment, of the endocrine system.

Từ một thời gian nay chúng ta đã nghiên cứu các trung tâm và mối liên hệ của chúng với thể xác đậm đặc. Chúng ta cũng đã lưu ý các khu vực được các trung tâm này tác động và công việc trung gian của các tuyến nội tiết. Chúng ta đã thấy rằng hai nguyên nhân chính gây khuynh hướng dẫn đến rắc rối thể xác, phát sinh bên trong cơ thể hồng trần, là sự kích thích thiếu hoặc sự kích thích quá mức của các trung tâm. Ngoài ra, như bạn sẽ nhớ, còn có ba bệnh vốn cố hữu trong chính chất liệu, và vì thế tạo ra những khuynh hướng căn bản bên trong thân thể con người: ung thư, giang mai và lao. Với ba bệnh này hiện nay chúng ta không bàn đến. Nhưng tình trạng của các trung tâm, về căn bản, tạo ra mọi khó khăn, cho phép các nhiễm trùng và vi trùng xâm nhập mà nếu không thì có thể không gây rắc rối, tạo ra những tình huống [208] trong đó các bệnh cố hữu trong bản chất hình tướng có thể được nuôi dưỡng, và làm cho các khuynh hướng không mong muốn trở nên mạnh mẽ. Do đó, chúng ta có thể nêu ra tiền đề (một điều mà giới y khoa về sau sẽ chấp nhận trọn vẹn) rằng những bệnh do tự thân phát sinh (nếu tôi có thể dùng một cụm từ kỳ lạ và không đầy đủ như thế), và không phải là kết quả của sự lây nhiễm, nhiễm trùng hay tai nạn, đều do sự thất bại, giới hạn, thiếu hụt hay dư thừa, và do sự phát triển quá mức hay kém phát triển của hệ nội tiết. Hệ tuyến

This ductless glandular system, via the hormones, affects every part of the physical organism—via the blood stream—and it may therefore be truly posited that when the ductless glands are perfectly balanced and functioning correctly, there will be no diseased areas in the body. The blood stream will then be kept also in perfect condition. The clue to perfect physical health as it is expressed by a Master of the Wisdom can consequently be directly traced to His full control of the centres, to their balanced state of energy reception and distribution, and to the effect which they produce upon the entire ductless glandular system. By this means every area of the body is properly supplied with the needed forces and is thus kept in perfect condition.

không ống này, qua các hormone, tác động đến mọi phần của cơ thể hồng trần—qua dòng máu—và vì vậy có thể thực sự khẳng định rằng khi các tuyến không ống được quân bình hoàn hảo và hoạt động đúng đắn, sẽ không có khu vực bệnh hoạn nào trong thân thể. Khi ấy dòng máu cũng sẽ được giữ trong tình trạng hoàn hảo. Do đó, chìa khóa của sức khỏe thể xác hoàn hảo như được biểu lộ nơi một Chân sư Minh triết có thể được truy nguyên trực tiếp đến sự kiểm soát trọn vẹn của Ngài đối với các trung tâm, đến trạng thái quân bình của chúng trong việc tiếp nhận và phân phối năng lượng, và đến hiệu quả mà chúng tạo ra trên toàn bộ hệ tuyến không ống. Nhờ phương tiện này, mọi khu vực của thân thể đều được cung cấp đúng đắn các mãnh lực cần thiết và nhờ đó được giữ trong tình trạng hoàn hảo.

Coming midway between the centres and the corresponding endocrine glands, and acting as the agent for the distribution of energy, is the nervous system. Here, however, difficulty is usually to be found. There is a lack of adequate flow of energy; the energy distributed by its means to the body, via the centres, is unevenly distributed; some centres receive an undue supply; others receive an inadequate amount; some centres are still unawakened, and therefore are nonreceptive; others are prematurely developed and transmit too much force to the areas they govern. In esoteric medicine and its philosophical interpretation (which is in the last analysis the effective and practical application [209] of the known facts) it is the cerebro-spinal aspect which conditions and governs the entire nervous system, for it is by means of this aspect and through its agency that the centres work and affect the bodily organism, supplying the body with the needed vital energy; thus the nervous system becomes eventually responsive, via the seven centres,

Nằm ở khoảng giữa các trung tâm và các tuyến nội tiết tương ứng, và hoạt động như tác nhân phân phối năng lượng, là hệ thần kinh. Tuy nhiên, chính ở đây thường có khó khăn. Có sự thiếu hụt dòng năng lượng thích đáng; năng lượng được phân phối qua phương tiện của nó đến thân thể, qua các trung tâm, được phân phối không đồng đều; một số trung tâm nhận được nguồn cung quá mức; những trung tâm khác nhận được lượng không đầy đủ; một số trung tâm vẫn chưa thức tỉnh, và vì vậy không tiếp nhận; những trung tâm khác phát triển quá sớm và truyền quá nhiều mãnh lực đến các khu vực chúng cai quản. Trong y học nội môn và cách diễn giải triết học của nó (xét cho cùng là sự áp dụng hữu hiệu và thực tiễn [209] các sự kiện đã biết), chính phương diện não-tủy điều kiện hóa và cai quản toàn bộ hệ thần kinh, vì chính nhờ phương diện này và qua tác động của nó mà các trung tâm hoạt động và ảnh hưởng đến cơ thể, cung cấp cho thân thể năng lượng sinh lực cần thiết; như thế hệ thần kinh cuối cùng trở nên đáp ứng, qua

to the seven major energies or the seven ray forces.

bảy trung tâm, với bảy năng lượng chính hay bảy mãnh lực cung.

In no human being, except a Master, are all the centres properly awakened and functioning in a balanced manner, nor are they properly related through intensive radiation; in no human being is the nervous system correctly responsive to the centres. There are two reasons for this, and both are related to the cerebro-spinal system:

Không có con người nào, ngoại trừ một Chân sư, mà tất cả các trung tâm đều được thức tỉnh đúng đắn và hoạt động một cách quân bình, cũng không được liên hệ đúng đắn qua sự bức xạ mãnh liệt; không có con người nào mà hệ thần kinh đáp ứng đúng đắn với các trung tâm. Có hai lý do cho điều này, và cả hai đều liên hệ đến hệ não-tủy:

1. The head centre is not yet awakened, or is only slowly being developed, as the disciple submits himself to training.

1. Trung tâm đầu chưa được thức tỉnh, hoặc chỉ đang được phát triển chậm chạp, khi đệ tử tự đặt mình dưới sự huấn luyện.

2. The flow of energy through the head to the centres up the spine is uneven, owing to the fact that the inflow is uneven, and that the etheric web—between the centres—permits as yet only a very little energy to flow through to all the centres.

2. Dòng năng lượng chảy qua đầu đến các trung tâm dọc cột sống không đồng đều, do sự kiện rằng dòng nhập vào không đồng đều, và rằng mạng dĩ thái—giữa các trung tâm—cho đến nay chỉ cho phép rất ít năng lượng chảy xuyên qua đến tất cả các trung tâm.

It must be remembered that the life of the centres is founded, in the initial stage, upon the inherent life of the organism itself, with the focus of the emanating life to be found in the centre at the base of the spine. This is a point oft forgotten by esotericists. This basic centre is the one through which the life of matter itself works; this is the life or energy of the Holy Spirit aspect, the third aspect. Through its life each atom in the body is fed. This process of animating the substance of the physical form is started in the prenatal stage; after birth, this type of force is aided and paralleled by the inflow of planetary prana or vital energy from the planetary life itself, via the spleen. [210] This is the essential relating organ between the inherent life of matter itself, as present in the microcosm, and the inherent life in the planet.

Phải nhớ rằng sự sống của các trung tâm, trong giai đoạn đầu, được đặt nền trên chính sự sống cố hữu của cơ thể, với tiêu điểm của sự sống phát xạ được tìm thấy trong trung tâm ở đáy cột sống. Đây là một điểm mà các nhà bí truyền học thường quên. Trung tâm căn bản này là trung tâm qua đó chính sự sống của vật chất hoạt động; đây là sự sống hay năng lượng của phương diện Chúa Thánh Thần, phương diện thứ ba. Qua sự sống của nó, mỗi nguyên tử trong thân thể được nuôi dưỡng. Tiến trình làm sinh động chất liệu của hình tướng hồng trần này bắt đầu trong giai đoạn tiền sản; sau khi sinh, loại mãnh lực này được hỗ trợ và song hành bởi dòng prana hành tinh hay năng lượng sinh lực từ chính sự sống hành tinh, qua lá lách. [210] Đây là cơ quan liên kết thiết yếu giữa sự sống cố hữu của chính vật chất, như hiện diện trong tiểu thiên địa, và sự sống cố hữu trong hành tinh.

As evolution proceeds, there is gradually added to this inherent force an inflow of "qualified" energy which is expressive of the consciousness aspect of divinity, and indicates to the esotericist the state of awareness of the man and also the ray type of his soul. This inflow comes from the second divine aspect, from the soul or the indwelling Christ. It might therefore be stated anent the two head centres that:

Khi tiến hoá tiếp diễn, dần dần có thêm vào mãnh lực cố hữu này một dòng năng lượng "được phẩm định", biểu lộ phương diện tâm thức của thiên tính, và chỉ cho nhà bí truyền học biết trạng thái nhận biết của con người cũng như loại cung của linh hồn y. Dòng nhập này đến từ phương diện thiêng liêng thứ hai, từ linh hồn hay Đức Christ nội tại. Vì vậy, có thể phát biểu liên quan đến hai trung tâm đầu rằng:

1. The ajna centre, or the personality centre, focussed between the eyebrows and conditioning the pituitary body, is related to the entire life of the integrated threefold organism. Through this organism the consciousness must perforce express itself, and the physical, emotional and mental vehicles demonstrate its point in evolution.

1. Trung tâm ajna, hay trung tâm phàm ngã, tập trung giữa hai chân mày và điều kiện hóa tuyến yên, liên hệ với toàn bộ sự sống của cơ thể tam phân tích hợp. Qua cơ thể này, tâm thức tất yếu phải biểu lộ, và các vận cụ hồng trần, cảm dục và trí chứng tỏ điểm tiến hoá của nó.

2. The head centre (called in the Hindu philosophy, the thousand-petalled lotus)

2. Trung tâm đầu (được gọi trong triết học Ấn giáo là hoa sen ngàn cánh) điều kiện hóa

conditions the pineal gland and is related to the life of the soul and—after the third initiation—to the life of the monad; it conveys to the centres the energy of the three major types of spiritual being of which the three forces of the personality are the reflections or physical counterparts.

tuyến tùng và liên hệ với sự sống của linh hồn và—sau lần điểm đạo thứ ba—với sự sống của chân thần; nó chuyển năng lượng của ba loại hiện hữu tinh thần chính đến các trung tâm mà ba mãnh lực của phàm ngã là những phản chiếu hay đối phần hồng trần.

Later, energy from the spirit aspect, the first or Father aspect, will become available and will pour down through the head centre to the ajna centre, combining personality energy and soul energy. Then, by an act of the will, it is projected down the spinal column, via the alta major centre, which conditions the carotid gland. As it passes down the spinal column it vitalises two aspects of the centres; when [211] it reaches the basic centre, it combines with the latent energy of substance itself, and you have, therefore, the union of all three divine energies and the manifestation in man of the three divine aspects. These combined energies then rush up the central channel in the spinal column, and the third or highest receptive aspect of the centres is energised. All the centres are thus brought into full expression; all limitations are destroyed; every part of the body is vitalised and material perfection is produced, plus the full play of the enlightened consciousness and also of the life aspect.

Về sau, năng lượng từ phương diện tinh thần, phương diện thứ nhất hay phương diện Cha, sẽ trở nên khả dụng và sẽ tuôn xuống qua trung tâm đầu đến trung tâm ajna, kết hợp năng lượng phàm ngã và năng lượng linh hồn. Rồi, bằng một hành vi của ý chí, nó được phóng chiếu xuống cột sống, qua trung tâm alta major, trung tâm này điều kiện hóa tuyến cảnh. Khi đi xuống cột sống, nó tiếp sinh lực cho hai phương diện của các trung tâm; khi [211] đến trung tâm căn bản, nó kết hợp với năng lượng tiềm ẩn của chính chất liệu, và vì vậy bạn có sự hợp nhất của cả ba năng lượng thiêng liêng và sự biểu hiện nơi con người của ba phương diện thiêng liêng. Những năng lượng kết hợp này sau đó lao lên kênh trung ương trong cột sống, và phương diện tiếp nhận thứ ba hay cao nhất của các trung tâm được tiếp sinh lực. Như thế mọi trung tâm đều được đưa vào biểu hiện trọn vẹn; mọi giới hạn đều bị phá hủy; mọi phần của thân thể đều được tiếp sinh lực và sự hoàn hảo vật chất được tạo ra, cộng thêm sự vận hành trọn vẹn của tâm thức được soi sáng và cả phương diện sự sống.

The nervous system then comes under the complete control of the spiritual man, and the blood stream is purified and becomes an unimpeded and satisfactory channel for the circulation of that which the energised glands discharge. This is the esoteric significance of the Biblical words, “The blood is the life,” and also of the words “saved by the blood of Christ.” It is not by the blood of

Khi ấy hệ thần kinh nằm dưới sự kiểm soát hoàn toàn của con người tinh thần, và dòng máu được thanh lọc và trở thành một kênh không bị ngăn trở và thỏa đáng cho sự lưu thông của điều mà các tuyến đã được tiếp sinh lực tiết ra. Đây là thâm nghĩa huyền bí của những lời trong Kinh Thánh, “Máu là sự sống,” và cũng của những lời “được cứu bởi máu của Đức Christ.” Con người không được

a Christ dying two thousand years ago upon the cross in Palestine that man is saved, but by the livingness of the blood of those in whom the Christ life and consciousness, and the quality of the Christ, is perfectly demonstrating and expressed. Then, when the nature of the indwelling Christ is fully, spontaneously and automatically expressing itself in and through the personality, the three fires of the creative process—the fire of matter, the fire of the soul, and the electric fire of spirit—are blended, and there is then a perfect manifestation on Earth of physical living, of the emotional and mental life, and also of the spiritual life of an incarnated Son of God, a Christ.

cứu bởi máu của một Đức Christ đã chết cách đây hai ngàn năm trên thập giá ở Palestine, mà bởi sức sống của máu nơi những ai trong đó sự sống và tâm thức của Đức Christ, cùng phẩm tính của Đức Christ, đang được biểu lộ và thể hiện một cách hoàn hảo. Khi ấy, khi bản chất của Đức Christ nội tại đang biểu lộ chính nó một cách trọn vẹn, tự phát và tự động trong và qua phàm ngã, thì ba ngọn lửa của tiến trình sáng tạo—lửa của vật chất, lửa của linh hồn, và lửa điện của tinh thần—được hòa trộn, và khi đó có một biểu hiện hoàn hảo trên Trái Đất của sự sống hồng trần, của đời sống cảm xúc và trí tuệ, và cả của đời sống tinh thần của một Con của Thượng đế đang lâm phàm, một Đức Christ.

It is on this point of understanding that so many worthy people go astray, particularly in the mental science movements, in the Unity movement, and in Christian Science. Instead of focussing their effort on achieving the pure life [212] of Christ in every day life, and acting as consecrated servers of their fellowmen and as channels for love, and becoming aware only of the consciousness of the whole, they are focussed on affirming a future perfection—mentally and vocally—in order to have good health and physical comfort. They regard it as their right and due, to be gained by affirmation, and forget the hard work necessary to bring about within themselves those conditions which will make the divine manifested Christ present. They need to bear in mind that good health will be normal and declarative if the inner consciousness is harmless (and the majority of these people are guilty of a superior spirit of criticism), if they are decentralised from the lower self in the three worlds, and if they are "focussed in heaven, thereby enabling the heavenly Son of Man Who is the Son of God to lead the heavenly life when far from the heavenly

Chính ở điểm thấu hiểu này mà rất nhiều người đáng kính đi lạc hướng, đặc biệt trong các phong trào Mental Science, trong phong trào Unity, và trong Christian Science. Thay vì tập trung nỗ lực của họ vào việc đạt được sự sống thuần khiết [212] của Đức Christ trong đời sống hằng ngày, và hành động như những người phụng sự đã được thánh hiến cho đồng loại của mình và như những kênh dẫn của tình thương, và chỉ trở nên nhận biết tâm thức của toàn thể, họ lại tập trung vào việc khẳng định một sự hoàn hảo tương lai—bằng trí tuệ và bằng lời nói—để có được sức khỏe tốt và sự thoải mái thể xác. Họ xem đó là quyền lợi và phần đáng được hưởng của mình, có thể đạt được bằng sự khẳng định, và quên mất công việc khó nhọc cần thiết để tạo ra bên trong chính họ những điều kiện sẽ làm cho Đức Christ thiêng liêng biểu hiện hiện diện. Họ cần ghi nhớ rằng sức khỏe tốt sẽ là điều bình thường và tự chứng tỏ nếu tâm thức bên trong là vô tổn hại (và đa số những người này phạm lỗi với tinh thần chỉ trích tự cho mình cao hơn), nếu họ không còn lấy phàm ngã làm trung tâm trong ba cõi giới, và nếu họ "được tập trung ở thiên giới, nhờ đó làm cho Con Người thiên

realm"—as an old Christian mystic, long forgotten, used to say. His words have been remembered by the Master M—and thus recalled to my attention.

thượng là Con của Thượng đế có thể sống đời sống thiên thượng khi ở xa cõi thiên thượng"—như một nhà thần bí Cơ Đốc xưa, đã bị lãng quên từ lâu, thường nói. Những lời của ông đã được Chân sư M. ghi nhớ—và nhờ đó được gợi lại cho tôi chú ý.

Another school of thought, branding themselves untruthfully as occultists, are equally in error. They work, or rather profess to work, with the centres, only fortunately for them nature protects them often from themselves. They endeavour consciously to vitalise the centres, to burn away the protective web, and to raise the fires of matter before the fire of spirit has combined with the fire of the soul. They then fall victims to premature stimulation of the fires of substance before the balancing of the forces can take place. Disease, insanities, and many neurotic conditions, plus serious pathological conditions, then occur. Some of the glands become overactive; others are overlooked, and the entire glandular system and the dependent nervous system are in a state of complete imbalance.

Một trường phái tư tưởng khác, tự gán cho mình danh xưng nhà huyền bí học một cách không chân thật, cũng sai lầm không kém. Họ làm việc, hay đúng hơn là tự xưng làm việc, với các trung tâm, chỉ có điều may mắn cho họ là thiên nhiên thường bảo vệ họ khỏi chính họ. Họ cố ý tiếp sinh lực cho các trung tâm, đốt cháy mạng bảo vệ, và nâng các ngọn lửa của vật chất lên trước khi lửa của tinh thần kết hợp với lửa của linh hồn. Khi ấy họ trở thành nạn nhân của sự kích thích quá sớm các ngọn lửa của chất liệu trước khi sự quân bình các mãnh lực có thể diễn ra. Bệnh tật, điên loạn, và nhiều trạng thái loạn thần kinh, cộng với các tình trạng bệnh lý nghiêm trọng, khi ấy xuất hiện. Một số tuyến trở nên hoạt động quá mức; những tuyến khác bị bỏ quên, và toàn bộ hệ tuyến cùng hệ thần kinh phụ thuộc vào nó ở trong trạng thái hoàn toàn mất quân bình.

[213]

[213]

Disciples need to learn to focus their attention upon the reality and upon the factors of primary spiritual importance. When they do this, the energies in the head, the correct use of the spinal area with its "beaded centres," and the awakening of the basic centre and its consequent fusion with the higher energies will be an automatic and perfectly safe happening.

Các đệ tử cần học cách tập trung sự chú ý của mình vào thực tại và vào những yếu tố có tầm quan trọng tinh thần hàng đầu. Khi họ làm điều này, các năng lượng trong đầu, việc sử dụng đúng đắn vùng cột sống với các "trung tâm như chuỗi hạt" của nó, và sự thức tỉnh của trung tâm căn bản cùng sự dung hợp tiếp theo của nó với các năng lượng cao hơn sẽ là một diễn biến tự động và hoàn toàn an toàn.

The orderly rhythm of the glandular system and the free, safe use of the controlled nervous system will then be possible; the

Khi ấy nhịp điệu có trật tự của hệ tuyến và việc sử dụng tự do, an toàn hệ thần kinh đã được kiểm soát sẽ trở nên khả hữu; các năng

energies, projected from the centre, via the nadis, will be safely related and brought into a synthetic functioning within the body, and the disciple will experience not only a fully awakened consciousness, and a brain which is ever intelligently receptive, but a constant inflow of spiritual life. There will then be that perfect balance and perfect health which characterise a Master of the Wisdom.

lượng, được phóng chiếu từ trung tâm, qua các nadis, sẽ được liên hệ an toàn và được đưa vào một hoạt động tổng hợp bên trong thân thể, và đệ tử sẽ kinh nghiệm không chỉ một tâm thức hoàn toàn thức tỉnh, và một bộ não luôn tiếp nhận một cách thông minh, mà còn một dòng nhập liên tục của sự sống tinh thần. Khi ấy sẽ có sự quân bình hoàn hảo và sức khỏe hoàn hảo vốn đặc trưng cho một Chân sư Minh triết.

Knowledge concerning the endocrine or ductless glands is as yet in an embryonic state. Much is known anent the glands connected with the sacral centre and about the thyroid gland, but to date, naturally, the medical profession does not admit that they are effects of the activity or the nonactivity of the centres, or that a line of least resistance exists between the sacral centre and the throat centre. Something is known (not much) about the pituitary body, but its extreme importance as it affects the psychological response of the person is not adequately grasped. Nothing is known, factually speaking, about the pineal or the thymus glands, and this because neither the head centre nor the heart centre is awakened in undeveloped man, or even in the average citizen. That there is a considerable wealth of knowledge anent the sacral centre (as the source of physical creation) and the conditioning effects of the thyroid gland is due to the fact that both these centres are awakened in the average man, and when the functioning is adequate [214] and the necessary interplay is established, you then have a highly sexed individual who is also a creative artist along some artistic line. This is very frequently seen, as you well know. When the ajna centre and its externalisation, the pituitary body, are also active, and the relation between the three centres—sacral, throat and ajna centre—is awakened and beginning to function, and

Tri thức liên quan đến các tuyến nội tiết hay tuyến không ống hiện vẫn còn ở trạng thái phôi thai. Người ta biết khá nhiều liên quan đến các tuyến nối với trung tâm xương cùng và về tuyến giáp, nhưng cho đến nay, dĩ nhiên, giới y khoa không thừa nhận rằng chúng là những hiệu quả của hoạt động hay sự bất hoạt động của các trung tâm, hoặc rằng có một con đường ít trở ngại nhất tồn tại giữa trung tâm xương cùng và trung tâm cổ họng. Người ta biết đôi chút (không nhiều) về tuyến yên, nhưng tầm quan trọng cực độ của nó trong việc ảnh hưởng đến đáp ứng tâm lý của con người chưa được nắm bắt đầy đủ. Không có gì được biết, nói theo sự kiện, về tuyến tùng hay tuyến ức, và điều này là vì cả trung tâm đầu lẫn trung tâm tim đều chưa được thức tỉnh nơi con người chưa phát triển, hay ngay cả nơi công dân trung bình. Việc có một kho tri thức đáng kể liên quan đến trung tâm xương cùng (như nguồn của sự sáng tạo thể xác) và các hiệu quả điều kiện hóa của tuyến giáp là do sự kiện rằng cả hai trung tâm này đều được thức tỉnh nơi con người trung bình, và khi hoạt động là thích đáng [214] và sự tương tác cần thiết được thiết lập, khi ấy bạn có một cá nhân đầy tính dục, đồng thời cũng là một nghệ sĩ sáng tạo theo một đường lối nghệ thuật nào đó. Điều này rất thường thấy, như bạn biết rõ. Khi trung tâm ajna và sự ngoại hiện của nó, tuyến yên, cũng hoạt động, và mối liên hệ giữa ba trung tâm—xương cùng, cổ họng và ajna—được thức tỉnh và bắt đầu hoạt động,

definite conscious relationship is being set up between it and the other centres (dependent upon ray, upon conscious objective and training), then you will have the practical mystic, the humanitarian and the occultist.

và mối liên hệ hữu thức rõ rệt đang được thiết lập giữa nó với các trung tâm khác (tùy thuộc vào cung, vào mục tiêu hữu thức và sự huấn luyện), khi ấy bạn sẽ có nhà thần bí thực tiễn, nhà nhân đạo và nhà huyền bí học.

Students should remember that there is both an upward and a downward trend of energy within the entire structure of centres, where the aspirant and the disciple are concerned:

Các đạo sinh nên nhớ rằng có cả một xu hướng đi lên lẫn một xu hướng đi xuống của năng lượng trong toàn bộ cấu trúc các trung tâm, xét nơi người chí nguyện và đệ tử:

1. The upward trend...producing Transmutation.

1. *Xu hướng đi lên*...tạo ra Sự chuyển hoá.

From the sacral centre to the throat centre. Physical creation is transmuted into artistic creativity.

Từ trung tâm xương cùng đến trung tâm cổ họng. Sự sáng tạo thể xác được chuyển hoá thành tính sáng tạo nghệ thuật.

From the solar centre to the heart centre. Individual, emotional consciousness is transmuted into group consciousness.

Từ trung tâm tùng thái dương đến trung tâm tim. Tâm thức cảm xúc cá nhân được chuyển hoá thành tâm thức nhóm.

From the base of the spine to the head centre. Material force is transmuted into spiritual energy.

Từ đáy cột sống đến trung tâm đầu. Mãnh lực vật chất được chuyển hoá thành năng lượng tinh thần.

From any or all of the five spinal centres to the ajna centre. Uncoordinated living is transmuted into personality integration.

Từ bất kỳ hay tất cả năm trung tâm cột sống đến trung tâm ajna. Đời sống không phối hợp được chuyển hoá thành sự tích hợp phàm ngã.

From the six centres in relationship into the highest head centre. Personality activity is transmuted into spiritual living.

Từ sáu trung tâm trong mối liên hệ đến trung tâm đầu cao nhất. Hoạt động phàm ngã được chuyển hoá thành đời sống tinh thần.

This is a wide generalisation, and the process is not carried forward in any sequential fashion or smoothly and in order as the tabulation above might suggest. The process involved is spread over many lives of

Đây là một sự khái quát rộng, và tiến trình không được thực hiện theo bất kỳ trình tự tuần tự nào hay một cách êm xuôi và có trật tự như bảng liệt kê trên có thể gợi ý. Tiến trình liên hệ này trải dài qua nhiều kiếp sống

unconscious transmutation in [215] the earlier stages, and as a result of bitter experience and of conscious effort in the later stages, and becomes increasingly dynamic and effective as the various stages upon the Path area trodden by the aspirant. The five rays with which a disciple has to work (two major conditioning rays and three subsidiary rays) have a definite active effect; karmic adjustments provide opportunity or hindrance, and the intricacies of the entire process (within the relatively limited experience of the disciple) are so confusing whilst in process that all that he can do is to grasp the general outline as here given and not pay too much attention to the immediate factual detail.

của sự chuyển hoá vô thức trong [215] các giai đoạn đầu, và là kết quả của kinh nghiệm cay đắng cùng nỗ lực hữu thức trong các giai đoạn sau, và ngày càng trở nên năng động và hữu hiệu khi các giai đoạn khác nhau trên Đường Đạo được người chí nguyện bước qua. Năm cung mà một đệ tử phải làm việc với (hai cung điều kiện hóa chính và ba cung phụ) có một hiệu quả hoạt động rõ rệt; các điều chỉnh nghiệp quả tạo ra cơ hội hay chướng ngại, và những phức tạp của toàn bộ tiến trình (trong kinh nghiệm tương đối giới hạn của đệ tử) gây bối rối đến mức, trong khi tiến trình đang diễn ra, tất cả những gì y có thể làm là nắm lấy đại cương tổng quát như được nêu ở đây và không chú ý quá nhiều đến chi tiết sự kiện trước mắt.

2. The downward trend...producing Transformation.

2. *Xu hướng đi xuống*...tạo ra Sự chuyển đổi.

Once the head centre is awakening and the disciple is consciously active in the work of directing the energies to the centres and thereby governing his personality life, there is a scientific undertaking of energising the centres in a certain ordered rhythm which is again determined by the rays, by circumstance and by karma; thus all the bodily energies are swung into correct spiritual activity. With the process involved we cannot here deal, beyond pointing out that this downward trend can be roughly regarded as falling into three stages:

Một khi trung tâm đầu đang thức tỉnh và đệ tử hoạt động một cách hữu thức trong công việc định hướng các năng lượng đến các trung tâm và nhờ đó cai quản đời sống phàm ngã của mình, thì có một nỗ lực khoa học nhằm tiếp sinh lực cho các trung tâm theo một nhịp điệu có trật tự nhất định, nhịp điệu này lại được quyết định bởi các cung, bởi hoàn cảnh và bởi nghiệp quả; như thế mọi năng lượng của thân thể được đưa vào hoạt động tinh thần đúng đắn. Với tiến trình liên hệ này, ở đây chúng ta không thể bàn đến, ngoài việc chỉ ra rằng xu hướng đi xuống này có thể được xem một cách đại khái là rơi vào ba giai đoạn:

1. The stage of energising the creative life, via the throat centre, thus bringing:

1. Giai đoạn tiếp sinh lực cho đời sống sáng tạo, qua trung tâm cổ họng, nhờ đó đưa:

a. The head centre and the throat centre,

a. Trung tâm đầu và trung tâm cổ họng,

b. These two and the sacral centre,

b. These two and the solar plexus centre,

b. Hai trung tâm này và trung tâm tùng thái dương,

c. All three, simultaneously and consciously, into close cooperation.

c. Cả ba, đồng thời và một cách hữu thức, vào sự hợp tác chặt chẽ.

This serves to establish right human relations, right group relations, and right spiritual relations throughout a man's entire life expression. Just as the stage of regulating the creative life has a paramount effect upon the physical body, so this stage affects the astral vehicle with great potency; emotional reactions are transformed into aspiration and service; selfish individual love is transformed into group love, and then divinity rules the life.

Điều này giúp thiết lập các mối liên hệ nhân loại đúng đắn, các mối liên hệ nhóm đúng đắn, và các mối liên hệ tinh thần đúng đắn xuyên suốt toàn bộ biểu hiện sự sống của một con người. Cũng như giai đoạn điều hòa đời sống sáng tạo có một hiệu quả tối quan trọng trên thể xác, thì giai đoạn này tác động lên thể cảm dục với mãnh lực lớn lao; các phản ứng cảm xúc được chuyển đổi thành khát vọng và phụng sự; tình yêu ích kỷ cá nhân được chuyển đổi thành tình yêu nhóm, và rồi thiên tính cai quản đời sống.

3. The stage of energising the entire man, via the basic centre thus bringing:

3. Giai đoạn tiếp sinh lực cho toàn bộ con người, qua trung tâm căn bản, nhờ đó đưa:

a. The head centre and the basic centre,

b. These two and the ajna centre,

c. All the three, simultaneously and consciously, into rhythmic, coordinated expression. This is a final stage of great importance, and only takes place in its completeness at the time of the third initiation, that of the Transfiguration.

You can see, therefore, how three important words convey the purpose of the scientific unfoldment and the right direction of the centres:

Transmutation. Transformation. Transfiguration.

[217]

This process is wisely and safely carried out over a long period of time and—returning to our theme of health and of disease—when consummated, perfect physical health is the result; in the interim process of adjustment and of change, the reverse is frequently the case. The danger involved in a large number of physical ills can be traced to the condition of the centres, to the interplay or their lack of interplay, to an undeveloped condition, unawakened and sluggish, and to an overstimulation or an unbalanced activity. If one centre is prematurely awakened, it is frequently at the expense of other centres. The rude health of the savage or of the unskilled and unintelligent labourer or peasant (a state of being which is rapidly passing as the mind development and the process of evolution take effect) is largely due to the quiescent state of practically all the centres, with the exception of the sacral centre. The fact of their falling easy prey to

a. Trung tâm đầu và trung tâm căn bản,

b. Hai trung tâm này và trung tâm ajna,

c. Cả ba, đồng thời và một cách hữu thức, vào biểu hiện nhịp nhàng, phối hợp. Đây là một giai đoạn cuối cùng có tầm quan trọng lớn lao, và chỉ diễn ra trọn vẹn vào lúc lần điểm đạo thứ ba, cuộc Biến hình.

Vì vậy, bạn có thể thấy ba từ quan trọng chuyển tải mục đích của sự khai mở khoa học và sự định hướng đúng đắn của các trung tâm như thế nào:

Sự chuyển hoá. Sự chuyển đổi. Biến hình.

[217]

Tiến trình này được thực hiện một cách khôn ngoan và an toàn trong một thời gian dài và—quay lại chủ đề của chúng ta về sức khỏe và bệnh tật—khi hoàn tất, sức khỏe thể xác hoàn hảo là kết quả; trong tiến trình trung gian của sự điều chỉnh và thay đổi, điều ngược lại thường là trường hợp xảy ra. Mối nguy liên hệ đến một số lượng lớn các bệnh thể xác có thể được truy nguyên đến tình trạng của các trung tâm, đến sự tương tác hay thiếu tương tác của chúng, đến một tình trạng chưa phát triển, chưa thức tỉnh và trì trệ, và đến sự kích thích quá mức hay hoạt động mất quân bình. Nếu một trung tâm được thức tỉnh quá sớm, điều đó thường xảy ra với cái giá phải trả của các trung tâm khác. Sức khỏe cường tráng của người man dã hay của người lao động hoặc nông dân không lành nghề và không có trí tuệ (một trạng thái hiện hữu đang nhanh chóng qua đi khi sự phát triển trí tuệ và tiến trình tiến hoá phát huy tác dụng) phần lớn là do trạng

the infectious diseases can also be traced to the same quiescence. As the emotional nature is developed and the mind begins to function, the centres then become more active. Definite trouble then ensues, largely because psychological conditions begin to appear. The man is no longer simply an animal. The wear and tear of the emotional life (the major predisposing factor in ill health) floods the lower nature with ill-directed energy (or should I say mis-directed?). The solar plexus centre then becomes unduly active and this activity falls into four stages:

thái yên lặng của hầu như tất cả các trung tâm, ngoại trừ trung tâm xương cùng. Sự kiện họ dễ dàng trở thành mồi ngon của các bệnh truyền nhiễm cũng có thể được truy nguyên đến cùng trạng thái yên lặng ấy. Khi bản chất cảm xúc được phát triển và trí tuệ bắt đầu hoạt động, các trung tâm khi ấy trở nên hoạt động hơn. Khi đó rắc rối rõ rệt phát sinh, phần lớn vì các điều kiện tâm lý bắt đầu xuất hiện. Con người không còn đơn thuần là một con vật nữa. Sự hao mòn của đời sống cảm xúc (yếu tố chính tạo khuynh hướng dẫn đến bệnh tật) làm ngập bản chất thấp bằng năng lượng bị định hướng sai (hay tôi nên nói là bị định hướng lệch chăng?). Khi ấy trung tâm tùng thái dương trở nên hoạt động quá mức và hoạt động này rơi vào bốn giai đoạn:

1. The stage of its awakening, as the astral body becomes steadily more powerful.

1. Giai đoạn thức tỉnh của nó, khi thể cảm dục trở nên ngày càng mạnh hơn.

2. The stage of its potency when, for lives, it is the conditioning centre in the etheric or vital body and the man is consequently entirely conditioned by his emotional-astral life.

2. Giai đoạn mãnh lực của nó khi, qua nhiều kiếp sống, nó là trung tâm điều kiện hóa trong thể dĩ thái hay thể sinh lực và do đó con người hoàn toàn bị điều kiện hóa bởi đời sống cảm dục-cảm xúc của mình.

[218]

[218]

3. The stage wherein the solar plexus centre becomes the clearing house for all the centres (major and minor) below the diaphragm.

3. Giai đoạn trong đó trung tâm tùng thái dương trở thành trạm phân phối cho tất cả các trung tâm (chính và phụ) bên dưới cơ hoành.

4. The stage wherein the solar plexus energies are raised to the heart.

4. Giai đoạn trong đó các năng lượng của tùng thái dương được nâng lên tim.

All these stages bring, temporarily, their own physical ills.

Tất cả các giai đoạn này tạm thời mang đến những bệnh thể xác riêng của chúng.

You will note that, beyond certain generalisations, I am not relating specific

Bạn sẽ lưu ý rằng, ngoài một số khái quát nhất định, tôi không liên hệ các bệnh đặc

diseases to specific centres. I have indicated the areas conditioned by the centres, and far more powerfully conditioned than you have any means yet of ascertaining; I have said that fundamentally the ductless glands—as externalisations of the centres—are the determining factors in the health of the body, and that where there is imbalance, overdevelopment or underdevelopment you will have trouble; I have suggested that the medical profession in the New Age will deal increasingly with the theory of energy direction and its relation to the ductless glands, and that it will admit, at least hypothetically and for the purpose of experimentation, that the theory of the energy centres may be correct and that they are the primary conditioning factors, working through the ductless glands which, in their turn, guard the body, produce the necessary resistance, keep the blood stream supplied with the essentials to health and—when rightly interrelated—produce a balanced expression of the spiritual man throughout the entire physical body—physiological and psychological balance. When this desirable condition is not the case, then the ductless glands, through wrong relationship and incorrect and unbalanced development, are not adequate to the task; they cannot protect the body from disease, and are unable to pour into the blood stream what the physical vehicle needs. Owing to their inadequacy, the body is unable to resist infections, is in a constant state of ill health, [219] and cannot cope with disease coming from without or latent within the organism of the body; this weakness often produces mortal disease.

thù với các trung tâm đặc thù. Tôi đã chỉ ra các khu vực được các trung tâm tác động, và chịu tác động mạnh mẽ hơn nhiều so với mức bạn hiện có khả năng xác định; tôi đã nói rằng về căn bản các tuyến không ống—như những ngoại hiện của các trung tâm—là những yếu tố quyết định trong sức khỏe của thân thể, và rằng ở đâu có sự mất quân bình, phát triển quá mức hay kém phát triển thì ở đó bạn sẽ có rắc rối; tôi đã gợi ý rằng giới y khoa trong Kỷ Nguyên Mới sẽ ngày càng đề cập đến lý thuyết định hướng năng lượng và mối liên hệ của nó với các tuyến không ống, và rằng họ sẽ thừa nhận, ít nhất là trên giả thuyết và vì mục đích thực nghiệm, rằng lý thuyết về các trung tâm năng lượng có thể là đúng và rằng chúng là những yếu tố điều kiện hóa sơ cấp, hoạt động qua các tuyến không ống, đến lượt chúng bảo vệ thân thể, tạo ra sức đề kháng cần thiết, giữ cho dòng máu được cung cấp những yếu tố thiết yếu cho sức khỏe và—khi được liên hệ đúng đắn—tạo ra một biểu hiện quân bình của con người tinh thần xuyên suốt toàn bộ thể xác—sự quân bình sinh lý và tâm lý. Khi tình trạng đáng mong muốn này không hiện hữu, thì các tuyến không ống, do mối liên hệ sai lạc và sự phát triển không đúng và mất quân bình, không đủ sức đảm đương nhiệm vụ; chúng không thể bảo vệ thân thể khỏi bệnh tật, và không thể đổ vào dòng máu điều mà vận cụ hồng trần cần. Do sự bất toàn của chúng, thân thể không thể chống lại các nhiễm trùng, ở trong tình trạng bệnh hoạn thường xuyên, [219] và không thể đối phó với bệnh tật đến từ bên ngoài hay tiềm ẩn bên trong cơ thể; sự yếu kém này thường tạo ra bệnh chết người.

Medicine in the next century will be built around certain major premises:

Y học trong thế kỷ tới sẽ được xây dựng quanh một số tiền đề chính:

1. Preventive medicine will be the goal, producing the attempt to keep the body in proper balanced order.

1. Y học phòng ngừa sẽ là mục tiêu, tạo ra nỗ lực giữ cho thân thể ở trong trật tự quân bình thích đáng.

2. Sound sanitation and the providing of healthy conditions will be regarded as essential.

2. Vệ sinh lành mạnh và việc cung cấp các điều kiện khỏe mạnh sẽ được xem là thiết yếu.

3. The supply of the right chemical properties to the physical body will be studied—a science of chemistry which is yet in its infancy, though it is becoming a flourishing infant.

3. Việc cung cấp các đặc tính hóa học đúng đắn cho thể xác sẽ được nghiên cứu—một khoa học hóa học hiện vẫn còn trong thời kỳ sơ sinh, dù nó đang trở thành một đứa trẻ sơ sinh phát triển mạnh.

4. An understanding of the laws of vitality will be regarded as of prime importance, and of this the emphasis today on vitamins and the influence of the sun are wholesome indications.

4. Sự thấu hiểu các định luật của sinh lực sẽ được xem là tối quan trọng, và sự nhấn mạnh ngày nay vào vitamin cùng ảnh hưởng của mặt trời là những dấu hiệu lành mạnh về điều đó.

5. The use of the mind will be regarded, above everything else, as a factor of major importance: the mind will be seen as the prime influence as regards the centres, for people will be taught to work on their centres through mental power and thus produce a right reaction from the endocrine system. This will necessarily involve the right directing of thought to a centre, or the withdrawal of attention from a centre, with consequent effect upon the glandular system. This will all be based upon the occult law that "Energy follows thought."

5. Việc sử dụng trí tuệ sẽ được xem, trên hết mọi sự, như một yếu tố có tầm quan trọng lớn lao: trí tuệ sẽ được nhìn nhận là ảnh hưởng chủ yếu đối với các trung tâm, vì con người sẽ được dạy cách làm việc trên các trung tâm của mình bằng quyền năng trí tuệ và nhờ đó tạo ra một phản ứng đúng đắn từ hệ nội tiết. Điều này tất yếu sẽ bao hàm việc định hướng tư tưởng đúng đắn đến một trung tâm, hoặc rút sự chú ý khỏi một trung tâm, với hậu quả tác động lên hệ tuyến. Tất cả điều này sẽ dựa trên quy luật huyền bí rằng "Năng lượng đi theo tư tưởng."

Owing to the fact that disciples have a greater development of mental power than the average man, and also to the fact that ray type is more easily ascertained, involving consequently a more correct determination of the condition of the glandular system, they will be the first to cooperate [220] with the medical profession and to demonstrate the relation of the centres to the glands, and

Do sự kiện rằng các đệ tử có sự phát triển quyền năng trí tuệ lớn hơn con người trung bình, và cũng do sự kiện rằng loại cung được xác định dễ dàng hơn, vì vậy kéo theo sự xác định đúng đắn hơn về tình trạng của hệ tuyến, họ sẽ là những người đầu tiên hợp tác [220] với giới y khoa và chứng minh mối liên hệ của các trung tâm với các tuyến, và do đó với toàn bộ thân thể. Qua sự tập trung và

therefore to the body as a whole. Through concentration and right meditation, carried on in the head centre, and directed towards some one or other of the centres, disciples will demonstrate such definite changes in the ductless glands that the medical profession will be convinced of the importance and the factual existence of the centres and of their power, and also of the possibility of controlling the physical organism through the power of thought. This all lies in the future. I am but pointing the way and indicating a future technique whereby disease will be overcome. The various mental schools of thought, Unity and Christian Science, have been fantastic and fanciful in their claims and definitely unscientific in their approach. But they have had hold of at least one thread in the great process of right adjustment to life and to right relationships. They had the dream and the vision; they lacked perception and commonsense and ignored the evolutionary process.

tham thiền đúng đắn, được thực hiện trong trung tâm đầu, và được định hướng đến trung tâm này hay trung tâm khác, các đệ tử sẽ chứng minh những thay đổi rõ rệt như thế trong các tuyến không ống đến mức giới y khoa sẽ bị thuyết phục về tầm quan trọng và sự hiện hữu thực tế của các trung tâm cùng quyền năng của chúng, và cả về khả năng kiểm soát cơ thể hồng trần qua quyền năng của tư tưởng. Tất cả điều này còn nằm trong tương lai. Tôi chỉ đang chỉ đường và nêu ra một kỹ thuật tương lai nhờ đó bệnh tật sẽ được vượt qua. Các trường phái tư tưởng trí tuệ khác nhau, Unity và Christian Science, đã quá hoang đường và tưởng tượng trong các tuyên bố của họ và rõ ràng là phi khoa học trong cách tiếp cận. Nhưng ít nhất họ đã nắm được một sợi dây trong tiến trình lớn lao của sự điều chỉnh đúng đắn với đời sống và với các mối liên hệ đúng đắn. Họ có giấc mơ và tầm nhìn; họ thiếu khả năng nhận thức và lương tri, và đã bỏ qua tiến trình tiến hoá.

Physiological science and psychological power, plus the cooperation of the trained disciple with the trained medical man (particularly with the open-minded endocrinologist), will eventually succeed in solving many human ills and will bring about the cure of the bulk of the diseases now troubling humanity.

Khoa học sinh lý và quyền năng tâm lý, cộng với sự hợp tác của đệ tử đã được huấn luyện với nhà y khoa đã được huấn luyện (đặc biệt với nhà nội tiết học có đầu óc cởi mở), cuối cùng sẽ thành công trong việc giải quyết nhiều bệnh tật của con người và sẽ mang lại sự chữa lành cho phần lớn các bệnh hiện đang làm khổ nhân loại.

We have, therefore, studied to some purpose our first section: The Psychological Causes of Disease. We have carried the idea down from the inner and more subtle causes of disease to the major physical conditioning factor, the ductless glands. We can now briefly consider certain far more occult causes and deal with those which emanate from the group life of humanity and from the karmic liabilities of mankind. Here we shall enter

Vì vậy, chúng ta đã nghiên cứu với kết quả hữu ích phần đầu tiên của mình: *Các Nguyên Nhân Tâm Lý của Bệnh Tật.* Chúng ta đã đưa ý tưởng đi xuống từ các nguyên nhân bên trong và vi tế hơn của bệnh tật đến yếu tố điều kiện hóa hồng trần chính, các tuyến không ống. Giờ đây chúng ta có thể ngắn gọn xem xét một số nguyên nhân huyền bí hơn nhiều và bàn đến những nguyên nhân phát xuất từ đời sống nhóm của nhân loại và từ

the realm of occult knowledge and of esoteric information, and this will be far more difficult for the orthodox thinker to accept.

các món nợ nghiệp quả của loài người. Ở đây chúng ta sẽ bước vào lĩnh vực của tri thức huyền bí và thông tin nội môn, và điều này sẽ khó được nhà tư tưởng chính thống chấp nhận hơn nhiều.

CHAPTER II - Causes Emanating from Group Life — CHƯƠNG II - Những Nguyên Nhân Phát Xuất từ Đời Sống Nhóm

[221]

IN CONSIDERING DISEASE and its basic causes, we have dealt particularly with those which concern our Aryan race and modern humanity; these are largely astral in origin and might be described as Atlantean in nature. We have briefly considered also the various diseases which originate upon the mental plane; these are more strictly Aryan and involve also the ills to which disciples are prone. Infectious diseases and those which are fundamental in the planetary substance have a potent effect upon those races (still among us) which are the oldest on our planet, and which are related to the fast dying out Lemurian types; Negroes are specially prone to infectious epidemics.

[221]

KHI XEM XÉT BỆNH TẬT và các nguyên nhân căn bản của nó, chúng ta đã đặc biệt đề cập đến những nguyên nhân liên quan đến giống dân Arya của chúng ta và nhân loại hiện đại; phần lớn chúng có nguồn gốc cảm dục và có thể được mô tả là có bản chất Atlantis. Chúng ta cũng đã ngắn gọn xem xét các bệnh khác nhau phát sinh trên cõi trí; những bệnh này mang tính Arya rõ rệt hơn và cũng bao gồm các bệnh mà các đệ tử dễ mắc phải. Các bệnh truyền nhiễm và những bệnh căn bản trong chất liệu hành tinh có một tác động mạnh mẽ lên những chủng tộc (vẫn còn giữa chúng ta) cổ xưa nhất trên hành tinh của chúng ta, và có liên hệ với các loại Lemuria đang nhanh chóng biến mất; người da đen đặc biệt dễ mắc các dịch bệnh truyền nhiễm.

I have not attempted in this treatise to deal pathologically with any of the diseases touched upon, nor have I paid attention to the physiology of the patient. That is entirely out of my province. I have, however, attempted to indicate the origins of some of the diseases, to call attention to the paramount importance of the glandular system, and to relate, as far as is just and wise, some of the oriental theories anent the centres and western wisdom. Later I shall point out some basic human conditions which must be changed if the true healing work is to be correctly applied, and then I hope to give some of the methods whereby healers can accomplish work which will be in line [222] with the facts of the case and which will aid in the processes of restoration.

Trong luận văn này tôi đã không cố gắng bàn đến mặt bệnh lý của bất kỳ bệnh nào được chạm đến, cũng không chú ý đến sinh lý học của bệnh nhân. Điều đó hoàn toàn nằm ngoài phạm vi của tôi. Tuy nhiên, tôi đã cố gắng chỉ ra nguồn gốc của một số bệnh, kêu gọi chú ý đến tầm quan trọng tối cao của hệ tuyến, và liên hệ, trong chừng mực công bằng và khôn ngoan, một số lý thuyết phương Đông liên quan đến các trung tâm với minh triết phương Tây. Về sau tôi sẽ chỉ ra một số điều kiện căn bản của con người cần phải được thay đổi nếu công việc chữa lành chân chính muốn được áp dụng đúng đắn, và rồi tôi hy vọng sẽ đưa ra một số phương pháp nhờ đó các nhà chữa lành có thể hoàn thành công việc phù hợp [222] với các sự kiện của trường hợp và sẽ hỗ trợ trong các tiến trình phục hồi.

The problem of disease is today greatly enhanced, owing to the fact that in this race, the Aryan, which now dominates the planet, you have the first true appearance outwardly on the physical plane of the basic synthesis of humanity which will be—in its better form—so strikingly significant of the next major rootrace, the sixth. Inter-marriage between nations and races, the fusion of bloods for hundreds of years—due to migration, travel, education and mental unity—has led to there being no really pure racial types today. This is far more certainly the case than the most enlightened think, if the long, long history of mankind is considered. Sexual intercourse knows no impenetrable barriers, and people today have in them all the strains and the blood of all the races, and this (as a result of the world war, 1914-1945) will be increasingly the case. This development is definitely a part of the divine plan, no matter how undesirable it may appear to those who idealise purity of relationship, or how ruthless its application

Vấn đề bệnh tật ngày nay được gia tăng rất nhiều, do sự kiện rằng trong giống dân này, giống dân Arya, hiện đang thống trị hành tinh, bạn có sự xuất hiện chân chính đầu tiên ra bên ngoài trên cõi hồng trần của sự tổng hợp căn bản của nhân loại mà sẽ là—trong hình thức tốt đẹp hơn của nó—điều có ý nghĩa nổi bật đến thế đối với giống dân gốc lớn kế tiếp, giống dân thứ sáu. Hôn phối giữa những người thuộc các quốc gia và chủng tộc khác nhau, sự dung hợp các dòng máu trong hàng trăm năm—do di cư, du hành, giáo dục và sự hợp nhất trí tuệ—đã dẫn đến việc ngày nay không còn những loại hình chủng tộc thực sự thuần chủng. Điều này chắc chắn đúng hơn nhiều so với điều mà những người sáng suốt nhất nghĩ, nếu lịch sử rất dài, rất dài của loài người được xét đến. Giao hợp tính dục không biết đến những rào cản không thể xuyên thủng, và con người ngày nay mang trong mình mọi dòng giống và máu của mọi chủng tộc, và điều này (do kết quả của cuộc thế chiến, 1914-1945) sẽ ngày càng đúng hơn. Sự phát

is at the present moment. Something intended is being brought about and it cannot be avoided. The urge to mate becomes peculiarly strong when men are removed from their familiar settings and experience the novelty of complete loneliness, when the normal inhibitions and customs imposed by family relationships and national standards are removed, when danger of death is constantly faced and the larger value submerges the lesser values and the usual conventional attitudes, and when the physical organism has been trained and brought by scientific treatment and heavy feeding to the height of physical efficiency. I am speaking in terms of physical effectiveness and not of mental efficiency, which may or may not parallel the former.

triển này rõ ràng là một phần của Thiên Cơ, bất kể nó có vẻ không mong muốn đến đâu đối với những ai lý tưởng hóa sự thuần khiết của các mối liên hệ, hay việc áp dụng nó hiện nay có tàn nhẫn đến đâu. Một điều được chủ định đang được mang lại và không thể tránh khỏi. Thúc lực giao phối trở nên đặc biệt mạnh khi những người nam và nữ bị tách khỏi môi trường quen thuộc của họ và trải nghiệm sự mới lạ của nỗi cô đơn hoàn toàn, khi những kiềm chế và tập tục bình thường do các mối liên hệ gia đình và các tiêu chuẩn quốc gia áp đặt bị loại bỏ, khi hiểm nguy của cái chết luôn luôn được đối diện và giá trị lớn hơn nhấn chìm các giá trị nhỏ hơn cùng các thái độ quy ước thông thường, và khi cơ thể hồng trần đã được huấn luyện và được đưa, bằng điều trị khoa học và nuôi dưỡng dồi dào, đến đỉnh cao của hiệu năng thể xác. Tôi đang nói theo các thuật ngữ của hiệu quả thể xác chứ không phải hiệu quả trí tuệ, điều có thể song hành hoặc không song hành với điều trước.

[223]

[223]

The animal instincts are therefore potent; the centres below the diaphragm become peculiarly energised; the emotional demands enormously vitalise the solar plexus centre, and the centre at the base of the spine increases the activity of the adrenal glands as the will of the man is called into play to surmount danger; the will-to-live, with its adjunct, the will-to-perpetuate and to live in one's children, is powerfully fostered. To this must also be added, as a major adjunct of war, the will of Nature itself working (under certain divine laws) to offset the loss of life and the casualties of war by a fresh inflow of life into form, thus preserving the human race, providing the bodies for the next tide of egos and thus peopling the earth.

Vì vậy, các bản năng động vật rất mạnh; các trung tâm bên dưới cơ hoành trở nên được tiếp sinh lực một cách đặc biệt; các đòi hỏi cảm xúc tiếp sinh lực rất lớn cho trung tâm tùng thái dương, và trung tâm ở đáy cột sống làm gia tăng hoạt động của các tuyến thượng thận khi ý chí của con người được kêu gọi vận dụng để vượt qua hiểm nguy; ý chí sống còn, cùng với phần phụ của nó là ý chí duy trì nòi giống và sống trong con cái mình, được nuôi dưỡng mạnh mẽ. Cũng phải thêm vào đây, như một phần phụ chính của chiến tranh, ý chí của chính Thiên Nhiên đang hoạt động (dưới một số định luật thiêng liêng) để hóa giải sự mất mát sinh mạng và thương vong của chiến tranh bằng một dòng nhập mới của sự sống vào hình tướng, nhờ đó bảo tồn nhân loại, cung cấp

thân thể cho làn sóng chân ngã kế tiếp và như thế làm cho trái đất có người ở.

In saying this I seek only to explain the phenomena which can be noted at all times when war is present and which in the world war can be noted on a large scale. The armies of the world are everywhere and are spread over every country; racial transmigration is a universal factor, both from the angle of military necessity and from the plight of the civilians who find themselves in the path of war. This movement of millions of men everywhere is one of the paramount factors which will condition the new civilisation, and its importance is based upon the fact that in twenty-five years' time men and women will be a hybrid race whose fathers and mothers will be of every imaginable nation; white fathers will have had physical relation with women of every Asiatic or African origin, thus producing a fusion of blood which—if recognised and rightly handled and developed, from the educational angle and with understanding —will express in embryo the nature of the sixth rootrace, and which will be in fact HUMANITY without any racial or national barriers, with no so-called pure blood and exclusive castes, and with a new and virile sense of life because of the infusion of stronger stocks with the weaker [224] or worn-out types and of the newer racial strains with the older and more developed. I hold no brief for the manner in which this is being brought about. It could have happened without war and through a conviction that all men are equal and human, and that the mixture of races would solve many problems; war, however, has hastened the process and the soldiers of all the armies of the world are having physical relations with women of all races, all civilisations and all colours. This must, whether regarded as right or wrong according to the code of

Khi nói điều này, tôi chỉ tìm cách giải thích những hiện tượng có thể được ghi nhận vào bất cứ lúc nào khi chiến tranh hiện diện, và trong cuộc thế chiến thì có thể được ghi nhận trên quy mô lớn. Các đạo quân trên thế giới hiện diện khắp nơi và trải rộng trên mọi quốc gia; sự di cư chủng tộc là một yếu tố phổ quát, xét cả từ góc độ nhu cầu quân sự lẫn hoàn cảnh khốn đốn của thường dân khi họ thấy mình ở ngay trên đường đi của chiến tranh. Sự chuyển động của hàng triệu người nam ở khắp nơi này là một trong những yếu tố tối quan trọng sẽ tác động lên nền văn minh mới, và tầm quan trọng của nó dựa trên sự kiện là trong vòng hai mươi lăm năm nữa những người nam và nữ sẽ là một chủng tộc lai mà cha mẹ của họ sẽ thuộc mọi quốc gia có thể tưởng tượng được; những người cha da trắng sẽ có quan hệ thể xác với những phụ nữ thuộc mọi nguồn gốc Á châu hay Phi châu, nhờ đó tạo ra một sự dung hợp huyết thống mà—nếu được nhìn nhận và được xử lý, phát triển đúng đắn từ góc độ giáo dục và với sự thấu hiểu—sẽ biểu lộ trong phôi thai bản chất của giống dân gốc thứ sáu, và trên thực tế sẽ là NHÂN LOẠI không có bất kỳ rào cản chủng tộc hay quốc gia nào, không có cái gọi là huyết thống thuần chủng và các giai cấp độc quyền, và với một ý thức mới mẻ, cường tráng về sự sống nhờ sự truyền nhập của các dòng giống mạnh hơn vào các loại yếu hơn [224] hay đã suy kiệt, và của các chủng tộc mới hơn vào các chủng tộc cũ hơn và phát triển hơn. Tôi không biện hộ cho cách thức mà điều này đang được đưa tới. Nó đã có thể xảy ra mà không cần chiến tranh và thông qua một niềm xác tín rằng mọi người đều bình đẳng và đều là con người, và rằng sự pha trộn các chủng tộc sẽ giải quyết được nhiều vấn đề; tuy nhiên, chiến tranh đã thúc đẩy tiến trình ấy, và binh lính của mọi đạo quân trên thế giới đang có quan hệ thể

ethics and standards of the observer, produce an entirely new situation with which the world of the future will have to cope; it must inevitably break down national prejudices and racial barriers—the first producing more effect than the latter during the initial stages. Inevitably a more homogeneous humanity will appear during the changes of the next one hundred years. Many attitudes and many customary reactions which today hold sway will vanish, and types and qualities and characteristics for which we have as yet no precedent will appear upon a large scale.

xác với phụ nữ thuộc mọi chủng tộc, mọi nền văn minh và mọi màu da. Điều này, dù được xem là đúng hay sai theo bộ quy tắc đạo đức và tiêu chuẩn của người quan sát, nhất định phải tạo ra một tình thế hoàn toàn mới mà thế giới tương lai sẽ phải đương đầu; nó tất yếu phải phá vỡ các thành kiến quốc gia và các rào cản chủng tộc—trong những giai đoạn đầu, điều thứ nhất tạo ra hiệu quả nhiều hơn điều thứ hai. Tất yếu một nhân loại đồng nhất hơn sẽ xuất hiện trong những biến đổi của một trăm năm tới. Nhiều thái độ và nhiều phản ứng theo tập quán hiện đang chi phối sẽ biến mất, và những loại người, phẩm tính và đặc điểm mà chúng ta chưa hề có tiền lệ sẽ xuất hiện trên quy mô lớn.

Whether the conservative and the so-called strictly "moral" people dislike this worldwide happening has no bearing on the case. It has happened and is happening daily and will materially bring about far-reaching changes. These inter-racial and mixed relationships have always happened upon a small and individual scale; they are now happening on a large scale. For the results of this due preparation must be made.

Việc những người bảo thủ và những người được gọi là "đạo đức" nghiêm ngặt có không thích biến cố toàn cầu này hay không không liên quan gì đến vấn đề. Nó đã xảy ra, đang xảy ra hằng ngày, và sẽ thực sự mang lại những biến đổi sâu rộng. Những mối quan hệ liên chủng tộc và pha trộn này luôn luôn đã xảy ra trên quy mô nhỏ và cá nhân; nay chúng đang xảy ra trên quy mô lớn. Cần phải có sự chuẩn bị thích đáng cho các kết quả của điều này.

As is well known to you, there are certain diseases which are numerically dominant in the world today. They are:

Như bạn đã biết rõ, hiện nay có một số bệnh đang chiếm ưu thế về số lượng trên thế giới. Chúng là:

1. Heart diseases of various kinds, particularly afflicting advanced humanity.

1. Các bệnh tim thuộc nhiều loại khác nhau, đặc biệt gây ảnh hưởng đến phần nhân loại tiến bộ.

2. Insanities. [225]

2. Chứng điên loạn. [225]

3. Cancer, so widely prevalent among every type of man today.

3. Ung thư, hiện đang lan tràn rộng khắp trong mọi loại người ngày nay.

4. The social diseases—syphilitic in nature.

5. Tuberculosis.

In a subtle and occult manner, these diseases are due to two basic causes: One is the close interplay between people, living under modern conditions, and the massing of people into cities and towns; the other is the age of the soil upon which man lives (a fact little recognised or considered), for it is deeply impregnated with the germs and the residue incident to past ages. The immunity of man is an amazing matter, could you but realise it; he resists and throws off constantly and continuously every kind of disease—those which are the result of contact with others, those which are prevalent in the very atmosphere at every time, those which are latent within his own bodily organism, and those which are inherited and to which he has a constant predisposition. Man's fight for health is ceaseless and unending, ranging all the way from ordinary fatigue and tiredness (plus the universal tendency to take cold), to mortal disease, ending in death.

To the trained occult observer, it is as if humanity—as a whole—is walking partly in a dense shadow which engulfs the race, and some part of which involves an area of the body of every human being. One of the aims of the New Age will be "to lighten this shadow and bring people out into the fitness of true health." This same shadow penetrates also into the mineral kingdom, affects the vegetable kingdom, and involves also the animals; it is one of the major causes of all that can be considered under the name of "sin," which may surprise you. It is also the fertile seed of crime. This is a fact to be accepted, to be properly considered and

4. Các bệnh xã hội—có bản chất giang mai.

5. Lao phổi.

Theo một cách vi tế và huyền bí, các bệnh này phát sinh từ hai nguyên nhân căn bản: một là sự tương tác mật thiết giữa con người, sống trong các điều kiện hiện đại, và sự tập trung đông đúc của con người vào các thành phố và thị trấn; nguyên nhân kia là tuổi của đất mà con người đang sống trên đó (một sự kiện ít được nhìn nhận hay cân nhắc), vì nó đã thấm đẫm sâu xa các mầm bệnh và cặn dư do các thời đại quá khứ để lại. Khả năng miễn nhiễm của con người là một vấn đề đáng kinh ngạc, nếu bạn có thể nhận ra điều đó; y kháng cự và liên tục, không ngừng loại bỏ mọi loại bệnh—những bệnh là kết quả của sự tiếp xúc với người khác, những bệnh phổ biến ngay trong bầu khí quyển vào mọi lúc, những bệnh tiềm ẩn trong chính cơ thể của y, và những bệnh được di truyền mà y luôn có khuynh hướng sẵn có. Cuộc chiến đấu của con người vì sức khỏe là liên miên và không dứt, trải dài từ sự mệt mỏi và kiệt sức thông thường (cộng với khuynh hướng phổ quát là dễ bị cảm lạnh), cho đến bệnh chí tử kết thúc bằng cái chết.

Đối với nhà huyền bí học lão luyện, dường như toàn thể nhân loại đang bước đi phần nào trong một bóng tối đậm đặc bao trùm nhân loại, và một phần nào đó của nó liên quan đến một khu vực trong cơ thể của mỗi con người. Một trong những mục tiêu của Kỷ Nguyên Mới sẽ là "làm sáng bóng tối này và đưa con người ra ngoài để đạt tới tình trạng thích hợp của sức khỏe chân chính." Bóng tối này cũng thâm nhập vào giới kim thạch, ảnh hưởng đến giới thực vật, và cũng bao trùm cả giới động vật; nó là một trong những nguyên nhân chính của tất cả những gì có thể được xem xét dưới tên gọi "tội lỗi," điều này có thể làm bạn ngạc nhiên. Nó cũng

dealt with rationally, sanely, intelligently and [226] spiritually; it will require all the factors mentioned to lift humanity out of the darkness of disease into established and radiant health. Certain of the Masters are dealing with this problem in relation to the other kingdoms in nature, for there will be no true escape for man whilst his environment is still under the shadow of disease.

là hạt giống màu mỡ của tội ác. Đây là một sự kiện cần được chấp nhận, được cân nhắc đúng đắn và được xử lý một cách hợp lý, lành mạnh, thông minh và [226] tinh thần; sẽ cần đến tất cả các yếu tố đã nêu để nâng nhân loại ra khỏi bóng tối của bệnh tật vào tình trạng sức khỏe ổn định và rạng ngời. Một số Chân sư đang đề cập đến vấn đề này trong mối liên hệ với các giới khác trong thiên nhiên, vì sẽ không có sự giải thoát chân chính nào cho con người chừng nào môi trường của y vẫn còn ở dưới bóng tối của bệnh tật.

Much that I could tell you in this connection would sound fanciful and would call forth the scoffing amusement of the hardboiled scientist. The theories held by mankind as to the origin of diseases, and the recognition of bacteria and germs and similar intruding organisms are largely correct, but this is so only if you bear in mind that they are in reality effects of causes upon which the investigator has not touched and which are hidden in the very history of the planet itself and also in the racial history of the past—of which little or practically nothing is known. Surmise and conjecture rule here.

Nhiều điều mà tôi có thể nói với bạn về vấn đề này sẽ nghe có vẻ kỳ ảo và sẽ gợi lên sự chế nhạo thích thú của nhà khoa học cứng nhắc. Những lý thuyết mà nhân loại nắm giữ về nguồn gốc của bệnh tật, và sự nhìn nhận vi khuẩn, mầm bệnh cùng các sinh thể xâm nhập tương tự phần lớn là đúng, nhưng điều này chỉ đúng nếu bạn ghi nhớ rằng trên thực tế chúng là các hiệu quả của những nguyên nhân mà nhà nghiên cứu chưa hề chạm tới và đang ẩn giấu trong chính lịch sử của hành tinh này cũng như trong lịch sử chủng tộc của quá khứ—về điều đó người ta biết rất ít hoặc hầu như không biết gì. Ở đây sự phỏng đoán và suy luận thống trị.

1. DISEASES OF HUMANITY, INHERITED FROM THE PAST — 1. CÁC BỆNH CỦA NHÂN LOẠI, ĐƯỢC THỪA HƯỞNG TỪ QUÁ KHỨ

History, as studied today, goes back but a little way and although the enlightened historian and scientist may extend the story of humanity to millions of years, there is naught known about the races of men who lived those millions of years ago; naught is known of the civilisation which flourished in early Atlantean times twelve million years ago; naught is known at all of the still more ancient Lemurian civilisation which goes

Lịch sử, như được nghiên cứu ngày nay, chỉ quay ngược lại được một quãng ngắn, và mặc dù nhà sử học và nhà khoa học giác ngộ có thể kéo dài câu chuyện của nhân loại đến hàng triệu năm, vẫn không biết gì về các chủng người đã sống cách đây hàng triệu năm ấy; không biết gì về nền văn minh đã hưng thịnh trong thời Atlantis sơ kỳ cách đây mười hai triệu năm; hoàn toàn không biết gì về nền văn minh Lemuria còn cổ xưa

back more than fifteen million years; still less is known of that twilight period which existed twenty-one million years ago when men were scarcely human and when they were so closely related to the animal kingdom that we call them by the cumbersome name of "animal-man."

hơn nữa, có niên đại hơn mười lăm triệu năm; và càng ít biết hơn về thời kỳ chạng vạng tồn tại cách đây hai mươi mốt triệu năm khi con người hầu như chưa phải là người và khi họ có quan hệ gần gũi với giới động vật đến mức chúng ta gọi họ bằng cái tên nặng nề là "người thú."

During the vast period between then and now, myriads of people have lived and loved and experienced; their bodies have been absorbed into the dust of the earth and [227] each has contributed something which they have gained during life experience—something different, however, to that which they contribute to the life of the soul on its own plane. This something contributed has altered in some way the atoms and cells of the physical body, and that gained something has in due time been released again into the soil of the planet. Each soul, withdrawn from the body, has come to the earth repeatedly, and many millions are here today, particularly those who were present in later Atlantean times and who are, therefore, the flower and the highest product of that highly emotional race. They bring with them the predispositions and the innate tendencies with which their past history has endowed them.

Trong khoảng thời gian mênh mông từ đó đến nay, vô số người đã sống, yêu thương và trải nghiệm; thể xác của họ đã được hấp thụ vào bụi đất của địa cầu và [227] mỗi người đều đã đóng góp một điều gì đó mà họ thu được trong kinh nghiệm sống—tuy nhiên, khác với điều mà họ đóng góp cho sự sống của linh hồn trên cõi riêng của nó. Điều được đóng góp ấy đã làm biến đổi theo một cách nào đó các nguyên tử và tế bào của thể xác, và điều đã thu được ấy đến đúng lúc lại được giải phóng trở lại vào đất của hành tinh. Mỗi linh hồn, sau khi rút khỏi thể xác, đã nhiều lần trở lại địa cầu, và nhiều triệu linh hồn hiện đang ở đây ngày nay, đặc biệt là những linh hồn đã hiện diện trong các thời Atlantis hậu kỳ và vì thế là tinh hoa và sản phẩm cao nhất của giống dân thiên mạnh về cảm xúc ấy. Họ mang theo những khuynh hướng sẵn có và những xu hướng bẩm sinh mà lịch sử quá khứ của họ đã ban cho họ.

It should therefore be borne in mind that the physical bodies in which humanity now dwells are constructed of very ancient matter and that the substance employed is tainted or conditioned by the history of the past. To this concept must be added two others: First, that incoming souls draw to themselves the type of material with which they must construct their outer sheaths, and that this will be responsive to some aspect of their subtler natures; if, for instance, physical desire conditions them, the material of their physical vehicle will be

Vì vậy cần ghi nhớ rằng các thể xác mà nhân loại hiện đang cư ngụ được cấu tạo từ vật chất rất cổ xưa và rằng chất liệu được sử dụng đã bị nhiễm hoặc bị tác động bởi lịch sử quá khứ. Vào khái niệm này phải thêm hai điều khác: thứ nhất, các linh hồn nhập thế tự thu hút về mình loại vật chất mà họ phải dùng để cấu tạo các thể bên ngoài của mình, và vật chất ấy sẽ đáp ứng với một phương diện nào đó của các bản chất vi tế hơn của họ; chẳng hạn, nếu dục vọng thể xác tác động lên họ, thì vật chất của vận cụ thể xác của họ sẽ phần lớn đáp ứng với sự thúc

largely responsive to that particular urge. Secondly, each physical body carries within itself the seeds of inevitable retribution, if its functions are misused. The great original sin in Lemurian times was sexual in nature, and due largely not only to inherent tendencies, but to the extraordinarily dense population of its civilisation and to the close relation of the animal kingdom. The origin of the syphilitic diseases traces back to these times.

đẩy đặc biệt ấy. Thứ hai, mỗi thể xác đều mang trong chính nó những hạt giống của sự báo ứng tất yếu, nếu các chức năng của nó bị lạm dụng. Tội lỗi nguyên thủy lớn trong thời Lemuria có bản chất tính dục, và phần lớn không chỉ do các khuynh hướng cố hữu mà còn do dân số cực kỳ đông đúc của nền văn minh ấy và do mối liên hệ gần gũi với giới động vật. Nguồn gốc của các bệnh giang mai truy nguyên về những thời kỳ đó.

There is a beautiful idea in the minds of the ignorant that primitive races are free from that type of contamination and that the many sexual diseases and their results are predominantly the diseases of civilisation. This is not so [228] from the occult angle of vision. True knowledge disproves it. In the infancy of the race, a great mismating, promiscuity and series of perversions took place, and in the language of some of the most ancient books in the Masters' Archives we read: "earth took its toll and earth to earth, polluted and impure, returned to earth; thus evil life entered the pristine cleanliness of the ancient mother. Deep in the soil the evil lies, emerging into form from time to time, and only fire and suffering can cleanse the mother of the evil which her children have given unto her."

Trong tâm trí của người vô minh có một ý tưởng đẹp rằng các chủng tộc nguyên thủy không bị loại ô nhiễm đó và rằng nhiều bệnh tính dục cùng các hậu quả của chúng chủ yếu là bệnh của nền văn minh. Điều này không đúng [228] theo góc nhìn huyền bí. Tri thức chân chính bác bỏ điều đó. Trong thời thơ ấu của nhân loại, đã xảy ra một sự phối giống sai lạc lớn lao, sự bừa bãi và một chuỗi các lệch lạc, và bằng ngôn ngữ của một số sách cổ xưa nhất trong Văn Khố của các Chân sư, chúng ta đọc thấy: "đất đã lấy phần của mình và đất với đất, ô nhiễm và bất tịnh, trở về với đất; do đó sự sống xấu ác đã đi vào sự tinh sạch nguyên sơ của người mẹ cổ xưa. Sâu trong lòng đất cái ác nằm đó, thỉnh thoảng trồi lên thành hình tướng, và chỉ có lửa cùng đau khổ mới có thể thanh tẩy người mẹ khỏi cái ác mà con cái bà đã trao cho bà."

The Lemurian race practically destroyed itself, owing to its misuse of the sacral centre, which was at that time the most active and the dominant centre. In Atlantean days it was the solar plexus centre which was the prime objective of the "entering fire." The work of the Hierarchy in Lemurian days was, as I have told you elsewhere, to teach infant humanity the nature, meaning and significance of the physical vehicle, just as in the next race, the emotional was fostered and the major object

Giống dân Lemuria trên thực tế đã tự hủy diệt mình do lạm dụng trung tâm xương cùng, vốn vào thời đó là trung tâm hoạt động mạnh nhất và chi phối nhất. Trong thời Atlantis, chính trung tâm tùng thái dương là mục tiêu chủ yếu của "ngọn lửa đi vào." Công việc của Thánh đoàn trong thời Lemuria, như tôi đã nói với bạn ở nơi khác, là dạy cho nhân loại ấu thơ bản chất, ý nghĩa và thâm nghĩa của vận cụ thể xác, cũng như trong giống dân kế tiếp, bản chất cảm xúc được nuôi dưỡng và trở thành đối tượng chú

of attention, and in our race, it is the mind which is subjected to stimulation. The initiate in Lemurian times was one who had completely mastered the control of the body, and hatha-yoga was then the outstanding spiritual practice. This, in time, was superseded by laya-yoga, which brought all the centres in the etheric body (except the throat and head centres) into functioning activity. This is not the type of activity which is now possible, because it must be remembered that the Master in those days had not the development or the understanding of the Masters of today, the only exceptions being Those Who had come from other schemes and spheres to aid animal-man and primitive humanity.

ý chính, còn trong giống dân của chúng ta, chính trí tuệ là điều đang chịu sự kích thích. Điểm đạo đồ trong thời Lemuria là người đã hoàn toàn làm chủ được sự kiểm soát thể xác, và hatha-yoga khi ấy là thực hành tinh thần nổi bật. Theo thời gian, điều này được thay thế bằng laya-yoga, đưa tất cả các trung tâm trong thể dĩ thái (ngoại trừ trung tâm cổ họng và các trung tâm đầu) vào hoạt động chức năng. Đây không phải là loại hoạt động hiện nay có thể có, vì cần nhớ rằng Chân sư thời đó không có sự phát triển hay sự thấu hiểu như các Chân sư ngày nay, ngoại trừ Những Đấng đã đến từ các hệ hành tinh và các khối cầu khác để trợ giúp người thú và nhân loại nguyên thủy.

A. Venereal and Syphilitic Diseases.

A. Các bệnh hoa liễu và giang mai.

Paralleling all the activity of the Great White Lodge [229] (as was always the case and is the case today) was the activity of the dark forces. Their effects had to be brought about through the medium of the sacral centre, and thus a most vicious situation came about which weakened the stamina of the human body, which greatly increased the demands of the sex nature through the stimulation of the sacral centre, artificially brought about by the Black Lodge, and which produced many unholy alliances and widespread evil relations.

Song song với mọi hoạt động của Thánh đoàn [229] (như luôn luôn là vậy và ngày nay vẫn thế) là hoạt động của các mãnh lực tối tăm. Các hiệu quả của chúng phải được tạo ra thông qua trung gian của trung tâm xương cùng, và do đó đã xuất hiện một tình trạng cực kỳ hiểm ác làm suy yếu sức bền của thể xác con người, làm gia tăng mạnh mẽ các đòi hỏi của bản chất tính dục thông qua sự kích thích trung tâm xương cùng, được Hắc đoàn tạo ra một cách nhân tạo, và sản sinh ra nhiều liên minh bất tịnh cùng những quan hệ xấu ác lan rộng.

A great new law of nature was then imposed by the planetary Logos which has been expressed (very inadequately) by the words, “The soul that sinneth, it shall die.” This law could be better expressed by saying, “He that misuses that which he hath built will see it fall from forces within itself.”

Khi ấy một định luật mới vĩ đại của thiên nhiên đã được Hành Tinh Thượng Đế áp đặt, được diễn đạt (rất không đầy đủ) bằng những lời: “Linh hồn nào phạm tội, linh hồn ấy sẽ chết.” Định luật này có thể được diễn đạt đúng hơn bằng cách nói: “Kẻ nào lạm dụng điều mà y đã xây dựng sẽ thấy nó sụp đổ bởi các mãnh lực từ bên trong chính nó.”

As the centuries slipped away and the Lemurian race submitted to the evil impulses of the animal nature, gradually the earliest type of venereal disease made its appearance; eventually the entire race was riddled with it and died out, nature taking its toll and exacting its inexorable price. You might here ask how these early inhabitants of our planet could be held responsible for there is no sin where there is no sense of responsibility and no consciousness of wrong doing. The Hierarchy in those days had its own methods of teaching these infant peoples, just as the smallest child can be taught today to refrain from certain physical habits. Humanity then knew well what was evil, because the evidences of that evil were physically apparent and quite easily perceived. The penalty was obvious and the results immediate; the Teachers of the race saw to it that cause and effect were quickly to be noted.

Khi các thế kỷ trôi qua và giống dân Lemuria thuận theo các xung lực xấu ác của bản chất thú tính, dần dần loại bệnh hoa liễu sớm nhất đã xuất hiện; cuối cùng toàn bộ giống dân ấy bị đục khoét bởi nó và tuyệt diệt, thiên nhiên lấy phần của mình và đòi cái giá không thể cưỡng lại của nó. Ở đây bạn có thể hỏi làm sao những cư dân đầu tiên của hành tinh chúng ta có thể bị quy trách nhiệm, vì không có tội lỗi ở nơi không có ý thức trách nhiệm và không có ý thức về hành vi sai trái. Thánh đoàn thời đó có những phương pháp riêng để dạy dỗ các dân tộc ấu thơ ấy, cũng như ngày nay đứa trẻ nhỏ nhất cũng có thể được dạy để tránh những thói quen thể xác nhất định. Khi ấy nhân loại biết rõ điều gì là xấu ác, vì các bằng chứng của điều xấu ác ấy biểu hiện rõ ràng trên phương diện thể xác và khá dễ nhận thấy. Hình phạt là hiển nhiên và kết quả là tức thời; các Huấn sư của nhân loại đã bảo đảm rằng nguyên nhân và kết quả được ghi nhận một cách nhanh chóng.

At this time there also arose the first tendencies to marriage, as differentiated from promiscuity; the formation of family units became the subject of attention and [230] a goal for the most highly evolved. This was one of the first tasks undertaken by the Hierarchy and the first effort toward any form of group activity, conveying the first lesson in responsibility. The family unit was not stable as it can be now, but even its relatively brief tenure was a tremendous step forward; the segregation of the family unit and the growth of the sense of responsibility has gone steadily forward until it has culminated in our present system of marriage and our stress in the Occident upon monogamy; it has led to the western pride in family strains and pedigrees, our interest in genealogies and relationships, and the complete horror of

Vào thời điểm này cũng xuất hiện những khuynh hướng đầu tiên hướng tới hôn nhân, phân biệt với quan hệ tính dục bừa bãi; việc hình thành các đơn vị gia đình trở thành đối tượng chú ý và [230] là mục tiêu cho những người tiến hóa cao nhất. Đây là một trong những nhiệm vụ đầu tiên do Thánh đoàn đảm nhận và là nỗ lực đầu tiên hướng tới bất kỳ hình thức hoạt động nhóm nào, truyền đạt bài học đầu tiên về trách nhiệm. Đơn vị gia đình khi ấy không ổn định như hiện nay, nhưng ngay cả thời gian tồn tại tương đối ngắn ngủi của nó cũng là một bước tiến khổng lồ; sự tách biệt của đơn vị gia đình và sự phát triển của ý thức trách nhiệm đã tiến triển đều đặn cho đến khi đạt đỉnh trong hệ thống hôn nhân hiện nay của chúng ta và sự nhấn mạnh của chúng ta ở phương Tây vào chế độ một vợ một chồng; nó đã dẫn đến niềm tự hào của phương Tây về dòng dõi gia

the occidental thinker over the syphilitic diseases as they affect families and their offspring.

đình và huyết hệ, sự quan tâm của chúng ta đến gia phả và quan hệ thân thuộc, cùng nỗi kinh hoàng hoàn toàn của nhà tư tưởng phương Tây trước các bệnh giang mai khi chúng ảnh hưởng đến gia đình và con cháu của họ.

Two most interesting things are, however, happening today. The family unit, on a worldwide scale, is being broken up, owing to the fortunes of war and—on a smaller scale—owing to the more modern views concerning marriage and divorce. Secondly, definite and rapid cures for the sexual diseases are being discovered, and these may tend to make people more reckless. When, however, they are perfected, they will in the long run safeguard the race and will return bodies to the soil after death freed from the plague which has contaminated the earth for endless ages. There will thus be brought about a gradual purifying of the soil. The growth of the practice of cremation will also aid this process of purification. Destruction by fire and the intensity of the heat engendered by applied military methods are also helping, and during the next one million years we shall see syphilis (inherited from Lemuria) stamped out, both in the human family and in the soil of the planet.

Tuy nhiên, hiện nay có hai điều rất đáng chú ý đang xảy ra. Đơn vị gia đình, trên quy mô toàn thế giới, đang bị tan vỡ do những biến động của chiến tranh và—trên quy mô nhỏ hơn—do các quan điểm hiện đại hơn về hôn nhân và ly dị. Thứ hai, những phương pháp chữa trị dứt khoát và nhanh chóng đối với các bệnh tính dục đang được khám phá, và điều này có thể khiến con người trở nên liều lĩnh hơn. Tuy nhiên, khi chúng được hoàn thiện, về lâu dài chúng sẽ bảo vệ nhân loại và sẽ trả các thể xác về cho đất sau khi chết, được giải thoát khỏi tai họa đã làm ô nhiễm địa cầu suốt vô số thời đại. Nhờ đó sẽ diễn ra một sự thanh lọc dần dần của đất. Sự phát triển của thực hành hỏa táng cũng sẽ hỗ trợ tiến trình thanh lọc này. Sự hủy diệt bằng lửa và cường độ nhiệt do các phương pháp quân sự được áp dụng tạo ra cũng đang giúp ích, và trong một triệu năm tới chúng ta sẽ thấy bệnh giang mai (được thừa hưởng từ Lemuria) bị quét sạch, cả trong gia đình nhân loại lẫn trong đất của hành tinh.

As the ages passed away, humanity entered into the Atlantean stage of development. The conscious control of the physical body dropped below the threshold of consciousness; the etheric body became consequently more potent (a [231] fact not oft considered), and the physical body reacted increasingly like an automaton to the impression and the direction of a steadily developing desire nature. Desire became something more than simply response to animal physical urges and to the primitive instincts, but was directed to

Khi các thời đại trôi qua, nhân loại bước vào giai đoạn phát triển Atlantis. Sự kiểm soát có ý thức đối với thể xác rơi xuống dưới ngưỡng tâm thức; do đó thể dĩ thái trở nên mạnh hơn (một [231] sự kiện ít được cân nhắc), và thể xác ngày càng phản ứng như một cỗ máy tự động trước ấn tượng và sự chỉ đạo của một bản chất dục vọng đang phát triển đều đặn. Dục vọng trở thành một điều gì đó hơn là chỉ đáp ứng với các thôi thúc thể xác thú tính và các bản năng nguyên thủy, mà còn hướng tới các đối tượng và mục tiêu ở ngoài thể xác, hướng tới của cải vật chất và hướng

objects and objectives extraneous to the body, towards material possessions and towards that which (when seen and coveted) could be appropriated. Just as the major sins of Lemurian times (if they could be called sins in any true sense, because of the low intelligence of the race) were through the misuse of sex, so the major sin of the Atlantean people was theft—widespread and general. The seeds of aggression and of personal acquisitiveness began to show themselves, culminating in the great war (as related in The Secret Doctrine) between the Lords of the Shining Countenance and the Lords of the Dark Face. To procure what they coveted and felt they needed, the most highly evolved of that race began to practice magic. It is not possible for me to outline to you the nature and practices of Atlantean magic with its control of elementals and of forms of life which have now been driven back into retreat and are inaccessible to humanity; neither can I indicate to you the particular methods used to acquire what was desired, the Words of Power employed and the carefully planned rituals which were followed by those who sought to enrich themselves and to take what they wanted, no matter what the cost to others. This magical work was the misdirected travesty of the White Magic so openly used in those days, prior to the great war between the Forces of Light and the Forces of Evil. Magic of the right kind was very familiar to the Atlantean people, and was used by those Members of the Hierarchy Who were entrusted with the guidance of the race and Who were combating rampant evil in high places. That same evil is again upon the warpath and is being [232] fought by the men of goodwill, under the direction of the Great White Lodge. Heights of luxury were reached in Atlantis of which we, with all our boasted civilisation, know nothing and have never achieved. Some faint traces of it have

tới điều mà (khi được nhìn thấy và thèm muốn) có thể bị chiếm đoạt. Cũng như các tội lỗi chính của thời Lemuria (nếu chúng có thể được gọi là tội lỗi theo bất kỳ nghĩa chân chính nào, vì trí tuệ thấp kém của giống dân ấy) là do lạm dụng tính dục, thì tội lỗi chính của dân Atlantis là trộm cắp—rộng khắp và phổ biến. Những hạt giống của sự xâm lấn và tính chiếm hữu cá nhân bắt đầu biểu lộ, đạt cực điểm trong cuộc đại chiến (như được thuật lại trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*) giữa các Đấng Chúa Tể của Gương Mặt Rạng Ngời và các Đấng Chúa Tể của Gương Mặt Tối Tăm. Để có được điều họ thèm muốn và cảm thấy mình cần, những người tiến hóa cao nhất của giống dân ấy bắt đầu thực hành huyền thuật. Tôi không thể phác họa cho bạn bản chất và các thực hành của huyền thuật Atlantis với sự kiểm soát các hành khí và các hình thức sự sống hiện nay đã bị đẩy lui vào chỗ ẩn náu và con người không thể tiếp cận; tôi cũng không thể chỉ ra cho bạn những phương pháp đặc biệt được dùng để đạt được điều mong muốn, các Quyền năng từ được sử dụng và các nghi lễ được hoạch định cẩn thận mà những kẻ tìm cách làm giàu cho mình và chiếm lấy điều họ muốn, bất kể cái giá phải trả cho người khác, đã tuân theo. Công việc huyền thuật này là sự xuyên tạc sai lạc của Chánh Thuật vốn được sử dụng rất công khai trong những ngày ấy, trước cuộc đại chiến giữa Các Mãnh Lực Ánh Sáng và Các Mãnh Lực Tà Ác. Huyền thuật đúng đắn rất quen thuộc với dân Atlantis, và được dùng bởi những Thành viên của Thánh đoàn được giao phó việc hướng dẫn giống dân ấy và đang chiến đấu chống lại điều ác hoành hành ở những nơi quyền lực cao. Cũng chính điều ác ấy hiện lại đang trên đường chiến tranh và đang bị những người thiện chí [232] chống lại, dưới sự chỉ đạo của Thánh đoàn. Ở Atlantis đã đạt tới những đỉnh cao xa hoa mà chúng ta, với tất cả nền văn minh đáng tự hào của mình, không hề biết đến và chưa bao giờ đạt được. Một vài dấu vết mờ nhạt của nó

come to us from legends and from ancient Egypt, from archeological discovery and old fairy tales. There was a recurrence of pure Atlantean mischief and wickedness in the decadent days of the Roman Empire. Life became tainted by the miasma of unadulterated selfishness and the very springs of life itself became polluted. Men only lived and breathed in order to be in possession of the utmost luxury and of a very plethora of things and of material goods. They were smothered by desire and plagued by the dream of never dying but of living on and on, acquiring more and more of all that they desired.

đã đến với chúng ta qua truyền thuyết và từ Ai Cập cổ đại, từ các khám phá khảo cổ và những truyện cổ tích xưa. Đã có một sự tái diễn của sự tai hại và độc ác thuần Atlantis trong những ngày suy đồi của Đế quốc La Mã. Sự sống bị nhiễm độc bởi làn khí độc của tính ích kỷ không pha tạp và chính các nguồn suối của sự sống cũng bị ô nhiễm. Con người chỉ sống và thở để chiếm hữu sự xa hoa tột bậc và vô số đồ vật cùng của cải vật chất. Họ bị dục vọng làm ngạt thở và bị ám ảnh bởi giấc mơ không bao giờ chết mà cứ sống mãi, tích lũy ngày càng nhiều mọi thứ họ ham muốn.

B. Tuberculosis.

B. Lao phổi.

It is in this situation that we find the origin of tuberculosis. It originated in the organs whereby men breathe and live, and was imposed—as a penalty—by the Great White Lodge; the Masters promulgated a new law for the Atlantean people when Lemurian vice and Atlantean cupidity were at their most ruthless height. This law can be translated into the following terms: "He who lives only for material goods, who sacrifices all virtue in order to gain that which cannot last, will die in life, will find breath failing him, and yet will refuse to think of death until the summons comes."

Chính trong tình trạng này mà chúng ta tìm thấy nguồn gốc của bệnh lao. Nó phát sinh trong các cơ quan nhờ đó con người hô hấp và sống, và đã được áp đặt—như một hình phạt—bởi Thánh đoàn; các Chân sư đã ban hành một định luật mới cho dân Atlantis khi thói xấu Lemuria và lòng tham Atlantis đạt đến đỉnh điểm tàn nhẫn nhất. Định luật này có thể được chuyển dịch thành những lời sau: "Kẻ chỉ sống vì của cải vật chất, kẻ hy sinh mọi đức hạnh để đạt được điều không thể bền lâu, sẽ chết trong khi sống, sẽ thấy hơi thở mình suy kiệt, nhưng vẫn sẽ từ chối nghĩ đến cái chết cho đến khi tiếng gọi đến."

It is difficult for us in these days to appreciate or to comprehend the Atlantean state of consciousness. There was no mental process whatsoever except among the leaders of the race; there was only rampant, ruthless, insatiable desire. This action of the Great White Lodge forced two issues and confronted the race with two hitherto unrealised [233] problems. The first was that psychological attitudes and states of consciousness can and do bring about

Ngày nay chúng ta khó có thể đánh giá hay thấu hiểu trạng thái tâm thức Atlantis. Hoàn toàn không có tiến trình trí tuệ nào ngoại trừ nơi các thủ lĩnh của giống dân ấy; chỉ có dục vọng hoành hành, tàn nhẫn, không biết chán. Hành động này của Thánh đoàn đã buộc hai vấn đề phải được giải quyết và đặt giống dân ấy trước hai [233] vấn đề chưa từng được nhận ra trước đó. Vấn đề thứ nhất là các thái độ tâm lý và các trạng thái tâm thức có thể và thực sự tạo ra các tình trạng

physiological conditions, these being both good and bad. Secondly, for the first time the people faced with recognition the phenomenon of death—death which they themselves brought about in a new way and not just by physical means. This had to be dramatised for them in some definitely objective manner, for as yet the masses did not respond to verbal teaching but only to visual events. When, therefore, they saw a particularly predatory and rapacious person begin to suffer from a dire disease which seemed to arise from within himself and—whilst suffering—hold on to his love of life (as tubercular people do today), they were faced with another aspect or form of the original law (imposed in Lemurian times) which said: "The soul that sinneth, it shall die." Death had hitherto been accepted without questioning as the fate of all living things, but now, for the first time, mental relationship between individual action and death was recognised—as yet in a dim and feeble way—and a great step forward was made in the human consciousness. Instinct failed to handle this situation.

sinh lý, cả tốt lẫn xấu. Thứ hai, lần đầu tiên con người đối diện một cách có nhận thức với hiện tượng cái chết—cái chết mà chính họ tự gây ra theo một cách mới chứ không chỉ bằng các phương tiện thể xác. Điều này phải được kịch tính hóa cho họ theo một cách rõ rệt và khách quan nào đó, vì quần chúng khi ấy chưa đáp ứng với giáo huấn bằng lời mà chỉ với những biến cố có thể nhìn thấy. Vì vậy, khi họ thấy một người đặc biệt săn mồi và tham lam bắt đầu chịu đựng một căn bệnh khủng khiếp dường như phát sinh từ bên trong chính mình và—trong khi đau khổ—vẫn bám chặt vào tình yêu sự sống (như người bệnh lao ngày nay), họ đã đối diện với một phương diện hay hình thức khác của định luật nguyên thủy (được áp đặt trong thời Lemuria) vốn nói rằng: "Linh hồn nào phạm tội, linh hồn ấy sẽ chết." Trước đó cái chết đã được chấp nhận không thắc mắc như số phận của mọi sinh vật, nhưng nay, lần đầu tiên, mối liên hệ trí tuệ giữa hành động cá nhân và cái chết đã được nhận ra—dù còn mờ nhạt và yếu ớt—và một bước tiến lớn đã được thực hiện trong tâm thức con người. Bản năng đã không thể xử lý tình huống này.

Death, brother of mine, is a great and universal heritage; all forms die, for such is the law of life, to speak in paradoxes. The time had arrived when the race could be taught the lesson that death can either be the ending of a cycle and an automatic response to the great Law of Cycles which continually institutes the new and ends the old, or it can be brought about by the misuse of the physical body, by misapplied energy and by the deliberate action of the man himself. The man who deliberately sins, and who is psychologically wrong in his attitudes and consequent actions, commits suicide just as truly as the man who deliberately blows out his brains. This is

Cái chết, huynh đệ của tôi, là một di sản lớn lao và phổ quát; mọi hình tướng đều chết, vì đó là định luật của sự sống, nói theo nghịch lý. Đã đến lúc nhân loại có thể được dạy bài học rằng cái chết hoặc có thể là sự kết thúc của một chu kỳ và là sự đáp ứng tự động với Định luật Chu kỳ vĩ đại vốn liên tục thiết lập cái mới và chấm dứt cái cũ, hoặc nó có thể được gây ra bởi sự lạm dụng thể xác, bởi năng lượng bị áp dụng sai và bởi hành động có chủ ý của chính con người. Người cố ý phạm tội, và sai lầm về mặt tâm lý trong các thái độ và hành động hệ quả của mình, tự sát cũng thật sự như người cố ý bắn nát óc mình. Điều này hiếm khi được nhận ra,

seldom realised, but the truth will become increasingly apparent.

nhưng chân lý ấy sẽ ngày càng trở nên hiển nhiên.

[234]

[234]

The Biblical injunction to remember that the sins of the fathers will be visited upon the children is a literal statement anent the human heritage of disease from Lemuria and Atlantis. Syphilis and tuberculosis have been extensively prevalent in the first half of the Aryan race, in which we now find ourselves, and today they not only affect the organs of generation or the lungs (as they did in the early stages of their appearance), but now have involved the blood stream and consequently the entire organism of the human body.

Lời răn trong Kinh Thánh rằng hãy nhớ tội lỗi của cha ông sẽ giáng xuống con cháu là một phát biểu theo nghĩa đen liên quan đến di sản bệnh tật của con người từ Lemuria và Atlantis. Bệnh giang mai và lao phổi đã cực kỳ phổ biến trong nửa đầu của giống dân Arya, nơi chúng ta hiện đang sống, và ngày nay chúng không chỉ ảnh hưởng đến các cơ quan sinh sản hay phổi (như trong các giai đoạn đầu khi chúng xuất hiện), mà nay đã liên quan đến dòng máu và do đó đến toàn bộ cơ thể con người.

Much has been done in the last fifty years to bring the great Atlantean disease of tuberculosis under control by simplicity of living, pure and ample food and good air. Much is being done to control, finally, the syphilitic diseases, and both will eventually be stamped out, not only by sound treatment and the discoveries of medical science, but because the race—as it becomes more mentally polarised—will itself deal with the problem from the angle of commonsense, will decide that the physical sins exact too heavy a penalty and that the possession of that which you have not earned or needed, and which consequently is not rightfully yours, is not worth while.

Trong năm mươi năm qua, nhiều việc đã được thực hiện để đưa căn bệnh lớn của Atlantis là lao phổi vào vòng kiểm soát bằng lối sống giản dị, thực phẩm tinh khiết và dồi dào, cùng không khí tốt. Nhiều việc cũng đang được làm để cuối cùng kiểm soát các bệnh giang mai, và cả hai cuối cùng sẽ bị quét sạch, không chỉ nhờ điều trị đúng đắn và những khám phá của khoa học y học, mà còn vì nhân loại—khi trở nên phân cực trí tuệ hơn—sẽ tự mình xử lý vấn đề từ góc độ thường thức, sẽ quyết định rằng các tội lỗi thể xác đòi một cái giá quá nặng và rằng việc sở hữu điều bạn chưa kiếm được hay không cần đến, và do đó không thực sự thuộc về bạn, là không đáng.

It is around these basic ideas that the world war (1914-1945) was fought. We call the unlawful possession of other people's land, territories, goods and chattels, aggression; but this is the same thing in principle as stealing, theft and rape. Today these evils are not only individual sins and faults, but can be national characteristics; the world war

Chính quanh những ý tưởng căn bản này mà cuộc thế chiến (1914-1945) đã được tiến hành. Chúng ta gọi việc chiếm hữu bất hợp pháp đất đai, lãnh thổ, tài sản và của cải của người khác là xâm lược; nhưng về nguyên tắc điều này cũng chính là trộm cắp, cướp đoạt và cưỡng hiếp. Ngày nay những điều ác này không chỉ là tội lỗi và lỗi lầm cá nhân,

has brought the whole problem to the surface of the human consciousness and the ancient Atlantean struggle is being bitterly waged, with the probability that this time the Great White Lodge will triumph. That was not the case in the earlier conflict. Then the war was ended by the intervention of the planetary Logos Himself, and that [235] ancient civilisation went down into the deeps and was engulfed in water—the symbol of purity, sanitation and universality, and therefore appropriate as an ending for what one of the Masters has called "a tubercularly oriented race." Death by drowning and death by obscure physical means which I am not at liberty to describe have both been tried in the effort to salvage humanity. Today, death by fire is the applied technique, and it promises to be successful. In contradistinction to the great Lemurian and Atlantean crises, humanity is now far more mentally alert, the causes of the trouble are recognised, motives are seen more clearly, and the will-to-good and to change past evil conditions is stronger than ever before. What is beginning to manifest now in the public consciousness is something utterly good and new.

mà còn có thể là đặc tính quốc gia; cuộc thế chiến đã đưa toàn bộ vấn đề lên bề mặt tâm thức nhân loại, và cuộc đấu tranh Atlantis cổ xưa đang được tiến hành một cách cay đắng, với khả năng là lần này Thánh đoàn sẽ chiến thắng. Điều đó đã không xảy ra trong cuộc xung đột trước kia. Khi ấy chiến tranh đã chấm dứt nhờ sự can thiệp của chính Hành Tinh Thượng Đế, và nền văn minh [235] cổ xưa ấy đã chìm xuống vực sâu và bị nước nhấn chìm—biểu tượng của sự tinh khiết, vệ sinh và tính phổ quát, và do đó thích hợp như một kết thúc cho điều mà một trong các Chân sư đã gọi là "một giống dân định hướng theo bệnh lao." Cái chết do chết đuối và cái chết do những phương tiện thể xác mơ hồ mà tôi không được phép mô tả, cả hai đều đã được thử trong nỗ lực cứu vớt nhân loại. Ngày nay, cái chết bằng lửa là kỹ thuật được áp dụng, và nó hứa hẹn sẽ thành công. Trái với các cuộc khủng hoảng lớn của Lemuria và Atlantis, hiện nay nhân loại tỉnh táo về trí tuệ hơn nhiều, các nguyên nhân của rắc rối được nhận ra, các động cơ được thấy rõ hơn, và Ý Chí-hướng Thiện cùng ý chí thay đổi các điều kiện xấu ác trong quá khứ mạnh hơn bao giờ hết. Điều đang bắt đầu biểu lộ hiện nay trong tâm thức công chúng là một cái gì đó hoàn toàn tốt đẹp và mới mẻ.

The subjective reasons given to account for the appearance of these two most ancient racial diseases may well appear to the non-esotericist as possible but not probable and as fanciful and too general in nature. This cannot be helped. These two groups of diseases are of such exceedingly ancient origin that I have called them inherent in the planetary life itself and the heritage of all humanity, for in all, the breaking of certain laws will bring about these diseases. If I cared to do so, I could take you still further back into the realm of cosmic evil as it prevails in our solar system and affects the planetary Logos, Who is still numbered

Những lý do chủ quan được đưa ra để giải thích sự xuất hiện của hai căn bệnh chủng tộc cổ xưa nhất này có thể đối với người không nghiên cứu nội môn là điều khả dĩ nhưng khó có khả năng xảy ra, đồng thời có vẻ kỳ ảo và quá tổng quát về bản chất. Điều này không thể tránh được. Hai nhóm bệnh này có nguồn gốc cổ xưa đến mức tôi đã gọi chúng là vốn có trong chính sự sống hành tinh và là di sản của toàn thể nhân loại, vì nơi tất cả mọi người, việc vi phạm một số định luật nhất định sẽ gây ra các bệnh này. Nếu tôi muốn, tôi có thể đưa bạn lùi xa hơn nữa vào lĩnh vực của điều ác vũ trụ như nó đang thịnh hành trong hệ mặt trời của

among “the imperfect Gods.” The outer form of the planet through which He expresses Himself is impregnated to a certain depth with the seeds and germs of these two diseases; as immunity is built up, however, as methods of cure are developed, as preventive medicine comes into its own, and as man himself arrives at increasing mental and soul control of the animal and desire natures, these forms of human suffering will disappear, and (no matter what statistics [236] may say) they are disappearing among the more controlled areas of the human family. As the life of God (expressing itself as individual divinity and universal divinity) pulsates more powerfully through the kingdoms of nature, these two penalties of evil-doing will inevitably no longer be required and will disappear for three reasons:

chúng ta và ảnh hưởng đến Hành Tinh Thượng Đế, Đấng vẫn còn được kể vào số “các Thượng đế bất toàn.” Hình tướng bên ngoài của hành tinh mà qua đó Ngài biểu lộ chính mình đã thấm nhiễm đến một độ sâu nhất định các hạt giống và mầm bệnh của hai căn bệnh này; tuy nhiên, khi khả năng miễn nhiễm được xây dựng, khi các phương pháp chữa trị được phát triển, khi y học phòng ngừa khẳng định vị trí của mình, và khi chính con người đạt tới sự kiểm soát ngày càng tăng của trí tuệ và linh hồn đối với các bản chất thú tính và dục vọng, thì những hình thức đau khổ này của con người sẽ biến mất, và (bất kể các thống kê [236] có thể nói gì) chúng đang biến mất trong những khu vực được kiểm soát hơn của gia đình nhân loại. Khi sự sống của Thượng đế (biểu lộ như thiên tính cá nhân và thiên tính phổ quát) rung động mạnh mẽ hơn qua các giới trong thiên nhiên, thì hai hình phạt của hành vi xấu ác này tất yếu sẽ không còn cần thiết nữa và sẽ biến mất vì ba lý do:

1. The orientation of humanity towards the light is steadily changing and “light dispels all evil.” The light of knowledge and the recognition of causes will bring about those carefully planned conditions which will make the syphilitic diseases and tuberculosis things of the past.

1. Sự định hướng của nhân loại về phía ánh sáng đang thay đổi đều đặn và “ánh sáng làm tiêu tan mọi điều ác.” Ánh sáng của tri thức và sự nhận biết các nguyên nhân sẽ tạo ra những điều kiện được hoạch định cẩn thận khiến các bệnh giang mai và lao phổi trở thành chuyện của quá khứ.

2. The centres below the diaphragm will be subjected to a cleansing, lifting process; the life of the sacral centre will be controlled and the energy usually focussed there will be expended in creative living, through the medium of the throat centre; the solar plexus centre will have its energy lifted to the heart, and the trend of human selfishness will then die out.

2. Các trung tâm dưới cơ hoành sẽ chịu một tiến trình thanh lọc và nâng lên; sự sống của trung tâm xương cùng sẽ được kiểm soát và năng lượng thường tập trung ở đó sẽ được sử dụng trong đời sống sáng tạo thông qua trung tâm cổ họng; trung tâm tùng thái dương sẽ được nâng năng lượng lên tim, và khi ấy xu hướng ích kỷ của con người sẽ tắt dần.

3. Complete cures, implemented by science, will bring about a gradual fading out of contagion.

Another reason which will bring about the cessation of those practises and modes of living and desiring which account for these diseases is one little recognised as yet; it was referred to by the Christ when He spoke of the time when nothing secret would remain hidden and when all secrets would be shouted aloud from the housetops. The growth of telepathic registration and of the psychic powers such as clairvoyance and clairaudience will eventually tend to strip humanity of the privacy in which to sin. The powers whereby the Masters and the higher initiates can ascertain the psychic state and physical condition of humanity, its quality and consciousness, are already beginning to show [237] themselves in advanced humanity. People will sin, commit evil deeds and satisfy inordinate desire, but they will be known to their fellowmen and nothing that they do will be carried out in secret. Some one or some group will be aware of the tendencies in the life of a man, and even of the incidents in which he satisfies some demand of his lower nature, and the fact of this possibility will act as a great deterrent—a far greater deterrent than you can imagine. Man is indeed his brother's keeper, and the keeping will take the form of knowledge and of "boycott and sanctions"—as it is called today in reference to the penalising of nations. I would have you ponder on these two modes of treating wrong doing. They will be practically automatically applied as a matter of good taste, right feeling and helpful intention by individuals and groups to other individuals and groups, and in this way crime and the tendency to evil doing will gradually be stamped out. It will be realised that all crime is founded upon some

3. Những phương pháp chữa trị hoàn toàn, được khoa học thực hiện, sẽ mang lại sự phai tàn dần dần của sự lây nhiễm.

Một lý do khác sẽ mang lại sự chấm dứt những thực hành và lối sống, lối ham muốn gây ra các bệnh này là điều cho đến nay ít được nhìn nhận; điều đó đã được Đức Christ nhắc đến khi Ngài nói về thời điểm mà không điều bí mật nào còn bị che giấu và khi mọi bí mật sẽ được rao lên từ mái nhà. Sự phát triển của sự ghi nhận viễn cảm và của các năng lực thông linh như thông nhãn và thông nhĩ cuối cùng sẽ có xu hướng tước khỏi nhân loại sự riêng tư để phạm tội. Những năng lực nhờ đó các Chân sư và các điểm đạo đồ cao cấp có thể xác định trạng thái thông linh và tình trạng thể xác của nhân loại, phẩm tính và tâm thức của họ, đã bắt đầu biểu lộ [237] nơi phần nhân loại tiến bộ. Con người sẽ phạm tội, làm điều ác và thỏa mãn dục vọng quá độ, nhưng họ sẽ bị đồng loại biết đến và không điều gì họ làm sẽ được thực hiện trong bí mật. Một ai đó hay một nhóm nào đó sẽ biết được các khuynh hướng trong đời sống của một người, và ngay cả những sự việc trong đó y thỏa mãn một đòi hỏi nào đó của bản chất thấp kém của mình, và chính sự kiện về khả năng này sẽ hoạt động như một sự ngăn chặn lớn lao—lớn hơn nhiều so với điều bạn có thể tưởng tượng. Quả thật con người là người giữ gìn huynh đệ mình, và sự giữ gìn ấy sẽ mang hình thức của tri thức và của "tẩy chay và chế tài"—như ngày nay người ta gọi khi nói đến việc trừng phạt các quốc gia. Tôi muốn bạn suy ngẫm về hai phương thức xử lý hành vi sai trái này. Chúng sẽ được áp dụng gần như tự động như một vấn đề của gu thẩm mỹ tốt, cảm nhận đúng đắn và ý định trợ giúp bởi các cá nhân và nhóm đối với các cá nhân và nhóm khác, và theo cách này tội ác cùng khuynh hướng làm điều ác sẽ dần dần bị quét sạch. Người ta sẽ nhận ra rằng

form of disease, or upon a glandular lack or overstimulation, based in turn upon the development or the underdevelopment of some one or other of the centres. An enlightened public opinion—informed as to man's constitution and aware of the great Law of Cause and Effect—will deal with the criminal through medical means, right environmental conditions, and the penalties of boycott and sanctions. I have no time to enlarge upon these matters, but these suggestions will give you food for thought.

mọi tội ác đều dựa trên một dạng bệnh nào đó, hoặc trên sự thiếu hụt hay kích thích quá mức của tuyến, mà đến lượt nó lại dựa trên sự phát triển hay kém phát triển của một trung tâm nào đó. Một dư luận công chúng được soi sáng—được thông tin về cấu tạo của con người và ý thức được Định luật Nhân Quả vĩ đại—sẽ xử lý tội phạm bằng các phương tiện y học, các điều kiện môi trường đúng đắn, và các hình phạt tẩy chay cùng chế tài. Tôi không có thời gian để nói rộng hơn về những vấn đề này, nhưng những gợi ý này sẽ cho bạn nhiều điều đáng suy ngẫm.

C. Cancer.

C. Ung thư.

We come now to a consideration of the rapidly increasing and typical Atlantean disease which we call cancer. We have spoken of one basic widespread disease related to the physical body; we have dealt superficially with another which is a product of the desire nature. Cancer, in our [238] present cycle, the Aryan, is definitely a result of the activity of the lower concrete mind and of the stimulation of the etheric body which the mind can bring about. It is a major disease incident to stimulation, as far as the Aryan masses are concerned, just as heart disease is also a disease of stimulation, affecting very largely the advanced types of humanity who—through interest in business and leadership—often sacrifice their lives and pay the penalty of misused and over-concentrated energy by developing various forms of acute heart trouble.

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét căn bệnh Atlantis điển hình và đang gia tăng nhanh chóng mà chúng ta gọi là ung thư. Chúng ta đã nói về một căn bệnh căn bản lan rộng liên hệ với thể xác; chúng ta đã đề cập sơ lược đến một căn bệnh khác là sản phẩm của bản chất dục vọng. Ung thư, trong [238] chu kỳ hiện nay của chúng ta, chu kỳ Arya, rõ ràng là kết quả của hoạt động của hạ trí cụ thể và của sự kích thích thể dĩ thái mà trí tuệ có thể tạo ra. Đây là một bệnh lớn do kích thích gây ra, xét theo quần chúng Arya, cũng như bệnh tim cũng là một bệnh do kích thích, ảnh hưởng rất nhiều đến những loại người tiến bộ, những người—do quan tâm đến kinh doanh và lãnh đạo—thường hy sinh mạng sống của mình và trả giá cho năng lượng bị lạm dụng và tập trung quá mức bằng cách phát triển nhiều dạng bệnh tim cấp tính.

Disciples and initiates are prone also to suffer from this disease, owing to the awakening into violent activity of the heart centre. In the one case, the life energy flowing through the heart is employed past all human tolerance in handling human affairs; in the other, the heart centre opens

Các đệ tử và điểm đạo đồ cũng dễ mắc bệnh này do trung tâm tim được đánh thức vào hoạt động mãnh liệt. Trong trường hợp thứ nhất, năng lượng sự sống chảy qua tim được sử dụng vượt quá mọi sức chịu đựng của con người trong việc xử lý các công việc nhân loại; trong trường hợp thứ hai, trung tâm

up and the strain put upon the organ of the heart is too great, and heart disease supervenes. A third cause of heart disease is due to the premature or deliberately planned lifting of the energy of the solar plexus to the heart, thus putting an unexpected strain upon it.

tim mở ra và sức căng đặt lên cơ quan tim là quá lớn, và bệnh tim phát sinh. Nguyên nhân thứ ba của bệnh tim là do sự nâng năng lượng của tùng thái dương lên tim một cách non sớm hoặc có chủ ý, do đó đặt lên tim một sức ép bất ngờ.

I am dealing naturally in broad generalisations; later evidence will go to show the types of activity which will evoke corresponding difficulty within the heart. Heart disease will increase greatly as we enter into the new rootrace, particularly during the interim wherein the fact of the centres, their nature and qualities, is admitted and they consequently become the objective of trained attention. Energy follows thought, and this mental focussing upon the centres will inevitably produce overstimulation of all the centres, and this in spite of care and a carefully developed Science of the Centres. It is something which cannot be avoided, owing to the nervous and uneven unfoldment of man. Later, this stimulation will be regulated and controlled, [239] and the heart will be subjected only to a general strain, along with all the other centres.

Dĩ nhiên tôi đang đề cập đến những khái quát rộng lớn; về sau bằng chứng sẽ cho thấy những loại hoạt động nào sẽ gợi ra những khó khăn tương ứng trong tim. Bệnh tim sẽ gia tăng rất nhiều khi chúng ta bước vào giống dân gốc mới, đặc biệt trong giai đoạn chuyển tiếp khi sự kiện về các trung tâm, bản chất và phẩm tính của chúng được thừa nhận và do đó chúng trở thành đối tượng của sự chú ý được huấn luyện. Năng lượng đi theo tư tưởng, và sự tập trung trí tuệ này vào các trung tâm tất yếu sẽ tạo ra sự kích thích quá mức của mọi trung tâm, và điều này bất chấp sự cẩn trọng và một Khoa Học về các Trung Tâm được phát triển cẩn thận. Đây là điều không thể tránh khỏi, do sự khai mở thần kinh và không đồng đều của con người. Về sau, sự kích thích này sẽ được điều chỉnh và kiểm soát, [239] và tim sẽ chỉ chịu một sức ép tổng quát, cùng với tất cả các trung tâm khác.

Cancer is a disease most definitely related to the centres, and it will be found that the centre in the area wherein the cancer exists is overactive, with a consequent increase of energy pouring through the related bodily substance. This energy and the overstimulation of a centre can be due not only to the activity of the centre and its consequent radiation, but also the suppression imposed by the mind upon any activity of a particular centre. This brings about a damming up of energy, and again we have the creation of too much concentrated energy in any particular area. One of the

Ung thư là một bệnh rõ rệt có liên hệ với các trung tâm, và người ta sẽ thấy rằng trung tâm ở khu vực nơi ung thư tồn tại là quá hoạt động, với hậu quả là có sự gia tăng năng lượng tuôn qua chất liệu thể xác liên hệ. Năng lượng này và sự kích thích quá mức của một trung tâm có thể không chỉ do hoạt động của trung tâm và bức xạ hệ quả của nó, mà còn do sự đè nén mà trí tuệ áp đặt lên bất kỳ hoạt động nào của một trung tâm đặc biệt. Điều này tạo ra sự ứ đọng năng lượng, và một lần nữa chúng ta có sự tạo thành quá nhiều năng lượng tập trung trong một khu vực nhất định. Một trong những nguồn

main sources of cancer as related to the sacral centre, and therefore to the sex organs, has been the well-intentioned suppression of the sex life, and of all thought connected with the sex life, by misguided aspirants; they are those who find the teaching—monastic and celibate—of the Middle Ages the line of least resistance. In that period of time, good people taught that sex was evil and wicked, something not to be mentioned, and a potent source of trouble. Normal reactions, instead of being controlled and transmuted into creative activity, were violently suppressed and all thoughts anent the sex life were refused expression. Nevertheless, energy follows the direction of thought, with the result that that particularly magnetic type of energy attracted an increasing number of cells and atoms to itself; therein is found the source of the tumours, growths and cancers so prevalent today. The same thing can be said about the violent inhibition imposed by an aspirant upon all emotional reactions and feelings. In their effort to control the astral body, these people resort to a process of direct inhibition and suppression. That suppression makes of the solar plexus centre a great reservoir of drastically retained energy. Transmutation of the emotions into aspiration and love and directed [240] control is not present, and the existence of this vibrant reservoir of power brings about cancer of the stomach, of the liver, and sometimes of the entire area of the abdomen. I simply mention these causes (overactivity of a centre and the retention of energy, unexpressed and inhibited) as fruitful sources of cancer.

chính của ung thư liên hệ với trung tâm xương cùng, và do đó với các cơ quan sinh dục, là sự đè nén đời sống tính dục với thiện ý, và mọi tư tưởng liên hệ đến đời sống tính dục, bởi những người chí nguyện lầm lạc; họ là những người thấy giáo huấn—tu viện và độc thân—của thời Trung Cổ là con đường ít trở ngại nhất. Trong thời kỳ đó, những người tốt dạy rằng tính dục là xấu ác và tội lỗi, là điều không nên nhắc đến, và là một nguồn rắc rối mạnh mẽ. Những phản ứng bình thường, thay vì được kiểm soát và chuyển hoá thành hoạt động sáng tạo, đã bị đè nén dữ dội và mọi tư tưởng liên quan đến đời sống tính dục đều bị từ chối biểu lộ. Tuy nhiên, năng lượng đi theo hướng của tư tưởng, với kết quả là loại năng lượng có từ tính đặc biệt ấy đã thu hút về phía nó ngày càng nhiều tế bào và nguyên tử; ở đó tìm thấy nguồn gốc của các khối u, sự tăng trưởng bất thường và ung thư rất phổ biến ngày nay. Điều tương tự có thể được nói về sự ức chế dữ dội mà một người chí nguyện áp đặt lên mọi phản ứng và cảm xúc. Trong nỗ lực kiểm soát thể cảm dục, những người này dùng đến một tiến trình ức chế và đè nén trực tiếp. Sự đè nén ấy biến trung tâm tùng thái dương thành một hồ chứa lớn của năng lượng bị giữ lại một cách khắc nghiệt. Sự chuyển hoá cảm xúc thành khát vọng và bác ái cùng sự kiểm soát có định hướng [240] không hiện diện, và sự tồn tại của hồ chứa quyền năng rung động này gây ra ung thư dạ dày, gan, và đôi khi của toàn bộ vùng bụng. Tôi chỉ đơn giản nêu ra những nguyên nhân này (sự quá hoạt động của một trung tâm và sự giữ lại năng lượng, không được biểu lộ và bị ức chế) như những nguồn sinh sôi của ung thư.

We come back in every case, as you can see, to the fact of the existence of the centres and their physiological effects. So much emphasis has been laid upon the qualities and characteristics which man will develop

Như bạn có thể thấy, trong mọi trường hợp chúng ta lại quay về sự kiện tồn tại của các trung tâm và các hiệu quả sinh lý của chúng. Người ta đã nhấn mạnh quá nhiều vào những phẩm tính và đặc điểm mà con người

when the centres are all properly organised and directed, that the effects of the energy which they receive and distribute into the physical organism have been largely overlooked. Two factors in connection with the centres and the blood stream therefore warrant repetition and attention:

sẽ phát triển khi các trung tâm đều được tổ chức và chỉ đạo đúng đắn, đến nỗi các hiệu quả của năng lượng mà chúng tiếp nhận và phân phối vào cơ thể hồng trần phần lớn đã bị bỏ qua. Vì vậy, hai yếu tố liên quan đến các trung tâm và dòng máu đáng được nhắc lại và chú ý:

1. The blood stream is the agent of the glandular system as it, in its turn, is an effect of the centres; the blood stream carries to every part of the body those essential elements of which we know so little and which are responsible for making man psychologically what he is, and thus physically control his equipment.

1. Dòng máu là tác nhân của hệ thống tuyến, mà đến lượt nó là một hiệu quả của các trung tâm; dòng máu mang đến mọi phần của cơ thể những yếu tố thiết yếu mà chúng ta biết rất ít và chịu trách nhiệm làm cho con người về mặt tâm lý là chính y, và do đó kiểm soát về mặt thể xác bộ máy của y.

2. The blood stream is also the life, and carries throughout the organism an aspect of the energy stored up by the centres which is not directly related to the endocrine system; it penetrates, by its radiation, into the blood stream and into all the veins, arteries and capillaries within the area controlled by the centre under consideration. This permeating energy of life itself, localised and qualified, can be either life-giving or death bestowing.

2. Dòng máu cũng là sự sống, và mang khắp cơ thể một phương diện của năng lượng được tích trữ bởi các trung tâm mà không trực tiếp liên hệ với hệ nội tiết; bằng bức xạ của nó, nó thâm nhập vào dòng máu và vào mọi tĩnh mạch, động mạch và mao mạch trong khu vực do trung tâm đang được xem xét kiểm soát. Năng lượng thấm nhập này của chính sự sống, được định vị và được phẩm tính hóa, có thể hoặc ban sự sống hoặc mang đến cái chết.

All diseases—except those due to accidents, wounds resulting in infections, and epidemics—can in the last analysis be [241] traced to some condition of the centres, and therefore to energy running wild, to energy overactive and misdirected or insufficient and lacking altogether, or retained instead of used and transmuted into a higher corresponding centre of energy. The mystery of the blood still remains to be solved, and will receive increasing attention as time goes on. The anemias, so prevalent today, are also due to excess of energy.

Mọi bệnh tật—ngoại trừ những bệnh do tai nạn, vết thương dẫn đến nhiễm trùng, và dịch bệnh—rốt cuộc đều có thể [241] được truy nguyên về một tình trạng nào đó của các trung tâm, và do đó về năng lượng chạy loạn, năng lượng quá hoạt động và bị định hướng sai hoặc không đủ và hoàn toàn thiếu vắng, hoặc bị giữ lại thay vì được sử dụng và chuyển hoá vào một trung tâm năng lượng cao hơn tương ứng. Bí ẩn của máu vẫn còn phải được giải quyết, và sẽ nhận được sự chú ý ngày càng tăng theo thời gian. Các chứng thiếu máu, rất phổ biến ngày nay, cũng là do năng lượng dư thừa.

I can only lay down general indications, state causes, and then leave to the intelligent investigators the task of studying effects, after accepting as a possible hypothesis the suggestions I have made. A proper study of the ductless glands (and later of the entire glandular structure of the body) and of the blood stream will establish them as the paramount source of physical difficulty; inevitably, though slowly and patiently, the investigators will be forced back upon the centres and will come to include in their calculations a subjective nervous system (the entire subjective system of nadis which underlie the nerves throughout the body), and will demonstrate that these factors are responsible for the major diseases and the many subsidiary diseases and obscure complaints which plague humanity. The open-minded investigator, however, who starts with an acceptance of the fact of the centres, regarding them as possibly present and eventually capable of demonstration, will make far more rapid progress; diseases will then be brought under control by a system of laya-yoga (the science of the centres) which will be the sublimated form of the laya-yoga of Atlantean days. Then the advanced student will control the centres by the power of thought. In the yoga of the future, through meditation and alignment and right practices, the centres will be brought under the direct control of the soul —a very different thing to the control of the centres by the mind and one for which the masses of men are not yet ready. To this the [242] Science of the Breath will be added—not breathing exercises as now taught, with often such dangerous results, but a breathing rhythm imposed by the mind through which the soul can work, and which will not require anything more than the simple rhythmic physical breath but which will reorganise the subtler bodies and bring

Tôi chỉ có thể nêu ra những chỉ dẫn tổng quát, phát biểu các nguyên nhân, rồi giao cho các nhà nghiên cứu thông minh nhiệm vụ khảo sát các hiệu quả, sau khi chấp nhận như một giả thuyết khả dĩ những gợi ý tôi đã đưa ra. Một sự nghiên cứu đúng đắn về các tuyến không ống (và về sau là toàn bộ cấu trúc tuyến của cơ thể) cùng dòng máu sẽ xác lập chúng như nguồn gốc tối quan trọng của khó khăn thể xác; tất yếu, dù chậm rãi và kiên nhẫn, các nhà nghiên cứu sẽ bị buộc phải quay trở lại với các trung tâm và sẽ đi đến chỗ bao gồm trong các tính toán của mình một hệ thần kinh chủ quan (toàn bộ hệ nadis chủ quan nằm dưới các dây thần kinh khắp cơ thể), và sẽ chứng minh rằng các yếu tố này chịu trách nhiệm về các bệnh lớn và nhiều bệnh phụ cùng những chứng khó chịu mơ hồ đang hành hạ nhân loại. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu cởi mở, người khởi đầu bằng việc chấp nhận sự kiện về các trung tâm, xem chúng như có thể hiện diện và cuối cùng có thể được chứng minh, sẽ tiến bộ nhanh hơn nhiều; khi ấy bệnh tật sẽ được kiểm soát bằng một hệ thống laya-yoga (khoa học về các trung tâm), vốn sẽ là hình thức thăng hoa của laya-yoga thời Atlantis. Khi đó đạo sinh tiến bộ sẽ kiểm soát các trung tâm bằng quyền năng của tư tưởng. Trong yoga của tương lai, thông qua tham thiền và chỉnh hợp cùng các thực hành đúng đắn, các trung tâm sẽ được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của linh hồn—một điều rất khác với sự kiểm soát các trung tâm bằng trí tuệ và là điều mà quần chúng nhân loại chưa sẵn sàng. Vào đó sẽ được thêm vào [242] Khoa Học về Hơi Thở—không phải các bài tập thở như hiện nay được dạy, thường với những kết quả nguy hiểm như vậy, mà là một nhịp điệu hô hấp do trí tuệ áp đặt, qua đó linh hồn có thể hoạt động, và sẽ không đòi hỏi gì hơn ngoài hơi thở thể xác nhịp nhàng đơn giản nhưng sẽ tái tổ chức các thể vi tế hơn và đưa các trung tâm vào hoạt

the centres into ordered activity, according to ray and point in evolution.

động có trật tự, tùy theo cung và điểm tiến hoá.

I deal not with the pathology of these diseases. That has been well considered and dealt with by ordinary medicine. I seek only in this part of our discussions to emphasise the subjective causes and the objective effects. The two must be related. The activity —excessive or inadequate—of the centres is the subjective cause, but remains yet unrecognised except by esotericists. The causes (the apparent causes which are themselves the result of a true subjective cause) are initiated by the physical man himself, either in this life or an earlier one—a point which we will discuss later.

Tôi không bàn đến bệnh lý học của các bệnh này. Điều đó đã được y học thông thường xem xét và đề cập đến đầy đủ. Trong phần này của cuộc thảo luận, tôi chỉ tìm cách nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan và các hiệu quả khách quan. Hai điều này phải được liên hệ với nhau. Hoạt động—quá mức hoặc không đầy đủ—của các trung tâm là nguyên nhân chủ quan, nhưng cho đến nay vẫn chưa được nhận biết ngoại trừ bởi các nhà bí truyền học. Các nguyên nhân (những nguyên nhân biểu kiến mà bản thân chúng là kết quả của một nguyên nhân chủ quan đích thực) do chính con người hồng trần khởi phát, hoặc trong kiếp này hoặc trong một kiếp trước—một điểm mà chúng ta sẽ bàn đến sau.

I have given you in the above much to consider, and as you ponder and think, as you study cases and types, as you watch the characteristics and qualities of those you know and which work out in some form of eventual disease, light will come.

Trong phần trên, tôi đã đưa cho bạn nhiều điều để suy ngẫm, và khi bạn suy tư và suy nghĩ, khi bạn nghiên cứu các trường hợp và các loại người, khi bạn quan sát các đặc tính và phẩm tính của những người bạn biết và những điều này biểu hiện ra trong một dạng bệnh tật nào đó về sau, ánh sáng sẽ đến.

It is only the necessity of indicating the major sources of diseases and not overlooking them, even if the subject is too esoteric for the average intelligence to grasp, that has led me to include our second point:

Chính nhu cầu phải chỉ ra các nguồn gốc chính của bệnh tật và không bỏ qua chúng, dù cho đề tài này quá huyền bí để trí tuệ trung bình có thể nắm bắt, đã khiến tôi đưa vào điểm thứ hai của chúng ta:

2. DISEASES ARISING FROM OBSCURE PLANETARY CONDITIONS — 2. CÁC BỆNH PHÁT SINH TỪ NHỮNG ĐIỀU KIỆN HÀNH TINH CHƯA ĐƯỢC HIỂU RÕ

It is obviously impossible for me to enlarge upon this subject, for it is not possible to give even a slight indication which could lead, at present, to any process of

Hiển nhiên là tôi không thể trình bày rộng hơn về đề tài này, vì hiện nay không thể đưa ra dù chỉ một gợi ý nhỏ nào có thể dẫn đến bất kỳ tiến trình kiểm chứng nào. Điều tôi

verification. What I say will have to be taken on trust and is dependent upon what I believe is recognised as my proved veracity and [243] integrity. I shall, and can, say but little—only enough to indicate one fruitful cause of disease and one of such great age that it is inherent in the life of the planet itself. These diseases have no subjective or subtle origin; they are not the result of emotional conditions or of undesirable mental processes. They are not psychological in nature and therefore cannot be traced to any activity of the centres. They originate from within the planetary life itself and from its life aspect, having a direct emanatory effect upon the individual atoms of which the dense physical body is composed. This is a point of importance to remember. The source of any disease of this nature induced by the planet itself, is due primarily, therefore, to an external impact of certain vibratory emanations coming from the surface of the planet, engendered deep within the planet, and impinging upon the dense physical body. These radiations play upon the units of energy which, in their totality, constitute the atomic substance of the body; they are unconnected in any way with the blood stream or with the nervous system. They are consequently impossible to trace or isolate, because man is today so highly organised and integrated that these external impacts immediately evoke a response from the nervous system; the modern physician is at present unable to distinguish between the diseases arising from within the patient's own interior mechanism—tangible or intangible—and those which are in the nature of extraneous irritants, producing immediate effects upon the sensitive organism of man's body. I am not here referring to infectious or contagious difficulties.

nói sẽ phải được chấp nhận trên cơ sở tin cậy và tùy thuộc vào điều mà tôi tin là đã được công nhận như tính chân thực và [243] sự chính trực đã được chứng minh của tôi. Tôi sẽ, và chỉ có thể, nói rất ít—chỉ đủ để chỉ ra một nguyên nhân sinh bệnh phong phú và một nguyên nhân có tuổi đời lớn đến mức vốn có sẵn trong chính sự sống của hành tinh. Những bệnh này không có nguồn gốc chủ quan hay vi tế; chúng không phải là kết quả của các trạng thái cảm xúc hay của các tiến trình trí tuệ không mong muốn. Chúng không có bản chất tâm lý và vì thế không thể truy nguyên về bất kỳ hoạt động nào của các trung tâm. Chúng phát sinh từ bên trong chính sự sống hành tinh và từ phương diện sự sống của nó, có một tác động phát xạ trực tiếp lên các nguyên tử cá biệt cấu thành thể xác đậm đặc. Đây là một điểm quan trọng cần ghi nhớ. Vì vậy, nguồn gốc của bất kỳ bệnh nào thuộc loại này do chính hành tinh gây ra, trước hết là do một tác động từ bên ngoài của những phát xạ rung động nhất định phát ra từ bề mặt hành tinh, được tạo sinh sâu bên trong hành tinh, và tác động lên thể xác đậm đặc. Những bức xạ này tác động lên các đơn vị năng lượng mà trong tổng thể của chúng cấu thành chất liệu nguyên tử của thân thể; chúng không liên hệ theo bất kỳ cách nào với dòng máu hay với hệ thần kinh. Do đó, không thể truy tìm hay cô lập chúng, bởi vì ngày nay con người được tổ chức và tích hợp cao đến mức những tác động bên ngoài này lập tức gợi lên một đáp ứng từ hệ thần kinh; hiện nay vị y sĩ hiện đại không thể phân biệt giữa những bệnh phát sinh từ bên trong bộ máy nội tại của chính bệnh nhân—hữu hình hay vô hình—và những bệnh có bản chất là các tác nhân kích thích ngoại lai, tạo ra các hiệu quả tức thời trên cơ thể nhạy cảm của con người. Ở đây tôi không nói đến những khó khăn có tính lây nhiễm hay truyền nhiễm.

Perhaps one point which I might helpfully emphasise is that it is this obscure planetary effect (obscure to us, at this time) upon the physical body which is the major cause of death where the purely animal form nature is concerned, or the forms of life present in the animal and vegetable [244] kingdoms, and to a lesser and slower degree in the mineral kingdom likewise. Death, as far as the human being is concerned, is increasingly due to the planned intent and planned withdrawal of the soul, under the pressure of its own formulated intent. This is true to some degree of all who die, except those who are of so low a grade of intelligence that the soul is practically little more than an overshadowing agency. Of all who die, highly developed or not, the later stages of dissolution, effective after the conscious withdrawal of the soul (conscious on the part of the soul and becoming increasingly conscious on the part of the dying person), are taken over by this death-bestowing power of the planetary life itself.

Có lẽ một điểm mà tôi có thể hữu ích nhấn mạnh là chính tác động hành tinh mơ hồ này (mơ hồ đối với chúng ta vào lúc này) lên thể xác là nguyên nhân chính của cái chết khi liên quan đến bản chất hình tướng thuần túy động vật, hoặc các hình tướng sự sống hiện diện trong giới động vật và giới thực vật [244], và ở mức độ ít hơn và chậm hơn cũng đúng với giới kim thạch. Đối với con người, cái chết ngày càng là kết quả của chủ ý có kế hoạch và sự rút lui có kế hoạch của linh hồn, dưới áp lực của chính chủ ý đã được hình thành của nó. Điều này đúng ở một mức độ nào đó với tất cả những ai chết, ngoại trừ những người có trình độ trí tuệ quá thấp đến mức linh hồn thực tế chỉ hơn một tác nhân phủ bóng đôi chút. Đối với tất cả những ai chết, dù phát triển cao hay không, các giai đoạn tan rã về sau, có hiệu lực sau khi linh hồn rút lui một cách có ý thức (có ý thức về phía linh hồn và ngày càng trở nên có ý thức về phía người đang chết), đều được tiếp quản bởi quyền năng ban phát cái chết này của chính sự sống hành tinh.

In the case of the subhuman kingdoms in nature, death is the direct result of this obscure activity of the planet. The only idea as to its functioning which I can give you is that the soul of all non-human forms of life is an inherent aspect of the substance of which the planet is itself constructed; this soul can be withdrawn according to cycles, undetermined yet by science but fixed and certain in their working—apart from great planetary accidents or the direct action of the fourth kingdom in nature. This innate planetary power leads to the death of an animal and—in the larger sweep of evolution—to the extinction of a species; it leads also in time to the death of the forms of the vegetable kingdom and is also one of the causes which leads to the autumnal cycle in the year, producing the “sere, the

Trong trường hợp các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên, cái chết là kết quả trực tiếp của hoạt động mơ hồ này của hành tinh. Ý niệm duy nhất về cách nó vận hành mà tôi có thể đưa cho bạn là linh hồn của mọi hình tướng sự sống phi nhân loại là một phương diện cố hữu của chất liệu mà từ đó chính hành tinh được cấu tạo; linh hồn này có thể được rút đi theo chu kỳ, chưa được khoa học xác định nhưng cố định và chắc chắn trong cách vận hành của chúng—ngoại trừ những tai nạn hành tinh lớn hoặc tác động trực tiếp của giới thứ tư trong thiên nhiên. Quyền năng hành tinh bẩm sinh này dẫn đến cái chết của một con vật và—trong nhịp tiến hoá rộng lớn hơn—đến sự tuyệt chủng của một loài; theo thời gian nó cũng dẫn đến cái chết của các hình tướng trong giới thực vật và cũng là một trong những nguyên nhân

yellow leaf," the loss of verdure in the grass, and those cyclic manifestations which indicate not alone death, upon a temporary and passing scale, but the complete cessation of vitality within a form. "Times of perishing" are cyclic manifestations of the "destroyer aspect" within the planet itself. These are necessarily difficult matters for you to grasp.

dẫn đến chu kỳ mùa thu trong năm, tạo ra "chiếc lá úa, chiếc lá vàng," sự mất đi màu xanh của cỏ, và những biểu hiện chu kỳ cho thấy không chỉ cái chết trên một quy mô tạm thời và thoáng qua, mà còn là sự chấm dứt hoàn toàn sinh lực bên trong một hình tướng. "Những thời kỳ hủy diệt" là những biểu hiện chu kỳ của "phương diện hủy diệt" bên trong chính hành tinh. Đây tất yếu là những vấn đề khó để bạn nắm bắt.

[245]

[245]

This radiatory activity of the planetary life, cyclic in nature and eternally present, is closely related to the influence of the first ray. It is that aspect of the Ray of Will or Power which produces the dissolution of the form, and the corruption and dissipation of the bodily vehicle until it has been again completely reabsorbed into the substance of the planet. A focussed use of the imagination will aid you in discovering how vitally constructive this agency of divinity can be. Death has been present upon our planet from the very night of time itself; forms have come and gone; death has overtaken plants and trees, animals and the forms of human beings for untold aeons, and yet our planet is not a charnel house as it well might be in the face of this fact, but is still a thing of beauty, unspoilt even by man. The processes of dying and of dissolution and the dissipation of forms goes on every moment without producing contagious contamination or the disfiguring of the surface of the earth. The results of dissolution are beneficent in effect. Ponder on this beneficent activity and on the beauty of the divine plan of death and disappearance.

Hoạt động phát xạ này của sự sống hành tinh, có tính chu kỳ trong bản chất và hiện diện vĩnh viễn, liên hệ chặt chẽ với ảnh hưởng của cung một. Đó là phương diện của Cung Ý Chí hay Quyền Năng tạo ra sự tan rã của hình tướng, và sự mục rữa cùng sự làm tiêu tan của vận cụ thể xác cho đến khi nó lại được tái hấp thu hoàn toàn vào chất liệu của hành tinh. Việc sử dụng tập trung sự tưởng tượng sẽ giúp bạn khám phá tác nhân thiên tính này có tính kiến tạo thiết yếu đến mức nào. Cái chết đã hiện diện trên hành tinh chúng ta từ chính đêm tối của thời gian; các hình tướng đã đến rồi đi; cái chết đã bắt kịp cây cỏ và cây cối, thú vật và các hình tướng của con người trong những đại kiếp không thể đếm được, vậy mà hành tinh chúng ta không phải là một bãi tha ma như lẽ ra có thể là như thế trước sự kiện này, mà vẫn là một vật đẹp đẽ, không bị hủy hoại ngay cả bởi con người. Các tiến trình chết đi, tan rã và làm tiêu tan các hình tướng diễn ra từng khoảnh khắc mà không tạo ra sự ô nhiễm lây lan hay làm biến dạng bề mặt trái đất. Các kết quả của sự tan rã có hiệu quả lành lợi. Hãy suy ngẫm về hoạt động lành lợi này và về vẻ đẹp của kế hoạch thiêng liêng về cái chết và sự biến mất.

With man, death takes on two aspects of activity; the human soul differs from the

Đối với con người, cái chết mang hai phương diện hoạt động; linh hồn con người khác với

soul in the non-human forms in that it is itself a full and—on its own plane—an effective expression of the three divine aspects; it determines within certain limits —based on time conditions and spatial necessity—its entrance into human form and its exit therefrom. Once this exit has been made and the soul has withdrawn the thread of consciousness from the brain and its life thread from the heart, certain life processes still persist; they are now under the influence of the planetary life, however, and to these the physical elemental (the sumtotal of the living atoms of the body nature) is responsive. I would have you note the occult paradox that death is the result of living processes. Death, or the death-producing energy emanating [246] from the planet, brings about the complete disruption of the bodily organism and its reduction to its essential elements—chemical and mineral, plus certain inorganic substances which are susceptible of absorption into the soil of the planet itself. Death, as the result of soul activity produces, therefore, the withdrawing from the body of the "light body and of the subtle bodies," leaving the dense form and its component parts to the benign processes of planetary control. This dual activity produces death—as we know it from the human angle.

linh hồn trong các hình tướng phi nhân loại ở chỗ bản thân nó là một biểu hiện đầy đủ và —trên cõi riêng của nó—một biểu hiện hữu hiệu của ba phương diện thiêng liêng; trong những giới hạn nhất định—dựa trên các điều kiện thời gian và sự cần thiết của không gian—nó quyết định việc đi vào hình tướng con người và việc ra khỏi đó. Một khi sự ra đi này đã được thực hiện và linh hồn đã rút sợi dây tâm thức khỏi bộ não và sợi dây sự sống của nó khỏi tim, một số tiến trình sự sống vẫn còn tiếp diễn; tuy nhiên, giờ đây chúng ở dưới ảnh hưởng của sự sống hành tinh, và hành khí thể xác (tổng số các nguyên tử sống của bản chất thân thể) đáp ứng với những tiến trình này. Tôi muốn bạn lưu ý nghịch lý huyền bí rằng cái chết là kết quả của các tiến trình sống. Cái chết, hay năng lượng gây chết phát ra [246] từ hành tinh, mang lại sự phá vỡ hoàn toàn của cơ thể và sự quy giảm nó về các nguyên tố căn bản của nó—hóa học và khoáng chất, cộng với một số chất vô cơ có thể được hấp thu vào đất của chính hành tinh. Vì vậy, cái chết, như là kết quả của hoạt động của linh hồn, tạo ra sự rút "thể ánh sáng và các thể vi tế" khỏi thân thể, để lại hình tướng đậm đặc và các thành phần của nó cho các tiến trình lành tính của sự kiểm soát hành tinh. Hoạt động nhị nguyên này tạo ra cái chết—như chúng ta biết từ góc độ con người.

It is necessary here to point out that this ability of the planetary Logos to extract the life essence innate in each atom, produces what might be called deterioration in the structure of the form at any point from whence this life essence is emitted. This brings about conditions which eventually become apparent visually; thus disease and the "tendency to die" become recognisable. Therefore, the withering of a flower, death from old age in an animal or a tree, and the many diseases of the human being are all brought about by the pull of the powerful

Ở đây cần chỉ ra rằng khả năng này của Hành Tinh Thượng Đế trong việc rút ra tinh chất sự sống vốn có trong mỗi nguyên tử tạo ra điều có thể gọi là sự suy thoái trong cấu trúc của hình tướng tại bất kỳ điểm nào mà từ đó tinh chất sự sống này được phát ra. Điều này mang lại những điều kiện cuối cùng trở nên hiển hiện đối với thị giác; do đó bệnh tật và "khuynh hướng chết" trở nên có thể nhận biết. Vì vậy, sự héo úa của một bông hoa, cái chết vì già nua ở một con vật hay một cái cây, và nhiều bệnh tật của con người đều được mang lại bởi lực kéo của sự

life of the planet, speaking esoterically; this is an aspect of what is called, erroneously, the Law of Gravitation. This law is—again speaking esoterically—an aspect of the Law of Return, which governs the relation of a unit of life in form to its emanating source. "Dust thou art; unto dust thou shalt return" is a statement of occult law. In the curious evolution of words—as any good dictionary will show—the word "dust" comes from two roots, one meaning "wind" and the other "falling to pieces." The significance of both these meanings will be apparent and the sequence of ideas is arresting. With the withdrawing of the wind or breath, a falling to pieces eventuates, and this is a true and significant statement. As the greater life absorbs the lesser life, the disappearance of that which the life has informed takes place; this is true of all forms in the [247] subhuman kingdoms as they respond to the drag or pull of the planetary life; it is true also of the human form as it reacts to the call of the soul to return its life principle to the soul, via the sutratma, and to return as consciousness to its registering source.

sống hùng mạnh của hành tinh, nói theo huyền bí học; đây là một phương diện của điều được gọi, một cách sai lầm, là Định luật Hấp Dẫn. Định luật này—một lần nữa nói theo huyền bí học—là một phương diện của Định luật Trở Về, chi phối mối liên hệ của một đơn vị sự sống trong hình tướng với nguồn phát xạ của nó. "Ngươi là bụi đất; ngươi sẽ trở về bụi đất" là một phát biểu của quy luật huyền bí. Trong sự tiến hóa kỳ lạ của ngôn từ—như bất kỳ từ điển tốt nào cũng sẽ cho thấy—từ "bụi" bắt nguồn từ hai gốc, một nghĩa là "gió" và một nghĩa là "rơi thành từng mảnh." Thâm nghĩa của cả hai ý nghĩa này sẽ trở nên hiển nhiên và chuỗi ý tưởng ấy thật đáng chú ý. Với sự rút đi của gió hay hơi thở, sự tan thành từng mảnh xảy ra, và đây là một phát biểu chân thực và đầy ý nghĩa. Khi sự sống lớn hơn hấp thu sự sống nhỏ hơn, sự biến mất của điều mà sự sống đã thấm nhuần diễn ra; điều này đúng với mọi hình tướng trong các [247] giới dưới nhân loại khi chúng đáp ứng với sức kéo hay lực hút của sự sống hành tinh; điều này cũng đúng với hình tướng con người khi nó phản ứng với tiếng gọi của linh hồn để hoàn trả nguyên khí sự sống của nó cho linh hồn, qua sutratma, và hoàn trả như tâm thức về nguồn ghi nhận của nó.

In this process and interaction, the form shows the results of being either the receiver of the tide of life from the planet or as the releaser of that life, under cyclic law, to its general reservoir of living energy. Upon these two reactions depends the health or the disease of the form in various stages and states of response and under the action of other contributing and conditioning factors. There are three major stages in the life cycle of all subhuman forms, and in the human form likewise when the soul is simply an overshadowing force and not an integrated energy:

Trong tiến trình và sự tương tác này, hình tướng cho thấy các kết quả của việc hoặc là bên tiếp nhận dòng triều sự sống từ hành tinh hoặc là bên giải phóng sự sống đó, theo định luật chu kỳ, vào kho dự trữ chung của năng lượng sống. Sức khỏe hay bệnh tật của hình tướng trong các giai đoạn và trạng thái đáp ứng khác nhau và dưới tác động của các yếu tố góp phần và tác động khác, tùy thuộc vào hai phản ứng này. Có ba giai đoạn chính trong chu kỳ sống của mọi hình tướng dưới nhân loại, và cũng đúng với hình tướng con người khi linh hồn chỉ đơn thuần là một

mãnh lực phủ bóng chứ không phải là một năng lượng tích hợp:

1. The stage of inflowing, of vitalisation and of growth.

1. *Giai đoạn nhập lưu*, của sự tiếp sinh lực và tăng trưởng.

2. The stage of resistance, wherein the form preserves its own integrity for a temporary cycle, determined by its species and environment, thus resisting successfully any "pull" of the all-enveloping life and any reabsorption of its vitality.

2. *Giai đoạn kháng cự*, trong đó hình tướng bảo tồn tính toàn vẹn riêng của nó trong một chu kỳ tạm thời, được quyết định bởi loài và môi trường của nó, nhờ đó kháng cự thành công bất kỳ "lực kéo" nào của sự sống bao trùm tất cả và bất kỳ sự tái hấp thu sinh lực nào của nó.

3. The stage of emission, wherein the pull of the greater life of the planet draws out and absorbs the weakening lesser life. This weakening process is a part of a cyclic law, as the old adage "the days of a man are three score years and ten" hints. When the average of a general cyclic period is normally run, a point of weakening in the bodily tissue will surely and gradually arise. Disease or deterioration of some part of the form usually eventuates and death supervenes. The length of the cycles and their determining cause are a deep mystery and are specifically related to the various kingdoms in nature, and to the species and types and forms within those [248] aggregates of living processes. These cycles are known as yet only to the Masters and to those initiates to whom is given the task of promoting the evolutionary process within the subhuman kingdoms, and to the devas whose task it is to control the process.

3. *Giai đoạn phát xạ*, trong đó lực hút của sự sống lớn hơn của hành tinh rút ra và hấp thu sự sống nhỏ hơn đang suy yếu. Tiến trình suy yếu này là một phần của định luật chu kỳ, như câu ngạn ngữ xưa "đời người là bảy mươi năm" đã gợi ý. Khi mức trung bình của một thời kỳ chu kỳ chung đã vận hành bình thường, một điểm suy yếu trong mô của thân thể chắc chắn và dần dần sẽ xuất hiện. Bệnh tật hay sự suy thoái của một phần nào đó của hình tướng thường xảy ra, và cái chết tiếp theo. Độ dài của các chu kỳ và nguyên nhân quyết định chúng là một huyền nhiệm sâu xa và liên hệ đặc biệt đến các giới khác nhau trong thiên nhiên, cũng như đến các loài, các loại và các hình tướng bên trong những [248] tổng thể các tiến trình sống đó. Những chu kỳ này cho đến nay chỉ được biết bởi các Chân sư và bởi những điểm đạo đồ được giao nhiệm vụ thúc đẩy tiến trình tiến hoá trong các giới dưới nhân loại, và bởi các thiên thần có nhiệm vụ kiểm soát tiến trình ấy.

As you well know, the great distinction between the human kingdom in the three worlds and the other kingdoms in nature is the factor of freewill. In the matter of death, this freewill has, in the last analysis, a definite relation to the soul; the will of the

Như bạn đã biết rõ, sự khác biệt lớn giữa giới nhân loại trong ba cõi giới và các giới khác trong thiên nhiên là yếu tố tự do ý chí. Trong vấn đề cái chết, tự do ý chí này, xét đến cùng, có một liên hệ xác định với linh hồn; ý chí của linh hồn được tuân theo một cách có ý

soul is either consciously or unconsciously followed, where the decision of death is concerned, and this idea carries with it many implications which students would do well to ponder.

thức hoặc vô thức khi liên quan đến quyết định chết, và ý tưởng này mang theo nhiều hàm ý mà các đạo sinh nên suy ngẫm.

We have arrived now at another major generalisation as to disease and death in relation to humanity:

Giờ đây chúng ta đã đi đến một khái quát lớn khác về bệnh tật và cái chết trong liên hệ với nhân loại:

LAW VIII

ĐỊNH LUẬT VIII

Disease and death are the result of two active forces. One is the will of the soul which says to its instrument: I draw the essence back. The other is the magnetic power of the planetary Life which says to the life within the atomic structure: The hour of reabsorption has arrived. Return to me. Thus, under cyclic law, do all forms act.

Bệnh tật và cái chết là kết quả của hai mãnh lực hoạt động. Một là ý chí của linh hồn, nói với công cụ của mình: Ta thu hồi tinh chất. Mãnh lực kia là quyền năng từ tính của sự sống hành tinh, nói với sự sống bên trong cấu trúc nguyên tử: Giờ tái hấp thu đã đến. Hãy trở về với ta. Như vậy, mọi hình tướng đều hoạt động theo định luật chu kỳ.

The reference here is to the normal dissolution of the form at the close of a cycle of reincarnation. As we well know. this cycle is determined in the case of man by major psychological factors which can hasten or prolong the “hour of the end,” but only up to a certain point. The dictum of the soul and the fiat of the planetary Life are the final determining factors, except in the cases of war, accident, suicide or epidemics.

Ở đây sự quy chiếu là đến sự tan rã bình thường của hình tướng vào cuối một chu kỳ tái sinh. Như chúng ta đều biết rõ, trong trường hợp con người, chu kỳ này được quyết định bởi những yếu tố tâm lý lớn có thể thúc đẩy nhanh hơn hoặc kéo dài “giờ kết thúc,” nhưng chỉ đến một mức nào đó. Mệnh lệnh của linh hồn và sắc lệnh của Sự sống hành tinh là những yếu tố quyết định cuối cùng, ngoại trừ trong các trường hợp chiến tranh, tai nạn, tự sát hay dịch bệnh.

The power of absorption with which the planet is endowed is very great within certain limitations; it is these limitations, [249] for instance, which promote epidemics as the aftermath of war. Such epidemics have a serious effect upon the human race after the war cycle is over and after the consequent epidemic has spent itself. Humanity, particularly in Eastern Europe, had not completely recovered from the epidemics, incident to the first part of the

Quyền năng hấp thu mà hành tinh được phú cho là rất lớn trong những giới hạn nhất định; chẳng hạn, chính những giới hạn này [249] thúc đẩy các dịch bệnh như hậu quả của chiến tranh. Những dịch bệnh như thế có một ảnh hưởng nghiêm trọng lên nhân loại sau khi chu kỳ chiến tranh chấm dứt và sau khi dịch bệnh kéo theo đã tự tiêu tan. Nhân loại, đặc biệt ở Đông Âu, đã chưa hoàn toàn hồi phục sau các dịch bệnh gắn liền với phần đầu của cuộc thế chiến thì phần thứ

world war, when the second part took place. The psychological effects continue; the scars and the results of the second phase of that world war will persist for fifty years, even though—owing to man's greater scientific knowledge—the epidemic factor may be kept surprisingly within bounds. This, however, still remains uncertain. Time alone will demonstrate how successful humanity is in offsetting the penalties which outraged nature is apt to exact.

hai đã diễn ra. Các hiệu quả tâm lý vẫn tiếp tục; những vết sẹo và các kết quả của giai đoạn thứ hai của cuộc thế chiến đó sẽ còn kéo dài năm mươi năm, mặc dù—nhờ tri thức khoa học lớn hơn của con người—yếu tố dịch bệnh có thể được giữ trong giới hạn một cách đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, điều này vẫn còn chưa chắc chắn. Chỉ thời gian mới chứng minh được nhân loại thành công đến đâu trong việc hóa giải những hình phạt mà thiên nhiên bị xâm phạm có thể đòi hỏi.

Much good will be brought about through the growing custom to cremate those forms which the indwelling life has vacated; when it is an universal custom, we shall see a definite minimising of disease, leading to longevity and increased vitality. The factor of resistance or the process whereby a form renders itself immune or non-responsive to the planetary pull and urge towards reabsorption requires the expenditure of much energy. When the life increases in potency within the form and there is less reaction to disease-conveying factors, the soul within the form will have fuller sway and greater beauty of expression and usefulness in service. This will be true some day of all the kingdoms in nature, and thus we shall have a steady radiance shining forth in the mounting glory of the Life of God.

Nhiều điều tốt lành sẽ được mang lại nhờ tập quán ngày càng tăng là hỏa táng những hình tướng mà sự sống nội tại đã rời bỏ; khi điều đó trở thành một tập quán phổ quát, chúng ta sẽ thấy bệnh tật giảm thiểu rõ rệt, dẫn đến trường thọ và sinh lực gia tăng. Yếu tố kháng cự hay tiến trình nhờ đó một hình tướng tự làm cho mình miễn nhiễm hoặc không đáp ứng với lực kéo và sự thôi thúc của hành tinh hướng đến sự tái hấp thu đòi hỏi phải tiêu hao rất nhiều năng lượng. Khi sự sống tăng thêm hiệu lực bên trong hình tướng và có ít phản ứng hơn đối với các yếu tố truyền bệnh, linh hồn bên trong hình tướng sẽ có quyền chi phối đầy đủ hơn và vẻ đẹp biểu hiện cùng tính hữu dụng trong phụng sự lớn hơn. Một ngày nào đó điều này sẽ đúng với mọi giới trong thiên nhiên, và như thế chúng ta sẽ có một sự rạng ngời bền vững tỏa chiếu trong vinh quang ngày càng tăng của Sự Sống của Thượng đế.

3. RACIAL AND NATIONAL DISEASES — 3. CÁC BỆNH CHỦNG TỘC VÀ QUỐC GIA

It must be apparent to you by now that I am principally concerned with indicating factors which are the result of the past history of the race rather than with giving you a specific and detailed account of the diseases which are allied [250] to the various

Đến lúc này hẳn bạn đã thấy rõ rằng tôi chủ yếu quan tâm đến việc chỉ ra những yếu tố là kết quả của lịch sử quá khứ của nhân loại hơn là đưa cho bạn một tường thuật cụ thể và chi tiết về những bệnh tật có liên hệ [250] với các quốc gia khác nhau. Thực ra, điều

nations. This, in fact, it would not be possible to do, owing to the overlapping and paralleling which goes on in every department of natural life. Above everything else, I seek to make clear what must be done along the line of preventive healing and what should be accomplished in the difficult task of offsetting conditions already prevalent on earth as the result of past misuse of the natural powers. There must therefore be brought about a healing of those conditions which are present upon our planet on a large scale, and consequently my emphasis will not be upon the specific and the individual. I am laying a foundation also for a discussion of our next theme—the relation of the Law of Karma to disease and death and to humanity as a whole.

này không thể làm được, do sự chồng lấn và song hành diễn ra trong mọi lĩnh vực của sự sống tự nhiên. Trên hết mọi sự, tôi tìm cách làm sáng tỏ điều phải được thực hiện theo đường lối trị liệu phòng ngừa và điều nên được hoàn thành trong nhiệm vụ khó khăn là hóa giải những điều kiện đã phổ biến trên trái đất do *sự lạm dụng các quyền năng tự nhiên trong quá khứ*. Vì vậy, phải mang lại sự chữa lành cho những điều kiện hiện diện trên hành tinh chúng ta trên quy mô lớn, và do đó sự nhấn mạnh của tôi sẽ không đặt vào cái cụ thể và cá nhân. Tôi cũng đang đặt nền tảng cho một cuộc thảo luận về chủ đề kế tiếp của chúng ta—mối liên hệ của Định luật Nghiệp Quả với bệnh tật và cái chết và với toàn thể nhân loại.

In the consideration of racial and national diseases, I do not intend to point out that tuberculosis is distinctively a disease of the middle classes in every country, that diabetes is a major trouble among the rice-eating peoples of the world, and that cancer is rampant in Great Britain, whilst heart disease is a prime cause of death in the United States. Such generalisations are both as true and as false as statistics usually are, and nothing is gained by labouring these points. These difficulties will all be offset in due time through the growth of understanding, by the intuitive diagnosis of disease, and by the magnificent work of scientific and academic medicine, plus a truer comprehension of right living conditions.

Khi xem xét các bệnh chủng tộc và quốc gia, tôi không có ý định chỉ ra rằng bệnh lao rõ rệt là bệnh của tầng lớp trung lưu ở mọi quốc gia, rằng bệnh tiểu đường là một chứng bệnh lớn trong số các dân tộc ăn gạo trên thế giới, và rằng ung thư hoành hành ở Anh Quốc, trong khi bệnh tim là nguyên nhân tử vong hàng đầu ở Hoa Kỳ. Những khái quát như thế vừa đúng vừa sai như thống kê thường vẫn thế, và chẳng thu được gì khi nhấn mạnh những điểm này. Tất cả những khó khăn ấy rồi sẽ được hóa giải đúng lúc nhờ sự tăng trưởng của thấu hiểu, nhờ chẩn đoán trực giác về bệnh tật, và nhờ công trình tuyệt vời của y học khoa học và hàn lâm, cộng với một sự hiểu biết chân thực hơn về những điều kiện sống đúng đắn.

I prefer rather to give still wider generalisations which will indicate causes and will not emphasise the consequences of these causes. I seek, therefore, to point out that:

Tôi muốn đưa ra những khái quát còn rộng hơn nữa, những điều sẽ chỉ ra nguyên nhân và sẽ không nhấn mạnh các hậu quả của những nguyên nhân ấy. Vì vậy, tôi tìm cách chỉ ra rằng:

1. The soil of the planet itself is a major cause of disease and of contamination. For untold aeons, the bodies of men and of animals have been laid away in the ground; that soil is consequently impregnated with the germs and [251] the results of disease and this in a far subtler form than is surmised. The germs of ancient known and unknown diseases are to be found in the layers of the soil and the subsoil; these can still produce virulent trouble if presented with proper conditions. Let me state that Nature never intended that bodies would be buried in the ground. The animals die and their bodies return to the dust, but return purified by the rays of the sun and by the breezes which blow and disperse. The sun can cause death as well as life, and the most virulent germs and bacteria cannot retain their potency if submitted to the dry heat of the sun's rays. Moisture and darkness foster disease as it emanates from and is nourished by bodies from whence the life aspect has been drawn. When, in all countries throughout the world, the rule is to submit dead forms to the "ordeal by fire," and when this has become a universal and persistent habit, we shall then see a great diminution of disease and a much healthier world.

1. *Chính đất của hành tinh* là một nguyên nhân lớn của bệnh tật và sự ô nhiễm. Trong những đại kiếp không thể đếm được, thân thể của người và thú đã được chôn trong lòng đất; do đó đất ấy đã thấm đẫm các mầm bệnh và [251] các kết quả của bệnh tật, và điều này ở một dạng vi tế hơn nhiều so với điều người ta phỏng đoán. Các mầm bệnh của những bệnh cổ xưa đã biết và chưa biết có thể được tìm thấy trong các tầng đất và lớp đất dưới; chúng vẫn có thể gây ra những chứng bệnh dữ dội nếu gặp các điều kiện thích hợp. Hãy để tôi nói rằng Thiên nhiên chưa bao giờ có ý định để các thân thể được chôn trong lòng đất. Các con vật chết đi và thân thể của chúng trở về bụi đất, nhưng trở về trong sự thanh lọc bởi các tia mặt trời và bởi những làn gió thổi qua và làm phân tán. Mặt trời có thể gây ra cái chết cũng như sự sống, và những mầm bệnh cùng vi khuẩn độc hại nhất không thể giữ được hiệu lực của chúng nếu bị đặt dưới sức nóng khô của các tia mặt trời. Độ ẩm và bóng tối nuôi dưỡng bệnh tật khi nó phát ra từ và được nuôi bởi những thân thể mà từ đó phương diện sự sống đã bị rút đi. Khi, ở mọi quốc gia trên thế giới, quy luật là đưa các hình tướng chết qua "thử thách bằng lửa," và khi điều này trở thành một thói quen phổ quát và bền bỉ, lúc đó chúng ta sẽ thấy bệnh tật giảm đi rất nhiều và một thế giới lành mạnh hơn nhiều.

2. The psychological condition of a race or of a nation, as we have seen, produces a tendency to disease and to a lowered resistance to the causes of disease; it can engender an ability to absorb evil contamination with facility. On this I need not further enlarge.

2. *Tình trạng tâm lý* của một chủng tộc hay một quốc gia, như chúng ta đã thấy, tạo ra một khuynh hướng dẫn đến bệnh tật và đến sự giảm sức kháng cự đối với các nguyên nhân gây bệnh; nó có thể tạo ra khả năng hấp thu sự ô nhiễm xấu ác một cách dễ dàng. Về điều này tôi không cần nói rộng thêm.

3. Living conditions in many lands also foster disease and ill health. Dark and crowded tenements, underground homes, undernourishment, wrong food, evil habits

3. *Điều kiện sống* ở nhiều xứ sở cũng nuôi dưỡng bệnh tật và sức khỏe kém. Những khu nhà tối tăm và chật chội, những ngôi nhà dưới lòng đất, suy dinh dưỡng, thực phẩm

of life and various occupational diseases—all contribute their quota to the general ill health of humanity. These conditions are universally recognised and much has been done to offset them, but much remains to be done. One of the good effects of the world war will be to force the needed changes, the required rebuilding, and the scientific nourishment of the youth of the race. National physical [252] ills vary according to the predisposing occupations of the people; the diseases of an agricultural race will differ widely from those of a highly industrialised race; the physical predispositions of a sailor vary greatly from those of an office worker in one of our large cities. These items of information are again but the platitudes of the social worker in the many cities and lands. Certain diseases appear to be purely local; others seem universal in their effects; certain diseases are gradually dying out, and new diseases are appearing; certain forms of disease are forever with us; others seem to be cyclic in their appearance; some diseases are endemic whilst others are epidemic.

sai lầm, thói quen sống xấu và nhiều bệnh nghề nghiệp—tất cả đều góp phần vào tình trạng sức khỏe kém chung của nhân loại. Những điều kiện này được công nhận khắp nơi và nhiều việc đã được làm để hóa giải chúng, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Một trong những hiệu quả tốt của cuộc thế chiến sẽ là buộc phải có những thay đổi cần thiết, sự tái thiết cần thiết, và sự nuôi dưỡng khoa học cho tuổi trẻ của nhân loại. Những bệnh tật hồng trần của quốc gia [252] thay đổi tùy theo nghề nghiệp dễ gây bệnh của dân chúng; bệnh tật của một dân tộc sống bằng nông nghiệp sẽ rất khác với bệnh tật của một dân tộc công nghiệp hóa cao; các khuynh hướng hồng trần dễ mắc bệnh của một thủy thủ khác rất nhiều so với của một nhân viên văn phòng ở một trong những thành phố lớn của chúng ta. Những mục thông tin này, một lần nữa, chỉ là những điều tầm thường mà người hoạt động xã hội ở nhiều thành phố và xứ sở đều biết. Một số bệnh dường như hoàn toàn có tính địa phương; những bệnh khác dường như phổ quát trong hiệu quả của chúng; một số bệnh đang dần biến mất, và những bệnh mới đang xuất hiện; một số dạng bệnh luôn luôn ở cùng chúng ta; những bệnh khác dường như có tính chu kỳ trong sự xuất hiện; có những bệnh đặc hữu trong khi những bệnh khác là dịch bệnh.

How can this vast array of disease and forms of bodily ills come to be? How is it that some races are prone to succumb to one form of physical ill whilst other races are resistant to it? Climatic conditions produce certain typical diseases which remain strictly local and are not found elsewhere in the world. Cancer, tuberculosis, syphilis, spinal meningitis, pneumonia and heart disease, as well as scrofula (using that term in its old sense to indicate certain forms of skin disease), are rampant throughout the world, taking their toll of millions; even though

Làm sao mà toàn bộ mảng bệnh tật rộng lớn này và các dạng đau ốm của thể xác lại có thể xuất hiện? Làm sao mà một số chủng tộc dễ khuất phục trước một dạng bệnh hồng trần trong khi những chủng tộc khác lại kháng cự được nó? Điều kiện khí hậu tạo ra một số bệnh điển hình nhất định vẫn hoàn toàn có tính địa phương và không thấy ở nơi khác trên thế giới. Ung thư, bệnh lao, giang mai, viêm màng não tủy sống, viêm phổi và bệnh tim, cũng như bệnh tràng nhạc (dùng từ này theo nghĩa cũ để chỉ một số dạng bệnh ngoài da), đang hoành hành khắp thế giới, cướp đi

these diseases can be traced to certain great racial periods, they are now general in their effect. The clue to this can be found if students will remember that though the Atlantean racial period lies thousands of years away, a great majority of people today are basically Atlantean in their consciousness, and are therefore prone to the diseases of that civilisation.

sinh mạng của hàng triệu người; dù những bệnh này có thể được truy nguyên về những thời kỳ chủng tộc lớn nhất định, hiện nay chúng đã trở nên phổ quát trong hiệu quả của chúng. Manh mối cho điều này có thể được tìm thấy nếu các đạo sinh nhớ rằng mặc dù thời kỳ chủng tộc Atlantis đã lùi xa hàng ngàn năm, đại đa số con người ngày nay về căn bản vẫn là Atlantis trong tâm thức của họ, và vì vậy dễ mắc những bệnh của nền văn minh đó.

If a full review of the health of the world were to be undertaken and presented to the thinking public—taken in normal conditions and not in war time—the question arises whether there are one hundred thousand perfectly healthy [253] people to be found out of the billions now inhabiting the earth? I think not. If no actual and active disease is present, nevertheless the condition of the teeth, the hearing and the sight leave frequently much to be desired; inherited tendencies and active predispositions cause grave concern, and to all this must be added psychological difficulty, mental diseases and definite brain trouble. All this presents an appalling picture. Against the ills which it discloses, medicine is today battling; scientists are searching for alleviations and cures and for sound and lasting methods of eradication; research students are investigating the latent germs, and health experts are seeking new ways to meet the onslaught of disease. Sanitation, compulsory inoculation, frequent inspection, pure food laws, legal requirements and better housing conditions are all brought into this battle by the far-seeing humanitarian. Yet still disease is rampant; more hospitals are required and the death rate soars.

Nếu một cuộc khảo sát đầy đủ về sức khỏe của thế giới được thực hiện và trình bày cho công chúng biết suy nghĩ—trong những điều kiện bình thường chứ không phải thời chiến—thì câu hỏi được đặt ra là liệu có thể tìm thấy một trăm ngàn người hoàn toàn khỏe mạnh [253] trong số hàng tỷ người hiện đang cư ngụ trên trái đất hay không? Tôi nghĩ là không. Nếu không có bệnh thực sự và đang hoạt động, thì tình trạng răng, thính giác và thị lực vẫn thường để lại nhiều điều đáng lo ngại; các khuynh hướng di truyền và các khuynh hướng dễ mắc bệnh đang hoạt động gây nên mối quan tâm nghiêm trọng, và vào tất cả những điều này còn phải cộng thêm khó khăn tâm lý, bệnh tâm thần và những rối loạn rõ rệt của não bộ. Tất cả điều này tạo nên một bức tranh kinh hoàng. Chống lại những tai họa mà nó phơi bày, y học ngày nay đang chiến đấu; các nhà khoa học đang tìm kiếm những biện pháp làm giảm nhẹ và chữa trị cùng những phương pháp loại trừ vững chắc và bền lâu; các nghiên cứu sinh đang khảo sát những mầm bệnh tiềm ẩn, và các chuyên gia sức khỏe đang tìm những cách mới để đối phó với cuộc tấn công của bệnh tật. Vệ sinh, tiêm chủng bắt buộc, kiểm tra thường xuyên, luật thực phẩm tinh sạch, các quy định pháp lý và điều kiện nhà ở tốt hơn đều được nhà nhân đạo có tầm nhìn xa đưa vào cuộc chiến này. Thế nhưng bệnh tật vẫn hoành hành;

cần thêm nhiều bệnh viện hơn và tỷ lệ tử vong tăng vọt.

To these practical agencies, Mental Science, New Thought, Unity and Christian Science offer their aid, and seek quite honestly to bring the power of the mind to bear upon the problem. At the present stage, these agencies and groups largely are in the hands of fanatics and devoted, unintelligent people; they refuse all compromise and seem unable to recognise that the knowledge accumulated by medicine and by those who work scientifically with the human body is as God-given as their, as yet, unproven ideal. Later, the truths for which these groups stand will be added to the work of the psychologist and the physician; when this has been done, we shall see a great improvement. When the work of the doctor and the surgeon in relation to the physical body is recognised as essential and good, when the analysis and conclusions of the psychologist supplement their work, and when the power of right thought comes likewise as an [254] aid, then and only then, shall we enter upon a new era of well-being.

Bên cạnh những tác nhân thực tiễn này, Khoa Học Trí Tuệ, Tư Tưởng Mới, Unity và Christian Science cũng đưa sự trợ giúp của họ, và khá chân thành tìm cách đem quyền năng của trí tuệ tác động lên vấn đề. Ở giai đoạn hiện nay, những tác nhân và nhóm này phần lớn nằm trong tay những kẻ cuồng tín và những người tận tụy nhưng thiếu trí tuệ; họ từ chối mọi thỏa hiệp và dường như không thể nhận ra rằng tri thức do y học và những người làm việc một cách khoa học với thân thể con người tích lũy được cũng là do Thượng đế ban cho như lý tưởng chưa được chứng minh của họ. Về sau, những chân lý mà các nhóm này đại diện sẽ được thêm vào công việc của nhà tâm lý học và vị y sĩ; khi điều đó được thực hiện, chúng ta sẽ thấy một sự cải thiện lớn. Khi công việc của bác sĩ và phẫu thuật gia trong liên hệ với thể xác được công nhận là thiết yếu và tốt lành, khi sự phân tích và kết luận của nhà tâm lý học bổ sung cho công việc của họ, và khi quyền năng của tư tưởng đúng đắn cũng đến như một [254] trợ lực, thì khi đó và chỉ khi đó, chúng ta mới bước vào một kỷ nguyên mới của an lạc.

To the various categories of trouble must also be added a whole group of diseases which are more strictly mental in their effect—the cleavages, the insanities, the obsessions, the mental breaks, the aberrations and the hallucinations. To the various healing agencies mentioned above should be added the work undertaken by Members of the spiritual Hierarchy and Their disciples; it takes soul power and knowledge, plus the wisdom of the other healing groups, to produce health among people, to empty our sanatariums, to rid humanity of the basic diseases, of lunacy

Vào các loại khó khăn khác nhau cũng phải cộng thêm cả một nhóm bệnh mà tác động của chúng thuần về phương diện tâm trí hơn —những sự phân ly, những cơn điên loạn, những ám nhập, những đổ vỡ trí tuệ, những lệch lạc và những ảo giác. Vào các tác nhân chữa lành khác nhau đã nêu trên cũng nên thêm vào công việc do các Thành Viên của Thánh đoàn và các đệ tử của Các Ngài đảm trách; cần có quyền năng linh hồn và tri thức, cộng với minh triết của các nhóm chữa lành khác, để tạo ra sức khỏe nơi con người, làm trống các viện điều dưỡng của chúng ta, giải thoát nhân loại khỏi các bệnh căn bản,

and obsession, and to prevent crime. This is finally brought about by the right integration of the whole man, through a right comprehension of the nature of energy, and through a correct appreciation of the endocrine system, its glands and their subtle relationships.

khỏi điên loạn và ám nhập, và ngăn ngừa tội ác. Điều này cuối cùng được mang lại nhờ sự tích hợp đúng đắn của toàn thể con người, qua sự thấu hiểu đúng đắn về bản chất của năng lượng, và qua sự đánh giá đúng đắn hệ nội tiết, các tuyến của nó và những liên hệ vi tế của chúng.

At present there is little coherent and integrated work done in unison by the four groups:

Hiện nay có rất ít công việc mạch lạc và tích hợp được thực hiện *với sự phối hợp của* bốn nhóm:

1. Physicians and surgeons—orthodox and academic.

1. Các bác sĩ và phẫu thuật gia—chính thống và hàn lâm.

2. Psychologists, neurologists and psychiatrists.

2. Các nhà tâm lý học, thần kinh học và tâm thần học.

3. Mental healers and New Thought workers, plus Unity thinkers and Christian Scientists.

3. Các nhà chữa lành bằng trí tuệ và những người hoạt động trong Tư Tưởng Mới, cộng với những người tư duy của Unity và Christian Science.

4. Trained disciples and those who work with the souls of men.

4. Các đệ tử lão luyện và những người làm việc với linh hồn của con người.

When these four groups can be brought into close relation, and can work together for the release of humanity from disease, we shall then arrive at an understanding of the true wonder of the human being. We shall some day have hospitals in which the four phases of this one medical and remedial work will proceed side by side and in the fullest cooperation. Neither group can do a complete task without the others; all are interdependent.

Khi bốn nhóm này có thể được đưa vào mối liên hệ chặt chẽ, và có thể cùng nhau làm việc để giải thoát nhân loại khỏi bệnh tật, lúc đó chúng ta sẽ đi đến một sự thấu hiểu về điều kỳ diệu đích thực của con người. Một ngày nào đó chúng ta sẽ có những bệnh viện trong đó bốn phương diện của công việc y khoa và chữa trị duy nhất này sẽ tiến hành song song và trong sự hợp tác đầy đủ nhất. Không nhóm nào có thể hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ nếu thiếu các nhóm khác; tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau.

[255]

[255]

It is the inability of these groups to recognise the good in the other groups striving for the

Chính sự bất lực của các nhóm này trong việc nhận ra điều tốt nơi các nhóm khác

physical well-being of humanity which makes it almost impossible for me to do more specific teaching and more direct talking on these matters. Have you any idea of the wall of antagonistic thinking and speech against which a new or pioneering idea has to batter itself? Have you ever seriously considered the aggregated and crystallised thoughtforms with which all such new ideas (and shall I call them hierarchical proposals) have to contend? Do you appreciate the dead weight of preconceived and ancient determinations which have to be moved before the Hierarchy can cause a new and needed concept to penetrate into the consciousness of the average thinking (or again should I say, unthinking?) public. The field of medicine is a most difficult field in which to work, for the subject is so intimate, and fear enters so strongly into the reactions of those who must be reached. The gulf between the old and established and the new and the spiritually demanded, needs much long and careful bridging. A great deal of the difficulty is, curiously enough, to be found fostered by the newer schools of thought. Orthodox medicine is slow, and rightly slow, in adopting new techniques and methods; it is at times too slow, but the case of the new mode of treatment or diagnosis must be rightly proven and statistically proven before it can be incorporated in the medical curriculum and method; the risks to the human subject are too great, and the good humanitarian physician will not make his patient the subject of experimentation. However, within the last few decades, medicine has advanced by leaps and bounds, the science of electricity and light therapy and many other modern techniques and methods have already been added to the various other sciences of which medicine avails itself. The demands of the intangible and the treatment of the nebulous—if such

đang nỗ lực vì phúc lợi hồng trần của nhân loại khiến tôi hầu như không thể đưa ra giáo huấn cụ thể hơn và nói trực tiếp hơn về những vấn đề này. Bạn có ý niệm nào về bức tường tư tưởng và lời nói đối kháng mà một ý tưởng mới hay tiên phong phải tự đập vào không? Bạn đã bao giờ nghiêm túc xem xét những hình tư tưởng kết tụ và kết tinh mà mọi ý tưởng mới như thế (và tôi có nên gọi chúng là những đề nghị của Thánh Đoàn không) phải tranh đấu chống lại chưa? Bạn có đánh giá được sức nặng trì trệ của những quyết định định kiến và cổ xưa phải được lay chuyển trước khi Thánh Đoàn có thể khiến một khái niệm mới và cần thiết thâm nhập vào tâm thức của công chúng trung bình biết suy nghĩ (hay tôi lại nên nói là không suy nghĩ?) hay không? Lĩnh vực y học là một lĩnh vực cực kỳ khó làm việc, vì đề tài này quá mật thiết, và nỗi sợ hãi đi vào rất mạnh trong các phản ứng của những người phải được tiếp cận. Khoảng cách giữa cái cũ và đã được thiết lập với cái mới và được tinh thần đòi hỏi cần rất nhiều sự bắt cầu lâu dài và cẩn trọng. Một phần lớn khó khăn, kỳ lạ thay, lại được nuôi dưỡng bởi các trường phái tư tưởng mới hơn. Y học chính thống chậm chạp, và chậm chạp một cách đúng đắn, trong việc tiếp nhận các kỹ thuật và phương pháp mới; đôi khi nó quá chậm, nhưng trường hợp của phương thức điều trị hay chẩn đoán mới phải được chứng minh đúng đắn và được chứng minh bằng thống kê trước khi có thể được đưa vào chương trình và phương pháp y khoa; những rủi ro đối với đối tượng con người là quá lớn, và vị y sĩ nhân đạo chân chính sẽ không biến bệnh nhân của mình thành đối tượng thí nghiệm. Tuy nhiên, trong vài thập niên qua, y học đã tiến bộ bằng những bước nhảy vọt, khoa học điện học và trị liệu bằng ánh sáng cùng nhiều kỹ thuật và phương pháp hiện đại khác đã được thêm vào các khoa học khác nhau mà y học sử dụng. Những đòi hỏi của cái vô hình và việc điều trị cái mơ hồ—nếu

[256] peculiar terms are in order—are being recognised increasingly and are known to play an orthodox and recognised part in the newer approaches to disease.

The approach of the mental schools and cults, as they erroneously call themselves, has not proceeded so helpfully. This is largely their fault. Schools of thought such as Mental Science, New Thought, Unity, Christian Science, Chiropractic enterprise, the efforts of the Naturopaths and many others, hurt their cause, owing to the large claims which they make and to their unceasing attacks upon orthodox medicine and other channels of proven helpfulness and upon the knowledge (acquired over centuries of experimentation) of the academic schools of medicine and surgery. They forget that many of their claims to success (and they are often irrefutable) can be classed under the general heading of faith cures, and this can be done correctly or incorrectly. Such cures have long been recognised by the academic thinker and known to be factual. These cults which are in fact the custodians of needed truths, need above everything else to change their approach and to learn the spiritual nature of compromise in these days of evolutionary unfoldment. Their ideas cannot come into full and desired usefulness apart from the already God-given knowledge which medicine down the ages has accumulated; they need also to keep a record of their numerous failures, as well as the successes which they loudly proclaim. I would here point out that these successes are in no way so numerous as those of orthodox medicine and of the beneficent work done by the clinics of our hospitals which—in spite of failures and often gross stupidity—greatly ameliorate the pains and ills of the masses of men. These cults omit to state, or even to

những [256] thuật ngữ kỳ lạ như thế là thích hợp—đang ngày càng được công nhận và được biết là đóng một vai trò chính thống và được thừa nhận trong những cách tiếp cận mới hơn đối với bệnh tật.

Cách tiếp cận của các trường phái và giáo phái trí tuệ, như họ gọi chính mình một cách sai lầm, đã không tiến triển hữu ích đến thế. Điều này phần lớn là lỗi của họ. Những trường phái tư tưởng như Khoa Học Trí Tuệ, Tư Tưởng Mới, Unity, Christian Science, hoạt động chỉnh cột sống, những nỗ lực của các nhà trị liệu tự nhiên và nhiều nhóm khác, làm tổn hại chính nghĩa của họ do những tuyên bố quá lớn mà họ đưa ra và do những cuộc tấn công không ngừng của họ vào y học chính thống và các kênh trợ giúp đã được chứng minh khác, cũng như vào tri thức (được tích lũy qua nhiều thế kỷ thử nghiệm) của các trường y khoa và phẫu thuật hàn lâm. Họ quên rằng nhiều tuyên bố thành công của họ (và chúng thường không thể bác bỏ) có thể được xếp dưới tiêu đề chung là chữa lành bằng đức tin, và điều này có thể được làm một cách đúng hoặc sai. Những sự chữa lành như thế từ lâu đã được nhà tư tưởng hàn lâm công nhận và biết là có thật. Những giáo phái này, vốn thực ra là những người gìn giữ các chân lý cần thiết, trên hết cần thay đổi cách tiếp cận của họ và học bản chất tinh thần của sự thỏa hiệp trong những ngày của sự khai mở tiến hoá này. Những ý tưởng của họ không thể đi vào tính hữu dụng đầy đủ và mong muốn nếu tách rời tri thức vốn đã do Thượng đế ban cho mà y học đã tích lũy qua các thời đại; họ cũng cần ghi chép lại vô số thất bại của mình, cũng như những thành công mà họ lớn tiếng công bố. Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng những thành công này tuyệt nhiên không nhiều bằng những thành công của y học chính thống và của công việc lành lợi được thực hiện bởi các phòng khám trong các bệnh viện của chúng ta, những nơi—bất chấp thất bại và thường

recognise, that in cases of extreme illness or accident, the patient is physically unable to affirm or claim divine healing and is dependent upon the work of some healer who works with no knowledge [257] of the karma of the patient. Many of their so-called cures (and this is the case also with orthodox medicine) are cures because the hour of the end has not yet arrived for the patient and he would have recovered in any case, though he often does so more rapidly, owing to the remedial measures of the trained physician.

là sự ngu xuẩn thô thiển—đã làm giảm nhẹ rất nhiều những đau đớn và bệnh tật của quần chúng nhân loại. Những giáo phái này bỏ qua việc nói ra, hay thậm chí thừa nhận, rằng trong những trường hợp bệnh nặng hay tai nạn, bệnh nhân về mặt hồng trần không thể khẳng định hay tuyên bố sự chữa lành thiêng liêng và phải phụ thuộc vào công việc của một người chữa lành làm việc mà không biết gì [257] về nghiệp quả của bệnh nhân. Nhiều cái gọi là chữa khỏi của họ (và điều này cũng đúng với y học chính thống) là chữa khỏi bởi vì giờ kết thúc của bệnh nhân chưa đến và trong bất kỳ trường hợp nào y cũng sẽ hồi phục, dù thường hồi phục nhanh hơn nhờ các biện pháp chữa trị của vị y sĩ được đào luyện.

In cases of serious accident, where the injured person will bleed, the cultist (no matter what his cult may be called) will perforce avail himself of the methods of the orthodox physician; he will apply a tourniquet, for instance, and take the measures which orthodox medicine enjoins, rather than stand by and see the injured person die because these methods are not used. When he is face to face with death, he will frequently turn to the tried and proved methods of help and will usually call in a physician rather than be charged with murder.

Trong những trường hợp tai nạn nghiêm trọng, khi người bị thương sẽ chảy máu, tín đồ giáo phái (dù giáo phái của y được gọi là gì) bắt buộc sẽ phải sử dụng các phương pháp của vị y sĩ chính thống; chẳng hạn y sẽ băng garô, và thực hiện những biện pháp mà y học chính thống quy định, thay vì đứng nhìn người bị thương chết đi vì những phương pháp ấy không được dùng. Khi đối diện với cái chết, y thường sẽ quay sang những phương pháp trợ giúp đã được thử nghiệm và chứng minh, và thường sẽ gọi bác sĩ hơn là bị buộc tội giết người.

All the above is said in no spirit of disparagement, but in an effort to prove that the many schools of thought—orthodox, academic, ancient, material or spiritual, new, pioneering or mental—are interdependent; they need to be brought together into one great healing science. This will be a science which will heal the whole man and bring into play all the resources—physical, emotional, mental and spiritual—of which humanity is capable. Orthodox

Tất cả những điều trên được nói ra không phải trong tinh thần hạ thấp, mà trong nỗ lực chứng minh rằng nhiều trường phái tư tưởng—chính thống, hàn lâm, cổ xưa, vật chất hay tinh thần, mới, tiên phong hay trí tuệ—đều phụ thuộc lẫn nhau; chúng cần được đưa lại với nhau thành một khoa học chữa lành vĩ đại. Đây sẽ là một khoa học chữa lành toàn thể con người và đưa vào hoạt động mọi nguồn lực—hồng trần, cảm xúc, trí tuệ và tinh thần—mà nhân loại có

medicine is more open to cooperation with the newer cults than are the neophytes of the science of mental control of disease; they cannot, however, permit their patients to be turned into guinea pigs (is not that the term used in these cases, brother of mine?) for the satisfaction of the pioneering cultist and the proving of his theories—no matter how correct when applied in conjunction with what has already been proved. The middle way of compromise and of mutual cooperation is ever the wisest. and this is a lesson much needed today in every department of human thinking.

khả năng có được. Y học chính thống cởi mở hơn đối với sự hợp tác với các giáo phái mới hơn là những người sơ cơ của khoa học kiểm soát bệnh tật bằng trí tuệ; tuy nhiên, họ không thể cho phép bệnh nhân của mình bị biến thành chuột bạch (có phải đó là từ được dùng trong những trường hợp này không, hỡi huynh đệ của Tôi?) để thỏa mãn nhà giáo phái tiên phong và chứng minh các lý thuyết của y—dù chúng có đúng đến đâu khi được áp dụng cùng với những gì đã được chứng minh. Con đường trung đạo của sự thỏa hiệp và hợp tác lẫn nhau luôn luôn là khôn ngoan nhất, và đây là một bài học rất cần thiết ngày nay trong mọi lĩnh vực tư tưởng của con người.

[258]

[258]

We shall now proceed to deal with our third and final section of thoughts around the basic causes of disease. The theme of karma has been little considered and I shall deal with it in a way larger than our particular subject perhaps warrants.

Giờ đây chúng ta sẽ tiếp tục đề cập đến phần thứ ba và cuối cùng của các tư tưởng xoay quanh những nguyên nhân căn bản của bệnh tật. Chủ đề nghiệp quả ít được xem xét và tôi sẽ bàn đến nó theo một cách rộng hơn có lẽ vượt quá điều mà chủ đề riêng của chúng ta đòi hỏi.

CHAPTER III - Our Karmic Liabilities — CHƯƠNG III - Những Món Nợ Nghiệp Quả của Chúng Ta

INTRODUCTORY REMARKS — NHỮNG NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

[259]

We have reached now the concluding phase of our approach to the problem of disease. In our next part we shall deal with the attitudes and temperaments of the patient, taking into consideration his ray and also the state of mind of the healer; all these points are of prime importance when one comes to the consideration of the fine art of healing. It is, however, essential that ill health, acute disease, and death itself should find their place in the overall picture. A particular incarnation is not an isolated event in the life of the soul, but is a part and an aspect of a sequence of experiences which are intended to lead to one, clear, definite goal—the goal of free choice and a deliberate return out of matter to spirit and eventual liberation.

There has been much talk among esotericists (particularly in the Eastern presentation of the Path to Reality) anent liberation. The goal held before the neophyte is liberation, freedom, emancipation; this, by and large, is the keynote of life itself. The concept is a transitting out of the realm of the purely selfish and of personal liberation into something much wider and more important. This concept of liberation lies behind the modern use of the word “liberty” but is far wiser, better and deeper in its connotation. Liberty, in the minds of many, is freedom from the imposition of any man’s [260] rule, freedom to do as one wishes, to think as one determines and to live as one

[259]

Giờ đây chúng ta đã đi đến giai đoạn kết thúc trong cách tiếp cận của chúng ta đối với vấn đề bệnh tật. Trong phần kế tiếp, chúng ta sẽ bàn đến các thái độ và khí chất của bệnh nhân, có xét đến cung của y và cả trạng thái trí tuệ của người chữa lành; tất cả những điểm này đều cực kỳ quan trọng khi người ta đi đến việc xem xét nghệ thuật tinh tế của sự chữa lành. Tuy nhiên, điều thiết yếu là sức khỏe kém, bệnh cấp tính, và chính cái chết cũng phải tìm được vị trí của chúng trong bức tranh tổng thể. Một lần lâm phàm cụ thể không phải là một biến cố cô lập trong đời sống của linh hồn, mà là một phần và một phương diện của một chuỗi kinh nghiệm nhằm dẫn đến một mục tiêu duy nhất, rõ ràng, xác định—mục tiêu của sự lựa chọn tự do và một sự trở về có chủ ý từ vật chất đến tinh thần và cuối cùng là giải thoát.

Đã có nhiều lời bàn giữa các nhà bí truyền học (đặc biệt trong cách trình bày phương Đông về Con Đường đến Thực Tại) liên quan đến giải thoát. Mục tiêu được đặt trước người sơ cơ là giải thoát, tự do, giải phóng; nhìn chung, đó là chủ âm của chính sự sống. Khái niệm này là một sự chuyển ra khỏi lĩnh vực thuần túy ích kỷ và của sự giải thoát cá nhân để đi vào một điều gì đó rộng lớn hơn và quan trọng hơn nhiều. Khái niệm giải thoát này nằm phía sau cách dùng hiện đại của từ “tự do” nhưng khôn ngoan hơn, tốt đẹp hơn và sâu sắc hơn nhiều trong hàm ý của nó. Tự do, trong tâm trí của nhiều người, là sự tự do khỏi sự áp đặt của sự cai trị [260] của bất kỳ ai, tự do làm điều mình muốn, suy nghĩ điều

chooses. This is as it should be, provided that one's wishes, choices, thoughts and desires are free from selfishness and are dedicated to the good of the whole. This is, as yet, very seldom so.

mình quyết định và sống theo cách mình chọn. Điều này là đúng như nó nên thế, miễn là những mong muốn, lựa chọn, suy nghĩ và ham muốn của một người không có tính ích kỷ và được hiến dâng cho lợi ích của toàn thể. Tuy nhiên, cho đến nay điều này rất hiếm khi xảy ra.

Liberation is much more than all this; it is freedom from the past, freedom to move forward along certain predetermined lines (predetermined by the soul), freedom to express all the divinity of which one is capable as an individual, or which a nation can present to the world.

Giải thoát còn hơn tất cả những điều đó; đó là tự do khỏi quá khứ, tự do để tiến bước dọc theo những đường hướng đã được xác định trước (được linh hồn xác định trước), tự do biểu lộ toàn bộ thiên tính mà một cá nhân có khả năng biểu lộ, hoặc mà một quốc gia có thể trình hiện cho thế giới.

There have been in the history of the past two thousand years, four great symbolic happenings which have sequentially presented (to those who have eyes to see, ears to hear and minds to interpret) the theme of liberation—and not simply of liberty.

Trong lịch sử hai ngàn năm qua, đã có bốn biến cố biểu tượng lớn, lần lượt trình bày (cho những ai có mắt để thấy, tai để nghe và trí tuệ để diễn giải) chủ đề giải thoát—chứ không chỉ đơn thuần là tự do.

1. The life of Christ Himself. He, for the first time, presented the idea of the sacrifice of the unit, consciously and deliberately offered for the service of the whole. There had been other World Saviours, but the issues involved had not so clearly been expressed, because the mind of man had not been ready to grasp the implications. Service is the keynote of liberation. Christ was the ideal Server.

1. *Cuộc đời của chính Đức Christ.* Lần đầu tiên, Ngài đã trình bày ý tưởng về sự hi sinh của đơn vị, được dâng hiến một cách có ý thức và có chủ ý để phụng sự toàn thể. Đã có những Đấng Cứu Thế Gian khác, nhưng những vấn đề liên quan chưa được diễn đạt rõ ràng đến thế, bởi vì trí tuệ con người chưa sẵn sàng để nắm bắt các hàm ý. Phụng sự là chủ âm của giải thoát. Đức Christ là Đấng Phụng Sự lý tưởng.

2. The signing of the Magna Charta. This document was signed at Runnymede, during the reign of King John on June 15th, 1215, A.D. Here the idea of liberation from authority was presented with the emphasis upon the personal liberty and rights of the individual. The growth and development of this basic idea, mental concept and

2. *Việc ký kết Đại Hiến Chương.* Văn kiện này được ký tại Runnymede, dưới triều Vua John vào ngày 15 tháng 6 năm 1215 sau Công nguyên. Ở đây ý tưởng giải thoát khỏi quyền lực được trình bày với sự nhấn mạnh vào tự do cá nhân và các quyền của cá nhân. Sự tăng trưởng và phát triển của ý tưởng căn bản này, khái niệm trí tuệ này và nhận thức

formulated perception falls into four phases or chapters:

a. The signing of the Magna Charta, emphasising personal liberty.

[261]

b. The founding of the French Republic with its emphasis upon human liberty.

c. The Declaration of Independence and the Bill of Rights, determining national policy.

d. The Atlantic Charter and the Four Freedoms, bringing the whole question into the international field, and guaranteeing to men and women everywhere in the world liberty and freedom to develop the divine reality within themselves.

The ideal has gradually become clarified so that today the mass of men everywhere know what are the basic essentials of happiness.

3. The Emancipation of the Slaves. The spiritual idea of human liberty, which had become a recognised ideal, became a demanding desire, and a great symbolic happening took place—the slaves were freed. Like all things which human beings enact, perfection is nonexistent. The Negro is not free in this land of the free, and America will have to clean house in this respect; to put it in clear concise words, the U.S.A. must see to it that the Constitution and the Bill of Rights are facts and not a dream. Only thus can the inevitable working of the Law of Karma (which is our theme today) be offset. The Negroes are Americans, as well as the New Englanders and all other stocks which are not indigenous in this

được hình thành này rơi vào bốn giai đoạn hay chương:

a. Việc ký kết Đại Hiến Chương, nhấn mạnh tự do cá nhân.

[261]

b. Việc thành lập nền Cộng hòa Pháp với sự nhấn mạnh vào tự do của con người.

c. Tuyên ngôn Độc lập và Tuyên ngôn Nhân quyền, xác định chính sách quốc gia.

d. Hiến chương Đại Tây Dương và Bốn Quyền Tự Do, đưa toàn bộ vấn đề vào lĩnh vực quốc tế, và bảo đảm cho những người nam và nữ ở khắp nơi trên thế giới quyền tự do và sự tự do để phát triển thực tại thiêng liêng bên trong chính họ.

Lý tưởng ấy đã dần dần được làm sáng tỏ để ngày nay quần chúng nhân loại ở khắp nơi đều biết những điều thiết yếu căn bản của hạnh phúc.

3. *Sự Giải Phóng những Người Nô Lệ*. Ý tưởng tinh thần về tự do của con người, vốn đã trở thành một lý tưởng được thừa nhận, đã trở thành một khát vọng đòi hỏi, và một biến cố biểu tượng lớn đã diễn ra—những người nô lệ đã được giải phóng. Cũng như mọi điều mà con người thực hiện, sự hoàn hảo không hề hiện hữu. Người da đen không được tự do trên mảnh đất của những người tự do này, và nước Mỹ sẽ phải chấn chỉnh nội bộ về phương diện này; nói một cách rõ ràng và súc tích, Hoa Kỳ phải bảo đảm rằng Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền là những sự kiện chứ không phải một giấc mơ. Chỉ như thế sự vận hành tất yếu của Định luật Nghiệp Quả (là chủ đề của chúng ta hôm nay) mới có thể được hóa giải. Người da đen

country, and the Constitution is theirs also. As yet the privileges it confers are withheld by those who are the slaves of selfishness and fear.

là người Mỹ, cũng như những người New England và mọi dòng giống khác không phải là bản địa ở đất nước này, và Hiến pháp cũng là của họ. Cho đến nay, những đặc quyền mà nó ban cho vẫn bị giữ lại bởi những kẻ là nô lệ của tính ích kỷ và nỗi sợ hãi.

4. The Liberation of Humanity by the United Nations. We are participating in a great spectacular and symbolic happening and are watching it in process. The liberation of the individual has moved onward through the symbolic liberation of a section of humanity (the remnants [262] of the first two races, the Lemurian and the Atlantean) to the liberation of millions of human beings, enslaved by the forces of evil, by millions of their fellow men. The ideal has worked through into a practical worldwide effort upon the physical plane and has demanded worldwide sacrifice. It has involved the entire three worlds of human evolution, and for this reason the Christ can now lead His forces and aid human beings to liberate mankind.

4. *Sự Giải Phóng Nhân Loại bởi Liên Hiệp Quốc.* Chúng ta đang tham dự vào một biến cố lớn lao, ngoạn mục và biểu tượng, và đang quan sát nó trong tiến trình diễn ra. Sự giải phóng cá nhân đã tiến lên thông qua sự giải phóng mang tính biểu tượng của một bộ phận nhân loại (những tàn dư [262] của hai giống dân đầu tiên, Lemuria và Atlantis) đến sự giải phóng hàng triệu con người, bị các mãnh lực của điều ác nô dịch, bởi hàng triệu đồng loại của họ. Lý tưởng ấy đã được thực hiện thành một nỗ lực thực tiễn trên toàn thế giới nơi cõi hồng trần và đã đòi hỏi sự hi sinh trên toàn thế giới. Nó đã bao gồm toàn bộ ba cõi giới của sự tiến hoá nhân loại, và vì lý do này mà Đức Christ giờ đây có thể dẫn dắt các lực lượng của Ngài và trợ giúp con người giải phóng nhân loại.

What has really been happening, therefore, in the lives of individuals, in the lives of nations and in the life of humanity? A tremendous move to put right most ancient evil, to offset consciously the Law of Cause and Effect by a recognition of the causes in the personal, national and international worlds which have produced the effects under which humanity today suffers.

Vậy thì, điều gì thực sự đã xảy ra trong đời sống của các cá nhân, trong đời sống của các quốc gia và trong đời sống của nhân loại? Đó là một chuyển động to lớn nhằm sửa chữa điều ác rất cổ xưa, nhằm một cách hữu thức hóa giải Định luật Nhân Quả bằng sự nhận biết những nguyên nhân trong các thế giới cá nhân, quốc gia và quốc tế đã tạo ra những hậu quả mà dưới đó nhân loại ngày nay đang đau khổ.

The Law of Karma is today a great and incontrovertible fact in the consciousness of humanity everywhere. They may not call it by that name, but they are well aware that in all today's events the nations are reaping what they sowed. This great law—at one time a theory—is not a proven fact and a

Định luật Nghiệp Quả ngày nay là một sự kiện lớn lao và không thể bác bỏ trong tâm thức của nhân loại khắp nơi. Họ có thể không gọi nó bằng tên ấy, nhưng họ hoàn toàn ý thức rằng trong mọi biến cố ngày nay các quốc gia đang gặt hái điều họ đã gieo. Định luật lớn lao này—đã từng có lúc là một

recognised factor in human thinking. The question "Why?" so frequently asked brings in the factor of cause and effect with constant inevitability. The concepts of heredity and of environment are efforts to explain existing human conditions; qualities, racial characteristics, national temperaments and ideals prove the fact of some initiating world of causes. Historical conditions, the relationships between nations, social taboos, religious convictions and tendencies can all be traced to originating causes—some of them most ancient. Everything that is happening in the world today and which is so potently affecting humanity—things of beauty and of horror, modes of living [263] and civilisation and culture, prejudices and likings, scientific attainment and artistic expression and the many ways in which humanity throughout the planet colours existence—are aspects of effects, initiated somewhere, on some level at some time, by human beings, both individually and en masse.

lý thuyết—nay là một sự kiện đã được chứng minh và là một yếu tố được thừa nhận trong tư duy của con người. Câu hỏi "Tại sao?" thường xuyên được nêu ra đã đưa yếu tố nhân và quả vào với tính tất yếu không ngừng. Các khái niệm về di truyền và môi trường là những nỗ lực nhằm giải thích các điều kiện hiện hữu của con người; các phẩm tính, các đặc tính chủng tộc, các khí chất và lý tưởng quốc gia chứng minh sự kiện về một thế giới nguyên nhân khởi phát nào đó. Các điều kiện lịch sử, các mối quan hệ giữa các quốc gia, các điều cấm kỵ xã hội, các xác tín và khuynh hướng tôn giáo đều có thể được truy nguyên về những nguyên nhân ban đầu—một số trong đó rất cổ xưa. Mọi điều đang xảy ra trong thế giới ngày nay và đang tác động mạnh mẽ đến nhân loại—những điều đẹp đẽ và kinh hoàng, những lối sống [263] và nền văn minh cùng văn hóa, những thành kiến và sở thích, những thành tựu khoa học và biểu đạt nghệ thuật, cùng nhiều cách thức mà nhân loại trên khắp hành tinh tô màu cho sự tồn tại—đều là những phương diện của các hậu quả, được khởi phát ở đâu đó, trên một cấp độ nào đó, vào một thời điểm nào đó, bởi con người, cả riêng lẻ lẫn tập thể.

Karma is therefore that which Man—the Heavenly Man in whom we live, humanity as a whole, mankind in groups as nations, and individual man—has instituted, carried forward, endorsed, omitted to do or has done right through the ages until the present moment. Today, the harvest is ripe and mankind is reaping what it has sown, preparatory to a fresh ploughing in the springtime of the New Age, with a fresh sowing of the seed which will (let us pray and hope) produce a better harvest.

Vì thế, nghiệp quả là điều mà Con Người—Đấng Thiên Nhân mà trong Ngài chúng ta sống, toàn thể nhân loại, loài người trong các nhóm như các quốc gia, và con người cá nhân—đã thiết lập, tiếp tục, tán thành, đã bỏ sót không làm hoặc đã làm xuyên suốt các thời đại cho đến thời điểm hiện tại. Ngày nay, mùa gặt đã chín và nhân loại đang gặt hái điều mình đã gieo, để chuẩn bị cho một lần cày xới mới vào mùa xuân của Kỷ Nguyên Mới, với một lần gieo hạt mới mà (chúng ta hãy cầu nguyện và hy vọng) sẽ tạo ra một mùa gặt tốt đẹp hơn.

The outstanding evidence of the Law of Cause and Effect is the Jewish race. All nations prove this Law, but I choose to refer to the Hebrew peoples because their history is so well known and their future and their destiny are subjects of worldwide, universal concern. The Jews have always had a symbolic significance; they sum up in themselves—as a nation, down the ages—the depths of human evil and the heights of human divinity. Their aggressive history as narrated in the Old Testament is on a par with present-day German accomplishment; yet Christ was a Jew and it was the Hebrew race which produced Him. Let this never be forgotten. The Jews were great aggressors; they despoiled the Egyptians and they took the Promised Land at the point of the sword, sparing neither man, woman nor child. Their religious history has been built around a materialistic Jehovah, possessive, greedy and endorsing and encouraging aggression. Their history is symbolic of the history of all aggressors, rationalising themselves into the belief that they are carrying out divine purpose, wresting away from people their property in a spirit of self-defense and finding some [264] reason, adequate to them, to excuse the iniquity of their action. Palestine was taken by the Jews because it was "a land flowing with milk and honey," and the claim was made that the act was undertaken in obedience to divine command. Later, the symbolism gets most interesting. They divided into two halves: the Israelites with headquarters at Samaria, and the Jews (meaning two or three special tribes out of the twelve) locating around Jerusalem. Dualism ran through their religious beliefs; they were schooled by the Sadducees or the Pharisees, and these two groups were in constant conflict. Christ came as a member of the Jewish race and they renounced Him.

Bằng chứng nổi bật của Định luật Nhân Quả là dân tộc Do Thái. *Mọi quốc gia đều chứng minh Định luật này*, nhưng tôi chọn đề cập đến dân tộc Hebrew vì lịch sử của họ quá nổi tiếng và tương lai cùng định mệnh của họ là những chủ đề được quan tâm trên toàn thế giới, một cách phổ quát. Người Do Thái luôn luôn mang một ý nghĩa biểu tượng; họ tự tổng hợp trong chính mình—với tư cách một dân tộc, xuyên suốt các thời đại—những chiều sâu của điều ác nơi con người và những đỉnh cao của thiên tính nơi con người. Lịch sử hiếu chiến của họ như được thuật lại trong Cựu Ước tương đương với những thành tựu của nước Đức ngày nay; tuy nhiên Đức Christ là một người Do Thái và chính dân tộc Hebrew đã sinh ra Ngài. Điều này đừng bao giờ bị quên lãng. Người Do Thái từng là những kẻ xâm lược lớn; họ đã cướp bóc người Ai Cập và họ đã chiếm Đất Hứa bằng mũi gươm, không tha đàn ông, đàn bà hay trẻ nhỏ. Lịch sử tôn giáo của họ được xây dựng quanh một Jehovah duy vật, chiếm hữu, tham lam, tán thành và khuyến khích sự xâm lược. Lịch sử của họ là biểu tượng cho lịch sử của mọi kẻ xâm lược, tự biện minh để tin rằng họ đang thực hiện thiên ý, giật lấy tài sản của người khác trong tinh thần tự vệ và tìm ra một [264] lý do nào đó, đủ đối với họ, để bào chữa cho sự bất công trong hành động của mình. Palestine đã bị người Do Thái chiếm lấy vì đó là "một vùng đất tràn trề sữa và mật ong," và người ta tuyên bố rằng hành động ấy được thực hiện để vâng theo mệnh lệnh thiêng liêng. Về sau, tính biểu tượng trở nên hết sức thú vị. Họ chia thành hai nửa: dân Israel với trung tâm tại Samaria, và dân Do Thái (nghĩa là hai hay ba bộ tộc đặc biệt trong số mười hai bộ tộc) định cư quanh Jerusalem. Tính nhị nguyên xuyên suốt các tín ngưỡng tôn giáo của họ; họ được đào luyện bởi phái Sadducees hoặc phái Pharisees, và hai nhóm này thường xuyên xung đột. Đức Christ đến

như một thành viên của dân tộc Do Thái và họ đã từ bỏ Ngài.

Today the law is working, and the Jews are paying the price, factually and symbolically, for all they have done in the past. They are demonstrating the far-reaching effects of the Law. Factually and symbolically, they stand for culture and civilisation; factually and symbolically, they are humanity; factually and symbolically, they stand as they have ever chosen to stand, for separation. They regard themselves as the chosen people and have an innate consciousness of that high destiny, forgetting their symbolic role and that it is Humanity which is the chosen people and not one small and unimportant fraction of the race. Factually and symbolically, they long for unity and cooperation, yet know not how to cooperate; factually and symbolically, they are the "Eternal Pilgrim"; they are mankind, wandering through the mazes of the three worlds of human evolution, and gazing with longing eyes towards a promised land; factually and symbolically, they resemble the mass of men, refusing to comprehend the underlying spiritual purpose of all material phenomena, rejecting the Christ within (as they did centuries ago the Christ within their borders), grasping for material good and steadily rejecting the things of the spirit. They demand the so-called restitution of Palestine, [265] wresting it away from those who have inhabited it for many centuries; and by their continued emphasis upon material possession they lose sight of the true solution, which is that, symbolically and factually again, they must be assimilated into all the nations, and fused with all the races, thus demonstrating recognition of the One Humanity.

Ngày nay định luật đang vận hành, và người Do Thái đang trả giá, trên thực tế và về mặt biểu tượng, cho tất cả những gì họ đã làm trong quá khứ. Họ đang chứng minh những hậu quả sâu rộng của Định luật. Trên thực tế và về mặt biểu tượng, họ tượng trưng cho văn hóa và văn minh; trên thực tế và về mặt biểu tượng, họ là nhân loại; trên thực tế và về mặt biểu tượng, họ đứng như họ luôn chọn đứng, cho sự phân ly. Họ xem mình là dân tộc được chọn và có một tâm thức bẩm sinh về định mệnh cao cả ấy, quên mất vai trò biểu tượng của mình và quên rằng chính Nhân Loại mới là dân tộc được chọn chứ không phải một phần nhỏ bé và không quan trọng của nhân loại. Trên thực tế và về mặt biểu tượng, họ khao khát sự hợp nhất và hợp tác, nhưng lại không biết cách hợp tác; trên thực tế và về mặt biểu tượng, họ là "Người Hành Hương Vĩnh Cửu"; họ là loài người, lang thang qua những mê cung của ba cõi giới trong sự tiến hoá nhân loại, và hướng đôi mắt khát khao về một miền đất hứa; trên thực tế và về mặt biểu tượng, họ giống với đại đa số con người, từ chối thấu hiểu mục đích tinh thần nền tảng của mọi hiện tượng vật chất, khước từ Đức Christ bên trong (như họ đã từng làm nhiều thế kỷ trước với Đức Christ trong biên giới của họ), chộp lấy những lợi ích vật chất và đều đặn khước từ những điều của tinh thần. Họ đòi hỏi cái gọi là sự hoàn nguyên Palestine, [265] giật lấy nó khỏi những người đã cư ngụ ở đó suốt nhiều thế kỷ; và bằng sự nhấn mạnh liên tục của họ vào sự sở hữu vật chất, họ đánh mất giải pháp chân chính, đó là, một lần nữa cả về biểu tượng lẫn thực tế, họ phải được đồng hóa vào mọi quốc gia, và dung hợp với mọi chủng tộc, nhờ đó chứng minh sự thừa nhận Nhân Loại Duy Nhất.

It is interesting to note that the Jews who inhabited southern Palestine, and whose chief city was Jerusalem, have succeeded in doing this and have fused with and been assimilated by the British, the Dutch and the French in a way that the Israelites, ruled from Samaria, have never done. I commend this to you for your consideration.

Điều đáng chú ý là những người Do Thái cư ngụ ở miền nam Palestine, và có thành phố chính là Jerusalem, đã thành công trong việc làm điều này và đã dung hợp với, được đồng hóa bởi người Anh, người Hà Lan và người Pháp theo cách mà dân Israel, được cai quản từ Samaria, chưa bao giờ làm được. Tôi xin nêu điều này để bạn suy ngẫm.

If the Jewish race would recall, therefore, their high symbolic destiny, and if the rest of humanity would see themselves in the Jewish people, and if both groups would emphasise the fact of human stock and cease thinking of themselves in terms of national and racial units, the karma of humanity would radically change from the retributive karma of the present to the recompensing good karma of the future.

Vì vậy, nếu dân tộc Do Thái nhớ lại định mệnh biểu tượng cao cả của họ, và nếu phần còn lại của nhân loại thấy chính mình trong dân Do Thái, và nếu cả hai nhóm đều nhấn mạnh sự kiện về cùng một dòng giống nhân loại và ngừng suy nghĩ về mình theo các đơn vị quốc gia và chủng tộc, thì nghiệp quả của nhân loại sẽ thay đổi tận gốc từ nghiệp quả báo ứng của hiện tại sang nghiệp quả thiện lành đền bù của tương lai.

Regarding this question from the long range vision (looking backward historically as well as forward hopefully), the problem is one to which the Jews themselves must make the larger contribution. They have never yet faced candidly and honestly (as a race) the problem of why the many nations, from the time of the Egyptians, have neither liked nor wanted them. It has always been the same down the centuries. Yet there must be some reason, inherent in the people themselves, when the reaction is so general and universal. Their approach to their direful problem has been one of supplication, or of distressed complaint, or of unhappy despair. Their demand has been for the Gentile nations to put the matter right, and many Gentiles have attempted to do so. Until, however, the Jews themselves [266] face up to the situation and admit that there may be for them the working out of the retributive aspect of the Law of Cause and Effect, and until they endeavour to ascertain what it is in them, as a race, which has initiated their

Xét vấn đề này từ tầm nhìn xa, nhìn lùi về lịch sử cũng như nhìn tới với hy vọng, thì đây là một vấn đề mà chính người Do Thái phải đóng góp phần lớn hơn. Họ chưa bao giờ đối diện một cách thẳng thắn và trung thực (với tư cách một chủng tộc) với vấn đề vì sao nhiều quốc gia, từ thời người Ai Cập, lại không thích và không muốn họ. Suốt bao thế kỷ vẫn luôn như vậy. Tuy nhiên, hẳn phải có một lý do nào đó vốn có trong chính dân tộc ấy, khi phản ứng lại phổ biến và phổ quát đến thế. Cách tiếp cận của họ đối với vấn đề thảm khốc của mình là van xin, hoặc than phiền đau khổ, hoặc tuyệt vọng bất hạnh. Đòi hỏi của họ là các quốc gia ngoại bang phải sửa chữa vấn đề, và nhiều người ngoại bang đã cố làm như vậy. Tuy nhiên, cho đến khi chính người Do Thái [266] đối diện với tình hình và thừa nhận rằng đối với họ có thể đang diễn ra phương diện báo ứng của Định luật Nhân Quả, và cho đến khi họ nỗ lực tìm ra điều gì nơi họ, với tư cách một chủng tộc, đã khởi phát số phận cổ xưa và thảm khốc của họ, thì vấn đề cơ bản của thế

ancient and dire fate, this basic world issue will remain as it has been since the very night of time. That within the race there are and have been great, good, just and spiritual men is unalterably true. A generalisation is never a complete expression of the truth. But, viewing the problem of the Jews in time and space, in history and today, the points which I have made will bear careful consideration by the Jews.

What I have said in no way mitigates the guilt of those who have so sorely abused the Jews. You have a proverb, have you not? that "two blacks do not make a white." The behaviour of the nations towards the Jews, culminating in the atrocities of the second quarter of the twentieth century, have no excuse. The law must inevitably work. Though much that has happened to the Jews originated in their past history and in their pronounced attitude of separativeness and nonassimilability, and in their emphasis upon material good, yet the agents who have brought the evil karma upon them equally incur the retributive aspect of the same law; the situation has now assumed the form of a vicious circle of error and wrong doing, of retribution and revenge, and in view of this the time must come when together the nations will confer upon this problem, and together they will cooperate to bring to an end the wrong attitudes on both sides. All karma of evil nature is solved by the presentation of an accepting will, a cooperative love, a frank acknowledgment of responsibility and a skillful adjustment of united joint activity to bring about the good of humanity as a whole, and not just the good of an individual nation or people or race. The Jewish problem will not be solved [267] by taking possession of Palestine, by plaint and demand and by financial manipulations. That would be but the prolongation of ancient wrong and material

giới này sẽ vẫn còn như nó đã từng có từ đêm tối của thời gian. Rằng trong chủng tộc ấy có và đã có những người vĩ đại, tốt lành, công chính và tinh thần là điều hoàn toàn đúng. Một sự khái quát hóa không bao giờ là biểu đạt trọn vẹn của chân lý. Nhưng khi nhìn vấn đề của người Do Thái trong thời gian và không gian, trong lịch sử và ngày nay, thì những điểm tôi đã nêu đáng để chính người Do Thái cân nhắc cẩn trọng.

Điều tôi đã nói không hề làm giảm nhẹ tội lỗi của những kẻ đã ngược đãi người Do Thái một cách đau đớn như thế. Các bạn có một câu tục ngữ, phải không? rằng "hai cái đen không làm thành một cái trắng." Cách hành xử của các quốc gia đối với người Do Thái, lên đến đỉnh điểm là những hành động tàn bạo trong phần tư thứ hai của thế kỷ hai mươi, không có lời bào chữa nào. Định luật tất yếu phải vận hành. Dù phần lớn những gì đã xảy ra với người Do Thái bắt nguồn từ lịch sử quá khứ của họ và từ thái độ phân ly rõ rệt cùng tính không thể đồng hóa của họ, và từ sự nhấn mạnh của họ vào những lợi ích vật chất, tuy nhiên những tác nhân đã mang nghiệp xấu đến cho họ cũng đồng thời gánh chịu phương diện báo ứng của cùng một định luật ấy; tình hình hiện nay đã mang hình thức của một vòng luẩn quẩn của sai lầm và hành động sai trái, của báo ứng và trả thù, và vì thế thời điểm phải đến khi các quốc gia cùng nhau hội nghị về vấn đề này, và cùng nhau hợp tác để chấm dứt những thái độ sai lầm *ở cả hai phía*. Mọi nghiệp quả có bản chất xấu đều được giải quyết bằng việc biểu lộ một ý chí chấp nhận, một tình thương hợp tác, một sự thừa nhận trách nhiệm thẳng thắn và một sự điều chỉnh khéo léo của hoạt động chung hợp nhất nhằm mang lại điều thiện cho toàn thể nhân loại, chứ không chỉ điều thiện cho một quốc gia, một dân tộc hay một chủng tộc riêng lẻ. Vấn đề Do Thái sẽ không được giải quyết [267] bằng việc chiếm hữu Palestine, bằng

possessiveness. The problem will be solved by the willingness of the Jew to conform to the civilisation, the cultural background and the standards of living of the nation to which—by the fact of birth and education—he is related and with which he should assimilate. It will come by the relinquishment of pride of race and of the concept of selectivity; it will come by renouncing dogmas and customs which are intrinsically obsolete and which create points of constant irritation to the matrix within which the Jew finds himself; it will come when selfishness in business relations and the pronounced manipulative tendencies of the Hebrew people are exchanged for more selfless and honest forms of activity.

than van và đòi hỏi, và bằng những thao túng tài chính. Điều đó chỉ là kéo dài sự sai trái cổ xưa và tính chiếm hữu vật chất. Vấn đề sẽ được giải quyết bằng sự sẵn lòng của người Do Thái trong việc thích ứng với nền văn minh, bối cảnh văn hóa và tiêu chuẩn sống của quốc gia mà—do sự kiện sinh ra và được giáo dục—y có liên hệ và y nên đồng hóa với quốc gia ấy. Nó sẽ đến bằng việc từ bỏ niềm kiêu hãnh chủng tộc và quan niệm được tuyển chọn; nó sẽ đến bằng việc từ bỏ những giáo điều và phong tục vốn tự thân đã lỗi thời và tạo ra những điểm kích thích thường xuyên đối với môi trường mà trong đó người Do Thái thấy mình đang sống; nó sẽ đến khi tính ích kỷ trong các quan hệ kinh doanh và những khuynh hướng thao túng rõ rệt của dân tộc Hebrew được thay thế bằng những hình thức hoạt động vị tha và trung thực hơn.

The Jew, owing to his rays and point of development, is outstandingly creative and artistic. This he must recognise and not seek as he now does to dominate in all fields, to grasp all opportunities away from other people, and so better himself and his own people at the expense of others. Release from the present situation will come when the Jew forgets that he is a Jew and becomes in his inmost consciousness an Italian, an American, a Britisher, a German or a Pole. This is not so at this time. The Jewish problem will be solved by intermarriage; that of the Negro will not. This will mean concession and compromise on the part of the orthodox Jews—not the concession of expediency but the concession of conviction.

Người Do Thái, do các cung của y và điểm tiến hoá của y, nổi bật một cách đặc biệt về tính sáng tạo và nghệ thuật. Điều này y phải nhận ra và đừng tìm cách như hiện nay thống trị trong mọi lĩnh vực, giật lấy mọi cơ hội khỏi những người khác, và nhờ đó cải thiện bản thân cùng dân tộc mình bằng cái giá của người khác. Sự giải thoát khỏi tình trạng hiện nay sẽ đến khi người Do Thái quên rằng mình là người Do Thái và trong tâm thức sâu thẳm nhất trở thành một người Ý, một người Mỹ, một người Anh, một người Đức hay một người Ba Lan. Hiện nay điều này chưa có. Vấn đề Do Thái sẽ được giải quyết bằng hôn nhân hỗn hợp; vấn đề của người da đen thì không. Điều này sẽ có nghĩa là sự nhượng bộ và thỏa hiệp từ phía những người Do Thái chính thống—không phải sự nhượng bộ vì quyền biến mà là sự nhượng bộ do xác tín.

Let me point out also that just as the Kabbalah and the Talmud are secondary

Tôi cũng xin chỉ ra rằng cũng như Kabbalah và Talmud là những đường lối thứ yếu để

lines of esoteric approach to truth, and materialistic in their technique (embodying much of the magical work of relating one grade of matter to the substance of another grade), so the Old Testament is emphatically a secondary Scripture, and spiritually does not rank [268] with the Bhagavad-Gita, the ancient Scriptures of the East and the New Testament. Its emphasis is material and its effect is to impress a purely materialistic Jehovah upon world consciousness. The general theme of the Old Testament is the recovery of the highest expression of the divine wisdom in the first solar system; that system embodied the creative work of the third aspect of divinity—that of active intelligence, expressing itself through matter. In this solar system, the created world is intended to be the expression of the second aspect, of the love of God. This the Jew has never grasped, for the love expressed in the Old Testament is the separative, possessive love of Jehovah for a distinct unit within the fourth or human kingdom. St. Paul summed up the attitude which humanity should assume in the words: "There is neither Jew nor Gentile." The evil karma of the Jew today is intended to end his isolation, to bring him to the point of relinquishing material goals, of renouncing a nationality that has a tendency to be somewhat parasitic within the boundaries of other nations, and to express inclusive love, instead of separative unhappiness.

tiếp cận chân lý một cách huyền bí, và mang tính duy vật trong kỹ thuật của chúng (hàm chứa phần lớn công việc huyền thuật liên hệ một cấp độ vật chất với chất liệu của một cấp độ khác), thì Cựu Ước rõ ràng là một Kinh điển thứ yếu, và về mặt tinh thần không thể xếp [268] ngang hàng với Bhagavad-Gita, các Kinh điển cổ xưa của phương Đông và Tân Ước. Trọng tâm của nó là vật chất và tác động của nó là in sâu một Jehovah thuần túy duy vật vào tâm thức thế giới. Chủ đề tổng quát của Cựu Ước là sự phục hồi biểu hiện cao nhất của minh triết thiêng liêng *trong hệ mặt trời thứ nhất;* hệ ấy thể hiện công trình sáng tạo của phương diện thứ ba của thiên tính—đó là trí tuệ hoạt động, tự biểu lộ qua vật chất. *Trong hệ mặt trời này,* thế giới được tạo thành được dự định là biểu hiện của phương diện thứ hai, của tình thương của Thượng đế. Điều này người Do Thái chưa bao giờ nắm bắt được, vì tình thương được biểu lộ trong Cựu Ước là tình thương phân ly, chiếm hữu của Jehovah dành cho một đơn vị riêng biệt trong giới thứ tư hay giới nhân loại. Thánh Paul đã tóm lược thái độ mà nhân loại nên có trong những lời: "Không có người Do Thái cũng không có người ngoại bang." Nghiệp xấu của người Do Thái ngày nay nhằm chấm dứt sự cô lập của họ, đưa họ đến điểm từ bỏ các mục tiêu vật chất, từ bỏ một quốc tịch có khuynh hướng phần nào ký sinh trong ranh giới của các quốc gia khác, và biểu lộ tình thương bao gồm thay vì nỗi bất hạnh phân ly.

And what of the Gentile attitude? It is absolutely necessary that the nations meet the Jew more than half way when he arrives at altering—slowly and gradually—his nationalistic orthodoxy. It is essential that they cease from fear and persecution, from hatred and from placing barriers to cooperation. The growing anti-Semitic feeling in the world is inexcusable in the

Và còn thái độ của người ngoại bang thì sao? Tuyệt đối cần thiết là các quốc gia phải chủ động nhượng bộ và hợp tác với người Do Thái hơn mức đáp lại tương xứng khi y bắt đầu thay đổi—một cách chậm rãi và dần dần—tính chính thống dân tộc chủ nghĩa của mình. Điều cốt yếu là họ phải chấm dứt sợ hãi và bách hại, chấm dứt hận thù và dựng lên các rào cản đối với sự hợp tác. Tình cảm

sight of God and man. I refer not here to the abominable cruelties of the obsessed German people. Behind that lies a history of Atlantean relationships into which it is needless for me to enter because I could not prove to you the truth of my statements. I refer to the history of the past two thousand years and to the everyday behaviour of Gentile people everywhere. There must be a definite effort upon the part of the nationals of [269] every country to assimilate the Jews, to inter-marry with them, and to refuse to recognise as barriers old habits of thought and ancient bad relations. Men everywhere must regard it as a blot upon their national integrity if there is the appearance within their borders of the old duality—Jew and Gentile. There is neither Jew nor Gentile; there is only Humanity. This war (1914-1945) should be regarded as having brought to a conclusion the ancient enmity between Jew and Gentile, and the two groups have now the opportunity to originate a newer and happier measure of living and a truly cooperative relation on either side. The process of assimilation will be slow, for the situation is of so ancient a date that habits of thought, customary attitudes and separative customs are well established and hard to overcome. But the needed changes can be made if goodwill directs the spoken word, the written presentation and the mode of living together. The Hierarchy sees no distinction. The Head of the Hierarchy, though not in a Jewish body at this time, achieved the highest spiritual goal for humanity whilst in a Jewish vehicle. The Hierarchy is also sending into Jewish bodies certain disciples who will work with full intent at the changing of the situation. There are Jews today, a few in number, who do not think in terms of being Jews; who are not preoccupied with the Jewish problem to the exclusion of all else, and who are

bài Do Thái đang gia tăng trên thế giới là điều không thể bào chữa trước mắt Thượng đế và con người. Ở đây tôi không nói đến những sự tàn ác ghê tởm của dân tộc Đức bị ám ảnh. Đằng sau điều đó là một lịch sử các mối quan hệ Atlantis mà tôi không cần đi vào vì tôi không thể chứng minh cho các bạn chân lý trong những phát biểu của tôi. Tôi nói đến lịch sử của hai ngàn năm qua và đến cách hành xử hằng ngày của người ngoại bang ở khắp nơi. Phải có một nỗ lực rõ rệt từ phía công dân của [269] mọi quốc gia để đồng hóa người Do Thái, kết hôn với họ, và từ chối thừa nhận như những rào cản các thói quen tư tưởng cũ và những quan hệ xấu cổ xưa. Con người ở khắp nơi phải xem đó là một vết nhơ trên sự toàn vẹn quốc gia của họ nếu trong biên giới của họ xuất hiện nhị nguyên tính cũ—Do Thái và ngoại bang. *Không có người Do Thái cũng không có người ngoại bang; chỉ có Nhân Loại.* Cuộc chiến này (1914-1945) nên được xem như đã đưa mối thù nghịch cổ xưa giữa người Do Thái và người ngoại bang đến chỗ kết thúc, và hai nhóm hiện nay có cơ hội khởi đầu một mức sống mới mẻ và hạnh phúc hơn cùng một mối quan hệ thật sự hợp tác ở cả hai phía. Tiến trình đồng hóa sẽ chậm, vì tình trạng này quá cổ xưa đến nỗi các thói quen tư tưởng, các thái độ tập quán và các phong tục phân ly đã được thiết lập vững chắc và khó vượt qua. Nhưng những thay đổi cần thiết có thể được thực hiện nếu thiện chí chỉ đạo lời nói, sự trình bày bằng văn bản và cách sống chung. Thánh đoàn không thấy có sự phân biệt nào. Đấng đứng đầu Thánh đoàn, dù hiện nay không ở trong một thân thể Do Thái, đã đạt mục tiêu tinh thần cao nhất cho nhân loại khi ở trong một hiện thể Do Thái. Thánh đoàn cũng đang gửi vào các thân thể Do Thái một số đệ tử, những người sẽ làm việc với trọn vẹn chủ đích để thay đổi tình hình. Ngày nay có những người Do Thái, tuy số lượng ít, không suy nghĩ theo kiểu mình là người Do Thái; không bị ám ảnh bởi vấn

endeavouring to fuse all people into one humanity, thus bridging the gap.

đề Do Thái đến mức loại trừ mọi điều khác, và đang nỗ lực dung hợp mọi người thành một nhân loại, nhờ đó bắt cầu qua hố ngăn cách.

Again, I say, that the Masters of the Wisdom see neither Jew nor Gentile, but only souls and sons of God.

Một lần nữa, tôi nói rằng các Chân sư của Minh triết không thấy người Do Thái hay người ngoại bang, mà chỉ thấy các linh hồn và những người con của Thượng đế.

In dealing with the subject of karma as a factor—decisive and lasting in both disease and health—one of the criticisms to which my approach is subjected is that I deal too much with generalities and that I give no specific and detailed analysis of particular diseases, particularly of the great [270] basic diseases which today take such a toll of humanity and which are not fundamentally being curbed. I do not deal with their symptoms or their cure, and I indicate not techniques whereby they may be handled. This I feel is a criticism with which I should deal, so that you may proceed with your study under no misapprehension. This is an appropriate point at which to stop and meet this contention. Karma is necessarily a topic which is general and not specific; it is not yet accepted in the occult sense by the general public. It must be considered along broad lines until such time that the Law of Cause and Effect is accepted as a major conditioning factor in the human consciousness, not only on a large scale but in relation to individual lives. Of this Law, the public is yet, as a whole, ignorant.

Khi đề cập đến chủ đề nghiệp quả như một yếu tố—có tính quyết định và lâu dài trong cả bệnh tật lẫn sức khỏe—một trong những phê bình mà cách tiếp cận của tôi phải chịu là tôi đề cập quá nhiều đến những khái quát và không đưa ra sự phân tích cụ thể, chi tiết về các bệnh riêng biệt, đặc biệt là những [270] bệnh căn bản lớn ngày nay đang cướp đi sinh mạng của nhân loại nhiều đến thế và về căn bản vẫn chưa được kiềm chế. Tôi không đề cập đến các triệu chứng hay cách chữa trị của chúng, và cũng không chỉ ra những kỹ thuật nhờ đó chúng có thể được xử lý. Tôi cảm thấy đây là một phê bình mà tôi nên bàn đến, để các bạn có thể tiếp tục việc học của mình mà không có sự hiểu lầm nào. Đây là một điểm thích hợp để dừng lại và đáp lại lập luận này. Nghiệp quả tất yếu là một chủ đề mang tính tổng quát chứ không cụ thể; công chúng nói chung vẫn chưa chấp nhận nó theo nghĩa huyền bí học. Nó phải được xem xét theo những đường nét rộng cho đến khi Định luật Nhân Quả được chấp nhận như một yếu tố tác động chủ yếu trong tâm thức con người, không chỉ trên quy mô lớn mà còn liên hệ đến các đời sống cá nhân. Về Định luật này, công chúng nói chung vẫn còn vô minh.

It will be obvious to you that it is entirely needless for me to deal with the symptomatic aspect of diseases and with the facts that have been so ably ascertained by orthodox medical science. We have been for

Các bạn sẽ thấy rõ rằng tôi hoàn toàn không cần phải đề cập đến phương diện triệu chứng của bệnh tật và đến những sự kiện đã được khoa học y học chính thống xác định một cách tài tình như thế. Từ lâu chúng ta đã

some time considering the causes of such diseases, and I propose to deal with occult methods of producing cures—where such cures are permissible under the Law of Karma and where the healer is willing to work in an occult manner. I have attempted to make clear to you that the fundamental cause is related to energy, to its presence in excess as it pours through the centres, or to its deficiency. Here lie the two main factors in the production of disease. It is essential that those of you who are interested in the study of disease and its healing should admit this and permit it to form the basis of your approach. I have indicated that medicine and medical treatments of the future will start with this fact as their prime determination. The factual nature of medical discovery is not disowned by me. I seek to carry the matter forward from that point, and it is no part of my programme to ignore the wise discoveries of modern medical science, nor am I [271] on the side of those groups of people who run down and refuse to admit the findings of modern medicine. This I have earlier emphasised. I want to indicate the trend of future medical research, which will be to seek for the seat of the trouble in the realm of vitality (as it may be called by orthodox investigators), and which we would regard as in the realm of the etheric body. Let me here make a practical statement which might be regarded as the next Rule in this treatise:

xem xét các nguyên nhân của những bệnh ấy, và tôi dự định đề cập đến các phương pháp huyền bí để tạo ra sự chữa lành—ở những nơi mà sự chữa lành như thế được phép theo Định luật Nghiệp Quả và ở những nơi mà người chữa bệnh sẵn lòng làm việc theo cách huyền bí. Tôi đã cố gắng làm rõ với các bạn rằng nguyên nhân căn bản có liên hệ đến năng lượng, đến sự hiện diện dư thừa của nó khi tuôn qua các trung tâm, hoặc đến sự thiếu hụt của nó. Chính trong đó có hai yếu tố chính trong việc tạo ra bệnh tật. Điều cốt yếu là những ai trong các bạn quan tâm đến việc nghiên cứu bệnh tật và sự chữa lành phải thừa nhận điều này và cho phép nó hình thành nền tảng cho cách tiếp cận của mình. Tôi đã chỉ ra rằng y học và các phương pháp điều trị y khoa trong tương lai sẽ bắt đầu từ sự kiện này như yếu tố quyết định hàng đầu của chúng. Bản chất sự kiện của khám phá y học không bị tôi phủ nhận. Tôi tìm cách đưa vấn đề tiến xa hơn từ điểm đó, và không phải là một phần trong chương trình của tôi khi phớt lờ những khám phá khôn ngoan của khoa học y học hiện đại, tôi cũng không [271] đứng về phía những nhóm người hạ thấp và từ chối thừa nhận các phát hiện của y học hiện đại. Điều này tôi đã nhấn mạnh trước đây. Tôi muốn chỉ ra xu hướng của nghiên cứu y học tương lai, đó sẽ là tìm kiếm nơi phát sinh rối loạn trong lĩnh vực sinh lực (như các nhà nghiên cứu chính thống có thể gọi), và điều mà chúng tôi xem là trong lĩnh vực của thể dĩ thái. Ở đây tôi xin đưa ra một phát biểu thực tiễn có thể được xem như quy luật kế tiếp trong bộ luận này:

RULE SIX

QUY LUẬT SÁU

A careful diagnosis of the disease, based on the ascertained outer symptoms, will be simplified to this extent that, once the organ involved is known and thus isolated, the

Một sự chẩn đoán cẩn trọng về bệnh, dựa trên các triệu chứng bên ngoài đã được xác định, sẽ được đơn giản hóa đến mức này: một khi cơ quan liên hệ đã được biết và do đó

centre in the etheric body which is in closest relation to it will be subjected to methods of occult healing, though the ordinary, ameliorative, medical or surgical methods will not be withheld.

được cô lập, thì trung tâm trong thể dĩ thái có liên hệ gần nhất với nó sẽ được áp dụng các phương pháp chữa lành huyền bí, dù các phương pháp y khoa hay phẫu thuật thông thường, có tính cải thiện, vẫn sẽ được áp dụng.

It is here that the fanatical cultist or healer of today so often goes astray. The old approach to medicine, with its physical investigation and its successful or unsuccessful diagnosis, will still be required until such time that physicians and surgeons have clairvoyant faculty, intuitive perception and spiritual insight, and also until they have worked out a technique for handling energy in relation to the patient. To this will some day be added correct astrological interpretation, immediate recognition of ray types, and then the application of the right healing techniques, as required by the ray which conditions the patient's life expression, plus his point in evolution.

Chính tại đây mà người cuồng tín hay người chữa bệnh ngày nay thường lạc lối. Cách tiếp cận cũ đối với y học, với sự khảo sát hồng trần của nó và sự chẩn đoán thành công hay thất bại của nó, vẫn sẽ còn cần thiết cho đến khi các y sĩ và phẫu thuật gia có được năng lực thông nhãn, tri giác trực giác và linh thị tinh thần, và cũng cho đến khi họ xây dựng được một kỹ thuật xử lý năng lượng trong liên hệ với bệnh nhân. Một ngày nào đó, vào điều này sẽ được thêm vào sự giải thích chiêm tinh chính xác, sự nhận biết tức thời các loại cung, và rồi việc áp dụng các kỹ thuật chữa lành đúng đắn, như được đòi hỏi bởi cung tác động lên biểu hiện sự sống của bệnh nhân, cộng với điểm tiến hoá của y.

I am handicapped greatly as a I seek to lay the foundation for this new approach to medicine. I am handicapped by the idealistic pronouncements of the pioneers in the new fields of nature healing, by the naturopaths, and by the [272] premises of Christian Science and the Unity Schools. All that I can do (if you are to profit by my presentation) is to lay down certain broad and general assumptions which will govern the medical men of the future. But in the interim period between the old and the new eras, men will wander in a fog of speculation; a great conflict will be engineered between the fundamentalist schools and the speculators and the investigators of the new ideas, and temporarily the "noble middle path" of the Buddha will be forgotten.

Tôi bị hạn chế rất nhiều khi tìm cách đặt nền móng cho cách tiếp cận mới này đối với y học. Tôi bị hạn chế bởi những tuyên bố thiên về lý tưởng của những người tiên phong trong các lĩnh vực mới của chữa bệnh tự nhiên, bởi các nhà liệu pháp tự nhiên, và bởi các [272] tiền đề của Christian Science và các Trường Unity. Tất cả những gì tôi có thể làm (nếu các bạn muốn hưởng lợi từ phần trình bày của tôi) là đặt ra một số giả định rộng và tổng quát sẽ chi phối các y sĩ tương lai. Nhưng trong giai đoạn chuyển tiếp giữa kỷ nguyên cũ và mới, con người sẽ lang thang trong màn sương suy đoán; một cuộc xung đột lớn sẽ được tạo ra giữa các trường phái chính thống bảo thủ với những người suy đoán và những nhà nghiên cứu các ý tưởng mới, và tạm thời "con đường trung đạo cao quý" của Đức Phật sẽ bị quên lãng.

There is present today, in the science of medicine, a situation paralleling that to be found in the realm of religion. The old approach suffices for the masses and is frequently successful both in its ameliorative and preventive aspects, and in its process of diagnosis. This is all that is possible at this time. In the same manner, the old religious presentation suffices to guide the unthinking masses along certain broad lines of controlled living, and to keep clearly in the consciousness of the average man certain uncontrovertible, spiritual facts. Both in the guidance and protection of the masses in their spiritual natures and in the guidance and protection of their physical vehicles, doctors and priests can be divided into various groups—some adhering to old proved techniques, some so fundamentalist in position that they refuse to investigate that which is new and unproven, and some so idealistic, speculative and fanatical that they rush ahead and enter into a world of speculative experiment which may or may not give them the key to the medicine of the future but which certainly puts their patients into the category of what you call "guinea pigs."

Ngày nay, trong khoa học y học, có một tình trạng song song với điều được tìm thấy trong lĩnh vực tôn giáo. Cách tiếp cận cũ là đủ cho quần chúng và thường thành công trong cả các phương diện cải thiện lẫn phòng ngừa, cũng như trong tiến trình chẩn đoán của nó. Đó là tất cả những gì có thể vào lúc này. Cũng theo cách ấy, cách trình bày tôn giáo cũ là đủ để hướng dẫn quần chúng không suy tư theo một số đường nét rộng của đời sống được kiểm soát, và giữ rõ ràng trong tâm thức của người bình thường một số sự kiện tinh thần không thể bác bỏ. Cả trong việc hướng dẫn và bảo vệ quần chúng trong bản chất tinh thần của họ lẫn trong việc hướng dẫn và bảo vệ các vận cụ hồng trần của họ, các bác sĩ và giáo sĩ có thể được chia thành nhiều nhóm—một số bám vào các kỹ thuật cũ đã được chứng minh, một số bảo thủ đến mức từ chối khảo sát điều gì mới và chưa được chứng minh, và một số thiên về lý tưởng, suy đoán và cuồng tín đến mức lao tới và bước vào một thế giới của thử nghiệm suy đoán, điều có thể hoặc không thể trao cho họ chiếc chìa khóa của nền y học tương lai nhưng chắc chắn đặt bệnh nhân của họ vào loại mà các bạn gọi là "chuột bạch."

The surest and least speculative field in medical practice is that which is concerned with the surgical relief of the patient; it is founded on a sure knowledge of anatomy, its diagnosis of requirements can be intelligently controlled, and [273] its practice (when in the hands of a sound and reputable surgeon) can and frequently does produce a cure or a real prolongation of life. However, even in that field little is known about the results of an operation as it may affect the etheric body and (consequently) the nervous system through the intermediate system of the "nadis" or the etheric counterpart of the nerves. I would

Lĩnh vực chắc chắn nhất và ít suy đoán nhất trong thực hành y khoa là lĩnh vực liên quan đến *sự can thiệp phẫu thuật* cho bệnh nhân; nó được đặt nền trên một tri thức chắc chắn về giải phẫu học, sự chẩn đoán các nhu cầu của nó có thể được kiểm soát một cách thông minh, và [273] việc thực hành của nó (khi ở trong tay một phẫu thuật gia lành nghề và đáng tin cậy) có thể và thường thật sự tạo ra sự chữa lành hoặc kéo dài đời sống một cách thực sự. Tuy nhiên, ngay cả trong lĩnh vực đó người ta cũng biết rất ít về các kết quả của một cuộc phẫu thuật khi nó có thể ảnh hưởng đến thể dĩ thái và (do đó) đến hệ thần kinh qua hệ thống trung gian của các "nadis"

instance the removal of some organ. Definite results must necessarily be present and a period of difficult adjustment must inevitably take place within the subtle mechanism of the patient. The area of the body which has received surgical treatment, and particularly the centre in closest relation to it, must be affected, for the circulatory flow of energy, emanating from the centre, will find itself "short circuited," if I could use such a phrase. This flow, which has hitherto passed through the area of surgical attention, must work its way to all parts of the body, via the "nadis"; these, as you know, underlie and feed the needed energy to the nervous system. Old channels for the flow of energy will have been removed, as the result of operative measures, major or minor. New channels or lines of force, bridging the "mutilated" area, will have to be established and a basic adjustment will have to be made within the vital mechanism of the patient. Along this line there is practically nothing as yet known. It is not even yet in the field of advanced research.

hay đối phần dĩ thái của các dây thần kinh. Tôi xin nêu ví dụ việc cắt bỏ một cơ quan nào đó. Những kết quả rõ rệt tất yếu phải hiện diện và một giai đoạn điều chỉnh khó khăn tất yếu phải diễn ra trong bộ máy vi tế của bệnh nhân. Vùng cơ thể đã nhận điều trị phẫu thuật, và đặc biệt là trung tâm có liên hệ gần nhất với nó, *phải* bị ảnh hưởng, vì dòng tuần hoàn năng lượng, phát ra từ trung tâm ấy, sẽ thấy mình bị "ngắn mạch," nếu tôi có thể dùng một cụm từ như vậy. Dòng chảy này, vốn từ trước đến nay đi qua vùng được phẫu thuật chú ý, phải tìm đường đến mọi phần của cơ thể qua các "nadis"; như các bạn biết, các nadis này nằm bên dưới và cung cấp năng lượng cần thiết cho hệ thần kinh. Những kênh cũ cho dòng năng lượng sẽ bị loại bỏ do kết quả của các biện pháp phẫu thuật, lớn hay nhỏ. Những kênh mới hay những đường mãnh lực mới, bắt cầu qua vùng "bị cắt xén," sẽ phải được thiết lập và một sự điều chỉnh căn bản sẽ phải được thực hiện trong bộ máy sinh lực của bệnh nhân. Theo đường hướng này, thực tế là hiện nay hầu như chưa biết gì cả. Nó thậm chí còn chưa nằm trong lĩnh vực nghiên cứu tiên tiến.

The new medicine cannot be scientifically formulated or intelligently presented until such time as the fact of the etheric body is accepted and its existence, as a mechanism of energy supply and as the vital aspect of the outer form, is generally recognised. The shift of the attention of the medical profession will then be away from the outer, tangible, physical effects and to the inner causes, as they are to be found in the centres and their related fields of activity.

Nền y học mới không thể được hình thành một cách khoa học hay được trình bày một cách thông minh cho đến khi *sự kiện* về thể dĩ thái được chấp nhận và *sự hiện hữu của nó, như một bộ máy cung ứng năng lượng và như phương diện sinh lực của hình tướng bên ngoài, được thừa nhận một cách phổ biến.* Khi đó sự chuyển dịch chú ý của giới y khoa sẽ rời khỏi các hiệu quả hồng trần bên ngoài, hữu hình, để hướng đến các nguyên nhân bên trong, như chúng được tìm thấy trong các trung tâm và các lĩnh vực hoạt động liên hệ của chúng.

[274]

[274]

Within the areas where a disease is manifested, certain esoteric facts anent the general subject have already been posited by me:

Trong các lĩnh vực nơi bệnh tật biểu lộ, một số sự kiện huyền bí liên quan đến chủ đề tổng quát này đã được tôi nêu ra:

1. That disease, in its immediate cause, can be traced to the individual etheric body when the difficulty is purely local, or to the planetary etheric body (in particular the etheric body of the fourth kingdom in nature) where epidemics are involved, or to such a condition as war, affecting large masses of men.

1. Rằng bệnh tật, trong nguyên nhân trực tiếp của nó, có thể được truy nguyên về thể dĩ thái cá nhân khi khó khăn hoàn toàn có tính cục bộ, hoặc về thể dĩ thái hành tinh (đặc biệt là thể dĩ thái của giới thứ tư trong thiên nhiên) khi có dịch bệnh, hoặc về một tình trạng như chiến tranh, ảnh hưởng đến những khối đông người.

2. That the etheric body has not hitherto been considered as an existent fact, from the angle of orthodox medicine, though there is a modern drift towards emphasis upon vitality, upon the vital qualities in food, and the giving of vitamin products in order to build up a vital response. This is the first indication of an unrealised need to increase the potency of the vital body.

2. Rằng thể dĩ thái cho đến nay chưa được xem là một sự kiện hiện hữu, từ góc độ của y học chính thống, dù có một xu hướng hiện đại hướng đến việc nhấn mạnh vào *sinh lực*, vào các phẩm tính sinh lực trong thực phẩm, và việc cung cấp các sản phẩm vitamin để xây dựng một đáp ứng sinh lực. Đây là dấu hiệu đầu tiên của một nhu cầu chưa được nhận ra nhằm gia tăng hiệu lực của thể sinh lực.

3. That the condition of the etheric body predisposes the subject to disease or protects it from disease, making man resistant to the impact of deteriorating or epidemic factors, or failing to do so because of inherent etheric weakness.

3. Rằng tình trạng của thể dĩ thái khiến chủ thể dễ mắc bệnh hoặc bảo vệ nó khỏi bệnh, làm cho con người kháng cự được tác động của các yếu tố suy thoái hay dịch bệnh, hoặc không làm được như vậy vì sự yếu kém dĩ thái vốn có.

4. That the etheric body is the mechanism of vital, pranic life, and “sub-stands” or underlies the outer, familiar equipment of the nervous system, which feeds and actuates all parts of the physical organism. The relationship existing between the centres, the nadis and the entire nervous system comprises the field of the new medicine and indicates the new major field of research.

4. Rằng thể dĩ thái là bộ máy của sự sống sinh lực, prana, và “nằm dưới” hay làm nền cho bộ trang bị bên ngoài quen thuộc của hệ thần kinh, vốn nuôi dưỡng và làm hoạt động mọi phần của cơ thể hồng trần. Mối liên hệ hiện hữu giữa các trung tâm, các nadis và toàn bộ hệ thần kinh tạo thành lĩnh vực của nền y học mới và chỉ ra lĩnh vực nghiên cứu lớn mới.

5. That the main causes of all disease are two in nature:

a. They are to be found, first of all, in the stimulation or the nonstimulation of the centres. This simply implies the overactivity or the underactivity of [275] any centre in any part of the body. Where the flow of energy is commensurate to the demands of the physical body at any particular stage of development, then there will be relative freedom from disease.

b. They are to be found, secondly, in the karmic effect of the three planetary diseases: Cancer, Tuberculosis, Syphilitic diseases. Some day medicine will realise that behind every single disease (irrespective of the results of accident or war) lie these three main tendencies in the human body. This is a basic and important statement.

6. That the etheric body is a focussing point for all the interior energies of the body, and therefore the energy transmitted will not be pure vital energy or simple planetary prana but will be qualified by forces coming from the astral or the emotional apparatus, from the mind or from the soul body. These "qualifications of force," indicating as they do the karma of the individual, are in the last analysis the major conditioning forces. They indicate the point of development of the individual and the areas of control in his personality. They therefore indicate the state of his karma. This lifts the whole subject of medicine into the psychological field and posits the entire problem of karmic effects and of ray types.

7. That these conditioning factors make the etheric body what it is in any one incarnation; these factors are, in their turn,

5. Rằng các nguyên nhân chính của mọi bệnh tật thuộc hai loại:

a. Trước hết, chúng được tìm thấy trong sự kích thích hoặc không kích thích các trung tâm. Điều này đơn giản hàm ý sự hoạt động quá mức hoặc hoạt động thiếu mức của [275] bất kỳ trung tâm nào trong bất kỳ phần nào của cơ thể. Nơi nào dòng năng lượng tương xứng với các đòi hỏi của thể xác ở bất kỳ giai đoạn phát triển đặc thù nào, thì ở đó sẽ có sự tương đối tự do khỏi bệnh tật.

b. Thứ hai, chúng được tìm thấy trong hiệu quả nghiệp quả của ba bệnh hành tinh: Ung thư, Lao, các bệnh giang mai. Một ngày nào đó y học sẽ nhận ra rằng đằng sau mọi bệnh riêng lẻ (không kể các kết quả của tai nạn hay chiến tranh) đều có ba khuynh hướng chính này trong cơ thể con người. Đây là một phát biểu căn bản và quan trọng.

6. Rằng thể dĩ thái là một điểm tập trung cho mọi năng lượng nội tại của cơ thể, và vì thế năng lượng được truyền đi sẽ không phải là năng lượng sinh lực thuần túy hay prana hành tinh đơn giản mà sẽ được định tính bởi các mãnh lực đến từ bộ máy cảm dục hay cảm xúc, từ trí tuệ hoặc từ thể linh hồn. Những "định tính của mãnh lực" này, vì chúng chỉ ra nghiệp quả của cá nhân, xét đến cùng là những mãnh lực tác động chủ yếu. Chúng chỉ ra điểm phát triển của cá nhân và các lĩnh vực kiểm soát trong phàm ngã của y. Vì vậy chúng chỉ ra tình trạng nghiệp quả của y. Điều này nâng toàn bộ chủ đề y học vào lĩnh vực tâm lý học và đặt ra toàn bộ vấn đề về các hiệu quả nghiệp quả và các loại cung.

7. Rằng những yếu tố tác động này làm cho thể dĩ thái trở thành như nó là trong bất kỳ một lần lâm phàm nào; đến lượt mình,

the result of activities initiated and carried through in previous incarnations, and thus constitute the patient's karmic liabilities or his karmic freedoms.

những yếu tố này là kết quả của các hoạt động đã được khởi phát và thực hiện trong các lần lâm phàm trước, và do đó cấu thành các món nợ nghiệp quả của bệnh nhân hoặc các sự tự do nghiệp quả của y.

8. That the basic energies pouring into the etheric body and conditioning the physical body will be of two major [276] types: the ray energy of the soul and the ray energy of the personality, qualified by the three minor forces or the rays of the mental nature, the astral body and the physical vehicle. This therefore involves five energies which are present in the etheric body which the physician of the future will have to consider.

8. Rằng các năng lượng căn bản tuôn vào thể dĩ thái và tác động lên thể xác sẽ thuộc hai loại [276] chính: năng lượng cung của linh hồn và năng lượng cung của phàm ngã, được định tính bởi ba mãnh lực phụ hay các cung của bản chất trí tuệ, thể cảm dục và hiện thể hồng trần. Vì thế điều này bao gồm năm năng lượng hiện diện trong thể dĩ thái mà vị y sĩ tương lai sẽ phải xem xét.

9. That diagnoses, based upon the recognition of these subjective factors, are not in reality the involved and complicated matter they appear to be today to the student of the advanced occult theories. Medical men in the New Age will eventually know enough to relate these various ray forces to their appropriate centres; hence they will know which type of force is responsible for conditions—good or bad—in any particular area of the body. Some day, when more research and investigation have been carried forward, the science of medicine will be built upon the fact of the vital body and its constituent energies. It will then be discovered that this science will be far simpler and less complicated than present medical science. Today, medicine has reached such a point of complexity that specialists have perforce been needed who can deal with one area of the body and with its effect upon the entire physical vehicle. The average general practitioner cannot cope with the mass of detailed knowledge now gathered re the physical body, its various systems, their interrelation and their effect upon the many organisms which

9. Rằng những chẩn đoán, dựa trên sự nhận biết các yếu tố chủ quan này, thực ra không phải là vấn đề rắc rối và phức tạp như ngày nay chúng có vẻ đối với đạo sinh của các lý thuyết huyền bí học cao cấp. Các y sĩ trong Kỷ Nguyên Mới cuối cùng sẽ biết đủ để liên hệ các mãnh lực cung khác nhau này với các trung tâm thích hợp của chúng; do đó họ sẽ biết loại mãnh lực nào chịu trách nhiệm cho các tình trạng—tốt hay xấu—trong bất kỳ vùng đặc thù nào của cơ thể. Một ngày nào đó, khi nhiều nghiên cứu và khảo sát hơn đã được tiến hành, khoa học y học sẽ được xây dựng trên sự kiện về thể sinh lực và các năng lượng cấu thành của nó. Khi ấy sẽ được khám phá rằng khoa học này sẽ đơn giản hơn nhiều và ít phức tạp hơn khoa học y học hiện nay. Ngày nay, y học đã đạt đến một mức độ phức tạp đến nỗi tất yếu cần đến các chuyên gia có thể xử lý một vùng của cơ thể và ảnh hưởng của nó lên toàn bộ hiện thể hồng trần. Người thầy thuốc đa khoa trung bình không thể đối phó với khối lượng tri thức chi tiết hiện nay đã được thu thập liên quan đến thể xác, các hệ thống khác nhau của nó, sự tương liên của chúng và ảnh hưởng của chúng lên nhiều cơ quan cấu

constitute the whole man. Surgery will remain occupied with the anatomical necessities of the human frame; medicine will shift its focus of attention, before long, to the etheric body and its incident circulatory systems of energy, its interlocking relationships and the flow between the seven centres, between the centres themselves and the areas which they control. [277] This will mark a tremendous advance in wise and useful approach; it will produce a basic simplification; it will lead to more correct methods of healing, particularly as clairvoyant vision is developed and becomes recognised by science, and known to be an extension of a normal sense.

thành toàn thể con người. Phẫu thuật sẽ vẫn bận tâm với những nhu cầu giải phẫu của khung thân con người; y học chẳng bao lâu nữa sẽ chuyển trọng tâm chú ý sang thể dĩ thái và các hệ tuần hoàn năng lượng đi kèm của nó, các mối liên hệ đan xen của nó và dòng chảy giữa bảy trung tâm, giữa chính các trung tâm và các vùng mà chúng kiểm soát. [277] Điều này sẽ đánh dấu một bước tiến khổng lồ trong cách tiếp cận khôn ngoan và hữu ích; nó sẽ tạo ra một sự đơn giản hóa căn bản; nó sẽ dẫn đến những phương pháp chữa lành đúng đắn hơn, đặc biệt khi thông nhãn được phát triển và được khoa học thừa nhận, và được biết là một sự mở rộng của một giác quan bình thường.

10. As the true astrology comes into its own and is developed into a reputable science, the charts of the soul and of the personality can be related to each other; then the etheric body will be checked by correct astrological conclusions, and the physician will be on far surer ground than he now is. The astrology of the past concerned the life of the personality; the astrology of the future will indicate the purpose of the soul, and will completely revolutionise medicine (among other things). It must, however, be lifted out of the hands of those interested in predictional astrology, out of the hands of the thousands who at this time spend much time "casting" horoscopes (seeking to interpret their usually erroneous conclusions), and placed in the hands of trained mathematical scientists and in the hands of those who have given as much time to scientific training along astrological lines as is now given to training a reputable physician, a chemist or a biologist.

10. Khi chiêm tinh học chân chính giành lại vị trí của mình và được phát triển thành một khoa học đáng kính trọng, các lá số của linh hồn và của phàm ngã có thể được liên hệ với nhau; khi đó thể dĩ thái sẽ được kiểm tra bằng những kết luận chiêm tinh chính xác, và vị y sĩ sẽ đứng trên nền tảng chắc chắn hơn nhiều so với hiện nay. Chiêm tinh học của quá khứ liên quan đến đời sống của phàm ngã; chiêm tinh học của tương lai sẽ chỉ ra mục đích của linh hồn, và sẽ hoàn toàn cách mạng hóa y học (cùng nhiều điều khác). Tuy nhiên, nó phải được đưa ra khỏi tay những người quan tâm đến chiêm tinh dự đoán, khỏi tay hàng ngàn người hiện nay dành nhiều thời gian để "lập" lá số chiêm tinh (cố gắng giải thích những kết luận thường sai lầm của họ), và được đặt vào tay các nhà khoa học toán học được đào luyện và vào tay những người đã dành nhiều thời gian cho sự đào luyện khoa học theo đường hướng chiêm tinh như hiện nay người ta dành để đào luyện một y sĩ đáng kính, một nhà hóa học hay một nhà sinh học.

11. These astrological findings will not only be related to the personality and the soul charts, but will also enter the field of medicine, particularly in relation to the etheric body. Today, any astrological investigation done in the field of medicine has relation to physical disease within the physical body; in the future, it will concentrate upon the condition of the etheric vehicle. This is a new and imminent development in astrological research.

11. Những phát hiện chiêm tinh này sẽ không chỉ liên hệ đến các lá số của phàm ngã và linh hồn, mà còn sẽ đi vào lĩnh vực y học, đặc biệt trong liên hệ với thể dĩ thái. Ngày nay, bất kỳ khảo sát chiêm tinh nào được thực hiện trong lĩnh vực y học đều liên hệ đến bệnh hồng trần trong thể xác; trong tương lai, nó sẽ tập trung vào tình trạng của hiện thể dĩ thái. Đây là một sự phát triển mới và sắp xảy ra trong nghiên cứu chiêm tinh.

[278]

[278]

Another difficulty which I have to face (as I seek to present to you the medicine of the future) is that I think in terms of cycles and you think in terms of a few brief years. What I am in reality attempting to do is to indicate the lines along which medical research will trend during the next two hundred years. The effort of the present day approach is how to cure a person here and now; this is a natural reaction, and advanced thinkers seek to be able to do this at this time through the medium of so-called esoteric and mental modes of healing. Yet little is known of the make-up of the vital body and practically no background of research in this field exists. Modern medicine is of very ancient origin. Over the centuries it has grown and developed until modern skill, modern research, modern techniques and modern methods of healing and of cure are amazingly successful. This is oft forgotten in the emphasis laid by the adherents of new and untried schools upon the failures to cure, which they attribute to wrong methods and fail to allow for karmic limitations. The success of modern medicine is today so great that millions of people are kept alive—if not cured—who in earlier days and with less scientific aptitude would normally have died. In this developed skill

Một khó khăn khác mà tôi phải đối diện (khi tìm cách trình bày với các bạn nền y học của tương lai) là tôi suy nghĩ theo chu kỳ còn các bạn suy nghĩ theo vài năm ngắn ngủi. Điều mà tôi thực sự đang cố gắng làm là chỉ ra những đường hướng mà theo đó nghiên cứu y học sẽ tiến triển trong hai trăm năm tới. Nỗ lực của cách tiếp cận ngày nay là làm sao chữa lành một người ở đây và ngay bây giờ; đó là một phản ứng tự nhiên, và những nhà tư tưởng tiến bộ tìm cách có thể làm điều này vào lúc này qua trung gian của những phương thức chữa lành được gọi là huyền bí và trí tuệ. Tuy nhiên, người ta biết rất ít về cấu tạo của thể sinh lực và thực tế là không có nền tảng nghiên cứu nào trong lĩnh vực này. Y học hiện đại có nguồn gốc rất cổ xưa. Qua nhiều thế kỷ nó đã tăng trưởng và phát triển cho đến khi kỹ năng hiện đại, nghiên cứu hiện đại, kỹ thuật hiện đại và các phương pháp chữa lành và trị liệu hiện đại đạt thành công đáng kinh ngạc. Điều này thường bị quên lãng trong sự nhấn mạnh mà những người theo các trường phái mới và chưa được thử nghiệm đặt vào các thất bại trong chữa trị, những điều mà họ quy cho các phương pháp sai lầm và không chịu tính đến các giới hạn nghiệp quả. Thành công của y học hiện đại ngày nay lớn đến mức hàng triệu người được giữ cho sống—

and knowledge, and in this aptitude in the care of the physical mechanism, is today to be found a major world problem—the problem of the overpopulation of the planet, leading to the herd life of humanity and the consequent economic problem—to mention only one of the incidental difficulties of this success. This "unnatural" preservation of life is the cause of much suffering and is a fruitful source of war, being contrary to the karmic intent of the planetary Logos.

nếu không được chữa khỏi—mà trong những ngày trước và với năng lực khoa học kém hơn hẳn lẽ ra đã chết. Trong kỹ năng và tri thức phát triển này, và trong năng lực chăm sóc bộ máy hồng trần này, ngày nay có thể tìm thấy một vấn đề lớn của thế giới—vấn đề dân số quá đông của hành tinh, dẫn đến đời sống bầy đàn của nhân loại và hệ quả là vấn đề kinh tế—chỉ mới nêu một trong những khó khăn ngẫu phát của thành công này. Sự bảo tồn sự sống "không tự nhiên" này là nguyên nhân của nhiều đau khổ và là một nguồn phong phú của chiến tranh, vì nó trái với ý định nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế.

With this vast problem, I cannot here deal. I can only indicate it. It will be solved when the fear of death disappears and when humanity learns the significance of time and [279] the meaning of cycles. It will be simplified when true astrological findings become possible, when man knows the hour of his departure from this outer plane, and masters the technique of "withdrawal" and the methods of abstracting himself consciously from the prison of the body. But much research has to take place first. The fact, however, that the problem is recognised and that speculation and investigation are rife, indicate that the time has come—karmically and from the angle of human evolutionary development—for a study of the etheric body, of the conditioning rays which govern its manifestation in space, and of astrology, which governs its manifestation in time.

Với vấn đề to lớn này, ở đây tôi không thể bàn đến. Tôi chỉ có thể chỉ ra nó. Nó sẽ được giải quyết khi nỗi sợ chết biến mất và khi nhân loại học được ý nghĩa của thời gian và [279] ý nghĩa của các chu kỳ. Nó sẽ được đơn giản hóa khi những phát hiện chiêm tinh chân chính trở nên khả hữu, khi con người biết giờ phút rời khỏi cõi bên ngoài này của mình, và làm chủ kỹ thuật "rút lui" cùng các phương pháp tự tách mình ra *một cách hữu thức* khỏi nhà tù của thể xác. Nhưng trước hết còn phải có nhiều nghiên cứu. Tuy nhiên, sự kiện rằng vấn đề này được nhận biết và rằng suy đoán cùng khảo sát đang lan tràn cho thấy thời điểm đã đến—về mặt nghiệp quả và từ góc độ phát triển tiến hoá của con người—cho một sự nghiên cứu về thể dĩ thái, về các cung tác động chi phối sự biểu lộ của nó *trong không gian,* và về chiêm tinh học, vốn chi phối sự biểu lộ của nó *trong thời gian.*

It is for this reason that the world today is full of groups in revolt against orthodox medicine—wrongly in revolt, because in their fanatical enthusiasm for their particular approach to the problem of healing, they ignore the beneficent aspects

Chính vì lý do này mà thế giới ngày nay đầy những nhóm nổi dậy chống lại y học chính thống—nổi dậy một cách sai lầm, bởi vì trong sự nhiệt thành cuồng tín đối với cách tiếp cận riêng của họ đối với vấn đề chữa lành, họ phớt lờ những phương diện có ích

of developed medical science. They thus attempt to throw overboard the contribution of the ages to man's knowledge of the human organism, its interrelations and its care, cure and preservation; they fail to profit from past wisdom, but prefer to set sail upon the sea of research in a spirit of revolt, full of prejudice and totally unequipped for the task in hand.

của khoa học y học đã phát triển. Vì thế họ cố gắng quẳng xuống biển sự đóng góp của các thời đại vào tri thức của con người về cơ thể con người, các mối tương liên của nó và việc chăm sóc, chữa trị và bảo tồn nó; họ không chịu hưởng lợi từ minh triết quá khứ, mà thích ra khơi trên biển nghiên cứu trong tinh thần nổi loạn, đầy thành kiến và hoàn toàn không được trang bị cho nhiệm vụ trước mắt.

Naturopaths of many kinds, professors of methods of healing by electricity or light and colour, food dietitians with infallible cures for all diseases, the many who practice systems founded on the Abrams mode of diagnosis, and many advocates of the chiropractic methods, as well as the various healing systems which are completely divorced from medicine but which undertake to bring about cures, are all indicative of new and hopeful trends; they are nevertheless extremely experimental in nature, and are so fanatically endorsed, so exclusive of all recognised methods of healing aid (except their own), so violently opposed to all the findings [280] of the past, and so unwilling to cooperate with orthodox medicine that, in many cases, they constitute a definite and real danger to the public. It is largely their own faulty approach which is responsible for this; their undoubted ignorance of the nature of the human body, their attack on existent medical practices (even of proven value), and their biassed belief in the infallibility of their experimental techniques, have brought them under the attack of the rigidly orthodox medical practitioners and of the fundamentalists within the ring-pass-not of academic medicine. Yet within the ranks of medicine are many enlightened men who would gladly cooperate if the small and vociferous cults would relinquish their exclusiveness and be willing to cooperate

Các nhà chữa bệnh bằng phương pháp tự nhiên thuộc nhiều loại, các giáo sư về những phương pháp chữa trị bằng điện hoặc ánh sáng và màu sắc, các chuyên gia dinh dưỡng với những cách chữa được cho là không sai lầm đối với mọi bệnh tật, nhiều người thực hành các hệ thống đặt nền trên phương pháp chẩn đoán của Abrams, và nhiều người chủ trương các phương pháp nắn chỉnh cột sống, cũng như các hệ thống chữa trị khác nhau hoàn toàn tách rời y học nhưng vẫn đảm nhận việc chữa lành, tất cả đều là những dấu hiệu của các khuynh hướng mới và đầy hy vọng; tuy nhiên, chúng lại có bản chất cực kỳ thử nghiệm, và được tán thành một cách cuồng tín, loại trừ mọi phương pháp chữa trị được công nhận (ngoại trừ phương pháp của chính họ), chống đối dữ dội mọi phát hiện [280] của quá khứ, và không sẵn lòng hợp tác với y học chính thống đến mức, trong nhiều trường hợp, chúng tạo thành một mối nguy hiểm rõ rệt và thực sự cho công chúng. Phần lớn điều này là do chính cách tiếp cận sai lầm của họ; sự thiếu hiểu biết không thể phủ nhận của họ về bản chất của thể xác con người, sự công kích của họ đối với các thực hành y khoa hiện có (ngay cả những thực hành đã được chứng minh là có giá trị), và niềm tin thiên lệch của họ vào tính không sai lầm của các kỹ thuật thử nghiệm của mình, đã khiến họ bị các nhà hành nghề y khoa chính thống cứng nhắc và những người bảo thủ cực đoan trong vòng-giới-hạn của y học hàn lâm công

and accept that which the divine instinct in man down the ages has taught in connection with the healing of the human body. It will be through the collaboration of the new experimental schools and the older and proven methods that the medicine of the future will be developed. The value of all the many groups—good and indifferent—lies in the fact that they point the way towards new trends and indicate the lines along which the medicine of the future can enrich itself and become better adapted to man's need. They are too experimental as yet to be trustworthy, and are not yet scientifically proved. They are pioneering groups, and have a real contribution to make, but this will only be possible if they refuse to divorce themselves from the past and are willing to compromise in the present. Academic medicine is the result of the God-given gifts of the human mind; it is a proven divine expression and a most beneficent force in the world, in spite of human weakness, commercial exploitation and many mistakes. It is the same with religion. Both of these great sciences must eliminate the reactionary and fundamentalist positions, and then proceed with an [281] open mind into the new ways of approach to divinity and of approach to physical well-being.

kích. Tuy nhiên, trong hàng ngũ y học có nhiều người sáng suốt sẵn lòng hợp tác nếu các giáo phái nhỏ nhưng ồn ào ấy từ bỏ tính độc quyền của mình và sẵn lòng hợp tác cũng như chấp nhận điều mà bản năng thiêng liêng trong con người qua bao thời đại đã dạy liên quan đến việc chữa lành thể xác con người. Chính nhờ sự cộng tác giữa các trường phái thử nghiệm mới và các phương pháp cũ đã được chứng minh mà nền y học tương lai sẽ được phát triển. Giá trị của tất cả nhiều nhóm ấy—tốt và tầm thường—nằm ở chỗ họ chỉ ra con đường hướng tới các khuynh hướng mới và cho thấy những đường lối mà theo đó nền y học tương lai có thể tự làm phong phú thêm và trở nên thích hợp hơn với nhu cầu của con người. Hiện nay họ còn quá thử nghiệm để có thể đáng tin cậy, và chưa được chứng minh một cách khoa học. Họ là những nhóm tiên phong, và có một đóng góp thực sự để thực hiện, nhưng điều này chỉ có thể xảy ra nếu họ từ chối tách mình khỏi quá khứ và sẵn lòng thỏa hiệp trong hiện tại. Y học hàn lâm là kết quả của những tặng phẩm do Thượng đế ban cho nơi trí tuệ con người; đó là một biểu hiện thiêng liêng đã được chứng minh và là một mãnh lực vô cùng có ích trong thế giới, bất chấp sự yếu kém của con người, sự khai thác thương mại và nhiều sai lầm. Tôn giáo cũng vậy. Cả hai ngành khoa học lớn lao này phải loại bỏ các lập trường phản động và bảo thủ cực đoan, rồi sau đó tiến bước với một [281] tâm trí cởi mở vào những phương cách tiếp cận mới đối với thiên tính và đối với sự an lành hồng trần.

It might therefore be said that the main contribution which I am making at this time is to indicate the causes of disease and ill health which are not recognised by orthodox medicine, which deals with the effects of these subtle causes as they work out in the physical body and the nervous system. I am not dealing (as I have earlier warned you)

Do đó có thể nói rằng đóng góp chính mà tôi đang thực hiện vào lúc này là chỉ ra những nguyên nhân của bệnh tật và tình trạng sức khỏe kém mà y học chính thống không công nhận, trong khi y học chính thống xử lý các hiệu quả của những nguyên nhân vi tế ấy khi chúng biểu hiện trong thể xác và hệ thần kinh. Tôi không đề cập đến (như tôi đã cảnh

with the symptoms of disease, with medical diagnosis or with systems of applied physical means to bring about cures or to ameliorate conditions. These have kept pace with man's growing capacity to discover and to know.

báo các bạn trước đây) các triệu chứng của bệnh, việc chẩn đoán y khoa hay các hệ thống áp dụng những phương tiện hồng trần để đem lại sự chữa lành hoặc cải thiện tình trạng. Những điều này đã theo kịp năng lực ngày càng tăng của con người trong việc khám phá và hiểu biết.

Let me reiterate that I am laying the foundation for an approach to the subject of the physical body in health and disease which will deal primarily with the etheric body. This should eventually lead to an accumulation of knowledge anent energy, its focal points and distribution in the etheric body, which will equal that already gained in the field of exact physical knowledge, and that exact knowledge is a fact.

Hãy để tôi nhắc lại rằng tôi đang đặt nền móng cho một cách tiếp cận đối với đề tài thể xác trong sức khỏe và bệnh tật, cách tiếp cận này sẽ chủ yếu bàn đến thể dĩ thái. Cuối cùng điều này sẽ dẫn đến sự tích lũy tri thức liên quan đến năng lượng, các điểm hội tụ của nó và sự phân phối của nó trong thể dĩ thái, tương đương với tri thức đã đạt được trong lĩnh vực tri thức hồng trần chính xác, và tri thức chính xác ấy là một sự kiện.

The study of inherited disease indicates a faint recognition of man's karmic liabilities and karmic tendencies. A mistake lies however in the belief that these tendencies are to be found in the germs of life and of substance, brought together at the moment of conception, and therefore that the father or the mother is responsible for the transmission. Such is not the case. The subject in incarnation has—from the angle of the soul—definitely and consciously chosen his parents for what they can contribute to his physical make-up whilst in incarnation. The vital body is therefore of such a nature that the man is predisposed to a particular type of infection or of disease; the physical body is of such a nature that its line of least resistance permits of the appearance and control of that which the [282] vital body makes possible; the incarnating soul produces, in its creative work and in its vital vehicle, a particular constitution to which the parents chosen contribute a definite tendency. The man is

Việc nghiên cứu bệnh di truyền cho thấy một sự nhận biết mờ nhạt về các món nợ nghiệp quả và các khuynh hướng nghiệp quả của con người. Tuy nhiên, sai lầm nằm ở niềm tin rằng các khuynh hướng này được tìm thấy trong các mầm sống và chất liệu, được tập hợp lại vào lúc thụ thai, và vì vậy người cha hoặc người mẹ chịu trách nhiệm về sự truyền đạt ấy. Không phải như vậy. Chủ thể đang lâm phàm—xét từ góc độ linh hồn—đã dứt khoát và có ý thức chọn cha mẹ của y vì những gì họ có thể đóng góp cho cấu tạo *hồng trần* của y trong khi lâm phàm. Do đó thể sinh lực/thể dĩ thái có bản chất sao cho con người bị thiên về một loại nhiễm bệnh hoặc bệnh tật nào đó; thể xác có bản chất sao cho con đường ít trở ngại nhất của nó cho phép sự xuất hiện và chi phối của điều mà [282] thể sinh lực/thể dĩ thái làm cho trở nên khả hữu; linh hồn nhập thể tạo ra, trong công việc sáng tạo của nó và trong vận cụ sinh lực của nó, một thể chất đặc thù mà cha mẹ được chọn góp phần tạo nên một khuynh hướng xác định. Vì vậy con người không có

therefore nonresistant to certain types of disease. This is determined by the karma of the man.

sức đề kháng đối với một số loại bệnh nhất định. Điều này được quyết định bởi nghiệp quả của con người.

It is well known to students of the esoteric sciences that the physical body is simply an automaton, responsive to and actuated by a subtler body of energies which are a true expression of the point in evolution. This point in evolution may be that of personality control, through one or other of its bodies, or of soul control. These are facts which the medical profession must grasp, and when it does a great step forward will have been made. Esoteric students are willing to recognise that the physical body is automatic in its response to emotional, mental or soul impression; so closely, however, is the etheric body interwoven with the physical vehicle that it is well nigh impossible to separate the two in consciousness; this will not be proven or possible until the science of etheric energy and the development of clairvoyant perception demonstrate the truth of what I say. This is again a needed repetition.

Các đạo sinh của các khoa học huyền bí đều biết rõ rằng thể xác chỉ đơn thuần là một bộ máy tự động, đáp ứng và được thúc đẩy bởi một thể năng lượng vi tế hơn, vốn là biểu hiện chân thực của điểm tiến hoá. Điểm tiến hoá này có thể là điểm của sự kiểm soát của phàm ngã, thông qua một trong các thể của nó, hoặc của sự kiểm soát của linh hồn. Đây là những sự kiện mà giới y khoa phải nắm bắt, và khi họ làm được điều đó thì một bước tiến lớn sẽ được thực hiện. Các đạo sinh huyền bí sẵn lòng công nhận rằng thể xác là tự động trong sự đáp ứng của nó đối với ấn tượng cảm xúc, trí tuệ hoặc linh hồn; tuy nhiên, thể dĩ thái lại đan xen chặt chẽ với vận cụ hồng trần đến mức gần như không thể tách rời hai thể ấy trong tâm thức; điều này sẽ không được chứng minh hoặc trở nên khả hữu cho đến khi khoa học về năng lượng dĩ thái và sự phát triển của tri giác thông nhãn chứng minh chân lý của điều tôi nói. Đây lại là một sự nhắc lại cần thiết.

Medical science, through its study of the nervous system and its recognition of the power of thought over the physical body, is moving rapidly in a right direction. When it admits, in relation to the physical body, that "energy follows thought," and then begins to experiment with the concept of thought currents (as they are erroneously called) which are directed to certain areas of the etheric body—where the esotericists posit the existence of energy points or centres—much will then be discovered. Christian Science had a sound conception in its original basic concept of the mind as a permanently existent factor; its overemphasis upon the mind, its idealistic presentation of human nature, [283] its

Khoa học y học, thông qua việc nghiên cứu hệ thần kinh và sự công nhận quyền năng của tư tưởng đối với thể xác, đang nhanh chóng tiến theo một hướng đúng đắn. Khi nó thừa nhận, trong mối liên hệ với thể xác, rằng "năng lượng đi theo tư tưởng," rồi bắt đầu thử nghiệm với khái niệm các dòng tư tưởng (như chúng bị gọi sai) được hướng đến những khu vực nhất định của thể dĩ thái—nơi các nhà bí truyền học xác định sự hiện hữu của các điểm năng lượng hay các trung tâm—thì khi đó nhiều điều sẽ được khám phá. Christian Science đã có một quan niệm đúng đắn trong khái niệm nền tảng ban đầu của nó về trí tuệ như một yếu tố tồn tại thường hằng; sự nhấn mạnh quá mức của nó vào trí tuệ, cách trình bày thiên về lý tưởng

expectancy of man's capacity to demonstrate today and immediately as a fully manifested son of God (with no intermediate or necessary unfoldments), and its contradictory position of using the energy of the mind for mainly physical requirements have soundly negated its basic tenets. Otherwise Man might have been permanently deluded. Had Christian Science fulfilled the original intention of the group of initiates who sought to influence humanity through its agency, and had it developed the idea correctly that energy follows thought, medical science would have greatly benefited.

của nó về bản chất con người, [283] sự mong đợi của nó về năng lực của con người có thể biểu hiện ngay hôm nay và tức khắc như một con của Thượng đế được biểu lộ trọn vẹn (không có các giai đoạn trung gian hay sự khai mở cần thiết), và lập trường mâu thuẫn của nó khi sử dụng năng lượng của trí tuệ chủ yếu cho các nhu cầu hồng trần, đã làm mất hiệu lực một cách triệt để các giáo điều nền tảng của nó. Nếu không, con người có thể đã bị mê lầm vĩnh viễn. Nếu Christian Science đã hoàn thành ý định ban đầu của nhóm các điểm đạo đồ tìm cách tác động lên nhân loại thông qua cơ quan này, và nếu nó đã phát triển đúng đắn ý tưởng rằng năng lượng đi theo tư tưởng, thì khoa học y học đã được hưởng lợi rất nhiều.

Its presentation was both too high and too low, and a great opportunity was lost. Christian Science has failed from the angle of the Hierarchy, and its usefulness has been largely negated.

Cách trình bày của nó vừa quá cao vừa quá thấp, và một cơ hội lớn đã bị bỏ lỡ. Christian Science đã thất bại xét từ góc độ của Thánh đoàn, và tính hữu dụng của nó phần lớn đã bị vô hiệu hóa.

Healers and healing groups work as yet at a great disadvantage; but they can begin now to work, and their work is of a twofold nature:

Các nhà chữa lành và các nhóm chữa lành hiện vẫn làm việc trong một tình thế rất bất lợi; nhưng ngay bây giờ họ có thể bắt đầu làm việc, và công việc của họ gồm hai phần:

1. They can, through the power of directed thought, pour energy into the centre which is the determining factor in that area of the physical body where the trouble lies. If, for instance, the patient is suffering from such a difficulty as gastric ulcer, the stimulation of the solar plexus centre may produce a cure, provided that the work done is purely mental and that the results expected are purely physical. Otherwise the emotional nature will share in the stimulation and real difficulty will arise.

1. Họ có thể, thông qua quyền năng của tư tưởng được định hướng, tuôn năng lượng vào trung tâm là yếu tố quyết định trong khu vực của thể xác nơi có rối loạn. Chẳng hạn, nếu bệnh nhân đang chịu một khó khăn như loét dạ dày, sự kích thích trung tâm tùng thái dương có thể tạo ra sự chữa lành, miễn là công việc được thực hiện *thuần túy bằng trí tuệ* và các kết quả được mong đợi là *thuần túy hồng trần*. Nếu không, bản chất cảm xúc sẽ cùng chia sẻ sự kích thích và khó khăn thực sự sẽ phát sinh.

2. They can stimulate a centre higher than the one controlling a particular area and

2. Họ có thể kích thích một trung tâm cao hơn trung tâm kiểm soát một khu vực nhất

thus—by the intensification of the higher centre—reduce the vitality of the lower. If, for instance, there is disease or trouble in connection with the organs of generation [284] (as for instance disease of the prostate gland), then the throat centre should receive attention. It is that centre which must eventually be the recipient of the energy of the lower creative aspect or correspondence. This is called "the technique of the withdrawal of the fire"; by its means what you call overstimulation in certain cases, or inflammation in others, can be stopped.

định và như thế—bằng sự tăng cường của trung tâm cao hơn—làm giảm sinh lực của trung tâm thấp hơn. Chẳng hạn, nếu có bệnh hoặc rối loạn liên quan đến các cơ quan sinh sản [284] (ví dụ như bệnh của tuyến tiền liệt), thì trung tâm cổ họng cần được chú ý. Chính trung tâm ấy cuối cùng phải là nơi tiếp nhận năng lượng của phương diện sáng tạo thấp hơn hay đối phần của nó. Điều này được gọi là "kỹ thuật rút lửa"; nhờ đó điều mà các bạn gọi là sự kích thích quá mức trong một số trường hợp, hoặc viêm trong những trường hợp khác, có thể được chặn lại.

These two ways of using energy and thought control form the occult basis for the two fundamental methods used in directing energy in diseased areas. They produce, in the one case, an intensification of the life of the associated centre, with a consequent definite effect upon the diseased area; or they lessen the inflow of force in the other case, and thus weaken the quality of the disease. It will be apparent, therefore, that much must be known of the effects of these two basic and different techniques before a healer dare work. Otherwise he might greatly increase the trouble in the diseased area and even succeed (which frequently happens) in killing the patient.

Hai cách sử dụng năng lượng và sự kiểm soát bằng tư tưởng này tạo thành nền tảng huyền bí cho hai phương pháp căn bản được dùng trong việc định hướng năng lượng vào các khu vực bệnh hoạn. Trong trường hợp thứ nhất, chúng tạo ra sự tăng cường sự sống của trung tâm liên hệ, với một hiệu quả rõ rệt tiếp theo trên khu vực bệnh; hoặc trong trường hợp kia, chúng làm giảm dòng mãnh lực tuôn vào, và như vậy làm suy yếu phẩm tính của bệnh. Do đó, hiển nhiên là cần phải biết rất nhiều về các hiệu quả của hai kỹ thuật căn bản và khác biệt này trước khi một nhà chữa lành *dám* làm việc. Nếu không, y có thể làm tăng mạnh rối loạn trong khu vực bệnh và thậm chí còn thành công (điều này thường xảy ra) trong việc giết chết bệnh nhân.

There is another point which I would seek to emphasise. In all healing methods of an esoteric nature, it is essential that sound medical practices of an orthodox kind accompany the subtler modes of help. It is in the wise combination of the two approaches, and in the cooperative work of the orthodox physician and of the occult healer or healing group, that the soundest results will be produced.

Có một điểm khác mà tôi muốn nhấn mạnh. Trong mọi phương pháp chữa lành có bản chất huyền bí, điều thiết yếu là các thực hành y khoa lành mạnh thuộc loại chính thống phải đi kèm với các phương thức trợ giúp vi tế hơn. Chính trong sự kết hợp khôn ngoan của hai cách tiếp cận ấy, và trong công việc hợp tác của bác sĩ chính thống với nhà chữa lành huyền bí hoặc nhóm chữa lành,

mà các kết quả vững chắc nhất sẽ được tạo ra.

Students who attempt to heal will therefore need to realise two things: the nature of the disease, as diagnosed by a good physician, and the centre which controls the area of the disease. The safest plan for the average student of healing or for a healing group is to work in cooperation with some reputable doctor and in relation to the centre [285] which controls the diseased area. Initiates, in their healing work, deal with the higher correspondence of the controlling centre, working always through the analogous emotional and mental centres. This is neither possible nor permissible to the ordinary healing group. The higher the centres considered, involved and dealt with, the more potent the results, and therefore the greater care required.

Vì vậy, các đạo sinh cố gắng chữa lành sẽ cần nhận ra hai điều: bản chất của bệnh, như được chẩn đoán bởi một bác sĩ giỏi, và trung tâm kiểm soát khu vực bệnh. Kế hoạch an toàn nhất cho đạo sinh chữa lành trung bình hoặc cho một nhóm chữa lành là làm việc hợp tác với một bác sĩ có uy tín nào đó và liên hệ với trung tâm [285] kiểm soát khu vực bệnh. Các điểm đạo đồ, trong công việc chữa lành của mình, xử lý đối phần cao hơn của trung tâm kiểm soát, luôn luôn làm việc thông qua các trung tâm cảm xúc và trí tuệ tương đồng. Điều này *không thể cũng không được phép* đối với nhóm chữa lành thông thường. Các trung tâm được xem xét, liên hệ và xử lý càng cao thì kết quả càng mạnh, và vì vậy sự cẩn trọng cần thiết càng lớn.

The whole process is one of either stimulating activity or of withdrawing energy, of making more active an allied centre and thus abstracting attention from the centre governing the diseased area or organ, or of balancing the energies flowing between two centres and thus producing an equable and even interplay. The more the neophyte studies this subject of healing the more complex it will appear, until the time comes when he can work in collaboration with some physician who has the inner vision and can see the centres, or with patients who know within themselves their own destiny and can collaborate with some group which has sound occult knowledge, which can ascertain the patient's rays and which knows at least the nature of his disposition or his "indisposition," through consulting his natal chart.

Toàn bộ tiến trình là một tiến trình hoặc kích thích hoạt động hoặc rút năng lượng, hoặc làm cho một trung tâm liên hệ trở nên hoạt động hơn và như vậy rút sự chú ý khỏi trung tâm chi phối khu vực hay cơ quan bệnh, hoặc cân bằng các năng lượng tuôn chảy giữa hai trung tâm và như vậy tạo ra một sự tương tác điều hòa và đồng đều. Người sơ cơ càng nghiên cứu đề tài chữa lành này thì nó sẽ càng có vẻ phức tạp, cho đến khi đến lúc y có thể làm việc cộng tác với một bác sĩ có linh thị bên trong và có thể thấy các trung tâm, hoặc với những bệnh nhân tự biết trong chính mình định mệnh của họ và có thể cộng tác với một nhóm có tri thức huyền bí vững chắc, có thể xác định các cung của bệnh nhân và ít nhất biết được bản chất khí chất hay "sự bất ổn" của y, thông qua việc tham khảo lá số chiêm tinh bản mệnh của y.

You might ask, therefore, in view of all this, if it is possible for you to do definite healing work that will be effective, sound, right and permissible. The risks of over- or understimulation seem too great; the knowledge of the healer seems too small to permit experiment, and the karma of the patient is necessarily (for the average healer) not yet ascertainable.

Do đó, xét theo tất cả điều này, các bạn có thể hỏi liệu các bạn có thể thực hiện công việc chữa lành xác định nào có hiệu quả, vững chắc, đúng đắn và được phép hay không. Những rủi ro của sự kích thích quá mức hoặc không đủ dường như quá lớn; tri thức của nhà chữa lành dường như quá ít để cho phép thử nghiệm, và nghiệp quả của bệnh nhân tất yếu (đối với nhà chữa lành trung bình) vẫn chưa thể xác định được.

To this I would reply that all work of a pioneering and experimental nature has always its own special risks. Many have been the casualties of science, and particularly of medical science, in the early days of modern medicine and surgery. But this never deterred the sincere investigator or slackened the growth of knowledge; in these days of pioneering [286] in the field of occult healing, the same courage must be shown and the same risks assumed. The safeguard from the strictly legal and human angle will be that the patient will be in the hands of a reputable physician for diagnosis and medical care during the time that the occult healer is endeavouring to be of vital helpfulness.

Tôi xin trả lời rằng mọi công việc có tính tiên phong và thử nghiệm đều luôn có những rủi ro đặc biệt riêng của nó. Đã có biết bao tổn thất của khoa học, và đặc biệt của khoa học y học, trong những ngày đầu của y học và phẫu thuật hiện đại. Nhưng điều đó chưa bao giờ ngăn cản nhà nghiên cứu chân thành hay làm chậm sự tăng trưởng của tri thức; trong những ngày tiên phong [286] này trong lĩnh vực chữa lành huyền bí, cũng phải biểu lộ cùng một lòng can đảm và chấp nhận cùng những rủi ro ấy. Sự bảo đảm xét từ góc độ pháp lý và nhân loại nghiêm ngặt sẽ là bệnh nhân được đặt trong tay một bác sĩ có uy tín để chẩn đoán và chăm sóc y khoa trong suốt thời gian mà nhà chữa lành huyền bí đang cố gắng trợ giúp một cách thiết yếu.

The work of the healer and of the healing groups will therefore be supplementary to the orthodox care; results will have to be carefully watched and noted on both sides. Any group which is formed for healing should work under certain determined policies, and here are a few which I would suggest as essential to success in this transitional period:

Vì vậy, công việc của nhà chữa lành và của các nhóm chữa lành sẽ có tính bổ sung cho sự chăm sóc chính thống; các kết quả sẽ phải được theo dõi và ghi nhận cẩn thận từ cả hai phía. Bất kỳ nhóm nào được thành lập để chữa lành đều nên làm việc theo những chính sách xác định nào đó, và đây là một vài điều mà tôi gợi ý là thiết yếu cho thành công trong giai đoạn chuyển tiếp này:

1. The patient to be healed (or helped, if healing is not possible) should always be in the hands of a good and reputable doctor,

1. Bệnh nhân cần được chữa lành (hoặc được giúp đỡ, nếu chữa lành là không thể) phải luôn ở trong tay một bác sĩ giỏi và có uy tín,

and if not, should be encouraged to consult one.

và nếu không, cần được khuyến khích đi khám một người như vậy.

2. The nature of the disease should be known to the group, and should be determined by careful, orthodox medical diagnosis.

2. Bản chất của bệnh cần được nhóm biết rõ, và phải được xác định bằng chẩn đoán y khoa chính thống cẩn thận.

3. The age of the patient, his birth date and some information anent his circumstances should also be known, so as to provide a focal point of interest, and a magnetic area should be constructed around the patient which will attract the thought-directed energy of the group.

3. Tuổi của bệnh nhân, ngày sinh của y và một số thông tin liên quan đến hoàn cảnh của y cũng cần được biết, để cung cấp một điểm hội tụ của sự quan tâm, và một khu vực từ tính cần được kiến tạo quanh bệnh nhân để thu hút năng lượng do tư tưởng định hướng của nhóm.

4. The healer or the healing group should have a general grasp of the nature and the anatomy of the body, the placement of the various organs in the body and the position and nature of the centres governing the diseased area or areas. Charts giving this information should be studied.

4. Nhà chữa lành hoặc nhóm chữa lành cần có một sự nắm bắt tổng quát về bản chất và giải phẫu của thân thể, vị trí của các cơ quan khác nhau trong thân thể và vị trí cũng như bản chất của các trung tâm chi phối khu vực hay các khu vực bệnh. Cần nghiên cứu các biểu đồ cung cấp thông tin này.

5. The faculty of imagination and the power of visualisation should be emphasised in a healing group, and the [287] ability should be developed to send streams of energy to the patient and to the area in the patient's body where the trouble lies.

5. Khả năng tưởng tượng và quyền năng hình dung cần được nhấn mạnh trong một nhóm chữa lành, và [287] cần phát triển khả năng gửi các dòng năng lượng đến bệnh nhân và đến khu vực trong thân thể của bệnh nhân nơi có rối loạn.

6. The healer or the healing group must remember that it is not mental energy only with which he works. He, for himself,

6. Nhà chữa lành hoặc nhóm chữa lành phải nhớ rằng không phải chỉ có năng lượng trí tuệ mà y làm việc cùng. Chính y, vì *bản thân y,*

a. Creates a thought of healing power.

a. Tạo ra một hình tư tưởng về quyền năng chữa lành.

b. That created focal point of concentrated attention becomes the directing agent for the healing force or prana.

b. Điểm hội tụ chú ý tập trung được tạo ra ấy trở thành tác nhân định hướng cho mãnh lực chữa lành hay prana.

c. This prana is neither mental nor astral in nature. It is pure planetary substance or living essence, and is that substance of which the vital body of the planet is made.

c. Prana này không có bản chất trí tuệ cũng không có bản chất cảm dục. Nó là chất liệu hành tinh thuần túy hay tinh chất sống, và là chất liệu mà thể sinh lực của hành tinh được tạo thành.

d. The healer or the healing group appropriates as much of this substance as is possible, and by the power of their united thought they direct it to and through the centre involved. Healing work is circulatory, and this must not be forgotten. The pranic energy (thought-directed) is not sent to the centre and there permitted to accumulate. It is passed through the centre, first of all to the organ involved or the area where difficulty is to be found, and then is sent out to the body as a totality. It might be regarded as a system of flushing, with a purificatory and stimulating effect.

d. Nhà chữa lành hoặc nhóm chữa lành chiếm dụng càng nhiều chất liệu này càng tốt, và bằng quyền năng của tư tưởng hợp nhất của họ, họ định hướng nó đến và xuyên qua trung tâm liên hệ. *Công việc chữa lành có tính tuần hoàn*, và điều này không được quên. Năng lượng prana (được tư tưởng định hướng) không được gửi đến trung tâm rồi để cho tích tụ ở đó. Nó được *chuyển qua* trung tâm, trước hết đến cơ quan liên hệ hoặc khu vực nơi có khó khăn, rồi sau đó được gửi ra toàn thể cơ thể. Điều này có thể được xem như một hệ thống *tẩy rửa*, với hiệu quả thanh lọc và kích thích.

It is only possible in these early days of experiment and work along these lines to give certain simple rules. Out of the results achieved experience will come, and the healing group will learn gradually how to work, when to change its methods, and what to notice.

Trong những ngày đầu của sự thử nghiệm và công việc theo các đường lối này, chỉ có thể đưa ra một số quy luật đơn giản. Từ các kết quả đạt được, kinh nghiệm sẽ đến, và nhóm chữa lành sẽ dần dần học được *cách* làm việc, *khi nào* thay đổi phương pháp của mình, và *điều gì* cần lưu ý.

[288]

[288]

From the start of work along these lines, records should be kept. In this aspect of the work the patient will frequently cooperate. Dates, incidental phenomena, changes for the better or the worse should be noted, along with information as is possible anent the patient's general condition. For this reason, I recommend that in the early stages of this work healing be attempted only in connection with those who are well known to the members or who are put in the hands

Ngay từ khi bắt đầu công việc theo các đường lối này, cần phải lưu giữ hồ sơ. Trong phương diện này của công việc, bệnh nhân thường sẽ hợp tác. Cần ghi lại ngày tháng, các hiện tượng ngẫu nhiên, những thay đổi tốt hơn hoặc xấu đi, cùng với càng nhiều thông tin càng tốt liên quan đến tình trạng chung của bệnh nhân. Vì lý do này, tôi khuyến nghị rằng trong các giai đoạn đầu của công việc này, chỉ nên thử chữa lành đối với những người mà các thành viên biết rõ hoặc được các bác sĩ hay những người sẵn

of the healing group by physicians or by those willing to give full information.

lòng cung cấp đầy đủ thông tin giao cho nhóm chữa lành.

People who are so ill that they are not expected to live, or who are suffering from diseases which preclude ultimate recovery, should not be taken into the healing group for treatment, except with ameliorative results in mind. No neophyte knows enough of karma to work with confidence either at the task of health or of release by death. If, however, a patient gets worse whilst the group is working upon his case, he should not be dropped, but a definite and different technique can then be used to ease the path of death. In the next section I intend to touch upon the karma of death.

Những người bệnh nặng đến mức không được mong đợi sẽ sống, hoặc đang mắc những bệnh loại trừ khả năng hồi phục cuối cùng, không nên được đưa vào nhóm chữa lành để điều trị, ngoại trừ với mục đích *làm giảm nhẹ*. Không người sơ cơ nào biết đủ về nghiệp quả để làm việc một cách tự tin trong nhiệm vụ đem lại sức khỏe hay giải thoát bằng cái chết. Tuy nhiên, nếu một bệnh nhân trở nên xấu hơn trong khi nhóm đang làm việc trên trường hợp của y, thì không nên bỏ y, mà khi đó có thể dùng một kỹ thuật xác định và khác biệt để làm nhẹ con đường đi vào cái chết. Trong phần kế tiếp tôi dự định sẽ đề cập đến nghiệp quả của cái chết.

If you will bear in mind that work in connection with the etheric body (as an instrument of vitality) is today as little known as the science of modern medicine was known in the year 1200 A.D., you will be enabled to work without discouragement and without that undue expectation which today handicaps the neophyte. Assume consciously the position that nothing is as yet really known anent the centres, the areas of energy in the body, and thought direction; realise also that you are engaging upon a great research project. Nothing, literally nothing, has been done in relation to medicine and the science of the centres in any practical way, though certain books upon the relation of the centres to psychological research and equipment and the glandular [289] or endocrine system have played tentatively with the subject. The field of research which I propose to you is an entirely new one. Those among you who enter it may not see the results of what you are attempting to do. Your impatience and

Nếu các bạn ghi nhớ rằng công việc liên quan đến thể dĩ thái (như một công cụ của sinh lực) ngày nay ít được biết đến chẳng khác nào khoa học y học hiện đại được biết đến vào năm 1200 sau Công nguyên, thì các bạn sẽ có thể làm việc mà không nản lòng và không có sự mong đợi quá mức hiện đang cản trở người sơ cơ. Hãy có ý thức đảm nhận lập trường rằng cho đến nay thực sự chưa biết gì về các trung tâm, các khu vực năng lượng trong thân thể, và sự định hướng tư tưởng; cũng hãy nhận ra rằng các bạn đang dấn thân vào một dự án nghiên cứu lớn. Chưa có gì, theo nghĩa đen là chưa có gì, được thực hiện trong mối liên hệ với y học và khoa học về các trung tâm theo bất kỳ cách thực tiễn nào, mặc dù một số sách về mối liên hệ của các trung tâm với nghiên cứu và cơ cấu tâm lý học cùng hệ tuyến [289] hay hệ nội tiết đã thử đụng chạm đến đề tài này. Lĩnh vực nghiên cứu mà tôi đề nghị với các bạn là một lĩnh vực hoàn toàn mới. Những ai trong các bạn bước vào đó có thể sẽ không thấy được kết quả của điều mình đang cố

your eagerness to help may handicap you; your ignorance may cause you to make mistakes. But, go on; persevere; keep careful records and preserve all correspondence. Then the results will be sure.

gắng thực hiện. Sự thiếu kiên nhẫn và lòng sốt sắng muốn giúp đỡ của các bạn có thể cản trở các bạn; sự thiếu hiểu biết của các bạn có thể khiến các bạn phạm sai lầm. Nhưng hãy tiếp tục; hãy kiên trì; hãy giữ hồ sơ cẩn thận và bảo tồn mọi thư từ. Khi đó kết quả chắc chắn sẽ đến.

1. KARMIC LIABILITIES OF THE INDIVIDUAL — 1. NHỮNG MÓN NỢ NGHIỆP QUẢ CỦA CÁ NHÂN

We have already studied (perhaps without realising its implications) our first point under this heading. This concerns the karmic liabilities of the individual, emerging from the subjective vehicles and from the personality as a whole.

Chúng ta đã nghiên cứu điểm đầu tiên dưới tiêu đề này (có lẽ mà không nhận ra các hàm ý của nó). Điểm này liên quan đến các món nợ nghiệp quả của cá nhân, phát sinh từ các vận cụ chủ quan và từ toàn bộ phàm ngã.

As we discussed the psychological causes of disease as they arise in the subtle vehicles in the three worlds or from the disciple's tension as he endeavours to tread the Path, we were in reality concerned entirely with karma or the effect of the inner causes of events, equipment and circumstances upon the physical plane. We saw how the inner bodies, via the etheric body, conditioned the man's outer manifestation, and that disease or health was largely dependent upon them. They are the immediate karmic cause of physical plane existence. If the idea is then extended to include previous incarnations—as must inevitably be the case—then we arrive at the conclusion that the condition of these inner bodies, their limitations and their richness, their defects and their assets, and their general psychic and psychological tendencies are inherited from previous lives, and are therefore responsible for the present earthly situation. We have, consequently, simply pushed the causes of present day conditions still further back, and we could—if we so desired—enter a field of such

Khi chúng ta bàn về các nguyên nhân tâm lý của bệnh khi chúng phát sinh trong các vận cụ vi tế trong ba cõi giới hoặc từ sự căng thẳng của đệ tử khi y cố gắng bước đi trên Đường Đạo, thì thực ra chúng ta hoàn toàn quan tâm đến nghiệp quả hay hiệu quả của các nguyên nhân bên trong của các biến cố, cơ cấu và hoàn cảnh trên cõi hồng trần. Chúng ta đã thấy các thể bên trong, thông qua thể dĩ thái, tác động lên biểu hiện bên ngoài của con người như thế nào, và bệnh tật hay sức khỏe phần lớn tùy thuộc vào chúng. Chúng là nguyên nhân nghiệp quả trực tiếp của sự tồn tại trên cõi hồng trần. Nếu ý tưởng này được mở rộng để bao gồm các lần nhập thể trước—như tất yếu phải vậy—thì chúng ta đi đến kết luận rằng tình trạng của các thể bên trong này, những giới hạn và sự phong phú của chúng, những khiếm khuyết và ưu điểm của chúng, cùng các khuynh hướng thông linh và tâm lý tổng quát của chúng được thừa hưởng từ các kiếp trước, và do đó chịu trách nhiệm cho hoàn cảnh trần thế hiện tại. Vì vậy, chúng ta chỉ đơn giản đẩy các nguyên nhân của các điều kiện hiện

intricacy and detail that nothing profitable would eventuate. The whole problem of the recovery [290] of past incarnations is one of infinite possibility, and when I use this word "infinite" I immediately put the whole subject out of the control of the finite mind. We are then dealing with something which it is not possible to handle rationally.

nay lùi xa hơn nữa, và chúng ta có thể—nếu muốn—bước vào một lĩnh vực phức tạp và chi tiết đến mức sẽ không có điều gì hữu ích xuất hiện. Toàn bộ vấn đề khôi phục ký ức về [290] các lần nhập thể quá khứ là một vấn đề có khả năng vô hạn, và khi tôi dùng từ "vô hạn" này, tôi lập tức đặt toàn bộ đề tài ra ngoài sự kiểm soát của trí tuệ hữu hạn. Khi đó chúng ta đang xử lý một điều không thể được giải quyết một cách hợp lý.

Karma was, for infant humanity and for the undeveloped individual, a group matter. The man was a member of a group but without any thought as to the implications and the responsibilities entailed. Later, as the process of individualisation became more effective in character and purpose and more pronounced in temperament, karma became also more personal and definite, and the man in a position to make or work off more causes and effects. The personality not being thoroughly unfolded and integrated, the man was still involved in group life and the interrelations became more extensive. Later on, the personality became the conscious creator of its own causes and the conscious participator in the effects. Upon the Path, the karma of the chosen group, of the individual, and of those with whom the man chooses association through unity of spiritual purpose involves him, and another factor is added to the previous categories of karmic responsibility. Later still, karma in the three worlds is met, overcome and negated; at the same time karma connected with the initiating of causes through world service is added to that which the individual has already experienced, and he shares in the karmic responsibility of the Hierarchy itself. All these stages:

Nghiệp quả, đối với nhân loại ấu trĩ và đối với cá nhân chưa phát triển, là một vấn đề nhóm. Con người là một thành viên của một nhóm nhưng không có bất kỳ suy nghĩ nào về các hàm ý và trách nhiệm liên quan. Về sau, khi tiến trình biệt ngã hóa trở nên hữu hiệu hơn về tính chất và mục đích và rõ rệt hơn về khí chất, nghiệp quả cũng trở nên cá nhân và xác định hơn, và con người ở vào vị thế có thể tạo ra hoặc giải trừ nhiều nguyên nhân và hiệu quả hơn. Vì phàm ngã chưa được khai mở và tích hợp hoàn toàn, con người vẫn còn dính líu vào đời sống nhóm và các mối tương quan trở nên rộng lớn hơn. Về sau nữa, phàm ngã trở thành kẻ sáng tạo có ý thức các nguyên nhân của chính nó và là người tham dự có ý thức vào các hiệu quả. Trên Đường Đạo, nghiệp quả của nhóm được chọn, của cá nhân, và của những người mà con người chọn liên kết thông qua sự hợp nhất trong mục đích tinh thần, đều lôi cuốn y vào, và một yếu tố khác được thêm vào các loại trách nhiệm nghiệp quả trước đó. Về sau nữa, nghiệp quả trong ba cõi giới được đối diện, vượt qua và vô hiệu hóa; đồng thời nghiệp quả liên quan đến việc khởi xướng các nguyên nhân thông qua phụng sự thế giới được thêm vào điều mà cá nhân đã trải nghiệm, và y chia sẻ trách nhiệm nghiệp quả của chính Thánh đoàn. Tất cả các giai đoạn này:

1. Elementary group karma—of the primitive man,

2. Individual karma of the self-conscious developing man,

3. Karma, related to the life of the disciple,

4. Hierarchical karma,

[291]

must be added to the well known Karma of Retribution with which the disciple is already familiar; to it must also be added national and racial karma, plus the educational karma which all disciples bring upon themselves when they are desirous of entering an Ashram to prepare for initiation.

There is also the Karma of Reward in contradistinction to that of Retribution; this is a type of karma oft forgotten, but one which will become better known in the coming world cycle. Humanity has worked off much evil karma, and the karma based on causes later to be initiated will not generate such dire effects as that of the past. Not all karma is bad, in spite of what man thinks. Much of it is necessarily punitive and distressing, owing to humanity's ignorance and low stage of development. When karmic retribution becomes acute and terrible, as it is in today's appalling world experience, it indicates that humanity has reached a point where consequences can be meted out on a large scale and with justice. Very little suffering is attached to karma where there is ignorance, leading to irresponsibility and complete lack of thought and there is attached to affairs but little true sense of guilt. There may be unhappy conditions and distressing circumstances, but the ability to

1. Nghiệp quả nhóm sơ đẳng—của con người nguyên thủy,

2. Nghiệp quả cá nhân của con người đang phát triển ngã thức,

3. Nghiệp quả liên hệ đến đời sống của đệ tử,

4. Nghiệp quả của Thánh đoàn,

[291]

phải được cộng thêm vào *Nghiệp Quả Báo Ứng* quen thuộc mà đệ tử đã biết; vào đó cũng phải cộng thêm nghiệp quả quốc gia và chủng tộc, cộng với nghiệp quả giáo dục mà mọi đệ tử tự mang lấy khi họ mong muốn bước vào một ashram để chuẩn bị cho điểm đạo.

Cũng có *Nghiệp Quả Tưởng Thưởng* đối lập với *Nghiệp Quả Báo Ứng*; đây là một loại nghiệp quả thường bị quên lãng, nhưng sẽ được biết đến rõ hơn trong chu kỳ thế giới sắp tới. Nhân loại đã giải trừ nhiều ác nghiệp, và nghiệp quả dựa trên những nguyên nhân sẽ được khởi xướng về sau sẽ không tạo ra những hiệu quả khủng khiếp như của quá khứ. Không phải mọi nghiệp quả đều xấu, bất chấp điều con người nghĩ. Phần lớn trong đó tất yếu có tính trừng phạt và đau khổ, do sự vô minh và trình độ phát triển thấp của nhân loại. Khi sự báo ứng nghiệp quả trở nên gay gắt và khủng khiếp, như trong kinh nghiệm thế giới kinh hoàng ngày nay, điều đó cho thấy nhân loại đã đạt đến một điểm mà các hậu quả có thể được phân phát trên quy mô lớn và một cách công bằng. Có rất ít đau khổ gắn với nghiệp quả ở nơi có sự vô minh, dẫn đến vô trách nhiệm và hoàn toàn thiếu suy nghĩ, và trong các sự việc chỉ có rất ít cảm thức tội lỗi chân thực gắn liền. Có thể có những điều kiện bất hạnh

respond to such conditions with commensurate pain is lacking; there is little mental reaction to the processes of karmic retribution. This should be borne in mind. The Aryan race is now, however, so developed mentally and on a large scale that karma is truly horrible and agonising and can express itself through world conditions. At the same time, the present widespread distress indicates the extent and success of human unfoldment and is a most hopeful and promising sign. In this idea, you have the clue as to why the good, the holy and the saintly servers of the race carry—in this world cycle—such a heavy load of karmic ill.

và những hoàn cảnh đau đớn, nhưng thiếu khả năng đáp ứng với những điều kiện ấy bằng nỗi đau tương xứng; có rất ít phản ứng trí tuệ đối với các tiến trình báo ứng nghiệp quả. Điều này cần được ghi nhớ. Tuy nhiên, giống dân Arya hiện nay đã phát triển về trí tuệ trên quy mô lớn đến mức nghiệp quả thực sự khủng khiếp và đau đớn, và có thể biểu lộ qua các điều kiện thế giới. Đồng thời, nỗi khốn khổ lan rộng hiện nay cho thấy mức độ và thành công của sự khai mở nhân loại và là một dấu hiệu đầy hy vọng và hứa hẹn. Trong ý tưởng này, các bạn có chìa khóa để hiểu vì sao những người tốt lành, thánh thiện và phụng sự nhân loại lại mang—trong chu kỳ thế giới này—một gánh nặng lớn của những tai ương do nghiệp quả.

[292]

[292]

It is consequently quite impossible in the scope of this treatise to deal more fully with this subject of karma as it produces the many types of human ills, including disease —only one of its manifestations. The theme is too vast, too complicated and too widely diffusing in its effect. All that one can do is to posit the fact that past actions and reactions have established in previous lives such a karmic rhythm that today all the aspects of the lower nature are involved; and among the commonest and most ordinary effects, and one in which the great Law of Retribution takes effect, is that of disease. This is a point which healers and metaphysicians, so-called, should most carefully consider.

Do đó, trong phạm vi của bộ luận này, hoàn toàn không thể bàn đầy đủ hơn về đề tài nghiệp quả này khi nó tạo ra nhiều loại tai ương của con người, kể cả bệnh tật—chỉ là một trong các biểu hiện của nó. Chủ đề này quá rộng lớn, quá phức tạp và lan tỏa quá rộng trong hiệu quả của nó. Tất cả những gì người ta có thể làm là xác định sự kiện rằng các hành động và phản ứng trong quá khứ đã thiết lập trong các kiếp trước một nhịp điệu nghiệp quả như thế mà ngày nay mọi phương diện của bản chất thấp đều bị lôi cuốn vào; và trong số những hiệu quả thông thường và bình thường nhất, cũng là một hiệu quả trong đó Định luật Báo Ứng vĩ đại phát huy tác dụng, là bệnh tật. Đây là một điểm mà các nhà chữa lành và những người được gọi là các nhà siêu hình học cần phải cân nhắc hết sức cẩn thận.

2. THE SEVEN RAY CAUSES OF KARMA — 2. CÁC NGUYÊN NHÂN NGHIỆP QUẢ TỪ BẢY CUNG

These carry the cause of all human difficulties, including ill health and disease —individual, national and racial—still further back to the very origin of creation itself. Karma demonstrates in those streams of energy and of primordial substance which pour into and through the created world, including the lower three worlds where work the lunar pitris and the elemental essences of all forms. This primordial karma (if I may so call it) is contributory to the existence of disease. We are told in the ancient books, to which the Masters have access, that the world is constructed of substance which is already tainted with the karma of a previous solar system.

Những nguyên nhân này đưa nguyên nhân của mọi khó khăn của con người, kể cả sức khỏe kém và bệnh tật—cá nhân, quốc gia và chủng tộc—lùi xa hơn nữa đến chính nguồn gốc của sự sáng tạo. Nghiệp quả biểu lộ trong những dòng năng lượng và chất liệu nguyên sơ tuôn vào và xuyên qua thế giới được sáng tạo, kể cả ba cõi thấp nơi các thái âm tổ phụ và các tinh chất hành khí của mọi hình tướng hoạt động. Nghiệp quả nguyên sơ này (nếu tôi có thể gọi như vậy) góp phần vào sự tồn tại của bệnh tật. Trong các sách cổ mà các Chân sư có thể tiếp cận, chúng ta được cho biết rằng thế giới được cấu tạo bằng chất liệu vốn đã bị nhiễm nghiệp quả của một hệ mặt trời trước.

It will be apparent to you that these streams of force, emanating from the Lords of the Seven Rays, are coloured, therefore, and "tainted"—if I may use such a word—by the limitations of these same great Beings; They are Gods, from our point of view, but in reality, Gods in the making, even though much nearer solar divinity than the most advanced human being is near to planetary divinity. They are the "imperfect Gods" spoken of in The Secret Doctrine [293] and are the planetary Logoi of the sacred and non-sacred planets. If the great informing Lives of the planets within our solar system are imperfect, the effect of this imperfection must inevitably affect Their planetary creations, Their bodies of manifestation, and thus introduce a karmic condition over which the individual human being has absolutely no control, but within which he moves and which he shares. It is obviously impossible for me to elucidate this theme. All I can do or am permitted to do is to give

Các bạn sẽ thấy rõ rằng những dòng mãnh lực này, phát ra từ các Đấng Chúa Tể của Bảy Cung, vì vậy đã được nhuốm màu và "bị nhiễm"—nếu tôi có thể dùng một từ như thế —bởi những giới hạn của chính các Hữu Thể vĩ đại này; Các Ngài là các Thượng đế, theo quan điểm của chúng ta, nhưng trên thực tế là những Thượng đế đang thành hình, dù Các Ngài gần với thiên tính thái dương hơn rất nhiều so với con người tiến hóa nhất gần với thiên tính hành tinh. Các Ngài là những "Thượng đế bất toàn" được nói đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* [293] và là các Hành Tinh Thượng Đế của các hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng. Nếu các Sự Sống vĩ đại phú linh cho các hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta là bất toàn, thì hiệu quả của sự bất toàn này tất yếu phải ảnh hưởng đến các sáng tạo hành tinh của Các Ngài, các thể biểu hiện của Các Ngài, và như vậy đưa vào một điều kiện nghiệp quả mà cá nhân con người hoàn toàn không kiểm soát được, nhưng trong đó y vận động và cùng chia sẻ. Hiển

you seven stanzas from one of the most ancient volumes in the world; it deals with the seven ray causes of imperfections in our planetary manifestations. To these should be added (if it were only possible) the stanzas which convey the significance of the defects emerging from astrological conditions and producing effects of a planetary nature and involving, therefore, the horoscope of our particular planetary Logos. But these are far too abstruse, elaborate and far-reaching in their theme, and can be studied and considered only when humanity has reached such a stage of intuitive development that men can "appreciate causes and effects as whole processes and can see both the beginning and the end in one flash of time in space." In these words the Master Serapis once summed up the matter when endeavouring to train a group of initiated disciples in this mode of approaching vast subjects.

nhiên là tôi không thể làm sáng tỏ chủ đề này. Tất cả những gì tôi có thể làm hoặc được phép làm là trao cho các bạn bảy bài kệ từ một trong những bộ sách cổ xưa nhất trên thế giới; nó bàn đến bảy nguyên nhân cung của các bất toàn trong các biểu hiện hành tinh của chúng ta. Vào đó còn phải cộng thêm (nếu điều đó có thể) những bài kệ truyền đạt ý nghĩa của các khiếm khuyết phát sinh từ các điều kiện chiêm tinh và tạo ra các hiệu quả có bản chất hành tinh, do đó liên quan đến lá số chiêm tinh của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta. Nhưng những điều này quá trừu tượng, quá công phu và quá sâu rộng trong chủ đề của chúng, và chỉ có thể được nghiên cứu và xem xét khi nhân loại đã đạt đến một giai đoạn phát triển trực giác mà con người có thể "đánh giá các nguyên nhân và hiệu quả như những tiến trình toàn thể và có thể thấy cả khởi đầu lẫn kết thúc trong một chớp thời gian trong không gian." Bằng những lời này, Chân sư Serapis đã từng tóm lược vấn đề khi cố gắng huấn luyện một nhóm đệ tử được điểm đạo trong phương thức tiếp cận các chủ đề bao la này.

The "Book of Karma" has in it the following stanzas, and these can serve as an introduction to those dealing with the Seven Ray causes of inharmony and disease. To the intuitive aspirant some meaning will emerge, but he must ever bear in mind that all that I am attempting to do is to put into words—unsatisfactory and quite inadequate —stanzas concerning the conditioning factors in the equipment of those great Beings Whose life force (which we call energy) creates all that is, colours and shapes all [294] manifestations within the worlds, and adds its quota of force to the equipment of every single human being. Every man appropriates this energy to the measure of his need, and his need is the sign of his development. The stanzas I have

"Quyển Sách về Nghiệp Quả" có những bài kệ sau đây, và chúng có thể dùng như một lời dẫn nhập cho những bài kệ bàn về các nguyên nhân thuộc bảy cung của sự bất hòa và bệnh tật. Đối với người chí nguyện trực giác, một số ý nghĩa sẽ xuất hiện, nhưng y phải luôn ghi nhớ rằng tất cả những gì tôi đang cố gắng làm là diễn đạt thành lời—không thỏa đáng và hoàn toàn bất cập—những bài kệ liên quan đến các yếu tố tác động trong cơ cấu của những Hữu Thể vĩ đại mà sinh lực của Các Ngài (điều mà chúng ta gọi là năng lượng) tạo ra mọi cái đang hiện hữu, nhuốm màu và định hình mọi [294] biểu hiện trong các thế giới, và thêm phần mãnh lực của nó vào cơ cấu của từng con người một. Mỗi người chiếm dụng năng lượng này theo mức độ nhu cầu của mình, và

selected are from The Book of Imperfections. Part Fourteen:

nhu cầu của y là dấu hiệu của sự phát triển của y. Những bài kệ tôi đã chọn là từ *Quyển Sách về Các Bất Toàn*. Phần Mười Bốn:

"The seven imperfections issued forth and tainted substance from the highest sphere unto the lowest. The seven perfections followed next, and the two—that which is whole and sound and that which is known as detail and unwholesome in an awful sense—met upon the plane of physical life. (The etheric plane.—A.A.B.)

"Bảy sự bất toàn phát ra và làm nhiễm chất liệu từ khối cầu cao nhất xuống tận khối cầu thấp nhất. Bảy sự toàn hảo tiếp theo sau, và hai bên—điều toàn vẹn và lành mạnh cùng điều được biết như chi tiết và không lành mạnh theo một ý nghĩa khủng khiếp—gặp nhau trên cõi sự sống hồng trần. (Cõi dĩ thái. —A.A.B.)

And there they fought, swinging into the conflict all that they were and had, all that was seen and all that was unseen within the triple ring. (The three lower worlds.—A.A.B.)

Và tại đó chúng chiến đấu, lôi vào cuộc xung đột tất cả những gì chúng là và có, tất cả những gì được thấy và tất cả những gì không được thấy trong vòng tam phân. (Ba cõi thấp. —A.A.B.)

The seven imperfections entered the seven races of men, each in their own place; they coloured the seven points within each race. (The seven planetary centres, transmitting imperfect energy.—A.A.B.)

Bảy sự bất toàn đi vào bảy giống dân của loài người, mỗi sự ở đúng chỗ của mình; chúng nhuốm màu bảy điểm trong mỗi giống dân. (Bảy trung tâm hành tinh, truyền dẫn năng lượng bất toàn.—A.A.B.)

The seven perfections hovered o'er each race, over each man within each race and over each point within each man.

Bảy sự toàn hảo lơ lửng trên mỗi giống dân, trên mỗi người trong mỗi giống dân và trên mỗi điểm trong mỗi người.

And thus the conflict grew from the outermost to the innermost, from the greatest One to the littlest ones. Seven the imperfections. Seven the perfect wholes; seven the ways to oust the dark of imperfection and demonstrate the clear cold light, the white electric light of perfect wholeness."

Và như thế cuộc xung đột lớn dần từ ngoài cùng vào trong cùng, từ Đấng vĩ đại nhất đến những kẻ nhỏ bé nhất. Bảy là các bất toàn. Bảy là các toàn thể toàn hảo; bảy là những con đường để xua tan bóng tối của sự bất toàn và biểu lộ ánh sáng lạnh trong sáng, ánh sáng điện trắng của sự toàn hảo trọn vẹn."

All that you can gain from the above, my brother, is a concept of agelong conflict, of seven great energies which manifest as dualities and which produce when anchored within one body (whether that of a planet, a

Tất cả những gì các bạn có thể thu nhận từ đoạn trên, Huynh đệ của Tôi, là một khái niệm về cuộc xung đột lâu đời, về bảy năng lượng vĩ đại biểu lộ như các nhị nguyên tính và tạo ra, khi được neo giữ trong một thân

man or an [295] atom) an area or cycle of distress, as it is called; this distress produces the evolutionary urge and is itself the cause of manifestation, whilst its effect (which is karma) is the liberation ultimately of the perfect and the good. These things are not easy to comprehend. It must be remembered that the seven imperfections are related to the sevenfold nature of the One in Whom we live and move and have our being, and that these seven imperfect energies hold within themselves the perfect will-to-good, more potent in the long run than the will-to-harm.

thể duy nhất (dù là thân thể của một hành tinh, một con người hay một [295] nguyên tử), một khu vực hay chu kỳ đau khổ, như nó được gọi; sự đau khổ này tạo ra xung lực tiến hoá và chính nó là *nguyên nhân* của biểu hiện, trong khi *hiệu quả* của nó (là nghiệp quả) rốt cuộc là sự giải thoát của điều toàn hảo và điều thiện. Những điều này không dễ thấu hiểu. Cần nhớ rằng bảy sự bất toàn liên hệ với bản chất thất phân của Đấng Duy Nhất mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu, và rằng bảy năng lượng bất toàn này chứa trong chính chúng ý chí-hướng thiện toàn hảo, về lâu dài mạnh hơn ý chí-hướng hại.

These energies pour through the seven centres of the planetary body and are—as far as we are concerned—the seven ray energies. In relation to the will-to-harm which can and does demonstrate as disease in all the four kingdoms in nature, you have the reason why I instituted, among the esoteric students for whom I have made myself responsible, the development of harmlessness. It is the major agent for the offsetting of karma. I will here give you Law IX. and thus complete a group of laws which, when followed, will be found essential to the curing of disease and the maintenance of health.

Những năng lượng này tuôn qua bảy trung tâm của thể hành tinh và—xét theo mối liên hệ với chúng ta—là các năng lượng của bảy cung. Liên quan đến ý chí-hướng hại có thể và thực sự biểu lộ như bệnh tật trong cả bốn giới trong thiên nhiên, các bạn có lý do vì sao tôi đã thiết lập, trong số các đạo sinh huyền bí mà tôi đã nhận trách nhiệm, sự phát triển của tính vô tổn hại. Đó là tác nhân chủ yếu để hóa giải nghiệp quả. Ở đây tôi sẽ trao cho các bạn Định luật IX, và như vậy hoàn tất một nhóm các định luật mà khi được tuân theo, sẽ được thấy là thiết yếu cho việc chữa bệnh và duy trì sức khỏe.

LAW IX

ĐỊNH LUẬT IX

Perfection calls imperfection to the surface. Good drives evil always from the form of man in time and space. The method used by the Perfect One and that employed by Good is harmlessness. This is not negative but perfect poise, a completed point of view and divine understanding.

Sự toàn hảo gọi sự bất toàn trồi lên bề mặt. Điều thiện luôn luôn xua đuổi điều ác ra khỏi hình tướng của con người trong thời gian và không gian. Phương pháp mà Đấng Toàn Hảo và Điều Thiện sử dụng là tính vô tổn hại. Đây không phải là tiêu cực mà là sự quân bình hoàn hảo, một quan điểm đã hoàn tất và sự thấu hiểu thiêng liêng.

You will have noticed that what I have said in this connection removes the whole subject of disease into a distant world of origins—a world into which man is as yet unable to penetrate. It is for this reason that I have devoted so much time to the consideration of the causes of disease; more than half of what I have to say is to be [296] found in this first part of our discussion. We have nearly concluded this, and face what many will regard as the more useful and practical part of the teaching anent this subject. It has never been my intention to deal with the pathology of disease or the symptoms of the many forms of ill health which ravage mankind. I seek mainly to lay the stress upon the subjective reasons for the majority of ills which attack the human frame. My purpose is, however, sound. The overemphasis which people put upon disease is bewildering to the soul, for it places the transient, constantly changing form-nature in a position of undue prominence, whereas—from the angle of the soul—the vicissitudes of the body are only of importance just in so far as they contribute to the enrichment of soul experience.

Các bạn hẳn đã nhận thấy rằng điều tôi nói trong mối liên hệ này đưa toàn bộ đề tài bệnh tật vào một thế giới nguồn gốc xa xăm —một thế giới mà con người hiện chưa thể thâm nhập. Chính vì lý do này mà tôi đã dành quá nhiều thời gian để xem xét *các nguyên nhân* của bệnh; hơn một nửa điều tôi phải nói sẽ được [296] tìm thấy trong phần đầu tiên này của cuộc thảo luận của chúng ta. Chúng ta gần kết thúc phần này, và đang đối diện với phần mà nhiều người sẽ xem là hữu ích và thực tiễn hơn của giáo huấn liên quan đến đề tài này. Ý định của tôi chưa bao giờ là bàn đến bệnh lý học của bệnh hay các triệu chứng của nhiều hình thức sức khỏe kém đang tàn phá nhân loại. Tôi chủ yếu tìm cách nhấn mạnh các lý do chủ quan của phần lớn các bệnh tật tấn công khung thể con người. Tuy nhiên, mục đích của tôi là đúng đắn. Sự nhấn mạnh quá mức mà con người đặt vào bệnh tật làm linh hồn bối rối, vì nó đặt bản chất hình tướng nhất thời, luôn luôn thay đổi vào một vị trí nổi bật quá mức, trong khi—xét từ góc độ linh hồn— những thăng trầm của thân thể chỉ quan trọng chừng nào chúng góp phần làm phong phú kinh nghiệm của linh hồn.

The factor that is of importance is the causes, initiated by man from life to life; these work out in the appearance of disease, in the emergence of some disastrous consequence in circumstance and in event, and in the general conditioning of some particular incarnation. It is with these causes that man must learn to deal, to recognise them, and to trace the conditioning energy to the appropriate effect, dealing primarily then with the task of negating the cause by the opposition of a trained will. Karma is not an inevitable, inescapable and dire happening. It can be offset; but this offsetting, particularly where

Yếu tố quan trọng là các nguyên nhân do con người khởi xướng từ đời này sang đời khác; các nguyên nhân này biểu hiện thành bệnh tật, thành sự xuất hiện của một hậu quả tai hại nào đó trong hoàn cảnh và biến cố, và trong sự tác động tổng quát của một lần nhập thể đặc thù nào đó. Chính với các nguyên nhân này mà con người phải học cách xử lý, nhận ra chúng, và truy nguyên năng lượng tác động đến hiệu quả thích hợp, rồi chủ yếu xử lý nhiệm vụ vô hiệu hóa nguyên nhân bằng sự đối kháng của một ý chí đã được rèn luyện. Nghiệp quả không phải là một biến cố tất yếu, không thể tránh khỏi và khủng khiếp. Nó có thể được hóa giải; nhưng sự hóa giải này, đặc biệt khi liên

disease is concerned, will include four lines of activity:

quan đến bệnh tật, sẽ bao gồm bốn đường lối hoạt động:

1. Determining the nature of the cause and the area in consciousness where it originated.

1. Xác định bản chất của nguyên nhân và khu vực trong tâm thức nơi nó phát sinh.

2. Developing those qualities which are the polar opposite of the effective cause.

2. Phát triển những phẩm tính là cực đối nghịch với nguyên nhân đang tác động.

3. Practising harmlessness so as to arrest the expression of the cause and to prevent any further implementing of the unfortunate condition.[297]

3. Thực hành tính vô tổn hại để chặn đứng sự biểu lộ của nguyên nhân và ngăn ngừa bất kỳ sự tiếp tục nào của điều kiện bất hạnh ấy.[297]

4. Taking the necessary physical steps which will produce the conditions which the soul desires. These steps will include:

4. Thực hiện những bước hồng trần cần thiết sẽ tạo ra các điều kiện mà linh hồn mong muốn. Những bước này sẽ bao gồm:

a. A mental acquiescence and an acceptance of the fact of the effect—in the case which we are considering in relation to karma—disease.

a. Một sự chấp nhận bằng trí tuệ và một sự thừa nhận *sự kiện* của hiệu quả—trong trường hợp mà chúng ta đang xem xét liên quan đến nghiệp quả—là bệnh tật.

b. Wise action along the lines of orthodox medical procedure.

b. Hành động khôn ngoan theo các đường lối của thủ tục y khoa chính thống.

c. The assistance of a healing group or a healer for aid in inner spiritual healing.

c. Sự trợ giúp của một nhóm chữa lành hoặc một nhà chữa lành để hỗ trợ trong việc chữa lành tinh thần bên trong.

d. Clear vision as to the outcome. This may lead to preparation for a more useful physical plane life or preparation for the great transition called death.

d. Linh thị rõ ràng về kết quả. Điều này có thể dẫn đến sự chuẩn bị cho một đời sống cõi hồng trần hữu ích hơn hoặc sự chuẩn bị cho cuộc chuyển tiếp lớn được gọi là cái chết.

But behind all wise thinking and wise activity must be the acceptance of the existence of certain general conditions which work out as physical ill health during this world cycle, and not only for the human kingdom but also for the three sub-human

Nhưng đằng sau mọi tư duy khôn ngoan và mọi hoạt động khôn ngoan phải là sự chấp nhận sự hiện hữu của một số điều kiện tổng quát nào đó đang biểu hiện thành sức khỏe hồng trần kém trong chu kỳ thế giới này, và không chỉ đối với giới nhân loại mà còn đối

kingdoms. The Law of Imperfection exists because the Great Realities (to be found in all the phenomenal world) are likewise in process of development and of evolutionary unfoldment. Therefore, until They, as spiritual Beings, have developed "sublime control"—as it is called—over the substance of Their phenomenal forms, those forms will fall short of divine perfection. Disease is only a form of transient imperfection, and death is just a method for refocussing energy, prior to a forward moving activity, leading steadily and always towards betterment.

với ba giới dưới nhân loại. Định luật Bất Toàn tồn tại bởi vì các Thực Tại Vĩ Đại (được tìm thấy trong toàn bộ thế giới hiện tượng) cũng đang trong tiến trình phát triển và khai mở tiến hoá. Vì vậy, cho đến khi Các Ngài, với tư cách là các Hữu Thể tinh thần, phát triển được "sự kiểm soát siêu việt"—như nó được gọi—đối với chất liệu của các hình tướng hiện tượng của Các Ngài, thì những hình tướng ấy sẽ còn thiếu sự toàn hảo thiêng liêng. Bệnh tật chỉ là một hình thức bất toàn nhất thời, và cái chết chỉ là một phương pháp để tái hội tụ năng lượng, trước một hoạt động tiến lên phía trước, dẫn dắt đều đặn và luôn luôn hướng tới sự cải thiện.

The comprehension of the seven stanzas which I now propose to give you will lead eventually to the isolation of the seven psychological causes of disease, inherent in the substance of all forms in this world cycle, because all forms are infused with the life energy of the "imperfect Gods." [298] The seven Spirits, we are told in the Scriptures of the world, are "before the Throne of God"; this signifies that They are not yet in a position to mount the Throne, symbolically speaking, owing to the fact that They have not yet achieved complete divine expression. These Lords of the Seven Rays are greater and more advanced in the spiritual scale than are those great Lives who form the Council of the Lord of the World in Shamballa. They are the Representatives of the seven ray Energies Who inform the seven sacred planets but are not yet as divinely developed as They are. The problem of humanity in respect to imperfection is complicated, not only by the fact that the seven informing vitalising Energies are "tainted with imperfection," but also by the fact that the Lord of the World is Himself, from the angle of a Solar Logos for instance, far from perfect; this is the reason why our planet, the Earth, is not a sacred planet. We

Việc thấu hiểu bảy stanza mà Tôi sắp trình bày với các bạn cuối cùng sẽ dẫn đến sự xác định riêng biệt bảy nguyên nhân tâm lý của bệnh tật, vốn có sẵn trong chất liệu của mọi hình tướng trong chu kỳ thế giới này, vì mọi hình tướng đều được thấm nhuần năng lượng sự sống của các "Thượng đế bất toàn". [298] Kinh điển của thế giới cho chúng ta biết rằng Bảy Thánh Linh ở "trước Thánh Ngai của Thượng đế"; điều này hàm ý rằng, nói theo nghĩa biểu tượng, Các Ngài chưa thể bước lên Thánh Ngai, vì chưa biểu lộ trọn vẹn thiên tính. Các Chúa Tể của Bảy Cung này vĩ đại hơn và tiến xa hơn trên thang bậc tinh thần so với những Sự Sống vĩ đại hợp thành Hội đồng của Đức Chúa Tể Thế Giới tại Shamballa. Những Sự Sống ấy là các đại diện của bảy Năng Lượng cung thấm nhuần bảy hành tinh thiêng liêng, nhưng chưa phát triển thiên tính đến mức của những Năng Lượng ấy. Vấn đề bất toàn của nhân loại trở nên phức tạp không chỉ vì bảy Năng Lượng thấm nhuần và tiếp sinh lực ấy "nhuốm tính bất toàn", mà còn vì chính Đức Chúa Tể Thế Giới, chẳng hạn xét từ góc độ của một Thái dương Thượng đế, vẫn còn xa mới đạt đến sự hoàn thiện; đó là lý do hành tinh của chúng ta, Trái Đất, không phải là một hành tinh thiêng liêng. Chúng ta được cho biết rằng

are told that Sanat Kumara is the divine prisoner of this planet, held here until the "last weary pilgrim has found his way home." This is His heavy karma even whilst it is an expression of His desire and of His joy; the "weary pilgrims" are the atoms (human or otherwise) in His body, and they are tainted with imperfection because of His imperfections; their complete "healing" will set the term for His release.

Đức Sanat Kumara là tù nhân thiêng liêng của hành tinh này, bị giữ lại nơi đây cho đến khi "người hành hương mỏi mệt cuối cùng tìm được đường về nhà". Đó là nghiệp quả nặng nề của Ngài, dù đồng thời cũng là biểu hiện của ước muốn và niềm vui của Ngài; những "người hành hương mỏi mệt" là các nguyên tử—là con người hay các dạng khác—trong thân thể Ngài, và họ nhuốm tính bất toàn do những bất toàn của Ngài; sự "chữa lành" trọn vẹn của họ sẽ quyết định thời điểm Ngài được giải thoát.

Bear in mind, therefore, that the stanzas—seven in number—now to be given, indicate the quality of the descending energies and the taints which these energies carry and convey to all forms which are vitalised by the life of our planetary Logos.

Vì vậy, hãy ghi nhớ rằng bảy bài kệ sắp được trao ra đây biểu thị phẩm tính của các năng lượng giáng hạ và những vết nhiễm mà các năng lượng này mang theo và truyền vào mọi hình tướng được tiếp sinh lực bởi sự sống của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

The Seven Ray Causes of Inharmony and Disease

Bảy Nguyên Nhân Cung của Bất Hòa và Bệnh Tật

I. "The Great One set Himself to follow by Himself alone His chosen path. He brooked no interference. He hardened in His courses. From plane [299] to plane, this hardening proceeded; it grew and stiffened. His will was set, and crystal-like, brilliant, brittle and hard. The power to crystallise was His. He brought not will-to-live but will-to-die. Death was His gift to life. Infusion and diffusion pleased Him not. He loved and sought abstraction."

I. "Đấng Vĩ Đại tự mình quyết theo con đường đã chọn, một mình mà thôi. Ngài không dung thứ sự can thiệp nào. Ngài trở nên cứng rắn trong các lộ trình của mình. Từ cõi này [299] sang cõi khác, sự cứng rắn ấy tiếp diễn; nó tăng trưởng và đông cứng lại. Ý chí của Ngài đã định, và như pha lê—rực rỡ, giòn và cứng. Quyền năng kết tinh là của Ngài. Ngài không mang đến ý chí-sống mà là ý chí-chết. Cái chết là quà tặng của Ngài cho sự sống. Sự truyền nhập và khuếch tán không làm Ngài hài lòng. Ngài yêu thích và tìm kiếm sự trừu xuất."

As far as we can understand the significance of this stanza in relation to our theme of disease, the imperfection of this divine energy produces a peculiar attitude which expresses itself in the power to crystallise, to harden, to bring about attrition and cause

Trong chừng mực chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của bài kệ này liên hệ với chủ đề bệnh tật của chúng ta, sự bất toàn của năng lượng thiêng liêng này tạo ra một thái độ đặc thù, biểu lộ thành quyền năng kết tinh, làm cứng lại, gây ra sự bào mòn và tạo nên tiến

the great abstracting process which we call death. Other results are the many crystallising processes going on in the physical form, all atrophying processes, and old age.

trình trừu xuất vĩ đại mà chúng ta gọi là cái chết. Những kết quả khác là nhiều tiến trình kết tinh diễn ra trong hình thể hồng trần, mọi tiến trình teo hóa, và tuổi già.

II. "The Great One poured His life throughout all parts and every aspect of manifestation. From the centre to the periphery and from the periphery to the centre He rushed, carrying abundance of life, energising all forms of Himself, producing excess of movement, endless extension, abundant growth and undue haste. He knew not what He wanted because He wanted all, desired all, attracted all and gave to all too much."

II. "Đấng Vĩ Đại tuôn đổ sự sống của Ngài khắp mọi phần và mọi phương diện của biểu hiện. Từ trung tâm ra chu vi và từ chu vi vào trung tâm, Ngài lao đi, mang theo sự sống dồi dào, tiếp sinh lực cho mọi hình tướng của chính Ngài, tạo ra sự vận động quá mức, sự mở rộng vô tận, sự tăng trưởng phong phú và sự hấp tấp quá độ. Ngài không biết mình muốn gì vì Ngài muốn tất cả, ham muốn tất cả, thu hút tất cả và ban cho tất cả quá nhiều."

The imperfection of this great energy with its building, vitalising and cohering potency, was and is the power to overstimulate, to produce accretion, to pile together, to build too many forms, to attract too many atoms and to bring about those conditions which lead to what has been called (esoterically) "the suffocation of the life"—another form of dying, but dying this time as a result of excessive vitality, affecting the blood stream, producing building within the forms already built, and frequently creating an [300] etheric vehicle which is too potent for the outer exoteric physical form. Other results are, for instance, the appearance of tumors, of cancers, of growths, and the overdevelopment of bodily aspects, overlarge organs and supernumerary bodily parts.

Sự bất toàn của năng lượng vĩ đại này, với tiềm lực kiến tạo, tiếp sinh lực và cố kết của nó, đã và đang là quyền năng kích thích quá mức, tạo ra sự bồi đắp, chất chồng, xây dựng quá nhiều hình tướng, thu hút quá nhiều nguyên tử và gây nên những tình trạng dẫn đến điều mà (một cách huyền bí) đã được gọi là "sự ngạt thở của sự sống"—một hình thức chết khác, nhưng lần này là cái chết do sinh lực quá mức, tác động lên dòng máu, tạo ra sự kiến tạo bên trong những hình tướng đã được xây dựng, và thường tạo nên một [300] vận cụ dĩ thái quá mạnh đối với hình thể hồng trần ngoại môn bên ngoài. Những kết quả khác là, chẳng hạn, sự xuất hiện của các khối u, ung thư, các chỗ tăng sinh, và sự phát triển quá mức của các phương diện cơ thể, các cơ quan quá lớn và các bộ phận cơ thể thừa ra.

III. "The Great One gathered here and there. He chose and He rejected. This power He refused and this power He accepted. He had no purpose linked to the six purposes of His six Brothers. He acquired a form and liked it not; threw it away and chose another. He

III. "Đấng Vĩ Đại gom góp chỗ này chỗ kia. Ngài chọn và Ngài loại bỏ. Quyền năng này Ngài từ chối và quyền năng kia Ngài chấp nhận. Ngài không có mục đích nào liên kết với sáu mục đích của sáu Huynh Đệ của Ngài. Ngài có được một hình tướng và không

had no settled point or plan but lived in glamour and liked it well. He smothered both the good and the bad, though using both. Excess in one direction could be seen and starvation in another. Both these extremes governed His choice of living substance, He threw together those that suited not each other, then saw the end was sorrow and deceit. Patterns He made, but purpose suited not. He gave up in despair."

thích nó; liền vứt bỏ và chọn một hình tướng khác. Ngài không có điểm tựa hay kế hoạch ổn định nào mà sống trong ảo cảm và rất thích điều đó. Ngài làm ngạt cả điều tốt lẫn điều xấu, dù sử dụng cả hai. Có thể thấy sự thái quá theo một hướng và sự thiếu hụt theo hướng khác. Cả hai cực đoan này chi phối sự lựa chọn chất liệu sống của Ngài. Ngài gom lại với nhau những gì không thích hợp với nhau, rồi thấy kết cục là buồn khổ và dối trá. Ngài tạo ra các mô hình, nhưng mục đích lại không phù hợp. Ngài bỏ cuộc trong tuyệt vọng."

The main effect of this imperfect "maneuvering" and manipulation, as it has been called, is largely astral in nature, producing consequent physical ill health and the undesirable effects which we have already studied in this treatise. It is because this third ray energy is the energy of substance itself that its imperfections demonstrate profusely in the human tendency to disease. Glamour results from the excessive use of this third ray energy for selfish and personal ends and manifests primarily upon the sixth or astral plane. As a result of this manipulation of desire, and the wild maneuvering for its satisfaction along material lines, you have such diseases as the gastric and intestinal disorders and the various stomach troubles which devastate [301] civilised humanity—far more than the savage races. Certain brain disorders also are effects, and low vitality.

Tác động chính của sự "điều động" và thao túng bất toàn này, như nó đã được gọi như vậy, phần lớn có bản chất cảm dục, tạo ra hậu quả là sức khỏe hồng trần suy kém và những ảnh hưởng không mong muốn mà chúng ta đã nghiên cứu trong bộ luận này. Chính vì năng lượng cung ba này là năng lượng của bản thân chất liệu nên những bất toàn của nó biểu lộ rất nhiều trong khuynh hướng bệnh tật của con người. Ảo cảm là kết quả của việc sử dụng quá mức năng lượng cung ba này cho những mục đích ích kỷ và cá nhân, và biểu lộ chủ yếu trên cõi thứ sáu hay cõi cảm dục. Kết quả của sự thao túng ham muốn này, và của những sự điều động cuồng loạn để thỏa mãn nó theo các đường lối vật chất, là những bệnh như rối loạn dạ dày và đường ruột cùng nhiều chứng bệnh bao tử khác đang tàn phá [301] nhân loại văn minh—nhiều hơn hẳn các chủng tộc man dã. Một số rối loạn não bộ cũng là hậu quả, cùng với sinh lực thấp.

IV. "The Great One fought and entered into combat. All that He met appeared to Him a subject for display of power. Within the fourth He found a field of battle and settled down to fight. He saw the right and knew the wrong and vibrated between the two, fighting first one and then the other, but

IV. "Đấng Vĩ Đại chiến đấu và bước vào giao tranh. Mọi điều Ngài gặp đều hiện ra trước Ngài như một đối tượng để phô bày quyền năng. Trong giới thứ tư, Ngài tìm thấy một chiến trường và định cư ở đó để chiến đấu. Ngài thấy điều đúng và biết điều sai, và rung động giữa hai điều ấy, lúc chống lại bên này,

missing all the time that midway point where battle is not known. There harmony, ease, rest and peaceful silence will be found. He weakened all the forms which used His strength and power. Yet all the time He sought for beauty; searched for loveliness; and yearned for peace. Despair overtook Him in His courses, and with despair the will-to-live could not survive. Yet all the time the loveliness was there."

lúc chống lại bên kia, nhưng luôn luôn bỏ lỡ điểm ở giữa nơi chiến đấu không được biết đến. Ở đó sẽ tìm thấy hài hòa, an nhàn, nghỉ ngơi và sự im lặng bình an. Ngài làm suy yếu mọi hình tướng sử dụng sức mạnh và quyền năng của Ngài. Tuy nhiên, suốt mọi lúc Ngài vẫn tìm kiếm cái đẹp; truy cầu vẻ mỹ lệ; và khát khao hòa bình. Sự tuyệt vọng ập đến với Ngài trên các lộ trình của mình, và cùng với tuyệt vọng, ý chí-sống không thể tồn tại. Tuy nhiên, suốt mọi lúc vẻ mỹ lệ vẫn ở đó."

Here we have a strong indication as to the reason why humanity (the fourth kingdom in nature) succumbs with such rapidity and such ease to disease. The conflicts to which humanity is so constantly summoned, both in group form and as individuals, lead—until understood and used as a means to triumph and progress—to a condition of constant devitalisation. Where this is present, resistance to disease fades out and practically all forms of ill health and bodily ills become possible. Diffusion of energy leads to a constant lessening of this resistance. As a result you have debility, quick and bad reaction to the disease indigenous in the planet itself, and a rapid taking on of infections and of contagious diseases. It is this energy which lies behind what we call epidemics, and influenza is one of its main expressions.[302]

Ở đây chúng ta có một chỉ dẫn mạnh mẽ về lý do vì sao nhân loại (giới thứ tư trong thiên nhiên) lại khuất phục trước bệnh tật nhanh chóng và dễ dàng đến thế. Những xung đột mà nhân loại liên tục bị triệu gọi vào, cả dưới hình thức nhóm lẫn với tư cách cá nhân, dẫn đến—cho đến khi được hiểu và được sử dụng như một phương tiện để chiến thắng và tiến bộ—một tình trạng mất sinh lực thường xuyên. Khi điều này hiện diện, sức đề kháng đối với bệnh tật suy giảm và hầu như mọi hình thức đau yếu và bệnh hoạn của cơ thể đều trở nên khả hữu. Sự khuếch tán năng lượng dẫn đến sự suy giảm liên tục của sức đề kháng này. Kết quả là các bạn có sự suy nhược, phản ứng nhanh và xấu đối với bệnh tật vốn có sẵn trong chính hành tinh này, và sự dễ dàng nhiễm các bệnh lây lan và truyền nhiễm. Chính năng lượng này nằm sau điều mà chúng ta gọi là các dịch bệnh, và cúm là một trong những biểu hiện chính của nó. [302]

V. "The Great One arose in His wrath and separated Himself. He swept aside the great dualities and saw primarily the field of multiplicity. He produced cleavage on every hand. He wrought with potent thought for separative action. He established barriers with joy. He brooked no understanding; He knew no unity, for He was cold, austere, ascetic and forever cruel. He stood between

V. "Đấng Vĩ Đại đứng lên trong cơn thịnh nộ của Ngài và tách mình ra. Ngài quét sang một bên những nhị nguyên tính lớn lao và chủ yếu chỉ thấy cánh đồng của tính đa tạp. Ngài tạo ra sự chia cắt khắp nơi. Ngài hành động bằng tư tưởng mãnh liệt cho hành động phân ly. Ngài vui thích dựng nên các rào cản. Ngài không dung thứ sự thấu hiểu; Ngài không biết đến hợp nhất, vì Ngài lạnh

the tender, loving centre of all lives and the outer court of writhing, living men. Yet He stood not at the midway point, and naught He did sufficed to heal the breach. He widened all cleavages, erected barriers, and sought to make still wider gaps."

lùng, khắc khổ, khổ hạnh và mãi mãi tàn nhẫn. Ngài đứng giữa trung tâm dịu dàng, yêu thương của mọi sự sống và sân ngoài của những con người sống đang quằn quại. Tuy nhiên, Ngài không đứng tại điểm ở giữa, và không điều gì Ngài làm đủ để hàn gắn sự chia rẽ. Ngài mở rộng mọi chia cắt, dựng lên các rào cản, và tìm cách tạo nên những khoảng cách còn rộng hơn nữa."

It has been most difficult to describe the nature of the imperfection of the energy of the Lord of the fifth ray. In the activity of this energy which demonstrates primarily upon the fifth or mental plane will be found eventually the source of many psychological disorders and mental trouble. Cleavage is the outstanding characteristic—cleavage within the individual or between the individual and his group, rendering him anti-social. I have dealt with this in an earlier part of this treatise and need not further enlarge upon the difficulties here (In Esoteric Psychology, Vol. II of A Treatise on the Seven Rays). Other results are certain forms of insanities, brain lesions and those gaps in the relation of the physical body to the subtle bodies which show as imbecilities and psychological troubles. Another form of disease, emerging as a result of this fifth ray force is migraine, which is caused by a lack of relationship between the energy around the pineal gland and that around the pituitary body.

Việc mô tả bản chất của sự bất toàn trong năng lượng của Đấng Chúa Tể cung năm là điều hết sức khó khăn. Trong hoạt động của năng lượng này, vốn biểu lộ chủ yếu trên cõi thứ năm hay cõi trí, cuối cùng sẽ tìm thấy nguồn gốc của nhiều rối loạn tâm lý và các vấn đề trí tuệ. Sự chia cắt là đặc tính nổi bật —sự chia cắt bên trong cá nhân hoặc giữa cá nhân với nhóm của y, khiến y trở nên phản xã hội. Tôi đã bàn đến điều này trong phần trước của bộ luận này và không cần nói thêm ở đây (trong *Tâm Lý Học Nội Môn, Tập II của Luận về Bảy Cung*). Những kết quả khác là một số dạng điên loạn, tổn thương não bộ và những khoảng hở trong mối liên hệ giữa thể xác với các thể vi tế, biểu hiện thành sự đần độn và các rối loạn tâm lý. Một dạng bệnh khác xuất hiện do mãnh lực cung năm này là chứng đau nửa đầu, gây ra bởi sự thiếu liên hệ giữa năng lượng quanh tuyến tùng và năng lượng quanh tuyến yên.

VI. "The Great One loved Himself in others and in all forms. On every hand, He saw objects of His [303] devotion and ever they proved to be Himself. Into these others He ever poured Himself, asking response and never getting it. Surely and with certainty the outlines of the forms so loved were lost, grew dim and disappeared. The objects of His love slowly faded out. Only a world of shadows, of mist and fog remain. And as He

VI. "Đấng Vĩ Đại yêu chính mình trong những kẻ khác và trong mọi hình tướng. Khắp mọi nơi, Ngài thấy những đối tượng của [303] lòng sùng mộ của Ngài và chúng luôn luôn hóa ra là chính Ngài. Vào những kẻ khác ấy, Ngài luôn luôn tuôn đổ chính mình, đòi hỏi sự đáp ứng mà không bao giờ nhận được. Chắc chắn và không sai, những đường nét của các hình tướng được yêu thương như thế dần mất đi, mờ nhạt và biến mất. Các đối

looked upon Himself, He said: Lord of Glamour, that am I, and the Angel of Bewilderment. Naught is clear to me. I love yet all seems wrong! I know that love is right and the spirit of the universe. What then is wrong?"

tượng của tình yêu Ngài từ từ phai tàn. Chỉ còn lại một thế giới của bóng mờ, của sương mù và khói mờ. Và khi nhìn vào chính mình, Ngài nói: Ta là Chúa Tể của Ảo Cảm, và là Thiên Thần của Sự Hoang Mang. Không điều gì rõ ràng đối với ta. Ta yêu mà mọi sự dường như đều sai! Ta biết rằng tình yêu là đúng và là tinh thần của vũ trụ. Vậy thì điều gì là sai?"

Curiously enough, it is the potency of this sixth ray force (as it feeds desire) which is responsible for much of the ills and diseases of humanity which are based upon the misuse of the mission and function of sex. Desire, bewilderment, weakness, perversions and the one-pointed development of sexual and other satisfactions grow out of the misuse of this energy. The bewilderment growing out of desire leads to a violently demanded satisfaction and the taking of those steps—some right and some wrong—which lead to satisfaction. The results cover a wide field, all the way from sadistic cruelty and lust to those marriages which are based on physical desire and to those conditions which lead to the many forms of sexual disease. A clue to this whole world-wide problem lies in the words of an ancient writing which says that "the imperfection of the Lord of the Sixth Ray opened the door to an erroneous marriage between the poles."

Thật kỳ lạ, chính tiềm lực của mãnh lực cung sáu này (khi nó nuôi dưỡng ham muốn) lại chịu trách nhiệm cho phần lớn những đau yếu và bệnh tật của nhân loại vốn dựa trên sự lạm dụng sứ mệnh và chức năng của tính dục. Ham muốn, hoang mang, yếu đuối, lệch lạc và sự phát triển nhất tâm của những thỏa mãn tính dục và các thỏa mãn khác phát sinh từ việc lạm dụng năng lượng này. Sự hoang mang phát sinh từ ham muốn dẫn đến một sự thỏa mãn bị đòi hỏi mãnh liệt và việc thực hiện những bước đi—một số đúng và một số sai—để đạt được sự thỏa mãn. Kết quả bao trùm một phạm vi rộng lớn, từ sự tàn nhẫn dâm bạo và dục vọng cho đến những cuộc hôn nhân dựa trên ham muốn thể xác và những tình trạng dẫn đến nhiều dạng bệnh tình dục. Một đầu mối cho toàn bộ vấn đề toàn cầu này nằm trong lời của một cổ thư nói rằng "sự bất toàn của Đấng Chúa Tể Cung sáu đã mở cánh cửa cho một cuộc hôn phối sai lầm giữa hai cực."

VII. "The Great One gathered to Himself His forces and affirmed His intention to create. He created that which is outer and can be seen. He saw His creations and liked them not and so withdrew His attention; then the creations He had made died [304] and disappeared. He had no lasting success and saw naught but failure as He travelled on the outer path of life. He comprehended not the need of forms. To some He gave an over-plus

VII. "Đấng Vĩ Đại tập hợp các mãnh lực của Ngài về với mình và khẳng định ý định sáng tạo. Ngài sáng tạo cái gì đó bên ngoài và có thể được nhìn thấy. Ngài nhìn các sáng tạo của mình và không thích chúng nên rút sự chú ý của mình lại; rồi những sáng tạo Ngài đã làm ra chết đi [304] và biến mất. Ngài không có thành công bền lâu nào và chỉ thấy thất bại khi bước đi trên con đường bên ngoài của sự sống. Ngài không hiểu nhu cầu

of life, to some too little; and so both kinds died and failed to show the beauty of the Lord who gave them life but failed to give them understanding. He knew not then that love sustains."

của các hình tướng. Với một số, Ngài ban quá nhiều sự sống; với một số khác, quá ít; và vì thế cả hai loại đều chết và không biểu lộ được vẻ đẹp của Chúa Tể đã ban cho chúng sự sống nhưng không ban cho chúng sự thấu hiểu. Khi ấy Ngài chưa biết rằng tình yêu duy trì."

The effects of this ray force are most peculiar and will be a great deal more prevalent than heretofore, as this ray is now coming into power. It is this energy which is largely responsible for infections and contagious diseases. The keynote of the work of the seventh ray is to bring together life and matter upon the physical plane. This, however, when viewed from the angle of imperfection, is a bringing together (if you can understand the implications) of Life, the lives and the general livingness of the creative process. This is symbolised by the promiscuity and the endless moving interplay of all life within all lives. The result is therefore the activity of all germs and bacteria within the medium which will best nurture them.

Những tác động của mãnh lực cung này rất đặc biệt và sẽ phổ biến hơn nhiều so với trước đây, vì cung này hiện đang đi vào quyền lực. Chính năng lượng này chịu trách nhiệm phần lớn cho các bệnh nhiễm trùng và truyền nhiễm. Chủ âm của công việc cung bảy là đưa sự sống và vật chất lại với nhau trên cõi hồng trần. Tuy nhiên, khi được nhìn từ góc độ bất toàn, đây là sự đưa lại với nhau (nếu các bạn có thể hiểu được các hàm ý) của Sự sống, các sự sống và tính sống nói chung của tiến trình sáng tạo. Điều này được biểu tượng hóa bằng sự pha tạp bừa bãi và sự tương tác vận động vô tận của mọi sự sống trong mọi sự sống. Vì vậy, kết quả là hoạt động của mọi mầm bệnh và vi khuẩn trong môi trường nuôi dưỡng chúng tốt nhất.

These are abstruse and difficult concepts, but they should be pondered upon, and deep reflection will lead to understanding. All disease and ill health are the result of the activity or the inactivity of one or other of the seven types of energy as they play upon the human body. All physical ills emerge out of the impact of these imperfect energies as they make their impact upon, enter into and pass through the centres in the body. All depends upon the condition of the seven centres in the human body; through these the impersonal energies play, carrying life, disease or death, stimulating the imperfections in the body or bringing healing to the body. All depends, as far as the human being is [305] concerned, upon the

Đây là những khái niệm sâu kín và khó hiểu, nhưng cần được suy gẫm, và sự phản tỉnh sâu xa sẽ dẫn đến thấu hiểu. Mọi bệnh tật và đau yếu đều là kết quả của hoạt động hoặc bất hoạt động của một trong bảy loại năng lượng khi chúng tác động lên thân thể con người. Mọi bệnh hoạn hồng trần đều xuất hiện từ tác động của các năng lượng bất toàn này khi chúng tác động lên, đi vào và đi xuyên qua các trung tâm trong thân thể. Mọi sự đều tùy thuộc vào tình trạng của bảy trung tâm trong thân thể con người; qua các trung tâm này, các năng lượng vô ngã vận hành, mang theo sự sống, bệnh tật hay cái chết, kích thích những bất toàn trong thân thể hoặc mang lại sự chữa lành cho thân thể. Đối với con người, mọi sự [305] tùy thuộc

condition of the physical body, the age of the soul and the karmic possibilities.

vào tình trạng của thể xác, tuổi của linh hồn và những khả năng nghiệp quả.

I would ask you not to misinterpret the significance of the word "imperfection" which I have used so constantly in relation to the great Beings Who express a divinity unattainable by humanity at any time upon this particular planet. You must bear in mind that this solar system is the second, and that in the first solar system the emphasis was laid upon intelligent materiality; the goal of the highest initiate was to attain complete control over matter, to unfold the mind principle and to evidence a definite materialism. In these so distant aeons that marked attainment, whereas in this solar system it marks defeat for humanity. This system, including all the planets along with our Earth, has a different goal, and the second divine aspect, that of love, has to be manifested, and manifested through the medium of matter impregnated with the qualities developed in system one. What was perfection at that time is not so now. Therefore, the Great Beings which are the sumtotal of all that is, are working through and in substance, which is already tinged or tainted with that which must be left behind and subjected to no further unfoldment.

Tôi muốn yêu cầu các bạn đừng hiểu sai ý nghĩa của từ "bất toàn" mà tôi đã dùng rất thường xuyên liên hệ đến những Đấng Vĩ Đại biểu lộ một thiên tính mà nhân loại không thể đạt tới vào bất kỳ thời điểm nào trên hành tinh đặc thù này. Các bạn phải ghi nhớ rằng hệ mặt trời này là hệ thứ hai, và trong hệ mặt trời thứ nhất, trọng tâm được đặt vào tính vật chất thông tuệ; mục tiêu của điểm đạo đồ cao nhất là đạt được sự kiểm soát hoàn toàn đối với vật chất, khai mở nguyên khí trí tuệ và biểu lộ một chủ nghĩa vật chất rõ rệt. Trong những đại kiếp xa xăm ấy, *điều đó* đánh dấu thành tựu, trong khi ở hệ mặt trời này nó lại đánh dấu sự thất bại đối với nhân loại. Hệ này, gồm tất cả các hành tinh cùng với Trái Đất của chúng ta, có một mục tiêu khác, và phương diện thiêng liêng thứ hai, tức phương diện bác ái, phải được biểu lộ, và được biểu lộ qua trung gian của vật chất đã được thấm nhuần những phẩm tính phát triển trong hệ thứ nhất. Điều từng là hoàn hảo vào thời đó thì nay không còn như vậy nữa. Vì thế, những Đấng Vĩ Đại là tổng thể của tất cả những gì hiện hữu đang hoạt động xuyên qua và trong chất liệu, vốn đã bị nhuốm hay vấy bẩn bởi điều phải bị bỏ lại phía sau và không còn phải chịu bất kỳ sự khai mở nào thêm nữa.

These are the imperfections which we are considering—the seven aspects of intelligent materiality; it is here that disease has its seat and expression. We are told that the physical body is not a principle; in the last solar system it was. In this, the principles are different and it is in the clash between what is and what will be (what wills-to-be) that we have, upon the physical plane, the causes of disease and death. Ponder on these matters and bear in mind that you must see

Đó là những bất toàn mà chúng ta đang xem xét—bảy phương diện của tính vật chất thông tuệ; chính ở đây bệnh tật có chỗ ngự và sự biểu lộ của nó. Chúng ta được bảo rằng thể xác không phải là một nguyên khí; trong hệ mặt trời trước, nó là như vậy. Trong hệ này, các nguyên khí khác đi, và chính trong sự xung đột giữa cái đang là và cái sẽ là (cái muốn-hiện-hữu) mà chúng ta có, trên cõi hồng trần, các nguyên nhân của bệnh tật và cái chết. Hãy suy gẫm về những điều này và

the picture upon a large scale, as large a scale as possible, if there is to be a true understanding of some of the causes of physical ills and disease.

ghi nhớ rằng các bạn phải nhìn bức tranh trên một quy mô lớn, lớn nhất có thể, nếu muốn có sự thấu hiểu chân thực về một số nguyên nhân của đau yếu và bệnh tật hồng trần.

CHAPTER IV - Some Questions Answered — CHƯƠNG IV - Giải Đáp Một Số Câu Hỏi

[306]

Most questions asked by the neophyte would remain unasked if he had more patience and understood better what he was studying. Beginners need to await developments in themselves and expand their consciousness normally under instruction. However, the teacher may invite the asking of questions and for reasons:

1. Because where a group is involved and the members are very intelligent, through their questionings they could make much progress in learning to know and understand each other. Threads of intercourse could be set up which would link them more closely together.

2. Because through the questions, the teacher himself can enter into a closer rapport with the students' viewpoint. For example, myself, and the Western point of view as regards the healing art.

Forget not that I am an Oriental in the last analysis, and such is my background and training. I may know profoundly more about the healing art than you do and about the energies which constitute the human body, but your point of view, your terminologies, and your attitudes of mind are still somewhat foreign to me. Your questions would help me to understand your background and your limitations, and so enable me to aid you with greater intelligence.

[307]

[306]

Phần lớn những câu hỏi do người sơ cơ nêu ra hẳn đã không được hỏi nếu y có nhiều kiên nhẫn hơn và hiểu rõ hơn điều mình đang học. Người mới bắt đầu cần chờ đợi những phát triển trong chính mình và mở rộng tâm thức một cách bình thường dưới sự hướng dẫn. Tuy nhiên, huấn sư có thể mời đặt câu hỏi và vì những lý do sau:

1. Bởi vì khi một nhóm có liên quan và các thành viên rất thông minh, qua việc chất vấn, họ có thể tiến bộ nhiều trong việc học cách biết và thấu hiểu nhau. Những sợi dây giao tiếp có thể được thiết lập để liên kết họ chặt chẽ hơn với nhau.

2. Bởi vì qua các câu hỏi, chính huấn sư cũng có thể đi vào một sự hòa điệu gần gũi hơn với quan điểm của các đạo sinh. Chẳng hạn như bản thân tôi, và quan điểm phương Tây đối với nghệ thuật chữa bệnh.

Đừng quên rằng rốt cuộc tôi là một người Đông phương, và đó là bối cảnh cùng sự đào luyện của tôi. Tôi có thể biết sâu xa hơn các bạn rất nhiều về nghệ thuật chữa bệnh và về những năng lượng cấu thành thân thể con người, nhưng quan điểm, thuật ngữ và thái độ trí tuệ của các bạn vẫn còn phần nào xa lạ đối với tôi. Những câu hỏi của các bạn sẽ giúp tôi hiểu bối cảnh và những giới hạn của các bạn, và nhờ đó giúp tôi có thể trợ giúp các bạn một cách thông tuệ hơn.

[307]

3. Because asking of intelligent questions is the occult method of focussing the mind, of synthesising knowledge, and of becoming aware of the field of inquiry, and of possible expansions of consciousness.

3. Bởi vì việc đặt ra những câu hỏi thông minh là phương pháp huyền bí để tập trung trí tuệ, tổng hợp tri thức, và trở nên nhận biết lĩnh vực khảo cứu cũng như những khả năng mở rộng tâm thức.

On the Nature of Congestion.

Về Bản Chất của Sự Ứ Đọng.

How can I define congestion for you when the understanding of force and energy and their relation to each other in the human body is still as yet an embryonic study? To say that congestion is congealed force is misleading; to say that it is static energy means little; to say that it is irregular or non-rhythmic vibration hardly makes sense. My problem is lack of words and of correct terms in which to carry to you esoteric truth.

Làm sao tôi có thể định nghĩa sự ứ đọng cho các bạn khi sự hiểu biết về mãnh lực và năng lượng cùng mối liên hệ của chúng với nhau trong thân thể con người vẫn còn là một ngành nghiên cứu phôi thai? Nói rằng sung huyết là mãnh lực bị đông đặc thì gây hiểu lầm; nói rằng đó là năng lượng tĩnh tại thì chẳng nói lên được bao nhiêu; nói rằng đó là rung động bất thường hay phi nhịp điệu thì hầu như không có nghĩa. Vấn đề của tôi là thiếu từ ngữ và thuật ngữ chính xác để truyền đạt cho các bạn chân lý huyền bí.

Congestion is perhaps best defined as the arresting of the free flow of the force through the centres or centre and throughout the body. It exists in two forms:

Có lẽ sự ứ đọng được định nghĩa đúng nhất là sự ngăn trở dòng chảy tự do của mãnh lực qua các trung tâm hay trung tâm và khắp cơ thể. Nó tồn tại dưới hai hình thức:

1. That congestion which produces its effect within the centre itself, and therefore and consequently, upon the gland. It is inhibited, either as it pours into the centre (when it does not affect the gland except in a negative sense), or as it leaves it (when its effect will be positive in some way or another). When the difficulty takes place as it pours into the centre, then the energy is thrown back upon its originating source—either the astral or mental bodies—and you have a psychological inhibition. There is no impetus from within to which the allied gland can respond. When the difficulty is in the outlet into the physical body, you will have no free flow of force, the gland related to the centre will be definitely affected, and

Sự ứ đọng gây tác động ngay trong chính trung tâm, và do đó tác động đến tuyến liên hệ với trung tâm ấy. Dòng năng lượng bị cản trở khi đi vào trung tâm (khi ấy, nó chỉ ảnh hưởng đến tuyến theo nghĩa tiêu cực), hoặc khi đi ra khỏi trung tâm (khi ấy, nó sẽ gây tác động tích cực theo cách này hay cách khác). Khi trở ngại xảy ra lúc năng lượng đi vào trung tâm, năng lượng bị dội ngược về nguồn phát sinh của nó—thể cảm dục hoặc thể trí—và các bạn có tình trạng ức chế tâm lý. Không có sự thúc đẩy từ bên trong để tuyến liên hệ có thể đáp ứng. Khi trở ngại nằm ở đường thoát vào thể xác, mãnh lực không thể lưu chuyển tự do; tuyến liên hệ với trung tâm chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng, hoặc bị kích thích quá mức do dòng mãnh

either be overstimulated by the nonrhythmic flow or undernourished. This in turn affects the glandular secretion and later the blood stream.[308]

lực thiếu nhịp điệu, hoặc không được nuôi dưỡng đầy đủ. Điều này đến lượt nó ảnh hưởng đến sự tiết dịch của tuyến, rồi sau đó đến dòng máu.[308]

2. That congestion which takes place as the energy or the life force flows throughout the physical body, and as it flows finds there certain forms of weakness, various diseased areas and regions where its flow is impeded or too rapidly circulated. The flow of energy can be arrested in certain areas and can nourish also diseased areas in the body, or can also cure and cleanse them. A temporary congestion can be of beneficent value as well as a malefic force. This may surprise you?

2. Sự ứ đọng xảy ra khi năng lượng hay sinh lực chảy khắp thể hồng trần, và trong khi chảy, nó gặp ở đó những dạng yếu kém nhất định, những vùng bệnh khác nhau và những khu vực nơi dòng chảy của nó bị cản trở hoặc lưu chuyển quá nhanh. Dòng năng lượng có thể bị ngăn lại ở một số khu vực và cũng có thể nuôi dưỡng những vùng bệnh trong cơ thể, hoặc cũng có thể chữa lành và thanh tẩy chúng. Một sự ứ đọng tạm thời có thể có giá trị hữu ích cũng như là một mãnh lực có hại. Điều này có thể làm các bạn ngạc nhiên chăng?

Again, I have to repeat how vast is the subject with which we are dealing, and all these earlier instructions and the answers which I give to the questions only serve to show how abstruse the matter is. But if you will have patience and will be willing to learn by absorption more than by analysis, you will later discover that you know much —intuitively and discriminately.

Một lần nữa, tôi phải lặp lại rằng chủ đề chúng ta đang bàn đến rộng lớn biết bao, và tất cả những chỉ dẫn ban đầu này cùng những câu trả lời tôi đưa ra cho các câu hỏi chỉ nhằm cho thấy vấn đề này sâu kín đến mức nào. Nhưng nếu các bạn kiên nhẫn và sẵn lòng học bằng sự hấp thụ hơn là bằng phân tích, về sau các bạn sẽ khám phá rằng mình biết được nhiều điều—một cách trực giác và có phân biện.

On Ascertaining the Location of Congestion.

Về Việc Xác Định Vị Trí Sung Huyết.

There are three ways whereby the healer can ascertain the presence and the location of congestion and any other form of difficulty-producing objective disease:

Có ba cách để nhà chữa bệnh có thể xác định sự hiện diện và vị trí của sự ứ đọng cũng như bất kỳ dạng bệnh khách quan gây khó khăn nào khác:

1. There is, first of all, clairvoyance which enables the healer to see visually where the difficulty lies. This form of diagnosis is not always accurate and can be “coloured” by conditions present in the healer himself.

1. Trước hết là thông nhãn, cho phép nhà chữa bệnh thấy bằng thị giác nơi khó khăn nằm ở đâu. Hình thức chẩn đoán này không phải lúc nào cũng chính xác và có thể bị

"nhuốm màu" bởi những điều kiện hiện diện trong chính nhà chữa bệnh.

2. There is a form of direct perception, a process of "clear knowing," which is a soul faculty and infallible, once a person has been rightly trained in its use. It is a blend of mental and spiritual perception and is definite knowledge, or an intuition, if you like, which enables the healer unerringly to put his finger on the place of difficulty and to know its cause, its effect and its end.[309]

2. Có một hình thức tri giác trực tiếp, một tiến trình "biết rõ ràng," là một năng lực của linh hồn và không sai lầm, một khi người ta đã được đào luyện đúng đắn trong việc sử dụng nó. Đó là sự hòa trộn giữa tri giác trí tuệ và tri giác tinh thần, và là tri thức xác định, hay trực giác nếu các bạn muốn gọi như vậy, giúp nhà chữa bệnh xác định chính xác nơi có khó khăn và biết được nguyên nhân, tác động và kết cục của nó.[309]

3. There is also a more physical method, which is based on sensitivity in the lower nature, which enables the healer to register in his own body the same difficulty of which the patient is aware. This is called "occult transference" and should only be employed by those who know how to absorb and to dissipate. In this case, the healer can also feel the cause of the disease through the pouring in of energy to the etheric counterpart of the physical plane disease, or as an extreme emotionalism or sensitive response in the astral counterpart.

3. Cũng có một phương pháp thiên về hồng trần hơn, dựa trên tính nhạy cảm trong bản chất thấp, giúp nhà chữa bệnh ghi nhận trong chính thân thể mình cùng một khó khăn mà bệnh nhân nhận biết. Điều này được gọi là "chuyển dịch huyền bí" và chỉ nên được dùng bởi những ai biết cách hấp thụ và làm tiêu tan. Trong trường hợp này, nhà chữa bệnh cũng có thể cảm nhận nguyên nhân của bệnh qua sự tuôn vào của năng lượng đến đối phần dĩ thái của bệnh trên cõi hồng trần, hoặc như một cảm xúc cực đoan hay một đáp ứng nhạy cảm trong đối phần cảm dục.

On the Dual Cause of Congestion.

Về Nguyên Nhân Kép của Sự ứ đọng.

Let me make one or two concise statements and then explain. First, subjective condition alone cannot cause an outer congestion. The soul has arranged to express itself through the medium of a body which has certain predispositions.

Hãy để tôi đưa ra một hay hai phát biểu ngắn gọn rồi giải thích. Thứ nhất, chỉ riêng điều kiện chủ quan *không thể* gây ra một sự ứ đọng bên ngoài. Linh hồn đã sắp đặt để biểu lộ qua trung gian của một thân thể có những *khuynh hướng sẵn có* nhất định.

Second, the subjective is a causative factor when in collaboration with the inherited tendencies of the physical body; therefore, all congestion cannot be avoided, for the subjective life determines the condition and the physical body is predisposed to certain

Thứ hai, yếu tố chủ quan là một nhân tố gây ra khi nó cộng tác với những xu hướng di truyền của thể xác; vì vậy, không phải mọi sự ứ đọng đều có thể tránh được, bởi vì đời sống chủ quan quyết định tình trạng và thể xác có khuynh hướng sẵn đối với một số bệnh nhất

diseases. This is the will of the soul. Might I point out that at this stage of human evolution, no subjective conditions are ever right?

định. Đây là ý chí của linh hồn. Tôi có thể chỉ ra rằng ở giai đoạn tiến hóa hiện nay của nhân loại, không có điều kiện chủ quan nào là hoàn toàn đúng chăng?

Third, an outer condition alone cannot be a causative factor. If I am right in my major premises (and this the new and coming science will prove), then the observations of the medical world will need to be readjusted to the facts. The causative factor exists in the meeting of the inner and the outer existing factors.

Thứ ba, chỉ riêng một điều kiện bên ngoài không thể là một nhân tố gây ra. Nếu những tiền đề chính của tôi là đúng (và khoa học mới đang đến sẽ chứng minh điều này), thì những quan sát của giới y khoa sẽ cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với các sự kiện. Nhân tố gây ra tồn tại trong sự gặp gỡ giữa các yếu tố hiện hữu bên trong và bên ngoài.

Let me make the matter a little clearer, for confusion may be caused by the idea that disease is the result of two causes—an inner cause and an outer cause. The subjective [310] situation is the initiating cause. Some psychological factor, leading to a wrong use of energy, sets in motion those inner tendencies which find their way out, as vital determining factors, on to the physical plane. There they come into contact with the physical body or expression which has certain predispositions, certain inherited weaknesses, certain glandular deficiencies—all of which were part of the needed equipment whereby the soul determined that certain needed lessons should he mastered. The relation established between the outer and the inner forces is the basic cause (expressing itself in two causes) which produces some form of disease. It is again the negative and the positive aspects brought into a relation which produces a third factor: the manifestation of some form of disease.

Hãy để tôi làm cho vấn đề sáng tỏ hơn một chút, vì có thể nảy sinh sự lẫn lộn từ ý tưởng cho rằng bệnh tật là kết quả của *hai* nguyên nhân—một nguyên nhân bên trong và một nguyên nhân bên ngoài. Tình huống chủ quan [310] là nguyên nhân khởi phát. Một yếu tố tâm lý nào đó, dẫn đến việc sử dụng sai năng lượng, khởi động những xu hướng bên trong tìm đường thoát ra, như những yếu tố quyết định sinh động, lên cõi hồng trần. Ở đó chúng tiếp xúc với thể xác hay sự biểu lộ có những khuynh hướng sẵn có nhất định, những yếu kém di truyền nhất định, những thiếu hụt tuyến nhất định—tất cả đều là một phần của trang bị cần thiết nhờ đó linh hồn quyết định rằng một số bài học cần thiết phải được lĩnh hội. Mối liên hệ được thiết lập giữa các mãnh lực bên ngoài và bên trong là nguyên nhân căn bản (biểu lộ thành hai nguyên nhân) tạo ra một dạng bệnh nào đó. Một lần nữa, đó là các phương diện âm và dương được đặt vào một mối liên hệ tạo ra yếu tố thứ ba: sự biểu lộ của một dạng bệnh nào đó.

If you speak of perfect physical conditions, I know of no such conditions or of any physical body or physical environment to which such a term could be applied. There must be both the inner psychological

Nếu các bạn nói về những điều kiện hồng trần hoàn hảo, tôi không biết có điều kiện như thế nào, hay có thể xác hay môi trường hồng trần nào mà thuật ngữ ấy có thể áp dụng được. Phải có cả tình huống và nguyên

situation and cause, which is the subjective reality (on a tiny scale), and the outer physical condition, manifesting as a weakness or as imperfections; these, in their turn, are a tendency from a previous life, a predisposition, an hereditary lesion or a latent difficulty, based on earlier life interests or malpractice. Bring these two major determining factors together and—under the law—you will inevitably have some visible manifestation of physical disease or difficulty; this can be serious or relatively unimportant; it can be dangerous to life or capable of providing only temporary discomfort. No outer condition alone is adequate to produce disease, but the difficulty is that modern medicine does not yet permit the hypothesis of hidden cause except those superficial ones such as, for instance, that worry and intense anxiety can aggravate existing heart trouble. It does not yet permit of those factors which trace back to an earlier life. In the case of contagious [311] diseases, the inner cause is of group origin, and has therefore an outer group effect and is an expression of group karma. The difficulty of the matter is consequently great.

nhân tâm lý bên trong, vốn là thực tại chủ quan (trên một quy mô nhỏ bé), lẫn điều kiện hồng trần bên ngoài, biểu lộ như một sự yếu kém hay những bất toàn; đến lượt chúng, đây là một xu hướng từ kiếp trước, một khuynh hướng sẵn có, một tổn thương di truyền hay một khó khăn tiềm ẩn, dựa trên những mối quan tâm hay sự lạm dụng trong đời sống trước. Hãy đưa hai yếu tố quyết định chính này lại với nhau và—dưới định luật—các bạn tất yếu sẽ có một biểu hiện hữu hình nào đó của bệnh tật hay khó khăn hồng trần; nó có thể nghiêm trọng hoặc tương đối không quan trọng; có thể nguy hiểm đến tính mạng hoặc chỉ gây ra sự khó chịu tạm thời. Không một điều kiện bên ngoài nào tự nó đủ để gây ra bệnh, nhưng khó khăn là ở chỗ y học hiện đại chưa cho phép giả thuyết về nguyên nhân ẩn kín ngoại trừ những nguyên nhân hời hợt như chẳng hạn lo lắng và âu sầu dữ dội có thể làm trầm trọng thêm chứng bệnh tim sẵn có. Nó chưa chấp nhận những yếu tố truy ngược về một đời sống trước. Trong trường hợp các bệnh truyền nhiễm [311], nguyên nhân bên trong có nguồn gốc nhóm, và do đó có một tác động nhóm bên ngoài và là biểu hiện của nghiệp quả nhóm. Vì vậy, sự khó khăn của vấn đề là rất lớn.

There must be, as you perceive, two existing factors, and these, when related and stimulated, produce the appearance of disease. It should be remembered that the question of the soul's choosing of a body and the type of vehicle wherein certain types of lessons can be learned and certain educative experiences mastered, is a little-understood theme. In connection with this, I would remind you that disease is often a mode of clearance and ultimately beneficent in its effects. It is the working out into manifestation of an inner undesirable factor, and when the inner and the outer causes are brought out into the clear light of

Như các bạn thấy, phải có hai yếu tố hiện hữu, và những yếu tố này, khi được liên hệ và kích thích, sẽ tạo ra sự xuất hiện của bệnh tật. Cần nhớ rằng vấn đề linh hồn chọn một thân thể và loại vận cụ trong đó một số loại bài học có thể được học và một số kinh nghiệm giáo dục có thể được lĩnh hội, là một chủ đề ít được hiểu. Liên hệ với điều này, tôi muốn nhắc các bạn rằng bệnh tật thường là một phương thức thanh lọc và rốt cuộc có tác dụng hữu ích. Nó là sự triển khai vào biểu hiện của một yếu tố không mong muốn bên trong, và khi các nguyên nhân bên trong và bên ngoài được đưa ra ánh sáng ban ngày rõ ràng, chúng có thể được xử lý, được thấu

day they can be handled, understood and often dissipated and ended through the tribulation of disease and suffering. But this is a hard saying.

hiểu và thường được làm tiêu tan và chấm dứt qua sự thử thách của bệnh tật và đau khổ. Nhưng đây là một lời khó chấp nhận.

On Certain Types of Disease.

Về Một Số Loại Bệnh.

Arthritis and diabetes are both diseases which have their origin in the astral body, but if I might put it so inadequately, arthritis is primarily more objective than diabetes, being the result of the satisfaction of physical desire as it expresses itself through food, either in this life or the previous one. There would be little or no arthritis if the race ate with correctness and understood the proper food values and effects. Diabetes is more definitely the result of wrong inner desires, and is not so definitely the result of wrong outer desires. These may originate in this life, as I have said above, or be inherited from a previous existence. In this latter case, the incarnating soul chooses a family in which to be born, which will endow it with a body having a tendency or a natural predisposition to this disease.

Viêm khớp và tiểu đường đều là những bệnh có nguồn gốc trong thể cảm dục, nhưng nếu tôi có thể diễn đạt một cách chưa đầy đủ như vậy, thì viêm khớp chủ yếu khách quan hơn tiểu đường, vì nó là kết quả của sự thỏa mãn ham muốn thể xác khi biểu lộ qua thức ăn, hoặc trong đời này hoặc trong đời trước. Sẽ có rất ít hoặc không có viêm khớp nếu nhân loại ăn uống đúng đắn và hiểu được giá trị cũng như tác động thích hợp của thực phẩm. Tiểu đường rõ ràng hơn là kết quả của những ham muốn *bên trong* sai lầm, và không rõ rệt bằng là kết quả của những ham muốn *bên ngoài* sai lầm. Những điều này có thể phát sinh trong đời này, như tôi đã nói ở trên, hoặc được thừa hưởng từ một kiếp sống trước. Trong trường hợp sau, linh hồn nhập thể chọn một gia đình để sinh ra, gia đình ấy sẽ ban cho nó một thân thể có khuynh hướng hay một thiên hướng tự nhiên đối với căn bệnh này.

[312]

[312]

There lies here a vast field of investigation; isolation must be made of the types which easily fall a prey to certain group diseases.

Ở đây có một lĩnh vực khảo cứu rộng lớn; cần phải cô lập những kiểu người dễ trở thành nạn nhân của một số bệnh nhóm nhất định.

Syphilis and arthritis fall into the category of diseases which are largely based upon the satisfaction of physical desire. Cancer and diabetes are more definitely in the class of diseases which are connected with inner emotional desires and the violent suppressed wish-life of many. The infectious diseases, such as measles and scarlet fever,

Giang mai và viêm khớp thuộc loại bệnh phần lớn dựa trên sự thỏa mãn ham muốn thể xác. Ung thư và tiểu đường rõ ràng hơn thuộc loại bệnh liên hệ với những ham muốn cảm xúc bên trong và đời sống ham muốn bị dồn nén mãnh liệt của nhiều người. Những bệnh truyền nhiễm, như sởi và ban đỏ, đậu mùa hay dịch tả, kỳ lạ thay, rõ ràng là

smallpox or cholera are, curiously enough, definitely group diseases and are definitely allied with the mental nature. This will surprise you but so it is.

những bệnh nhóm và rõ ràng liên hệ với bản chất trí tuệ. Điều này sẽ làm các bạn ngạc nhiên nhưng đúng là như vậy.

A student with some insight into occult causes might suppose that when people are changing their focus of attention from the physical nature to the emotional, or from the emotional to the mental, that they become liable to acquire the ancient diseases, such as syphilis and cancer, which the Lemurians acquired. This is not so.

Một đạo sinh có chút thấu suốt về các nguyên nhân huyền bí có thể cho rằng khi con người đang chuyển trọng tâm chú ý của mình từ bản chất hồng trần sang cảm xúc, hoặc từ cảm xúc sang trí tuệ, thì họ trở nên dễ mắc những bệnh cổ xưa như giang mai và ung thư, những bệnh mà người Lemuria đã mắc phải. Điều này không đúng.

I would remind you that people do not incur these diseases because they made a shift in their consciousness, but through misuse of certain God-given powers. The shift in awareness and the disease are not remotely related to each other. I would remind you, as well, that today people are a blend of the three states of energy which we call physical, emotional and mental, which are the Lemurian, the Atlantean and the Aryan states of consciousness. Scarcely anyone today is a pure type, i.e., predominantly one or the other. They are usually a mixture of all three. You will find it difficult to find a person or a patient "changing his focus of attention from physical to emotional." He will be either emotional or mental, and at brief times, and from a purely physiological standpoint, physical. The clearest lines of demarcation are to be seen in the case of disciples who are definitely and consciously endeavouring to [313] shift their focus of attention on to the mental plane. Nevertheless, they live predominantly in a region which we call kama-manasic, which means both astral and mental. It is an intermediate level of consciousness. Only broad generalisations are therefore possible. Such a generalisation is that syphilitic conditions are more generally physical in

Tôi muốn nhắc các bạn rằng con người không mắc những bệnh này vì họ đã chuyển dịch tâm thức của mình, mà vì lạm dụng một số quyền năng do Thượng đế ban cho. Sự chuyển dịch trong nhận biết và bệnh tật không hề có liên hệ gần xa nào với nhau. Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng ngày nay con người là sự pha trộn của ba trạng thái năng lượng mà chúng ta gọi là hồng trần, cảm xúc và trí tuệ, tức các trạng thái tâm thức Lemuria, Atlantis và Arya. Hầu như không ai ngày nay là một kiểu thuần túy, nghĩa là chủ yếu chỉ là một trong ba loại ấy. Họ thường là một hỗn hợp của cả ba. Các bạn sẽ thấy khó tìm được một người hay một bệnh nhân "đang chuyển trọng tâm chú ý từ hồng trần sang cảm xúc." Y sẽ hoặc là cảm xúc hoặc là trí tuệ, và trong những lúc ngắn ngủi, và từ quan điểm thuần túy sinh lý học, là hồng trần. Những ranh giới phân định rõ nhất được thấy trong trường hợp các đệ tử đang rõ ràng và có ý thức nỗ lực [313] chuyển trọng tâm chú ý của mình lên cõi trí. Tuy nhiên, họ sống chủ yếu trong một vùng mà chúng ta gọi là trí-cảm, nghĩa là vừa cảm dục vừa trí tuệ. Đó là một cấp độ tâm thức trung gian. Vì vậy, chỉ có thể đưa ra những khái quát rộng. Một khái quát như vậy là các tình trạng giang mai nói chung có nguồn gốc hồng trần hơn là ung thư. Không thể có

their origin than cancer. Clear lines of demarcation are not possible, and you must always remember that certain diseases may work out in a particular incarnation which have their origin in a very distant past; the seeds of the condition have lain dormant in the so-called permanent atom for ages. They may not be rooted in the tenor or quality of the present life at all. Suddenly they spring to life and influence the present incarnation, and incidentally, proffer opportunity for release.

những ranh giới phân định rõ ràng, và các bạn phải luôn nhớ rằng một số bệnh có thể biểu lộ trong một lần lâm phàm đặc thù nhưng có nguồn gốc từ một quá khứ rất xa; những hạt giống của tình trạng ấy đã nằm ngủ yên trong cái gọi là Nguyên tử trường tồn qua nhiều thời đại. Chúng có thể hoàn toàn không bắt rễ trong sắc thái hay phẩm tính của đời sống hiện tại. Đột nhiên chúng bừng sống dậy và ảnh hưởng đến lần lâm phàm hiện tại, đồng thời trao ra cơ hội giải thoát.

On Fever.

Về Cơn Sốt.

Fever is simply indication of trouble and is a basic way of purification and of elimination. It is an indicator and not a disease in itself. Ponder on this, and apply it on all planes, for physical plane fever has its astral and mental counterparts. It is overexcessive energy which burns up and, in burning, relieves and cures (either through the subjugation of the germ or group of energies which caused it or by the releasing power of death). Where possible, and when the physical body is strong enough to stand the strain, it is well to let the fever have its way for a time, for it is nature's cure of certain undesirable conditions. Fevers not only give warning of the presence of that which causes distress, but have in themselves definite therapeutic value. But careful watching and balancing will be required—balancing against the energies of the body. Whilst the fever is rampant, the body is rendered relatively futile, and its normal activities are affected. As to the cure and the correct [314] treatment of fevers, much is known by the orthodox medical profession, and this knowledge will suffice until such time as the causes of fevers are better understood and physicians can work with the cause and not with the effect.

Sốt chỉ đơn giản là dấu hiệu của rối loạn và là một phương thức căn bản của sự thanh lọc và đào thải. Nó là một chỉ báo chứ không phải là bệnh tự thân. Hãy suy gẫm điều này, và áp dụng nó trên mọi cõi, vì cơn sốt trên cõi hồng trần có những đối phần cảm dục và trí tuệ của nó. Đó là năng lượng quá mức đang thiêu đốt và, trong khi thiêu đốt, làm nhẹ bớt và chữa lành (hoặc bằng cách khuất phục mầm bệnh hay nhóm năng lượng đã gây ra nó, hoặc bằng quyền năng giải thoát của cái chết). Khi có thể, và khi thể xác đủ mạnh để chịu được sự căng thẳng, thì nên để cơn sốt diễn tiến theo cách của nó trong một thời gian, vì đó là phương thuốc của thiên nhiên đối với một số tình trạng không mong muốn. Sốt không chỉ cảnh báo về sự hiện diện của điều gây đau đớn, mà còn tự thân có giá trị trị liệu rõ rệt. Nhưng sẽ cần sự theo dõi và quân bình cẩn trọng—quân bình với các năng lượng của cơ thể. Trong khi cơn sốt đang hoành hành, cơ thể trở nên tương đối vô dụng, và các hoạt động bình thường của nó bị ảnh hưởng. Về việc chữa trị và điều trị đúng đắn [314] các cơn sốt, giới y khoa chính thống đã biết nhiều, và tri thức này sẽ đủ dùng cho đến khi các nguyên nhân của sốt được hiểu rõ hơn và các y sĩ có thể làm việc

với nguyên nhân chứ không phải với hậu quả.

Over-emotionalism is an astral correspondence of physical fever and indicates a rampant germ of desire which must be dealt with before the fever can subside. An overactive mind which is ill-regulated, very busy but futile in accomplishment, is the mental correspondence.

Sự quá cảm xúc là một tương ứng cảm dục của cơn sốt hồng trần và chỉ ra một mầm dục vọng đang hoành hành, cần phải được xử lý trước khi cơn sốt có thể lắng xuống. Một trí tuệ quá hoạt động nhưng điều hành kém, rất bận rộn nhưng vô ích trong thành tựu, là tương ứng trí tuệ.

On the Cure of Cancer.

Về Việc Chữa Trị Ung Thư.

In all disease of malignant nature, there is a vital core or a living spot of energy which is absorbing, slowly or quickly, as the case may be, the life force in the man. In the early stages of such a disease as cancer, the vital core is not found until the malignant condition is established so potently that it is exceedingly difficult to do anything helpful. Yet the cure is only possible in these early developments and then the cure can be effected, but only again if the will of the patient is invoked. Little can be done in cancer cases unless there is the intelligent cooperation of the one to be healed, for the only method (which I may later elaborate) is to blend the directed will of the patient and of the healing group together into one functioning unit of force. When this has been done, then the invoked and concentrated energy will follow thought, under the ancient law, and so stimulate the area surrounding the cancer (that is, the healthy tissue) that the absorption of the weakened, diseased tissue by the stronger tissue can take place. If the energy is directed to the cancer itself, the cancerous condition will be stimulated and the trouble many times increased. The curing of cancer in the early stages falls therefore into two parts: [315]

Trong mọi bệnh có tính ác tính, có một lõi sinh lực hay một điểm năng lượng sống đang hấp thụ, chậm hay nhanh tùy trường hợp, sinh lực trong con người. Trong các giai đoạn đầu của một bệnh như ung thư, lõi sinh lực không được tìm thấy cho đến khi tình trạng ác tính đã được thiết lập mạnh đến mức cực kỳ khó làm được điều gì hữu ích. Tuy nhiên, sự chữa trị chỉ có thể thực hiện được trong những giai đoạn phát triển đầu này, và khi ấy việc chữa trị có thể được thực hiện, nhưng một lần nữa chỉ khi ý chí của bệnh nhân được khơi dậy. Không thể làm được nhiều trong các trường hợp ung thư trừ phi có sự hợp tác thông tuệ của người được chữa lành, vì phương pháp duy nhất (mà sau này tôi có thể trình bày thêm) là dung hợp ý chí có định hướng của bệnh nhân và của nhóm chữa bệnh lại với nhau thành một đơn vị mãnh lực đang hoạt động. Khi điều này đã được thực hiện, thì năng lượng được khẩn cầu và tập trung sẽ đi theo tư tưởng, theo định luật cổ xưa, và như vậy kích thích vùng bao quanh khối ung thư (tức mô lành mạnh) đến mức sự hấp thụ mô bệnh yếu kém bởi mô mạnh hơn có thể diễn ra. Nếu năng lượng được hướng vào chính khối ung thư, tình trạng ung thư sẽ bị kích thích và rối loạn sẽ tăng lên gấp nhiều lần. Vì

vậy, việc chữa trị ung thư trong các giai đoạn đầu gồm hai phần: [315]

1. The stimulating of the healthy tissue.

1. Kích thích mô lành mạnh.

2. The building in of new tissue to replace the diseased tissue which is being gradually absorbed and driven out.

2. Xây dựng mô mới để thay thế mô bệnh đang dần dần bị hấp thụ và bị đẩy ra ngoài.

Cancer always makes its appearance before there is transmutation of the emotional force, for the reason that there are few disciples (and therefore still fewer of the ordinary and majority of people) who have so transmuted emotion. This condition of freedom from emotion is so seldom to be found that—at this stage of the world's history—it may be said that it does not exist.

Ung thư luôn xuất hiện trước khi có sự chuyển hoá mãnh lực cảm xúc, vì lý do là có rất ít đệ tử (và do đó còn ít hơn nữa trong số những người bình thường và đa số nhân loại) đã chuyển hoá cảm xúc đến mức ấy. Tình trạng giải thoát khỏi cảm xúc này hiếm đến nỗi—ở giai đoạn hiện nay của lịch sử thế giới—có thể nói rằng nó không tồn tại.

No one who is an integrated and actively functioning person is ever as prone to such a disease as cancer, or any disease, as is the emotional type; he is far more prone to heart trouble. A full active life prevents such a disease as cancer, but not always. As the forces of life run more slowly, as old age creeps on, cancer often appears, proving the truth of my primary contention. In days such as these, wherein cancer is the second great agent of destruction and mortality (and if I am right that cancer is a planetary disease), then almost anyone is liable to it. Fear is the great predisposing factor. Inertia and emotionalism are, likewise.

Không ai là một người tích hợp và hoạt động tích cực lại dễ mắc một bệnh như ung thư, hay bất kỳ bệnh nào, bằng kiểu người cảm xúc; y dễ mắc bệnh tim hơn nhiều. Một đời sống đầy đủ và năng động ngăn ngừa một bệnh như ung thư, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Khi các mãnh lực sự sống vận hành chậm hơn, khi tuổi già dần đến, ung thư thường xuất hiện, chứng minh tính đúng đắn của luận điểm căn bản của tôi. Trong những ngày như hiện nay, khi ung thư là tác nhân lớn thứ hai của sự hủy diệt và tử vong (và nếu tôi đúng rằng ung thư là một bệnh hành tinh), thì hầu như bất cứ ai cũng có thể mắc nó. Sợ hãi là yếu tố quan trọng nhất khiến con người dễ mắc bệnh. Tính trì trệ và tính cảm xúc cũng vậy.

On Dementia Praecox.

Về Chứng Sa Sút Tâm Thần Sớm.

What is dementia praecox? Does the phenomenon evidence a family group tradition? Is there any clue in the fact that it first manifests itself in early adolescence? Is

Chứng sa sút tâm thần sớm là gì? Hiện tượng này có biểu lộ một truyền thống nhóm gia đình không? Có đầu mối nào trong sự kiện rằng nó lần đầu biểu lộ vào đầu tuổi thiếu

the general practitioner correct in placing it in the category of hopeless cases? These and similar questions are constantly asked by students and practitioners of healing.

niên không? Vị bác sĩ đa khoa có đúng khi xếp nó vào loại vô phương cứu chữa không? Những câu hỏi này và những câu hỏi tương tự liên tục được các đạo sinh và người hành nghề chữa bệnh nêu ra.

These forms of physical diseases which come under the general head of insanities are far more abstruse than is generally [316] realised. From the standpoint of the esotericist, they fall into the following relatively simple categories:

Những dạng bệnh hồng trần này, thuộc đầu đề chung là điên loạn, sâu kín hơn nhiều so với điều thường được [316] nhận ra. Từ quan điểm của nhà bí truyền học, chúng thuộc vào các loại tương đối đơn giản sau đây:

1. Those where the difficulty is due to the breaking down of the brain tissue. Far more of these are definitely syphilitic in origin than is generally admitted, and I would remind you that, occultly speaking, that would naturally be the case, for the physical sex organs are a lower correspondence of the negative-positive relation existing in the brain between the two head centres and the pituitary and pineal glands.

1. Những trường hợp mà khó khăn là do mô não bị suy thoái. Nhiều trường hợp trong số này rõ ràng có nguồn gốc giang mai hơn là điều thường được thừa nhận, và tôi muốn nhắc các bạn rằng, xét theo huyền bí học, điều đó tự nhiên là như vậy, vì các cơ quan sinh dục hồng trần là một tương ứng thấp của mối liên hệ âm-dương tồn tại trong não giữa hai trung tâm đầu và các tuyến yên, tuyến tùng.

2. Those where the difficulty is due to the overstimulation of the brain cells by some forms of energy which overbalance other forms and produce certain serious forms of insanity.

2. Những trường hợp mà khó khăn là do các tế bào não bị kích thích quá mức bởi một số dạng năng lượng làm mất quân bình các dạng khác và tạo ra một số dạng điên loạn nghiêm trọng.

3. Those where there is no real physical difficulty, no lesions or diseased tissues, but simply a loose connection between the etheric body and the dense physical vehicle. Then obsession or possession can occur. Such cases are frequently (I might say, usually) regarded by the orthodox psychiatrist and medical man as forms of insanity; yet they are not truly so. If the afflicted person can be put again "in possession of himself" by some understanding psychologist, and this is entirely possible, then the trouble is ended. There is a pronounced tendency among the

3. Những trường hợp không có khó khăn hồng trần thực sự, không có tổn thương hay mô bệnh, mà chỉ đơn giản là một mối liên kết lỏng lẻo giữa thể dĩ thái và vận cụ hồng trần đậm đặc. Khi đó có thể xảy ra ám nhập hay bị chiếm hữu. Những trường hợp như vậy thường xuyên (tôi có thể nói là thường là) bị nhà tâm thần học và bác sĩ y khoa chính thống xem là các dạng điên loạn; tuy nhiên, thực ra chúng không phải như vậy. Nếu người bị nạn có thể được một nhà tâm lý học thấu hiểu nào đó giúp đưa trở lại "quyền làm chủ chính mình," và điều này hoàn toàn có thể, thì rối loạn sẽ chấm dứt.

most forward-looking psychologists today, to handle these cases on the hypothesis which I have posited, and that is a definite improvement.

Ngày nay, trong số những nhà tâm lý học có tầm nhìn tiến bộ nhất, có một khuynh hướng rõ rệt là xử lý những trường hợp này theo giả thuyết mà tôi đã nêu ra, và đó là một sự cải thiện rõ ràng.

4. Those wherein certain hereditary forms of mental imbalance occur. These forms of imbalance are caused by happenings in other lives and are in the nature of punishment or retributive karma. To bring this about, the soul deliberately chooses for a physical vehicle that form which will have in it certain inherited taints, driven [317] thereto by the Lords of Karma when the soul is unable to grip its vehicle—as is the case in the unevolved; or with purpose and intent, when the body can be under soul direction because highly evolved. I am not listing these different forms of insanity or imbalance under the various headings, as the theme is too complicated, and often there are several predisposing factors, and often only indications of trouble which may never come to anything serious. I am only giving the categories, leaving to the research scholar the task of eventually listing symptoms and assigning due cause, after much experimental work. That time is only just arriving.

4. Những trường hợp trong đó xuất hiện một số dạng mất quân bình trí tuệ có tính di truyền. Những dạng mất quân bình này do các biến cố trong những kiếp sống khác gây ra và thuộc bản chất của sự trừng phạt hay nghiệp quả báo ứng. Để tạo ra điều này, linh hồn cố ý chọn làm vận cụ hồng trần hình tướng nào sẽ mang trong nó một số ô nhiễm di truyền nhất định, bị các Đấng Nghiệp Quả thúc đẩy [317] làm như vậy khi linh hồn không thể nắm giữ vận cụ của mình—như trường hợp của những người chưa tiến hoá; hoặc với mục đích và chủ ý, khi thể xác có thể ở dưới sự chỉ đạo của linh hồn vì đã tiến hoá cao. Tôi không liệt kê các dạng điên loạn hay mất quân bình khác nhau này dưới các đề mục khác nhau, vì chủ đề này quá phức tạp, và thường có nhiều yếu tố khuynh hướng phối hợp, và thường chỉ có những dấu hiệu rối loạn có thể không bao giờ dẫn đến điều gì nghiêm trọng. Tôi chỉ nêu ra các loại, để lại cho học giả nghiên cứu nhiệm vụ sau này là liệt kê các triệu chứng và quy định nguyên nhân thích đáng, sau nhiều công trình thực nghiệm. Thời điểm đó chỉ mới vừa đến.

5. Those in which the mind is unduly fixed and static and controls the brain so unreasonably that there seems only one point of view, one attitude to life, and no fluidity and capability of adjustment. Such individuals may suffer, for instance, from what is called idée fixe, or they may be completely the victim of some obsessing mental thought. Such mental obsessions can range all the way from a mild fanaticism to religious mania, with its accompanying

5. Những trường hợp trong đó trí tuệ bị cố định và tĩnh tại quá mức, kiểm soát bộ não một cách phi lý đến nỗi dường như chỉ có một quan điểm, một thái độ đối với cuộc sống, và không có sự linh động hay khả năng thích ứng. Chẳng hạn, những cá nhân như thế có thể mắc điều được gọi là *idée fixe*, hoặc họ có thể hoàn toàn là nạn nhân của một ý nghĩ trí tuệ ám ảnh nào đó. Những ám ảnh trí tuệ như thế có thể trải dài từ một thứ cuồng tín nhẹ cho đến chứng loạn trí tôn

characteristics of sadism, ruthlessness and general morbidity.

giáo, với các đặc tính đi kèm là tính bạo dâm, sự tàn nhẫn và trạng thái bệnh hoạn nói chung.

Dementia praecox comes under the first and the fourth groupings and is a blend, usually, of the factors descriptive of both. It is inherited in every case and, if not apparently physically so, is then based on inherited astral conditions, which in their turn aid in determining the physical condition. It is syphilitic in origin (often carried over from another life) and is, in this particular life, quite incurable.

Chứng sa sút tâm thần sớm thuộc vào nhóm thứ nhất và thứ tư, và thường là một sự pha trộn của các yếu tố mô tả cả hai. Trong mọi trường hợp, nó đều có tính di truyền và, nếu bề ngoài không phải là di truyền về mặt thể xác, thì khi đó nó dựa trên các điều kiện cảm dục di truyền, mà đến lượt chúng lại giúp quyết định tình trạng thể xác. Nó có nguồn gốc giang mai (thường được mang qua từ một kiếp sống khác) và, trong kiếp sống đặc biệt này, hoàn toàn không thể chữa khỏi.

Its sexual basis is demonstrated by the fact that it manifests itself in early adolescence. The patient can, however, be greatly helped, in the early stages, if the symptoms are duly recognised and his thought life directed, and the [318] dynamic effectiveness of new interests is employed. A spiritual motivation and like interests can sometimes retard the development of the disease; where this is the case and the matter is handled from early life onwards, the worst climaxes can be obviated. To the extent that the patient intelligently tries to help himself, and is protected also by the intelligent care of the physician, he can offset the trouble a great deal, and particularly as far as its repetition in another life is concerned.

Cơ sở tính dục của nó được chứng minh bởi sự kiện là nó biểu lộ vào đầu tuổi thiếu niên. Tuy nhiên, bệnh nhân có thể được giúp đỡ rất nhiều trong các giai đoạn đầu, nếu các triệu chứng được nhận ra đúng mức và đời sống tư tưởng của y được hướng dẫn, và nếu hiệu quả năng động [318] của những mối quan tâm mới được sử dụng. Một động cơ tinh thần và những mối quan tâm tương tự đôi khi có thể làm chậm sự phát triển của bệnh; khi đúng như vậy và vấn đề được xử lý từ đầu đời trở đi, những cao trào tệ hại nhất có thể được ngăn tránh. Trong chừng mực bệnh nhân cố gắng một cách thông minh để tự giúp mình, và cũng được bảo vệ bởi sự chăm sóc thông minh của vị y sĩ, y có thể hóa giải rắc rối này rất nhiều, đặc biệt là liên quan đến sự tái diễn của nó trong một kiếp sống khác.

Many of these problems are intrinsically tied up with the past, and until the laws which govern rebirth are given to the world it is difficult for me even to explain the processes governing physical inheritance, karmic results, and also what is called retributive karma. The recognition of the subtler forms of disease, and the aid of the psychologist in

Nhiều vấn đề trong số này tự bản chất gắn chặt với quá khứ, và cho đến khi các định luật chi phối sự tái sinh được ban ra cho thế gian thì ngay cả việc giải thích các tiến trình chi phối sự di truyền thể xác, các kết quả nghiệp quả, và cả điều được gọi là nghiệp quả báo ứng, đối với tôi cũng khó khăn. Sự nhận biết các dạng bệnh tinh tế hơn, và sự

collaboration with orthodox medicine (which undoubtedly has its place, as, for instance, in the administration of glandular correctives), plus right hygienic handling from childhood onward, will accomplish much and gradually stamp out the mental and brain diseases which are today so numerous and so distressing.

trợ giúp của nhà tâm lý học trong sự cộng tác với y học chính thống (vốn chắc chắn có chỗ đứng của nó, như chẳng hạn trong việc sử dụng các chất điều chỉnh tuyến nội tiết), cộng với sự chăm sóc vệ sinh đúng đắn từ thời thơ ấu trở đi, sẽ hoàn thành được nhiều điều và dần dần xóa bỏ các bệnh tâm thần và não bộ hiện nay quá nhiều và quá đau khổ.

On Euthanasia.

Về việc làm chết êm dịu.

Some students are concerned over the organised effort to legalise euthanasia, and wonder about the placing of power of life and death in the hands of the physician. At the same time, they are aware that there is involved also the humane factor, in cases where no surcease can be given to prolonged suffering. To them I would say:

Một số đạo sinh quan tâm đến nỗ lực có tổ chức nhằm hợp pháp hóa việc làm chết êm dịu, và băn khoăn về việc đặt quyền sinh tử vào tay vị y sĩ. Đồng thời, họ ý thức rằng cũng có yếu tố nhân đạo liên quan, trong những trường hợp không thể làm giảm bớt sự đau khổ kéo dài. Với họ tôi xin nói:

The problem which a consideration of the proposed practice of euthanasia involves will not exist when continuity of consciousness (which negates death) is achieved. That means that the time will come, in the racial development, when the soul will know that its term of physical [319] life is over and will prepare itself to withdraw, in full consciousness, from the form. It will know that the service of the form is no longer required and that it must be discarded. It will know that its sense of awareness, being focussed in the mind nature, is strong enough and vital enough to carry it through the process and the episode of abstraction. When that consciousness has been developed in man, and the process has come to be recognised by the medical profession and the scientific students of the human mechanism, then the whole attitude to death and its processes, involving as they do pain and suffering, will be altered materially. Then the man whose time has come to die may avail himself of certain

Vấn đề mà việc xem xét thực hành được đề nghị về làm chết êm dịu bao hàm sẽ không còn tồn tại khi sự liên tục của tâm thức (điều vô hiệu hóa cái chết) được đạt đến. Điều đó có nghĩa là sẽ đến lúc, trong sự phát triển của nhân loại, linh hồn sẽ biết rằng thời hạn của đời sống hồng trần [319] của mình đã chấm dứt và sẽ tự chuẩn bị để rút ra, trong đầy đủ tâm thức, khỏi hình tướng. Nó sẽ biết rằng sự phụng sự của hình tướng không còn cần thiết nữa và rằng nó phải bị loại bỏ. Nó sẽ biết rằng cảm thức nhận biết của nó, được tập trung trong bản chất trí tuệ, đủ mạnh và đủ sinh động để đưa nó vượt qua tiến trình và giai đoạn trừu xuất. Khi tâm thức đó đã được phát triển nơi con người, và tiến trình này được giới y khoa cùng các nhà nghiên cứu khoa học về bộ máy con người công nhận, thì toàn bộ thái độ đối với cái chết và các tiến trình của nó, vốn bao hàm đau đớn và khổ sở, sẽ thay đổi đáng kể. Khi đó người mà thời điểm chết đã đến có thể sử dụng một số phương pháp giải thoát mà, theo quan điểm thông thường, có thể bị xem là

methods of release which, from the average point of view, might be regarded as involving euthanasia. Modes of abstraction will be studied and applied when death is near, and the process will be regarded as soul withdrawal, as a process of liberation and release. That time is not so far away as you might think.

bao hàm việc làm chết êm dịu. Các phương thức trừu xuất sẽ được nghiên cứu và áp dụng khi cái chết đến gần, và tiến trình này sẽ được xem như sự rút lui của linh hồn, như một tiến trình giải phóng và giải thoát. Thời điểm đó không xa như bạn có thể nghĩ.

Today, grave dangers attend the process of hastening withdrawal, and the legal safeguards will require most careful working out, and even then grave and serious issues might develop. But some hastening of the processes of death is in order and must be worked out. Primarily, however, the will-to-die of the patient is not based at this time on knowledge and on mental polarisation, or upon an achieved continuity of consciousness, but on emotional reactions and a shrinking from pain and from fear.

Ngày nay, những nguy hiểm nghiêm trọng đi kèm với tiến trình thúc đẩy sự rút lui, và các biện pháp bảo đảm pháp lý sẽ đòi hỏi phải được xây dựng hết sức cẩn trọng, và ngay cả khi đó những vấn đề nghiêm trọng và hệ trọng vẫn có thể phát sinh. Nhưng một sự thúc đẩy nào đó đối với các tiến trình chết là cần thiết và phải được triển khai. Tuy nhiên, trước hết, ý chí muốn chết của bệnh nhân hiện nay không dựa trên tri thức và trên sự phân cực trí tuệ, cũng không dựa trên một sự liên tục của tâm thức đã đạt được, mà dựa trên các phản ứng cảm xúc và sự né tránh đau đớn và sợ hãi.

Where, however, there is terrible suffering and absolutely no hope of real help or of recovery, and where the patient is willing (or if too ill, the family is willing), then, under proper safeguards, something should be done. But this arranging of the time to go will not be based on emotion and upon compassion, but on the spiritual sciences and [320] upon a right understanding of the spiritual possibilities of death.

Tuy nhiên, ở đâu có đau khổ khủng khiếp và tuyệt đối không có hy vọng được giúp đỡ thực sự hay hồi phục, và ở đâu bệnh nhân sẵn lòng (hoặc nếu quá bệnh, gia đình sẵn lòng), thì dưới những biện pháp bảo đảm thích hợp, cần phải làm điều gì đó. Nhưng việc sắp xếp thời điểm ra đi này sẽ không dựa trên cảm xúc và lòng trắc ẩn, mà dựa trên các khoa học tinh thần và [320] trên một sự thấu hiểu đúng đắn về những khả năng tinh thần của cái chết.

On Germs.

Về vi trùng.

How inadequately do words meet the need of truth. We use the word “germ” to indicate the source of some disease or the origin of some form. We talk of a germ or seed of life; we refer to the germ of an idea; we indicate that intangible point of energy which results

Ngôn từ đáp ứng nhu cầu của chân lý thật không đầy đủ biết bao. Chúng ta dùng từ “mầm” để chỉ nguồn gốc của một bệnh nào đó hay căn nguyên của một hình tướng nào đó. Chúng ta nói đến mầm hay hạt giống của sự sống; chúng ta nhắc đến mầm của một ý

later in some kind of manifested form. It may be a thoughtform, a human being, or a disease, yet the same word has to suffice for all three. How oft have I told you that all is energy and there is naught else. A germ is a point of energy having within it certain living potentialities, causing certain effects upon the surrounding field of energy, and producing certain forms of expression which are recognisable upon the physical plane. But all that is referred to is, in the last analysis, some form of active energy that forms part of the energy available upon and within and around the planet Earth.

tưởng; chúng ta chỉ ra điểm năng lượng vô hình đó mà về sau tạo thành một loại hình tướng biểu hiện nào đó. Nó có thể là một Hình tư tưởng, một con người, hay một căn bệnh, vậy mà cùng một từ phải đủ dùng cho cả ba. Tôi đã nói với các bạn biết bao lần rằng tất cả đều là năng lượng và không có gì khác. Một mầm là một điểm năng lượng mang trong nó những tiềm năng sống nhất định, gây ra những hiệu quả nhất định trên trường năng lượng xung quanh, và tạo ra những hình thức biểu lộ nhất định có thể nhận biết trên cõi hồng trần. Nhưng tất cả những gì được nói đến, xét cho cùng, đều là một dạng năng lượng hoạt động nào đó tạo thành một phần của năng lượng sẵn có trên, trong và quanh hành tinh Trái Đất.

In relation to disease, a germ still remains a point of energy, but it might be regarded as energy which is not functioning correctly in relation to the particular form which has become susceptible to its activity or aware of its presence.

Liên quan đến bệnh tật, một vi trùng vẫn là một điểm năng lượng, nhưng có thể được xem như năng lượng không vận hành đúng đắn trong liên hệ với hình tướng đặc thù đã trở nên nhạy cảm với hoạt động của nó hoặc nhận biết được sự hiện diện của nó.

Germs are the first effect of an original cause. Some few form a part of the planetary evil, which means that they have a deep-seated and mental origin and one of such magnitude that the finite minds of men cannot yet grasp them. Such causes, for instance, may have their effects as a fierce and fiery and hot devotion to an idea or a person, or they may work out as an equally fierce and fiery fever in the physical body, and to this fever, according to its symptoms, a technical name will be given by the medical [321] profession. The originating cause is the same, and the effects in the personality will differ according to the focus of the attention or where the emphasis of the life is laid. Ponder on this for I have given a hint here of real importance.

Vi trùng là hiệu quả đầu tiên của một nguyên nhân nguyên thủy. Một số ít tạo thành một phần của điều ác hành tinh, điều này có nghĩa là chúng có một nguồn gốc sâu xa và trí tuệ, và có tầm mức lớn đến nỗi các trí tuệ hữu hạn của con người vẫn chưa thể nắm bắt được. Chẳng hạn, những nguyên nhân như thế có thể tạo ra các hiệu quả như một sự sùng tín dữ dội, rực lửa và nóng bỏng đối với một ý tưởng hay một con người, hoặc chúng có thể biểu lộ như một cơn sốt dữ dội, rực lửa tương tự trong thể xác, và cơn sốt này, tùy theo các triệu chứng của nó, sẽ được giới y khoa [321] đặt cho một tên gọi chuyên môn. Nguyên nhân khởi phát là như nhau, và các hiệu quả trong phàm ngã sẽ khác nhau tùy theo tiêu điểm của sự chú ý hay nơi sự nhấn mạnh của đời sống được đặt vào.

Hãy suy ngẫm về điều này vì ở đây tôi đã đưa ra một gợi ý thực sự quan trọng.

When I used these words, "the focus of attention," I did not refer to any mental attitude or to an attentive mind, but to the impact of life force in any given direction, any locality and any aspect of the human body, where the directed life energy goes. Germs are living organisms, great or small. They find their way into the human mechanism through the medium of the life force which, in its turn, uses the heart and the blood stream as its agents of distribution. In the same way, the energy of consciousness uses the nervous system and the brain as its distributing agency. Where there is inherent or inherited weakness, there the life force is not properly focussed, and there will be found some form of congestion, or some form of arrested development, or some form of predisposition to disease. When this is the case, germs can find a fruitful place in which to display their malignant activity. When the vitality is great and the life force has free and unimpeded circulation, then there will not be these predispositions, the germ cannot find a lodging, and there will not be the risk of infection.

Khi tôi dùng những từ này, "tiêu điểm của sự chú ý", tôi không nói đến bất kỳ thái độ trí tuệ nào hay một trí tuệ chú tâm, mà nói đến sự tác động của mãnh lực sự sống theo một hướng nhất định, một vị trí nhất định và một phương diện nào đó của thân thể con người, nơi năng lượng sự sống được hướng đến. Vi trùng là những cơ thể sống, lớn hay nhỏ. Chúng đi vào bộ máy con người qua trung gian của mãnh lực sự sống, mà đến lượt nó sử dụng tim và dòng máu làm tác nhân phân phối. Cũng theo cách đó, năng lượng tâm thức sử dụng hệ thần kinh và bộ não làm cơ quan phân phối của nó. Ở đâu có sự yếu kém cố hữu hay di truyền, ở đó mãnh lực sự sống không được tập trung đúng mức, và ở đó sẽ thấy một dạng tắc nghẽn nào đó, hoặc một dạng phát triển bị đình trệ nào đó, hoặc một dạng khuynh hướng mắc bệnh nào đó. Khi đúng như vậy, vi trùng có thể tìm được một nơi màu mỡ để phô bày hoạt động ác hại của chúng. Khi sinh lực dồi dào và mãnh lực sự sống lưu thông tự do, không bị cản trở, thì sẽ không có những khuynh hướng này, vi trùng không thể tìm được chỗ trú ngụ, và sẽ không có nguy cơ lây nhiễm.

For instance, scarlet fever is contagious, but not all those exposed to it succumb. The ability to throw off infection and immunity from contagious diseases is largely a matter of vitality (perhaps vitality in particular areas of the body where the focus of the attention and the emphasis of the life force may be found). It can also be based upon the activity of the blood corpuscles, which serves to keep the blood stream in good condition.

Chẳng hạn, bệnh ban đỏ có tính lây nhiễm, nhưng không phải tất cả những ai tiếp xúc với nó đều mắc bệnh. Khả năng loại bỏ sự lây nhiễm và sự miễn nhiễm đối với các bệnh truyền nhiễm phần lớn là vấn đề sinh lực (có lẽ là sinh lực tại những vùng đặc biệt của cơ thể nơi có thể tìm thấy tiêu điểm của sự chú ý và sự nhấn mạnh của mãnh lực sự sống). Nó cũng có thể dựa trên hoạt động của các huyết cầu, vốn giúp giữ cho dòng máu ở trong tình trạng tốt.

[322]

[322]

This focus and emphasis is the same in connection with animals, for it is not the focus of the mind but of the life energy within the physical body. This, when present and positive, protects. When it is negative and weak, it leaves the physical body (human and animal) open to the dangers of infection.

Tiêu điểm và sự nhấn mạnh này cũng giống như vậy trong liên hệ với loài vật, vì đó không phải là tiêu điểm của trí tuệ mà là của năng lượng sự sống bên trong thể xác. Điều này, khi hiện diện và tích cực, sẽ bảo vệ. Khi nó tiêu cực và yếu, nó để cho thể xác (người và vật) mở ra trước những nguy cơ lây nhiễm.

I cannot explain more fully than this, for the problem of origin and method remains an insoluble problem just as long as man remains equipped with his present mental approach and emotional reaction to pain and disease, and just as long as he places the same exaggerated emphasis upon form life. When a better sense of proportion has been developed, and men are beginning to think in terms of the soul and purposes and destiny, then disease, as we know it, will fall into two major categories:

Tôi không thể giải thích đầy đủ hơn thế này, vì vấn đề nguồn gốc và phương pháp vẫn là một vấn đề không thể giải quyết chừng nào con người còn được trang bị bằng cách tiếp cận trí tuệ hiện nay và phản ứng cảm xúc hiện nay của mình đối với đau đớn và bệnh tật, và chừng nào y còn đặt cùng một sự nhấn mạnh quá mức lên đời sống *hình tướng*. Khi một Ý thức về tỉ lệ tốt hơn đã được phát triển, và con người bắt đầu suy nghĩ theo các thuật ngữ của linh hồn, của các mục đích và của định mệnh, thì bệnh tật, như chúng ta biết, sẽ rơi vào hai loại chính:

1. Those which produce purification and necessitate a period of retuning and of rest for the body, preparatory to continued life on earth.

1. Những bệnh tạo ra sự thanh lọc và đòi hỏi một thời kỳ điều chỉnh lại và nghỉ ngơi cho thể xác, để chuẩn bị cho đời sống tiếp tục trên Trái Đất.

2. Those which produce the withdrawal or abstraction of the soul in its two aspects—livingness and consciousness.

2. Những bệnh tạo ra sự rút lui hay trừu xuất của linh hồn trong hai phương diện của nó—tính sống động và tâm thức.

On Inoculations.

Về việc chủng ngừa.

“What is the standing or value of inoculation or vaccination from an occult or esoteric standpoint?” This question is often in the minds of healers as they ask the further question which is the real basis of their interest, “Does it affect the subtler bodies? How?”

“Địa vị hay giá trị của việc chủng ngừa hoặc tiêm phòng theo quan điểm huyền bí học hay nội môn là gì?” Câu hỏi này thường ở trong tâm trí của các nhà trị liệu khi họ đặt thêm câu hỏi vốn là nền tảng thực sự cho mối quan tâm của họ, “Nó có ảnh hưởng đến các thể vi tế hơn không? Ảnh hưởng như thế nào?”

There is no occult standard or value in inoculation, any more than there is an occult standard or value in giving a hypodermic injection. The entire question concerning serums and inoculations has been tremendously overemphasised by the so-called occult students. The human body, at [323] the present time, is the recipient of such a vast amount of substance, extraneously precipitated into the interior of the body, that the whole subject is of vaster import, yet of lesser importance, than men think. Such is the paradox which I present to you. Wrong food of every kind, the inhalation of smoke down the centuries, the breathing in of tainted air, the taking of medicines and pills and tablets of every possible description, the rifling of the vegetable and mineral kingdoms in search of their ingredients, and the injection of mineral substances, of drugs and of serums, till one wonders sometimes at the remarkable assimilative powers of the human frame.

Không có tiêu chuẩn hay giá trị huyền bí nào trong việc chủng ngừa, cũng như không có tiêu chuẩn hay giá trị huyền bí nào trong việc tiêm dưới da. Toàn bộ vấn đề liên quan đến huyết thanh và chủng ngừa đã bị các đạo sinh được gọi là huyền bí học nhấn mạnh quá mức. Thân thể con người, vào [323] thời điểm hiện nay, tiếp nhận một lượng chất liệu khổng lồ được ngưng tụ từ bên ngoài vào bên trong cơ thể, đến nỗi toàn bộ chủ đề này có tầm quan trọng rộng lớn hơn nhưng lại ít quan trọng hơn con người nghĩ. Đó là nghịch lý mà tôi trình bày với các bạn. Thức ăn sai lầm đủ loại, việc hít khói qua nhiều thế kỷ, việc hít thở không khí ô nhiễm, việc dùng thuốc men, viên thuốc và viên nén đủ mọi mô tả có thể có, việc lục soát giới thực vật và giới kim thạch để tìm các thành phần của chúng, và việc tiêm các chất khoáng, dược chất và huyết thanh, đến mức đôi khi người ta phải kinh ngạc trước khả năng đồng hóa đáng chú ý của cơ thể con người.

In all fairness, however, I would remind you that, as far as the physical well-being of man is concerned, these methods and techniques of the West have resulted in the production of a healthier race than in the East, in a very definite prolongation of human life, and in the elimination of many dire physical scourges which used to take their toll of man. This I, an Oriental, do admit. I have stated the situation thus in order to expand your view from the specific to the whole.

Tuy nhiên, một cách công bằng, tôi xin nhắc các bạn rằng, xét về phúc lợi hồng trần của con người, các phương pháp và kỹ thuật này của phương Tây đã dẫn đến việc tạo ra một nhân loại khỏe mạnh hơn so với phương Đông, một sự kéo dài rất rõ rệt của đời sống con người, và việc loại bỏ nhiều tai họa hồng trần khủng khiếp từng gây tổn thất cho con người. Điều này tôi, một người phương Đông, thừa nhận. Tôi đã trình bày tình hình như vậy để mở rộng tầm nhìn của các bạn từ cái riêng lẻ đến toàn thể.

In relation to disease and inoculation, I would remind you that there are three groups of diseases which are not peculiar to man, but which are indigenous in the planet itself. These diseases are found in widely differing forms, in all the kingdoms in

Liên quan đến bệnh tật và việc chủng ngừa, tôi xin nhắc các bạn rằng có ba nhóm bệnh không riêng gì con người mắc phải, mà vốn bản địa trong chính hành tinh này. Những bệnh này được tìm thấy dưới những hình

nature. These three families or groups of diseases are:

thức rất khác nhau trong mọi giới trong thiên nhiên. Ba họ hay nhóm bệnh này là:

1. The great cancer group of diseases.

1. Nhóm lớn các bệnh ung thư.

2. The syphilitic group.

2. Nhóm giang mai.

3. Tuberculosis.

3. Lao phổi.

Most of the objections made by doctors with occult tendencies are based unconsciously on a feeling that there [324] should be higher methods of controlling diseases in man than by injecting into the human body substance taken from the bodies of animals. That is most surely and definitely correct, and some day it will be demonstrated. Another reaction on their part is one of sensitive disgust, again largely unrecognised. A more vital objection should be based on the suffering entailed on the animals providing the vaccine and other substances.

Phần lớn những phản đối do các bác sĩ có khuynh hướng huyền bí học đưa ra đều vô thức dựa trên một cảm giác rằng phải có [324] những phương pháp cao hơn để kiểm soát bệnh tật nơi con người hơn là bằng cách tiêm vào thân thể con người chất liệu lấy từ cơ thể loài vật. Điều đó chắc chắn và dứt khoát là đúng, và một ngày nào đó sẽ được chứng minh. Một phản ứng khác từ phía họ là sự ghê sợ nhạy cảm, cũng lại phần lớn không được nhận biết. Một phản đối quan trọng hơn nên dựa trên sự đau khổ gây ra cho những con vật cung cấp vắc-xin và các chất liệu khác.

The effect on the inner bodies is practically nil, and far less than the diseases themselves. Herein lies for the future a most interesting question. How far do diseased conditions in the human body carry through and affect the inner bodies from the structural angle? It is a question I do not intend to answer. The controlling of modern disease is being handled by modern medicine primarily in three ways: through the science of sanitation, through preventive medicine, and through inoculation. These are the lower correspondences to methods of activity emanating from the astral plane, from the etheric levels, and from the earth itself.

Ảnh hưởng lên các thể bên trong thực tế là không đáng kể, và ít hơn nhiều so với chính các bệnh ấy. Chính trong điều này có một câu hỏi rất thú vị cho tương lai. Các trạng thái bệnh trong thân thể con người mang theo và ảnh hưởng đến các thể bên trong đến mức nào từ góc độ cấu trúc? Đó là một câu hỏi mà tôi không định trả lời. Việc kiểm soát bệnh tật hiện đại đang được y học hiện đại xử lý chủ yếu theo ba cách: qua khoa học vệ sinh, qua y học phòng ngừa, và qua chủng ngừa. Đây là những tương ứng thấp của các phương pháp hoạt động phát xuất từ cõi cảm dục, từ các cấp độ dĩ thái, và từ chính trái đất.

The science of sanitation, the use of water, and the growing knowledge of hydrotherapy

Khoa học vệ sinh, việc sử dụng nước, và tri thức ngày càng tăng về thủy liệu pháp là sự

are the precipitation on earth of certain inner activities on the astral plane of a most definite nature. From the angle of the aspirant, these methods are called purification.

ngưng tụ trên trái đất của một số hoạt động bên trong trên cõi cảm dục có bản chất rất xác định. Từ góc độ của người chí nguyện, những phương pháp này được gọi là sự thanh lọc.

The science of prevention (both of diseases and of death) is the precipitation on earth of certain modes of procedure on the etheric plane whereby forces are correctly used and certain destructive agencies are controlled and prevented from going the destructive way.

Khoa học phòng ngừa (cả bệnh tật lẫn cái chết) là sự ngưng tụ trên trái đất của một số phương thức tiến hành trên cõi dĩ thái nhờ đó các mãnh lực được sử dụng đúng đắn và một số tác nhân hủy diệt được kiểm soát và ngăn không cho đi theo con đường hủy diệt.

The science of inoculation is purely physical in origin and concerns only the animal body. This latter science will shortly be superseded by a higher technique, but the time is not yet.[325]

Khoa học chủng ngừa thuần túy có nguồn gốc hồng trần và chỉ liên quan đến thân thể động vật. Khoa học sau cùng này chẳng bao lâu nữa sẽ được thay thế bằng một kỹ thuật cao hơn, nhưng thời điểm ấy vẫn chưa đến. [325]

On Glands.

Về các tuyến.

"Is it possible by certain types of meditation to stimulate either one of the post or ante lobes of the pituitary body, when there is a minus functioning? Will a meditation designed to integrate the personality automatically adjust the trouble and bring about proper pituitary activity? Will this also adjust and balance the activity of the other important glands?"

"Có thể nào bằng một số loại tham thiền nhất định kích thích một trong hai thùy sau hay trước của tuyến yên, khi có sự hoạt động thiếu hụt không? Một phép tham thiền được thiết kế để tích hợp phàm ngã có tự động điều chỉnh rối loạn này và mang lại hoạt động thích đáng của tuyến yên không? Điều này có đồng thời điều chỉnh và quân bình hoạt động của các tuyến quan trọng khác không?"

You have here several questions; the whole matter is too vast for proper handling within the available time and limits.

Ở đây bạn nêu ra nhiều câu hỏi; toàn bộ vấn đề này quá rộng lớn để có thể xử lý thích đáng trong thời gian và giới hạn hiện có.

I would say, however, very briefly, that the stimulation of either lobe of the pituitary body, and equally the stimulation of any of the glands by meditation, undertaken by neophytes, is a most dangerous

Tuy nhiên, tôi xin nói rất vắn tắt rằng việc kích thích một trong hai thùy của tuyến yên, và tương tự việc kích thích bất kỳ tuyến nào bằng tham thiền, nếu được người sơ cơ thực hiện, là một việc làm cực kỳ nguy hiểm. Điều

undertaking. It can be done, but it is not an advisable proceeding except under the expert supervision of some of those who know more than you know and who can see more than you can see. The glands are the result of the activity or the inactivity of the centres or chakras in the body, and parallel their development. This development is dependent upon the ray and the point in evolution. The subject is vast and difficult, and I would have you all remember that constant dwelling upon the physical factors to be found in the personality equipment is not the way of the disciple. He must aim, as you suggest, at personality integration and at the goal of being a pure channel for the soul. Such an integration is the result, normally achieved, of

đó có thể làm được, nhưng không phải là một tiến trình nên làm trừ phi dưới sự giám sát chuyên môn của một số người biết nhiều hơn bạn biết và thấy nhiều hơn bạn có thể thấy. Các tuyến là kết quả của hoạt động hay không hoạt động của các trung tâm hay luân xa trong thân thể, và song hành với sự phát triển của chúng. Sự phát triển này tùy thuộc vào cung và điểm tiến hoá. Chủ đề này rộng lớn và khó khăn, và tôi muốn tất cả các bạn nhớ rằng việc liên tục chú tâm vào các yếu tố *hồng trần* được tìm thấy trong bộ máy phàm ngã không phải là con đường của đệ tử. Như bạn gợi ý, y phải nhắm đến sự tích hợp phàm ngã và mục tiêu trở thành một kênh thanh khiết cho linh hồn. Sự tích hợp như thế là kết quả, thường được đạt đến, của

1. Character-building.

1. lập hạnh.

2. Soul contact through meditation.

2. tiếp xúc linh hồn qua tham thiền.

3. Life expression through service.

3. biểu lộ đời sống qua phụng sự.

[326]

[326]

The practice of these three, over a long period of years, will inevitably produce the desired results as far as the glandular equipment is concerned, and as far as the total mechanism can stand the pressure of the soul requirements, as they must be met in each specific life.

Việc thực hành ba điều này, trong một thời gian dài nhiều năm, chắc chắn sẽ tạo ra các kết quả mong muốn liên quan đến bộ máy tuyến nội tiết, và liên quan đến toàn bộ bộ máy trong chừng mực nó có thể chịu đựng được áp lực của các đòi hỏi từ linh hồn, như chúng phải được đáp ứng trong mỗi kiếp sống cụ thể.

On the Vital Body.

Về thể sinh lực.

“What are the principal factors that can be complied with in order to build a strong healthy vital body? Is it possible for a person with a rather weak vital body to strengthen it? May not a so-called weak vital body be a

“Những yếu tố chính nào có thể được tuân theo để xây dựng một thể sinh lực mạnh khỏe? Một người có thể sinh lực khá yếu có thể làm cho nó mạnh lên không? Chẳng phải một thể sinh lực được gọi là yếu vẫn có thể

healthy one at the same time, the weakness manifesting in non-staying power and a slowness in recovery from fatigue?"

đồng thời là một thể sinh lực khỏe mạnh, sự yếu kém biểu lộ ở sức bền kém và sự hồi phục chậm sau mệt mỏi sao?"

This question is concise and can be briefly answered. In fact it must be, or otherwise a long discussion will be necessary upon the subject of the vital body, and that is too vast a one with which to deal here, and the implications are too many. I have given you much in the various books I have written.

Câu hỏi này súc tích và có thể được trả lời ngắn gọn. Thật ra nó phải được trả lời như vậy, nếu không sẽ cần một cuộc thảo luận dài về chủ đề thể sinh lực, mà đó là một chủ đề quá rộng lớn để bàn đến ở đây, và các hàm ý thì quá nhiều. Tôi đã cung cấp cho các bạn nhiều điều trong các sách khác nhau mà tôi đã viết.

When you say a weak vital body I presume you mean one which is loosely coordinated with the physical vehicle and loosely connected, and which has therefore a weak hold upon the outer form, for it is the close integration of the etheric body with the physical form which is the cause of all its staying power. You are right in your belief that one can be perfectly healthy but have little resistance to fatigue.

Khi bạn nói một thể sinh lực *yếu*, tôi giả định bạn muốn nói một thể được phối hợp lỏng lẻo với vận cụ hồng trần và liên kết lỏng lẻo, và do đó có sự nắm giữ yếu đối với hình tướng bên ngoài, vì chính sự tích hợp chặt chẽ của thể dĩ thái với hình tướng hồng trần là nguyên nhân của toàn bộ sức bền của nó. Bạn đúng trong niềm tin rằng một người có thể hoàn toàn khỏe mạnh nhưng lại có ít sức đề kháng đối với sự mệt mỏi.

The principal factors in re-establishing or making a better etheric control are:

Những yếu tố chính trong việc tái lập hay tạo ra một sự kiểm soát dĩ thái tốt hơn là:

1. Sunshine.

1. Ánh nắng mặt trời.

2. Careful diet, with the emphasis upon the proteins and vitamins.

2. Chế độ ăn cẩn thận, nhấn mạnh vào protein và vitamin.

3. The avoidance of fatigue and worry.

3. Tránh mệt mỏi và lo âu.

[327]

[327]

Against all the above, at this time, climate, world conditions, environment and our civilisation militate, and the individual has therefore to resign himself to a state of affairs which lies outside his individual control.

Chống lại tất cả những điều trên, vào thời điểm này, khí hậu, các điều kiện thế giới, môi trường và nền văn minh của chúng ta đều tác động bất lợi, và vì thế cá nhân phải cam chịu một tình trạng nằm ngoài sự kiểm soát riêng của mình.

A normal, sane, regulated life is the best means for establishing a better measure of vitality. This is, I presume, what you mean. You need to remember, however, that where there is a devitalised etheric body, and conditions are such that a re-establishment of a vital control seems difficult or impossible, there must be recognition of karmic limitations and a willingness to submit to them and leave affairs to work themselves out. This particular life is not the only one there is. Frequently, therefore, in any particular incarnation, conditions cannot be changed, and are prolonged by inner rebellion and revolt. A disciple has to learn the lesson of going on, as the expression is, in spite of and not because of circumstances.

Một đời sống bình thường, lành mạnh, điều độ là phương tiện tốt nhất để thiết lập một mức sinh lực tốt hơn. Tôi giả định đó là điều bạn muốn nói. Tuy nhiên, bạn cần nhớ rằng ở đâu có một thể dĩ thái bị mất sinh lực, và các điều kiện khiến cho việc tái lập một sự kiểm soát sinh lực dường như khó khăn hay không thể, thì phải có sự nhìn nhận các giới hạn nghiệp quả và sự sẵn lòng quy phục chúng và để cho sự việc tự diễn tiến. Kiếp sống đặc biệt này không phải là kiếp sống duy nhất hiện hữu. Vì vậy, thường thì trong một lần lâm phàm cụ thể nào đó, các điều kiện không thể thay đổi, và bị kéo dài bởi sự phản kháng và nổi loạn bên trong. Một đệ tử phải học bài học tiếp tục tiến lên, như cách nói thông thường, bất chấp hoàn cảnh chứ không phải vì hoàn cảnh.

On Prana.

Về prana.

You can discover much on the nature of prana if you use the books which you possess and should possess. In my book A Treatise on Cosmic Fire and in A.A.B.'s book The Light of the Soul,* the whole subject is considered.

Bạn có thể khám phá nhiều điều về bản chất của prana nếu bạn sử dụng những cuốn sách mà bạn đang có và nên có. Trong sách của tôi *Luận về Lửa Vũ Trụ* và trong sách của A.A.B. *The Light of the Soul*,* toàn bộ chủ đề này được xem xét.

* A Treatise on cosmic Fire. Pages 77-116... The Light of the Soul. Pages 77,217-225, 280-282, 328-330, 332

* A Treatise on cosmic Fire. Pages 77-116... The Light of the Soul. Pages 77,217-225, 280-282, 328-330, 332

Suffice it to say that:

Chỉ cần nói rằng:

1. There is nothing in manifestation except energy, taking form, using and actuating forms and dissipating forms.

1. Không có gì trong biểu hiện ngoài năng lượng, mang lấy hình tướng, sử dụng và làm cho các hình tướng hoạt động, rồi làm tiêu tan các hình tướng.

2. This energy is divided into three types of so-called electrical phenomena, called in The Secret Doctrine and in A Treatise on Cosmic

2. Năng lượng này được chia thành ba loại hiện tượng được gọi là điện, được gọi trong

Fire, fire by friction, solar fire, and electrical fire.

Giáo Lý Bí Nhiệm và trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* là lửa ma sát, Lửa Thái dương, và Lửa Điện.

[328]

[328]

3. Prana is the name given to the energy which is drawn upon the physical plane from the etheric aspect of all phenomenal life. That etheric aspect of the divine energy is a synthesis of energies. If the energy in which an individual primarily lives and moves and has the focus of his being is, for instance, predominantly astral, then the major expression of energy in his equipment will be astral or emotional feeling energy. He will react all the time to physical energy or prana and to astral energy or the many sentient emotional forces. These work out pre-eminently through the spleen, the solar plexus and the throat, and affect in different ways the physical spleen, the stomach and the thyroid gland.

3. Prana là tên gọi dành cho năng lượng được rút ra trên cõi hồng trần từ phương diện dĩ thái của mọi sự sống hiện tượng. Phương diện dĩ thái đó của năng lượng thiêng liêng là một tổng hợp các năng lượng. Chẳng hạn, nếu năng lượng mà một cá nhân chủ yếu sống, vận động và có tiêu điểm hiện hữu của mình trong đó là năng lượng cảm dục, thì biểu hiện năng lượng chủ yếu trong bộ máy của y sẽ là năng lượng cảm dục hay năng lượng cảm xúc. Y sẽ luôn luôn đáp ứng với năng lượng hồng trần hay prana và với năng lượng cảm dục hay nhiều mãnh lực cảm xúc hữu cảm. Những năng lượng này biểu lộ nổi bật qua lá lách, tùng thái dương và trung tâm cổ họng, và ảnh hưởng theo những cách khác nhau đến lá lách hồng trần, dạ dày và tuyến giáp.

4. Interest in these two types of energy, when evidenced by an individual, is based on the fact that they are the two in which he himself is habitually immersed and to which he most easily and normally responds.

4. Sự quan tâm đến hai loại năng lượng này, khi được một cá nhân biểu lộ, dựa trên sự kiện rằng đó là hai loại mà chính y thường xuyên đắm mình trong đó và y đáp ứng với chúng một cách dễ dàng và tự nhiên nhất.

5. The current of energy used in healing will be a synthesis of the energies with which the healer normally works, with that type of energy predominating which is, for him, the paramount energy of his life. The average unintelligent healer is usually simply a transmitter of prana itself, which is the energy of the planet. This combines with the etheric physical energies of the patient, passing through the healer's body. These stimulate the patient sufficiently so that he is enabled to throw off the enfeebling disease. Some healers can work with that type of force and with emotional energy

5. Dòng năng lượng được dùng trong trị liệu sẽ là một tổng hợp của các năng lượng mà nhà trị liệu thường làm việc với, trong đó loại năng lượng chiếm ưu thế sẽ là loại, đối với ông, là năng lượng tối thượng của đời sống ông. Nhà trị liệu trung bình không thông minh thường chỉ đơn giản là một kẻ truyền dẫn chính prana, tức năng lượng của hành tinh. Năng lượng này kết hợp với các năng lượng hồng trần dĩ thái của bệnh nhân, đi qua thân thể của nhà trị liệu. Chúng kích thích bệnh nhân đủ để y có thể loại bỏ căn bệnh làm suy nhược. Một số nhà trị liệu có thể làm việc với loại mãnh lực đó và với năng

blended, and produce activity, therefore, not only in the patient's physical body but also in his astral body. This brings about serious difficulties at times and often hinders true physical healing, on account of the astral turmoil produced. On this matter, I cannot here enlarge, and there is no time for a longer elucidation at this time. [329] Mental healers (true mental healers who are rare indeed) blend soul energy with the two above mentioned forces and this produces a synthesis of the personality forces. Carried forward intelligently, this synthesis brings about the healing of the person through the production of definite organisation and alignment.

lượng cảm xúc được pha trộn, và do đó tạo ra hoạt động không chỉ trong thể xác của bệnh nhân mà còn trong thể cảm dục của y. Điều này đôi khi gây ra những khó khăn nghiêm trọng và thường cản trở sự trị liệu hồng trần chân chính, do sự xáo trộn cảm dục được tạo ra. Về vấn đề này, ở đây tôi không thể nói rộng hơn, và hiện giờ không có thời gian cho một sự giải thích dài hơn. [329] Các nhà trị liệu trí tuệ (những nhà trị liệu trí tuệ chân chính, vốn thật hiếm hoi) hòa trộn năng lượng linh hồn với hai mãnh lực vừa nêu trên và điều này tạo ra một sự tổng hợp các mãnh lực phàm ngã. Khi được tiến hành một cách thông minh, sự tổng hợp này mang lại sự trị liệu con người thông qua việc tạo ra sự tổ chức và chỉnh hợp rõ rệt.

Soul healing supersedes the three above mentioned methods, and produces the pouring into and through the mechanism of the patient of pure soul energy. It was in this way that Christ worked, and there are few today to work this way. It must be held before you, however, as an objective.

Sự trị liệu bằng linh hồn vượt trên ba phương pháp vừa nêu, và tạo ra sự tuôn đổ vào và xuyên qua bộ máy của bệnh nhân năng lượng linh hồn thuần khiết. Đức Christ đã làm việc theo cách này, và ngày nay có rất ít người làm việc theo cách đó. Tuy nhiên, điều này phải được giữ trước mắt các bạn như một mục tiêu.

Physical healing by prana is very common. It is often temporarily effective, but it concerns and deals only with effects and never touches causes. The disease can therefore be abated, but never cured. The power to heal mentally is on the increase and produces relatively permanent effects. But astral healing is rare and very seldom successful. The potency of the astral nature of the healer and also of the patient, and its usually unregulated condition, is too great for effective work, owing to the polarisation of humanity at this time and to the lack of correct emotional poise and control.

Sự trị liệu hồng trần bằng prana là rất phổ biến. Nó thường có hiệu quả tạm thời, nhưng chỉ liên quan đến và đề cập đến các hiệu quả chứ không bao giờ chạm đến các nguyên nhân. Vì vậy bệnh có thể được làm giảm, nhưng không bao giờ được chữa khỏi. Năng lực trị liệu bằng trí tuệ đang gia tăng và tạo ra các hiệu quả tương đối bền vững. Nhưng trị liệu cảm dục thì hiếm và rất ít khi thành công. Hiệu lực của bản chất cảm dục của nhà trị liệu và cả của bệnh nhân, cùng với tình trạng thường không được điều hòa của nó, là quá lớn đối với công việc hữu hiệu, do sự phân cực cảm xúc của nhân loại hiện nay và do thiếu sự quân bình và kiểm soát cảm xúc đúng đắn.

On Oriental and Occidental Bodies.

Về thân thể của người phương Đông và phương Tây.

The question is also often in the minds of some healers whether there is a difference in the causes of disease and the effects as experienced in oriental or occidental bodies. To them I would say:

Câu hỏi cũng thường ở trong tâm trí của một số nhà trị liệu là liệu có sự khác biệt nào trong các nguyên nhân của bệnh tật và các hiệu quả như được trải nghiệm trong thân thể của người phương Đông hay phương Tây hay không. Với họ tôi xin nói:

Humanity is one and the same all over the world, and both eastern and western bodies are prone to the same diseases and manifest the same symptoms; all suffer from tuberculosis, from cancer and the sexual taints; all die frequently [330] from pneumonia and influenza. Through sanitation and other curative methods, carried out on a large scale, ancient diseases (inherited from old Atlantis) such as bubonic plague and cholera, are being slowly stamped out. They still crop out in the East owing to the strength of the ancient civilisations, the lack of food, of sanitation, and the dense crowding. They are also climatic diseases and perish in the colder air of the north. Certain diseases are the result of wrong diet, used over unnumbered centuries.

Nhân loại là một và như nhau trên khắp thế giới, và cả thân thể của người phương Đông lẫn người phương Tây đều dễ mắc cùng những bệnh như nhau và biểu lộ cùng những triệu chứng như nhau; tất cả đều chịu khổ vì lao phổi, ung thư và các ô nhiễm tính dục; tất cả thường chết [330] vì viêm phổi và cúm. Nhờ vệ sinh và các phương pháp chữa trị khác, được thực hiện trên quy mô lớn, các bệnh cổ xưa (thừa hưởng từ Atlantis xưa) như dịch hạch và bệnh tả đang dần dần bị xóa bỏ. Chúng vẫn còn bùng phát ở phương Đông do sức mạnh của các nền văn minh cổ, sự thiếu lương thực, thiếu vệ sinh, và tình trạng chen chúc dày đặc. Chúng cũng là những bệnh do khí hậu và bị tiêu diệt trong không khí lạnh hơn của phương bắc. Một số bệnh là kết quả của chế độ ăn sai lầm được sử dụng qua vô số thế kỷ.

One of the main reasons for the apparent difference (if there is any) may lie also in the greater age of the oriental races. The diseases of old age, and those of youth or middle age, have their variations, and Asia and its peoples are very, very old. The body stock is wearing out fast. Yet the Japanese show no sign of that old age. India is far older than Europe, but the Chinese and Japanese stock is older still, yet they demonstrate no such sign of effete old age. The reason for this lies in the very different type of emotional body as found in the

Một trong những lý do chính cho sự khác biệt bề ngoài (nếu có) cũng có thể nằm ở tuổi đời lớn hơn của các chủng tộc phương Đông. Các bệnh của tuổi già, và các bệnh của tuổi trẻ hay trung niên, có những biến thể của chúng, và châu Á cùng các dân tộc của nó thì rất, rất già. Dòng giống thể xác đang nhanh chóng suy kiệt. Tuy nhiên, người Nhật không cho thấy dấu hiệu nào của tuổi già đó. Ấn Độ cổ xưa hơn châu Âu rất nhiều, nhưng dòng giống Trung Hoa và Nhật Bản còn cổ hơn nữa, vậy mà họ không biểu lộ dấu hiệu già nua suy tàn như thế. Lý do của điều này nằm ở loại thể cảm dục rất khác nhau như

Aryan or Atlantean. The whole question is incalculably difficult.

được thấy nơi người Arya hay Atlantis. Toàn bộ vấn đề này khó khăn đến mức không thể tính lường.

I might answer your question, however, very briefly, by saying that there is no difference whatever in the basic causes of disease in the East and the West. They are the same for the whole human family.

Tuy nhiên, tôi có thể trả lời câu hỏi của bạn rất ngắn gọn bằng cách nói rằng không hề có sự khác biệt nào trong các nguyên nhân căn bản của bệnh tật ở phương Đông và phương Tây. Chúng là như nhau đối với toàn thể gia đình nhân loại.

On the Nervous System.

Về hệ thần kinh.

In the right understanding of the relationship of the etheric or vital body (with its major and minor centres and its network of nadis) to the nervous system of the human body, two great aspects of soul activity can be grasped.

Trong sự thấu hiểu đúng đắn về mối liên hệ của thể dĩ thái hay thể sinh lực (với các trung tâm chính và phụ cùng mạng lưới nadis của nó) với hệ thần kinh của thân thể con người, có thể nắm bắt được hai phương diện lớn của hoạt động linh hồn.

First, that aspect of soul life which enables the soul to motivate and force into incarnation and activity the physical [331] mechanism, the body, through the galvanising activity of what we call Life.

Thứ nhất, phương diện đó của đời sống linh hồn giúp linh hồn thúc đẩy và cưỡng bách bộ máy hồng trần, thể xác, đi vào lâm phàm và hoạt động [331] qua hoạt động làm sinh động của điều chúng ta gọi là *Sự sống*.

Second, that aspect of soul life which preserves the physical vehicle in health through the free play of the pranic currents. The above is an attempt to express a great truth in as simple a fashion as possible. The true significance of the above statement embodies the next great step in the field of true psychology and of healing. The whole subject is profoundly interesting. Some of it I have dealt with in the pages of A Treatise on White Magic (pages 18-50) and you would find it of value to study the matter there outlined.

Thứ hai, phương diện đó của đời sống linh hồn bảo tồn vận cụ hồng trần trong tình trạng khỏe mạnh qua sự vận hành tự do của các dòng prana. Điều trên là một cố gắng diễn đạt một chân lý lớn theo cách đơn giản nhất có thể. Ý nghĩa thực sự của phát biểu trên bao hàm bước tiến lớn kế tiếp trong lĩnh vực tâm lý học chân chính và trị liệu. Toàn bộ chủ đề này vô cùng lý thú. Một phần của nó tôi đã bàn đến trong các trang của *Luận về Chánh Thuật* (trang 18-50) và các bạn sẽ thấy có giá trị nếu nghiên cứu vấn đề được phác họa ở đó.

The general situation in this connection might be outlined very briefly as follows:

Tình hình tổng quát trong mối liên hệ này có thể được phác họa rất ngắn gọn như sau:

A human being is a combination of various types of force. There is the force or energy of matter itself which might be regarded as the energy aspect, in its totality, of the cells or atoms of the body. The word "cell" itself suggests, in its usual connotation, an imprisoned life, and life and energy are, for the esotericist, synonymous terms. This is the third aspect of divinity, expressing itself in humanity. There is also the dual energy which the soul embodies or transmits; this might be likened to two streams of energy, which merge and blend to form one stream when detached from the body, and which divide into two when they enter into matter and form. They bring to matter, or to the aggregated cell lives, the contribution of quality—consciousness and pure life. It might be stated also that:

Một con người là sự kết hợp của nhiều loại mãnh lực khác nhau. Có mãnh lực hay năng lượng của chính vật chất, có thể được xem như phương diện năng lượng, trong tính toàn thể của nó, của các tế bào hay nguyên tử của thân thể. Chính từ "tế bào", trong hàm nghĩa thông thường của nó, gợi ý một sự sống bị giam hãm, và sự sống cùng năng lượng, đối với nhà bí truyền học, là những thuật ngữ đồng nghĩa. Đây là phương diện thứ ba của thiên tính, biểu lộ trong nhân loại. Cũng có năng lượng kép mà linh hồn thể hiện hay truyền dẫn; điều này có thể được ví như hai dòng năng lượng, hòa nhập và hòa trộn để tạo thành một dòng khi tách khỏi thân thể, và phân thành hai khi chúng đi vào vật chất và hình tướng. Chúng mang đến cho vật chất, hay cho các sự sống tế bào được tập hợp, sự đóng góp của phẩm tính—tâm thức và sự sống thuần túy. Cũng có thể nói rằng:

a. The stream of life-energy finds its way to the heart, the physical heart, and there (via the physical permanent atom) it energises coherently the entire physical body, using the blood stream as its major agency and channel of contact and communication between this central powerhouse [332] of life and the periphery. As we well know, the blood is the life. This life activity is the factor which gathers together and holds in form all the living atoms and cells of the body. When that life thread is withdrawn by the soul at death, the living atoms separate, the body falls apart and disintegration ensues, with the atomic lives returning to the reservoir of power, to the bosom of living matter from whence they came.

a. Dòng năng lượng sự sống tìm đường đến tim, trái tim hồng trần, và ở đó (qua nguyên tử trường tồn hồng trần) nó tiếp sinh lực một cách cố kết cho toàn bộ thể xác, sử dụng dòng máu làm tác nhân chính và kênh tiếp xúc và truyền thông giữa trạm năng lượng trung tâm này [332] của sự sống và chu vi. Như chúng ta đều biết rõ, máu là sự sống. Hoạt động sự sống này là yếu tố tập hợp lại và giữ trong hình tướng tất cả các nguyên tử và tế bào sống của thân thể. Khi sợi dây sự sống đó được linh hồn rút đi lúc chết, các nguyên tử sống tách rời, thể xác tan rã và sự phân giải xảy ra, với các sự sống nguyên tử quay trở về kho chứa năng lực, về lòng của vật chất sống từ đó chúng đã đến.

b. The stream of energy which conveys the soul quality of intelligence, plus love-wisdom, and which constitutes what we understand as the consciousness, with its

b. Dòng năng lượng chuyển tải phẩm tính của linh hồn là trí tuệ, cộng với Bác Ái – Minh Triết, và tạo thành điều chúng ta hiểu là tâm thức, với các năng lực tiếp xúc, cảm nhận và

powers to contact, to sense and to rationalise, only penetrates as far as the physical brain. There this second aspect concentrates itself or anchors itself in the region of the pineal gland. From there in ever increasing potency, as the processes of incarnation and experience are pursued, the soul begins to control, galvanise into purposeful activity, and to use the physical body. Remember that, to the soul, the body is only its response apparatus on the physical plane and a medium of expression.

lý giải, chỉ thâm nhập xa đến bộ não hồng trần. Ở đó phương diện thứ hai này tập trung hay neo chính nó trong vùng tuyến tùng. Từ đó, với hiệu lực ngày càng tăng, khi các tiến trình lâm phàm và kinh nghiệm được theo đuổi, linh hồn bắt đầu kiểm soát, làm sinh động thành hoạt động có mục đích, và sử dụng thể xác. Hãy nhớ rằng, đối với linh hồn, thể xác chỉ là bộ máy đáp ứng của nó trên cõi hồng trần và là một trung gian biểu lộ.

It might also be pointed out, as a third necessary statement, that the soul pours its consciously directed energy into the dense physical body through the medium of the etheric or vital body. This instrument is composed of:

Cũng có thể chỉ ra, như một phát biểu cần thiết thứ ba, rằng linh hồn tuôn đổ năng lượng được hướng dẫn một cách hữu thức của nó vào thể xác đậm đặc qua trung gian của thể dĩ thái hay thể sinh lực. Dụng cụ này được cấu tạo bởi:

1. Seven major centres of force and forty-nine minor centres. The major centres are found in the head and up the spinal column. The minor centres are to be found scattered all over the body.

1. Bảy trung tâm mãnh lực chính và bốn mươi chín trung tâm phụ. Các trung tâm chính được tìm thấy trong đầu và dọc theo cột sống. Các trung tâm phụ được tìm thấy rải rác khắp cơ thể.

2. The etheric network which is composed of streams of energy, connects all the centres into two systems—one major and one minor—and radiates out from these centres all over the entire body.

2. Mạng lưới dĩ thái được cấu tạo bởi các dòng năng lượng, nối kết tất cả các trung tâm thành hai hệ thống—một chính và một phụ—và từ các trung tâm này tỏa ra khắp toàn bộ cơ thể.

[333]

[333]

3. The nadis are infinitesimally small threads of energy or force fibres which radiate out from every part of the network and underlie every part of the triple nervous system. They are found in their millions, and produce the sensitive response apparatus through which we work and of which the mechanism of the five senses is one of the externalisations.

3. Các nadis là những sợi năng lượng hay thớ mãnh lực cực kỳ nhỏ bé tỏa ra từ mọi phần của mạng lưới và nằm bên dưới mọi phần của hệ thần kinh tam phân. Chúng hiện diện với số lượng hàng triệu, và tạo ra bộ máy đáp ứng nhạy cảm mà qua đó chúng ta hoạt động và cơ chế của năm giác quan là một trong những sự ngoại hiện của bộ máy đó.

The controlling power station will be found to vary according to the point in evolution reached:

Trạm năng lượng kiểm soát sẽ được thấy là thay đổi tùy theo điểm tiến hoá đã đạt đến:

1. Low-grade humanity uses the solar plexus as the point where the basic energy is localised temporarily. There will also be found a slight activity in the ajna centre.

1. Nhân loại cấp thấp sử dụng tùng thái dương như điểm mà năng lượng căn bản được định vị tạm thời. Cũng sẽ thấy có một hoạt động nhẹ trong trung tâm ajna.

2. Average humanity works partly through the solar plexus centre but largely through the ajna centre and the throat centre.

2. Nhân loại trung bình hoạt động một phần qua trung tâm tùng thái dương nhưng phần lớn qua trung tâm ajna và trung tâm cổ họng.

3. High-grade human beings, the intelligentsia and world aspirants use the head centre, plus the ajna centre, the throat, heart, and solar plexus.

3. Những con người cấp cao, giới trí thức và những người chí nguyện thế gian sử dụng trung tâm đầu, cộng với ajna, cổ họng, tim và tùng thái dương.

Finally it might be said that the physical apparatus which is the direct result of the inner activity of the centres, network and nadis, is the heart, the endocrine system and the brain. Into this general plan, very sketchily outlined above, all ancient medicine (particularly the Tibetan, the Chinese, and the Hindu), with our modern western science, fits. The correlation of the western and eastern techniques still remains to be made, and much will be gained thereby. Further than this I cannot here enlarge, but the above will suffice to show that the methods which you may discover in your reading (and their name is Legion) can all be brought into relation to this general scheme of energy processes in the human body.[334]

Sau cùng có thể nói rằng bộ máy hồng trần là kết quả trực tiếp của hoạt động bên trong của các trung tâm, mạng lưới và nadis, chính là tim, hệ nội tiết và bộ não. Vào trong kế hoạch tổng quát này, được phác họa rất sơ lược ở trên, toàn bộ y học cổ truyền (đặc biệt là Tây Tạng, Trung Hoa và Ấn Độ), cùng với khoa học phương Tây hiện đại của chúng ta, đều phù hợp. Sự tương quan giữa các kỹ thuật phương Tây và phương Đông vẫn còn phải được thực hiện, và nhờ đó sẽ đạt được nhiều điều. Ngoài điều này tôi không thể nói rộng hơn ở đây, nhưng những điều trên đủ để cho thấy rằng các phương pháp mà bạn có thể khám phá trong việc đọc của mình (và tên của chúng thì vô số) đều có thể được đặt vào mối liên hệ với sơ đồ tổng quát này của các tiến trình năng lượng trong thân thể con người.[334]

On Diet.

Về chế độ ăn.

No set diet could be entirely correct for a group of people on differing rays, of different

Không có một chế độ ăn cố định nào có thể hoàn toàn đúng cho một nhóm người thuộc

temperaments and equipment and at various ages. Individuals are every one of them unlike on some points; they require to find out what it is that they, as individuals, need, in what manner their bodily requirements can best be met, and what type of substances can enable them best to serve. Each person must find this out for himself. There is no group diet. No enforced elimination of meat is required or strict vegetarian diet compulsory. There are phases of life and sometimes entire incarnations wherein an aspirant subjects himself to a discipline of food, just as there may be other phases or an entire life wherein a strict celibacy is temporarily enforced. But there are other life cycles and incarnations wherein the disciple's interest and his service lie in other directions. There are later incarnations where there is no constant thought about the physical body, and a man works free of the diet complex and lives without concentration upon the form life, eating that food which is available and upon which he can best sustain his life efficiency. In preparation for certain initiations, a vegetable diet has in the past been deemed essential. But this may not always be the case, and many disciples prematurely regard themselves as in preparation for initiation.

các cung khác nhau, có khí chất và bộ máy khác nhau và ở các lứa tuổi khác nhau. Mỗi cá nhân đều khác với người khác ở một số điểm; họ cần phải tự tìm ra điều mà họ, với tư cách cá nhân, cần, theo cách nào các nhu cầu thể xác của họ có thể được đáp ứng tốt nhất, và loại chất liệu nào có thể giúp họ phụng sự tốt nhất. Mỗi người phải tự mình tìm ra điều này. Không có chế độ ăn *nhóm*. Không cần phải cưỡng bách loại bỏ thịt hay bắt buộc một chế độ ăn chay nghiêm ngặt. Có những giai đoạn của đời sống và đôi khi là cả những lần lâm phàm trọn vẹn trong đó một người chí nguyện tự đặt mình dưới một kỷ luật về ăn uống, cũng như có thể có những giai đoạn khác hay cả một đời sống trong đó sự độc thân nghiêm ngặt được áp đặt tạm thời. Nhưng có những chu kỳ đời sống và những lần lâm phàm khác trong đó mối quan tâm của đệ tử và sự phụng sự của y nằm ở những hướng khác. Có những lần lâm phàm về sau trong đó không còn sự suy nghĩ thường xuyên về thể xác nữa, và một người làm việc không còn bị ám ảnh về chế độ ăn và sống mà không tập trung vào đời sống hình tướng, ăn loại thức ăn sẵn có và nhờ đó y có thể duy trì hiệu quả sống của mình tốt nhất. Trong sự chuẩn bị cho một số điểm đạo nào đó, chế độ ăn thực vật trước đây đã được xem là thiết yếu. Nhưng điều này có thể không phải lúc nào cũng đúng, và nhiều đệ tử quá sớm xem mình như đang chuẩn bị cho điểm đạo.

On the Spleen.

Về lá lách.

The spleen is the most important agent of the life force, but it is the life force inherent in matter itself, independently of form. It is therefore closely related to the planetary physical body. It is the externalisation of a very important centre.

Lá lách là tác nhân quan trọng nhất của mãnh lực sự sống, nhưng đó là mãnh lực sự sống vốn có trong chính vật chất, độc lập với hình tướng. Vì vậy nó liên hệ chặt chẽ với thể hồng trần hành tinh. Nó là sự ngoại hiện của một trung tâm rất quan trọng.

[335]

[335]

There are three centres in the body (with allied externalisations) which are basically essential to life.

Có ba trung tâm trong thân thể (cùng với các ngoại hiện liên hệ) về căn bản là thiết yếu cho sự sống.

1. The heart centre and the physical heart itself. In these the life principle (the Spirit aspect) is located. Life and Spirit are one.

1. Trung tâm tim và chính trái tim hồng trần. Trong đó nguyên khí sự sống (phương diện *Tinh thần*) được định vị. Sự sống và Tinh thần là một.

2. The head centre and the brain in which the consciousness principle (the Soul aspect) is located.

2. Trung tâm đầu và bộ não trong đó nguyên khí tâm thức (phương diện *Linh hồn*) được định vị.

3. The pranic centre and the spleen, in which the life of matter itself (the Matter aspect) is located.

3. Trung tâm prana và lá lách, trong đó sự sống của chính vật chất (phương diện *Vật chất*) được định vị.

You must bear in mind that, as H.P.B. points out, the dense physical body is not a principle. It is atomic matter which is held in form by etheric substance, under the control of the soul. It is automatic in its response, and reacts to the outer world of impacts and inner impulses, but has no initiatory life of its own. It is composed of units of energy, as is all else in nature, and has its own individual life; its focus for the distribution of energy for this life is the spleen.

Bạn phải ghi nhớ rằng, như H.P.B. đã chỉ ra, thể xác đậm đặc không phải là một nguyên khí. Nó là vật chất nguyên tử được giữ trong hình tướng bởi chất liệu dĩ thái, dưới sự kiểm soát của linh hồn. Nó tự động trong sự đáp ứng của nó, và phản ứng với thế giới bên ngoài của các tác động và các xung lực bên trong, nhưng không có sự sống khởi xướng nào của riêng nó. Nó được cấu thành bởi các đơn vị năng lượng, cũng như mọi thứ khác trong thiên nhiên, và có sự sống cá biệt riêng của nó; tiêu điểm của nó cho sự phân phối năng lượng cho sự sống này là lá lách.

In the spleen, the negative life of matter and the living energy of the positive etheric body, are brought together, and then a "spark," as it is called, is made between the inner living bodies of man (through the medium of the etheric body) and the physical plane. It is a reflection on the lowest rung of the evolutionary ladder, as far as man is concerned, and corresponds to the relation of soul and body or—on a higher turn of the spiral—of spirit and matter.

Trong lá lách, sự sống âm của vật chất và năng lượng sống của thể dĩ thái dương được đưa lại với nhau, và rồi một "tia lửa", như cách gọi của nó, được tạo ra giữa các thể sống bên trong của con người (thông qua trung gian của thể dĩ thái) và cõi hồng trần. Đó là một phản ánh ở nấc thấp nhất của chiếc thang tiến hoá, xét theo phương diện con người, và tương ứng với mối liên hệ giữa linh hồn và thân thể hoặc—ở một vòng xoắn cao hơn—giữa tinh thần và vật chất.

On the Vagus Nerve.

There are two powerful centres connected with the vagus nerve: the heart centre and the centre at the base of the spine. These two, when brought under the control of the soul, functioning through the head centre (the [336] brahmarandra), produce the raising of the kundalini fire. This, when taking place, swings the entire nervous system into a special form of rhythmic activity and responsiveness, and it is through the stimulation and the control of the vagus nerve that this is accomplished. It is not the vagus nerve which is instrumental in raising the kundalini fire, but the reverse situation. When the head, the heart and the centre at the base of the spine are in magnetic and dynamic rapport, producing a radiatory effect, then they affect the vagus nerve and the fires of the body are unified and raised, producing purification and the "opening of all doors."

Về Dây Thần Kinh Vagus.

Có hai trung tâm mãnh lực mạnh mẽ liên kết với dây thần kinh vagus: trung tâm tim và trung tâm ở đáy cột sống. Hai trung tâm này, khi được đặt dưới sự kiểm soát của linh hồn, hoạt động qua trung tâm đầu (brahmarandra [336]), tạo ra sự nâng lên của lửa kundalini. Khi điều này diễn ra, nó đưa toàn bộ hệ thần kinh vào một hình thức hoạt động nhịp điệu và đáp ứng đặc biệt, và chính qua sự kích thích và kiểm soát dây thần kinh vagus mà điều này được hoàn tất. Không phải dây thần kinh vagus là công cụ nâng lửa kundalini lên, mà tình huống ngược lại mới đúng. Khi đầu, tim và trung tâm ở đáy cột sống ở trong sự tương giao từ tính và năng động, tạo ra một hiệu quả bức xạ, thì chúng tác động đến dây thần kinh vagus và các ngọn lửa của thân thể được hợp nhất và nâng lên, tạo ra sự thanh lọc và "sự mở ra của mọi cánh cửa".

On the Eye.

There is a certain school of scientific theorists who are working on the theory that the eye is the declarative factor in the human body and the rule or the key to its right understanding. They have already demonstrated much in connection with its declarative powers, where disease is concerned. They are on right lines. Nevertheless, the science with which they are working is so embryonic as yet that their conclusions are not fully demonstrated nor entirely reliable.

Về Con Mắt.

Có một trường phái nhất định gồm các nhà lý thuyết khoa học đang nghiên cứu giả thuyết rằng con mắt là yếu tố tuyên lộ trong thân thể con người và là quy luật hay chìa khóa để hiểu đúng thân thể ấy. Họ đã chứng minh được nhiều điều liên quan đến các năng lực tuyên lộ của nó, trong phạm vi bệnh tật. Họ đang đi đúng hướng. Tuy nhiên, khoa học mà họ đang làm việc cùng vẫn còn phôi thai đến mức các kết luận của họ chưa được chứng minh đầy đủ cũng chưa hoàn toàn đáng tin cậy.

In the immediate future, when our planetary life is somewhat calmer, the whole subject of Vision and the registration by the eye of the inner worlds will receive an

Trong tương lai gần, khi sự sống hành tinh của chúng ta phần nào yên ổn hơn, toàn bộ chủ đề về linh thị và sự ghi nhận của con mắt đối với các thế giới bên trong sẽ nhận

enormous impetus, and conditions—hitherto undreamed of—will be revealed. Man will enter into a new life and a higher era of understanding. The teaching concerning the iris of the eye is an indication of this.

được một xung lực to lớn, và những điều kiện—cho đến nay chưa từng được mơ tới—sẽ được mặc khải. Con người sẽ bước vào một đời sống mới và một kỷ nguyên cao hơn của sự thấu hiểu. Giáo huấn liên quan đến mống mắt là một dấu hiệu của điều này.

Why not read up on the eye a little and note its occult correspondences to the created world, and to the whole problem of light? The eyes and the soul are closely related and —speaking in the language of occultism—the right [337] eye is the representative of the soul, and therefore the agent of buddhi, whilst the left eye is the representative of the personality, and the agent of the lower concrete mind. You will find it interesting to read what can be found in The Secret Doctrine and other books (including mine) on this subject; it will compel the conclusion that here is a field of investigation hitherto unopened and a teaching which will warrant careful study for the sake of the group, if for no other reason.

Tại sao bạn không đọc thêm đôi chút về con mắt và lưu ý các tương ứng huyền bí của nó với thế giới được tạo thành, và với toàn bộ vấn đề ánh sáng? Đôi mắt và linh hồn có liên hệ mật thiết và—nói theo ngôn ngữ của huyền bí học—mắt phải [337] là đại diện của linh hồn, và vì thế là tác nhân của Bồ đề, trong khi mắt trái là đại diện của phàm ngã, và là tác nhân của hạ trí cụ thể. Bạn sẽ thấy thú vị khi đọc những gì có thể tìm thấy trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và các sách khác (kể cả sách của tôi) về chủ đề này; điều đó sẽ buộc người ta đi đến kết luận rằng ở đây có một lĩnh vực khảo cứu cho đến nay chưa được khai mở và một giáo huấn xứng đáng được nghiên cứu cẩn trọng vì lợi ích của nhóm, nếu không vì lý do nào khác.

On Psychological Causes of Disease.

Về Các Nguyên Nhân Tâm Lý của Bệnh Tật.

Do “psychological causes of disease” register in brain symptoms before reflexing to other parts of the body? A sentence in The Light of the Soul has a bearing here:

Liệu “các nguyên nhân tâm lý của bệnh tật” có ghi nhận trong các triệu chứng của não trước khi phản chiếu sang các phần khác của thân thể không? Một câu trong *Ánh sáng của Linh Hồn* có liên quan ở đây:

“The brain, for instance, is the ‘shadow’ or the external organ of the mind, and it will be found by the investigator that the contents of the brain cavity have a correspondence to the aspects of the human mechanism found upon the mental plane.”

“Chẳng hạn, bộ não là ‘cái bóng’ hay cơ quan bên ngoài của trí tuệ, và nhà khảo cứu sẽ thấy rằng nội dung của khoang não có một sự tương ứng với các phương diện của bộ máy con người được tìm thấy trên cõi trí.”

Bear in mind that the life force works through the heart, utilising the blood stream, whilst the consciousness aspect works through the brain, using the nervous

Hãy ghi nhớ rằng sinh lực hoạt động qua tim, sử dụng dòng máu, trong khi phương diện tâm thức hoạt động qua não, dùng hệ

system. This is the first and most important point to grasp.

thần kinh. Đây là điểm đầu tiên và quan trọng nhất cần nắm bắt.

Psychological causes of disease register in the brain or (if of a very low order) in the solar plexus. They do not, however, make their presence felt as symptoms of disease in these places where they thus register. They are energies or forces which—when brought into contact with the energies of the body—produce, as a result (and not before this point) those conditions to which we give the name of disease. The psychological causes are forms of energy, working out through the appropriate centres in the body, and these, in their turn, condition the glandular system. [338] The secretion or hormone, generated under this esoteric stimulation, finds its way into the blood stream, and the result of all this interaction can be either good health, as it expresses sound psychological causes, or poor health, as it expresses the reverse.

Các nguyên nhân tâm lý của bệnh tật ghi nhận trong não hoặc (nếu thuộc loại rất thấp) trong tùng thái dương. Tuy nhiên, chúng không làm cho sự hiện diện của chúng được cảm nhận như các triệu chứng bệnh tật tại những nơi mà chúng ghi nhận như thế. Chúng là các năng lượng hay mãnh lực mà—khi được đưa vào tiếp xúc với các năng lượng của thân thể—sẽ tạo ra, như một kết quả (và không phải trước điểm này), những điều kiện mà chúng ta gọi là bệnh tật. Các nguyên nhân tâm lý là những hình thức năng lượng, biểu lộ qua các trung tâm thích hợp trong thân thể, và đến lượt chúng, các trung tâm này tác động lên hệ tuyến nội tiết. [338] Sự tiết xuất hay hormone, được tạo ra dưới sự kích thích huyền bí này, đi vào dòng máu, và kết quả của toàn bộ sự tương tác này có thể là sức khỏe tốt, vì nó biểu lộ các nguyên nhân tâm lý lành mạnh, hoặc sức khỏe kém, vì nó biểu lộ điều ngược lại.

It is the internal relation between the subtler energies, working through certain centres, plus the related endocrine system, with its relation to the blood stream, that constitutes both the possibility of disease and its cure. But this recognition is still academically lacking. Much of the inherent psychology is grasped, but a gap still exists between the physical and the etheric bodies, and little recognition of the etheric body is yet academically accorded. There is yet no real understanding of the relation between the inner psyche and the outer form, via the etheric body. The study of the glands has somewhat helped, but medical science must go a step further and relate the glandular system to the inner centres.

Chính mối liên hệ nội tại giữa các năng lượng vi tế hơn, hoạt động qua một số trung tâm nhất định, cộng với hệ nội tiết liên hệ, cùng mối liên hệ của nó với dòng máu, tạo thành cả khả năng bệnh tật lẫn sự chữa lành của nó. Nhưng sự nhìn nhận này vẫn còn thiếu trong giới học thuật. Phần lớn tâm lý học cố hữu đã được nắm bắt, nhưng vẫn còn một khoảng trống giữa thể xác và thể dĩ thái, và cho đến nay thể dĩ thái vẫn ít được giới học thuật công nhận. Vẫn chưa có sự thấu hiểu thực sự nào về mối liên hệ giữa đời sống tâm lý bên trong và hình tướng bên ngoài, thông qua thể dĩ thái. Việc nghiên cứu các tuyến đã phần nào giúp ích, nhưng khoa học y học phải tiến thêm một bước nữa và liên hệ hệ tuyến với các trung tâm bên trong.

On Problems of Melancholia.

Về Các Vấn Đề U Sầu.

These problems of melancholia are difficult to place and are due to a wide variety of causes. I will list them here, and the list may at some time serve you.

Những vấn đề u sầu này khó xác định và là do rất nhiều nguyên nhân khác nhau. Tôi sẽ liệt kê chúng ở đây, và danh sách này có thể vào một lúc nào đó sẽ hữu ích cho bạn.

1. A sense of frustration, a thwarted wish-life, or a recognition of a basic life failure.

1. Một cảm giác thất vọng, một đời sống ham muốn bị ngăn trở, hoặc một sự nhận ra về một thất bại căn bản trong đời sống.

2. A sense of dramatics, and a desire to figure importantly on the little stage of a person's life. This can often be quite unrealised and have a truly subconscious origin, or it can be a carefully cultivated habit or attitude.

2. Một cảm giác kịch tính, và một ham muốn được đóng vai trò quan trọng trên sân khấu nhỏ bé của đời sống một người. Điều này thường có thể hoàn toàn không được nhận ra và có một nguồn gốc thật sự tiềm thức, hoặc có thể là một thói quen hay thái độ được nuôi dưỡng cẩn thận.

3. A devitalised condition, largely of an etheric nature, which robs life of all joy and desire and presents always a sense of futility. Many women passing through the menopause experience this.[339]

3. Một tình trạng mất sinh lực, phần lớn có bản chất dĩ thái, cướp đi khỏi đời sống mọi sự hoan hỉ và ham muốn và luôn luôn tạo ra một cảm giác vô ích. Nhiều phụ nữ trải qua thời kỳ mãn kinh kinh nghiệm điều này. [339]

4. A certain form of breakdown in the cells found in a particular area of the brain.

4. Một dạng suy sụp nhất định trong các tế bào được tìm thấy ở một vùng đặc biệt của não.

5. Based on fear of insanity and of death—a baseless fear which has never materialised but which does constitute an idée fixe, so that the person is the victim of a well developed thoughtform.

5. Dựa trên nỗi sợ điên loạn và cái chết—một nỗi sợ vô căn cứ chưa bao giờ hiện thực hóa nhưng lại thực sự cấu thành một *idée fixe*, đến nỗi người ấy là nạn nhân của một hình tư tưởng phát triển mạnh.

6. A tuning-in, through oversensitivity, on the suffering and massed pain of the world. Disciples can be temporarily overcome by this.

6. Một sự bắt nhịp, do quá nhạy cảm, với đau khổ và nỗi đau tích tụ của thế giới. Các đệ tử có thể tạm thời bị điều này chế ngự.

7. This condition is very seldom brought about by any form of obsession such as "an earthbound entity or a living vampire-like

7. Tình trạng này rất hiếm khi do bất kỳ hình thức ám nhập nào gây ra như "một thực thể bị trói buộc vào cõi đất hay một

person." A very few such cases have been known, but they are too rare to be considered a factor.

người sống kiểu ma cà rồng." Một vài rất ít trường hợp như thế đã được biết đến, nhưng chúng quá hiếm để được xem là một yếu tố.

8. Sometimes a person tunes in on a state of massed melancholia, such as can be found in our sanitariums or asylums. The condition has then nothing really to do with him, but being sensitive, he identifies himself with those who are suffering from acute melancholia.

8. Đôi khi một người bắt nhịp với một trạng thái u sầu tích tụ, như có thể thấy trong các viện điều dưỡng hay nhà thương điên của chúng ta. Khi đó tình trạng này thực ra không liên quan gì đến y, nhưng vì nhạy cảm, y đồng hoá mình với những người đang chịu chứng u sầu cấp tính.

9. Melancholia, as a symptom of disease (not of brain disease) is also fairly frequent and will disappear when the disease is under proper treatment.

9. U sầu, như một triệu chứng của bệnh tật (không phải bệnh của não), cũng khá thường gặp và sẽ biến mất khi bệnh được điều trị đúng cách.

A person may be suffering from a combination of such causes, as for instance a combination, let us say of the causes in 1, 2, 6.

Một người có thể đang chịu đựng một sự kết hợp của những nguyên nhân như thế, chẳng hạn, chúng ta hãy nói rằng một sự kết hợp của các nguyên nhân ở 1, 2, 6.

On Full Moon and Psychoses.

Về Trăng Tròn và Các Chứng Loạn Thần.

One of the departments of esoteric medicine in the future will concern itself with the law of cycles, lunar and solar. It will then be demonstrated as a fact, what has always been suspected and is now generally recognised, that the period of the full moon has a definite effect upon unbalanced people, upon the dreaming state and frequently conditions quite [340] drastically, the neurotic and erotic conditions so prevalent at this time.

Một trong những bộ môn của y học huyền bí trong tương lai sẽ quan tâm đến định luật chu kỳ, chu kỳ mặt trăng và mặt trời. Khi đó, điều vốn luôn được phỏng đoán và hiện nay được nhìn nhận rộng rãi sẽ được chứng minh như một sự kiện, rằng thời kỳ trăng tròn có một tác động rõ rệt lên những người mất quân bình, lên trạng thái mộng mị và thường tác động khá [340] mạnh mẽ đến các tình trạng loạn thần kinh và nhục dục rất phổ biến vào lúc này.

The tremendous increase in insanity and imbalance today is due to three major causes:

Sự gia tăng ghê gớm của tình trạng điên loạn và mất quân bình ngày nay là do ba nguyên nhân chính:

1. The transitional period of today producing a clash between the Aquarian and the Piscean forces, has led to a condition

1. Thời kỳ chuyển tiếp ngày nay tạo ra một sự xung đột giữa các mãnh lực Bảo Bình và Song Ngư, đã dẫn đến một tình trạng khiến

which makes it very difficult for sensitive people to live normally at all. To express the idea in symbol: It is almost as if the race, after habituating itself to live on the earth, had now to accustom itself to live in water. I am talking from the standpoint of the form.

cho những người nhạy cảm rất khó sống bình thường. Để diễn đạt ý tưởng này bằng biểu tượng: gần như thể nhân loại, sau khi đã quen sống trên đất, giờ đây phải tập sống trong nước. Tôi đang nói từ quan điểm của hình tướng.

2. The intense spiritual and mental stimulation which is being applied today to the masses by the planetary Hierarchy. The intent is to bring to an end old forms of living, to create new forms through the process of adjustment, and thus bring in a new civilisation based on a more subjective culture. I would ask you to ponder on this last sentence.

2. Sự kích thích tinh thần và trí tuệ mãnh liệt đang được Thánh đoàn hành tinh áp dụng ngày nay lên quần chúng. Mục đích là chấm dứt các hình thức sống cũ, tạo ra các hình thức mới qua tiến trình điều chỉnh, và như thế đưa vào một nền văn minh mới dựa trên một *văn hóa* chủ quan hơn. Tôi muốn yêu cầu bạn suy ngẫm về câu cuối này.

3. The pouring in of more light from the astral plane (at present unrecognised) and also the tremendous increase of ordinary physical plane illumination. This produces oversensitivity. The work done by the prevailing use of electric light and the general glare in which humanity now lives, will exact its toll from the race until the human mechanism has adjusted itself to light. Remember that this general use of light is less than one hundred years old and is an occult effect with far reaching results.

3. Sự tuôn đổ của nhiều ánh sáng hơn từ cõi cảm dục (hiện nay chưa được nhận ra) và cả sự gia tăng ghê gớm của ánh sáng thông thường trên cõi hồng trần. Điều này tạo ra sự quá nhạy cảm. Công việc được thực hiện bởi việc sử dụng phổ biến ánh sáng điện và sự chói lòa chung mà nhân loại hiện đang sống trong đó, sẽ gây tổn thất cho nhân loại cho đến khi bộ máy con người tự điều chỉnh với *ánh sáng*. Hãy nhớ rằng việc sử dụng ánh sáng phổ biến này chưa đầy một trăm năm tuổi và là một hiệu quả huyền bí với những kết quả sâu rộng.

I mention these three things because they are responsible for much of the predisposition to sensitivity of an abnormal kind. Occult students well know that at the time of the full moon certain high contacts are easier than at other [341] times, but it is right here, my brother, that the difficulty lies.

Tôi đề cập đến ba điều này vì chúng chịu trách nhiệm cho phần lớn khuynh hướng dễ bị nhạy cảm theo một kiểu bất thường. Các đạo sinh huyền bí học đều biết rõ rằng vào thời điểm trăng tròn, một số tiếp xúc cao siêu nào đó dễ dàng hơn những [341] thời điểm khác, nhưng chính ở đây, Huynh đệ của Tôi, là nơi khó khăn nằm ở đó.

At the time of the full moon (over a period of five days) the moon and the planet are the recipients of more reflected light from the sun than at any other time. For this there is a

Vào thời điểm trăng tròn (trong một giai đoạn năm ngày), mặt trăng và hành tinh là những bên tiếp nhận nhiều ánh sáng phản chiếu từ mặt trời hơn bất kỳ lúc nào khác. Có

subjective cause. I can only explain it to you by a symbol which may convey truth to you or which may act as a blind. Symbolically speaking, the period of intensest meditation of our planetary Logos comes around at the full moon period each month; just as you have your daily meditation so He in His high place, has His cyclic point of contact. This produces the pouring in of radiance and the entering in of energy both subjective and objective. For all true students, therefore, their work on the mental plane is facilitated; they are enabled then to meditate more successfully and to attain realisation with greater ease. They definitely share in the achievement of the Lord of Shamballa.

một nguyên nhân chủ quan cho điều này. Tôi chỉ có thể giải thích cho bạn bằng một biểu tượng có thể chuyển tải chân lý cho bạn hoặc có thể hoạt động như một bức màn che. Nói một cách biểu tượng, thời kỳ tham thiền mãnh liệt nhất của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta diễn ra vào kỳ trăng tròn mỗi tháng; cũng như bạn có bài tham thiền hằng ngày của bạn, thì Ngài, ở vị trí cao cả của Ngài, có điểm tiếp xúc theo chu kỳ của Ngài. Điều này tạo ra sự tuôn đổ của bức xạ và sự đi vào của năng lượng cả chủ quan lẫn khách quan. Vì vậy, đối với mọi đạo sinh chân chính, công việc của họ trên cõi trí được tạo điều kiện thuận lợi; khi đó họ có thể tham thiền thành công hơn và đạt được chứng nghiệm dễ dàng hơn. Họ thực sự chia sẻ trong thành tựu của Đức Chúa Tể Shamballa.

The moon, as you know, is a shell, an ancient form through which the planetary Logos at one time sought expression. It is slowly disintegrating physically but not astrally as yet, and is therefore still closely linked with the astral body of the planetary Logos and therefore with the astral bodies of all people. Its influence is consequently more potent at the time of the full moon upon all who are unbalanced. This lack of equilibrium, which it really is, will eventually be found to exist between the astral body, the etheric body and the physical mechanism.

Mặt trăng, như bạn biết, là một cái vỏ, một hình tướng cổ xưa mà qua đó Hành Tinh Thượng Đế đã từng tìm cách biểu lộ. Nó đang từ từ tan rã về mặt hồng trần nhưng chưa tan rã về mặt cảm dục, và vì thế vẫn còn liên kết chặt chẽ với thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế và do đó với các thể cảm dục của mọi người. Vì vậy, ảnh hưởng của nó mạnh hơn vào thời điểm trăng tròn đối với tất cả những ai mất quân bình. Sự thiếu quân bình này, đúng như bản chất của nó, cuối cùng sẽ được phát hiện là tồn tại giữa thể cảm dục, thể dĩ thái và bộ máy hồng trần.

People who are definitely aspirants and people who are definitely mental, can profit by these full moon cycles; those who are definitely unbalanced, positively astral, and emotional, and frequently swept by uncontrolled desire, are hindered, overstimulated, and psychically upset by these same cycles. The veil of illusion is lit up at that time with a consequent result of hallucination, astral visions, [342] psychic

Những người rõ ràng là người chí nguyện và những người rõ ràng thuộc loại trí tuệ có thể thu lợi từ các chu kỳ trăng tròn này; những người rõ ràng mất quân bình, thiên rõ rệt về cảm dục và cảm xúc, và thường bị cuốn đi bởi ham muốn không kiểm soát, thì bị cản trở, bị kích thích quá mức, và bị xáo trộn thông linh bởi chính các chu kỳ ấy. Bức màn ảo tưởng được thắp sáng vào lúc đó với hậu quả là ảo giác, linh ảnh cảm dục, [342] các

urges, and those misinterpretations of life, of overemphasis upon aspects of life which we call phobias, lunacy, etc.

thúc đẩy thông linh, và những sự diễn giải sai lầm về đời sống, sự nhấn mạnh quá mức lên các phương diện của đời sống mà chúng ta gọi là ám sợ, điên loạn, v.v.

I would like to make a suggestion here, which is not possible for me to prove to you, but which the future will substantiate. The major diseases called mental, seldom have anything to do with the mind itself. They are:

Tôi muốn đưa ra ở đây một gợi ý, điều mà tôi không thể chứng minh cho bạn, nhưng tương lai sẽ xác nhận. Các bệnh lớn được gọi là bệnh tâm thần hiếm khi có liên quan gì đến chính trí tuệ. Chúng là:

1. Diseases of the brain.

1. Các bệnh của não.

2. Disorders of the solar plexus.

2. Các rối loạn của tùng thái dương.

3. Astral domination.

3. Sự thống trị của cảm dục.

4. Premature clairvoyance and clairaudience.

4. Thông nhãn và thông nhĩ quá sớm.

5. Obsession.

5. Ám nhập.

6. Absence of mind.

6. Sự vắng mặt của trí tuệ.

7. Soullessness.

7. Tình trạng vô hồn.

This is, of course, a wide generalisation and has no reference to that category of diseases in which both mind and brain are involved. The diseases of mystics are also in a different category. These latter diseases involve the brain of course, indicate mental imbalance, produce various types of heart disease and the diverse neurotic tendencies with which the saints of the world were so often afflicted.

Dĩ nhiên, đây là một sự khái quát hóa rộng và không liên quan đến loại bệnh trong đó cả trí tuệ lẫn não đều bị dính líu. Các bệnh của các nhà thần bí cũng thuộc một loại khác. Những bệnh vừa nêu sau cùng này dĩ nhiên liên quan đến não, cho thấy sự mất quân bình trí tuệ, tạo ra nhiều loại bệnh tim khác nhau và những khuynh hướng loạn thần kinh đa dạng mà các vị thánh của thế giới thường hay mắc phải.

One thing I will add, however, for your encouragement. As the race, as a whole, becomes governed by the solar Lord, the sun god, the Soul, then the cycles of the moon

Tuy nhiên, tôi sẽ thêm một điều để khích lệ bạn. Khi nhân loại, xét như một toàn thể, ngày càng được nhật tinh quân, vị thần mặt trời, tức Linh hồn, cai quản, thì các chu kỳ

will steadily lose their baleful effect and there will be a dying out of the various neurotic complaints and mental diseases today so prevalent. The time is not yet. It is not easy for me to give more information concerning the moon and its phases, as it constitutes one of the major mysteries to be revealed at the third initiation.

của mặt trăng sẽ dần dần mất đi ảnh hưởng tai hại của chúng và sẽ có sự tàn lụi của các chứng loạn thần kinh khác nhau và các bệnh tâm thần hiện nay quá phổ biến. Thời điểm ấy chưa đến. Tôi không dễ gì cung cấp thêm thông tin về mặt trăng và các pha của nó, vì điều đó cấu thành một trong những huyền nhiệm lớn sẽ được mặc khải ở lần điểm đạo thứ ba.

[343]

[343]

On Distribution of Force; Blood Transfusion.

Về Sự Phân Phối Mãnh Lực; Truyền Máu.

Instead of two questions, you have several. Let me list them for you so that you will see what I mean, and for clarity in replying. Several of these questions are inferred and not definitely posited, but if I am to deal with them they must be put in the form of questions and even then the subject is so vast that there will not be time.

Thay vì hai câu hỏi, bạn có vài câu hỏi. Hãy để tôi liệt kê chúng cho bạn để bạn thấy điều tôi muốn nói, và để rõ ràng trong khi trả lời. Một số câu hỏi này được hàm ý chứ không được nêu ra rõ ràng, nhưng nếu tôi muốn bàn đến chúng thì chúng phải được đặt thành hình thức câu hỏi, và ngay cả như thế chủ đề vẫn quá rộng đến nỗi sẽ không có đủ thời gian.

1. How can a more harmonious distribution of force be accomplished for the benefit of all?

1. Làm thế nào có thể thực hiện được một sự phân phối mãnh lực hài hòa hơn vì lợi ích của tất cả?

2. Can you give us some more specific instructions and indicate to us some esoteric methods, suitable to our stage of development in connection with this problem of distribution?

2. Bạn có thể cho chúng tôi một số chỉ dẫn cụ thể hơn và chỉ ra cho chúng tôi một số phương pháp huyền bí, thích hợp với giai đoạn phát triển của chúng tôi liên quan đến vấn đề phân phối này không?

3. Has the fact of blood transfusion...any correspondence in some process of the transfusion of subtle energies on the inner planes?

3. Sự kiện truyền máu... có bất kỳ sự tương ứng nào với một tiến trình truyền các năng lượng vi tế trên các cõi bên trong không?

4. Are there some special means, besides what we are already trying to do, by which those of us who are on the second ray could

4. Có phương tiện đặc biệt nào, ngoài điều chúng ta đã cố gắng làm, nhờ đó những người trong chúng ta thuộc cung hai có thể truyền phẩm tính bác ái của mình vào các

more effectively transfuse our love quality into brothers on the first ray, and vice versa?

huynh đệ thuộc cung một một cách hữu hiệu hơn, và ngược lại không?

5. What is the interrelation and the cooperation among the ray lives and particularly between the first and second ray entities?

5. Mối tương quan và sự hợp tác giữa các sự sống cung là gì, và đặc biệt là giữa các thực thể cung một và cung hai?

6. How can the example of the close cooperation and friendship between the Master M. and the Master K. H. be of practical help and inspiration to us?

6. Tấm gương về sự hợp tác mật thiết và tình bạn giữa Chân sư M. và Chân sư K. H. có thể giúp ích và truyền cảm hứng thực tiễn cho chúng ta như thế nào?

You will see from the above how impossible it will be to deal with this wide range of subjects. I will, however, give you the briefest answers to some of them, or indicate the line along which your ideas may flow.

Bạn sẽ thấy từ những điều trên rằng việc bàn đến phạm vi rộng lớn các chủ đề này là điều bất khả. Tuy nhiên, tôi sẽ đưa ra những câu trả lời ngắn gọn nhất cho một số câu hỏi, hoặc chỉ ra đường hướng mà theo đó các ý tưởng của bạn có thể tuôn chảy.

1. A harmonious distribution of forces varies in its arrangement and consequently in its outer effect not only [344] according to ray types but according to the age of the soul, and the individual status upon the Path. There is a difference in this arrangement in the subtle bodies of the probationary disciple and of the accepting disciple, and of the accepted disciple and for each grade upon the path of initiation. This arrangement is brought about in three ways or is subject to three forms of developing influences.

1. Một sự phân phối mãnh lực hài hòa thay đổi trong sự sắp xếp của nó và do đó trong hiệu quả bên ngoài của nó không chỉ [344] tùy theo các loại cung mà còn tùy theo tuổi của linh hồn, và địa vị cá nhân trên Đường Đạo. Có một sự khác biệt trong sự sắp xếp này trong các thể vi tế của đệ tử dự bị và đệ tử chấp nhận, và của đệ tử được chấp nhận, cũng như đối với mỗi cấp bậc trên con đường điểm đạo. Sự sắp xếp này được tạo ra theo ba cách hoặc chịu ba hình thức ảnh hưởng phát triển.

a. Through the life of aspiration, as registered in the physical brain consciousness.

a. Qua đời sống khát vọng, như được ghi nhận trong tâm thức bộ não hồng trần.

b. Through the spontaneous awakening of the centres and in their right geometrical progression. This I have referred to in some of my books, but more cannot be given as it is one of the secrets of the first initiation.

b. Qua sự thức tỉnh tự phát của các trung tâm và trong sự tiến triển hình học đúng đắn của chúng. Tôi đã đề cập đến điều này trong một số sách của tôi, nhưng không thể cho thêm vì đó là một trong những bí mật

The rearranging and the readjustment proceeds during the whole period of the Path, technically understood.

của lần điểm đạo thứ nhất. Sự tái sắp xếp và tái điều chỉnh diễn ra trong suốt toàn bộ thời kỳ của Đường Đạo, theo nghĩa kỹ thuật.

c. Through the decentralisation of the whole inner conscious life. The server becomes:

c. Qua sự phi tập trung vào bản thân của toàn bộ đời sống hữu thức bên trong. Người phụng sự trở thành:

1. The mystical extrovert.

1. Nhà thần bí hướng ngoại.

2. The "one who steps aside from the centre."

2. "Người bước sang một bên khỏi trung tâm."

3. The "one who lives upon the periphery of the heart."

3. "Người sống trên chu vi của tim."

4. The "one who hovers over the central lotus."

4. "Người lơ lửng trên hoa sen trung tâm."

5. The "distant one who sees from far away, yet lives within the form of all that is."

5. "Người ở xa nhìn từ nơi xa, nhưng vẫn sống trong hình tướng của mọi điều đang hiện hữu."

A study of these descriptive phrases may give you the clue to the right distribution of energy.

Một sự nghiên cứu các cụm từ mô tả này có thể cho bạn đầu mối về sự phân phối năng lượng đúng đắn.

2. The second question is somewhat answered in the above brief statement. I am doing what I can in my personal instructions (Discipleship in the New Age Vol. I & II) to all of you to bring about two things:

2. Câu hỏi thứ hai phần nào đã được trả lời trong phát biểu ngắn gọn ở trên. Tôi đang làm điều tôi có thể trong các chỉ dẫn cá nhân của tôi *(Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I & II)* cho tất cả các bạn để mang lại hai điều:

a. Clear the field of the personality life so that the higher energies can have freer play. [345]

a. Dọn sạch cánh đồng của đời sống phàm ngã để các năng lượng cao hơn có thể hoạt động tự do hơn.[345]

b. Bring about those conditions and orientations which will produce harmony within, and consequently and equally, harmonious relations without. I would

b. Tạo ra những điều kiện và những định hướng sẽ sản sinh sự hài hòa bên trong, và do đó, đồng thời, các mối liên hệ hài hòa bên ngoài. Tuy nhiên, tôi muốn nhắc bạn rằng sự

remind you, however, that the inner harmony of one brother in a group may not be adequate to produce harmony in another brother or in the group.

hài hòa bên trong của một huynh đệ trong nhóm có thể không đủ để tạo ra sự hài hòa trong một huynh đệ khác hay trong nhóm.

3. Blood transfusion is symbolic of two things: First, that the blood is the life, and secondly, that there is but one Life permeating all forms, and therefore transferable under right conditions. It is also a synthetic act of service. Ponder on this.

3. Truyền máu là biểu tượng của hai điều: thứ nhất, máu là sự sống, và thứ hai, chỉ có một Sự Sống thấm nhuần mọi hình tướng, và vì thế có thể được chuyển truyền dưới những điều kiện đúng đắn. Nó cũng là một hành vi phụng sự tổng hợp. Hãy suy ngẫm về điều này.

4. Your question gives me an opportunity to point out that even an understanding of, and interest in, the ray types (as represented for instance in a group) may itself lead to a subtle separative attitude. There is no necessity for any Son of God in incarnation upon the physical plane or in the three worlds to "transfuse" his ray quality into his brother. These ray qualities are shared by all alike, and a brother's own soul—differing in no way from another soul—will effect the needed transmutation or transfusion into the personality life. One may facilitate the process by providing those conditions of harmony and peace wherein a brother is faced with as few contrary attitudes as possible, and where the interplay of love may produce an effective stimulation. But this is not transfusion. What exists in you exists in all, and the love quality (above all other qualities) is the dominant characteristic of all rays.

4. Câu hỏi của bạn cho tôi cơ hội chỉ ra rằng ngay cả một sự thấu hiểu và quan tâm đến các loại cung (chẳng hạn như được biểu hiện trong một nhóm) tự nó cũng có thể dẫn đến một thái độ chia rẽ vi tế. Không cần thiết để bất kỳ Con của Thượng đế nào đang lâm phàm trên cõi hồng trần hay trong ba cõi thấp phải "truyền" phẩm tính cung của mình vào huynh đệ của mình. Những phẩm tính cung này được mọi người cùng chia sẻ như nhau, và chính linh hồn của một huynh đệ—không khác gì linh hồn khác—sẽ thực hiện sự chuyển hoá hay truyền chuyển cần thiết vào đời sống phàm ngã. Người ta có thể tạo thuận lợi cho tiến trình ấy bằng cách cung cấp những điều kiện hài hòa và bình an trong đó một huynh đệ phải đối diện với ít thái độ đối nghịch nhất có thể, và nơi sự tương tác của bác ái có thể tạo ra một sự kích thích hữu hiệu. Nhưng đó không phải là sự truyền chuyển. Điều hiện hữu trong bạn hiện hữu trong tất cả, và phẩm tính bác ái (trên hết mọi phẩm tính khác) là đặc tính *chi phối* của mọi cung.

5. This question is not only one of the mysteries of the occult sciences, but it is of far too vast a nature in its implications and too complicated a problem for me to deal with in this place.

5. Câu hỏi này không chỉ là một trong những huyền nhiệm của các khoa học huyền bí học, mà còn quá bao la trong các hàm ý của nó và quá phức tạp như một vấn đề để tôi có thể bàn đến ở đây.

6. The relationship of the two Masters you mention can be studied in two ways:[346]

a. Through a consideration of the effective working relation which exists between the groups of disciples working under Them.

b. Through a study of those people (and they are many) who have a first ray personality and a second ray ego, or vice versa.

In the last analysis, my brother, we bring about the correct distribution of force, leading to harmonious relations, when we seek to live selflessly. For the probationer, this means an imposed selfless activity upon the physical plane. For the accepted disciple, it involves a life free from all selfish, self-centered emotion, and of these self-pity and self-dramatisation are outstanding examples; for the initiate it means a mental attitude which is devoid of selfish thought, and free from the dramatisations in thought of the ego.

On Suffering.

Suffering, in the last analysis, is only possible when the soul is identified with the body, or rather, when the spiritual aspect of the soul (in the body) is identified with the animal soul, which informs and vitalises the form and constitutes its temporary life. During unconsciousness, the animal soul is aware of pain and suffering, and those who nurse and watch know this well, but there is no real pain or true distress because the real man, the spiritual soul, has been driven away either by excessive pain (as in true unconsciousness) or by narcotics.

6. Mối liên hệ của hai Chân sư mà bạn đề cập có thể được nghiên cứu theo hai cách:[346]

a. Qua việc xem xét mối liên hệ công việc hữu hiệu đang tồn tại giữa các nhóm đệ tử hoạt động dưới Các Ngài.

b. Qua việc nghiên cứu những người (và họ rất nhiều) có phàm ngã cung một và chân ngã cung hai, hoặc ngược lại.

Rốt cuộc, Huynh đệ của Tôi, chúng ta mang lại sự phân phối mãnh lực đúng đắn, dẫn đến các mối liên hệ hài hòa, khi chúng ta tìm cách sống vị tha. Đối với người dự bị, điều này có nghĩa là một hoạt động vị tha áp đặt trên cõi hồng trần. Đối với đệ tử được chấp nhận, nó bao hàm một đời sống không còn mọi cảm xúc ích kỷ, tập trung vào bản thân, mà trong đó tự thương hại và tự kịch hóa là những ví dụ nổi bật; đối với điểm đạo đồ, nó có nghĩa là một thái độ trí tuệ không có tư tưởng ích kỷ, và không còn những sự kịch hóa trong tư tưởng của phàm ngã.

Về Đau Khổ.

Rốt cuộc, đau khổ chỉ có thể xảy ra khi linh hồn đồng hoá với thể xác, hay đúng hơn, khi phương diện tinh thần của linh hồn (trong thể xác) đồng hoá với hồn thú, vốn phú linh và tiếp sinh lực cho hình tướng và cấu thành sự sống tạm thời của nó. Trong lúc mất ý thức, hồn thú nhận biết đau đớn và đau khổ, và những người chăm sóc và theo dõi đều biết rõ điều này, nhưng không có đau đớn thực sự hay khổ sở chân thật nào bởi vì con người thực, linh hồn tinh thần, đã bị đẩy ra xa hoặc bởi đau đớn quá mức (như trong tình trạng mất ý thức thật sự) hoặc bởi thuốc mê.

The suffering of the soul, when the personality goes astray, is only a symbolic form of words. There is no pain or true suffering, and frequently no knowledge of the happening, for the vibration is not high enough to penetrate into that high plane where dwells the soul. Where, however, [347] there is such knowledge, the soul experiences, if I might so express it, a sense of lost opportunity, and therefore a sense of frustration, but it is not more than that, for the patience of the soul, as of the Hierarchy, is illimitable. Just because we speak symbolically and say the soul suffers, you must not interpret it in ordinary terms.

Sự đau khổ của linh hồn, khi phàm ngã đi lạc đường, chỉ là một hình thức ngôn từ biểu tượng. Không có đau đớn hay đau khổ thực sự, và thường cũng không có tri thức nào về sự việc xảy ra, vì rung động không đủ cao để xuyên thấu vào cõi cao nơi linh hồn cư ngụ. Tuy nhiên, ở nơi nào [347] có tri thức như thế, linh hồn kinh nghiệm, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, một cảm giác mất cơ hội, và do đó một cảm giác thất vọng, nhưng không hơn thế, vì sự kiên nhẫn của linh hồn, cũng như của Thánh đoàn, là vô hạn. Chỉ vì chúng ta nói theo biểu tượng và nói rằng linh hồn đau khổ, bạn không được diễn giải điều đó theo những thuật ngữ thông thường.

The suffering of Christ or of the planetary Logos or of God Himself, is not comprehensible in terms of personality reaction. We use the words, but they really mean “detached and isolated identification.” Does that convey aught to you, my brother?

Sự đau khổ của Đức Christ hay của Hành Tinh Thượng Đế hay của chính Thượng đế, không thể được hiểu theo các thuật ngữ của phản ứng phàm ngã. Chúng ta dùng những từ ấy, nhưng chúng thực sự có nghĩa là “sự đồng hoá tách rời và cô lập.” Điều đó có chuyển tải được gì đến bạn không, Huynh đệ của Tôi?

Wrong identification is the cause of pain and leads to suffering, distress and various effects. Right identification leads to understanding and comprehension of the psychological attitudes of the sufferer, but to no true pain or distress as we normally understand it.

Sự đồng hoá sai lầm là nguyên nhân của đau đớn và dẫn đến đau khổ, khổ sở và nhiều hiệu quả khác nhau. Sự đồng hoá đúng đắn dẫn đến sự thấu hiểu và sự lĩnh hội các thái độ tâm lý của người đau khổ, nhưng không dẫn đến đau đớn hay khổ sở thực sự như chúng ta thường hiểu.

On Planetary Energy.

Về Năng Lượng Hành Tinh.

The sumtotal of energy remains the same for as long as a planet persists, with its forms and life expression. It is part of the great storehouse of energy. It is the use and the effect of this energy, as it is appropriated by a form or forms of some kind, which we note as it is attracted from its own place to a

Tổng số năng lượng vẫn giữ nguyên chừng nào một hành tinh còn tồn tại, cùng với các hình tướng và biểu lộ sự sống của nó. Nó là một phần của kho năng lượng vĩ đại. Chính việc sử dụng và hiệu quả của năng lượng này, khi nó được một hình tướng hay các hình tướng nào đó chiếm dụng, là điều

place where normally it would not be functioning. There it creates situations and produces difficulties which are closely connected with a man's karma and destiny. There is a great abstracting energy which we call Death, whose influence at a given time proves more potent than the united influences of the body atoms and cells. It produces the tendency to withdraw and finally to abstract the soul energy which avails itself of these potencies in the process of discarding a vehicle on some plane or another. It might be said that the seeds of death (the germ of death) are latent in the planet and in the forms. [348] When powerful enough to be recognised, we call them germs, but this connotes a definite stage of almost tangible proof. When unduly potent, they produce acute disease and consequent death; when more feeble in effect, we call them illness and note their purificatory effect. These contaminations (as they can be called, though it is by no means a good name) are only such when that aggregate of energies which we call a man is brought in contact with these contaminating influences or types of ancient energies, and the reaction or the response is, from the angle of the comfort of the physical body, bad.

chúng ta lưu ý khi nó bị hút từ chỗ riêng của nó đến một nơi mà bình thường nó sẽ không hoạt động. Tại đó nó tạo ra các tình huống và sản sinh những khó khăn gắn chặt với nghiệp quả và định mệnh của một người. Có một năng lượng rút ra vĩ đại mà chúng ta gọi là Cái Chết, mà ảnh hưởng của nó vào một thời điểm nhất định tỏ ra mạnh hơn các ảnh hưởng hợp nhất của các nguyên tử và tế bào của thân thể. Nó tạo ra khuynh hướng rút lui và cuối cùng rút năng lượng linh hồn, vốn sử dụng các tiềm lực này trong tiến trình loại bỏ một vận cụ trên cõi này hay cõi khác. Có thể nói rằng các hạt giống của cái chết (mầm mống của cái chết) tiềm ẩn trong hành tinh và trong các hình tướng. [348] Khi đủ mạnh để được nhận biết, chúng ta gọi chúng là vi trùng, nhưng điều này hàm ý một giai đoạn xác chứng gần như hữu hình nhất định. Khi quá mạnh, chúng tạo ra bệnh cấp tính và hậu quả là cái chết; khi yếu hơn trong hiệu quả, chúng ta gọi chúng là bệnh tật và lưu ý hiệu quả thanh lọc của chúng. Những sự nhiễm bẩn này (có thể gọi như thế, dù đó hoàn toàn không phải là một tên gọi hay) chỉ là như vậy khi tổng thể các năng lượng mà chúng ta gọi là một con người được đưa vào tiếp xúc với những ảnh hưởng gây nhiễm bẩn hay những loại năng lượng cổ xưa này, và phản ứng hay sự đáp ứng, xét từ góc độ sự dễ chịu của thể xác, là xấu.

On Transmutation of Desire.

Về Sự Chuyển Hoá Ham Muốn.

The point to be borne in mind is that desire dominates and controls action when the life force is focussed in the desire nature, as it predominantly is with the majority of people. But planned mental control is only possible when the life is focussed on the mental plane. When this is the case, desire will not require suppression, because the power of the focussed attention will be elsewhere and there will consequently be no

Điểm cần ghi nhớ là ham muốn chi phối và kiểm soát hành động khi sinh lực được tập trung trong bản chất ham muốn, như phần lớn là như thế nơi đa số mọi người. Nhưng sự kiểm soát trí tuệ có kế hoạch chỉ có thể có khi đời sống được tập trung trên cõi trí. Khi điều này là như thế, ham muốn sẽ không cần bị đè nén, bởi vì quyền năng của sự chú ý tập trung sẽ ở nơi khác và do đó sẽ không có ham muốn dữ dội cần phải đè nén. Sự đè nén

furious desire to suppress. Suppression is an effort by the man focussed in the astral body to bring in the will aspect of the mind. But this he seldom does. The desire may pass off through the intense effort the man is making to achieve some mental consciousness, but no suppression takes place really, nor is the will evoked. When a man's life is run and controlled by the mind from mental levels, then transmutation does take place; transmutation (whereby the astral nature is changed and altered) may be of a spiritual nature or simply of an expedient nature. Desire may be transmuted into spiritual aspiration or into an attitude which is in conformity to the will of the mind which is expressing it. Hence the necessity for careful analysis of motive and of objectives.[349]

là một nỗ lực của con người tập trung trong thể cảm dục nhằm đưa vào phương diện ý chí của trí tuệ. Nhưng điều này y hiếm khi làm được. Ham muốn có thể qua đi nhờ nỗ lực mãnh liệt mà con người đang thực hiện để đạt được một tâm thức trí tuệ nào đó, nhưng thực sự không có sự đè nén nào diễn ra, và ý chí cũng không được gợi lên. Khi đời sống của một người được điều hành và kiểm soát bởi trí tuệ từ các cấp độ cõi trí, thì sự chuyển hoá thực sự diễn ra; sự chuyển hoá (nhờ đó bản chất cảm dục được thay đổi và biến đổi) có thể có bản chất tinh thần hoặc chỉ đơn giản mang tính thực dụng. Ham muốn có thể được chuyển hoá thành khát vọng tinh thần hoặc thành một thái độ phù hợp với ý chí của trí tuệ đang biểu lộ nó. Do đó cần phải phân tích cẩn trọng động cơ và các mục tiêu.[349]

On Karma.

Về Nghiệp Quả.

I have already suggested to you that the entire question of karma is as yet imperfectly comprehended. A great Law of Cause and Effect exists, but one particular aspect of it has never been emphasised, and the knowledge of humanity on the subject of karma is very elementary. Karma has always been interpreted in terms of disaster, and consequences that are painful, of error, of penalty, and of evil happenings, both for the individual and for the group. Yet, such is the beauty of human nature, and much that is done is of such a fine quality and so selfless and so happily oriented, that the evil is frequently offset by the good. There is everywhere, little as it may be realised, an abundance of good karma of a potency (under the same Law) equal to that which is regarded as bad. Of this, small mention is ever made. This good karma brings into activity forces which may work out as healing energies in any specific case. Upon

Tôi đã gợi ý với bạn rằng toàn bộ vấn đề nghiệp quả cho đến nay vẫn được hiểu một cách chưa hoàn hảo. Có một Định luật lớn về Nhân và Quả tồn tại, nhưng một phương diện đặc biệt của nó chưa bao giờ được nhấn mạnh, và tri thức của nhân loại về chủ đề nghiệp quả là rất sơ đẳng. Nghiệp quả luôn luôn được diễn giải theo các thuật ngữ của tai họa, và những hậu quả đau đớn, của lỗi lầm, của hình phạt, và của những biến cố xấu, cho cả cá nhân lẫn nhóm. Tuy nhiên, bản chất con người đẹp đẽ đến thế, và nhiều điều được làm có phẩm tính cao đẹp đến thế, vị tha đến thế và được định hướng hạnh phúc đến thế, đến nỗi cái xấu thường được hóa giải bởi cái tốt. Ở khắp nơi, dù ít được nhận ra, có một sự phong phú của thiện nghiệp với một tiềm lực (dưới cùng Định luật ấy) ngang bằng với điều được xem là ác nghiệp. Điều này hiếm khi được nhắc đến. Thiện nghiệp này đưa vào hoạt động những mãnh lực có thể biểu lộ thành các năng

these energies for good, which have been earned and are operating, the healer can always count. This is my first point. Ponder upon it.

lượng chữa lành trong bất kỳ trường hợp cụ thể nào. Nhà chữa lành luôn có thể trông cậy vào những năng lượng thiện lành này, vốn đã được tạo ra và đang hoạt động. Đây là điểm thứ nhất của tôi. Hãy suy ngẫm về nó.

Karma is a determining factor, but unless a healer is an advanced initiate and so able to work effectively and intelligently on the causal levels whereon souls dwell, it is impossible for him to decide whether any specific case will yield to healing treatment or not. Therefore, the healer or practising disciple assumes in his mind the possibility of cure (which may be possible or not) and of the patient's good karma, and proceeds to apply all possible aid. This is my second point.

Nghiệp quả là một yếu tố quyết định, nhưng trừ phi một nhà chữa lành là một điểm đạo đồ cao cấp và do đó có thể hoạt động hữu hiệu và thông minh trên các cấp độ nguyên nhân nơi các linh hồn cư ngụ, thì y không thể quyết định liệu một trường hợp cụ thể nào đó có đáp ứng với sự chữa trị hay không. Vì vậy, nhà chữa lành hay đệ tử hành đạo giả định trong trí mình khả năng chữa khỏi (điều này có thể có hoặc không) và thiện nghiệp của bệnh nhân, rồi tiến hành áp dụng mọi sự trợ giúp có thể. Đây là điểm thứ hai của tôi.

My third point is to suggest to you and to all engaged in the healing art that much of the so-called disaster, involved in disease and in death (particularly the latter) is to be found in a wrong attitude toward death, and to an [350] overestimation of the beneficence of form life. The release of a soul through disease and death is not necessarily an unhappy occurrence. A new and better attitude to the phenomenon of death is essential, is possible and near. Upon this I need not here enlarge. But I do seek to give you a new slant on the subject of sickness and of death.

Điểm thứ ba của tôi là gợi ý với bạn và với tất cả những ai dấn thân vào nghệ thuật chữa lành rằng phần lớn cái gọi là tai họa, liên quan đến bệnh tật và cái chết (đặc biệt là cái chết) nằm ở một thái độ sai lầm đối với cái chết, và ở một [350] sự đánh giá quá cao tính phúc lành của đời sống hình tướng. Sự giải thoát một linh hồn qua bệnh tật và cái chết không nhất thiết là một biến cố bất hạnh. Một thái độ mới và tốt đẹp hơn đối với hiện tượng cái chết là điều thiết yếu, là điều có thể có và đang đến gần. Về điều này tôi không cần nói rộng thêm ở đây. Nhưng tôi thực sự tìm cách đem đến cho bạn một góc nhìn mới về chủ đề bệnh tật và cái chết.

Will you be astonished also if I state that under the Law it is quite possible to "interfere with karma"? The great Laws can be transcended and frequently have been in the past, and increasingly will be in the future. The Law of Gravitation is frequently offset and daily transcended when an aeroplane is in flight. The energy of faith can

Bạn có ngạc nhiên không nếu tôi nói rằng dưới Định luật, hoàn toàn có thể "can thiệp vào nghiệp quả"? Các Định luật lớn có thể được vượt qua và thường đã từng được vượt qua trong quá khứ, và ngày càng sẽ như thế trong tương lai. Định luật Hấp Dẫn thường được hóa giải và hằng ngày được vượt qua khi một chiếc máy bay đang bay. Năng lượng

set in motion superior energies which can negate or retard disease. The whole subject of faith, and its vital significance and potency, is as little understood as is the Law of Karma. This is a tremendous subject, and I cannot further enlarge upon it. But I have said enough to offer you food for thought.

của đức tin có thể khởi động các năng lượng cao hơn có thể vô hiệu hóa hoặc trì hoãn bệnh tật. Toàn bộ chủ đề về đức tin, và ý nghĩa thiết yếu cùng tiềm lực của nó, cũng ít được hiểu như Định luật Nghiệp Quả. Đây là một chủ đề mênh mông, và tôi không thể nói rộng thêm về nó. Nhưng tôi đã nói đủ để đem đến cho bạn nhiều điều đáng suy ngẫm.

As regards the lengthening of the span of life during the past century of scientific attainment, I would point out that true techniques and the possibilities of organised soul action are always parodied and falsely demonstrated on the physical plane by the earlier scientific activities which are right in motive but which are only a symbol, on the outer sphere of life, of coming and usually future soul action. The life span will eventually be shortened or lengthened at will by souls who consciously serve, and use the mechanism of the body as the instrument whereby the Plan is served. Frequently, today, lives are preserved in form —both in old age and in infancy—that could be well permitted liberation. They serve no useful purpose and cause much pain and suffering to forms which nature (left to herself) would not long use, and would extinguish. Note that word. Through our overemphasis on the value of form [351] life, and through the universal fear of death—that great transition which we must all face —and through our uncertainty as to the fact of immortality, and also through our deep attachment to form, we arrest the natural processes and hold the life, which is struggling to be free, confined to bodies quite unfitted to the purposes of the soul. Misunderstand me not. I desire to say naught that could place a premium on suicide. But I do say, and I say with emphasis, that the Law of Karma is oft set aside when forms are preserved in coherent expression which should be discarded, for

Liên quan đến việc kéo dài tuổi thọ trong thế kỷ vừa qua của thành tựu khoa học, tôi muốn chỉ ra rằng các kỹ thuật chân chính và các khả năng của hành động linh hồn có tổ chức luôn luôn bị nhại lại và được biểu hiện sai lạc trên cõi hồng trần bởi các hoạt động khoa học ban đầu, vốn đúng về động cơ nhưng chỉ là một biểu tượng, trên khối cầu bên ngoài của đời sống, của hành động linh hồn đang đến và thường là trong tương lai. Tuổi thọ cuối cùng sẽ được rút ngắn hay kéo dài theo ý muốn bởi các linh hồn phụng sự một cách hữu thức, và sử dụng bộ máy của thân thể như công cụ nhờ đó Thiên Cơ được phụng sự. Ngày nay, đời sống thường được duy trì trong hình tướng—cả ở tuổi già lẫn thời thơ ấu—mà đáng lẽ có thể được cho phép giải thoát. Chúng không phục vụ mục đích hữu ích nào và gây nhiều đau đớn và đau khổ cho những hình tướng mà thiên nhiên, nếu để tự nó, sẽ không dùng lâu, và sẽ dập tắt. Hãy lưu ý từ đó. Do chúng ta nhấn mạnh quá mức giá trị của đời sống hình tướng [351], và do nỗi sợ phổ quát đối với cái chết—sự chuyển tiếp lớn lao mà tất cả chúng ta đều phải đối diện—và do sự bất định của chúng ta về sự kiện bất tử, và cũng do sự gắn bó sâu đậm của chúng ta với hình tướng, chúng ta ngăn cản các tiến trình tự nhiên và giữ sự sống, vốn đang vật lộn để được tự do, bị giam hãm trong những thân thể hoàn toàn không thích hợp với các mục đích của linh hồn. Xin đừng hiểu sai tôi. Tôi không muốn nói điều gì có thể khuyến khích tự sát. Nhưng tôi quả thực nói, và tôi nói với sự nhấn mạnh, rằng Định luật Nghiệp Quả

they serve no useful purpose. This preservation is, in the majority of cases, enforced by the subject's group and not by the subject himself—frequently an unconscious invalid, an old person whose response apparatus of contact and response is imperfect, or a baby who is not normal. These cases constitute definite instances of an offsetting of the Law of Karma.

thường bị gạt sang một bên khi các hình tướng được duy trì trong biểu lộ kết hợp mà đáng lẽ phải bị loại bỏ, vì chúng không phục vụ mục đích hữu ích nào. Sự duy trì này, trong đa số trường hợp, bị áp đặt bởi nhóm của đương sự chứ không phải bởi chính đương sự—thường là một bệnh nhân mất ý thức, một người già mà bộ máy đáp ứng tiếp xúc và đáp ứng của họ không hoàn chỉnh, hoặc một em bé không bình thường. Những trường hợp này cấu thành những ví dụ rõ rệt về sự hóa giải Định luật Nghiệp Quả.

The soul, through alignment, enters into a right use of time; or rather the brain, which is the only time-conscious factor in man, is no longer the dominant attribute; the mind, as the agent of the soul (whose consciousness is inclusive of the past, present, and the future), sees life and experience as it truly is. Death, therefore, is referred to as an episode, and as a transitional point in a vast series of transitions. When this attitude of the soul is grasped, our entire technique of living, and incidentally of dying, is utterly altered.

Linh hồn, qua sự chỉnh hợp, đi vào việc sử dụng thời gian đúng đắn; hay đúng hơn, bộ não, vốn là yếu tố duy nhất có ý thức về thời gian trong con người, không còn là thuộc tính chi phối nữa; trí tuệ, như tác nhân của linh hồn (mà tâm thức của linh hồn bao gồm quá khứ, hiện tại và tương lai), nhìn thấy đời sống và kinh nghiệm như chúng thực sự là. Vì vậy, cái chết được nói đến như một giai đoạn, và như một điểm chuyển tiếp trong một chuỗi chuyển tiếp rộng lớn. Khi thái độ này của linh hồn được nắm bắt, toàn bộ kỹ thuật sống của chúng ta, và theo đó là cả kỹ thuật chết, sẽ hoàn toàn thay đổi.

In conclusion, however, and in apparent but no real negation of all that I have said above, let me repeat that the healer will give of his best to the one he seeks to heal. Having no clairvoyant power in the majority of cases, and being time-conscious and under the influence of karma, he will do his utmost along the lines of his own training and in accordance with the instructions given in this treatise [352] on healing. I suggest that you grasp that the objective before any healer at this time and at this given point in the evolutionary unfoldment of the race is the need, when so asked, to aid in the bringing about of health to the body and its sustained experience in life. You need also to

Tuy nhiên, để kết luận, và dường như nhưng không thực sự phủ định tất cả những gì tôi đã nói ở trên, hãy để tôi nhắc lại rằng nhà chữa lành sẽ dâng hiến điều tốt nhất của mình cho người mà y tìm cách chữa lành. Không có năng lực thông nhãn trong đa số trường hợp, và có ý thức về thời gian và ở dưới ảnh hưởng của nghiệp quả, y sẽ làm hết sức mình theo đường lối huấn luyện riêng của y và phù hợp với các chỉ dẫn được đưa ra trong luận thuyết này [352] về chữa lành. Tôi gợi ý rằng bạn hãy nắm lấy điều này: mục tiêu trước mắt của bất kỳ nhà chữa lành nào vào lúc này và tại điểm này trong sự khai mở tiến hoá của nhân loại là nhu cầu, khi được yêu cầu như thế, phải giúp mang lại sức

realise that much that is believed, accepted and taught by the metaphysicians today is based on wrong premises, such as the nature of matter, the time equation, the value of form existence, and the fear of death. Seek to eliminate these attitudes from your consciousness, and you will arrive at a truer perspective as to the healing art.

khỏe cho thể xác và sự tiếp tục kinh nghiệm của nó trong đời sống. Bạn cũng cần nhận ra rằng nhiều điều hiện nay được các nhà siêu hình học tin tưởng, chấp nhận và giảng dạy đều dựa trên những tiền đề sai lầm, như bản chất của vật chất, phương trình thời gian, giá trị của sự tồn tại trong hình tướng, và nỗi sợ cái chết. Hãy tìm cách loại bỏ những thái độ này khỏi tâm thức của bạn, và bạn sẽ đạt đến một viễn cảnh chân thực hơn về nghệ thuật chữa lành.

Later, in a few years' time, we can probably begin to deal with specific cases. I seek, however, at this time to hold you to wide generalisations, and to basic laws and propositions, and not to cloud the issues with purely physical plane occurrences, temporary or chronic, or with death and destiny.

Về sau, trong vài năm nữa, có lẽ chúng ta có thể bắt đầu bàn đến các trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, vào lúc này tôi tìm cách giữ bạn ở những khái quát rộng lớn, và ở các định luật và mệnh đề căn bản, chứ không làm mờ vấn đề bằng những sự việc thuần túy trên cõi hồng trần, tạm thời hay kinh niên, hoặc bằng cái chết và định mệnh.

No request for real aid must ever be refused, however. A deaf ear must not be turned to trouble, either physical, mental or psychological. But I would call to your attention the fact that success in healing may not always mean release from disease and the so-called physical cure of the patient. It might simply involve, if physically successful, the postponement of the plan of the soul for the person. Success might mean the correction of wrong inner attitudes, of erroneous lines of thought, and at the same time leave the physical body as it was. It might mean the placing of the patient (through wise teaching and patience) en rapport with his soul and the consequent reorienting of the life to the eternal verities. It might consist in the proper preparation of the person for the tremendous purpose which we call Death, and thus bring about the relief of pain in this way.[353]

Tuy nhiên, không bao giờ được từ chối một yêu cầu trợ giúp thực sự nào. Không được ngoảnh tai điếc trước khổ đau, dù là hồng trần, trí tuệ hay tâm lý. Nhưng tôi muốn lưu ý bạn đến sự kiện rằng thành công trong chữa lành có thể không phải lúc nào cũng có nghĩa là giải thoát khỏi bệnh tật và cái gọi là chữa khỏi về mặt thể xác cho bệnh nhân. Nó có thể đơn giản bao hàm, nếu thành công về mặt thể xác, sự trì hoãn kế hoạch của linh hồn đối với người ấy. Thành công có thể có nghĩa là sửa chữa những thái độ bên trong sai lầm, những đường lối tư tưởng sai lạc, và đồng thời vẫn để thể xác như cũ. Nó có thể có nghĩa là đặt bệnh nhân (qua giáo huấn khôn ngoan và sự kiên nhẫn) vào sự tương giao với linh hồn của y và kết quả là tái định hướng đời sống theo các chân lý vĩnh cửu. Nó có thể bao gồm việc chuẩn bị đúng đắn cho người ấy đối với mục đích lớn lao mà chúng ta gọi là Cái Chết, và như thế mang lại sự giảm nhẹ đau đớn theo cách này.[353]

The whole science of healing will shift eventually and increasingly into the realm of preventive medicine and the psychological adjustment of the individual within his group, and the providing of right living conditions, correct dieting and housing for the peoples. That, however, takes much time, and whilst the race is on its way to the newer modes of living, with their resultant effects of better health and a more correct comprehension of the laws of health, all who stand in the world as magnetic centres must proceed, according to the light that is in them, to work with people, in order to help them, to heal them, and to aid them in making needed adjustments. Nothing should stop your service along this line, not even the realisation of limitation and of ignorance. Do all you can to encourage and to sympathise, to point out undesirable attitudes, to end wrong ways of living, and change poor modes of psychological expression as far as you see them and to the best of your ability. Remember, nevertheless, that your best way may be far short of your future capacities, and remain ready ever to change your point of view when a higher and a better way is presented to you. Above everything else in life, give to all who seek your aid the fullest measure of love, for love releases, love adjusts and interprets, and love heals, on all three planes.

Toàn bộ khoa học chữa lành rốt cuộc và ngày càng nhiều sẽ chuyển vào lĩnh vực y học phòng ngừa và sự điều chỉnh tâm lý của cá nhân trong nhóm của y, cùng việc cung cấp những điều kiện sống đúng đắn, chế độ ăn uống đúng đắn và nhà ở thích hợp cho các dân tộc. Tuy nhiên, điều đó cần rất nhiều thời gian, và trong khi nhân loại đang trên đường tiến tới những phương thức sống mới hơn, với các kết quả kéo theo là sức khỏe tốt hơn và sự thấu hiểu đúng đắn hơn về các định luật của sức khỏe, thì tất cả những ai đứng trong thế giới như những trung tâm từ tính phải tiếp tục, tùy theo ánh sáng ở trong họ, làm việc với con người để giúp họ, chữa lành họ, và hỗ trợ họ thực hiện những điều chỉnh cần thiết. Không điều gì nên ngăn cản sự phụng sự của bạn theo đường lối này, ngay cả sự nhận ra những giới hạn và sự thiếu hiểu biết. Hãy làm tất cả những gì bạn có thể để khích lệ và cảm thông, chỉ ra những thái độ không đáng mong muốn, chấm dứt những lối sống sai lầm, và thay đổi những phương thức biểu lộ tâm lý kém cỏi trong chừng mực bạn thấy được và theo khả năng tốt nhất của mình. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng cách tốt nhất của bạn có thể còn kém rất xa những năng lực tương lai của bạn, và hãy luôn sẵn sàng thay đổi quan điểm của mình khi một cách cao hơn và tốt hơn được trình bày cho bạn. Trên hết mọi điều khác trong đời sống, hãy trao cho tất cả những ai tìm kiếm sự trợ giúp của bạn mức độ tình thương trọn vẹn nhất, vì tình thương giải thoát, tình thương điều chỉnh và diễn giải, và tình thương chữa lành, trên cả ba cõi.

On Group Illnesses.

Về các bệnh tật của nhóm.

In the last analysis, most of the ills of the body are rooted in some response to group activity. It will be necessary for us to grasp the fact that the phrase “group life and activity” must include not only past

Xét đến cùng, phần lớn các bệnh tật của thể xác đều bắt nguồn từ một sự đáp ứng nào đó đối với hoạt động nhóm. Chúng ta cần nắm được sự kiện rằng cụm từ “đời sống và hoạt động nhóm” không chỉ bao gồm di truyền

heredity, or inherited group tendencies, but also may indicate present world contacts, which weaken or increase resistance far more than is generally believed possible. One of the causes of cancer, which was not so prevalent in the earlier and more leisured [354] days of the racial life—for then the HERD instinct was not so powerful as it is today—is due to the increased stimulation of the body. This stimulation is caused by our close contact in our daily lives with each other through our massed group existence, particularly in our urban centres. If cells are living organisms (which they are), they respond to group life, to massed cell emanation and radiation. This constant stream of energy pouring from the aggregate of bodily cells in massed humanity may produce in certain types of people an overstimulation in some part of bodily cell structure. This usually occurs where there is a weakness in the etheric or vital body, which means that cell defenses are impaired and the result is frequently a cancer or a general cancerous condition. This is the fundamental cause, though modern investigation is occupied with secondary causes and effects of this etheric weakness. I shall consider this later in more detail. It will be obvious to you that when we begin to deal with the vital body and to consider it with greater understanding and knowledge, we shall be able to handle such diseases as cancer far more effectively.

quá khứ, hay những khuynh hướng nhóm được thừa hưởng, mà còn có thể chỉ những tiếp xúc hiện tại của thế giới, vốn làm suy yếu hoặc gia tăng sức đề kháng nhiều hơn người ta thường tin là có thể. Một trong những nguyên nhân của bệnh ung thư, vốn không phổ biến đến thế trong những ngày xưa [354] thong thả hơn của đời sống nhân loại—vì khi ấy bản năng BẦY ĐÀN chưa mạnh như ngày nay—là do sự kích thích gia tăng của thể xác. Sự kích thích này do sự tiếp xúc gần gũi của chúng ta với nhau trong đời sống hằng ngày qua sự tồn tại nhóm tập thể của chúng ta, đặc biệt tại các trung tâm đô thị. Nếu các tế bào là những sinh vật sống (và đúng là như vậy), chúng đáp ứng với đời sống nhóm, với sự phát xạ và bức xạ tập thể của các tế bào. Dòng năng lượng liên tục tuôn đổ từ tổng thể các tế bào thân thể trong khối nhân loại tập trung này có thể tạo ra nơi một số loại người sự kích thích quá mức tại một phần nào đó của cấu trúc tế bào thân thể. Điều này thường xảy ra ở nơi có một sự yếu kém trong thể dĩ thái hay thể sinh lực, điều đó có nghĩa là các phòng vệ của tế bào bị suy giảm và kết quả thường là ung thư hoặc một tình trạng ung thư tổng quát. Đây là nguyên nhân căn bản, dù sự khảo cứu hiện đại đang bận tâm với các nguyên nhân và hậu quả thứ yếu của sự yếu kém dĩ thái này. Tôi sẽ xét điều này chi tiết hơn sau. Bạn sẽ thấy hiển nhiên rằng khi chúng ta bắt đầu đề cập đến thể sinh lực và xem xét nó với sự thấu hiểu và tri thức lớn hơn, chúng ta sẽ có thể xử lý những bệnh như ung thư hữu hiệu hơn rất nhiều.

On Using the Mind and the Imagination to Develop Group Consciousness.

Về việc sử dụng trí tuệ và Sự tưởng tượng để phát triển tâm thức nhóm.

When a member of a group, such as a group for healing, speaks of developing group consciousness, he refers to his particular group of brothers, and to his group as a unit

Khi một thành viên của một nhóm, chẳng hạn một nhóm chữa lành, nói đến việc phát triển tâm thức nhóm, y đang nói đến nhóm huynh đệ riêng của mình, và đến nhóm của

of several souls. Forget not that such a unit is in itself a separative concept from the angle of the greater whole, but it serves a useful purpose in training the group members to think in those wider terms. It serves as a stepping stone away from the consciousness of the isolated personality.

y như một đơn vị gồm nhiều linh hồn. Đừng quên rằng một đơn vị như thế tự nó là một khái niệm phân ly xét từ góc độ của toàn thể lớn hơn, nhưng nó phục vụ một mục đích hữu ích trong việc huấn luyện các thành viên nhóm suy nghĩ theo những thuật ngữ rộng lớn hơn ấy. Nó đóng vai trò như một bậc thang để rời xa tâm thức của phàm ngã cô lập.

If you can indeed feel, think and function as one complete unit—several personalities and one soul—it will then be relatively easy to extend the concept to a broader inclusiveness, [355] to broaden your horizon and thus become inclusive in a much wider sense.

Nếu quả thật bạn có thể cảm nhận, suy nghĩ và hoạt động như một đơn vị hoàn chỉnh—nhiều phàm ngã và một linh hồn—thì khi ấy sẽ tương đối dễ dàng để mở rộng khái niệm ấy đến một tính bao gồm rộng hơn, [355] mở rộng chân trời của bạn và nhờ đó trở nên bao gồm theo một ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều.

The using of the mind to this end involves an aptitude to learn the distinction between analysis and criticism. This is a hard and well-nigh impossible thing for many to learn. Traces of illumination of this subject will show themselves if the group persists in all earnestness. The members have to learn to respond, as a group, to the same spiritual, mental and human ideas, and thus swing—as a "telepathic unit"—into one united train of thought. They have, as a group, to be preoccupied with the same things which are indicated by the soul of the group, and not by one person in the group, as is apt to be the case. They have to learn, as a group, to hold the mind steady in the light—the group mind, and not their individual minds.

Việc sử dụng trí tuệ cho mục đích này bao hàm một năng lực học cách phân biệt giữa phân tích và chỉ trích. Đây là một điều khó và gần như bất khả đối với nhiều người. Những dấu vết soi sáng về chủ đề này sẽ tự biểu lộ nếu nhóm kiên trì với tất cả sự chân thành. Các thành viên phải học cách đáp ứng, như một nhóm, với cùng những ý tưởng tinh thần, trí tuệ và nhân bản, và nhờ đó chuyển động—như một "đơn vị viễn cảm"—vào cùng một dòng tư tưởng hợp nhất. Họ phải, như một nhóm, chuyên chú vào cùng những điều được linh hồn của nhóm chỉ ra, chứ không phải bởi một người trong nhóm, như thường dễ xảy ra. Họ phải học, như một nhóm, giữ trí tuệ vững vàng trong ánh sáng—trí tuệ của nhóm, chứ không phải các trí tuệ cá nhân của họ.

In using the imagination to this end, you have to cultivate the power to ignore the outer forms and to concentrate on the inner lines of light which unite brother to brother, group to group, and kingdom to kingdom in the expression of the Life of God Himself. It is the creative use of the imagination which

Trong việc sử dụng Sự tưởng tượng cho mục đích này, bạn phải vun bồi năng lực phớt lờ các hình tướng bên ngoài và tập trung vào những đường ánh sáng bên trong nối kết huynh đệ với huynh đệ, nhóm với nhóm, và giới với giới trong sự biểu lộ của chính Sự sống của Thượng đế. Chính việc sử dụng

produces an integrated group etheric body and which enables you to see this group body of force and light as one complete form and as one expression of the group intelligence, will and purpose—but not the will or purpose of the dominant mind or minds in the group. Thus these can work out on the physical plane in right expression. However, when the group members are primarily occupied with their own ideas, their plans, their problems, and how they can use whatever light and knowledge may be received, they negate any possibility of such creative use of the united imagination. To become entirely free from this will take much careful cultivation and self-surrender to the soul.[356]

sáng tạo Sự tưởng tượng tạo ra một thể dĩ thái nhóm tích hợp và giúp bạn thấy thể nhóm của mãnh lực và ánh sáng này như một hình tướng hoàn chỉnh và như một biểu lộ của trí tuệ, ý chí và mục đích của nhóm—nhưng không phải ý chí hay mục đích của trí tuệ hay các trí tuệ chi phối trong nhóm. Nhờ đó, những điều này có thể được triển khai trên cõi hồng trần trong sự biểu lộ đúng đắn. Tuy nhiên, khi các thành viên nhóm chủ yếu bận tâm với các ý tưởng riêng của họ, các kế hoạch của họ, các vấn đề của họ, và cách họ có thể sử dụng bất kỳ ánh sáng và tri thức nào có thể nhận được, họ làm mất mọi khả năng của việc sử dụng sáng tạo như thế đối với Sự tưởng tượng hợp nhất. Để trở nên hoàn toàn tự do khỏi điều này sẽ cần rất nhiều sự vun bồi cẩn trọng và sự hiến dâng bản thân cho linh hồn.[356]

On Healing Energy.

Về năng lượng chữa lành.

The question is sometimes asked by beginners: “Can we clearly distinguish between the healing energy, as expressed by the soul and by the personality? Can we have some understanding of the part that love has to play in the art of healing?” I can answer with brevity.

Những người mới bắt đầu đôi khi đặt câu hỏi: “Chúng ta có thể phân biệt rõ ràng giữa năng lượng chữa lành, như được biểu lộ bởi linh hồn và bởi phàm ngã, không? Chúng ta có thể có chút thấu hiểu nào về vai trò mà tình thương phải đảm nhiệm trong nghệ thuật chữa lành không?” Tôi có thể trả lời ngắn gọn.

When we come to work as a group with individuals whom we shall seek to aid, we shall then learn to use the various types of energy according to the need of the individual to be healed. It would serve a real group purpose if all of you would study what is said by Rama Prasad in his book, Nature’s Finer Forces, and by Patanjali in The Light of the Soul on the subject of the pranas with which and within which we work; you should be somewhat familiar with the matter.

Khi chúng ta bắt đầu làm việc như một nhóm với những cá nhân mà chúng ta tìm cách trợ giúp, khi ấy chúng ta sẽ học cách sử dụng các loại năng lượng khác nhau tùy theo nhu cầu của cá nhân cần được chữa lành. Sẽ phục vụ một mục đích nhóm thực sự nếu tất cả các bạn nghiên cứu điều Rama Prasad nói trong quyển sách của ông, *Nature’s Finer Forces*, và điều Patanjali nói trong *The Light of the Soul* về chủ đề các prana mà chúng ta làm việc với chúng và trong chúng; các bạn nên phần nào quen thuộc với vấn đề này.

To answer the question specifically: An initiate or even a low-grade clairvoyant can easily distinguish between soul and personality healing energies, but the average intelligent aspirant as yet cannot. The initiate knows the source from which any type of healing energy may come. He senses its vibration and can follow it to its emanating source by an effort of the will, directed by the intuition. The clairvoyant can see the centre from which the healing energy can flow, and the centre then indicates the type and quality of the projected force. All energy is from the soul in the secondary instance, but in the primary sense all energy is simply life, functioning under direction of some kind.

Để trả lời câu hỏi một cách cụ thể: một điểm đạo đồ hay ngay cả một nhà thông nhãn cấp thấp cũng có thể dễ dàng phân biệt giữa các năng lượng chữa lành của linh hồn và của phàm ngã, nhưng người chí nguyện thông minh trung bình thì hiện nay chưa thể. Điểm đạo đồ biết nguồn mà từ đó bất kỳ loại năng lượng chữa lành nào có thể phát ra. Ngài cảm nhận rung động của nó và có thể lần theo nó đến nguồn phát xạ của nó bằng một nỗ lực của ý chí, được trực giác hướng dẫn. Nhà thông nhãn có thể thấy trung tâm mà từ đó năng lượng chữa lành có thể tuôn chảy, và trung tâm ấy khi đó chỉ ra loại và phẩm tính của mãnh lực được phóng chiếu. Mọi năng lượng đều từ linh hồn trong ý nghĩa thứ yếu, nhưng trong ý nghĩa sơ khởi mọi năng lượng chỉ đơn giản là sự sống, hoạt động dưới một loại định hướng nào đó.

As to the part love has to play in the healing process: Love is the life expression of God Himself; love is the coherent force which makes all things whole (I would have you ponder upon this phrase), and love is all that is. The main characteristic of the distinction between soul energy and personality force, as applied to healing, lies in [357] the region of the application and the expression of love. Personality force is emotional, full of feeling, and—when in use—the personality is either conscious of itself as the healer, and is the dramatic centre of the stage upon which are two players, the healer and the one to be healed. Soul energy functions unconsciously and is wielded by those who are in contact with their souls and who are consequently decentralised; they are "off the stage" themselves, if I might use that expression, and they are completely occupied with group love, group activity and group purpose.

Về phần vai trò mà tình thương phải đảm nhiệm trong tiến trình chữa lành: Tình thương là biểu lộ sự sống của chính Thượng đế; tình thương là mãnh lực cố kết làm cho mọi sự trở nên toàn vẹn (Tôi muốn các bạn suy ngẫm về cụm từ này), và tình thương là tất cả những gì hiện hữu. Đặc điểm chính của sự phân biệt giữa năng lượng linh hồn và mãnh lực phàm ngã, khi áp dụng vào chữa lành, nằm ở [357] lĩnh vực áp dụng và biểu lộ của tình thương. Mãnh lực phàm ngã thì cảm xúc, đầy cảm giác, và—khi được sử dụng—phàm ngã hoặc là ý thức về chính nó như người chữa lành, và là trung tâm kịch tính của sân khấu trên đó có hai diễn viên, người chữa lành và người được chữa lành. Năng lượng linh hồn hoạt động một cách vô thức và được vận dụng bởi những ai tiếp xúc với linh hồn mình và do đó đã phi tập trung vào bản thân; chính họ "ở ngoài sân khấu", nếu tôi có thể dùng cách nói ấy, và họ hoàn toàn bận tâm với tình thương nhóm, hoạt động nhóm và mục đích nhóm.

Why then is it so extremely difficult, if not altogether impossible, for earnest would-be healers to work together, as a group, with the sacred science of healing? Because as individuals and as a group they are predominantly personal in their individual and inter-group relations. This may show itself in intense criticism of each other, or of oneself; in a vivid sureness of personal rectitude and sound judgment which does not permit those who hold it to see that there is perhaps a chance that they are not as correct in their ideas as they deem themselves to be; it may show itself in a deep satisfaction over personal subjective contacts. Any or all the above hindrances may be present and make the group demonstration a personality demonstration which negates constructive work, and any attempt only intensifies personality reactions and would greatly (and adversely) affect the personalities of those they might seek to help.

Vậy tại sao lại cực kỳ khó khăn, nếu không muốn nói là hoàn toàn bất khả, để những người chữa lành đầy nhiệt thành muốn làm việc cùng nhau, như một nhóm, với khoa học thiêng liêng của chữa lành? Bởi vì với tư cách cá nhân và như một nhóm, họ chủ yếu vẫn mang tính cá nhân trong các liên hệ cá nhân và liên nhóm của mình. Điều này có thể biểu lộ thành sự chỉ trích mãnh liệt lẫn nhau, hoặc tự chỉ trích; thành một sự chắc chắn sống động về tính đúng đắn cá nhân và phán đoán lành mạnh của riêng mình, điều không cho phép những ai giữ quan điểm ấy thấy rằng có lẽ vẫn có khả năng họ không đúng trong các ý tưởng của mình như họ tự cho là vậy; nó có thể biểu lộ thành một sự thỏa mãn sâu xa đối với các tiếp xúc chủ quan cá nhân. Bất kỳ hay tất cả những chướng ngại trên đều có thể hiện diện và biến sự biểu hiện của nhóm thành một biểu hiện của phàm ngã, điều vô hiệu hóa công việc kiến tạo, và bất kỳ nỗ lực nào cũng chỉ làm tăng cường các phản ứng của phàm ngã và sẽ ảnh hưởng rất lớn (và bất lợi) đến các phàm ngã của những người mà họ có thể tìm cách giúp đỡ.

How, then, should they proceed? I would point out that any group member who, as an individual, is free from the above frailties of the personality and from these attitudes, nevertheless knows (and rightly rejoices) that he participates, as a group member, in the group quality. That is one of the incidental difficulties of group work. To participate and yet stand free from weakness; to recognise that [358] the achievements or failures of the individual group members are entirely their own affair; to share and yet not be dominated by the powerful thoughts and ideas of the more potent members in the group is ever a problem. I point this out because, in this coming Age wherein group work will he

Vậy thì họ nên tiến hành thế nào? Tôi muốn chỉ ra rằng bất kỳ thành viên nhóm nào, với tư cách cá nhân, nếu được tự do khỏi những yếu đuối và thái độ kể trên của phàm ngã, vẫn biết (và vui mừng một cách đúng đắn) rằng y tham dự, với tư cách thành viên nhóm, vào phẩm tính của nhóm. Đó là một trong những khó khăn ngẫu nhiên của công việc nhóm. Tham dự mà vẫn đứng ngoài sự yếu kém; nhận ra rằng [358] những thành tựu hay thất bại của các thành viên cá nhân trong nhóm hoàn toàn là việc riêng của họ; chia sẻ mà không bị chi phối bởi những tư tưởng và ý tưởng mạnh mẽ của các thành viên có uy lực hơn trong nhóm luôn luôn là một vấn đề. Tôi nêu điều này ra bởi vì, trong Kỷ Nguyên đang đến này, nơi công việc

greatly developed, it will be of value to understand group situations and problems, and then to go forward to the group work together with those who are yours to work with. You will then be the better and wiser for past experiences, and fused as a group through shared suffering and limitations and the gained ability of failure rightly met.

nhóm sẽ được phát triển rất nhiều, việc thấu hiểu các tình huống và vấn đề của nhóm sẽ có giá trị, rồi sau đó tiến lên công việc nhóm cùng với những người vốn là những người bạn phải làm việc cùng. Khi ấy bạn sẽ tốt hơn và khôn ngoan hơn nhờ những kinh nghiệm quá khứ, và được dung hợp như một nhóm qua đau khổ và giới hạn được chia sẻ cùng khả năng đạt được từ thất bại được đối diện một cách đúng đắn.

So let true love, silent, uncomplaining, non-critical and steadfast, be your goal and the quality of your group life. Then, when there is some definite work to do, you will work as a unit with hearts and minds as one.

Vì vậy, hãy để tình thương chân thật, thầm lặng, không than phiền, không chỉ trích và kiên định, là mục tiêu của bạn và là phẩm tính của đời sống nhóm của bạn. Khi ấy, khi có một công việc xác định nào đó cần làm, bạn sẽ làm việc như một đơn vị với tâm và trí là một.

On Instantaneous Healing.

Về sự chữa lành tức thời.

Instantaneous healing may be of various kinds. We might cite the following from among several possibilities which account for the happening:

Sự chữa lành tức thời có thể thuộc nhiều loại khác nhau. Chúng ta có thể nêu ra những điều sau đây trong số một số khả năng giải thích cho sự việc xảy ra:

1. The healing which is the result of a definite practice, conscious or unconscious, of Hatha Yoga. This is brought about by a projection of purely physical magnetism, which, added to the quota of available physical magnetism at the patient's disposal within his own physical body, suffices to effect an immediate cure. The magnetism in the body of the patient, instead of being outgoing and radiating, becomes inverted and turns inward to make its contribution to the reservoir of physical force held in a static condition within the body. The more low grade human types produce this kind of healing with facility. This is equally so in relation to the patient and the healer. The case cited is a case in point. The healing was more easily brought about [359] by the

1. Sự chữa lành là kết quả của một thực hành xác định, có ý thức hay vô thức, của Hatha Yoga. Điều này được tạo ra bởi một sự phóng chiếu từ điện thuần hồng trần, mà khi được cộng thêm vào lượng từ điện hồng trần sẵn có trong tầm sử dụng của bệnh nhân bên trong chính thể xác của y, thì đủ để tạo nên một sự chữa lành tức thời. Từ điện trong thân thể của bệnh nhân, thay vì hướng ra ngoài và bức xạ, lại bị đảo ngược và quay vào trong để đóng góp phần của nó vào kho chứa mãnh lực hồng trần được giữ trong một trạng thái tĩnh bên trong thân thể. Những loại người cấp thấp hơn tạo ra kiểu chữa lành này một cách dễ dàng. Điều này cũng đúng như nhau đối với cả bệnh nhân lẫn người chữa lành. Trường hợp được nêu là một ví dụ điển hình. Sự chữa lành được thực hiện

"sheik" concerned because the wound (a bite in the arm—A.A.B.) was self-inflicted and before inflicting it, the patient (if I may so call him) held the outgoing force in abeyance by an act of the will, thus creating a reservoir of energy which was available to supplement that of the sheik which was, in its turn, released by a mantram. This is definitely not spiritual healing.

dễ dàng hơn [359] bởi vị "sheik" liên hệ vì vết thương (một vết cắn ở cánh tay—A.A.B.) là do tự gây ra và trước khi gây ra nó, bệnh nhân (nếu tôi có thể gọi y như vậy) đã giữ mãnh lực hướng ngoại ở trạng thái đình chỉ bằng một hành động của ý chí, nhờ đó tạo ra một kho năng lượng sẵn có để bổ sung cho năng lượng của vị sheik, năng lượng này đến lượt nó được giải phóng bằng một mantram. Đây rõ ràng *không* phải là chữa lành tinh thần.

2. There is also that form of healing which can be instantaneous because the disease is largely psychological and hallucinatory. The healer is then in the position to enable the patient to throw off illusion and so stand free. The will of the healer when added to that of the patient, aids in the breaking of the illusion and of the glamorous thoughtform and the patient then stands free. This is a psychological healing and only one illustration of it.

2. Cũng có loại chữa lành có thể tức thời vì bệnh phần lớn mang tính tâm lý và ảo giác. Khi ấy người chữa lành ở vào vị thế giúp bệnh nhân gạt bỏ ảo tưởng và nhờ đó đứng tự do. Ý chí của người chữa lành khi được cộng thêm vào ý chí của bệnh nhân sẽ hỗ trợ trong việc phá vỡ ảo tưởng và hình tư tưởng ảo cảm, và khi đó bệnh nhân đứng tự do. Đây là một sự chữa lành tâm lý và chỉ là một minh họa của nó.

3. Then there is a type of healing which is brought about in two ways, and this is the true spiritual healing:

3. Rồi còn có một loại chữa lành được thực hiện theo hai cách, và đây là chữa lành tinh thần chân chính:

a. When the patient makes a sudden and frequently unexpected contact with his soul, and in which the soul energy is so great and so potent that it sweeps through the vehicles and definitely produces effects. Thus cures are brought about in some vehicle or another and frequently in the physical vehicle. The physical condition or disease retains, so oft, the undivided attention of the consciousness of the human being involved, and the soul pours through to the point of concentrated attention. In this thought lies, for many of you, a clear hint.

a. Khi bệnh nhân tạo được một tiếp xúc đột ngột và thường là bất ngờ với linh hồn mình, và trong đó năng lượng linh hồn lớn lao và mạnh mẽ đến mức quét qua các vận cụ và rõ rệt tạo ra các hiệu quả. Nhờ đó, sự chữa lành được thực hiện trong một vận cụ nào đó và thường là trong vận cụ hồng trần. Tình trạng hay bệnh tật hồng trần thường giữ sự chú ý trọn vẹn của tâm thức con người liên hệ, và linh hồn tuôn qua đến điểm chú ý tập trung ấy. Trong tư tưởng này, đối với nhiều bạn, có một gợi ý rõ ràng.

b. When the patient's evil physical karma is exhausted, and physical plane illness is not,

b. Khi nghiệp quả hồng trần xấu của bệnh nhân đã cạn, và bệnh tật trên cõi hồng trần

at this particular time, his destiny. Then the healer can begin to bear upon the situation, if he is spiritual and full of wisdom, enough spiritual energy to ensure a cure.

không phải, vào thời điểm đặc biệt này, là số phận của y. Khi ấy, nếu người chữa lành hướng về tinh thần và đầy minh triết, y có thể đưa vào tình huống một lượng năng lượng tinh thần đủ để bảo đảm sự chữa lành.

[360]

[360]

I trust you will find these answers suggestive. Ponder deeply upon the implications.

Tôi tin rằng các bạn sẽ thấy những câu trả lời này gợi mở. Hãy suy ngẫm sâu xa về các hàm ý của chúng.

On the Use of the Lord's Image.

Về việc sử dụng hình ảnh của Chúa.

Here we touch upon a point of real interest. The use of the Lord's image is frequently of vital importance, but—and it is here that I seek to lay the emphasis—it must be the image arrived at by oneself through the medium of the expansion of the Christ consciousness in one's own life, and by arriving at the stage of conscious discipleship. At that particular stage when a man is definitely linked with a Master and His group, he is then, automatically and as an individual, linked with the Master of all Masters. He can then, via his own soul and the soul of his particular group, draw on the force of Maitreya Buddha. Why, think you, is there no good and true picture of the Blessed One, There are only a few speculations by the devotees of the early church and none by those who knew Him. The reason is a definite one. There is no true image of Him because it must be upon our hearts and not upon our canvases. We arrive at knowledge of Him because He is ours, as we are His. Do you understand that whereof I speak? He is the world Healer and Saviour. He works because He is the embodied soul of all Reality. He works today, as He worked in Palestine two thousand years ago, through groups. There He worked through the three beloved disciples, through the twelve

Ở đây chúng ta chạm đến một điểm thật sự đáng quan tâm. Việc sử dụng hình ảnh của Chúa thường có tầm quan trọng thiết yếu, nhưng—và chính ở đây tôi muốn nhấn mạnh—đó phải là hình ảnh do chính mình đạt được qua trung gian của sự mở rộng tâm thức Christ trong đời sống riêng của mình, và bằng cách đạt đến giai đoạn địa vị đệ tử hữu thức. Ở giai đoạn đặc biệt ấy, khi một người được nối kết rõ rệt với một Chân sư và nhóm của Ngài, thì khi ấy y tự động và với tư cách cá nhân được nối kết với Chân sư của mọi Chân sư. Khi đó y có thể, qua linh hồn riêng của mình và linh hồn của nhóm riêng của mình, rút lấy mãnh lực của Đức Phật Maitreya. Theo bạn, tại sao lại không có bức chân dung tốt và chân thực nào của Đấng Chân Phúc? Chỉ có một vài suy đoán của các tín đồ của giáo hội sơ khai và không có gì từ những người đã biết Ngài. Lý do là một lý do xác định. Không có hình ảnh chân thực nào của Ngài vì hình ảnh ấy phải ở trên trái tim chúng ta chứ không phải trên tranh vẽ của chúng ta. Chúng ta đạt đến tri thức về Ngài vì Ngài là của chúng ta, như chúng ta là của Ngài. Bạn có hiểu điều tôi đang nói đến không? Ngài là Đấng Chữa Lành và Đấng Cứu Rỗi của thế giới. Ngài hoạt động vì Ngài là linh hồn nhập thể của mọi Thực Tại. Ngài hoạt động ngày nay, như Ngài đã hoạt động

apostles, through the chosen seventy, and the interested five hundred. Ponder on this fact, little emphasised. Now He works through His Masters and Their groups, and thereby greatly intensifies His efforts. He can and will work through all groups just in so far as they fit themselves for planned service, for the distribution of love, and come into conscious alignment with the greater potency of the inner groups.

tại Palestine hai ngàn năm trước, qua các nhóm. Ở đó Ngài đã hoạt động qua ba đệ tử yêu dấu, qua mười hai tông đồ, qua bảy mươi người được chọn, và năm trăm người quan tâm. Hãy suy ngẫm về sự kiện này, vốn ít được nhấn mạnh. Hiện nay Ngài hoạt động qua các Chân sư của Ngài và các nhóm của Các Ngài, và nhờ đó tăng cường rất nhiều các nỗ lực của Ngài. Ngài có thể và sẽ hoạt động qua mọi nhóm trong chừng mực họ tự làm cho mình thích hợp với sự phụng sự có kế hoạch, với việc phân phối tình thương, và đi vào sự chỉnh hợp hữu thức với mãnh lực lớn hơn của các nhóm bên trong.

[361]

[361]

You will find (fairly soon perhaps) that healing groups will employ mantrams of a definite kind, and that in those mantrams the name of the Blessed One will appear. But the mantram for His coming age is not yet for use. The world is not yet ready for the potency which it would release. Today, is there a more potent mantram than the oft spoken word: "For Christ's sake and for the glory of His Name"? But these works must be spoken with love and will behind them or else they are but an empty symbol and a sounding cymbal. Forget this not.

Bạn sẽ thấy (có lẽ khá sớm) rằng các nhóm chữa lành sẽ sử dụng những mantram thuộc một loại xác định, và trong những mantram ấy danh xưng của Đấng Chân Phúc sẽ xuất hiện. Nhưng mantram cho kỷ nguyên đang đến của Ngài thì chưa thể dùng được. Thế giới chưa sẵn sàng cho mãnh lực mà nó sẽ giải phóng. Ngày nay, có mantram nào mạnh hơn lời thường được nói: "Vì Đức Christ và vì vinh quang Danh Ngài" chăng? Nhưng những lời này phải được nói ra với tình thương và ý chí ở phía sau chúng, nếu không chúng chỉ là một biểu tượng rỗng không và một thanh la vang rền. Đừng quên điều này.

On the Christ.

Về Đức Christ.

Some aspirants and disciples may experience an almost constant recollection of the Christ; that is due to their increasing sensitivity to the inner planes and particularly to the fact that so much of the matter in the astral body of the advanced aspirant is taken from (and is therefore sensitive to) the highest subplane of the astral plane. It is also due to the fact that the Lord Maitreya with His workers is

Một số người chí nguyện và đệ tử có thể trải nghiệm một sự tưởng nhớ gần như liên tục về Đức Christ; điều đó là do tính nhạy cảm ngày càng tăng của họ đối với các cõi bên trong và đặc biệt là do quá nhiều chất liệu trong thể cảm dục của người chí nguyện tiến bộ được lấy từ (và vì thế nhạy cảm với) cõi phụ cao nhất của cõi cảm dục. Điều đó cũng là do sự kiện rằng Chúa Maitreya cùng các cộng sự của Ngài đang tiến lại gần cõi hồng

approaching nearer all the time to the physical plane. The focus of His attention in the year 1936 was, for the first time, predominantly on the first subplane of the astral plane. Hence the sensitives' correct and immediate response to His energy there expressed. He is coming nearer in His thought and activity. Should the peoples of the world respond to the presented opportunity, His forces and attention could penetrate more deeply and be predominantly on etheric levels with all that is implied in such a situation.

trần hơn mọi lúc. Tiêu điểm chú ý của Ngài trong năm 1936 lần đầu tiên chủ yếu đặt trên cõi phụ thứ nhất của cõi cảm dục. Do đó có sự đáp ứng đúng đắn và tức thời của những người nhạy cảm đối với năng lượng của Ngài được biểu lộ ở đó. Ngài đang đến gần hơn trong tư tưởng và hoạt động của Ngài. Nếu các dân tộc trên thế giới đáp ứng với cơ hội được đưa ra, các mãnh lực và sự chú ý của Ngài có thể thâm nhập sâu hơn và chủ yếu ở trên các cấp độ dĩ thái với tất cả những gì được hàm ý trong một tình huống như thế.

This, many sense subjectively and know; and great, therefore, is their opportunity and yours to constitute increasingly a channel for this force.

Điều này, nhiều người cảm nhận một cách chủ quan và biết; vì vậy cơ hội của họ và của bạn thật lớn lao để ngày càng cấu thành một kênh dẫn cho mãnh lực này.

Remember that the work for which He comes and to which the attendant Hierarchy is pledged is to help Him in the "healing of the nations" as it is expressed in [362] the Bible. This is a true statement of an imminent fact. This healing will be brought about if men of goodwill everywhere measure up to their opportunity; if the work of the Christ and of His helpers is brought more definitely to the attention of the general public, and if there is an inner relaxation in the world of men which will permit the devas to work. It is their readiness and their response to the near approach to the Christ which many consecrated servers are subjectively sensing, and which has somewhat perplexed them. The devas can only be sensed and felt: they cannot be approached by humanity as yet through the medium of the thought world and the use of the mechanism of thought in man. There is no danger involved for the server if he becomes aware of these deva forces and their activities, via the Christ and

Hãy nhớ rằng công việc mà Ngài đến để thực hiện và mà Thánh đoàn đi kèm đã cam kết trợ giúp Ngài thực hiện là "chữa lành các quốc gia" như được diễn tả trong [362] Kinh Thánh. Đây là một phát biểu chân thực về một sự kiện sắp xảy ra. Sự chữa lành này sẽ được thực hiện nếu những người thiện chí ở khắp nơi đáp ứng xứng đáng với cơ hội của họ; nếu công việc của Đức Christ và các trợ thủ của Ngài được đưa ra rõ rệt hơn trước sự chú ý của công chúng nói chung, và nếu có một sự thư giãn bên trong trong thế giới loài người cho phép các thiên thần hoạt động. Chính sự sẵn sàng của họ và sự đáp ứng của họ đối với sự đến gần của Đức Christ mà nhiều người phụng sự thánh hiến đang cảm nhận một cách chủ quan, và điều này đã phần nào làm họ bối rối. Các thiên thần chỉ có thể được cảm nhận và được cảm thấy: nhân loại chưa thể tiếp cận họ qua trung gian của thế giới tư tưởng và việc sử dụng bộ máy tư tưởng nơi con người. Không có nguy hiểm nào liên quan đối với người phụng sự nếu y trở nên nhận biết các mãnh lực thiên thần này và các hoạt động của chúng, qua

through their responsiveness to His work and imminent appearance.

Đức Christ và qua sự đáp ứng của chúng đối với công việc và sự xuất hiện sắp đến của Ngài.

On the Phrase "Mother of the World."

Về cụm từ "Mẹ của Thế Gian."

The various ways in which the phrase can be used can mean quite a number of differing things. It can mean:

Những cách khác nhau mà cụm từ này có thể được dùng có thể mang khá nhiều ý nghĩa khác nhau. Nó có thể có nghĩa là:

1. The feminine aspect in manifestation, symbolised for us in many of the world religions as a virgin mother and in the Christian religion as the Virgin Mary. It is that substance which enables Deity to manifest.

1. Phương diện nữ tính trong biểu hiện, được tượng trưng cho chúng ta trong nhiều tôn giáo thế giới như một người mẹ đồng trinh và trong tôn giáo Cơ Đốc như Đức Mẹ Đồng Trinh Mary. Đó là chất liệu giúp Thượng đế biểu hiện.

2. Nature itself, the mother of all forms.

2. Chính thiên nhiên, mẹ của mọi hình tướng.

3. The moon also, who is the symbol of the generative, creative life which gives birth to forms and is therefore the symbol of the form nature.

3. Mặt trăng nữa, vốn là biểu tượng của sự sống sinh sản, sáng tạo, sinh ra các hình tướng và vì thế là biểu tượng của bản chất hình tướng.

4. The concentration of the feminine force in nature in some individual in female form who is then called the "World Mother." Such an individual has never existed in our particular planetary life, though the avatars of a previous solar system, expressing itself through [363] planetary life, always took this form. But not in this solar system. The tradition of such appearances is purely symbolic, inherited from the previous solar system from which we inherited the matter of which all manifested forms are made. This symbolism has come down from the far-off period of the Matriarchate, which had a religion that recalled the ancient ways of the earlier system and in which period of time Lilith symbolised the World Mother, until Eve took her place.

4. Sự tập trung của mãnh lực nữ tính trong thiên nhiên nơi một cá nhân nào đó dưới hình thức nữ giới, khi ấy được gọi là "Mẹ Thế Gian." Một cá nhân như thế chưa từng tồn tại trong đời sống hành tinh đặc thù của chúng ta, dù các Đấng Hoá Thân của một hệ mặt trời trước, tự biểu lộ qua [363] đời sống hành tinh, luôn luôn mang hình thức này. Nhưng không phải trong hệ mặt trời này. Truyền thống về những sự xuất hiện như thế hoàn toàn có tính biểu tượng, được thừa hưởng từ hệ mặt trời trước mà từ đó chúng ta thừa hưởng vật chất cấu thành mọi hình tướng biểu hiện. Biểu tượng này đã được truyền xuống từ thời kỳ xa xưa của chế độ mẫu hệ, vốn có một tôn giáo gợi nhớ những phương thức cổ xưa của hệ thống trước đó và trong thời kỳ ấy Lilith tượng trưng cho

Mẹ Thế Gian, cho đến khi Eve thay thế vị trí của bà.

On the Sense of Futility.

Về cảm giác vô ích.

In connection with the work of the healer with patients at the gate of death, he may experience a sense of futility. Is it possible to know just what he can do? Should he continue his effort to help the newly freed soul to go forward into the light? In the face of all his knowledge (and he may have much), and in spite of his yearning desire to aid the departing one, there seems naught to do but to step aside, with a sense of utter futility, whilst the loved one passes through the gate which leads to what, my brother? We can go up to the gates, but it seems as yet that we can go no further. Even the deep-seated belief in the persistence of the immortal soul proves inadequate, and only serves to comfort the serving healer personally, but suffices not to reveal to him what help he can give.

Liên quan đến công việc của người chữa lành với những bệnh nhân ở ngưỡng cửa tử vong, y có thể trải nghiệm một cảm giác vô ích. Có thể biết chính xác y có thể làm gì không? Y có nên tiếp tục nỗ lực của mình để giúp linh hồn vừa được giải thoát tiến vào ánh sáng không? Trước mọi tri thức của y (và y có thể có nhiều), và bất chấp khát vọng tha thiết muốn trợ giúp người sắp ra đi, dường như không còn gì để làm ngoài việc bước sang một bên, với cảm giác hoàn toàn vô ích, trong khi người thân yêu đi qua cánh cổng dẫn đến điều gì, Huynh đệ của Tôi? Chúng ta có thể đi đến tận cổng, nhưng dường như hiện nay chúng ta không thể đi xa hơn. Ngay cả niềm tin ăn sâu vào sự tồn tại liên tục của linh hồn bất tử cũng tỏ ra không đầy đủ, và chỉ đủ để an ủi cá nhân người chữa lành đang phụng sự, nhưng không đủ để mặc khải cho y biết y có thể trao sự trợ giúp nào.

There is little I can say as we wait, at this significant time, for the coming revelation. That revelation is inevitable and sure, and such questions will not be raised two hundred years hence. To this emerging fact, the growing sensitivity of the race to the subtler angles of life, and the vast amount of investigation carried forward on every side, is the physical plane guarantee. This great truth and its guarantee is held steadily before us in the history of the "glorious resurrection of the Christ" and His after-death [364] appearance, and in the powerful but little understood ritual of the sublime degree in Masonry, wherein the Master is raised.

Tôi có rất ít điều để nói khi chúng ta chờ đợi, vào thời điểm đầy thâm nghĩa này, sự mặc khải đang đến. Sự mặc khải ấy là điều không thể tránh khỏi và chắc chắn, và những câu hỏi như thế sẽ không còn được nêu lên hai trăm năm nữa. Đối với sự kiện đang xuất hiện này, tính nhạy cảm ngày càng tăng của nhân loại đối với những phương diện vi tế hơn của đời sống, và khối lượng khảo cứu to lớn đang được tiến hành khắp nơi, là sự bảo đảm trên cõi hồng trần. Chân lý vĩ đại này và sự bảo đảm của nó được giữ vững trước mắt chúng ta trong lịch sử về "sự phục sinh vinh quang của Đức Christ" và sự xuất hiện sau khi chết [364] của Ngài, và trong nghi lễ đầy quyền năng nhưng ít được thấu hiểu của cấp bậc cao siêu trong Hội Tam Điểm, nơi vị Thầy Tam Điểm được nâng dậy.

Aid at the time of the "passing into the light" depends largely upon two things: First, the amount of close contact between the dying person and the one who watches, and the level upon which that contact is strongest. Secondly, upon the capacity of the watcher to detach and dissociate himself from his own feelings and to identify himself, through an act of pure unselfish will, with the dying person. None of this is really possible when the bond between the two is purely emotional or based upon a physical plane relation. The contact must be deeper and stronger than that. It must be a personal contact upon all planes. Where there is true soul and personality contact, there is then little problem. But this is rare to find. Nevertheless I have here given you a hint.

Sự trợ giúp vào lúc "đi vào ánh sáng" phần lớn tùy thuộc vào hai điều: Thứ nhất, mức độ tiếp xúc gần gũi giữa người đang chết và người canh giữ, và cấp độ mà trên đó sự tiếp xúc ấy mạnh nhất. Thứ hai, tùy thuộc vào năng lực của người canh giữ trong việc tách rời và phân ly chính mình khỏi các cảm xúc riêng của mình và đồng hoá mình, qua một hành động của ý chí thuần vị tha, với người đang chết. Không điều nào trong số này thực sự có thể khi mối dây liên kết giữa hai người chỉ thuần cảm xúc hoặc dựa trên một liên hệ cõi hồng trần. Sự tiếp xúc phải sâu hơn và mạnh hơn thế. Nó phải là một tiếp xúc cá nhân trên mọi cõi. Nơi nào có tiếp xúc chân thật ở cả cấp độ linh hồn lẫn phàm ngã, khi ấy sẽ có rất ít vấn đề. Nhưng điều này hiếm thấy. Tuy nhiên, ở đây tôi đã cho bạn một gợi ý.

There should also be as little definite thought process as possible on the part of the watcher. All that is required and possible at present is simply to carry the dying person forward on an ever-deepening stream of love. Through the power of the creative imagination, and not through intellectual concepts (no matter how high), must the dying man be aided to discard the outer garment in which he has been encased and in which he has laboured during life. This involves an act of pure self-forgetfulness, of which few as yet are capable. Most people are swept by fear, or by a strong desire to hold the beloved person back, or are sidetracked in their aim by the activities involved in assuaging pain and deadening agony; they are dismayed also by the depths of their ignorance of the "technique of death" when faced with the emergency. They find themselves unable to see what lies beyond the doors of death, and are swept by the mental uncertainty which is part of the great [365] illusion. There is as

Cũng nên có càng ít tiến trình tư tưởng xác định càng tốt nơi người canh giữ. Tất cả những gì hiện nay được đòi hỏi và có thể làm chỉ đơn giản là đưa người đang chết tiến lên trên một dòng tình thương ngày càng sâu đậm. Qua quyền năng của Sự tưởng tượng sáng tạo, chứ không phải qua các khái niệm trí tuệ (dù cao đến đâu), người sắp chết phải được trợ giúp để bỏ đi chiếc áo ngoài mà y đã bị bao bọc trong đó và đã lao động trong đó suốt cuộc đời. Điều này bao hàm một hành động quên mình thuần túy mà hiện nay ít người có khả năng. Phần lớn mọi người bị cuốn theo sợ hãi, hoặc bởi một ham muốn mạnh mẽ muốn giữ người thân yêu lại, hoặc bị chệch hướng khỏi mục tiêu của họ bởi các hoạt động liên quan đến việc làm dịu đau đớn và làm tê liệt cơn hấp hối; họ cũng hoảng hốt trước chiều sâu của sự vô minh của mình về "kỹ thuật của cái chết" khi đối diện với tình huống khẩn cấp. Họ thấy mình không thể nhìn thấy điều gì nằm bên kia những cánh cửa của cái chết, và bị cuốn theo sự bất định trí tuệ vốn là một phần của đại

we know no sure touch in this process of dying. All is uncertainty and bewilderment. But this will end before long, and man will know and also see.

[365] ảo tưởng. Như chúng ta biết, không có cách xử lý chắc chắn nào trong tiến trình chết này. Tất cả đều là bất định và hoang mang. Nhưng điều này sẽ sớm chấm dứt, và con người sẽ biết và cũng sẽ thấy.

As regards those who have passed into the light, whom you want to help, follow them with your love, remembering that they are still the same people, minus the outer limiting shroud of body. Serve them, but seek not that they should serve your need of them. Go to them, but seek not to bring them back to you.

Đối với những người đã đi vào ánh sáng mà bạn muốn giúp, hãy theo họ bằng tình thương của bạn, nhớ rằng họ vẫn là chính những con người ấy, chỉ thiếu đi tấm màn giới hạn bên ngoài của thể xác. Hãy phụng sự họ, nhưng đừng tìm cách để họ phụng sự nhu cầu của bạn đối với họ. Hãy đến với họ, nhưng đừng tìm cách kéo họ trở lại với bạn.

It is physical plane life that is the purgatory, and life experience that is the school of drastic discipline. Let us not fear death, or that which lies beyond it. The wise disciple labours in the field of service but looks forward steadily to the dawn of the "clear, cold light" into which he will some day enter, and so close the chapter for a while upon the fever and the friction and the pain of earth existence. But there are other phases of life experience wherein the sense of futility and frustration meets the server in the world today.

Chính đời sống trên cõi hồng trần là luyện ngục, và kinh nghiệm sống là trường học của kỷ luật nghiêm khắc. Chúng ta đừng sợ cái chết, hay điều gì nằm bên kia nó. Người đệ tử minh triết lao động trong cánh đồng phụng sự nhưng vẫn kiên định hướng tới bình minh của "ánh sáng trong trẻo, lạnh lẽo" mà một ngày nào đó y sẽ đi vào, và nhờ đó khép lại chương sách, trong một thời gian, về cơn sốt, sự ma sát và nỗi đau của sự tồn tại trên địa cầu. Nhưng còn có những phương diện khác của kinh nghiệm sống, trong đó cảm giác vô ích và thất vọng gặp người phụng sự trong thế giới ngày nay.

From the angle of vision of a disciple, we might divide intelligent human beings into three groups, at the same time eliminating in our thought the dead weight of the unthinking masses who register desire but who as yet experience no sense of futility or frustration. They desire and are satisfied; or they desire and are thwarted or jealous or angry at those who appear to have that which they want and demand, and which appeals to the life of the senses. The three groups are:

Từ góc độ tầm nhìn của một đệ tử, chúng ta có thể chia những con người thông minh thành ba nhóm, đồng thời loại khỏi tư tưởng của chúng ta sức nặng trì trệ của những quần chúng không suy nghĩ, những người ghi nhận ham muốn nhưng chưa trải nghiệm cảm giác vô ích hay thất vọng. Họ ham muốn và được thỏa mãn; hoặc họ ham muốn và bị ngăn trở hay ganh tị hay giận dữ với những người dường như có được điều họ muốn và đòi hỏi, và điều hấp dẫn đời sống của các giác quan. Ba nhóm ấy là:

1. Those personalities, integrated and intelligent, who are ambitious and pushing consciously forward, yet who meet with frustration. This frustration is due either to world conditions which are too strong for them, or to the imposition upon them of their own watchful souls [366] which throws obstructions in their way in order to lead them into the light.

1. Những *phàm ngã* tích hợp và thông minh, đầy tham vọng và đang có ý thức thúc đẩy tiến lên, nhưng lại gặp thất vọng. Sự thất vọng này hoặc do các điều kiện thế giới quá mạnh đối với họ, hoặc do sự áp đặt của chính các linh hồn đang theo dõi họ [366] vốn đặt chướng ngại trên đường họ để dẫn họ vào ánh sáng.

2. Those mystically inclined people and those rightly oriented visionaries who have not yet built in that mental scaffolding which will enable them properly to materialise their vision, through right thought processes. They are many in number today, and their case is not an easy one.

2. Những người *nghiêng về thần bí* và những nhà có linh ảnh được định hướng đúng đắn nhưng chưa xây dựng được bộ giàn giáo trí tuệ giúp họ hiện hình linh ảnh của mình một cách đúng đắn, qua các tiến trình tư tưởng đúng đắn. Ngày nay họ rất đông, và trường hợp của họ không phải là dễ.

3. Those disciples and aspirants who are attempting to work in the field of the world, yet who through karmic limitation, misapplication of the law, or some basic personality weakness, never achieve in this life their goal, and so are swept by an overwhelming sense of futility.

3. Những *đệ tử và người chí nguyện* đang cố gắng làm việc trong lĩnh vực thế giới, nhưng do giới hạn nghiệp quả, sự áp dụng sai định luật, hoặc một yếu kém căn bản nào đó của phàm ngã, không bao giờ đạt được mục tiêu của mình trong kiếp này, và vì thế bị cuốn theo một cảm giác vô ích áp đảo.

Beyond these three classes, acting as the opposite pole to the struggling masses, are the integrated functioning disciples of the world, who are achieving, and who are too occupied and too one-pointed to waste much time over feeling inferior or over mistakes and failures.

Bên ngoài ba hạng người này, hoạt động như cực đối nghịch với quần chúng đang vật lộn, là những đệ tử đang hoạt động tích hợp của thế giới, những người đang thành tựu, và quá bận rộn và quá nhất tâm để lãng phí nhiều thời gian vào cảm giác tự ti hay vào những sai lầm và thất bại.

Therefore, by wisely placing the people who come to you for help in one or other of these three categories (allowing in your mind for the possibility of their passing into another and higher one) you will be able to help them more intelligently.

Do đó, bằng cách đặt một cách khôn ngoan những người đến với bạn để được giúp đỡ vào một trong ba loại này (đồng thời chừa chỗ trong trí bạn cho khả năng họ chuyển sang một loại khác cao hơn), bạn sẽ có thể giúp họ một cách thông minh hơn.

A large measure of the inferiority complex which affects so many people today is due most definitely to their reaction to the inflaming spiritual influences. They know themselves to be greater than their achievements; they realise unconsciously and wordlessly their divinity, but the limitation of circumstance and the hindrances of the body nature are as yet too great for right response to opportunity and to reality. Look for these souls and aid them by true understanding and by appreciation and cooperation, [367] and thus dispel the illusion of non-accomplishment which haunts their footsteps.

Một phần lớn mặc cảm tự ti đang ảnh hưởng đến rất nhiều người ngày nay rõ ràng là do phản ứng của họ đối với các ảnh hưởng tinh thần đang khơi dậy nhiệt tâm. Họ biết mình lớn lao hơn những thành tựu của mình; họ chứng nghiệm một cách vô thức và không lời thiên tính của mình, nhưng giới hạn của hoàn cảnh và những cản trở của bản chất thể xác hiện vẫn còn quá lớn để đáp ứng đúng đắn với cơ hội và với thực tại. Hãy tìm những linh hồn này và trợ giúp họ bằng sự thấu hiểu chân thật, bằng sự trân trọng và hợp tác, [367] và nhờ đó làm tiêu tan ảo tưởng về sự không thành tựu đang ám ảnh bước chân họ.

But exhibitionism and neurasthenic hallucinations have to be cured primarily through individual self-effort, through decentralisation, transference of interest, and unselfishness. Neurasthenic tendencies are likely to increase instead of decrease for some time yet, such is the strain under which man labours today. The present world condition forces him to find avenues of escape, and to revert to the curative power of his own creative imagination. Release comes through acceptance of the drama of the whole and not of the part, and through steady occupation in creative work on the physical plane.

Nhưng tính phô trương bản thân và những ảo giác suy nhược thần kinh trước hết phải được chữa trị qua nỗ lực tự thân của cá nhân, qua sự phi tập trung vào bản thân, sự chuyển dịch mối quan tâm, và tính vị tha. Những khuynh hướng suy nhược thần kinh có lẽ sẽ gia tăng thay vì giảm bớt trong một thời gian nữa, vì áp lực mà con người đang chịu đựng ngày nay là như thế. Tình trạng thế giới hiện nay buộc y phải tìm những lối thoát, và quay về với quyền năng chữa trị của chính Sự tưởng tượng sáng tạo của mình. Sự giải thoát đến qua việc chấp nhận vở kịch của toàn thể chứ không phải của bộ phận, và qua sự bận rộn kiên định trong công việc sáng tạo trên cõi hồng trần.

Methods of training will later be used and are already coming into their elementary stages through the work of the psychologists of the world.

Những phương pháp huấn luyện về sau sẽ được sử dụng và hiện đã bước vào các giai đoạn sơ đẳng qua công việc của các nhà tâm lý học trên thế giới.

On Scientific Parallels.

Về những tương đồng khoa học.

Students seem to think that we, the teachers on the inner side, have read every book that may be written, particularly those

Các đạo sinh dường như nghĩ rằng chúng tôi, các huấn sư ở phía bên trong, đã đọc mọi quyển sách có thể được viết ra, đặc biệt là

embodying the new and advanced truths, and that we are also in touch with the personalities of those who are the dispensers of the growing body of new knowledge in the world. Such is not the case. How can I explain to you the true state of affairs? Only symbolically, I think.

những sách chứa đựng các chân lý mới và tiến bộ, và rằng chúng tôi cũng tiếp xúc với các phàm ngã của những người đang phân phối khối tri thức mới ngày càng tăng trong thế giới. Không phải như vậy. Làm sao tôi có thể giải thích cho bạn tình trạng sự việc thực sự? Tôi nghĩ chỉ có thể bằng biểu tượng.

As we look out over the world of the intellect and carry our thoughts from the points of living knowledge there to be found, we may become aware of areas of light (as we understand it) shining forth upon the physical plane. Such areas indicate the shining light of some worker in the field, of some disciple, or of some member of the New Group of World Servers. I know, for instance, that such areas are to be found (as regards the United States) in Baltimore, Chicago, Cleveland and Rochester. By a peculiar [368] mode of shining this indicates to me that there is to be found a centre where the newer knowledges anent man's body are to be found. I know that there are other areas of light existing all over the world. My work and the work of all the teachers in this transition period is to stimulate them and fertilise their minds with ideas. Every theory they form in their search for truth, every book they write, and every conclusion they reach is not known to us. They must carry their own responsibility and fail or succeed in arriving at the truth through their own self-initiated effort.

Khi chúng tôi nhìn ra thế giới của trí tuệ và chuyển tư tưởng của mình từ những điểm tri thức sống động có thể tìm thấy ở đó, chúng tôi có thể nhận biết những vùng ánh sáng (theo cách chúng tôi hiểu) đang chiếu rọi trên cõi hồng trần. Những vùng như thế chỉ ra ánh sáng đang tỏa ra của một người hoạt động nào đó trong lĩnh vực này, của một đệ tử nào đó, hay của một thành viên nào đó của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Chẳng hạn, tôi biết rằng những vùng như thế có thể được tìm thấy (xét về Hoa Kỳ) tại Baltimore, Chicago, Cleveland và Rochester. Bằng một phương thức chiếu sáng đặc biệt [368] điều này chỉ cho tôi biết rằng ở đó có thể tìm thấy một trung tâm nơi các tri thức mới hơn liên quan đến thể xác con người hiện diện. Tôi biết rằng còn có những vùng ánh sáng khác tồn tại khắp thế giới. Công việc của tôi và công việc của tất cả các huấn sư trong giai đoạn chuyển tiếp này là kích thích họ và làm cho trí tuệ họ màu mỡ bằng các ý tưởng. Mọi lý thuyết họ hình thành trong cuộc tìm kiếm chân lý, mọi quyển sách họ viết, và mọi kết luận họ đạt tới đều không được chúng tôi biết đến. Họ phải tự gánh lấy trách nhiệm của mình và thất bại hay thành công trong việc đạt đến chân lý bằng nỗ lực do chính họ khởi xướng.

H.P.B. prophesied the work now being done many years ago when she spoke of the recognition ultimately to be accorded by science to an universally diffused omnipresent Deity (the ether of space is an entity, she also tells us) and that the mystery

H.P.B. đã tiên tri về công việc hiện đang được thực hiện này từ nhiều năm trước khi bà nói về sự công nhận rốt cuộc mà khoa học sẽ dành cho một Thượng đế phổ biến khắp nơi và hiện diện khắp nơi (bà cũng nói với chúng ta rằng dĩ thái của không gian là một thực

of electricity, when solved, holds for us the solution of most of our problems. Many of the theories of modern science are laid down in A Treatise on Cosmic Fire, though scientists have not gone far enough yet to recognise this fact; there the electrical nature of man is posited. You would find it interesting and helpful to search out such passages. Science, however, gives no place to the electrical force of the soul, which is steadily growing in potency. A few of the scientists among the most advanced are beginning to do this. The next step ahead for science is the discovery of the soul, a discovery which will revolutionise, though not negate, the majority of their theories.

thể), và rằng bí ẩn của điện lực, khi được giải quyết, sẽ nắm giữ cho chúng ta lời giải của phần lớn các vấn đề của chúng ta. Nhiều lý thuyết của khoa học hiện đại được trình bày trong *Luận về Lửa Vũ Trụ,* dù các nhà khoa học vẫn chưa đi đủ xa để nhận ra sự kiện này; ở đó bản chất điện lực của con người được xác lập. Bạn sẽ thấy thú vị và hữu ích nếu tìm ra những đoạn như thế. Tuy nhiên, khoa học không dành chỗ nào cho mãnh lực điện lực của linh hồn, vốn đang đều đặn tăng trưởng về uy lực. Một vài nhà khoa học trong số những người tiến bộ nhất đang bắt đầu làm điều này. Bước kế tiếp phía trước của khoa học là sự khám phá linh hồn, một khám phá sẽ cách mạng hóa, dù không phủ nhận, phần lớn các lý thuyết của họ.

Individual students might aid in this if they took some of the basic postulates of a scientist whose researches appealed to them, and endeavoured to discover in my books, for. instance, or in The Secret Doctrine, those paragraphs which will throw occult light upon what he says, or which may negate his hypothesis. Then they would be growing [369] and using the analytical mind as a bridging factor between the world of human science and the occult sciences.

Các đạo sinh cá nhân có thể trợ giúp trong việc này nếu họ lấy một số định đề căn bản của một nhà khoa học nào đó mà công trình nghiên cứu của ông hấp dẫn họ, và cố gắng khám phá trong các sách của tôi chẳng hạn, hoặc trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, những đoạn văn sẽ soi ánh sáng huyền bí lên điều ông nói, hoặc có thể phủ nhận giả thuyết của ông. Khi ấy họ sẽ tăng trưởng [369] và sử dụng trí tuệ phân tích như một yếu tố bắt cầu giữa thế giới khoa học nhân loại và các khoa học huyền bí.

On Ions and Radiation.

Về các ion và bức xạ.

Scientists have made statements to the effect that the air we breathe contains electrified particles positively or negatively charged, and they are able to produce artificially electrified air; that even an open flame in a fireplace ionises the air; that with suitable apparatus one may extract either the negative or the positive ions, and that patients exposed to the positively electrified ions developed feelings of fatigue, dizziness and headache, while if exposed to negatively

Các nhà khoa học đã đưa ra những nhận định rằng không khí chúng ta hít thở chứa các hạt mang điện tích dương hoặc âm, và họ có thể tạo ra không khí nhiễm điện bằng phương pháp nhân tạo; rằng ngay cả ngọn lửa cháy trong lò sưởi cũng ion hóa không khí; rằng với thiết bị thích hợp, người ta có thể tách lấy các ion âm hoặc ion dương, và những bệnh nhân tiếp xúc với các ion mang điện tích dương có cảm giác mệt mỏi, chóng mặt và đau đầu, trong khi khi tiếp xúc với

charged ions a feeling of exhilaration was experienced; that positive ions increased the blood pressure and produced general discomfort, and negative ions lowered the pressure and brought a feeling of comfort and relaxation.

các ion mang điện tích âm, họ lại cảm thấy phấn chấn; rằng các ion dương làm tăng huyết áp và gây cảm giác khó chịu toàn thân, còn các ion âm làm giảm huyết áp và đem lại cảm giác dễ chịu, thư giãn.

The question arises whether the healer's radiation has the effect of ionising the atmosphere surrounding the patient. I must point out that to answer such a question accurately would necessitate two things: the revelation of one of the mysteries for which mankind is not yet ready, and at the same time the giving of an answer which would be quite inexplicable to you, for there is no terminology adequate to the latent truth. In this truth is embodied the whole story of duality—which is the story of the relation of the negative and positive aspects of the living process. Certain things, however, I can point out:

Câu hỏi được đặt ra là liệu bức xạ của người chữa lành có tác dụng ion hóa bầu khí quyển quanh bệnh nhân hay không. Tôi phải chỉ ra rằng để trả lời chính xác một câu hỏi như thế sẽ cần đến hai điều: sự mặc khải một trong những huyền nhiệm mà nhân loại chưa sẵn sàng đón nhận, và đồng thời đưa ra một câu trả lời hoàn toàn không thể giải thích được đối với bạn, vì không có thuật ngữ nào thích hợp với chân lý còn tiềm ẩn ấy. Trong chân lý này hàm chứa toàn bộ câu chuyện về nhị nguyên tính—là câu chuyện về mối liên hệ giữa các phương diện âm và dương của tiến trình sống. Tuy nhiên, có một số điều tôi có thể chỉ ra:

1. The negative and positive ions with which the scientist deals are etheric in nature and, therefore, of the physical plane. These unseen particles of substance which can only be traced through their effects and through interference with their activities, are rapidly moving particles in relation to each other and, at the same time, [370] are themselves affected by a greater controlling factor which keeps them so moving.

1. Các ion âm và dương mà nhà khoa học đề cập đến có bản chất dĩ thái và do đó thuộc cõi hồng trần. Những hạt chất liệu vô hình này, chỉ có thể được truy ra qua các hiệu quả của chúng và qua sự can thiệp vào các hoạt động của chúng, là những hạt chuyển động nhanh trong mối liên hệ với nhau và đồng thời, [370] chính chúng cũng bị ảnh hưởng bởi một yếu tố kiểm soát lớn hơn giữ cho chúng chuyển động như thế.

2. In healing with disease, the patient can only truly be helped when the positive radiation of the healer overcomes the negative condition of the patient.

2. Trong việc chữa lành bệnh tật, bệnh nhân chỉ thực sự có thể được giúp khi bức xạ dương của người chữa lành vượt thắng tình trạng âm của bệnh nhân.

3. The radiation of the healer has to permeate and overcome the resistance of the patient's disease—not of the patient, who may be mentally and emotionally negative to the healer, and therefore in a position to

3. Bức xạ của người chữa lành phải thấm qua và vượt thắng sự kháng cự của bệnh tật nơi bệnh nhân—không phải của chính bệnh nhân, người có thể âm về mặt trí tuệ và cảm xúc đối với người chữa lành, và do đó ở vào

be helped. This is done through the more powerful radiation of the healer. The magnetism of the healer is then brought into play and, consciously and with intent, he can draw out and disperse those atoms of substance which are the seat and source of the patient's discomfort. A hint is here given of one of the future physical plane modes of dispersing a disease. The power of directing definitely the magnetic currents radiating from a source outside the physical body is not yet realised, but it will embody one of the new modes of healing.

vị thế có thể được giúp đỡ. Điều này được thực hiện qua bức xạ mạnh hơn của người chữa lành. Khi ấy từ điện của người chữa lành được đưa vào hoạt động và, một cách hữu thức và có chủ ý, y có thể rút ra và làm tiêu tan những nguyên tử chất liệu vốn là nơi phát sinh và nguồn gốc của sự khó chịu nơi bệnh nhân. Ở đây có một gợi ý về một trong những phương thức tương lai trên cõi hồng trần để làm tiêu tan bệnh tật. Quyền năng định hướng một cách xác định các dòng từ tính bức xạ từ một nguồn bên ngoài thể xác hiện chưa được nhận ra, nhưng nó sẽ bao hàm một trong những phương thức chữa lành mới.

The healing radiation, therefore, naturally affects the atmosphere around the patient. As yet, however, that radiation is uneven and not rightly directed. Some people radiate physical or animal magnetism; others astral or mental magnetism; still others radiate the energy of a fully integrated personality. A few radiate the magnetism of the soul, the major attractive energy in all forms. In the future the true healer must work through the radiation of the entire personality or of the soul. I say "or" advisedly, for there are few as yet who can work with soul energy, but many who would work as integrated personalities if they so desired. And when a man has achieved this power to radiate, what about the patient? How is he to be brought into a condition wherein he will respond accurately to magnetic [371] radiation? If he is an astral type, as are so many, will he be able to respond to the magnetism of a mental healer? Can he be helped by the radiation of such a healer if he is himself a fully integrated human being? If you say to me that Christ healed all types, I would here suggest that I am not considering in this short treatise the laws of healing as they are wielded by a Master of the Wisdom or by an

Do đó, bức xạ chữa lành tự nhiên ảnh hưởng đến bầu khí quyển quanh bệnh nhân. Tuy nhiên, hiện nay bức xạ ấy còn không đồng đều và không được định hướng đúng đắn. Một số người bức xạ từ điện hồng trần hay động vật; những người khác bức xạ từ điện cảm dục hay trí tuệ; còn những người khác nữa bức xạ năng lượng của một phàm ngã tích hợp hoàn toàn. Một số ít bức xạ từ điện của linh hồn, năng lượng hấp dẫn chủ yếu trong mọi hình tướng. Trong tương lai, người chữa lành chân chính phải làm việc qua bức xạ của toàn bộ phàm ngã hoặc của linh hồn. Tôi nói "hoặc" một cách có chủ ý, vì hiện nay còn ít người có thể làm việc với năng lượng linh hồn, nhưng có nhiều người sẽ làm việc như những phàm ngã tích hợp nếu họ muốn. Và khi một người đã đạt được quyền năng bức xạ này, còn bệnh nhân thì sao? Làm sao y được đưa vào một tình trạng trong đó y sẽ đáp ứng chính xác với bức xạ [371] từ tính? Nếu y là loại cảm dục, như rất nhiều người, liệu y có thể đáp ứng với từ điện của một người chữa lành trí tuệ không? Liệu y có thể được giúp bởi bức xạ của một người chữa lành như thế nếu chính y là một con người tích hợp hoàn toàn không? Nếu bạn nói với tôi rằng Đức Christ đã chữa lành mọi loại người, thì ở đây tôi xin gợi ý rằng

initiate. My book would otherwise be a futile effort. I am writing for interested aspirants and for those who can heal on some level below that of the soul, but who as yet know not how to do it. Later all this will be more fully elucidated.

trong chuyên luận ngắn này tôi không xét đến các định luật chữa lành như chúng được vận dụng bởi một Chân sư Minh Triết hay bởi một điểm đạo đồ. Nếu không, quyển sách của tôi sẽ là một nỗ lực vô ích. Tôi đang viết cho những người chí nguyện quan tâm và cho những ai có thể chữa lành ở một cấp độ nào đó dưới cấp độ của linh hồn, nhưng hiện nay chưa biết cách làm điều đó. Về sau tất cả điều này sẽ được làm sáng tỏ đầy đủ hơn.

On Vibration.

Về rung động.

Some students make demand that I define what is the meaning of the word “vibration” and state exactly what a vibration is. If I tell you that vibration is an illusion, as sensory perception is known by the soul to be, do you comprehend (limited as all human beings are by the reactions of a series of vehicles, all of them instruments of perception)? If I tell you that vibratory reaction is due to our possessing a mechanism which is responsive to impact, I am answering your question in part, but if this is true, what does it mean to you and from whence comes the impact? If I give you the scientific definition (which you can discover in any good textbook on light, colour or sound), I am doing work that you can do yourself, and for that I have no time. In my books are several definitions of vibration, either by inference or defined, and these you might search for, and upon them you might meditate. If I elucidated for you here the relation between the Self and the not-Self, between awareness, that which is aware, and that of which it is aware, I am covering ground which a careful study of the Gita would aid you in comprehending.

Một số đạo sinh đòi hỏi tôi phải định nghĩa ý nghĩa của từ “rung động” và nói chính xác rung động là gì. Nếu tôi bảo bạn rằng rung động là một ảo tưởng, cũng như tri giác giác quan được linh hồn biết là như vậy, liệu bạn có thấu hiểu không (vốn tất cả nhân loại đều bị giới hạn bởi các phản ứng của một chuỗi các hiện thể, tất cả đều là những công cụ tri giác)? Nếu tôi bảo bạn rằng phản ứng rung động là do chúng ta sở hữu một bộ máy đáp ứng với sự va chạm, thì tôi đang trả lời câu hỏi của bạn một phần; nhưng nếu điều này là đúng, thì nó có nghĩa gì đối với bạn, và sự va chạm ấy đến từ đâu? Nếu tôi đưa cho bạn định nghĩa khoa học (mà bạn có thể tìm thấy trong bất kỳ giáo trình tốt nào về ánh sáng, màu sắc hay âm thanh), thì tôi đang làm công việc mà chính bạn có thể tự làm, và tôi không có thời gian cho việc đó. Trong các sách của tôi có một số định nghĩa về rung động, hoặc bằng hàm ý hoặc được định nghĩa rõ, và bạn có thể tìm chúng, rồi tham thiền về chúng. Nếu ở đây tôi làm sáng tỏ cho bạn mối liên hệ giữa Chân ngã và phi-ngã, giữa sự nhận biết, cái đang nhận biết, và cái được nhận biết, thì tôi đang đề cập đến một lĩnh vực mà việc nghiên cứu cẩn trọng quyển Gita sẽ giúp bạn thấu hiểu.

[372]

[372]

Let simplicity be your guide and one-pointed love your major objective. Choose a field of service which has its definite limits (for all disciples are limited and cannot cover a planetary range in their thoughts), and work—mentally and physically—within those limits. The completion of some self-appointed task within the field of karmic limitation and of environment where your destiny has cast you is all that is required of you. What are you accomplishing really at this time? Let your service lie within the field of contact where you find yourself, and reach not out over the entire planet. Is there any greater or more important task than to fulfill your task and carry it to completion in the place where you are and with your chosen comrades?

Hãy để sự đơn giản làm người dẫn đường cho bạn và tình thương nhất tâm làm mục tiêu chính yếu của bạn. Hãy chọn một lĩnh vực phụng sự có những giới hạn xác định của nó (vì mọi đệ tử đều bị giới hạn và không thể bao quát một tầm mức hành tinh trong tư tưởng của mình), và hoạt động—về mặt trí tuệ lẫn hồng trần—trong những giới hạn ấy. Việc hoàn tất một nhiệm vụ nào đó do chính bạn tự chọn trong phạm vi giới hạn nghiệp quả và môi trường nơi định mệnh đã đặt bạn vào, đó là tất cả những gì được đòi hỏi nơi bạn. Thực sự vào lúc này bạn đang hoàn thành điều gì? Hãy để sự phụng sự của bạn nằm trong lĩnh vực tiếp xúc nơi bạn đang hiện diện, và đừng vươn ra khắp toàn thể hành tinh. Có nhiệm vụ nào lớn hơn hay quan trọng hơn việc hoàn thành nhiệm vụ của bạn và đưa nó đến chỗ viên mãn tại nơi bạn đang ở và cùng với những đồng bạn bạn đã chọn chăng?

Believe me when I assure you that I am not seeking to evade answering any questions, but if I can awaken you to the realisation of the necessity for "spiritual limitation" (as it is esoterically called when defining the career of a disciple within the limits of his task) and bring to your attention the need for achieving the goal you set yourself when you started to work, I shall have aided you far more than if I had defined vibration or pointed out to you just how much progress, through what process, you or others had made.

Hãy tin tôi khi tôi bảo đảm với bạn rằng tôi không tìm cách né tránh việc trả lời bất kỳ câu hỏi nào, nhưng nếu tôi có thể đánh thức nơi bạn sự nhận thức về tính cần thiết của "sự giới hạn tinh thần" (như nó được gọi một cách huyền bí khi xác định sự nghiệp của một đệ tử trong giới hạn của nhiệm vụ của y) và đưa đến sự chú ý của bạn nhu cầu phải đạt được mục tiêu bạn đã tự đặt ra khi bắt đầu hoạt động, thì tôi sẽ giúp bạn nhiều hơn rất xa so với việc tôi định nghĩa rung động hay chỉ cho bạn biết chính xác bạn hay người khác đã đạt được bao nhiêu tiến bộ, qua tiến trình nào.

On the Future School of Healing.

Về Trường Chữa Lành Tương Lai.

These schools of healing are not to be developed in the near future, not before the close of this century. Only the preparatory work is now being done, and the stage set for future unfoldments. Things do not move so

Những trường chữa lành này sẽ không được phát triển trong tương lai gần, không trước khi thế kỷ này kết thúc. Hiện nay chỉ có công việc chuẩn bị đang được thực hiện, và sân khấu đang được dàn dựng cho những sự

rapidly. There has to be a growing synthesis of the techniques of such schools, which embody:

khai mở trong tương lai. Mọi việc không tiến triển nhanh đến thế. Phải có một sự tổng hợp ngày càng tăng của các kỹ thuật thuộc những trường như thế, bao gồm:

1. Psychological adjustments and healing,

1. Sự điều chỉnh và chữa lành tâm lý,

2. Magnetic healing,[373]

2. Chữa lành từ tính,[373]

3. The best of the allopathic and homeopathic techniques, with which we must not dispense,

3. Những gì tốt nhất của các kỹ thuật đối chứng và đồng căn, mà chúng ta không được loại bỏ,

4. Surgical healing in its modern forms,

4. Chữa lành bằng phẫu thuật trong các hình thức hiện đại của nó,

5. Electro-therapeutics,

5. Điện trị liệu,

6. Water-therapy,

6. Thủy trị liệu,

7. Healing by colour and sound, and radiation,

7. Chữa lành bằng màu sắc và âm thanh, cùng bức xạ,

8. Preventive medicine,

8. Y học phòng ngừa,

9. The essential practices of osteopathy and chiropractic,

9. Những thực hành cốt yếu của nắn xương và chỉnh cột sống,

10. Scientific neurology and psychiatry,

10. Thần kinh học và tâm thần học khoa học,

11. The cure of obsessions and mental diseases,

11. Việc chữa trị sự ám nhập và các bệnh tâm thần,

12. The care of the eyes and ears,

12. Việc chăm sóc mắt và tai,

13. Voice culture, which is a definitely healing agency,

13. Luyện giọng, vốn là một tác nhân chữa lành rõ rệt,

14. Mental and faith healing,

14. Chữa lành bằng trí tuệ và đức tin,

15. Soul alignment and contact,

and many other processes and procedures which belong to the healing art. Some of the more ancient schools, such as the allopathic, call for a process of elimination in order to arrive at the vital and true contribution which they have to give. Others of a modern and tentative experimental kind must be lifted out of the hands of the fanatics; for until fanaticism with its blindness and lack of intelligent synthesis dies out (as it inevitably will as the sixth ray recedes and the Piscean Age passes out), the new schools cannot exist as they should; there must be a keener understanding of the underlying and fundamental good in all the schools and a better grasp of the principles which underlie the true healing art, before the schools, referred to in Letters on Occult Meditation, can come into being. When, as is the case today, some healer or school lays the entire emphasis upon some patent cure-all and despises all other systems of diet or method, it will not be possible to establish the true schools.

[374]

The period is coming in which we will pass through a cycle in which we will garner the fruit of the ages; in which we will skim (if I may so express it) the cream of the milk of human experience; and then with the best that the past can confer upon us, we will inaugurate those new enterprises which will speed humanity upon its way. Among these new enterprises the healing art will be the foremost, because the most necessary.

15. Sự chỉnh hợp và tiếp xúc với linh hồn,

và nhiều tiến trình cùng phương pháp khác thuộc nghệ thuật chữa lành. Một số trường phái cổ xưa hơn, như trường phái đối chứng, đòi hỏi một tiến trình loại bỏ để đi đến đóng góp thiết yếu và chân thực mà chúng phải cống hiến. Những trường khác thuộc loại hiện đại và thử nghiệm tạm thời phải được đưa ra khỏi tay những kẻ cuồng tín; vì chừng nào sự cuồng tín với tính mù quáng và sự thiếu tổng hợp thông minh của nó chưa tiêu tan (điều chắc chắn sẽ xảy ra khi cung sáu rút lui và Kỷ Nguyên Song Ngư qua đi), thì các trường mới không thể tồn tại như chúng nên có; phải có một sự thấu hiểu sắc bén hơn về điều thiện căn bản và nền tảng nằm dưới mọi trường phái, và một sự nắm bắt tốt hơn các nguyên lý làm nền cho nghệ thuật chữa lành chân chính, trước khi những trường được nói đến trong *Letters on Occult Meditation,* có thể ra đời. Khi, như trường hợp ngày nay, một nhà chữa lành hay một trường phái đặt toàn bộ sự nhấn mạnh vào một phương thuốc vạn năng nào đó và khinh miệt mọi hệ thống ăn uống hay phương pháp khác, thì sẽ không thể thiết lập các trường chân chính.

[374]

Thời kỳ đang đến khi chúng ta sẽ đi qua một chu kỳ trong đó chúng ta sẽ gặt hái thành quả của các thời đại; trong đó chúng ta sẽ hớt lấy (nếu tôi có thể nói như vậy) lớp kem của sữa kinh nghiệm nhân loại; và rồi với điều tốt nhất mà quá khứ có thể ban cho chúng ta, chúng ta sẽ khai mở những công cuộc mới sẽ thúc đẩy nhân loại trên đường tiến bước. Trong số những công cuộc mới này, nghệ thuật chữa lành sẽ là hàng đầu, vì nó cần thiết nhất.

We shall find that the work which is engaging our attention will fall into three categories: these will work out sequentially and not simultaneously.

Chúng ta sẽ thấy rằng công việc đang thu hút sự chú ý của chúng ta sẽ rơi vào ba loại; chúng sẽ được triển khai tuần tự chứ không đồng thời.

1. The training in the principles of the healing art, as we

1. Sự huấn luyện về các nguyên lý của nghệ thuật chữa lành, khi chúng ta

a. Lay the foundation for later expansion in the New Age.

a. Đặt nền móng cho sự mở rộng về sau trong Kỷ Nguyên Mới.

b. Seek to preserve that which is good and useful in the shift of the emphasis from the outer external man to the more subtle etheric and vital body.

b. Tìm cách bảo tồn điều gì là tốt và hữu ích trong sự chuyển đổi trọng tâm từ con người bên ngoài ngoại hiện sang thể dĩ thái và thể sinh lực tinh tế hơn.

c. Study this Treatise on the new healing which will meet with a measure of response, but which will only later enter into its true usefulness and mission.

c. Nghiên cứu bộ Luận này về sự chữa lành mới, bộ sách sẽ gặp được một mức độ đáp ứng nào đó, nhưng chỉ về sau mới đi vào tính hữu dụng và sứ mệnh đích thực của nó.

2. Later, when a group can function together with impersonality as a unit and with true interplay of love, such a group can then begin to do some definite healing work, taking some case, for instance of known physical illness, of obsession, or of mental difficulty and—working under soul direction or some initiated chela and in conformity with the teaching outlined in this Treatise—seek to cure and aid. The study of the art of dying is also to attract your intention and later that of the world at large.

2. Về sau, khi một nhóm có thể cùng hoạt động với tính vô ngã như một đơn vị và với sự tương tác chân thực của tình thương, thì một nhóm như thế có thể bắt đầu thực hiện một số công việc chữa lành xác định, chẳng hạn tiếp nhận một trường hợp bệnh hồng trần đã biết, sự ám nhập, hay khó khăn trí tuệ và—hoạt động dưới sự chỉ đạo của linh hồn hoặc của một đệ tử được điểm đạo và phù hợp với giáo huấn được phác họa trong bộ Luận này—tìm cách chữa trị và trợ giúp. Việc nghiên cứu nghệ thuật chết cũng cần thu hút sự chú ý của bạn và về sau là của thế giới nói chung.

3. Finally, there will come the forming of subsidiary groups to be taught and developed by the members of the pioneer healing groups, under soul instruction, or under [375] that of some initiated chela. These subsidiary groups will work under group direction for the healing of people.

3. Cuối cùng, sẽ đến việc hình thành các nhóm phụ thuộc để được giảng dạy và phát triển bởi các thành viên của những nhóm chữa lành tiên phong, dưới sự chỉ dạy của linh hồn, hoặc dưới [375] sự chỉ dạy của một đệ tử được điểm đạo nào đó. Những nhóm phụ thuộc này sẽ hoạt động dưới sự chỉ đạo

This will not be for some years yet, and not until the initiating group (or groups) can work with a measure of success and the group members have an intelligent grasp of the technique and principles involved in healing. The exoteric developments of the New Age healing will grow out of the above.

của nhóm để chữa lành cho con người. Điều này sẽ chưa xảy ra trong một số năm nữa, và không cho đến khi nhóm khởi xướng (hay các nhóm khởi xướng) có thể hoạt động với một mức độ thành công nào đó và các thành viên nhóm có được sự nắm bắt thông minh về kỹ thuật và các nguyên lý liên quan đến chữa lành. Những phát triển ngoại môn của sự chữa lành trong Kỷ Nguyên Mới sẽ phát sinh từ những điều trên.

There is no school in existence today which should be retained. All of them embody some useful truth, principle or idea. I would point out that a synthetic group would still be a separative and separated entity, and no such group is our goal. It is the synthesis of the life and of the knowledge which is desirable, and not a synthesis of people. There will be eventually, let us hope, hundreds and thousands of groups all over the world who will express this new attitude to healing, who will be bound together by their common knowledge and aims, but who will all express this to the best of their ability in their own peculiar field, in their own peculiar way and with their own peculiar terminology. It is the subjective life unity that is of interest to the teachers on the inner side of life, and the production of a network of true healers all over the world.

Ngày nay không có trường nào đang tồn tại mà nên được giữ lại nguyên vẹn. Tất cả chúng đều bao hàm một chân lý, nguyên lý hay ý tưởng hữu ích nào đó. Tôi muốn chỉ ra rằng một nhóm tổng hợp vẫn sẽ là một thực thể phân ly và tách biệt, và không nhóm nào như thế là mục tiêu của chúng ta. *Điều đáng mong muốn là sự tổng hợp của sự sống và của tri thức*, chứ không phải sự tổng hợp của con người. Cuối cùng sẽ có, chúng ta hãy hy vọng, hàng trăm và hàng ngàn nhóm trên khắp thế giới sẽ biểu lộ thái độ mới này đối với sự chữa lành, những nhóm sẽ được liên kết với nhau bởi tri thức và mục tiêu chung của họ, nhưng tất cả sẽ biểu lộ điều này theo khả năng tốt nhất của mình trong lĩnh vực riêng biệt của họ, theo cách riêng biệt của họ và với thuật ngữ riêng biệt của họ. Chính sự hợp nhất chủ quan của sự sống mới là điều các huấn sư ở mặt bên trong của sự sống quan tâm đến, và là việc tạo ra một mạng lưới những nhà chữa lành chân chính trên khắp thế giới.

A fresh start is now being made. We shall and do inherit the wonder of the past acquired knowledges and the use of much of it will persist; all that is needed is the elimination of the undesirable and the misunderstood interpretations of known facts, and the misapplied information, also the cessation of selfish interest, financial exploitation and greed. Modern surgery,

Hiện nay một sự khởi đầu mới đang được thực hiện. Chúng ta sẽ và đang thừa hưởng điều kỳ diệu của các tri thức đã đạt được trong quá khứ và việc sử dụng phần lớn trong số đó sẽ tiếp tục; tất cả những gì cần thiết là loại bỏ những điều không mong muốn và những cách diễn giải sai lầm về các sự kiện đã biết, cũng như thông tin bị áp dụng sai, đồng thời chấm dứt lợi ích ích kỷ,

modern sanitary methods, and modern medical science are full of wonder and usefulness.[376]

sự khai thác tài chính và lòng tham. Phẫu thuật hiện đại, các phương pháp vệ sinh hiện đại, và y học hiện đại đầy kỳ diệu và hữu ích. [376]

Letter to a Scientist

Thư gửi một Nhà Khoa Học

My brother:

Huynh đệ của Tôi:

I have a few minutes to spare this morning after dictating to A.A.B. and will attempt to throw some forward light upon the questions which you have posited. I do not, as you will note, say that I will answer the questions.

Sáng nay sau khi đọc cho A.A.B. chép, tôi có vài phút rảnh và sẽ cố gắng soi rọi thêm đôi chút về phía trước lên những câu hỏi mà bạn đã nêu ra. Như bạn sẽ lưu ý, tôi không nói rằng tôi sẽ trả lời các câu hỏi.

The discoveries of science are as yet inadequate for the fulfillment of the prophecies I made in A Treatise on the Seven Rays. Towards the close of this century and when the world situation has clarified and the period of reconstruction is drawing to a close, discoveries will be made which will reveal some hitherto unrealised electrical potencies. I know not what other word to use for these electrical rays which will make their presence felt and lead to possibilities beyond the dreams of investigators today. The coming science of electricity will be as different next century as the modern usages of electricity differ from the understanding of the Victorian scientist.

Những khám phá của khoa học hiện nay vẫn chưa đầy đủ để hoàn thành những lời tiên tri tôi đã đưa ra trong *A Treatise on the Seven Rays.* Vào gần cuối thế kỷ này, khi tình hình thế giới đã sáng tỏ và thời kỳ tái thiết đang đi đến chỗ kết thúc, những khám phá sẽ được thực hiện, tiết lộ một số tiềm năng điện lực từ trước đến nay chưa được nhận ra. Tôi không biết dùng từ nào khác cho những tia điện này, những tia sẽ làm cho sự hiện diện của chúng được cảm nhận và dẫn đến những khả năng vượt ngoài giấc mơ của các nhà nghiên cứu ngày nay. Khoa học điện lực sắp đến sẽ khác biệt trong thế kỷ tới cũng như những cách sử dụng điện hiện đại khác với sự hiểu biết của nhà khoa học thời Victoria.

In connection with your query anent the photography which concerns itself with departed souls, I would advise you that understanding of process will come from a study of the—photographing of thoughtforms. A beginning was made in this connection by the great French scientist, d'Arsonval, of Paris. A.A.B. can tell you something of this if you do not already know. Light on the subject will come through this, through the perfecting of the

Liên quan đến câu hỏi của bạn về nhiếp ảnh liên quan đến các linh hồn đã qua đời, tôi khuyên bạn rằng sự thấu hiểu về tiến trình sẽ đến từ việc nghiên cứu sự chụp ảnh các Hình tư tưởng. Một khởi đầu đã được thực hiện trong mối liên hệ này bởi nhà khoa học Pháp vĩ đại d'Arsonval ở Paris. A.A.B. có thể nói cho bạn đôi điều về việc này nếu bạn chưa biết. Ánh sáng về chủ đề này sẽ đến qua hướng đó, qua việc hoàn thiện các tấm thu ảnh và tăng mạnh độ nhạy của chúng, và

plates of reception and their greatly increased sensitivity, and through the relating of electricity to photography. You may deem it well-nigh impossible to make plates of much greater sensitivity than those in use in the best equipped laboratories. But this is not so. Along this line of thought-photography and electrical equipment, will come the solution. It is the thought of those on the other side, and their ability to project [377] thoughtforms of themselves, plus the providing of adequately sensitive plates or their equivalent, which will mark a new era in so-called "spirit photography". People frequently are so preoccupied with the tangible instrument on this side of the veil that they neglect the factor of what must be contributed from the other side by those who have passed over.

qua việc liên hệ điện lực với nhiếp ảnh. Bạn có thể cho rằng gần như không thể tạo ra các tấm thu ảnh có độ nhạy lớn hơn nhiều so với những tấm thu ảnh đang được dùng trong các phòng thí nghiệm được trang bị tốt nhất. Nhưng không phải vậy. Chính theo đường hướng chụp ảnh tư tưởng và thiết bị điện lực này mà giải pháp sẽ đến. Chính tư tưởng của những người ở phía bên kia, và khả năng của họ trong việc phóng chiếu [377] các Hình tư tưởng về chính họ, cộng với việc cung cấp những tấm thu ảnh đủ nhạy hay tương đương của chúng, sẽ đánh dấu một kỷ nguyên mới trong cái gọi là "nhiếp ảnh linh hồn". Con người thường quá bận tâm với công cụ hữu hình ở phía bên này bức màn đến nỗi họ bỏ quên yếu tố về điều phải được đóng góp từ phía bên kia bởi những người đã qua đời.

The work will be done from there, with the material aid which as yet has not been provided in the outer scientific field.

Công việc sẽ được thực hiện từ phía đó, với sự trợ giúp vật chất mà cho đến nay vẫn chưa được cung cấp trong lĩnh vực khoa học bên ngoài.

To bring this about, collaboration of a conscious medium (not a trance medium, but someone who is consciously clairvoyant and clairaudient) will be required. There are many such growing up among the children of today, and the next generation after them will provide still more. The separating veil will disappear through the testimony of the thousands of those who can see phenomena and hear sounds which lie outside the range of the tangible.

Để thực hiện điều này, sẽ cần có sự cộng tác của một đồng tử hữu thức (không phải một đồng tử xuất thần, mà là một người thông nhãn và thông nhĩ một cách hữu thức). Có nhiều người như thế đang lớn lên trong số trẻ em ngày nay, và thế hệ kế tiếp sau họ sẽ cung cấp còn nhiều hơn nữa. Bức màn ngăn cách sẽ biến mất nhờ chứng ngôn của hàng ngàn người có thể thấy những hiện tượng và nghe những âm thanh nằm ngoài phạm vi của cái hữu hình.

You say that the spirits state that they cannot stand electricity. What is meant is that they cannot stand electricity as it is at present applied. This is an instance of the inaccurate statements passed on by ignorant mediums or by those who on the other side have no more understanding of the laws of

Bạn nói rằng các linh hồn bảo rằng họ không thể chịu được điện. Điều được hàm ý là họ không thể chịu được điện như hiện nay đang được áp dụng. Đây là một ví dụ về những phát biểu thiếu chính xác được truyền lại bởi các đồng tử ngu dốt hoặc bởi những người ở phía bên kia vốn cũng không hiểu các định

electricity than they probably had in the. physical body. There is nothing but electricity in manifestation, the "mystery of electricity" to which H.P.B. referred in to in The Secret Doctrine. Everything in Nature is electrical in nature; life itself is electricity, but all that we have contacted and used today is that which is only physical and related to and inherent in the physical and etheric matter of all forms.

luật điện lực hơn là có lẽ họ đã hiểu khi còn ở trong thể xác. Không có gì trong biểu hiện ngoài điện lực, "huyền nhiệm của điện lực" mà H.P.B. đã nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Mọi sự trong Thiên nhiên đều có bản chất điện; chính sự sống là điện lực, nhưng tất cả những gì ngày nay chúng ta đã tiếp xúc và sử dụng chỉ là cái thuộc hồng trần và liên hệ với, cũng như cố hữu trong, vật chất hồng trần và dĩ thái của mọi hình tướng.

It must be remembered that the so-called "spirits" are functioning in the illusory astral body, while advanced "spirits" are only functioning as minds, and can therefore [378] be reached solely by minds and in no other way. It will never be possible to photograph the mental vehicle; only the astral body will be susceptible of photographing. The grosser the person in the body, desire and appetite, the more easily will he be photographed after passing over (if anyone wants to photograph him!), and the more advanced the person, the more difficult it will be to get a photograph.

Phải nhớ rằng những "linh hồn" được gọi như thế đang hoạt động trong thể cảm dục ảo tưởng, trong khi những "linh hồn" tiến hóa thì chỉ hoạt động như những trí tuệ, và do đó [378] chỉ có thể được tiếp cận bằng trí tuệ chứ không bằng cách nào khác. Sẽ không bao giờ có thể chụp ảnh hiện thể trí; chỉ thể cảm dục mới có thể được chụp ảnh. Người trong thể xác càng thô nặng về dục vọng và thèm muốn bao nhiêu thì sau khi qua đời y càng dễ được chụp ảnh bấy nhiêu (nếu có ai muốn chụp ảnh y!), và người càng tiến hóa bao nhiêu thì càng khó có được ảnh của y bấy nhiêu.

As regards the use of radio as a means of communication with the "spirit world," the present electrical instruments are too slow in vibratory activity (if I may use such an unscientific term) to do the work; if astrally clothed "spirits" approach them they are apt to have a shattering effect. Yet the first demonstration of existence after death, in such a way that it can be registered upon the physical plane, will come via the radio, because sound always precedes vision. Think on this. However, no radio now exists which is sufficiently sensitive to carry sound waves from the astral plane.

Về việc sử dụng radio như một phương tiện liên lạc với "thế giới linh hồn", các dụng cụ điện hiện nay quá chậm trong hoạt động rung động (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ thiếu tính khoa học như thế) để thực hiện công việc; nếu những "linh hồn" mang áo thể cảm dục đến gần chúng, họ có thể gây ra một tác động phá vỡ. Tuy nhiên, sự chứng minh đầu tiên về sự tồn tại sau cái chết, theo cách có thể được ghi nhận trên cõi hồng trần, sẽ đến qua radio, vì âm thanh luôn đi trước hình ảnh. Hãy suy ngẫm về điều này. Tuy nhiên, hiện nay chưa có radio nào đủ nhạy để truyền các làn sóng âm thanh từ cõi cảm dục.

Future scientific discoveries, therefore, hold the secret. This is no evasion on my part, but

Vì vậy, những khám phá khoa học trong tương lai nắm giữ bí mật. Đây không phải là

a simple statement of fact. Electrical discovery is only in the initial stage and all that we have is simply a prelude to the real discovery. The magic of the radio would be completely unbelievable to the man of the eighteenth century. The discoveries and developments lying ahead in the twenty-first century will be equally unbelievable to the man of this century. A great discovery in relation to the use of light by the power and the directive agency of thought will come at the end of this century or the beginning of the next. Two small children—one living in this country (U.S.A.) and one in India—will work out a formula along scientific lines which will fill in some of the existing gaps in the scale of light vibration, carrying on from the high frequency rays and [379] waves as you now have them. This will necessitate instruments hitherto undreamt of but really quite possible. They will be so sensitive that they will be set in motion by the power of the human eye under the focussed direction of thought. From then on tangible rapport with the spirit world will be possible. I cannot do more than give you the clue.

sự né tránh từ phía tôi, mà là một phát biểu đơn giản về sự kiện. Khám phá điện lực mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu và tất cả những gì chúng ta có chỉ đơn thuần là khúc dạo đầu cho khám phá thực sự. Phép màu của radio hẳn sẽ hoàn toàn không thể tin nổi đối với con người thế kỷ mười tám. Những khám phá và phát triển đang ở phía trước trong thế kỷ hai mươi mốt cũng sẽ không thể tin nổi đối với con người của thế kỷ này. Một khám phá lớn liên quan đến việc sử dụng ánh sáng bằng quyền năng và tác nhân chỉ đạo của tư tưởng sẽ đến vào cuối thế kỷ này hoặc đầu thế kỷ sau. Hai đứa trẻ nhỏ—một sống ở nước này (Hoa Kỳ) và một ở Ấn Độ—sẽ xây dựng một công thức theo đường hướng khoa học, công thức sẽ lấp đầy một số khoảng trống hiện có trong thang rung động của ánh sáng, tiếp tục từ các tia và [379] làn sóng tần số cao như hiện nay bạn đang có. Điều này sẽ đòi hỏi những dụng cụ từ trước đến nay chưa từng được mơ tới nhưng thực ra hoàn toàn có thể có. Chúng sẽ nhạy đến mức được khởi động bởi quyền năng của mắt người dưới sự chỉ đạo tập trung của tư tưởng. Từ đó trở đi, sự giao cảm hữu hình với thế giới linh hồn sẽ trở nên khả hữu. Tôi không thể làm gì hơn là trao cho bạn đầu mối.

I am also handicapped by the complete ignorance of A.A.B. on these matters which involve electrical knowledge and terms. There is no seed thought in her mind on which I can work or from which I can expand the idea. She can explain what I mean if you ask her to do so. But even if she had a training such as you have, I could not explain clearly, as the discovery must first be made, and this will revolutionise all present ideas, even whilst growing out of them. An ordinary treatise on electricity such as is studied by electrical engineers would have been completely incomprehensible to even the most highly educated man two hundred

Tôi cũng bị hạn chế bởi sự thiếu hiểu biết hoàn toàn của A.A.B. về những vấn đề này, vốn liên quan đến tri thức và thuật ngữ điện lực. Trong trí của bà không có tư tưởng hạt giống nào để tôi có thể làm việc trên đó hay từ đó tôi có thể triển khai ý tưởng. Bà có thể giải thích điều tôi muốn nói nếu bạn yêu cầu bà làm như vậy. Nhưng ngay cả nếu bà có sự đào luyện như bạn, tôi cũng không thể giải thích rõ ràng, vì khám phá ấy trước hết phải được thực hiện, và điều này sẽ cách mạng hóa mọi ý tưởng hiện tại, dù vẫn phát sinh từ chúng. Một luận văn thông thường về điện lực như các kỹ sư điện nghiên cứu hẳn sẽ hoàn toàn không thể hiểu nổi đối với ngay

years ago, or even one hundred, and so it is now. In the meantime, work with thought photography as a prelude to the coming science, for out of that and the gradual development of more sensitive modes of registering and recording subtle phenomena will come the new idea and possibilities. Does it mean anything to you when I say that electricity and photography are closely related because the human being is electrical in origin and nature? This must be demonstrated on the physical plane by the aid of the needed sensitive apparatus.

FEBRUARY, 1944

cả người có học thức cao nhất cách đây hai trăm năm, hay thậm chí một trăm năm, và hiện nay cũng vậy. Trong lúc này, hãy làm việc với việc chụp ảnh tư tưởng như một khúc dạo đầu cho khoa học sắp đến, vì từ đó và từ sự phát triển dần dần của những phương thức nhạy hơn để ghi nhận và ghi lại các hiện tượng tinh tế, ý tưởng và những khả năng mới sẽ xuất hiện. Điều đó có ý nghĩa gì với bạn không khi tôi nói rằng điện lực và nhiếp ảnh có liên hệ mật thiết vì con người có nguồn gốc và bản chất điện? Điều này phải được chứng minh trên cõi hồng trần với sự trợ giúp của bộ máy nhạy cần thiết.

THÁNG HAI, 1944

PART TWO - The Basic Requirements for Healing — PHẦN HAI - Những Yêu Cầu Căn Bản cho Sự Chữa Lành

[380]

We are now entering upon a new section of our discussion on the Rays and Disease. It is essentially far more practical in scope than the highly speculative section (speculative to all of you) which we have just concluded. Much that I have there told you is, for you, in the nature of questionable truth (using this word "questionable" in its real sense; i.e., as promoting questions). For the most intuitive of you, it was at its best a "possibly accurate" hypothesis. I would here ask you to note this phrasing, paradoxical as it may appear. You have no direct means of knowing how true it may be. A great deal of the mystery of life and of living will clarify as more and more aspirants in the world begin to function consciously in the realm of causes. There is no questioning in the Hierarchy, except upon those matters which touch upon the unpredictable nature of human reactions. Even in connection with the uncertain activities of mankind, the Masters can usually gauge what will occur, but esoterically They refuse "to ponder on the energies released upon the plane of earthly living, for fear that counter-energies, issuing from the Centre where They dwell may negate the truth of man's freewill." I am here quoting one of the Masters, speaking at a conference held in 1725.

[380]

Hiện nay chúng ta đang bước vào một phần mới trong cuộc thảo luận của chúng ta về các cung và bệnh tật. Về bản chất, phạm vi của nó thực tiễn hơn nhiều so với phần có tính suy đoán cao (suy đoán đối với tất cả *các bạn*) mà chúng ta vừa kết thúc. Phần lớn những gì tôi đã nói với các bạn ở đó, đối với các bạn, mang tính một chân lý đáng nghi vấn (dùng từ "đáng nghi vấn" này theo nghĩa thực của nó; tức là, như khơi gợi câu hỏi). Đối với người trực giác nhất trong các bạn, ở mức tốt nhất nó là một giả thuyết "có thể chính xác". Ở đây tôi muốn yêu cầu các bạn lưu ý cách diễn đạt này, nghịch lý như nó có vẻ là vậy. Các bạn không có phương tiện trực tiếp nào để biết nó có thể chân thực đến mức nào. Rất nhiều huyền nhiệm của sự sống và của việc sống sẽ trở nên sáng tỏ khi ngày càng nhiều người chí nguyện trên thế giới bắt đầu hoạt động một cách hữu thức trong lĩnh vực các nguyên nhân. Trong Thánh đoàn không có sự nghi vấn, ngoại trừ về những vấn đề liên quan đến bản chất không thể dự đoán của các phản ứng nhân loại. Ngay cả liên quan đến những hoạt động bất định của nhân loại, các Chân sư thường vẫn có thể ước lượng điều gì sẽ xảy ra, nhưng một cách huyền bí Các Ngài từ chối "suy xét về các năng lượng được giải phóng trên cõi sống trần thế, vì sợ rằng các phản năng lượng phát ra từ Trung Tâm nơi Các Ngài cư ngụ có thể phủ định chân lý về tự do ý chí của con người." Ở đây tôi đang trích lời một trong các Chân sư, phát biểu tại một hội nghị được tổ chức năm 1725.

[381]

[381]

What I have told you in the previous section is to me unquestionable truth and factually proven; to you it may be an adequate hypothesis or a questionable and nonacceptable interpretation of the underlying causes of disease.

Điều tôi đã nói với các bạn trong phần trước đối với tôi là chân lý không thể nghi ngờ và đã được chứng minh bằng sự kiện; đối với các bạn, nó có thể là một giả thuyết thích đáng hoặc một cách giải thích đáng nghi vấn và không thể chấp nhận về các nguyên nhân nền tảng của bệnh tật.

Behind humanity lies a very ancient past, wherein so-called sins and errors, wrong-doing and wrong attitudes have piled up a very heavy karma which (fortunately for the race of men!) is being rapidly worked off at this time. The immense interest in disease which is displayed today, the focussing of all the resources of medical and surgical science on behalf of the fighting forces—(resources later to be mobilised in aid of the civilian populations of the devastated countries in both hemispheres)—the widespread research being carried on in our hospitals and centres of learning, and the rapid discoveries of science, plus a steady trend towards a much needed simplification, will before long bring about major changes in the approach to disease. These will lead to the eradication of many of the dreaded inherited diseases.

Phía sau nhân loại là một quá khứ rất cổ xưa, trong đó những cái gọi là tội lỗi và sai lầm, hành vi sai trái và thái độ sai trái đã chất chồng nên một nghiệp quả rất nặng mà (may thay cho nhân loại!) hiện nay đang được giải quyết nhanh chóng. Sự quan tâm to lớn đối với bệnh tật được biểu lộ ngày nay, việc tập trung mọi nguồn lực của khoa học y học và phẫu thuật để phục vụ các lực lượng chiến đấu—(những nguồn lực sau này sẽ được huy động để trợ giúp dân thường ở các quốc gia bị tàn phá tại cả hai bán cầu)—sự nghiên cứu rộng khắp đang được tiến hành trong các bệnh viện và trung tâm học thuật của chúng ta, cùng những khám phá nhanh chóng của khoa học, cộng với một xu hướng ổn định hướng tới sự đơn giản hóa rất cần thiết, sẽ chẳng bao lâu nữa mang lại những thay đổi lớn trong cách tiếp cận bệnh tật. Những điều này sẽ dẫn đến việc loại trừ nhiều bệnh di truyền đáng sợ.

The inspiration and inflow of occult knowledge, via the disciples and initiates of the world, will bring about many alterations in technique; the coming revelation of new, yet most simple, laws of health, and the blending which will inevitably come of orthodox medicine, psychology and spiritual methods of healing, will produce an entirely new approach to the entire subject; the increasing use of fire as a means of purification (both in relation to the soil of the planet and to the human frame) will do much. Of this, the technique of inducing fever as a means of curing certain forms of

Sự cảm hứng và dòng tuôn đổ của tri thức huyền bí, qua các đệ tử và điểm đạo đồ của thế giới, sẽ mang lại nhiều thay đổi trong kỹ thuật; sự mặc khải sắp đến của những định luật sức khỏe mới, tuy rất đơn giản, và sự dung hợp chắc chắn sẽ đến giữa y học chính thống, tâm lý học và các phương pháp chữa lành tinh thần, sẽ tạo ra một cách tiếp cận hoàn toàn mới đối với toàn bộ chủ đề này; việc sử dụng ngày càng tăng *lửa* như một phương tiện thanh lọc (cả liên quan đến đất của hành tinh lẫn đến cơ thể con người) sẽ làm được nhiều điều. Về điều này, kỹ thuật gây sốt như một phương tiện chữa trị một số

disease, and the method (frequently employed by nature) of subjecting large areas of the soil to the impact of fire, will be developed into a new and most helpful science. This, however, will come later. I indicate simply faint trends in that direction. Man stands—in all fields of [382] knowledge—at a climaxing point; this has been induced by the rapid unfoldment of the human consciousness, and it prefaces a great expansion of the understanding and a new insight into the conditioning causes which are responsible for much that today distresses man's physical body.

dạng bệnh, và phương pháp (thường được thiên nhiên sử dụng) đưa những vùng đất rộng lớn chịu tác động của lửa, sẽ được phát triển thành một khoa học mới và rất hữu ích. Tuy nhiên, điều này sẽ đến sau. Tôi chỉ nêu ra những xu hướng mờ nhạt theo hướng đó. Con người đang đứng—trong mọi lĩnh vực của [382] tri thức—tại một điểm cực thịnh; điều này đã được tạo ra bởi sự khai mở nhanh chóng của tâm thức nhân loại, và nó báo trước một sự mở rộng lớn lao của sự thấu hiểu cùng một linh thị mới vào các nguyên nhân tác động đang chịu trách nhiệm cho phần lớn những gì ngày nay làm khổ thể xác của con người.

The new learning and the coming knowledge will arise as a result of an awakening intuition, of the presence upon earth of a very great number of advanced and developed souls, and the coming of the Hierarchy and Humanity into a closer relationship. The blending (slowly going forward) of the energies of those two planetary centres will bring about major changes and unfoldments, and this not only in the perceptive faculties of man but in the physical mechanism also. There will be a much greater resistance to the indigenous and inherited diseases and a real ability to resist infections; this will eliminate much pain and suffering. The reduction of the sum of human karma through the experience of this planetary war (1914-1945) will enable the souls seeking incarnation to create bodies free from tendencies to morbid developments. The Masters are entirely free from disease because they have entirely overcome the karma of the three worlds and are liberated.

Sự học hỏi mới và tri thức sắp đến sẽ phát sinh như kết quả của một trực giác đang thức tỉnh, của sự hiện diện trên Trái Đất của một số lượng rất lớn các linh hồn tiến hóa và phát triển, và của việc Thánh đoàn và Nhân loại đi vào một mối liên hệ gần gũi hơn. Sự dung hợp (đang từ từ tiến triển) của các năng lượng của hai trung tâm hành tinh ấy sẽ mang lại những thay đổi và khai mở lớn lao, và điều này không chỉ trong các năng lực tri giác của con người mà còn trong bộ máy hồng trần nữa. Sẽ có sức đề kháng lớn hơn nhiều đối với các bệnh bản địa và di truyền và một khả năng thực sự để chống lại sự nhiễm trùng; điều này sẽ loại bỏ nhiều đau đớn và khổ sở. Sự giảm bớt tổng số nghiệp quả nhân loại qua kinh nghiệm của cuộc chiến tranh hành tinh này (1914-1945) sẽ giúp các linh hồn đang tìm cách nhập thể tạo ra những thân thể không có khuynh hướng phát triển bệnh hoạn. Các Chân sư hoàn toàn thoát khỏi bệnh tật vì Các Ngài đã hoàn toàn vượt qua nghiệp quả của ba cõi giới và được giải thoát.

The ability—developed during the past fifty years—to cope with the planetary disease of tuberculosis will, when extended into the

Khả năng—được phát triển trong năm mươi năm qua—để đối phó với *bệnh lao, căn bệnh hành tinh* sẽ, khi được mở rộng đến những

densely populated areas of the Orient and to districts suffering hitherto from inadequate medical attention, stamp it out altogether. The syphilitic diseases are already being brought under rapid control through the use of the newly discovered drugs, though these are regarded as amelioratives only by the Masters, and as superficial in time and space. Such diseases will be slowly and correctly stamped out in toto as humanity shifts its consciousness on to the mental plane and away from the field of astral and sexual desire with their reflex action upon [383] the automatic and responsive physical body. The third great planetary disease, cancer, is as yet basically uncontrollable, and the relative simplicity of surgery seems at present the only mode of possible cure. The mode of preventing the occurrence of cancer and the nature of its cause are still unknown, and the entire field is largely speculative and still subject to infinite research and investigation. Many minor ailments, infections and a wide range of allied physical ills will eventually be found traceable to one or other of these three basic diseases; they, in their turn, are related to a definite misuse of the energy of the three major rays. It might be stated that:

vùng đông dân của phương Đông và đến các khu vực từ trước đến nay thiếu chăm sóc y tế thích đáng, quét sạch nó hoàn toàn. Các *bệnh giang mai* đã đang được kiểm soát nhanh chóng qua việc sử dụng các dược phẩm mới được khám phá, dù các Chân sư chỉ xem chúng là những phương tiện làm giảm nhẹ, và là nông cạn trong thời gian và không gian. Những bệnh ấy sẽ từ từ và đúng đắn bị loại trừ hoàn toàn khi nhân loại chuyển tâm thức của mình lên cõi trí và rời khỏi lĩnh vực của dục vọng cảm dục và dục vọng tính dục cùng phản ứng phản xạ của chúng lên [383] thể xác tự động và đáp ứng. *Căn bệnh hành tinh lớn thứ ba, ung thư,* hiện nay về căn bản vẫn chưa thể kiểm soát, và sự đơn giản tương đối của phẫu thuật dường như hiện là phương thức chữa trị khả dĩ duy nhất. Phương thức ngăn ngừa sự xuất hiện của ung thư và bản chất nguyên nhân của nó vẫn chưa được biết, và toàn bộ lĩnh vực này phần lớn còn mang tính suy đoán và vẫn là đối tượng của vô số nghiên cứu và khảo sát. Nhiều bệnh nhẹ, nhiễm trùng và một phạm vi rộng các chứng bệnh hồng trần liên hệ cuối cùng sẽ được thấy là có thể truy nguyên về một trong ba bệnh căn bản này; đến lượt chúng, chúng liên hệ với một sự lạm dụng xác định năng lượng của ba cung chính. Có thể nói rằng:

1. The syphilitic diseases are due to the misuse of third ray energy, that of the creative, intelligent energy of substance itself.

1. Các bệnh giang mai là do lạm dụng năng lượng cung ba, tức năng lượng sáng tạo, thông minh của chính chất liệu.

2. Tuberculosis is the result of the misuse of the energy of the second ray.

2. Bệnh lao là kết quả của việc lạm dụng năng lượng của cung hai.

3. Cancer is a mysterious and subtle reaction to the energy of the first ray, the will-to-live, which is one of the aspects of this ray. It works out, therefore, in an overactivity and growth of the body cells whose will-to-live

3. Ung thư là một phản ứng huyền nhiệm và tinh tế đối với năng lượng của cung một, ý chí sống, vốn là một trong những phương diện của cung này. Vì vậy nó biểu hiện trong sự hoạt động quá mức và sự tăng trưởng của

becomes destructive to the organism in which they are to be found.

các tế bào cơ thể mà ý chí sống của chúng trở nên hủy diệt đối với cơ thể trong đó chúng được tìm thấy.

I have here only given you a hint, and one that is not of wide usefulness at this time. A great deal of occult research remains to be done by the medical profession along these lines, but this will only be possible when the Science of the Rays is better understood and when the evidence substantiating the presence of five basic energies in every human being (the energies of his five conditioning rays) can be ascertained; men will learn some day to determine with ease their ray type, and the rays which govern their three-fold personality.

Ở đây tôi chỉ đưa cho các bạn một gợi ý, và là một gợi ý hiện nay chưa có ích lợi rộng rãi. Còn rất nhiều nghiên cứu huyền bí phải được giới y khoa thực hiện theo những đường hướng này, nhưng điều đó chỉ có thể xảy ra khi Khoa Học về các cung được hiểu rõ hơn và khi bằng chứng xác nhận sự hiện diện của năm năng lượng căn bản trong mỗi con người (các năng lượng của năm cung tác động của y) có thể được xác định; một ngày nào đó con người sẽ học cách xác định dễ dàng loại cung của mình, và các cung cai quản phàm ngã tam phân của họ.

[384]

[384]

Along every line of man's expanding understanding, the opportunity for that which is new to make entrance and control is becoming increasingly evident. The door of adventure (in its highest sense) stands wide open, and nothing yet has ever succeeded in stopping humanity from passing through that door; down the ages man has passed through its portals and has entered into new and richer realms of investigation, of discovery and of subsequent practical application.

Trên mọi đường hướng của sự thấu hiểu đang mở rộng của con người, cơ hội cho điều mới mẻ đi vào và nắm quyền kiểm soát đang ngày càng trở nên hiển nhiên. Cánh cửa phiêu lưu (theo nghĩa cao nhất của nó) đang mở rộng, và chưa từng có điều gì thành công trong việc ngăn nhân loại đi qua cánh cửa ấy; qua các thời đại con người đã đi qua các cổng của nó và bước vào những lĩnh vực khảo cứu, khám phá và ứng dụng thực tiễn tiếp theo mới mẻ và phong phú hơn.

Today, the door which is opening will admit man into a world of meaning—a world which is the antechamber to the world of causes. Effect; Meaning; Cause. In these three words you have the key to the growth of man's consciousness. Most men live today in the world of effects, and have no idea that they are effects. Some few are now beginning to live in the world of meaning, whilst disciples and those functioning in the world of the Hierarchy are aware, or are

Ngày nay, cánh cửa đang mở sẽ cho con người bước vào một thế giới của ý nghĩa—một thế giới là tiền sảnh của thế giới các nguyên nhân. Hiệu quả; Ý nghĩa; Nguyên nhân. Trong ba từ này các bạn có chìa khóa cho sự tăng trưởng của tâm thức con người. Hầu hết con người ngày nay sống trong thế giới của các hiệu quả, và không hề biết rằng đó là các hiệu quả. Một số ít hiện đang bắt đầu sống trong thế giới của ý nghĩa, trong khi các đệ tử và những người hoạt động

steadily becoming aware, of the causes which produce the effects which meaning reveals. It is for this reason that we can now start considering the basic requirements which man must meet before he can move forward along the path of future enlightenment. This enlightenment will most necessarily remove all fear of death and deal with that subject which has for so long a time driven humanity into the depths of despair and of fear. I refer also to the required attitudes which those seeking healing, the surmounting of disease and the cure of bodily ills, must realise, and with which they must cope, principally along mental lines. These requirements will evoke the mental attention of both the healing agency and the patient. They have reference also to man as a whole.

trong thế giới của Thánh đoàn thì nhận biết, hoặc đang dần dần nhận biết, các nguyên nhân tạo ra những hiệu quả mà ý nghĩa tiết lộ. Chính vì lý do này mà giờ đây chúng ta có thể bắt đầu xem xét những yêu cầu căn bản mà con người phải đáp ứng trước khi y có thể tiến bước trên con đường của sự giác ngộ tương lai. Sự giác ngộ này nhất thiết sẽ loại bỏ mọi sợ hãi về cái chết và đề cập đến chủ đề đã từ rất lâu đẩy nhân loại vào vực sâu tuyệt vọng và sợ hãi. Tôi cũng muốn nói đến những thái độ cần có mà những người tìm kiếm sự chữa lành, sự vượt thắng bệnh tật và việc chữa trị các chứng bệnh thân thể, phải nhận thức và phải đương đầu, chủ yếu theo đường hướng trí tuệ. Những yêu cầu này sẽ khơi dậy sự chú ý trí tuệ của cả tác nhân chữa lành lẫn bệnh nhân. Chúng cũng liên quan đến con người như một toàn thể.

It has generally been surmised that the main prerequisite to the art of healing is faith. But this is not so. Faith has little to do with it. Healing is dependent upon [385] certain vital and basic factors into which faith enters not at all. The effort of the patient to achieve faith is frequently a great detriment to his freedom from the difficulties which lie between him and complete healing. When Christ so frequently emphasised faith (or rather that quality which is translated as faith in our Western Scriptures) He referred in reality to acceptance of law, to a recognition above all of karma, and to a knowledge of divine destiny. This, if grasped, will bring about a new attitude both to God and to circumstance. The prerequisites which I would like to emphasise might be enumerated as follows:

Người ta thường giả định rằng điều kiện tiên quyết chính yếu cho nghệ thuật chữa lành là đức tin. Nhưng không phải vậy. Đức tin ít liên quan đến nó. Sự chữa lành tùy thuộc vào [385] một số yếu tố thiết yếu và căn bản mà đức tin hoàn toàn không can dự vào. Nỗ lực của bệnh nhân nhằm đạt được đức tin thường là một cản trở lớn đối với sự giải thoát của y khỏi những khó khăn nằm giữa y và sự chữa lành trọn vẹn. Khi Đức Christ thường xuyên nhấn mạnh đức tin (hay đúng hơn là phẩm tính được dịch là đức tin trong Kinh Thánh phương Tây của chúng ta), thực ra Ngài muốn nói đến sự chấp nhận định luật, trên hết là sự nhìn nhận nghiệp quả, và sự hiểu biết về định mệnh thiêng liêng. Nếu được nắm bắt, điều này sẽ mang lại một thái độ mới đối với cả Thượng đế lẫn hoàn cảnh. Những điều kiện tiên quyết mà tôi muốn nhấn mạnh có thể được liệt kê như sau:

1. A recognition of the great Law of Cause and Effect, if possible. This is not always

1. Nếu có thể, phải nhìn nhận Định luật lớn về Nhân và Quả. Điều này không phải lúc

possible when dealing with the totally unenlightened.

nào cũng có thể khi xử lý những người hoàn toàn chưa được soi sáng.

2. Correct diagnosis of the disease by a competent physician, and later by a spiritual clairvoyant, when that capacity is developed by the initiate healer.

2. Chẩn đoán đúng bệnh bởi một y sĩ có năng lực, và về sau bởi một nhà thông nhãn tinh thần, khi năng lực đó được phát triển nơi nhà chữa lành điểm đạo đồ.

3. A belief in the law of immediate Karma. By that I mean an ability on the part of the patient or of the healer to know whether it is the destiny of the patient to be healed or else be helped to make the great transition.

3. Tin vào định luật Nghiệp quả tức thời. Ý tôi là khả năng nơi bệnh nhân hay nơi nhà chữa lành biết được liệu định mệnh của bệnh nhân là được chữa lành hay là được giúp thực hiện cuộc Chuyển tiếp lớn lao.

4. A willingness to recognise that healing might be detrimental and basically undesirable from the standpoint of the soul. People are sometimes healed by the potency of the healer when it is not their destiny to resume active physical plane living.

4. Sẵn lòng nhìn nhận rằng sự chữa lành có thể là điều bất lợi và về căn bản là không đáng mong muốn theo quan điểm của linh hồn. Đôi khi con người được chữa lành bởi tiềm lực của nhà chữa lành khi định mệnh của họ không phải là tiếp tục đời sống hoạt động trên cõi hồng trần.

5. The active cooperation of healer and patient—a cooperation based upon mutual understanding.

5. Sự hợp tác tích cực của nhà chữa lành và bệnh nhân—một sự hợp tác dựa trên sự thấu hiểu lẫn nhau.

6. A determined acquiescence on the part of the patient to accept whatever may be the demonstrated will of the soul. It might be called an expression of divine indifference. [386]

6. Sự thuận phục kiên quyết nơi bệnh nhân để chấp nhận bất cứ điều gì có thể là ý chí đã được chứng tỏ của linh hồn. Điều này có thể được gọi là một biểu hiện của Điềm nhiên thiêng liêng. [386]

7. An effort upon the part of both healer and patient to express complete harmlessness. The value of this will repay careful thought. This has basically a reference to the relation of both parties to their associates.

7. Nỗ lực nơi cả nhà chữa lành lẫn bệnh nhân để biểu lộ tính vô tổn hại trọn vẹn. Giá trị của điều này đáng để suy nghĩ cẩn trọng. Về căn bản, điều này liên quan đến mối quan hệ của cả hai bên với những người chung quanh họ.

8. An effort on the part of the patient (unless too ill) to adjust and put right those aspects of the nature and those characteristics which might militate against the right

8. Nỗ lực nơi bệnh nhân (trừ khi quá bệnh nặng) để điều chỉnh và sửa đúng những phương diện của bản chất và những đặc tính có thể chống lại tri giác tinh thần đúng đắn.

spiritual perception. This is one of the meanings hidden in the phrase, the "work of restitution," though not the most important meaning.

Đây là một trong những ý nghĩa ẩn giấu trong cụm từ "công việc hoàn nguyên," dù không phải là ý nghĩa quan trọng nhất.

9. The deliberate eliminating of qualities, lines of thought and of desires which could hinder the inflow of spiritual force—a force which might integrate the soul more closely with the body in the three worlds and inaugurate a renewed life-expression, or which might integrate the soul with its emanating source and initiate renewed life on soul levels. This, therefore, affects the relation of the patient to his soul.

9. Cố ý loại bỏ những phẩm tính, những đường hướng tư tưởng và những ham muốn có thể cản trở dòng tuôn đổ của mãnh lực tinh thần—một mãnh lực có thể tích hợp linh hồn chặt chẽ hơn với thân thể trong ba cõi giới và khai mở một biểu hiện sự sống được đổi mới, hoặc có thể tích hợp linh hồn với nguồn phát xạ của nó và khởi xướng sự sống được đổi mới trên các cấp độ linh hồn. Vì vậy, điều này ảnh hưởng đến mối quan hệ của bệnh nhân với linh hồn của y.

10. The capacity of both healer and patient to integrate into the soul group with which they are subjectively affiliated, to integrate in other cases both personality and soul, and, if they are at a needed point of development, both to integrate more closely into the Master's ashramic group.

10. Năng lực của cả nhà chữa lành lẫn bệnh nhân để tích hợp vào nhóm linh hồn mà họ được liên kết chủ quan với nó, trong những trường hợp khác là tích hợp cả phàm ngã lẫn linh hồn, và, nếu họ ở một điểm phát triển cần thiết, cả hai cùng tích hợp chặt chẽ hơn vào nhóm ashram của Chân sư.

These ten requirements may appear simple but are not so by any means. Superficially, they may appear to deal with character and quality and capacity; fundamentally, they concern the relation of soul and body, and deal with integration or abstraction. The objective underlying them in any case is to set up an unbroken rapport between the healer [387] or the healing group and the patient who is receiving the scientific attention of the healing agent—group or individual.

Mười yêu cầu này có thể có vẻ đơn giản nhưng hoàn toàn không phải vậy. Trên bề mặt, chúng có thể dường như đề cập đến tính cách, phẩm tính và năng lực; về căn bản, chúng liên quan đến mối quan hệ giữa linh hồn và thân thể, và đề cập đến sự tích hợp hay sự trừu xuất. Trong mọi trường hợp, mục tiêu nằm dưới chúng là thiết lập một sự giao cảm không gián đoạn giữa nhà chữa lành [387] hay nhóm chữa lành và bệnh nhân đang nhận sự chăm sóc khoa học của tác nhân chữa lành—nhóm hay cá nhân.

One of the first things that any healing agent will have to do will be the drawing up of a simple outline of instruction which should govern the attitude of the one to be healed. These instructions must be simple, because where real illness is present it is not possible

Một trong những điều đầu tiên mà bất kỳ tác nhân chữa lành nào cũng sẽ phải làm là soạn ra một bản hướng dẫn đơn giản để chi phối thái độ của người được chữa lành. Những chỉ dẫn này phải đơn giản, vì khi bệnh thật sự hiện diện thì bệnh nhân không thể thực hiện

for the patient to make the simplest physical effort in order to institute any changed attitude. This is oft forgotten.

ngay cả nỗ lực hồng trần đơn giản nhất để thiết lập một thái độ thay đổi nào đó. Điều này thường bị quên mất.

There are one or two things which I would like to make clear and which you must, in your turn, make clear to the patient.

Có một hay hai điều mà tôi muốn làm cho rõ và đến lượt các bạn, các bạn phải làm cho bệnh nhân hiểu rõ.

1. Cure is not guaranteed. Patients must realise that continuance of life in the physical body is not the highest possible goal. It may be so if the service to be rendered is of real import, if obligations remain still to be carried out, and if other lessons must still be learned. Bodily existence is not, however, the summum bonum of existence. Freedom from the limitations of the physical body is of real beneficence. Patients must learn to recognise and accept the Law of Karma.

1. Không bảo đảm chữa khỏi. Bệnh nhân phải nhận ra rằng việc tiếp tục sự sống trong thể xác không phải là mục tiêu cao nhất có thể có. Điều đó có thể đúng nếu sự phụng sự phải được thực hiện là thực sự quan trọng, nếu vẫn còn những nghĩa vụ phải hoàn thành, và nếu vẫn còn những bài học khác phải học. Tuy nhiên, sự tồn tại trong thân xác không phải là điều thiện tối thượng của sự tồn tại. Sự tự do khỏi những giới hạn của thể xác là một ân phúc thực sự. Bệnh nhân phải học cách nhìn nhận và chấp nhận Định luật Nghiệp quả.

2. Fear is needless. One of the first objectives of the healing agent should be to aid the patient to achieve a happy, sane, expectant outlook upon his future—no matter what that future may bring.

2. Sợ hãi là không cần thiết. Một trong những mục tiêu đầu tiên của tác nhân chữa lành phải là giúp bệnh nhân đạt được một cái nhìn hạnh phúc, lành mạnh và đầy mong đợi về tương lai của y—bất kể tương lai ấy có thể mang đến điều gì.

It will be obvious too that there lies before you the opportunity to bring a new attitude to the whole problem of disease and healing and to train humanity in a better and happier sense of proportion where disease and health are concerned. [388]

Cũng sẽ hiển nhiên rằng trước mặt các bạn là cơ hội mang đến một thái độ mới đối với toàn bộ vấn đề bệnh tật và chữa lành, và huấn luyện nhân loại trong một ý thức về tỉ lệ tốt đẹp và hạnh phúc hơn liên quan đến bệnh tật và sức khỏe. [388]

It will also be obvious to you that the word “restitution” concerns the high art of restoring to the patient that which he needs in order correctly to face life—life in a physical body and on the physical plane or the continuity of life on the other levels, unseen by the average man and regarded as problematical and intangible. Restitution

Đối với các bạn cũng sẽ hiển nhiên rằng từ “hoàn nguyên” liên quan đến nghệ thuật cao cả là phục hồi cho bệnh nhân điều mà y cần để đối diện đúng đắn với sự sống—sự sống trong thể xác và trên cõi hồng trần hoặc sự liên tục của sự sống trên các cấp độ khác, vô hình đối với người bình thường và bị xem là đáng ngờ và không thể nắm bắt. Hoàn

may also involve the righting of wrongs by the patient, prior to receiving what he will regard as successful treatment, but it primarily concerns the effect of the healing group when it first establishes contact with the one to be healed. This must not be forgotten. Sometimes, when the patient's karma indicates it, the will-to-live must be restored to him; in other cases, the rejection of fear (fear of life or fear of death) must be induced, bringing with it the restoration of courage; the restoration of an affirmative attitude in all circumstances may be the quality needed, bringing with it the restitution of the willingness to take, with understanding and with joy, whatever the future may bring; it may also involve the restitution of harmonious relations with the patient's surroundings, with family and friends, and the consequent result of renewed correct adjustments, an uprising of a spirit of love and the negation of what may have been deep-seated wrong thinking.

nguyên cũng có thể bao hàm việc sửa lại những sai trái bởi bệnh nhân, trước khi nhận điều mà y sẽ xem là sự điều trị thành công, nhưng trước hết nó liên quan đến hiệu quả của nhóm chữa lành khi trước tiên nhóm ấy thiết lập tiếp xúc với người được chữa lành. Điều này không được quên. Đôi khi, khi nghiệp quả của bệnh nhân chỉ ra như vậy, ý chí sống phải được phục hồi cho y; trong những trường hợp khác, sự loại bỏ sợ hãi (sợ sống hay sợ chết) phải được tạo ra, kéo theo sự phục hồi lòng can đảm; sự phục hồi một thái độ khẳng định trong mọi hoàn cảnh có thể là phẩm tính cần thiết, kéo theo sự hoàn nguyên sự sẵn lòng đón nhận, với thấu hiểu và với sự hoan hỉ, bất cứ điều gì tương lai có thể mang đến; nó cũng có thể bao hàm sự hoàn nguyên các mối quan hệ hài hòa với môi trường của bệnh nhân, với gia đình và bạn bè, và kết quả tiếp theo là những điều chỉnh đúng đắn được đổi mới, sự trỗi dậy của một tinh thần bác ái và sự loại bỏ lối suy nghĩ sai lầm có thể đã ăn sâu.

It will be apparent to you, therefore, that the process of following a healing ritual is only one phase of the work to be done, and that the relation of healer and patient is basically an educational one; it must be an education tempered by the physical condition of the sick person. You will find, as you work along these lines, that it will be necessary to have short expositions of the work to be done, of the restitutions which the patient must be prepared to make in order to facilitate the inflow of the healing force. He must be induced to "clean the slate" (if I may use such a symbolic [389] phrase) if the work of healing is to be successful under the Law of Karma.

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ rằng tiến trình theo một nghi thức chữa lành chỉ là một giai đoạn của công việc phải làm, và rằng mối quan hệ giữa nhà chữa lành và bệnh nhân về căn bản là một mối quan hệ giáo dục; đó phải là một sự giáo dục được điều hòa theo tình trạng hồng trần của người bệnh. Khi các bạn hoạt động theo những đường hướng này, các bạn sẽ thấy cần phải có những trình bày ngắn gọn về công việc phải làm, về những sự hoàn nguyên mà bệnh nhân phải sẵn sàng thực hiện để tạo thuận lợi cho dòng tuôn đổ của mãnh lực chữa lành. Y phải được dẫn đến chỗ "xóa sạch bảng ghi" (nếu tôi có thể dùng một cụm từ biểu tượng [389] như thế) nếu công việc chữa lành muốn thành công dưới Định luật Nghiệp quả.

This phase of the preparatory work is not easy. With patients who may be grievously

Giai đoạn này của công việc chuẩn bị không dễ dàng. Với những bệnh nhân có thể đang

ill, it may not be possible. It will be found by all healing agencies that when working with those who are spiritually-minded and those whose lives have for a long time been based upon right effort and a correct "rendering unto Caesar the things which are Caesar's and unto God the things which are God's," that the work of healing will be greatly accelerated or, on the other hand, that the task of smoothing the way through the gates of death will be greatly simplified. After all, death is in itself a work of restitution. It involves the work of rendering back of substance to the three worlds of substance, and doing it willingly and gladly; it involves also the restoration of the human soul to the soul from whence it emanated, and doing this in the joy of reabsorption. You must all learn to look upon death as an act of restitution; when you can do this it will take on new light and true meaning and become an integral part—recognised and desired—of a constant living process.

bệnh rất nặng, điều đó có thể không thể thực hiện được. Mọi tác nhân chữa lành sẽ thấy rằng khi hoạt động với những người có khuynh hướng tinh thần và những người mà đời sống của họ từ lâu đã dựa trên nỗ lực đúng đắn và một sự "trả cho Caesar những gì thuộc về Caesar và trả cho Thượng đế những gì thuộc về Thượng đế" đúng đắn, thì công việc chữa lành sẽ được đẩy nhanh rất nhiều hoặc, mặt khác, nhiệm vụ làm êm con đường qua các cổng tử sẽ được đơn giản hóa rất nhiều. Rốt cuộc, cái chết tự nó là một công việc hoàn nguyên. Nó bao hàm công việc hoàn trả chất liệu cho ba cõi giới của chất liệu, và làm điều đó một cách sẵn lòng và vui vẻ; nó cũng bao hàm sự hoàn nguyên linh hồn con người về linh hồn mà từ đó nó đã phát xạ ra, và làm điều này trong niềm vui của sự tái hấp thu. Tất cả các bạn phải học cách nhìn cái chết như một hành động hoàn nguyên; khi các bạn có thể làm được điều này, nó sẽ mang lấy ánh sáng mới và ý nghĩa chân thực, và trở thành một phần không thể tách rời—được nhìn nhận và được mong muốn—của một tiến trình sống liên tục.

If I were asked to say what is the major task of all healing groups, such as the Hierarchy seeks to see functioning in the future, I would say it is to prepare human beings for what we should regard as the restorative aspect of death, and thus give to that hitherto dreaded enemy of mankind a new and happier significance. You will find that if you work along these indicated lines of thought, the entire theme of death will constantly recur, and that the result of this will be new attitudes to dying and the inculcation of a happy expectancy where that inevitable and most familiar event occurs. Healing groups must prepare to deal with this basic condition of all living, and a major part of their work will be the elucidating of the principle of death. The

Nếu tôi được hỏi rằng nhiệm vụ chủ yếu của mọi nhóm trị liệu, như Thánh Đoàn tìm cách thấy hoạt động trong tương lai, là gì, thì tôi sẽ nói rằng đó là chuẩn bị cho con người đối diện với điều mà chúng ta nên xem là phương diện hoàn nguyên của cái chết, và nhờ đó ban cho kẻ thù của nhân loại vốn từ trước đến nay bị khiếp sợ ấy một ý nghĩa mới và hạnh phúc hơn. Bạn sẽ thấy rằng nếu bạn làm việc theo những đường lối tư tưởng đã được chỉ ra này, toàn bộ chủ đề về cái chết sẽ liên tục tái hiện, và kết quả của điều này sẽ là những thái độ mới đối với sự chết và sự gieo vào một niềm mong đợi hoan hỉ ở nơi biến cố tất yếu và quen thuộc nhất ấy xảy ra. Các nhóm trị liệu phải chuẩn bị để đề cập đến điều kiện căn bản này của mọi sự sống, và một phần lớn công việc của họ sẽ là làm sáng

[390] soul, we are told, must return to the one who gave it. To date that has been an enforced and dreaded restitution, one which engenders fear and which leads men and women everywhere to clamour for the healing of the physical body, overemphasising its importance and making them regard the prolongation of earthly existence as the most important factor in their lives. During the next cycle, these wrong attitudes must come to an end; death will become a normal and understood process—as normal as the process of birth, though evoking less pain and fear. This comment of mine is in the nature of a prophecy and should be noted as such.

tổ nguyên lý của cái chết. [390] Linh hồn, như chúng ta được bảo, phải trở về với Đấng đã ban nó. Cho đến nay, đó là một sự hoàn nguyên bị cưỡng bách và đáng sợ, một điều gây ra sợ hãi và khiến những người nam và nữ ở khắp nơi kêu gào đòi chữa lành thể xác, quá nhấn mạnh tầm quan trọng của nó và khiến họ xem việc kéo dài sự tồn tại trên trần thế là yếu tố quan trọng nhất trong đời mình. Trong chu kỳ kế tiếp, những thái độ sai lầm này phải chấm dứt; cái chết sẽ trở thành một tiến trình bình thường và được thấu hiểu—bình thường như tiến trình sinh ra, dù gây ra ít đau đớn và sợ hãi hơn. Nhận xét này của tôi có tính chất một lời tiên tri và cần được lưu ý như vậy.

I would, therefore, enjoin upon you the elementary fact that any healing group seeking to work along the new lines must (as a preliminary effort) seek to understand something about the factor of death to which is given the appellation of "the great restorative process" or "the great restitution." It concerns the art of wisely, correctly and with due timing, giving back the body to the source of its constituent elements and of restoring the soul to the source of its essential being. I am wording this with care because I seek to have you ponder most carefully and sanely upon the so-called enigma of death. It is an enigma to man, but not an enigma to disciples and knowers of the wisdom.

Vì vậy, tôi muốn nhấn mạnh với bạn sự kiện sơ đẳng rằng bất kỳ nhóm trị liệu nào tìm cách hoạt động theo những đường lối mới đều phải (như một nỗ lực sơ khởi) tìm cách hiểu đôi điều về yếu tố của cái chết, yếu tố được gọi là "tiến trình hoàn nguyên vĩ đại" hay "sự hoàn nguyên vĩ đại." Nó liên quan đến nghệ thuật trao trả một cách khôn ngoan, đúng đắn và đúng lúc thân thể về nguồn của các nguyên tố cấu thành nó, và hoàn trả linh hồn về nguồn của bản thể cốt yếu của nó. Tôi diễn đạt điều này một cách cẩn trọng vì tôi muốn bạn suy ngẫm thật cẩn thận và lành mạnh về cái gọi là bí ẩn của cái chết. Đó là một bí ẩn đối với con người, nhưng không phải là bí ẩn đối với các đệ tử và các thức giả của minh triết.

Healing groups and individual healers will find it necessary at times to confront their patients with the fact of death; one of the undertakings of disciples in my Ashram and in the Ashram of the Master K.H. is to interject the theme of death into their conversation with other seekers for truth, into their thinking and into their discussions with each other, and

Các nhóm trị liệu và các nhà trị liệu cá nhân sẽ thấy đôi khi cần phải đặt bệnh nhân của mình trước sự kiện của cái chết; một trong những công việc của các đệ tử trong ashram của tôi và trong ashram của Chân sư KH là đưa chủ đề cái chết vào các cuộc trò chuyện của họ với những người khác đang tìm kiếm chân lý, vào tư tưởng của họ và vào các cuộc thảo luận giữa họ với nhau, và đặc biệt với

particularly with those they seek to heal. It will not be easy and it must not be done in a precipitate manner, but it is a subject which cannot and must not be avoided or evaded. Healing groups working out from an Ashram lay not the emphasis upon bodily healing, but upon [391] timing and upon the cycles of work or of physical plane living, and the cycles of restitution or physical plane death.

những người mà họ tìm cách chữa lành. Điều đó sẽ không dễ dàng và không được làm một cách hấp tấp, nhưng đó là một chủ đề không thể và không được tránh né hay lảng tránh. Các nhóm trị liệu hoạt động từ một ashram không nhấn mạnh vào việc chữa lành *thể xác*, mà nhấn mạnh vào [391] thời điểm và vào các chu kỳ công việc hay của đời sống cõi hồng trần, cùng các chu kỳ hoàn nguyên hay cái chết trên cõi hồng trần.

This entire section with which we are now engaged, called The Basic Requirements, has reference in reality to the processes of dying, to the conditions of the material world or the three worlds of incarnated service. The restitution of the body to the general reservoir of substance, or to service in the outer world of daily physical living, the restoration of the soul to its source, the soul upon its own plane or—in reverse—to full responsibility within the body, are dealt with in this first point. The elimination of the life principle and the consciousness aspect is dealt with in the second point, and the theme is not that of character building, as some might surmise. I touched upon character and personal qualities in my opening remarks in this section because all true understanding of the basic principles of death and life is facilitated by right action, based on right thinking, which eventuates in right character building. I seek not, however, to enlarge upon these elementary prerequisites. The processes of integration as I seek to consider them here concern the integration of the soul into the threefold body, if karma so decides, or into the kingdom of souls, if karma decrees that what we call death lies ahead of the man.

Toàn bộ phần này mà hiện nay chúng ta đang nghiên cứu, được gọi là Những Yêu Cầu Căn Bản, thực ra liên quan đến các tiến trình chết, đến các điều kiện của thế giới vật chất hay ba cõi của sự phụng sự trong nhập thể. Sự *hoàn nguyên* của thể xác về kho chứa chung của chất liệu, hoặc trở lại phụng sự trong thế giới bên ngoài của đời sống hồng trần hằng ngày, sự *hoàn trả* của linh hồn về nguồn của nó, linh hồn trên cõi riêng của nó hoặc—ngược lại—trở lại trách nhiệm trọn vẹn trong thể xác, được bàn đến trong điểm thứ nhất này. Sự *loại bỏ* nguyên khí sự sống và phương diện tâm thức được bàn đến trong điểm thứ hai, và chủ đề không phải là lập hạnh, như một số người có thể suy đoán. Tôi đã đề cập đến tính cách và các phẩm tính cá nhân trong những nhận xét mở đầu của tôi ở phần này vì mọi sự thấu hiểu chân chính về các nguyên lý căn bản của cái chết và sự sống đều được tạo thuận lợi bởi hành động đúng, dựa trên tư tưởng đúng, điều dẫn đến việc lập hạnh đúng đắn. Tuy nhiên, tôi không tìm cách khai triển thêm về những điều kiện tiên quyết sơ đẳng này. Các tiến trình tích hợp như tôi tìm cách xem xét chúng ở đây liên quan đến sự tích hợp của linh hồn vào thể tam phân, nếu nghiệp quả quyết định như vậy, hoặc vào giới linh hồn, nếu nghiệp quả phán định rằng điều chúng ta gọi là cái chết đang ở phía trước con người.

We are therefore considering, in this second section, the problem of death or the art of dying. This is something which all seriously ill people must inevitably face, and for which those in good health should prepare themselves through correct thinking and sane anticipation. The morbid attitude of the majority of men to the subject of death, and their refusal to consider it when in good health, is something which must be altered and deliberately changed. Christ demonstrated to His disciples the correct attitude when referring to His coming and immediate decease at the hand [392] of His enemies; He chided them when they evidenced sorrow, reminding them that He was going to His Father. Being an initiate of high degree, He meant that He was, occultly speaking, "making restitution to the Monad"; ordinary people and those below the grade of an initiate of the third degree make "restitution to the soul." The fear and the morbidness which the subject of death usually evokes, and the unwillingness to face it with understanding are due to the emphasis which people lay upon the fact of the physical body and the facility with which they identify themselves with it; it is based also upon an innate fear of loneliness and the loss of the familiar. Yet the loneliness which eventuates after death, when the man finds himself without a physical vehicle, is as nothing compared to the loneliness of birth. At birth, the soul finds itself in new surroundings and immersed in a body which is at first totally incompetent to take care of itself or to establish intelligent contact with surrounding conditions for a long period of time. The man comes into incarnation with no recollection as to the identity or the significance to him of the group of souls in bodies with which he finds himself in relationship; this loneliness only disappears

Do đó, trong phần thứ hai này, chúng ta đang xem xét vấn đề cái chết hay nghệ thuật chết. Đây là điều mà mọi người bệnh nặng đều tất yếu phải đối diện, và những người đang khỏe mạnh nên chuẩn bị cho mình bằng tư tưởng đúng đắn và sự dự liệu lành mạnh. Thái độ bệnh hoạn của đa số con người đối với chủ đề cái chết, và sự từ chối không muốn nghĩ đến nó khi còn khỏe mạnh, là điều phải được thay đổi và cố ý chuyển đổi. Đức Christ đã biểu lộ cho các đệ tử của Ngài thái độ đúng đắn khi nói đến sự ra đi sắp đến và cái chết cận kề của Ngài dưới tay [392] kẻ thù; Ngài quở trách họ khi họ tỏ ra buồn bã, nhắc họ rằng Ngài đang đi về với Cha của Ngài. Là một điểm đạo đồ cấp cao, điều Ngài muốn nói là, theo huyền bí học, Ngài đang "hoàn nguyên về với chân thần"; những người bình thường và những ai dưới cấp bậc của một điểm đạo đồ lần điểm đạo thứ ba thì "hoàn nguyên về với linh hồn." Nỗi sợ hãi và tính bệnh hoạn mà chủ đề cái chết thường gợi lên, cùng sự không sẵn lòng đối diện với nó bằng sự thấu hiểu, là do sự nhấn mạnh mà con người đặt vào sự kiện của thể xác và sự dễ dàng mà họ đồng hoá với nó; điều đó cũng dựa trên một nỗi sợ bẩm sinh về cô đơn và mất đi cái quen thuộc. Tuy nhiên, sự cô đơn xảy ra sau cái chết, khi con người thấy mình không còn vận cụ hồng trần, chẳng là gì so với sự cô đơn của lúc sinh ra. Khi sinh ra, linh hồn thấy mình ở trong những hoàn cảnh mới và bị chìm trong một thân thể mà lúc đầu hoàn toàn không có khả năng tự chăm sóc hay thiết lập tiếp xúc thông minh với các điều kiện xung quanh trong một thời gian dài. Con người đi vào nhập thể mà không có ký ức nào về căn tính hay ý nghĩa đối với mình của nhóm linh hồn trong các thân thể mà y thấy mình có liên hệ; sự cô đơn này chỉ dần dần biến mất khi y tạo ra các tiếp xúc phàm ngã của riêng mình, khám phá ra những người hợp với mình và cuối cùng quy tụ quanh mình những người

gradually as he makes his own personality contacts, discovers those who are congenial to him and eventually gathers around him those whom he calls his friends. After death this is not so, for the man finds on the other side of the veil those whom the knows and who have been connected with him in physical plane life, and he is never alone as human beings understand loneliness; he is also conscious of those still in physical bodies; he can see them; he can tune in on their emotions, and also upon their thinking, for the physical brain, being nonexistent, no longer acts as a deterrent. If people but knew more, birth would be the experience which they would dread, and not [393] death, for birth establishes the soul in the true prison, and physical death is only the first step towards liberation.

mà y gọi là bạn hữu. Sau cái chết thì không như vậy, vì con người thấy ở phía bên kia bức màn những người mà y biết và đã có liên hệ với y trong đời sống cõi hồng trần, và y không bao giờ cô đơn theo cách mà con người hiểu về sự cô đơn; y cũng có ý thức về những người vẫn còn trong thể xác; y có thể thấy họ; y có thể bắt nhịp với cảm xúc của họ, và cả với tư tưởng của họ nữa, vì bộ não hồng trần, do không còn hiện hữu, không còn đóng vai trò cản trở nữa. Nếu con người biết nhiều hơn, thì sinh ra mới là kinh nghiệm mà họ sẽ sợ hãi, chứ không phải [393] cái chết, vì sinh ra đặt linh hồn vào trong nhà tù thực sự, còn cái chết hồng trần chỉ là bước đầu tiên hướng tới giải thoát.

Another fear which induces mankind to regard death as a calamity is one which theological religion has inculcated, particularly the Protestant fundamentalists and the Roman Catholic Church—the-fear of hell, the imposition of penalties, usually out of all proportion to the errors of a lifetime, and the terrors imposed by an angry God. To these man is told he will have to submit, and from them there is no escape, except through the vicarious atonement. There is, as you well know, no angry God, no hell, and no vicarious atonement. There is only a great principle of love animating the entire universe; there is the Presence of the Christ, indicating to humanity the fact of the soul and that we are saved by the livingness of that soul, and the only hell is the earth itself, where we learn to work out our own salvation, actuated by the principle of love and light, and incited thereto by the example of the Christ and the inner urge of our own souls. This teaching anent hell is a remainder of the sadistic turn which was given to the thinking of the Christian

Một nỗi sợ khác khiến nhân loại xem cái chết như một tai họa là điều mà tôn giáo thần học đã gieo vào, đặc biệt là những người Tin Lành bảo thủ và Giáo hội Công giáo La Mã—nỗi sợ địa ngục, sự áp đặt các hình phạt, thường hoàn toàn không tương xứng với lỗi lầm của một đời người, và những nỗi kinh hoàng do một Thượng đế giận dữ áp đặt. Con người được bảo rằng y sẽ phải khuất phục trước những điều đó, và không có lối thoát nào khỏi chúng, ngoại trừ qua sự chuộc tội thay. Như bạn biết rõ, không có Thượng đế giận dữ, không có địa ngục, và không có sự chuộc tội thay. Chỉ có một nguyên lý bác ái vĩ đại đang làm sinh động toàn thể vũ trụ; có Sự Hiện Diện của Đức Christ, chỉ cho nhân loại sự kiện của linh hồn và rằng chúng ta được cứu rỗi bởi sức sống của linh hồn ấy, và địa ngục duy nhất là chính trái đất này, nơi chúng ta học cách tự hoàn thành sự cứu rỗi của mình, được thúc đẩy bởi nguyên lý bác ái và ánh sáng, và được khích lệ bởi tấm gương của Đức Christ cùng sự thôi thúc nội tại của chính linh hồn chúng ta. Giáo huấn liên quan đến địa ngục này là tàn dư của khuynh

Church in the Middle Ages and to the erroneous teaching to be found in the Old Testament anent Jehovah, the tribal God of the Jews. Jehovah is not God, the planetary Logos, the Eternal Heart of Love Whom Christ revealed. As these erroneous ideas die out, the concept of hell will fade from man's recollection and its place will be taken by an understanding of salvation upon the physical plane, which leads him to right the wrongs which he may have perpetrated in his lives on Earth, and which enables him eventually to "clean his own slate."

hướng tàn bạo đã được áp đặt lên tư tưởng của Giáo hội Cơ Đốc trong thời Trung Cổ và của giáo huấn sai lầm được tìm thấy trong Cựu Ước liên quan đến Jehovah, vị thần bộ tộc của người Do Thái. Jehovah *không* phải là Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế, Trái Tim Vĩnh Cửu của Bác Ái mà Đức Christ đã mặc khải. Khi những ý tưởng sai lầm này phai tàn, khái niệm về địa ngục sẽ mờ dần khỏi ký ức của con người và chỗ của nó sẽ được thay thế bằng sự thấu hiểu về sự cứu rỗi trên cõi hồng trần, điều dẫn y đến việc sửa chữa những sai lầm mà y có thể đã gây ra trong các đời sống của mình trên Trái Đất, và giúp y cuối cùng "tự xóa sạch bảng nợ của mình."

I seek not here to impose upon you a theological discussion. I seek only to point out that the present fear of death must give place to an intelligent comprehension of the reality [394] and to the substitution of a concept of continuity which will negate disturbance, and emphasise the idea of the one life and one conscious entity in many experiencing bodies.

Ở đây tôi không tìm cách áp đặt lên bạn một cuộc thảo luận thần học. Tôi chỉ tìm cách chỉ ra rằng nỗi sợ cái chết hiện nay phải nhường chỗ cho một sự hiểu biết thông minh về thực tại [394] và cho sự thay thế bằng một khái niệm về tính liên tục, khái niệm sẽ loại bỏ sự xáo trộn và nhấn mạnh ý tưởng về một sự sống duy nhất và một thực thể hữu thức duy nhất trong nhiều thân thể đang trải nghiệm.

It might be stated, in order to sum up my general proposition, that the fear and horror of death is founded upon the love of form—our own form, the forms of those we love and the form of our familiar surroundings and environment. Yet this type of love runs counter to all our teaching anent the spiritual realities. The hope of the future, and the hope of our release from this ill-founded fear, lie in the shifting of our emphasis to the fact of the eternal soul and to the necessity for that soul to live spiritually, constructively and divinely within the material vehicles. Into this concept again enters the thought of restitution. Wrong concepts are therefore forgotten; the idea of elimination also enters in so that right focus is attained. Integration

Để tóm lược luận điểm tổng quát của tôi, có thể nói rằng nỗi sợ và sự kinh hoàng đối với cái chết được đặt nền trên tình yêu đối với hình tướng—hình tướng của chính chúng ta, hình tướng của những người chúng ta yêu thương và hình tướng của hoàn cảnh cùng môi trường quen thuộc của chúng ta. Tuy nhiên, loại tình yêu này đi ngược lại toàn bộ giáo huấn của chúng ta liên quan đến các thực tại tinh thần. Niềm hy vọng của tương lai, và niềm hy vọng giải thoát chúng ta khỏi nỗi sợ vô căn cứ này, nằm ở việc chuyển trọng tâm của chúng ta sang sự kiện của linh hồn vĩnh cửu và sang sự cần thiết để linh hồn ấy sống một cách tinh thần, xây dựng và thiêng liêng trong các vận cụ vật chất. Trong khái niệm này, tư tưởng về sự hoàn nguyên lại xuất hiện. Vì vậy, các quan

demands consideration, so that absorption in the life of the soul will take the place of absorption in the life of the body. Sorrow, loneliness, unhappiness, decay, loss—all these are ideas which must disappear as the common reaction to the fact of death also vanishes. As men learn to live consciously as souls, as they also learn to focus themselves on soul levels and begin to regard the form or forms as simply modes of expression, all the old sorrowful ideas anent death will gradually disappear, and a new and more joyful approach to that great experience will take their place.

niệm sai lầm bị quên đi; ý tưởng về sự loại bỏ cũng đi vào để đạt được sự tập trung đúng. Sự tích hợp đòi hỏi phải được xem xét, để sự chìm đắm trong đời sống của linh hồn thay thế cho sự chìm đắm trong đời sống của thể xác. Buồn khổ, cô đơn, bất hạnh, suy tàn, mất mát—tất cả những điều này là những ý tưởng phải biến mất khi phản ứng thông thường đối với sự kiện cái chết cũng tan biến. Khi con người học cách sống một cách hữu thức như những linh hồn, khi họ cũng học cách tập trung mình trên các cấp độ linh hồn và bắt đầu xem hình tướng hay các hình tướng chỉ đơn giản là những phương thức biểu lộ, thì mọi ý tưởng buồn thảm cũ liên quan đến cái chết sẽ dần dần biến mất, và một cách tiếp cận mới, hoan hỉ hơn đối với kinh nghiệm vĩ đại ấy sẽ thay thế chúng.

You will note that the various words I have chosen in considering the basic requirements have been so chosen for their specific meanings:

Bạn sẽ lưu ý rằng những từ ngữ khác nhau mà tôi đã chọn khi xem xét các yêu cầu căn bản đã được chọn vì những ý nghĩa đặc thù của chúng:

1. The Work of Restitution signifies the returning of the form to the basic reservoir of substance; or of the soul, the divine spiritual energy, returning to its source—either on soul or monadic levels, according to the point [395] in evolution. This restitution is predominantly the work of the human soul within the physical body and involves both the heart and the head centres.

1. *Công Việc Hoàn Nguyên* biểu thị việc trả hình tướng về kho chứa căn bản của chất liệu; hoặc việc linh hồn, năng lượng tinh thần thiêng liêng, trở về nguồn của nó—hoặc trên các cấp độ linh hồn hoặc chân thần, tùy theo điểm [395] tiến hoá. Sự hoàn nguyên này chủ yếu là công việc của linh hồn con người bên trong thể xác và liên quan đến cả trung tâm tim lẫn trung tâm đầu.

2. The Art of Elimination. This refers to two activities of the inner spiritual man; i.e., the elimination of all control by the threefold lower man, and the process of refocussing itself upon the concrete levels of the mental plane as a point of radiant light. This concerns primarily the human soul.

2. *Nghệ Thuật Loại Bỏ*. Điều này nói đến hai hoạt động của con người tinh thần bên trong; tức là, sự loại bỏ mọi kiểm soát của phàm nhân tam phân, và tiến trình tái tập trung chính nó trên các cấp độ hạ trí của cõi trí như một điểm ánh sáng rạng ngời. Điều này chủ yếu liên quan đến linh hồn con người.

3. The Processes of Integration. These deal with the work of the liberated spiritual man as he blends with the soul (the oversoul) upon the higher levels of the mental plane. The part returns to the whole, and the man comprehends the true meaning of the words of Krishna, "Having pervaded this whole universe with a fragment of myself, I remain." He, too, the conscious experiencing fragment which has pervaded the little universe of the form in the three worlds, still remains. He knows himself to be a part of the whole.

3. *Các Tiến Trình Tích Hợp.* Những điều này liên quan đến công việc của con người tinh thần đã được giải thoát khi y dung hợp với linh hồn (đại hồn) trên các cấp độ cao hơn của cõi trí. Phần quay về với toàn thể, và con người thấu hiểu ý nghĩa chân thực của lời Krishna: "Sau khi thấm nhuần toàn thể vũ trụ này bằng một mảnh của chính ta, ta vẫn còn." Y cũng vậy, mảnh hữu thức đang kinh nghiệm đã thấm nhuần tiểu vũ trụ của hình tướng trong ba cõi, vẫn còn. Y biết mình là một phần của toàn thể.

These three processes are Death.

Ba tiến trình này là Cái Chết.

It will be obvious to you that when humanity attains this outlook upon the fact of death or the art of dying, the entire attitude of the race of men will undergo beneficent change. This will be paralleled, as time elapses, by a rapport between men upon telepathic levels; men will be steadily growing in intelligence, and humanity will be increasingly focussed upon mental levels. This telepathic rapport will be a common and ordinary phenomenon of which modern spiritualism is the guarantee, though the distortion (and a very serious distortion) is largely based on humanity's wishful thinking, with very little true telepathy to be found in it. The telepathy which is present today between the medium [396] (in or out of trance) and the bereaved relative or friend is not between the one who has experienced the release of death and the one who is still in form. This should be remembered. In the interim where mind is not normally telepathic, there may be (though there very seldom is) the interposition of a mediumship based upon clairvoyance and clairaudience, but not upon trance. This will still necessitate a contact via a third party, and will be entirely astral; it will therefore be

Bạn sẽ thấy rõ rằng khi nhân loại đạt được quan điểm này về sự kiện cái chết hay nghệ thuật chết, toàn bộ thái độ của nhân loại sẽ trải qua một sự thay đổi đầy lợi ích. Điều này sẽ được song hành, theo thời gian, bởi một sự giao cảm giữa con người trên các cấp độ viễn cảm; con người sẽ ngày càng phát triển về trí tuệ, và nhân loại sẽ ngày càng tập trung trên các cấp độ trí tuệ. Sự giao cảm viễn cảm này sẽ là một hiện tượng phổ biến và bình thường mà thuyết thần linh học hiện đại là một bảo chứng, dù sự bóp méo của nó (và là một sự bóp méo rất nghiêm trọng) phần lớn dựa trên lối suy nghĩ cầu mong của nhân loại, với rất ít viễn cảm chân thực được tìm thấy trong đó. Sự viễn cảm hiện diện ngày nay giữa đồng tử [396] (trong hay ngoài trạng thái xuất thần) và người thân hay bạn hữu đang đau buồn *không* phải là giữa người đã trải qua sự giải thoát của cái chết và người vẫn còn trong hình tướng. Điều này cần được ghi nhớ. Trong giai đoạn trung gian, khi trí tuệ chưa bình thường có tính viễn cảm, có thể có (dù rất hiếm) sự xen vào của một năng lực đồng tử dựa trên thông nhãn và thông nhĩ, nhưng *không* dựa trên xuất thần. Điều này vẫn sẽ đòi hỏi một tiếp xúc qua bên thứ ba, và sẽ hoàn toàn

full of glamour and error. It will, however, be a step forward from the present mediumistic performances which simply ignore the man who is dead and give to the enquirer only what the medium reads in his aura—his recollection of the personal appearance, significant remembrances stored in the enquirer's consciousness, and wishful thinking anent advice demanded because the enquirer believes that because a man is dead he must be more wise than heretofore. When the medium at times succeeds in establishing true communication, it is because the enquirer and the dead person are mental types, and there is therefore a true telepathic rapport between them which the medium intercepts.

thuộc cảm dục; do đó nó sẽ đầy ảo cảm và sai lầm. Tuy nhiên, đó sẽ là một bước tiến so với những màn trình diễn đồng tử hiện nay, vốn đơn giản là phớt lờ người đã chết và chỉ cung cấp cho người hỏi điều mà đồng tử đọc được trong hào quang của người ấy—ký ức về diện mạo cá nhân, những hồi ức quan trọng được lưu giữ trong tâm thức của người hỏi, và lối suy nghĩ cầu mong liên quan đến lời khuyên được đòi hỏi vì người hỏi tin rằng bởi một người đã chết nên hẳn phải minh triết hơn trước đây. Khi đôi lúc đồng tử thành công trong việc thiết lập giao tiếp chân thực, đó là vì người hỏi và người đã chết đều là những kiểu người trí tuệ, và do đó giữa họ có một sự giao cảm viễn cảm chân thực mà đồng tử chặn bắt được.

The race is progressing, developing and becoming increasingly mental. The relation between the dead and the living must and will be upon mental levels, prior to the processes of integration; the true severance of communication will come when the human soul is reabsorbed into the oversoul, prior to again reincarnating. The fact of communication up to that time will, however, completely destroy the fear of death. In the case of disciples working in a Master's Ashram, even this process of integration will constitute no barrier. In the next few pages I will give some teaching on what might be called the art of dying and so expand what I said in A Treatise on White Magic.

Nhân loại đang tiến bộ, phát triển và ngày càng trở nên trí tuệ hơn. Mối liên hệ giữa người chết và người sống phải và sẽ ở trên các cấp độ trí tuệ, trước các tiến trình tích hợp; sự cắt đứt giao tiếp thực sự sẽ đến khi linh hồn con người được tái hấp thu vào đại hồn, trước khi lại tái sinh. Tuy nhiên, sự kiện giao tiếp cho đến lúc đó sẽ hoàn toàn phá hủy nỗi sợ cái chết. Trong trường hợp các đệ tử làm việc trong ashram của một Chân sư, ngay cả tiến trình tích hợp này cũng không tạo thành rào cản. Trong vài trang kế tiếp, tôi sẽ đưa ra một số giáo huấn về điều có thể gọi là nghệ thuật chết và nhờ đó khai triển thêm điều tôi đã nói trong *Luận về Chánh Thuật*.

PRESENT ATTITUDES TO DEATH

NHỮNG THÁI ĐỘ HIỆN NAY ĐỐI VỚI CÁI CHẾT

[397]

[397]

I undertook to take up with you the processes of dying and to consider a little

Tôi đã đảm nhận việc cùng bạn xem xét các tiến trình chết và khảo sát đầy đủ hơn đôi

more fully the factor of death—the most familiar experience (could the physical brain but recall it and realise it) in the life of the reincarnating entity or soul. Let me make some comments as to the attitude of man to the experience of "restitution." This is a peculiarly occult word, largely used by the initiate when speaking of death. The outstanding attitude associated with death is one of fear. This fear is based upon the—at present—mental uncertainty as to the fact of immortality. Beyond the proven fact of some form of survival, established by the psychical research groups, immortality or the permanent existence of what we usually mean when we speak of the "I" remains as yet in the realm of wishful thinking or of belief. This belief can be founded on Christian premises, upon religious affirmation based on rationalising the matter, and on the more scientific approach which argues that economic necessity requires that that which has been so long in evolving and which is the culminating result of the evolutionary process cannot be lost. It is interesting to note that there is no evidence upon our planet of any higher evolutionary product than that of the human kingdom; even for the materialistic thinker, the uniqueness of man is to be found in his various stages of consciousness and in his capacity to present for investigation all stages of consciousness, from that of the illiterate savage, through all the intermediate stages of mental effectiveness up to the most advanced thinkers and geniuses, capable of creative art, scientific discovery and spiritual perception. Putting it very simply, the question which the theme of death arouses is: Where is the "I," the occupying tenant of the body, when that body is relinquished and disintegrates? Is there, in the last analysis, an occupying tenant?

chút yếu tố của cái chết—kinh nghiệm quen thuộc nhất (nếu bộ não hồng trần có thể nhớ lại và nhận ra điều đó) trong đời sống của thực thể hay linh hồn tái sinh. Hãy để tôi đưa ra vài nhận xét về thái độ của con người đối với kinh nghiệm "hoàn nguyên." Đây là một từ ngữ đặc biệt huyền bí, được điểm đạo đồ dùng nhiều khi nói về cái chết. Thái độ nổi bật gắn liền với cái chết là sợ hãi. Nỗi sợ này dựa trên sự bất định về mặt trí tuệ hiện nay đối với sự kiện bất tử. Ngoài sự kiện đã được chứng minh về một hình thức tồn tại tiếp tục nào đó, do các nhóm nghiên cứu thông linh xác lập, thì tính bất tử hay sự tồn tại thường hằng của điều mà chúng ta thường muốn nói khi nói đến "cái Tôi" vẫn còn nằm trong lĩnh vực của lối suy nghĩ cầu mong hay của niềm tin. Niềm tin này có thể được đặt nền trên các tiền đề Cơ Đốc giáo, trên sự khẳng định tôn giáo dựa trên việc lý giải vấn đề, và trên cách tiếp cận có tính khoa học hơn, vốn lập luận rằng sự cần thiết về mặt kinh tế đòi hỏi rằng điều đã tiến hoá lâu dài như vậy và là kết quả tột đỉnh của tiến trình tiến hoá thì không thể bị mất đi. Thật thú vị khi lưu ý rằng trên hành tinh chúng ta không có bằng chứng nào về một sản phẩm tiến hoá cao hơn giới nhân loại; ngay cả đối với nhà tư tưởng duy vật, tính độc đáo của con người được tìm thấy trong các giai đoạn tâm thức khác nhau của y và trong khả năng trình bày cho sự khảo sát mọi giai đoạn tâm thức, từ giai đoạn của người man dã mù chữ, qua mọi giai đoạn trung gian của hiệu quả trí tuệ cho đến những nhà tư tưởng và thiên tài tiến bộ nhất, có khả năng sáng tạo nghệ thuật, khám phá khoa học và tri giác tinh thần. Nói thật đơn giản, câu hỏi mà chủ đề cái chết khơi dậy là: "Cái Tôi," kẻ cư ngụ trong thể xác, ở đâu khi thể xác ấy bị từ bỏ và tan rã? Rốt cuộc, có thực sự có một kẻ cư ngụ như thế hay không?

[398]

Human history records the endless search for assurance upon this subject; this search culminates today in the numerous societies which are occupying themselves with the attempt to prove immortality and to penetrate into those fastnesses of the spirit which apparently give sanctuary to that "I" which has been the actor on the physical plane and which has hitherto baffled the most earnest seeker. The incentive of fear lies behind this frantic search; it is an unfortunate fact that the majority of the people (apart from a few enlightened scientists and similar intelligent seekers) who engage in the usually questionable techniques of the seance room, are emotional types, easily convinced and only too ready to accept as evidence that which the more intelligent seeker would immediately repudiate.

Let me here make my position clear as regards the great spiritualistic movement which has done so much in the past to prove the fact of survival, and which has also, in certain of its phases, done so much to mislead and deceive mankind. Under this general term, I class also the various psychical research groups and exempt all sincere scientific work. None of these groups has as yet proven their case. The mystery and the foolishness of the average seance room, and the work of the mediums, have nevertheless demonstrated the presence of an inexplicable factor; the laboratories of the scientific research worker have scarcely proved even that. For every case of the definitely acceptable appearance of a discarnate person there are thousands of cases which can be explained upon the grounds of gullibility, telepathic rapport (with the bereaved person, but not with

[398]

Lịch sử nhân loại ghi lại cuộc tìm kiếm vô tận để có được sự bảo đảm về chủ đề này; cuộc tìm kiếm này ngày nay đạt đến đỉnh điểm trong vô số hội đoàn đang bận tâm với nỗ lực chứng minh tính bất tử và thâm nhập vào những nơi sâu kín của tinh thần, nơi dường như che chở cho "cái Tôi" đã từng là diễn viên trên cõi hồng trần và từ trước đến nay đã làm bối rối người tìm kiếm tha thiết nhất. Động lực của nỗi sợ nằm phía sau cuộc tìm kiếm cuồng nhiệt này; thật đáng tiếc là đa số những người (ngoài một vài nhà khoa học giác ngộ và những người tìm kiếm thông minh tương tự) tham gia vào các kỹ thuật thường đáng ngờ của buổi gọi hồn lại là những kiểu người cảm xúc, dễ bị thuyết phục và quá sẵn sàng chấp nhận làm bằng chứng điều mà người tìm kiếm thông minh hơn sẽ lập tức bác bỏ.

Ở đây, hãy để tôi làm rõ lập trường của mình liên quan đến phong trào thần linh học vĩ đại, phong trào đã làm được rất nhiều trong quá khứ để chứng minh sự kiện tồn tại tiếp tục, và cũng trong một số phương diện của nó đã làm rất nhiều để dẫn dắt sai lạc và lừa dối nhân loại. Dưới thuật ngữ tổng quát này, tôi cũng xếp vào các nhóm nghiên cứu thông linh khác nhau và loại trừ mọi công trình khoa học chân thành. Chưa nhóm nào trong số này chứng minh được trường hợp của mình. Tuy nhiên, tính huyền bí và sự ngu xuẩn của buổi gọi hồn thông thường, cùng công việc của các đồng tử, đã chứng minh sự hiện diện của một yếu tố không thể giải thích; các phòng thí nghiệm của nhà nghiên cứu khoa học hầu như còn chưa chứng minh được cả điều đó. Với mỗi trường hợp xuất hiện rõ ràng có thể chấp nhận được của một người đã lìa xác, có hàng ngàn trường hợp có thể được giải thích dựa trên sự cả tin, sự giao

anyone who has passed over), the seeing of thoughtforms by the clairvoyant and the hearing of voices by the clairaudient, and also by trickery. Note that I refer to "acceptable appearances" of a returning spirit. There is enough evidence to warrant belief in survival and to prove its factual nature. Upon the grounds of the inexplicable phenomena [399] of contact with the supposedly dead which have been noted, investigated and proven, and upon the character of the men who testify to the fact of these phenomena, we can affirm that something survives the "restitution" of the material body to the eternal reservoir of substance. It is on this premise that we proceed.

cảm viễn cảm (với người đang đau buồn, nhưng không phải với bất kỳ ai đã qua đời), việc nhà thông nhãn nhìn thấy các hình tư tưởng và việc người thông nhĩ nghe thấy các tiếng nói, cũng như sự gian trá. Hãy lưu ý rằng tôi nói đến "những sự xuất hiện có thể chấp nhận được" của một tinh thần trở lại. Có đủ bằng chứng để biện minh cho niềm tin vào sự tồn tại tiếp tục và để chứng minh tính thực tế của nó. Trên cơ sở của những hiện tượng không thể giải thích được [399] về sự tiếp xúc với những người được cho là đã chết, những hiện tượng đã được ghi nhận, điều tra và chứng minh, và trên cơ sở phẩm chất của những người làm chứng cho sự kiện của các hiện tượng này, chúng ta có thể khẳng định rằng có điều gì đó tồn tại tiếp tục sau "sự hoàn nguyên" của thể vật chất về kho chứa vĩnh cửu của chất liệu. Chính trên tiền đề này mà chúng ta tiếp tục.

Today the phenomenon of death is becoming increasingly familiar. The world war has launched millions of men and women—civilians and those in the various branches of the armed forces of all the nations—into that unknown world which receives all those who discard the physical form. Conditions are at this time such that in spite of the ancient and deep-seated fear of death, there is emerging in the consciousness of mankind the realisation that there are many worse things than death; men have come to know that starvation, mutilation, permanent physical incapacity, mental disability as the result of war and the strain of war, the observation of pain and agony which cannot be relieved, are indeed worse than death; also, many know and believe (for such is the glory of the human spirit) that the relinquishing of the values for which men have fought and died down the ages and which are deemed essential to the life of the free human spirit is of greater significance than the process of

Ngày nay hiện tượng cái chết đang trở nên ngày càng quen thuộc. Chiến tranh thế giới đã đẩy hàng triệu người nam và nữ—thường dân và những người trong các binh chủng của lực lượng vũ trang thuộc mọi quốc gia—vào thế giới chưa biết ấy, thế giới tiếp nhận tất cả những ai từ bỏ hình tướng hồng trần. Hiện nay các điều kiện là như vậy nên bất chấp nỗi sợ cái chết cổ xưa và ăn sâu, trong tâm thức nhân loại đang xuất hiện sự nhận thức rằng có nhiều điều tệ hại hơn cái chết; con người đã biết rằng đói khát, tàn phế, mất năng lực hồng trần vĩnh viễn, suy giảm năng lực tâm thần do chiến tranh và áp lực chiến tranh, việc chứng kiến đau đớn và thống khổ không thể làm dịu, quả thực còn tệ hơn cái chết; đồng thời, nhiều người biết và tin (vì đó là vinh quang của tinh thần con người) rằng việc từ bỏ những giá trị mà con người đã chiến đấu và chết vì chúng qua các thời đại, và được xem là thiết yếu cho đời sống của tinh thần con người tự do, còn có ý nghĩa lớn hơn tiến trình chết. Thái độ này, đặc trưng cho những người nhạy cảm và suy

death. This attitude, characteristic of the sensitive and the right thinking people at this time, is now emerging upon a large scale. This means the recognition, alongside of the ancient fear, of an unconquerable hope of better conditions to be found elsewhere, and this need not necessarily be wishful thinking but an indication of a latent subjective knowledge, slowly coming to the surface. Something is on its way as a result of human distress and human thinking; this is today sensed; this fact will be later demonstrated. Opposing this inner confidence and subjective realisation are old habits of thought, the developed materialistic attitude [400] of the present, the fear of deception, and the antagonism of both the scientist and the religious man or churchman. The former rightly refuses to believe that which remains still unproven and seems also not to be susceptible of proof, whilst religious groups and organisations have no confidence in any presentation of truth which they have not formulated in their own terms. This lays an undue emphasis upon belief and thus stultifies all enthusiastic investigation. The discovery of the fact of immortality will come from the people; it will eventually then be accepted by the churches and proven by science, but this not until the aftermath of the war is over and this planetary disturbance has subsided.

nghĩ đúng đắn trong thời điểm hiện nay, đang xuất hiện trên quy mô lớn. Điều này có nghĩa là sự nhìn nhận, song song với nỗi sợ cổ xưa, một niềm hy vọng bất khả chinh phục về những điều kiện tốt đẹp hơn ở nơi khác, và điều này không nhất thiết là lối suy nghĩ cầu mong mà có thể là dấu hiệu của một tri thức chủ quan tiềm ẩn, đang chậm rãi nổi lên bề mặt. Một điều gì đó đang đến như kết quả của đau khổ và tư tưởng của nhân loại; ngày nay điều này đã được cảm nhận; về sau sự kiện này sẽ được chứng minh. Đối nghịch với sự tự tin nội tại và sự chứng nghiệm chủ quan này là những thói quen tư tưởng cũ, thái độ duy vật đã phát triển [400] của hiện tại, nỗi sợ bị lừa dối, và sự đối kháng của cả nhà khoa học lẫn người có tôn giáo hay giáo sĩ. Người trước, một cách đúng đắn, từ chối tin điều vẫn chưa được chứng minh và dường như cũng không thể chứng minh được, trong khi các nhóm và tổ chức tôn giáo thì không tin tưởng vào bất kỳ sự trình bày chân lý nào mà họ chưa tự diễn đạt theo thuật ngữ riêng của mình. Điều này đặt sự nhấn mạnh quá mức vào niềm tin và do đó làm tê liệt mọi cuộc khảo sát nhiệt thành. Việc khám phá *sự kiện* bất tử sẽ đến từ quần chúng; rồi cuối cùng nó sẽ được các giáo hội chấp nhận và được khoa học chứng minh, nhưng điều này chỉ xảy ra sau khi hậu quả của chiến tranh đã qua và sự xáo trộn hành tinh này đã lắng xuống.

The problem of death, needless to say, is founded upon the love of life which is the deepest instinct in human nature. The determination that nothing is lost under divine law is a recognition of science; eternal persistence in some form or another is universally held to be a truth. Out of the welter of theories, three major solutions have been proposed; these are well known to all thinking people. They are:

Không cần phải nói, vấn đề cái chết được đặt nền trên tình yêu sự sống, vốn là bản năng sâu xa nhất trong bản chất con người. Sự xác quyết rằng không có gì bị mất đi dưới định luật thiêng liêng là một sự nhìn nhận của khoa học; sự tồn tại bền bỉ vĩnh cửu dưới hình thức này hay hình thức khác được phổ quát xem là chân lý. Từ mớ hỗn độn của các lý thuyết, ba giải pháp chính đã được đề

xuất; chúng đều quen thuộc với mọi người biết suy nghĩ. Đó là:

1. The strictly materialistic solution, which posits the experience and expression of conscious life as long as the physical, tangible form exists and persists, but also teaches that after death and the subsequent disintegration of the body there is no longer any conscious, functioning, self-identified person. The sense of the "I," the awareness of a personality in contradistinction to all other personalities, vanishes with the disappearance of the form: personality is believed to be only the sumtotal of the consciousness of the cells in the body. This theory relegates man to the same state as any of the other forms in the three other kingdoms in nature; [401] it is based on the nonsensitivity of the average human being to life, withdrawn from a tangible vehicle; it ignores all evidence to the contrary and says that because we cannot see (visually) and prove (tangibly) the persistence of the "I" or the immortal entity after death, it is nonexistent. This theory is not held by so many as it was in earlier years, particularly during the materialistic Victorian age.

1. *Giải pháp thuần túy duy vật,* chủ trương rằng kinh nghiệm và biểu lộ của đời sống hữu thức tồn tại chừng nào hình tướng hồng trần hữu hình còn hiện hữu và duy trì, nhưng cũng dạy rằng sau cái chết và sự tan rã tiếp theo của thể xác thì không còn một con người hữu thức, hoạt động, tự đồng nhất nào nữa. Cảm thức về "cái Tôi," sự nhận biết về một phàm ngã phân biệt với mọi phàm ngã khác, biến mất cùng với sự biến mất của hình tướng: phàm ngã được tin là chỉ là tổng số tâm thức của các tế bào trong thể xác. Lý thuyết này đẩy con người xuống cùng trạng thái với bất kỳ hình tướng nào khác trong ba giới còn lại của thiên nhiên; [401] nó dựa trên sự không nhạy cảm của con người trung bình đối với sự sống đã rút khỏi một vận cụ hữu hình; nó phớt lờ mọi bằng chứng ngược lại và nói rằng bởi vì chúng ta không thể thấy (bằng thị giác) và chứng minh (một cách hữu hình) sự tồn tại tiếp tục của "cái Tôi" hay thực thể bất tử sau cái chết, nên nó không hiện hữu. Lý thuyết này hiện không còn được nhiều người giữ như trong những năm trước, đặc biệt trong thời đại Victoria duy vật.

2. The theory of conditional immortality. This theory is still held by certain fundamentalist and theologically narrow schools of thought and also by a few of the intelligentsia, primarily those of egoistic tendency. It posits that only those who reach a particular stage of spiritual awareness, or who accept a peculiar set of theological pronouncements, can receive the gift of personal immortality. The highly intellectual also argue at times that the crowning gift to humanity is a developed and cultured mind, and that those who possess this gift are likewise endowed with

2. *Lý thuyết về tính bất tử có điều kiện.* Lý thuyết này vẫn còn được một số trường phái tư tưởng bảo thủ và thần học hẹp hòi, cũng như một vài người trí thức, chủ yếu là những người có khuynh hướng vị ngã, duy trì. Nó cho rằng chỉ những ai đạt đến một giai đoạn nhận biết tinh thần nhất định, hoặc chấp nhận một tập hợp tuyên bố thần học đặc thù, mới có thể nhận được món quà bất tử cá nhân. Những người trí thức cao cũng đôi khi lập luận rằng món quà tối thượng dành cho nhân loại là một trí tuệ phát triển và được trau dồi, và những ai sở hữu món quà này cũng được ban cho sự tồn tại vĩnh cửu. Một

eternal persistence. One school dismisses those who are what they regard as spiritually recalcitrant or negative to the imposition of their particular theological certainties, either to complete annihilation as in the materialistic solution, or to a process of eternal punishment, thus at the same time arguing for a form of immortality. Owing to the innate kindness of the human heart, very few are vindictive or unthinking enough to regard this presentation as acceptable, and of course among those we must class the unthinking people who escape from mental responsibility into blind belief in theological pronouncements. The Christian interpretation as given by the orthodox and the fundamentalist schools proves untenable when submitted to clear reasoning; among the arguments which negate its accuracy lies the fact that [402] Christianity posits a long future but no past; it is likewise a future entirely dependent upon the activities of this present life episode and accounts in no way for the distinctions and differences which distinguish humanity. It is only tenable upon the theory of an anthropomorphic Deity Whose will—as it works out in practice—gives a present that has no past but only a future; the injustice of this is widely recognised, but the inscrutable will of God must not be questioned. Millions still hold this belief, but it is not so strongly held as it was one hundred years ago.

trường phái đẩy những ai mà họ xem là ngoan cố về mặt tinh thần hoặc không chấp nhận sự áp đặt các xác tín thần học riêng của họ, hoặc vào sự hủy diệt hoàn toàn như trong giải pháp duy vật, hoặc vào một tiến trình trừng phạt vĩnh cửu, và như vậy đồng thời lại lập luận cho một hình thức bất tử. Do lòng tốt bẩm sinh của trái tim con người, rất ít người đủ ác ý hay thiếu suy nghĩ để xem cách trình bày này là có thể chấp nhận được, và dĩ nhiên trong số đó chúng ta phải kể cả những người thiếu suy nghĩ trốn tránh trách nhiệm trí tuệ bằng niềm tin mù quáng vào các tuyên bố thần học. Cách giải thích Cơ Đốc giáo như được đưa ra bởi các trường phái chính thống và bảo thủ tỏ ra không thể đứng vững khi được đặt dưới lý luận sáng suốt; trong số những lập luận phủ nhận tính chính xác của nó có sự kiện rằng [402] Cơ Đốc giáo giả định một tương lai dài nhưng không có quá khứ; tương lai ấy cũng hoàn toàn phụ thuộc vào các hoạt động của giai đoạn đời sống hiện tại này và không hề giải thích được những khác biệt và dị biệt vốn phân biệt nhân loại. Nó chỉ có thể đứng vững trên lý thuyết về một Thượng đế mang hình người mà ý chí của Ngài—như được thể hiện trong thực tế—ban cho một hiện tại không có quá khứ mà chỉ có tương lai; sự bất công của điều này được nhìn nhận rộng rãi, nhưng ý chí bất khả tri của Thượng đế thì không được phép bị chất vấn. Hàng triệu người vẫn còn giữ niềm tin này, nhưng nó không còn được giữ mạnh mẽ như một trăm năm trước.

3. The theory of reincarnation, so familiar to all my readers, is becoming increasingly popular in the Occident; it has always been accepted (though with many foolish additions and interpretations) in the Orient. This teaching has been as much distorted as have the teachings of the Christ or the Buddha or Shri Krishna by their narrow-minded and mentally limited theologians.

3. *Lý thuyết tái sinh*, vốn rất quen thuộc với mọi độc giả của tôi, đang ngày càng trở nên phổ biến ở phương Tây; nó luôn luôn được chấp nhận (dù với nhiều bổ sung và diễn giải ngớ ngẩn) ở phương Đông. Giáo huấn này đã bị bóp méo nhiều chẳng kém gì các giáo huấn của Đức Christ, Đức Phật hay Shri Krishna bởi các nhà thần học hẹp hòi và hạn chế về trí tuệ của họ. Những sự kiện căn bản

The basic facts of a spiritual origin, of a descent into matter, of an ascent through the medium of constant incarnations in form until those forms are perfect expressions of the indwelling spiritual consciousness, and of a series of initiations at the close of the cycle of incarnation, are being more readily accepted and acknowledged than ever before.

về một nguồn gốc tinh thần, về sự giáng xuống vật chất, về sự thăng lên qua trung gian của những lần nhập thể liên tục trong hình tướng cho đến khi những hình tướng ấy trở thành những biểu lộ hoàn hảo của tâm thức tinh thần nội tại, và về một loạt điểm đạo vào lúc kết thúc chu kỳ nhập thể, đang được chấp nhận và thừa nhận dễ dàng hơn bao giờ hết.

Such are the major solutions of the problems of immortality and of the persistence of the human soul; they aim to answer the eternal questioning of the human heart as to Whence, Why, Whither and Where? Only the last of these proposed solutions offers a truly rational reply to all of them. Its acceptance has been delayed because, ever since the time of H. P. Blavatsky, who formulated this ancient truth for the modern world in the last quarter [403] of the nineteenth century, it has been so unintelligently presented; it has been handicapped owing to the fact that the Eastern races have always held it, and—from the Western angle—they are heathen and the heathen "in their blindness bow down to wood and stone," to quote one of your fundamentalist hymns. How curious it is to realise that, to the man from Eastern countries, the religious people in the West do likewise, and can be seen on their knees before the Christian altars bearing statues of the Christ, of the Virgin Mary and of the Apostles.

Đó là những giải pháp chính cho các vấn đề về tính bất tử và sự tồn tại tiếp tục của linh hồn con người; chúng nhằm trả lời cho câu hỏi muôn thuở của trái tim con người về Từ đâu, Tại sao, Đi đâu và Ở đâu? Chỉ giải pháp cuối cùng trong số những giải pháp được đề xuất này mới đưa ra một câu trả lời thực sự hợp lý cho tất cả các câu hỏi ấy. Việc chấp nhận nó đã bị trì hoãn vì, kể từ thời H. P. Blavatsky, người đã trình bày chân lý cổ xưa này cho thế giới hiện đại vào phần tư cuối [403] của thế kỷ mười chín, nó đã được trình bày một cách quá thiếu thông minh; nó còn bị cản trở bởi sự kiện rằng các chủng tộc phương Đông luôn luôn giữ nó, và—từ góc nhìn phương Tây—họ là dân ngoại và dân ngoại thì "trong sự mù quáng của mình quỳ lạy gỗ đá," như một bài thánh ca bảo thủ của bạn đã nói. Thật kỳ lạ khi nhận ra rằng, đối với người đến từ các quốc gia phương Đông, những người có tôn giáo ở phương Tây cũng làm như vậy, và có thể được thấy quỳ gối trước các bàn thờ Cơ Đốc giáo mang tượng Đức Christ, Đức Trinh Nữ Maria và các Tông đồ.

The occultists of the world, through the theosophical societies and other occult bodies, so-called, have greatly damaged the presentation of the truth anent reincarnation through the unnecessary, unimportant, inaccurate and purely speculative details which they give out as truths anent the processes of death and the

Các nhà huyền bí học trên thế giới, thông qua các hội Thông Thiên Học và các tổ chức huyền bí khác, gọi là như vậy, đã gây tổn hại lớn cho việc trình bày chân lý liên quan đến tái sinh qua những chi tiết không cần thiết, không quan trọng, không chính xác và hoàn toàn suy đoán mà họ đưa ra như những chân lý liên quan đến các tiến trình chết và hoàn

circumstances of man after death. These details are largely dependent upon the clairvoyant vision of astral psychics of prominence in the Theosophical Society. Yet in the Scriptures of the world these details are not given, and H.P.B. in The Secret Doctrine gave none. An instance of this inaccurate and foolish attempt to throw light upon the theory of rebirth can be seen in the time limits imposed upon departed human souls between incarnations on the physical plane and the return to physical rebirth—so many years of absence are proclaimed, dependent upon the age of the departed soul and its place upon the ladder of evolution. If, we are told, the soul is very advanced, absence from the physical plane is prolonged, whereas the reverse is the case. Advanced souls and those whose intellectual capacity is rapidly developing come back with great rapidity, owing to their sensitive response to the pull of obligations, interests and responsibilities already established upon the physical plane. People are apt to forget that time is the sequence of events and of states of [404] consciousness as registered by the physical brain. Where no physical brain exists, what humanity understands by time is nonexistent. The removal of the barriers of the form, stage by stage, brings an increasing realisation of the Eternal Now. In the case of those who have passed through the door of death and who still continue to think in terms of time, it is due to glamour and to the persistence of a powerful thoughtform. It indicates polarisation upon the astral plane; this is the plane upon which leading Theosophical writers and psychics have worked, and upon which they have based their writings. They are quite sincere in what they say, but omit to recognise the illusory nature of all findings based on astral clairvoyance. The recognition of a pronounced time factor, and the constant emphasis laid upon timing, are

cảnh của con người sau cái chết. Những chi tiết này phần lớn phụ thuộc vào linh ảnh thông nhãn của các nhà thông linh cảm dục nổi bật trong Hội Thông Thiên Học. Tuy nhiên, trong các Kinh điển của thế giới, những chi tiết này không được nêu ra, và H.P.B. trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* cũng không đưa ra điều nào. Một ví dụ về nỗ lực không chính xác và ngớ ngẩn này nhằm soi sáng lý thuyết tái sinh có thể thấy trong những giới hạn thời gian được áp đặt cho các linh hồn con người đã ra đi giữa các lần nhập thể trên cõi hồng trần và sự trở lại tái sinh hồng trần —bao nhiêu năm vắng mặt được công bố, tùy thuộc vào tuổi của linh hồn đã ra đi và vị trí của nó trên thang tiến hoá. Nếu linh hồn rất tiến bộ, như chúng ta được bảo, thì sự vắng mặt khỏi cõi hồng trần sẽ kéo dài, trong khi thực tế lại ngược lại. Những linh hồn tiến bộ và những người có năng lực trí tuệ đang phát triển nhanh chóng quay trở lại rất mau lẹ, do sự đáp ứng nhạy bén của họ trước sức hút của các nghĩa vụ, mối quan tâm và trách nhiệm đã được thiết lập trên cõi hồng trần. Con người thường quên rằng thời gian là chuỗi nối tiếp của các sự kiện và các trạng thái [404] tâm thức như được bộ não hồng trần ghi nhận. Nơi nào không có bộ não hồng trần, thì điều mà nhân loại hiểu là thời gian không tồn tại. Việc loại bỏ các rào cản của hình tướng, từng giai đoạn một, mang lại sự chứng nghiệm ngày càng tăng về Hiện Tại Vĩnh Cửu. Trong trường hợp những người đã đi qua cánh cửa tử và vẫn tiếp tục suy nghĩ theo thời gian, điều đó là do ảo cảm và do sự tồn tại dai dẳng của một hình tư tưởng mạnh mẽ. Nó cho thấy sự phân cực trên cõi cảm dục; đây là cõi mà các tác giả và nhà thông linh Thông Thiên Học hàng đầu đã hoạt động, và là cõi mà họ đã dựa vào để viết lách. Họ hoàn toàn chân thành trong điều họ nói, nhưng lại không nhận ra bản chất ảo tưởng của mọi phát hiện dựa trên thông nhãn cảm dục. Sự nhận biết một yếu tố thời gian rõ rệt, và sự nhấn mạnh liên tục

characteristic of all highly developed people in incarnation and of those whose lower, concrete minds are powerful in calibre. Children and child-races on the one hand, and those highly advanced people whose abstract minds are functioning (through the medium of the interpretive lower mind), usually have no sense of time. The initiate uses the time factor in his relations and his dealings with those living upon the physical plane, but is detached within himself from all recognition of it elsewhere in the universe.

đặt lên thời điểm, là đặc trưng của mọi người phát triển cao đang lâm phàm và của những ai có hạ trí cụ thể mạnh mẽ. Trẻ em và các chủng tộc non trẻ một mặt, và những người rất tiến bộ mà trí trừu tượng đang hoạt động (qua trung gian của hạ trí diễn giải) mặt khác, thường không có cảm thức về thời gian. Điểm đạo đồ sử dụng yếu tố thời gian trong các mối liên hệ và giao tiếp của mình với những người sống trên cõi hồng trần, nhưng bên trong chính mình thì tách rời khỏi mọi nhận biết về nó ở nơi khác trong vũ trụ.

Therefore the use of the term "immortality" infers timelessness and teaches that this timelessness exists for that which is not perishable or conditioned by time. This is a statement requiring careful consideration. Man reincarnates under no time urge. He incarnates under the demands of karmic liability, under the pull of that which he, as a soul, has initiated, and because of a sensed need to fulfill instituted obligations; he incarnates also from a sense of responsibility and to meet requirements which an earlier breaking of the laws governing right human relations have [405] imposed upon him. When these requirements, soul necessities, experiences and responsibilities have all been met, he enters permanently "into the clear cold light of love and life" and no longer needs (as far as he himself is concerned the nursery stage of soul experience on earth. He is free from karmic impositions in the three worlds, but is still under the impulse of karmic necessity which exacts from him the last possible ounces of service that he is in a position to render to those still under the Law of Karmic Liability. You have, therefore, three aspects of the Law of Karma, as it affects the principle of rebirth:

Do đó, việc dùng thuật ngữ "bất tử" hàm ý tính phi thời gian và dạy rằng tính phi thời gian này tồn tại đối với điều không hư hoại hay không bị điều kiện hóa bởi thời gian. Đây là một phát biểu đòi hỏi phải được suy xét cẩn thận. Con người tái sinh không phải dưới một sự thúc ép của thời gian. Y nhập thể dưới những đòi hỏi của trách nhiệm nghiệp quả, dưới sức hút của điều mà y, với tư cách một linh hồn, đã khởi xướng, và bởi một nhu cầu được cảm nhận là phải hoàn thành những nghĩa vụ đã được thiết lập; y cũng nhập thể từ một ý thức trách nhiệm và để đáp ứng những yêu cầu mà một sự vi phạm trước đây các định luật chi phối những tương quan nhân loại đúng đắn đã [405] áp đặt lên y. Khi những yêu cầu, những nhu cầu của linh hồn, những kinh nghiệm và những trách nhiệm ấy đều đã được đáp ứng, y vĩnh viễn đi vào "ánh sáng trong trẻo lạnh lẽo của bác ái và sự sống" và không còn cần nữa (xét theo chính y) giai đoạn nhà trẻ của kinh nghiệm linh hồn trên trái đất. Y được giải thoát khỏi những áp đặt nghiệp quả trong ba cõi, nhưng vẫn còn ở dưới xung lực của sự cần thiết nghiệp quả, điều đòi hỏi nơi y từng phần phụng sự cuối cùng mà y có khả năng cống hiến cho những người vẫn còn ở dưới Định luật Trách Nhiệm Nghiệp Quả. Vì vậy,

bạn có ba phương diện của Định luật Karma, như nó ảnh hưởng đến nguyên lý tái sinh:

1. The Law of Karmic Liability, governing life in the three worlds of human evolution, and which is ended altogether at the fourth initiation.

1. *Định luật Trách Nhiệm Nghiệp Quả*, chi phối đời sống trong ba cõi của tiến hoá nhân loại, và chấm dứt hoàn toàn ở lần điểm đạo thứ tư.

2. The Law of Karmic Necessity. This governs the life of the advanced disciple and the initiate from the time of the second initiation until a certain initiation higher than the fourth; these initiations enable him to pass on to the Way of the Higher Evolution.

2. *Định luật Sự Cần Thiết Nghiệp Quả.* Điều này chi phối đời sống của đệ tử tiến bộ và điểm đạo đồ từ thời điểm lần điểm đạo thứ hai cho đến một lần điểm đạo nào đó cao hơn lần thứ tư; những lần điểm đạo này giúp y có thể bước vào Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

3. The Law of Karmic Transformation, a mysterious phrase governing the processes undergone upon the Higher Way. These fit the initiate to pass off the cosmic physical plane altogether, and to function upon the cosmic mental plane. It is concerned with the release of those like Sanat Kumara, and His Associates in the Council Chamber at Shamballa, from the imposition of cosmic desire which demonstrates upon our cosmic physical plane as spiritual will. This should be to you an arresting thought. It will be obvious, however, that there is little that I can say upon this subject. The knowledge involved is not yet mine.

3. *Định luật Chuyển Hóa Nghiệp Quả*, một cụm từ huyền bí chi phối các tiến trình được trải qua trên Con đường Cao Hơn. Những tiến trình này giúp điểm đạo đồ có thể rời hẳn cõi hồng trần vũ trụ, và hoạt động trên cõi trí vũ trụ. Nó liên quan đến sự giải thoát của những Đấng như Đức Sanat Kumara, và Các Cộng Sự của Ngài trong Phòng Hội Đồng tại Shamballa, khỏi sự áp đặt của dục vọng vũ trụ, điều biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta như ý chí tinh thần. Đối với bạn, đây hẳn là một tư tưởng gây chú ý mạnh. Tuy nhiên, hiển nhiên là tôi có rất ít điều có thể nói về chủ đề này. Tri thức liên quan vẫn chưa phải là của tôi.

[406]

[406]

To turn now to another aspect of our theme. There are, speaking in the larger sense, three major death episodes.

Bây giờ, hãy chuyển sang một phương diện khác của chủ đề chúng ta. Theo nghĩa rộng hơn, có ba giai đoạn chết chính.

There is, first of all, the constant recurrence of the fact of physical death. This is familiar to all of us through its extreme frequency, could we but realise it. This recognition would rapidly eliminate the present fear of

Trước hết là sự tái diễn liên tục của sự kiện cái chết hồng trần. Điều này quen thuộc với tất cả chúng ta do tần suất cực lớn của nó, nếu chúng ta có thể nhận ra điều đó. Sự nhận biết này sẽ nhanh chóng loại bỏ nỗi sợ

death. There is then the "second death" spoken of in the Bible, which is in this present planetary cycle associated with the death of all astral control over the human being. In the larger sense, this second death is consummated at the fourth initiation, when even spiritual aspiration dies, being no more needed; the Will of the initiate is now fixed and immovable, and astral sensitivity is no longer required.

cái chết hiện nay. Kế đến là "cái chết thứ hai" được nói đến trong Kinh Thánh, trong chu kỳ hành tinh hiện tại này gắn liền với cái chết của mọi sự kiểm soát cảm dục đối với con người. Theo nghĩa rộng hơn, cái chết thứ hai này được hoàn tất ở lần điểm đạo thứ tư, khi ngay cả khát vọng tinh thần cũng chết đi, vì không còn cần thiết nữa; Ý chí của điểm đạo đồ lúc này đã cố định và bất lay chuyển, và sự nhạy cảm cảm dục không còn được đòi hỏi.

There is a curious counterpart to this experience upon a much lower level in the death of all astral emotion which takes place for the individual aspirant at the time of the second initiation. It is then a complete episode and is consciously registered. Between the second and the third initiations, the disciple has to demonstrate a continuity of nonresponse to astralism and emotionalism. The second death, to which I am here referring, has to do with the death or the disappearance of the causal body at the time of the fourth initiation; this marks the completion of the building of the antahkarana and the institution of direct, unimpeded continuity of relationship between the Monad and the personality.

Có một đối phần kỳ lạ với kinh nghiệm này trên một cấp độ thấp hơn nhiều trong cái chết của mọi cảm xúc cảm dục xảy ra đối với người chí nguyện cá nhân vào thời điểm lần điểm đạo thứ hai. Khi ấy đó là một giai đoạn hoàn chỉnh và được ghi nhận một cách hữu thức. Giữa lần điểm đạo thứ hai và thứ ba, đệ tử phải chứng minh một sự liên tục của tình trạng không đáp ứng đối với tính cảm dục và tính xúc cảm. Cái chết thứ hai mà ở đây tôi đang nói đến liên quan đến cái chết hay sự biến mất của thể nguyên nhân vào thời điểm lần điểm đạo thứ tư; điều này đánh dấu sự hoàn tất việc xây dựng antahkarana và việc thiết lập sự liên tục trực tiếp, không bị cản trở của mối liên hệ giữa chân thần và phàm ngã.

The third death takes place when the initiate leaves behind him, finally and with no prospect of return, all relation with the cosmic physical plane. This death, necessarily, lies far ahead for all in the Hierarchy and is at present only possible and permissible for a few in the Council Chamber at Shamballa. It is not, however, a process through which Sanat Kumara will pass. He underwent this "transformation" many aeons ago, during the great cataclysm [407] which inaugurated the Lemurian Age, and which was induced by His cosmic

Cái chết thứ ba xảy ra khi điểm đạo đồ bỏ lại phía sau mình, dứt khoát và không còn triển vọng quay lại, mọi liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ. Cái chết này, tất yếu, còn ở rất xa phía trước đối với tất cả những ai trong Thánh Đoàn và hiện nay chỉ có thể và chỉ được phép đối với một số ít trong Phòng Hội Đồng tại Shamballa. Tuy nhiên, đó không phải là một tiến trình mà Đức Sanat Kumara sẽ trải qua. Ngài đã trải qua "sự chuyển đổi" này từ nhiều đại kiếp trước, trong đại biến động [407] đã khai mở Kỷ Nguyên Lemuria, và được gây ra bởi kinh nghiệm vũ trụ của Ngài

experience and the need for an inflow of energy from extra-planetary Beings.

cùng nhu cầu về một dòng năng lượng tuôn vào từ các Đấng ngoài hành tinh.

I have given these brief summations so as to enlarge your general understanding of what the Masters call "the extension of death in space." Nevertheless, in the following pages we shall confine ourselves to the theme of the death of the physical body and of the subtler bodies in the three worlds; we shall deal also with the processes which bring about the reabsorption of the human soul into the spiritual soul upon its own plane, the higher mental plane; we shall consider the reassimilation of substance and the appropriation of matter in order again to reincarnate.

Tôi đã đưa ra những tóm lược ngắn gọn này để mở rộng sự thấu hiểu tổng quát của bạn về điều mà các Chân sư gọi là "sự mở rộng của cái chết trong không gian." Tuy nhiên, trong những trang sau, chúng ta sẽ giới hạn mình vào chủ đề cái chết của thể xác và của các thể vi tế hơn trong ba cõi; chúng ta cũng sẽ đề cập đến các tiến trình mang lại sự tái hấp thu của linh hồn con người vào linh hồn tinh thần trên cõi riêng của nó, cõi thượng trí; chúng ta sẽ xem xét sự tái đồng hóa chất liệu và sự chiếm dụng vật chất để lại tái sinh.

We shall therefore consider the three major processes to which I earlier referred; these cover three periods and lead, eventually, to other processes under the Law of Rebirth. They are:

Do đó, chúng ta sẽ xem xét ba tiến trình chính mà trước đây tôi đã nói đến; chúng bao trùm ba thời kỳ và cuối cùng dẫn đến những tiến trình khác dưới Định luật Tái Sinh. Chúng là:

1. The Process of Restitution, governing the period of withdrawal of the soul from the physical plane and from its two phenomenal aspects, the dense physical body and the etheric body. This concerns the Art of Dying.

1. *Tiến Trình Hoàn Nguyên*, chi phối thời kỳ rút lui của linh hồn khỏi cõi hồng trần và khỏi hai phương diện hiện tượng của nó, thể xác đậm đặc và thể dĩ thái. Điều này liên quan đến Nghệ Thuật Chết.

2. The Process of Elimination. This governs that period of the life of the human soul after death and in the two other worlds of human evolution. It concerns the elimination of the astral-mental body by the soul, so that it is "ready to stand free in its own place."

2. *Tiến Trình Loại Bỏ*. Điều này chi phối thời kỳ đời sống của linh hồn con người sau cái chết và trong hai cõi khác của tiến hoá nhân loại. Nó liên quan đến việc linh hồn loại bỏ thể cảm dục-trí tuệ, để nó "sẵn sàng đứng tự do ở vị trí riêng của mình."

3. The Process of Integration, dealing with the period wherein the liberated soul again becomes conscious of itself as the Angel of the Presence and is reabsorbed into the world of souls, thus entering into a state of reflection. Later, under the impact of [408]

3. *Tiến Trình Tích Hợp*, liên quan đến thời kỳ trong đó linh hồn được giải thoát lại trở nên hữu thức về chính nó như Thiên Thần của Hiện Diện và được tái hấp thu vào thế giới các linh hồn, nhờ đó đi vào một trạng thái suy ngẫm. Về sau, dưới tác động của [408]

the Law of Karmic Liability or Necessity, the soul again prepares itself for another descent into form.

Định luật Trách Nhiệm Nghiệp Quả hay Sự Cần Thiết, linh hồn lại chuẩn bị cho một lần giáng xuống hình tướng khác.

The field of experience (in which is death, as the average person knows it) is the three worlds of human evolution—the physical world, the world of emotion and desire, and the mental plane. This world is, in the last analysis twofold, from the angle of death, and hence the phrase "the second death." This I have earlier applied to the death or destruction of the causal body, in which the spiritual soul has hitherto functioned. It can be applied, however, in a more literal sense, and may be referred to the second phase of the death process in the three worlds. It then concerns form only, and is related to those vehicles of expression which are found below the formless levels of the cosmic physical plane. These form levels are (as you know well, for the knowledge constitutes the a.b.c. of the occult theory) the levels on which the concrete, lower mind functions, the emotional nature reacts to the so-called astral plane, and the dual physical plane. The physical body consists of the dense physical body and the etheric vehicle. We have consequently, when considering the death of a human being, to employ the word death in relation to two phases in which it functions:

Trường kinh nghiệm (trong đó có cái chết, như người bình thường biết đến) là ba cõi giới của tiến hoá nhân loại—thế giới hồng trần, thế giới của cảm xúc và dục vọng, và cõi trí. Xét theo góc độ của cái chết, thế giới này rốt cuộc là nhị phân, và do đó mới có cụm từ "cái chết thứ hai." Trước đây tôi đã áp dụng điều này cho cái chết hay sự hủy diệt của thể nguyên nhân, trong đó linh hồn tinh thần từ trước đến nay đã hoạt động. Tuy nhiên, nó cũng có thể được áp dụng theo nghĩa đen hơn, và có thể được dùng để chỉ giai đoạn thứ hai của tiến trình chết trong ba cõi giới. Khi ấy, nó chỉ liên quan đến hình tướng, và có liên hệ với những vận cụ biểu lộ được tìm thấy bên dưới các cấp độ vô tướng của cõi hồng trần vũ trụ. Những cấp độ hình tướng này là (như bạn đã biết rõ, vì tri thức ấy cấu thành phần a.b.c. của lý thuyết huyền bí học) các cấp độ mà trên đó trí cụ thể, hạ trí hoạt động, bản chất cảm xúc đáp ứng với cái gọi là cõi cảm dục, và cõi hồng trần nhị phân. Thể xác gồm có thể xác đậm đặc và vận cụ dĩ thái. Do đó, khi xem xét cái chết của một con người, chúng ta phải dùng từ cái chết trong liên hệ với hai giai đoạn mà trong đó nó hoạt động:

Phase One: The death of the physical-etheric body. This phase falls into two stages:

Giai đoạn Một: Cái chết của thể hồng trần-dĩ thái. Giai đoạn này gồm hai chặng:

a. That in which the atoms which constitute the physical body are restored to the source from whence they came. This source is the sumtotal of the matter of the planet, constituting the dense physical body of the planetary Life.

a. Chặng mà trong đó các nguyên tử cấu thành thể xác được hoàn nguyên về nguồn mà từ đó chúng đã đến. Nguồn này là tổng thể vật chất của hành tinh, cấu thành thể xác đậm đặc của Sự sống Hành tinh.

b. That in which the etheric vehicle, composed of an aggregation of forces,

b. Chặng mà trong đó vận cụ dĩ thái, được cấu thành bởi một tập hợp các mãnh lực,

returns these forces to the [409] general reservoir of energy. This dual phase covers the Process of Restitution.

hoàn trả các mãnh lực này về [409] bể chứa năng lượng chung. *Giai đoạn nhị phân này bao quát Tiến Trình Hoàn Nguyên.*

Phase Two: The "rejection" (as it is sometimes called) of the mental-emotional vehicles. These form, in reality, only one body; to it the early theosophists (correctly) gave the name of the "kama-manasic body" or the vehicle of desire-mind. I have said elsewhere that there is no such thing as the astral plane or the astral body. Just as the physical body is made up of matter which is not regarded as a principle, so the astral body—as far as the mind nature is concerned—is in the same category. This is a difficult matter for you to grasp because desire and emotion are so real and so devastatingly important. But—speaking literally—from the angle of the mental plane, the astral body is "a figment of the imagination"; it is not a principle. The massed use of the imagination in the service of desire has nevertheless constructed an illusory glamorous world, the world of the astral plane. During physical incarnation, and when a man is not upon the Path of Discipleship, the astral plane is very real, with a vitality and a life all its own. After the first death (the death of the physical body) it still remains equally real. But its potency slowly dies out: the mental man comes to realise his own true state of consciousness (whether developed or undeveloped), and the second death becomes possible and takes place. This phase covers the Process of Elimination.

Giai đoạn Hai: Sự "khước từ" (đôi khi được gọi như thế) các vận cụ trí tuệ-cảm xúc. Thực ra, chúng chỉ tạo thành một thể trí-cảm dục duy nhất; các nhà Thông Thiên Học thời kỳ đầu (một cách đúng đắn) đã gọi nó là "thể trí cảm" hay vận cụ của dục vọng-trí tuệ. Ở nơi khác tôi đã nói rằng không hề có cái gọi là cõi cảm dục hay thể cảm dục. Cũng như thể xác được tạo thành từ vật chất vốn không được xem là một nguyên khí, thì thể cảm dục—xét theo phương diện bản chất trí tuệ—cũng thuộc cùng một loại như vậy. Đây là một vấn đề khó để bạn nắm bắt vì dục vọng và cảm xúc quá thực và có tầm quan trọng gây tác động mạnh đến thế. Nhưng—nói theo nghĩa đen—xét từ góc độ của cõi trí, thể cảm dục là "một sản phẩm của sự tưởng tượng"; nó *không* phải là một nguyên khí. Tuy nhiên, việc sử dụng tập thể sự tưởng tượng để phụng sự dục vọng đã kiến tạo nên một thế giới ảo tưởng đầy ảo cảm, tức thế giới của cõi cảm dục. Trong thời gian lâm phàm, và khi con người chưa ở trên Con Đường Đệ Tử, cõi cảm dục là rất thực, với một sinh lực và một sự sống hoàn toàn riêng của nó. Sau cái chết thứ nhất (cái chết của thể xác), nó vẫn còn thực như vậy. Nhưng năng lực của nó dần dần tắt đi: con người trí tuệ đi đến chỗ chứng nghiệm trạng thái tâm thức chân thực của chính mình (dù phát triển hay chưa phát triển), và cái chết thứ hai trở nên khả hữu rồi diễn ra. *Giai đoạn này bao quát Tiến Trình Loại Bỏ.*

When these two phases of the Art of Dying are over, the discarnate soul stands free from the control of matter; it is purified (temporarily by the phases of Restitution and Elimination) from all contamination by substance. This is achieved, not through any

Khi hai giai đoạn này của Nghệ Thuật Chết đã kết thúc, linh hồn lìa xác đứng tự do khỏi sự kiểm soát của vật chất; nó được thanh lọc (tạm thời nhờ các giai đoạn Hoàn Nguyên và Loại Bỏ) khỏi mọi sự nhiễm ô bởi chất liệu. Điều này đạt được không phải nhờ bất kỳ

activity of the soul in form, [410] the human soul, but as a result of the activity of the soul on its own plane abstracting the fraction of itself which we call the human soul. It is primarily the work of the overshadowing soul which effects this; it is not carried forward by the soul in the personality. The human soul, during this stage, is only responsive to the pull or the attractive force of the spiritual soul as it—with deliberate intent—extracts the human soul from its imprisoning sheaths. Later on, as the evolutionary processes proceed and the soul increasingly controls the personality, it will be the soul within the imprisoning sheaths which will bring about—consciously and with intention—the phases of dying. In the earlier stages, this release will be brought about with the aid of the overshadowing spiritual soul. Later on, when the man is living upon the physical plane as the soul, he will himself—with full continuity of consciousness—carry out the processes if abstraction, and will then (with directed purpose) "ascend to the place from whence he came." This is the reflection in the three worlds of the divine ascension of the perfected Son of God.

hoạt động nào của linh hồn trong hình tướng, [410] linh hồn nhân loại, mà là kết quả của hoạt động của linh hồn trên cõi riêng của nó khi rút ra phần nhỏ của chính nó mà chúng ta gọi là linh hồn nhân loại. Chủ yếu chính công việc của linh hồn phủ bóng tạo nên điều này; nó không được thực hiện bởi linh hồn trong phàm ngã. Trong giai đoạn này, linh hồn nhân loại chỉ đáp ứng với lực kéo hay mãnh lực hấp dẫn của linh hồn tinh thần khi linh hồn ấy—với chủ ý có cân nhắc—rút linh hồn nhân loại ra khỏi các lớp vỏ giam hãm nó. Về sau, khi các tiến trình tiến hoá tiếp diễn và linh hồn ngày càng kiểm soát phàm ngã, thì chính linh hồn bên trong các lớp vỏ giam hãm sẽ mang lại—một cách hữu thức và có chủ ý—các giai đoạn của sự chết. Trong các giai đoạn đầu, sự giải thoát này sẽ được thực hiện với sự trợ giúp của linh hồn tinh thần phủ bóng. Về sau, khi con người sống trên cõi hồng trần như linh hồn, chính y sẽ—với sự liên tục trọn vẹn của tâm thức—thực hiện các tiến trình rút ra, và khi ấy (với mục đích được định hướng) "thăng lên nơi mà y đã từ đó mà đến." Đây là sự phản chiếu trong ba cõi giới của sự thăng thiên thiêng liêng của Con của Thượng đế đã được hoàn thiện.

Some of the information I have already given anent the subject of Death in my other writings might well be appended here. I have a definite purpose in suggesting this. Death is all around you at this time; the demand of the human spirit upon this matter has reached a crisis of potency; it is evoking the inevitable response from the Hierarchy. It is also my hope that students will do something of major importance to aid in bringing forth the light upon the processes of death which humanity is today demanding.

Một số thông tin tôi đã đưa ra về đề tài Cái Chết trong các trước tác khác của tôi rất có thể được bổ sung ở đây. Tôi có một mục đích rõ ràng khi gợi ý điều này. Hiện nay cái chết ở khắp quanh bạn; sự đòi hỏi của tinh thần nhân loại đối với vấn đề này đã đạt đến một cuộc khủng hoảng đầy mãnh lực; nó đang gợi lên sự đáp ứng tất yếu từ Thánh Đoàn. Tôi cũng hy vọng rằng các đạo sinh sẽ làm một điều gì đó có tầm quan trọng lớn lao để giúp đưa ánh sáng ra về các tiến trình của cái chết mà nhân loại ngày nay đang đòi hỏi.

ON DEATH - EXCERPTS FROM OTHER WRITINGS

VỀ CÁI CHẾT - TRÍCH ĐOẠN TỪ CÁC TRƯỚC TÁC KHÁC

"Why this blind power? Why Death? Why this decay [411] of forms? Why the negation of the power to hold? Why death, O mighty Son of God?"

"Tại sao lại có quyền năng mù quáng này? Tại sao lại có Cái Chết? Tại sao lại có sự suy tàn [411] của các hình tướng? Tại sao năng lực duy trì lại bị triệt tiêu? Tại sao lại có cái chết, hỡi Người Con hùng mạnh của Thượng đế?"

Faintly the answer comes: "I hold the keys of life. I bind and loose again. I the Destroyer am.

Mơ hồ câu trả lời vọng đến: "Ta nắm giữ chìa khóa của sự sống. Ta trói buộc và lại tháo cởi. Ta là Đấng Hủy Diệt.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. I, PAGE 63.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. I, PAGE 63.

The intent of the Lord of the first Ray is to stand behind the other divine Aspects, and when They have achieved Their purpose, to shatter the forms They have built.

Ý định của Đấng Chúa Tể Cung một là đứng phía sau các Phương diện thiêng liêng khác, và khi Các Ngài đã hoàn thành mục đích của mình, thì phá vỡ các hình tướng mà Các Ngài đã xây dựng.

He is the controller of the death drama in all kingdoms—a destruction of forms which brings about release of power and permits "entrance into light through the gateway of death."

Ngài là Đấng điều khiển vở kịch của cái chết trong mọi giới—một sự hủy diệt các hình tướng mang lại sự giải thoát quyền năng và cho phép "đi vào ánh sáng qua cánh cổng của cái chết."

PAGE 64.

PAGE 64.

a. "Withhold thy hand until the time has come. Then give the gift of death, O Opener of the Door."

a. "Hãy giữ tay ngươi lại cho đến khi thời điểm đến. Rồi hãy ban tặng món quà của cái chết, hỡi Đấng Mở Cửa."

PAGE 65.

PAGE 65.

b. "Separate the robe from That which hides behind its many folds. Take off the veiling sheaths. Let God be seen. Take Christ from off the Cross."

b. "Hãy tách chiếc áo choàng khỏi Cái Ẩn Sau nhiều nếp gấp của nó. Hãy cởi bỏ các lớp vỏ che phủ. Hãy để Thượng đế được nhìn thấy. Hãy nhấc Đức Christ xuống khỏi Thập Giá."

PAGE 69.

The first step towards substantiating the fact of the soul is to establish the fact of survival, though this may not necessarily prove the fact of immortality....That something survives the process of death, and that something persists after the disintegration of the physical body is steadily being proved. If that is not so, then we are the victims of a collective hallucination, and the brains and minds of thousands of people are untrue and deceiving, are diseased and distorted. Such a gigantic collective insanity is more difficult to credit than the alternative of an expanded consciousness.

PAGE 98-99.

[412]

a. The growth of etheric vision and the largely increased numbers of clairaudient and clairvoyant people is steadily revealing the existence of the astral plane and the etheric counterpart of the physical world. More and more people are becoming aware of this subjective realm: they see people walking around who are either the so-called "dead" or who, in sleep, have dropped the physical sheath.

PAGE 98.

b. The next two hundred years will see the abolition of death, as we now understand that great transition, and the establishing of the soul's existence. The soul will be known as an entity, as the motivating impulse and the spiritual centre back of all manifested forms. Our essential immortality will be

PAGE 69.

Bước đầu tiên hướng tới việc xác lập thực tại của linh hồn là thiết lập thực tại của sự tồn tại tiếp diễn, dù điều này chưa nhất thiết chứng minh được thực tại của sự bất tử....Rằng có một cái gì đó sống sót qua tiến trình chết, và rằng cái gì đó ấy vẫn tồn tại sau khi thể xác tan rã, đang dần dần được chứng minh. Nếu không phải vậy, thì chúng ta là nạn nhân của một ảo giác tập thể, và bộ não cùng trí tuệ của hàng ngàn người là sai lầm và lừa dối, là bệnh hoạn và méo mó. Một sự điên loạn tập thể khổng lồ như thế còn khó tin hơn phương án thay thế là một tâm thức được mở rộng.

PAGE 98-99.

[412]

a. Sự phát triển của linh thị dĩ thái và số lượng gia tăng rất lớn những người thông nhĩ và thông nhãn đang đều đặn làm lộ ra sự tồn tại của cõi cảm dục và đối phần dĩ thái của thế giới hồng trần. Ngày càng nhiều người trở nên nhận biết cõi chủ quan này: họ thấy những người đi lại quanh mình, hoặc là những người được gọi là "đã chết" hoặc là những người, trong giấc ngủ, đã bỏ lại lớp vỏ hồng trần.

PAGE 98.

b. Hai trăm năm tới sẽ chứng kiến sự bãi bỏ cái chết, như hiện nay chúng ta hiểu cuộc chuyển tiếp lớn lao ấy, và sự xác lập sự tồn tại của linh hồn. Linh hồn sẽ được biết đến như một thực thể, như xung lực thúc đẩy và trung tâm tinh thần phía sau mọi hình tướng biểu hiện. Tính bất tử cốt yếu của

demonstrated and realised to be a fact in nature.

chúng ta sẽ được chứng minh và được nhận thức là một thực tại trong thiên nhiên.

PAGE 96.

PAGE 96.

Within the next few years the fact of persistence and of the eternity of existence will have advanced out of the realm of questioning into the realm of certainty....There will be no question in anyone's mind that the discarding of the physical body will leave a man still a conscious living entity. He will be known to be perpetuating his existence in a realm lying behind the physical. He will be known to be still alive, awake and aware. This will be brought about by:

Trong vòng vài năm tới, thực tại của sự tồn tại tiếp diễn và của tính vĩnh cửu của hiện hữu sẽ tiến ra khỏi lĩnh vực bị nghi vấn để đi vào lĩnh vực của sự chắc chắn....Sẽ không còn ai nghi ngờ rằng việc bỏ đi thể xác vẫn để lại con người như một thực thể sống hữu thức. Người ta sẽ biết rằng y tiếp tục hiện hữu của mình trong một cõi nằm phía sau cõi hồng trần. Người ta sẽ biết rằng y vẫn còn sống, tỉnh thức và nhận biết. Điều này sẽ được mang lại bởi:

a. The development of a power within the physical eye of a human being...will reveal the etheric body...men will be seen occupying that body.

a. Sự phát triển của một năng lực trong mắt hồng trần của con người...sẽ làm lộ ra thể dĩ thái...người ta sẽ được thấy đang chiếm giữ thể ấy.

b. The growth of the number of people who have the power to use the "reawakened third eye" will demonstrate immortality, for they will with facility see the [413] man who has discarded his etheric body as well as his physical body.

b. Sự gia tăng số người có năng lực sử dụng "con mắt thứ ba được đánh thức trở lại" sẽ chứng minh sự bất tử, vì họ sẽ dễ dàng thấy được [413] con người đã bỏ thể dĩ thái cũng như thể xác của mình.

c. A discovery in the field of photography will prove survival.

c. Một khám phá trong lĩnh vực nhiếp ảnh sẽ chứng minh sự tồn tại tiếp diễn.

d. Through the use of the radio by those who have passed over will communication eventually be set up and reduced to a true science.

d. Nhờ việc sử dụng vô tuyến bởi những người đã qua bên kia, sự giao tiếp cuối cùng sẽ được thiết lập và được đưa thành một khoa học chân chính.

e. Man will eventually be keyed up to a perception and to a contact which will enable him to see through, which will reveal the nature of the fourth dimension, and will blend the subjective and objective worlds

e. Cuối cùng con người sẽ được nâng lên đến một sự tri giác và một sự tiếp xúc cho phép y nhìn xuyên qua, điều sẽ làm lộ ra bản chất của chiều thứ tư, và sẽ hòa trộn thế giới chủ quan và khách quan lại với nhau thành một

together into a new world. Death will lose its terrors and that particular fear will come to an end.

PAGE 183.

You must always bear in mind that the consciousness remains the same whether in physical incarnation or out of incarnation, and that development can be carried on with even greater ease than when limited and conditioned by the brain consciousness.

DISCIPLESHIP IN THE NEW AGE, VOL. I, PAGE 81.

The Law of Sacrifice and Death is the controlling factor on the physical plane. The destruction of the form, in order that the evolving life may progress, is one of the fundamental methods in evolution.

A TREATISE ON COSMIC FIRE, PAGE 569.

a. The Law of Disintegration is an aspect of the Law of Death. This is the law that governs the destruction of the form in order that the indwelling life may shine forth in fullness....This law breaks up the forms and the Law of Attraction draws back to primal sources the material of those forms.

PAGE 580.

[414]

b. The Law of Death controls in the three worlds.

PAGE 596.

thế giới mới. Cái chết sẽ mất đi những nỗi kinh hoàng của nó và nỗi sợ đặc biệt ấy sẽ chấm dứt.

PAGE 183.

Bạn phải luôn ghi nhớ rằng tâm thức vẫn y nguyên dù đang lâm phàm hay ngoài lâm phàm, và rằng sự phát triển có thể được tiếp tục với sự dễ dàng còn lớn hơn khi bị giới hạn và bị quy định bởi tâm thức não bộ.

DISCIPLESHIP IN THE NEW AGE, VOL. I, PAGE 81.

Định luật Hi Sinh và Cái Chết là yếu tố kiểm soát trên cõi hồng trần. Sự hủy diệt hình tướng, để cho sự sống đang tiến hoá có thể tiến bộ, là một trong những phương pháp căn bản của tiến hoá.

A TREATISE ON COSMIC FIRE, PAGE 569.

a. Định luật Phân Rã là một phương diện của Định luật Cái Chết. Đây là định luật chi phối sự hủy diệt hình tướng để sự sống nội tại có thể tỏa sáng trọn vẹn....Định luật này phá vỡ các hình tướng và Định luật Hấp Dẫn kéo vật chất của các hình tướng ấy trở về các nguồn nguyên sơ.

PAGE 580.

[414]

b. Định luật Cái Chết kiểm soát trong ba cõi giới.

PAGE 596.

c. Định luật Hi Sinh là Định luật Cái Chết trong các thể vi tế, trong khi điều mà chúng

c. The Law of Sacrifice is the Law of Death in the subtle bodies, whilst what we call death is the analogous thing in the physical body.

ta gọi là cái chết là điều tương tự trong thể xác.

PAGE 596.

PAGE 596.

d. The Law of Death and Sacrifice governs the gradual disintegration of concrete forms and their sacrifice to the evolving life....

d. Định luật Cái Chết và Hi Sinh chi phối sự tan rã dần dần của các hình tướng cụ thể và sự hi sinh của chúng cho sự sống đang tiến hoá....

PAGE 596.

PAGE 596.

e. When all the units or cells in the body of the planetary Logos have achieved, He too is set free from dense manifestation and physically dies.

e. Khi tất cả các đơn vị hay tế bào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế đã đạt được, chính Ngài cũng được giải thoát khỏi biểu hiện đậm đặc và chết về mặt hồng trần.

PAGE 509.

PAGE 509.

The process of DEATH is occultly as follows:

Tiến trình của CÁI CHẾT theo huyền bí học như sau:

a. The first stage is the withdrawal of the life force in the etheric vehicle from the dense physical body and the consequent "falling into corruption" and becoming "scattered to the elements." Objective man fades out and is no more seen by the physical eye, though still in his etheric body. When etheric vision is developed, the thought of death will assume very different proportions. When a man can be seen functioning in his etheric physical body by a majority of the race, the dropping of the dense body will be considered just as a release.

a. Giai đoạn đầu tiên là sự rút mãnh lực sự sống trong vận cụ dĩ thái ra khỏi thể xác đậm đặc và hậu quả là "rơi vào hư hoại" và trở thành "phân tán vào các nguyên tố." Con người khách quan mờ dần đi và không còn được mắt hồng trần nhìn thấy nữa, dù vẫn còn trong thể hồng trần dĩ thái của mình. Khi linh thị dĩ thái được phát triển, ý niệm về cái chết sẽ mang những tỷ lệ rất khác. Khi một con người có thể được phần lớn nhân loại nhìn thấy đang hoạt động trong thể hồng trần dĩ thái của mình, thì việc bỏ thể đậm đặc sẽ chỉ được xem như một sự giải thoát.

b. The second stage is the withdrawal of the life force from the etheric body, and its devitalisation....

b. Giai đoạn thứ hai là sự rút mãnh lực sự sống ra khỏi thể dĩ thái, và sự mất sinh lực của nó....

c. The third stage is the withdrawal of the life force from the astral or emotional form so that it disintegrates in a similar manner and the life is centralised elsewhere. It has gained an increase of vitality [415] through physical plane existence and added colour through emotional experience.

c. Giai đoạn thứ ba là sự rút mãnh lực sự sống ra khỏi hình tướng cảm dục hay cảm xúc để nó tan rã theo cách tương tự và sự sống được tập trung ở nơi khác. Nó đã đạt được một sự gia tăng sinh lực [415] qua sự tồn tại trên cõi hồng trần và thêm màu sắc qua kinh nghiệm cảm xúc.

d. The final stage for the human being is its withdrawal from the mental vehicle. The life forces after this fourfold abstraction are centralised entirely in the soul....

d. Giai đoạn cuối cùng đối với con người là sự rút ra khỏi vận cụ trí tuệ. Sau sự rút ra tứ phân này, các mãnh lực sự sống được tập trung hoàn toàn trong linh hồn....

PAGES 735-7.

PAGES 735-7.

The Law of Attraction breaks up the forms and draws back to primal sources the material of those forms, prior to rebuilding them anew. On the path of evolution the effects of this law are well-known, not only in the destruction of discarded vehicles, but in the breaking up of the forms in which great ideals are embodied....All eventually break under the working of this law.

Định luật Hấp Dẫn phá vỡ các hình tướng và kéo vật chất của các hình tướng ấy trở về các nguồn nguyên sơ, trước khi xây dựng lại chúng một lần nữa. Trên con đường tiến hoá, các tác động của định luật này đã được biết rõ, không chỉ trong sự hủy diệt các vận cụ bị loại bỏ, mà còn trong sự phá vỡ các hình tướng mà trong đó những lý tưởng lớn lao được thể hiện....Tất cả cuối cùng đều tan vỡ dưới tác động của định luật này.

Its workings are more apparent to the average human mind in its manifestations at this time on the physical plane. We can trace the connection between the atmic (spiritual) and the physical plane—demonstrating on the lower plane as the Law of Sacrifice and Death—but its effect can be seen on all five planes as well. It is the law which destroys the final sheath that separates the perfected soul.

Đối với trí tuệ trung bình của con người, hoạt động của nó hiện nay trên cõi hồng trần là rõ ràng hơn cả. Chúng ta có thể truy nguyên mối liên hệ giữa cõi atma (tinh thần) và cõi hồng trần—biểu lộ trên cõi thấp như Định luật Hi Sinh và Cái Chết—nhưng tác động của nó cũng có thể được thấy trên cả năm cõi. Đây là định luật hủy diệt lớp vỏ cuối cùng ngăn cách linh hồn đã hoàn thiện.

PAGE 581.

PAGE 581.

When the “will to live” vanishes, then the “Sons of Necessity” cease from objective manifestation....When the Thinker on his own plane withdraws his attention from his

Khi “ý chí sống” biến mất, thì “Các Con của Tất Yếu” chấm dứt biểu hiện khách quan....Khi Đấng Tư Tưởng trên cõi riêng của mình rút sự chú ý của mình khỏi hệ

little system within the three worlds and gathers within himself all his forces, then physical plane existence comes to an end and all returns within the causal consciousness....This demonstrates on the physical plane in the withdrawing from out of the top of the head of the radiant etheric body and the consequent disintegration of the [416] physical. The framework goes and the dense physical form falls apart.

thống nhỏ bé của y trong ba cõi giới và thu tất cả các mãnh lực của mình vào bên trong chính mình, thì sự tồn tại trên cõi hồng trần chấm dứt và mọi sự trở về trong tâm thức nguyên nhân....Điều này biểu hiện trên cõi hồng trần bằng việc rút thể dĩ thái rạng ngời ra khỏi đỉnh đầu và hậu quả là sự tan rã của [416] phần hồng trần. Bộ khung biến mất và hình tướng hồng trần đậm đặc tan rã.

PAGE 85.

PAGE 85.

a. The etheric body is in reality a network of fine channels which are the component parts of one interlacing fine cord—one portion of this cord being the magnetic link which unites the physical and the astral bodies and which is snapped or broken after the withdrawal of the etheric body from the dense physical body at the time of death. (See Ecc: XII.6.)

a. Thể dĩ thái thực ra là một mạng lưới các kênh tinh tế, là những thành phần cấu tạo của một sợi dây tinh tế đan xen duy nhất—một phần của sợi dây này là mối liên kết từ tính hợp nhất thể xác và thể cảm dục, và bị bẻ gãy hay đứt sau khi thể dĩ thái được rút ra khỏi thể xác đậm đặc vào lúc chết. (Xem Ecc: XII.6.)

PAGE 98.

PAGE 98.

b. Later “definite methods of demonstrating the fact that life persists after the death of the physical body will be followed and the etheric web will be recognised as a factor in the case.”

b. Về sau “những phương pháp xác định để chứng minh thực tại rằng sự sống vẫn tiếp diễn sau cái chết của thể xác sẽ được theo đuổi và màng lưới dĩ thái sẽ được công nhận như một yếu tố trong trường hợp này.”

PAGE 429.

PAGE 429.

Death is “initiation, or the entering into a state of liberation.”

Cái chết là “điểm đạo, hay sự đi vào một trạng thái giải thoát.”

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. I, PAGE 197.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. I, PAGE 197.

Death and the Etheric Body.

Cái Chết và Thể Dĩ Thái.

It is not our purpose to give facts for verification by science, or even to point the

Mục đích của chúng ta không phải là đưa ra những dữ kiện để khoa học kiểm chứng, hay

way to the next step onward for scientific investigators; that we may do so is but incidental and purely secondary. What we seek mainly is to give indications of the development and correspondence of the threefold whole that makes the solar system what it is—the vehicle through which a great cosmic ENTITY, the solar Logos, manifests active intelligence with the purpose in view of demonstrating perfectly the love side of His nature. Back of this design lies a yet more esoteric and ulterior purpose, hid in the Will Consciousness of the [417] Supreme Being, which perforce will be later demonstrated when the present objective is attained. The dual alternation of objective manifestation and of subjective obscuration, the periodic out-breathing, followed by the in-breathing of all that has been carried forward through evolution, embodies in the system one of the basic cosmic vibrations, and the keynote of that cosmic ENTITY whose body we are. The heart beats of the Logos (if it might be so inadequately expressed) are the source of all cyclic evolution, and hence the importance attached to that aspect of development called the "heart" or "love aspect," and the interest that is awakened by the study of rhythm. This is true, not only cosmically and macrocosmically, but likewise in the study of the human unit. Underlying all the physical sense attached to rhythm, vibration, cycles and heart-beat, lie their subjective analogies—love, feeling, emotion, desire, harmony, synthesis and ordered sequence—and back of these analogies lies the source of all, the identity of that Supreme Being Who thus expresses Himself.

thậm chí chỉ ra bước kế tiếp cho các nhà nghiên cứu khoa học; nếu chúng ta có làm như vậy thì đó cũng chỉ là điều phụ và hoàn toàn thứ yếu. Điều chúng ta chủ yếu tìm cách làm là đưa ra những chỉ dẫn về sự phát triển và sự tương ứng của toàn thể tam phân làm cho hệ mặt trời là chính nó—vận cụ mà qua đó một THỰC THỂ vũ trụ vĩ đại, Thái dương Thượng đế, biểu hiện trí tuệ linh hoạt với mục đích nhằm biểu lộ một cách hoàn hảo phương diện bác ái của bản chất của Ngài. Đằng sau thiết kế này còn có một mục đích huyền bí hơn và sâu xa hơn nữa, ẩn giấu trong Tâm thức Ý Chí của [417] Hữu Thể Tối Cao, điều tất yếu sẽ được biểu lộ về sau khi mục tiêu hiện tại được đạt tới. Sự luân phiên nhị nguyên của biểu hiện khách quan và sự che khuất chủ quan, sự thở ra theo chu kỳ tiếp nối bởi sự hít vào của tất cả những gì đã được mang tiến lên qua tiến hoá, thể hiện trong hệ thống một trong những rung động vũ trụ căn bản, và là chủ âm của THỰC THỂ vũ trụ mà thân thể của Ngài chính là chúng ta. Nhịp đập của tim Thượng đế (nếu có thể diễn đạt một cách không đầy đủ như vậy) là nguồn của mọi tiến hoá theo chu kỳ, và do đó tầm quan trọng được gán cho phương diện phát triển được gọi là "trái tim" hay "phương diện bác ái," cùng sự quan tâm được khơi dậy bởi việc nghiên cứu nhịp điệu. Điều này đúng không chỉ về mặt vũ trụ và đại thiên địa, mà cũng đúng trong việc nghiên cứu đơn vị nhân loại. Nằm bên dưới mọi ý nghĩa hồng trần gắn với nhịp điệu, rung động, chu kỳ và nhịp tim là những tương đồng chủ quan của chúng—bác ái, cảm giác, cảm xúc, dục vọng, hài hòa, tổng hợp và trình tự có trật tự—và đằng sau những tương đồng này là nguồn gốc của tất cả, tức bản sắc của Hữu Thể Tối Cao ấy, Đấng tự biểu lộ như vậy.

Therefore the study of pralaya, or the withdrawal of the life from out of the etheric vehicle, will be the same whether one

Vì thế, việc nghiên cứu pralaya, hay sự rút sự sống ra khỏi vận cụ dĩ thái, sẽ là như nhau dù người ta nghiên cứu sự rút bản sao dĩ thái

studies the withdrawal of the human etheric double, the withdrawal of the planetary etheric double, or the withdrawal of the etheric double of the solar system. The effect is the same and the consequences similar.

của con người, sự rút bản sao dĩ thái của hành tinh, hay sự rút bản sao dĩ thái của hệ mặt trời. Hiệu quả là như nhau và hậu quả thì tương tự.

What is the result of this withdrawal, or rather, what causes that something which we call death or pralaya? As we are strictly pursuing the text book style in this treatise, we will continue our method of tabulation. The withdrawal of the etheric double of a man, a planet, and a system is brought about by the following causes:

Kết quả của sự rút này là gì, hay đúng hơn, điều gì gây ra cái mà chúng ta gọi là cái chết hay pralaya? Vì chúng ta đang nghiêm ngặt theo đuổi lối văn giáo khoa trong bộ luận này, nên chúng ta sẽ tiếp tục phương pháp liệt kê của mình. Sự rút bản sao dĩ thái của một con người, một hành tinh và một hệ thống được gây ra bởi các nguyên nhân sau:

a. The cessation of desire. This should be the result of all evolutionary process. True death, under the law, is [418] brought about by the attainment of the objective, and hence by the cessation of aspiration. This, as the perfected cycle draws to its close, will be true of the individual human being, of the Heavenly Man, and of the Logos Himself.

a. *Sự chấm dứt dục vọng.* Đây phải là kết quả của toàn bộ tiến trình tiến hoá. Cái chết chân chính, theo định luật, là [418] do sự đạt được mục tiêu, và do đó do sự chấm dứt khát vọng. Điều này, khi chu kỳ hoàn thiện dần đi đến chỗ kết thúc, sẽ đúng đối với cá nhân con người, đối với Đấng Thiên Nhân, và đối với chính Thượng đế.

b. By the slowing down and gradual cessation of the cyclic rhythm, the adequate vibration is achieved and the work accomplished. When the vibration or note is perfectly felt or sounded, it causes (at the point of synthesis with other vibrations) the utter shattering of the forms.

b. Do sự chậm lại và chấm dứt dần dần của nhịp điệu chu kỳ, *rung động thích đáng được đạt tới* và công việc được hoàn thành. Khi rung động hay âm điệu được cảm nhận hay được xướng một cách hoàn hảo, nó gây ra (tại điểm tổng hợp với các rung động khác) sự phá vỡ hoàn toàn các hình tướng.

Motion is characterised, as we know, by three qualities:

Như chúng ta biết, chuyển động được đặc trưng bởi ba phẩm tính:

1. Inertia

1. Quán tính

2. Mobility

2. Tính động

3. Rhythm

3. Nhịp điệu

These three are experienced in just the above sequence and presuppose a period of slow

Ba phẩm tính này được kinh nghiệm đúng theo trình tự trên và giả định trước một giai

activity, succeeded by one of extreme movement. This middle period produces incidentally (as the true note and rate are sought) cycles of chaos, of experiment, of experience and of comprehension. Following on these two degrees of motion (which are characteristic of the atom, Man, of the Heavenly Man or group, and of the Logos or the Totality) comes a period of rhythm and stabilisation wherein the point of balance is achieved. By the force of balancing the pairs of opposites, and thus producing equilibrium, pralaya is the inevitable sequence.

đoạn hoạt động chậm, tiếp theo là một giai đoạn chuyển động cực độ. Giai đoạn giữa này đồng thời tạo ra (khi âm điệu và tốc độ chân chính được tìm kiếm) các chu kỳ hỗn loạn, thử nghiệm, kinh nghiệm và thấu hiểu. Tiếp theo hai cấp độ chuyển động này (là đặc trưng của nguyên tử, của Con Người, của Đấng Thiên Nhân hay nhóm, và của Thượng đế hay Toàn Thể) là một giai đoạn nhịp điệu và ổn định trong đó điểm quân bình được đạt tới. Bằng mãnh lực quân bình các cặp đối đãi, và do đó tạo ra trạng thái cân bằng, pralaya là chuỗi tiếp nối tất yếu.

c. By the severing of the physical from the subtler body on the inner planes, through the shattering of the web. This has a threefold effect:

c. *Do sự cắt đứt phần hồng trần khỏi thể vi tế hơn* trên các cõi bên trong, thông qua sự phá vỡ màng lưới. Điều này có tác động tam phân:

First. The life that had animated the physical form (both dense and etheric) and which had its starting point in the permanent atom, and from thence "pervaded the moving and the unmoving" (in God, the Heavenly Man, and the human being, as well as in the atom of matter), is [419] withdrawn entirely within the atom upon the plane of abstraction. This "plane of abstraction" is a different one for the entities involved:

Thứ nhất. Sự sống đã làm sinh động hình tướng hồng trần (cả đậm đặc lẫn dĩ thái) và có điểm khởi đầu trong nguyên tử trường tồn, rồi từ đó "thấm khắp cái động và cái bất động" (trong Thượng đế, Đấng Thiên Nhân, và con người, cũng như trong nguyên tử vật chất), được [419] rút hoàn toàn vào trong nguyên tử trên cõi trừu xuất. "Cõi trừu xuất" này là khác nhau đối với các thực thể liên quan:

a. For the physical permanent atom, it is the atomic level.

a. Đối với nguyên tử trường tồn hồng trần, đó là cấp độ nguyên tử.

b. For man, it is the causal vehicle.

b. Đối với con người, đó là vận cụ nguyên nhân.

c. For the Heavenly Man, it is the second plane of monadic life, His habitat.

c. Đối với Đấng Thiên Nhân, đó là cõi thứ hai của sự sống chân thần, nơi cư ngụ của Ngài.

d. For the Logos, it is the plane of Adi.

d. Đối với Thượng đế, đó là cõi Adi.

All these mark the points for the disappearance of the unit into pralaya. We need here to remember that it is always pralaya when viewed from below. From the higher vision, that sees the subtler continuously overshadowing the dense when not in objective manifestation, pralaya is simply subjectivity, and is not that "which is not," but simply that which is esoteric.

Tất cả những điều này đánh dấu các điểm mà tại đó đơn vị biến mất vào pralaya. Ở đây chúng ta cần nhớ rằng đó luôn luôn là pralaya khi được nhìn từ *bên dưới*. Từ linh thị cao hơn, vốn thấy cái vi tế liên tục phủ bóng cái đậm đặc khi không ở trong biểu hiện khách quan, thì pralaya chỉ đơn giản là tính chủ quan, và không phải là "cái không hiện hữu," mà chỉ đơn giản là cái huyền bí.

Second. The etheric double of a man, a planetary Logos, and a solar Logos, being shattered, becomes nonpolarised as regards its indweller, and permits therefore of escape. It is (to word it otherwise) no longer a source of attraction, nor a factual magnetic point. It becomes nonmagnetic, and the great Law of Attraction ceases to control it; hence disintegration is the ensuing condition of the form. The Ego ceases to be attracted by its form on the physical plane, and proceeding to inbreathe, withdraws its life from out of the sheath. The cycle draws to a close, the experiment has been made, the objective (a relative one from life to life and from incarnation to incarnation) has been achieved, and. there remains nothing more to desire: the Ego, or the thinking entity, loses interest, therefore, in form, and turns his attention inward. His polarisation changes, and the physical is eventually dropped.

Thứ hai. Bản sao dĩ thái của một con người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế, khi bị phá vỡ, trở nên không còn phân cực đối với đấng nội tại của nó, và do đó cho phép sự thoát ra. Nói cách khác, nó không còn là một nguồn hấp dẫn, cũng không còn là một điểm từ tính thực sự. Nó trở nên phi từ tính, và Định luật Hấp Dẫn vĩ đại không còn kiểm soát nó nữa; do đó sự tan rã là tình trạng tiếp theo của hình tướng. Chân ngã không còn bị hấp dẫn bởi hình tướng của nó trên cõi hồng trần nữa, và khi tiến hành hít vào, nó rút sự sống của mình ra khỏi lớp vỏ. Chu kỳ đi đến chỗ kết thúc, cuộc thử nghiệm đã được thực hiện, mục tiêu (một mục tiêu tương đối từ đời này sang đời khác và từ kiếp này sang kiếp khác) đã đạt được, và không còn gì để ham muốn nữa: vì vậy Chân ngã, hay thực thể tư tưởng, mất hứng thú đối với hình tướng, và quay sự chú ý của y vào bên trong. Sự phân cực của y thay đổi, và phần hồng trần cuối cùng bị bỏ lại.

[420]

[420]

The planetary Logos likewise in His greater cycle (the synthesis or the aggregate of the tiny cycles of the cells of His body) pursues the same course; He ceases to be attracted downward or outward, and turns His gaze within; He gathers inward the aggregate of the smaller lives within His body, the planet, and severs connection. Outer attraction

Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy, trong chu kỳ lớn hơn của Ngài (sự tổng hợp hay tổng thể của các chu kỳ nhỏ bé của các tế bào trong thân thể của Ngài) đi theo cùng một tiến trình; Ngài không còn bị hấp dẫn xuống dưới hay ra ngoài nữa, mà quay ánh nhìn của Ngài vào bên trong; Ngài thu vào bên trong tổng thể các sự sống nhỏ hơn trong

ceases, and all gravitates towards the centre instead of scattering to the periphery of His body.

thân thể của Ngài, tức hành tinh, và cắt đứt liên hệ. Sự hấp dẫn bên ngoài chấm dứt, và mọi sự hướng về trung tâm thay vì phân tán ra chu vi thân thể của Ngài.

In the system the same process is followed by the solar Logos; from His high place of abstraction, He ceases to be attracted by His body of manifestation. He withdraws His interest and the pairs of opposites, the spirit and the matter of the vehicle, dissociate. With this dissociation the solar system, that "Son of Necessity," or of desire, ceases to be, and passes out of objective existence.

Trong hệ thống, Thái dương Thượng đế cũng theo cùng tiến trình ấy; từ nơi trừu xuất cao cả của Ngài, Ngài không còn bị hấp dẫn bởi thể biểu hiện của Ngài nữa. Ngài rút sự quan tâm của mình lại và các cặp đối đãi, tinh thần và vật chất của vận cụ, phân ly. Với sự phân ly này, hệ mặt trời, "Con của Tất Yếu" hay của dục vọng ấy, chấm dứt hiện hữu và ra khỏi sự tồn tại khách quan.

Third. This leads finally, to the scattering of the atoms of the etheric body into their primordial condition. The subjective life, the synthesis of will and love taking active form, is withdrawn. The partnership is dissolved. The form then breaks up; the magnetism that has held it in coherent shape is no longer present, and dissipation is complete. Matter persists, but the form no longer persists.

Thứ ba. Điều này cuối cùng dẫn đến sự phân tán các nguyên tử của thể dĩ thái về trạng thái nguyên sơ của chúng. Sự sống chủ quan, sự tổng hợp của ý chí và bác ái mang hình thức linh hoạt, được rút đi. Sự cộng tác bị giải thể. Khi ấy hình tướng tan vỡ; từ điện đã giữ nó trong hình dạng cố kết không còn hiện diện nữa, và sự làm tiêu tan hoàn tất. Vật chất vẫn tồn tại, nhưng hình tướng không còn tồn tại nữa.

The work of the second Logos ends, and the divine incarnation of the Son is concluded. But the faculty or inherent quality of matter also persists, and at the end of each period of manifestation, matter (though distributed again into its primal form) is active intelligent matter plus the gain of objectivity, and the increased radiatory and latent activity which it has gained through experience. Let us illustrate: The matter of the solar system, when undifferentiated, was active intelligent matter, and that is all that can be predicated of it. This active intelligent matter was matter qualified by an earlier experience, and coloured by an earlier [421] incarnation. Now this matter is in form, the solar system is not in pralaya but in objectivity—this objectivity having in

Công việc của Thượng đế thứ hai kết thúc, và sự lâm phàm thiêng liêng của Người Con được hoàn tất. Nhưng năng lực hay phẩm tính cố hữu của vật chất cũng vẫn tồn tại, và vào cuối mỗi thời kỳ biểu hiện, vật chất (dù lại được phân phối vào hình thức nguyên sơ của nó) là vật chất trí tuệ linh hoạt cộng thêm thành quả của tính khách quan, và hoạt động bức xạ cùng tiềm ẩn gia tăng mà nó đã đạt được qua kinh nghiệm. Hãy để chúng tôi minh họa: Vật chất của hệ mặt trời, khi chưa biến phân, là vật chất trí tuệ linh hoạt, và đó là tất cả những gì có thể được khẳng định về nó. Vật chất trí tuệ linh hoạt này là vật chất được định tính bởi một kinh nghiệm trước đó, và được nhuốm màu bởi một lần lâm phàm [421] trước đó. Giờ đây vật chất này đang ở trong hình tướng, hệ

view the addition of another quality to the logoic content, that of love and wisdom. Therefore, at the next solar pralaya, at the close of the one hundred years of Brahma, the matter of the solar system will be coloured by active intelligence and by active love. This means literally that the aggregate of solar atomic matter will eventually vibrate to another key than it did at the first dawn of manifestation.

mặt trời không ở trong pralaya mà ở trong tính khách quan—tính khách quan này nhằm mục đích thêm vào nội dung logoic một phẩm tính khác, đó là bác ái và minh triết. Vì vậy, ở kỳ thái dương pralaya kế tiếp, vào cuối một trăm năm của Brahma, vật chất của hệ mặt trời sẽ được nhuốm màu bởi trí tuệ linh hoạt và bởi bác ái linh hoạt. Điều này theo nghĩa đen có nghĩa là tổng thể vật chất nguyên tử thái dương cuối cùng sẽ rung động theo một chủ âm khác với chủ âm của nó vào buổi bình minh đầu tiên của biểu hiện.

We can work this out in connection with the planetary Logos and the human unit, for the analogy holds good. We have a correspondence on a tiny scale in the fact that each human life period sees a man taking a more evolved physical body of a greater responsiveness, tuned to a higher key, of more adequate refinement, and vibrating to a different measure. In these three thoughts lies much information, if they are carefully studied and logically extended.

Chúng ta có thể triển khai điều này trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế và đơn vị nhân loại, vì sự tương đồng là xác đáng. Chúng ta có một sự tương ứng ở quy mô nhỏ trong thực tế rằng mỗi giai đoạn đời sống nhân loại đều cho thấy một con người đảm nhận một thể xác tiến hoá hơn, có khả năng đáp ứng lớn hơn, được điều chỉnh theo một chủ âm cao hơn, có sự tinh luyện thích đáng hơn, và rung động theo một nhịp độ khác. Trong ba ý tưởng này có rất nhiều thông tin, nếu chúng được nghiên cứu cẩn thận và được mở rộng một cách hợp lý.

d. By the transmutation of the violet into the blue. This we cannot enlarge on. We simply make the statement, and leave its working out to those students whose karma permits and whose intuition suffices.

d. *Do sự chuyển hoá màu tím thành màu lam.* Chúng tôi không thể nói rộng thêm về điều này. Chúng tôi chỉ nêu ra mệnh đề ấy, và để việc triển khai nó cho những đạo sinh mà nghiệp quả cho phép và trực giác đầy đủ.

e. By the withdrawal of the life, the form should gradually dissipate. The reflex action here is interesting to note, for the greater Builders and Devas who are the active agents during manifestation, and who hold the form in coherent shape, transmuting, applying and circulating the pranic emanations, likewise lose their attraction to the matter of the form, and turn their attention elsewhere. On the path of out-

e. *Do sự rút sự sống, hình tướng sẽ dần dần tiêu tan.* Phản ứng ngược ở đây đáng chú ý, vì các đấng kiến tạo lớn hơn và các thiên thần là những tác nhân linh hoạt trong thời kỳ biểu hiện, và là những vị giữ hình tướng trong hình dạng cố kết, chuyển hoá, áp dụng và lưu chuyển các phát xạ prana, cũng mất đi sự hấp dẫn đối với vật chất của hình tướng và quay sự chú ý của mình sang nơi khác. Trên con đường thở ra (dù là của con người,

breathing (whether human, planetary or logoic) these building devas (on the same Ray as the unit desiring manifestation, or on a complementary Ray) are attracted by his will and desire, and perform their office of construction. On the path of in-breathing (whether human, planetary [422] or logoic) they are no longer attracted, and the form begins to dissipate. They withdraw their interest, and the forces (likewise entities) who are the agents of destruction. carry on their necessary work of breaking up the form; they scatter it—as it is occultly expressed—to "the four winds of Heaven," or to the regions of the four breaths—a fourfold separation and distribution. A hint is here given for careful consideration.

hành tinh hay logoic), các thiên thần kiến tạo này (ở cùng cung với đơn vị ham muốn biểu hiện, hay ở một cung bổ sung) bị hấp dẫn bởi ý chí và dục vọng của y, và thực hiện chức năng kiến tạo của mình. Trên con đường hít vào (dù là của con người, hành tinh [422] hay logoic), họ không còn bị hấp dẫn nữa, và hình tướng bắt đầu tiêu tan. Họ rút sự quan tâm của mình lại, và các mãnh lực (cũng là những thực thể) là tác nhân của sự hủy diệt tiếp tục công việc cần thiết của họ là phá vỡ hình tướng; họ phân tán nó—như được diễn đạt theo huyền bí học—vào "bốn ngọn gió của Thiên Đàng," hay vào các vùng của bốn hơi thở—một sự phân ly và phân phối tứ phân. Ở đây có một gợi ý để suy xét cẩn thận.

Though no pictures have been drawn of death bed scenes nor of the dramatic escape of the palpitating etheric body from the centre in the head, as might have been anticipated, yet some of the rules and purposes governing this withdrawal have been mentioned. We have seen how the aim of each life (whether human, planetary or logoic) should be the effecting and the carrying out of a definite purpose. This purpose is the development of a more adequate form for the use of spirit; and when this purpose is achieved, then the indweller turns his attention away, and the form disintegrates, having served his need. This is not always the case in every human life, nor even in each planetary cycle. The mystery of the moon is the mystery of failure. This leads, when comprehended, to a life of dignity and offers an aim worthy of our best endeavour. When this angle of truth is universally recognised, as it will be when the intelligence of the race suffices, then evolution will proceed with certainty, and the failures be less numerous.

Dù không có bức tranh nào được vẽ ra về cảnh bên giường chết hay về sự thoát ra đầy kịch tính của thể dĩ thái đang rung động từ trung tâm ở đầu, như có thể đã được chờ đợi, tuy nhiên một số quy luật và mục đích chi phối sự rút lui này đã được đề cập. Chúng ta đã thấy mục tiêu của mỗi sự sống (dù là của con người, hành tinh hay logoic) phải là việc tạo ra và thực hiện một mục đích xác định. Mục đích này là sự phát triển một hình tướng thích đáng hơn cho việc sử dụng của tinh thần; và khi mục đích này đạt được, thì đấng nội tại quay sự chú ý của mình đi nơi khác, và hình tướng tan rã, vì đã phục vụ nhu cầu của y. Điều này không phải lúc nào cũng đúng trong mọi đời sống con người, và ngay cả trong mỗi chu kỳ hành tinh cũng không phải lúc nào cũng đúng. Bí nhiệm của mặt trăng là bí nhiệm của sự thất bại. Khi được thấu hiểu, điều này dẫn đến một đời sống có phẩm giá và đưa ra một mục tiêu xứng đáng với nỗ lực tốt nhất của chúng ta. Khi góc độ chân lý này được nhìn nhận một cách phổ quát, như chắc chắn sẽ xảy ra khi trí tuệ của nhân loại đã đủ, thì tiến hoá sẽ

tiến hành một cách chắc chắn, và những thất bại sẽ ít đi.

A TREATISE ON COSMIC FIRE, PAGES 128-133.

A TREATISE ON COSMIC FIRE, PAGES 128-133.

All severing of links produces severe reactions. Yet if you could but realise it, the severing of the outer physical plane links is the least severe and the most impermanent of all such events. Death itself is a part of the great illusion and only exists because of the veils which we have gathered around ourselves. All of us, as workers in the field of [423] glamour (the new field in which humanity must learn consciously to work), have been honoured and trusted. Death comes to all, but for disciples there should be none of the usual glamour and distress. I would say to you, look not back at the past. In that direction lie glamour and distress. It is the usual direction and the line of least resistance for the majority. But such is not the way for you. Look not either to revelation or to the imparted illusory comfort of those who hover on the dividing line between the seen and the unseen. Again, that is not the way for you. You are not a distressed and bereaved disciple looking anxiously at the separating veil and hoping for some sign to come through which will convince you that all is well....

Mọi sự cắt đứt liên kết đều tạo ra những phản ứng dữ dội. Tuy nhiên, nếu bạn có thể chứng nghiệm điều đó, thì sự cắt đứt các liên kết bên ngoài trên cõi hồng trần là ít dữ dội nhất và ít lâu bền nhất trong mọi biến cố như vậy. Bản thân cái chết là một phần của đại ảo tưởng và chỉ tồn tại vì những bức màn mà chúng ta đã gom lại quanh mình. Tất cả chúng ta, với tư cách là những người hoạt động trong lĩnh vực của [423] ảo cảm (lĩnh vực mới mà trong đó nhân loại phải học cách hoạt động *một cách hữu thức*), đã được vinh dự và tín nhiệm. Cái chết đến với tất cả mọi người, nhưng đối với các đệ tử thì không nên có ảo cảm và đau khổ thường thấy. Tôi muốn nói với bạn rằng, đừng nhìn lại quá khứ. Theo hướng đó là ảo cảm và đau khổ. Đó là hướng thông thường và là con đường ít trở ngại nhất đối với đa số. Nhưng đó không phải là con đường dành cho bạn. Cũng đừng hướng tới sự mặc khải hay sự an ủi ảo tưởng được truyền đạt bởi những người lơ lửng trên ranh giới phân chia giữa cái thấy được và cái không thấy được. Một lần nữa, đó không phải là con đường dành cho bạn. Bạn không phải là một đệ tử đau khổ và tang tóc đang lo âu nhìn vào bức màn ngăn cách và hy vọng có một dấu hiệu nào đó xuyên qua để thuyết phục bạn rằng mọi sự đều ổn....

Reach up to the heights of the soul, and having sought and found that pinnacle of peace and that altitude of joy whereon your soul immovably stands, then look into the world of living men—a threefold world in which all men—incarnate and discarnate—are to be found. Find there that which your soul can and will recognize. The glamours of one's own distress, the maya of the past,

Hãy vươn lên những đỉnh cao của linh hồn, và sau khi đã tìm kiếm và tìm thấy đỉnh cao của bình an ấy cùng độ cao của hoan hỉ nơi linh hồn bạn đứng bất lay chuyển, thì hãy nhìn vào thế giới của những con người *đang sống*—một thế giới tam phân trong đó mọi người—đang lâm phàm và đã lìa xác—đều được tìm thấy. Ở đó hãy tìm điều mà linh hồn bạn có thể và sẽ nhận ra. Những ảo cảm

distort ever one's point of view. Only the soul stands clear from illusion, and only the soul sees things as they are. Mount, therefore, to the soul.

DISCIPLESHIP IN THE NEW AGE, VOL. I, PAGE 463.

của nỗi đau riêng, ảo lực của quá khứ, luôn làm méo mó quan điểm của con người. Chỉ linh hồn đứng ngoài ảo tưởng, và chỉ linh hồn thấy sự vật như chúng là. Vì vậy, hãy thăng lên linh hồn.

DISCIPLESHIP IN THE NEW AGE, VOL. I, PAGE 463.

CHAPTER V - The Process of Restitution — CHƯƠNG V - Tiến Trình Hoàn Nguyên

[424]

The theme of Death, which we are now considering, must be approached by us with as much of the spirit of normalcy and of scientific investigation as we can manage. The fear complex of humanity finds its point of entrance into man's consciousness through the act of dying; failure to survive is the basic fear; and yet it is the commonest phenomenon upon the planet. Bear that in mind. The act of dying is the great universal ritual which governs our entire planetary life, but only in the human family and faintly, very faintly, in the animal kingdom is the reaction to fear found. Could you but see the etheric world as Those on the inner side of life experience and see it, you would see (going on ceaselessly and without any pause) the great planetary act of restitution. You would see a great activity proceeding within the etheric world in which the anima mundi, the animal soul and the human soul are constantly restoring the substance of all physical forms to the great reservoir of essential substance. This essential substance is as much a vital, directed unity as the world soul of which one hears so much. This interplay of the principle of death with the principle of life produces the basic activity of creation. The impulsive, directive force is the mind of God, of the planetary Logos, as He pursues His divine purposes, carrying [425] with Him in this process all the media through which He manifests.

[424]

Chủ đề về Cái Chết mà hiện nay chúng ta đang xem xét phải được chúng ta tiếp cận với càng nhiều tinh thần bình thường và khảo cứu khoa học càng tốt. Phức cảm sợ hãi của nhân loại tìm được điểm xâm nhập vào tâm thức con người qua hành vi chết; không sống sót được là nỗi sợ căn bản; thế nhưng đó lại là hiện tượng phổ biến nhất trên hành tinh. Hãy ghi nhớ điều đó. Hành vi chết là nghi lễ phổ quát vĩ đại chi phối toàn bộ sự sống hành tinh của chúng ta, nhưng chỉ trong gia đình nhân loại và một cách mờ nhạt, rất mờ nhạt, trong giới động vật thì phản ứng sợ hãi mới được tìm thấy. Nếu các bạn có thể thấy được thế giới dĩ thái như Các Ngài ở mặt nội tại của sự sống kinh nghiệm và nhìn thấy nó, các bạn sẽ thấy (diễn ra không ngừng nghỉ và không hề gián đoạn) hành vi hoàn nguyên vĩ đại của hành tinh. Các bạn sẽ thấy một hoạt động lớn lao đang diễn tiến trong thế giới dĩ thái, trong đó anima mundi, hồn động vật và linh hồn con người không ngừng hoàn trả chất liệu của mọi hình tướng hồng trần về kho chứa lớn của chất liệu căn bản. Chất liệu căn bản này cũng là một hợp nhất sống động có định hướng chẳng kém gì đại hồn mà người ta thường nghe nói đến. Sự tương tác giữa nguyên khí của cái chết với nguyên khí của sự sống tạo ra hoạt động căn bản của sáng tạo. Mãnh lực thúc đẩy và chỉ đạo là Trí của Thượng đế, của Hành Tinh Thượng Đế, khi Ngài theo đuổi các mục đích thiêng liêng của Ngài, mang theo [425] cùng Ngài trong tiến trình này mọi phương tiện qua đó Ngài biểu hiện.

The human fear of death is primarily caused because the orientation of the kingdom of souls, the fifth kingdom in nature, has been (until relatively late in the world's cycle) towards form expression and towards the necessity of seeking experience through matter, in order eventually freely to control it. The percentage of the souls of those who are oriented away from expression in the three worlds is relatively so small, in proportion to the total number of souls demanding experience in the three worlds, that, until the cycle or era which we call the Christian, it might be stated that death reigned triumphant. Today, however, we are on the eve of seeing a complete change in this condition, owing to the fact that humanity—on a much larger scale than ever known before—is achieving a needed reorientation; the higher values and the life of the soul, as entered upon through the insistence of the mind in its higher and lower aspects, is beginning to control. This will perforce bring in a new attitude towards death; it will be regarded as a natural and desirable process, cyclically undergone. Men will eventually understand the significance of Christ's words when He said, "Render unto Caesar the things that are Caesar's and unto God the things that are God's." In the incident where those words occur He was referring to the great act of restitution which we call death. Ponder that story and see the symbolism of the soul, contained within the universal soul, as the fish within the water, and holding a coin of metal, the symbol of matter.

Nỗi sợ chết của con người chủ yếu phát sinh vì định hướng của giới các linh hồn, giới thứ năm trong thiên nhiên, đã từng (cho đến một thời kỳ tương đối muộn trong chu kỳ thế giới) hướng về sự biểu lộ qua hình tướng và về sự cần thiết phải tìm kiếm kinh nghiệm qua vật chất, để cuối cùng tự do kiểm soát nó. Tỷ lệ các linh hồn quay lưng khỏi sự biểu lộ trong ba cõi giới tương đối quá nhỏ so với tổng số các linh hồn đòi hỏi kinh nghiệm trong ba cõi giới, đến nỗi, cho tới chu kỳ hay kỷ nguyên mà chúng ta gọi là Cơ Đốc giáo, có thể nói rằng cái chết đã ngự trị khải hoàn. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta đang ở ngưỡng cửa chứng kiến một sự thay đổi hoàn toàn trong tình trạng này, do sự kiện là nhân loại—trên một quy mô lớn hơn nhiều so với bất cứ điều gì từng được biết trước đây—đang đạt tới một sự tái định hướng cần thiết; các giá trị cao hơn và đời sống của linh hồn, được bước vào nhờ sự khẳng định của trí tuệ trong các phương diện cao và thấp của nó, đang bắt đầu kiểm soát. Điều này tất yếu sẽ đem lại một thái độ mới đối với cái chết; nó sẽ được xem như một tiến trình tự nhiên và đáng mong muốn, được trải qua theo chu kỳ. Cuối cùng con người sẽ hiểu được ý nghĩa lời của Đức Christ khi Ngài nói: "Hãy trả cho Caesar những gì thuộc về Caesar và trả cho Thượng đế những gì thuộc về Thượng đế." Trong sự việc mà những lời ấy xuất hiện, Ngài đang nói đến hành vi hoàn nguyên vĩ đại mà chúng ta gọi là cái chết. Hãy suy ngẫm câu chuyện ấy và thấy biểu tượng của linh hồn, được chứa trong đại hồn, như con cá trong nước, và giữ một đồng tiền kim loại, biểu tượng của vật chất.

In one of the ancient writings the following symbolic words occur—

Trong một bản văn cổ có những lời biểu tượng sau đây—

Said the Father to the son: Go forth and take unto thyself that which is not thyself, and

Người Cha nói với người con: Hãy đi ra và nhận lấy cho mình cái không phải là con, và

that which [426] is not thine own, but which is Mine. Regard it as thine own and seek the cause of its appearance. Let it appear to be thyself. Discover thus the world of glamour, the world of deep illusion, the world of falsity. Then learn that thou hast taken that which is not the goal of soul endeavour.

cái mà [426] không phải của con, nhưng là của Ta. Hãy xem nó như của con và tìm nguyên nhân của sự xuất hiện của nó. Hãy để nó dường như là chính con. Nhờ đó hãy khám phá thế giới của ảo cảm, thế giới của ảo tưởng sâu xa, thế giới của giả dối. Rồi hãy học rằng con đã lấy cái không phải là mục tiêu của nỗ lực linh hồn.

And when that moment comes in each cycle and appearance of deception and of theft, a voice will then be heard. Obey that voice. It is the voice of that within thyself which hears My voice—a voice unheard by those who love to thieve. The order will go forth again and yet again: "Make restitution of the stolen goods. Learn they are not for thee." At greater intervals will come that voice again: "Make restitution of the borrowed goods; pay back thy debt."

Và khi khoảnh khắc ấy đến trong mỗi chu kỳ và lần xuất hiện của sự lừa dối và trộm cắp, khi đó một tiếng nói sẽ được nghe thấy. Hãy tuân theo tiếng nói ấy. Đó là tiếng nói của cái ở bên trong con, cái nghe được tiếng nói của Ta—một tiếng nói không được nghe bởi những kẻ thích trộm cắp. Mệnh lệnh sẽ lại được ban ra, rồi lại nữa: "Hãy hoàn trả *những của cải bị đánh cắp.* Hãy học rằng chúng không dành cho con." Với những khoảng cách lớn hơn, tiếng nói ấy sẽ lại đến: "Hãy hoàn trả *những của cải vay mượn;* hãy trả món nợ của con."

And then, when all the lessons have been learnt, the voice once more will speak: "Restore with joy that which was Mine, was thine and now again is ours. Thou hast no longer need of form. Stand free."

Và rồi, khi mọi bài học đã được học xong, tiếng nói ấy một lần nữa sẽ cất lên: "Hãy vui vẻ hoàn trả cái vốn là của Ta, là của con và nay lại là của chúng ta. Con không còn cần hình tướng nữa. Hãy đứng tự do."

The implication of the above words is clear.

Hàm ý của những lời trên thật rõ ràng.

Two major thoughts will serve to clarify the issue of death with which we are now concerned: First, the great dualism ever present in manifestation. Each of the dualities has its own expression, is governed by its own laws, and seeks its own objectives. But—in time and space—they merge their interests for the benefit of both, and together produce the appearance of a unity. Spirit-matter, life-appearance, energy-force—each have their own emanating aspect; they each have a relation to each other; each have a mutual temporary objective, and thus

Hai tư tưởng lớn sẽ giúp làm sáng tỏ vấn đề về cái chết mà hiện nay chúng ta quan tâm: Thứ nhất, tính nhị nguyên lớn lao luôn hiện diện trong biểu hiện. Mỗi cặp nhị nguyên đều có biểu hiện riêng, được chi phối bởi các định luật riêng, và tìm kiếm các mục tiêu riêng. Nhưng—trong thời gian và không gian—chúng hòa nhập các lợi ích của mình vì lợi ích của cả hai, và cùng nhau tạo ra sắc tướng của một hợp nhất. Tinh thần-vật chất, sự sống-sắc tướng, năng lượng-mãnh lực—mỗi cặp đều có phương diện xuất lộ riêng; mỗi cặp đều có liên hệ với nhau; mỗi cặp đều

in unison produce the eternal flux, the cyclic ebb and flow of life in manifestation. [427] In this process of relationship between Father-Spirit and Mother-Matter the son comes into being, and during the child stage carries on his life processes within the aura of the mother, identified with her yet forever seeking to escape from her domination. As maturity is reached, the problem intensifies, and the "pull" of the Father begins slowly to offset the possessive attitude of the mother, until finally the hold of matter, or of the mother, over her son (the soul) is finally broken. The son, the Christ-child, released from the guardianship and clinging hands of the mother, comes to know the Father. I am talking to you in symbols.

có một mục tiêu tạm thời chung, và như thế trong sự hợp nhất tạo ra dòng chảy vĩnh cửu, sự lên xuống theo chu kỳ của sự sống trong biểu hiện. [427] Trong tiến trình liên hệ này giữa Cha-Tinh thần và Mẹ-Vật chất, người con đi vào hiện hữu, và trong giai đoạn thơ ấu tiến hành các tiến trình sự sống của mình trong hào quang của người mẹ, đồng hoá với bà nhưng mãi mãi tìm cách thoát khỏi sự thống trị của bà. Khi đạt tới trưởng thành, vấn đề trở nên gay gắt hơn, và "sức hút" của người Cha bắt đầu chậm rãi hóa giải thái độ chiếm hữu của người mẹ, cho đến cuối cùng sự nắm giữ của vật chất, hay của người mẹ, đối với con trai bà (linh hồn) rốt cuộc bị phá vỡ. Người con, Hài Nhi Christ, được giải thoát khỏi sự giám hộ và đôi tay bám víu của người mẹ, đi đến chỗ biết người Cha. Tôi đang nói với các bạn bằng biểu tượng.

Second: All the processes of incarnation, of life in form and of restitution (by the activity of the principle of death), of matter to matter, and soul to soul, are carried forward under the great universal Law of Attraction. Can you picture the time when the process of death, clearly recognised and welcomed by the man, could be described by him in the simple phrase, "The time has come when my soul's attractive force requires that I relinquish and restore my body to the place from whence it came"? Imagine the change in the human consciousness when death comes to be regarded as an act of simple and conscious relinquishing of form, temporarily taken for two specific objectives:

Thứ hai: Mọi tiến trình nhập thể, sự sống trong hình tướng và hoàn nguyên (nhờ hoạt động của nguyên khí cái chết), của vật chất về vật chất, và của linh hồn về linh hồn, đều được tiến hành dưới Định luật Hấp Dẫn phổ quát vĩ đại. Các bạn có thể hình dung thời điểm khi tiến trình chết, được con người nhận biết rõ ràng và hoan nghênh, có thể được chính y mô tả bằng cụm từ đơn giản: "Đã đến lúc mãnh lực hấp dẫn của linh hồn tôi đòi hỏi tôi phải từ bỏ và hoàn trả thể xác của tôi về nơi nó đã đến"? Hãy tưởng tượng sự thay đổi trong tâm thức con người khi cái chết được xem như một hành vi đơn giản và có ý thức của việc từ bỏ hình tướng, tạm thời được nhận lấy vì hai mục tiêu cụ thể:

a. To gain control in the three worlds.

a. Để giành quyền kiểm soát trong ba cõi giới.

b. To give opportunity to the substance of the forms thus "stolen or borrowed or rightly appropriated," according to the stage

b. Để tạo cơ hội cho chất liệu của các hình tướng như thế, "bị đánh cắp hay vay mượn hay được chiếm hữu một cách chính đáng,"

of evolution, to reach a higher point of perfection through the impact upon it of life, via the soul.

tùy theo giai đoạn tiến hoá, đạt tới một điểm hoàn thiện cao hơn nhờ tác động của sự sống lên nó, qua linh hồn.

These are significant thoughts. They have been expressed before, but have been discarded as symbolic, as comforting or as wishful thinking. I present them to you as factual in nature, as unavoidable in practice, and as familiar a technique [428] and process as those activities, (rhythmic and cyclic in nature) which govern the average man's life—rising and retiring, eating and drinking, and all the periodic affairs which he is accustomed to pursue.

Đó là những tư tưởng đầy ý nghĩa. Chúng đã từng được trình bày trước đây, nhưng đã bị gạt bỏ như biểu tượng, như sự an ủi hay như lối suy nghĩ cầu mong. Tôi trình bày chúng với các bạn như những sự kiện về bản chất, như điều không thể tránh trong thực hành, và như một kỹ thuật [428] và tiến trình quen thuộc chẳng khác gì những hoạt động (có tính nhịp điệu và chu kỳ) chi phối đời sống của con người trung bình—thức dậy và nghỉ ngơi, ăn và uống, và mọi công việc định kỳ mà y quen theo đuổi.

I dealt with the subject of death in A Treatise on White Magic, focussing therein primarily upon the physical processes of dying and doing so from the point of view of the onlooker or observer. I sought there to indicate what the attitude of the onlooker should be. Here I would like to present a somewhat different picture, indicating what is known by the departing soul. If this involves repetition of what you already know, there are however certain basic repetitions and statements I wish to make. Let me tabulate them with brevity. Will you regard them as foundational and factual.

Tôi đã bàn đến chủ đề cái chết trong *Luận về Chánh Thuật*, chủ yếu tập trung ở đó vào các tiến trình hồng trần của sự chết và làm như vậy từ quan điểm của người đứng nhìn hay người quan sát. Ở đó tôi đã tìm cách chỉ ra thái độ của người đứng nhìn nên như thế nào. Ở đây tôi muốn trình bày một bức tranh hơi khác, chỉ ra điều mà linh hồn đang ra đi biết được. Nếu điều này bao hàm sự lặp lại những gì các bạn đã biết, thì tuy vậy vẫn có một số sự lặp lại và phát biểu căn bản mà tôi muốn nêu ra. Hãy để tôi liệt kê chúng một cách ngắn gọn. Các bạn hãy xem chúng là nền tảng và là sự kiện.

1. The time for the departure of an incarnating soul has come. The soul has in the past:

1. Đã đến lúc một linh hồn đang nhập thể phải ra đi. Trong quá khứ linh hồn đã:

a. Appropriated a physical body of a certain calibre, adequate to the requirements and age of that soul.

a. Chiếm dụng một thể xác hồng trần có một phẩm cấp nhất định, thích hợp với các nhu cầu và tuổi đời của linh hồn ấy.

b. Energized that physical body through the medium of the etheric body, thus galvanising it into life activity for the

b. Tiếp năng lượng cho thể xác hồng trần ấy qua trung gian của thể dĩ thái, nhờ đó kích hoạt nó vào hoạt động sống trong suốt thời

duration of the soul's set term of physical enterprise.

hạn đã định của linh hồn cho công cuộc hoạt động hồng trần.

2. Two major streams of energy enter the physical body and produce its activity, its quality and type of expression, plus the impression it makes upon its environment.

2. Hai dòng năng lượng lớn đi vào thể xác hồng trần và tạo ra hoạt động của nó, phẩm tính và loại biểu lộ của nó, cộng thêm ấn tượng mà nó tạo ra trên môi trường xung quanh.

a. The stream of dynamic life. This is anchored in the heart. This stream of dynamic energy enters the body, via the head, and passes down to the heart, where it is focussed during the life cycle. A smaller stream of the universal energy or prana, distinctive from the individualised life force, enters the physical body, via the spleen. It then rises to the heart to [429] join the larger and more important life stream. The life stream energises and holds in coherency the integrated physical body. The stream of pranic energy vitalises the individual atoms and cells of which that body is composed.

a. *Dòng sự sống năng động*. Dòng này được neo trong tim. Dòng năng lượng năng động này đi vào thân thể, qua đầu, rồi đi xuống tim, nơi nó được tập trung trong suốt chu kỳ sống. Một dòng nhỏ hơn của năng lượng phổ quát hay prana, khác biệt với sinh lực biệt ngã hóa, đi vào thể xác hồng trần qua lá lách. Sau đó nó đi lên tim để [429] hợp với dòng sự sống lớn hơn và quan trọng hơn. Dòng sự sống tiếp năng lượng và giữ cho thể xác hồng trần tích hợp được cố kết. Dòng năng lượng prana tiếp sinh lực cho từng nguyên tử và tế bào cấu thành thể ấy.

b. The stream of individual consciousness. This is anchored in the head, is an aspect of the soul, reveals the type of consciousness which is, in its turn, indicative of the point attained in evolution. This stream of energy likewise functions in connection with a stream of personality force; and this force is characterised by desire (emotional or astral sentiency) and enters into the physical body, via the solar plexus centre. This relates the man to the entire astral plane, and therefore to the world of glamour. With undeveloped people and with the average type of man, the solar plexus is the focus of consciousness and the energy is registered by the focal point of consciousness in the head without any recognition whatsoever. It is for this reason that (at the time of death) the soul leaves the body, via the solar plexus and not via the head. In the case of the developed

b. *Dòng tâm thức cá nhân*. Dòng này được neo trong đầu, là một phương diện của linh hồn, và biểu lộ loại tâm thức, đến lượt nó cho thấy điểm đã đạt được trong tiến hoá. Dòng năng lượng này cũng hoạt động liên hệ với một dòng mãnh lực phàm ngã; và mãnh lực này được đặc trưng bởi dục vọng (cảm nhận cảm xúc hay cảm dục) và đi vào thể xác hồng trần qua trung tâm tùng thái dương. Điều này liên hệ con người với toàn bộ cõi cảm dục, và do đó với thế giới của ảo cảm. Với những người chưa phát triển và với kiểu người trung bình, tùng thái dương là tiêu điểm của tâm thức và năng lượng được ghi nhận bởi điểm tập trung của tâm thức trong đầu mà hoàn toàn không có sự nhận biết nào. Chính vì lý do này mà (vào lúc chết) linh hồn rời thể xác qua tùng thái dương chứ không qua đầu. Trong trường hợp của người đã phát triển, kiểu cá nhân trí tuệ, người chí nguyện,

man, the mental type of individual, the aspirant, disciple or initiate, the thread of consciousness will withdraw from the body via the head.

đệ tử hay điểm đạo đồ, sợi dây tâm thức sẽ rút khỏi thể xác qua đầu.

3. The group soul of all forms in the animal kingdom—under the Law of Attraction—withdraws the life principle from any specific physical form via the solar plexus, which is the brain of the average animal. Highly developed and domesticated animals are beginning to utilise the brain to a greater or to a less degree, but the life principle and the sentient aspect, or animal consciousness, is still withdrawn via the solar plexus. You have, [430] therefore, in all stages of the evolutionary process, certain interesting triangles of energy.

3. Hồn nhóm của mọi hình tướng trong giới động vật—dưới Định luật Hấp Dẫn—rút nguyên khí sự sống khỏi bất kỳ hình tướng hồng trần cụ thể nào qua tùng thái dương, vốn là bộ não của con vật trung bình. Những con vật phát triển cao và đã được thuần hóa đang bắt đầu sử dụng bộ não ở mức độ nhiều hay ít hơn, nhưng nguyên khí sự sống và phương diện cảm nhận, hay tâm thức động vật, vẫn được rút ra qua tùng thái dương. Vì vậy, [430] trong mọi giai đoạn của tiến trình tiến hoá, các bạn có một số tam giác năng lượng thú vị.

a. In the case of the animals and of those human beings who are little more than animals, of imbeciles and certain men who appear to be born with no centralised point of individual consciousness, the following triplicity is of importance:

a. Trong trường hợp các con vật và những con người hầu như không hơn động vật là bao, những người thiểu năng trí tuệ và một số người dường như sinh ra mà không có điểm tập trung tâm thức cá nhân, thì bộ ba sau đây là quan trọng:

The group soul

Hồn nhóm

The solar plexus

Tùng thái dương

The spleen or pranic centre.

Lá lách hay trung tâm prana.

b. In low grade, but nevertheless individualised human beings and with the average emotional type of person, the following triplicity must be noted:

b. Với những con người phẩm cấp thấp nhưng dù sao cũng đã biệt ngã hóa, và với kiểu người cảm xúc trung bình, cần lưu ý bộ ba sau đây:

The soul

Linh hồn

The head centre

Trung tâm đầu

The solar plexus.

Tùng thái dương.

c. For highly developed people and for those upon the Path of Discipleship you have the following triangle active at the time of death:

c. Với những người phát triển cao và những người trên Con Đường Đệ Tử, các bạn có tam giác sau đây hoạt động vào lúc chết:

The soul

Linh hồn

The head centre

Trung tâm đầu

The ajna centre.

Trung tâm ajna.

In connection with all these triplicities there exists a dual relationship to the life principle:

Liên hệ với tất cả các bộ ba này, có một mối liên hệ nhị phân với nguyên khí sự sống:

a. The heart in which is focussed the life of the soul in form.

a. Tim, nơi sự sống của linh hồn trong hình tướng được tập trung.

b. The spleen through which passes constantly and rhythmically the universal life essence or prana.

b. Lá lách, qua đó tinh chất sự sống phổ quát hay prana đi qua không ngừng và có nhịp điệu.

The whole subject is of course most obscure, and for those on strictly human levels, as yet unverifiable. However, an acceptance of the above three points, hypothetical today, [431] will help to clarify your minds concerning this entire theme of restitution with which we are occupied.

Toàn bộ chủ đề này dĩ nhiên rất mơ hồ, và đối với những người ở các cấp độ thuần túy nhân loại thì hiện vẫn chưa thể kiểm chứng. Tuy nhiên, việc chấp nhận ba điểm trên, hiện nay còn là giả thuyết, [431] sẽ giúp làm sáng tỏ trí tuệ của các bạn về toàn bộ chủ đề hoàn nguyên mà chúng ta đang bận tâm.

4. The next point needs no proving, for it is generally accepted. It is that desire governs the process of death, as it also governs the processes of life experience. We say constantly that when the will-to-live is lacking, death is the inevitable result. This will-to-live, whether it is the tenacity of the physical body, functioning as an elemental being or as the directed intention of the soul, is an aspect of desire, or rather, it is a reaction of the spiritual will upon the

4. Điểm tiếp theo không cần chứng minh, vì nó được chấp nhận rộng rãi. Đó là dục vọng chi phối tiến trình chết, cũng như nó chi phối các tiến trình kinh nghiệm sống. Chúng ta vẫn thường nói rằng khi thiếu ý chí sống, cái chết là kết quả không thể tránh khỏi. Ý chí sống này, dù là sự bám chặt của thể xác hồng trần, hoạt động như một hữu thể hành khí hay như ý định có định hướng của linh hồn, đều là một phương diện của dục vọng, hay đúng hơn, là một phản ứng của ý chí

physical plane. There is therefore an interlocking relation between:

a. The soul on its own plane.

b. The astral body.

c. The solar plexus centre.

This relationship has hitherto received little attention in connection with the Art of Dying. Nevertheless it warrants careful thought.

You will note that I am here dealing with the theme of death as it makes its presence felt through disease or through old age. I am not referring to death as it comes through war or accident, through murder or through suicide. These causes of death, and other causes, come under a totally different directive process: they may not even involve the karma of a man or his individual destiny, as in the case of war. Then vast numbers of people are killed. This has nothing to do with the Law of Cause and Effect as a factor in the soul career of any individual. It is not an act of restitution, planned by a particular soul as it works out its individual destiny. Death, through the destructive processes of war, is under the directive and cyclic intention of the planetary Logos, working through the Council Chamber at Shamballa. The Beings Who there direct world processes [432] know that a time has come when the relation between planetary evil and the Forces of Light or of Good have reached a point of "explosive antagonism" (as it is called). This must be given free rein if the divine purpose is to work out unarrested. The explosion is therefore permitted; nevertheless, all the time a controlling factor is present, even though unrealised by man. Because these Beings

tinh thần trên cõi hồng trần. Vì vậy có một mối liên hệ móc nối giữa:

a. Linh hồn trên cõi riêng của nó.

b. Thể cảm dục.

c. Trung tâm tùng thái dương.

Mối liên hệ này cho đến nay ít được chú ý trong liên hệ với Nghệ Thuật Chết. Tuy nhiên, nó đáng được suy nghĩ cẩn trọng.

Các bạn sẽ lưu ý rằng ở đây tôi đang đề cập đến chủ đề cái chết khi nó biểu lộ sự hiện diện của mình qua bệnh tật hay tuổi già. Tôi không nói đến cái chết đến qua chiến tranh hay tai nạn, qua giết người hay tự sát. Những nguyên nhân chết này, và các nguyên nhân khác, thuộc về một tiến trình chỉ đạo hoàn toàn khác: chúng thậm chí có thể không liên quan đến nghiệp quả của một người hay số mệnh cá nhân của y, như trong trường hợp chiến tranh. Khi đó số lượng lớn người bị giết. Điều này không liên quan gì đến Định luật Nhân Quả như một yếu tố trong sự nghiệp linh hồn của bất kỳ cá nhân nào. Đó không phải là một hành vi hoàn nguyên do một linh hồn cụ thể hoạch định khi nó triển khai số mệnh cá nhân của mình. Cái chết, qua các tiến trình hủy diệt của chiến tranh, nằm dưới ý định chỉ đạo và chu kỳ của Hành Tinh Thượng Đế, hoạt động qua Phòng Hội Đồng tại Shamballa. Các Đấng ở đó chỉ đạo các tiến trình thế giới [432] biết rằng đã đến lúc mối liên hệ giữa điều ác hành tinh và các Mãnh Lực của Ánh Sáng hay của Điều Thiện đã đạt tới một điểm "đối kháng bùng nổ" (như cách gọi). Điều này phải được để mặc cho tự do phát tác nếu mục đích thiêng liêng muốn được triển khai không bị ngăn trở. Vì vậy sự bùng nổ được cho phép; tuy nhiên, suốt mọi lúc vẫn có một yếu tố kiểm soát

(Who work out the will of God) are in no way identified with form life, they have consequently a just appreciation of the relative importance of life in form; the destruction of forms is, to Them, not death in the sense that we understand it, but simply and solely a process of liberation. It is the limited vision of those identified with form which has so consistently nurtured the fear of death. The cycle in which we now live has seen the greatest destruction of human forms in the entire history of our planet. There has been no destruction of human beings. I would have you note this statement. Because of this wholesale destruction, humanity has made a very rapid advance towards a more serene attitude in connection with death. This is not yet apparent but—in a few years' time—the new attitude will begin to be marked and the fear of death will begin to die out in the world. This will also be largely due to the increased sensitivity of the human response apparatus, leading to a turning inward or to a new orientation of the human mind, with unpredictable results.

hiện diện, dù con người không nhận ra. Bởi vì các Đấng này (những Đấng thực hiện Ý Chí của Thượng Đế) hoàn toàn không đồng hoá với sự sống hình tướng, nên do đó Các Ngài có một sự đánh giá công bằng về tầm quan trọng tương đối của sự sống trong hình tướng; đối với Các Ngài, sự hủy diệt các hình tướng không phải là cái chết theo nghĩa chúng ta hiểu, mà chỉ đơn thuần và duy nhất là một tiến trình giải thoát. Chính tầm nhìn hạn hẹp của những người đồng hoá với hình tướng đã liên tục nuôi dưỡng nỗi sợ chết. Chu kỳ mà hiện nay chúng ta đang sống đã chứng kiến sự hủy diệt lớn nhất các hình tướng con người trong toàn bộ lịch sử hành tinh của chúng ta. *Không hề có sự hủy diệt các con người.* Tôi muốn các bạn lưu ý phát biểu này. Vì sự hủy diệt trên quy mô lớn này, nhân loại đã tiến rất nhanh tới một thái độ tĩnh lặng hơn liên hệ với cái chết. Điều này chưa rõ rệt, nhưng—trong vài năm nữa—thái độ mới sẽ bắt đầu nổi bật và nỗi sợ chết sẽ bắt đầu tàn lụi trong thế giới. Điều này cũng phần lớn là do sự gia tăng tính nhạy cảm của bộ máy đáp ứng của con người, dẫn tới một sự quay vào bên trong hay một sự tái định hướng mới của trí tuệ con người, với những kết quả không thể tiên đoán.

The basis of all wars is fundamentally the sense of separateness. This fundamental individualism or pleased recognition of isolationism leads to all the secondary causes of war: greed, producing economic disaster; hatred, producing national and international friction; cruelty, producing pain and death. The roots of death are therefore deep-seated; it is the destruction of the cycle of separateness as an individual upon the physical plane which we call death [433] in the usual sense; consequently death is a process of at-one-ment. Could you but see a little further into the matter, you would learn that death releases the individualised life into a less cramped and

Nền tảng của mọi cuộc chiến về căn bản là cảm thức biệt lập. Tính cá nhân chủ nghĩa căn bản này hay sự thỏa mãn khi nhận biết chủ nghĩa cô lập dẫn đến mọi nguyên nhân thứ yếu của chiến tranh: lòng tham, tạo ra thảm họa kinh tế; hận thù, tạo ra xung đột quốc gia và quốc tế; tàn nhẫn, tạo ra đau đớn và cái chết. Vì vậy, gốc rễ của cái chết ăn sâu; chính sự hủy diệt chu kỳ biệt lập như một cá nhân trên cõi hồng trần mà chúng ta gọi là cái chết [433] theo nghĩa thông thường; do đó cái chết là một tiến trình hợp nhất. Nếu các bạn có thể nhìn xa hơn một chút vào vấn đề này, các bạn sẽ học được rằng cái chết giải thoát sự sống biệt ngã hóa vào một sự hiện hữu ít chật hẹp và gò bó hơn, và cuối cùng—

confined existence, and eventually—when the death process has been applied to all the three vehicles in the three worlds—into the life of universality. This is a point of inexpressible bliss.

khi tiến trình chết đã được áp dụng cho cả ba vận cụ trong ba cõi giới—vào sự sống phổ quát. Đây là một điểm chí phúc không thể diễn tả.

The Law of Attraction governs the process of dying, as it governs all else in manifestation. It is the principle of coherency which, under the balanced integration of the whole body, preserves it intact, stabilises its rhythm and cyclic life processes and relates its varied parts to each other. It is the major coordinating principle within all forms, for it is the primary expression (within the soul) of the first aspect of divinity, the will aspect. This statement may surprise you, accustomed as you are to regard the Law of Attraction as an expression of the second aspect, love-wisdom. This attractive principle is found in all forms, from the tiny form of the atom to that form, the planet Earth, through which our planetary Logos expresses Himself. But if it is the principle of coherency and the cause of integration, it is also the medium through which "restitution" is brought about and by which the human soul is periodically reabsorbed into the overshadowing soul. This aspect of the Law of Attraction has, as yet, received little attention. The reason is that it concerns the highest expression of that Law, and is therefore related to the will aspect of Deity, as also the will aspect of the Monad. Only as the Shamballic force proceeds with its more direct work in the coming cycle, and men begin to discriminate (as they must and will) between self-will and the spiritual will, between determination, intention, plan, purpose, and fixed polarisation, will clarification come. The Law of Attraction has (as all else in manifestation) [434] three phases or aspects, each related to the three divine aspects:

Định luật Hấp Dẫn chi phối tiến trình chết, cũng như nó chi phối mọi thứ khác trong biểu hiện. Đó là nguyên khí cố kết, dưới sự tích hợp quân bình của toàn bộ thân thể, bảo tồn nó nguyên vẹn, ổn định nhịp điệu và các tiến trình sống theo chu kỳ của nó, và liên hệ các phần khác nhau của nó với nhau. Đó là nguyên khí phối hợp chủ yếu bên trong mọi hình tướng, vì nó là biểu hiện sơ khởi (bên trong linh hồn) của phương diện thứ nhất của thiên tính, phương diện ý chí. Phát biểu này có thể làm các bạn ngạc nhiên, vốn đã quen xem Định luật Hấp Dẫn như một biểu hiện của phương diện thứ hai, Bác Ái – Minh Triết. Nguyên khí hấp dẫn này được tìm thấy trong mọi hình tướng, từ hình tướng nhỏ bé của nguyên tử cho đến hình tướng là hành tinh Trái Đất, qua đó Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta biểu lộ Chính Ngài. Nhưng nếu nó là nguyên khí cố kết và là nguyên nhân của sự tích hợp, thì nó cũng là phương tiện qua đó "sự hoàn nguyên" được thực hiện và nhờ đó linh hồn con người được tái hấp thu theo chu kỳ vào linh hồn phủ bóng. Phương diện này của Định luật Hấp Dẫn cho đến nay vẫn ít được chú ý. Lý do là vì nó liên quan đến biểu hiện cao nhất của Định luật ấy, và do đó liên hệ với phương diện ý chí của Thượng đế, cũng như với phương diện ý chí của chân thần. Chỉ khi mãnh lực Shamballa tiến hành công việc trực tiếp hơn của nó trong chu kỳ sắp tới, và con người bắt đầu phân biện (như họ phải và sẽ làm) giữa ý chí vị kỷ và ý chí tinh thần, giữa quyết tâm, ý định, kế hoạch, mục đích và sự phân cực cố định, thì sự sáng tỏ mới đến. Định luật Hấp Dẫn có (như mọi thứ khác trong biểu hiện) [434] ba giai đoạn hay phương diện, mỗi

phương diện liên hệ với ba phương diện thiêng liêng:

1. It relates life and form, spirit and matter—the third aspect.

1. Nó liên hệ sự sống và hình tướng, tinh thần và vật chất—phương diện thứ ba.

2. It governs the coherent integrative process which produces forms—the second aspect.

2. Nó chi phối tiến trình tích hợp cố kết tạo ra các hình tướng—phương diện thứ hai.

3. It brings about the imbalance which results in the act of disintegration, thus overcoming form—as far as the human being is concerned—and brings this about in three phases to which we have given the names:

3. Nó tạo ra sự mất quân bình dẫn đến hành vi tan rã, nhờ đó vượt thắng hình tướng—xét theo con người—và thực hiện điều này trong ba giai đoạn mà chúng ta đã đặt tên là:

a. Restitution, resulting in the dissolution of the body and the return of its elements, atoms and cells, to their originating source.

a. *Hoàn nguyên,* dẫn đến sự tan rã của thân thể và sự trở về của các nguyên tố, nguyên tử và tế bào của nó về nguồn gốc phát sinh.

b. Elimination, involving the same basic process in relation to the forces which have constituted the astral body and the mental vehicle.

b. *Loại bỏ*, bao hàm cùng tiến trình căn bản ấy trong liên hệ với các mãnh lực đã cấu thành thể cảm dục và vận cụ trí tuệ.

c. Absorption, the mode whereby the human soul is integrated into its originating source, the overshadowing, universal soul. This is an expression of the first aspect.

c. *Hấp thu*, là phương thức nhờ đó linh hồn con người được tích hợp vào nguồn gốc phát sinh của nó, linh hồn phổ quát phủ bóng. Đây là một biểu hiện của phương diện thứ nhất.

All these phases, rightly understood, illustrate or demonstrate the unique potency of the Law of Attraction and its relation to the Law of Synthesis, which governs the first divine aspect. Integration eventually produces synthesis. The many cyclic integrations which are carried forward in the great life cycle of an incarnating soul lead to the final synthesis of spirit and soul, which is the goal of the evolutionary process where humanity is

Tất cả các giai đoạn này, nếu được hiểu đúng, đều minh họa hay chứng minh năng lực độc đáo của Định luật Hấp Dẫn và mối liên hệ của nó với Định luật Tổng Hợp, vốn chi phối phương diện thiêng liêng thứ nhất. Sự tích hợp cuối cùng tạo ra tổng hợp. Nhiều sự tích hợp theo chu kỳ được tiến hành trong đại chu kỳ sống của một linh hồn nhập thể dẫn đến sự tổng hợp cuối cùng của tinh thần và linh hồn, là mục tiêu của tiến trình tiến hoá xét theo nhân loại. Sau lần điểm đạo thứ ba,

concerned. After the third initiation, this results in the complete liberation of the man from the "pull" of substance in the three worlds and in his consequent ability to wield, with full understanding, the Law of Attraction in its various phases, as far as [435] the creative process is involved. Other phases will then be later mastered.

điều này dẫn đến sự giải thoát hoàn toàn con người khỏi "sức hút" của chất liệu trong ba cõi giới và do đó đem lại cho y khả năng vận dụng, với sự thấu hiểu trọn vẹn, Định luật Hấp Dẫn trong các giai đoạn khác nhau của nó, trong chừng mực [435] tiến trình sáng tạo có liên quan. Những giai đoạn khác rồi sau đó sẽ được làm chủ.

One point must be borne in mind. The words "earth to earth and dust to dust," so familiar in the burial rituals of the Occident, refer to this act of restitution and connote the return of the physical body elements to the original reservoir of matter, and of the substance of the vital form to the general etheric reservoir; the words "the spirit shall return unto God who gave it" are a distorted reference to the absorption of the soul by the universal soul. The ordinary rituals, however, fail to emphasise that it is that individualised soul, in process of reabsorption, which institutes and orders, by an act of the spiritual will, that restitution. It is forgotten in the West that this "order to restore" has been given with great frequency down the ages by every soul within a physical form; in so doing, steadily and inevitably, the first divine aspect—the Monad on its own plane—is tightening its hold upon its body of manifestation, via its reflection, the soul. Thus the will aspect comes increasingly into play until, upon the Path of Discipleship, spiritual determination is brought to its highest point of development and, upon the Path of Initiation, the will begins to function consciously. It is worth remembering, is it not, that it is in the deliberate issuing of the command by the soul upon its own plane to its shadow in the three worlds that the soul learns to express the first and highest aspect of divinity, and this at first, and for a very long time, solely through the process of death. The difficulty at present is that

Có một điểm phải được ghi nhớ. Những lời "đất trở về đất và bụi trở về bụi," quá quen thuộc trong các nghi thức an táng của phương Tây, nói đến hành vi hoàn nguyên này và hàm ý sự trở về của các nguyên tố của thể xác hồng trần về kho chứa nguyên thủy của vật chất, và của chất liệu của hình tướng sinh lực về kho chứa dĩ thái chung; những lời "linh hồn sẽ trở về với Thượng đế, Đấng đã ban nó" là một ám chỉ bị bóp méo về sự hấp thu linh hồn bởi linh hồn phổ quát. Tuy nhiên, các nghi thức thông thường không nhấn mạnh rằng chính linh hồn biệt ngã hóa ấy, trong tiến trình được tái hấp thu, là tác nhân khởi xướng và ra lệnh, bằng một hành vi của ý chí tinh thần, cho sự hoàn nguyên đó. Ở phương Tây người ta quên rằng "mệnh lệnh hoàn trả" này đã được ban ra với tần suất rất lớn qua các thời đại bởi mọi linh hồn trong một hình tướng hồng trần; khi làm như vậy, một cách đều đặn và không thể tránh, phương diện thiêng liêng thứ nhất—chân thần trên cõi riêng của nó—đang siết chặt sự nắm giữ của nó trên thể biểu hiện của nó, qua phản chiếu của nó là linh hồn. Như thế phương diện ý chí ngày càng đi vào hoạt động cho đến khi, trên Con Đường Đệ Tử, quyết tâm tinh thần được đưa tới điểm phát triển cao nhất của nó và, trên Con Đường Điểm Đạo, ý chí bắt đầu hoạt động một cách hữu thức. Thật đáng ghi nhớ, phải không, rằng chính trong việc linh hồn trên cõi riêng của nó cố ý ban ra mệnh lệnh cho cái bóng của nó trong ba cõi giới mà linh hồn học cách biểu lộ phương diện thứ nhất và cao nhất của thiên tính, và điều này lúc đầu,

relatively few people are soul-conscious, and consequently most men remain unaware of the "occult commands" of their own souls. As humanity becomes soul-conscious (and this will be one of the results of the agony of the present war), death will be seen as an "ordered" process, carried out in full consciousness and with understanding of [436] cyclic purpose. This will naturally end the fear at present rampant, and will also arrest the tendency to suicide, evidenced increasingly in these difficult times. The sin of murder is in reality based upon the fact that it interferes with soul-purpose, and not really upon the killing of a particular human physical body. That is also why war is not murder, as many well-meaning fanatics consider it; it is the destruction of forms with the beneficent intent (if one could scrutinise divine purpose) of the planetary Logos. However, it is the motives of the originators of war on the physical plane which make them evil. If war did not take place, the planetary life would, through what we call "acts of God," call back the souls of men on a large scale in line with His loving intention. When evil men precipitate a war, He brings good out of evil.

và trong một thời gian rất dài, chỉ duy nhất qua tiến trình chết. Khó khăn hiện nay là tương đối ít người có tâm thức linh hồn, và do đó phần lớn con người vẫn không nhận biết các "mệnh lệnh huyền bí" của chính linh hồn mình. Khi nhân loại trở nên có tâm thức linh hồn (và đây sẽ là một trong những kết quả của nỗi thống khổ của cuộc chiến hiện tại), cái chết sẽ được xem như một tiến trình "được truyền lệnh", được thực hiện trong đầy đủ tâm thức và với sự thấu hiểu về [436] mục đích chu kỳ. Điều này tự nhiên sẽ chấm dứt nỗi sợ hiện đang lan tràn, và cũng sẽ ngăn chặn khuynh hướng tự sát đang ngày càng biểu lộ trong những thời kỳ khó khăn này. Tội lỗi của việc giết người thực ra dựa trên sự kiện rằng nó can thiệp vào mục đích của linh hồn, chứ không thực sự dựa trên việc giết một thể xác hồng trần cụ thể của con người. Đó cũng là lý do vì sao chiến tranh không phải là giết người, như nhiều người cuồng tín thiện chí cho là vậy; đó là sự hủy diệt các hình tướng với ý định mang lại lợi ích (nếu người ta có thể khảo sát mục đích thiêng liêng) của Hành Tinh Thượng Đế. Tuy nhiên, chính động cơ của những kẻ khởi xướng chiến tranh trên cõi hồng trần mới làm cho họ trở nên ác. Nếu chiến tranh không xảy ra, sự sống hành tinh sẽ, qua điều mà chúng ta gọi là "hành vi của Thượng đế," triệu hồi các linh hồn của con người trên quy mô lớn phù hợp với ý định đầy bác ái của Ngài. Khi những kẻ ác châm ngòi một cuộc chiến, Ngài rút điều thiện ra từ điều ác.

You can see, therefore, why the occult sciences lay the emphasis upon cyclic law, and why there is a growing interest in the Science of Cyclic Manifestation. Death appears frequently to be so purposeless; that is because the intention of the soul is not known; past development, through the process of incarnation, remains a hidden matter; ancient heredities and environments are ignored, and recognition

Vì vậy, các bạn có thể thấy tại sao các khoa học huyền bí học nhấn mạnh vào định luật chu kỳ, và tại sao đang có một mối quan tâm ngày càng tăng đối với Khoa Học về Biểu Hiện Theo Chu Kỳ. Cái chết thường dường như quá vô mục đích; đó là vì ý định của linh hồn không được biết đến; sự phát triển quá khứ, qua tiến trình nhập thể, vẫn là một vấn đề ẩn kín; các di truyền và môi trường cổ xưa bị bỏ qua, và sự nhận biết tiếng nói của linh

of the voice of the soul is not yet generally developed. These are matters, however, which are on the very verge of recognition; revelation is on its way, and for that I am laying the foundation.

hồn vẫn chưa được phát triển rộng rãi. Tuy nhiên, đây là những vấn đề đang ở ngay ngưỡng cửa được nhận biết; sự mặc khải đang trên đường đến, và vì điều đó tôi đang đặt nền móng.

I am anxious for you to grasp the teaching I have already given before we proceed to that which is explanatory or new. Study it with care so that the theme of death can more surely and more sanely take shape in your mind. Seek to arrive at a new slant upon the subject and see law and purpose and the beauty of intention in what has hitherto been a terror and a major fear.

Tôi mong các bạn nắm vững giáo huấn mà tôi đã đưa ra trước khi chúng ta tiến tới điều mang tính giải thích hay mới mẻ. Hãy nghiên cứu nó cẩn thận để chủ đề cái chết có thể định hình trong trí tuệ các bạn một cách chắc chắn hơn và lành mạnh hơn. Hãy tìm cách đạt tới một góc nhìn mới về chủ đề này và thấy định luật, mục đích và vẻ đẹp của ý định trong điều mà cho đến nay vẫn là một nỗi kinh hoàng và một nỗi sợ lớn.

[437]

[437]

Later I shall endeavour to give you some glimpse of the death process as the soul registers it, when undertaking the act of restitution. To you, what I say may appear as speculative or hypothetical; in any case it will be a statement of which few of you will be in a position to prove the accuracy. But surely, brother of mine, it may be more sane and wholesome, more sound and beautiful, than the present darkness and sick hope, and the unhappy speculation and oft despair which overshadows every death bed at this time.

Sau này tôi sẽ cố gắng cho các bạn một vài thoáng nhìn về tiến trình chết như linh hồn ghi nhận nó, khi thực hiện hành vi hoàn nguyên. Đối với các bạn, điều tôi nói có thể có vẻ suy đoán hay giả thuyết; dù sao đi nữa đó sẽ là một phát biểu mà ít người trong các bạn có vị thế để chứng minh tính chính xác của nó. Nhưng chắc hẳn, huynh đệ của tôi, điều đó có thể lành mạnh và bổ ích hơn, đúng đắn và đẹp đẽ hơn bóng tối hiện tại và niềm hy vọng bệnh hoạn, cùng sự suy đoán bất hạnh và thường là tuyệt vọng đang phủ bóng lên mọi giường hấp hối vào lúc này.

1. THE NATURE OF DEATH — 1. BẢN CHẤT CỦA CÁI CHẾT

EXCERPTS FROM OTHER WRITINGS

TRÍCH ĐOẠN TỪ CÁC TRƯỚC TÁC KHÁC

The whole must be seen as of more vital importance than the part, and this not as a dream, a vision, a theory a process of wishful thinking, a hypothesis or an urge. It is realised as an innate necessity and as inevitable. It connotes death, but death as

Toàn thể phải được nhìn như có tầm quan trọng thiết yếu hơn phần, và điều này không phải như một giấc mơ, một linh ảnh, một lý thuyết, một tiến trình suy nghĩ cầu mong, một giả thuyết hay một thôi thúc. Nó được chứng nghiệm như một nhu cầu bẩm sinh

beauty, as joy, as spirit in action, as the consummation of all good.

và như điều không thể tránh khỏi. Nó hàm ý cái chết, nhưng là cái chết như vẻ đẹp, như sự hoan hỉ, như tinh thần trong hành động, như sự viên mãn của mọi điều thiện.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS. VOL. V.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS. VOL. V.

Death, if we could but realise it, is one of our most practised activities. We have died many times and shall die again and again. Death is essentially a matter of consciousness. We are conscious one moment on the physical plane, and a moment later we have withdrawn into another plane and are actively conscious there. Just as long as our consciousness is identified with the form aspect, death will hold for us its ancient terror. Just as soon as we know ourselves to be souls, and find that we are capable of focussing our consciousness or sense of awareness in any forms or on any plane at will, or in any direction within the form of God, we will no longer know death.

Cái chết, nếu chúng ta có thể nhận ra điều đó, là một trong những hoạt động được chúng ta thực hành nhiều nhất. Chúng ta đã chết nhiều lần và sẽ còn chết đi chết lại. Cái chết về bản chất là một vấn đề của tâm thức. Một khoảnh khắc chúng ta hữu thức trên cõi hồng trần, và một khoảnh khắc sau chúng ta đã rút vào một cõi khác và hoạt động hữu thức ở đó. Chừng nào tâm thức của chúng ta còn đồng hoá với phương diện hình tướng, thì cái chết vẫn sẽ giữ đối với chúng ta nỗi kinh hoàng cổ xưa của nó. Ngay khi chúng ta biết mình là các linh hồn, và nhận ra rằng chúng ta có khả năng tập trung tâm thức hay cảm thức nhận biết của mình vào bất kỳ hình tướng nào hay trên bất kỳ cõi nào theo ý muốn, hoặc theo bất kỳ hướng nào trong hình tướng của Thượng đế, thì chúng ta sẽ không còn biết đến cái chết nữa.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 494

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 494

[438]

[438]

Ponder, therefore, upon this doctrine of abstraction. It covers all life processes and will convey to you the eternally lovely secret of Death which is entrance into life.

Vì vậy, hãy suy ngẫm về giáo lý của sự trừu xuất này. Nó bao trùm mọi tiến trình sự sống và sẽ chuyển đạt cho các bạn bí mật muôn đời đẹp đẽ của Cái Chết, vốn là sự đi vào sự sống.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS. VOL. V.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS. VOL. V.

In this Rule, two main ideas are to be found, both of them connected with the first divine aspect: the thought of DEATH and the nature of the WILL. In the coming century,

Trong quy luật này, có thể tìm thấy hai ý tưởng chính, cả hai đều liên hệ với phương diện thiêng liêng thứ nhất: tư tưởng về CÁI CHẾT và bản chất của Ý CHÍ. Trong thế kỷ

death and the will most inevitably will be seen to have new meanings to humanity and many of the old ideas will vanish. Death to the average thinking man is a point of catastrophic crisis. It is the cessation and the ending of all that has been loved, all that is familiar and to be desired; it is a crashing entrance into the unknown, into uncertainty, and abrupt conclusion of all plans and projects. No matter how much true faith in the spiritual values may be present, no matter how clear the rationalising of the mind may be anent immortality, no matter how conclusive the evidence of persistence and eternity, there still remains a questioning, a recognition of the possibility of complete finality and negation, and an end of all activity, of all heart reaction, of all thought, emotion, desire, aspiration and the intentions which focus around the central core of man's being. The longing and the determination to persist and the sense of continuity still rest, even to the most determined believer, upon probability, upon an unstable foundation and upon the testimony of others—who have never in reality returned to tell the truth. The emphasis of all thought on this subject concerns the central "I" or the integrity of Deity.

sắp tới, *cái chết* và *ý chí* chắc chắn nhất sẽ được nhân loại thấy là có những ý nghĩa mới và nhiều ý tưởng cũ sẽ biến mất. Đối với con người suy tư trung bình, cái chết là một điểm khủng hoảng thảm khốc. Đó là sự chấm dứt và kết thúc của tất cả những gì đã được yêu thương, tất cả những gì quen thuộc và đáng mong muốn; đó là một sự lao vào dữ dội cái chưa biết, vào bất định, và là sự kết thúc đột ngột của mọi kế hoạch và dự phóng. Dù có bao nhiêu đức tin chân thật vào các giá trị tinh thần hiện diện, dù sự lý giải của trí tuệ về tính bất tử có rõ ràng đến đâu, dù bằng chứng về sự tiếp diễn và tính vĩnh cửu có kết luận đến mức nào, thì vẫn còn đó sự nghi vấn, sự nhận biết về khả năng chấm dứt và bị triệt tiêu hoàn toàn, và sự chấm dứt của mọi hoạt động, mọi phản ứng của tim, mọi tư tưởng, cảm xúc, dục vọng, khát vọng và những ý định tập trung quanh hạt nhân trung tâm của hữu thể con người. Sự khao khát và quyết tâm tiếp tục tồn tại cùng cảm thức liên tục vẫn đặt nền, ngay cả đối với người tin tưởng kiên quyết nhất, trên xác suất, trên một nền tảng không ổn định và trên lời chứng của những người khác—những người chưa bao giờ thực sự quay lại để nói sự thật. Sự nhấn mạnh của mọi tư tưởng về chủ đề này đều liên quan đến cái "Tôi" trung tâm hay sự toàn vẹn của Thượng đế.

You will note that in this Rule, the emphasis shifts from the "I" to the constituent parts which form the garment of the Self, and this is a point worth noting. The information given to the disciple is to work for the dissipation of this garment and for the return of the lesser lives to the general [439] reservoir of living substance. The ocean of Being is nowhere referred to. Careful thought will here show that this ordered process of detachment, which the group life makes effective in the case of the individual, is one of the strongest arguments for the

Các bạn sẽ lưu ý rằng trong quy luật này, sự nhấn mạnh chuyển từ "Tôi" sang các thành phần cấu tạo nên y phục của Bản Ngã, và đây là một điểm đáng lưu ý. Thông tin được trao cho đệ tử là để hoạt động cho sự làm tiêu tan y phục này và cho sự trở về của các sự sống nhỏ hơn vào kho chứa chung [439] của chất liệu sống. Đại dương của Bản Thể không được nhắc đến ở đâu cả. Suy nghĩ cẩn thận ở đây sẽ cho thấy rằng tiến trình tách rời có trật tự này, mà sự sống nhóm làm cho hữu hiệu trong trường hợp cá nhân, là một trong những luận cứ mạnh nhất cho sự kiện tiếp

fact of continuity and for individual, identifiable persistence. Note these words. The focus of activity shifts from the active body to the active entity within that body, the master of his surroundings, the director of his possessions and the one who is the breath itself, despatching the lives to the reservoir of substance or recalling them at will to resume their relation to him.

diễn và cho sự tồn tại dai dẳng có thể nhận diện được của cá nhân. Hãy lưu ý những lời này. Tiêu điểm hoạt động chuyển từ thân thể đang hoạt động sang thực thể đang hoạt động bên trong thân thể ấy, chủ nhân của hoàn cảnh của y, người chỉ đạo các sở hữu của y và là chính hơi thở, phái các sự sống về kho chứa chất liệu hoặc triệu hồi chúng theo ý muốn để tiếp tục mối liên hệ của chúng với y.

First of all that the Eternal Pilgrim, of his own free will and accord, chose "occultly" to die and took a body or series of bodies in order to raise or elevate the lives of the form nature which he embodied; in the process of so doing, he himself "died" in the sense that, for a free soul, death and the taking of a form and the consequent immersion of the life in the form, are synonymous terms.

Trước hết là việc Người Lữ Hành Vĩnh Cửu, bằng chính ý chí tự do và sự đồng thuận của mình, đã chọn "một cách huyền bí" để chết và nhận lấy một thân thể hay một chuỗi các thân thể nhằm nâng cao hay nâng lên các sự sống của bản chất hình tướng mà y đã nhập vào; trong tiến trình làm như vậy, chính y đã "chết" theo nghĩa rằng, đối với một linh hồn tự do, cái chết và việc nhận lấy một hình tướng cùng sự dìm sự sống vào hình tướng do đó là những thuật ngữ đồng nghĩa.

Secondly, that in so doing, the soul is recapitulating on a small scale what the solar Logos and the planetary Logos have likewise done, and are doing. The great Lives come under the rule of these laws of the soul during the period of manifestation, even though They are not governed or controlled by the laws of the natural world, as we call it. Their consciousness remains unidentified with the world of phenomena, though ours is identified with it until such time that we come under the rule of the higher laws. By the occult "death" of these great Lives, all lesser lives can live and are proffered opportunity.

Thứ hai, khi làm như vậy, linh hồn đang tái diễn ở quy mô nhỏ điều mà Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế cũng đã làm, và đang làm. Các Sự Sống vĩ đại chịu dưới quy luật của các định luật linh hồn này trong thời kỳ biểu hiện, dù Các Ngài không bị chi phối hay kiểm soát bởi các định luật của thế giới tự nhiên, như chúng ta gọi nó. Tâm thức của Các Ngài vẫn không đồng hoá với thế giới hiện tượng, trong khi tâm thức của chúng ta đồng hoá với nó cho đến khi chúng ta chịu dưới quy luật của các định luật cao hơn. Nhờ "cái chết" huyền bí của các Sự Sống vĩ đại này, mọi sự sống nhỏ hơn có thể sống và được trao cơ hội.

The forces of death are abroad today, but it is the death of liberty, the death of free speech, the death of [440] freedom in human action, the death of truth and of the higher spiritual values. These are the vital factors in the life of humanity. The death of the physical form is a negligible factor in relation to these and is easily righted again through the processes of rebirth and of fresh opportunity....The destruction of the form in battle is of small importance to those who know that reincarnation is a basic law of nature and that there is no death.

JUNE MESSAGE, 1940.

Các mãnh lực của cái chết đang lan tràn ngày nay, nhưng đó là cái chết của tự do, cái chết của tự do ngôn luận, cái chết của [440] tự do trong hành động của con người, cái chết của chân lý và của các giá trị tinh thần cao hơn. *Đây* mới là những yếu tố thiết yếu trong đời sống của nhân loại. Cái chết của hình tướng hồng trần là một yếu tố không đáng kể so với những điều này và dễ dàng được sửa lại qua các tiến trình tái sinh và cơ hội mới....Sự hủy diệt hình tướng trong chiến trận ít quan trọng đối với những ai biết rằng luân hồi là một định luật căn bản của thiên nhiên và *rằng không có cái chết.*

JUNE MESSAGE, 1940.

You say there are as yet only beliefs as to immortality, and no sure evidences. In the accumulation of testimony, in the inner assurances of the human heart, in the fact of belief in eternal persistence as an idea in the minds of men, lie sure indication. But indication will give place to conviction and knowledge before another hundred years has elapsed, for an event will take place and a revelation be given the race which will turn hope into certainty and belief into knowledge. In the meantime, let a new attitude to death be cultivated and a new science of death be inaugurated. Let it cease to be the one thing we cannot control and which inevitably defeats us, and let us begin to control our passing over to the other side, and to understand somewhat the technique of transition.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 500.

Bạn nói rằng cho đến nay chỉ mới có những niềm tin về tính bất tử, chứ chưa có bằng chứng chắc chắn. Trong sự tích lũy lời chứng, trong những bảo đảm nội tâm của trái tim con người, trong sự kiện niềm tin vào sự tiếp diễn vĩnh cửu như một ý tưởng trong trí tuệ con người, có những chỉ dấu chắc chắn. Nhưng chỉ dấu sẽ nhường chỗ cho xác tín và tri thức trước khi một trăm năm nữa trôi qua, vì một biến cố sẽ xảy ra và một sự mặc khải sẽ được ban cho nhân loại, điều sẽ biến hy vọng thành chắc chắn và niềm tin thành tri thức. Trong lúc này, hãy vun bồi một thái độ mới đối với cái chết và hãy khai mở một khoa học mới về cái chết. Hãy để nó không còn là điều duy nhất mà chúng ta không thể kiểm soát và điều chắc chắn đánh bại chúng ta, và hãy bắt đầu kiểm soát sự vượt qua của chúng ta sang phía bên kia, và phần nào thấu hiểu kỹ thuật của sự chuyển tiếp.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 500.

All I plead for is a sane approach to death; all I seek to make is a suggestion that when

Điều duy nhất tôi khẩn cầu là một cách tiếp cận lành mạnh đối với cái chết; điều duy

pain has worn itself out and weakness has supervened, the dying person be permitted to prepare himself, even if apparently unconscious, for the great transition. Forget not that it takes strength and a strong hold on the nervous apparatus to produce pain. Is it impossible to conceive of a time when the act of dying will be a triumphant finale to life? Is it impossible [441] to vision the time when the hours spent on the death bed may be but a glorious prelude to a conscious exit? When the fact that the man is to discard the handicap of the physical sheath may be for him and those around him the long-waited-for and joyous consummation? Can you not visualise the time when, instead of tears and fears and the refusal to recognise the inevitable, the dying person and his friends would mutually agree on the hour, and that nothing but happiness would characterise the passing? That in the minds of those left behind the thought of sorrow will not enter and death beds shall be regarded as happier occasions than births and marriages? I tell you that, before so very long, this will be deeply so for the intelligent of the race, and little by little for all.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 499.

nhất tôi tìm cách nêu ra là một gợi ý rằng khi đau đớn đã tự cạn kiệt và sự suy nhược đã xuất hiện, người đang hấp hối nên được phép chuẩn bị cho chính mình, dù bề ngoài có vẻ bất tỉnh, cho cuộc chuyển tiếp lớn lao. Đừng quên rằng cần có sức mạnh và sự nắm giữ mạnh mẽ đối với bộ máy thần kinh mới tạo ra được đau đớn. Có phải là không thể hình dung ra một thời kỳ khi hành vi chết sẽ là đoạn kết khải hoàn của sự sống? Có phải là không thể [441] hình dung thời điểm khi những giờ phút trên giường chết chỉ là khúc dạo đầu huy hoàng cho một sự ra đi có ý thức? Khi sự kiện rằng con người sắp từ bỏ sự cản trở của vỏ bọc thể xác có thể là đối với y và những người quanh y một sự hoàn tất hoan hỉ và được chờ đợi từ lâu? Bạn không thể hình dung ra thời điểm khi, thay vì nước mắt và sợ hãi cùng sự từ chối nhìn nhận điều tất yếu, người đang hấp hối và bạn hữu của y sẽ cùng nhau đồng thuận về giờ phút ấy, và không gì ngoài hạnh phúc sẽ đặc trưng cho sự ra đi đó sao? Rằng trong tâm trí những người ở lại, ý nghĩ về buồn đau sẽ không chen vào và những giường chết sẽ được xem là những dịp vui hơn cả sinh nở và hôn lễ? Tôi nói với các bạn rằng, chẳng bao lâu nữa, điều này sẽ thực sự như vậy đối với những người thông tuệ trong nhân loại, và dần dần đối với tất cả mọi người.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 499.

It is interesting here to note that death is governed by the Principle of Liberation and not by that of Limitation. Death is only recognised as a factor to be dealt with by self-conscious lives and is only misunderstood by human beings, who are the most glamoured and deluded of all incarnated lives.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 534.

Ở đây, thật thú vị khi lưu ý rằng cái chết được chi phối bởi Nguyên lý Giải Thoát chứ không phải bởi nguyên lý Giới Hạn. Cái chết chỉ được nhận biết như một yếu tố cần được xử lý bởi những sự sống có ngã thức và chỉ bị hiểu sai bởi con người, vốn là những sự sống đang lâm phàm bị ảo cảm và mê lầm nhiều nhất.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 534.

When the nature of true Service is comprehended, it will be found that it is an aspect of that divine energy which works always under the destroyer aspect, for it destroys the forms in order to release. Service is a manifestation of the Principle of Liberation, and of this principle, death and service constitute two aspects. Service saves, liberates and releases, on various levels, the imprisoned consciousness. The same statements can be made of death. But unless service can be rendered from an intuitive understanding of all the facts in the case, interpreted intelligently, and applied [442] in a spirit of love upon the physical plane, it fails to fulfill its mission adequately.

Khi bản chất của sự Phụng sự chân chính được thấu hiểu, người ta sẽ thấy rằng đó là một phương diện của năng lượng thiêng liêng luôn luôn hoạt động dưới phương diện hủy diệt, vì nó hủy diệt các hình tướng để giải thoát. Phụng sự là một biểu hiện của Nguyên lý Giải Thoát, và trong nguyên lý này, cái chết và sự phụng sự cấu thành hai phương diện. Phụng sự cứu vớt, giải thoát và phóng thích, trên nhiều cấp độ khác nhau, tâm thức bị giam cầm. Những phát biểu tương tự cũng có thể được nói về cái chết. Nhưng trừ phi sự phụng sự có thể được thực hiện từ một sự thấu hiểu trực giác về mọi sự kiện trong trường hợp ấy, được diễn giải một cách thông tuệ, và được áp dụng [442] trong tinh thần bác ái trên cõi hồng trần, nó sẽ không hoàn thành sứ mệnh của mình một cách thích đáng.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 537.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 537.

Fear of Death.

Sự sợ hãi cái chết.

The fear of death is based upon:

Sự sợ hãi cái chết dựa trên:

a. A terror of the final rending processes in the act of death itself.

a. Nỗi kinh hoàng đối với những tiến trình xé rách cuối cùng trong chính hành vi chết.

b. Horror of the unknown and the indefinable.

b. Sự kinh hãi trước điều chưa biết và không thể định nghĩa.

c. Doubt as to final immortality.

c. Sự nghi ngờ về tính bất tử tối hậu.

d. Unhappiness at leaving loved ones behind or of being left behind.

d. Nỗi bất hạnh khi phải bỏ lại những người thân yêu hoặc bị bỏ lại phía sau.

e. Ancient reactions to past violent deaths, lying deep in the consciousness.

e. Những phản ứng cổ xưa đối với các cái chết dữ dội trong quá khứ, nằm sâu trong tâm thức.

f. Clinging to form life, because primarily identified with it in consciousness.

g. Old erroneous teaching as to Heaven and Hell, both equally unpleasant in prospect to certain types.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 300.

As time progresses and before the close of the next century, death will be finally seen to be nonexistent in the sense in which it is now understood. Continuity of consciousness will be so widely developed, and so many of the highest types of men will function simultaneously in the two worlds, that the old fear will go and the intercourse between the astral plane and the physical plane will be so firmly established and so scientifically controlled that the work of the trance mediums will rightly and mercifully come to an end. The ordinary common trance mediumship and materialisations under controls and Indian guides are just as much perversions of the intercourse between the two planes as are sex perversions and the distortions of the [443] true relationship and intercourse between the sexes. I refer not here to the work of clairvoyants, no matter how poor, nor to the taking possession of the body by entities of high calibre, but of the unpleasant phenomena of the materialisation seance, of ectoplasm and the blind unintelligent work done by the old Atlantean degenerates and earthbound souls, the average Indian chief and guide. There is nothing to be learned from them, and much to be avoided.

f. Sự bám víu vào đời sống hình tướng, vì về cơ bản đã đồng hoá với nó trong tâm thức.

g. Những giáo huấn sai lầm cũ về Thiên Đàng và Địa Ngục, cả hai đều triển hiện như những viễn cảnh khó chịu đối với một số kiểu người nhất định.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 300.

Theo thời gian, và trước khi thế kỷ tới kết thúc, cuối cùng người ta sẽ thấy rằng cái chết không tồn tại theo cách hiểu hiện nay. Tính liên tục của tâm thức sẽ phát triển rộng rãi đến mức, và sẽ có nhiều người thuộc những mẫu người cao nhất hoạt động đồng thời trong cả hai thế giới đến mức, nỗi sợ hãi xưa cũ sẽ tan biến; sự giao tiếp giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần sẽ được thiết lập vững chắc và được kiểm soát một cách khoa học đến mức công việc của các đồng tử xuất thần sẽ chấm dứt một cách chính đáng và nhân từ. Hoạt động đồng cốt xuất thần thông thường và những sự hiện hình dưới sự điều khiển của các vong linh kiểm soát và các vong linh hướng dẫn người bản địa châu Mỹ cũng là những sự lệch lạc trong giao tiếp giữa hai cõi, giống như những lệch lạc tình dục và những sự bóp méo [443] mối quan hệ và sự giao hợp đích thực giữa hai giới. Ở đây, Tôi không nói đến công việc của những người có thông nhãn, dù năng lực ấy kém đến đâu, cũng không nói đến việc các thực thể có phẩm chất cao nhập vào thân thể, mà nói đến những hiện tượng khó chịu trong các buổi cầu hồn có hiện hình, những hiện tượng ngoại chất và công việc mù quáng, thiếu trí tuệ của những kẻ thoái hóa từ thời Atlantis xa xưa cùng những linh hồn còn bị ràng buộc với cõi trần—những tù trưởng và vong linh hướng dẫn người bản địa châu Mỹ thông thường. Không có gì để học hỏi từ họ, nhưng có nhiều điều cần tránh.

The reign of the fear of death is well-nigh ended and we shall soon enter upon a period of knowledge and of certainty which will cut the ground from under all our fears. In dealing with the fear of death, there is little to be done except to raise the whole subject onto a more scientific level, and—in this scientific sense—teach people to die. There is a technique of dying just as there is of living, but this technique has been lost—very largely in the West, and is almost lost, except in a few centres of Knowers in the East. More of this can perhaps be dealt with later, but the thought of the needed approach to this subject can rest in the minds of students who read this, and perhaps as they study and read and think, material of interest will come their way which could be gradually assembled and published.

Triều đại của nỗi sợ cái chết gần như đã chấm dứt và chúng ta sẽ sớm bước vào một thời kỳ của tri thức và sự xác tín, điều sẽ rút mất nền tảng bên dưới mọi nỗi sợ của chúng ta. Khi đề cập đến nỗi sợ cái chết, có rất ít điều cần làm ngoài việc nâng toàn bộ chủ đề này lên một cấp độ khoa học hơn, và—theo nghĩa khoa học này—dạy con người cách chết. Có một nghệ thuật chết cũng như có nghệ thuật sống, nhưng nghệ thuật này đã bị đánh mất—phần lớn ở phương Tây, và gần như cũng đã mất, ngoại trừ tại một vài trung tâm của các thức giả ở phương Đông. Có lẽ sau này có thể bàn đến điều này nhiều hơn, nhưng ý tưởng về cách tiếp cận cần thiết đối với chủ đề này có thể lưu lại trong tâm trí các đạo sinh đọc những điều này, và có lẽ khi họ học hỏi, đọc và suy nghĩ, những tư liệu đáng quan tâm sẽ đến với họ, có thể dần dần được tập hợp và xuất bản.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGES 301-302.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGES 301-302.

Fear of death and depression constitute for man the Dweller on the Threshold in this age and cycle. Both of them indicate sentient reaction to psychological factors and cannot be dealt with by the use of another factor such as courage. They must be met by the omniscience of the soul, working through the mind—not by its omnipotence. In this is to be found an occult hint.

Sự sợ hãi cái chết và sự trầm uất cấu thành đối với con người Kẻ Chận Ngõ trong thời đại và chu kỳ này. Cả hai đều biểu thị phản ứng cảm nhận đối với các yếu tố tâm lý và không thể được xử lý bằng cách sử dụng một yếu tố khác như lòng can đảm. Chúng phải được đối diện bằng toàn tri của linh hồn, hoạt động qua trí tuệ—chứ không phải bằng toàn năng của nó. Chính trong điều này có thể tìm thấy một gợi ý huyền bí.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 309.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 309.

The instinct of self-preservation has its roots in an innate fear of death; through the presence of this fear, the [444] race has fought its way to its present point of longevity and endurance.

Bản năng tự bảo tồn có cội rễ trong một nỗi sợ bẩm sinh đối với cái chết; nhờ sự hiện diện của nỗi sợ này mà [444] nhân loại đã chiến đấu để đạt đến điểm trường thọ và sức chịu đựng hiện nay.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 626.

Definition of Death.

Death itself is a part of the Great Illusion, and only exists because of the veils we have gathered around ourselves.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

But people are apt to forget that every night in the hours of sleep we die to the physical plane and are alive and functioning elsewhere. They forget that they have already achieved facility in leaving the physical body; because they cannot as yet bring back into the physical brain consciousness the recollection of that passing out, and of the subsequent interval of active living, they fail to relate death and sleep. Death is, after all, only a longer interval in the life of physical plane functioning; one has only "gone abroad" for a longer period. But the process of daily sleep and the process of occasional dying are identical, with the one difference that in sleep the magnetic thread or current of energy along which the life force streams is preserved intact, and constitutes the path of return to the body. In death, this life thread is broken or snapped. When this has happened, the conscious entity cannot return to the dense physical body, and that body, lacking the principle of coherence, then disintegrates.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 494.

The processes of abstraction are (as you may thus see) connected with the life aspect, are set in motion by an act of the spiritual will, and constitute the "resurrection principle which lies hidden in the work of the

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 626.

Định nghĩa về cái chết.

Chính cái chết là một phần của Đại Ảo Tưởng, và chỉ hiện hữu vì những bức màn mà chúng ta đã gom tụ quanh mình.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

Nhưng con người thường quên rằng mỗi đêm trong những giờ ngủ, chúng ta chết đối với cõi hồng trần và sống động, hoạt động ở nơi khác. Họ quên rằng họ đã đạt được sự thành thạo trong việc rời khỏi thể xác; bởi vì họ chưa thể mang trở lại vào tâm thức bộ não hồng trần ký ức về sự ra đi ấy, và về khoảng thời gian tiếp theo của đời sống hoạt động, nên họ không liên hệ cái chết với giấc ngủ. Rốt cuộc, cái chết chỉ là một khoảng thời gian dài hơn trong đời sống hoạt động trên cõi hồng trần; người ta chỉ đơn giản là "đi xa" trong một thời gian lâu hơn. Nhưng tiến trình của giấc ngủ hằng ngày và tiến trình của việc chết thỉnh thoảng là giống hệt nhau, chỉ khác một điều là trong giấc ngủ, sợi dây từ tính hay dòng năng lượng dọc theo đó sinh lực tuôn chảy vẫn được giữ nguyên vẹn, và cấu thành con đường trở về thể xác. Trong cái chết, sợi dây sự sống này bị đứt hoặc gãy. Khi điều này xảy ra, thực thể có ý thức không thể trở lại thể xác hồng trần đậm đặc, và thể xác ấy, vì thiếu nguyên khí cố kết, bấy giờ tan rã.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 494.

Các tiến trình rút ra, như vậy như bạn có thể thấy, có liên hệ với phương diện sự sống, được khởi động bởi một hành vi của ý chí tinh thần, và cấu thành "nguyên khí phục sinh ẩn giấu trong công việc của Đấng Hủy

Destroyer," as an old esoteric saying expresses it. The lowest manifestation [445] of this principle is to be seen in the process of what we call death—which is in reality a means of abstracting the life principle, informed by consciousness, from the form of the bodies in the three worlds.

Thus, the great synthesis emerges and destruction, death, and dissolution are, in reality, naught but life processes. Abstraction is indicative of process, progress and development. It is this aspect of the Law of Life (or the Law of Synthesis as it is called in certain larger connotations) with which the initiate specifically deals.

Life is approached from the angle of the Observer, and not from that of a participator in actual experiment and experience in the three worlds (physical-emotional-mental)...if they are initiated disciples they are increasingly unaware of the activities and reactions of their personalities, because certain aspects of the lower nature are now so controlled and purified that they have dropped below the threshold of consciousness and have entered the world of instinct; therefore, there is no more awareness of them than a man asleep is conscious of the rhythmic functioning of his sleeping physical vehicle. This is a deep and largely unrealised truth. It is related to the entire process of death, and might be regarded as one of the definitions of death; it holds the clue to the mysterious words "the reservoir of life." Death is in reality unconsciousness of that which may be functioning in some form or another, but in a form of which the spiritual entity is totally unaware. The reservoir of life is the place of

Diệt," như một câu nói nội môn cổ diễn tả. Biểu hiện thấp nhất [445] của nguyên khí này được thấy trong tiến trình của điều mà chúng ta gọi là cái chết—mà thực ra là một phương tiện để rút nguyên khí sự sống, được tâm thức thấm nhuần, ra khỏi hình tướng của các thể trong ba cõi thấp.

Như vậy, sự tổng hợp vĩ đại xuất hiện và sự hủy diệt, cái chết, và sự tan rã, trên thực tế, chẳng là gì khác ngoài các tiến trình của sự sống. Sự rút ra là dấu hiệu của tiến trình, tiến bộ và phát triển. Chính phương diện này của Định luật Sự sống (hay Định luật Tổng Hợp như nó được gọi trong một số hàm nghĩa rộng lớn hơn) mà điểm đạo đồ đặc biệt xử lý.

Sự sống được tiếp cận từ góc độ của Người Quan Sát, chứ không phải từ góc độ của một người tham dự vào thí nghiệm và kinh nghiệm thực sự trong ba cõi giới (hồng trần-cảm xúc-trí tuệ)...nếu họ là các đệ tử được điểm đạo thì họ ngày càng không còn nhận biết các hoạt động và phản ứng của phàm ngã mình, bởi vì một số phương diện của bản chất thấp hiện nay đã được kiểm soát và thanh luyện đến mức chúng đã rơi xuống dưới ngưỡng tâm thức và đã đi vào thế giới bản năng; do đó, không còn nhận biết về chúng nữa, cũng như một người đang ngủ không ý thức được sự vận hành nhịp nhàng của vận cụ hồng trần đang ngủ của mình. Đây là một chân lý sâu xa và phần lớn chưa được chứng nghiệm. Nó liên hệ đến toàn bộ tiến trình của cái chết, và có thể được xem như một trong những định nghĩa của cái chết; nó nắm giữ đầu mối cho những lời huyền nhiệm "hồ chứa của sự sống." Cái chết thực ra là sự vô thức đối với điều có thể đang hoạt động trong hình tướng này hay hình tướng khác, nhưng trong một hình tướng

death, and this is the first lesson the disciple learns....

mà thực thể tinh thần hoàn toàn không nhận biết. Hồ chứa của sự sống là nơi của cái chết, và đây là bài học đầu tiên mà đệ tử học được....

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

Purposes of Death.

Các mục đích của cái chết.

Through death, a great at-one-ing process is carried [446] forward; in the "fall of a leaf" and its consequent identification with the soil on which it falls, we have a tiny illustration of this great and eternal process of at-one-ing, through becoming and dying as a result of becoming.

Thông qua cái chết, một tiến trình hợp nhất lớn lao được [446] xúc tiến; trong "sự rơi của một chiếc lá" và sự đồng hoá tiếp theo của nó với mảnh đất nơi nó rơi xuống, chúng ta có một minh họa nhỏ bé về tiến trình hợp nhất vĩ đại và vĩnh cửu này, thông qua sự trở thành và sự chết như một kết quả của sự trở thành.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. II, PAGE 173.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. II, PAGE 173.

I speak about Death as one who knows the matter from the outer world experience and the inner life expression: There is no death. There is, as you know, entrance into fuller life. There is freedom from the handicaps of the fleshly vehicle. The rending process so much dreaded does not exist, except in the cases of violent and sudden death, and then the only true disagreeables are an instant and overwhelming sense of imminent peril and destruction and something closely approaching an electric shock. No more. For the unevolved, death is literally a sleep and a forgetting, for the mind is not sufficiently awakened to react, and the storehouse of memory is as yet practically empty. For the average good citizen, death is a continuance of the living process in his consciousness and a carrying forward of the interests and tendencies of the life. His consciousness and his sense of awareness are the same and unaltered. He does not sense much difference, is well taken care of, and oft is unaware that he has passed through the

Tôi nói về Cái Chết như một người biết vấn đề này từ kinh nghiệm của thế giới bên ngoài và sự biểu lộ của đời sống bên trong: *Không có cái chết*. Như các bạn biết, có sự đi vào một đời sống đầy đủ hơn. Có sự giải thoát khỏi những cản trở của vận cụ xác thịt. Tiến trình xé rách bị sợ hãi quá mức ấy không hiện hữu, ngoại trừ trong các trường hợp chết dữ dội và đột ngột, và ngay cả khi đó những điều thực sự khó chịu duy nhất chỉ là một cảm giác tức thì và áp đảo về hiểm nguy và hủy diệt sắp xảy ra cùng một điều gì đó rất gần với một cú sốc điện. Không hơn. Đối với người chưa tiến hóa, cái chết theo nghĩa đen là một giấc ngủ và một sự quên lãng, vì trí tuệ chưa đủ thức tỉnh để đáp ứng, và kho chứa ký ức hầu như vẫn còn trống rỗng. Đối với công dân tốt lành trung bình, cái chết là sự tiếp tục của tiến trình sống trong tâm thức của ông và là sự tiếp nối các mối quan tâm và khuynh hướng của đời sống. Tâm thức và cảm nhận nhận biết của ông vẫn như cũ và không thay đổi. Ông không cảm thấy khác biệt nhiều, được chăm

episode of death. For the wicked and cruelly selfish, for the criminal and for those few who live for the material side only, there eventuates that condition which we call "earth-bound." The links they have forged with earth and the earthward bias of all their desires, force them to remain close to the earth and their last setting in the earth environment. They seek desperately and by every possible means to re-contact it and to re-enter. In a few cases, great personal love for those left behind, or the nonfulfillment of a recognised and urgent duty, holds the good and beautiful in a somewhat similar [447] condition. For the aspirant, death is an immediate entrance into a sphere of service and of expression to which he is well accustomed and which he at once recognises as not new. In his sleeping hours he has developed a field of active service and of learning. He now simply functions in it for the entire twenty-four hours (talking in terms of physical plane time) instead of for his usual few hours of earthly sleep.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGES 300-301.

True death, under the Law, is brought about by the attainment of the objective, and hence by the cessation of aspiration. The etheric double of a man, a planetary Logos, and a solar Logos, being shattered, becomes non-polarised as regards its indweller, and permits therefore of escape. It is (to word it otherwise) no longer a source of attraction, nor a focal magnetic point. It becomes non-magnetic, and the great Law of Attraction ceases to control it; hence disintegration is the ensuing condition of the form.

sóc chu đáo, và thường không biết rằng mình đã đi qua biến cố chết. Đối với kẻ ác và ích kỷ tàn nhẫn, đối với tội phạm và đối với số ít người chỉ sống cho mặt vật chất, sẽ xảy ra tình trạng mà chúng ta gọi là "bị trói buộc vào cõi đất." Những mối liên kết họ đã rèn tạo với đất và xu hướng hướng xuống đất của mọi ham muốn của họ buộc họ phải ở gần mặt đất và bối cảnh cuối cùng của họ trong môi trường trần thế. Họ tuyệt vọng tìm cách, bằng mọi phương tiện có thể, tái tiếp xúc với nó và tái nhập vào đó. Trong một vài trường hợp, tình thương cá nhân lớn lao đối với những người bị bỏ lại, hoặc việc không hoàn thành một bổn phận được nhận biết là cấp bách, giữ những người tốt và đẹp trong một tình trạng phần nào tương tự [447] như thế. Đối với người chí nguyện, cái chết là một sự đi vào tức thì một lĩnh vực phụng sự và biểu lộ mà y đã rất quen thuộc và lập tức nhận ra là không mới mẻ. Trong những giờ ngủ, y đã phát triển một lĩnh vực phụng sự và học hỏi tích cực. Giờ đây y chỉ đơn giản hoạt động trong đó suốt trọn hai mươi bốn giờ (nói theo thời gian cõi hồng trần) thay vì chỉ trong vài giờ ngủ trần thế thông thường.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGES 300-301.

Cái chết chân chính, dưới Định luật, được mang lại bởi sự đạt đến mục tiêu, và do đó bởi sự chấm dứt khát vọng. Bản sao dĩ thái của một con người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế, khi bị tan vỡ, trở nên không còn phân cực đối với đấng nội tại của nó, và vì thế cho phép sự thoát ra. Nói cách khác, nó không còn là một nguồn hấp dẫn, cũng không còn là một điểm hội tụ từ tính. Nó trở nên không từ tính, và Định luật Hấp Dẫn vĩ đại không còn kiểm soát nó nữa; do đó sự tan rã là tình trạng tiếp theo của hình tướng.

"The Law demands the entrance of that which can effect a change."

"Định luật đòi hỏi sự đi vào của điều có thể tạo ra một sự thay đổi."

Bearing in mind what I have elsewhere given, it is obvious that that which must find entrance is that vital concentrated will which, when set in motion in an individual, in a group, in a nation, in a kingdom of nature (a planetary centre), and in the planet as a whole, i.e., in all the planetary centres simultaneously, will cause a stirring, a changed measure, a new movement and momentum, an uprising and a consequent abstraction. The changes wrought in the centres when the death of the physical body is taking place have never yet been observed or recorded; they are, however, definitely present to the eye of the initiate and prove most interesting and informative. It is the recognition of the condition of the centres which enables the initiate [448] to know—when in process of bestowing healing—whether the physical healing of the body is permissible or not. He can see, by looking, whether the will principle of abstraction, to which I have been referring, is actively present or not. The same process can be seen taking place in organisations and in civilisations in which the form aspect is being destroyed in order that the life may be abstracted and later again rebuild for itself a more adequate form. It is the same under the great processes of initiation, which are not only processes of expanding the consciousness but are rooted in the death or the abstraction process, leading to resurrection and ascension.

Ghi nhớ điều tôi đã nêu ở nơi khác, hiển nhiên là điều phải đi vào chính là ý chí đầy sinh lực, tập trung ấy, mà khi được khởi động trong một cá nhân, trong một nhóm, trong một quốc gia, trong một giới của thiên nhiên (một trung tâm hành tinh), và trong toàn thể hành tinh, tức là trong mọi trung tâm hành tinh đồng thời, sẽ gây ra một sự khuấy động, một nhịp độ thay đổi, một chuyển động và động lượng mới, một sự trỗi dậy và một sự rút ra tiếp theo. Những thay đổi được tạo ra trong các trung tâm khi cái chết của thể xác đang diễn ra chưa bao giờ được quan sát hay ghi chép; tuy nhiên, chúng chắc chắn hiện rõ trước mắt điểm đạo đồ và tỏ ra hết sức thú vị và giàu thông tin. Chính sự nhận biết tình trạng của các trung tâm cho phép điểm đạo đồ [448] biết—khi đang tiến hành ban bố trị liệu—liệu việc trị liệu thể xác có được phép hay không. Y có thể thấy, bằng cách quan sát, liệu nguyên khí ý chí rút ra mà tôi đã đề cập có hiện diện một cách tích cực hay không. Cũng có thể thấy cùng tiến trình ấy diễn ra trong các tổ chức và trong các nền văn minh, nơi phương diện hình tướng đang bị hủy diệt để sự sống có thể được rút ra và về sau lại tự tái kiến tạo cho mình một hình tướng thích đáng hơn. Điều này cũng đúng trong các tiến trình điểm đạo lớn lao, vốn không chỉ là những tiến trình mở rộng tâm thức mà còn bén rễ trong tiến trình chết hay rút ra, dẫn đến phục sinh và thăng thiên.

That which effects a change is a discharge (to use a totally inadequate phrase) of directed and focussed will-energy. This is so magnetic in quality that it draws to itself the

Điều tạo ra một sự thay đổi là một sự phóng thích (dùng một cụm từ hoàn toàn không thỏa đáng) của năng lượng ý chí có định hướng và được hội tụ. Nó có phẩm tính từ

life of the centres, bringing about the dissolution of the form but the release of the life. Death comes to the individual man in the ordinary sense of the term when the will-to-live in a physical body goes and the will-to-abstract takes its place. This we call death. In cases of death in war, for instance, it is not then a case of the individual will-to-withdraw, but an enforced participation in a great group abstraction. From its own place, the soul of the individual man recognises the end of a cycle of incarnation, and recalls its life. This it does through a discharge of the will-energy that is strong enough to bring about the change....Christ referred to this work of abstraction as regards the third great planetary centre, Humanity, when He said (and He was speaking as the Representative of the Hierarchy, the second planetary centre, into which all human beings achieving initiation are "withdrawn" esoterically), "I, if I be lifted up, will draw all men unto Me." A different word to this word of His will be spoken at the end of the age when the Lord of the World will speak from Shamballa [449] (the first planetary centre), will abstract the life principle from the Hierarchy, and all life and consciousness will then be focussed in the planetary head centre—the Great Council Chamber at Shamballa.

tính đến mức hút về mình sự sống của các trung tâm, mang lại sự tan rã của hình tướng nhưng giải phóng sự sống. Cái chết đến với con người cá nhân theo nghĩa thông thường của từ này khi ý chí sống trong một thể xác hồng trần ra đi và ý chí rút ra thay thế nó. Điều này chúng ta gọi là cái chết. Chẳng hạn, trong các trường hợp chết trong chiến tranh, khi ấy đó không phải là trường hợp của ý chí rút lui cá nhân, mà là một sự tham dự bị cưỡng bách vào một sự rút ra tập thể lớn lao. Từ vị trí riêng của mình, linh hồn của con người cá nhân nhận biết sự kết thúc của một chu kỳ nhập thể và triệu hồi sự sống của mình. Linh hồn làm điều này thông qua một sự phóng thích năng lượng ý chí đủ mạnh để tạo ra sự thay đổi....Đức Christ đã nói đến công việc rút ra này liên quan đến trung tâm hành tinh lớn thứ ba, Nhân loại, khi Ngài nói (và Ngài đang nói với tư cách là Đấng Đại Diện của Thánh đoàn, trung tâm hành tinh thứ hai, mà vào đó tất cả những con người đạt điểm đạo đều được "rút vào" theo nghĩa huyền bí), "Ta, nếu được nâng lên, sẽ kéo mọi người đến với Ta." Một lời khác với lời này của Ngài sẽ được nói ra vào cuối thời đại khi Đức Chúa Tể Thế Giới sẽ nói từ Shamballa [449] (trung tâm hành tinh thứ nhất), sẽ rút nguyên khí sự sống ra khỏi Thánh đoàn, và khi ấy mọi sự sống và tâm thức sẽ được hội tụ trong trung tâm đầu hành tinh—Đại Nghị Trường tại Shamballa.

"The Law demands that the changes thus effected remove the form, bring quality to light, and lay the emphasis upon life."

"Định luật đòi hỏi rằng những thay đổi được tạo ra như thế phải loại bỏ hình tướng, đưa phẩm tính ra ánh sáng, và đặt trọng tâm vào sự sống."

Here the three great aspects—form, quality, and life—are brought into relation, and the point of the evolutionary objective is seen in its true light—LIFE. Note this phrasing. Form or appearance, having served its purpose, disappears. Death of the form takes

Ở đây ba phương diện lớn—hình tướng, phẩm tính, và sự sống—được đặt vào tương quan, và điểm của mục tiêu tiến hoá được thấy trong ánh sáng chân thực của nó—SỰ SỐNG. Hãy lưu ý cách diễn đạt này. Hình tướng hay sắc tướng, sau khi đã phục vụ

place. Quality, the major divine attribute being developed in this planet, becomes dominant, is "conscious of itself"—as the ancient writings put it. It is identified and individual, but has no implementing form, except that of the greater whole in which it finds its place. Neither form nor quality (body nor consciousness) are paramount in the new state of being, only the life aspect, the spirit on its own plane becomes the dominating factor. Some faint dim light on the significance of this may come if you bear in mind that our seven planes are only the seven subplanes of the cosmic physical plane. The process of developing sensitivity in this sevenfold evolution has been undergone in order to enable the initiate to function upon the cosmic astral plane, when withdrawn or abstracted after the higher initiations. He is abstracted from our planetary life altogether. Only one factor could prevent this, and that might be his pledge to serve temporarily within the planetary ring-pass-not. Such members of the Hierarchy Who pledge Themselves to this work are stated to have Buddhic consciousness, and the line of Their descent (occultly understood) is from the Eternal Pilgrim, the Lord of the World, then the Buddha, and then the Christ. They remain identified through free choice with the "quality seen [450] within the light" and, for the term of Their freely rendered service, work with the consciousness aspect in order to lay the emphasis later upon the life aspect....

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

The eighteen fires must die down; the lesser lives (embodying the principle of form, of

mục đích của nó, sẽ biến mất. Cái chết của hình tướng diễn ra. Phẩm tính, thuộc tính thiêng liêng chủ yếu đang được phát triển trên hành tinh này, trở nên trội vượt, "có ý thức về chính nó"—như các trước tác cổ đã nói. Nó được nhận diện và mang tính cá biệt, nhưng không có hình tướng để thực thi, ngoại trừ hình tướng của toàn thể lớn hơn trong đó nó tìm thấy vị trí của mình. Trong trạng thái hiện hữu mới, cả hình tướng lẫn phẩm tính (thân thể hay tâm thức) đều không phải là tối thượng; chỉ có phương diện sự sống, tinh thần trên cõi riêng của nó, mới trở thành yếu tố chi phối. Một chút ánh sáng mờ nhạt về ý nghĩa của điều này có thể đến nếu bạn ghi nhớ rằng bảy cõi của chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ. Tiến trình phát triển tính nhạy cảm trong cuộc tiến hoá thất phân này đã được trải qua để giúp điểm đạo đồ có thể hoạt động trên cõi cảm dục vũ trụ, khi được rút ra hay trừu xuất sau các lần điểm đạo cao hơn. Y được rút ra khỏi đời sống hành tinh của chúng ta hoàn toàn. Chỉ có một yếu tố có thể ngăn điều này, và đó có thể là lời thệ nguyện của y phụng sự tạm thời bên trong vòng-giới-hạn hành tinh. Những thành viên của Thánh đoàn, Các Ngài tự nguyện cam kết với công việc này, được nói là có tâm thức Bồ đề, và dòng giáng hạ của Các Ngài (được hiểu theo nghĩa huyền bí) là từ Đấng Lữ Khách Vĩnh Cửu, Đức Chúa Tể Thế Giới, rồi đến Đức Phật, và sau đó là Đức Christ. Các Ngài vẫn đồng nhất, do sự lựa chọn tự do, với "phẩm tính được thấy [450] trong ánh sáng" và, trong thời hạn phụng sự được tự nguyện hiến dâng của Các Ngài, hoạt động với phương diện tâm thức để về sau đặt trọng tâm vào phương diện sự sống....

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

Mười tám ngọn lửa phải lụi tàn; các sự sống nhỏ hơn (thể hiện nguyên khí của hình

desire and of thought, the sumtotal of creativity, based upon magnetic love) must return to the reservoir of life and naught be left but that which caused them to be, the central will which is known by the effects of its radiation or breath.

tướng, của dục vọng và của tư tưởng, tổng số của tính sáng tạo, dựa trên tình thương từ tính) phải trở về hồ chứa của sự sống và không còn gì sót lại ngoài điều đã khiến chúng hiện hữu, ý chí trung tâm được biết đến qua các hiệu quả của sự phát xạ hay hơi thở của nó.

This dispersal, death or dissolution, is in reality a great effect produced by the central Cause, and the injunction is consequently: "This they must bring about by the evocation of the Will."...The disciple finds his group in the Master's Ashram and consciously and with full understanding masters death—the long-feared enemy of existence. He discovers that death is simply an effect produced by life and by his conscious will, and is a mode whereby he directs substance and controls matter. This becomes consciously possible because, having developed awareness of two divine aspects—creative activity and love—he is now focussed in the highest aspect and knows himself to be the WILL, the Life, the Father, the Monad, the One.

Sự phân tán, cái chết hay sự tan rã này, trên thực tế, là một hiệu quả lớn được tạo ra *bởi Nguyên Nhân trung tâm, và do đó mệnh lệnh là: "Điều này họ phải mang lại bằng sự gợi lên Ý Chí."*...Đệ tử tìm thấy nhóm của mình trong ashram của Chân sư và một cách có ý thức, với sự thấu hiểu trọn vẹn, làm chủ cái chết—kẻ thù của sự hiện hữu đã bị sợ hãi từ lâu. Y khám phá rằng cái chết chỉ đơn giản là một hiệu quả do sự sống và ý chí có ý thức của y tạo ra, và là một phương thức nhờ đó y định hướng chất liệu và kiểm soát vật chất. Điều này trở nên có thể một cách có ý thức bởi vì, sau khi đã phát triển sự nhận biết về hai phương diện thiêng liêng—hoạt động sáng tạo và bác ái—giờ đây y được hội tụ trong phương diện cao nhất và biết mình là Ý CHÍ, là Sự Sống, là Cha, là chân thần, là Đấng Duy Nhất.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. V.

A great upheaval in all the kingdoms in nature has characterised this day and generation; a stupendous destruction of all forms of divine life and in every kingdom has been the outstanding note of this upheaval. Our modern civilisation has received a death blow from which it will never recover, but which will be recognised some day as the "blow of release" and as the signal for that which is better, new and more suitable for the evolving spirit, to make its appearance. Great and penetrating energies and their [451] evoked forces have met in conflict which has, figuratively speaking,

Một biến động lớn trong mọi giới của thiên nhiên đã đặc trưng cho thời đại và thế hệ này; một sự hủy diệt khổng lồ của mọi hình tướng của sự sống thiêng liêng trong mọi giới đã là âm điệu nổi bật của biến động này. Nền văn minh hiện đại của chúng ta đã nhận một đòn chí tử mà từ đó nó sẽ không bao giờ hồi phục, nhưng một ngày kia sẽ được nhận ra là "đòn giải thoát" và là tín hiệu cho điều tốt đẹp hơn, mới mẻ hơn và thích hợp hơn với tinh thần đang tiến hoá, xuất hiện. Những năng lượng lớn lao và thâm nhập cùng các mãnh lực được chúng gợi lên [451] đã gặp nhau trong một cuộc xung đột mà,

elevated the mineral kingdom into the skies and which has brought down fire from heaven. I am talking to you factually and not just symbolically. The bodies of men, women and children, as well as animals, have been destroyed; the forms of the vegetable kingdom and the potencies of the mineral kingdom have been disintegrated, distributed and devastated. The coherent life of all the planetary forms has been temporarily rendered incoherent. As an ancient prophecy has put it: "No true united Sound goes out from form to form, from life to life. Only a cry of pain, a demand for restitution and an invocation for relief from agony, despair and fruitless effort goes out from here to There."

nói theo nghĩa hình tượng, đã nâng giới kim thạch lên bầu trời và đã kéo lửa từ thiên thượng xuống. Tôi đang nói với các bạn theo nghĩa sự kiện chứ không chỉ theo biểu tượng. Thể xác của những người nam và nữ cùng trẻ em, cũng như của các loài vật, đã bị hủy diệt; các hình tướng của giới thực vật và các tiềm lực của giới kim thạch đã bị tan rã, phân tán và tàn phá. Sự sống cố kết của mọi hình tướng hành tinh đã tạm thời bị làm cho mất cố kết. Như một lời tiên tri cổ đã nói: "Không có Âm Thanh hợp nhất chân chính nào phát ra từ hình tướng đến hình tướng, từ sự sống đến sự sống. Chỉ có một tiếng kêu đau đớn, một lời đòi hỏi hoàn nguyên và một khẩn cầu được giải thoát khỏi thống khổ, tuyệt vọng và nỗ lực vô ích phát ra từ đây đến Kia."

All this upheaval of the "soil" of the world—spiritual, psychological and physical—all this disruption of the forms and of the familiar contours of our planetary life, had to take place before there could come the emergence of the Hierarchy into the public consciousness; all this had to do its work upon the souls of men before the New Age could come in, bringing with it the Restoration of the Mysteries and the rehabilitation of the peoples of the Earth. The two go together. This is one of the major points which I am seeking to make. The disruption, disintegration and the completely chaotic conditions existing for the past five hundred years within all the kingdoms of nature have at last worked their way out into paralleling physical conditions. This is good and desirable; it marks the prelude to a better building of a better world, and the construction of more adequate forms of life and of more correct human attitudes, plus a sounder orientation to reality. The best is yet to be.

Tất cả biến động này của "mảnh đất" thế giới —về tinh thần, tâm lý và hồng trần—tất cả sự đổ vỡ này của các hình tướng và những đường nét quen thuộc của đời sống hành tinh của chúng ta, *đã* phải xảy ra trước khi có thể có sự xuất hiện của Thánh đoàn trong tâm thức công chúng; tất cả điều này đã phải thực hiện công việc của nó trên các linh hồn của con người trước khi Kỷ Nguyên Mới có thể đến, mang theo nó sự Phục Hồi các Mầu Nhiệm và sự phục hưng các dân tộc trên Trái Đất. Hai điều này đi cùng nhau. Đây là một trong những điểm chính yếu mà tôi đang tìm cách nêu ra. Sự đổ vỡ, tan rã và những điều kiện hoàn toàn hỗn loạn đã tồn tại trong năm trăm năm qua bên trong mọi giới của thiên nhiên cuối cùng đã bộc lộ ra thành những điều kiện hồng trần song hành. Điều này là tốt và đáng mong muốn; nó đánh dấu khúc dạo đầu cho việc xây dựng tốt đẹp hơn một thế giới tốt đẹp hơn, và việc kiến tạo những hình tướng sự sống thích đáng hơn cùng những thái độ nhân loại đúng đắn hơn, cộng thêm một sự định hướng lành mạnh

hơn đối với thực tại. Điều tốt đẹp nhất vẫn còn ở phía trước.

Everything is being rapidly brought to the surface—the good and the bad, the desirable and the undesirable, the [452] past and the future (for the two are one); the plough of God has nearly accomplished its work; the sword of the spirit has severed an evil past from the radiant future, and both are seen as contributory in the Eye of God; our material civilisation will be seen as giving place rapidly to a more spiritual culture; our church organisations, with their limiting and confusing theologies, will soon give place to the Hierarchy with its emerging teaching—clear, factual, intuitive and nondogmatic.

Mọi thứ đang nhanh chóng được đưa lên bề mặt—điều tốt và điều xấu, điều đáng mong muốn và điều không đáng mong muốn, [452] quá khứ và tương lai (vì hai điều ấy là một); lưỡi cày của Thượng đế gần như đã hoàn tất công việc của nó; thanh gươm của tinh thần đã cắt lìa một quá khứ xấu ác khỏi tương lai rạng ngời, và cả hai đều được thấy là góp phần trong Con Mắt của Thượng đế; nền văn minh vật chất của chúng ta sẽ được thấy là đang nhanh chóng nhường chỗ cho một nền văn hóa tinh thần hơn; các tổ chức giáo hội của chúng ta, với những thần học giới hạn và gây rối trí của chúng, sẽ sớm nhường chỗ cho Thánh đoàn với giáo huấn đang xuất hiện của nó—rõ ràng, thực tế, trực giác và không giáo điều.

Intense desire for sentient existence or attachment. This is inherent in every form, is self-perpetuating and known even to the very wise.

Ham muốn mãnh liệt đối với sự hiện hữu có cảm nhận hay sự bám chấp. Điều này vốn có trong mọi hình tướng, tự duy trì và được biết đến ngay cả với những người rất minh triết.

When the life or Spirit withdraws itself, the form dies, occultly. When the thought of the ego or higher self is occupied with its own plane, there is no energy outgoing towards the matter of the three worlds, and so no form-building and form-attachment is there possible. This is in line with the occult truism that "energy follows thought," and is in line, too, with the teaching that the body of the Christ principle (the Buddhic vehicle) only begins to coordinate as the lower impulses fade out....Attachment to form or the attraction of form for Spirit is the great involutionary impulse. Repulsion of form and consequent form disintegration is the great evolutionary urge.

Khi sự sống hay tinh thần tự rút lui, hình tướng chết đi, theo nghĩa huyền bí. Khi tư tưởng của chân ngã hay chân ngã bậc cao bận tâm với cõi riêng của nó, sẽ không có năng lượng nào tuôn ra hướng về vật chất của ba cõi thấp, và do đó không thể có việc xây dựng hình tướng và bám chấp vào hình tướng. Điều này phù hợp với chân lý huyền bí rằng "năng lượng đi theo tư tưởng," và cũng phù hợp với giáo huấn rằng thể Bồ đề của nguyên khí Christ chỉ bắt đầu phối hợp khi các xung lực thấp phai tắt....Sự bám chấp vào hình tướng hay sức hấp dẫn của hình tướng đối với tinh thần là xung lực giáng hạ tiến hoá lớn lao. Sự đẩy lùi hình tướng và sự

tan rã hình tướng tiếp theo là thúc đẩy tiến hoá lớn lao.

THE LIGHT OF THE SOUL, PAGES 137-8.

THE LIGHT OF THE SOUL, PAGES 137-8.

When the cause, desire, has produced its effect, the personality or form aspect of man, then as long as the will to live exists, so long will the form persist. It is kept in manifestation through mental vitality. This has been demonstrated time and again in the annals of medicine, for it has been proven that as long as the determination to live persists, so will be the probable duration of the physical plane [453] life; but that the moment that will is withdrawn, or the interest of the dweller in the body is no longer centered upon personality manifestation, death ensues and the disintegration of that mind-image, the body, takes place.

Khi nguyên nhân, tức dục vọng, đã tạo ra hiệu quả của nó, tức phàm ngã hay phương diện hình tướng của con người, thì chừng nào ý chí sống còn hiện hữu, chừng đó hình tướng còn tồn tại. Nó được giữ trong biểu hiện nhờ sinh lực trí tuệ. Điều này đã được chứng minh hết lần này đến lần khác trong biên niên sử y học, vì đã được chứng tỏ rằng chừng nào quyết tâm sống còn tồn tại, thì thời lượng có thể có của đời sống cõi hồng trần [453] cũng sẽ còn; nhưng ngay khoảnh khắc ý chí ấy bị rút lại, hoặc sự quan tâm của kẻ cư ngụ trong thân thể không còn tập trung vào biểu hiện phàm ngã nữa, thì cái chết xảy đến và sự tan rã của hình ảnh trí tuệ ấy, tức thể xác, diễn ra.

THE LIGHT OF THE SOUL, PAGE 397.

THE LIGHT OF THE SOUL, PAGE 397.

There are two main lines of evolution, that which concerns matter and form, and that which concerns the soul, the consciousness aspect, the thinker in manifestation. For each of these the path of progress differs, and each pursues its course. As has been noted, for a long period of time the soul identifies itself with the form aspect and endeavours to follow the "Path of Death," for that is what the dark path is in fact to the thinker. Later, through strenuous effort, this identification ceases; the soul becomes aware of itself, and of its own path, or dharma, and follows then the way of light and of life. It should ever be borne in mind, however, that for the two aspects their own path is the right path, and that the impulses which lie hidden in the physical vehicle or in the astral body are not in themselves wrong. They become wrong from certain angles

Có hai đường tiến hoá chính, một đường liên quan đến vật chất và hình tướng, và một đường liên quan đến linh hồn, phương diện tâm thức, thức giả trong biểu hiện. Đối với mỗi đường này, con đường tiến bộ là khác nhau, và mỗi đường theo đuổi lộ trình riêng của nó. Như đã lưu ý, trong một thời gian dài linh hồn đồng hoá với phương diện hình tướng và cố gắng đi theo "Con Đường của Cái Chết," vì đó thực sự là con đường tối đối với thức giả. Về sau, nhờ nỗ lực mãnh liệt, sự đồng hoá này chấm dứt; linh hồn trở nên nhận biết chính mình, và con đường riêng của nó, hay dharma, rồi sau đó đi theo con đường của ánh sáng và của sự sống. Tuy nhiên, cần luôn ghi nhớ rằng đối với hai phương diện này, con đường riêng của chúng là con đường đúng đắn, và những xung lực ẩn giấu trong vận cụ hồng trần hay trong thể cảm dục tự chúng không sai.

when twisted from their right use, and it was this realisation that led the disciple in the Book of Job to cry out and say, "I have perverted that which was right." The two lines of development are separate and distinct, and this every aspirant has to learn.

Chúng trở nên sai từ một số góc độ nhất định khi bị bẻ cong khỏi cách sử dụng đúng đắn của chúng, và chính sự chứng nghiệm này đã khiến đệ tử trong Sách Job kêu lên rằng, "Tôi đã làm sai lệch điều vốn đúng." Hai đường phát triển này tách biệt và khác nhau, và đây là điều mọi người chí nguyện đều phải học.

THE LIGHT OF THE SOUL, PAGES 402-403.

THE LIGHT OF THE SOUL, PAGES 402-403.

The Art of Dying.

Nghệ thuật chết.

The soul, seated in the heart, is the life principle, the principle of self-determination, the central nucleus of positive energy by means of which all the atoms of the body are held in their right place and subordinated to the "will-to-be" of the soul. This principle of life utilises the blood stream [454] as its mode of expression and as its controlling agency, and through the close relation of the endocrine system to the blood stream, we have the two aspects of soul activity brought together in order to make man a living, conscious, functioning entity, governed by the soul, and expressing the purpose of the soul in all the activities of daily living.

Linh hồn, ngự trong tim, là nguyên khí sự sống, nguyên khí tự quyết định, hạt nhân trung tâm của năng lượng dương, nhờ đó mọi nguyên tử của thân thể được giữ đúng vị trí của chúng và được đặt dưới "ý chí-hiện-hữu" của linh hồn. Nguyên khí sự sống này sử dụng dòng máu [454] như phương thức biểu lộ và như tác nhân kiểm soát của nó, và thông qua mối liên hệ chặt chẽ của hệ nội tiết với dòng máu, chúng ta có hai phương diện của hoạt động linh hồn được đưa lại với nhau để làm cho con người trở thành một thực thể sống, hữu thức, đang hoạt động, được linh hồn chi phối, và biểu lộ mục đích của linh hồn trong mọi hoạt động của đời sống hằng ngày.

Death, therefore, is literally the withdrawal from the heart and from the head of these two streams of energy, producing consequently complete loss of consciousness and disintegration of the body. Death differs from sleep in that both streams of energy are withdrawn. In sleep, only the thread of energy which is anchored in the brain is withdrawn, and when this happens the man becomes unconscious. By this we mean that his consciousness or sense of awareness is focussed elsewhere. His attention is no longer directed towards things tangible and physical, but is turned

Vì vậy, cái chết theo nghĩa đen là sự rút ra khỏi tim và khỏi đầu của hai dòng năng lượng này, do đó tạo ra sự mất tâm thức hoàn toàn và sự tan rã của thể xác. Cái chết khác với giấc ngủ ở chỗ *cả hai* dòng năng lượng đều được rút đi. Trong giấc ngủ, chỉ có sợi dây năng lượng được neo trong bộ não là được rút đi, và khi điều này xảy ra thì con người trở nên vô thức. Bởi điều này chúng tôi muốn nói rằng tâm thức hay cảm nhận nhận biết của y được tập trung ở nơi khác. Sự chú ý của y không còn hướng về những sự vật hữu hình và hồng trần nữa, mà quay về một thế giới bản thể khác và trở nên tập trung trong một

upon another world of being and becomes centered in another apparatus or mechanism. In death, both the threads are withdrawn or unified in the life thread. Vitality ceases to penetrate through the medium of the blood stream and the heart fails to function, just as the brain fails to record, and thus silence settles down. The house is empty. Activity ceases, except that amazing and immediate activity which is the prerogative of matter itself and which expresses itself in the process of decomposition. From certain aspects, therefore, that process indicates man's unity with everything that is material; it demonstrates that he is apart of nature itself, and by nature we mean the body of the one Life in whom "we live and move and have our being." In those three words—living, moving and being—we have the entire story. Being is awareness, self-consciousness and self-expression, and of this man's head and brain are the exoteric symbols. Living is energy, desire in form, coherence and adhesion to an idea, and of this the heart and the blood are the exoteric [455] symbols. Moving indicates the integration and response of the existing, aware, living entity into the universal activity, and of this the stomach, pancreas and liver are the symbols.

bộ máy hay cơ cấu khác. Trong cái chết, cả hai sợi dây đều được rút đi hoặc được hợp nhất vào sinh mệnh tuyến. Sinh lực không còn thâm nhập qua trung gian của dòng máu nữa và tim ngừng hoạt động, cũng như bộ não không còn ghi nhận nữa, và như thế sự im lặng buông xuống. Ngôi nhà trống rỗng. Hoạt động chấm dứt, ngoại trừ hoạt động kỳ diệu và tức thời ấy là đặc quyền của chính vật chất và tự biểu lộ trong tiến trình phân hủy. Vì vậy, xét từ một số phương diện, tiến trình ấy cho thấy sự hợp nhất của con người với mọi thứ thuộc vật chất; nó chứng minh rằng y là một phần của chính thiên nhiên, và bởi thiên nhiên chúng tôi muốn nói đến thân thể của Sự sống duy nhất mà trong đó "chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu." Trong ba từ ấy—sống, chuyển động và hiện hữu—chúng ta có toàn bộ câu chuyện. *Hiện hữu* là sự nhận biết, ngã thức và sự tự biểu lộ, và đầu cùng bộ não của con người là những biểu tượng ngoại môn của điều này. *Sống* là năng lượng, dục vọng trong hình tướng, sự cố kết và sự bám dính vào một ý tưởng, và tim cùng máu là những biểu tượng ngoại môn [455] của điều này. *Chuyển động* chỉ sự tích hợp và đáp ứng của thực thể hiện hữu, nhận biết, đang sống vào hoạt động phổ quát, và dạ dày, tụy tạng và gan là những biểu tượng của điều này.

It must be noted also that death is, therefore, undertaken at the direction of the Ego, no matter how unaware a human being may be of that direction. The process works automatically with the majority, for (when the soul withdraws its attention) the inevitable reaction on the physical plane is either death, by the abstraction of the dual threads of life and reason energy, or by the abstraction of the thread of energy which is qualified by mentality, leaving the life stream still functioning through the heart, but no intelligent awareness. The soul is

Cũng cần lưu ý rằng *vì vậy, cái chết được thực hiện theo sự chỉ đạo của chân ngã, cho dù một con người có thể không nhận biết gì về sự chỉ đạo ấy*. Tiến trình này vận hành một cách tự động nơi đa số, vì (khi linh hồn rút sự chú ý của nó lại) phản ứng tất yếu trên cõi hồng trần hoặc là cái chết, do sự rút ra của hai sợi dây năng lượng: sự sống và lý trí, hoặc là do sự rút ra của sợi dây năng lượng được phẩm định bởi trí tuệ, để lại dòng sự sống vẫn còn hoạt động qua tim, nhưng không có nhận biết thông minh nào. Linh hồn đang bận rộn

engaged elsewhere and occupied on its own plane with its own affairs.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGES 496-497.

Before I take up this subject in greater detail I would like to make some reference to the "web in the brain," which is intact for the majority but is non-existent for the illumined seer.

In the human body, as you know, we have an underlying, extensive vital body which is the counterpart of the physical, which is larger than the physical and which we call the etheric body or double. It is an energy body and is composed of force centres and nadis or force threads. These underlie or are the counterparts of the nervous apparatus—the nerves and the nerve ganglia. In two places in the human body there are orifices of exit, if I may use so cumbersome a phrase. One opening is in the solar plexus and the other is in the brain at the top of the head. Protecting both is a closely woven web of etheric matter, composed of interlacing strands of life energy.

ở nơi khác và chuyên chú trên cõi riêng của nó với những công việc riêng của nó.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGES 496-497.

Trước khi tôi bàn đến chủ đề này chi tiết hơn, tôi muốn đề cập đôi chút đến "mạng lưới trong não," vốn còn nguyên vẹn nơi đa số nhưng không hiện hữu nơi nhà thông nhãn được soi sáng.

Trong thân thể con người, như bạn biết, chúng ta có một thể sinh lực nền tảng và rộng khắp, là đối phần của thể xác, lớn hơn thể xác và chúng ta gọi nó là thể dĩ thái hay bản sao. Nó là một thể năng lượng và được cấu thành bởi các trung tâm lực và các nadi hay các sợi chỉ lực. Chúng nằm bên dưới hoặc là các đối phần của bộ máy thần kinh—các dây thần kinh và các hạch thần kinh. Trong thân thể con người có hai nơi là những lỗ thoát ra, nếu tôi có thể dùng một cụm từ nặng nề như thế. Một lỗ mở ở tùng thái dương và lỗ kia ở trong não tại đỉnh đầu. Bảo vệ cả hai là một mạng lưới vật chất dĩ thái được dệt chặt, cấu thành bởi những sợi đan xen của năng lượng sự sống.

During the process of death the pressure of the life energy beating against the web produces eventually a puncturing [456] or opening. Out of this the life force pours as the potency of the abstracting influence of the soul increases. In the case of animals, of infants and of men and women who are polarised entirely in the physical and astral bodies, the door of exit is the solar plexus, and it is that web which is punctured, thus permitting the passing out. In the case of mental types, of the more highly evolved human units, it is the web at the top of the head in the region of the fontenelle which is ruptured, thus again permitting the exit of the thinking rational being.

Trong tiến trình chết, áp lực của năng lượng sự sống đập vào mạng lưới cuối cùng tạo ra một sự đâm thủng [456] hay một lỗ mở. Từ đó sinh lực tuôn ra khi tiềm lực của ảnh hưởng rút ra từ linh hồn gia tăng. Trong trường hợp thú vật, trẻ sơ sinh và những người nam và nữ phân cực hoàn toàn trong thể xác và thể cảm dục, cửa thoát ra là tùng thái dương, và chính mạng lưới ấy bị đâm thủng, nhờ đó cho phép sự ra đi. Trong trường hợp các loại người trí tuệ, các đơn vị nhân loại tiến hóa hơn, thì mạng lưới ở đỉnh đầu trong vùng thóp bị vỡ ra, nhờ đó lại cho phép sự ra đi của hữu thể suy tư có lý trí.

In the process of death these are, therefore, the two main exits: the solar plexus for the astrally polarised, physically biased human being, and therefore of the vast majority, and the head centre for the mentally polarised and spiritually oriented human being. This is the first and most important factor to remember, and it will easily be seen how the trend of a life tendency and the focus of the life attention determine the mode of exit at death. It can be seen also that an effort to control the astral life and the emotional nature, and to orient one's self to the mental world and to spiritual things, has a momentous effect upon the phenomenal aspects of the death process.

Vì vậy, trong tiến trình chết, đây là hai lối thoát chính: tùng thái dương dành cho con người phân cực cảm dục, thiên về hồng trần, và do đó là của đại đa số; và trung tâm đầu dành cho con người phân cực trí tuệ và định hướng tinh thần. Đây là yếu tố đầu tiên và quan trọng nhất cần ghi nhớ, và sẽ dễ dàng thấy được xu hướng của khuynh hướng đời sống và tiêu điểm của sự chú ý trong đời sống quyết định cách thức thoát ra khi chết như thế nào. Cũng có thể thấy rằng nỗ lực kiểm soát đời sống cảm dục và bản chất cảm xúc, và định hướng bản thân về thế giới trí tuệ và những điều tinh thần, có một tác động trọng đại lên các phương diện hiện tượng của tiến trình chết.

If the student is thinking clearly, it will be apparent to him that one exit concerns the spiritual and highly evolved man, whilst the other concerns the low grade human being who has scarcely advanced beyond the animal stage. What then of the average man? A third exit is now in temporary use; just below the apex of the heart another etheric web is found covering an orifice of

Nếu đạo sinh suy nghĩ rõ ràng, thì đối với y sẽ hiển nhiên rằng một lối thoát liên quan đến con người tinh thần và tiến hóa cao, trong khi lối kia liên quan đến con người cấp thấp hầu như chưa vượt quá giai đoạn thú vật. Vậy còn con người trung bình thì sao? Hiện nay có một lối thoát thứ ba đang được dùng tạm thời; ngay dưới đỉnh tim có một mạng lưới dĩ thái khác che phủ một lỗ thoát ra. Vì vậy, chúng ta có tình hình như sau:

exit. We have, therefore, the following situation:

1. The exit in the head, used by the intellectual type, by the disciples and initiates of the world. [457]

2. The exit in the heart, used by the kindly, well-meaning man or woman who is a good citizen, an intelligent friend and a philanthropic worker.

3. The exit in the region of the solar plexus, used by those whose animal nature is strong.

This is the first point in the new information which will slowly become common knowledge in the West during the next century. Much of it is already known by thinkers in the East and is in the nature of a first step towards a rational understanding of the death process.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 500.

In relation to the technique of dying, it is only possible for me at this time to make one or two suggestions. I deal not here with the attitude of the attendant watchers, I deal only with those points which will make for an easier passing over of the transient soul. First, let there be silence in the chamber. This is, of course, frequently the case. It must be remembered that the dying person may usually be unconscious. This unconsciousness is apparent but not real. In nine hundred cases out of a thousand the brain awareness is there, with a full consciousness of happenings, but there is a complete paralysis of the will to express and complete inability to generate the energy which will indicate aliveness. When silence

1. Lối thoát ở đầu, được dùng bởi loại người trí thức, bởi các đệ tử và các điểm đạo đồ của thế giới. [457]

2. Lối thoát ở tim, được dùng bởi người nam hay người nữ tử tế, thiện chí, là một công dân tốt, một người bạn thông minh và một người hoạt động từ thiện.

3. Lối thoát ở vùng tùng thái dương, được dùng bởi những người có bản chất thú vật mạnh.

Đây là điểm đầu tiên trong thông tin mới, điều sẽ chậm rãi trở thành tri thức phổ biến ở phương Tây trong thế kỷ tới. Phần lớn điều này đã được các nhà tư tưởng ở phương Đông biết đến và có tính chất là bước đầu hướng tới sự thấu hiểu hợp lý về tiến trình chết.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 500.

Liên quan đến kỹ thuật chết, hiện nay tôi chỉ có thể đưa ra một hay hai gợi ý. Ở đây tôi không bàn đến thái độ của những người canh chừng bên cạnh, tôi chỉ bàn đến những điểm sẽ giúp cho sự vượt qua dễ dàng hơn của linh hồn đang chuyển tiếp. Trước hết, hãy để có sự im lặng trong phòng. Dĩ nhiên, điều này thường là như vậy. Phải nhớ rằng người đang hấp hối thường có vẻ vô thức. Sự vô thức này là bề ngoài chứ không thật. Trong chín trăm trường hợp trên một ngàn, sự nhận biết của não vẫn còn đó, với tâm thức đầy đủ về những gì đang xảy ra, nhưng có sự tê liệt hoàn toàn của ý chí biểu lộ và hoàn toàn không thể tạo ra năng lượng để chỉ ra sự sống. Khi sự im lặng và thấu hiểu ngự trị trong phòng bệnh, linh hồn đang ra

and understanding rule the sick room, the departing soul can hold possession of its instrument with clarity until the last minute, and can make due preparation.

đi có thể giữ quyền sở hữu công cụ của nó một cách minh bạch cho đến phút cuối cùng, và có thể chuẩn bị thích đáng.

Later, when more anent colour is known, only orange lights will be permitted in the sick room of a dying person, and these will only be installed with due ceremony when there is assuredly no possibility of recovery. Orange aids the focussing in the head, just as red stimulates the solar [458] plexus and green has a definite effect upon the heart and life streams.

Về sau, khi người ta biết nhiều hơn về màu sắc, chỉ những ánh đèn màu cam mới được phép trong phòng bệnh của người hấp hối, và chúng chỉ được lắp đặt với nghi thức thích đáng khi chắc chắn không còn khả năng hồi phục. Màu cam giúp cho sự tập trung ở đầu, cũng như màu đỏ kích thích tùng thái dương [458] và màu xanh lục có ảnh hưởng rõ rệt lên tim và các dòng sự sống.

Certain types of music will be used when more in connection with sound is understood, but there is no music as yet which will facilitate the work of the soul in abstracting itself from the body, though certain notes on the organ will be found effective. At the exact moment of death, if a person's own note is sounded, it will coordinate the two streams of energy and eventually rupture the life thread, but the knowledge of this is too dangerous to transmit as yet and can only later be given. I would indicate the future and the lines along which future occult study will run.

Một số loại âm nhạc sẽ được dùng khi người ta hiểu nhiều hơn về âm thanh, nhưng hiện chưa có loại nhạc nào sẽ tạo thuận lợi cho công việc của linh hồn trong việc rút chính nó ra khỏi thân thể, mặc dù một số âm điệu nhất định trên đàn phong cầm sẽ được thấy là hữu hiệu. Vào đúng khoảnh khắc chết, nếu âm điệu riêng của một người được xướng lên, nó sẽ phối hợp hai dòng năng lượng và cuối cùng làm đứt sinh mệnh tuyến, nhưng tri thức này hiện còn quá nguy hiểm để truyền đạt và chỉ có thể được ban ra về sau. Tôi muốn chỉ ra tương lai và những đường hướng mà việc nghiên cứu huyền bí học trong tương lai sẽ tiến hành.

It will be found also that pressure on certain nerve centres and on certain arteries will facilitate the work, and this science of dying is held in custody, as many students know, in Tibet. Pressure on the jugular vein and on certain big nerves in the region of the head and on a particular spot in the medulla oblongata will be found helpful and effective. A definite science of death will inevitably later be elaborated, but only when the fact of the soul is recognised and its

Người ta cũng sẽ thấy rằng áp lực lên một số trung tâm thần kinh và lên một số động mạch sẽ tạo thuận lợi cho công việc này, và khoa học về sự chết này, như nhiều đạo sinh biết, đang được lưu giữ tại Tây Tạng. Áp lực lên tĩnh mạch cảnh và lên một số dây thần kinh lớn trong vùng đầu và lên một điểm đặc biệt trong hành tủy sẽ được thấy là hữu ích và hiệu quả. Về sau chắc chắn sẽ có một khoa học xác định về cái chết được khai triển, nhưng chỉ khi sự kiện về linh hồn được

relation to the body has been scientifically demonstrated.

công nhận và mối liên hệ của nó với thể xác đã được chứng minh một cách khoa học.

Mantric phrases will also be employed and definitely built into the consciousness of the dying person by those around him, or employed deliberately and mentally by himself. The Christ demonstrated their use when He cried aloud, "Father, into thy hands, I commend my spirit." And we have another instance in the words, "Lord, now lettest Thou Thy servant depart in peace." The steady use of the Sacred Word, chanted in an undertone or on a particular key (to which the dying man will be found to respond), may later constitute also a part of the ritual of transition, accompanied by the anointing with oil, as preserved in the Catholic Church. Extreme Unction has an occult, scientific basis. The top of the head of the dying [459] man should also symbolically point towards the East, and the feet and hands should be crossed. Sandalwood only should be burned in the room, and no incense of any other kind permitted, for sandalwood is the incense of the First or Destroyer Ray, and the soul is in process of destroying its habitation.

Các cụm từ mantram cũng sẽ được dùng và được xây dựng rõ rệt vào tâm thức của người hấp hối bởi những người quanh y, hoặc được chính y dùng một cách có chủ ý và bằng trí tuệ. Đức Christ đã chứng minh việc sử dụng chúng khi Ngài kêu lớn tiếng: "Lạy Cha, con xin phó thác tinh thần con trong tay Cha." Và chúng ta có một trường hợp khác trong những lời: "Lạy Chúa, giờ đây xin cho tôi tớ Ngài ra đi bình an." Việc sử dụng đều đặn Linh từ Thiêng Liêng, được tụng bằng giọng trầm hoặc trên một cao độ đặc biệt (mà người hấp hối sẽ được thấy là đáp ứng), về sau cũng có thể cấu thành một phần của nghi thức chuyển tiếp, đi kèm với việc xức dầu như được bảo tồn trong Giáo hội Công giáo. Phép Xức Dầu Cuối Cùng có một nền tảng huyền bí và khoa học. Đỉnh đầu của người hấp hối [459] cũng nên được hướng một cách tượng trưng về phía Đông, và bàn chân cùng bàn tay nên được bắt chéo. Chỉ nên đốt gỗ đàn hương trong phòng, và không được phép dùng bất kỳ loại hương nào khác, vì đàn hương là hương của Cung một hay Cung Hủy Diệt, và linh hồn đang trong tiến trình hủy bỏ nơi cư ngụ của nó.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 505.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 505.

If there is one factor aspirants recognise, it is the need of freeing themselves from the Great Illusion. Arjuna knew this, yet succumbed to despair. Yet in his hour of need, Krishna failed him not, but laid down in the Gita the simple rules whereby depression and doubt can be overcome. They may be briefly summarised as follows:

Nếu có một yếu tố mà những người chí nguyện nhận ra, thì đó là nhu cầu giải thoát chính mình khỏi Đại Ảo Tưởng. Arjuna biết điều này, nhưng vẫn khuất phục trước tuyệt vọng. Tuy nhiên, trong giờ phút cần thiết của ông, Krishna đã không bỏ rơi ông, mà đã đặt ra trong Gita những quy luật đơn giản nhờ đó sự trầm uất và nghi ngờ có thể được vượt qua. Chúng có thể được tóm lược ngắn gọn như sau:

a. Know thyself to be the undying One.

a. Hãy biết mình là Đấng không thể bị hủy diệt.

b. Control thy mind, for through that mind the undying One can be known.

b. Hãy kiểm soát trí tuệ của mình, vì qua trí tuệ ấy Đấng bất tử có thể được biết đến.

c. Learn that the form is but the veil which hides the splendour of Divinity.

c. Hãy học rằng hình tướng chỉ là bức màn che giấu vẻ huy hoàng của thiên tính.

d. Realise that the One Life pervades all forms, so there is no death, no distress, no separation.

d. Hãy chứng nghiệm rằng Sự sống duy nhất thấm nhuần mọi hình tướng, vì thế không có cái chết, không có khổ đau, không có chia lìa.

e. Detach thyself therefore from the form side and come to me, so dwelling in the place where Light and Life are found. Thus illusion ends.

e. Vì vậy, hãy tách rời mình khỏi phương diện hình tướng và đến với ta, nhờ đó cư ngụ trong nơi mà Ánh sáng và Sự sống được tìm thấy. Như thế ảo tưởng chấm dứt.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 308.

A TREATISE ON WHITE MAGIC, PAGE 308.

A Master learns the meaning of each confining form; then He assumes control and wields the law upon the plane consistent with the form. He has then outgrown the form and discards it for other and higher forms. Thus, He has progressed always by means of the sacrifice and death of the form. Always, it is recognised as imprisoning, always it must be sacrificed and die so that the life within may speed ever on and up. The path of resurrection presupposes [460] crucifixion and death, and then leads to the mount whence Ascension may be made.

Một Chân sư học ý nghĩa của mỗi hình tướng giam hãm; rồi Ngài nắm quyền kiểm soát và vận dụng định luật trên cõi phù hợp với hình tướng ấy. Khi đó Ngài đã vượt khỏi hình tướng và loại bỏ nó để nhận lấy những hình tướng khác và cao hơn. Như vậy, Ngài luôn luôn tiến bộ bằng phương tiện của sự hi sinh và cái chết của hình tướng. Luôn luôn, nó được nhận ra là đang giam cầm; luôn luôn nó phải được hi sinh và chết đi để sự sống bên trong có thể luôn luôn tiến nhanh lên trên. con đường phục sinh giả định trước [460] sự đóng đinh và cái chết, rồi sau đó dẫn đến ngọn núi từ đó sự Thăng Thiên có thể được thực hiện.

LETTERS ON OCCULT MEDITATION, PAGE 261.

LETTERS ON OCCULT MEDITATION, PAGE 261.

2. THE ACT OF RESTITUTION — 2. HÀNH ĐỘNG HOÀN NGUYÊN

In considering the consciousness of the departing soul (note that phrase) as it undertakes the act of restitution, I would again point out that I am dealing with a subject of which there is no tangible physical proof. Occasionally men are brought back again into physical plane existence when at the exact point of complete physical restitution. This can only be done as long as the conscious entity is still occupying the etheric vehicle, though the discarding of the dense physical body has to all intents and purposes been completed. Though the etheric body interpenetrates the entire physical body, it is much larger than that body, and the astral body and the mental nature can still remain etherically polarised even if the death of the physical body—the cessation of all heart activity and the concentration of the basic etheric focus in the region of the head, or the heart, or the solar plexus—has been effective and the withdrawal is already well under way.

Khi xem xét tâm thức của linh hồn đang ra đi (hãy lưu ý cụm từ ấy) khi nó thực hiện hành động hoàn nguyên, tôi lại muốn chỉ ra rằng tôi đang bàn đến một chủ đề không có bằng chứng hồng trần hữu hình nào. Thỉnh thoảng người ta được đưa trở lại hiện hữu trên cõi hồng trần khi đang ở đúng điểm hoàn nguyên hồng trần hoàn toàn. Điều này chỉ có thể được thực hiện chừng nào thực thể có ý thức vẫn còn chiếm giữ vận cụ dĩ thái, mặc dù việc loại bỏ thể xác đậm đặc về mọi ý nghĩa thực tiễn đã hoàn tất. Mặc dù thể dĩ thái thâm nhập toàn bộ thể xác, nó lớn hơn thể xác ấy rất nhiều, và thể cảm dục cùng bản chất trí tuệ vẫn có thể còn phân cực dĩ thái ngay cả khi cái chết của thể xác—sự chấm dứt mọi hoạt động của tim và sự tập trung của tiêu điểm dĩ thái căn bản trong vùng đầu, hoặc tim, hoặc tùng thái dương—đã có hiệu lực và sự rút lui đã đang tiến hành khá xa.

The etheric forces are first of all withdrawn into the surrounding extension of the etheric ring-pass-not, prior to that final dissipation which leaves the man free to stand as a human soul within the ring-pass-not of his astral vehicle. You have here a somewhat new aspect of the death process. The withdrawal of the etheric body from occupation of the dense physical body has oft been posited and presented. But even when that has been accomplished, death is not yet complete; it still awaits a secondary activity of the will of the soul. This secondary activity will result in all the etheric forces dissolving into an emanating source which is the [461] general reservoir of forces. Forget not that the etheric body has no distinctive life of its own. It is only an

Trước hết, các mãnh lực dĩ thái được rút vào phần mở rộng bao quanh của vòng-giới-hạn dĩ thái, trước khi có sự làm tiêu tan cuối cùng khiến con người được tự do đứng như một linh hồn nhân loại trong vòng-giới-hạn của vận cụ cảm dục của mình. Ở đây bạn có một phương diện phần nào mới của tiến trình chết. Việc rút thể dĩ thái ra khỏi sự chiếm giữ thể xác đậm đặc thường đã được giả định và trình bày. Nhưng ngay cả khi điều đó đã được hoàn thành, cái chết vẫn chưa hoàn tất; nó vẫn còn chờ một hoạt động thứ hai của ý chí linh hồn. Hoạt động thứ hai này sẽ dẫn đến việc mọi mãnh lực dĩ thái tan hòa vào một nguồn phát xạ, là [461] hồ chứa chung của các mãnh lực. Đừng quên rằng thể dĩ thái không có sự sống riêng biệt của chính nó. Nó chỉ là một sự hòa trộn của

amalgamation of all the forces and energies which animated the physical body and which galvanised it into activity during the outer life cycle. Remember also that the five centres up the spine are not within the physical body, but are found at certain distinctive points in the paralleling etheric substance; they are (even in the case of the undeveloped man, and still more in the case of the average man) at least two inches away from the physical spine. The three head centres are also outside the dense physical body. The recollection of this will facilitate your understanding of the statement that the physical body is, per se, vacated when death is assumed by the watching authorities, but that, nevertheless, the man may not be truly dead. I would remind you also that this is equally true of the many minor centres as well as of the major centres, with which we are so familiar.

tất cả các mãnh lực và năng lượng đã làm sinh động thể xác và đã kích hoạt nó vào hoạt động trong chu kỳ đời sống bên ngoài. Cũng hãy nhớ rằng năm trung tâm dọc theo cột sống không ở trong thể xác, mà được tìm thấy tại những điểm đặc thù nào đó trong chất liệu dĩ thái song hành; chúng (ngay cả trong trường hợp con người chưa phát triển, và càng đúng hơn trong trường hợp con người trung bình) cách cột sống hồng trần ít nhất hai inch. Ba trung tâm đầu cũng ở ngoài thể xác đậm đặc. Việc ghi nhớ điều này sẽ giúp bạn dễ hiểu phát biểu rằng thể xác, *chính nó*, bị bỏ trống khi những người có trách nhiệm theo dõi cho rằng cái chết đã xảy ra, nhưng tuy vậy con người có thể chưa thật sự chết. Tôi cũng muốn nhắc bạn rằng điều này cũng đúng như thế đối với nhiều trung tâm phụ cũng như đối với các trung tâm chính mà chúng ta rất quen thuộc.

The last of the minor centres to "fade out into nothingness," in order to be resolved into the totality of etheric substance, are two which are closely related to and in the region of the lungs. It is on these two centres that the soul works if recalled into the dense physical body for some reason. It is when they swing into a returning or a fresh in-going activity that the breath of life returns to the vacated physical form. It is an unconscious realisation of this which constitutes the prompting cause of the process which is normally carried out in all cases of drowning or of asphyxiation. When a man has succumbed to disease and the physical body is consequently weakened, such restorative exercises are not possible and should not be employed. In cases of sudden death through accident, suicide, murder, unexpected heart attacks or through the processes of war, the shock is such that the somewhat leisurely process of soul withdrawal is entirely offset, and the

Những trung tâm phụ cuối cùng "mờ dần vào hư vô," để được phân giải vào tổng thể chất liệu dĩ thái, là hai trung tâm có liên hệ chặt chẽ với và ở trong vùng phổi. Chính trên hai trung tâm này mà linh hồn tác động nếu được gọi trở lại thể xác đậm đặc vì một lý do nào đó. Khi chúng chuyển sang một hoạt động quay trở lại hay một hoạt động đi vào mới, thì hơi thở sự sống trở lại hình tướng hồng trần đã bị bỏ trống. Chính sự nhận biết vô thức về điều này tạo thành nguyên nhân thúc đẩy của tiến trình vốn thường được thực hiện trong mọi trường hợp chết đuối hay ngạt thở. Khi một người đã khuất phục trước bệnh tật và do đó thể xác bị suy yếu, thì những bài tập phục hồi như vậy là không thể và không nên được dùng. Trong các trường hợp chết đột ngột do tai nạn, tự sát, bị giết, cơn đau tim bất ngờ hoặc do các tiến trình chiến tranh, cú sốc quá lớn đến nỗi tiến trình rút lui phần nào thong thả của linh hồn bị hóa giải hoàn toàn, và việc bỏ trống thể xác [462] cùng sự tan rã

vacating of the physical [462] body and the complete dissolution of the etheric body are practically simultaneous. In normal cases of death from disease, the withdrawal is slow, and (where the malignancy of the disease has not caused too great deterioration of the physical organism involved) there is the possibility of a return for a shorter or a longer period of time. This frequently happens, especially when the will to live is strong or the life task remains as yet unaccomplished and is not correctly concluded.

hoàn toàn của thể dĩ thái hầu như đồng thời xảy ra. Trong các trường hợp chết bình thường do bệnh tật, sự rút lui diễn ra chậm, và (khi tính ác tính của bệnh chưa gây ra sự suy thoái quá lớn cho cơ thể hồng trần liên hệ) có khả năng quay trở lại trong một khoảng thời gian ngắn hơn hay dài hơn. Điều này thường xảy ra, đặc biệt khi ý chí sống mạnh hoặc nhiệm vụ đời sống vẫn chưa được hoàn thành và chưa được kết thúc đúng đắn.

There is another point upon which I wish to touch and which has relation to the eternal conflict being waged between the dualities of the dense physical body and the etheric vehicle. The physical elemental (which is the name given to the integrated life of the physical body) and the soul, as it seeks to withdraw and dissolve the sumtotal of the combined energies of the etheric body, are in violent conflict and the process is often fierce and long; it is this battle which is being waged during the long or short period of coma which characterises so many death beds. Coma, esoterically speaking, is of two kinds: there is the "coma of battle" which precedes true death; there is also the "coma of restoration" which takes place when the soul has withdrawn the consciousness thread or aspect, but not the life thread, in an effort to give the physical elemental time to regain its grip upon the organism and thus to restore health. As yet, modern science does not recognise the distinction between these two aspects of coma. Later, when etheric or clairvoyant vision is more common, the quality of the coma prevailing will be known, and the elements of hope or of despair will no longer control. The friends and relations of the unconscious person will know exactly whether they are watching a great and final withdrawal from present

Có một điểm khác mà tôi muốn chạm đến và có liên hệ với cuộc xung đột vĩnh cửu đang diễn ra giữa hai cực đối đãi của thể xác đậm đặc và vận cụ dĩ thái. Tinh linh thể xác (là tên gọi dành cho sự sống tích hợp của thể xác) và linh hồn, khi nó tìm cách rút lui và phân giải tổng số các năng lượng kết hợp của thể dĩ thái, ở trong một cuộc xung đột dữ dội và tiến trình này thường khốc liệt và kéo dài; chính trận chiến này đang diễn ra trong thời kỳ hôn mê dài hay ngắn vốn đặc trưng cho rất nhiều giường bệnh hấp hối. Hôn mê, nói theo huyền bí học, có hai loại: có "hôn mê của chiến đấu" đi trước cái chết thật sự; cũng có "hôn mê của phục hồi" xảy ra khi linh hồn đã rút sợi dây tâm thức hay phương diện ấy, nhưng chưa rút sinh mệnh tuyến, trong một nỗ lực cho tinh linh thể xác thời gian để lấy lại sự nắm giữ của nó trên cơ thể và nhờ đó phục hồi sức khỏe. Cho đến nay, khoa học hiện đại chưa nhận ra sự phân biệt giữa hai phương diện hôn mê này. Về sau, khi linh thị dĩ thái hay thông nhãn trở nên phổ biến hơn, phẩm tính của trạng thái hôn mê đang chiếm ưu thế sẽ được biết đến, và các yếu tố hy vọng hay tuyệt vọng sẽ không còn chi phối nữa. Bạn bè và thân quyến của người bất tỉnh sẽ biết chính xác liệu họ đang chứng kiến một sự rút lui lớn lao và cuối cùng khỏi lần lâm phàm hiện tại hay chỉ đơn giản đang nhìn vào một tiến trình phục hồi. Trong

incarnation or simply looking on at a restorative process. In the latter case, the soul is still retaining its hold upon [463] the physical body, via the centres, but is withstanding temporarily all energising processes. The exceptions to this restraint are the heart centre, the spleen, and two minor centres connected with the breathing apparatus. These will remain normally energised, even if somewhat weakened in their activity; and through them control is retained. When true death is the soul's intention, then control over the spleen first of all takes place; then control over the two minor centres follows, and finally control over the heart centre supervenes and the man dies.

trường hợp sau, linh hồn vẫn còn giữ sự nắm giữ của nó trên [463] thể xác, qua các trung tâm, nhưng đang tạm thời chống lại mọi tiến trình tiếp sinh lực. Những ngoại lệ đối với sự kiềm chế này là trung tâm tim, luân xa lá lách, và hai trung tâm phụ nối kết với bộ máy hô hấp. Những trung tâm này thường vẫn được tiếp năng lượng, dù hoạt động có phần suy yếu; và qua chúng sự kiểm soát được duy trì. Khi cái chết thật sự là ý định của linh hồn, thì trước hết sự kiểm soát đối với lá lách diễn ra; rồi tiếp theo là sự kiểm soát đối với hai trung tâm phụ, và cuối cùng sự kiểm soát đối với trung tâm tim xảy đến và con người chết.

The above will give you some idea of the many points connected with dying that still remain to be discovered by orthodox medicine, and which will be revealed as the race of men reaches an increasing sensitivity.

Những điều trên sẽ cho bạn một ý niệm nào đó về nhiều điểm liên quan đến sự chết mà y học chính thống vẫn còn phải khám phá, và sẽ được mặc khải khi nhân loại đạt đến một sự nhạy cảm ngày càng tăng.

I would ask you to remember that in all our present considerations we are dealing with the reactions and activities of the soul which is deliberately recalling its incarnated aspect because a life cycle has been concluded. The term of that life cycle may be long or short, according to the purposes involved; it may cover only a very few short years, or a century. Prior to the seventh year, the vitality of the physical elemental is largely the determining factor. The soul is then focussed in the etheric body, but is not fully utilising all the centres; it has simply a gently pulsating control and a gentle impulsive activity—sufficient to preserve consciousness, to vitalise the various physical processes, and to initiate the demonstration of character and of disposition. These become increasingly

Tôi muốn yêu cầu bạn nhớ rằng trong mọi xem xét hiện nay của chúng ta, chúng ta đang bàn đến các phản ứng và hoạt động của linh hồn đang cố ý gọi lại phương diện lâm phàm của nó vì một chu kỳ đời sống đã kết thúc. Thời hạn của chu kỳ đời sống ấy có thể dài hay ngắn, tùy theo các mục đích liên quan; nó có thể chỉ bao trùm vài năm ngắn ngủi, hoặc một thế kỷ. Trước năm thứ bảy, sinh lực của tinh linh thể xác phần lớn là yếu tố quyết định. Khi ấy linh hồn được tập trung trong thể dĩ thái, nhưng chưa sử dụng đầy đủ mọi trung tâm; nó chỉ có một sự kiểm soát rung động nhẹ nhàng và một hoạt động thúc đẩy nhẹ nhàng—đủ để duy trì tâm thức, tiếp sinh lực cho các tiến trình hồng trần khác nhau, và khởi đầu sự biểu lộ của tính cách và khí chất. Những điều này ngày càng rõ nét cho đến năm hai mươi mốt tuổi,

marked until the twenty-first year, when they stabilise into what we call the personality. In the case of disciples, the grip of the soul upon the etheric centres will be more powerful from the very start of the physical existence. By the time the fourteenth year is reached, the quality and the nature of the incarnated soul and its approximate age or experience are determined, the [464] physical, astral and mental elementals are under control, and the soul, the indwelling spiritual man, already determines the life tendencies and choices.

khi chúng ổn định thành điều mà chúng ta gọi là phàm ngã. Trong trường hợp các đệ tử, sự nắm giữ của linh hồn trên các trung tâm dĩ thái sẽ mạnh mẽ hơn ngay từ lúc khởi đầu của sự hiện hữu hồng trần. Đến năm mười bốn tuổi, phẩm tính và bản chất của linh hồn lâm phàm cùng tuổi tác hay kinh nghiệm gần đúng của nó được xác định, các [464] hành khí hồng trần, cảm dục và trí tuệ đều ở dưới sự kiểm soát, và linh hồn, con người tinh thần nội tại, đã quyết định các xu hướng đời sống và các chọn lựa.

In the case of the ordinary man, where death is intended, the battle between the physical elemental and the soul is a distinctive factor; it is occultly called a “Lemurian departure”; in the case of the average citizen, where the focus of the life is in the desire nature, the conflict is between the astral elemental and the soul, and this is given the name “the death of an Atlantean”; where disciples are concerned, the conflict will be more purely mental and is oft focussed around the will-to-serve and the determination to fulfill a particular aspect of the Plan and the will-to-return in full force to the ashramic centre. Where initiates are concerned, there is no conflict, but simply a conscious and deliberate withdrawal. Curiously enough, if there appears to be a conflict, it will be between the two elemental forces then remaining in the personality: the physical elemental and the mental life. There is no astral elemental to be found in the equipment of an initiate of high standing. Desire has been completely transcended as far as the individual’s own nature is involved.

Trong trường hợp con người bình thường, khi cái chết được dự định, trận chiến giữa tinh linh thể xác và linh hồn là một yếu tố rõ rệt; theo huyền bí học nó được gọi là một “sự ra đi kiểu Lemuria”; trong trường hợp công dân trung bình, khi tiêu điểm của đời sống ở trong bản chất dục vọng, xung đột là giữa hành khí cảm dục và linh hồn, và điều này được gọi là “cái chết của một người Atlantis”; khi liên quan đến các đệ tử, xung đột sẽ thuần túy trí tuệ hơn và thường tập trung quanh ý chí-phụng sự và quyết tâm hoàn thành một phương diện đặc biệt nào đó của Thiên Cơ cùng ý chí trở về với đầy đủ mãnh lực đến trung tâm ashram. Khi liên quan đến các điểm đạo đồ, không có xung đột, mà chỉ có một sự rút lui có ý thức và có chủ ý. Điều khá lạ là, nếu có vẻ như có xung đột, thì đó sẽ là giữa hai mãnh lực hành khí còn lại trong phàm ngã: tinh linh thể xác và sự sống trí tuệ. Không có hành khí cảm dục nào được tìm thấy trong bộ trang bị của một điểm đạo đồ có địa vị cao. Dục vọng đã được vượt qua hoàn toàn xét theo mức độ liên quan đến bản chất riêng của cá nhân.

Factors Confronting the Withdrawing Soul

Những Yếu Tố Đối Diện Với Linh Hồn Đang Rút Lui

In physical death, therefore, and in the act of restitution, the withdrawing soul has to deal with the following factors:

Vì vậy, trong cái chết hồng trần và trong hành động hoàn nguyên, linh hồn đang rút lui phải xử lý những yếu tố sau đây:

1. The physical elemental, the integrated and coordinated life of the physical body, which is forever seeking to hold together under the attractive forces of all its component parts and their mutual interaction. This force works through a number of minor centres.

1. Tinh linh thể xác, sự sống tích hợp và phối hợp của thể xác, vốn luôn luôn tìm cách giữ cho gắn kết dưới các mãnh lực hấp dẫn của mọi thành phần cấu tạo của nó và sự tương tác lẫn nhau của chúng. Mãnh lực này hoạt động qua một số trung tâm phụ.

2. The etheric vehicle, which has a powerful coordinated life of its own, expressed through the seven [465] major centres which react under astral, mental and soul impulsive energy. It works also through certain of the minor centres which are not dedicated to a response to that aspect of the man's equipment which H.P.B. states is not a principle—the dense physical mechanism.

2. Vận cụ dĩ thái, vốn có một sự sống phối hợp mạnh mẽ của riêng nó, được biểu lộ qua bảy [465] trung tâm chính phản ứng dưới năng lượng thúc đẩy cảm dục, trí tuệ và linh hồn. Nó cũng hoạt động qua một số trung tâm phụ không được dành riêng cho sự đáp ứng đối với phương diện trong bộ trang bị của con người mà H.P.B. nói là không phải một nguyên khí—bộ máy hồng trần đậm đặc.

The minor centres are therefore to be found existing in two groups: Those responsive to the life of dense matter, to the mother aspect, and which are definitely upon the involutionary arc; these are an inheritance from the previous solar system wherein the entire man was controlled via these minor centres, with only a very few of the major centres dimly indicated in the case of initiates and advanced disciples of that time; secondly, those centres which are responsive to energies reaching them via the major centres; these then come under the control of the astral body and the mental apparatus. You will see consequently why, earlier in this treatise, I made the following reference to the minor centres. It might be of interest to you, nevertheless, to be told where the twenty-one minor centres are to be found. They can be located at the following points:

Vì vậy, các trung tâm phụ được thấy hiện hữu trong hai nhóm: những trung tâm đáp ứng với sự sống của vật chất đậm đặc, với phương diện mẫu thân, và rõ rệt ở trên cung giáng hạ tiến hoá; đây là di sản từ hệ mặt trời trước, trong đó toàn bộ con người được kiểm soát qua các trung tâm phụ này, chỉ với rất ít trung tâm chính được chỉ ra mờ nhạt trong trường hợp các điểm đạo đồ và các đệ tử tiến bộ của thời ấy; thứ hai, những trung tâm đáp ứng với các năng lượng đến với chúng qua các trung tâm chính; khi ấy chúng nằm dưới sự kiểm soát của thể cảm dục và bộ máy trí tuệ. Do đó bạn sẽ thấy vì sao, trước đây trong luận thuyết này, tôi đã đưa ra lời đề cập sau đây đến các trung tâm phụ. Tuy vậy, có lẽ bạn sẽ quan tâm nếu được cho biết hai mươi mốt trung tâm phụ được tìm thấy ở đâu. Chúng có thể được định vị tại các điểm sau:

1. There are two in front of the ears, close to where the jaw bones are connected.

1. Có hai trung tâm ở phía trước tai, gần nơi các xương hàm nối với nhau.

2. There are two just above the two breasts.

2. Có hai trung tâm ngay phía trên hai bầu ngực.

3. There is one where the breast bone connects, close to the thyroid gland. This, with the two breast centres, makes a triangle of force.

3. Có một trung tâm ở nơi xương ức nối vào, gần tuyến giáp. Trung tâm này cùng với hai trung tâm ngực tạo thành một tam giác lực.

4. There are two, one each in the palms of the hands.

4. Có hai trung tâm, mỗi lòng bàn tay một trung tâm.

5. There are two, one each in the soles of the feet.

5. Có hai trung tâm, mỗi lòng bàn chân một trung tâm.

6. There are two, just behind the eyes.

6. Có hai trung tâm, ngay phía sau mắt.

7. There are two, also, connected with the gonads.

7. Cũng có hai trung tâm nối kết với các tuyến sinh dục.

8. There is one close to the liver. [466]

8. Có một trung tâm gần gan. [466]

9. There is one connected with the stomach; it is related, therefore, to the solar plexus, but is not identical with it.

9. Có một trung tâm nối kết với dạ dày; vì vậy nó có liên hệ với tùng thái dương, nhưng không đồng nhất với trung tâm ấy.

10. There are two connected with the spleen. These form one centre in reality, but such a centre is formed by the two being superimposed one on the other.

10. Có hai trung tâm nối kết với lá lách. Thực ra chúng tạo thành một trung tâm, nhưng một trung tâm như vậy được hình thành bởi việc hai trung tâm chồng lên nhau.

11. There are two—one at the back of each knee.

11. Có hai trung tâm—mỗi phía sau đầu gối một trung tâm.

12. There is one powerful centre which is closely connected with the vagus nerve. This is most potent and is regarded by some schools of occultism as a major centre; it is

12. Có một trung tâm mạnh mẽ nối kết chặt chẽ với dây thần kinh phế vị. Trung tâm này rất mạnh và được một số trường phái huyền bí học xem là một trung tâm chính; nó

not in the spine, but is no great distance from the thymus gland.

không ở trong cột sống, nhưng cũng không cách tuyến ức bao xa.

13. There is one which is close to the solar plexus, and relates it to the centre at the base of the spine, thus making a triangle of the sacral centre, the solar plexus, and the centre at the base of the spine.

13. Có một trung tâm ở gần tùng thái dương, và liên hệ nó với trung tâm ở đáy cột sống, nhờ đó tạo thành một tam giác gồm trung tâm xương cùng, tùng thái dương, và trung tâm ở đáy cột sống.

The two triangles referred to in this tabulation are of real importance. One is above and the other below the diaphragm.

Hai tam giác được nhắc đến trong bảng liệt kê này thật sự quan trọng. Một ở phía trên và một ở phía dưới cơ hoành.

Again, the death process can be seen as a dual activity and one which primarily concerns the etheric body. There is first of all the collecting and the withdrawing of the etheric substance, so that it no longer interpenetrates the dense physical organism, and its subsequent densification (a word I deliberately choose) in that area of the etheric body which has always surrounded, but not penetrated, the dense vehicle. This has been sometimes erroneously called the health aura, and it can be photographed more easily and successfully during the process of dying than at any other time, owing to the accumulation of the withdrawn forces for several inches external to the tangible body. It is at this point in the experience of the withdrawing soul that the "word of death" is spoken, and it is prior to this enunciation [467] of this word that a return to physical living can be possible and the withdrawn etheric forces can again interpenetrate the body. Relationship with all the withdrawn forces is, up to this point, retained via the head or the heart or the solar plexus, as well as via the two minor chest centres.

Một lần nữa, tiến trình chết có thể được thấy như một hoạt động kép và là hoạt động chủ yếu liên quan đến thể dĩ thái. Trước hết là sự thu gom và rút chất liệu dĩ thái lại, để nó không còn thâm nhập cơ thể hồng trần đậm đặc nữa, và sau đó là sự *đậm đặc hóa* của nó (một từ tôi cố ý chọn) trong vùng của thể dĩ thái vốn luôn luôn bao quanh, nhưng không thâm nhập, vận cụ đậm đặc. Điều này đôi khi đã bị gọi sai là hào quang sức khỏe, và nó có thể được chụp ảnh dễ dàng và thành công hơn trong tiến trình chết hơn bất kỳ lúc nào khác, do sự tích tụ của các mãnh lực đã rút ra ở cách thân thể hữu hình vài inch về phía ngoài. Chính tại điểm này trong kinh nghiệm của linh hồn đang rút lui mà "linh từ của cái chết" được thốt ra, và trước khi có sự xướng lên [467] linh từ này thì việc trở lại sự sống hồng trần vẫn có thể xảy ra và các mãnh lực dĩ thái đã rút ra có thể lại thâm nhập thể xác. Mối liên hệ với tất cả các mãnh lực đã rút ra, cho đến điểm này, vẫn được duy trì qua đầu hoặc tim hoặc tùng thái dương, cũng như qua hai trung tâm phụ ở ngực.

All this time the consciousness of the dying man is focussed in either the emotional (or astral) body or the mental vehicle, according

Suốt thời gian này, tâm thức của người đang chết được tập trung trong hoặc thể cảm xúc (hay thể cảm dục) hoặc vận cụ trí tuệ, tùy

to the point in evolution. He is not unconscious as the onlooker might infer, but is fully aware within himself of what is occurring. If he is strongly focussed on physical plane life, and if that is the dominating desire of which he is the most aware, he may then intensify the conflict; you will then have the physical elemental battling furiously for existence, the desire nature fighting to retard the processes of death, and the soul, intent upon the work of abstraction and of restitution. This can and frequently does occasion a struggle which is quite apparent to the onlookers. As the race of men progresses and develops, this triple struggle will become much rarer; desire for physical plane existence will not appear so attractive, and the activity of the astral body will die out.

theo điểm tiến hoá. Y không vô thức như người quan sát có thể suy ra, mà hoàn toàn nhận biết bên trong chính mình về điều đang xảy ra. Nếu y tập trung mạnh vào đời sống cõi hồng trần, và nếu đó là dục vọng chi phối mà y nhận biết rõ nhất, thì khi ấy y có thể làm tăng cường xung đột; lúc đó bạn sẽ có tinh linh thể xác chiến đấu dữ dội để tồn tại, bản chất dục vọng chiến đấu để làm chậm các tiến trình chết, và linh hồn chuyên chú vào công việc rút ra và hoàn nguyên. Điều này có thể và thường gây nên một cuộc đấu tranh khá rõ ràng đối với những người quan sát. Khi nhân loại tiến bộ và phát triển, cuộc đấu tranh tam phân này sẽ trở nên hiếm hơn nhiều; dục vọng đối với sự hiện hữu trên cõi hồng trần sẽ không còn có vẻ hấp dẫn đến thế, và hoạt động của thể cảm dục sẽ tắt dần.

I wish you could get a picture (symbolically considered) of a man who is in full incarnation and rooted in his phase of experience, and of a man who is withdrawing from that experience. It connotes a repetition on a tiny scale of the great planetary processes of involution and evolution; it concerns those activities which produce a focussing or a polarisation in one of two directions; it resembles what might be regarded as a process of pouring in life and light into a vessel upon the physical plane, or an intensification of the radiation of that life and light of so potent a nature that under the evocative power of the soul they are both withdrawn and gathered up into the centre of life and light from whence they originally came. I have here given you [468] (could you but recognise it) a definition of initiation, but one of a somewhat unusual phrasing. Perhaps some lines from the Manual of Death which is to be found in the hierarchical archives would prove explanatory to you, and might aid you in gaining a new perspective upon death.

Tôi ước gì bạn có thể có được một bức tranh (xét theo biểu tượng) về một con người đang hoàn toàn lâm phàm và bám rễ trong giai đoạn kinh nghiệm của mình, và về một con người đang rút lui khỏi kinh nghiệm ấy. Điều đó hàm ý một sự lặp lại ở quy mô nhỏ của các tiến trình hành tinh lớn lao của giáng hạ tiến hoá và tiến hoá; nó liên quan đến những hoạt động tạo ra một sự tập trung hay một sự phân cực theo một trong hai hướng; nó giống như điều có thể được xem là một tiến trình đổ sự sống và ánh sáng vào một bình chứa trên cõi hồng trần, hoặc một sự tăng cường bức xạ của sự sống và ánh sáng ấy có bản chất mạnh mẽ đến mức dưới quyền năng gợi lên của linh hồn, cả hai đều được rút ra và thu gom vào trung tâm của sự sống và ánh sáng từ đó chúng nguyên thủy đã đến. Ở đây tôi đã trao cho bạn [468] (nếu bạn có thể nhận ra điều đó) một định nghĩa về điểm đạo, nhưng được diễn đạt theo một cách phần nào khác thường. Có lẽ vài dòng từ *Cẩm Nang về Cái Chết* được tìm thấy trong văn khố của Thánh đoàn sẽ giúp giải thích cho bạn, và có thể giúp bạn đạt được một

This manual has in it what are called the "Formulas preceding Pralaya." These deal with all the death or abstraction processes, covering the death of all forms, whether it be the death of an ant, a man or a planet. The formulas concern only the two aspects of life and light—the first conditioned by Sound and the second by the Word. The writing which I have in mind concerns the light, and the Word which abstracts it from the form or focusses it within the form.

viễn cảnh mới về cái chết. Cẩm nang này chứa đựng điều được gọi là "Các Công Thức đi trước Giai kỳ qui nguyên." Chúng bàn đến mọi tiến trình chết hay rút ra, bao trùm cái chết của mọi hình tướng, dù đó là cái chết của một con kiến, một con người hay một hành tinh. Các công thức chỉ liên quan đến hai phương diện của sự sống và ánh sáng—phương diện thứ nhất được điều kiện hóa bởi Âm Thanh và phương diện thứ hai bởi Linh từ. Bản văn mà tôi nghĩ đến liên quan đến ánh sáng, và Linh từ rút nó ra khỏi hình tướng hoặc tập trung nó trong hình tướng.

"Bear in mind, O Chela, that within the known spheres naught is but light responsive to the WORD. Know that that light descends and concentrates itself; know that from its point of chosen focus, it lightens its own sphere; know too that light ascends and leaves in darkness that which it —in time and space—illumined. This descending and ascension men call life, existence and decease; this We Who tread the Lighted Way call death, experience and life.

"Hãy ghi nhớ, hỡi đệ tử, rằng trong các khối cầu đã biết không có gì ngoài ánh sáng đáp ứng với LINH TỪ. Hãy biết rằng ánh sáng ấy giáng xuống và tự tập trung; hãy biết rằng từ điểm tiêu cự được chọn của nó, nó làm sáng khối cầu riêng của nó; cũng hãy biết rằng ánh sáng thăng lên và để lại trong bóng tối điều mà nó—trong thời gian và không gian —đã soi sáng. Sự giáng xuống và thăng lên này loài người gọi là sự sống, sự hiện hữu và sự chết; còn Chúng Ta, những Đấng bước trên Con Đường được Soi Sáng, gọi đó là cái chết, kinh nghiệm và sự sống.

Light which descends anchors itself upon the plane of temporary appearance. Seven threads it outward puts, and seven rays of light pulsate along these threads. Twenty one lesser threads are radiated thence, causing the forty-nine fires to glow and burn. Upon the plane of manifested life, the word goes forth: Behold! A man is born.

Ánh sáng giáng xuống tự neo mình trên cõi sắc tướng tạm thời. Nó đưa ra ngoài bảy sợi dây, và bảy tia sáng rung động dọc theo các sợi dây ấy. Từ đó hai mươi mốt sợi dây nhỏ hơn được phát ra, làm cho bốn mươi chín ngọn lửa bừng sáng và cháy lên. Trên cõi của sự sống biểu hiện, linh từ vang lên: Hãy nhìn xem! Một con người được sinh ra.

As life proceeds, the quality of light appears; dim and murky it may be, or radiant, bright and shining. Thus do the points of light within the [469] Flame pass and repass; they come and go. This men call life; they call it true existence. They thus delude themselves

Khi sự sống tiếp diễn, phẩm tính của ánh sáng xuất hiện; nó có thể mờ tối và đục ngầu, hoặc rạng rỡ, sáng chói và huy hoàng. Như thế các điểm sáng bên trong [469] Ngọn Lửa qua lại không ngừng; chúng đến rồi đi. Loài người gọi đó là sự sống; họ gọi đó là sự hiện hữu chân thật. Như vậy họ tự đánh lừa mình

yet serve the purpose of their souls and fit into the greater Plan.

nhưng vẫn phụng sự mục đích của linh hồn mình và hòa nhập vào Thiên Cơ lớn lao hơn.

And then a Word sounds forth. The descended, radiating point of light ascends, responsive to the dimly heard recalling note, attracted to its emanating source. This man calls death and this the soul calls life.

Rồi một Linh từ vang lên. Điểm sáng đã giáng xuống và đang tỏa chiếu thăng lên, đáp ứng với âm điệu gọi về được nghe mơ hồ, bị hút về nguồn phát xạ của nó. Con người gọi điều này là cái chết và linh hồn gọi điều này là sự sống.

The Word retains the light in life; the Word abstracts the light, and only That is left which is the Word Itself. That Word is Light. That Light is Life, and Life is God.

Linh từ giữ ánh sáng trong sự sống; Linh từ rút ánh sáng đi, và chỉ còn lại *ĐIỀU ẤY* là chính Linh từ. Linh từ ấy là Ánh sáng. Ánh sáng ấy là Sự sống, và Sự sống là Thượng đế.

The manifestation of the etheric body in time and space has in it what has been esoterically called "two moments of brilliance." These are, first, the moment prior to physical incarnation, when the descending light (carrying life) is focussed in all its intensity around the physical body and sets up a rapport with the innate light of matter itself, to be found in every atom of substance. This focussing light will be found to concentrate itself in seven areas of its ring-pass-not, thus creating seven major centres which will control its expression and its existence upon the outer plane, esoterically speaking. This is a moment of great radiance; it is almost as if a point of pulsating light burst into flame, and as if within that flame seven points of intensified light took shape. This is a high point in the experience of taking incarnation, and precedes physical birth by a very short period of time. It is that which brings on the birth hour. The next phase of the process, as seen by the clairvoyant, is the stage of interpenetration, during which "the seven become the twenty-one and then the many"; the light substance, the energy aspect of the soul, begins to permeate [470] the physical body, and the creative work of the etheric or

Sự biểu hiện của thể dĩ thái trong thời gian và không gian có trong nó điều đã được gọi một cách huyền bí là "hai khoảnh khắc rực sáng." Thứ nhất là khoảnh khắc trước khi lâm phàm hồng trần, khi ánh sáng giáng xuống (mang theo sự sống) được tập trung với toàn bộ cường độ của nó quanh thể xác và thiết lập một sự tương giao với ánh sáng bẩm sinh của chính vật chất, được tìm thấy trong mỗi nguyên tử của chất liệu. Ánh sáng đang tập trung này sẽ được thấy là tự tập trung trong bảy khu vực của vòng-giới-hạn của nó, nhờ đó tạo ra bảy trung tâm chính sẽ kiểm soát sự biểu lộ và sự hiện hữu của nó trên cõi bên ngoài, nói theo huyền bí học. Đây là một khoảnh khắc rực rỡ lớn lao; gần như thể một điểm sáng rung động bùng thành ngọn lửa, và như thể trong ngọn lửa ấy bảy điểm sáng tăng cường thành hình. Đây là một đỉnh cao trong kinh nghiệm nhập thể, và đi trước sự sinh ra hồng trần chỉ trong một thời gian rất ngắn. Chính điều này mang đến giờ sinh. Giai đoạn kế tiếp của tiến trình, như được nhà thông nhãn thấy, là giai đoạn thâm nhập, trong đó "bảy trở thành hai mươi mốt rồi thành nhiều"; chất liệu ánh sáng, phương diện năng lượng của linh hồn, bắt đầu thấm vào [470] thể xác, và công việc sáng tạo của thể dĩ thái hay thể sinh lực được

vital body is completed. The first recognition of this upon the physical plane is the "sound" uttered by the newborn infant. It climaxes the process. The act of creation by the soul is now complete; a new light shines forth in a dark place.

hoàn tất. Sự nhận biết đầu tiên về điều này trên cõi hồng trần là "âm thanh" do đứa trẻ sơ sinh phát ra. Nó làm cực điểm cho tiến trình. Hành động sáng tạo của linh hồn giờ đây đã hoàn tất; một ánh sáng mới chiếu rọi trong một nơi tối tăm.

The second moment of brilliance comes in reverse of this process and heralds the period of restitution and the final abstraction of its own intrinsic energy by the soul. The prison house of the flesh is dissolved by the withdrawing of the light and life. The forty-nine fires within the physical organism die down; their heat and light are absorbed into the twenty-one minor points of light; these, in their turn, are absorbed by the major seven centres of energy. Then the "Word of Return" is uttered, and the consciousness aspect, the quality nature, the light and energy of the incarnating man, are withdrawn into the etheric body. The life principle withdraws, likewise, from the heart. There follows a brilliant flaring-up of pure electric light, and the "body of light" finally breaks all contact with the dense physical vehicle, focusses for a short period in the vital body, and then disappears. The act of restitution is accomplished. This entire process of the focussing of the spiritual elements in the etheric body, with the subsequent abstraction and consequent dissipation of the etheric body, would be greatly hastened by the substitution of cremation for burial.

Khoảnh khắc rực sáng thứ hai đến theo chiều ngược lại của tiến trình này và báo hiệu thời kỳ hoàn nguyên cùng sự rút ra cuối cùng của chính năng lượng nội tại của nó bởi linh hồn. Nhà tù của xác thịt bị phân giải bởi sự rút đi của ánh sáng và sự sống. Bốn mươi chín ngọn lửa trong cơ thể hồng trần lụi dần; nhiệt và ánh sáng của chúng được hấp thụ vào hai mươi mốt điểm sáng phụ; đến lượt chúng, những điểm này được hấp thụ bởi bảy trung tâm năng lượng chính. Rồi "Linh từ Trở Về" được thốt ra, và phương diện tâm thức, bản chất phẩm tính, ánh sáng và năng lượng của con người lâm phàm được rút vào thể dĩ thái. Nguyên khí sự sống cũng rút khỏi tim. Tiếp theo là một sự bùng sáng rực rỡ của ánh sáng điện thuần túy, và "thể ánh sáng" cuối cùng cắt đứt mọi tiếp xúc với vận cụ hồng trần đậm đặc, tập trung trong một thời gian ngắn trong thể sinh lực, rồi biến mất. Hành động hoàn nguyên được hoàn tất. Toàn bộ tiến trình tập trung các yếu tố tinh thần trong thể dĩ thái, cùng với sự rút ra tiếp theo và do đó sự làm tiêu tan của thể dĩ thái, sẽ được đẩy nhanh rất nhiều nếu thay thế việc chôn cất bằng hỏa táng.

Two Main Reasons for Cremation

Hai Lý Do Chính cho Hỏa Táng

Occultly speaking, cremation is needed for two main reasons. It hastens the release of the subtle vehicles (still enshrouding the soul) from the etheric body, thus bringing about the release in a few hours instead of a few days; it also is a much needed means for

Nói một cách huyền bí học, hỏa táng là cần thiết vì hai lý do chính. Nó đẩy nhanh sự giải thoát các vận cụ vi tế (vẫn còn bao bọc linh hồn) ra khỏi thể dĩ thái, nhờ đó đem lại sự giải thoát chỉ trong vài giờ thay vì vài ngày; nó cũng là một phương tiện rất cần thiết để

bringing about the purification [471] of the astral plane and for arresting the "downward moving" tendency of desire which so greatly handicaps the incarnating soul. It can find no point of focus, because essentially fire repels the form-making aspect of desire and is a major expression of divinity with which the astral plane has no true relation, being created entirely by the human soul and not the divine soul. "Our God is a consuming fire" is the statement in the Bible which refers to the first divine aspect, the aspect of the destroyer, releasing the life. "God is love" connotes the second aspect and portrays God as incarnated existence. "God is a jealous God" is an expression indicating God as form, circumscribed and limited, self-centered and not outgoing. The destroying Sound; the attracting Word; the individualised Speech!

đem lại sự thanh lọc [471] cõi cảm dục và để ngăn chặn khuynh hướng "đi xuống" của dục vọng, vốn gây cản trở rất lớn cho linh hồn đang nhập thể. Dục vọng không thể tìm được điểm tập trung nào, bởi vì về bản chất, lửa đẩy lùi phương diện tạo hình của dục vọng và là một biểu hiện chủ yếu của thiên tính mà cõi cảm dục không có liên hệ chân thực nào, vì cõi ấy hoàn toàn do linh hồn con người tạo ra chứ không phải do linh hồn thiêng liêng. "Thượng đế của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt" là lời tuyên bố trong Kinh Thánh nói đến phương diện thiêng liêng thứ nhất, phương diện của đấng hủy diệt, giải thoát sự sống. "Thượng đế là tình thương" hàm ý phương diện thứ hai và mô tả Thượng đế như sự tồn tại nhập thể. "Thượng đế là một Thượng đế ghen tuông" là một cách diễn đạt chỉ Thượng đế như hình tướng, bị giới hạn và khoanh vùng, tập trung vào bản thân và không hướng ngoại. Âm Thanh hủy diệt; Linh từ thu hút; Ngôn ngữ biệt ngã hóa!

At the time of death, speech fades out as the Word sounds forth and restitution is enforced; later, the Word is no longer heard as the Sound obliterates or absorbs it, and there is then complete elimination of all that interferes with Sound. Silence then supervenes and the Sound itself is no longer heard; complete peace follows the act of final integration. Here, in esoteric phraseology, the entire process of death is described.

Vào lúc chết, lời nói mờ dần khi Linh từ vang lên và sự hoàn nguyên được áp đặt; sau đó, Linh từ không còn được nghe nữa khi Âm Thanh xóa bỏ hoặc hấp thu nó, và khi ấy có sự loại trừ hoàn toàn mọi điều cản trở Âm Thanh. Rồi sự im lặng tiếp nối và chính Âm Thanh cũng không còn được nghe nữa; sự bình an trọn vẹn theo sau hành động tích hợp cuối cùng. Ở đây, bằng thuật ngữ huyền bí học, toàn bộ tiến trình chết được mô tả.

It is important to note that it is under the basic and fundamental Law of Attraction that the Art of Dying is carried forward, and that it is the love aspect, the second aspect of divinity, which does the attracting. I exclude cases of sudden death. There the activity is the result of the destroyer, or the first divine aspect. There the condition is different; individual karmic necessity may not be

Điều quan trọng cần lưu ý là chính dưới Định luật Hấp Dẫn căn bản và nền tảng mà Nghệ Thuật Chết được tiến hành, và chính phương diện bác ái, phương diện thứ hai của thiên tính, thực hiện sự thu hút. Tôi loại trừ các trường hợp chết đột ngột. Ở đó, hoạt động là kết quả của đấng hủy diệt, hay phương diện thiêng liêng thứ nhất. Ở đó, điều kiện là khác; nhu cầu nghiệp quả cá

involved at all, and reasons of group conditioning and of great obscurity may lie behind such a happening. So obscure is the subject at this time that I shall not attempt to elucidate. You do not know enough about the Law of [472] Karma, about karmic group involvement, or about relationships and obligations established in past lives. When I say, for instance, that on occasion the "soul may leave the door of protection open so that the forces of death itself may enter anew, having no focal point behind the door" in order "more rapidly to obliterate past penalties due," you can see how obscure this whole matter can be.

nhân có thể hoàn toàn không dính líu gì, và những lý do thuộc sự tác động của nhóm cùng những nguyên nhân hết sức mờ tối có thể nằm sau một biến cố như thế. Hiện nay đề tài này mờ tối đến mức tôi sẽ không cố gắng làm sáng tỏ. Bạn chưa biết đủ về Định luật [472] Nghiệp quả, về sự dính líu nghiệp quả của nhóm, hay về những tương quan và nghĩa vụ được thiết lập trong các kiếp quá khứ. Chẳng hạn, khi tôi nói rằng đôi khi "linh hồn có thể để cánh cửa bảo vệ mở ra để các mãnh lực của chính cái chết có thể lại đi vào, không có điểm tập trung nào phía sau cánh cửa" nhằm "xóa bỏ nhanh hơn những hình phạt quá khứ còn phải trả," bạn có thể thấy toàn bộ vấn đề này mờ tối đến mức nào.

In all that I am here writing, I am dealing simply with normal death processes—death which comes as the result of disease, old age, or the imposed will of the soul which has completed a designed cycle of experience and is using normal channels to attain projected ends. Death in these cases is normal, and this humanity needs to grasp with greater patience, understanding and hope.

Trong tất cả những gì tôi đang viết ở đây, tôi chỉ đề cập đến các tiến trình chết bình thường—cái chết đến như kết quả của bệnh tật, tuổi già, hoặc ý chí áp đặt của linh hồn đã hoàn tất một chu kỳ kinh nghiệm được hoạch định và đang sử dụng những kênh bình thường để đạt các mục đích đã phóng chiếu. Trong những trường hợp này, cái chết là bình thường, và nhân loại này cần nắm bắt điều đó với nhiều kiên nhẫn, thấu hiểu và hy vọng hơn.

Under the Law of Attraction, the soul, at the close of a life cycle, and with full intention, exerts its attractive power in such a manner that it offsets the attractive power inherent in matter itself. This is a clear definition of the basic cause of death. Where no soul contact has been consciously established, as in the case of the majority of people at this time, death comes as an unexpected or sadly anticipated event. Yet—it is a true soul activity. This is the first great spiritual concept to be proclaimed as the fear of death is combatted. Death is carried forward under this Law of Attraction, and consists in the steady and scientific abstraction of the vital

Dưới Định luật Hấp Dẫn, linh hồn, vào lúc kết thúc một chu kỳ sống, và với chủ ý trọn vẹn, vận dụng quyền năng thu hút của mình theo cách hóa giải quyền năng thu hút vốn có trong chính vật chất. Đây là một định nghĩa rõ ràng về nguyên nhân căn bản của cái chết. Ở nơi nào chưa có sự tiếp xúc với linh hồn được thiết lập một cách hữu thức, như trong trường hợp đa số người hiện nay, cái chết đến như một biến cố bất ngờ hoặc được dự cảm buồn bã. Tuy nhiên—đó là một hoạt động chân thực của linh hồn. Đây là khái niệm tinh thần lớn đầu tiên cần được công bố khi nỗi sợ chết được chống lại. Cái chết được tiến hành dưới Định luật Hấp Dẫn

body out of the dense physical body, leading eventually to an elimination of all soul contact in the three worlds.

này, và bao gồm sự rút ra đều đặn và có tính khoa học của thể sinh lực ra khỏi thể xác đậm đặc, cuối cùng dẫn đến việc loại bỏ mọi tiếp xúc của linh hồn trong ba cõi thấp.

Sequence of Events at Death

Trình tự các biến cố lúc chết

I feel that the best that I can do, in order to clarify this subject more completely, is to describe the sequence of events which happens at a death bed, reminding you that the points of final abstraction are three in number: [473] the head for disciples and initiates and also for advanced mental types; the heart for aspirants, for men of goodwill, and for all those who have achieved a measure of personality integrity and are attempting to fulfill, as far as in them lies, the law of love; and the solar plexus for the undeveloped and emotionally polarised persons. All I can do is to tabulate the stages of the process, leaving you to accept them as an interesting and possible hypothesis awaiting verification; to believe them unquestioningly because you have confidence in my knowledge, or to reject them as fantastic, unverifiable and of no moment anyway. I recommend the first of the three, for it will enable you to preserve your mental integrity, it will indicate an open mind, and at the same time it will protect you from gullibility and from narrow-mindedness. These stages, therefore, are:

Tôi cảm thấy điều tốt nhất tôi có thể làm, để làm sáng tỏ đề tài này đầy đủ hơn, là mô tả trình tự các biến cố xảy ra bên giường người hấp hối, đồng thời nhắc bạn rằng các điểm rút ra cuối cùng có ba điểm: [473] đầu đối với các đệ tử và điểm đạo đồ, và cả đối với những người thuộc loại trí tuệ tiến bộ; tim đối với người chí nguyện, những người thiện chí, và tất cả những ai đã đạt được một mức độ toàn vẹn của phàm ngã và đang cố gắng hoàn thành, trong khả năng của mình, định luật bác ái; và tùng thái dương đối với những người chưa phát triển và những người phân cực cảm xúc. Tất cả những gì tôi có thể làm là liệt kê các giai đoạn của tiến trình, để bạn tự chấp nhận chúng như một giả thuyết thú vị và khả hữu đang chờ được kiểm chứng; hoặc tin chúng không nghi ngờ vì bạn tin vào tri thức của tôi; hoặc bác bỏ chúng như điều kỳ quái, không thể kiểm chứng và dù sao cũng không quan trọng. Tôi khuyên chọn cách thứ nhất trong ba cách ấy, vì nó sẽ giúp bạn giữ được sự toàn vẹn trí tuệ, cho thấy một tâm trí cởi mở, đồng thời bảo vệ bạn khỏi tính cả tin và sự hẹp hòi. Vì vậy, các giai đoạn ấy là:

1. The soul sounds forth a “word of withdrawal” from its own plane, and immediately an interior process and reaction is evoked within the man upon the physical plane.

1. *Linh hồn phát ra một “linh từ rút lui”* từ cõi riêng của nó, và ngay lập tức một tiến trình cùng phản ứng nội tại được gợi lên bên trong con người trên cõi hồng trần.

a. Certain physiological events take place at the seat of the disease, in connection with the heart, and affecting also the three great

a. *Một số biến cố sinh lý nhất định* diễn ra tại chỗ của bệnh, liên hệ với tim, và cũng ảnh hưởng đến ba hệ thống lớn vốn tác động

systems which so potently condition the physical man: the blood stream, the nervous system in its various expressions, and the endocrine system. With these effects I shall not deal. The pathology of death is well known and has received much study exoterically; much still remains to be discovered and will later be discovered. I am concerned, first of all, with the subjective reactions which (in the last analysis) bring about the pathological predisposition to death.

mạnh mẽ lên con người hồng trần: dòng máu, hệ thần kinh trong các biểu hiện khác nhau của nó, và hệ nội tiết. Tôi sẽ không bàn đến các tác động này. Bệnh lý học của cái chết đã được biết rõ và đã được nghiên cứu nhiều theo ngoại môn; vẫn còn nhiều điều phải được khám phá và sau này sẽ được khám phá. Trước hết, tôi quan tâm đến các phản ứng chủ quan mà xét đến cùng sẽ đem lại khuynh hướng bệnh lý dẫn đến cái chết.

b. A vibration runs along the nadis. The nadis are, as you well know, the etheric counterpart of the [474] entire nervous system, and they underlie every single nerve in the entire physical body. They are the agents par excellence of the directing impulses of the soul, reacting to the vibratory activity which emanates from the etheric counterpart of the brain. They respond to the directing Word, react to the "pull" of the soul, and then organise themselves for abstraction.

b. *Một rung động chạy dọc theo các nadis*. Như bạn đã biết rõ, các nadis là đối phần dĩ thái của [474] toàn bộ hệ thần kinh, và chúng nằm bên dưới từng dây thần kinh trong toàn thể xác. Chúng là những tác nhân ưu việt của các xung lực chỉ đạo của linh hồn, đáp ứng với hoạt động rung động phát ra từ đối phần dĩ thái của bộ não. Chúng đáp ứng với Linh từ chỉ đạo, phản ứng với "sức kéo" của linh hồn, rồi tự tổ chức để rút ra.

c. The blood stream becomes affected in a peculiarly occult manner. The "blood is the life," we are told; it is interiorly changed as a result of the two previous stages, but primarily as the result of an activity hitherto undiscovered by modern science, for which the glandular system is responsible. The glands, in response to the call of death, inject into the blood stream a substance which in turn affects the heart. There the life thread is anchored, and the substance in the blood is regarded as "death dealing" and is one of the basic causes of coma and of loss of consciousness. It evokes a reflex action in the brain. This substance and its effect will be questioned as yet by orthodox medicine, but its presence will later be recognised.

c. *Dòng máu bị ảnh hưởng* theo một cách đặc biệt huyền bí. Người ta bảo rằng "máu là sự sống"; nó được biến đổi bên trong như kết quả của hai giai đoạn trước, nhưng chủ yếu là do một hoạt động mà khoa học hiện đại cho đến nay chưa khám phá ra, và hệ tuyến chịu trách nhiệm về hoạt động ấy. Các tuyến, đáp ứng với tiếng gọi của cái chết, tiêm vào dòng máu một chất, và chất này đến lượt nó ảnh hưởng đến tim. Tại đó, sinh mệnh tuyến được neo giữ, và chất trong máu ấy được xem là "mang cái chết đến" và là một trong những nguyên nhân căn bản của hôn mê và mất ý thức. Nó gợi lên một phản xạ trong bộ não. Hiện nay y học chính thống sẽ còn nghi ngờ chất này và tác động của nó, nhưng sau này sự hiện diện của nó sẽ được công nhận.

d. A psychic tremor is established which has the effect of loosening or breaking the connection between the nadis and the nervous system; the etheric body is thereby detached from its dense sheath, though still interpenetrating every part of it.

d. *Một chấn động thông linh được thiết lập* có tác dụng làm lỏng hoặc cắt đứt sự nối kết giữa các nadis và hệ thần kinh; nhờ đó thể dĩ thái được tách ra khỏi lớp vỏ đậm đặc của nó, dù vẫn còn xuyên thấm mọi phần của lớp vỏ ấy.

2. There is frequently a pause at this point of a shorter or longer period of time. This is allowed in order to carry forward the loosening process as smoothly and as painlessly as possible. This loosening of the nadis starts in the eyes. This process of detachment often shows itself in the relaxation and lack of fear which [475] dying persons so often show; they evidence a condition of peace, and a willingness to go, plus an inability to make a mental effort. It is as if the dying person, still preserving his consciousness, gathers his resources together for the final abstraction. This is the stage in which—the fear of death once and for all removed from the racial mind—the friends and relatives of the departing person will "make a festival" for him and will rejoice with him because he is relinquishing the body. At present this is not possible. Distress rules, and the stage passes unrecognised and is not utilised, as it will some day be.

2. *Thường có một khoảng ngừng* tại điểm này, ngắn hoặc dài. Điều này được cho phép để tiến trình nới lỏng được diễn ra êm dịu và ít đau đớn nhất có thể. Sự nới lỏng các nadis này bắt đầu ở mắt. Tiến trình tách rời này thường biểu lộ qua sự thư giãn và không sợ hãi mà [475] người hấp hối thường cho thấy; họ biểu lộ một trạng thái bình an, một sự sẵn lòng ra đi, cộng với sự bất lực trong việc cố gắng trí tuệ. Dường như người hấp hối, vẫn còn giữ được tâm thức, đang gom góp các nguồn lực của mình cho sự rút ra cuối cùng. Đây là giai đoạn mà—một khi nỗi sợ chết đã vĩnh viễn bị loại khỏi tâm trí nhân loại—bạn bè và thân quyến của người sắp ra đi sẽ "mở hội" cho y và sẽ vui mừng cùng y vì y đang từ bỏ thể xác. Hiện nay điều này chưa thể có. Sự đau khổ ngự trị, và giai đoạn ấy trôi qua không được nhận ra và không được sử dụng như một ngày nào đó nó sẽ được.

3. Next, the organised etheric body, loosened from all nervous relationship through the action of the nadis, begins to gather itself together for the final departure. It withdraws from the extremities towards the required "door of exit" and focusses itself in the area around that door for the final "pull" of the directing soul. All has been proceeding under the Law of Attraction up to this point—the magnetic, attractive will of the soul. Now another "pull" or attractive impulse makes itself felt. The dense physical body, the sumtotal of organs, cells and atoms, is steadily being released from the

3. *Tiếp theo, thể dĩ thái đã được tổ chức,* được nới lỏng khỏi mọi liên hệ thần kinh nhờ tác động của các nadis, *bắt đầu tự thu gom lại* để chuẩn bị cho sự ra đi cuối cùng. Nó rút khỏi các đầu chi về phía "cửa thoát" cần thiết và tập trung vào vùng quanh cánh cửa ấy cho "sức kéo" cuối cùng của linh hồn chỉ đạo. Cho đến điểm này, mọi sự đều diễn ra dưới Định luật Hấp Dẫn—ý chí từ tính, thu hút của linh hồn. Giờ đây một "sức kéo" hay xung lực thu hút khác bắt đầu được cảm nhận. Thể xác đậm đặc, tổng thể các cơ quan, tế bào và nguyên tử, đang dần dần được giải thoát khỏi năng lực tích hợp của

integrating potency of the vital body by the action of the nadis; it begins to respond to the attractive pull of matter itself. This has been called the "earth" pull and is exerted by that mysterious entity whom we call the "spirit of the earth"; this entity is on the involutionary arc, and is to our planet what the physical elemental is to the physical body of man. This physical plane life force is essentially the life and light of atomic substance—the matter of which all forms are made. It is to this reservoir of involutionary and material life that the substance of all forms is restored. Restitution of [476] the commandeered matter of the form occupied by the soul during a life cycle consists in returning to this "Caesar" the involutionary world what is his, whilst the soul returns to the God Who sent it forth.

thể sinh lực nhờ tác động của các nadis; nó bắt đầu đáp ứng với sức kéo thu hút của chính vật chất. Điều này đã được gọi là sức kéo của "đất" và được tác động bởi thực thể huyền bí mà chúng ta gọi là "tinh linh địa cầu"; thực thể này ở trên cung giáng hạ tiến hoá, và đối với hành tinh chúng ta, nó cũng như tinh linh thể xác đối với thể xác của con người. Mãnh lực sự sống cõi hồng trần này về bản chất là sự sống và ánh sáng của chất liệu nguyên tử—vật chất mà từ đó mọi hình tướng được tạo thành. Chính vào kho dự trữ của sự sống giáng hạ tiến hoá và vật chất này mà chất liệu của mọi hình tướng được hoàn trả. Sự hoàn nguyên [476] chất liệu bị trưng dụng của hình tướng mà linh hồn đã chiếm dụng trong một chu kỳ sống bao gồm việc trả lại cho "Caesar" của thế giới giáng hạ tiến hoá điều thuộc về nó, trong khi linh hồn trở về với Thượng đế Đấng đã phát nó ra.

It will therefore be apparent that a dual attractive process is at this stage going on:

Vì vậy, hiển nhiên là ở giai đoạn này đang diễn ra một tiến trình thu hút kép:

a. The vital body is being prepared for exit.

a. Thể sinh lực đang được chuẩn bị để thoát ra.

b. The physical body is responding to dissolution.

b. Thể xác đang đáp ứng với sự tan rã.

It might be added that a third activity is also present. It is that of the conscious man, withdrawing his consciousness, steadily and gradually, into the astral and mental vehicles, preparatory to the complete abstraction of the etheric body when the right time comes. The man is becoming less and less attached to the physical plane and more withdrawn within himself. In the case of an advanced person, this process is consciously undertaken, and the man retains his vital interests and his awareness of relationship to others even whilst losing his grip on physical existence. In old age this

Có thể nói thêm rằng một hoạt động thứ ba cũng hiện diện. Đó là hoạt động của con người hữu thức, đang rút tâm thức của mình, đều đặn và dần dần, vào các vận cụ cảm dục và trí tuệ, để chuẩn bị cho sự rút ra hoàn toàn của thể dĩ thái khi thời điểm thích hợp đến. Con người ngày càng ít gắn bó với cõi hồng trần hơn và ngày càng rút vào bên trong mình hơn. Trong trường hợp một người tiến bộ, tiến trình này được thực hiện một cách hữu thức, và người ấy vẫn giữ được những mối quan tâm sống động cùng ý thức về tương quan với người khác ngay cả khi đang mất dần sự bám giữ vào sự tồn tại hồng

detachment can be more easily noted than in death through disease, and frequently the soul or the living, interested, inner man can be seen losing his grip on physical and, therefore, illusory reality.

trần. Ở tuổi già, sự tách rời này có thể được nhận thấy dễ hơn là trong cái chết do bệnh tật, và thường có thể thấy linh hồn hay con người nội tại sống động, đầy quan tâm đang mất dần sự bám giữ vào thực tại hồng trần và do đó là ảo tưởng.

4. Again a pause ensues. This is the point where the physical elemental can at times regain its hold upon the etheric body, if that is deemed desirable by the soul, if death is not part of the inner plan, or if the physical elemental is so powerful that it can prolong the process of dying. This elemental life will sometimes fight a battle lasting for days and weeks. When, however, death is inevitable, the pause at this point will be exceedingly brief, sometimes only for a matter of seconds. The physical elemental has lost its hold, and the etheric [477] body awaits the final "tug" from the soul, acting under the Law of Attraction.

4. *Một khoảng ngừng nữa lại tiếp theo*. Đây là điểm mà tinh linh thể xác đôi khi có thể giành lại sự nắm giữ đối với thể dĩ thái, nếu linh hồn thấy điều đó là đáng mong muốn, nếu cái chết không phải là một phần của kế hoạch nội tại, hoặc nếu tinh linh thể xác mạnh đến mức có thể kéo dài tiến trình hấp hối. Sự sống hành khí này đôi khi sẽ chiến đấu một trận kéo dài nhiều ngày và nhiều tuần. Tuy nhiên, khi cái chết là không thể tránh khỏi, khoảng ngừng ở điểm này sẽ cực kỳ ngắn, đôi khi chỉ trong vài giây. Tinh linh thể xác đã mất sự nắm giữ, và thể dĩ thái [477] chờ đợi "cú giật" cuối cùng từ linh hồn, hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn.

5. The etheric body emerges from the dense physical body in gradual stages and at the chosen point of exit. When this emergence is complete, the vital body then assumes the vague outline of the form that it energised, and this under the influence of the thoughtform of himself which the man has built up over the years. This thoughtform exists in the case of every human being, and must be destroyed before the second stage of elimination is finally complete. We will touch upon this later. Though freed from the prison of the physical body, the etheric body is not yet freed from its influence. There is still a slight rapport between the two, and this keeps the spiritual man still close to the body just vacated. That is why clairvoyants often claim to see the etheric body hovering around the death bed or the coffin. Still interpenetrating the etheric body are the integrated energies which we call the astral

5. *Thể dĩ thái xuất ra khỏi thể xác đậm đặc* theo từng giai đoạn dần dần và tại điểm thoát đã được chọn. Khi sự xuất ra này hoàn tất, thể sinh lực lúc ấy mang lấy đường nét mơ hồ của hình tướng mà nó đã tiếp sinh lực, và điều này dưới ảnh hưởng của hình tư tưởng về chính mình mà con người đã xây dựng qua nhiều năm. Hình tư tưởng này tồn tại trong trường hợp của mọi con người, và phải bị hủy diệt trước khi giai đoạn loại bỏ thứ hai được hoàn tất rốt ráo. Chúng ta sẽ đề cập đến điều này sau. Dù đã được giải thoát khỏi ngục tù của thể xác, thể dĩ thái vẫn chưa được giải thoát khỏi ảnh hưởng của nó. Vẫn còn một sự liên hệ nhẹ giữa hai thể, và điều này giữ con người tinh thần vẫn ở gần thể xác vừa mới bỏ lại. Đó là lý do tại sao các nhà thông nhãn thường nói rằng họ thấy thể dĩ thái lơ lửng quanh giường chết hay quan tài. Vẫn còn xuyên thấm thể dĩ thái là các năng lượng tích hợp mà chúng ta gọi là thể

body and the mental vehicle, and at the centre there is a point of light which indicates the presence of the soul.

cảm dục và vận cụ trí tuệ, và ở trung tâm có một điểm sáng chỉ sự hiện diện của linh hồn.

6. The etheric body is gradually dispersed as the energies of which it is composed are reorganised and withdrawn, leaving only the pranic substance which is identified with the etheric vehicle of the planet itself. This process of dispersal is, as I have earlier said, greatly aided by cremation. In the case of the undeveloped person, the etheric body can linger for a long time in the neighbourhood of its outer disintegrating shell because the pull of the soul is not potent and the material aspect is. Where the person is advanced, and therefore detached in his thinking from the physical plane, the dissolution of the vital body can be exceedingly rapid. Once it is accomplished, the process of restitution is over; the man [478] is freed, temporarily at least, from all reaction to the attractive pull of physical matter; he stands in his subtle bodies, ready for the great act to which I have given the name "The Art of Elimination."

6. *Thể dĩ thái dần dần bị phân tán* khi các năng lượng cấu thành nó được tái tổ chức và rút đi, chỉ để lại chất liệu prana vốn được đồng nhất với vận cụ dĩ thái của chính hành tinh. Như tôi đã nói trước đây, tiến trình phân tán này được hỏa táng hỗ trợ rất nhiều. Trong trường hợp người chưa phát triển, thể dĩ thái có thể lưu lại rất lâu trong vùng lân cận lớp vỏ bên ngoài đang tan rã của nó vì sức kéo của linh hồn không mạnh còn phương diện vật chất thì mạnh. Khi người ấy tiến bộ, và do đó trong tư tưởng đã tách rời khỏi cõi hồng trần, sự tan rã của thể sinh lực có thể cực kỳ nhanh chóng. Một khi điều đó hoàn tất, tiến trình hoàn nguyên chấm dứt; con người [478] được giải thoát, ít nhất là tạm thời, khỏi mọi phản ứng đối với sức kéo thu hút của vật chất hồng trần; y đứng trong các thể vi tế của mình, sẵn sàng cho hành động lớn mà tôi đã gọi là "Nghệ Thuật Loại Bỏ."

One thought emerges as we conclude this inadequate consideration of the death of the physical body in its two aspects: that thought is the integrity of the inner man. He remains himself. He is untouched and untrammelled: he is a free agent as far as the physical plane is concerned, and is responsive now to only three predisposing factors:

Một tư tưởng nổi lên khi chúng ta kết thúc sự khảo xét chưa đầy đủ này về cái chết của thể xác trong hai phương diện của nó: tư tưởng ấy là sự toàn vẹn của con người nội tại. *Y vẫn là chính mình.* Y không bị đụng chạm và không bị trói buộc: y là một tác nhân tự do xét về cõi hồng trần, và giờ đây chỉ đáp ứng với ba yếu tố định đoạt:

1. The quality of his astral-emotional equipment.

1. Phẩm tính của bộ máy cảm xúc-cảm dục của y.

2. The mental condition in which he habitually lives.

2. Tình trạng trí tuệ mà y thường sống trong đó.

3. The voice of the soul, often unfamiliar but sometimes well known and loved.

3. tiếng nói của linh hồn, thường xa lạ nhưng đôi khi được biết rõ và yêu mến.

Individuality is not lost; the same person is still present upon the planet. Only that has disappeared which was an integral part of the tangible appearance of our planet. That which has been loved or hated, which has been useful to humanity or a liability, which has served the race or been an ineffectual member of it, still persists, is still in touch with the qualitative and mental processes of existence, and will forever remain—individual, qualified by ray type, part of the kingdom of souls, and a high initiate in his own right.

Cá tính không bị mất đi; cùng một con người ấy vẫn hiện diện trên hành tinh. Chỉ có điều đã biến mất là phần từng là một bộ phận toàn vẹn của sắc tướng hữu hình của hành tinh chúng ta. Điều đã được yêu hay ghét, đã hữu ích cho nhân loại hay là một gánh nặng, đã phụng sự nhân loại hay là một thành viên vô hiệu, vẫn còn tồn tại, vẫn còn tiếp xúc với các tiến trình phẩm tính và trí tuệ của sự tồn tại, và sẽ mãi mãi còn là—một cá thể, được định tính bởi loại cung, là một phần của giới các linh hồn, và là một điểm đạo đồ cao cấp theo quyền riêng của mình.

3. TWO QUESTIONS OF IMPORTANCE. — 3. HAI CÂU HỎI QUAN TRỌNG.

I have sought, in the preceding pages, to give an insight into the true nature of that which we call death. Death is the withdrawal, consciously or unconsciously, of the inner living entity from its outer shell, its inner vital correspondence, and finally it is the relinquishing of the subtle body or bodies, according to the point in evolution of the person. I have also sought to show the normality of this familiar [479] process. The horror which attends death upon the battlefield or by accident consists in the shock which it precipitates within the area of the etheric body, necessitating a rapid rearrangement of its constituent forces and a sudden and unexpected reintegration of its component parts in response to definite action which has perforce to be taken by the man in his kama-manasic body. This action does not involve the replacing of the inner man again within the etheric vehicle, but requires a coming together of the dissipated aspects of that body under the Law of

Trong những trang trước, tôi đã cố gắng đem lại một cái nhìn sâu vào bản chất chân thực của điều mà chúng ta gọi là cái chết. Cái chết là sự rút lui, hữu thức hay vô thức, của thực thể sống nội tại ra khỏi lớp vỏ bên ngoài của nó, khỏi đối phần sinh lực bên trong của nó, và cuối cùng là sự từ bỏ thể hay các thể vi tế, tùy theo điểm tiến hoá của con người. Tôi cũng đã cố gắng cho thấy tính bình thường của tiến trình quen thuộc [479] này. Sự kinh hoàng đi kèm cái chết trên chiến trường hay do tai nạn nằm ở cú sốc mà nó gây ra trong phạm vi thể dĩ thái, đòi hỏi một sự tái sắp xếp nhanh chóng các mãnh lực cấu thành nó và một sự tái tích hợp đột ngột, bất ngờ của các thành phần của nó để đáp ứng với hành động nhất định mà con người trong thể trí-cảm của mình buộc phải thực hiện. Hành động này không bao hàm việc đặt con người nội tại trở lại trong vận cụ dĩ thái, mà đòi hỏi sự tập hợp lại của các phương diện đã bị phân tán của thể ấy dưới Định luật Hấp Dẫn, để sự tan rã cuối cùng và hoàn toàn của nó có thể diễn ra.

Attraction, in order that its final and complete dissolution can take place.

Before taking up our theme (which is the Art of Elimination), I want to answer two questions which seem to me of importance; they are frequently asked by earnest and intelligent students.

Trước khi đi vào chủ đề của chúng ta (là Nghệ Thuật Loại Bỏ), tôi muốn trả lời hai câu hỏi mà theo tôi là quan trọng; chúng thường được các đạo sinh nghiêm túc và thông minh nêu ra.

The first question is, in reality, the expression of disappointment in this series of instructions. It can be framed as follows: Why does not the Tibetan Teacher take up definite or basic diseases, and deal with their pathology, give their cures or suggested treatment, indicate their direct causes and give, in detail, the processes of recovery? Because, my brothers, there is little that I can add technically to what has already been ascertained by medical science anent the symptoms, the localities and the general trends in which diseased conditions are found. Observation, experimentation, trial and error, success and failure have given to modern man a wide and definitely accurate knowledge of the outer aspects and effects of disease. Time, and constant trained observation, have equally definitely indicated cures or ameliorative processes or preventive measures (such as vaccination for smallpox), and these have proved after many years to be helpful. Investigation and experiment and the steadily growing facilities which science provides are adding to man's capacity to help, to cure at times, to ameliorate frequently, [480] and to lessen the reactions of pain. Medical science and surgical skill have advanced by leaps and bounds—so much so that what is today known and somewhat grasped is of so vast a nature and so intricate in its scientific and therapeutic aspects that they have given rise to specialists—to those who concentrate upon a particular field, and who therefore

Câu hỏi thứ nhất, thực ra, là sự biểu lộ của nỗi thất vọng đối với loạt chỉ dẫn này. Nó có thể được nêu như sau: Tại sao vị Huấn sư Tây Tạng không đề cập đến những bệnh xác định hay căn bản, và bàn đến bệnh lý học của chúng, đưa ra cách chữa trị hay phương pháp điều trị được gợi ý, chỉ ra nguyên nhân trực tiếp của chúng và trình bày chi tiết các tiến trình hồi phục? Bởi vì, Các huynh đệ của tôi, về mặt kỹ thuật tôi có rất ít điều có thể thêm vào những gì khoa học y khoa đã xác định liên quan đến các triệu chứng, các vị trí và các xu hướng chung nơi những tình trạng bệnh tật được tìm thấy. Quan sát, thực nghiệm, thử và sai, thành công và thất bại đã đem lại cho con người hiện đại một tri thức rộng lớn và rõ ràng chính xác về các phương diện và tác động bên ngoài của bệnh tật. Thời gian, cùng với sự quan sát lão luyện không ngừng, cũng đã chỉ ra khá rõ các phương pháp chữa trị hoặc làm giảm nhẹ hay các biện pháp phòng ngừa (như tiêm chủng đậu mùa), và sau nhiều năm chúng đã chứng tỏ là hữu ích. Nghiên cứu, thực nghiệm và những phương tiện ngày càng gia tăng mà khoa học cung cấp đang bổ sung cho khả năng của con người trong việc giúp đỡ, đôi khi chữa lành, thường xuyên làm giảm nhẹ, [480] và làm giảm các phản ứng đau đớn. Khoa học y khoa và kỹ năng phẫu thuật đã tiến bộ vượt bậc—đến mức những gì ngày nay được biết và phần nào được nắm bắt có bản chất quá rộng lớn và quá phức tạp trong các phương diện khoa học và trị liệu của chúng đến nỗi đã làm phát sinh các

deal only with certain conditions of ill health and disease, thereby attaining much skill, knowledge and frequent success. All this is good, in spite of what cranks and people with a pet method of cure may say, or even those who have no use for the medical profession and prefer some cult or some of the newer approaches to the problem of health.

chuyên gia—những người tập trung vào một lĩnh vực riêng biệt, và vì vậy chỉ xử lý những tình trạng sức khỏe kém và bệnh tật nhất định, nhờ đó đạt được nhiều kỹ năng, tri thức và thường xuyên thành công. Tất cả điều này đều tốt, bất chấp những gì những kẻ lập dị và những người có một phương pháp chữa trị ưa thích có thể nói, hay ngay cả những người không coi trọng ngành y và thích một giáo phái nào đó hoặc một số cách tiếp cận mới hơn đối với vấn đề sức khỏe.

The reason that these newer approaches exist is that medical science has made such progress that it has now reached the limits of its purely physical area or field and is now on the verge of advancing into the realm of the intangible and is thus drawing nearer to the world of causes. It is for this reason that I have wasted no time with the details of disease, with enumerating or considering specific diseases, their symptoms or their treatment because that is fully covered in the textbooks available; they can likewise be seen in their many and various stages in our great hospitals.

Lý do những cách tiếp cận mới hơn này tồn tại là vì khoa học y khoa đã tiến bộ đến mức hiện nay nó đã chạm tới giới hạn của lĩnh vực hay phạm vi thuần hồng trần của mình và giờ đang ở ngưỡng tiến vào cõi giới của cái vô hình, nhờ đó tiến gần hơn đến thế giới của các nguyên nhân. Chính vì lý do này mà tôi không lãng phí thời gian vào các chi tiết của bệnh tật, vào việc liệt kê hay xem xét các bệnh cụ thể, các triệu chứng hay cách điều trị của chúng, bởi vì điều đó đã được trình bày đầy đủ trong các giáo trình hiện có; chúng cũng có thể được thấy trong nhiều giai đoạn khác nhau của chúng tại các bệnh viện lớn của chúng ta.

I have, however, dealt with the latent causes of disease—such as tuberculosis, syphilis and cancer—inherent in the individual man, in humanity as a whole, and also in our planet. I have traced the psychological basis of disease and have indicated a practically new field wherein disease—particularly in its earlier stages—can be studied.

Tuy nhiên, tôi đã bàn đến các nguyên nhân tiềm ẩn của bệnh tật—như lao, giang mai và ung thư—vốn cố hữu trong từng cá nhân, trong toàn thể nhân loại, và cả trong hành tinh của chúng ta. Tôi đã truy nguyên nền tảng tâm lý của bệnh tật và đã chỉ ra một lĩnh vực hầu như mới, trong đó bệnh tật—đặc biệt ở các giai đoạn đầu—có thể được nghiên cứu.

When the psychological basis of disease can be realised and its factual nature is admitted by the orthodox physician, the surgeon, the psychologist and the priest, then all will work together in this developing area of understanding, and what is today vaguely

Khi nền tảng tâm lý của bệnh tật có thể được chứng nghiệm và bản chất thực tế của nó được thừa nhận bởi bác sĩ chính thống, nhà phẫu thuật, nhà tâm lý học và vị giáo sĩ, thì tất cả sẽ cùng làm việc trong lĩnh vực thấu hiểu đang phát triển này, và điều ngày nay

called “preventive medicine” will come into its own. I prefer to define this phase of medical [481] application as the organisation of those methods whereby disease will be avoided, and the development of those techniques whereby correct psychological training will be given —from youth up—and by right emphasis upon the inner spiritual man, those conditions will be negated and those habits avoided which today lead inevitably to ill health, definitely symptomatic disease and eventual death.

được gọi một cách mơ hồ là “y học phòng ngừa” sẽ thực sự phát huy vai trò của nó. Tôi thích định nghĩa giai đoạn ứng dụng y học [481] này là sự tổ chức những phương pháp nhờ đó *bệnh tật sẽ được tránh khỏi,* và sự phát triển những kỹ thuật nhờ đó sự huấn luyện tâm lý đúng đắn sẽ được trao truyền—ngay từ tuổi trẻ—và bằng sự nhấn mạnh đúng mức vào con người tinh thần nội tại, những điều kiện ấy sẽ được loại bỏ và những thói quen ấy sẽ được tránh đi, những điều ngày nay tất yếu dẫn đến sức khỏe kém, bệnh tật có triệu chứng rõ rệt và cuối cùng là cái chết.

In the above statement, I refer to no affirmative or speculative science such as Christian Science or those schools of thought which trace all disease to the power of thought. I am concerned with the immediate necessity of right psychological training, based upon a knowledge of the constitution of man, upon the science of the seven rays (the forces which condition man and make him what he is), and upon esoteric astrology; I am concerned with the application of the knowledges, hitherto regarded as peculiar and esoteric, which are slowly coming under general consideration, and which have made great progress during the past twenty-five years. I am not concerned with the abolition of medical treatment, nor am I concerned with endorsing the newer modes of treatment—all of which are still in the experimental stage and all of which have somewhat to contribute to medical science as a whole; out of the united contribution should come a richer and more fluid medical approach to the patient.

Trong lời phát biểu trên, tôi không nói đến một khoa học khẳng định hay suy đoán nào như Christian Science hoặc những trường phái tư tưởng quy mọi bệnh tật về quyền năng của tư tưởng. Tôi quan tâm đến nhu cầu cấp bách trước mắt là sự huấn luyện tâm lý đúng đắn, dựa trên tri thức về cấu tạo của con người, trên khoa học bảy cung (những mãnh lực tác động lên con người và làm cho y là chính y), và trên Chiêm Tinh Học Nội Môn; tôi quan tâm đến việc áp dụng những tri thức từ trước đến nay vẫn được xem là đặc thù và huyền bí, nhưng đang dần dần được xem xét rộng rãi, và đã tiến bộ lớn trong hai mươi lăm năm qua. Tôi không quan tâm đến việc bãi bỏ điều trị y khoa, cũng không quan tâm đến việc tán thành các phương thức điều trị mới hơn—tất cả chúng vẫn còn ở giai đoạn thực nghiệm và tất cả đều có phần đóng góp nào đó cho khoa học y khoa nói chung; từ sự đóng góp hợp nhất ấy sẽ xuất hiện một cách tiếp cận y khoa phong phú hơn và linh động hơn đối với bệnh nhân.

The picture I have outlined of the psychological background of all diseases will be long in painting; in the meantime, the contribution of medicine is indispensable. In

Bức tranh tôi đã phác họa về bối cảnh tâm lý của mọi bệnh tật sẽ còn lâu mới hoàn thành; trong khi đó, sự đóng góp của y học là không thể thiếu. Bất chấp sai lầm, chẩn đoán thiếu

spite of mistakes, faulty diagnosis and much error, humanity cannot do without its doctors, its surgeons and its hospitals. They are urgently needed, and will be for centuries to come. In this statement is no cause for discouragement. Humanity cannot be brought into a condition of perfect physical health immediately, though correct psychological training from infancy will do much in the course of a few decades. Wrong [482] conditions have been long developing. Modern medicine must become far more open-minded, more ready to endorse (after due professional proof) that which is new, which is in the nature of innovation and which is unusual. The barriers erected by specialised medicine must come down, and the new schools must be sought, instructed and investigated, and finally be included in the orthodox ranks. The new schools, such as those concerned with electro-therapy, the chiropractic schools, the dieticians who claim to cure all diseases through right foods, and the rather eccentric naturopaths, plus many other cults and schools, must not be so arrogantly sure that they have the whole story, that their approach is the only one or that they have a universal cure-all which is unique and definitely sure. These groups, particularly the chiropractors, have definitely damaged their cause and crippled their effort by their loudly shouted surety (in a field which is yet experimental), and by their constant attack upon orthodox medicine. The latter, in its turn, has limited itself by its failure to recognise what is good and right in the newer schools; it has been antagonised by their clamour for recognition, and by their lack of scientific methods. The desire of orthodox medicine is to protect the general public. This they needs must do in order to avoid the disasters which fanatics and untried methods would bring about, but they have gone too far in this respect. The school of thought which I

chính xác và nhiều lỗi lầm, nhân loại không thể thiếu các bác sĩ, các nhà phẫu thuật và các bệnh viện của mình. Họ đang rất cần thiết, và sẽ còn như vậy trong nhiều thế kỷ nữa. Trong lời phát biểu này không có lý do gì để nản lòng. Nhân loại không thể ngay lập tức được đưa vào một tình trạng sức khỏe hồng trần hoàn hảo, dù sự huấn luyện tâm lý đúng đắn từ thời thơ ấu sẽ làm được nhiều điều trong vòng vài thập niên. Những điều kiện sai lầm [482] đã phát triển từ lâu. Y học hiện đại phải trở nên cởi mở hơn nhiều, sẵn sàng hơn trong việc tán thành (sau khi có bằng chứng chuyên môn thích đáng) điều gì là mới, có tính đổi mới và khác thường. Những rào cản do y học chuyên khoa dựng lên phải được dỡ bỏ, và những trường phái mới phải được tìm hiểu, hướng dẫn và khảo sát, rồi cuối cùng được đưa vào hàng ngũ chính thống. Những trường phái mới, như những trường phái quan tâm đến điện trị liệu, các trường phái trị liệu nắn chỉnh cột sống, các nhà dinh dưỡng học cho rằng có thể chữa mọi bệnh bằng thực phẩm đúng đắn, và những nhà trị liệu tự nhiên khá lập dị, cùng nhiều giáo phái và trường phái khác, không được quá kiêu ngạo chắc chắn rằng họ nắm toàn bộ câu chuyện, rằng cách tiếp cận của họ là duy nhất hoặc rằng họ có một phương thuốc chữa bách bệnh phổ quát, độc nhất và chắc chắn. Những nhóm này, đặc biệt là các nhà trị liệu nắn chỉnh cột sống, rõ ràng đã làm tổn hại chính nghĩa của mình và làm què quặt nỗ lực của mình bằng sự quả quyết ồn ào của họ (trong một lĩnh vực vẫn còn đang thực nghiệm), và bằng sự công kích liên tục đối với y học chính thống. Đến lượt mình, y học chính thống đã tự giới hạn mình vì không nhận ra điều gì là tốt và đúng trong các trường phái mới hơn; nó đã bị đối kháng bởi tiếng kêu đòi được công nhận của họ, và bởi sự thiếu phương pháp khoa học của họ. Mong muốn của y học chính thống là bảo vệ công chúng nói chung. Họ buộc phải làm điều này để tránh những

have sponsored in these instructions will also be challenged, and this for a long time. However, the mental and psychological effects of the world war will greatly hasten the recognition of the psychological basis for disease and other troubles; modern medicine, therefore, faces its major opportunity.

tai họa mà những kẻ cuồng tín và những phương pháp chưa được thử nghiệm sẽ gây ra, nhưng họ đã đi quá xa về phương diện này. Trường phái tư tưởng mà tôi đã bảo trợ trong những chỉ dẫn này cũng sẽ bị thách thức, và điều này sẽ còn kéo dài. Tuy nhiên, các tác động trí tuệ và tâm lý của cuộc thế chiến sẽ đẩy nhanh rất nhiều sự công nhận nền tảng tâm lý của bệnh tật và những rắc rối khác; vì vậy, y học hiện đại đang đối diện với cơ hội lớn lao nhất của mình.

A combination of true medical science (as produced by man down the ages under the inspiration of his divine nature), of the newer aspects of treatment as formulated by [483] the many emerging schools of thought, of practice and experiment, the recognition of the energies which condition man, working through the seven centres in his vital body, and of the astrological influences which equally condition him, via the inner man, will eventually produce the new medical approach which will keep man in good health, which will arrest disease in its earliest stages, and which will finally inaugurate that cycle in human affairs wherein disease and ill health will be exceptions and not the rule, as is the case today, and wherein death will be regarded as a happy and destined release and not, as is the case today, a dreaded enemy.

Sự kết hợp giữa khoa học y khoa chân chính (do con người tạo ra qua các thời đại dưới sự cảm hứng của bản chất thiêng liêng của y), các phương diện điều trị mới hơn như được hình thành bởi [483] nhiều trường phái tư tưởng, thực hành và thực nghiệm đang xuất hiện, sự công nhận các năng lượng tác động lên con người, hoạt động qua bảy trung tâm trong thể sinh lực của y, và các ảnh hưởng chiêm tinh cũng tác động lên y, *thông qua con người nội tại*, cuối cùng sẽ tạo ra cách tiếp cận y khoa mới, cách tiếp cận sẽ giữ cho con người được khỏe mạnh, sẽ ngăn chặn bệnh tật ở những giai đoạn sớm nhất của nó, và cuối cùng sẽ khai mở chu kỳ trong các công việc của nhân loại, trong đó bệnh tật và sức khỏe kém sẽ là ngoại lệ chứ không phải quy luật như hiện nay, và trong đó cái chết sẽ được xem như một sự giải thoát hạnh phúc và đã được định sẵn chứ không phải, như hiện nay, một kẻ thù đáng sợ.

The second question is definitely concerned with the processes of death. It has been asked: What is the Tibetan's attitude towards cremation, and under what conditions should cremation be followed? It is a fortunate and happy thing that cremation is becoming increasingly the rule. Before so very long, burial in the ground will be against the law and cremation will be enforced, and this as a health and sanitation

Câu hỏi thứ hai rõ ràng liên quan đến các tiến trình chết. Người ta đã hỏi: Thái độ của Chân sư Tây Tạng đối với hỏa táng là gì, và trong những điều kiện nào thì nên thực hiện hỏa táng? Thật là một điều may mắn và đáng mừng khi hỏa táng ngày càng trở thành quy luật. Chẳng bao lâu nữa, việc chôn cất dưới đất sẽ trái pháp luật và hỏa táng sẽ được thi hành bắt buộc, như một biện pháp sức khỏe và vệ sinh. Những nơi

measure. Those unhealthy, psychic spots, called cemeteries, will eventually disappear, just as ancestor worship is passing out, both in the Orient—with its ancestor cults—and in the Occident—with its equally foolish cult of hereditary position.

không lành mạnh, đầy thông linh ấy, gọi là nghĩa trang, cuối cùng sẽ biến mất, cũng như việc thờ cúng tổ tiên đang dần mất đi, cả ở phương Đông—với các tín ngưỡng thờ tổ tiên—lẫn ở phương Tây—với sự sùng bái cũng ngu xuẩn không kém đối với địa vị cha truyền con nối.

By the use of fire, all forms are dissolved; the quicker the human physical vehicle is destroyed, the quicker is its hold upon the withdrawing soul broken. A great deal of nonsense has been told in current theosophical literature about the time equation in relation to the sequential destruction of the subtle bodies. It should be stated, however, that the moment that true death is scientifically established (by the orthodox doctor in charge of the case), and it has been ascertained that no spark of life remains in the physical body, cremation is then possible. This complete or true [484] death eventuates when the thread of consciousness and the thread of life are completely withdrawn from the head and the heart. At the same time, reverence and an unhurried attitude have their rightful place in the process. The family of the dead person need a few hours in which to adjust themselves to the fact of the imminent disappearance of the outer and usually loved form; due care must also be given to the formalities required by the state or the municipality. This time element has reference mainly to those who are left behind, to the living and not to the dead. The claim that the etheric body must not be rushed into the cremating flames, and the belief that it must be left to drift around for a stated period of several days, have also no true basis at all. There is no etheric need for delay. When the inner man withdraws from his physical vehicle he withdraws simultaneously from the etheric body. It is true that the etheric body is apt to linger for

Bằng việc sử dụng lửa, mọi hình tướng đều bị phân giải; vận cụ hồng trần của con người càng bị hủy diệt nhanh, sự bám giữ của nó đối với linh hồn đang rút lui càng bị phá vỡ nhanh. Rất nhiều điều vô nghĩa đã được kể trong văn liệu Thông Thiên Học đương thời về yếu tố thời gian liên quan đến sự hủy diệt tuần tự của các thể vi tế. Tuy nhiên, cần phải nói rằng ngay khi cái chết *thật sự* được xác lập một cách khoa học (bởi bác sĩ chính thống phụ trách ca bệnh), và đã xác định rằng không còn tia lửa sự sống nào trong thể xác, thì khi ấy có thể hỏa táng. Cái chết hoàn toàn hay thật sự [484] này xảy ra khi sợi dây tâm thức và sợi dây sự sống đã được rút hoàn toàn khỏi đầu và tim. Đồng thời, sự kính cẩn và một thái độ không vội vã có vị trí chính đáng của chúng trong tiến trình này. Gia đình của người chết cần vài giờ để tự điều chỉnh mình trước sự kiện hình tướng bên ngoài, thường là hình tướng được yêu thương, sắp biến mất; cũng phải dành sự quan tâm thích đáng cho các thủ tục do nhà nước hay chính quyền đô thị yêu cầu. Yếu tố thời gian này chủ yếu liên quan đến những người bị bỏ lại phía sau, đến người sống chứ không phải người chết. Lời khẳng định rằng thể dĩ thái không được vội vàng đưa vào ngọn lửa hỏa táng, và niềm tin rằng nó phải được để trôi dạt quanh đó trong một khoảng thời gian vài ngày nhất định, cũng hoàn toàn không có cơ sở chân thực. Không có nhu cầu dĩ thái nào đòi hỏi sự trì hoãn. Khi con người nội tại rút khỏi vận cụ hồng trần của mình, y đồng thời rút khỏi thể dĩ thái. Đúng là thể dĩ thái có khuynh hướng lưu lại rất lâu trên "trường phát xạ" khi thể xác

a long time on the "field of emanation" when the physical body is interred, and it will frequently persist until complete disintegration of the dense body has taken place. The process of mummifying, as practised in Egypt, and of embalming, as practised in the West, have been responsible for the perpetuation of the etheric body, sometimes for centuries. This is particularly the case when the mummy or embalmed person was of an evil character during life; the hovering etheric body is then often "possessed" by an evil entity or evil force. This is the cause of the attacks and the disasters which often dog the steps of those who discover ancient tombs and their inhabitants, ancient mummies, and bring them and their possessions to light. Where cremation is the rule, there is not only the immediate destruction of the physical body and its restitution to the fount of substance, but the vital body is also promptly dissolved and its forces swept away by the current of flame into the reservoir of vital energies. Of that reservoir [485] it has ever been an inherent part, either in form or in a formless condition. After death and cremation these forces still exist but are absorbed into the analogous whole. Ponder on this statement, for it will give you the clue to the creative work of the human spirit. If delay is necessary from family feeling or municipal requirements, cremation should follow death within thirty-six hours; where no reason for delay exists, cremation can be rightly permitted in twelve hours. It is wise, however, to wait twelve hours in order to ensure true death.

được chôn cất, và nó thường tồn tại cho đến khi sự tan rã hoàn toàn của thể xác đậm đặc diễn ra. Tiến trình ướp xác, như được thực hành ở Ai Cập, và việc bảo quản thi thể, như được thực hành ở phương Tây, đã chịu trách nhiệm cho sự kéo dài tồn tại của thể dĩ thái, đôi khi trong nhiều thế kỷ. Điều này đặc biệt đúng khi xác ướp hay người có thi thể được bảo quản là kẻ có tính cách xấu ác khi còn sống; khi ấy thể dĩ thái lơ lửng thường bị một thực thể xấu ác hay một mãnh lực xấu ác "chiếm hữu". Đây là nguyên nhân của những cuộc tấn công và tai họa thường bám theo bước chân của những người khám phá các ngôi mộ cổ và những cư dân của chúng, các xác ướp cổ, rồi đưa chúng cùng tài sản của chúng ra ánh sáng. Ở nơi nào hỏa táng là quy luật, không những thể xác bị hủy diệt ngay lập tức và được hoàn nguyên về nguồn chất liệu, mà thể sinh lực cũng nhanh chóng bị phân giải và các mãnh lực của nó bị dòng lửa cuốn đi vào kho dự trữ các năng lượng sinh lực. Từ kho dự trữ ấy [485] nó vốn luôn là một phần cố hữu, hoặc trong hình tướng hoặc trong tình trạng vô tướng. Sau cái chết và hỏa táng, các mãnh lực này vẫn tồn tại nhưng được hấp thu vào toàn thể *tương đồng*. Hãy suy ngẫm về lời phát biểu này, vì nó sẽ cho bạn đầu mối về công việc sáng tạo của tinh thần con người. Nếu sự trì hoãn là cần thiết vì tình cảm gia đình hay yêu cầu của chính quyền đô thị, thì việc hỏa táng nên theo sau cái chết trong vòng ba mươi sáu giờ; nơi nào không có lý do trì hoãn, việc hỏa táng có thể được cho phép đúng đắn sau mười hai giờ. Tuy nhiên, khôn ngoan là nên chờ mười hai giờ để bảo đảm cái chết *thật sự*.

CHAPTER VI - The Art of Elimination — CHƯƠNG VI - Nghệ Thuật Loại Bỏ

[486]

To take up again the thread of our instruction, we will now consider the activity of the inner spiritual man who has discarded his physical and etheric bodies and now stands within the shell of the subtle body—a body composed of astral or sentient substance and of mental substance. Owing to the strongly emotional and sentient polarisation of the average man, the idea has taken hold that man withdraws, after true death, first of all into his astral body, and then, later, into his mental vehicle. But this is not actually the case. A body constructed predominantly of astral matter is the basis of this idea. Few people are as yet so developed that the vehicle in which they find themselves after death is largely composed of mental substance. Only disciples and initiates who live mostly in their minds find themselves, after death, immediately upon the mental plane. Most people discover themselves upon the astral plane, clothed in a shell of astral matter and committed to a period of elimination within the illusory area of the astral plane.

As I have earlier told you, the astral plane has no factual existence, but is an illusory creation of the human family. From now on, however (through the defeat of the forces of evil and the disastrous setback suffered by the Black Lodge), the astral plane will slowly become a dying creation, [487] and in the final period of human history (in the seventh rootrace), it will become nonexistent. Today this is not the case. The sentient substance which constitutes the astral plane is still being gathered into forms of illusion and still forms a barrier in the

[486]

Để tiếp tục mạch chỉ dẫn của chúng ta, giờ đây chúng ta sẽ xem xét hoạt động của con người tinh thần nội tại, kẻ đã bỏ lại thể xác và thể dĩ thái của mình và hiện đứng trong lớp vỏ của thể vi tế—một thể được cấu tạo bằng chất liệu cảm dục hay cảm nhận và bằng chất liệu trí tuệ. Do sự phân cực cảm xúc và cảm nhận rất mạnh của con người trung bình, ý tưởng đã bám rễ rằng sau cái chết thật sự, trước hết con người rút vào thể cảm dục của mình, rồi sau đó mới vào vận cụ trí tuệ. Nhưng thực ra không phải như vậy. Một thể được cấu tạo chủ yếu bằng vật chất cảm dục là nền tảng của ý tưởng này. Hiện nay còn ít người phát triển đến mức vận cụ mà họ thấy mình ở trong đó sau khi chết phần lớn được cấu tạo bằng chất liệu trí tuệ. Chỉ các đệ tử và điểm đạo đồ, những người sống phần lớn trong trí tuệ của mình, mới thấy mình sau khi chết ở ngay trên cõi trí. Đa số người ta thấy mình ở trên cõi cảm dục, khoác một lớp vỏ bằng vật chất cảm dục và bị buộc vào một thời kỳ loại bỏ trong phạm vi ảo tưởng của cõi cảm dục.

Như tôi đã nói với bạn trước đây, cõi cảm dục không có sự tồn tại thực tế, mà là một sáng tạo ảo tưởng của gia đình nhân loại. Tuy nhiên, từ nay trở đi (nhờ sự thất bại của các mãnh lực xấu ác và sự thụt lùi tai hại mà Hắc đoàn phải chịu), cõi cảm dục sẽ chậm rãi trở thành một sáng tạo đang chết dần, [487] và trong thời kỳ cuối cùng của lịch sử nhân loại (ở giống dân gốc thứ bảy), nó sẽ trở nên không còn tồn tại. Ngày nay chưa phải vậy. Chất liệu cảm nhận cấu thành cõi cảm dục vẫn đang được gom lại thành những hình tướng ảo tưởng và vẫn tạo thành một rào

path of the soul seeking liberation. It still "holds prisoner" the many people who die whilst their major reaction to life is that of desire, of wishful thinking and of emotional sentiency. These are still the vast majority. In Atlantean days the astral plane came into being; the mental state of consciousness was then practically nonexistent, though the "sons of mind" had their place on what is today the higher levels of that plane. The mental permanent atom was also practically quiescent within each human form, and there was consequently no attractive "pull" from the mental plane, as is the case today. Many people are still Atlantean in consciousness, and when they pass out of the physical state of consciousness and discard their dual physical body, they are faced with the problem of elimination of the astral body, but they have little to do to release themselves from any mental prison of the soul. These are the undeveloped and average persons who, after the elimination of the kamic or desire body, have little else to do; there is no mental vehicle to draw them into a mental integration because there is no mentally focussed potency; the soul on the higher mental levels is as yet "in deep meditation" and quite unaware of its shadow in the three worlds.

cản trên con đường của linh hồn đang tìm kiếm sự giải thoát. Nó vẫn "giam giữ" nhiều người chết đi trong khi phản ứng chủ yếu của họ đối với cuộc sống là dục vọng, mơ tưởng ước ao và cảm nhận cảm xúc. Những người này vẫn là đại đa số. Vào thời Atlantis, cõi cảm dục đã xuất hiện; khi ấy trạng thái tâm thức trí tuệ thực tế chưa tồn tại, dù "các Con của Trí Tuệ" đã có vị trí của mình trên những cấp độ ngày nay là cao hơn của cõi ấy. Nguyên tử trường tồn trí tuệ cũng hầu như bất động trong mỗi hình tướng con người, và do đó không có "sức kéo" thu hút nào từ cõi trí như trường hợp ngày nay. Nhiều người vẫn còn là Atlantis trong tâm thức, và khi họ ra khỏi trạng thái tâm thức hồng trần và bỏ lại thể hồng trần kép của mình, họ đối diện với vấn đề loại bỏ thể cảm dục, nhưng họ có rất ít việc phải làm để giải thoát mình khỏi bất kỳ ngục tù trí tuệ nào của linh hồn. Đó là những người chưa phát triển và những người trung bình, sau khi loại bỏ thể kama hay thể dục vọng, thì hầu như không còn gì khác để làm; không có vận cụ trí tuệ nào kéo họ vào một sự tích hợp trí tuệ vì không có năng lực tập trung trí tuệ; linh hồn trên các cấp độ cao của cõi trí vẫn còn "tham thiền sâu" và hoàn toàn không biết đến cái bóng của nó trong ba cõi thấp.

The art of elimination falls, therefore, into three categories:

Vì vậy, nghệ thuật loại bỏ thuộc vào ba loại:

1. As practised by those people who are purely astral in quality and constitution. These we call "kamic" people.

1. Như được thực hành bởi những người thuần túy cảm dục về phẩm tính và cấu tạo. Chúng ta gọi họ là những người "kamic".

2. As practised by those balanced people who are integrated personalities and who are called "kama-manasic" [488] individuals.

2. Như được thực hành bởi những người quân bình, là các phàm ngã tích hợp và được gọi là những cá nhân "trí-cảm" [488].

3. As practised by advanced people and disciples of all grades who are mainly

3. Như được thực hành bởi những người tiến bộ và các đệ tử ở mọi cấp, những người chủ

mental in their "living focus." These are called "manasic" subjects.

yếu là trí tuệ trong "điểm tập trung sống" của họ. Những người này được gọi là các chủ thể "manasic".

The same basic rules control them all, but the emphasis differs in each case. I would have you bear in mind that where there is no physical brain and where the mind is undeveloped, the inner man finds himself practically smothered in an envelope of astral matter and is for a long time immersed in what we call the astral plane. The kama-manasic person has what is called the "freedom of the dual life," and finds himself possessed of a dual form which enables him to contact at will the higher levels of the astral plane and the lower levels of the mental plane. I would again remind you that there is no physical brain to register these contacts. Awareness of contact is dependent upon the innate activity of the inner man and his peculiar state of apprehension and of appreciation. The manasic person is possessed of a translucent mental vehicle with a light density which is in proportion to his freedom from desire and emotion.

Cùng những quy luật căn bản chi phối tất cả họ, nhưng điểm nhấn khác nhau trong từng trường hợp. Tôi muốn bạn ghi nhớ rằng ở nơi không có bộ não hồng trần và nơi trí tuệ chưa phát triển, con người nội tại thấy mình hầu như bị *nghẹt thở* trong một bao bọc bằng vật chất cảm dục và trong một thời gian dài bị chìm ngập trong điều chúng ta gọi là cõi cảm dục. Người trí-cảm có cái được gọi là "tự do của đời sống kép," và thấy mình sở hữu một hình tướng kép cho phép y tiếp xúc tùy ý với các cấp độ cao hơn của cõi cảm dục và các cấp độ thấp hơn của cõi trí. Tôi lại nhắc bạn rằng không có bộ não hồng trần nào để ghi nhận những tiếp xúc này. Sự nhận biết tiếp xúc tùy thuộc vào hoạt động bẩm sinh của con người nội tại và trạng thái lĩnh hội và đánh giá đặc thù của y. Người manasic sở hữu một vận cụ trí tuệ trong suốt với mật độ nhẹ tương ứng với mức độ giải thoát của y khỏi dục vọng và cảm xúc.

These three types of people all use an eliminative process of a similar nature, but employ a different technique within the process. For the sake of clarity, it might be stated that:

Ba loại người này đều sử dụng một tiến trình loại bỏ có bản chất tương tự, nhưng dùng một kỹ thuật khác nhau trong tiến trình ấy. Để cho rõ ràng, có thể nói rằng:

1. The kamic person eliminates his astral body by means of attrition, and vacates it via the astral correspondence to the solar plexus centre. This attrition is brought about because all the innate desire and inherent emotion are, at this stage, related to the animal nature and the physical body—both of which are now nonexistent.

1. *Người kamic* loại bỏ thể cảm dục của mình bằng phương tiện bào mòn, và rời bỏ nó qua đối phần cảm dục của trung tâm tùng thái dương. Sự bào mòn này được tạo ra vì mọi dục vọng bẩm sinh và cảm xúc cố hữu, ở giai đoạn này, đều liên hệ với bản chất thú tính và thể xác—cả hai hiện nay đều không còn tồn tại.

2. The kama-manasic individual uses two techniques. This would naturally be so because he eliminates, first of all, his astral body, and then his mental vehicle. [489]

a. He eliminates the astral body by means of his growing desire for mental life. He withdraws gradually and steadily into the mind body, and the astral body esoterically "drops away" and finally disappears. This takes place usually unconsciously and may require quite a long time. Where, however, the man is above the average, and on the verge of becoming a manasic person, the disappearance is brought about suddenly and dynamically, and the man stands free in his mental body. This takes place consciously and rapidly.

b. He shatters the mental body by an act of the human will, and also because the soul is beginning to be slowly aware of its shadow. The inner man is therefore attracted towards the soul, though still only in a somewhat feeble manner. This process is relatively quick and is dependent upon the extent of the manasic influence.

3. The manasic man, focussed now in his mental body, has also two things to accomplish:

a. To dissolve and rid himself of any astral sediment which may be discolouring his translucent mental body. The so-called astral body is now practically nonexistent as a factor of expression. This he does by calling in increased light from the soul. It is soul light which, at this stage, dissolves the astral substance, just as it will be the combined light of the soul of humanity (as a whole) which will dissolve finally the astral plane—again so-called.

2. *Cá nhân trí-cảm* sử dụng hai kỹ thuật. Điều này dĩ nhiên là như vậy vì trước hết y loại bỏ thể cảm dục của mình, rồi sau đó loại bỏ vận cụ trí tuệ. [489]

a. Y loại bỏ thể cảm dục bằng phương tiện dục vọng ngày càng tăng đối với đời sống trí tuệ. Y dần dần và đều đặn rút vào thể trí, và thể cảm dục một cách huyền bí học "rơi rụng đi" rồi cuối cùng biến mất. Điều này thường diễn ra vô thức và có thể đòi hỏi một thời gian khá dài. Tuy nhiên, khi con người ấy vượt trên mức trung bình và đang ở ngưỡng trở thành một người manasic, sự biến mất được tạo ra một cách đột ngột và năng động, và con người ấy đứng tự do trong thể trí của mình. Điều này diễn ra một cách hữu thức và nhanh chóng.

b. Y phá vỡ thể trí bằng một hành động của ý chí con người, và cũng vì linh hồn đang bắt đầu chậm rãi nhận biết cái bóng của nó. Vì vậy, con người nội tại bị thu hút về phía linh hồn, dù hiện vẫn chỉ theo một cách khá yếu ớt. Tiến trình này tương đối nhanh và tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng manasic.

3. *Con người manasic*, hiện tập trung trong thể trí của mình, cũng có hai việc phải hoàn thành:

a. Làm tan biến và loại bỏ bất kỳ cặn lắng cảm dục nào có thể đang làm đổi màu thể trí trong suốt của mình. Cái gọi là thể cảm dục giờ đây thực tế hầu như không còn tồn tại như một yếu tố biểu hiện. Điều này y làm bằng cách gọi vào ánh sáng gia tăng từ linh hồn. Chính ánh sáng linh hồn, ở giai đoạn này, làm tan biến chất liệu cảm dục, cũng như sẽ là ánh sáng kết hợp của linh hồn nhân loại (xét như một toàn thể) sẽ cuối

cùng làm tan biến cõi cảm dục—một lần nữa, cái gọi là như vậy.

b. To destroy the mental body through the use of certain Words of Power. These Words are communicated to the disciple via the Ashram of his Master. They bring in soul power to a greatly enhanced extent, and produce consequently such an [490] expansion of consciousness within the mental body that is broken up and no longer constitutes a barrier to the inner man. He can now stand, a free son of mind, within the Ashram of his Master and "shall no more go out".

b. Hủy diệt thể trí bằng cách sử dụng một số Quyền năng từ. Những Quyền năng từ này được truyền cho đệ tử thông qua ashram của Chân sư của y. Chúng đưa quyền năng linh hồn vào ở mức độ tăng cường rất lớn, và do đó tạo ra một sự [490] mở rộng tâm thức trong thể trí đến mức thể này bị phá vỡ và không còn cấu thành một rào cản đối với con người nội tại nữa. Giờ đây y có thể đứng, như một con tự do của trí tuệ, trong ashram của Chân sư của y và "sẽ không còn đi ra nữa".

Activities Immediately After Death — Những Hoạt Động Ngay Sau Khi Chết

Immediately after death, and particularly if cremation has taken place, the man, in his kama-manasic body, is as much aware and alert to his environment as he was upon the physical plane when alive. This phrasing permits latitude as to the extent of the awareness and of observation, for a similar latitude must be allowed for those on the physical plane. People are not all equally awake or equally conscious of circumstances or immediate experience. However, as most people are more conscious emotionally than they are physically, and live to a great extent focussed in their astral vehicles, the man is quite familiar with the state of consciousness in which he finds himself. Forget not that a plane is essentially a state of consciousness and not a locality, as so many esotericists seem to think. It is recognised by the focussed reaction of the self-conscious person who—constantly and distinctly aware of himself—is sentient to the theme of his environment and of his outgoing desires, or where advanced people

Ngay sau khi chết, và đặc biệt nếu việc hỏa táng đã diễn ra, con người, trong thể trí cảm của y, ý thức và tỉnh táo đối với môi trường quanh mình cũng nhiều như khi còn sống trên cõi hồng trần. Cách diễn đạt này cho phép một độ rộng nhất định về mức độ ý thức và quan sát, vì cũng phải cho phép một độ rộng tương tự đối với những người trên cõi hồng trần. Không phải mọi người đều tỉnh thức như nhau hay đều ý thức như nhau về hoàn cảnh hoặc kinh nghiệm trực tiếp. Tuy nhiên, vì đa số người ta ý thức về cảm xúc nhiều hơn là về thể xác, và sống phần lớn tập trung trong các vận cụ cảm dục của mình, nên con người khá quen thuộc với trạng thái tâm thức mà y thấy mình đang ở trong đó. Đừng quên rằng một cõi về bản chất là một trạng thái tâm thức chứ *không* phải là một địa điểm, như rất nhiều nhà bí truyền học dường như nghĩ vậy. Nó được nhận biết bởi phản ứng tập trung của con người có ngã thức, kẻ—luôn luôn và rõ rệt ý thức về chính mình—cảm nhận được chủ đề của môi trường mình và những ham muốn

are concerned, functioning upon the more advanced levels of the astral plane) sentient of outgoing love and aspiration; the man is engrossed with what engrossed his attention and involved the kamic principle during his incarnated experience. May I again remind you that there is now no physical brain to respond to impacts generated by the inner man, and also that sex, as it is physically understood, is nonexistent. Spiritualists would do well to remember this and so grasp the foolishness as well as the impossibility of those spiritual [491] marriages which certain schools of thought in the movement teach and practice. The man, in his astral body, is now free from the strictly animal impulses which, upon the physical plane, are both normal and right, but which now have no meaning to him in his kamic body.

hướng ngoại của mình, hoặc, khi nói đến những người tiến hóa hơn, đang hoạt động trên các cấp độ cao hơn của cõi cảm dục, cảm nhận được tình thương và khát vọng hướng ngoại; con người bị cuốn hút vào điều đã cuốn hút sự chú ý của y và đã lôi cuốn nguyên khí kama trong kinh nghiệm lâm phàm của y. Tôi xin lại nhắc bạn rằng giờ đây không còn bộ não thể xác để đáp ứng với các tác động do con người bên trong tạo ra, và cũng rằng tính dục, như được hiểu về mặt thể xác, là không hiện hữu. Các nhà thần linh học nên nhớ điều này để nắm được sự ngu xuẩn cũng như tính bất khả của những cuộc hôn nhân thần linh [491] mà một số trường phái tư tưởng trong phong trào ấy giảng dạy và thực hành. Con người, trong thể cảm dục của mình, giờ đây được giải thoát khỏi những xung lực thuần túy thú tính mà trên cõi hồng trần vừa là bình thường vừa là đúng đắn, nhưng giờ đây không còn ý nghĩa gì đối với y trong thể kama của mình.

Therefore, taking the average man, what are his first reactions and activities after the restitution of the physical body to the universal reservoir of substance? Let me enumerate some of these reactions:

Vì vậy, lấy con người trung bình làm ví dụ, những phản ứng và hoạt động đầu tiên của y là gì sau khi thể xác được hoàn nguyên vào kho chứa chất liệu phổ quát? Hãy để tôi liệt kê một vài phản ứng ấy:

1. He becomes consciously aware of himself. This involves a clarity of perception unknown to the average man whilst in physical incarnation.

1. Y trở nên nhận biết một cách hữu thức về chính mình. Điều này bao hàm một sự sáng tỏ trong tri giác mà con người trung bình không biết đến khi còn đang lâm phàm trên cõi hồng trần.

2. Time (being the succession of events as registered by the physical brain) is now nonexistent as we understand the term, and —as the man turns his attention to his more clearly defined emotional self—there ensues invariably a moment of direct soul contact. This is due to the fact that even in the case of the most ignorant and undeveloped man,

2. Thời gian (là sự tiếp nối của các biến cố như được bộ não thể xác ghi nhận) giờ đây không còn hiện hữu như chúng ta hiểu thuật ngữ ấy, và—khi con người hướng sự chú ý của mình vào bản ngã cảm xúc được xác định rõ ràng hơn—thì *luôn luôn* xảy ra một khoảnh khắc tiếp xúc trực tiếp với linh hồn. Điều này là do ngay cả trong trường hợp của

the moment of complete restitution does not pass unnoticed by the soul. It has a definite soul effect, something like a long and strong pull at a bell rope, if I might use so simple a simile. For a brief second the soul responds, and the nature of the response is such that the man, standing in his astral body, or rather in his kama-manasic vehicle, sees the experience of the past incarnation spread before him like a map. He records a sense of timelessness.

người ngu dốt và kém phát triển nhất, khoảnh khắc hoàn nguyên trọn vẹn cũng không trôi qua mà linh hồn không hay biết. Nó tạo ra một hiệu quả linh hồn xác định, giống như một cú giật dài và mạnh vào dây chuông, nếu tôi có thể dùng một ẩn dụ đơn giản như vậy. Trong một giây ngắn ngủi, linh hồn đáp ứng, và bản chất của sự đáp ứng ấy khiến con người, đang đứng trong thể cảm dục của mình, hay đúng hơn trong vận cụ trí cảm của mình, thấy kinh nghiệm của kiếp lâm phàm vừa qua trải ra trước mắt như một tấm bản đồ. Y ghi nhận một cảm giác phi thời gian.

3. As a result of the recognition of these experiences, the man isolates those three which were the three major conditioning factors in the life which has gone and which also hold the keys to his future incarnation which he will next initiate. All else is forgotten, and all the lesser experiences fade out of his memory, leaving nothing in [492] his consciousness but what are esoterically called "the three seeds or germs of the future". These three seeds are in a peculiar manner related to the permanent physical and astral atoms, and thus produce the fivefold force which will create the forms later to appear. It might be said that:

3. Do kết quả của việc nhận ra các kinh nghiệm ấy, con người tách ra ba kinh nghiệm là ba yếu tố tác động chủ yếu trong đời sống vừa qua và cũng nắm giữ các chìa khóa cho kiếp lâm phàm tương lai mà y sẽ khởi sự tiếp theo. Mọi điều khác đều bị quên đi, và mọi kinh nghiệm nhỏ hơn đều mờ dần khỏi ký ức của y, không để lại gì trong [492] tâm thức của y ngoài điều mà một cách huyền bí được gọi là "ba hạt giống hay mầm mống của tương lai". Ba hạt giống này theo một cách đặc biệt liên hệ với nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục, và do đó tạo ra mãnh lực ngũ phân sẽ tạo nên các hình tướng sẽ xuất hiện về sau. Có thể nói rằng:

a. Seed One determines later the nature of the physical environment in which the returning man will find his place. It is related to the quality of that future environment and thus conditions the needed field or area of contact.

a. *Hạt giống thứ nhất* về sau quyết định bản chất của môi trường hồng trần mà con người trở lại sẽ tìm thấy chỗ đứng của mình trong đó. Nó liên hệ với phẩm tính của môi trường tương lai ấy và do đó tác động lên lĩnh vực hay khu vực tiếp xúc cần thiết.

b. Seed Two determines the quality of the etheric body as a vehicle through which the ray forces can make contact with the dense physical body. It delimits the etheric structure or vital web along which the

b. *Hạt giống thứ hai* quyết định phẩm tính của thể dĩ thái như một vận cụ qua đó các mãnh lực cung có thể tiếp xúc với thể xác đậm đặc. Nó giới hạn cấu trúc dĩ thái hay mạng sinh lực mà dọc theo đó các năng

incoming energies will circulate and is related in particular to the special one of the seven centres which will be the most active and alive during the coming incarnation.

lượng đi vào sẽ lưu chuyển, và đặc biệt liên hệ với một trong bảy trung tâm sẽ hoạt động mạnh nhất và sống động nhất trong kiếp lâm phàm sắp tới.

c. Seed Three gives the key to the astral vehicle in which the man will be polarised in the next incarnation. Forget not, I am dealing here with the average man and not with the advanced human being, disciple or initiate. It is this seed which—through the forces it attracts—brings the man again into relation with those he previously loved or with whom he had close contact. It can be accepted as a fact that the group idea governs subjectively all incarnations, and that reincarnated man is brought into incarnation not only through his own desire for physical plane experience, but also under group impulse and in line with the group karma as well as with his own. This is a point which should receive more emphasis. Once this is truly grasped and understood, a great deal of the [493] fear engendered by the thought of death would disappear. The familiar and the loved will still remain the familiar and the loved, because the relation has been closely established over many incarnations and—as the Old Commentary expresses it:

c. *Hạt giống thứ ba* trao chìa khóa cho vận cụ cảm dục mà trong đó con người sẽ phân cực trong kiếp lâm phàm kế tiếp. Đừng quên, ở đây tôi đang bàn đến con người trung bình chứ không phải con người tiến hóa, đệ tử hay điểm đạo đồ. Chính hạt giống này—thông qua các mãnh lực mà nó thu hút—đưa con người trở lại liên hệ với những người mà trước đây y đã yêu thương hoặc đã có tiếp xúc mật thiết. Có thể chấp nhận như một sự kiện rằng ý niệm nhóm chi phối một cách chủ quan mọi kiếp lâm phàm, và rằng con người tái sinh được đưa vào lâm phàm không chỉ bởi ham muốn riêng của y đối với kinh nghiệm cõi hồng trần, mà còn dưới xung lực nhóm và phù hợp với nghiệp quả nhóm cũng như nghiệp quả riêng của y. Đây là một điểm cần được nhấn mạnh nhiều hơn. Một khi điều này được nắm bắt và thấu hiểu thật sự, rất nhiều [493] nỗi sợ do ý nghĩ về cái chết gây ra sẽ biến mất. Điều quen thuộc và được yêu thương vẫn sẽ còn là điều quen thuộc và được yêu thương, bởi vì mối liên hệ ấy đã được thiết lập chặt chẽ qua nhiều kiếp lâm phàm và—như *Cổ Luận* diễn tả:

"These seeds of determining recognition are not unique to me and you, but also for the group; within the group they relate one to the other in time and space. Only in the lower three shall those related find their true existence. When soul knows soul and in the meeting-place within the Master's call, these seeds shall disappear."

"Những hạt giống của sự nhận biết có tính quyết định này không chỉ riêng cho tôi và bạn, mà còn cho cả nhóm; bên trong nhóm, chúng liên hệ người này với người kia trong thời gian và không gian. Chỉ trong ba cõi thấp những kẻ có liên hệ mới tìm thấy sự hiện hữu đích thực của mình. Khi linh hồn biết linh hồn và trong nơi gặp gỡ bên trong tiếng gọi của Chân sư, những hạt giống này sẽ biến mất."

It will be apparent, therefore, how necessary it is to train children to recognise and profit by experience, for this, once learnt, will greatly facilitate this third activity upon the astral plane after death.

Do đó, sẽ thấy rõ việc huấn luyện trẻ em nhận biết và rút ra lợi ích từ kinh nghiệm là cần thiết biết bao, vì điều này, một khi đã học được, sẽ làm cho hoạt động thứ ba này trên cõi cảm dục sau khi chết được dễ dàng hơn rất nhiều.

4. Having completed this "isolating of experience," the man will then seek and automatically find those whom the third seed influence indicates as possessing a constant part in the group experience of which he is an element, consciously or unconsciously. The relation once again established (if those sought have not yet eliminated the physical body), the man acts as he would on earth in the company of his intimates and according to his temperament and point in evolution. If those who are closest to him and whom he deeply loves or hates are still in physical incarnation, he will also seek them out and—just again as he did on earth—he will remain in their neighbourhood, aware of their activities, though (unless highly evolved) they will not be aware of his. I can give no detail as to reciprocal give and take or to the modes and methods of contact. Each person differs; each temperament is largely unique. I only seek to make [494] clear certain basic lines of behaviour pursued by man prior to the act or acts of elimination.

4. Sau khi hoàn tất việc "tách lọc kinh nghiệm" này, con người khi ấy sẽ tìm kiếm và tự động tìm thấy những người mà ảnh hưởng của hạt giống thứ ba chỉ ra là có một phần thường hằng trong kinh nghiệm nhóm mà y là một thành phần, dù hữu thức hay vô thức. Khi mối liên hệ được thiết lập lại một lần nữa (nếu những người được tìm kiếm ấy chưa loại bỏ thể xác), con người hành động như y đã hành động trên trần gian trong sự đồng hành của những người thân cận và tùy theo khí chất cùng điểm tiến hoá của mình. Nếu những người gần gũi nhất với y và những người mà y yêu sâu đậm hoặc ghét sâu đậm vẫn còn đang lâm phàm, y cũng sẽ tìm đến họ và—cũng như khi còn trên trần gian—y sẽ ở lại trong vùng lân cận của họ, ý thức được các hoạt động của họ, dù họ (trừ phi rất tiến hóa) sẽ không ý thức được y. Tôi không thể đưa ra chi tiết nào về sự trao đổi qua lại hay về các cách thức và phương pháp tiếp xúc. Mỗi người đều khác nhau; mỗi khí chất phần lớn là độc nhất. Tôi chỉ tìm cách làm [494] sáng tỏ một số đường lối ứng xử căn bản mà con người theo đuổi trước hành vi hay các hành vi loại bỏ.

These four activities cover varying periods of time—from the angle of "those who live below," though there is no time recognised on the part of the man on the astral plane. Gradually the lure and glamour (of a low or high order) wears off, and the man enters into the stage where he knows—because the mind is now more incisive and dominating—that he is ready for the second death and

Bốn hoạt động này bao trùm những khoảng thời gian khác nhau—xét từ góc độ của "những người sống bên dưới", mặc dù về phía con người trên cõi cảm dục không có thời gian nào được nhận biết. Dần dần, sự quyến rũ và ảo cảm (thuộc loại thấp hay cao) phai nhạt đi, và con người bước vào giai đoạn mà y *biết*—vì trí tuệ giờ đây sắc bén và chi phối hơn—rằng y đã sẵn sàng cho cái

for the entire elimination of the kamic body or of the kama-manasic vehicle.

chết thứ hai và cho sự loại bỏ hoàn toàn thể kama hay vận cụ trí cảm.

One of the things to remember here is that once restitution of the physical in its two aspects has taken place, the inner man is, as I have earlier said, fully conscious. The physical brain and the swirl of etheric forces (mostly somewhat disorganized in the case of the majority of men) are no longer present. These are the two factors which have led students to believe that the experiences of the man on the inner planes of the three worlds are those of a vague drifting, of a semi-conscious experience, or indicate a repetitive life, except in the case of very advanced people or disciples and initiates. But this is not the case. A man on the inner planes is not only as conscious of himself as an individual—with his own plans, life and affairs—as he was on the physical plane, but he is also conscious in the same manner of the surrounding states of consciousness. He may be glamoured by astral existence or subject to the telepathic impression of the varying thought currents emanating from the mental plane, but he is also conscious of himself and of his mind for of the measure of manasic life developed) in a far more potent manner than when he had to work through the medium of the physical brain, when the focus of his consciousness was that of the aspirant, but anchored in the [495] brain. His experience is far richer and fuller than he ever knew when in incarnation. If you will think this out for a little, you will realise that this necessarily would be so.

Một trong những điều cần ghi nhớ ở đây là một khi sự hoàn nguyên của thể xác trong hai phương diện của nó đã diễn ra, con người bên trong, như tôi đã nói trước đây, hoàn toàn hữu thức. Bộ não thể xác và vòng xoáy các mãnh lực dĩ thái (phần lớn khá vô tổ chức trong trường hợp đa số người ta) không còn hiện diện nữa. Đây là hai yếu tố đã khiến các đạo sinh tin rằng những kinh nghiệm của con người trên các cõi bên trong của ba cõi giới là những kinh nghiệm mơ hồ trôi nổi, nửa hữu thức, hoặc cho thấy một đời sống lặp đi lặp lại, ngoại trừ trong trường hợp những người rất tiến hóa hoặc các đệ tử và điểm đạo đồ. Nhưng không phải vậy. Một người trên các cõi bên trong không những hữu thức về chính mình như một cá nhân—với những kế hoạch, đời sống và công việc riêng của mình—cũng như khi còn trên cõi hồng trần, mà còn hữu thức theo cùng cách ấy về các trạng thái tâm thức chung quanh. Y có thể bị ảo cảm của sự tồn tại cảm dục che phủ hoặc chịu sự ấn tượng viễn cảm của các dòng tư tưởng khác nhau phát ra từ cõi trí, nhưng y cũng hữu thức về chính mình và về trí tuệ của mình (theo mức độ đời sống manas đã được phát triển) theo một cách mạnh mẽ hơn nhiều so với khi phải hoạt động qua trung gian của bộ não thể xác, khi tiêu điểm tâm thức của y là của người chí nguyện nhưng lại được neo trong [495] bộ não. Kinh nghiệm của y phong phú và đầy đủ hơn nhiều so với bất cứ điều gì y từng biết khi còn lâm phàm. Nếu bạn suy nghĩ điều này một chút, bạn sẽ nhận ra rằng tất yếu phải như vậy.

It may therefore be assumed that the Art of Elimination is practised more definitely and more effectively than was the restitution of the physical vehicle. Another point must

Do đó có thể giả định rằng Nghệ Thuật Loại Bỏ được thực hành xác định hơn và hiệu quả hơn so với sự hoàn nguyên của vận cụ thể xác. Cũng phải xét đến một điểm khác. Ở

also be considered. On the inner side, men know that the Law of Rebirth governs the experience-process of physical plane living, and they realise then that, prior to the elimination of the kamic, kama-manasic or manasic bodies, they are only passing through an interlude between incarnations and that they consequently face two great experiences:

mặt bên trong, con người biết rằng Định luật Tái Sinh chi phối tiến trình kinh nghiệm của đời sống cõi hồng trần, và khi ấy họ nhận ra rằng, trước khi loại bỏ các thể kama, trí cảm hay manas, họ chỉ đang đi qua một quãng xen giữa các kiếp lâm phàm và vì vậy họ đối diện với hai kinh nghiệm lớn:

1. A moment (long or short, according to the attained point in evolution) wherein contact will be made with the soul or with the solar angel.

1. Một khoảnh khắc (dài hay ngắn, tùy theo điểm tiến hoá đã đạt được) trong đó sự tiếp xúc sẽ được thiết lập với linh hồn hay với Thái dương Thiên Thần.

2. After that a contact, a relatively violent reorientation to earth life takes place, leading to what is called "the process of descent and calling," wherein the man:

2. Sau đó, một sự tiếp xúc, một sự tái định hướng tương đối mãnh liệt đối với đời sống trần gian diễn ra, dẫn đến điều được gọi là "tiến trình đi xuống và kêu gọi", trong đó con người:

a. Prepares for physical incarnation again.

a. Chuẩn bị để lại lâm phàm trên cõi hồng trần.

b. Sounds his own true note into the substance of the three worlds.

b. Xướng âm điệu chân thực của riêng mình vào trong chất liệu của ba cõi giới.

c. Revitalises the permanent atoms, which form a triangle of force within the causal body.

c. Tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn, vốn tạo thành một tam giác lực bên trong thể nguyên nhân.

d. Gathers together the needed substance to form his future bodies of manifestation.

d. Tập hợp chất liệu cần thiết để hình thành các thể biểu hiện tương lai của mình.

e. Colours them with the qualities and characteristics he has already achieved through life-experience.

e. Nhuộm màu chúng bằng các phẩm tính và đặc tính mà y đã đạt được qua kinh nghiệm sống.

f. On the etheric plane arranges the substance of his vital body so that the seven centres take shape and can become the recipients of the inner forces.

f. Trên cõi dĩ thái, sắp xếp chất liệu của thể sinh lực của mình để bảy trung tâm thành hình và có thể trở thành những cơ quan tiếp nhận các mãnh lực bên trong.

g. Makes a deliberate choice of those who will provide him with the needed dense physical covering, and then awaits the moment of incarnation. Esoteric [496] students would do well to remember that parents only donate the dense physical body. They contribute naught else save a body of a particular quality and nature which will provide the needed vehicle of contact with the environment demanded by the incarnating soul. They may also provide a measure of group relationship, where the soul experience is long and a true group relation has been established.

g. Cố ý chọn những người sẽ cung cấp cho y lớp bao bọc thể xác đậm đặc cần thiết, rồi chờ đợi khoảnh khắc lâm phàm. Các đạo sinh huyền bí [496] nên nhớ rằng cha mẹ chỉ hiến tặng thể xác đậm đặc. Họ không đóng góp gì khác ngoài một thể xác có phẩm tính và bản chất nhất định, sẽ cung cấp vận cụ tiếp xúc cần thiết với môi trường mà linh hồn nhập thể đòi hỏi. Họ cũng có thể cung cấp một mức độ liên hệ nhóm, nơi kinh nghiệm linh hồn đã lâu dài và một mối liên hệ nhóm chân thực đã được thiết lập.

These two critical moments are consciously faced by the discarnate man and he knows what he is doing within the limits set by his point in evolution.

Hai khoảnh khắc trọng yếu này được con người không còn thể xác đối diện một cách hữu thức và y biết mình đang làm gì trong những giới hạn do điểm tiến hoá của mình đặt ra.

The Devachan Experience — Kinh Nghiệm Devachan

I would also point out that this conscious undertaking of the art of elimination, and this awareness of process and purpose, in reality constitute the state of consciousness which has been called devachan by the orthodox theosophist. There has been a great deal of misunderstanding of this experience. The general idea has been that, after the process of ridding himself of the astral and mental bodies, the man enters into a sort of dream state wherein he reexperiences and reconsiders past events in the light of the future and undergoes a sort of rest period, a kind of digestive process, in preparation for the undertaking of renewed birth. This somewhat erroneous idea has arisen because the concept of time still governs theosophical presentations of truth. If, however, it is realised that time is not known apart from physical plane

Tôi cũng muốn chỉ ra rằng việc thực hiện một cách hữu thức nghệ thuật loại bỏ này, và sự ý thức về tiến trình và mục đích này, trên thực tế cấu thành trạng thái tâm thức mà nhà Thông Thiên Học chính thống gọi là *devachan*. Đã có rất nhiều sự hiểu lầm về kinh nghiệm này. Ý niệm chung là sau tiến trình tự giải thoát khỏi thể cảm dục và thể trí, con người đi vào một loại trạng thái mộng tưởng, trong đó y sống lại và xem xét lại các biến cố quá khứ dưới ánh sáng của tương lai và trải qua một loại thời kỳ nghỉ ngơi, một loại tiến trình tiêu hóa, để chuẩn bị đảm nhận một lần tái sinh mới. Ý niệm phần nào sai lầm này đã nảy sinh vì khái niệm thời gian vẫn còn chi phối các cách trình bày chân lý của Thông Thiên Học. Tuy nhiên, nếu nhận ra rằng thời gian không được biết đến ngoài kinh nghiệm cõi hồng trần, thì toàn bộ khái niệm về devachan sẽ

experience, the entire concept of devachan clarifies. From the moment of complete separation from the dense physical and etheric bodies, and as the eliminative process is undertaken, the man is aware of past and present; when elimination is complete and the hour of [497] soul contact eventuates and the manasic vehicle is in process of destruction, he becomes immediately aware of the future, for prediction is an asset of the soul consciousness and in this the man temporarily shares. Therefore, past, present and future are seen as one; the recognition of the Eternal Now is gradually developed from incarnation to incarnation and during the continuous process of rebirth. This constitutes a state of consciousness (characteristic of the normal state of the advanced man) which can be called devachanic.

trở nên sáng tỏ. Từ khoảnh khắc hoàn toàn tách khỏi thể xác đậm đặc và thể dĩ thái, và khi tiến trình loại bỏ được tiến hành, con người *ý thức về quá khứ và hiện tại*; khi sự loại bỏ hoàn tất và giờ phút [497] tiếp xúc linh hồn xảy đến và vận cụ manas đang trong tiến trình bị hủy diệt, y lập tức *ý thức về tương lai*, vì tiên tri là một tài sản của tâm thức linh hồn và trong đó con người tạm thời được chia sẻ. Do đó, quá khứ, hiện tại và tương lai được thấy như một; sự nhận biết Hiện Tại Vĩnh Cửu dần dần được phát triển từ kiếp lâm phàm này sang kiếp lâm phàm khác và trong suốt tiến trình tái sinh liên tục. Điều này cấu thành một trạng thái tâm thức (đặc trưng cho trạng thái bình thường của con người tiến hóa) có thể được gọi là devachanic.

It is not my intention to elaborate the technique of the eliminative process. Humanity is at so many different stages—intermediate between the three already outlined—that it would be impossible to be definite or concise. Attrition is relatively easy to understand; the kamic body dies out because, there being no call from physical substance, evoking desire, there is nothing with which to feed this vehicle. The astral body comes into being through the reciprocal interplay between the physical plane, which is not a principle, and the principle of desire; in the process of taking rebirth, this principle is utilised with dynamic intent by the soul in the mental vehicle to reverse the call, and matter then responds to the call of the reincarnating man. Kamic man, after a long process of attrition, is left standing free within an embryonic mental vehicle, and this period of semi-mental life is exceedingly brief and is brought to an end by the soul who suddenly

Tôi không có ý định khai triển kỹ thuật của tiến trình loại bỏ. Nhân loại đang ở quá nhiều giai đoạn khác nhau—trung gian giữa ba giai đoạn đã được phác họa—đến nỗi không thể nói một cách xác định hay ngắn gọn. Sự bào mòn tương đối dễ hiểu; thể kama tàn lụi vì, do không có tiếng gọi từ chất liệu thể xác khơi dậy ham muốn, nên không có gì để nuôi dưỡng vận cụ này. Thể cảm dục xuất hiện nhờ sự tương tác hỗ tương giữa cõi hồng trần, vốn không phải là một nguyên khí, và nguyên khí ham muốn; trong tiến trình tái sinh, nguyên khí này được linh hồn trong vận cụ trí sử dụng với chủ ý năng động để đảo ngược tiếng gọi, và khi ấy vật chất đáp ứng tiếng gọi của con người tái sinh. Con người kama, sau một tiến trình bào mòn lâu dài, được để lại đứng tự do trong một vận cụ trí phôi thai, và giai đoạn đời sống bán trí tuệ này cực kỳ ngắn ngủi và được chấm dứt bởi linh hồn, Đấng đột ngột "hướng mắt mình về kẻ đang chờ đợi", và bằng quyền năng của tiềm lực được hướng ấy lập tức tái định

"directs his eye to the waiting one," and of the power of that directed potency instantaneously reorients the individual kamic man to the downward path of rebirth. The kama-manasic man practises a process of withdrawal and responds to the "pull" of a rapidly developing mental body. This withdrawal becomes increasingly rapid and dynamic until it reaches the state where the probationary disciple—under steadily growing soul contact—shatters the kama-manasic body, as a unit, by an act of the mental will, [498] implemented by the soul. You will note that the "devachanic" experience will necessarily be briefer in connection with this majority than with the kamic minority, because the devachanic technique of review and recognition of the implications of experience is slowly controlling the man on the physical plane so that he brings the significance of meaning and learns constantly through experience whilst incarnating. Thus you will realise also that continuity of consciousness is also being slowly developed, and the awarenesses of the inner man begin to demonstrate on the physical plane, through the medium of the physical brain at first, and then independently of that material structure. I have here conveyed a definite hint on a subject which will receive wide attention during the next two hundred years.

hướng con người kama cá biệt vào con đường đi xuống của tái sinh. Con người trí cảm thực hành một tiến trình rút lui và đáp ứng với "sức kéo" của một thể trí đang phát triển nhanh chóng. Sự rút lui này ngày càng trở nên nhanh hơn và năng động hơn cho đến khi đạt tới trạng thái mà đệ tử dự bị—dưới sự tiếp xúc linh hồn ngày càng tăng—phá vỡ thể trí cảm, *như một đơn vị,* bằng một hành vi của ý chí trí tuệ, [498] được linh hồn thực hiện. Bạn sẽ lưu ý rằng kinh nghiệm "devachanic" tất yếu sẽ ngắn hơn nơi đa số này so với thiểu số kama, bởi vì kỹ thuật devachanic của việc duyệt xét và nhận ra các hàm ý của kinh nghiệm đang dần dần kiểm soát con người trên cõi hồng trần để y mang đến thâm nghĩa của ý nghĩa và học hỏi liên tục qua kinh nghiệm trong khi lâm phàm. Như vậy bạn cũng sẽ nhận ra rằng sự liên tục của tâm thức cũng đang được phát triển chậm rãi, và các nhận biết của con người bên trong bắt đầu biểu lộ trên cõi hồng trần, lúc đầu qua trung gian của bộ não thể xác, rồi sau đó độc lập với cấu trúc vật chất ấy. Ở đây tôi đã truyền đạt một gợi ý xác định về một chủ đề sẽ nhận được sự chú ý rộng rãi trong hai trăm năm tới.

The manasic person, the integrated personality, works, as we have seen, in two ways which are necessarily dependent upon the integration achieved. This integration will be of two kinds:

Con người manas, phàm ngã tích hợp, hoạt động, như chúng ta đã thấy, theo hai cách tất yếu tùy thuộc vào sự tích hợp đã đạt được. Sự tích hợp này sẽ thuộc hai loại:

1. That of the integrated personality focussed in the mind and achieving a constantly growing rapport with the soul.

1. Sự tích hợp của phàm ngã tích hợp tập trung trong trí tuệ và đạt được sự tương giao ngày càng tăng với linh hồn.

2. The disciple, whose integrated personality is now being rapidly integrated into and absorbed by the soul.

In this stage of mind development and of constant mental control (based on the fact that the man's consciousness is now definitely focussed and permanently centered in the mental vehicle), the earlier processes of the destruction of the astral body through attrition and by "dynamic negation" are carried on whilst in physical incarnation. The incarnated man refuses to be ruled by desire; what is left of the illusory astral body is dominated now by the mind, and the urges towards the satisfaction of desire are refused with full and [499] conscious deliberation, either because of the selfish ambitions and mental intentions of the integrated personality, or under the inspiration of soul intention which subordinates the mind to its purposes. When this point in evolution is attained, the man can then dissolve the last remaining vestiges of all desire by means of illumination. In the early stages of purely manasic or mental life, this is done through the illumination which knowledge brings and involves mainly the innate light of mental substance. Later, when soul and mind are establishing a close rapport, the light of the soul hastens and supplements the process. The disciple now uses more occult methods, but upon these I may not here enlarge. The destruction of the mental body is no longer brought about by the destructive power of light itself, but is hastened by means of certain sounds, emanating from the plane of the spiritual will; these are recognised by the disciple, and permission to use them in their proper word-forms is given to him by some senior initiate within the Ashram or by the Master

2. Đệ tử, mà phàm ngã tích hợp của y hiện đang nhanh chóng được tích hợp vào và được linh hồn hấp thu.

Trong giai đoạn phát triển trí tuệ này và của sự kiểm soát trí tuệ liên tục (dựa trên sự kiện rằng tâm thức của con người giờ đây đã được tập trung rõ rệt và thường xuyên đặt tại vận cụ trí), các tiến trình trước đó của việc hủy diệt thể cảm dục bằng sự bào mòn và bằng "sự phủ nhận năng động" được tiến hành trong khi còn lâm phàm trên cõi hồng trần. Con người nhập thể từ chối để cho ham muốn cai quản mình; những gì còn lại của thể cảm dục ảo tưởng giờ đây bị trí tuệ chi phối, và các thôi thúc hướng tới sự thỏa mãn ham muốn bị từ chối với sự cân nhắc hoàn toàn và [499] hữu thức, hoặc vì các tham vọng ích kỷ và các ý định trí tuệ của phàm ngã tích hợp, hoặc dưới cảm hứng của ý định linh hồn vốn đặt trí tuệ dưới các mục đích của nó. Khi điểm tiến hoá này đạt được, con người khi ấy có thể làm tan rã những tàn tích cuối cùng còn sót lại của mọi ham muốn bằng phương tiện *sự soi sáng*. Trong các giai đoạn đầu của đời sống thuần manas hay trí tuệ, điều này được thực hiện qua sự soi sáng mà tri thức mang lại và chủ yếu liên quan đến ánh sáng bẩm sinh của chất liệu trí tuệ. Về sau, khi linh hồn và trí tuệ đang thiết lập một sự tương giao mật thiết, ánh sáng của linh hồn thúc đẩy và bổ sung tiến trình ấy. Đệ tử giờ đây sử dụng những phương pháp huyền bí học hơn, nhưng về những điều này tôi không thể nói rộng ra ở đây. Sự hủy diệt thể trí không còn được tạo ra bởi quyền năng hủy diệt của chính ánh sáng nữa, mà được thúc đẩy bằng một số âm thanh nhất định, phát ra từ cõi của ý chí tinh thần; những âm thanh này được đệ tử nhận biết, và sự cho phép sử dụng chúng trong các dạng linh từ thích hợp được trao cho y bởi một điểm đạo đồ cao cấp nào đó trong ashram hoặc bởi

Himself, towards the close of the cycle of incarnation.

chính Chân sư, vào lúc gần cuối chu kỳ lâm phàm.

Tenth Law of Healing — Định Luật Trị Liệu Thứ Mười

I would like now to lay down certain postulates which we shall need to consider in our study of Part Three where we take up the Fundamental Laws of Healing. These Laws and Rules, I have already given you, but I seek now to elaborate.

Giờ đây tôi muốn nêu ra một số định đề mà chúng ta sẽ cần xem xét trong khi nghiên cứu Phần Ba, nơi chúng ta bàn đến các Định Luật Căn Bản của Trị Liệu. Những Định luật và Quy luật này, tôi đã trao cho bạn rồi, nhưng giờ đây tôi tìm cách khai triển thêm.

We have studied at some length the immediate processes which take place when the principle of life withdraws or is withdrawn from the body. There is a distinction, based on evolutionary development, in these two processes. We have traced the withdrawal of the life principle, plus the consciousness, from the subtle bodies in the three worlds, and have now reached the point where we are no longer dealing [500] with average man or with undeveloped man. We shall be concerned with the conscious activity of the soul in relation to its form aspect.

Chúng ta đã nghiên cứu khá dài về các tiến trình tức thời diễn ra khi nguyên khí sự sống rút khỏi hoặc được rút khỏi thân thể. Có một sự phân biệt, dựa trên sự phát triển tiến hoá, trong hai tiến trình này. Chúng ta đã lần theo sự rút lui của nguyên khí sự sống, cộng với tâm thức, khỏi các thể vi tế trong ba cõi giới, và giờ đây đã đạt đến điểm mà chúng ta không còn bàn [500] đến con người trung bình hay con người kém phát triển nữa. Chúng ta sẽ quan tâm đến hoạt động hữu thức của linh hồn trong mối liên hệ với phương diện hình tướng của nó.

With the undeveloped or the average man, the soul plays a very small part in the death process, beyond the contribution of a simple soul determination to end the cycle of incarnated life, prior to another return to the physical plane. The “seeds of death” are inherent in the form nature and demonstrate as disease or as senility (using that word in its technical and not in its colloquial sense), and the soul pursues its own interests on its own plane until such time as the evolutionary process has brought about a situation wherein the integration or close relation between soul and form is so real that the soul is deeply and profoundly identified with its

Với người kém phát triển hay người trung bình, linh hồn đóng một vai trò rất nhỏ trong tiến trình chết, ngoài việc đóng góp một quyết định đơn giản của linh hồn nhằm chấm dứt chu kỳ đời sống lâm phàm, trước một lần trở lại khác với cõi hồng trần. “Những hạt giống của cái chết” vốn tiềm ẩn trong bản chất hình tướng và biểu lộ thành bệnh tật hoặc thành sự lão suy (dùng từ này theo nghĩa kỹ thuật chứ không theo nghĩa thông tục), và linh hồn theo đuổi những mối quan tâm riêng của nó trên cõi riêng của nó cho đến khi tiến trình tiến hoá tạo ra một tình huống trong đó sự tích hợp hay mối liên hệ mật thiết giữa linh hồn và hình tướng trở nên chân thực đến mức linh hồn được đồng

manifesting expression. It might be said that when this stage is reached, the soul is, for the first time, truly incarnated; it is truly "descending into manifestation" and the entire soul nature is thereby involved. This is a point little emphasised or realised.

hoá sâu sắc và thâm sâu với biểu hiện của nó. Có thể nói rằng khi giai đoạn này đạt tới, linh hồn lần đầu tiên thật sự nhập thể; nó thật sự "đi xuống biểu hiện" và toàn bộ bản chất linh hồn do đó bị cuốn vào. Đây là một điểm ít được nhấn mạnh hay nhận ra.

In the earlier lives of the incarnating soul and for the majority of the cycles of life experience, the soul is very slightly concerned in what is going on. The redemption of the substance of which all forms are made goes forward under natural process and the "karma of matter" is the initial governing force; this is succeeded in time by the karma generated by the fusion of soul and form, though (in the earlier stages) very little responsibility is engendered by the soul. That which occurs within the threefold soul-sheath is necessarily the result of the innate tendencies of substance itself. However, as time goes on and incarnation follows upon incarnation, the effect of the indwelling soul quality gradually evokes conscience, and—through the medium of conscience, which is the exercise of the discriminative sense, developed as the mind assumes increasing control—an [501] awakening and finally an awakened consciousness is evoked. This demonstrates in the first instance as the sense of responsibility; it is this which gradually establishes a growing identification of the soul with its vehicle, the lower triple man. The bodies become then steadily more refined; the seeds of death and of disease are not so potent; sensitivity to inner soul realisation grows until the time is reached when the initiate-disciple dies by an act of his spiritual will or in response to group karma or to national or planetary karma.

Trong các kiếp đầu của linh hồn nhập thể và trong phần lớn các chu kỳ kinh nghiệm sống, linh hồn rất ít quan tâm đến những gì đang diễn ra. Sự cứu chuộc chất liệu mà từ đó mọi hình tướng được tạo thành tiến triển theo tiến trình tự nhiên và "nghiệp quả của vật chất" là mãnh lực chi phối ban đầu; theo thời gian, điều này được kế tiếp bởi nghiệp quả do sự dung hợp của linh hồn và hình tướng tạo ra, mặc dù (trong các giai đoạn đầu) rất ít trách nhiệm được linh hồn tạo ra. Điều xảy ra bên trong lớp vỏ tam phân của linh hồn tất yếu là kết quả của các khuynh hướng bẩm sinh của chính chất liệu. Tuy nhiên, theo thời gian và khi kiếp lâm phàm nối tiếp kiếp lâm phàm, hiệu quả của phẩm tính linh hồn ngự bên trong dần dần khơi dậy lương tri, và—qua trung gian của lương tri, vốn là sự vận dụng cảm quan phân biện, được phát triển khi trí tuệ ngày càng nắm quyền kiểm soát—một [501] sự thức tỉnh và cuối cùng là một tâm thức đã thức tỉnh được khơi dậy. Điều này trước hết biểu lộ như ý thức trách nhiệm; chính điều này dần dần thiết lập một sự đồng hoá ngày càng tăng của linh hồn với vận cụ của nó, con người tam phân thấp. Khi ấy các thể trở nên ngày càng tinh luyện hơn; những hạt giống của cái chết và bệnh tật không còn mạnh mẽ như trước; sự nhạy cảm đối với chứng nghiệm linh hồn bên trong tăng lên cho đến khi đạt tới lúc mà đệ tử-điểm đạo đồ chết *bằng một hành vi của ý chí tinh thần của mình hoặc để đáp ứng với nghiệp quả nhóm hay với nghiệp quả quốc gia hoặc hành tinh.*

Disease and death are essentially conditions inherent in substance; just as long as a man identifies himself with the form aspect, so will he be conditioned by the Law of Dissolution. This law is a fundamental and natural law governing the life of the form in all the kingdoms of nature. When the disciple or the initiate is identifying himself with the soul, and when the antahkarana is built by means of the life principle, then the disciple passes out of the control of this universal, natural law and uses or discards the body at will—at the demand of the spiritual will or through recognition of the necessities of the Hierarchy or the purposes of Shamballa.

Bệnh tật và cái chết về bản chất là những trạng thái vốn có trong chất liệu; chừng nào con người còn đồng hoá mình với phương diện hình tướng, chừng đó y còn bị Định luật Tan Rã chi phối. Định luật này là một định luật căn bản và tự nhiên chi phối đời sống của hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên. Khi đệ tử hay điểm đạo đồ đang đồng hoá mình với linh hồn, và khi antahkarana được xây dựng bằng nguyên khí sự sống, khi ấy đệ tử vượt ra khỏi sự kiểm soát của định luật phổ quát, tự nhiên này và sử dụng hoặc loại bỏ thể xác theo ý muốn—theo đòi hỏi của ý chí tinh thần hoặc qua sự nhận biết các nhu cầu của Thánh đoàn hay các mục đích của Shamballa.

We come now to the enunciation of a new law which is substituted for the Law of Death and which has reference only to those upon the later stages of the Path of Discipleship and the stages upon the Path of Initiation.

Giờ đây chúng ta đi đến sự tuyên bố một định luật mới được thay thế cho Định luật Chết và chỉ liên hệ đến những người ở các giai đoạn sau của Con Đường Đệ Tử và các giai đoạn trên Con Đường Điểm Đạo.

LAW X

ĐỊNH LUẬT X

Hearken, O Chela, to the call which comes from the Son to the Mother, and then obey. The Word goes forth that form has served its purpose. The principle of mind (the fifth principle. A.A.B.) then organises itself, and then repeats the Word. The waiting form responds and drops away. The soul stands free.[502]

Hãy lắng nghe, hỡi đệ tử, tiếng gọi đến từ Người Con gửi tới Người Mẹ, rồi hãy tuân theo. Linh từ phát ra rằng hình tướng đã phụng sự Mục Đích của nó. Nguyên khí trí tuệ (nguyên khí thứ năm. A.A.B.) khi ấy tự tổ chức, rồi lặp lại Linh từ. Hình tướng đang chờ đợi đáp ứng và rơi rụng. Linh hồn đứng tự do. [502]

Respond, O Rising One, to the call which comes within the sphere of obligation; recognize the call emerging from the Ashram or from the Council Chamber where waits the Lord of Life Himself. The Sound goes forth. Both soul and form together must renounce the Principle of life and thus Permit the Monad to stand free. The soul

Hãy đáp ứng, hỡi Đấng Đang Vươn Lên, tiếng gọi đến trong phạm vi nghĩa vụ; hãy nhận ra tiếng gọi phát ra từ ashram hay từ Phòng Hội Đồng nơi chính Chúa Tể của Sự Sống đang chờ đợi. Âm Thanh phát ra. Cả linh hồn lẫn hình tướng phải cùng từ bỏ nguyên khí sự sống, nhờ đó để Chân Thần đứng tự do. Linh hồn đáp ứng. Hình tướng khi ấy phá vỡ sự

responds. The form then shatters the connection. Life is now liberated, owning the quality of conscious knowledge and the fruit of all experience. These are the gifts of soul and form combined.

nối kết. Sự sống nay được giải phóng, mang phẩm tính của tri thức hữu thức và thành quả của mọi kinh nghiệm. Đây là những tặng phẩm do linh hồn và hình tướng cùng đem lại.

I have wished to make clear in your minds the distinction between disease and death as experienced by the average man, and certain corresponding processes of conscious dissolution as practised by the advanced disciple or initiate. These later processes involve a slowly developing technique in which (in the earlier stages) the disciple is still the victim of disease-producing tendencies of the form, as of all forms in nature. This tendency produces subsequent death, through the stages of modified disease and peaceful, consequent death, on to the other stages where death is brought about by an act of the will—the time and the mode being determined by the soul and consciously recorded and registered in the brain. Pain is demonstrated in both cases, but upon the Path of Initiation pain is largely negated, not because the initiate endeavours to avoid pain, but because the sensitivity of the form to undesirable contacts disappears, and with it pain also disappears; pain is the guardian of the form and the protector of substance; it warns of danger; it indicates certain definite stages in the evolutionary process; it is related to the principle whereby the soul identifies itself with substance. When the identification ceases, pain and disease and also death lose their hold upon the disciple; the soul is no longer subject to their requirements, and the man is free because disease and death are qualities inherent in form, and subject to the vicissitudes of form life.

Tôi đã muốn làm sáng tỏ trong tâm trí bạn sự phân biệt giữa bệnh tật và cái chết như được con người trung bình trải nghiệm, với một số tiến trình tương ứng của sự tan rã hữu thức như được đệ tử hay điểm đạo đồ tiến hóa thực hành. Những tiến trình vừa nêu sau bao hàm một kỹ thuật phát triển chậm rãi, trong đó (ở các giai đoạn đầu) đệ tử vẫn còn là nạn nhân của các khuynh hướng gây bệnh của hình tướng, như mọi hình tướng trong thiên nhiên. Khuynh hướng này tạo ra cái chết tiếp theo, qua các giai đoạn bệnh tật đã được biến đổi và cái chết bình an kéo theo, cho đến các giai đoạn khác nơi cái chết được tạo ra bởi một hành vi của ý chí—thời điểm và cách thức do linh hồn quyết định và được ghi nhận, đăng ký một cách hữu thức trong bộ não. Đau đớn biểu lộ trong cả hai trường hợp, nhưng trên Con Đường Điểm Đạo đau đớn phần lớn được loại bỏ, không phải vì điểm đạo đồ cố tránh đau đớn, mà vì sự nhạy cảm của hình tướng đối với những tiếp xúc không mong muốn biến mất, và cùng với nó đau đớn cũng biến mất; đau đớn là người canh giữ của hình tướng và là kẻ bảo vệ chất liệu; nó cảnh báo về nguy hiểm; nó chỉ ra những giai đoạn xác định trong tiến trình tiến hoá; nó liên hệ với nguyên khí nhờ đó linh hồn đồng hoá mình với chất liệu. Khi sự đồng hoá chấm dứt, đau đớn, bệnh tật và cả cái chết mất quyền chi phối đối với đệ tử; linh hồn không còn lệ thuộc vào các đòi hỏi của chúng nữa, và con người được tự do vì bệnh tật và cái chết là những phẩm tính vốn có trong hình tướng, và lệ thuộc vào những thăng trầm của đời sống hình tướng.

[503]

Death is to man exactly what the release of the atom appears to be; this the great scientific discovery of the release of atomic energy has demonstrated. The nucleus of the atom is split in two. (This wording is scientifically incorrect.) This event in the life experience of the atom releases a great light and a great potency; upon the astral plane, the phenomenon of death has a somewhat similar effect and has a close parallel in the phenomena brought about by the release of atomic energy. Every death, in all the kingdoms of nature, has to some extent this effect; it shatters and destroys substantial form and thus serves a constructive purpose; this result is largely astral or psychic and serves to dissipate some of the enveloping glamour. The wholesale destruction of forms which has been going on during the past few years of war has produced phenomenal changes upon the astral plane and has shattered an immense amount of the existing world glamour, and this is very, very good. These happenings should result in less opposition to the inflow of the new type of energy; it should facilitate the appearance of the ideas embodying the needed recognitions; the new concepts will now be seen, and their emergence into the realm of human thinking will be dependent upon the formulation of the new "lanes or channels of impression" whereby the minds of men can become sensitive to hierarchical plans and to the purposes of Shamballa.

This, however, is by the way. My proposition will serve to show you some of the relationships between death and constructive activity, and the wide usefulness of death as a process in

[503]

Đối với con người, cái chết chính là điều mà sự giải phóng nguyên tử dường như là; khám phá khoa học vĩ đại về sự giải phóng năng lượng nguyên tử đã chứng minh điều này. Hạt nhân của nguyên tử bị tách làm hai. (Cách nói này không chính xác về mặt khoa học.) Biến cố này trong kinh nghiệm sống của nguyên tử giải phóng một ánh sáng lớn và một tiềm lực lớn; trên cõi cảm dục, hiện tượng chết có một hiệu quả phần nào tương tự và có một sự song hành gần gũi với các hiện tượng do sự giải phóng năng lượng nguyên tử tạo ra. Mọi cái chết, trong mọi giới của thiên nhiên, ở một mức độ nào đó đều có hiệu quả này; nó phá vỡ và hủy diệt hình tướng chất liệu và do đó phụng sự một mục đích xây dựng; kết quả này phần lớn là cảm dục hay thông linh và phụng sự để làm tiêu tan một phần ảo cảm bao phủ. Sự hủy diệt hàng loạt các hình tướng đã diễn ra trong vài năm chiến tranh vừa qua đã tạo ra những thay đổi phi thường trên cõi cảm dục và đã phá vỡ một khối lượng khổng lồ ảo cảm thế giới hiện có, và điều này rất, rất tốt. Những biến cố này sẽ dẫn đến sự chống đối ít hơn đối với dòng chảy vào của loại năng lượng mới; nó sẽ tạo điều kiện cho sự xuất hiện của những ý tưởng hàm chứa các nhận biết cần thiết; các khái niệm mới giờ đây sẽ được nhìn thấy, và sự xuất hiện của chúng vào lĩnh vực tư duy của nhân loại sẽ tùy thuộc vào việc hình thành những "lối đi hay kênh ấn tượng" mới nhờ đó trí tuệ của con người có thể trở nên nhạy cảm với các kế hoạch của Thánh đoàn và với các mục đích của Shamballa.

Tuy nhiên, đó chỉ là nói ngoài đề. Luận điểm của tôi sẽ giúp bạn thấy một số mối liên hệ giữa cái chết và hoạt động xây dựng, cũng như tính hữu dụng rộng lớn của cái chết như một tiến trình trong sự tái thiết. Nó sẽ

reconstruction. It will convey to you the idea that this great Law of Death—as it governs substance in the three worlds—is a beneficent and corrective event. Without enlarging upon it, I would remind you that this Law of Death, which governs in such potency in the three worlds of human evolution, is a reflection of a cosmic purpose which [504] governs the cosmic etheric planes of our solar system, the cosmic astral plane and the cosmic mental plane. The death-dealing energy emanates as an expression of the life principle of that greater LIFE which enfolds all the seven planetary systems which in Themselves express the Life of our solar system. When, in our thinking and in our effort to understand, we enter this realm of pure abstraction, it is time to call a halt and draw our minds back to the more practical ways of planetary living and to the laws governing the fourth kingdom in nature, the human.

truyền đạt cho bạn ý niệm rằng Định luật Chết vĩ đại này—khi nó chi phối chất liệu trong ba cõi giới—là một biến cố mang lại lợi ích và sự điều chỉnh. Không cần nói rộng thêm, tôi xin nhắc bạn rằng Định luật Chết này, vốn chi phối với quyền năng mạnh mẽ như vậy trong ba cõi giới của tiến hoá nhân loại, là một phản ánh của một mục đích vũ trụ đang [504] chi phối các cõi dĩ thái vũ trụ của hệ mặt trời chúng ta, cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ. Năng lượng mang lại cái chết phát ra như một biểu hiện của nguyên khí sự sống của SỰ SỐNG lớn lao hơn ấy, Đấng bao trùm tất cả bảy hệ hành tinh, mà tự thân chúng biểu hiện Sự Sống của hệ mặt trời chúng ta. Khi, trong tư duy và trong nỗ lực thấu hiểu, chúng ta bước vào lĩnh vực của sự trừu tượng thuần túy này, thì đã đến lúc phải dừng lại và kéo trí tuệ mình trở về với những phương cách thực tiễn hơn của đời sống hành tinh và với các định luật chi phối giới thứ tư trong thiên nhiên, tức giới nhân loại.

We are now in a position (after this attempt to argue from the universal to the particular, which is ever the occult way), to take up, in Part Three, the last point which deals with the Basic Requirements, and must now consider the use of the death principle by the disciple or the initiate. I would have you note my way of expressing this concept. This is dealt with under the title of The Processes of Integration.

Giờ đây chúng ta ở vào vị thế (sau nỗ lực lập luận từ cái phổ quát đến cái cá biệt này, vốn luôn là phương cách huyền bí học), để bàn đến, trong Phần Ba, điểm cuối cùng liên quan đến các Yêu Cầu Căn Bản, và giờ đây phải xem xét việc sử dụng nguyên khí chết bởi đệ tử hay điểm đạo đồ. Tôi muốn bạn lưu ý cách tôi diễn đạt khái niệm này. Điều này được bàn đến dưới nhan đề *Các Tiến Trình Tích Hợp.*

CHAPTER VII - The Processes of Integration — CHƯƠNG VII - Các Tiến Trình Tích Hợp

[505]

In considering this intelligently utilised event as it is employed by the soul, functioning consciously in the three worlds, we shall find it helpful to consider it under two main headings:

First: The processes whereby the cycle of incarnation is brought to an end through the complete integration of soul and personality. This we will approach from three points of view:

The significance of integration.

The state of mind of the soul.

The elimination of the thoughtform of the personality.

Second: The results of this:

Within the Ashram of the Master, as far as the disciple is concerned.

In the mode whereby the liberated disciple can now create a body for physical plane contact and for service in the three worlds—this time not under the Law of Necessity but under the Law of Service, as understood by the initiate.

You will by now have realised that we have discussed the fact of death as it has affected the physical body (a most [506] familiar happening) and also the astral or mental sheaths—those aggregations of conditioned

[505]

Khi xem xét biến cố được sử dụng một cách thông minh này như nó được linh hồn dùng đến, đang hoạt động một cách hữu thức trong ba cõi giới, chúng ta sẽ thấy hữu ích nếu xét nó dưới hai đề mục chính:

Thứ nhất: Những tiến trình nhờ đó chu kỳ lâm phàm được đưa đến chỗ kết thúc qua sự tích hợp hoàn toàn của linh hồn và phàm ngã. Chúng ta sẽ tiếp cận điều này từ ba quan điểm:

Ý nghĩa của sự tích hợp.

Trạng thái trí tuệ của linh hồn.

Sự loại bỏ hình tư tưởng của phàm ngã.

Thứ hai: Những kết quả của điều này:

Bên trong ashram của Chân sư, xét theo phương diện của đệ tử.

Trong phương thức nhờ đó đệ tử được giải thoát giờ đây có thể tạo ra một thân thể để tiếp xúc trên cõi hồng trần và để phụng sự trong ba cõi giới—lần này không phải dưới Định luật Tất Yếu mà dưới Định luật Phụng sự, như được điểm đạo đồ thấu hiểu.

Đến lúc này hẳn bạn đã nhận ra rằng chúng ta đã bàn đến sự kiện chết như nó tác động lên thể xác (một biến cố hết sức [506] quen thuộc) và cả các lớp vỏ cảm dục hay trí tuệ—những tập hợp năng lượng bị tác động mà

energy with which we are not so objectively familiar but which even psychology admits exist and which we believe must disintegrate or disappear with the death of the physical body. Has it, however, occurred to you that the major aspect of death with which a human being is ultimately concerned is the death of the personality? I am not here speaking in abstract terms, as do all esotericists when they work at the negation of quality or of the qualities which characterise the personal self. They speak of "killing out" this or that quality, of completely suppressing the "lower self," and similar phrases. Here I am speaking of the literal destruction, dissolution, dissipation or final dispersal of that beloved and well-known personal self.

chúng ta không quen thuộc một cách khách quan bằng nhưng ngay cả tâm lý học cũng thừa nhận là hiện hữu và mà chúng ta tin rằng phải tan rã hay biến mất cùng với cái chết của thể xác. Tuy nhiên, có bao giờ bạn nghĩ rằng phương diện chủ yếu của cái chết mà một con người rốt cuộc phải quan tâm là cái chết của phàm ngã không? Ở đây tôi không nói theo những thuật ngữ trừu tượng, như mọi nhà bí truyền học vẫn làm khi họ nỗ lực loại bỏ phẩm tính hay các phẩm tính đặc trưng cho bản ngã cá nhân. Họ nói đến việc "giết chết" phẩm tính này hay phẩm tính kia, việc hoàn toàn đè nén "phàm ngã", và những cụm từ tương tự. Ở đây tôi đang nói đến sự hủy diệt, tan rã, làm tiêu tan hay phân tán cuối cùng theo nghĩa đen của bản ngã cá nhân thân yêu và quen thuộc ấy.

It must be borne in mind that the life of a personality falls into the following stages:

Cần ghi nhớ rằng đời sống của một phàm ngã trải qua các giai đoạn sau:

1. Its slow and gradual construction over a long period of time. For many cycles of incarnations, a man is not a personality, he is just a. member of the mass.

1. Sự xây dựng chậm rãi và dần dần của nó trong một thời kỳ dài. Trong nhiều chu kỳ lâm phàm, con người không phải là một phàm ngã, y chỉ là một thành viên của quần chúng.

2. The conscious identification of the soul with the personality, this stage is practically nonexistent. The aspect of the soul which is concealed within the sheaths is for a long, long period dominated by the life of those sheaths only making its presence felt through what is called "the voice of conscience." However, as time goes on, the active intelligent life of the person is gradually enhanced and coordinated by the energy which streams from the knowledge petals of the egoic lotus, or from the intelligent perceptive nature of the soul on its own plane. This produces eventually the integration of the three lower sheaths into

2. Sự đồng hoá hữu thức của linh hồn với phàm ngã, giai đoạn này hầu như không hiện hữu. Phương diện linh hồn được che giấu trong các lớp vỏ trong một thời gian rất, rất dài bị đời sống của các lớp vỏ ấy chi phối, chỉ làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận qua điều được gọi là "tiếng nói của lương tri". Tuy nhiên, theo thời gian, đời sống trí tuệ năng động của con người dần dần được tăng cường và phối hợp bởi năng lượng tuôn chảy từ các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã, hay từ bản chất tri giác thông minh của linh hồn trên cõi riêng của nó. Điều này cuối cùng tạo ra sự tích hợp của ba lớp vỏ thấp thành một toàn thể hoạt động

one functioning whole. The man is then a personality. [507]

thống nhất. Khi ấy con người là một phàm ngã. [507]

3. The personality life of the now coordinated individual persists for a large number of lives, and also falls into three phases:

3. Đời sống phàm ngã của cá nhân nay đã được phối hợp kéo dài qua một số lượng lớn kiếp sống, và cũng rơi vào ba giai đoạn:

a. The phase of a dominant aggressive personality life, basically conditioned by its ray type, selfish in nature and very individualistic.

a. Giai đoạn của một đời sống phàm ngã thống trị, xông xáo, về căn bản bị cung loại của nó tác động, ích kỷ về bản chất và rất cá nhân chủ nghĩa.

b. A transitional phase wherein a conflict rages between personality and soul. The soul begins to seek liberation from form life and yet—in the last analysis—the personality is dependent upon the life principle, conferred by the soul. Wording it otherwise, the conflict between the soul ray and the personality ray starts and the war is on between two focussed aspects of energy. This conflict terminates at the third initiation.

b. Một giai đoạn chuyển tiếp trong đó một cuộc xung đột diễn ra giữa phàm ngã và linh hồn. Linh hồn bắt đầu tìm cách giải thoát khỏi đời sống hình tướng, nhưng—xét cho cùng—phàm ngã lại lệ thuộc vào nguyên khí sự sống do linh hồn ban cho. Nói cách khác, xung đột giữa cung linh hồn và cung phàm ngã bắt đầu và cuộc chiến diễn ra giữa hai phương diện năng lượng tập trung. Cuộc xung đột này chấm dứt ở lần điểm đạo thứ ba.

c. The control by the soul is the final phase, leading, to the death and destruction of the personality. This death begins when the personality, the Dweller on the Threshold, stands before the Angel of the Presence. The light of the solar Angel then obliterates the light of matter.

c. Sự kiểm soát của linh hồn là giai đoạn cuối cùng, dẫn đến cái chết và sự hủy diệt của phàm ngã. Cái chết này bắt đầu khi phàm ngã, Kẻ Chận Ngõ, đứng trước Thiên Thần của Hiện Diện. Ánh sáng của Thái dương Thiên Thần khi ấy xóa mờ ánh sáng của vật chất.

The “control” phase is conditioned by the complete identification of the personality with the soul; this is a reversal of the previous identification of the soul with the personality. This also is what we mean when speaking of the integration of these two; the two are now one. It was of this phase that St. Paul was speaking when he referred (in the Epistle to the Ephesians) to Christ making “out of two, one new man.” It is primarily the phase of the final stages of the

Giai đoạn “kiểm soát” được tác động bởi sự đồng hoá hoàn toàn của phàm ngã với linh hồn; đây là một sự đảo ngược của sự đồng hoá trước đó của linh hồn với phàm ngã. Đây cũng là điều chúng ta muốn nói khi nói về sự tích hợp của hai bên này; giờ đây cả hai là một. Chính về giai đoạn này mà Thánh Paul đã nói khi ông nhắc đến (trong Thư gửi tín hữu Ê-phê-sô) việc Đức Christ tạo nên “từ hai thành một con người mới”. Đây chủ yếu là giai đoạn của các chặng cuối của Con

Probationary Path (where the work consciously begins) and its carrying forward to completion upon the Path of Discipleship. It is the stage of the practical and successful server; it is that wherein the entire focus [508] and output of the life of the man is dedicated to the fulfillment of hierarchical intent. The man begins to work on and from levels not included in the three worlds of ordinary evolution, but which nevertheless have their effects and their planned objectives within those three worlds.

Đường Dự Bị (nơi công việc bắt đầu một cách hữu thức) và việc đưa nó đến hoàn tất trên Con Đường Đệ Tử. Đây là giai đoạn của người phụng sự thực tiễn và thành công; đó là giai đoạn trong đó toàn bộ tiêu điểm [508] và sự tuôn đổ của đời sống con người được hiến dâng cho việc hoàn thành ý định của Thánh đoàn. Con người bắt đầu hoạt động trên và từ những cấp độ không nằm trong ba cõi giới của tiến hoá thông thường, nhưng tuy vậy vẫn có các hiệu quả và các mục tiêu đã hoạch định của chúng bên trong ba cõi giới ấy.

The Significance of Integration — Ý Nghĩa của Sự Tích Hợp

The emphasis laid by most teachers and aspirants is upon the integration of the personality and its correct orientation towards the world of spiritual values. It should be remembered that this is an earlier stage and rightly so. The integration of the mind, the emotional nature and the brain is the major characteristic of all advanced human beings—the bad, the very bad, the good and the very good. It is, however, no sign of spiritual life, and is frequently quite the reverse. A "Hitler" or an ambitious person with a deeply selfish or cruelly directed life is a personality, with all the powers of his mind dedicated to evil purposes, with the emotional nature so constituted that it presents no obstacle to the furthering of these selfish intentions, and with a high-powered brain receptive to the plans and methods of the two vehicles, carrying out the behests of the personality.

Sự nhấn mạnh của đa số huấn sư và người chí nguyện đặt vào sự tích hợp của phàm ngã và sự định hướng đúng đắn của nó về phía thế giới các giá trị tinh thần. Cần nhớ rằng đây là một giai đoạn sớm hơn và đúng là như vậy. Sự tích hợp của trí tuệ, bản chất cảm xúc và bộ não là đặc điểm chủ yếu của mọi con người tiến hóa—kẻ xấu, kẻ rất xấu, người tốt và người rất tốt. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu của đời sống tinh thần, và thường lại hoàn toàn ngược lại. Một "Hitler" hay một kẻ đầy tham vọng với đời sống sâu sắc ích kỷ hoặc được hướng dẫn một cách tàn nhẫn là một phàm ngã, với mọi quyền năng của trí tuệ mình được hiến cho các mục đích xấu xa, với bản chất cảm xúc được cấu tạo sao cho không tạo ra chướng ngại nào cho việc thúc đẩy các ý định ích kỷ ấy, và với một bộ não đầy năng lực tiếp nhận các kế hoạch và phương pháp của hai vận cụ, thực hiện các mệnh lệnh của phàm ngã.

I would point out that the majority of people are not personalities, no matter how glibly they may talk about their personalities. For example, the initial objective before the mass of aspirants and students is, first of all, to integrate the lower threefold man, so that they may become functioning personalities,

Tôi muốn chỉ ra rằng đa số người ta *không* phải là các phàm ngã, cho dù họ có nói trôi chảy đến đâu về phàm ngã của mình. Chẳng hạn, mục tiêu ban đầu trước quần chúng người chí nguyện và đạo sinh trước hết là tích hợp con người tam phân thấp, để họ có thể trở thành những phàm ngã hoạt động,

prior to becoming functioning souls; the work is dedicated to the purpose of producing a conscious personality focus, whilst avoiding that cycle of incarnations wherein the personality is dedicated to lower and selfish ends. Students who are more advanced are dedicated to the purpose of producing a still higher integration of soul and [509] personality, leading to that final integration which brings in the highest aspect of all, that of monadic life.

trước khi trở thành những linh hồn hoạt động; công việc được hiến cho mục đích tạo ra một tiêu điểm phàm ngã hữu thức, đồng thời tránh chu kỳ lâm phàm trong đó phàm ngã được hiến cho các mục đích thấp hèn và ích kỷ. Những đạo sinh tiến bộ hơn được hiến cho mục đích tạo ra một sự tích hợp còn cao hơn nữa giữa linh hồn và [509] phàm ngã, dẫn đến sự tích hợp cuối cùng mang vào phương diện cao nhất của tất cả, đó là đời sống chân thần.

There are in the world today many truly integrated personalities. These, because soul and personality are integrated, can tread the Path of Accepted Discipleship. This is a most hopeful development, if you could but realise its implications and significance, and the question arises as to how the others who are as yet only in the process of reorientation can develop an adequate personality integration. This they will never do if they overestimate themselves or depreciate themselves. Many are apt to regard themselves as personalities because of their natural self-will, or because they are occult students. They forget that an occult student is one who is in search of that which is hidden—in their case of that hidden, integrating thread which will enable them to blend the three bodies and thus truly merit the name of personality. Some of them cannot become personalities during this life, but they can develop the mental concept of its possibility and its nature; they need to remember that "as a man thinketh in his heart, so is he." It is not waste of time, but a very necessary process and one through which every Member of the Hierarchy has passed.

Ngày nay trên thế giới có nhiều phàm ngã tích hợp thực sự. Những người này, vì linh hồn và phàm ngã đã được tích hợp, có thể bước đi trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận. Đây là một sự phát triển đầy hy vọng, nếu các bạn có thể chứng nghiệm được những hàm ý và thâm nghĩa của nó; và câu hỏi được đặt ra là làm thế nào những người khác, hiện vẫn chỉ đang trong tiến trình tái định hướng, có thể phát triển một sự tích hợp phàm ngã đầy đủ. Họ sẽ không bao giờ làm được điều này nếu họ tự đánh giá mình quá cao hoặc tự hạ thấp mình. Nhiều người có khuynh hướng xem mình là các phàm ngã vì ý chí riêng tự nhiên của họ, hoặc vì họ là đạo sinh huyền bí học. Họ quên rằng một đạo sinh huyền bí học là người đang tìm kiếm điều bị che giấu—trong trường hợp của họ là sợi dây tích hợp ẩn kín ấy, sợi dây sẽ giúp họ hòa trộn ba thể và nhờ đó thực sự xứng đáng với danh xưng phàm ngã. Một số người trong họ không thể trở thành các phàm ngã trong kiếp này, nhưng họ có thể phát triển khái niệm trí tuệ về khả năng ấy và về bản chất của nó; họ cần nhớ rằng "con người nghĩ gì trong tim mình, thì y là như vậy." Đây không phải là sự phí thời giờ, mà là một tiến trình rất cần thiết và *mọi Thành Viên của Thánh Đoàn đều đã đi qua.*

Study and meditation combined are the factors which all aspirants should employ if

Học tập và tham thiền kết hợp là những yếu tố mà mọi người chí nguyện nên sử dụng

they seek to produce this needed integration and a consequent life of service. Thus the aspirant can test out both his point of integration and the extent of the serving quality produced by this integration. If aspirants would study their physical plane life with care, they would discover that they are either working automatically in response to physical plane conventional ideas of goodwill or of being kind, or they are working emotionally because they like to help, they like to be liked, they like to relieve suffering (owing to their hatred of the discomfort which suffering brings to them), they believe in following [510] the steps of the Christ Who went about doing good, or because of a natural, deep-seated life tendency. This is a hopeful and finalising unfoldment.

nếu họ tìm cách tạo ra sự tích hợp cần thiết này và một đời sống phụng sự phát sinh từ đó. Nhờ vậy người chí nguyện có thể kiểm nghiệm cả điểm tích hợp của mình lẫn mức độ phẩm tính phụng sự do sự tích hợp này tạo ra. Nếu những người chí nguyện chịu nghiên cứu đời sống cõi hồng trần của mình một cách cẩn trọng, họ sẽ khám phá rằng hoặc là họ đang hoạt động một cách tự động để đáp ứng các ý niệm quy ước của cõi hồng trần về thiện chí hay lòng tử tế, hoặc là họ đang hoạt động về mặt cảm xúc vì họ thích giúp đỡ, họ thích được yêu mến, họ thích làm vơi bớt đau khổ (do họ ghét sự khó chịu mà đau khổ đem lại cho họ), họ tin vào việc noi theo [510] bước chân của Đức Christ, Đấng đã đi khắp nơi làm điều lành, hoặc vì một khuynh hướng sự sống tự nhiên, ăn sâu. Đây là một sự khai mở đầy hy vọng và có tính hoàn tất.

Aspirants will eventually find out (when the physical and emotional phases of the integration are over) that there follows a phase of intelligent service, motivated in the first instance by mercy, then by conviction of its essentiality, then by a stage of definitely spiritual ambition, then by a submissive following of the example of the Hierarchy, and finally by the activity of the quality of pure love; this pure love increasingly expresses itself as the higher integration of soul and personality proceeds. All these phases of intention and of techniques are right in their own place, just as long as they have teaching value, and whilst the higher next phases remain vague and nebulous. They become wrong when they are perpetuated and carried on when the next stage is clearly seen but not followed. Ponder on this. It is of value to you to realise the true significance of these varying phases of integration, carried

Cuối cùng những người chí nguyện sẽ nhận ra (khi các giai đoạn tích hợp hồng trần và cảm xúc đã qua) rằng tiếp theo là một giai đoạn phụng sự thông minh, lúc đầu được thúc đẩy bởi lòng thương xót, rồi bởi sự xác tín về tính thiết yếu của nó, rồi bởi một giai đoạn tham vọng tinh thần rõ rệt, rồi bởi sự noi theo đầy thuận phục tấm gương của Thánh Đoàn, và cuối cùng bởi hoạt động của phẩm tính bác ái thuần khiết; bác ái thuần khiết này ngày càng biểu lộ khi sự tích hợp cao hơn giữa linh hồn và phàm ngã tiến triển. Tất cả các giai đoạn về ý định và kỹ thuật này đều đúng ở vị trí riêng của chúng, miễn là chúng còn có giá trị giáo huấn, và chừng nào các giai đoạn cao hơn kế tiếp vẫn còn mơ hồ và chưa rõ nét. Chúng trở nên sai khi bị kéo dài và tiếp tục trong khi giai đoạn kế tiếp đã được thấy rõ nhưng không được theo đuổi. Hãy suy ngẫm về điều này. Việc chứng nghiệm thâm nghĩa đích thực của các giai đoạn tích hợp khác nhau này là điều có giá trị đối với các bạn, vì chúng được tiến

forward—as they are—under evolutionary law.

hành—đúng như vậy—dưới định luật tiến hoá.

All these steps upon the way of integration lead to that culminating stage wherein the personality—rich in experience, powerful in expression, reoriented and dedicated—becomes simply the mediator of soul life between the Hierarchy and Humanity. Again—ponder on this.

Tất cả các bước trên con đường tích hợp này đều dẫn đến giai đoạn tột đỉnh, trong đó phàm ngã—giàu kinh nghiệm, mạnh mẽ trong biểu hiện, đã được tái định hướng và hiến dâng—trở thành đơn thuần là trung gian của sự sống linh hồn giữa Thánh Đoàn và Nhân Loại. Một lần nữa—hãy suy ngẫm về điều này.

The State of Mind of the Soul — Trạng thái trí tuệ của linh hồn

And whilst all these phases, stages and realisations are taking place in the life of the personality, what is the attitude of the soul upon its own plane? A consideration of this involves, first of all, a recognition of the three aspects of mind which are to be found upon what we call the mental plane: [511]

Trong khi tất cả các giai đoạn, chặng đường và sự chứng nghiệm này đang diễn ra trong đời sống của phàm ngã, thì thái độ của linh hồn trên cõi riêng của nó là gì? Việc xem xét điều này trước hết bao hàm sự nhìn nhận ba phương diện của trí tuệ được tìm thấy trên cái mà chúng ta gọi là cõi trí: [511]

1. The lower concrete mind, which is the attitude of thought held by the tiny aspect of the soul which was initially "put down" into manifestation at the time of individualisation. This—during the long cycle of incarnations—has become increasingly sensitive to its overshadowing Self. This overshadowing Self says to its incarnated aspect: "Having pervaded this entire universe with a fragment of myself, I remain." The pull of that overshadowing "remaining Self" is what draws the little fragment back to its originating source.

1. *Hạ trí cụ thể,* là thái độ tư tưởng được nắm giữ bởi phương diện nhỏ bé của linh hồn đã được "đặt xuống" vào biểu hiện lúc biệt ngã hóa. Trong chu kỳ dài của các lần nhập thể, phương diện này ngày càng trở nên nhạy cảm với Bản Ngã phủ bóng của nó. Bản Ngã phủ bóng ấy nói với phương diện nhập thể của mình: "Sau khi thấm nhuần toàn thể vũ trụ này bằng một mảnh của chính ta, ta vẫn còn đó." Sức hút của "Bản Ngã còn đó" phủ bóng ấy chính là điều kéo mảnh nhỏ trở về nguồn gốc phát sinh của nó.

2. The Son of Mind, the soul, the product of the thought of the Universal Mind, the thinking, perceiving, discriminating, analysing Identity or spiritual Entity. This aspect of the One Life is characterised by pure mind, pure reason, pure love, and pure will. A "Lord of Sacrifice" Who, through

2. *Con của Trí Tuệ,* linh hồn, sản phẩm của tư tưởng của Vũ Trụ Trí, Bản Sắc hay Thực Thể tinh thần biết suy tư, tri giác, phân biện và phân tích. Phương diện này của Sự sống Duy Nhất được đặc trưng bởi trí tuệ thuần khiết, lý trí thuần khiết, bác ái thuần khiết và ý chí thuần khiết. Một "Chúa Tể của Hi sinh",

incarnating experience, integration and expression, has undertaken the task of redeeming matter, and of raising substance into Heaven! These are familiar truths and ancient platitudes, but they still remain largely theory to you. You can test their theoretical nature by asking yourself: What am I doing, as a soul (if I function as a soul at all), to raise my matter aspect, my three vehicles and the substance out of which they are made, on to higher planes of expression?

Đấng qua kinh nghiệm nhập thể, sự tích hợp và biểu hiện, đã đảm nhận nhiệm vụ cứu chuộc vật chất và nâng chất liệu lên Thiên giới! Đây là những chân lý quen thuộc và những lời sáo cũ xưa, nhưng đối với các bạn chúng vẫn phần lớn chỉ là lý thuyết. Các bạn có thể kiểm nghiệm tính lý thuyết của chúng bằng cách tự hỏi: Tôi đang làm gì, với tư cách là một linh hồn (nếu quả thật tôi hoạt động như một linh hồn), để nâng phương diện vật chất của tôi, ba vận cụ của tôi và chất liệu mà từ đó chúng được tạo nên, lên các cõi biểu hiện cao hơn?

3. The higher abstract mind which is to the soul what the lowest aspect of the soul, embodied in the knowledge petals, is to the concrete mind. This abstract mind is the lowest aspect of the Spiritual Triad.

3. *Thượng trí trừu tượng* đối với linh hồn cũng giống như phương diện thấp nhất của linh hồn, được thể hiện trong các cánh hoa tri thức, đối với trí cụ thể. Trí trừu tượng này là phương diện thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần.

Once integration has taken place between the personality and the soul, then the soul—in its own body and nature and on its own plane—can begin to attend to a higher integration or linking relation which it must eventually bring about between itself and the Spiritual Triad. Accomplishment [512] upon a lower level ever makes possible accomplishment upon a higher. There is no true higher accomplishment until, step by step, the lower reflected aspect is mastered, used and recognised as an instrument for bringing about still higher activities.

Một khi sự tích hợp giữa phàm ngã và linh hồn đã diễn ra, thì linh hồn—trong thể riêng của nó, trong bản chất riêng và trên cõi riêng của nó—có thể bắt đầu lưu tâm đến một sự tích hợp cao hơn hay một mối liên hệ nối kết mà cuối cùng nó phải tạo ra giữa chính nó và Tam Nguyên Tinh Thần. Thành tựu [512] ở một cấp độ thấp hơn luôn làm cho thành tựu ở một cấp độ cao hơn trở nên khả hữu. Không có thành tựu cao hơn đích thực nào cho đến khi, từng bước một, phương diện phản chiếu thấp hơn được làm chủ, được sử dụng và được nhìn nhận như một công cụ để tạo ra những hoạt động còn cao hơn nữa.

The state of mind of the soul during the processes of lower integration can be briefly summarised as follows:

Trạng thái trí tuệ của linh hồn trong các tiến trình tích hợp thấp hơn có thể được tóm tắt ngắn gọn như sau:

1. That of a complete disinterest during the earlier stages of the cycle of incarnation. Its “embedded aspect” (as it has been called) is quite adequate to the slow and tedious task

1. Đó là trạng thái hoàn toàn không quan tâm trong các giai đoạn đầu của chu kỳ nhập thể. “Phương diện được cắm vào” của nó (như đã được gọi) hoàn toàn đủ sức cho

of evolving the bodies, developing their characteristics and buying the bitter experience of blindness and ignorance. This period is by far the longest, and whilst it is proceeding the soul goes forward with its own life interest upon its own level of experience, upon its own ray and under the influence of the Master Who will eventually guide the thinking (through gladly accepted impression) of the developing personality. Forget not that this kingdom or this aggregate of souls is what the Christian calls the Kingdom of God and the occultist calls the spiritual Hierarchy of our planet. Remember also that the purpose of its aggregated life is to induce realisation in consciousness of the spiritual polarisation of the planetary LIFE.

nhiệm vụ chậm chạp và gian nan là tiến hóa các thể, phát triển các đặc tính của chúng và mua lấy kinh nghiệm cay đắng của sự mù quáng và vô minh. Giai đoạn này dài hơn hẳn mọi giai đoạn khác, và trong khi nó đang diễn ra, linh hồn vẫn tiến bước với mối quan tâm sự sống riêng của nó trên cấp độ kinh nghiệm riêng, trên cung riêng của nó và dưới ảnh hưởng của Chân sư, Đấng cuối cùng sẽ hướng dẫn tư duy (qua sự cảm thụ được vui lòng chấp nhận) của phàm ngã đang phát triển. Đừng quên rằng giới này hay tập hợp các linh hồn này chính là điều mà người Ki-tô giáo gọi là Thiên Giới và nhà huyền bí học gọi là Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta. Cũng hãy nhớ rằng mục đích của đời sống tập hợp của nó là khơi dậy sự chứng nghiệm trong tâm thức về sự phân cực tinh thần của SỰ SỐNG hành tinh.

2. As evolution proceeds, the three vehicles —now created and developed—become potent, and their vibration becomes strong enough to attract a measure of attention from the preoccupied soul. The first reaction is irritation. Occult irritation is not crossness, as human beings express it, but response to contact—a response which does not please. In other words, it is friction. You will, therefore, better understand the meaning of the statement that the last fetter which the Master casts off is [513] irritation. The personality no longer attracts attention; friction therefore ceases, and there is nothing left but a pure channel through which spiritual energy can pour. Irritation, as you understand it, takes place when your personal, self-will, self-esteem, ideas and plans are infringed upon by those of another person. It is not this form of irritation which the Master casts off.

2. Khi tiến hoá tiếp diễn, ba vận cụ—nay đã được tạo ra và phát triển—trở nên mạnh mẽ, và rung động của chúng đủ mạnh để thu hút một mức độ chú ý nào đó từ linh hồn vốn đang bận tâm. Phản ứng đầu tiên là *sự bực ứng*. Sự bực ứng huyền bí không phải là sự cáu kỉnh như con người biểu lộ, mà là sự đáp ứng với tiếp xúc—một sự đáp ứng không làm hài lòng. Nói cách khác, đó là ma sát. Vì vậy, các bạn sẽ hiểu rõ hơn ý nghĩa của phát biểu rằng xiềng xích cuối cùng mà Chân sư vứt bỏ là [513] sự bực ứng. Phàm ngã không còn thu hút sự chú ý nữa; do đó ma sát chấm dứt, và không còn gì ngoài một kênh thuần khiết qua đó năng lượng tinh thần có thể tuôn đổ. Sự bực ứng, theo cách các bạn hiểu, xảy ra khi ý chí riêng, lòng tự trọng, ý tưởng và kế hoạch cá nhân của các bạn bị xâm phạm bởi những điều tương tự của một người khác. Không phải hình thức bực ứng này là điều mà Chân sư vứt bỏ.

The second reaction is that of a meditation process or the generation of power, later to

Phản ứng thứ hai là một tiến trình tham thiền hay sự phát sinh quyền năng, về sau sẽ

be used in the three worlds to enhance soul energy within the form and to create the field of knowledge, peopled by the thoughtforms into which the personality will later venture. The soul is therefore preparing for its own reorientation towards Life and its expression in the three worlds, and not to the gaining of life experience.

được sử dụng trong ba cõi giới để tăng cường năng lượng linh hồn trong hình tướng và tạo ra trường tri thức, được cư ngụ bởi các hình tư tưởng mà về sau phàm ngã sẽ bước vào. Vì vậy linh hồn đang chuẩn bị cho sự tái định hướng của chính nó hướng về Sự sống và sự biểu hiện của Sự sống trong ba cõi giới, chứ không phải hướng tới việc thu nhận kinh nghiệm sống.

3. When the personality becomes dominant, the soul introduces a new factor into the life of its reflection, the incarnating soul. It mobilises and focusses the energy of the soul ray, and by an act of the will brings it into direct contact with the ray of the personality. This has a reflex action on the rays of the threefold lower man, stimulating them, awakening them, and conditioning the etheric body so that the centres, through which the personality rays are pouring, and the head centre which is responsive to the soul ray, can become more active. The ajna centre, through which the personality works, intensifies its activity, and two things occur:

3. Khi phàm ngã trở nên chi phối, linh hồn đưa vào đời sống của phản chiếu của nó, tức linh hồn nhập thể, một yếu tố mới. Nó huy động và tập trung năng lượng của cung linh hồn, và bằng một hành động của ý chí đưa năng lượng ấy vào tiếp xúc trực tiếp với cung của phàm ngã. Điều này tạo ra một tác động phản xạ lên các cung của phàm nhân tam phân, kích thích chúng, đánh thức chúng, và tác động lên thể dĩ thái để các trung tâm, qua đó các cung phàm ngã đang tuôn đổ, cùng trung tâm đầu vốn đáp ứng với cung linh hồn, có thể trở nên hoạt động hơn. Trung tâm ajna, qua đó phàm ngã hoạt động, tăng cường hoạt động của nó, và hai điều xảy ra:

a. The personality life becomes increasingly potent and the man develops into an intense individual.

a. Đời sống phàm ngã ngày càng mạnh mẽ và con người phát triển thành một cá nhân mãnh liệt.

b. The head centre begins to exert an influence upon the ajna centre, and slowly and gradually upon the centre at the base of the spine. Self-will grows as do all the qualities. [514]

b. Trung tâm đầu bắt đầu gây ảnh hưởng lên trung tâm ajna, và chậm rãi dần dần lên trung tâm ở đáy cột sống. Ý chí riêng tăng trưởng cũng như mọi phẩm tính khác. [514]

4. The soul is now in what esotericists call “a process of reversal.” This produces a great interest in its reflection in the three worlds, and three things then happen:

4. Giờ đây linh hồn ở trong điều mà các nhà bí truyền học gọi là “một tiến trình đảo ngược.” Điều này tạo ra một mối quan tâm lớn đối với phản chiếu của nó trong ba cõi giới, và rồi ba điều xảy ra:

a. The lower concrete mind becomes subject to illumination from the soul.

a. Hạ trí cụ thể trở nên chịu sự soi sáng từ linh hồn.

b. The energy of the soul ray increasingly pours into the personality, intensifying its conflict.

b. Năng lượng của cung linh hồn ngày càng tuôn vào phàm ngã, làm tăng cường xung đột của nó.

c. The path of the man around the zodiac from Aries via Pisces to Taurus is reversed and he then proceeds anti-clockwise.

c. Con đường của con người quanh vòng hoàng đạo từ Bạch Dương qua Song Ngư đến Kim Ngưu bị đảo ngược và khi đó y tiến hành theo chiều ngược kim đồng hồ.

All these factors produce violent conflict upon the Probationary Path, which increases as the man steps upon the Path of Discipleship. The potency of the personality, dominant and being dominated, is that which induces an intense karmic activity. Events and circumstances pile fast and furiously into the experience of the disciple. His environment is of the highest quality available in the three worlds; his experience fluctuates between the extremes; he works off his karmic obligations and pays the penalty of past mistakes with great rapidity.

Tất cả các yếu tố này tạo ra xung đột dữ dội trên Con Đường Dự Bị, và xung đột ấy gia tăng khi con người bước lên Con Đường Đệ Tử. Chính sức mạnh của phàm ngã, vừa chi phối vừa bị chi phối, là điều gây ra một hoạt động nghiệp quả mãnh liệt. Các biến cố và hoàn cảnh dồn dập, dữ dội tràn vào kinh nghiệm của đệ tử. Môi trường của y là loại cao nhất có thể có trong ba cõi giới; kinh nghiệm của y dao động giữa các cực điểm; y giải quyết các nghĩa vụ nghiệp quả của mình và trả giá cho những sai lầm quá khứ với tốc độ rất nhanh.

All this time, incarnation succeeds incarnation and the familiar process of death, intervening between cycles of experience, goes on. However, all the three deaths—physical, astral and mental—are carried out with a steadily awakening state of awareness, as the lower mind develops; the man no longer drifts—asleep and unknowing—out of the etheric, astral and mental vehicles, but each of them becomes as much an event as is physical death.

Trong suốt thời gian này, lần nhập thể nối tiếp lần nhập thể và tiến trình quen thuộc của cái chết, xen giữa các chu kỳ kinh nghiệm, vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, cả ba cái chết—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—đều được thực hiện với một trạng thái nhận biết ngày càng thức tỉnh, khi hạ trí phát triển; con người không còn trôi đi—trong giấc ngủ và không hay biết—ra khỏi các vận cụ dĩ thái, cảm dục và trí tuệ nữa, mà mỗi cái chết trong số đó trở thành một biến cố cũng quan trọng như cái chết hồng trần.

Finally the time comes when the disciple dies with deliberation and in full consciousness, and with real knowledge relinquishes his various vehicles. Steadily

Cuối cùng thời điểm đến khi đệ tử chết một cách có chủ ý và trong đầy đủ tâm thức, và với tri thức thực sự, từ bỏ các vận cụ khác nhau của mình. Dần dần linh hồn nắm

the soul takes control, and then the disciple brings about death through an act of the soul-will and knows exactly what he is doing.

quyền kiểm soát, và rồi đệ tử tạo ra cái chết bằng một hành động của ý chí linh hồn và biết chính xác mình đang làm gì.

The Elimination of the Personality Thoughtform — Sự loại bỏ hình tư tưởng của phàm ngã

[515]

[515]

In dealing with this subject (and it can only be done very briefly) two things must be borne in mind:

Khi bàn đến chủ đề này (và điều đó chỉ có thể được thực hiện rất ngắn gọn), cần ghi nhớ hai điều:

1. That we are considering solely an idea in the mind of the soul and dealing with the basic fact of the illusion which has controlled the entire cycle of incarnation and so held the soul a prisoner to form. To the soul, the personality connotes two things.

1. Rằng chúng ta chỉ đang xem xét một ý tưởng trong trí tuệ của linh hồn và đang đề cập đến sự kiện căn bản của ảo tưởng đã kiểm soát toàn bộ chu kỳ nhập thể và do đó giam giữ linh hồn làm tù nhân của hình tướng. Đối với linh hồn, phàm ngã hàm ý hai điều.

a. The soul's capacity for identification with form; this is first of all realised by the soul when the personality is beginning to react to a measure of real integration.

a. Năng lực của linh hồn trong việc đồng hoá với hình tướng; điều này trước hết được linh hồn nhận ra khi phàm ngã bắt đầu đáp ứng với một mức độ tích hợp thực sự.

b. An opportunity for initiation.

b. Một cơ hội để điểm đạo.

2. That the elimination of the thoughtform of the personality, which is consummated at the third initiation, is a great initiation for the soul on its own plane. For this reason, the third initiation is regarded as the first major initiation, since the two previous initiations have very little effect upon the soul and only affect the incarnated soul, the "fragment" of the whole.

2. Rằng sự loại bỏ hình tư tưởng của phàm ngã, được hoàn tất ở lần điểm đạo thứ ba, là một cuộc điểm đạo lớn đối với linh hồn trên cõi riêng của nó. Vì lý do này, lần điểm đạo thứ ba được xem là cuộc điểm đạo lớn đầu tiên, vì hai lần điểm đạo trước đó có rất ít tác động lên linh hồn và chỉ ảnh hưởng đến linh hồn nhập thể, "mảnh" của toàn thể.

These are facts which are little realised and seldom emphasised in any of the literature hitherto published. The emphasis up till

Đây là những sự kiện ít được chứng nghiệm và hiếm khi được nhấn mạnh trong bất kỳ tài liệu nào đã được xuất bản cho đến nay. Sự

now has been upon the initiations as they affect the disciple in the three worlds. But I am specifically dealing with the initiations as they affect or do not affect the soul, overshadowing its reflection, the personality, in the three worlds. What I have said, therefore, will have little meaning for the average reader.

nhấn mạnh từ trước đến nay là vào các cuộc điểm đạo khi chúng ảnh hưởng đến đệ tử trong ba cõi giới. Nhưng tôi đang đặc biệt bàn đến các cuộc điểm đạo khi chúng ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng đến *linh hồn*, vốn phủ bóng phản chiếu của nó là phàm ngã trong ba cõi giới. Vì vậy, điều tôi đã nói sẽ có rất ít ý nghĩa đối với độc giả trung bình.

From the angle of the personal self, regarding itself as the Dweller on the Threshold, the attitude or state of mind has been inadequately portrayed as one of complete obliteration in the light of the soul; the glory of the Presence, transmuted [516] by the Angel, is such that the personality completely disappears, with its demands and its aspirations. Naught is left but the shell, the sheath and the instrument through which the solar light can pour for the helping of humanity. This is true to a certain degree, but is only—in the last analysis—man's attempt to put into words the transmuting and the transfiguring effect of the third initiation, which cannot be done.

Từ góc độ của bản ngã cá nhân, tự xem mình là Kẻ Chận Ngõ, thái độ hay trạng thái trí tuệ đã được mô tả chưa đầy đủ như là một sự xóa sạch hoàn toàn trong ánh sáng của linh hồn; vinh quang của Hiện Diện, được chuyển hoá [516] bởi Thiên Thần, lớn đến mức phàm ngã hoàn toàn biến mất, cùng với các đòi hỏi và khát vọng của nó. Không còn gì ngoài cái vỏ, cái bao và công cụ qua đó ánh sáng thái dương có thể tuôn đổ để trợ giúp nhân loại. Điều này đúng ở một mức độ nào đó, nhưng rốt cuộc chỉ là nỗ lực của con người nhằm diễn đạt bằng lời hiệu quả chuyển hoá và Biến hình của lần điểm đạo thứ ba, điều không thể làm được.

Infinitely more difficult is the attempt I am here making to depict the attitude and the reactions of the soul, the one self, the Master in the heart, as it recognises the stupendous fact of its own essential liberation and realises once and for all, that it is now incapable of responding in any way to lower vibrations of the three worlds, as transmitted to the soul by its instrument of contact, the personality form. That form is now incapable of transmission.

Khó khăn hơn vô cùng là nỗ lực mà tôi đang thực hiện ở đây để mô tả thái độ và các phản ứng của linh hồn, bản ngã duy nhất, vị Chân sư trong tim, khi nó nhận ra sự kiện phi thường về sự giải thoát cốt yếu của chính mình và chứng nghiệm một lần là mãi mãi rằng giờ đây nó không còn khả năng đáp ứng theo bất kỳ cách nào đối với các rung động thấp hơn của ba cõi giới, như được truyền đến linh hồn bởi công cụ tiếp xúc của nó là hình tướng phàm ngã. Hình tướng ấy giờ đây không còn khả năng truyền dẫn.

The second reaction of the soul, once this realisation has been focussed and admitted, is that—having achieved freedom—that freedom now conveys its own demands:

Phản ứng thứ hai của linh hồn, một khi sự chứng nghiệm này đã được tập trung và thừa nhận, là—sau khi đã đạt được tự do—sự

tự do ấy giờ đây mang theo những đòi hỏi riêng của nó:

1. For a life of service in the three worlds, so familiar and now so completely transcended.

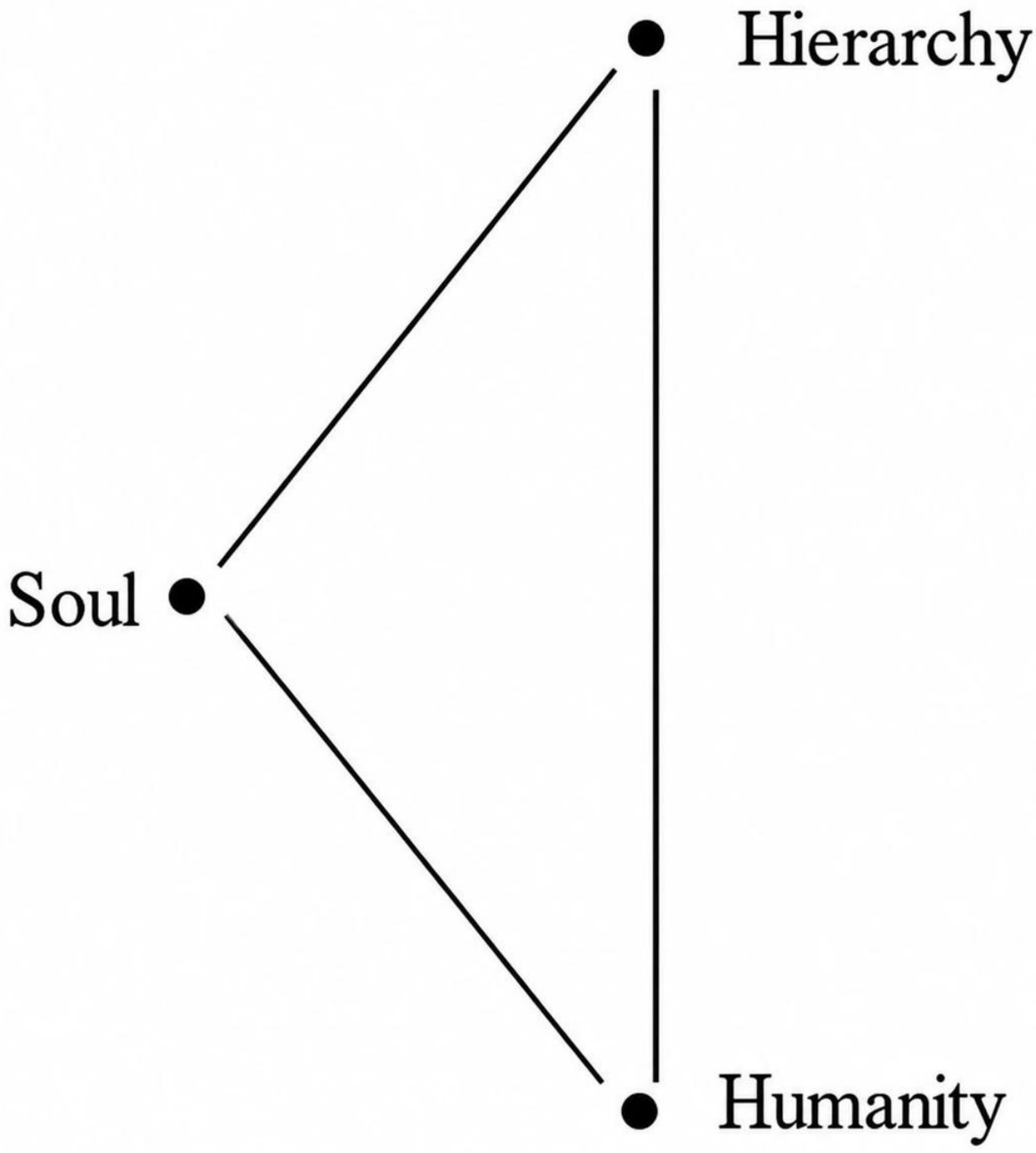
1. Một đời sống phụng sự trong ba cõi giới, vốn rất quen thuộc và nay đã được siêu vượt hoàn toàn.

2. An overshadowing sense of outgoing love towards those who are, as yet, seeking liberation.

2. Một cảm thức bác ái tuôn ra bao trùm đối với những người vẫn còn đang tìm kiếm sự giải thoát.

3. A recognition of the essential triangle which has now become the centre of the conceptual life of the soul:

3. Một sự nhận biết về tam giác cốt yếu, giờ đây đã trở thành trung tâm của đời sống khái niệm của linh hồn:



[517]

The soul now vibrates between the two points or pairs of opposites and acts as an invocative and evocative centre.

None of the above realisations may be registered in the brain consciousness or in

[517]

Giờ đây linh hồn rung động giữa hai điểm hay hai cặp đối cực và hoạt động như một trung tâm khẩn cầu và gợi lên.

Không một chứng nghiệm nào ở trên có thể được ghi nhận trong tâm thức não bộ hay

the mind of the illumined personality. Theoretically, some dim vision of the inherent possibilities may be sensed, but the consciousness is no longer that of the serving disciple in the three worlds, using mind, emotions and physical body to carry out behest and hierarchical intent, as far as may be. That has disappeared with the death of the personality consciousness. The consciousness is now that of the soul itself, aware of no separation, instinctively active, spiritually obsessed by the plans of the Kingdom of God, and completely free from the lure or the faintest control of matter-form; the soul is, however, still responsive to and immersed in substance-energy, and its higher correspondence is still functioning on the levels of the cosmic physical plane—the buddhic, atmic, monadic and logoic planes.

trong trí tuệ của phàm ngã được soi sáng. Về mặt lý thuyết, có thể cảm nhận được một linh ảnh mờ nhạt nào đó về các khả năng vốn có, nhưng tâm thức không còn là tâm thức của người đệ tử phụng sự trong ba cõi giới, sử dụng trí tuệ, cảm xúc và thể xác để thực hiện mệnh lệnh và ý định của Thánh Đoàn trong mức có thể. Điều đó đã biến mất cùng với cái chết của tâm thức phàm ngã. Giờ đây tâm thức là tâm thức của chính linh hồn, không nhận biết sự phân ly nào, hoạt động theo bản năng, bị ám ảnh một cách tinh thần bởi các kế hoạch của Thiên Giới, và hoàn toàn tự do khỏi sự quyến rũ hay sự kiểm soát dù mờ nhạt nhất của vật chất-hình tướng; tuy nhiên, linh hồn vẫn còn đáp ứng với và đắm mình trong năng lượng-chất liệu, và đối phần cao hơn của nó vẫn còn hoạt động trên các cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ—các cõi Bồ đề, atma, chân thần và logoi.

What then must take place if the life of the soul is to be full and complete and so thoroughly inclusive that the three worlds form part of its area of awareness and its field of service? The only way in which I can make clear to you what the soul must do after the third initiation is to sum it up in two ways:

Vậy thì điều gì phải diễn ra nếu đời sống của linh hồn phải viên mãn và trọn vẹn, và bao gồm đến mức ba cõi giới tạo thành một phần trong phạm vi nhận biết và lĩnh vực phụng sự của nó? Cách duy nhất để tôi có thể làm rõ cho các bạn điều linh hồn phải làm sau lần điểm đạo thứ ba là tóm lược theo hai cách:

First: The soul now becomes a conscious creator because the third aspect—developed and mastered through experience in the three worlds during the long cycle of incarnations—has reached a point of perfected activity. Putting it technically: the energy of the knowledge petals and the energy of the love petals are now so actively fused and blended that two of the inner petals, surrounding the jewel in the lotus, are no longer acting [518] as veils to that jewel. I am here speaking symbolically. Because of this happening, the death or the

Thứ nhất: Giờ đây linh hồn trở thành một đấng sáng tạo có ý thức vì phương diện thứ ba—được phát triển và làm chủ qua kinh nghiệm trong ba cõi giới suốt chu kỳ dài của các lần nhập thể—đã đạt đến một điểm hoạt động hoàn hảo. Nói theo thuật ngữ kỹ thuật: năng lượng của các cánh hoa tri thức và năng lượng của các cánh hoa bác ái giờ đây được dung hợp và hòa trộn tích cực đến mức hai cánh hoa bên trong, bao quanh ngọc châu trong hoa sen, không còn hoạt động [518] như những tấm màn che ngọc châu ấy nữa. Ở đây tôi đang nói một cách biểu tượng.

elimination of the personality is the first activity in the drama of conscious creation, and the first form created by the soul is a substitute for the personality. Thus an instrument for service in the three worlds is created. This time, however, it is an instrument with no life, no desire, no ambition and no power of thought of its own. It is only a sheath of substance, animated by soul life but—at the same time—responsive to and suited to the period, race and the environing conditions wherein the creating soul chooses to work. Think this statement out and emphasise the words "suited to."

Do biến cố này, cái chết hay sự loại bỏ phàm ngã là hoạt động đầu tiên trong vở kịch của sự sáng tạo có ý thức, và hình tướng đầu tiên do linh hồn tạo ra là một vật thay thế cho phàm ngã. Như vậy một công cụ để phụng sự trong ba cõi giới được tạo ra. Tuy nhiên lần này, đó là một công cụ không có sự sống, không có ham muốn, không có tham vọng và không có năng lực tư tưởng riêng. Nó chỉ là một cái bao bằng chất liệu, được sự sống linh hồn làm sinh động nhưng—đồng thời—đáp ứng với và thích hợp với thời kỳ, chủng tộc và các điều kiện môi trường mà linh hồn sáng tạo chọn để hoạt động. Hãy suy nghĩ kỹ về phát biểu này và nhấn mạnh các từ "thích hợp với."

Second. The soul then prepares itself for the coming fourth initiation. This is basically a monadic experience and results—as you know—in the disappearance or destruction of the soul vehicle or causal body, and the establishment, therefore, of a direct relation between the monad on its own plane and the newly created personality, via the antahkarana.

Thứ hai. Khi đó linh hồn chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ tư sắp đến. Về căn bản đây là một kinh nghiệm chân thần và dẫn đến—như các bạn biết—sự biến mất hay hủy diệt của vận cụ linh hồn hay thể nguyên nhân, và do đó thiết lập một mối liên hệ trực tiếp giữa chân thần trên cõi riêng của nó và phàm ngã mới được tạo ra, qua antahkarana.

These two points are given to you for the first time in the sequential giving out of the occult teaching; hints have, however, prepared the way for these two facts. Information has also been given anent the mayavirupa through which the Master works and contacts the three worlds and which He deliberately creates in order to serve His purposes and plans. It is a definite substitute for the personality and can only be created when the old personality (built and developed during the cycle of incarnation) has been eliminated. I prefer the word "eliminated" to the word "destroyed." The structure—at the time of elimination—persists, but its separative life has gone.

Hai điểm này được trao cho các bạn lần đầu tiên trong trình tự truyền ra giáo huấn huyền bí; tuy nhiên, các ám chỉ đã chuẩn bị đường cho hai sự kiện này. Thông tin cũng đã được đưa ra liên quan đến mayavirupa mà qua đó Chân sư hoạt động và tiếp xúc với ba cõi giới, và Ngài cố ý tạo ra nó để phụng sự các mục đích và kế hoạch của Ngài. Nó là một vật thay thế xác định cho phàm ngã và chỉ có thể được tạo ra khi phàm ngã cũ (được xây dựng và phát triển trong chu kỳ nhập thể) đã bị loại bỏ. Tôi thích từ "loại bỏ" hơn từ "hủy diệt." *Cấu trúc*—vào lúc bị loại bỏ—vẫn tồn tại, nhưng sự sống phân ly của nó đã mất đi.

[519]

If you will think clearly about this statement, you will see that a very complete integration is now possible. The personality life has been absorbed; the personality form is still left, but it persists without any real life of its own; this means that it can now be the recipient of energies and forces needed by the working initiate or Master in order to carry on the work or salvaging humanity. Students would find it of value to study the three "appearances of the Christ" as recorded in the Gospel story:

1. His transfigured appearance upon the Mount of Transfiguration. That episode depicts symbolically the radiant soul, and also the three vacated bodies of the personality, and hints also at a future building of a vehicle of manifestation. St. Peter says, "Lord, let us here build three huts" or tabernacles.

2. His appearance as truth itself (silent yet present) before the bar or judgment seat of Pilate—repudiated by the world of men but recognised by the Hierarchy.

3. His radiant appearances after the resurrection initiation:

a. To the woman at the sepulchre—symbolising His contact with Humanity.

b. To the two disciples on the way to Emmaus—symbolising His contact with the Hierarchy.

[519]

Nếu các bạn suy nghĩ rõ ràng về phát biểu này, các bạn sẽ thấy rằng giờ đây một sự tích hợp rất hoàn chỉnh là điều khả hữu. Đời sống phàm ngã đã được hấp thu; hình tướng phàm ngã vẫn còn đó, nhưng nó tồn tại mà không có sự sống thực sự nào của riêng nó; điều này có nghĩa là giờ đây nó có thể là kẻ tiếp nhận các năng lượng và mãnh lực mà điểm đạo đồ hay Chân sư đang hoạt động cần đến để tiếp tục công việc cứu vớt nhân loại. Đạo sinh sẽ thấy có ích nếu nghiên cứu ba "sự xuất hiện của Đức Christ" như được ghi lại trong câu chuyện Phúc Âm:

1. Sắc tướng Biến hình của Ngài trên Núi Biến Hình. Biến cố đó mô tả một cách biểu tượng linh hồn rạng ngời, và cũng mô tả ba thể bị bỏ trống của phàm ngã, đồng thời cũng ám chỉ đến việc xây dựng trong tương lai một vận cụ biểu hiện. Thánh Peter nói: "Lạy Chúa, xin cho chúng con dựng ở đây ba lều" hay ba nhà tạm.

2. Sự xuất hiện của Ngài như chính chân lý (im lặng nhưng hiện diện) trước pháp đình hay tòa xét xử của Pilate—bị thế giới loài người chối bỏ nhưng được Thánh Đoàn công nhận.

3. Những lần xuất hiện rạng ngời của Ngài sau cuộc điểm đạo phục sinh:

a. Với người phụ nữ bên mộ—biểu tượng cho sự tiếp xúc của Ngài với Nhân Loại.

b. Với hai đệ tử trên đường đến Emmaus—biểu tượng cho sự tiếp xúc của Ngài với Thánh Đoàn.

c. To the twelve disciples in the upper chamber—symbolising His contact with the Council Chamber of the Lord of the World at Shamballa.

c. Với mười hai đệ tử trong phòng trên lầu—biểu tượng cho sự tiếp xúc của Ngài với Phòng Hội Đồng của Đức Chúa Tể Thế Giới tại Shamballa.

You can thus see the factual nature of the results to which I earlier referred in this instruction. The disciple who has eliminated (in the technical sense as well as in the mystical sense) the hold of the personality has now the "freedom of the Ashram," as it is called; he can move at will among his fellow disciples and initiates. There will be nothing in his [520] vibratory life or his quality which can disturb the rhythm of the Ashram; there will be nothing to call forth the "calming intervention" of the Master, as is frequently the case during the earlier stages of discipleship; nothing can now interfere with those higher contacts and spheres of influence which have hitherto been sealed to the disciple because of the intrusion of his own personality.

Như vậy các bạn có thể thấy bản chất thực tế của các kết quả mà trước đây tôi đã đề cập trong huấn thị này. Đệ tử đã loại bỏ (theo nghĩa kỹ thuật cũng như theo nghĩa thần bí) sự kềm giữ của phàm ngã giờ đây có "tự do của Ashram", như cách gọi; y có thể di chuyển tùy ý giữa các đệ tử đồng môn và các điểm đạo đồ của mình. Sẽ không có gì trong đời sống rung động [520] hay phẩm tính của y có thể làm xáo trộn nhịp điệu của ashram; sẽ không có gì gọi ra "sự can thiệp làm dịu" của Chân sư, như thường xảy ra trong các giai đoạn đầu của địa vị đệ tử; giờ đây không gì có thể cản trở những tiếp xúc cao hơn và những phạm vi ảnh hưởng vốn trước đây đã bị niêm phong đối với đệ tử vì sự xâm nhập của chính phàm ngã của y.

PART THREE - The Fundamental Laws of Healing — PHẦN BA - Các Định luật Căn bản của Sự Chữa Lành

[521]

We have now completed two sections of our consideration of the art of healing. We have dealt somewhat cursorily with the causes of disease and have noted that they emanate as a whole from three main sources: the psychological state of the patient, his karmic liabilities, and those which are incurred through his group relationship, environal, national or planetary. I then dealt with certain basic requirements of conditions and attitudes which must be established between the healer and the patient, and finally I took up the subject of death. I considered it as it affected the three transitory vehicles, emphasising its divine nature and its constructive purpose. We now reach the section in which the Laws of Healing and the Rules which should condition the healing process must be briefly considered.

We have found that there are ten laws and six rules. The tenth law will be found too abstruse for much elucidation; it concerns the life principle, of which we as yet know nothing, and is involved with monadic purpose. All occult teaching, which emanates directly from the Hierarchy, contains within it the living seed of that which will follow later. In The Secret Doctrine, for instance, H.P.B. (under my instruction) made occasional reference, very briefly and obscurely, to the antahkarana; she thus left the seed which, [522] when full grown, will indicate the requirements for those who—having achieved the higher initiations—can enter upon the Way of the Higher Evolution. In this tenth law,

[521]

Giờ đây chúng ta đã hoàn tất hai phần trong việc xem xét nghệ thuật chữa lành. Chúng ta đã bàn khá sơ lược về các nguyên nhân của bệnh tật và đã lưu ý rằng xét như một toàn thể, chúng phát xuất từ ba nguồn chính: trạng thái tâm lý của bệnh nhân, các món nợ nghiệp quả của y, và những món nợ phát sinh qua mối liên hệ nhóm của y, thuộc môi trường, quốc gia hay hành tinh. Sau đó tôi đã bàn đến một số đòi hỏi căn bản về các điều kiện và thái độ phải được thiết lập giữa người chữa lành và bệnh nhân, và cuối cùng tôi đã đề cập đến chủ đề cái chết. Tôi đã xem xét nó khi nó ảnh hưởng đến ba vận cụ tạm thời, nhấn mạnh bản chất thiêng liêng và mục đích xây dựng của nó. Giờ đây chúng ta đi đến phần trong đó các Định luật Chữa lành và các quy luật cần tác động lên tiến trình chữa lành phải được xem xét ngắn gọn.

Chúng ta đã thấy rằng có mười định luật và sáu quy luật. Định luật thứ mười sẽ được thấy là quá thâm áo để có thể được làm sáng tỏ nhiều; nó liên quan đến nguyên khí sự sống, điều mà chúng ta hiện chưa biết gì, và dính líu đến mục đích chân thần. Mọi giáo huấn huyền bí, phát xuất trực tiếp từ Thánh Đoàn, đều chứa trong nó hạt giống sống động của điều sẽ đến sau này. Chẳng hạn, trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, H.P.B. (dưới sự chỉ dẫn của tôi) đôi khi có nhắc đến, rất ngắn gọn và mơ hồ, antahkarana; do đó bà đã để lại hạt giống mà, [522] khi phát triển đầy đủ, sẽ chỉ ra các đòi hỏi dành cho những ai—sau khi đã đạt được các cuộc điểm đạo cao hơn—có thể bước vào Con đường Tiến Hóa Cao Siêu. Vì vậy, trong định luật thứ mười này,

therefore, I embody also the seed for a much later approach to the problems of Life and Death.

tôi cũng hàm chứa hạt giống cho một cách tiếp cận muộn hơn rất nhiều đối với các vấn đề của Sự sống và Cái chết.

I would here remind you that a law is in reality the effect of the life of a greater entity as it encloses a lesser within its living processes. It embodies that formulated purpose or organised will of an enfolding life, against which the expressed purpose or determined will of that which is enfolded is entirely helpless. You might argue, brother of mine, that this statement negates the freewill of the individual unit thus enclosed or enfolded. It assuredly does militate against the form aspect of manifestation—that aspect, for instance, of which a human being is pre-eminently conscious. Therefore, this relationship of the higher or greater and the lower or lesser, will equally and assuredly dominate and eventually render futile the lesser laws of the form nature, those which today are called the laws of nature.

Ở đây tôi muốn nhắc các bạn rằng một định luật thực ra là hiệu quả của sự sống của một thực thể lớn hơn khi nó bao bọc một thực thể nhỏ hơn trong các tiến trình sống của nó. Nó hiện thân cho mục đích được định thức hay ý chí được tổ chức của một sự sống bao trùm, mà trước đó mục đích được biểu lộ hay ý chí kiên định của cái được bao bọc hoàn toàn bất lực. Hỡi huynh đệ của Tôi, bạn có thể lập luận rằng phát biểu này phủ nhận ý chí tự do của đơn vị cá thể được bao bọc hay bao trùm như vậy. Chắc chắn nó có tác động chống lại phương diện hình tướng của biểu hiện—chẳng hạn phương diện mà một con người nhận biết nổi bật nhất. Vì vậy, mối liên hệ này giữa cái cao hơn hay lớn hơn và cái thấp hơn hay nhỏ hơn cũng sẽ chi phối một cách chắc chắn và cuối cùng làm cho các định luật nhỏ hơn của bản chất hình tướng trở nên vô hiệu, tức những định luật ngày nay được gọi là các định luật của tự nhiên.

Equally essentially, however, the soul within all forms. is at war with those forms, and in its own integral life is conditioned by the higher laws which are the laws of its own being; these it freely obeys and follows, having no slightest wish to do otherwise. There is, therefore, no essential infringement of the freewill of the subject; there is only resistance from that which we call the “not-self” or the material aspect. This might be called the basic cause of all disease.

Tuy nhiên, cũng thiết yếu không kém là linh hồn bên trong mọi hình tướng đang ở trong tình trạng chiến tranh với các hình tướng ấy, và trong đời sống toàn vẹn riêng của nó, nó bị tác động bởi các định luật cao hơn là những định luật của chính bản thể nó; các định luật này nó tự do tuân theo và đi theo, không hề có chút mong muốn nào làm khác đi. Vì vậy, không có sự xâm phạm cốt yếu nào đối với ý chí tự do của chủ thể; chỉ có sự kháng cự từ điều mà chúng ta gọi là “phi-ngã” hay phương diện vật chất. Điều này có thể được gọi là nguyên nhân căn bản của mọi bệnh tật.

What we call the Laws of Nature were the highest phase of the divine life possible in the first solar system. They are primarily the

Điều chúng ta gọi là các Định luật của Tự nhiên là giai đoạn cao nhất của sự sống thiêng liêng có thể có trong hệ mặt trời thứ

laws inherent in the life aspect of the form and have in them, therefore, the seeds of death. The Laws of the Soul as they subordinate and render negative the Laws of Nature, are the highest laws to which humanity [523] (the highest kingdom in nature at present) can respond, and these—when fulfilled—will conclude the purpose of the second solar system. The Laws of Life itself will finally supersede the Laws of the Soul and will completely offset and negate the Laws of Nature; these laws will be distinctive of the third solar system—the last personality expression of the solar Logos through the medium of the Seven Planetary Logoi with their varying forms and soul expressions.

nhất. Chúng chủ yếu là các định luật vốn có trong phương diện sự sống của hình tướng và do đó chứa trong chúng các hạt giống của cái chết. Các Định luật của Linh hồn, khi chúng chế ngự và làm cho các Định luật của Tự nhiên trở nên thụ động, là những định luật cao nhất mà nhân loại [523] (giới cao nhất trong tự nhiên hiện nay) có thể đáp ứng, và những định luật này—khi được hoàn thành—sẽ kết thúc mục đích của hệ mặt trời thứ hai. Các Định luật của chính Sự sống cuối cùng sẽ thay thế các Định luật của Linh hồn và sẽ hoàn toàn hóa giải và vô hiệu hóa các Định luật của Tự nhiên; các định luật này sẽ là đặc trưng của hệ mặt trời thứ ba—biểu hiện phàm ngã cuối cùng của Thái dương Thượng đế qua trung gian của Bảy Hành Tinh Thượng Đế với các hình tướng và biểu hiện linh hồn khác nhau của Các Ngài.

Three Groups of Laws

Ba Nhóm Định luật

We have, therefore, three groups of laws which govern the expression of the living purpose in this second solar system—one developed and another developing, with the third latent and relatively quiescent.

Vì vậy, chúng ta có ba nhóm định luật chi phối sự biểu hiện của mục đích sống trong hệ mặt trời thứ hai này—một nhóm đã phát triển và một nhóm đang phát triển, còn nhóm thứ ba thì tiềm ẩn và tương đối tĩnh.

1. The Laws of Nature—the separative laws of the form nature.

1. Các Định luật của Tự nhiên—những định luật phân ly của bản chất hình tướng.

2. The Laws of the Soul—the blending laws of group integrity.

2. Các Định luật của Linh hồn—những định luật hòa trộn của tính toàn vẹn nhóm.

3. The Laws of Life—the dynamic laws of Being itself.

3. Các Định luật của Sự sống—những định luật năng động của chính Bản Thể.

It is with certain aspects of the Laws of the Soul that we shall now deal, for they concern the integrity and activity of the soul in form. This must be most carefully borne in mind. Disease is something which attacks the integrity or the harmony of the form nature

Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến một số phương diện của các Định luật của Linh hồn, vì chúng liên quan đến tính toàn vẹn và hoạt động của linh hồn trong hình tướng. Điều này phải được ghi nhớ hết sức cẩn thận. Bệnh tật là điều tấn công vào tính toàn vẹn

which the inner spiritual man must order to make his contacts in the three worlds which constitute his environment when in incarnation. The ten laws which we shall consider might, therefore, be regarded as ten subsidiary laws of the fundamental Law of Essential Integrity. They constitute nine elaborations or aspects of that one law, and this you must have most carefully in mind. It is with these laws that the true healer must ever work.

hay sự hài hòa của bản chất hình tướng mà con người tinh thần bên trong phải điều hành để thực hiện các tiếp xúc của mình trong ba cõi giới, vốn cấu thành môi trường của y khi đang lâm phàm. Vì vậy, mười định luật mà chúng ta sẽ xem xét có thể được coi là mười định luật phụ thuộc của *Định luật Toàn vẹn Cốt yếu* căn bản. Chúng cấu thành chín sự khai triển hay phương diện của một định luật ấy, và các bạn phải ghi nhớ điều này hết sức cẩn thận. Chính với các định luật này mà người chữa lành chân chính phải luôn luôn làm việc.

[524]

[524]

The six rules deal only with the application of this realised integrity to the conditions and situation with which the healer is confronted. Integrity involves focus, tension and expression (simultaneously realised, consciously generated and dynamically used).

Sáu quy luật chỉ bàn đến việc áp dụng tính toàn vẹn đã được chứng nghiệm này vào các điều kiện và tình huống mà người chữa lành phải đối diện. Tính toàn vẹn bao hàm sự tập trung, nhất tâm và biểu hiện (được chứng nghiệm đồng thời, được tạo ra một cách có ý thức và được sử dụng một cách năng động).

Qualities Required of the Healer

Những phẩm tính cần có của người chữa lành

In the laws and rules which I have given, certain necessary characteristics of the healer are mentioned and certain needed requirements are indicated. These we should register first of all as they not only present qualities and attitudes which are essential to the successful practice of the healing art, but they indicate also why—up till the present time—there has been practically no successful or systematised healing of any patient under any of the current healing schools. There has been what I might call "accidental healing," due to the fact that the patient would have been healed anyway, for his hour to pass over had not yet arrived. Deliberate conscious healing, with full understanding, has only occurred when the

Trong các định luật và quy luật mà tôi đã đưa ra, một số đặc tính cần thiết của người chữa lành được nêu lên và một số đòi hỏi cần có được chỉ rõ. Trước hết chúng ta nên ghi nhận những điều này vì chúng không những trình bày các phẩm tính và thái độ thiết yếu cho việc thực hành thành công nghệ thuật chữa lành, mà còn chỉ ra vì sao—cho đến thời điểm hiện nay—hầu như chưa có sự chữa lành thành công hay có hệ thống nào đối với bất kỳ bệnh nhân nào dưới bất kỳ trường phái chữa lành hiện hành nào. Đã có điều mà tôi có thể gọi là "sự chữa lành ngẫu nhiên", do sự kiện là bệnh nhân dù sao cũng sẽ được chữa lành, vì giờ ra đi của y vẫn chưa đến. Sự chữa lành có chủ ý và có ý thức, với sự thấu hiểu đầy đủ, chỉ xảy ra khi người

healer was an initiate of high degree, patterning himself upon the life and the nature of the Christ.

chữa lành là một điểm đạo đồ cấp cao, tự khuôn mình theo đời sống và bản chất của Đức Christ.

Let us now look at the indicated qualities and attitudes. I will briefly enumerate and comment.

Giờ đây chúng ta hãy xem xét các phẩm tính và thái độ đã được chỉ ra. Tôi sẽ liệt kê và bình luận ngắn gọn.

1. The power to contact and work as a soul. "The art of the healer consists in releasing the soul." Think for a moment what this power involves. The healer is not only in immediate and conscious touch with his own soul, but through that soul contact he can easily contact the soul of his patient.

1. *Quyền năng tiếp xúc và hoạt động như một linh hồn.* "Nghệ thuật của người chữa lành nằm ở việc giải phóng linh hồn." Hãy suy nghĩ một lát xem quyền năng này bao hàm điều gì. Người chữa lành không những tiếp xúc trực tiếp và có ý thức với linh hồn riêng của mình, mà qua tiếp xúc linh hồn ấy, y còn có thể dễ dàng tiếp xúc với linh hồn của bệnh nhân.

2. The power to command the spiritual will. The particular law involved in the healing act must be "brought into activity by the spiritual will." This necessitates the capacity to make contact with the Spiritual Triad. [525] Therefore, the antahkarana must be somewhat in process of construction.

2. *Quyền năng điều khiển ý chí tinh thần.* Định luật đặc biệt liên quan đến hành động chữa lành phải được "đưa vào hoạt động bởi ý chí tinh thần." Điều này đòi hỏi năng lực tiếp xúc với Tam Nguyên Tinh Thần. [525] Vì vậy, antahkarana phải phần nào đang trong tiến trình được xây dựng.

3. The power to establish telepathic rapport. The healer must "know the inner stage of thought and of desire" of his patient.

3. *Quyền năng thiết lập sự liên hệ viễn cảm.* Người chữa lành phải "biết giai đoạn bên trong của tư tưởng và ham muốn" của bệnh nhân.

4. He must have exact knowledge. We read that he must "know the point exact through which relief must come." This is a most important point and one entirely overlooked by the so-called healers in such movements as Christian Science, Unity and others. Healing does not come through an intense affirmation of divinity, or by simply pouring out love and the expression of a vague mysticism. It comes through mastering an exact science of contact, of impression, of

4. *Y phải có tri thức chính xác.* Chúng ta đọc thấy rằng y phải "biết chính xác điểm mà qua đó sự giải nhẹ phải đến." Đây là một điểm hết sức quan trọng và hoàn toàn bị bỏ qua bởi những người được gọi là người chữa lành trong các phong trào như Christian Science, Unity và những phong trào khác. Sự chữa lành không đến qua một sự khẳng định mãnh liệt về thiên tính, hay chỉ bằng cách tuôn đổ bác ái và biểu lộ một thứ thần bí học mơ hồ. Nó đến qua việc làm chủ một khoa học chính xác về tiếp xúc, cảm thụ, khẩn

invocation, plus an understanding of the subtle apparatus of the etheric vehicle.

cầu, cộng với sự thấu hiểu bộ máy vi tế của vận cụ dĩ thái.

5. The power to reverse, reorient and "exalt" the consciousness of the patient. The healer has to "lift the downward focussed eyes unto the soul." This refers to the eyes of the patient. This statement implies limitation, because if the patient is not at the stage in evolution where this is possible, and at the point in evolution where he can contact his own soul, the work of the healer is rendered inevitably futile. The sphere of action, therefore, of the spiritual healer is strictly limited to those who have faith. Faith, however, is the "evidence of things not seen"; that evidence is largely lacking in the majority. Faith is not wishful thinking or an engineered hope. It is evidence of a well-grounded conviction.

5. *Quyền năng đảo ngược, tái định hướng và "nâng cao"* tâm thức của bệnh nhân. Người chữa lành phải "nâng đôi mắt đang tập trung xuống thấp lên linh hồn." Điều này ám chỉ đôi mắt của bệnh nhân. Phát biểu này hàm ý một giới hạn, vì nếu bệnh nhân chưa ở giai đoạn tiến hoá mà điều này là khả hữu, và chưa ở điểm tiến hoá mà y có thể tiếp xúc với linh hồn riêng của mình, thì công việc của người chữa lành tất yếu trở nên vô hiệu. Vì vậy, phạm vi hoạt động của người chữa lành tinh thần bị giới hạn nghiêm ngặt vào những người có đức tin. Tuy nhiên, đức tin là "bằng chứng của những điều không thấy"; bằng chứng ấy phần lớn còn thiếu nơi đa số. Đức tin không phải là sự mong ước viển vông hay một niềm hy vọng được tạo dựng. Nó là bằng chứng của một xác tín có nền tảng vững chắc.

6. Power to direct soul energy to the necessary area. "The spiritual or the third eye then directs the healing force." This presupposes a scientific technique on the healer's part and the right functioning of the mechanism of received and directed force within the head.

6. *Quyền năng hướng dẫn năng lượng linh hồn* đến khu vực cần thiết. "Khi đó con mắt tinh thần hay con mắt thứ ba hướng dẫn mãnh lực chữa lành." Điều này giả định nơi người chữa lành có một kỹ thuật khoa học và sự vận hành đúng đắn của bộ máy tiếp nhận và hướng dẫn mãnh lực bên trong đầu.

[526]

[526]

7. Power to express magnetic purity and the needed radiance. "The healer must achieve magnetic purity...and attain dispelling radiance." This involves great personal discipline in the daily life, and the habit of pure living. Purity inevitably and automatically results in radiance.

7. *Quyền năng biểu lộ sự thanh khiết từ tính và bức xạ cần thiết.* "Người chữa lành phải đạt được sự thanh khiết từ tính... và đạt tới bức xạ làm tiêu tan." Điều này bao hàm kỷ luật cá nhân lớn lao trong đời sống hằng ngày, và *thói quen* sống thanh khiết. Sự thanh khiết tất yếu và tự động dẫn đến bức xạ.

8. Power to control the activity of the mechanism of the head. The healer must have "linked the centres in the head." The

8. *Quyền năng kiểm soát hoạt động của bộ máy đầu.* Người chữa lành phải "đã nối kết các trung tâm trong đầu." Người chữa lành chân

true healer has established a magnetic area within his head which presents itself or expresses itself through a definitely recognisable radiation.

chính đã thiết lập một khu vực từ tính trong đầu mình, khu vực này tự trình hiện hay biểu lộ qua một bức xạ có thể nhận biết rõ ràng.

9. Power over his own centres. The healer has to "concentrate the needed energy within the needed centre." The centre in the patient's form which is nearest to the seat of the physical trouble has to be made receptive to the energy discharged into it by the corresponding centre in the healer's body. It will be obvious to you, therefore, how much knowledge and energy-control is required by the true healer.

9. *Quyền năng đối với các trung tâm riêng của mình.* Người chữa lành phải "tập trung năng lượng cần thiết trong trung tâm cần thiết." Trung tâm trong hình tướng của bệnh nhân gần nhất với nơi phát sinh rối loạn hồng trần phải được làm cho tiếp nhận năng lượng được phóng vào đó bởi trung tâm tương ứng trong thân thể của người chữa lành. Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ người chữa lành chân chính cần đến biết bao tri thức và sự kiểm soát năng lượng.

10. Power to utilise both the exoteric and esoteric methods of healing. The healer will employ "methods of occult healing though the ordinary medical and surgical methods will not be withheld." I have constantly emphasised the God-given nature of experimental medicine—which is a phrase qualifying medicine today, and qualifying still more metaphysical healing. There is no need to call in a spiritual healer for broken bones or for those difficulties which orthodox medicine has already mastered. However, the patient's general morale and condition can be justifiably helped whilst wise surgery and ameliorating medical knowledge are applied. This the usual so-called metaphysical healer is apt to ignore. Healers will be divided eventually into two groups: [527]

10. *Quyền năng sử dụng cả các phương pháp chữa lành ngoại môn lẫn nội môn.* Người chữa lành sẽ sử dụng "các phương pháp chữa lành huyền bí dù các phương pháp y khoa và phẫu thuật thông thường sẽ không bị gạt bỏ." Tôi đã liên tục nhấn mạnh bản chất do Thượng đế ban cho của y học thực nghiệm—một cụm từ dùng để xác định y học ngày nay, và còn xác định sự chữa lành siêu hình học nhiều hơn nữa. Không cần phải gọi một người chữa lành tinh thần đến cho các xương gãy hay cho những khó khăn mà y học chính thống đã làm chủ rồi. Tuy nhiên, tinh thần chung và tình trạng của bệnh nhân có thể được trợ giúp một cách chính đáng trong khi phẫu thuật khôn ngoan và tri thức y học làm giảm nhẹ được áp dụng. Đây là điều mà người chữa lành được gọi là siêu hình học thông thường có khuynh hướng bỏ qua. Cuối cùng những người chữa lành sẽ được chia thành hai nhóm: [527]

a. Those comprising definitely trained spiritual healers.

a. Những người cấu thành các người chữa lành tinh thần được huấn luyện rõ rệt.

b. Healers with less developed power but with enough radiation and magnetism to

b. Những người chữa lành có quyền năng kém phát triển hơn nhưng có đủ bức xạ và từ

aid in the ordinary healing process. These will usually work under the guidance of the spiritual healer.

điện để hỗ trợ trong tiến trình chữa lành thông thường. Những người này thường sẽ làm việc dưới sự hướng dẫn của người chữa lành tinh thần.

11. Power to work magnetically. "Thus he can pour the vital healing force upon the patient." This the healer does through a scientific coordination of his equipment, using the hands as a directing agent. In this way the disease can be healed, ameliorated or worsened, even to the point of death. The responsibility of the healer is therefore great.

11. *Quyền năng làm việc một cách từ tính.* "Nhờ vậy y có thể tuôn mãnh lực chữa lành sinh lực lên bệnh nhân." Người chữa lành làm điều này qua một sự phối hợp khoa học của trang bị của mình, dùng đôi tay như một tác nhân hướng dẫn. Theo cách này bệnh có thể được chữa lành, làm giảm nhẹ hoặc làm nặng thêm, thậm chí đến mức tử vong. Vì vậy trách nhiệm của người chữa lành là rất lớn.

12. Power to work with radiation. "Thus can his presence feed the soul life of the patient." This again is brought about through a system of coordination, but the agent of radiation is then the aura and not the hands.

12. *Quyền năng làm việc với bức xạ.* "Nhờ vậy sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng đời sống linh hồn của bệnh nhân." Điều này lại được thực hiện qua một hệ thống phối hợp, nhưng tác nhân bức xạ khi đó là hào quang chứ không phải đôi tay.

13. Power to practice at all times complete harmlessness. "The method used by the Perfect One...is harmlessness." This, we are told, involves a positive expression of poise, an inclusive point of view, and divine understanding. How many healers combine these three qualities and also work through love?

13. *Quyền năng thực hành tính vô tổn hại hoàn toàn vào mọi lúc.* "Phương pháp được Đấng Toàn Thiện sử dụng... là tính vô tổn hại." Chúng ta được bảo rằng điều này bao hàm một biểu hiện tích cực của sự quân bình, một quan điểm bao gồm, và sự thấu hiểu thiêng liêng. Có bao nhiêu người chữa lành kết hợp được ba phẩm tính này và còn làm việc qua bác ái?

14. Power to control the will and work through love. "The healer...must keep the will in leash." This is one of the most difficult qualities to be developed, for the will of the healer is frequently so potent in its determination to bring about a healing that it renders the effort to apply that healing process entirely futile. From the reverse angle, frequently the sentimental and mystical desire to love the patient negates all efforts to hold the will in leash.

14. *Quyền năng kiểm soát ý chí và làm việc qua bác ái.* "Người chữa lành... phải giữ ý chí trong vòng kiềm chế." Đây là một trong những phẩm tính khó phát triển nhất, vì ý chí của người chữa lành thường rất mạnh trong quyết tâm tạo ra sự chữa lành đến mức nó làm cho nỗ lực áp dụng tiến trình chữa lành ấy hoàn toàn vô hiệu. Từ góc độ ngược lại, thường thì ham muốn đầy tình cảm và thần bí muốn yêu thương bệnh nhân lại vô hiệu hóa mọi nỗ lực giữ ý chí trong vòng

Remember, brother of mine, the spiritual will must be present as a quiet [528] deep pool of power behind all expression of the energy of love.

Hãy nhớ, huynh đệ của tôi, ý chí tinh thần phải hiện diện như một [528] hồ sâu quyền năng tĩnh lặng phía sau mọi biểu hiện của năng lượng bác ái.

15. Power eventually to wield the Law of Life. Of this little can be said, for it can only be wielded by those who have developed or who are rapidly developing the consciousness of the Spiritual Triad—a very rare thing as yet.

15. *Quyền năng cuối cùng sử dụng Định luật của Sự sống.* Về điều này ít có thể nói ra, vì nó chỉ có thể được sử dụng bởi những ai đã phát triển hoặc đang nhanh chóng phát triển tâm thức của Tam Nguyên Tinh Thần—một điều cho đến nay vẫn còn rất hiếm.

In the study of these requirements there is no need for discouragement. Such a study will serve to set a needed goal for all healers in the New Age. It will also explain why the various healing systems which are practiced today throughout the world (particularly in the Anglo-American countries) have hitherto notably failed, in spite of their claims. None of them—if they kept properly certified records which would be scientifically accurate (and practically none of them do)—would register more than the tiniest percentage of cures based upon pure spiritual healing. The percentage cured is less than one in a million "cures." These cures would have recovered in any case in due time, if left to nature or to ordinary medical and surgical science.

Trong việc nghiên cứu các đòi hỏi này, không cần phải nản lòng. Việc nghiên cứu như thế sẽ giúp đặt ra một mục tiêu cần thiết cho mọi nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới. Nó cũng sẽ giải thích vì sao các hệ thống trị liệu khác nhau hiện đang được thực hành trên khắp thế giới (đặc biệt tại các quốc gia Anh-Mỹ) cho đến nay đã thất bại một cách rõ rệt, bất chấp những tuyên bố của họ. Không một hệ thống nào trong số đó—nếu họ lưu giữ hồ sơ được chứng thực đúng cách và chính xác về mặt khoa học (mà trên thực tế hầu như không hệ thống nào làm vậy)—có thể ghi nhận hơn một tỉ lệ cực nhỏ những ca chữa lành dựa trên trị liệu tinh thần thuần túy. Tỉ lệ được chữa lành là chưa đến một trên một triệu "ca chữa lành." Những trường hợp này trong bất cứ trường hợp nào rồi cũng sẽ hồi phục đúng thời gian, nếu được để cho tự nhiên hoặc cho y học và phẫu thuật thông thường xử lý.

But today, so great is the spiritual stimulation in the world, and so vast are the numbers responding to it, that the moving forward of a large group out of the ranks of average humanity on to the Path of Discipleship is inevitable. This moving forward will provide—during the next five hundred years—many healers who will fulfill to some degree the requirements which I have listed above.

Nhưng ngày nay, sự kích thích tinh thần trong thế giới lớn lao đến mức, và số người đáp ứng với nó đông đảo đến mức, nên việc một nhóm lớn tiến lên từ hàng ngũ nhân loại trung bình để bước vào Con Đường Đệ Tử là điều không thể tránh khỏi. Sự tiến lên này sẽ cung cấp—trong năm trăm năm tới—nhiều nhà trị liệu, những người sẽ đáp ứng ở một mức độ nào đó các đòi hỏi mà tôi đã liệt kê ở trên.

The philosophies endorsed by the various systems such as Unity and Christian Science are basically sound and state the fundamental platitudes (the essential truths, nevertheless) which underlie all that I have said above. People, however, are not healed by the enunciation of platitudes, by [529] the affirmation of divinity or by the statement of abstract theories. They will be healed when the right time comes because of the ability of the healer in the New Age to express in himself and in his daily life the quality of divinity, to be spiritually capable of invoking the soul of his patient, and also to be magnetically pure, and through the power of a particular type of radiated energy to stimulate the patient to heal himself—through the medium of his own inner mechanism. The healer in the New Age will possess the ability to make the following contacts with both ease and understanding:

Các triết lý được các hệ thống khác nhau như Unity và Christian Science tán thành về căn bản là đúng đắn và nêu ra những chân lý hiển nhiên nền tảng (dẫu vậy vẫn là những chân lý cốt yếu) làm cơ sở cho tất cả những gì tôi đã nói ở trên. Tuy nhiên, con người không được chữa lành bằng việc tuyên bố những chân lý hiển nhiên, bằng [529] sự khẳng định thiên tính hay bằng việc phát biểu các lý thuyết trừu tượng. Họ sẽ được chữa lành khi thời điểm thích hợp đến, nhờ khả năng của nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới biểu lộ nơi chính mình và trong đời sống hằng ngày của mình *phẩm tính của thiên tính,* có đủ năng lực tinh thần để khẩn cầu linh hồn của bệnh nhân, đồng thời có sự thanh khiết từ tính, và nhờ quyền năng của một loại năng lượng bức xạ đặc thù mà kích thích bệnh nhân tự chữa lành chính mình—thông qua bộ máy bên trong của chính y. Nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới sẽ có khả năng thực hiện những tiếp xúc sau đây một cách dễ dàng và với sự thấu hiểu:

1. With his own soul.

1. Với linh hồn của chính mình.

2. With the soul of the patient.

2. Với linh hồn của bệnh nhân.

3. With the particular type of energy which is to be found either in the soul or the personality ray of the patient.

3. Với loại năng lượng đặc thù có thể được tìm thấy hoặc trong cung linh hồn hoặc trong cung phàm ngã của bệnh nhân.

4. With any one of his own centres which is needed by him in order to act as a transmitting agency for energy to be sent into an area governed by some centre in the body of the patient.

4. Với bất kỳ trung tâm nào của chính mình mà y cần dùng để hoạt động như một tác nhân truyền dẫn năng lượng được gửi vào một khu vực do một trung tâm nào đó trong thân thể của bệnh nhân chi phối.

5. With the centre in the patient's etheric body which controls the area where the disease is located.

5. Với trung tâm trong thể dĩ thái của bệnh nhân kiểm soát khu vực nơi bệnh tật tọa lạc.

This, as you can appreciate, connotes much technical knowledge. Added to this, the healer must also possess that spiritual perception which will enable him to intuit the "karma of the moment," as it is esoterically called, and therefore to know if a cure is permissible, practicable, or impossible. This is a form of knowledge which no healer in the world at this time possesses, no matter what his claim may be. Again I say, this is no cause for discouragement.

Điều này, như bạn có thể nhận thấy, hàm ý rất nhiều tri thức kỹ thuật. Thêm vào đó, nhà trị liệu còn phải sở hữu tri giác tinh thần giúp y trực nhận được "nghiệp quả của khoảnh khắc," như cách gọi trong huyền bí học, và do đó biết được liệu việc chữa lành có được phép, có khả thi hay là bất khả. Đây là một dạng tri thức mà hiện nay không một nhà trị liệu nào trên thế giới sở hữu, bất kể tuyên bố của họ là gì. Tôi lại nói rằng, đây không phải là lý do để nản lòng.

What is truly needed, and what will be brought about as the decades elapse, will be that disciples and men and women of spiritual orientation will enter the medical profession [530] and perfect themselves in the techniques of orthodox medicine and in an exoteric knowledge of physical anatomy and of pathological symptoms, plus the orthodox remedies and modes of handling disease. To this technical knowledge and understanding they will add a measure of esoteric learning, and they will then begin to combine, whilst practising their profession, both the exoteric and the esoteric wisdom which is theirs. This will at first be purely experimental, but out of the experience gained in utilising both fields of knowledge a new medical science will emerge, based upon two paramount recognised factors:

Điều thực sự cần thiết, và điều sẽ được mang lại khi các thập niên trôi qua, là các đệ tử và những người nam và nữ có định hướng tinh thần sẽ bước vào ngành y [530] và hoàn thiện mình trong các kỹ thuật của y học chính thống cũng như trong tri thức ngoại môn về giải phẫu học hồng trần và các triệu chứng bệnh lý, cùng với các phương thuốc và phương thức xử lý bệnh tật chính thống. Vào tri thức và sự thấu hiểu kỹ thuật này, họ sẽ thêm vào một mức độ học hỏi huyền bí, và rồi khi hành nghề, họ sẽ bắt đầu kết hợp cả minh triết ngoại môn lẫn nội môn vốn là của họ. Ban đầu điều này sẽ hoàn toàn có tính thực nghiệm, nhưng từ kinh nghiệm thu được trong việc sử dụng cả hai lĩnh vực tri thức, một khoa học y học mới sẽ xuất hiện, dựa trên hai yếu tố tối quan trọng đã được công nhận:

1. A cumulative mass of knowledge and information anent the dense physical vehicle. This has been accumulated by men of science down the ages and is largely proven and true.

1. Một khối lượng tri thức và thông tin tích lũy liên quan đến vận cụ hồng trần đậm đặc. Điều này đã được các nhà khoa học tích lũy qua nhiều thời đại và phần lớn đã được chứng minh là đúng và chân thực.

2. A constantly growing understanding of the nature of the etheric body, of the centres, and of the transmission and circulation of certain controlled energies.

2. Một sự thấu hiểu ngày càng tăng về bản chất của thể dĩ thái, của các trung tâm, và về sự truyền dẫn cùng lưu thông của một số năng lượng được kiểm soát.

This combination of two aspects of truth will be greatly facilitated by the increasing sensitivity and almost clairvoyant perception of developing humanity. One of the outstanding results of the recent world war will be found to be a tremendously increased capacity for nervous reaction. This nervous receptivity is at present abnormal and the results are sad. The reason for this is that the nervous apparatus of the average human being (and by that I mean his nervous system, plus the nadis which underlie it) is not yet adequate to the demands upon it. Time, however, will adjust all this.

Sự kết hợp của hai phương diện chân lý này sẽ được tạo điều kiện rất nhiều nhờ tính nhạy cảm ngày càng tăng và tri giác gần như thông nhãn của nhân loại đang phát triển. Một trong những kết quả nổi bật của cuộc thế chiến gần đây sẽ được thấy là năng lực phản ứng thần kinh tăng lên vô cùng mạnh mẽ. Hiện nay tính tiếp nhận thần kinh này là bất thường và các kết quả thì đáng buồn. Lý do là vì bộ máy thần kinh của con người trung bình (và bởi đó tôi muốn nói đến hệ thần kinh của y, cộng với các nadis làm nền cho nó) vẫn chưa đủ đáp ứng những đòi hỏi đặt lên nó. Tuy nhiên, thời gian sẽ điều chỉnh tất cả điều này.

Both metaphysical healers and orthodox medical men at this time are apt to repudiate each other with much violence. Taking it as a whole, the orthodox physician is less rabid and exclusive than the modern metaphysician. They [531] know too well the limitations of their present medical attainments. But the so-called spiritual healer recognises at present no limitations, and this definitely constitutes a weakness. Both groups, in time, must become collaborators with each other and not opponents. Both have much to learn from each other, and both must recognise that the particular fields of knowledge for which they stand are equally a divine expression and indicate the ability of the human mind to search, to record, to discover and to formulate truth, so that others may benefit thereby.

Hiện nay cả các nhà trị liệu siêu hình lẫn các bác sĩ y học chính thống đều có khuynh hướng bác bỏ nhau một cách rất quyết liệt. Xét tổng thể, vị bác sĩ chính thống ít cuồng tín và độc tôn hơn nhà siêu hình học hiện đại. Họ [531] biết quá rõ những giới hạn của thành tựu y học hiện nay của mình. Nhưng cái gọi là nhà trị liệu tinh thần hiện nay lại không thừa nhận bất kỳ giới hạn nào, và điều này rõ ràng cấu thành một nhược điểm. Theo thời gian, cả hai nhóm phải trở thành những cộng tác viên của nhau chứ không phải đối thủ của nhau. Cả hai đều có nhiều điều để học hỏi từ nhau, và cả hai phải thừa nhận rằng những lĩnh vực tri thức đặc thù mà họ đại diện đều là một biểu hiện thiêng liêng như nhau và cho thấy khả năng của trí tuệ con người trong việc tìm kiếm, ghi nhận, khám phá và hình thành chân lý để những người khác có thể nhờ đó mà được lợi ích.

I would recall to your attention the fact that both groups have much to do—the one in penetrating into the realm of the subtle and the intangible (and this is rapidly being done), and the other in descending from its vague abstractions and impractical generalisations in order to learn to recognise

Tôi muốn nhắc bạn lưu ý đến sự kiện rằng cả hai nhóm đều còn nhiều việc phải làm—một bên là thâm nhập vào lĩnh vực của cái vi tế và không thể nắm bắt bằng giác quan (và điều này đang được thực hiện nhanh chóng), còn bên kia là đi xuống khỏi những trừu tượng mơ hồ và những khái quát hóa thiếu

the facts anent the objective and the tangible; this is not as yet being done; metaphysical healing, so-called, is lost amidst a mist of words and high-sounding affirmations.

thực tiễn của mình để học cách nhận ra các *sự kiện* liên quan đến cái khách quan và hữu hình; điều này cho đến nay vẫn chưa được thực hiện; cái gọi là trị liệu siêu hình đang lạc lối giữa một màn sương của ngôn từ và những lời khẳng định khoa trương.

The sincerity of the majority of those who belong to these schools of thought is unquestioned; their motives are almost uniformly sincere and good. In both groups charlatans are to be found and also a small—a very small—minority of self-seeking and ignorant exploiters of men. Among them are numbered both physicians and metaphysicians who are commercially oriented; they are, however, a minority. In the sincere investigator and lover of humanity in both groups will be found the future hope of medical science as it seeks to meet the need of humanity—a humanity which is becoming increasingly sensitive and subjectively oriented.

Sự chân thành của đa số những người thuộc các trường phái tư tưởng này là điều không thể nghi ngờ; động cơ của họ hầu như luôn chân thành và tốt đẹp. Trong cả hai nhóm đều có thể tìm thấy những kẻ bịp bợm và cả một thiểu số nhỏ—rất nhỏ—những kẻ vụ lợi và ngu dốt bóc lột con người. Trong số đó có cả các bác sĩ lẫn các nhà siêu hình học có định hướng thương mại; tuy nhiên, họ chỉ là thiểu số. Chính nơi những nhà khảo cứu chân thành và những người yêu thương nhân loại trong cả hai nhóm mà niềm hy vọng tương lai của khoa học y học sẽ được tìm thấy, khi nó tìm cách đáp ứng nhu cầu của nhân loại—một nhân loại đang ngày càng trở nên nhạy cảm hơn và có định hướng chủ quan hơn.

CHAPTER VIII - The Laws and Rules Enumerated and Applied — CHƯƠNG VIII - Các Định luật và Quy luật được Liệt kê và Áp dụng

[532]

Note: Certain of the Rules are related to certain of the Laws and will be considered by me in their rightful relationship. I have asked A.A.B. to give here a list of the ten laws and—where a rule is related to a particular law—to give it with that law. The rules are renumbered and do not follow in the order earlier given.

LAW I

All disease is the result of inhibited soul life. This is true of all forms in all Kingdoms. The art of the healer consists in releasing the soul so that its life can flow through the aggregate of organisms which constitute any particular form.

LAW II

Disease is the product of and subject to three influences: first, a man's past, wherein he pays the price of ancient error; second, his inheritance, wherein he shares with all mankind those tainted streams of energy which are of group origin; third, he shares with all the natural forms that which the Lord of Life imposes on His body. These three influences are called the "Ancient Law of Evil Sharing." This must give place some day to that new "Law of Ancient Dominating Good" which lies behind all that God has made. This law must be brought into activity by the spiritual will of man. [533]

[532]

Lưu ý: Một số Quy luật có liên hệ với một số Định luật và sẽ được tôi xem xét trong mối tương quan thích đáng của chúng. Tôi đã yêu cầu A.A.B. đưa vào đây một danh sách mười định luật và—ở đâu một quy luật có liên hệ với một định luật cụ thể—thì đưa nó cùng với định luật ấy. Các quy luật được đánh số lại và không theo thứ tự đã nêu trước đó.

ĐỊNH LUẬT I

Mọi bệnh tật đều là kết quả của sự sống linh hồn bị ngăn trở. Điều này đúng với mọi hình tướng trong mọi Giới. Nghệ thuật của nhà trị liệu là giải phóng linh hồn để sự sống của linh hồn có thể tuôn chảy qua tập hợp các cơ cấu sống cấu thành bất kỳ hình tướng cụ thể nào.

ĐỊNH LUẬT II

Bệnh tật là sản phẩm của ba ảnh hưởng và chịu sự chi phối của chúng: thứ nhất, quá khứ của một người, trong đó y trả giá cho những lỗi lầm xưa cũ; thứ hai, di sản y thừa hưởng, trong đó y cùng toàn thể nhân loại chia sẻ những dòng năng lượng nhiễm độc có nguồn gốc nhóm; thứ ba, y cùng mọi hình tướng trong thiên nhiên chia sẻ điều mà Chúa Tể của Sự Sống áp đặt lên thân thể của Ngài. Ba ảnh hưởng này được gọi là "Định luật Cổ Xưa về Sự Chia Sẻ Điều Ác". Một ngày kia, định luật này phải nhường chỗ cho "Định luật về Điều Thiện Cổ Xưa Chi Phối" mới, vốn nằm sau mọi điều Thượng Đế đã

tạo ra. Ý chí tinh thần của con người phải đưa định luật này vào hoạt động. [533]

RULE ONE

Let the healer train himself to know the inner stage of thought or of desire of the one who seeks his help. He can thereby know the source from whence the trouble comes. Let him relate the cause and the effect and know the point exact through which relief must come.

QUY LUẬT MỘT

Hãy để nhà trị liệu tự rèn luyện để biết trạng thái nội tâm về tư tưởng hay dục vọng của người tìm đến nhờ y giúp đỡ. Nhờ đó, y có thể biết nguồn gốc của tình trạng bệnh. Hãy để y liên hệ nguyên nhân với kết quả và biết chính xác điểm mà qua đó sự giảm nhẹ phải đến.

LAW III

Disease is an effect of the basic centralisation of a man's life energy. From the plane whereon those energies are focussed proceed those determining conditions which produce ill health. These therefore work out as disease or as freedom from disease.

ĐỊNH LUẬT III

Bệnh tật là hệ quả của sự tập trung căn bản năng lượng sự sống của một người. Từ cõi nơi những năng lượng ấy tập trung phát sinh các điều kiện quyết định tạo nên tình trạng sức khỏe kém. Vì vậy, những điều kiện này biểu hiện thành bệnh tật hoặc thành sự thoát khỏi bệnh tật.

LAW IV

Disease, both physical and psychological, has its roots in the good, the beautiful, and the true. It is but a distorted reflection of divine possibilities. The thwarted soul, seeking full expression of some divine characteristic or inner spiritual reality, produces, within the substance of its sheaths, a point of friction. Upon this Point the eyes of the personality are focussed and this leads to disease. The art of the healer is concerned with the lifting of the downward focussed eyes unto the soul, the true Healer within the form. The spiritual or third eye then directs the healing force and all is well.

ĐỊNH LUẬT IV

Bệnh tật, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều bắt nguồn từ điều thiện, điều đẹp và điều chân thật. Bệnh tật chỉ là sự phản chiếu méo mó của những khả năng thiêng liêng. Linh hồn bị ngăn trở, khi tìm cách biểu lộ trọn vẹn một đặc tính thiêng liêng hay một thực tại tinh thần nội tại nào đó, tạo ra một điểm ma sát trong chất liệu của những lớp vỏ bao bọc mình. Đôi mắt của phàm ngã tập trung vào Điểm này, và điều ấy dẫn đến bệnh tật. Nghệ thuật của nhà trị liệu liên quan đến việc nâng đôi mắt đang tập trung hướng xuống ấy lên linh hồn, Đấng Chữa Lành chân chính bên trong hình tướng. Khi ấy, con mắt tinh thần, hay con mắt thứ ba, điều khiển mãnh lực chữa lành và mọi sự đều ổn thỏa.

RULE TWO

The healer must achieve magnetic purity, through purity of life. He must attain that dispelling radiance which shows itself in every man when he has linked the centres in the head. When this magnetic field is established, the radiation then goes forth.

QUY LUẬT HAI

Nhà trị liệu phải đạt được sự thanh khiết từ tính thông qua sự thanh khiết của đời sống. Y phải đạt được sự chói rạng có sức xua tan, vốn biểu lộ nơi mỗi người khi y đã nối kết các luân xa trong đầu. Khi trường từ tính này được thiết lập, bức xạ sẽ phát ra.

LAW V

There is naught but energy, for God is Life. Two energies meet in man, but other five are present. For each is to be found a central Point of contact. The conflict of these energies with forces and of forces twixt themselves [534] produce the bodily ills of man. The conflict of the first and second persists for ages until the mountain top is reached—the first great mountain top. The fight between the forces produces all disease, all ills and bodily pain which seeks release in death. The two, the five and thus the seven, plus that which they produce, possess the secret. This is the fifth Law of Healing within the world of form.

ĐỊNH LUẬT V

Không có gì ngoài năng lượng, vì Thượng Đế là Sự Sống. Hai năng lượng gặp nhau trong con người, nhưng năm năng lượng khác cũng hiện diện. Với mỗi năng lượng, có thể tìm thấy một Điểm tiếp xúc ở trung tâm. Sự xung đột giữa những năng lượng này với các mãnh lực, và giữa các mãnh lực với nhau, [534] tạo ra những bệnh tật trong thân thể con người. Sự xung đột giữa cái thứ nhất và cái thứ hai kéo dài qua nhiều thời đại cho đến khi đạt tới đỉnh núi—đỉnh núi lớn đầu tiên. Cuộc đấu tranh giữa các mãnh lực tạo ra mọi bệnh tật, mọi đau yếu và đau đớn trong thân thể vốn tìm sự giải thoát trong cái chết. Hai, năm, và như vậy là bảy, cùng với điều chúng tạo ra, nắm giữ bí mật. Đây là Định luật Chữa Lành thứ năm trong thế giới hình tướng.

RULE THREE

Let the healer concentrate the needed energy within the needed centre. Let that centre correspond to the centre which has need. Let the two synchronise and together augment force. Thus shall the waiting form be balanced in its work. Thus shall the two and the one, under right direction, heal.

QUY LUẬT BA

Hãy để nhà trị liệu tập trung năng lượng cần thiết vào luân xa thích hợp. Hãy để luân xa ấy tương ứng với luân xa đang cần năng lượng. Hãy để hai luân xa đồng bộ và cùng nhau tăng cường mãnh lực. Nhờ đó, hình tướng đang chờ đợi sẽ được quân bình trong hoạt động của nó. Nhờ đó, hai và một, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, sẽ chữa lành.

LAW VI

ĐỊNH LUẬT VI

When the building energies of the soul are active in the body, then there is health, clean interplay and right activity. When the builders are the lunar lords and those who work under the control of the moon and at the behest of the lower personal self, then you have disease, ill health and death.

Khi những năng lượng kiến tạo của linh hồn hoạt động trong thân thể, sẽ có sức khỏe, sự tương tác trong sạch và hoạt động đúng đắn. Khi các đấng kiến tạo là các nguyệt tinh quân và những vị hoạt động dưới sự kiểm soát của mặt trăng, theo mệnh lệnh của phàm ngã thấp, thì có bệnh tật, sức khỏe kém và cái chết.

LAW VII

ĐỊNH LUẬT VII

When life or energy flows unimpeded and through right direction to its precipitation (the related gland), then the form responds and ill health disappears.

Khi sự sống hay năng lượng tuôn chảy không bị cản trở, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, đến nơi nó ngưng tụ (tuyến liên quan), hình tướng sẽ đáp ứng và tình trạng sức khỏe kém sẽ biến mất.

RULE FOUR

QUY LUẬT BỐN

A careful diagnosis of disease, based on the ascertained outer symptoms, will be simplified to this extent—that once the organ involved is known and thus isolated, the centre in the etheric body which is in closest relation to it will be subjected to methods of occult healing, though the ordinary, ameliorative, medical or surgical methods will not be withheld.

Việc chẩn đoán bệnh một cách cẩn trọng, dựa trên những triệu chứng bên ngoài đã được xác định, sẽ được đơn giản hóa như sau: một khi đã nhận diện và xác định riêng cơ quan liên quan, các phương pháp trị liệu huyền môn sẽ được áp dụng cho luân xa trong thể dĩ thái có liên hệ mật thiết nhất với cơ quan ấy; tuy nhiên, vẫn tiếp tục sử dụng những phương pháp thông thường để giảm nhẹ bệnh trạng, những phương pháp y khoa hoặc phẫu thuật.

LAW VIII

ĐỊNH LUẬT VIII

Disease and death are the results of two active forces. One is the will of the soul, which says to its instrument: [535] I draw the essence back. The other is the magnetic power of the planetary life, which says to the life within the atomic structure: The hour of reabsorption has arrived. Return to me. Thus, under cyclic law, do all forms act.

Bệnh tật và cái chết là kết quả của hai mãnh lực đang hoạt động. Một là ý chí của linh hồn, nói với công cụ của mình: [535] Ta thu hồi tinh chất. Mãnh lực kia là quyền năng từ tính của sự sống hành tinh, nói với sự sống bên trong cấu trúc nguyên tử: Giờ tái hấp thu đã đến. Hãy trở về với ta. Như vậy, mọi hình tướng đều hoạt động theo định luật chu kỳ.

RULE FIVE

The healer must seek to link his soul, his heart, his brain and his hands. Thus can he pour the vital healing force upon the patient. This is magnetic work. It cures disease or increases the evil state, according to the knowledge of the healer.

The healer must seek to link his soul, his brain, his heart and auric emanation. Thus can his presence feed the soul life of the patient. This is the work of radiation. The hands are needed not. The soul displays its power. The patient's soul responds through the response of his aura to the radiation of the healer's aura, flooded with soul energy.

LAW IX

Perfection calls imperfection to the surface. Good drives evil from the form of man in time and space. The method used by the Perfect One and that employed by Good is harmlessness. This is not negativity but perfect poise, a completed point of view and divine understanding.

RULE SIX

The healer or the healing group must keep the will in leash. It is not will that must be used, but love.

LAW X

Hearken, O Disciple, to the call which comes from the Son to the Mother, and then obey.

QUY LUẬT NĂM

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, trái tim, bộ não và đôi tay của mình. Nhờ đó, y có thể tuôn đổ mãnh lực chữa lành mang sinh lực lên bệnh nhân. *Đây là công việc từ tính*. Công việc này chữa khỏi bệnh hoặc làm tình trạng bệnh trầm trọng hơn, tùy theo tri thức của nhà trị liệu.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, bộ não, trái tim và sự phát xạ hào quang của mình. Nhờ đó, sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng sự sống linh hồn của bệnh nhân. *Đây là công việc bức xạ*. Không cần đến đôi tay. Linh hồn biểu lộ quyền năng của nó. Linh hồn của bệnh nhân đáp ứng thông qua sự đáp ứng của hào quang bệnh nhân đối với bức xạ từ hào quang nhà trị liệu, vốn tràn ngập năng lượng linh hồn.

ĐỊNH LUẬT IX

Sự toàn hảo gọi sự bất toàn trồi lên bề mặt. Điều Thiện đẩy điều ác ra khỏi hình tướng con người trong thời gian và không gian. Phương pháp mà Đấng Toàn Hảo và Điều Thiện sử dụng là tính vô tổn hại. Đây không phải là tính thụ động, mà là sự quân bình hoàn hảo, một quan điểm toàn vẹn và sự thấu hiểu thiêng liêng.

QUY LUẬT SÁU

Nhà trị liệu hoặc nhóm trị liệu phải kiềm chế ý chí. Phải sử dụng tình thương, không phải ý chí.

ĐỊNH LUẬT X

Hãy lắng nghe, hỡi Đệ tử, tiếng gọi từ Người Con đến Người Mẹ, rồi tuân theo. Linh từ

The Word goes forth that form has served its Purpose. The principle of mind then organisms itself and then repeats that Word. The waiting form responds and drops away. The soul stands free.

phát ra rằng hình tướng đã phụng sự Mục Đích của nó. Khi ấy, nguyên khí trí tuệ tự tổ chức lại, rồi lặp lại Linh từ ấy. Hình tướng đang chờ đợi đáp ứng và rơi rụng. Linh hồn đứng tự do.

Respond, O Rising One, to the call which comes within the sphere of obligation; recognise the call emerging from the Ashram or from the Council Chamber where waits the Lord [536] of Life Himself. The Sound goes forth. Both soul and form together must renounce the principle of life and thus permit the Monad to stand free. The soul responds. The form then shatters the connection. Life is now liberated, owning the quality of conscious knowledge and the fruit of all experience. These are the gifts of soul and form combined.

Hãy đáp ứng, hỡi Đấng Đang Vươn Lên, tiếng gọi đến trong phạm vi nghĩa vụ; hãy nhận ra tiếng gọi phát ra từ Ashram hoặc từ Phòng Hội Đồng, nơi chính Chúa Tể [536] của Sự Sống đang chờ đợi. Âm Thanh phát ra. Cả linh hồn lẫn hình tướng phải cùng từ bỏ nguyên khí sự sống, nhờ đó để Chân Thần đứng tự do. Linh hồn đáp ứng. Hình tướng khi ấy phá vỡ sự nối kết. Sự sống nay được giải phóng, mang phẩm tính của tri thức hữu thức và thành quả của mọi kinh nghiệm. Đây là những tặng phẩm do linh hồn và hình tướng cùng đem lại.

Note: This last law is the enunciation of a new law which is substituted for the Law of Death, and which has reference only to those upon the later stages of the Path of Discipleship and the stages upon the Path of Initiation.

Lưu ý: Định luật cuối cùng này là sự tuyên bố một định luật mới thay thế cho Định luật Chết, và chỉ liên hệ đến những ai ở các giai đoạn sau của Con Đường Đệ Tử và các giai đoạn trên Con Đường *Điểm Đạo.*

Application of the Laws and Rules

Áp dụng các Định luật và Quy luật

In the last few pages I greatly clarified the issue of indicating—even at the risk of somewhat discouraging you—certain of the essential requirements of the healer in the New Age, and also certain of the contacts which he will have to make with facility and promptness when attempting to heal. I likewise defined for you the nature of Law. This was preliminary to a consideration of the Laws to which the healer must conform and the Rules which he will automatically and intuitively obey. We might consider these Laws and Rules in relation to the healer and also in relation to each other, for

Trong vài trang vừa qua, tôi đã làm sáng tỏ rất nhiều vấn đề khi chỉ ra—dù có nguy cơ phần nào làm bạn nản lòng—một số đòi hỏi cốt yếu của nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới, và cả một số tiếp xúc mà y sẽ phải thực hiện một cách dễ dàng và mau lẹ khi cố gắng chữa lành. Tôi cũng đã định nghĩa cho bạn bản chất của Định luật. Điều này là bước chuẩn bị cho việc xem xét các Định luật mà nhà trị liệu phải tuân theo và các Quy luật mà y sẽ tự động và trực giác vâng theo. Chúng ta có thể xem xét các Định luật và Quy luật này trong mối liên hệ với nhà trị liệu và cũng trong mối liên hệ với nhau, vì

several of the Rules are closely related to a Law which controls the healer.

From the definition of law, as given above, it will be apparent to you that in the last analysis disease, death, untruth, falsity and despair are inherent in the planet itself, because our planetary Logos (as I earlier stated when aiding H.P.B. in writing The Secret Doctrine) is an "imperfect God." After the present great world crisis, incident to our planetary Logos having moved forward upon the cosmic Path, and therefore having taken a cosmic initiation, His imperfections are demonstrably lessened: there will be less distress and disease on earth once the necessary planetary [537] adjustments have been made. This you yourselves will not see take place, for adjustments on such a large scale take centuries to effect. What I have, therefore, to say upon the future healing of disease will not be of practical value for a long time to come, but the theory and the indications of possibility must be considered and discussed. Also, for a long time, medical practice and surgical knowledge will play their useful parts in preventive medicine, alleviative practices and curative processes. To these increasingly will be added many psychological methods of healing, and these will go hand in hand with the two above; to these again the services of the spiritual healers will be added. In this way, a rounded-out approach to the whole man will be steadily developed, and the need for this is today recognised by forward thinking physicians everywhere. Thus, and also through the method of trial and error, much will be learnt.

một số Quy luật có liên hệ chặt chẽ với một Định luật chi phối nhà trị liệu.

Từ định nghĩa về định luật như đã nêu ở trên, bạn sẽ thấy rõ rằng xét đến cùng, bệnh tật, cái chết, sự không chân thật, giả dối và tuyệt vọng vốn có sẵn trong chính hành tinh này, bởi vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (như tôi đã nói trước đây khi trợ giúp H.P.B. viết *Giáo Lý Bí Nhiệm*) là một "Thượng đế bất toàn." Sau cuộc khủng hoảng thế giới lớn lao hiện nay, gắn liền với việc Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã tiến lên trên Con đường vũ trụ, và do đó đã nhận một cuộc điểm đạo vũ trụ, những bất toàn của Ngài đã được giảm bớt một cách rõ rệt: sẽ có ít đau khổ và bệnh tật hơn trên trái đất một khi những điều chỉnh hành tinh cần thiết [537] đã được thực hiện. Chính các bạn sẽ không thấy điều này xảy ra, vì những điều chỉnh ở quy mô lớn như thế phải mất nhiều thế kỷ mới hoàn thành. Vì vậy, những gì tôi phải nói về việc chữa lành bệnh tật trong tương lai sẽ không có giá trị thực tiễn trong một thời gian dài sắp tới, nhưng lý thuyết và những chỉ dẫn về khả năng phải được xem xét và thảo luận. Đồng thời, trong một thời gian dài, thực hành y khoa và tri thức phẫu thuật sẽ tiếp tục giữ vai trò hữu ích của chúng trong y học phòng ngừa, các thực hành làm dịu và các tiến trình chữa trị. Vào đó sẽ ngày càng được thêm vào nhiều phương pháp trị liệu tâm lý, và chúng sẽ song hành với hai phương pháp trên; rồi vào đó nữa sẽ được thêm vào các dịch vụ của các nhà trị liệu tinh thần. Bằng cách này, một phương pháp tiếp cận toàn diện đối với toàn bộ con người sẽ dần dần được phát triển, và nhu cầu về điều này ngày nay đã được các bác sĩ có tư duy tiến bộ ở khắp nơi công nhận. Như vậy, và cũng thông qua phương pháp thử và sai, nhiều điều sẽ được học hỏi.

The healing processes I outline and indicate through these laws and Rules are basically new. They are not based on affirmations, as in Christian Science and other mental healing cults; they are not posited on affirmed origins and on claiming results which will only be possible when the race has reached a far higher standard of perfection than is at present seen or that is immediately capable of development. As I have several times said in this treatise, there is nothing fundamentally wrong in the claims made by these groups and organisations anent the man who has arrived at soul expression and at realisation of the Christ consciousness. What is wrong is the claim that the ordinary man (obviously not at this advanced point in evolution) can perform these miracles of healing either in himself or for others. Very few people have as yet reached this point, and the healer in these cults and organisations who has done so is a rarity indeed. The healer in the New Age will recognise limitation and conditioning circumstances, plus destiny. This predisposes the [538] development within him of knowledge-giving powers. He is also spiritually aware that the healing of the physical body is not always the highest spiritual good; the overestimation and serious, anxious care of the form life, of the physical vehicle, is not of major importance.

Các tiến trình chữa lành mà tôi phác họa và chỉ ra qua các định luật và quy luật này về căn bản là mới. Chúng không dựa trên các sự khẳng định, như trong Christian Science và các giáo phái trị liệu trí tuệ khác; chúng không được đặt nền trên những nguồn gốc được khẳng định và trên việc đòi hỏi những kết quả chỉ có thể có khi nhân loại đã đạt đến một tiêu chuẩn toàn hảo cao hơn rất nhiều so với hiện nay hoặc có thể phát triển ngay tức thì. Như tôi đã nhiều lần nói trong bộ luận này, không có gì sai lầm về căn bản trong những tuyên bố do các nhóm và tổ chức này đưa ra liên quan đến con người đã đạt đến sự biểu lộ linh hồn và sự chứng nghiệm tâm thức Christ. Điều sai lầm là lời tuyên bố rằng con người bình thường (rõ ràng chưa ở điểm tiến hoá cao này) có thể thực hiện những phép lạ chữa lành ấy nơi chính mình hoặc cho người khác. Cho đến nay rất ít người đã đạt đến điểm này, và nhà trị liệu trong các giáo phái và tổ chức ấy đã làm được điều đó quả thực là hiếm hoi. Nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới sẽ thừa nhận giới hạn và các hoàn cảnh tác động, cùng với định mệnh. Điều này khiến [538] nơi y phát triển những quyền năng đem lại tri thức. Y cũng nhận biết về mặt tinh thần rằng việc chữa lành thể xác không phải lúc nào cũng là điều thiện tinh thần cao nhất; việc đánh giá quá cao và chăm lo nghiêm trọng, lo âu cho đời sống hình tướng, cho vận cụ hồng trần, không phải là điều quan trọng hàng đầu.

The healer in the New Age does not and will not work directly with the physical body at all; being an occultist, he will regard that body as not a principle. He works practically entirely with the etheric body and with the vital energies, leaving those energies to make their impact on the automaton of the physical body according to directed intent; they will then produce their effect according to the response of that body, conditioned as

Nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới không làm việc và sẽ không làm việc trực tiếp với thể xác chút nào; là một nhà huyền bí học, y sẽ xem thể ấy không phải là một nguyên khí. Y làm việc hầu như hoàn toàn với thể dĩ thái và với các năng lượng sinh lực, để mặc các năng lượng ấy tạo tác động của chúng lên bộ máy tự động của thể xác theo ý định được chỉ đạo; khi đó chúng sẽ tạo ra hiệu quả tùy theo sự đáp ứng của thể ấy, vốn sẽ bị tác

it will be by many factors. These energies, directed via the etheric body of the patient, or emanating from that body, may bring about a cure If the destiny of the patient permits, or they may so stimulate the area of the disease that the disease will be brought to a crisis and the patient will die. This often happens under the ministrations of cultist healers who are ignorant of the laws of healing and who base their activities on a realisation of a present (though usually unexpressed) divinity.

động bởi nhiều yếu tố. Những năng lượng này, được chỉ đạo qua thể dĩ thái của bệnh nhân, hoặc phát ra từ thể ấy, có thể mang lại sự chữa lành nếu định mệnh của bệnh nhân cho phép, hoặc chúng có thể kích thích mạnh đến mức khu vực bệnh tật bị đẩy đến cơn khủng hoảng và bệnh nhân sẽ chết. Điều này thường xảy ra dưới sự chăm sóc của các nhà trị liệu giáo phái, những người không biết các định luật chữa lành và đặt hoạt động của mình trên một sự chứng nghiệm về một thiên tính hiện hữu (dù thường không được biểu lộ).

A much higher measure of spiritual perception and of mental understanding is required before the system I propose becomes effective. All that I give in my writings is largely of a pioneer nature, and this should be remembered.

Cần có một mức độ nhận thức tinh thần và hiểu biết trí tuệ cao hơn nhiều trước khi hệ thống Tôi đề xuất có thể phát huy hiệu quả. Phần lớn những điều Tôi trình bày trong các tác phẩm của mình đều mang tính tiên phong, và cần ghi nhớ điều này.

Let us now study Law One; it has no Rule attached or related to it, as it is a basic statement, indicating the major underlying theory upon which the healer will work.

Giờ đây chúng ta hãy nghiên cứu Định luật Một; không có Quy luật nào gắn với hay liên hệ với nó, vì nó là một phát biểu căn bản, chỉ ra lý thuyết nền tảng chủ yếu mà nhà trị liệu sẽ làm việc dựa trên đó.

LAW I — ĐỊNH LUẬT I

All disease is the result of inhibited soul life. This is true of all forms in all kingdoms. The art of the healer consists in releasing the soul so that its life can flow through the aggregate of organisms which constitute any particular form,

Mọi bệnh tật đều là kết quả của sự sống linh hồn bị ngăn trở. Điều này đúng với mọi hình tướng trong mọi Giới. Nghệ thuật của nhà trị liệu là giải phóng linh hồn để sự sống của linh hồn có thể tuôn chảy qua tập hợp các cơ cấu sống cấu thành bất kỳ hình tướng cụ thể nào.

[539]

[539]

This law indicates that, owing to the fact that the threefold lower man is not under control of his soul, disease can destroy him. Because the free flow of the energy pouring

Định luật này chỉ ra rằng, do con người thấp tam phân không nằm dưới sự kiểm soát của linh hồn mình, bệnh tật có thể hủy hoại y. Bởi vì dòng chảy tự do của năng lượng tuôn

from the soul is inhibited and limited, disease can find place in the physical body. The physical organism is correctly supplied with the creative regenerating energy of the true man, the soul on its own plane. Where there is complete unobstructed inflow from the soul to the seven vitalising centres, you have the perfect health which the initiate of the fourth degree demonstrates, unless some disciplinary, experimental or initiating karma is being tried out in his case. However, as a general rule apart from these or planetary conditions, an initiate of high degree needs no healer; there is nothing in him requiring healing.

đổ từ linh hồn bị ngăn trở và giới hạn, bệnh tật có thể tìm được chỗ trong thể xác. Cơ cấu hồng trần được cung ứng đúng đắn bằng năng lượng sáng tạo tái sinh của con người chân thực, tức linh hồn trên cõi riêng của nó. Nơi nào có dòng tuôn vào hoàn toàn không bị cản trở từ linh hồn đến bảy trung tâm tiếp sinh lực, nơi đó có sức khỏe hoàn hảo mà điểm đạo đồ cấp bốn biểu lộ, trừ phi trong trường hợp của y đang phải trải qua một nghiệp quả có tính kỷ luật, thực nghiệm hay điểm đạo nào đó. Tuy nhiên, như một quy luật chung, ngoài các điều kiện ấy hay các điều kiện hành tinh, một điểm đạo đồ cấp cao không cần nhà trị liệu; không có gì trong y cần được chữa lành.

What must the healer do when, faced with a patient, he realises the inhibited condition which the disease evidences? Does he, under the law, work with the soul of the patient? Does he seek to get that soul (on its own plane) to affect definitely the man, superintending the transfer of energy from the soul to the mind, and from the mind to the astral body, and from thence to the etheric vehicle? By no means. In cases of real and serious illness, the condition of the patient is usually such that it is not possible for him to make the needed response to such attempted ministrations of the healer, either consciously or unconsciously. Any mental exertion is quite beyond his power, and he could not, therefore, cooperate with the effort of his soul to transfer energy; the activity of his astral body is usually concentrated in the formulation of a great desire to live and to get rid of the disease, unless the illness is so acute that the patient has reached the stage where he simply does not care and the will-to-live is rapidly leaving him. To these difficulties must be added the fact that very few people are so completely integrated that they can function as whole personalities, in [540]

Nhà trị liệu phải làm gì khi, đối diện với một bệnh nhân, y nhận ra tình trạng bị ngăn trở mà bệnh tật biểu lộ? Theo định luật này, y có làm việc với linh hồn của bệnh nhân không? Y có tìm cách khiến linh hồn ấy (trên cõi riêng của nó) tác động rõ rệt lên con người, giám sát sự chuyển dịch năng lượng từ linh hồn đến trí tuệ, và từ trí tuệ đến thể cảm dục, rồi từ đó đến vận cụ dĩ thái không? Hoàn toàn không phải vậy. Trong những trường hợp bệnh thật sự và nghiêm trọng, tình trạng của bệnh nhân thường là như thế khiến y không thể có được sự đáp ứng cần thiết đối với những nỗ lực phụng sự như vậy của nhà trị liệu, dù là có ý thức hay vô thức. Bất kỳ nỗ lực trí tuệ nào cũng hoàn toàn vượt quá khả năng của y, và vì thế y không thể cộng tác với nỗ lực của linh hồn mình trong việc chuyển dịch năng lượng; hoạt động của thể cảm dục của y thường tập trung vào việc hình thành một dục vọng mạnh mẽ muốn sống và muốn thoát khỏi bệnh tật, trừ phi cơn bệnh quá cấp tính đến nỗi bệnh nhân đã đạt đến giai đoạn mà y đơn giản là không còn quan tâm nữa và ý chí muốn sống đang nhanh chóng rời bỏ y. Vào những khó khăn này còn phải thêm sự kiện rằng rất ít người được tích hợp hoàn toàn

response to soul stimulation. They are usually polarised in one or another of their three bodies, and this fact again presents a potent limiting condition to the healer. Again, and very frequently, the man is so intensely preoccupied with discomfort and pain present in the dense physical body, that the higher impressions which might come through from mind or soul bodies are quite unable to do so. What then must the trained and instructed healer do?

đến mức họ có thể hoạt động như những phàm ngã toàn vẹn, trong [540] sự đáp ứng với kích thích của linh hồn. Họ thường phân cực trong một hay một thể nào khác trong ba thể của mình, và sự kiện này lại tạo nên một điều kiện giới hạn mạnh mẽ đối với nhà trị liệu. Hơn nữa, và rất thường xuyên, con người bị bận tâm quá mãnh liệt với sự khó chịu và đau đớn hiện diện trong thể xác đậm đặc đến nỗi các ấn tượng cao hơn có thể đến từ thể trí hay các thể linh hồn hoàn toàn không thể đi qua. Vậy thì nhà trị liệu đã được huấn luyện và chỉ dạy phải làm gì?

He must realise, first of all, that the etheric body is the factor of major importance and the main vehicle with which he must deal. He therefore concentrates upon that body of energy. This involves the necessity of ascertaining certain facts, and then making certain points of contact effectively useful.

Trước hết, y phải nhận ra rằng thể dĩ thái là yếu tố quan trọng chủ yếu và là vận cụ chính mà y phải tác động đến. Vì vậy y tập trung vào thể năng lượng ấy. Điều này bao hàm sự cần thiết phải xác định một số sự kiện, rồi làm cho một số điểm tiếp xúc trở nên hữu dụng và hiệu quả.

The first fact to be ascertained is the potency with which the soul has gripped and is still gripping its personality. The healer is aware that because the patient is still alive, the soul is definitely present through the medium of the head and heart centres of the etheric body, thus anchoring both the consciousness and the life principles. If the patient is unconscious, the difficulties of the healer are greatly increased in some cases, though lightened in others. If the principle of consciousness is withdrawn from the head centre in the vital body, then the healer knows that death may supervene and his way is this much clearer, particularly if there is a dimming of the light of life in the heart. If consciousness is still powerfully present, he realises that there is still the possibility of cure, and can then, with greater confidence, proceed with the work to be done. In this statement, I am dealing with the average person. In the case of initiates, it is

Sự kiện đầu tiên cần được xác định là mức độ mạnh mẽ mà linh hồn đã nắm giữ và vẫn đang nắm giữ phàm ngã của nó. Nhà trị liệu biết rằng vì bệnh nhân vẫn còn sống, linh hồn chắc chắn hiện diện thông qua trung tâm đầu và trung tâm tim của thể dĩ thái, nhờ đó neo giữ cả nguyên khí tâm thức lẫn nguyên khí sự sống. Nếu bệnh nhân bất tỉnh, trong một số trường hợp khó khăn của nhà trị liệu tăng lên rất nhiều, dù trong những trường hợp khác lại được giảm nhẹ. Nếu nguyên khí tâm thức đã rút khỏi trung tâm đầu trong thể sinh lực, khi đó nhà trị liệu biết rằng cái chết có thể xảy đến và con đường của y nhờ vậy rõ ràng hơn nhiều, đặc biệt nếu có sự mờ đi của ánh sáng sự sống trong tim. Nếu tâm thức vẫn còn hiện diện mạnh mẽ, y nhận ra rằng vẫn còn khả năng chữa lành, và khi đó có thể tiến hành công việc cần làm với sự tin tưởng lớn hơn. Trong phát biểu này, tôi đang đề cập đến con người trung bình. Trong trường hợp các điểm đạo

somewhat different, because they frequently remain fully conscious through the death process.

đồ thì có phần khác, vì họ thường vẫn hoàn toàn tỉnh thức trong suốt tiến trình chết.

You will, therefore, realise the basic necessity for the healer in the New Age to be either clairvoyant or—far better [541] still—to have true spiritual perception with its quality of infallibility. His first task is to investigate or "occultly see" the etheric body of the patient, and thus arrive at the following knowledge:

Vì vậy, bạn sẽ nhận ra sự cần thiết căn bản đối với nhà trị liệu trong Kỷ Nguyên Mới là phải hoặc thông nhãn hoặc—tốt hơn nhiều [541] nữa—phải có tri giác tinh thần chân chính với phẩm tính bất khả ngộ của nó. Nhiệm vụ đầu tiên của y là khảo sát hay "thấy một cách huyền bí" thể dĩ thái của bệnh nhân, và nhờ đó đi đến tri thức sau đây:

1. The potency with which the soul influences its etheric body. This is indicated by the point of light in the head centre and the area which it irradiates.

1. Mức độ mạnh mẽ mà linh hồn ảnh hưởng đến thể dĩ thái của nó. Điều này được chỉ ra bởi điểm sáng trong trung tâm đầu và khu vực mà nó chiếu rọi.

2. The condition of the etheric centre which controls or governs the area within which the physical trouble is to be found.

2. Tình trạng của trung tâm dĩ thái kiểm soát hay chi phối khu vực trong đó rắc rối hồng trần được tìm thấy.

3. The relation of the centres above the diaphragm to those below, because this will give him a general indication of the point in evolution of the man to be healed.

3. Mối liên hệ của các trung tâm phía trên cơ hoành với các trung tâm phía dưới, vì điều này sẽ cho y một chỉ dẫn tổng quát về điểm tiến hoá của con người cần được chữa lành.

Having ascertained these points to the best of his ability, he will then, under the law of "inhibited soul life," seek by the power of his own soul (working on the higher levels of the mental plane and through his head centre) to stimulate the point of soul life in the etheric body of the patient. He will do this with a view of attracting, if possible, a fuller inflow of the soul energy of the patient into the head centre, in order that the life thread may carry a fuller supply of life to the heart. In this manner, the patient's own "livingness" will bring about the desired cure; he will be healed apparently by nature itself, or by the natural and normal way of

Sau khi đã xác định những điểm này tốt nhất trong khả năng của mình, khi đó, dưới định luật về "sự sống linh hồn bị ngăn trở," y sẽ tìm cách bằng quyền năng của chính linh hồn mình (hoạt động trên các cấp cao của cõi trí và qua trung tâm đầu của mình) kích thích điểm sự sống linh hồn trong thể dĩ thái của bệnh nhân. Y sẽ làm điều này với mục đích, nếu có thể, thu hút một dòng tuôn vào đầy đủ hơn của năng lượng linh hồn của bệnh nhân vào trung tâm đầu, để sinh mệnh tuyến có thể mang một nguồn cung sự sống dồi dào hơn đến tim. Theo cách này, chính "sức sống" của bệnh nhân sẽ mang lại sự chữa lành mong muốn; dường như y sẽ được chữa lành bởi chính tự nhiên, hay bởi con

adequate vitality, and so enabled to throw off the disease.

đường tự nhiên và bình thường của sinh lực đầy đủ, và nhờ đó có thể loại bỏ bệnh tật.

When the healer, therefore, recognises and works with this law, the following points of contact are recognised and used:

Vì vậy, khi nhà trị liệu nhận ra và làm việc với định luật này, các điểm tiếp xúc sau đây được nhận biết và sử dụng:

1. The soul of the patient, anchored within his etheric body. [542]

1. Linh hồn của bệnh nhân, được neo giữ trong thể dĩ thái của y. [542]

2. The soul of the healer, occupied with the stimulation of that point of soul contact, via the following triangle of energy:

2. Linh hồn của nhà trị liệu, bận tâm với việc kích thích điểm tiếp xúc linh hồn ấy, thông qua tam giác năng lượng sau đây:



This relates the vital body of the healer to that of the patient, via both their head centres and the heart of the patient, because there the life principle is focussed and is closely involved and affected by whatever occurs.

Điều này liên hệ thể sinh lực của nhà trị liệu với thể sinh lực của bệnh nhân, thông qua cả hai trung tâm đầu của họ và tim của bệnh nhân, bởi vì tại đó nguyên khí sự sống được tập trung và có liên hệ chặt chẽ với, cũng như bị ảnh hưởng bởi, bất cứ điều gì xảy ra.

3. When this triangle of energy is functioning smoothly and a measure of response is coming from the head centre of the patient, evoking greater soul contact and producing a resultant inflow of soul energy into the head centre and from thence to the heart centre, then—by an act of the will and the use of an invocative mantram—the healer will seek to implement this increased flow of life, via the heart, to the diseased

3. Khi tam giác năng lượng này đang hoạt động trơn tru và một mức độ đáp ứng nào đó đang đến từ trung tâm đầu của bệnh nhân, gợi lên sự tiếp xúc linh hồn lớn hơn và tạo ra một dòng tuôn vào kết quả của năng lượng linh hồn vào trung tâm đầu và từ đó đến trung tâm tim, khi ấy—bằng một hành vi của ý chí và việc sử dụng một mantram khẩn cầu—nhà trị liệu sẽ tìm cách thực hiện dòng chảy sự sống gia tăng này, qua tim, đến

area, using the centre which controls that area of the physical body, whichever this may be. This has to be done with the greatest possible care, so that the flow is not too sudden, and therefore destructive in its effects; particular care has also to be evidenced in the cases of disease of the heart: embolisms, for instance, which prove fatal are frequently due to a violent expression on the part of the patient of the will-to-live, bringing on a flooding inflow of the life principle. This makes its impact too suddenly upon the heart, causing equally sudden movement in the blood stream, and thus of the embolism, producing death. I am putting this into entirely untechnical terms [543] and laying myself open to expert criticism, but I am doing so in order to convey to the lay reader a general idea of the risks involved, and thus produce caution in the enthusiast.

khu vực bệnh tật, sử dụng trung tâm kiểm soát khu vực ấy của thể xác, bất kể đó là trung tâm nào. Điều này phải được thực hiện với sự cẩn trọng lớn nhất có thể, để dòng chảy không quá đột ngột và do đó gây hủy hoại trong các hiệu quả của nó; sự cẩn trọng đặc biệt cũng phải được biểu lộ trong các trường hợp bệnh tim: chẳng hạn, các chứng tắc mạch gây tử vong thường là do nơi bệnh nhân có một biểu hiện dữ dội của ý chí muốn sống, kéo theo một dòng tuôn vào ngập tràn của nguyên khí sự sống. Điều này tạo tác động quá đột ngột lên tim, gây ra sự chuyển động cũng đột ngột như vậy trong dòng máu, và theo đó làm dịch chuyển vật gây tắc mạch, dẫn đến cái chết. Tôi đang trình bày điều này bằng những thuật ngữ hoàn toàn không chuyên môn [543] và tự đặt mình trước sự phê phán của các chuyên gia, nhưng tôi làm như vậy để truyền đạt cho độc giả phổ thông một ý niệm tổng quát về những nguy cơ liên quan, và nhờ đó tạo ra sự thận trọng nơi người nhiệt thành.

This law covers certain fundamental premises, and there is little more than I can profitably say anent its implications. Much will be learnt by accepting the premises and working upon their implications. What I have said is very far from being what I could have said, but I have here given the student a simple and working understanding of certain essential and basic concepts. We will now pass on to a consideration of the second Law and of Rule One.

Định luật này bao trùm một số tiền đề căn bản, và tôi hầu như không thể nói thêm điều gì có ích liên quan đến các hàm ý của nó. Nhiều điều sẽ được học hỏi bằng cách chấp nhận các tiền đề và làm việc trên các hàm ý của chúng. Điều tôi đã nói còn rất xa so với điều tôi có thể đã nói, nhưng ở đây tôi đã trao cho đạo sinh một sự thấu hiểu đơn giản và có thể vận dụng được về một số khái niệm cốt yếu và căn bản. Giờ đây chúng ta sẽ chuyển sang xem xét Định luật thứ hai và Quy luật Một.

LAW II — ĐỊNH LUẬT II

Disease is the product of and subject to three influences: first, a man's past, wherein he pays the price of ancient error; second, his inheritance, wherein he shares with all mankind those tainted streams of energy

Bệnh tật là sản phẩm của và chịu sự chi phối của ba ảnh hưởng: thứ nhất, quá khứ của một người, trong đó y trả giá cho lỗi lầm xưa cũ; thứ hai, di truyền của y, trong đó y chia sẻ với toàn thể nhân loại những dòng năng

which are of group origin; third, he shares with all natural forms that which the Lord of Life imposes on His body. These three influences are called the "Ancient Law of Evil Sharing." This must give place some day to the new "Law of Ancient Dominating Good" which lies behind all that God has made. This law must be brought into activity by the spiritual will of man.

lượng nhiễm độc có nguồn gốc tập thể; thứ ba, y chia sẻ với mọi hình tướng tự nhiên điều mà Chúa Tể của Sự Sống áp đặt lên thân thể của Ngài. Ba ảnh hưởng này được gọi là "Định luật Cổ xưa về Sự Chia sẻ Điều Ác." Một ngày kia điều này phải nhường chỗ cho "Định luật mới về Điều Thiện Cổ xưa Chi phối" nằm phía sau mọi điều mà Thượng đế đã tạo ra. Định luật này phải được đưa vào hoạt động bởi ý chí tinh thần của con người.

This Law is most comprehensive in its statements and really constitutes a summation of two laws, one of which is controlling at this time and one which will eventually control. Let us, for the sake of clarity, and because people usually read so carelessly, divide this law up into its various statements, and thus gain a better idea of its implications:

Định luật này có tính bao quát rất lớn trong các phát biểu của nó và thực sự cấu thành một sự tổng kết của hai định luật, một định luật hiện đang chi phối và một định luật cuối cùng sẽ chi phối. Vì mục đích làm sáng tỏ, và bởi vì con người thường đọc quá cẩu thả, chúng ta hãy chia định luật này thành các phát biểu khác nhau của nó, và nhờ đó có được một ý niệm rõ hơn về các hàm ý của nó:

1. Disease is a product of and subject to three influences: [544]

1. Bệnh tật là sản phẩm của và chịu sự chi phối của ba ảnh hưởng: [544]

a. A man's past, wherein he pays the price of ancient error.

a. Quá khứ của một người, trong đó y trả giá cho lỗi lầm xưa cũ.

b. His inheritance, wherein he shares with all mankind those tainted streams of energy which are of group origin.

b. Di truyền của y, trong đó y chia sẻ với toàn thể nhân loại những dòng năng lượng nhiễm độc có nguồn gốc tập thể.

c. His sharing with all natural forms that which the Lord of Life imposes on His body.

c. Sự chia sẻ của y với mọi hình tướng tự nhiên điều mà Chúa Tể của Sự Sống áp đặt lên thân thể của Ngài.

2. These three types of energy are called the "Ancient Law of Evil Sharing."

2. Ba loại năng lượng này được gọi là "Định luật Cổ xưa về Sự Chia sẻ Điều Ác."

3. The "Law of Ancient Dominating Good" lies behind all that God has made.

3. "Định luật về Điều Thiện Cổ xưa Chi phối" nằm phía sau mọi điều mà Thượng đế đã tạo ra.

4. This law will some day supersede the "Ancient Law of Evil Sharing."

4. Một ngày kia định luật này sẽ thay thế "Định luật Cổ xưa về Sự Chia sẻ Điều Ác."

5. It will be brought into activity by the spiritual will of man.

5. Nó sẽ được đưa vào hoạt động bởi ý chí tinh thần của con người.

This law throws a man in his thinking back to the basic law of karma which, as you know, there is no avoiding, and which the modern healer in the present healing cults and organisations consistently overlooks. With these influences and predisposing causes we have already dealt, and there is no need further to elaborate them here, beyond remarking that one of the most helpful things for a patient to remember and for the healer to bear in mind is that disease has its roots in the past (a group past or an individual past) and may, in the last analysis, be a beneficent way of paying off ancient debts. This induces in the patient a constructive attitude of acquiescence—not an acquiescence which leads to non-action, but one which produces a sense of responsibility for right action. This right action will lead either to full payment of the penalty through the well-known process of death or to the success of the steps taken to induce health. In the case of the healer, it will lead to a recognition of potent forces working through the patient and a willingness.[545] for the destined fate to take place; in both cases the feverish anxiety so often present will not intervene between the healer's intention and the patient, preventing sound happenings.

Định luật này đưa con người trong tư duy của mình trở lại định luật căn bản về nghiệp quả mà, như bạn biết, không thể tránh né, và điều mà nhà trị liệu hiện đại trong các giáo phái và tổ chức trị liệu hiện nay luôn luôn bỏ qua. Chúng ta đã đề cập đến các ảnh hưởng và nguyên nhân tiền định này rồi, và không cần phải khai triển thêm ở đây, ngoài việc nhận xét rằng một trong những điều hữu ích nhất để bệnh nhân ghi nhớ và để nhà trị liệu lưu tâm là bệnh tật có gốc rễ trong quá khứ (một quá khứ tập thể hay một quá khứ cá nhân) và xét đến cùng có thể là một cách có lợi để trả những món nợ xưa cũ. Điều này tạo ra nơi bệnh nhân một thái độ chấp nhận có tính xây dựng—không phải một sự chấp nhận dẫn đến bất động, mà là một sự chấp nhận tạo ra ý thức trách nhiệm đối với hành động đúng đắn. Hành động đúng đắn này sẽ dẫn hoặc đến việc trả trọn hình phạt qua tiến trình quen thuộc là cái chết, hoặc đến sự thành công của các bước được thực hiện để tạo ra sức khỏe. Trong trường hợp của nhà trị liệu, nó sẽ dẫn đến sự nhận biết những mãnh lực mạnh mẽ đang hoạt động qua bệnh nhân và một sự sẵn lòng.[545] để số phận đã định xảy ra; trong cả hai trường hợp, sự lo âu sốt sắng thường hiện diện sẽ không xen vào giữa ý định của nhà trị liệu và bệnh nhân, ngăn cản những diễn biến lành mạnh.

The second important thing is for the patient to remember, if his condition permits, that what he is enduring is the fate and the lot of the majority, and that he is not alone. A right handling of ill health is a major factor in breaking down separateness

Điều quan trọng thứ hai là để bệnh nhân ghi nhớ, nếu tình trạng của y cho phép, rằng điều y đang chịu đựng là số phận và phần số của đa số, và rằng y không đơn độc. Việc xử lý đúng đắn tình trạng sức khỏe kém là một yếu tố lớn trong việc phá vỡ tính chia cách

and a sense of aloneness and isolation; that is why the effects of bad health, when rightly handled, lead to a sweetening of the disposition and a broadening of the sympathies. Sharing and a sense of general participation has usually to be learnt the hard way—such again is the law. In this law we have the clue to that which will ultimately sweep disease from the earth. Let me put it quite simply. When the majority of the inhabitants of the earth are being rapidly oriented towards good, towards righteousness, as the Bible expresses it, and when the bulk of human beings are inclined towards goodwill (the second major expression of soul contact and influence in the individual's life and in the life of mankind—the first being the sense of responsibility), then ill health will persistently, even if only gradually, disappear and die out and finally be nonexistent. Slowly, very slowly, this is already happening—not yet in the disappearance of disease, but in the bringing about of a more correct orientation. What this really means is that the channel of contact between the individual and his soul and the soul of humanity is becoming more direct and unimpeded. Alignment is being brought about. You can see again, therefore, why the emphasis in the life of the healer must be laid upon contact and alignment, and why so few succeed. There is little if any contact to be found among healers today, and little direct consciousness of the necessity, [546] and no real understanding of the techniques to be followed. It is wise to grasp this important point, for it will negate disappointment. Disease is not going to disappear miraculously and suddenly from a world in the immediate period, heralding the New Age. If it did, the implications would be that the Law of Karma no longer controlled, and this is not the case.

và cảm giác cô đơn, cô lập; đó là lý do vì sao các hiệu quả của sức khỏe xấu, khi được xử lý đúng, dẫn đến sự dịu ngọt của tính khí và sự mở rộng của lòng cảm thông. Sự chia sẻ và ý thức tham dự chung thường phải được học bằng con đường khó khăn—đó lại chính là định luật. Trong định luật này, chúng ta có manh mối cho điều cuối cùng sẽ quét sạch bệnh tật khỏi trái đất. Hãy để tôi nói điều đó thật đơn giản. Khi đa số cư dân trên trái đất đang nhanh chóng được định hướng về điều thiện, về sự chính trực như Kinh Thánh diễn tả, và khi phần lớn nhân loại nghiêng về thiện chí (biểu hiện lớn thứ hai của tiếp xúc và ảnh hưởng của linh hồn trong đời sống cá nhân và trong đời sống nhân loại—biểu hiện thứ nhất là ý thức trách nhiệm), thì tình trạng sức khỏe kém sẽ liên tục, dù chỉ dần dần, biến mất và tàn lụi, và cuối cùng sẽ không còn tồn tại. Chậm chạp, rất chậm chạp, điều này đã đang xảy ra—chưa phải trong sự biến mất của bệnh tật, mà trong việc tạo ra một định hướng đúng đắn hơn. Điều này thực sự có nghĩa là kênh tiếp xúc giữa cá nhân với linh hồn của y và với linh hồn của nhân loại đang trở nên trực tiếp hơn và ít bị cản trở hơn. Sự chỉnh hợp đang được tạo ra. Vì vậy, bạn lại có thể thấy vì sao sự nhấn mạnh trong đời sống của nhà trị liệu phải được đặt trên tiếp xúc và chỉnh hợp, và vì sao rất ít người thành công. Hiện nay hầu như không có tiếp xúc nào được tìm thấy nơi các nhà trị liệu, và cũng rất ít sự ý thức trực tiếp về sự cần thiết ấy, [546] và không có sự thấu hiểu thực sự nào về các kỹ thuật phải được tuân theo. Thật khôn ngoan khi nắm vững điểm quan trọng này, vì nó sẽ loại bỏ sự thất vọng. Bệnh tật sẽ không biến mất một cách kỳ diệu và đột ngột khỏi thế giới trong giai đoạn trước mắt, như một dấu hiệu báo trước Kỷ Nguyên Mới. Nếu điều đó xảy ra, hàm ý sẽ là Định luật Nghiệp quả không còn chi phối nữa, và điều đó không phải vậy.

The final sentence of this second law gives a basic indication of the time period: the Law of Dominating Good will be brought into activity by the spiritual will of man. What does this mean? It means that only when truly large numbers of men are controlled by the Spiritual Triad, have built the antahkarana and can therefore use the spiritual will, can disease be stamped out and only good control. It will of course be a gradual process, and in the early stages almost imperceptible. Again, why is this? Because evil crime and disease are the result of the great heresy of separateness, and because hate and not love controls. Forget not that he who loveth not his brother is a murderer—ever the symbol of hate. As yet, the sense of universality and of identity with all is not to be found, except in advanced disciples and initiates; the mass consciousness and the demonstration of the herd instinct must not be confounded with the sense of Oneness which marks the right oriented person. In the New Age, teaching anent the antahkarana and the constitution of man, principally from the angle of the "three periodical bodies," and not so much from that of the lower threefold man, will be emphasised, particularly in the higher schools of learning, thereby laying a sound foundation for the esoteric schools which will be slowly emerging. A new perspective upon humanity will be thereby attained. The nature of the spiritual will will be taught in contradistinction to that of the selfish personal will; [547] by its means tremendous new potencies will be released, and safely released, into daily life.

Câu cuối cùng của định luật thứ hai này đưa ra một chỉ dẫn căn bản về thời kỳ: Định luật Thiện Lành Chi Phối sẽ được đưa vào hoạt động bởi ý chí tinh thần của con người. Điều này có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là chỉ khi nào một số lượng thật lớn con người được Tam Nguyên Tinh Thần kiểm soát, đã xây dựng antahkarana và do đó có thể sử dụng ý chí tinh thần, thì bệnh tật mới có thể bị quét sạch và chỉ điều thiện mới kiểm soát. Dĩ nhiên, đó sẽ là một tiến trình dần dần, và trong các giai đoạn đầu hầu như không thể nhận thấy. Một lần nữa, tại sao lại như vậy? Bởi vì tội ác, tội phạm và bệnh tật là kết quả của Đại Tà thuyết về sự phân ly, và bởi vì hận thù chứ không phải tình thương đang kiểm soát. Đừng quên rằng kẻ nào không yêu thương huynh đệ mình là một kẻ sát nhân—luôn luôn là biểu tượng của hận thù. Hiện nay, ý thức về tính phổ quát và về sự đồng nhất với tất cả vẫn chưa được tìm thấy, ngoại trừ nơi các đệ tử và các điểm đạo đồ tiến bộ; tâm thức quần chúng và sự biểu lộ của bản năng bầy đàn không được lẫn lộn với ý thức về Nhất Thể vốn đánh dấu con người được định hướng đúng đắn. Trong Kỷ Nguyên Mới, giáo huấn về antahkarana và về cấu tạo của con người, chủ yếu từ góc độ của "ba thể chu kỳ," chứ không quá nhiều từ góc độ của con người tam phân thấp, sẽ được nhấn mạnh, đặc biệt trong các trường học cao cấp, nhờ đó đặt nền tảng vững chắc cho các trường nội môn sẽ từ từ xuất hiện. Nhờ đó, một viễn tượng mới về nhân loại sẽ đạt được. Bản chất của ý chí tinh thần sẽ được giảng dạy đối lập với ý chí cá nhân ích kỷ; [547] nhờ phương tiện đó, những tiềm lực mới to lớn sẽ được giải phóng, và được giải phóng một cách an toàn, vào đời sống hằng ngày.

Up to the present time, even disciples have little idea of the exceeding power of the triadal will. It might be here affirmed that those healers who have triadal

Cho đến hiện nay, ngay cả các đệ tử cũng ít có ý niệm về quyền năng vô cùng lớn lao của ý chí tam nguyên tinh thần. Ở đây có thể khẳng định rằng những nhà chữa lành nào

consciousness and can exercise the potency of the monadic life and will, via the Spiritual Triad, will always be successful healers; they will make no mistakes, for they will have accurate spiritual perception; this will give them knowledge as to the possibility of cure, and by the use of the will they can then work safely and with power on the head centre of the patient. They will necessarily confine their healing powers to those who live focussed in the head. They will stimulate the soul, there anchored, into effective activity, thus promoting a true self-healing.

có tâm thức tam nguyên tinh thần và có thể vận dụng tiềm lực của sự sống và ý chí chân thần, thông qua Tam Nguyên Tinh Thần, sẽ luôn luôn là những nhà chữa lành thành công; họ sẽ không phạm sai lầm nào, vì họ sẽ có tri giác tinh thần chính xác; điều này sẽ cho họ tri thức về khả năng chữa khỏi, và bằng việc sử dụng ý chí, khi đó họ có thể làm việc một cách an toàn và đầy quyền năng trên trung tâm đầu của bệnh nhân. Tất yếu, họ sẽ giới hạn quyền năng chữa lành của mình vào những người sống tập trung trong đầu. Họ sẽ kích thích linh hồn, được neo ở đó, vào hoạt động hữu hiệu, nhờ vậy thúc đẩy một sự tự chữa lành chân chính.

You will note from all the above how relatively simple these Laws are when carefully considered, and how beautifully they are related to each other. The mastering and grasping of one facilitates the understanding of the next.

Từ tất cả những điều trên, bạn sẽ nhận thấy các Định luật này tương đối đơn giản biết bao khi được xem xét cẩn thận, và chúng liên hệ với nhau đẹp đẽ biết bao. Việc làm chủ và nắm vững một định luật sẽ tạo thuận lợi cho việc thấu hiểu định luật kế tiếp.

Forget not that the head centre is the one through which the will works, and with this in your mind, relate the information given you anent Law One in the early part of this instruction to that which I have here given you. If these laws are studied deeply by those who seek to learn to heal spiritually, and if the healer endeavours to make his life conform to the rules, a definite pattern of healing and an emerging technique will take shape in his mind and greatly increase his effective service. You will note also that I am not giving rules and laws which deal with specific diseases. This, I fear, will greatly disappoint many earnest workers. They would like me to indicate what should be done, for instance, to cure cancer of the liver, or pneumonia or gastric ulcer or forms of heart disease. This I do not intend to do. My work is far more basic than that. I am concerned [548] with causes, and primarily

Đừng quên rằng trung tâm đầu là trung tâm mà qua đó ý chí hoạt động, và với điều này trong tâm trí, hãy liên hệ thông tin đã được trao cho bạn về Định luật Một trong phần đầu của huấn thị này với điều tôi đã trao cho bạn ở đây. Nếu các định luật này được nghiên cứu sâu sắc bởi những ai tìm cách học chữa lành một cách tinh thần, và nếu nhà chữa lành nỗ lực làm cho đời sống của mình phù hợp với các quy luật, thì một mô hình chữa lành xác định và một kỹ thuật đang xuất hiện sẽ thành hình trong trí tuệ của y và làm gia tăng rất nhiều sự phụng sự hữu hiệu của y. Bạn cũng sẽ nhận thấy rằng tôi không đưa ra các quy luật và định luật bàn đến những bệnh cụ thể. Tôi e rằng điều này sẽ làm nhiều người hoạt động chân thành thất vọng sâu sắc. Họ muốn tôi chỉ ra cần phải làm gì, chẳng hạn, để chữa ung thư gan, hay viêm phổi hoặc loét dạ dày hay các dạng bệnh tim. Điều này tôi không có ý định

with the etheric body as the distributor of energies or as the withholder of these energies when transformed into forces; I deal with the state of consciousness of the healer and with the theories which he should embrace, with his understanding of the relationship of the soul to its vehicles of expression (particularly, in the case of healing, to the vital body), and with the controlling fact of the centres found in every area of the body, either freely distributing energy and preserving the body in good health or—through undevelopment and inhibited activity—bringing about those conditions in which disease becomes possible and probable.

làm. Công việc của tôi căn bản hơn nhiều so với thế. Tôi quan tâm [548] đến các nguyên nhân, và trước hết là đến thể dĩ thái như là bộ phân phối các năng lượng hoặc như là cái giữ lại các năng lượng này khi chúng được chuyển đổi thành các mãnh lực; tôi bàn đến trạng thái tâm thức của nhà chữa lành và các lý thuyết mà y nên chấp nhận, đến sự thấu hiểu của y về mối liên hệ của linh hồn với các vận cụ biểu đạt của nó (đặc biệt, trong trường hợp chữa lành, là với thể sinh lực/thể dĩ thái), và đến sự kiện chi phối của các trung tâm được tìm thấy trong mọi vùng của cơ thể, hoặc tự do phân phối năng lượng và giữ cho cơ thể được khỏe mạnh, hoặc—do sự kém phát triển và hoạt động bị ức chế—mang lại những điều kiện trong đó bệnh tật trở nên có thể và có xác suất xảy ra.

You can see, therefore, how the healing process is simplified when we recognise causes and realise that they are responsible for the functioning of the body on the outer plane. The healer has always to remember the following sequence of facts:

Do đó, bạn có thể thấy tiến trình chữa lành được đơn giản hóa như thế nào khi chúng ta nhận ra các nguyên nhân và chứng nghiệm rằng chúng chịu trách nhiệm cho sự vận hành của cơ thể trên cõi bên ngoài. Nhà chữa lành luôn luôn phải ghi nhớ chuỗi sự kiện sau đây:

1. The fact of the soul, working through

1. Sự kiện về linh hồn, hoạt động thông qua

2. The mind and the astral body, whose energies condition

2. Thể trí và thể cảm dục, mà các năng lượng của chúng tác động lên

3. The etheric vehicle, a vortex of energies focussed through numerous centres, both major and minor.

3. thể dĩ thái, một xoáy năng lượng được tập trung qua nhiều trung tâm, cả chính lẫn phụ.

4. The seven major centres, controlling definite areas of the body via

4. Bảy trung tâm chính, kiểm soát những vùng xác định của cơ thể thông qua

a. The nadis

a. các nadis

b. The nerves.

b. các dây thần kinh.

c. The endocrine system

d. The blood stream.

These four groups of conditioned aspects of the man concern life and consciousness, or the two major aspects of the soul when in manifestation upon the physical plane.

[549]

Orthodox medicine has been to date necessarily confined to the objective symptoms and their immediate apparent cause, and therefore to effects and not to real causes. The healing with which I am concerned is directed towards the reorganising and the revitalising of the etheric body, with the intent of getting behind the outer formal indications of wrong conditions to that vehicle of energies which—if correctly functioning and in right alignment—will preserve the physical body in good condition and keep it free from disease. The knowledge required by the healer in the New Age is therefore more basic and less detailed. He deals with areas and not with organs; he is concerned with energies and their distributing points, and not with the details of the physical body, with the construction of the organs and their malfunctioning. He will deal with the seven etheric centres, with the nadis through which they affect and stimulate (apart from radiation) the nervous system; he will watch with care the nervous system and the blood stream which the centres affect through radiation on to and through the hormones there to be found. But the keynote of all his work will be directed distribution, and the centre of his attention will be the channels of this distribution—the entire system of etheric centres.

c. hệ nội tiết

d. dòng máu.

Bốn nhóm phương diện bị tác động này của con người liên quan đến sự sống và tâm thức, hay hai phương diện chính của linh hồn khi biểu hiện trên cõi hồng trần.

[549]

Cho đến nay, y học chính thống tất yếu bị giới hạn vào các triệu chứng khách quan và nguyên nhân biểu kiến trực tiếp của chúng, và do đó vào các hậu quả chứ không phải các nguyên nhân thực sự. Sự chữa lành mà tôi quan tâm hướng đến việc tái tổ chức và tiếp sinh lực cho thể dĩ thái, với mục đích đi ra phía sau những dấu hiệu hình tướng bên ngoài của các tình trạng sai lệch để đến với vận cụ năng lượng ấy, vốn—nếu vận hành đúng đắn và được chỉnh hợp đúng—sẽ giữ cho thể xác ở trong tình trạng tốt và không bệnh tật. Vì vậy, tri thức mà nhà chữa lành trong Kỷ Nguyên Mới cần có thì căn bản hơn và ít chi tiết hơn. Y xử lý các vùng chứ không phải các cơ quan; y quan tâm đến các năng lượng và các điểm phân phối của chúng, chứ không phải các chi tiết của thể xác, cấu tạo của các cơ quan và sự trục trặc của chúng. Y sẽ xử lý bảy trung tâm dĩ thái, các nadis mà qua đó chúng tác động và kích thích (ngoài sự bức xạ) hệ thần kinh; y sẽ quan sát cẩn thận hệ thần kinh và dòng máu mà các trung tâm tác động thông qua sự bức xạ lên và xuyên qua các hormone được tìm thấy ở đó. Nhưng chủ âm của toàn bộ công việc của y sẽ là sự phân phối có định hướng, và trung tâm chú ý của y sẽ là các kênh của sự phân phối này—toàn bộ hệ thống các trung tâm dĩ thái.

I would beg you to reflect upon all this information with studious care. The keynote to good health, esoterically speaking, is sharing or distribution, just as it is the keynote to the general well-being of humanity. The economic ills of mankind closely correspond to disease in the individual. There is lack of a free flow of the necessities of life to the points of distribution; these points of distribution are idle: the direction of the distribution is faulty, and only through a sane and worldwide grasp of the New Age principle of sharing will human ills be cured; only by the right distribution of energy will the ills of the physical body of individual [550] man also be cured. This is a fundamental (I would say the fundamental principle) of all spiritual healing. In the last analysis also this presupposes an eventual and scientific recognition of the etheric body of the planet, and consequently of man.

Tôi muốn cầu xin bạn suy ngẫm về tất cả thông tin này với sự cẩn trọng của một môn sinh. Chủ âm của sức khỏe tốt, nói theo huyền bí học, là *sự chia sẻ* hay *sự phân phối,* cũng như đó là chủ âm của phúc lợi chung của nhân loại. Những căn bệnh kinh tế của nhân loại tương ứng chặt chẽ với bệnh tật nơi cá nhân. Có sự thiếu vắng một dòng chảy tự do của các nhu yếu phẩm của sự sống đến các điểm phân phối; các điểm phân phối này thì nhàn rỗi; sự định hướng của việc phân phối thì sai lầm, và chỉ thông qua một sự nắm bắt lành mạnh và toàn cầu về *nguyên lý chia sẻ của Kỷ Nguyên Mới thì các tai họa của nhân loại mới được chữa lành; chỉ bằng sự phân phối đúng đắn năng lượng thì các bệnh tật của thể xác của cá nhân* [550] *con người cũng mới được chữa lành.* Đây là một nguyên lý căn bản (tôi muốn nói là *nguyên lý* căn bản) của mọi sự chữa lành tinh thần. Rốt cuộc, điều này cũng giả định sự công nhận cuối cùng và có tính khoa học về thể dĩ thái của hành tinh, và do đó của con người.

We come now to a consideration of Rule One.

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét Quy luật Một.

RULE ONE — QUY LUẬT MỘT

Let the healer train himself to know the inner stage of thought or of desire of the one who seeks his help. He can thereby know the source from whence the trouble comes. Let him relate the cause and the effect and know the point exact through which relief must come.

Hãy để nhà trị liệu tự rèn luyện để biết trạng thái nội tâm về tư tưởng hay dục vọng của người tìm đến nhờ y giúp đỡ. Nhờ đó, y có thể biết nguồn gốc của tình trạng bệnh. Hãy để y liên hệ nguyên nhân với kết quả và biết chính xác điểm mà qua đó sự giảm nhẹ phải đến.

It will be apparent to you that the first rule which the healer has to master must necessarily be important. It is basic and essential in its implications if a cure is to be effected or if the healer is not to waste time

Bạn sẽ thấy rõ rằng quy luật đầu tiên mà nhà chữa lành phải làm chủ tất yếu phải quan trọng. Nó căn bản và thiết yếu trong các hàm ý của nó nếu muốn việc chữa khỏi được thực hiện hoặc nếu nhà chữa lành không muốn lãng phí thời gian trong việc cố gắng làm

in attempting the impossible. There are four injunctions in this rule:

điều bất khả. Có bốn mệnh lệnh trong quy luật này:

1. The healer must train himself to know whether the patient is mentally or astrally (emotionally) focussed.

1. Nhà chữa lành phải tự rèn luyện để biết liệu bệnh nhân được tập trung nơi trí tuệ hay nơi cảm dục (cảm xúc).

2. He can and must, therefore, ascertain the psychological basis of the existent trouble.

2. Do đó, y có thể và phải xác định cơ sở tâm lý của rắc rối hiện hữu.

3. He will be able then to ascertain the location of the effect (the disease) through perception of the underlying cause.

3. Khi đó y sẽ có thể xác định vị trí của hậu quả (bệnh tật) thông qua tri giác về nguyên nhân nền tảng.

4. This will enable him to know

4. Điều này sẽ giúp y biết

a. The area affected.

a. vùng bị ảnh hưởng.

b. The centre in the etheric body controlling that area.

b. trung tâm trong thể dĩ thái kiểm soát vùng đó.

You will also realise why I started my analysis of disease and healing by a presentation of the psychological causes. [551] This first rule is related to that entire section of the teaching and is, as you can see, intensely practical.

Bạn cũng sẽ nhận ra tại sao tôi đã bắt đầu việc phân tích bệnh tật và chữa lành bằng cách trình bày các nguyên nhân tâm lý. [551] Quy luật đầu tiên này liên hệ với toàn bộ phần giáo huấn ấy và, như bạn có thể thấy, cực kỳ thực tiễn.

When the personality polarisation is known, two major facts emerge: the point of approach will be either through the head centre or the heart centre if the patient is highly developed—which presumably the healer can be supposed to know from character indications and the effectiveness of his life. Or the approach can be through the throat centre or the solar plexus centre if the patient is an ordinary and average advanced person; if he is quite undeveloped and relatively a low grade human being, the exact point through which relief will come will be the solar plexus centre or the sacral centre. It is interesting to note that when a

Khi sự phân cực của phàm ngã được biết, hai sự kiện chính xuất hiện: điểm tiếp cận sẽ hoặc là qua trung tâm đầu hoặc trung tâm tim *nếu* bệnh nhân phát triển cao—điều mà có thể giả định là nhà chữa lành biết được từ các dấu hiệu tính cách và hiệu quả của đời sống y. Hoặc sự tiếp cận có thể là qua trung tâm cổ họng hoặc trung tâm tùng thái dương *nếu* bệnh nhân là một người bình thường và trung bình nhưng tiến bộ; nếu y hoàn toàn kém phát triển và tương đối là một con người ở cấp thấp, thì điểm chính xác mà qua đó sự giải tỏa sẽ đến sẽ là trung tâm tùng thái dương hoặc trung tâm xương cùng. Thật thú vị khi lưu ý rằng khi một

man is so low in the evolutionary scale that he must be etherically reached via the sacral centre, he is often quite easily cured and will respond more rapidly to what is oft called "etheric manipulation" than will other types. One reason for this is that his mind and his emotions present no real obstacles, and all available energies can be directed unimpeded to the diseased area.

người ở thấp đến mức trên thang tiến hoá đến nỗi phải được tiếp cận về mặt dĩ thái qua trung tâm xương cùng, thì y thường được chữa khá dễ dàng và sẽ đáp ứng nhanh hơn với điều thường được gọi là "thao tác dĩ thái" so với các loại người khác. Một lý do cho điều này là trí tuệ và cảm xúc của y không tạo ra trở ngại thực sự nào, và mọi năng lượng sẵn có đều có thể được hướng đến vùng bệnh mà không bị cản trở.

If the healer is clairvoyant, he can with facility ascertain the point of entry of the healing forces, because the "entering light" will then be the brightest, the light of the centre itself will convey the needed information. If he is a very advanced healer, he will not use any form of psychic perception but will react immediately upon contact to an impression so powerful, coming from the patient, that it cannot be denied and is probably entirely correct and to be depended upon. It must be remembered, however, that owing to the integrity of the human soul, and to the fact that every soul is in its own nature a Master, there will be always a margin of error where the healer is concerned, even if he is an initiate—healer; there will be evidence to him of a point where the spiritual man (of which the patient is only [552] a reflection) controls, and beyond which—except as a soul on an equal basis with the patient's soul —he cannot and dare not go. There are conditions, for instance, in which an advanced disciple or a high initiate (for definite purpose of vacating his physical vehicle) may be permitting the forces of disintegration, of limitation and of destruction to be breaking down and destroying his physical outer form. When this is the case, the healer may not be aware of the intention; he will, however, be aware

Nếu nhà chữa lành là người thông nhãn, y có thể dễ dàng xác định điểm đi vào của các mãnh lực chữa lành, bởi vì "ánh sáng đi vào" khi đó sẽ sáng nhất, ánh sáng của chính trung tâm sẽ truyền đạt thông tin cần thiết. Nếu y là một nhà chữa lành rất tiến bộ, y sẽ không sử dụng bất kỳ hình thức tri giác thông linh nào mà sẽ đáp ứng ngay khi tiếp xúc với một ấn tượng mạnh mẽ đến từ bệnh nhân, mạnh đến mức không thể phủ nhận và có lẽ hoàn toàn đúng đắn và có thể tin cậy được. Tuy nhiên, phải nhớ rằng do tính toàn vẹn của linh hồn con người, và do sự kiện rằng mọi linh hồn trong bản chất riêng của nó là một Chân sư, nên luôn luôn sẽ có một biên độ sai số đối với nhà chữa lành, ngay cả khi y là một điểm đạo đồ—nhà chữa lành; đối với y sẽ có bằng chứng về một điểm mà con người tinh thần (mà bệnh nhân chỉ là [552] một phản ánh) kiểm soát, và vượt quá điểm đó—ngoại trừ như một linh hồn trên cơ sở bình đẳng với linh hồn của bệnh nhân —y không thể và không dám đi xa hơn. Chẳng hạn, có những tình trạng trong đó một đệ tử tiến bộ hoặc một điểm đạo đồ cao cấp (với mục đích xác định là rời bỏ vận cụ hồng trần của mình) có thể đang cho phép các mãnh lực phân rã, giới hạn và hủy diệt phá vỡ và hủy hoại hình tướng bên ngoài hồng trần của mình. Khi điều này xảy ra, nhà chữa lành có thể không nhận biết được ý định ấy; tuy nhiên, y sẽ nhận biết được sự

of opposition and will be forced to desist from his efforts to heal.

chống đối và sẽ buộc phải ngừng các nỗ lực chữa lành của mình.

When the patient is a strictly mental type, and the approach to the healing process must be through a higher centre, the head centre, the healer will be wise to gain the conscious cooperation of the patient so that their two wills will function in unison; this will entail a positive relationship between the two. When the patient is not so highly developed, the healer will have to strive for a spirit of hopeful acquiescence in the man; the emotional nature will be stronger in this case than in the more advanced type and the task of the healer consequently harder. He will have, very frequently, to combat anxiety, emotional reactions of diverse kinds, fear and forebodings. The psychological condition will therefore be fluid, and the healer will have much to do to aid the patient to preserve a constancy of emotional reaction and to become calm and quiescent. This quiet reaction has to be attained if the healing energies are to pass effectively to the right centre and its controlled area. This can be brought about by the establishing of a harmonious rapport between the healer and the patient, prior to any healing process. Healers in the New Age will also establish their own clientele, just as physicians do today, and so learn to know the constitution and the temperament of those they may be called upon to help; they will also educate them in certain healing processes and techniques [553] in preparation for their use later, if needed; this time, however, still lies far ahead.

Khi bệnh nhân là một loại người thuần trí tuệ, và sự tiếp cận đến tiến trình chữa lành phải qua một trung tâm cao hơn, trung tâm đầu, thì nhà chữa lành sẽ khôn ngoan nếu giành được sự hợp tác có ý thức của bệnh nhân để hai ý chí của họ hoạt động đồng nhất; điều này sẽ đòi hỏi một mối liên hệ tích cực giữa hai người. Khi bệnh nhân không phát triển cao như vậy, nhà chữa lành sẽ phải cố gắng tạo ra nơi người ấy một tinh thần chấp thuận đầy hy vọng; trong trường hợp này bản chất cảm xúc sẽ mạnh hơn so với loại người tiến bộ hơn và do đó nhiệm vụ của nhà chữa lành sẽ khó hơn. Rất thường xuyên, y sẽ phải chống lại sự lo âu, các phản ứng cảm xúc đủ loại, nỗi sợ hãi và những linh cảm xấu. Vì vậy, tình trạng tâm lý sẽ linh động, và nhà chữa lành sẽ phải làm nhiều việc để giúp bệnh nhân giữ được sự ổn định trong phản ứng cảm xúc và trở nên bình tĩnh và yên lặng. Phản ứng yên tĩnh này phải đạt được nếu các năng lượng chữa lành muốn đi qua một cách hữu hiệu đến đúng trung tâm và vùng do nó kiểm soát. Điều này có thể được mang lại bằng cách thiết lập một sự tương giao hài hòa giữa nhà chữa lành và bệnh nhân trước bất kỳ tiến trình chữa lành nào. Các nhà chữa lành trong Kỷ Nguyên Mới cũng sẽ thiết lập nhóm bệnh nhân riêng của mình, giống như các thầy thuốc ngày nay, và nhờ đó học biết cấu tạo và khí chất của những người mà họ có thể được kêu gọi giúp đỡ; họ cũng sẽ giáo dục những người ấy về một số tiến trình và kỹ thuật chữa lành [553] để chuẩn bị cho việc sử dụng chúng về sau, nếu cần; tuy nhiên, thời điểm ấy vẫn còn rất xa phía trước.

When the patient is an undeveloped human being and low down in the evolutionary scale, he will be controlled psychologically

Khi bệnh nhân là một con người kém phát triển và ở thấp trên thang tiến hoá, y sẽ được kiểm soát về mặt tâm lý bởi phàm ngã đã

by the consecrated personality of the healer and by the imposition of the healers' will upon the etheric body of the patient. This does not mean the imposition of the energy of the will upon a negative person, thereby impelling the patient to action and imperilling even the very small measure of freewill which he possesses; it means the imposition of the authority of knowledge and of spiritual stabilisation upon the patient, thereby instilling confidence and a willingness to be obedient.

được thánh hiến của nhà chữa lành và bởi *sự áp đặt* ý chí của nhà chữa lành lên thể dĩ thái của bệnh nhân. Điều này không có nghĩa là áp đặt năng lượng của ý chí lên một người thụ động, do đó thúc đẩy bệnh nhân hành động và gây nguy hiểm ngay cả cho mức độ tự do ý chí rất nhỏ mà y sở hữu; nó có nghĩa là áp đặt thẩm quyền của tri thức và của sự ổn định tinh thần lên bệnh nhân, nhờ đó gieo vào lòng tin và sự sẵn lòng vâng phục.

You have here the first steps which the healer must take in dealing with the patient and with the psyche, the lower psyche of the patient. They are three in number:

Ở đây bạn có những bước đầu tiên mà nhà chữa lành phải thực hiện khi xử lý bệnh nhân và với psyche, tức hạ psyche của bệnh nhân. Chúng có ba bước:

1. Gaining the cooperation of the personality of the advanced man; it is only the personality which requires healing.

1. Giành được sự hợp tác của phàm ngã nơi người tiến bộ; chỉ có phàm ngã là cần được chữa lành.

2. Bringing about a condition of hopeful acquiescence on the part of the personality of the average man; he is not as yet capable of intelligent cooperation, but he can so handle himself that he reduces personality hindrances to a minimum.

2. Mang lại một tình trạng chấp thuận đầy hy vọng nơi phàm ngã của người trung bình; y chưa có khả năng hợp tác một cách thông minh, nhưng y có thể tự xử sự sao cho giảm thiểu các cản trở của phàm ngã đến mức thấp nhất.

3. Inducing confident obedience to the suggestions of the healer. This is all that the undeveloped man can do.

3. Gây ra sự vâng phục *đầy tin cậy* đối với các gợi ý của nhà chữa lành. Đó là tất cả những gì người kém phát triển có thể làm.

It will be obvious to you that broad generalisations such as the above do not cover every type of man and the many intermediate types and stages. The healer will need to be a true lover of his fellowmen and a trained psychologist as well; this means that he will have to practice as a soul and also as a perceptive mind.

Bạn sẽ thấy rõ rằng những khái quát rộng như trên không bao quát mọi loại người và nhiều loại cùng giai đoạn trung gian. Nhà chữa lành sẽ cần phải là một người thực sự yêu thương đồng loại của mình và đồng thời là một nhà tâm lý học được đào luyện; điều này có nghĩa là y sẽ phải thực hành như một linh hồn và cũng như một trí tuệ có tri giác.

[554]

[554]

Another point should here be noted. One problem which the healer will have to face with mental types will be the tendency to preserve all energies coming from the soul either in the head, or at least above the diaphragm; this does not mean that all the areas of the body below the diaphragm are not habitually supplied with the needed energies, but that there the functioning is largely automatic and the man is not in the habit of consciously directing energy to the centre and the area it controls, when below the diaphragm. It may be necessary to instruct him so to do, if he is attempting to collaborate with the healer and seeks to bring about a cure. His mental focus and the activity of the head centre will be a great help, provided he accepts instruction in the art of energy direction. This he can usually do if not too ill or too preoccupied with the preservation of a conscious contact with his body. When he is unable to focus his attention, either through pain or through lack of physical consciousness or profound weakness, the healer will have to work primarily as soul with soul, and trust that the rapport between the patient's soul and the etheric body will be adequate to promote a cure, if that is the destiny of the man.

Một điểm khác cũng nên được lưu ý ở đây. Một vấn đề mà nhà chữa lành sẽ phải đối diện với các loại người trí tuệ sẽ là khuynh hướng giữ tất cả các năng lượng đến từ linh hồn hoặc trong đầu, hoặc ít nhất là phía trên cơ hoành; điều này không có nghĩa là mọi vùng của cơ thể dưới cơ hoành không thường xuyên được cung cấp các năng lượng cần thiết, mà là ở đó sự vận hành phần lớn là tự động và con người không có thói quen có ý thức hướng năng lượng đến trung tâm và vùng mà nó kiểm soát, khi ở dưới cơ hoành. Có thể cần phải hướng dẫn y làm như vậy, nếu y đang cố gắng cộng tác với nhà chữa lành và tìm cách mang lại sự chữa khỏi. Sự tập trung trí tuệ của y và hoạt động của trung tâm đầu sẽ là một trợ giúp lớn, miễn là y chấp nhận sự hướng dẫn trong nghệ thuật định hướng năng lượng. Điều này y thường có thể làm được nếu không quá bệnh hoặc không quá bận tâm với việc duy trì sự tiếp xúc có ý thức với cơ thể mình. Khi y không thể tập trung sự chú ý, hoặc vì đau đớn hoặc vì không còn ý thức về thể xác hay vì quá suy yếu, nhà chữa lành sẽ phải làm việc chủ yếu như linh hồn với linh hồn, và tin tưởng rằng sự tương giao giữa linh hồn của bệnh nhân và thể dĩ thái sẽ đủ để thúc đẩy sự chữa khỏi, nếu đó là số mệnh của người ấy.

Where the source of the trouble lies in the emotional or astral body, the task of the healer is not so easy; he has then to work, focussed as a soul in his head centre, but directing the needed energy and controlling the patient's emotional nature via his correctly oriented solar plexus centre. I refer here to the healer's solar plexus centre, which is one which he does not as a general rule employ as a point of focus or attention in his own life. The healer has a gained facility in the use of all his centres at will, regarding them as distributing points of directed energy. This directed energy, I

Khi nguồn gốc của rắc rối nằm trong thể cảm dục hay thể cảm xúc, nhiệm vụ của nhà chữa lành không dễ dàng như vậy; khi đó y phải làm việc, tập trung như một linh hồn trong trung tâm đầu của mình, nhưng định hướng năng lượng cần thiết và kiểm soát bản chất cảm xúc của bệnh nhân thông qua trung tâm tùng thái dương được định hướng đúng đắn của mình. Ở đây tôi nói đến trung tâm tùng thái dương của nhà chữa lành, vốn là một trung tâm mà theo quy luật chung y không dùng như một điểm tập trung hay chú ý trong đời sống riêng của mình. Nhà chữa lành đã đạt được sự thành thạo trong

would have you note, is now directed towards healing, but is the soul energy of the healer directed towards [555] bringing some centre in the patient's body under control, owing to the emotionalism which the patient displays, and towards reorganising it as a centre for reception of the healing energies emanating from the patient's soul—a very different matter and one which must be most carefully borne in mind.

việc sử dụng tất cả các trung tâm của mình theo ý muốn, xem chúng như những điểm phân phối của năng lượng được định hướng. Tôi muốn bạn lưu ý rằng năng lượng được định hướng này hiện nay được định hướng đến việc chữa lành, nhưng đó là năng lượng linh hồn của nhà chữa lành được định hướng đến [555] việc đưa một trung tâm nào đó trong cơ thể bệnh nhân vào vòng kiểm soát, do tính cảm xúc mà bệnh nhân biểu lộ, và đến việc tái tổ chức nó như một trung tâm để tiếp nhận các năng lượng chữa lành phát ra từ linh hồn của bệnh nhân—một vấn đề rất khác và phải được ghi nhớ hết sức cẩn thận.

The healer, therefore, uses two centres, normally speaking: his own head centre and that centre in his own body which corresponds to the area which is diseased and its controlling centre. There has to be in every successful healing the establishing of a sympathetic relationship. As an ancient book in the Masters' Archives puts it: "Soul to soul, the two are one; point to point, together must they suffer; place to place, they find themselves allied, and thus the dual stream of energy results in cure."

Vì vậy, nói chung nhà chữa lành sử dụng hai trung tâm: trung tâm đầu của chính mình và trung tâm trong chính cơ thể mình tương ứng với vùng bị bệnh và trung tâm kiểm soát vùng ấy. Trong mọi sự chữa lành thành công phải có sự thiết lập một mối liên hệ cảm thông. Như một cuốn sách cổ trong Văn Khố của các Chân sư đã nói: "Linh hồn với linh hồn, cả hai là một; điểm với điểm, cùng nhau họ phải chịu đau khổ; chỗ với chỗ, họ thấy mình liên kết, và như vậy dòng năng lượng kép mang lại sự chữa lành."

One of the major difficulties with which the healer is faced, particularly if relatively inexperienced, is the result of this established sympathetic relation. There is apt to occur what we might call "transference." The healer takes on or takes over the condition of disease or discomfort, not in fact but symptomatically. This can incapacitate him or at least intercept the free activity of the healing process. It is a glamour and an illusion and is based on the healer's achieved capacity to identify himself with his patient; it also is founded on his anxiety and great desire to bring relief. The healer has become so preoccupied

Một trong những khó khăn lớn mà nhà chữa lành phải đối diện, đặc biệt nếu còn tương đối thiếu kinh nghiệm, là kết quả của mối liên hệ cảm thông đã được thiết lập này. Điều mà chúng ta có thể gọi là "sự chuyển giao" rất dễ xảy ra. Nhà chữa lành tiếp nhận hay gánh lấy tình trạng bệnh tật hoặc khó chịu, không phải trên thực tế mà về mặt triệu chứng. Điều này có thể làm y mất khả năng hoạt động hoặc ít nhất ngăn chặn hoạt động tự do của tiến trình chữa lành. Đó là một ảo cảm và một ảo tưởng, và dựa trên năng lực đã đạt được của nhà chữa lành trong việc đồng hoá với bệnh nhân của mình; nó cũng dựa trên sự lo âu và ước muốn lớn lao của y

with the patient's need, and so decentralised from his own identified and positive consciousness, that inadvertently he has become negative and temporarily unprotected. The cure for this, if the healer discovers in himself this tendency, is to work through the heart centre as well as the head centre, and thus keep a steady flow of the positive energy of love pouring out towards the patient. This will insulate him from the disease, but not from the patient. He can do this by working [556] through the heart centre within the brahmarandra (the head centre) and greatly increase the potency of his healing work; however, it presupposes a high degree of development on the healer's part. The average spiritual healer will have to link up head and heart centres by a definite act of the will. He will then realise that the love pouring from him to the patient will prevent any return of the undesirable emanations from the patient which have been flowing towards him; this because if such a flow existed, it would militate against the patient being healed.

là mang lại sự giải tỏa. Nhà chữa lành đã trở nên quá bận tâm với nhu cầu của bệnh nhân, và quá rời xa tâm thức tự đồng nhất và chủ động của chính mình, đến nỗi vô tình y đã trở nên thụ động và tạm thời không được bảo vệ. Phương thuốc cho điều này, nếu nhà chữa lành phát hiện nơi mình khuynh hướng ấy, là làm việc qua trung tâm tim cũng như trung tâm đầu, và nhờ đó giữ một dòng chảy ổn định của năng lượng tích cực của tình thương tuôn ra hướng về bệnh nhân. Điều này sẽ cách ly y khỏi bệnh tật, nhưng không khỏi bệnh nhân. Y có thể làm điều này bằng cách làm việc [556] qua trung tâm tim bên trong *brahmarandra* (trung tâm đầu) và gia tăng rất nhiều hiệu lực của công việc chữa lành của mình; tuy nhiên, điều đó giả định một mức độ phát triển cao nơi nhà chữa lành. Nhà chữa lành tinh thần trung bình sẽ phải nối kết trung tâm đầu và trung tâm tim bằng một hành vi xác định của ý chí. Khi đó y sẽ nhận ra rằng tình thương tuôn ra từ y đến bệnh nhân sẽ ngăn chặn bất kỳ sự quay trở lại nào của những phát xạ không mong muốn từ bệnh nhân đã chảy về phía y; điều này là vì nếu có một dòng chảy như vậy, nó sẽ cản trở việc bệnh nhân được chữa lành.

The healer who responds to the inner urge to heal will face, as you can see, a very severe course of training before his own equipment —personality, etheric body and its centres— are brought into such submission to the soul that they offer no obstruction to the healing art. He has therefore to learn in connection with himself:

Như bạn có thể thấy, nhà chữa lành đáp ứng với thôi thúc bên trong để chữa lành sẽ phải đối diện với một khóa huấn luyện rất nghiêm khắc trước khi chính bộ máy của y— phàm ngã, thể dĩ thái và các trung tâm của nó—được đưa vào sự phục tùng đối với linh hồn đến mức chúng không gây cản trở nào cho nghệ thuật chữa lành. Vì vậy, liên quan đến chính mình, y phải học:

1. Rapid alignment between soul, mind, head centre and physical brain.

1. Sự chỉnh hợp nhanh chóng giữa linh hồn, thể trí, trung tâm đầu và bộ não hồng trần.

2. The use of the mind, illumined by the soul, in the psychological diagnosis of the

causes of the disease which he proposes to handle.

2. Việc sử dụng thể trí được linh hồn soi sáng, trong chẩn đoán tâm lý các nguyên nhân của bệnh mà y dự định xử lý.

3. Methods for establishing a sympathetic rapport with the patient.

3. Các phương pháp thiết lập một sự tương giao cảm thông với bệnh nhân.

4. Modes of protecting himself from any transference brought about through this rapport.

4. Các cách tự bảo vệ mình khỏi bất kỳ sự chuyển giao nào được mang lại qua sự tương giao này.

5. The establishing of a right relation with the patient of either cooperation, acquiescence or spiritual control.

5. Việc thiết lập một mối liên hệ đúng đắn với bệnh nhân theo kiểu hợp tác, chấp thuận hay kiểm soát tinh thần.

6. Physical diagnosis and the locating of the area to which relief must come, via the controlling centre.

6. Chẩn đoán hồng trần và xác định vùng mà sự giải tỏa phải đến, thông qua trung tâm kiểm soát.

7. The art of cooperation with the patient's soul so that his etheric body focusses all its inflowing energies in order to bring relief to the diseased area. This involves the direct activity of the healer's etheric body in connection [557] with a renewed activity on the part of the patient's etheric body.

7. Nghệ thuật hợp tác với linh hồn của bệnh nhân để thể dĩ thái của y tập trung tất cả các năng lượng chảy vào nó nhằm mang lại sự giải tỏa cho vùng bị bệnh. Điều này bao hàm hoạt động trực tiếp của thể dĩ thái của nhà chữa lành trong mối liên hệ [557] với một hoạt động được đổi mới nơi thể dĩ thái của bệnh nhân.

8. The technique of withdrawing his healing power when that of the patient is adequate to the undertaking.

8. Kỹ thuật rút lại quyền năng chữa lành của mình khi quyền năng của bệnh nhân đã đủ cho công việc ấy.

I feel that I have here given you all that you need for immediate study and reflection. I have shown you that the healing art is not a vague mystical process, or wishful thinking and simple good intentions. I have indicated that it presupposes the mastering of the science of soul contact, first of all: the constant practice of alignment, and the comprehension of the Science of the Centres, or—literally—a modern form of Laya-Yoga. Healers in the future will undergo years of

Tôi cảm thấy rằng ở đây tôi đã trao cho bạn tất cả những gì bạn cần để nghiên cứu và suy ngẫm ngay lúc này. Tôi đã chỉ cho bạn thấy rằng nghệ thuật chữa lành không phải là một tiến trình thần bí mơ hồ, hay sự mong ước viển vông và những thiện ý đơn giản. Tôi đã chỉ ra rằng nó giả định trước hết việc làm chủ khoa học tiếp xúc linh hồn: sự thực hành chỉnh hợp liên tục, và sự thấu hiểu Khoa Học về các Trung Tâm, hay—nói theo nghĩa đen—một hình thức hiện đại của

drastic training, and this need cause no surprise, for the ordinary medical profession calls for years of hard study and work. Many healers in the New Age will combine orthodox study and knowledge with the art of spiritual healing.

Laya-Yoga. Các nhà chữa lành trong tương lai sẽ trải qua nhiều năm huấn luyện nghiêm khắc, và điều này không cần gây ngạc nhiên, vì ngành y thông thường đòi hỏi nhiều năm học tập và làm việc gian khổ. Nhiều nhà chữa lành trong Kỷ Nguyên Mới sẽ kết hợp việc học tập và tri thức chính thống với nghệ thuật chữa lành tinh thần.

When trained healers, with perception, with a full working knowledge of the etheric body, with an understanding of the energies which compose it or which it does or can transmit, of the subtle constitution of man and of the methods of directing energies from one point and location to another, can work with full medical knowledge or in full collaboration with the orthodox physician or surgeon, then tremendous changes will be brought about. Great enlightenment will reach the race of man.

Khi những nhà chữa lành được đào luyện, có tri giác, có tri thức thực hành đầy đủ về thể dĩ thái, có sự thấu hiểu các năng lượng cấu thành nó hoặc những năng lượng mà nó đang hay có thể truyền dẫn, về cấu tạo vi tế của con người và về các phương pháp định hướng năng lượng từ điểm và vị trí này sang điểm và vị trí khác, có thể làm việc với đầy đủ tri thức y học hoặc trong sự cộng tác trọn vẹn với thầy thuốc hay phẫu thuật gia chính thống, thì những thay đổi to lớn sẽ được mang lại. Sự soi sáng lớn lao sẽ đến với nhân loại.

It is for this that we must prepare—not primarily for the healing of the physical body, but because of the expansion of the consciousness of the race that this new and esoteric study will bring about.

Chính cho điều này mà chúng ta phải chuẩn bị—không phải chủ yếu cho việc chữa lành thể xác, mà bởi vì sự mở rộng tâm thức của nhân loại mà môn nghiên cứu mới và nội môn này sẽ mang lại.

We have dealt with a number of fundamental realities which it is essential that all healers—endeavouring to work with the new type of esoteric healing—must master; what [558] I said, therefore, is of major importance. Each point made by me could form the basis of prolonged discussion, but (in this treatise) that is not possible, for I seek only to give indication of future possibilities. I seek also to foment distrust in the present approach of the metaphysical world to this subject of disease and its cure, and to undermine—if I may use so drastic an expression—the confidence of the public in the so-called New Age modes of

Chúng ta đã bàn đến một số thực tại căn bản mà điều thiết yếu là mọi nhà chữa lành—đang nỗ lực làm việc với loại chữa lành nội môn mới—phải làm chủ; vì thế, điều [558] tôi đã nói có tầm quan trọng lớn lao. Mỗi điểm tôi nêu ra đều có thể làm cơ sở cho một cuộc thảo luận kéo dài, nhưng (trong bộ luận này) điều đó là không thể, vì tôi chỉ tìm cách đưa ra chỉ dẫn về những khả năng tương lai. Tôi cũng tìm cách khơi dậy sự ngờ vực đối với cách tiếp cận hiện nay của thế giới siêu hình học đối với chủ đề bệnh tật và sự chữa trị của nó, và làm suy yếu—nếu tôi có thể dùng một cách diễn đạt mạnh như vậy—niềm tin của công chúng vào những phương

healing, in the methods of the Christian Scientist, of Mental Science, and of all those schools of thought which deal with healing from the angle of affirmation—affirmation of man's divinity and the claim that that inherent and innate divinity guarantees his healing. This claim is a glamour and a delusion, as I have oft sought to show.

thức chữa lành được gọi là của Kỷ Nguyên Mới, vào các phương pháp của Christian Scientist, của Mental Science, và của tất cả những trường phái tư tưởng xử lý việc chữa lành từ góc độ khẳng định—khẳng định thiên tính của con người và tuyên bố rằng thiên tính cố hữu và bẩm sinh ấy bảo đảm cho sự chữa lành của y. Tuyên bố này là một ảo cảm và một ảo tưởng, như tôi đã thường tìm cách chỉ ra.

Today we deal with a law which (if properly under stood) proves home inadequate is the approach of the modern metaphysician to this subject and—though it puts our instructions on healing on a sound basis—it postpones the era of truly occult healing quite definitely to a more distant time. This third law runs as follows:

Hôm nay chúng ta bàn đến một định luật mà (nếu được thấu hiểu đúng đắn) chứng minh rõ cách tiếp cận của nhà siêu hình học hiện đại đối với chủ đề này là thiếu sót biết bao và —dù nó đặt các huấn thị của chúng ta về chữa lành trên một nền tảng vững chắc—nó lại dời thời đại của sự chữa lành thực sự huyền bí học đến một thời điểm xa hơn một cách rất rõ rệt. Định luật thứ ba này như sau:

LAW III — ĐỊNH LUẬT III

Disease is an effect of the basic centralisation of a man's life energy. From the Plane whereon those energies are focussed proceed those determining conditions which produce ill health. These, therefore, work out as disease or as freedom from disease.

Bệnh tật là hệ quả của sự tập trung căn bản năng lượng sự sống của một người. Từ cõi nơi những năng lượng ấy tập trung phát sinh các điều kiện quyết định tạo nên tình trạng sức khỏe kém. Vì vậy, những điều kiện này biểu hiện thành bệnh tật hoặc thành sự thoát khỏi bệnh tật.

This law indicates that one of the primary determinations at which the healer must arrive is that of the level of consciousness from which the predominating energy in the etheric body emanates. I would remind you here that in The Secret Doctrine, H.P.B. states that a plane and a state of consciousness are synonymous terms, and entirely interchangeable; in all my writing I seek to emphasise not [559] the level of matter or substance (a plane, as it is called), but the

Định luật này chỉ ra rằng một trong những xác định sơ khởi mà nhà chữa lành phải đạt đến là xác định cấp độ tâm thức mà từ đó năng lượng chi phối trong thể dĩ thái phát ra. Ở đây tôi muốn nhắc bạn rằng trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, H.P.B. phát biểu rằng một cõi và một trạng thái tâm thức là những thuật ngữ đồng nghĩa, và hoàn toàn có thể thay thế cho nhau; trong tất cả các trước tác của tôi, tôi tìm cách nhấn mạnh không phải [559] cấp độ của vật chất hay chất liệu (một cõi, như

consciousness which expresses itself in that environing area of conscious substance.

nó được gọi), mà là tâm thức tự biểu lộ trong vùng chất liệu hữu thức bao quanh ấy.

We are assured in this ancient law that disease is an elect of the basic centralisation of a man's life energy. This life energy is not the same as the energy or force of consciousness, but consciousness is ever the directing factor in every expression of the indwelling life, for there is basically only one major energy—life energy. Where the consciousness of the man is focussed, there the life energy will gather its forces. If the consciousness is focussed on the mental plane or upon the astral plane, the life energy will not be so strongly focussed and anchored in the heart centre (the centre where the life principle is found), but only a part of its vital energy will find its way into the physical body, via the etheric vehicle. The greater part will be retained (to use an inadequate word) upon the plane where the consciousness is predominantly functioning or—to word it otherwise—it will be conditioned in expression by the state of consciousness, corresponding to that level of awareness or place of contact with the divine Whole or the divine Consciousness which the point in evolution of the man makes possible.

Trong định luật cổ xưa này, chúng ta được bảo đảm rằng bệnh tật là một hậu quả của sự tập trung căn bản của năng lượng sự sống của một người. Năng lượng sự sống này không giống với năng lượng hay mãnh lực của tâm thức, nhưng tâm thức luôn luôn là yếu tố định hướng trong mọi biểu hiện của sự sống nội tại, vì về căn bản chỉ có một năng lượng chính—năng lượng sự sống. Tâm thức của con người được tập trung ở đâu, ở đó năng lượng sự sống sẽ tập hợp các mãnh lực của nó. Nếu tâm thức được tập trung trên cõi trí hay trên cõi cảm dục, thì năng lượng sự sống sẽ không được tập trung và neo giữ mạnh mẽ như vậy trong trung tâm tim (trung tâm nơi nguyên khí sự sống được tìm thấy), mà chỉ một phần năng lượng sinh lực của nó sẽ tìm đường đi vào thể xác, thông qua vận cụ dĩ thái. Phần lớn hơn sẽ được giữ lại (dùng một từ không đầy đủ) trên cõi mà ở đó tâm thức đang hoạt động chủ yếu hoặc—nói cách khác—biểu hiện của nó sẽ chịu sự định hình của trạng thái tâm thức tương ứng với cấp độ nhận biết ấy hay nơi tiếp xúc với Toàn Thể thiêng liêng hoặc Tâm Thức thiêng liêng mà điểm tiến hoá của con người làm cho có thể.

The task of the healer is therefore to find out where this focus of consciousness is to be found; this brings us back to a point I made anent the patient being essentially either a mental or an emotional type, and very, very rarely indeed purely physical in his consciousness. Where the consciousness is stabilised in that of the soul, there will be little disease present and the physical difficulties of the highly developed patient will then be associated with the impact of the soul energy upon an unready physical vehicle; at that stage only certain of the

Vì vậy, nhiệm vụ của nhà chữa lành là tìm ra nơi nào có thể tìm thấy tiêu điểm tâm thức này; điều này đưa chúng ta trở lại điểm tôi đã nêu về việc bệnh nhân về bản chất hoặc là loại người trí tuệ hoặc là loại người cảm xúc, và rất, rất hiếm khi thuần túy hồng trần trong tâm thức của mình. Khi tâm thức được ổn định trong tâm thức của linh hồn, sẽ có rất ít bệnh tật hiện diện và những khó khăn hồng trần của bệnh nhân phát triển cao khi đó sẽ gắn liền với tác động của năng lượng linh hồn lên một vận cụ hồng trần chưa sẵn sàng; ở giai đoạn đó chỉ một số bệnh lớn mới

major diseases will affect him. He will not be susceptible to the little complaints and the [560] constant small infections which render the life of the average man or of the undeveloped man so trying and difficult. He may suffer from heart trouble, from nervous diseases, and from complaints affecting the upper part of the body and those areas which are controlled by the centres above the diaphragm; however, the difficulties brought about through the minor etheric centres (of which there are many), or by the centres below the diaphragm, will not usually be present—unless (as can be the case in a very advanced disciple) he is deliberately taking on conditions engendered by his world service for men.

ảnh hưởng đến y. Y sẽ không dễ bị những chứng bệnh nhỏ và những nhiễm trùng lặt vặt thường xuyên [560] vốn làm cho đời sống của người trung bình hay của người kém phát triển trở nên quá nhọc nhằn và khó khăn. Y có thể chịu đựng bệnh tim, các bệnh thần kinh, và những chứng bệnh ảnh hưởng đến phần trên của cơ thể và những vùng được kiểm soát bởi các trung tâm phía trên cơ hoành; tuy nhiên, những khó khăn do các trung tâm dĩ thái phụ (mà có rất nhiều) hoặc do các trung tâm dưới cơ hoành gây ra thường sẽ không hiện diện—trừ phi (như có thể xảy ra nơi một đệ tử rất tiến bộ) y đang cố ý gánh lấy những tình trạng được tạo ra bởi sự phụng sự thế gian của mình cho nhân loại.

As the majority of human beings are at this time centralised on the astral plane (or in the astral body), a clue to one of the greatest sources of disease immediately becomes apparent. When the consciousness of the race shifts on to the mental plane—and this is slowly taking place—then the more widely known and prevalent diseases will die out and only the diseases of mental types or the diseases of disciples will remain to disturb the peace of individual man. With these I have dealt in an earlier volume of this treatise. (A Treatise on the Seven Rays, Vol. II, Page 520-625)

Vì đa số nhân loại hiện nay được tập trung trên cõi cảm dục (hay trong thể cảm dục), nên một đầu mối về một trong những nguồn gốc lớn nhất của bệnh tật lập tức trở nên rõ ràng. Khi tâm thức của nhân loại chuyển sang cõi trí—và điều này đang từ từ diễn ra—thì những bệnh tật được biết đến rộng rãi hơn và phổ biến hơn sẽ biến mất và chỉ còn lại những bệnh của các loại người trí tuệ hay những bệnh của các đệ tử làm xáo trộn sự bình an của cá nhân con người. Tôi đã bàn đến những điều này trong một tập trước của bộ luận này. *(Luận về Bảy Cung, Tập II, Trang 520-625)*

Mental Science is right in its recognition that it is the emotions of men (as expressed in that feeble imitation of reality which they call thought) which are responsible for much disease. They are right in their effort to make the patient change his emotional attitudes and to react to life and circumstances and people along a different line. But they are hopelessly wrong in believing that that is sufficient; in their ignoring of all scientific procedures

Mental Science đúng trong sự công nhận của họ rằng chính các cảm xúc của con người (như được biểu lộ trong sự bắt chước yếu ớt thực tại mà họ gọi là tư tưởng) chịu trách nhiệm cho nhiều bệnh tật. Họ đúng trong nỗ lực làm cho bệnh nhân thay đổi các thái độ cảm xúc của mình và đáp ứng với đời sống, hoàn cảnh và con người theo một đường hướng khác. Nhưng họ hoàn toàn sai lầm khi tin rằng như thế là đủ; trong việc họ bỏ qua mọi thủ tục khoa học liên quan đến thể

connected with the etheric body, they have nothing which relates the emotional nature to the physical vehicle, and therefore there is a gap in their reasoning and a consequent fault in their [561] technique. This renders their activities futile, except from the character angle. When they do bring about a healing, it is because in any case the patient was predestined to recover, but they have served a useful purpose in correcting a character condition in which he was in constant danger of disease. They have not brought a cure, and in claiming it both the healer and the patient are deceived. All deception is dangerous and hindering.

dĩ thái, họ không có gì nối kết bản chất cảm xúc với vận cụ hồng trần, và do đó có một khoảng trống trong lý luận của họ và một sai sót kéo theo trong [561] kỹ thuật của họ. Điều này làm cho các hoạt động của họ trở nên vô hiệu, ngoại trừ từ góc độ tính cách. Khi họ thực sự mang lại một sự chữa lành, đó là vì trong bất kỳ trường hợp nào bệnh nhân đã được tiền định là sẽ hồi phục, nhưng họ đã phục vụ một mục đích hữu ích trong việc sửa chữa một tình trạng tính cách mà trong đó y luôn luôn có nguy cơ mắc bệnh. Họ đã không mang lại một sự chữa khỏi, và khi tuyên bố như vậy thì cả nhà chữa lành lẫn bệnh nhân đều bị lừa dối. Mọi sự lừa dối đều nguy hiểm và gây cản trở.

It might be of service here if I indicate along broad and general lines some of the types of disease which a centralisation of the life force upon the astral plane, for instance, could produce. I shall but list them; I will not deal with them in any detail for until the modern healer recognises the fact of the etheric body, and works scientifically and intelligently with it and its controlling centres of force, anything I could say of procedure would be futile. I am endeavouring at this time to promote certain basic acceptances—such as the fact of the existence of the etheric body.

Ở đây có thể hữu ích nếu tôi chỉ ra theo những nét rộng và tổng quát một số loại bệnh mà chẳng hạn sự tập trung của lực sự sống trên cõi cảm dục có thể tạo ra. Tôi sẽ chỉ liệt kê chúng; tôi sẽ không bàn đến chúng chi tiết, vì cho đến khi nhà chữa lành hiện đại công nhận *sự kiện về thể dĩ thái*, và làm việc một cách khoa học và thông minh với nó cùng các trung tâm mãnh lực kiểm soát của nó, thì bất cứ điều gì tôi có thể nói về thủ tục đều sẽ vô ích. Hiện nay tôi đang cố gắng thúc đẩy một số sự chấp nhận căn bản—chẳng hạn như sự kiện về sự tồn tại của thể dĩ thái.

1. Constant introspection, all forms of morbid suppression and a too drastically enforced silence where fundamental emotions are concerned can lead to serious liver trouble, to constant gastric difficulties and to cancer.

1. Sự tự xét mình liên tục, mọi hình thức dồn nén bệnh hoạn và một sự im lặng bị cưỡng ép quá mức khi các cảm xúc căn bản có liên quan có thể dẫn đến những rắc rối nghiêm trọng về gan, đến những khó khăn dạ dày thường xuyên và đến ung thư.

2. Where hatreds and deep dislike are present in the consciousness, or where the man lives in a constant state of irritation against a person or a group, or again where the sense of being abused is present, there is

2. Khi hận thù và ác cảm sâu sắc hiện diện trong tâm thức, hoặc khi con người sống trong một trạng thái kích động thường xuyên chống lại một người hay một nhóm người, hoặc nữa khi có cảm giác bị ngược

a real possibility that the blood stream will be affected: the man then will be susceptible to constant infections, to boils, to running sores and to the various blood conditions which are definitely septic in nature.

đãi, thì có một khả năng thực sự là dòng máu sẽ bị ảnh hưởng: khi đó người ấy sẽ dễ bị nhiễm trùng thường xuyên, mụn nhọt, các vết loét chảy mủ và các tình trạng khác nhau của máu vốn rõ ràng có bản chất nhiễm trùng.

3. An irritable nature and one which is always in a state of fussiness, of bad temper, one which reacts furiously when things do not go as desired, may lead to disastrous [562] explosions which can be diagnosed as brain difficulties and temporary insanities; they may lead to constant headaches which undermine the constitution and bring about an inevitably debilitated condition.

3. Một bản chất dễ cáu kỉnh và luôn ở trong trạng thái bực bội, nóng nảy, một bản chất phản ứng dữ dội khi mọi việc không diễn ra như mong muốn, có thể dẫn đến những [562] cơn bùng nổ tai hại có thể được chẩn đoán là các rối loạn não và những cơn điên loạn tạm thời; chúng có thể dẫn đến những cơn đau đầu thường xuyên làm suy yếu thể chất và mang lại một tình trạng suy nhược không thể tránh khỏi.

4. A frustrated sex life or a state wherein an unmarried person has had no normal expression of a natural and universal process, and to whom therefore sex remains a mystery (and at the same time a constant inner unrecorded subject of thought) will lead:

4. Một đời sống tính dục bị ngăn trở hoặc một tình trạng trong đó một người chưa kết hôn không có được sự biểu lộ bình thường của một tiến trình tự nhiên và phổ quát, và do đó đối với người ấy tính dục vẫn là một điều bí ẩn (đồng thời là một chủ đề tư tưởng nội tâm thường xuyên nhưng không được ghi nhận) sẽ dẫn đến:

a. To a condition of great devitalisation with a consequent and unavoidable ill health which attends that type of person—the so-called obvious old maid or bachelor. Needless to remark, there are many such unmarried people who face life wholesomely and do not come under this category.

a. Một tình trạng mất sinh lực lớn với hậu quả là sức khỏe xấu không thể tránh khỏi đi kèm loại người đó—người được gọi là bà cô già hay ông độc thân rõ rệt. Không cần nói thêm, có nhiều người chưa kết hôn như vậy đối diện với đời sống một cách lành mạnh và không thuộc loại này.

b. To a constant effort to attract the attention of the opposite sex until it reaches a point where it becomes a nervous and most unwholesome tendency.

b. Một nỗ lực thường xuyên nhằm thu hút sự chú ý của người khác phái cho đến khi nó đạt đến một mức mà ở đó nó trở thành một khuynh hướng thần kinh và hết sức không lành mạnh.

c. To the development of homosexual habits or to those perversions which warp the life of many intelligent people.

c. Sự phát triển của các thói quen đồng tính luyến ái hoặc những lệch lạc làm méo mó đời sống của nhiều người thông minh.

d. To the tumours—malignant or otherwise—which attack the organs of generation and which frequently make the subject an operative case.

d. Những khối u—ác tính hay không—tấn công các cơ quan sinh sản và thường khiến đối tượng trở thành một ca phẫu thuật.

There are other possible developments but upon them I do not propose to dwell. I have here indicated enough to show the danger of a sense of frustration and a morbid (even if at the time an unrecognised) interest in sex. This can evidence itself also in a dream life which links the brain, the mind and the organs of generation closely together and proves the fact of astral desire evoking the physical appetite; this demonstrates my contention that the physical body automatically responds—[563] even when unconscious in the hours of sleep—to astral control. The cure, as you of course know, is a full creative outer life, particularly one which is of benefit to one's fellowmen and is not simply a transmutation of the sex urge into some form of creative thinking which simply remains thinking, but takes no shape or form on the outer plane of human life.

Còn có những phát triển khả dĩ khác nhưng tôi không định dừng lại ở chúng. Ở đây tôi đã chỉ ra đủ để cho thấy sự nguy hiểm của cảm giác bị ngăn trở và một sự quan tâm bệnh hoạn (ngay cả khi lúc đó không được nhận biết) đối với tính dục. Điều này cũng có thể biểu lộ trong đời sống mộng mị, vốn nối kết bộ não, thể trí và các cơ quan sinh sản một cách chặt chẽ và chứng minh sự kiện rằng dục vọng cảm dục khơi dậy sự thèm muốn hồng trần; điều này chứng minh luận điểm của tôi rằng thể xác tự động đáp ứng—[563] ngay cả khi vô thức trong những giờ ngủ—đối với sự kiểm soát cảm dục. Phương thuốc, dĩ nhiên như bạn biết, là một đời sống bên ngoài sáng tạo trọn vẹn, đặc biệt là một đời sống mang lại lợi ích cho đồng loại của mình và không chỉ đơn thuần là một sự chuyển hoá xung lực tính dục thành một hình thức tư duy sáng tạo nào đó mà chỉ vẫn là tư duy, nhưng không mang lấy hình dạng hay hình tướng nào trên cõi bên ngoài của đời sống con người.

5. Self-pity, so prevalent a trouble, leads to acute indigestion, to intestinal trouble, to catarrh and head colds in the average person, whilst in the more advanced man it leads to chronic bronchial difficulties, gastric ulcers and unhealthy conditions connected with the teeth and the ears.

5. Sự tự thương hại, một rắc rối rất phổ biến, dẫn đến chứng khó tiêu cấp tính, các rối loạn đường ruột, chứng viêm niêm mạc và cảm lạnh ở đầu nơi người trung bình, trong khi nơi người tiến bộ hơn nó dẫn đến các khó khăn phế quản mãn tính, loét dạ dày và các tình trạng không lành mạnh liên quan đến răng và tai.

I could go on enumerating other emotional conditions which produce disease in the person where these conditions are present but this will suffice to give the experimenting healer a clue to certain possibilities which are responsible for the physical difficulties with which he is called upon to deal. We will have also (as I have pointed out elsewhere) to bear in mind conditions which have been inherited from previous incarnations or developed as a result of environing group, national or planetary karma.

Tôi có thể tiếp tục liệt kê những tình trạng cảm xúc khác tạo ra bệnh tật nơi người có những tình trạng ấy, nhưng như thế cũng đủ để cung cấp cho nhà chữa lành đang thử nghiệm một đầu mối về một số khả năng chịu trách nhiệm cho những khó khăn hồng trần mà y được kêu gọi xử lý. Chúng ta cũng sẽ phải ghi nhớ (như tôi đã chỉ ra ở nơi khác) những tình trạng đã được thừa hưởng từ các lần nhập thể trước hoặc phát triển như là kết quả của nghiệp quả nhóm, quốc gia hay hành tinh của môi trường xung quanh.

There is no rule connected with this law because we are still dealing with the definition of causes producing the objective disease; these have to be grasped and accepted as working theories before the healer can efficiently deal with the situation.

Không có quy luật nào gắn với định luật này bởi vì chúng ta vẫn đang xử lý việc định nghĩa các nguyên nhân tạo ra bệnh khách quan; những nguyên nhân này phải được nắm vững và chấp nhận như những giả thuyết làm việc trước khi nhà chữa lành có thể xử lý tình huống một cách hữu hiệu.

We come now to the consideration of a law which is so inclusive in its significance and in its defining power that it might be regarded as stating the reason for all disease of any nature and at any time in the life history of the race or of individual man. It is stated here and is only regarded as Law IV because of the necessity for the main contentions [564] of the three preceding laws being admitted, considered and studied; also because it is the major law conditioning the appearance of disease in the fourth kingdom in nature, the human kingdom. It is essentially a law related to the fourth Creative Hierarchy, and it was definitely imposed and recognised as a law, governing humanity predominantly, by initiates working in the fourth rootrace, the Atlantean. Curiously enough also when humanity can function with its consciousness centred upon the fourth or buddhic plane, disease will die out and the

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét một định luật bao quát đến mức trong thâm nghĩa và trong năng lực định nghĩa của nó đến nỗi nó có thể được xem như nêu ra lý do cho *mọi* bệnh tật thuộc bất kỳ bản chất nào và vào bất kỳ lúc nào trong lịch sử đời sống của nhân loại hay của cá nhân con người. Nó được nêu ra ở đây và chỉ được xem là Định luật IV vì sự cần thiết phải thừa nhận, xem xét và nghiên cứu những khẳng định chính [564] của ba định luật trước; cũng bởi vì đó là định luật chính tác động lên sự xuất hiện của bệnh tật trong giới thứ tư trong thiên nhiên, giới nhân loại. Về bản chất, đó là một định luật liên hệ với Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, và nó đã được các điểm đạo đồ hoạt động trong giống dân gốc thứ tư, Atlantis, xác định áp đặt và công nhận như một định luật chi phối nhân loại một cách nổi trội. Thật kỳ lạ, khi nhân loại có thể hoạt động với tâm thức của mình được tập trung trên cõi thứ tư hay cõi Bồ đề, bệnh tật sẽ biến mất và

fourth Creative Hierarchy will finally be freed from that great limitation.

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư cuối cùng sẽ được giải thoát khỏi giới hạn lớn lao ấy.

LAW IV — ĐỊNH LUẬT IV

Disease, both Physical and Psychological, has its roots in the good, the beautiful, and the true. It is but a distorted reflection of divine possibilities. The thwarted soul, seeking full expression of some divine characteristic or inner spiritual reality, produces—within the substance of its sheaths—a point of friction. Upon this point the eyes of the personality are focussed, and this leads to disease. The art of the healer is concerned with the lifting of the downward focussed eyes unto the soul, the true Healer within the form. The spiritual or third eye then directs the healing force, and all is well.

Bệnh tật, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều bắt nguồn từ điều thiện, điều đẹp và điều chân thật. Bệnh tật chỉ là sự phản chiếu méo mó của những khả năng thiêng liêng. Linh hồn bị ngăn trở, khi tìm cách biểu lộ trọn vẹn một đặc tính thiêng liêng hay một thực tại tinh thần nội tại nào đó, tạo ra một điểm ma sát trong chất liệu của những lớp vỏ bao bọc mình. Đôi mắt của phàm ngã tập trung vào Điểm này, và điều ấy dẫn đến bệnh tật. Nghệ thuật của nhà trị liệu liên quan đến việc nâng đôi mắt đang tập trung hướng xuống ấy lên linh hồn, Đấng Chữa Lành chân chính bên trong hình tướng. Khi ấy, con mắt tinh thần, hay con mắt thứ ba, điều khiển mãnh lực chữa lành và mọi sự đều ổn thỏa.

This law starts off with the statement of one of the paradoxes of the occult teaching: that good and evil are one and the same thing, though in reverse, or constituting the opposite sides of the one Reality.

Định luật này mở đầu bằng việc phát biểu một trong những nghịch lý của giáo huấn huyền bí học: rằng thiện và ác là một và cùng một sự vật, chỉ khác ở chiều ngược lại, hay cấu thành hai mặt đối nghịch của một Thực Tại duy nhất.

Because man is a soul, and is spiritually determined to function as a soul, a state of friction is established between soul and personality; this friction is a major cause (if it is not the major cause) of all disease. Here is a clue to the understanding of the phrase, "fire by friction," the third aspect of the divine "fiery nature" of God, for "our God is a consuming fire'. His nature, we are told also, is expressed [565] through electric fire, through solar fire and through fire by friction. These three fires I dealt with at length in A Treatise on Cosmic Fire and hinted at earlier in The Secret Doctrine.

Bởi vì con người là một linh hồn, và quyết tâm về mặt tinh thần hoạt động như một linh hồn, nên một trạng thái ma sát được thiết lập giữa linh hồn và phàm ngã; sự ma sát này là một nguyên nhân chính (nếu không phải là nguyên nhân chính yếu) của mọi bệnh tật. Ở đây có một đầu mối để hiểu cụm từ "Lửa ma sát", phương diện thứ ba của "bản chất rực lửa" thiêng liêng của Thượng đế, vì "Thượng đế của chúng ta là một ngọn lửa thiêu đốt". Chúng ta cũng được bảo rằng bản chất của Ngài được biểu lộ [565] qua *Lửa Điện*, qua Lửa Thái dương và qua Lửa ma sát. Ba ngọn lửa này tôi đã bàn rất dài trong *Luận*

về Lửa Vũ Trụ và đã gợi ý trước đó trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

This law states that because man is divine, the urge to divinity produces resistance in the vehicles of expression; this resistance will localise itself in the area of the physical body and produce a point of friction; this friction, in its turn, produces a condition or an area of inflammation. This eventually leads to disease of some kind or another. It is possible, is it not, that you have here another clue—a clue to a problem which has caused so much concern in the metaphysical world: Why do advanced people, spiritual leaders and those oriented to the spiritual life, suffer so frequently from physical difficulties? It is probably because they are at the stage where the energy of the soul, pouring through the physical body, meets resistance from that body of a correspondingly intense kind. This friction set up is so acute that disease is promptly the result. This is not true of disciples who have taken the second initiation; their problem of ill health is otherwise developed.

Định luật này nói rằng bởi vì con người là thiêng liêng, nên sự thôi thúc hướng tới thiên tính tạo ra sự kháng cự trong các vận cụ biểu lộ; sự kháng cự này sẽ khu trú trong khu vực của thể xác và tạo ra một điểm ma sát; đến lượt nó, sự ma sát này tạo ra một tình trạng hay một vùng viêm. Cuối cùng điều này dẫn đến một loại bệnh nào đó. Có thể chăng, ở đây bạn lại có thêm một đầu mối—một đầu mối cho một vấn đề đã gây quá nhiều bận tâm trong thế giới siêu hình học: Tại sao những người tiến bộ, các nhà lãnh đạo tinh thần và những người định hướng về đời sống tinh thần lại thường xuyên chịu đựng những khó khăn thể xác? Có lẽ là vì họ đang ở giai đoạn mà năng lượng của linh hồn, tuôn qua thể xác, gặp phải sự kháng cự từ chính thể xác ấy với cường độ tương ứng. Sự ma sát được thiết lập như thế quá gay gắt đến nỗi bệnh tật lập tức là kết quả. Điều này không đúng với các đệ tử đã trải qua lần điểm đạo thứ hai; vấn đề sức khỏe kém của họ phát triển theo cách khác.

Let us take this fourth law sentence by sentence and attempt somewhat to analyse the meaning:

Chúng ta hãy xét định luật thứ tư này từng câu một và cố gắng phần nào phân tích ý nghĩa của nó:

1. Disease, both physical and psychological, has its roots in the good, the beautiful and the true. This is but a distorted reflection of divine possibilities.

1. Bệnh tật, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều bắt nguồn từ điều thiện, điều đẹp và điều chân thật. Đây chỉ là sự phản chiếu méo mó của các khả năng thiêng liêng.

I have shown that disease is fundamentally psychological in nature. there are, however, diseases which are inherent in the resistance of the dense physical body (and not only the subtler bodies) to the impact of the higher energies, or which are inherent in the planetary substance or matter of the Earth itself. Forget not that the physical body is

Tôi đã chỉ ra rằng bệnh tật về căn bản có bản chất tâm lý. Tuy nhiên, có những bệnh vốn nằm sẵn trong sự kháng cự của thể xác đậm đặc (chứ không chỉ các thể vi tế hơn) đối với tác động của các năng lượng cao hơn, hoặc vốn nằm sẵn trong chất liệu hay vật chất hành tinh của chính Trái Đất. Đừng quên rằng thể xác được cấu tạo từ chính loại vật

constructed of such matter. This first clause of the fourth [566] law tells us that three aspects of divinity produce disease. This sounds impossible upon first reading the statement, but a careful study will reveal its essential truthfulness. How can the good, the beautiful and the true, cause disease of any kind? Let us see.

chất ấy. Mệnh đề đầu tiên này của định luật thứ tư [566] cho chúng ta biết rằng ba phương diện của thiên tính tạo ra bệnh tật. Điều này nghe có vẻ bất khả khi mới đọc phát biểu ấy, nhưng một sự nghiên cứu cẩn thận sẽ bộc lộ tính chân thực cốt yếu của nó. Làm sao điều thiện, điều mỹ lệ và điều chân thật lại có thể gây ra bất kỳ loại bệnh nào? Hãy xem.

a. The Good. What is the good? Is it not the expression of the will-to-good? Does not and should not this will-to-good work out on the physical plane in what we call goodwill among men? Is it not possible that the soul, seeking constantly (on its own plane) to conform to the Plan which implements the divine will-to-good, endeavours to impel its threefold expression, the personality, to express goodwill-doing this at the right stage of evolutionary unfoldment and when it is active and functioning? Yet, because of the resistance of the form nature, as yet inadequate to the desired divine expression, friction immediately set up and disease eventuates. I think that even a brief consideration of the above questions will demonstrate to you how probable it is that the soul's inclination to "the good" can bring about resistance upon the physical plane so that the turmoil thus engendered in the consciousness of man can and does produce disease. This type of disease is responsible for many of the difficulties of advanced people, aspirants and disciples. This "friction" produces then a secondary reaction and leads to those psychological conditions to which we give the name "depression, an inferiority complex, and the sense of failure." This particular source of disease, "the Good," is one that primarily affects the mental types.

a. *Điều Thiện.* Điều thiện là gì? Chẳng phải đó là sự biểu lộ của Ý Chí-hướng Thiện sao? Và chẳng phải ý chí hướng thiện này thực sự được triển khai và nên được triển khai trên cõi hồng trần thành điều mà chúng ta gọi là thiện chí giữa những người nam và nữ sao? Có thể chăng linh hồn, luôn luôn tìm cách (trên cõi riêng của nó) phù hợp với Thiên Cơ vốn thực thi Ý Chí-hướng Thiện thiêng liêng, cố gắng thúc đẩy biểu lộ tam phân của nó là phàm ngã biểu lộ thiện chí—làm điều này ở đúng giai đoạn khai mở tiến hoá và khi nó đang hoạt động và vận hành? Tuy nhiên, vì sự kháng cự của bản chất hình tướng, vốn còn chưa đủ để đáp ứng sự biểu lộ thiêng liêng mong muốn, nên ma sát lập tức được thiết lập và bệnh tật phát sinh. Tôi nghĩ rằng chỉ cần suy xét ngắn gọn các câu hỏi trên cũng sẽ cho bạn thấy điều rất có thể là khuynh hướng của linh hồn hướng về "điều thiện" có thể gây ra sự kháng cự trên cõi hồng trần, đến nỗi sự xáo trộn do đó phát sinh trong tâm thức con người có thể và thực sự tạo ra bệnh tật. Loại bệnh này chịu trách nhiệm cho nhiều khó khăn của những người tiến bộ, những người chí nguyện và các đệ tử. "Sự ma sát" này khi đó tạo ra một phản ứng thứ cấp và dẫn đến những trạng thái tâm lý mà chúng ta gọi là "trầm cảm, mặc cảm tự ti, và cảm giác thất bại." Nguồn bệnh đặc biệt này, "Điều Thiện," chủ yếu ảnh hưởng đến các kiểu người trí tuệ.

b. The Beautiful. Here you have a word qualifying the desire of all men for what they consider a desirable objective for their life pattern and that for which they [567] choose to struggle. The beautiful, from the angle of a divine aspect, concerns the quality of life. 1 would refer you here to our initial definition in the first volume of this treatise of the words spirit-soul-body; we defined them as life-quality-appearance. Life is the energy in expression of the divine will-to-good; quality is the energy in expression of the soul, and this energy works at this time predominantly through the desire life and the determination of all men at every stage in evolution to possess, own and enjoy that which they regard as the beautiful. A definition of "the beautiful" and the range of man's desires are widely different and dependent upon the point in evolution; it is all dependent however, upon the outlook on life of the one who is desiring and the place where he stands upon the ladder of evolution. The inability of man to achieve at any time what he considers "the beautiful" determines his predisposition to disease, based upon the internal friction thus produced. At the present point in racial development, the majority of people are swept into diseased conditions as a result of the friction brought about by their striving after "the beautiful"—a striving enforced as an evolutionary urge because they are souls and under the influence of the quality of the second divine aspect.

b. *Điều Mỹ Lệ*. Ở đây bạn có một từ mô tả khát vọng của mọi người đối với điều mà họ xem là một mục tiêu đáng mong muốn cho mô hình đời sống của mình và là điều mà vì nó họ [567] chọn để đấu tranh. Điều mỹ lệ, xét từ góc độ của một phương diện thiêng liêng, liên quan đến *phẩm tính* của sự sống. Ở đây tôi muốn nhắc bạn nhớ đến định nghĩa ban đầu của chúng ta trong quyển đầu của bộ luận này về các từ tinh thần-linh hồn-thân thể; chúng ta đã định nghĩa chúng là sự sống-phẩm tính-sắc tướng. Sự sống là năng lượng biểu lộ của Ý Chí-hướng Thiện thiêng liêng; phẩm tính là năng lượng biểu lộ của linh hồn, và năng lượng này hiện nay hoạt động chủ yếu qua đời sống ham muốn và qua quyết tâm của mọi người ở mọi giai đoạn tiến hoá muốn chiếm hữu, sở hữu và hưởng thụ điều mà họ xem là mỹ lệ. Định nghĩa về "điều mỹ lệ" và phạm vi ham muốn của con người rất khác nhau và tùy thuộc vào điểm tiến hoá; tuy nhiên tất cả đều tùy thuộc vào quan điểm sống của người đang ham muốn và vị trí của y trên chiếc thang tiến hoá. Việc con người không thể đạt được vào bất cứ lúc nào điều mà y xem là "mỹ lệ" quyết định khuynh hướng dễ mắc bệnh của y, dựa trên sự ma sát nội tại được tạo ra như thế. Ở điểm phát triển nhân loại hiện nay, đa số người ta bị cuốn vào các trạng thái bệnh hoạn do sự ma sát phát sinh từ nỗ lực của họ nhằm đạt tới "điều mỹ lệ"—một nỗ lực được áp đặt như một thôi thúc tiến hoá bởi vì họ *là* các linh hồn và đang ở dưới ảnh hưởng của phẩm tính của phương diện thiêng liêng thứ hai.

c. The True. It has been said that the true or the truth is that much of the divine expression as any man can demonstrate at his particular point in evolution and at any given stage in his incarnated history. This expression of the truth presupposes that behind what he does manage to express

c. *Điều Chân Thật*. Người ta đã nói rằng điều chân thật hay chân lý là chừng ấy biểu lộ thiêng liêng mà bất kỳ ai cũng có thể chứng tỏ ở điểm tiến hoá riêng của mình và ở bất kỳ giai đoạn nào trong lịch sử nhập thể của mình. Sự biểu lộ chân lý này giả định rằng đằng sau điều mà y thực sự biểu lộ được còn

there is much that he is unable to manifest; of this his soul remains persistently aware. This inability to live up to the highest ideal of which the man—at his particular level—is aware and can conceive, in his clearest and best moments, produces inevitably [568] a point of friction, even if the man remains unaware of it. One of the major manifestations of this particular friction and the diseased condition which it brings about is rheumatism; this is widespread today and has been for centuries; from the medical standpoint, there is no ascertained or attributable cause for it, though there are many speculations and conclusions among the orthodox. It affects primarily the bony structure and is in reality the result or the inability of the soul to produce an expression of "the true" within the man, the instrument of the soul in the three worlds. The man, in his turn, no matter how low his position on the ladder of evolution, is conscious ever of the unattainable; he is constantly aware of an urge to betterment. These urges are not related to the expression of the will-to-good or to "the beautiful" (though he may be conscious of them also to a greater or less degree), but they are definitely related to the expression of something closer to the man's ideal as he sees it, and upon the physical plane. Friction, therefore, takes place and disease of some kind follows.

có rất nhiều điều mà y không thể biểu hiện; linh hồn của y vẫn luôn kiên trì nhận biết điều đó. Sự bất lực này trong việc sống đúng với lý tưởng cao nhất mà con người—ở cấp độ riêng của mình—nhận biết được và có thể hình dung trong những khoảnh khắc sáng suốt và tốt đẹp nhất của mình, tất yếu tạo ra [568] một điểm ma sát, ngay cả khi con người không nhận biết điều đó. Một trong những biểu hiện chính của loại ma sát đặc biệt này và tình trạng bệnh hoạn mà nó gây ra là bệnh thấp khớp; ngày nay bệnh này rất phổ biến và đã như vậy suốt nhiều thế kỷ; theo quan điểm y học, không có nguyên nhân nào được xác định hay quy cho nó, dù trong giới chính thống có nhiều suy đoán và kết luận. Nó chủ yếu ảnh hưởng đến cấu trúc xương và thực ra là kết quả của sự bất lực của linh hồn trong việc tạo ra một biểu lộ của "điều chân thật" bên trong con người, công cụ của linh hồn trong ba cõi giới. Đến lượt mình, con người, dù vị trí của y trên chiếc thang tiến hoá có thấp đến đâu, vẫn luôn ý thức về điều không thể đạt tới; y luôn luôn nhận biết một thôi thúc hướng tới sự cải thiện. Những thôi thúc này không liên hệ đến sự biểu lộ của Ý Chí-hướng Thiện hay đến "điều mỹ lệ" (dù y cũng có thể ý thức về chúng ở mức độ nhiều hay ít), nhưng chúng chắc chắn liên hệ đến sự biểu lộ của một điều gì đó gần với lý tưởng của con người hơn như y thấy nó, và trên cõi hồng trần. Vì vậy, ma sát xảy ra và một loại bệnh nào đó tiếp theo.

It is interesting to note that this inability to express "the true" or to "be the Truth" is the real cause of death among men who are below the stage of discipleship and who have not yet taken the first initiation. The soul tires of the frictional response of its instrument and determines to end the experiment of that particular incarnation.

Điều đáng chú ý là sự bất lực này trong việc biểu lộ "điều chân thật" hay "là Chân Lý" chính là nguyên nhân thực sự của cái chết nơi những người còn dưới giai đoạn địa vị đệ tử và chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Linh hồn mệt mỏi vì phản ứng ma sát của công cụ của nó và quyết định chấm dứt cuộc thử nghiệm của kiếp lâm phàm đặc biệt ấy.

Death, therefore, supervenes as a result of the friction engendered.

Vì vậy, cái chết xảy đến như một kết quả của sự ma sát được tạo ra.

In studying these ideas, it should be remembered that:

Khi nghiên cứu các ý tưởng này, cần nhớ rằng:

a. The good controls the man, via the head centre, and the friction engendered is due to the inactivity of the centre at the base of the spine. This centre controls the expression [569] of the first divine aspect in a man by its interplay with the head centre. This interplay only takes place when the man has reached the stage of disciple or initiate.

a. *Điều thiện* kiểm soát con người qua trung tâm đầu, và sự ma sát được tạo ra là do sự bất hoạt của trung tâm ở đáy cột sống. Trung tâm này kiểm soát sự biểu lộ [569] của phương diện thiêng liêng thứ nhất trong con người bằng sự tương tác của nó với trung tâm đầu. Sự tương tác này chỉ diễn ra khi con người đã đạt đến giai đoạn đệ tử hay điểm đạo đồ.

b. The beautiful controls, via the heart centre, and friction is brought about by the failure of the solar plexus centre to respond. A condition of friction is therefore set up. The ending of this condition and the evocation of the right response from the solar plexus come when the forces of the solar plexus centre are raised and blended with the energy of the heart centre.

b. *Điều mỹ lệ kiểm soát* qua trung tâm tim, và ma sát được tạo ra bởi sự thất bại của trung tâm tùng thái dương trong việc đáp ứng. Vì vậy một tình trạng ma sát được thiết lập. Sự chấm dứt tình trạng này và việc gợi lên đáp ứng đúng từ tùng thái dương đến khi các lực của trung tâm tùng thái dương được nâng lên và hòa trộn với năng lượng của trung tâm tim.

c. The true, as an expression of the divine, finds its point of centralisation in the throat centre; the failure of the personality to respond, and its inability to express the true, is to be seen in the relation of the sacral centre to the throat centre. This relation, when lacking, produces friction. There will be no real expression of "the true" until the forces of the creative centre below the diaphragm are raised to the creative centre of the throat. Then "the Word," which is man essentially, "will be made flesh" and a true expression of the soul upon the physical plane will be seen.

c. *Điều chân thật*, như một biểu lộ của thiêng liêng, tìm thấy điểm tập trung của nó trong trung tâm cổ họng; sự thất bại của phàm ngã trong việc đáp ứng, và sự bất lực của nó trong việc biểu lộ điều chân thật, được thấy trong mối liên hệ của trung tâm xương cùng với trung tâm cổ họng. Mối liên hệ này, khi thiếu vắng, tạo ra ma sát. Sẽ không có sự biểu lộ thực sự nào của "điều chân thật" cho đến khi các lực của trung tâm sáng tạo bên dưới cơ hoành được nâng lên trung tâm sáng tạo ở cổ họng. Khi đó "Linh từ", vốn là con người trong bản chất, "sẽ thành nhục thể" và một biểu lộ chân chính của linh hồn trên cõi hồng trần sẽ được thấy.

2. The thwarted soul, seeking full expression of some divine characteristic or inner

2. Linh hồn bị ngăn trở, khi tìm cách biểu lộ trọn vẹn một đặc tính thiêng liêng hay một

spiritual reality, produces within the substance of its sheaths a point of friction.

thực tại tinh thần nội tại nào đó, tạo ra một điểm ma sát trong chất liệu của những lớp vỏ bao bọc mình.

Much of this statement I have covered above. I would, however, call your attention to the fact that in this sentence the emphasis is laid upon the fact that it is the soul which is responsible for producing the friction. In the analysis of the previous sentence, the emphasis was laid upon the personality, because its failure to respond produced the friction and consequent disease. Is it not possible that in this sentence [570] we have the clue to the entire purpose of pain, of distress, and even of war? I would commend this to your careful and, if possible, illumined thinking.

Phần lớn phát biểu này tôi đã đề cập ở trên. Tuy nhiên, tôi muốn lưu ý bạn đến sự kiện là trong câu này trọng tâm được đặt vào việc chính linh hồn chịu trách nhiệm tạo ra ma sát. Trong sự phân tích câu trước, trọng tâm được đặt vào phàm ngã, bởi vì sự thất bại của nó trong việc đáp ứng đã tạo ra ma sát và bệnh tật tiếp theo. Có thể chăng trong câu này [570] chúng ta có đầu mối cho toàn bộ mục đích của đau đớn, khổ sở, và ngay cả chiến tranh? Tôi xin giao điều này cho sự suy nghĩ cẩn trọng và, nếu có thể, được soi sáng của bạn.

3. Upon this point, the eyes of the personality are focussed, and this leads to disease.

3. Đôi mắt của phàm ngã tập trung vào Điểm này, và điều ấy dẫn đến bệnh tật.

We have here a most interesting hint as to the medium of force direction. The occult significance of the eye and the nature of its symbolism are little understood. The reference here has nothing to do in reality with eyes in the physical body. Here the words, “the eyes of the personality,” refer to the focussed attention of the personality, emanating from the mental and astral bodies which are essentially the two eyes of the soul in incarnation. The use of these two windows or eyes of the soul leads to a concentration of energy (in this case strictly personality energy) in the etheric vehicle. This energy is then directed to the area of discomfort, and therefore to the point of friction. This friction is sustained and increased by the forces which are focussed upon it. People have little idea how much—objectively speaking—they increase the potency of the disease by the constantly

Ở đây chúng ta có một gợi ý rất thú vị về môi giới định hướng mãnh lực. Ý nghĩa huyền bí của con mắt và bản chất của biểu tượng học của nó ít được thấu hiểu. Sự quy chiếu ở đây thực ra không liên quan gì đến đôi mắt trong thể xác. Ở đây, các từ “mắt của phàm ngã” chỉ sự chú ý tập trung của phàm ngã, phát ra từ thể trí và thể cảm dục, vốn về bản chất là hai con mắt của linh hồn trong khi nhập thể. Việc sử dụng hai cửa sổ hay hai con mắt này của linh hồn dẫn đến sự tập trung năng lượng (trong trường hợp này hoàn toàn là năng lượng phàm ngã) trong vận cụ dĩ thái. Năng lượng này sau đó được hướng đến vùng khó chịu, và do đó đến điểm ma sát. Sự ma sát này được duy trì và gia tăng bởi các lực được tập trung vào nó. Người ta ít hình dung được rằng—xét một cách khách quan—họ làm tăng sức mạnh của bệnh tật đến mức nào bằng tư tưởng liên tục hướng vào nó mà họ tiêu phí và bằng sự chú ý họ dành

directed thought which they expend upon it and by the attention they pay to that area wherein the trouble is located. Energies, mental and emotional, are brought to bear upon the diseased area, and the "eyes of the personality" are a potent factor in sustaining the disease.

cho khu vực nơi rắc rối tọa lạc. Các năng lượng trí tuệ và cảm xúc được đưa tác động lên vùng bệnh, và "mắt của phàm ngã" là một yếu tố mạnh mẽ trong việc duy trì bệnh tật.

In this sentence you have, moreover, a clear and unequivocal expression of the fact that mental and emotional conditions lead to disease. The activity of the soul and the impact of soul energy have to penetrate into the physical body, via the subtler bodies, and the point of friction (the outcome of resistance) is found first of all in the mental body, then is repeated even more potently in the astral body, and is reflected into the physical body; these (and this is [571] the a b c of occultism but is sometimes forgotten) constitute the personality, and the friction is necessarily to be found throughout.

Hơn nữa, trong câu này bạn có một phát biểu rõ ràng và dứt khoát về sự kiện rằng các trạng thái trí tuệ và cảm xúc dẫn đến bệnh tật. Hoạt động của linh hồn và tác động của năng lượng linh hồn phải xuyên vào thể xác qua các thể vi tế hơn, và điểm ma sát (kết quả của sự kháng cự) trước hết được tìm thấy trong thể trí, rồi được lặp lại còn mạnh hơn trong thể cảm dục, và được phản chiếu vào thể xác; những thể này (và đây là [571] a b c của huyền bí học nhưng đôi khi bị quên mất) cấu thành phàm ngã, và vì thế ma sát tất yếu phải được tìm thấy xuyên suốt.

It might be of interest to you to correlate what I have said in my other writing anent the eyes with the point made above. As you well know, and as stated in The Secret Doctrine, the right eye is the "eye of buddhi" and the left eye is the "eye of manas"—this (when in relation to buddhi) referring to the higher mind and to man as he finally will appear. In the average human being, and before reaching perfection, the right eye transmits the energy of the astral body when directed consciously towards an object of attention, and the left eye directs the energy of the lower mind. In between these two directing eyes is to be found the ajna centre, which is like a third eye or directing agent for the blended and fused energies of the personality; related to this third eye as it awakens and comes into functioning activity is what we call "the eye of the soul"; this is a point within the highest head

Có lẽ bạn sẽ thấy thú vị nếu liên hệ điều tôi đã nói trong các trước tác khác của tôi về đôi mắt với điểm vừa nêu trên. Như bạn đã biết rõ, và như đã được nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* mắt phải là "con mắt của Bồ đề" và mắt trái là "con mắt của manas"—điều này (khi liên hệ với Bồ đề) ám chỉ thượng trí và con người như cuối cùng y sẽ xuất hiện. Ở con người trung bình, và trước khi đạt đến hoàn thiện, mắt phải truyền dẫn năng lượng của thể cảm dục khi được hướng một cách hữu thức đến một đối tượng chú ý, và mắt trái định hướng năng lượng của hạ trí. Ở giữa hai con mắt định hướng này là trung tâm ajna, giống như một con mắt thứ ba hay tác nhân định hướng cho các năng lượng hòa trộn và dung hợp của phàm ngã; liên hệ với con mắt thứ ba này khi nó thức tỉnh và đi vào hoạt động chức năng là điều mà chúng ta gọi là "con mắt của linh hồn"; đây là một điểm bên trong trung tâm đầu cao nhất. Con

centre. This eye of the soul can and does transmit energy to the ajna centre and is itself the agent (before the fourth initiation) of the energy of the Spiritual Triad. This esoteric relationship is only set up when the soul is dominating its instrument, the personality, and is bringing all the lower activities upon the physical plane under soul direction.

mắt của linh hồn này có thể và thực sự truyền năng lượng đến trung tâm ajna và chính nó là tác nhân (trước lần điểm đạo thứ tư) của năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần. Mối liên hệ nội môn này chỉ được thiết lập khi linh hồn đang chi phối công cụ của nó là phàm ngã, và đang đưa mọi hoạt động thấp hơn trên cõi hồng trần vào dưới sự định hướng của linh hồn.

In the perfected man, there is to be found, therefore, the following distributors or distributing agents of energy:

Vì vậy, trong con người hoàn thiện, có thể tìm thấy các bộ phân phối hay các tác nhân phân phối năng lượng sau đây:

1. The eye of the soul.. agent of the Spiritual Triad.. Will.

1. Con mắt của linh hồn.. tác nhân của Tam Nguyên Tinh Thần.. Ý chí.

2. The third eye.. agent of the soul.. Love.

2. Con mắt thứ ba.. tác nhân của linh hồn.. Bác ái.

3. The right eye.. distributor of buddhic energy.

3. Mắt phải.. bộ phân phối năng lượng Bồ đề.

4. The left eye.. conveyor of pure manasic energy.

4. Mắt trái.. kênh chuyển tải năng lượng manas thuần túy.

5. The ajna centre.. focussing and directing point for all these energies.

5. Trung tâm ajna.. điểm tập trung và định hướng cho tất cả các năng lượng này.

[572]

[572]

In the disciple and the man who is beginning to function as a soul, you will have:

Trong đệ tử và con người đang bắt đầu hoạt động như một linh hồn, bạn sẽ có:

1. The third eye...distributor of soul energy.

1. Con mắt thứ ba...bộ phân phối năng lượng linh hồn.

2. The right eye...agent for astral energy.

2. Mắt phải...tác nhân cho năng lượng cảm dục.

3. Mắt trái...tác nhân cho năng lượng hạ trí.

3. The left eye...agent for lower mental energy.

4. The ajna centre...focussing point of these three energies.

4. Trung tâm ajna...điểm tập trung của ba năng lượng này.

In the average man, the situation will be as follows:

Trong con người trung bình, tình hình sẽ như sau:

1. The right eye...agent for astral energy.

1. Mắt phải...tác nhân cho năng lượng cảm dục.

2. The left eye...agent for mental energy.

2. Mắt trái...tác nhân cho năng lượng trí tuệ.

3. The ajna centre...distributing station.

3. Trung tâm ajna...trạm phân phối.

As occult knowledge increases a whole science of energy distribution will be built up around the eyes and their symbolic function, and their esoteric use will be understood. The time has not yet arrived for this, though already the power of the human eye when focussed on a person, for instance, is known to attract attention. One hint I can give you: the optic nerve is a symbol of the antahkarana, and the entire structure of the eye ball is one of the most beautiful symbols of the threefold deity and the threefold man.

Khi tri thức huyền bí học gia tăng, cả một khoa học về phân phối năng lượng sẽ được xây dựng quanh đôi mắt và chức năng biểu tượng của chúng, và công dụng nội môn của chúng sẽ được thấu hiểu. Thời điểm cho điều này vẫn chưa đến, dù ngay từ bây giờ quyền năng của mắt người khi tập trung vào một người chẳng hạn, đã được biết là có thể thu hút sự chú ý. Tôi có thể cho bạn một gợi ý: dây thần kinh thị giác là một biểu tượng của antahkarana, và toàn bộ cấu trúc của nhãn cầu là một trong những biểu tượng đẹp nhất của Thượng đế tam phân và con người tam phân.

4. The art of the healer is concerned with the lifting of the downward focussed eyes unto the soul, the true healer within the form.

4. Nghệ thuật của nhà trị liệu liên quan đến việc nâng đôi mắt đang tập trung hướng xuống ấy lên linh hồn, Đấng Chữa Lành chân chính bên trong hình tướng.

In its most obvious and lowest connotation this phrase simply says that the healer must help the patient to look away from himself, that he must aid him to raise and reorient the directed energy so that the “point of friction” is no longer the object of attention

Theo nghĩa hiển nhiên nhất và thấp nhất của nó, cụm từ này chỉ đơn giản nói rằng nhà chữa lành phải giúp bệnh nhân nhìn ra khỏi chính mình, rằng y phải giúp người ấy nâng lên và tái định hướng năng lượng đang được hướng đi để “điểm ma sát” không còn

and a new preoccupation is presented. This has long been the attempted practice of all healers but it has a far more esoteric meaning than [573] they have realised and one which I find it somewhat difficult to explain.

là đối tượng chú ý nữa và một mối bận tâm mới được đưa ra. Đây từ lâu đã là thực hành được cố gắng áp dụng của mọi nhà chữa lành, nhưng nó có một ý nghĩa nội môn sâu hơn nhiều [573] so với điều họ đã nhận ra, và là điều mà tôi thấy hơi khó giải thích.

We have seen that the point of friction (responsible for the disease) has been caused by the good, the beautiful and the true in conflict with the forces of the lower man. This, we have also seen, is a fundamental law and one which he knows he must accept and with which he must intelligently work. How, therefore, can he apply this law and produce the results for which he is striving?

Chúng ta đã thấy rằng điểm ma sát (chịu trách nhiệm về bệnh tật) đã được gây ra bởi điều thiện, điều mỹ lệ và điều chân thật trong xung đột với các lực của phàm nhân thấp hơn. Chúng ta cũng đã thấy rằng đây là một định luật căn bản và là điều mà y biết mình phải chấp nhận và phải làm việc với nó một cách thông minh. Vậy thì, làm sao y có thể áp dụng định luật này và tạo ra những kết quả mà y đang phấn đấu đạt tới?

These downpouring energies of the soul enter the physical body, via the etheric vehicle, and are responsible for the frictional trouble and its consequence, disease; they have "descended into contact" via the sutratma and are anchored in three main centres, major centres, as you well know. From these, according to a man's nature, ray, development and weaknesses and limitations, they are distributed to the various areas of the physical body and either cause points of friction or manifest themselves as divine qualities. Where friction and resultant disease are present, and the patient is fortunate to have a trained occult healer available (either an initiate or an advanced disciple), these energies will be sent back—either with or without the cooperation of the patient—to their distributing points, the three higher centres, and this according to the type of energy which is producing the trouble. They cannot be sent out of the body altogether, via the head centre, for in that case the man would die; but they can be esoterically "driven to their point of emanation, from the point of

Các năng lượng tuôn đổ này của linh hồn đi vào thể xác qua vận cụ dĩ thái, và chịu trách nhiệm cho rắc rối do ma sát và hậu quả của nó là bệnh tật; chúng đã "giáng xuống để tiếp xúc" qua sutratma và được neo giữ trong ba trung tâm chính, các trung tâm lớn, như bạn đã biết rõ. Từ đó, tùy theo bản chất, cung, sự phát triển, các nhược điểm và giới hạn của một người, chúng được phân phối đến các khu vực khác nhau của thể xác và hoặc gây ra các điểm ma sát hoặc biểu lộ như các phẩm tính thiêng liêng. Nơi nào có ma sát và bệnh tật phát sinh hiện diện, và bệnh nhân may mắn có được một nhà chữa lành huyền bí học được huấn luyện sẵn có (hoặc là một điểm đạo đồ hoặc một đệ tử tiến bộ), thì các năng lượng này sẽ được gửi trở lại—có hoặc không có sự hợp tác của bệnh nhân—về các điểm phân phối của chúng, là ba trung tâm cao hơn, và điều này tùy theo loại năng lượng đang gây ra rắc rối. Chúng không thể bị đưa hoàn toàn ra khỏi thể xác qua trung tâm đầu, vì trong trường hợp đó con người sẽ chết; nhưng chúng có thể được "đẩy về điểm xuất lộ của chúng, từ điểm ma sát, nhưng không về Nguồn của chúng" theo

friction, but not to their Source," as an ancient book on healing states.

cách nội môn, như một sách cổ về chữa lành đã nói.

The energy is sent from the infected area (to use an unsuitable word but we lack the correct words for these new sciences) into the point of friction and from thence to the centre which controls that area and by means of which soul energy entered the dense physical body. The [574] healer is therefore working with the two aspects of the physical body simultaneously—the dense and the etheric. From that centre, the energy involved is gathered up and returned to one or other of the three major centres, or (if one of these higher centres is itself involved) the energy is gathered up and driven into the head centre and there retained. It must therefore be borne in mind that this phase of the healer's work falls into two parts:

Năng lượng được gửi từ vùng bị nhiễm bệnh (dùng một từ không thích hợp nhưng chúng ta thiếu những từ đúng cho các khoa học mới này) vào điểm ma sát và từ đó đến trung tâm kiểm soát vùng ấy và là phương tiện qua đó năng lượng linh hồn đi vào thể xác đậm đặc. Vì thế [574] nhà chữa lành đang làm việc đồng thời với hai phương diện của thể xác—phương diện đậm đặc và phương diện dĩ thái. Từ trung tâm đó, năng lượng liên quan được thu gom lại và trả về một trong ba trung tâm lớn, hoặc (nếu chính một trong các trung tâm cao hơn này có liên quan) năng lượng được thu gom lại và đẩy vào trung tâm đầu rồi được giữ ở đó. Vì vậy cần ghi nhớ rằng giai đoạn công việc này của nhà chữa lành chia thành hai phần:

1. The stage of esoteric "lifting up" or "driving forth." This itself falls into two phases:

1. Giai đoạn nội môn của việc "nâng lên" hay "đẩy ra". Bản thân nó lại chia thành hai pha:

a. The phase of gathering the energy.

a. Pha thu gom năng lượng.

b. The phase of refocussing it in its distributing centre.

b. Pha tái tập trung nó vào trung tâm phân phối của nó.

2. The stage after the healer's work has been accomplished and the patient is either better or the work has not been successful. In this stage, the energy which has been "driven forth" is returned to the centre and the locality where the point of friction had been.

2. Giai đoạn *sau khi* công việc của nhà chữa lành đã hoàn tất và bệnh nhân hoặc khá hơn hoặc công việc đã không thành công. Trong giai đoạn này, năng lượng đã được "đẩy ra" được trả về trung tâm và địa điểm nơi điểm ma sát đã từng hiện diện.

It will be obvious to you that this form of healing work is possible only to the highly trained person, and it is therefore needless for me to elaborate further on this

Bạn sẽ thấy hiển nhiên rằng hình thức công việc chữa lành này chỉ có thể thực hiện được đối với người được huấn luyện rất cao, và vì vậy tôi không cần thiết phải khai triển thêm

technique. It is useful nevertheless to see at times the distant goals.

về kỹ thuật này. Tuy nhiên, đôi khi việc thấy được những mục tiêu xa xôi vẫn hữu ích.

All that is at present possible in reference to this statement is to turn the patient's attention (if he is capable of responding to suggestions) towards the soul, and help him, with simplicity to hold his consciousness as close to the soul as he can. This will aid in clearing the channels down which energy can flow, and also along which energy can be automatically withdrawn. because energy follows thought.

Hiện nay, tất cả những gì có thể làm liên quan đến phát biểu này là hướng sự chú ý của bệnh nhân (nếu người ấy có khả năng đáp ứng với các gợi ý) về phía linh hồn, và giúp người ấy, một cách đơn giản, giữ tâm thức của mình gần với linh hồn nhất có thể. Điều này sẽ giúp khai thông các kênh mà qua đó năng lượng có thể tuôn xuống, và cũng là các kênh mà dọc theo đó năng lượng có thể tự động được rút lui, bởi vì năng lượng đi theo tư tưởng.

In the last analysis, true esoteric healing is a simple matter in comparison with the intricate and complex detail [575] anent the human mechanism and its diseases with which the modern physician has to cope. The spiritual healer concerns himself with the area in which the disease is to be found, with its controlling etheric centre and its higher correspondence, and with the three energies coming from the soul which are responsible for producing the point or points of friction. The remainder of his work involves the use the creative imagination, the power to visualise and a knowledge of scientific thinking, based upon the fundamental and universal law that "energy follows thought." This visualisation and this scientific thinking do not (where healing is concerned) involve the construction of thoughtforms. It involves the ability to move and direct energy currents.

Xét cho cùng, chữa lành nội môn chân chính là một vấn đề đơn giản so với chi tiết phức tạp và rắc rối [575] liên quan đến bộ máy con người và các bệnh tật của nó mà vị y sĩ hiện đại phải đối phó. Nhà chữa lành tinh thần quan tâm đến *khu vực* nơi bệnh tật được tìm thấy, đến *trung tâm dĩ thái* kiểm soát nó và đối ứng cao hơn của trung tâm ấy, và đến *ba năng lượng* đến từ linh hồn chịu trách nhiệm tạo ra điểm hay các điểm ma sát. Phần còn lại trong công việc của y liên quan đến việc sử dụng Sự tưởng tượng sáng tạo, năng lực hình dung và tri thức về tư duy khoa học, dựa trên định luật căn bản và phổ quát rằng "năng lượng đi theo tư tưởng." Sự hình dung này và tư duy khoa học này không liên quan (trong trường hợp chữa lành) đến việc xây dựng các Hình tư tưởng. Nó liên quan đến khả năng di chuyển và định hướng các dòng năng lượng.

5. The third eye then directs the healing force, and all is well.

5. Khi ấy con mắt thứ ba điều khiển mãnh lực chữa lành, và mọi sự đều ổn thỏa.

The third eye referred to here is that of the healer and not that of the average patient; this the healer uses in conjunction with the eye of the soul. In the case of the healing of a

Con mắt thứ ba được nói đến ở đây là của nhà chữa lành chứ không phải của bệnh nhân trung bình; nhà chữa lành sử dụng nó kết hợp với con mắt của linh hồn. Trong

very advanced person who is consciously able to cooperate, the third eye of the patient can also be active, and by this means two very potent streams of directed energy can penetrate into the area where the point of friction is located. In ordinary cases, however, and where no occult knowledge is present on the part of the patient, the healer does all the work, and this is desirable. The cooperation of the unskilled and those emotionally involved in their trouble is of no true assistance.

trường hợp chữa lành cho một người rất tiến bộ, có khả năng hợp tác một cách hữu thức, con mắt thứ ba của bệnh nhân cũng có thể hoạt động, và bằng phương tiện này hai dòng năng lượng được định hướng rất mạnh có thể xuyên vào khu vực nơi điểm ma sát tọa lạc. Tuy nhiên, trong các trường hợp thông thường, và nơi bệnh nhân không có tri thức huyền bí học, nhà chữa lành làm toàn bộ công việc, và điều này là đáng mong muốn. Sự hợp tác của người không được huấn luyện và của những người bị cuốn cảm xúc vào rắc rối của mình không phải là sự trợ giúp thực sự.

The few hints given in the analysis of the sentences composing Law IV will provide much food for thought, and we will now proceed to consider the rule connected with this law.

Vài gợi ý được đưa ra trong sự phân tích các câu cấu thành Định luật IV sẽ cung cấp nhiều điều đáng suy ngẫm, và giờ đây chúng ta sẽ tiếp tục xem xét quy luật liên hệ với định luật này.

It should be remembered, as we study these laws and rules, that the laws are imposed upon the healer and provide [576] the unalterable conditions under which he must work; he may not and cannot evade them. The rules, however, he imposes upon himself, and they constitute the conditions which he is advised to follow if he seeks success. Much depends upon his understanding of the rules and on his ability to interpret them correctly. They are a translation or an adaptation of the ancient rules which have, since time began, conditioned all occult healers, working under hierarchical impression. In the early days of their use they were submitted to and accepted by members of the Hierarchy at that time—the time or age of ancient Lemuria—and had then to be interpreted differently to the modern interpretation; the modern meaning is only now in process of emerging. It might be said that:

Khi nghiên cứu các định luật và quy luật này, cần nhớ rằng các định luật được áp đặt lên nhà chữa lành và cung cấp [576] những điều kiện bất biến mà dưới đó y phải làm việc; y không được và không thể né tránh chúng. Tuy nhiên, các quy luật thì do chính y áp đặt lên mình, và chúng cấu thành những điều kiện mà y được khuyên nên tuân theo nếu muốn thành công. Rất nhiều điều tùy thuộc vào sự thấu hiểu của y về các quy luật và vào khả năng diễn giải chúng một cách đúng đắn. Chúng là bản dịch hay sự thích ứng của các quy luật cổ xưa vốn, từ thuở ban đầu, đã tác động lên mọi nhà chữa lành huyền bí học làm việc dưới sự cảm ứng của Thánh đoàn. Trong những ngày đầu được sử dụng, chúng đã được tuân theo và chấp nhận bởi các thành viên của Thánh đoàn vào thời đó—thời đại Lemuria cổ xưa—và khi ấy phải được diễn giải khác với cách diễn giải hiện đại; ý nghĩa hiện đại chỉ mới đang trong tiến trình xuất hiện. Có thể nói rằng:

1. In Lemurian times these rules were accepted by members of the Hierarchy. Unless you were a member you could not ascertain them or work with them.

1. Trong thời Lemuria các quy luật này được các thành viên của Thánh đoàn chấp nhận. Trừ phi bạn là một thành viên, bạn không thể biết được chúng hay làm việc với chúng.

2. In Atlantean times they were externalised to the extent that disciples who were not yet initiates or who had taken only the first initiation were given them and permitted to use them. It is their Atlantean interpretation which largely colours the modern approach to their comprehension, but it is not adequate to the opportunity and the more mental type of human being.

2. *Trong thời Atlantis* chúng đã được ngoại hiện đến mức các đệ tử chưa phải là điểm đạo đồ hoặc mới chỉ trải qua lần điểm đạo thứ nhất đã được trao cho và được phép sử dụng chúng. Chính cách diễn giải Atlantis của chúng phần lớn nhuốm màu cách tiếp cận hiện đại đối với việc hiểu chúng, nhưng nó không thích hợp với cơ hội hiện nay và với kiểu người trí tuệ hơn.

3. Today, in our Aryan race, a new significance is emerging, and it is that significance and the new interpretation which I shall endeavour to impart.

3. Ngày nay, *trong giống dân Arya của chúng ta,* một ý nghĩa mới đang xuất hiện, và chính ý nghĩa ấy cùng cách diễn giải mới ấy mà tôi sẽ cố gắng truyền đạt.

Rule I was not subjected to the new interpretation because it was so obviously modern in its implications. In fact, the first rule was not part of the original ancient text from which these important rules have been taken, but is relatively very modern, being formulated early in the Christian [577] era. It is a clear and concise rule and implies what should be the nature of the healer's thinking.

Quy luật I đã không được đặt dưới cách diễn giải mới vì nó quá hiển nhiên là hiện đại trong các hàm ý của nó. Thực ra, quy luật thứ nhất không phải là một phần của bản văn cổ nguyên thủy mà từ đó các quy luật quan trọng này đã được rút ra, mà tương đối rất hiện đại, được hình thành vào đầu [577] kỷ nguyên Cơ Đốc. Đó là một quy luật rõ ràng và súc tích và hàm ý điều nên là bản chất của tư duy của nhà chữa lành.

1. He must know the type of thought which conditions the patient.

1. Y phải biết loại tư tưởng nào tác động lên bệnh nhân.

2. He must be able to penetrate to the source of the difficulty, or to its psychological background; therefore, he must use thought power.

2. Y phải có khả năng xuyên thấu đến nguồn gốc của khó khăn, hay đến bối cảnh tâm lý của nó; vì vậy, y phải sử dụng quyền năng tư tưởng.

3. He must be able to relate cause and effect; the relating agent is ever the mind.

3. Y phải có khả năng liên hệ nguyên nhân và kết quả; tác nhân liên hệ luôn luôn là thể trí.

In old Lemuria and Atlantis the mind was practically entirely quiescent and not really functioning at all; it is only in this present race that the mental nature of man is becoming dominant, and therefore the new and modern interpretation of these rules (based on the mind principle) is now in order, and with this we shall proceed to deal.

Trong Lemuria và Atlantis cổ xưa, thể trí hầu như hoàn toàn tĩnh lặng và thực sự không hoạt động chút nào; chỉ trong giống dân hiện nay này mà bản chất trí tuệ của con người mới đang trở nên trội vượt, và vì vậy cách diễn giải mới và hiện đại của các quy luật này (dựa trên nguyên khí trí tuệ) nay là thích hợp, và với điều này chúng ta sẽ tiếp tục bàn đến.

RULE TWO — QUY LUẬT HAI

The healer must achieve magnetic purity, through purity of life. He must attain that dispelling radiance which shows itself in every man when he has linked the centres in the head. When this magnetic field is established the radiation then goes forth.

Nhà trị liệu phải đạt được sự thanh khiết từ tính thông qua sự thanh khiết của đời sống. Y phải đạt được sự chói rạng có sức xua tan, vốn biểu lộ nơi mỗi người khi y đã nối kết các luân xa trong đầu. Khi trường từ tính này được thiết lập, bức xạ sẽ phát ra.

The East has ever emphasised magnetic purity but has totally ignored physical purity as the Occident understands it; the West has emphasised external physical purity but knows nothing about magnetic purity; this latter is largely based (somewhat erroneously though not entirely so) on the effect

Phương Đông luôn nhấn mạnh sự thanh khiết từ tính nhưng hoàn toàn bỏ qua sự thanh khiết thể xác như phương Tây hiểu; phương Tây đã nhấn mạnh sự thanh khiết thể xác bên ngoài nhưng không biết gì về sự thanh khiết từ tính; sự thanh khiết từ tính này phần lớn dựa (hơi sai lầm dù không hoàn toàn như vậy) trên hiệu quả

of the auric emanation and its purity or non-purity. The healer, in this rule, is advised to:

của phát xạ hào quang và sự thanh khiết hay không thanh khiết của nó. Trong quy luật này, nhà chữa lành được khuyên:

1. Achieve magnetic purity through purity of life.

1. Đạt được sự thanh khiết từ tính qua sự thanh khiết của đời sống.

2. Attain a dispelling radiance through linking the centres in the head.

2. Đạt tới bức xạ làm tiêu tan qua việc nối kết các trung tâm trong đầu.

[578]

[578]

3. Establish a magnetic field through the utilisation of this magnetic field.

Result: RADIATION.

The interesting part of this rule is its linking the two possible forms of spiritual healing—radiatory and magnetic—into one activity. The true healer automatically blends both modes of healing and uses both methods simultaneously and automatically because he works through the magnetic area, contained within the radius of influence of the three head centres, or within the triangle which is formed by so linking them.

In Lemurian days, the healer achieved his ends by the use of drastic physical disciplines, thus gaining the needed purity. The goal, as you know, of hierarchical effort in those days was to teach primitive man the uses and purpose of the physical body and its intelligent control; the man who mastered the body and was in control of it as a machine, was then in was then regarded as an initiate. Today, it is mastering the personality which makes a man an initiate. Celibacy, careful modes of eating, and bodily cleanliness, plus the rudiments of Hatha Yoga (embryonic physical, athletic control—muscular control primarily) were strictly emphasised. This achieved, so-called purity permitted the free flow of the pranic currents from the healer to the patient, via the sacral centre and the throat centre—the spiritual healer working through the throat centre, and the point of reception in the patient being the sacral centre; neither the heart nor the head centres were used. Prana, to define it for your purposes, is the vitality of the planet, its vital emanation; it is this prana which is distributed or transferred by a natural healer (one without any training,

3. Thiết lập một từ trường qua việc sử dụng từ trường này.

Kết quả: BỨC XẠ.

Phần thú vị của quy luật này là nó nối kết hai hình thức chữa lành tinh thần khả dĩ—bằng bức xạ và bằng từ tính—thành một hoạt động. Nhà chữa lành chân chính tự động hòa trộn cả hai phương thức chữa lành và sử dụng đồng thời và tự động cả hai phương pháp bởi vì y làm việc qua khu vực từ tính, được chứa trong bán kính ảnh hưởng của ba trung tâm đầu, hay trong tam giác được hình thành bằng cách nối kết chúng như thế.

Trong thời Lemuria, nhà chữa lành đạt mục đích của mình bằng cách sử dụng các kỷ luật thể xác nghiêm khắc, nhờ đó đạt được sự thanh khiết cần thiết. Như bạn biết, mục tiêu của nỗ lực của Thánh đoàn trong những ngày ấy là dạy con người nguyên thủy về công dụng và mục đích của thể xác và sự kiểm soát thông minh đối với nó; người nào làm chủ được thân thể và kiểm soát nó như một cỗ máy thì khi ấy được xem là một điểm đạo đồ. Ngày nay, chính việc làm chủ phàm ngã mới khiến một người trở thành điểm đạo đồ. Độc thân, cách ăn uống cẩn trọng, và sự sạch sẽ thân thể, cộng với những sơ đẳng của Hatha Yoga (sự kiểm soát thể chất phôi thai, mang tính vận động—chủ yếu là kiểm soát cơ bắp) đã được nhấn mạnh nghiêm ngặt. Khi đạt được điều này, cái gọi là sự thanh khiết cho phép các dòng prana tự do chảy từ nhà chữa lành sang bệnh nhân, qua trung tâm xương cùng và trung tâm cổ họng—nhà chữa lành tinh thần làm việc qua trung tâm cổ họng, và điểm tiếp nhận nơi bệnh nhân là trung tâm xương cùng; cả trung tâm tim lẫn trung tâm đầu đều không được dùng. Để định nghĩa prana cho mục đích của bạn, đó là sinh lực của hành tinh,

without much essential knowledge or with little, if any, spiritual [579] orientation). He heals but does not know how or why; prana simply flows through him in the form of a strong current of animal vitality, usually from the splenic centre and not from any of the seven centres.

phát xạ sinh lực của nó; chính prana này được phân phối hay chuyển dịch bởi một nhà chữa lành tự nhiên (người không có bất kỳ huấn luyện nào, không có nhiều tri thức cốt yếu hoặc có rất ít, nếu có, định hướng tinh thần [579]). Y chữa lành nhưng không biết bằng cách nào hay tại sao; prana đơn giản chảy qua y dưới hình thức một dòng mạnh của sinh lực động vật, thường từ trung tâm lá lách chứ không từ bất kỳ trung tâm nào trong bảy trung tâm.

These drastic physical disciplines are often attempted today by well-intentioned aspirants; they practice celibacy, strict vegetarianism, relaxation exercises and many kinds of physical exercises, in the hope of bringing the body under control. These forms of discipline would be very good for the undeveloped and the lowest type of human being, but they are not the methods which should be employed by the average man or the practising aspirant. Concentration upon the physical body only serves to enhance its potency and to feed its appetites and bring to the surface of consciousness that which should be securely secluded below the threshold of consciousness. The true aspirant should be occupied with emotional, not physical, control and 'with the effort to focus himself upon the mental plane prior to achieving a stabilised contact with the soul.

Những kỷ luật thể xác nghiêm khắc này ngày nay thường được các người chí nguyện thiện chí thử áp dụng; họ thực hành độc thân, ăn chay nghiêm ngặt, các bài tập thư giãn và nhiều loại bài tập thể chất, với hy vọng đưa thể xác vào dưới sự kiểm soát. Những hình thức kỷ luật này sẽ rất tốt cho người chưa phát triển và kiểu người thấp nhất, nhưng chúng không phải là những phương pháp nên được dùng bởi người trung bình hay người chí nguyện đang thực hành. Sự tập trung chỉ vào thể xác chỉ phục vụ cho việc tăng cường sức mạnh của nó và nuôi dưỡng các ham muốn của nó, đồng thời đưa lên bề mặt tâm thức điều lẽ ra phải được giữ kín an toàn bên dưới ngưỡng tâm thức. Người chí nguyện chân chính nên bận tâm đến sự kiểm soát cảm xúc, chứ không phải thể xác, và với nỗ lực tập trung mình trên cõi trí trước khi đạt được sự tiếp xúc ổn định với linh hồn.

In Atlantean times, the shift of the attention from the dense physical body to the emotional vehicle began slowly to be made. The initiate of that time began to teach his disciples that the physical body was in reality only an automaton, and that it was the desire body, and the nature and quality of their habitual desires which should be considered if purity was to be attained. It was in this race, therefore, that personal

Trong thời Atlantis, sự chuyển dịch chú ý từ thể xác đậm đặc sang vận cụ cảm xúc bắt đầu được thực hiện một cách chậm chạp. Điểm đạo đồ thời ấy bắt đầu dạy các đệ tử của mình rằng thể xác thực ra chỉ là một tự động cơ, và rằng chính thể cảm dục, cùng bản chất và phẩm tính của những ham muốn thường xuyên của họ, mới là điều cần được xem xét nếu muốn đạt được sự thanh khiết. Vì vậy, chính trong giống dân này mà

magnetism first began slowly to show itself. The early and the primitive Lemurian was not in the least magnetic as we understand the word, but in Atlantean days a certain measure of magnetic radiation showed itself, though not to the extent which is now frequent and possible. The first dim outline of the halo could be seen around the heads of advanced Atlanteans. Magnetic purity became a possibility and a goal, but was dependent upon emotional [580] control and the purification of the desire nature; this produced automatically a much greater measure of purity in the dense physical vehicle than the Lemurian initiate ever achieved. Diseases of the body became both subtle and complex, and the first psychological diseases appeared and the various ills which are definitely based upon the emotions. With this type of difficulty we have dealt in an earlier part of this treatise. The healer in those days worked through the solar plexus centre and (if an initiate) through the heart. There was still no magnetic area or field of energy in the head.

từ lực cá nhân lần đầu tiên bắt đầu chậm rãi biểu lộ. Người Lemuria sơ khai và nguyên thủy hoàn toàn không có từ tính như chúng ta hiểu từ này, nhưng trong thời Atlantis một mức độ bức xạ từ tính nào đó đã biểu lộ, dù không đến mức hiện nay là thường thấy và có thể có. Nét phác mờ đầu tiên của hào quang có thể được thấy quanh đầu những người Atlantis tiến bộ. Sự thanh khiết từ tính trở thành một khả năng và một mục tiêu, nhưng phụ thuộc vào [580] sự kiểm soát cảm xúc và sự thanh lọc bản chất ham muốn; điều này tự động tạo ra một mức độ thanh khiết lớn hơn nhiều trong vận cụ hồng trần đậm đặc so với điều mà điểm đạo đồ Lemuria từng đạt được. Các bệnh của thể xác trở nên vừa vi tế vừa phức tạp, và những bệnh tâm lý đầu tiên xuất hiện cùng các chứng bệnh khác nhau chắc chắn dựa trên cảm xúc. Với loại khó khăn này chúng ta đã bàn đến trong phần trước của bộ luận này. Nhà chữa lành trong những ngày ấy làm việc qua trung tâm tùng thái dương và (nếu là điểm đạo đồ) qua tim. Vẫn chưa có khu vực từ tính hay trường năng lượng nào trong đầu.

Today, in our Aryan race, magnetic purity is not dependent upon the physical disciplines; it is still—for the mass of the people—dependent upon emotional disciplines, but in the case of the true healer in the New Age it is dependent upon the "lighted magnetic area in the head." This provides a field of activity for the soul, working through the head centres and focussing itself in the magnetic field which they enclose. When all the powers of the body and the directed attention of the healer are centered in the head, and when the astral body is quiescent and the mind is active as a transmitter of soul energy to the three head centres, you then have an established radiance, or energy emanation which is a potent force in healing. The radiation is intense, not so

Ngày nay, trong giống dân Arya của chúng ta, sự thanh khiết từ tính không phụ thuộc vào các kỷ luật thể xác; nó vẫn còn—đối với quần chúng—phụ thuộc vào các kỷ luật cảm xúc, nhưng trong trường hợp của nhà chữa lành chân chính trong Kỷ Nguyên Mới, nó phụ thuộc vào "khu vực từ tính được soi sáng trong đầu." Điều này cung cấp một trường hoạt động cho linh hồn, hoạt động qua các trung tâm đầu và tự tập trung trong từ trường mà chúng bao bọc. Khi mọi quyền năng của thân thể và sự chú ý được định hướng của nhà chữa lành đều tập trung trong đầu, và khi thể cảm dục tĩnh lặng còn thể trí hoạt động như một tác nhân truyền dẫn năng lượng linh hồn đến ba trung tâm đầu, thì khi ấy bạn có một bức xạ được thiết lập, hay một phát xạ năng lượng là một

much from the familiar aspect of light, but from the extent of its emanating rays of active energy which can reach the patient and energise the needed centre. All the centres in the body of the patient can be receptive to this energy, and not just one, as in the previous two types of healing.

mãnh lực mạnh mẽ trong việc chữa lành. Bức xạ này mãnh liệt, không hẳn từ phương diện quen thuộc của ánh sáng, mà từ mức độ các tia năng lượng hoạt động phát ra của nó có thể vươn tới bệnh nhân và tiếp sinh lực cho trung tâm cần thiết. Tất cả các trung tâm trong thân thể của bệnh nhân đều có thể tiếp nhận năng lượng này, chứ không chỉ một trung tâm như trong hai loại chữa lành trước.

When the karma or life-pattern of the patient permits, these energy rays (emanating from the magnetic field in the healer's head) become what is called a "dispelling radiance"; they can drive away the forces which create or [581] aggravate the disease. When this dispelling radiance is unable (because of the destiny of the patient) to bring about a physical cure, it can nevertheless be turned to the dispelling of subtler difficulties, such as fear in some form or other, emotional imbalance and certain psychological difficulties which greatly enhance the problem with which the patient is faced.

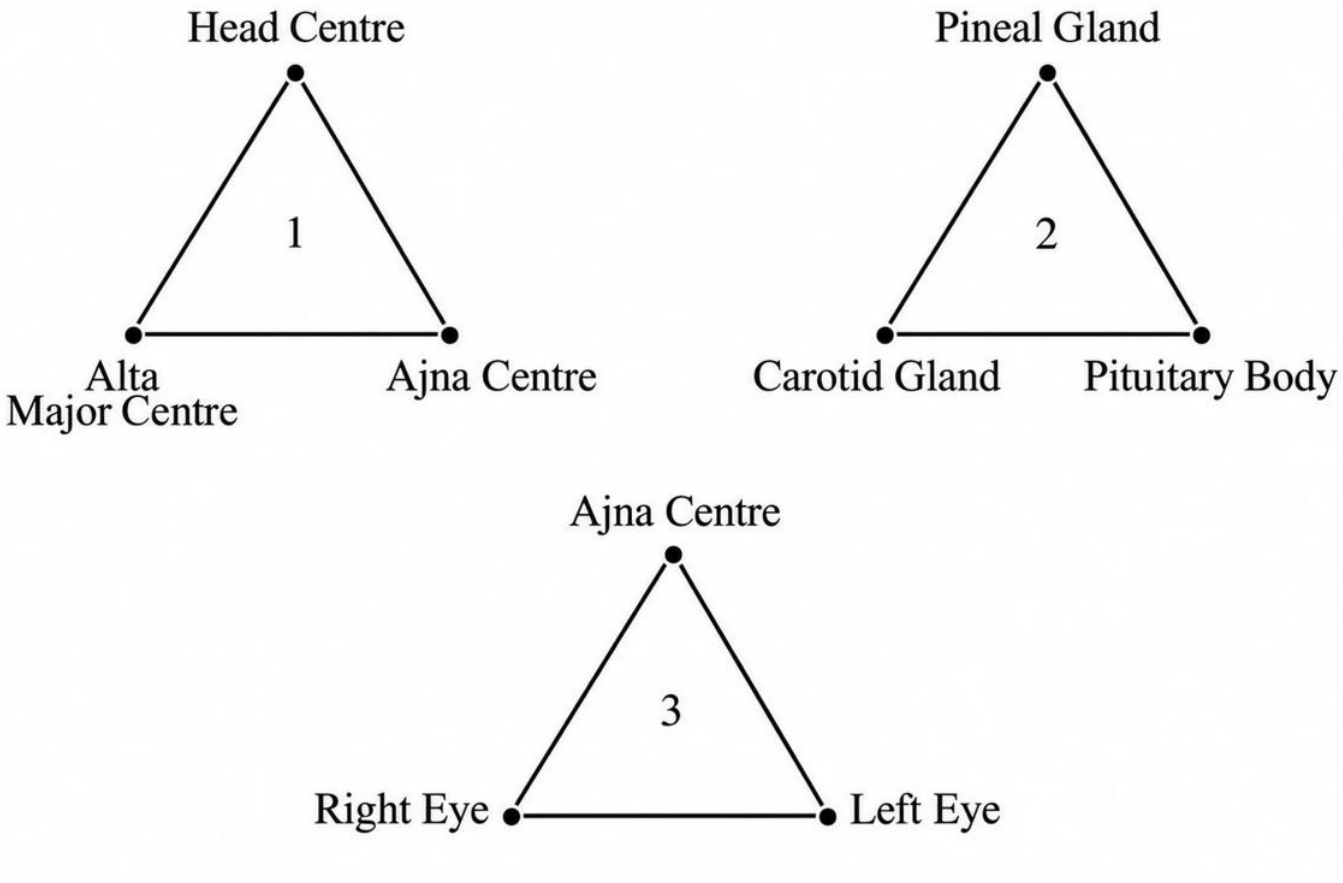
Khi nghiệp quả hay mô hình đời sống của bệnh nhân cho phép, các tia năng lượng này (phát ra từ từ trường trong đầu nhà chữa lành) trở thành điều được gọi là "bức xạ làm tiêu tan"; chúng có thể xua tan các lực tạo ra hay [581] làm trầm trọng thêm bệnh tật. Khi bức xạ làm tiêu tan này không thể (do số mệnh của bệnh nhân) mang lại sự chữa lành thể xác, nó vẫn có thể được chuyển sang việc làm tiêu tan những khó khăn vi tế hơn, như sợ hãi dưới hình thức này hay hình thức khác, mất quân bình cảm xúc và một số khó khăn tâm lý làm tăng mạnh vấn đề mà bệnh nhân đang đối diện.

Healers would do well to remember that when the three centres in the head are linked up and the magnetic field is therefore set up and the radiance is present, the healer can then use the ajna centre as the directing agent for this "dispelling radiance." It is interesting to note that the two major centres in the head (corresponding to atma-buddhi, or the soul) are the head centre and the alta major centre, and that these correspond esoterically to the distributing agents of the right and the left eyes, as do the two glands in the head: the pineal gland and the pituitary body. You have, therefore, in the head

Các nhà chữa lành nên nhớ rằng khi ba trung tâm trong đầu được nối kết và từ trường do đó được thiết lập và bức xạ hiện diện, thì nhà chữa lành khi ấy có thể sử dụng trung tâm ajna như tác nhân định hướng cho "bức xạ làm tiêu tan" này. Điều đáng chú ý là hai trung tâm lớn trong đầu (tương ứng với atma-buddhi, hay linh hồn) là trung tâm đầu và trung tâm alta major, và rằng chúng tương ứng về mặt nội môn với các tác nhân phân phối của mắt phải và mắt trái, cũng như hai tuyến trong đầu: tuyến tùng và tuyến yên. Vì vậy, trong đầu bạn có

three triangles, of which two are distributors of energy and the third is a distributor of force.

ba tam giác, trong đó hai tam giác là các bộ phân phối năng lượng và tam giác thứ ba là một bộ phân phối mãnh lực.



[582]

[582]

It is with these triangles that the trained healer eventually works and which he consciously employs. The time when this will be possible still lies very far ahead. At present the healer must work through visualisation and the power of the creative imagination. As he imagines, through visualisation, the relationship of these interlaced triangles, superimposing them the one upon the others, beginning with the first, he is doing a definite work of creative placing, then of creative vitalising and finally of creative directing. In these three words: placing, vitalising, directing, you have the results indicated as to what obedience to this rule will enable the healer

Chính với các tam giác này mà nhà chữa lành được huấn luyện cuối cùng sẽ làm việc và sử dụng một cách hữu thức. Thời điểm khi điều này có thể thực hiện vẫn còn ở rất xa phía trước. Hiện nay nhà chữa lành phải làm việc qua sự hình dung và quyền năng của Sự tưởng tượng sáng tạo. Khi y hình dung, qua sự hình dung, mối liên hệ của các tam giác đan xen này, chồng chúng lên nhau, bắt đầu với tam giác thứ nhất, thì y đang làm một công việc xác định vị trí một cách sáng tạo, rồi tiếp sinh lực một cách sáng tạo và cuối cùng là định hướng một cách sáng tạo. Trong ba từ này: xác định vị trí, tiếp sinh lực, định hướng, bạn có các kết quả được chỉ ra về điều mà sự tuân thủ quy luật

to accomplish. The attention is placed; the magnetic field is spiritually vitalised; the generated vital radiance is then distributed and directed correctly through the medium of the third triangle. This sounds a somewhat complicated procedure but after a little practice this healing exercise of placing, vitalising and directing becomes an almost instantaneous and automatic accomplishment.

này sẽ cho phép nhà chữa lành hoàn thành. Sự chú ý được đặt vào; từ trường được tiếp sinh lực một cách tinh thần; bức xạ sinh lực được tạo ra sau đó được phân phối và định hướng đúng đắn qua môi giới của tam giác thứ ba. Điều này nghe có vẻ là một thủ tục hơi phức tạp nhưng sau một ít thực hành, bài tập chữa lành gồm xác định vị trí, tiếp sinh lực và định hướng này trở thành một thành tựu gần như tức thời và tự động.

We come now to the consideration of a long and somewhat complicated law and one which attempts to cover so much ground that at first reading it is apt to be confusing.

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét một định luật dài và phần nào phức tạp, một định luật cố gắng bao quát quá nhiều lãnh vực đến nỗi khi đọc lần đầu rất dễ gây lẫn lộn.

LAW V — ĐỊNH LUẬT V

There is naught but energy, for God is Life. Two energies meet in man, but other five are present. For each is to be found a central point of contact. The conflict of these energies with forces and of forces twixt themselves produce the bodily ills of man. The conflict of the first and second persists for ages until the mountaintop is reached—the first great mountain top. The fight between the forces produces all disease, all ills and bodily pain which seek release in death. The two, the five and thus the seven, plus that which they produce, possess the secret. This is the fifth law of healing within the world of form.

Không có gì ngoài năng lượng, vì Thượng Đế là Sự Sống. Hai năng lượng gặp nhau trong con người, nhưng năm năng lượng khác cũng hiện diện. Với mỗi năng lượng, có thể tìm thấy một Điểm tiếp xúc ở trung tâm. Sự xung đột giữa những năng lượng này với các mãnh lực, và giữa các mãnh lực với nhau, tạo ra những bệnh tật trong thân thể con người. Sự xung đột của năng lượng thứ nhất và thứ hai kéo dài qua nhiều thời đại cho đến khi đỉnh núi được đạt tới—đỉnh núi lớn đầu tiên. Cuộc chiến giữa các mãnh lực tạo ra mọi bệnh tật, mọi đau yếu và đau đớn thân thể vốn tìm sự giải thoát trong cái chết. Hai, năm, và như vậy là bảy, cùng với điều chúng tạo ra, nắm giữ bí mật. Đây là Định luật Chữa Lành thứ năm trong thế giới hình tướng.

[583]

[583]

It has been impossible hitherto to give the subject-matter of this rule because it is only today that teaching anent LIFE (and life as energy) has been possible. Also the teaching

Cho đến nay, không thể trình bày nội dung của quy luật này vì chỉ đến ngày nay giáo huấn về SỰ SỐNG (và sự sống như năng lượng) mới có thể được truyền dạy. Ngoài ra,

anent the five and the two energies which meet in man have only lately been given out by me, for the first time in any detail, although they were hinted at in The Secret Doctrine. I wonder sometimes if any of you realise the epoch-making importance of the teaching which I have given out anent the seven rays as manifesting energies. Speculations as to the nature of the divine Trinity have ever been present in the discussions and thinking of advanced men—and that since time began and the Hierarchy started its agelong task of influencing and stimulating the human consciousness but information anent the seven Spirits before the Throne of the Trinity has not been so usual and only a few writers, ancient or modern, have touched upon the nature of these Beings. Now, with all that I have given you concerning the seven rays and the seven Ray Lords, much more can be discovered; these seven great Lives can be seen and known as the informing essences and the active energies in all that is manifested and tangible upon the physical plane as well as on all the planes of divine expression; in saying this, I include not only the cosmic physical plane (composed of our seven systemic planes) but the cosmic astral and the cosmic mental planes also.

giáo huấn về năm và hai năng lượng gặp nhau trong con người cũng chỉ mới gần đây được tôi công bố, lần đầu tiên với một mức độ chi tiết nào đó, dù chúng đã được ám chỉ trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Đôi khi tôi tự hỏi liệu có ai trong các bạn nhận ra tầm quan trọng mang tính mở kỷ nguyên của giáo huấn mà tôi đã truyền ra về bảy cung như những năng lượng biểu hiện hay không. Những suy đoán về bản chất của Tam Vị thiêng liêng luôn hiện diện trong các cuộc thảo luận và tư duy của những người tiến bộ—và điều đó đã có từ thuở ban đầu khi Thánh đoàn khởi sự công việc lâu đời của mình là ảnh hưởng và kích thích tâm thức nhân loại; nhưng thông tin về Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai của Tam Vị thì không phổ biến như vậy, và chỉ có một số ít tác giả, cổ hay kim, chạm đến bản chất của các Đấng này. Giờ đây, với tất cả những gì tôi đã trao cho các bạn về bảy cung và bảy Đấng Chúa Tể Cung, còn nhiều điều hơn nữa có thể được khám phá; bảy Sự Sống vĩ đại này có thể được nhìn thấy và biết đến như những tinh chất thấm nhuần và những năng lượng hoạt động trong mọi điều được biểu hiện và hữu hình trên cõi hồng trần cũng như trên mọi cõi của sự biểu lộ thiêng liêng; khi nói điều này, tôi không chỉ bao gồm cõi hồng trần vũ trụ (gồm bảy cõi thái dương hệ của chúng ta) mà cả cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ nữa.

In this rule the healer is expected to accept certain basic ideas which will serve to develop his understanding; certain broad and general axioms are laid down which will form a sound foundation for all future work. The main point to bear in mind is that this rule relates entirely to the physical plane (dense and etheric) and to the effects which the conflict between the energies and the forces produces within the physical body. The forces are those energies which are limited and imprisoned within a form of any kind—a body, [584] a plane, an organ, a

Trong quy luật này, người chữa lành được mong đợi chấp nhận một số ý tưởng căn bản sẽ giúp phát triển sự thấu hiểu của mình; một số tiên đề rộng lớn và tổng quát được nêu ra, tạo thành nền tảng vững chắc cho mọi công việc tương lai. Điểm chính cần ghi nhớ là quy luật này hoàn toàn liên hệ đến cõi hồng trần (đậm đặc và dĩ thái) và đến những hiệu quả mà sự xung đột giữa các năng lượng và các mãnh lực tạo ra trong thể xác. Các mãnh lực là những năng lượng bị giới hạn và bị giam giữ trong một hình tướng thuộc bất kỳ loại nào—một thân thể, [584]

centre; the energies are those streams of directed energy which make impact upon these imprisoned forces (if I may so call them) from within a greater or more inclusive form, from a subtler plane, thus making contact with a grosser vibratory force. An energy is subtler and more potent than the force upon which it makes impact or establishes contact; the force is less potent but it is anchored. In these last two words you have the key to the problem of the relationship of energies. Free energy, from the angle of the anchored point of contact, is in some ways less effective (within a limited sphere) than the energy already anchored there. It is essentially more potent but not effective. Ponder on this and let me illustrate my point. In the life of the aspirant, the energy of the solar plexus centre (from long use, centralisation and habit) is more potent in its effect upon the life of the aspirant than is the energy of the heart centre, which is only slowly, very slowly, coming into effective action. To illustrate further: the energies of the personality are far more potent in conditioning the life of the average man than is the energy of the soul, which for aeons has tried to grasp effectively its point of manifestation, the personality, but has failed until very late in the cycle of incarnations. Yet, in the last analysis, heart energy and soul energy are infinitely more potent than those of the solar plexus centre or the personality. For aeons, however, the energy of the heart centre and the energy of the soul have lacked responsive vehicles in the three worlds.

một cõi, một cơ quan, một trung tâm; còn các năng lượng là những dòng năng lượng được định hướng tác động lên các mãnh lực bị giam giữ này (nếu tôi có thể gọi chúng như vậy) từ bên trong một hình tướng lớn hơn hay bao gồm hơn, từ một cõi vi tế hơn, nhờ đó tiếp xúc với một mãnh lực rung động thô nặng hơn. Một năng lượng vi tế hơn và mạnh hơn mãnh lực mà nó tác động hay thiết lập tiếp xúc; mãnh lực thì kém mạnh hơn nhưng nó lại *được neo giữ*. Trong hai từ cuối này, các bạn có chìa khóa cho vấn đề về mối liên hệ của các năng lượng. Năng lượng *tự do*, xét từ góc độ của điểm tiếp xúc đã được neo giữ, theo một số phương diện lại kém hiệu quả hơn (trong một phạm vi giới hạn) so với năng lượng đã được neo giữ tại đó. Về bản chất, nó mạnh hơn nhiều nhưng không hiệu quả. Hãy suy ngẫm điều này và để tôi minh họa ý của mình. Trong đời sống của người chí nguyện, năng lượng của trung tâm tùng thái dương (do được sử dụng lâu dài, tập trung hóa và thói quen) có hiệu lực đối với đời sống của người chí nguyện mạnh hơn năng lượng của trung tâm tim, vốn chỉ đang từ từ, rất từ từ, đi vào hoạt động hữu hiệu. Để minh họa thêm: các năng lượng của phàm ngã có sức mạnh tác động lên đời sống của con người trung bình lớn hơn nhiều so với năng lượng của linh hồn, vốn qua nhiều đại kiếp đã cố gắng nắm lấy một cách hữu hiệu điểm biểu hiện của nó là phàm ngã, nhưng đã thất bại cho đến rất muộn trong chu kỳ các lần nhập thể. Tuy nhiên, xét đến cùng, năng lượng tim và năng lượng linh hồn mạnh hơn vô hạn so với năng lượng của trung tâm tùng thái dương hay của phàm ngã. Nhưng qua nhiều đại kiếp, năng lượng của trung tâm tim và năng lượng của linh hồn đã thiếu những vận cụ đáp ứng trong ba cõi giới.

In a way, this simplifies the problem of the healer, because the first thing he has to decide is whether soul energy or personality

Theo một nghĩa nào đó, điều này đơn giản hóa vấn đề của người chữa lành, vì điều đầu tiên y phải quyết định là năng lượng linh

energy is in control; that is a matter very simply discovered. The life trend of the patient, his mode of living or of service, the character he displays, are all indicative of the potencies which control his manifested expression. If the man is a true aspirant and is aiming [585] consciously to tread the Path of Discipleship, he will aid the discovery by frank admission; however, if there is no response from the personality forces to the soul impact of the healer, the personality will remain unaware of the opportunity and quite unconscious of the impact. These conditions the healer can therefore easily ascertain.

hồn hay năng lượng phàm ngã đang kiểm soát; đó là điều có thể được khám phá rất đơn giản. Khuynh hướng đời sống của bệnh nhân, cách sống hay cách phụng sự của y, tính cách mà y biểu lộ, tất cả đều cho thấy những tiềm lực nào đang kiểm soát sự biểu hiện của y. Nếu người ấy là một người chí nguyện chân chính và đang [585] có ý thức nhắm đến việc bước đi trên Con Đường Đệ Tử, y sẽ giúp cho việc khám phá ấy bằng sự thừa nhận thẳng thắn; tuy nhiên, nếu không có sự đáp ứng nào từ các mãnh lực phàm ngã đối với tác động của linh hồn từ người chữa lành, thì phàm ngã sẽ vẫn không nhận biết cơ hội ấy và hoàn toàn không ý thức về tác động đó. Vì vậy, người chữa lành có thể dễ dàng xác định các điều kiện này.

This rule is a long one and contains statements of major importance. It would be profitable for us, in the interests of our subject, to study them with the utmost care and so become aware of their significance and true meaning; this understanding must be from the standpoint of the initiate-consciousness, and not from the angle of vision of the average or unillumined man. We will, therefore, take each sentence by itself and seek its meaning. There are seven statements contained in this rule, and much of their import is exoterically familiar to you, but can be restated in relation to the healing art.

Quy luật này dài và chứa đựng những phát biểu có tầm quan trọng lớn. Vì lợi ích của đề tài chúng ta, sẽ hữu ích nếu nghiên cứu chúng với sự cẩn trọng tối đa để nhờ đó nhận biết thâm nghĩa và ý nghĩa chân thực của chúng; sự thấu hiểu này phải xuất phát từ lập trường của tâm thức điểm đạo đồ, chứ không phải từ góc nhìn của con người trung bình hay chưa được soi sáng. Vì vậy, chúng ta sẽ xét từng câu riêng biệt và tìm kiếm ý nghĩa của nó. Có bảy phát biểu trong quy luật này, và phần lớn nội dung của chúng đã quen thuộc với các bạn trên phương diện ngoại môn, nhưng có thể được trình bày lại trong liên hệ với nghệ thuật chữa lành.

1. There is naught but energy, for God is Life.

1. Không có gì ngoài năng lượng, vì Thượng Đế là Sự Sống.

This is a broad generalisation which may convey much to the initiate but assuredly conveys very little to the average thinker, to whom life means essentially and simply that which calls into manifestation a form, which sustains it in being and constantly demonstrates its presence by activity of

Đây là một khái quát rộng lớn có thể truyền đạt nhiều điều cho điểm đạo đồ nhưng chắc chắn truyền đạt rất ít cho nhà tư tưởng trung bình, đối với người ấy sự sống về căn bản và đơn giản chỉ có nghĩa là điều gọi một hình tướng vào biểu hiện, duy trì nó trong hiện hữu và liên tục chứng tỏ sự hiện diện

some kind or another—an activity which demonstrates its livingness. We, however, erroneously apply the term living to the ability of a form to manifest and express its quality and nature. Yet livingness and quality exist apart from form and often come into major expression and usefulness through the application of the Law of Death.

của nó bằng một loại hoạt động nào đó—một hoạt động chứng minh tính sống động của nó. Tuy nhiên, chúng ta lại sai lầm khi áp dụng từ sống cho khả năng của một hình tướng trong việc biểu lộ và diễn đạt phẩm tính và bản chất của nó. Thế nhưng tính sống động và phẩm tính tồn tại tách biệt khỏi hình tướng và thường đi vào biểu hiện lớn lao cùng sự hữu dụng thông qua việc áp dụng Định luật Chết.

The fact of divinity and of divine origin is proved by the fact of life. This is oft overlooked, and the emphasis is put upon the concept that life evokes and supports a form [586] which anchors the life-essence and proves the reality of its existence.

Sự kiện về thiên tính và nguồn gốc thiêng liêng được chứng minh bởi sự kiện của sự sống. Điều này thường bị bỏ qua, và sự nhấn mạnh được đặt vào quan niệm rằng sự sống khơi gọi và nâng đỡ một hình tướng [586] vốn neo giữ tinh chất sự sống và chứng minh thực tại của sự hiện hữu của nó.

It is the life of the One Source of all manifesting forms which creates relationships and essential qualities, and though this has been affirmed ceaselessly it still remains a meaningless platitude. As men, however, begin to recognise God as energy and themselves as aspects of that energy, as they begin consciously to work with energies and recognise the distinction in time and space between energies and forces, and then as the soul comes into greater functioning activity, the fact of life will be recognised in a new and almost formidable manner. It should be remembered that the soul is a secondary energy, which proves the existence of the primary energy and is responsible for the appearance of the third form of energy—the tangible and the objective. Life will eventually be known as capable of being invoked by the soul in the interests of the form. Here lies a clue to our general theme.

Chính sự sống của Nguồn Cội Duy Nhất của mọi hình tướng biểu hiện tạo ra các mối liên hệ và các phẩm tính cốt yếu, và dù điều này đã được khẳng định không ngừng, nó vẫn còn là một sáo ngữ vô nghĩa. Tuy nhiên, khi con người bắt đầu nhận ra Thượng đế là năng lượng và chính mình là các phương diện của năng lượng đó, khi họ bắt đầu làm việc một cách có ý thức với các năng lượng và nhận ra sự khác biệt trong thời gian và không gian giữa năng lượng và mãnh lực, rồi khi linh hồn đi vào hoạt động chức năng lớn hơn, thì sự kiện của sự sống sẽ được nhận biết theo một cách mới mẻ và gần như đáng kinh ngạc. Cần nhớ rằng linh hồn là một năng lượng thứ cấp, chứng minh sự hiện hữu của năng lượng sơ cấp và chịu trách nhiệm cho sự xuất hiện của hình thức năng lượng thứ ba—cái hữu hình và khách quan. Cuối cùng, sự sống sẽ được biết là có thể được linh hồn khẩn cầu vì lợi ích của hình tướng. Chính trong điều này có một đầu mối cho chủ đề tổng quát của chúng ta.

Up till now the mechanism of approach to the life aspect—the antahkarana and the agent, the spiritual will—has not been understood in any useful sense. Today, the first faint hints as to the use of the antahkarana, and its purpose in relation to the personality and the Spiritual Triad, are being studied by a few students in the world, and their numbers will steadily increase as both personality and soul establish contact and fusion and more people take initiation. The purpose, consequently, for the very existence of the fourth kingdom in nature (as a transmitting agent for the higher spiritual energies to the three lower kingdoms) will begin to appear, and men, in group formation, will consciously begin this work of "saving"—in the esoteric sense, needless to say—these other grouped lives. The Macrocosm with its purpose and incentives will for the first time begin to reflect itself into the human kingdom in a new-[587] and more potent manner, and this in its turn will become the macrocosm of the three lesser states of conscious lives—the animal, the vegetable and the mineral kingdoms.

Cho đến nay, cơ chế tiếp cận phương diện sự sống—antahkarana và tác nhân của nó là ý chí tinh thần—vẫn chưa được hiểu theo bất kỳ ý nghĩa hữu dụng nào. Ngày nay, những gợi ý mờ nhạt đầu tiên về việc sử dụng antahkarana, và mục đích của nó trong liên hệ với phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần, đang được một số ít đạo sinh trên thế giới nghiên cứu, và số lượng của họ sẽ tăng đều khi cả phàm ngã lẫn linh hồn thiết lập tiếp xúc và sự dung hợp, và ngày càng nhiều người đạt điểm đạo. Do đó, mục đích của chính sự hiện hữu của giới thứ tư trong thiên nhiên (như một tác nhân truyền dẫn các năng lượng tinh thần cao hơn đến ba giới thấp) sẽ bắt đầu xuất hiện, và con người, trong sự hình thành nhóm, sẽ bắt đầu một cách có ý thức công việc "cứu rỗi" này—dĩ nhiên theo nghĩa nội môn—đối với các sự sống nhóm khác này. Đại thiên địa với mục đích và các động lực của nó lần đầu tiên sẽ bắt đầu phản chiếu chính nó vào giới nhân loại theo một cách mới[587] và mạnh mẽ hơn, và đến lượt nó, điều này sẽ trở thành đại thiên địa của ba trạng thái nhỏ hơn của các sự sống hữu thức—giới động vật, giới thực vật và giới kim thạch.

All this is a deep mystery, but has remained so only on account of the lack of development of the fourth kingdom. There had been a deviation from the original intent. Its function and field of service could, however, be realised and expressed only when this highest aspect, the will aspect, had been brought into conscious expression in mankind through the building and the utilisation of the antahkarana. Along the rainbow bridge the life aspect can flow, and it is to this that the Christ referred when He states that He had come so that there might be present upon the Earth, "life more abundantly." Always there has been life, but when the Christ consciousness is

Tất cả điều này là một huyền nhiệm sâu xa, nhưng nó chỉ còn như vậy vì sự thiếu phát triển của giới thứ tư. Đã có một sự lệch khỏi ý định ban đầu. Tuy nhiên, chức năng và lĩnh vực phụng sự của nó chỉ có thể được nhận ra và biểu lộ khi phương diện cao nhất này, phương diện ý chí, được đưa vào biểu hiện có ý thức trong nhân loại thông qua việc xây dựng và sử dụng antahkarana. Dọc theo Cây cầu vồng, phương diện sự sống có thể tuôn chảy, và chính điều này mà Đức Christ đã nói đến khi Ngài tuyên bố rằng Ngài đến để trên Trái Đất có thể hiện diện "sự sống dồi dào hơn." Sự sống luôn luôn hiện hữu, nhưng khi tâm thức Christ hiện diện một cách rạng ngời (như trường hợp

radiantly present (as is the case today, though on a small scale) and the numbers of those expressing it are vast indeed, the inference is that the antahkarana is firmly established; the rainbow bridge can then be traversed and crossed, and life in abundance and in a new and impelling sense, and a fresh impulsing sense can also flow through humanity into the subhuman kingdoms in nature. This is evidence of divinity, and outstanding testimony of man's divine origin, and the hope, the saving hope, of the world.

ngày nay, dù trên quy mô nhỏ) và số người biểu lộ nó thật sự rất lớn, thì suy luận là antahkarana đã được thiết lập vững chắc; khi ấy Cây cầu vồng có thể được đi qua và vượt qua, và sự sống dồi dào theo một ý nghĩa mới mẻ và thúc đẩy, cùng một cảm thức thúc đẩy mới mẻ, cũng có thể tuôn qua nhân loại vào các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên. Đây là bằng chứng của thiên tính, và là chứng từ nổi bật về nguồn gốc thiêng liêng của con người, và là niềm hy vọng, niềm hy vọng cứu rỗi, của thế giới.

The energy and the forces constitute the sumtotal of all that is. This is another basic truism or platitude upon which the science of occultism is built and which the healing art must recognise. There is, in manifestation, nothing else of any kind whatsoever. Disease itself is a form of active energy, demonstrating in forces which destroy or produce death. Therefore, if our basic premise is correct, disease is also a form of divine expression, for what we know to be evil is also the reverse side of that which we call good. Shall we belittle the subject or cause a false impression [588] if we regard evil (at least as far as disease is concerned) as misplaced or maladjusted good? Will you misunderstand if I say that disease is energy which is not functioning as desired or according to plan? Inpouring energies are brought into relation with forces, and good health, strong and adequate forms and vital activity result; the same inpouring energies can, however, be brought into relation with the same forces and a point of friction be set up, producing a diseased area, pain, suffering and perhaps death. The energies and the forces remain of the same essentially divine nature, but the relationship established has produced the problem. If this sentence is studied it will be obvious that a definition such as that can be

Năng lượng và các mãnh lực cấu thành tổng thể của mọi cái đang hiện hữu. Đây là một chân lý căn bản khác hay một sáo ngữ khác mà trên đó khoa học huyền bí học được xây dựng và mà nghệ thuật chữa lành phải thừa nhận. Trong biểu hiện, không có gì khác thuộc bất kỳ loại nào. Chính bệnh tật cũng là một hình thức năng lượng hoạt động, biểu lộ trong các mãnh lực hủy diệt hoặc tạo ra cái chết. Vì vậy, nếu tiền đề căn bản của chúng ta là đúng, thì bệnh tật cũng là một hình thức biểu lộ thiêng liêng, vì điều mà chúng ta biết là ác cũng là mặt trái của điều mà chúng ta gọi là thiện. Liệu chúng ta có làm giảm giá trị của đề tài hay gây ra một ấn tượng sai lầm [588] nếu xem điều ác (ít nhất là trong chừng mực liên quan đến bệnh tật) như điều thiện bị đặt sai chỗ hay điều chỉnh sai lệch chăng? Các bạn có hiểu lầm không nếu tôi nói rằng bệnh tật là năng lượng không vận hành như mong muốn hay theo Thiên Cơ? Các năng lượng tuôn vào được đưa vào liên hệ với các mãnh lực, và kết quả là sức khỏe tốt, các hình tướng mạnh mẽ và thích đáng, cùng hoạt động sinh động; tuy nhiên, cũng chính các năng lượng tuôn vào ấy có thể được đưa vào liên hệ với cùng các mãnh lực đó và một điểm ma sát được thiết lập, tạo ra một vùng bệnh hoạn, đau đớn, khổ sở và có lẽ là cái chết. Các năng lượng và các mãnh lực vẫn giữ nguyên cùng một bản

used to cover all forms of difficulty, and that the ultimate producer of the situation (either good or evil) is the relationship aspect. This statement is of major importance in all your thinking.

chất thiêng liêng cốt yếu, nhưng mối liên hệ được thiết lập đã tạo ra vấn đề. Nếu câu này được nghiên cứu, sẽ hiển nhiên rằng một định nghĩa như thế có thể được dùng để bao quát mọi hình thức khó khăn, và rằng tác nhân tối hậu tạo ra tình huống (dù thiện hay ác) là phương diện liên hệ. Phát biểu này có tầm quan trọng lớn trong toàn bộ tư duy của các bạn.

2. Two energies meet in man but other five are present. For each is to be found a central point of contact.

2. Hai năng lượng gặp nhau trong con người, nhưng năm năng lượng khác cũng hiện diện. Với mỗi năng lượng, có thể tìm thấy một Điểm tiếp xúc ở trung tâm.

The two energies which meet in man are the two aspects of the monad, of the One in manifestation; the monad manifests essentially as a duality: it expresses itself as will and love, as atma-buddhi and these two energies when brought into relation with the point of mind, with the third aspect of divinity, produce the soul and then the tangible manifested world: then there is demonstrated in the planet will, love, and mind or intelligence: or atma-buddhi-manas.

Hai năng lượng gặp nhau trong con người là hai phương diện của chân thần, của Đấng Duy Nhất trong biểu hiện; chân thần biểu lộ về bản chất như một nhị nguyên tính: nó diễn đạt chính mình như ý chí và bác ái, như atma-buddhi, và hai năng lượng này khi được đưa vào liên hệ với điểm trí tuệ, với phương diện thứ ba của thiên tính, sẽ tạo ra linh hồn và rồi thế giới biểu hiện hữu hình; khi ấy trên hành tinh sẽ biểu lộ ý chí, bác ái và trí tuệ hay thông tuệ: tức atma-buddhi-manas.

As the soul anchors itself as consciousness and life within the human being, that human being contributes the third something which is latent or karmically present in all substance, manas or mind; this is inherited or held in solution in substance from a previous solar system. In that system intelligence was unfolded and was retained within substance [589] in order to form the basis of the evolutionary development of this, the second solar system. Forget not that the seven planes of our solar system constitute the seven subplanes of the cosmic physical plane and that, therefore, spirit is matter at its highest point of expression, and matter is spirit at its lowest. Life

Khi linh hồn neo chính nó như tâm thức và sự sống trong con người, thì con người ấy đóng góp yếu tố thứ ba vốn tiềm ẩn hay hiện diện theo nghiệp quả trong mọi chất liệu, đó là manas hay trí tuệ; điều này được thừa hưởng hay được giữ trong trạng thái hòa tan trong chất liệu từ một hệ mặt trời trước đây. Trong hệ ấy, trí tuệ đã được khai mở và được giữ lại trong chất liệu [589] để hình thành nền tảng cho sự phát triển tiến hoá của hệ này, tức hệ mặt trời thứ hai. Đừng quên rằng bảy cõi của hệ mặt trời chúng ta cấu thành bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ và do đó, tinh thần là vật chất ở điểm biểu lộ cao nhất của nó, còn vật chất là tinh thần ở điểm thấp nhất của nó. Sự sống tự biến phân

differentiates itself into will and love, into great impulsing energies which underlie the entire evolutionary process and motivate its inevitable consummation.

thành ý chí và bác ái, thành những năng lượng thúc đẩy lớn lao làm nền cho toàn bộ tiến trình tiến hoá và thúc đẩy sự hoàn tất tất yếu của nó.

Atma-buddhi, as energies, anchor themselves in the soul vehicle, in the egoic lotus, and their fused activity evokes a response from the substance of the mental plane which then makes its own contribution. Its reaction produces what we call the higher mind, which is of so subtle a nature and so tenuous an emanation that it must perforce relate itself to the two higher aspects and become part of the Spiritual Triad. The vortex of forces established under the impact of the divine will, expressing divine purpose and unified with Being (as identity and not as a quality), produces the egoic lotus, the vehicle of that "identified soul" which has been swept into expression by the third result of the atmic-buddhic impact on the three worlds; the concrete mind and the human intellect come into expression. There is, therefore, a curious resemblance between the three divine aspects in manifestation and the spiritual man upon the mental plane. The correspondence is as follows:

Atma-buddhi, như những năng lượng, neo chính chúng trong vận cụ linh hồn, trong Hoa Sen Chân Ngã, và hoạt động dung hợp của chúng khơi dậy một đáp ứng từ chất liệu của cõi trí, rồi chất liệu này đóng góp phần riêng của nó. Phản ứng của nó tạo ra điều mà chúng ta gọi là thượng trí, vốn có bản chất vi tế đến mức và là một phát xạ mỏng nhẹ đến mức nó tất yếu phải liên hệ với hai phương diện cao hơn và trở thành một phần của Tam Nguyên Tinh Thần. Vòng xoáy các mãnh lực được thiết lập dưới tác động của ý chí thiêng liêng, biểu lộ Thiên Ý và hợp nhất với Bản Thể (như bản sắc chứ không phải như một phẩm tính), tạo ra Hoa Sen Chân Ngã, vận cụ của "linh hồn đã đồng nhất" ấy, vốn đã bị cuốn vào biểu hiện bởi kết quả thứ ba của tác động atmic-buddhic lên ba cõi giới; trí cụ thể và trí năng con người đi vào biểu hiện. Vì vậy, có một sự tương tự kỳ lạ giữa ba phương diện thiêng liêng trong biểu hiện và con người tinh thần trên cõi trí. Sự tương ứng như sau:

The monad.....Abstract mind.

Chân thần.....Trí trừu tượng.

The soul..... Egoic lotus.

Linh hồn..... Hoa Sen Chân Ngã.

The personality... Lower or concrete mind.

Phàm ngã... Hạ trí hay trí cụ thể.

That vague abstraction, the monad, for aeons of time seems unrelated in any way to the soul and the personality; these two have been and are occupied with the task of establishing, in due time and under the evolutionary urge, a close fusion [590] or at-one-ment. The abstract mind remains also for aeons of time something inconceivable

Sự trừu tượng mơ hồ đó, chân thần, trong nhiều đại kiếp dường như không có liên hệ nào với linh hồn và phàm ngã; hai phương diện này đã và đang bận rộn với nhiệm vụ thiết lập, vào thời điểm thích hợp và dưới thúc đẩy tiến hoá, một sự dung hợp chặt chẽ [590] hay sự hợp nhất. Trí trừu tượng cũng trong nhiều đại kiếp vẫn là điều không thể

and outside the modes of expression and of thinking of the man who is kama-manasic for emotion and lower mind) and then finally soul and concrete mind (or the illuminator and the transmitter of illumination). These correspondences can be found most enlightening if due consideration is given to them.

quan niệm được và nằm ngoài các phương thức biểu đạt cũng như tư duy của con người vốn là trí-cảm (tức cảm xúc và hạ trí), và rồi cuối cùng là linh hồn và trí cụ thể (hay là đấng soi sáng và là kẻ truyền đạt sự soi sáng). Những sự tương ứng này có thể mang lại nhiều điều soi sáng nếu được suy xét đúng mức.

In the human being you have, therefore, two major energies anchored; one unrealised, to which we give the name of the PRESENCE, the other realised, to which we give the name of the Angel of the PRESENCE. These are the soul (the solar angel) and the monad. One embodies the monadic ray and the other the soul ray, and both of these energies actively or subtly condition the personality.

Trong con người, vì vậy, các bạn có hai năng lượng chính được neo giữ; một năng lượng chưa được nhận ra, mà chúng ta gọi là HIỆN DIỆN, năng lượng kia đã được nhận ra, mà chúng ta gọi là Thiên Thần của HIỆN DIỆN. Đó là linh hồn (Thái dương Thiên Thần) và chân thần. Một năng lượng thể hiện cung chân thần và năng lượng kia thể hiện cung linh hồn, và cả hai năng lượng này đều tích cực hay vi tế tác động lên phàm ngã.

The other five energies Which are present are the ray of the mind or the conditioning force of the mental body; the ray of the emotional nature, and the ray of the physical body, plus a fourth ray which is that of the personality. The ray of the physical body esoterically "ascends upward towards juncture, whereas the others all move down," to quote an ancient writing. The ray of the personality is a consequence or result of the vast cycle of incarnations. You have therefore:

Năm năng lượng khác hiện diện là cung của thể trí hay mãnh lực điều kiện hóa của thể trí; cung của bản chất cảm xúc, và cung của thể xác, cộng với cung thứ tư là cung của phàm ngã. Cung của thể xác theo nghĩa nội môn "đi lên trên hướng tới chỗ nối kết, trong khi tất cả các cung khác đều đi xuống," để trích một trước tác cổ. Cung của phàm ngã là hệ quả hay kết quả của chu kỳ nhập thể rộng lớn. Vì vậy, các bạn có:

1. The monadic ray.

1. Cung chân thần.

2. The soul ray.

2. Cung linh hồn.

3. Ray of the mind.

3. Cung của thể trí.

4. Ray of the emotions.

4. Cung của cảm xúc.

5. Ray of the physical body.

5. Cung của thể xác.

6. Ray of the personality.

6. Cung của phàm ngã.

7. The planetary ray.

7. Cung hành tinh.

The planetary ray is always the third Ray of Active Intelligence because it conditions our Earth and is of great potency, enabling the human being to "transact his business in the [591] world of planetary physical life."

Cung hành tinh luôn luôn là cung ba của Trí Tuệ Hoạt Động vì nó điều kiện hóa Trái Đất của chúng ta và có mãnh lực rất lớn, giúp con người "xử lý công việc của mình trong [591] thế giới của đời sống hồng trần hành tinh."

I have made only casual reference to these rays elsewhere and have said little anent the planetary ray; I have laid the emphasis upon another analysis of the conditioning rays, and in this analysis recognised only five rays for practical usefulness to the man. These are:

Ở nơi khác, tôi chỉ nhắc sơ qua đến các cung này và nói rất ít về cung hành tinh; tôi đã nhấn mạnh vào một cách phân tích khác về các cung điều kiện hóa, và trong cách phân tích ấy chỉ công nhận năm cung là hữu dụng thực tiễn cho con người. Đó là:

1. The soul ray.

1. Cung linh hồn.

2. The personality ray.

2. Cung phàm ngã.

3. The mental ray.

3. Cung thể trí.

4. The astral ray.

4. Cung thể cảm dục.

5. The ray of the physical body.

5. Cung của thể xác.

However, with the creation and development of the antahkarana, the ray of the monad must also be brought into line, and then that which is its polar opposite, the planetary "livingness," the third ray, will have to be recognised. I have here imparted a point of much importance to you. All these energies play an active part in the life cycle of every man and cannot be totally ignored by the healer, even though the information may be relatively useless at this time.

Tuy nhiên, với việc tạo dựng và phát triển antahkarana, cung của chân thần cũng phải được đưa vào sự chỉnh hợp, và khi đó điều là đối cực của nó, "tính sống" hành tinh, tức cung ba, sẽ phải được thừa nhận. Ở đây tôi đã truyền đạt cho các bạn một điểm rất quan trọng. Tất cả các năng lượng này đều đóng một vai trò tích cực trong chu kỳ đời sống của mỗi người và không thể bị người chữa lành hoàn toàn bỏ qua, dù thông tin này hiện nay có thể tương đối vô dụng.

3. The conflict of these energies with forces and of forces twixt themselves produce the bodily ills of man.

3. Sự xung đột giữa những năng lượng này với các mãnh lực, và giữa các mãnh lực với nhau, tạo ra những bệnh tật trong thân thể con người.

You will note here that diseases are produced, according to this law, in two ways:

Ở đây các bạn sẽ lưu ý rằng bệnh tật được tạo ra, theo định luật này, theo hai cách:

1. By the conflict of energies with forces.

1. Bởi sự xung đột của các năng lượng với các mãnh lực.

2. By the conflict of the forces twixt themselves.

2. Bởi sự xung đột của các mãnh lực với nhau.

It will be apparent on the surface that this dual warfare is to be expected. Under the first category there is the warfare which takes place in the personality life when the soul definitely turns its attention to its vehicles and attempts to take [592] control. The more determined the person is to submit his personality to soul control, the more intense will be the conflict, with consequent physical conditions of a serious kind as a result. Under this category would come the majority of the diseases of disciples and mystics, largely of a nervous nature and often affecting the heart or the blood stream. They will, in the majority of cases, be confined to the area above the diaphragm, and therefore to those areas conditioned by the head, the throat and the heart centres. A number of what we might call "borderline" cases come under this heading also, but these are confined to the transfer of energies (under soul impact) from the solar plexus centre to the heart, and the "line" involved is simply the diaphragm.

Thoạt nhìn, hiển nhiên là cuộc chiến kép này phải được trông đợi. Dưới loại thứ nhất là cuộc chiến diễn ra trong đời sống phàm ngã khi linh hồn dứt khoát hướng sự chú ý của nó đến các vận cụ của nó và cố gắng nắm quyền [592] kiểm soát. Người ấy càng quyết tâm quy phục phàm ngã của mình dưới sự kiểm soát của linh hồn, thì sự xung đột sẽ càng mãnh liệt, và kết quả là các tình trạng hồng trần nghiêm trọng. Dưới loại này sẽ thuộc về phần lớn các bệnh của các đệ tử và các nhà thần bí, phần nhiều có tính chất thần kinh và thường ảnh hưởng đến tim hay dòng máu. Trong đa số trường hợp, chúng sẽ bị giới hạn ở vùng phía trên cơ hoành, và do đó ở những vùng được điều kiện hóa bởi các trung tâm đầu, cổ họng và tim. Một số trường hợp mà chúng ta có thể gọi là "ranh giới" cũng thuộc đề mục này, nhưng chúng chỉ giới hạn trong việc chuyển dịch các năng lượng (dưới tác động của linh hồn) từ trung tâm tùng thái dương lên tim, và "ranh giới" liên quan đơn giản là cơ hoành.

Under this first category also would come those difficulties which are brought about, for instance, when the energy of the astral

Dưới loại thứ nhất này cũng sẽ thuộc về những khó khăn được gây ra, chẳng hạn, khi năng lượng của thể cảm dục tác động lên các

body makes its impact upon the forces of the etheric vehicle, setting up an emotional turmoil, and thus producing serious solar plexus difficulty with resultant gastric, intestinal and liver disturbances. These are all the result of the conflict between energy and forces. All I can do at this point is to give indication of the type of problem which is related to one or other of these two categories; the subject is unsuitable for the brief handling which I purpose here to give.

mãnh lực của vận cụ dĩ thái, tạo nên một cơn xáo trộn cảm xúc, và do đó gây ra khó khăn nghiêm trọng ở tùng thái dương với hậu quả là các rối loạn dạ dày, ruột và gan. Tất cả những điều này đều là kết quả của sự xung đột giữa năng lượng và các mãnh lực. Tại điểm này, tất cả những gì tôi có thể làm là chỉ ra loại vấn đề liên hệ đến một hay loại kia trong hai loại này; đề tài này không thích hợp cho cách xử lý ngắn gọn mà tôi dự định trình bày ở đây.

Under the second category, which concerns the conflict between forces and forces, you have the etheric body involved, and the forces concerned are those to be found in the major and the minor centres, involving their relation to each other and their internal reaction to the impact of energies coming from without the etheric body. These forces and their interplay produce the common ills of man and control the disturbances in the physical organs and the areas of the physical body which are found around these centres. [593] These in reality constitute the major conditioning factors for the mass of human beings for long aeons or until such time as the soul "pays attention" to the appropriation in full control of its mechanism in the three worlds. These secondary difficulties, due to the interplay between the centres, fall into three categories, and these should be carefully noted:

Dưới loại thứ hai, liên quan đến sự xung đột giữa mãnh lực với mãnh lực, thể dĩ thái có liên quan, và các mãnh lực liên hệ là những mãnh lực được tìm thấy trong các trung tâm chính và phụ, bao gồm mối liên hệ của chúng với nhau và phản ứng nội tại của chúng đối với tác động của các năng lượng đến từ bên ngoài thể dĩ thái. Các mãnh lực này và sự tương tác của chúng tạo ra những đau yếu thông thường của con người và kiểm soát các rối loạn trong các cơ quan hồng trần và các vùng của thể xác được tìm thấy quanh các trung tâm này. [593] Thực ra, đây là những yếu tố điều kiện hóa chính đối với đại đa số nhân loại trong nhiều đại kiếp hoặc cho đến khi linh hồn "chú ý" đến việc chiếm hữu trọn vẹn bộ máy của nó trong ba cõi giới dưới sự kiểm soát hoàn toàn. Những khó khăn thứ yếu này, do sự tương tác giữa các trung tâm, rơi vào ba loại, và cần được ghi nhận cẩn thận:

1. The interplay between:

1. Sự tương tác giữa:

a. The centres above the diaphragm, i.e., the head, the throat and the heart, and very occasionally the ajna centre.

a. Các trung tâm phía trên cơ hoành, tức là đầu, cổ họng và tim, và rất hiếm khi là trung tâm ajna.

b. The centres below the diaphragm and their relation to each other.

b. Các trung tâm phía dưới cơ hoành và mối liên hệ của chúng với nhau.

2. The relation of certain centres to each other, such as takes place under the Law of Transmutation, or the process of lifting up of the forces from one centre to another:

a. From the sacral centre to the throat centre.

b. From the solar plexus centre to the heart centre.

c. From the centre at the base of the spine to the head centre.

3. The impact of the "energy" (note the technical accuracy of my phrasing) of the centres above the diaphragm on those below the diaphragm.

This is a reverse process to that which takes place when the forces below the diaphragm are raised to the centres above the diaphragm. In this third type of relation you have the exercise of the potency of magnetism, and in the other you have the expression of radiation. These two are closely allied at a certain stage of unfoldment.

[594]

Under all these relationships there are possibilities of difficulties, resulting in an undesirable effect upon the physical organs found within the area involved. In the early stages of the relation of the centres above the diaphragm to those below, the man is usually quite unaware of what is going on and is then simply the victim of the stimulation applied by the centre emanating energy to the centre which receives its impact; or he is the victim of devitalisation

2. Mối liên hệ của một số trung tâm với nhau, như diễn ra dưới Định luật Chuyển Hoá, hay tiến trình nâng các mãnh lực từ trung tâm này lên trung tâm khác:

a. Từ trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng.

b. Từ trung tâm tùng thái dương lên trung tâm tim.

c. Từ trung tâm ở đáy cột sống lên trung tâm đầu.

3. Tác động của "năng lượng" (hãy lưu ý tính chính xác kỹ thuật trong cách diễn đạt của tôi) của các trung tâm phía trên cơ hoành lên các trung tâm phía dưới cơ hoành.

Đây là một tiến trình ngược lại với tiến trình diễn ra khi các mãnh lực phía dưới cơ hoành được nâng lên các trung tâm phía trên cơ hoành. Trong loại liên hệ thứ ba này, các bạn có sự vận dụng tiềm lực của từ tính, còn trong loại kia các bạn có sự biểu lộ của bức xạ. Hai điều này liên hệ rất mật thiết với nhau ở một giai đoạn khai mở nhất định.

[594]

Dưới tất cả các mối liên hệ này đều có những khả năng gây khó khăn, dẫn đến một hiệu quả không mong muốn trên các cơ quan hồng trần nằm trong vùng liên hệ. Trong các giai đoạn đầu của mối liên hệ giữa các trung tâm phía trên cơ hoành với các trung tâm phía dưới, con người thường hoàn toàn không biết điều gì đang diễn ra và khi ấy chỉ đơn giản là nạn nhân của sự kích thích do trung tâm phát ra năng lượng áp dụng lên trung tâm tiếp nhận tác động của nó; hoặc y

(producing consequently many forms of physical ills) as the centres respond to the stimulation. It is all a question of balance or of equilibrium, and it is for this that the intelligent man and the aspirant must strive.

là nạn nhân của sự mất sinh lực (do đó tạo ra nhiều hình thức đau yếu hồng trần) khi các trung tâm đáp ứng với sự kích thích. Tất cả đều là vấn đề cân bằng hay quân bình, và chính vì điều này mà con người thông minh và người chí nguyện phải phấn đấu.

We come now to a very ambiguous statement and one that is purposely meant to be so:

Giờ đây chúng ta đến với một phát biểu rất mơ hồ và cố ý được làm cho như vậy:

4. The conflict of the first and second persists for ages until the mountain top is reached—the first great mountain top.

4. Sự xung đột giữa cái thứ nhất và cái thứ hai kéo dài qua nhiều thời đại cho đến khi đạt tới đỉnh núi—đỉnh núi lớn đầu tiên.

This refers vaguely (and again purposely so) to the conflict between the energies above the diaphragm—which normally come from the soul on its own plane—and the forces below the diaphragm. This is a major and persistent conflict; it begins when the solar plexus centre becomes dominant and powerful, producing crises as in Atlantean days. As the mass of men are still Atlantean in consciousness, being swayed mainly by their emotional natures, these crises arise today. Eventually, and metaphysically speaking, the solar plexus centre begins to have a radiatory effect in response to the magnetic "call" of the heart centre. When the first initiation is taken the first great interplay is set up between the two and the first coordinated activity is established. "That which is above is now related to that which is below, but that which is below loses its identity in that which is above," as the Old Commentary expresses it. The [595] mother is lost to sight because the Christ-Child assumed the place of interest. The soul is taking control and leading the aspirant from mountain top to mountain top. At the first initiation, and increasingly at all initiations, energy is brought into a major conflict with the forces; soul energy sweeps

Điều này ám chỉ một cách mơ hồ (và lại cố ý như vậy) đến sự xung đột giữa các năng lượng phía trên cơ hoành—vốn thông thường đến từ linh hồn trên cõi riêng của nó—và các mãnh lực phía dưới cơ hoành. Đây là một xung đột lớn và dai dẳng; nó bắt đầu khi trung tâm tùng thái dương trở nên chi phối và mạnh mẽ, tạo ra các khủng hoảng như trong thời Atlantis. Vì đại đa số con người vẫn còn là Atlantis trong tâm thức, chủ yếu bị bản chất cảm xúc của mình chi phối, nên các khủng hoảng này phát sinh ngày nay. Cuối cùng, nói theo siêu hình học, trung tâm tùng thái dương bắt đầu có hiệu quả bức xạ để đáp ứng với "tiếng gọi" từ tính của trung tâm tim. Khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận thì sự tương tác lớn đầu tiên được thiết lập giữa hai trung tâm này và hoạt động phối hợp đầu tiên được xác lập. "Điều ở trên nay đã liên hệ với điều ở dưới, nhưng điều ở dưới mất bản sắc của nó trong điều ở trên," như *Cổ Luận* diễn tả. [595] Người mẹ mất khỏi tầm mắt vì Hài Nhi Christ đã chiếm lấy vị trí được quan tâm. Linh hồn đang nắm quyền kiểm soát và dẫn dắt người chí nguyện từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Ở lần điểm đạo thứ nhất, và ngày càng nhiều hơn ở mọi lần điểm đạo, năng lượng được đưa vào một cuộc xung đột

into the etheric body and all the centres become "fighting areas," with one centre being emphasised more than the others. The nature of the battle is no longer that "twixt the forces and each other," but is now between the energies and the forces, and it is this which creates the acuteness of the tests for initiation; it is this which produces so many physical ills among those who have taken or are preparing to take the first and second initiations. And it accounts for the diseases of the saints!

lớn với các mãnh lực; năng lượng linh hồn tràn vào thể dĩ thái và mọi trung tâm trở thành "những vùng chiến đấu," với một trung tâm được nhấn mạnh hơn các trung tâm khác. Bản chất của cuộc chiến không còn là cuộc chiến "giữa các mãnh lực với nhau," mà nay là giữa các năng lượng và các mãnh lực, và chính điều này tạo ra tính gay gắt của các thử thách điểm đạo; chính điều này tạo ra quá nhiều bệnh tật hồng trần nơi những người đã tiếp nhận hay đang chuẩn bị tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai. Và điều đó giải thích các bệnh tật của các vị thánh!

A great science of the centres will some day emerge, and this will clarify the entire complex problem; the time, however, is not yet. At present, if this science were taught openly, the result would be that the thoughts of men would be turned to the fact of the centres and to the areas which they control, and not to the energies which pour through them. There would be an unwholesome and undesirable stimulation or devitalisation of the substance of the centres, with consequent acute disease. The law forever holds good that "energy follows thought," and that energy can be either radiatory or magnetic, but must not be statically contained within a centre. The true science of the centres will only be permitted free circulation when—and only when—men know the rudiments at least of thought direction and the control of energy impacts.

Một khoa học lớn về các trung tâm rồi đây sẽ xuất hiện, và điều này sẽ làm sáng tỏ toàn bộ vấn đề phức tạp; tuy nhiên, thời điểm ấy vẫn chưa đến. Hiện nay, nếu khoa học này được dạy công khai, kết quả sẽ là tư tưởng của con người bị hướng đến sự kiện về các trung tâm và đến các vùng mà chúng kiểm soát, chứ không phải đến các năng lượng tuôn qua chúng. Sẽ có một sự kích thích hay mất sinh lực không lành mạnh và không mong muốn đối với chất liệu của các trung tâm, với hậu quả là bệnh tật cấp tính. Quy luật "năng lượng đi theo tư tưởng" luôn luôn đúng, và năng lượng có thể là bức xạ hoặc từ tính, nhưng không được bị giữ tĩnh tại trong một trung tâm. Khoa học chân chính về các trung tâm sẽ chỉ được phép lưu hành tự do khi—và chỉ khi—con người biết ít nhất những điều sơ đẳng về sự định hướng tư tưởng và sự kiểm soát các tác động năng lượng.

5. The fight between the forces produces all disease, all ills, and bodily pains which seek release through death.

5. Cuộc chiến giữa các mãnh lực tạo ra mọi bệnh tật, mọi đau yếu, và đau đớn thân thể vốn tìm sự giải thoát qua cái chết.

[596]

[596]

There is here an interesting distinction which should be noted. Death, when it comes, is the result of two things:

Ở đây có một sự phân biệt thú vị cần được lưu ý. Cái chết, khi đến, là kết quả của hai điều:

1. The fight between the forces, and not between energy and the forces. The area of conflict is the etheric body and the physical body, and no energies are coming in from without because the man is too ill.

1. Cuộc chiến giữa các mãnh lực, chứ không phải giữa năng lượng và các mãnh lực. Vùng xung đột là thể dĩ thái và thể xác, và không có năng lượng nào từ bên ngoài đi vào vì người ấy quá bệnh.

2. The loss of the will-to-live. The patient has given in; the internal fight is too much for him; he can bring in no outside energy to combat the warring forces, and he has reached the point where he does not want to do so.

2. Sự mất đi Ý Chí-hướng Sống. Bệnh nhân đã đầu hàng; cuộc chiến nội tại là quá sức đối với y; y không thể đưa vào bất kỳ năng lượng bên ngoài nào để chống lại các mãnh lực đang giao chiến, và y đã đạt đến điểm mà y không còn muốn làm như vậy nữa.

These two phases of the process of dying are indicative of the destiny of the patient, and should be immediately noted by the healer who (when he finds them present) will then apply his skill in aiding the man to die and will not attempt to effect a cure. The door of entry for the life-giving energies is sealed; nothing can enter to aid the healer in his work, and the conflict between the forces-of a general nature or confined to a bitter fight in a particular area-produces so much friction that there is no hope anywhere, except in death. In this sentence, it might be pointed out that disease refers to the point of friction or of acute trouble; all ills has reference to the general reaction of the man to the area of difficulty and to the general disability produced by the disease, whilst bodily pain refers to the discomfort of the area where the disease is located and which is indicative of its nature. All words in these rules are most carefully chosen, and even if inadequate from the translator's point of view, are not redundant but express different meanings.

Hai giai đoạn này của tiến trình chết cho thấy số phận của bệnh nhân, và cần được người chữa lành ghi nhận ngay; khi thấy chúng hiện diện, y sẽ vận dụng kỹ năng của mình để giúp người ấy chết và sẽ không cố gắng chữa khỏi. Cánh cửa đi vào của các năng lượng ban sự sống đã bị niêm phong; không gì có thể đi vào để hỗ trợ người chữa lành trong công việc của y, và sự xung đột giữa các mãnh lực—mang tính tổng quát hoặc giới hạn trong một cuộc chiến dữ dội ở một vùng cụ thể—tạo ra quá nhiều ma sát đến nỗi không còn hy vọng nào ở đâu cả, ngoại trừ trong cái chết. Trong câu này, có thể chỉ ra rằng *bệnh tật* nói đến điểm ma sát hay điểm rối loạn cấp tính; mọi đau yếu nói đến phản ứng tổng quát của con người đối với vùng khó khăn và đến tình trạng suy nhược chung do bệnh tật tạo ra, trong khi *đau đớn thân thể* nói đến sự khó chịu của vùng nơi bệnh khu trú và là dấu hiệu cho thấy bản chất của nó. Mọi từ trong các quy luật này đều được chọn lựa hết sức cẩn thận, và dù có thể không đầy đủ theo quan điểm của người dịch, chúng không thừa mà diễn đạt những ý nghĩa khác nhau.

6. The two, the five and then the seven, plus that which they produce, possess the secret.

[597]

The enumeration is in the nature of a summation of what has been previously given, and its most superficial meaning and the one of the most use to the healer could be simply expressed as follows:

The healer must bear in mind the fact of the two major energies which are present in every personality; the soul and the personality rays. He must then bear in mind that to these two he must add three conditioning rays, making the five above mentioned: the mind ray, the ray of the astral body and the ray of the physical body.

This enumeration will usually prove adequate for all ordinary or average people. If, however, the patient is a very advanced person, another form of enumeration will be in order; it will be necessary to add two more energies which will then be present in real potency: the ray of the monad and the ray of the planet, which is the third ray. This planetary ray when very active (as is the case with very advanced persons and those who have attained a high point of general integration) has a potent effect; planetary prana comes in powerfully on the planetary ray, and this can be used to bring about a cure. One reason why the general health of all very advanced people is usually good is that pranic energy from the planet has a free flow through the mechanism. It is this energy which the Master, working through a relatively perfect body, depends upon to keep it in good health. This is a somewhat new piece of information and one which—when recognised—will appear both simple

6. Hai, năm, rồi bảy, cộng với điều mà chúng tạo ra, nắm giữ bí mật.

[597]

Sự liệt kê này có tính chất tổng kết những gì đã được trình bày trước đó, và ý nghĩa bề mặt nhất của nó, cũng là ý nghĩa hữu ích nhất cho người chữa lành, có thể được diễn đạt đơn giản như sau:

Người chữa lành phải ghi nhớ sự kiện về hai năng lượng chính hiện diện trong mọi phàm ngã; cung linh hồn và cung phàm ngã. Sau đó y phải ghi nhớ rằng vào hai cung này y phải cộng thêm ba cung điều kiện hóa, tạo thành năm cung vừa nêu: cung thể trí, cung của thể cảm dục và cung của thể xác.

Sự liệt kê này thường sẽ tỏ ra đầy đủ đối với mọi người bình thường hay trung bình. Tuy nhiên, nếu bệnh nhân là một người rất tiến bộ, thì một hình thức liệt kê khác sẽ thích hợp; cần phải cộng thêm hai năng lượng nữa, khi ấy sẽ hiện diện với tiềm lực thực sự: cung của chân thần và cung của hành tinh, tức cung ba. Cung hành tinh này khi rất hoạt động (như trường hợp nơi những người rất tiến bộ và những người đã đạt đến một điểm cao của sự tích hợp tổng quát) có một hiệu quả mạnh mẽ; prana hành tinh đi vào mạnh mẽ trên cung hành tinh, và điều này có thể được dùng để tạo ra sự chữa lành. Một lý do khiến sức khỏe tổng quát của mọi người rất tiến bộ thường tốt là vì năng lượng prana từ hành tinh có một dòng chảy tự do qua bộ máy. Chính năng lượng này mà Chân sư, làm việc qua một thân thể tương đối hoàn hảo, nương vào để giữ cho nó được khỏe mạnh. Đây là một mẩu thông tin phần nào mới mẻ và khi được nhận ra, sẽ có vẻ vừa đơn giản vừa hợp lý. “Điều mà chúng tạo ra” trong

and reasonable. “That which they produce” in this case, and to the healer, means the outer tangible form; there are other significances, but with these we need not here deal.

trường hợp này, và đối với người chữa lành, có nghĩa là hình tướng hữu hình bên ngoài; còn có những thâm nghĩa khác, nhưng ở đây chúng ta không cần bàn đến.

The “secret” referred to is the revelation of the manner in which good health may be preserved. It is not the secret [598] of how to cure the physical vehicle when “bodily ills” are present. But there is a secret of good health which is known to all initiates above the third initiation; and this they can simply employ, if they so choose. However, they may not so choose always unless they are working with other parts of the Plan which have nothing to do with humanity. If them are among those who are occupied with the unfolding consciousness in man and who are workers for and in the human kingdom, they may know the secret but may, at the same time, choose not to profit by it because of the need they feel to be completely identified with mankind; they therefore choose to share consciously all human experience and to die along lines which are common to the rest of men. The entire question of identification lies behind all manifestation; it is identification with or of spirit and matter which is the secret of divine appearance; one of the main causes of disease, as well you know, is the facility with which men identify themselves with the form aspect (with the many localised forces —localised within the personality ring-pass-not). Man neglects to identify himself with the producer of the form, the true spiritual man, and with the energies which he seeks to direct, and which—later in the evolutionary cycle—he is insistent upon directing.

“Bí mật” được nói đến là sự mặc khải về cách thức mà sức khỏe tốt có thể được duy trì. Đó không phải là bí mật [598] về cách chữa lành vận cụ hồng trần khi “các đau yếu thân thể” hiện diện. Nhưng có một bí mật của sức khỏe tốt mà mọi điểm đạo đồ trên lần điểm đạo thứ ba đều biết; và các vị có thể đơn giản sử dụng nó, nếu các vị chọn như vậy. Tuy nhiên, các vị có thể không phải lúc nào cũng chọn như vậy trừ phi các vị đang làm việc với những phần khác của Thiên Cơ vốn không liên quan gì đến nhân loại. Nếu các vị thuộc số những người đang bận tâm đến sự khai mở tâm thức trong con người và là những người hoạt động cho và trong giới nhân loại, các vị có thể biết bí mật ấy nhưng đồng thời có thể chọn không hưởng lợi từ nó vì nhu cầu mà các vị cảm thấy là phải hoàn toàn đồng nhất với nhân loại; do đó các vị chọn chia sẻ một cách có ý thức mọi kinh nghiệm của con người và chết theo những đường lối vốn phổ biến đối với phần còn lại của nhân loại. Toàn bộ vấn đề đồng nhất nằm phía sau mọi biểu hiện; chính sự đồng nhất của hay với tinh thần và vật chất là bí mật của sắc tướng thiêng liêng; như các bạn biết rõ, một trong những nguyên nhân chính của bệnh tật là sự dễ dàng mà con người đồng nhất chính mình với phương diện hình tướng (với nhiều *mãnh lực* khu trú —được khu trú trong vòng-giới-hạn của phàm ngã). Con người sao lãng việc đồng nhất chính mình với tác nhân tạo ra hình tướng, con người tinh thần chân thực, và với các *năng lượng* mà y tìm cách định hướng, và về sau trong chu kỳ tiến hoá, y kiên quyết định hướng.

There is also a secret meaning here which relates to the seven rays as they express themselves in the human kingdom; the knowledge of this secret enables a Master to control epidemics and widespread diseases; with this you are not at this time concerned. Incidentally, the relative freedom from the plagues and epidemics which usually follow in the wake of war has been partly due to the use of this sevenfold knowledge by the Hierarchy, plus the scientific knowledge of humanity itself.

Ở đây cũng có một ý nghĩa bí mật liên hệ đến bảy cung khi chúng biểu lộ trong giới nhân loại; tri thức về bí mật này giúp một Chân sư kiểm soát các dịch bệnh và các bệnh lan rộng; hiện nay các bạn chưa cần quan tâm đến điều đó. Nhân tiện, sự tương đối vắng mặt của các bệnh dịch và dịch hạch thường theo sau chiến tranh một phần là nhờ việc Thánh đoàn sử dụng tri thức thất phân này, cộng với tri thức khoa học của chính nhân loại.

In this connection also (and I mention it simply from the angle of its interest) there are two hierarchical officials—[599] the Mahachohan and His Representative upon the seventh ray—Who are today in possession of this secret in its entirety, and They are aided by five other Masters in applying the gained knowledge. These five Masters are working primarily with the deva evolution, and this is, as you know, connected with form, and in this particular case with the healing devas. These seven Members of the Hierarchy are aided in Their turn by one of the Buddhas of Activity, and also by the representative of the Spirit of the Earth. This again makes the two, the five, and then the seven—a different enumeration, and one which when brought together equals nine, which is the number of initiation. This numerical relationship brings man to the point where he is "initiated into the realm of perfection and knows no further aches or pains, and his mind is thus deflected from that which is below to that which is above."

Trong mối liên hệ này cũng vậy (và tôi chỉ nêu ra từ góc độ thú vị của nó), có hai vị chức sắc của Thánh đoàn—[599] Đức Mahachohan và Đại diện của Ngài trên cung bảy—là những Đấng ngày nay nắm giữ trọn vẹn bí mật này, và Các Ngài được năm Chân sư khác trợ giúp trong việc áp dụng tri thức đã đạt được. Năm Chân sư này chủ yếu làm việc với tiến hoá thiên thần, và điều này, như các bạn biết, có liên hệ với hình tướng, và trong trường hợp đặc biệt này là với các thiên thần chữa lành. Bảy Thành Viên này của Thánh đoàn đến lượt mình được một trong các Đức Phật Hoạt Động trợ giúp, và cũng bởi đại diện của Tinh Linh Địa Cầu. Điều này lại tạo thành hai, năm, rồi bảy—một cách liệt kê khác, và khi cộng lại thành chín, là con số của điểm đạo. Mối liên hệ số học này đưa con người đến điểm mà y "được điểm đạo vào cõi giới của sự hoàn hảo và không còn biết thêm đau nhức hay đau đớn nào nữa, và do đó trí tuệ của y được chuyển khỏi điều ở dưới sang điều ở trên."

I have mentioned this phase of mankind's relation to the subject of health so as to show you how subtle and esoteric are the matters with which we are dealing, and so give to the individual patient a sense of

Tôi đã đề cập đến phương diện này của mối liên hệ của nhân loại với đề tài sức khỏe để cho các bạn thấy những vấn đề mà chúng ta đang bàn đến tinh tế và mang tính nội môn đến mức nào, và nhờ đó đem lại cho bệnh

proportion, where his bodily ills or even his death are concerned.

nhân cá nhân một Ý thức về tỉ lệ, khi liên quan đến các đau yếu thân thể hay ngay cả cái chết của y.

7. This is the fifth Law of Healing within the world of form.

7. Đây là Định luật Chữa Lành thứ năm trong thế giới hình tướng.

This fifth law is primarily concerned with the fifth principle of mind or manas; it is this principle which makes a human being what he is; it is this principle which makes him a prisoner within the form and upon the planet, and thus makes him vulnerable and open to attacks upon the form aspect; these constitute part of the agelong action of evil versus good. It is this fifth principle, when controlled and used by the Son of Mind, Who is a Son of God, which will enable the spiritual man to free himself from form of every kind, and therefore from disease and death.

Định luật thứ năm này chủ yếu liên hệ đến nguyên khí thứ năm là trí tuệ hay manas; chính nguyên khí này làm cho con người là điều mà y là; chính nguyên khí này làm cho y thành một tù nhân trong hình tướng và trên hành tinh, và do đó làm cho y dễ bị tổn thương và dễ bị tấn công vào phương diện hình tướng; những điều này cấu thành một phần của hoạt động lâu đời của ác đối kháng với thiện. Chính nguyên khí thứ năm này, khi được Con của Trí Tuệ, Đấng là Con của Thượng đế, kiểm soát và sử dụng, sẽ giúp con người tinh thần giải thoát chính mình khỏi mọi loại hình tướng, và do đó khỏi bệnh tật và cái chết.

[600]

[600]

It will be obvious that the healer, as he trains himself in the healing art, has to grasp clearly and candidly certain exceedingly simple yet esoteric facts:

Hiển nhiên là người chữa lành, khi tự huấn luyện mình trong nghệ thuật chữa lành, phải nắm bắt rõ ràng và thẳng thắn một số sự kiện cực kỳ đơn giản nhưng mang tính nội môn:

1. That healing is simply and essentially the manipulation of energies.

1. Rằng chữa lành đơn giản và cốt yếu là sự vận dụng các năng lượng.

2. That he must carefully differentiate between energies and forces.

2. Rằng y phải cẩn thận phân biệt giữa năng lượng và mãnh lực.

3. That if he seeks real success, he must learn to place the patient as accurately as possible upon the correct rung of the ladder of evolution.

3. Rằng nếu tìm kiếm thành công thực sự, y phải học cách đặt bệnh nhân càng chính xác càng tốt trên nấc thang đúng của chiếc thang tiến hoá.

4. That knowledge of the centres is imperative.

4. Rằng tri thức về các trung tâm là điều bắt buộc.

5. That he himself must work as a soul through his personality.

5. Rằng chính y phải làm việc như một linh hồn thông qua phàm ngã của mình.

6. That his relation to the patient (unless the latter is highly evolved) is a personality one.

6. Rằng mối liên hệ của y với bệnh nhân (trừ phi bệnh nhân ấy là một người rất tiến hoá) là một mối liên hệ phàm ngã.

7. That he must locate the centre controlling the area which involves the point of friction.

7. Rằng y phải xác định trung tâm kiểm soát vùng liên quan đến điểm ma sát.

8. That, as with all else in the occult sciences, disease and healing are both of them aspects of the great "relationship" system which governs all manifestation.

8. Rằng, cũng như với mọi điều khác trong các khoa học huyền bí, bệnh tật và chữa lành cả hai đều là những phương diện của hệ thống lớn về "liên hệ" vốn chi phối mọi biểu hiện.

If the healer will take these eight points and reflect and brood upon them, he will lay a sound foundation for all work to be done; their relative simplicity is such that it will be obvious that anyone can be a healer if he so chooses and is willing to conform to the requirements. The current idea that a person is a "born" healer, and therefore unique, in reality indicates only that it is one of his main directed interests. Therefore, because of this interest, his attention has been turned towards the healing art and consequently towards contact with patients; owing to the inevitable working of the law which governs thought, he discovers that energy follows his thought and flows through him to the [601] patient. When he does this with deliberation, a healing will often follow. Any man or woman—given real interest and prompted by the incentive to serve—who thinks and loves, can be a healer, and it is time that people grasped that fact. The entire process of healing is thought-directed; it concerns the direction of energy

Nếu nhà chữa lành tiếp nhận tám điểm này và suy tư và nghiền ngẫm về chúng, y sẽ đặt được một nền tảng vững chắc cho mọi công việc cần làm; tính tương đối đơn giản của chúng khiến hiển nhiên rằng bất cứ ai cũng có thể là một nhà chữa lành nếu y chọn như vậy và sẵn lòng tuân theo các đòi hỏi. Quan niệm hiện nay cho rằng một người là nhà chữa lành "bẩm sinh", và vì thế là độc nhất, trên thực tế chỉ cho thấy rằng đó là một trong những mối quan tâm có định hướng chính của y. Vì vậy, do mối quan tâm này, sự chú ý của y đã được hướng về nghệ thuật chữa lành và do đó hướng về sự tiếp xúc với các bệnh nhân; do sự vận hành tất yếu của định luật chi phối tư tưởng, y khám phá ra rằng năng lượng đi theo tư tưởng của y và tuôn qua y đến bệnh nhân [601]. Khi y làm điều này một cách có chủ ý, sự chữa lành thường sẽ theo sau. Bất kỳ người nam hay người nữ nào—nếu có mối quan tâm chân thật và được thúc đẩy bởi động cơ phụng sự—biết suy nghĩ và biết yêu thương, đều có thể là một nhà chữa lành, và đã đến lúc

currents or their abstraction, and this is another way of speaking about radiation and magnetism. Every initiate is a healer, and the more advanced the initiate the less is he occupied with the intricacies of centres and forces, energies and their direction. He heals automatically, as was the case with the initiate, Peter; of him we read that "the shadow of Peter passing by healed everyone of them."

người ta phải nắm được sự kiện đó. Toàn bộ tiến trình chữa lành được tư tưởng định hướng; nó liên quan đến việc định hướng các dòng năng lượng hoặc sự rút chúng đi, và đây là một cách khác để nói về bức xạ và từ tính. Mọi điểm đạo đồ đều là một nhà chữa lành, và điểm đạo đồ càng tiến bộ thì Ngài càng ít bận tâm đến những phức tạp của các trung tâm và các mãnh lực, các năng lượng và sự định hướng của chúng. Ngài chữa lành một cách tự động, như trường hợp của điểm đạo đồ Peter; về ông, chúng ta đọc rằng "cái bóng của Peter đi ngang qua đã chữa lành tất cả họ."

The major difference to be seen in the interim (an interim of many, many thousands of years) between the type of healing mentioned above and the work of a less advanced healer, will be that those healers who are trained physicians and accredited medical men as well as spiritual healers will have a great advantage over the untrained healer, because their diagnosis of the disease will be more apt to be correct and their powers of visualisation will be greater, owing to their trained familiarity with the structure of the body and their knowledge of morbid pathology. It will be wise, for a very long time to come, for the spiritual healer to work always in collaboration with a trained physician. The healer will provide the required occult knowledge. The time when any nice, kindly and spiritually minded person sets up as a healer should be well-nigh over; any healing practice should be preceded by years of careful study anent the nature of energy, of the ray types, of the centres; a minimum of at least three years should be given to this; when to this is added the science of the trained medical man, graduating from our best medical colleges, you will then have a new and much better treatment of the human vehicle than is now [602] the case. Then the healer's orthodox

Sự khác biệt chính có thể thấy trong giai đoạn chuyển tiếp này (một giai đoạn chuyển tiếp kéo dài rất, rất nhiều ngàn năm) giữa loại chữa lành được nhắc đến ở trên và công việc của một nhà chữa lành kém tiến bộ hơn, sẽ là ở chỗ những nhà chữa lành nào vừa là bác sĩ được đào tạo và là y sĩ được công nhận, đồng thời cũng là nhà chữa lành tinh thần, sẽ có một lợi thế lớn hơn nhà chữa lành không được đào tạo, bởi vì chẩn đoán bệnh của họ có nhiều khả năng đúng hơn và năng lực hình dung của họ sẽ lớn hơn, nhờ sự quen thuộc được huấn luyện của họ với cấu trúc của thể xác và kiến thức của họ về bệnh lý học. Trong một thời gian rất dài sắp tới, sẽ là khôn ngoan nếu nhà chữa lành tinh thần luôn làm việc trong sự cộng tác với một bác sĩ được đào tạo. Nhà chữa lành sẽ cung cấp tri thức huyền bí học cần thiết. Thời kỳ mà bất kỳ người tử tế, tốt bụng và có khuynh hướng tinh thần nào cũng tự đứng ra làm nhà chữa lành hẳn phải gần như chấm dứt; bất kỳ việc hành nghề chữa lành nào cũng nên được đi trước bởi nhiều năm nghiên cứu cẩn trọng về bản chất của năng lượng, các loại cung, các trung tâm; tối thiểu ít nhất ba năm nên được dành cho việc này; khi cộng thêm vào đó khoa học của người thầy thuốc được đào tạo, tốt nghiệp từ các trường y khoa tốt nhất của chúng ta, khi ấy các bạn sẽ

and occult knowledge, his visualising capacity and his power of thought direction will be real and practically effective.

có một phương pháp điều trị mới và tốt hơn nhiều đối với vận cụ con người so với hiện nay [602]. Khi đó tri thức chính thống và huyền bí học của nhà chữa lành, năng lực hình dung và quyền năng định hướng tư tưởng của y sẽ là thực sự và có hiệu quả thực tiễn.

The rule connected with Law V makes clear the need for this occult knowledge, for it states very definitely certain fundamental injunctions.

Quy luật liên kết với Định luật V làm rõ nhu cầu về tri thức huyền bí học này, vì nó nêu ra rất dứt khoát một số huấn lệnh căn bản.

RULE THREE — QUY LUẬT BA

Let the healer concentrate the needed energy within the needed centre. Let the centre correspond to the centre which has need. Let the two synchronise and together augment force. Thus shall the waiting form he balanced in its work. Thus shall the two and the one, under right direction, heal.

Hãy để nhà trị liệu tập trung năng lượng cần thiết vào luân xa thích hợp. Hãy để trung tâm ấy tương ứng với trung tâm đang cần. Hãy để hai luân xa đồng bộ và cùng nhau tăng cường mãnh lực. Như thế hình tướng đang chờ đợi sẽ được quân bình trong công việc của nó. Nhờ đó, hai và một, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, sẽ chữa lành.

This rule presupposes a knowledge of the centres, and this knowledge is, as you well know, still embryonic; all that is known in most cases is the location of a centre. This, however, especially with untrained healers, is sufficient. Too detailed a knowledge of the formation, condition and responsiveness of a centre would handicap the healer, for his thought would be deflected to the detail of the form and away from the energy and its movements.

Quy luật này giả định có tri thức về các trung tâm, và như các bạn biết rõ, tri thức này vẫn còn ở giai đoạn phôi thai; trong đa số trường hợp, tất cả những gì được biết chỉ là vị trí của một trung tâm. Tuy nhiên, điều này, đặc biệt với các nhà chữa lành không được đào tạo, là đủ. Một tri thức quá chi tiết về sự hình thành, tình trạng và tính đáp ứng của một trung tâm sẽ làm trở ngại nhà chữa lành, vì tư tưởng của y sẽ bị lệch sang chi tiết của hình tướng và rời xa năng lượng cùng các chuyển động của nó.

The rule here requires that the healer, having aligned himself with the soul and "tapped" soul energy (thereby making himself a channel for spiritual force), directs this energy into that one of his own centres which corresponds to the centre

Quy luật ở đây đòi hỏi rằng nhà chữa lành, sau khi đã chỉnh hợp chính mình với linh hồn và "khai thác" năng lượng linh hồn (nhờ đó làm cho mình thành một kênh dẫn cho mãnh lực tinh thần), phải định hướng năng lượng này vào một trong các trung tâm của

conditioning the area of the point of friction. If the disease or physical trouble is stomachic, for instance, or related to the liver, the healer will direct his soul energy into the solar plexus centre, situated in the etheric spinal column. If the patient should be suffering from difficulty in the heart or the lungs the healer will use the heart centre, employing the throat centre for diseases of the bronchial tract, the throat, the mouth or the ears.

chính y, trung tâm tương ứng với trung tâm đang tác động lên khu vực của điểm ma sát. Chẳng hạn, nếu bệnh hay rối loạn hồng trần là ở dạ dày, hoặc liên quan đến gan, nhà chữa lành sẽ định hướng năng lượng linh hồn của y vào trung tâm tùng thái dương, nằm trong cột sống dĩ thái. Nếu bệnh nhân đang chịu đau khổ vì khó khăn ở tim hay phổi, nhà chữa lành sẽ dùng trung tâm tim, dùng trung tâm cổ họng cho các bệnh của đường phế quản, cổ họng, miệng hay tai.

[603]

[603]

Two things, therefore, become of importance in connection with the healer himself:

Vì vậy, có hai điều trở nên quan trọng liên quan đến chính nhà chữa lành:

1. He must know as accurately as possible his own point of development, for that will indicate to him capacity or non-capacity to work with any or with all the centres. In order to use any of his centres in the healing work, the healer must have awakened them in some measure and be able, consciously and by the power of thought, under the agency of the will, to focus energy in whichever centre he chooses. This does not mean that all the centres are awakened and truly functioning. It should, however, mean (if he is to heal at all) that he is not confined to the sole use of the centres below the diaphragm but that, by an effort of the spiritual will, thought can be channelled into the higher centres. Many aspirants can do this with greater facility than they believe.

1. Y phải biết càng chính xác càng tốt điểm phát triển của chính mình, vì điều đó sẽ chỉ cho y biết năng lực hay vô năng lực để làm việc với bất kỳ hay với tất cả các trung tâm. Để sử dụng bất kỳ trung tâm nào của mình trong công việc chữa lành, nhà chữa lành phải đã đánh thức chúng ở một mức độ nào đó và có thể, một cách hữu thức và bằng quyền năng của tư tưởng, dưới tác động của ý chí, tập trung năng lượng vào bất cứ trung tâm nào y chọn. Điều này không có nghĩa là tất cả các trung tâm đều đã được đánh thức và thực sự hoạt động. Tuy nhiên, điều đó nên có nghĩa (nếu y thật sự chữa lành) rằng y không bị giới hạn vào việc chỉ sử dụng các trung tâm dưới cơ hoành mà, bằng một nỗ lực của ý chí tinh thần, tư tưởng có thể được dẫn vào các trung tâm cao hơn. Nhiều người chí nguyện có thể làm điều này dễ dàng hơn họ tưởng.

2. The healer, as he channels energy into some centre, prior to directing it to a centre in the patient's body, must run no risk of his personal overstimulation. This is a very important point. So much disease and

2. Nhà chữa lành, khi dẫn năng lượng vào một trung tâm nào đó, trước khi định hướng nó đến một trung tâm trong thân thể của bệnh nhân, không được để xảy ra bất kỳ nguy cơ nào về sự kích thích quá mức nơi cá

physical difficulty among ordinary people is abdominal, necessitating the constant use of the solar plexus centre by the healer; this could bring about a grave condition of overemotionalism and even acute astralism on the part of the healer. He would then be the victim of his good intentions and of his spiritual service, for the consequences would all the same be bad; energy is an impersonal force and a purely impersonal agency. Purity of intention, selfless service and goodwill are no true protection, in spite of the platitudes of the sentimental occultist. In fact, the presence of these desirable conditions only increases the difficulty, for soul energy will pour in with [604] great force. An understanding of the risks involved, a sane appraisal of possibility and a scientific and technical understanding of protective measures will be given to the healer towards the latter end of his training. For the present, and because the danger is not at this time so great (owing to lack of potency in people's thinking and their inability to direct thought) the major protective measure consists in the ability of the healer to hold his consciousness steady in the head centre with the "eye of direction" turned to the needed centre. This involves a dual focus, and for the ability to do this the healer must strive.

nhân y. Đây là một điểm rất quan trọng. Quá nhiều bệnh tật và khó khăn hồng trần nơi người thường là ở vùng bụng, đòi hỏi nhà chữa lành phải liên tục sử dụng trung tâm tùng thái dương; điều này có thể gây ra một tình trạng nghiêm trọng của sự quá cảm xúc và thậm chí cảm dục tính cấp tính nơi nhà chữa lành. Khi đó y sẽ là nạn nhân của những ý định tốt đẹp và sự phụng sự tinh thần của chính mình, vì các hậu quả vẫn sẽ là xấu; năng lượng là một mãnh lực vô ngã và là một tác nhân thuần túy vô ngã. Sự thanh khiết của ý định, sự phụng sự vô ngã và thiện chí không phải là sự bảo vệ đích thực, bất chấp những lời sáo rỗng của nhà huyền bí học đa cảm. Thật ra, sự hiện diện của những điều kiện đáng mong muốn này chỉ làm tăng thêm khó khăn, vì năng lượng linh hồn sẽ tuôn vào với [604] mãnh lực lớn. Sự thấu hiểu các nguy cơ liên quan, một sự lượng định lành mạnh về khả năng, và một sự hiểu biết khoa học và kỹ thuật về các biện pháp bảo vệ sẽ được trao cho nhà chữa lành vào giai đoạn cuối của quá trình huấn luyện của y. Hiện nay, và bởi vì nguy hiểm lúc này chưa lớn đến thế (do sự thiếu mãnh lực trong tư tưởng của con người và sự bất lực của họ trong việc định hướng tư tưởng), biện pháp bảo vệ chính yếu nằm ở khả năng của nhà chữa lành giữ tâm thức của mình ổn định trong trung tâm đầu với "con mắt định hướng" quay về trung tâm cần thiết. Điều này bao hàm một sự tập trung kép, và để có khả năng làm được điều này nhà chữa lành phải nỗ lực.

It is here that the healer distinguishes between the processes of radiation and magnetisation. Having concentrated soul energy in the appropriate centre, through the power of direction from the head (the seat of soul energy) and by the potency of thought, the process of radiation ends. This radiation has passed through two stages:

Chính ở đây nhà chữa lành phân biệt giữa các tiến trình bức xạ và từ hóa. Sau khi đã tập trung năng lượng linh hồn trong trung tâm thích hợp, nhờ quyền năng định hướng từ đầu (nơi ngự của năng lượng linh hồn) và bởi mãnh lực của tư tưởng, tiến trình bức xạ chấm dứt. Sự bức xạ này đã đi qua hai giai đoạn:

1. The stage wherein the soul radiated energy into the head centre.

1. Giai đoạn trong đó linh hồn bức xạ năng lượng vào trung tâm đầu.

2. The stage wherein the healer directs a ray of that energy from the head centre into the "needed centre"; it is there focussed and held steady.

2. Giai đoạn trong đó nhà chữa lành định hướng một tia của năng lượng ấy từ trung tâm đầu vào "trung tâm cần thiết"; tại đó nó được tập trung và giữ ổn định.

From that appropriate centre the stage of synchronisation with the corresponding centre in the patient's body is established; this is done, not by the healer sending a ray into that centre, but because the potency of the healer's centre evokes response from that of the patient; it acts like a magnet, drawing forth a definite radiation from the patient. This radiation, esoterically, "lights up" the point of friction in the surrounding area and—were the healer clairvoyant would thus enable him to see more clearly the seat of the [605] trouble and, therefore, to arrive at a more accurate diagnosis. Ordinarily, the spiritual healer is depending upon the diagnosis of the medical man in attendance, if he is not one himself.

Từ trung tâm thích hợp đó, giai đoạn đồng bộ với trung tâm tương ứng trong thân thể bệnh nhân được thiết lập; điều này được thực hiện không phải bằng việc nhà chữa lành gửi một tia vào trung tâm ấy, mà bởi vì mãnh lực của trung tâm nơi nhà chữa lành gợi lên sự đáp ứng từ trung tâm của bệnh nhân; nó hoạt động như một nam châm, kéo ra một bức xạ xác định từ bệnh nhân. Về mặt nội môn, bức xạ này "thắp sáng" điểm ma sát trong khu vực chung quanh và—nếu nhà chữa lành là nhà thông nhãn—nhờ đó sẽ cho phép y thấy rõ hơn vị trí của [605] rối loạn và vì thế đi đến một chẩn đoán chính xác hơn. Thông thường, nhà chữa lành tinh thần dựa vào chẩn đoán của người thầy thuốc đang điều trị, nếu chính y không phải là thầy thuốc.

The interplay is now established between the healer and the patient and upon etheric levels. The energy of their two synchronised centres is now en rapport, and the healer has at this point to determine whether the treatment requires an expulsive technique or a stimulating one. He has therefore to ascertain whether the patient's centre is overstimulated and if some of the surplus energy should consequently be driven out or abstracted, or whether there is a condition of devitalisation and the energy of the centre involved requires a deliberate augmenting.

Sự tương tác nay đã được thiết lập giữa nhà chữa lành và bệnh nhân trên các cấp độ dĩ thái. Năng lượng của hai trung tâm đã đồng bộ của họ nay đã tương thông, và tại điểm này nhà chữa lành phải xác định liệu việc điều trị đòi hỏi một kỹ thuật tống xuất hay một kỹ thuật kích thích. Vì vậy y phải xác định xem trung tâm của bệnh nhân có bị kích thích quá mức hay không và do đó có nên đẩy ra hay rút đi một phần năng lượng dư thừa, hoặc liệu có một tình trạng mất sinh lực và năng lượng của trung tâm liên quan cần được tăng cường một cách có chủ ý hay không.

There is, however, a third possibility mentioned here which is slower, but in practically every case is more desirable; it is the attainment of that balance of energies (between the healer and the patient) which will hold the energy in the area of the point of friction and permit nature itself to bring about an unassisted cure. This is possible only when the rapport between the patient and the healer is complete. Then the sole task of the healer is to hold the situation steady, give the patient confidence in the powers inherent within him, and encourage a period of patient waiting. The cure then is more lasting, and there is no sense or period of psychic shock, which can be the case if sudden stimulation or drastic expulsion is employed.

Tuy nhiên, ở đây còn có một khả năng thứ ba được nhắc đến, chậm hơn, nhưng trên thực tế trong hầu như mọi trường hợp lại đáng mong muốn hơn; đó là đạt được sự quân bình năng lượng ấy (giữa nhà chữa lành và bệnh nhân), sự quân bình sẽ giữ năng lượng trong khu vực của điểm ma sát và cho phép chính tự nhiên mang lại một sự chữa lành không cần trợ giúp. Điều này chỉ có thể khi sự tương thông giữa bệnh nhân và nhà chữa lành là trọn vẹn. Khi đó nhiệm vụ duy nhất của nhà chữa lành là giữ tình huống ổn định, đem lại cho bệnh nhân sự tin tưởng vào các quyền năng vốn có bên trong y, và khuyến khích một thời kỳ chờ đợi kiên nhẫn. Khi ấy sự chữa lành sẽ bền vững hơn, và không có cảm giác hay giai đoạn chấn động thông linh, điều có thể xảy ra nếu dùng sự kích thích đột ngột hoặc sự tống xuất mạnh bạo.

We have noted here, as you see, three modes whereby the healer employs the force focussed, by direction, in his centres:

Như các bạn thấy, ở đây chúng ta đã ghi nhận ba phương thức mà qua đó nhà chữa lành sử dụng mãnh lực được tập trung, bằng sự định hướng, trong các trung tâm của y:

1. For the expulsion of surplus energy in an overstimulated centre. [606]

1. Để tống xuất năng lượng dư thừa trong một trung tâm bị kích thích quá mức. [606]

2. For definite processes of stimulation of the patient's centres.

2. Để thực hiện các tiến trình kích thích xác định đối với các trung tâm của bệnh nhân.

3. To preserve a state of equilibrium wherein natural healing can take place.

3. Để duy trì một trạng thái quân bình trong đó sự chữa lành tự nhiên có thể diễn ra.

In the first case, the healer deliberately increases the potency of the energy stored in his centre, so that it becomes exceedingly magnetic and abstracts the oversupply of energy in the patient's centre; in the second case, the healer sends a powerful ray of his own energy into the corresponding centre in the patient's body. This is an act of radiation and is very effective; in the third case, an

Trong trường hợp thứ nhất, nhà chữa lành cố ý gia tăng mãnh lực của năng lượng được tích trữ trong trung tâm của y, đến mức nó trở nên cực kỳ từ tính và rút đi lượng năng lượng dư thừa trong trung tâm của bệnh nhân; trong trường hợp thứ hai, nhà chữa lành gửi một tia năng lượng mạnh mẽ của chính y vào trung tâm tương ứng trong thân thể bệnh nhân. Đây là một hành động bức xạ

interplay is set up which preserves balance, and furthers steady and normal activity in the centre controlling the area of trouble.

và rất hiệu quả; trong trường hợp thứ ba, một sự tương tác được thiết lập để duy trì quân bình, và thúc đẩy hoạt động ổn định và bình thường trong trung tâm kiểm soát khu vực rối loạn.

You will note also how all these processes (and they are relatively simple when grasped) are dependent upon the decision of the healer. It is here that mistakes can be made, and the man who is seeking to work along the lines I indicate would be well-advised to move slowly and with due caution even at the expense of being ineffectual and unsuccessful. It is better to have no effect upon the patient and his condition than by the potency of one's unwise decision, the power of one's thought and the focus of one's direction, to hasten the patient's death by the sudden abstraction of needed energy or by the stimulation of a centre already overstimulated and overactive.

Các bạn cũng sẽ lưu ý rằng mọi tiến trình này (và chúng tương đối đơn giản khi đã được nắm bắt) đều tùy thuộc vào quyết định của nhà chữa lành. Chính ở đây các sai lầm có thể xảy ra, và người đang tìm cách làm việc theo những đường lối tôi chỉ ra nên được khuyên là hãy tiến chậm và hết sức thận trọng, ngay cả với cái giá là không hiệu quả và không thành công. Tốt hơn là không gây tác động nào lên bệnh nhân và tình trạng của y còn hơn là, bằng mãnh lực của quyết định thiếu khôn ngoan của mình, quyền năng của tư tưởng mình và tiêu điểm định hướng của mình, đẩy nhanh cái chết của bệnh nhân bằng sự rút đi đột ngột năng lượng cần thiết hoặc bằng sự kích thích một trung tâm vốn đã bị kích thích quá mức và hoạt động quá mạnh.

In the last analysis the aim in the three modes of aiding the patient by direct work with the centres involved, is to bring about a balanced and wholesome activity. This is more easily achieved in the case of an advanced person than in the case of the individual in whom the centre is normally inactive and unawakened and where the difficulty is more apt to be due to the action of some of the twenty-one minor centres situated in the body than to that of the seven major [607] centres. In these cases, the patient can far more easily be helped by orthodox medicine and surgery than by any processes of spiritual healing. It is for this reason that the spiritual header is only now becoming important and his work in any way possible. This is owing to the rapid spiritual development of humanity, which

Xét đến cùng, mục tiêu trong ba phương thức trợ giúp bệnh nhân bằng công việc trực tiếp với các trung tâm liên quan là mang lại một hoạt động quân bình và lành mạnh. Điều này đạt được dễ hơn trong trường hợp một người tiến bộ hơn là trong trường hợp cá nhân mà trung tâm thường bất hoạt và chưa được đánh thức, và nơi khó khăn có nhiều khả năng là do tác động của một trong hai mươi mốt trung tâm phụ nằm trong thân thể hơn là do bảy trung tâm chính [607]. Trong những trường hợp này, bệnh nhân có thể được giúp dễ dàng hơn nhiều bằng y học và phẫu thuật chính thống hơn là bằng bất kỳ tiến trình chữa lành tinh thần nào. Chính vì lý do này mà nhà chữa lành tinh thần chỉ mới nay trở nên quan trọng và công việc của y mới có thể thực hiện được theo bất kỳ cách nào. Điều này là do sự phát

enables men, for the first time and on any substantial scale, to take advantage of these laws and rules.

triển tinh thần nhanh chóng của nhân loại, điều cho phép con người, lần đầu tiên và trên một quy mô đáng kể, tận dụng các định luật và quy luật này.

In the last sentence in Rule Three, the meaning of the two and the one is that the combined energy within the healer—soul energy focussed in the head centre and the energy of the "needed centre," plus the energy of the centre which controls the point of friction in the patient's body is responsible for the healing, providing it is the destiny of the patient to be healed.

Trong câu cuối của Quy luật Ba, ý nghĩa của hai và một là năng lượng kết hợp bên trong nhà chữa lành—năng lượng linh hồn được tập trung trong trung tâm đầu và năng lượng của "trung tâm cần thiết," cộng với năng lượng của trung tâm kiểm soát điểm ma sát trong thân thể bệnh nhân—chịu trách nhiệm cho sự chữa lành, miễn là số mệnh của bệnh nhân là được chữa lành.

LAW VI — ĐỊNH LUẬT VI

When the building energies of the soul are active in the body, then there is health, clean interplay and right activity. When the builders are the lunar lords and those who work under the control of the moon and at the behest of the lower. Personal self, then you have disease and ill health and death.

Khi những năng lượng kiến tạo của linh hồn hoạt động trong thân thể, sẽ có sức khỏe, sự tương tác trong sạch và hoạt động đúng đắn. Khi các đấng kiến tạo là các nguyệt tinh quân và những vị hoạt động dưới sự kiểm soát của mặt trăng, theo mệnh lệnh của phàm ngã thấp, thì có bệnh tật, sức khỏe kém và cái chết.

This is a most interesting law, because it deals basically with causes, primarily with causes over which the average person has no conscious control, and because it occultly gives a picture in miniature or microcosmically of the universal or macrocosmic situation. It deals with the entire problem of evil, or pain and suffering (the great mysteries of our little planet) in a few sentences, but they are sentences conveying vast implications. The very simplicity of this great natural law veils the far-reaching significances of its normal working. It says the following things quite simply, and I enumerate them because the breaking down of a paragraph [608] into its

Đây là một định luật rất thú vị, vì về căn bản nó bàn đến các nguyên nhân, chủ yếu là các nguyên nhân mà người trung bình không có sự kiểm soát hữu thức, và vì về mặt huyền bí học nó đưa ra một bức tranh thu nhỏ hay vi mô về tình huống phổ quát hay vĩ mô. Nó bàn đến toàn bộ vấn đề của điều ác, hay đau đớn và đau khổ (những huyền nhiệm lớn của hành tinh nhỏ bé của chúng ta) chỉ trong vài câu, nhưng đó là những câu chuyển tải những hàm ý bao la. Chính sự đơn giản của định luật tự nhiên lớn lao này che phủ những thâm nghĩa sâu rộng của sự vận hành bình thường của nó. Nó nói những điều sau đây một cách rất đơn giản, và tôi liệt kê chúng vì việc phân tách một đoạn văn [608] thành những phát biểu rõ ràng và đơn giản

clear and simple statements is a sound way to arrive at understanding:

của nó là một cách đúng đắn để đi đến thấu hiểu:

1. When the soul controls the form involved, there is health.

1. Khi linh hồn kiểm soát hình tướng liên quan, có sức khỏe.

2. The soul is the builder of the form, the constructive force in manifestation.

2. Linh hồn là đấng kiến tạo của hình tướng, là mãnh lực kiến tạo trong biểu hiện.

3. This is true of both the microcosm and the macrocosm.

3. Điều này đúng cho cả tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

4. The results are wholeness, right relation and correct activity.

4. Kết quả là sự toàn vẹn, tương quan đúng đắn và hoạt động chính xác.

5. When the soul is not in control, and the forces of the form nature are therefore the controlling factors, there will be ill health.

5. Khi linh hồn không kiểm soát, và do đó các mãnh lực của bản chất hình tướng là các yếu tố kiểm soát, sẽ có sức khỏe kém.

6. The builders of the form are the "lunar lords," the physical, astral and mental elementals.

6. Các đấng kiến tạo của hình tướng là các "nguyệt tinh quân," các hành khí hồng trần, cảm dục và trí tuệ.

7. These, in their triple totality, compose the personality.

7. Ba loại này, trong tổng thể tam phân của chúng, hợp thành phàm ngã.

8. They are occultly under the direction of the moon, the symbol of form, called often the "mother of the form."

8. Về mặt huyền bí học, chúng ở dưới sự chỉ đạo của mặt trăng, biểu tượng của hình tướng, thường được gọi là "mẹ của hình tướng."

9. The emanation coming from the moon has in it the seeds of death and disease, because the moon is a "dead planet."

9. Xuất lộ đến từ mặt trăng mang trong nó các hạt giống của cái chết và bệnh tật, bởi vì mặt trăng là một "hành tinh chết."

It all comes back again, as you will note, to the source of the major energy controlling the body. Though the soul is the source of all life and consciousness, for aeons all the soul does is to preserve the form in life and in consciousness, until such time that it has reached the stage in evolution where it is a

Như các bạn sẽ lưu ý, mọi điều lại quay trở về nguồn của năng lượng chính kiểm soát thân thể. Dù linh hồn là nguồn của mọi sự sống và tâm thức, trong nhiều đại kiếp tất cả những gì linh hồn làm chỉ là giữ cho hình tướng sống và có tâm thức, cho đến khi nó đạt đến giai đoạn trong tiến hoá mà ở đó nó là một

useful and suitable instrument i and will become increasingly so) for the soul to employ as a medium of expression and service. Karma determines then the quality and nature of the physical body. It can be healthy because it has not been misused in the particular life or lives conditioning a particular incarnation, or unhealthy because it is paying the price of error. Good health is not necessarily dependent upon conscious soul contact. [609] That can and does produce good health, but it is also dependent, in the majority of average cases, upon the life and intentions of the personality—in this life and in previous lives; it is not until the will of the personality is towards spiritual betterment and a cleaner, purer life that the soul can be of real assistance.

công cụ hữu ích và thích hợp (và sẽ ngày càng trở nên như vậy) để linh hồn sử dụng như một trung gian biểu lộ và phụng sự. Khi đó nghiệp quả quyết định phẩm tính và bản chất của thể xác. Nó có thể khỏe mạnh vì đã không bị lạm dụng trong đời sống đặc thù hay các đời sống tác động lên một lần nhập thể đặc thù, hoặc không khỏe mạnh vì nó đang trả giá cho sai lầm. Sức khỏe tốt không nhất thiết tùy thuộc vào sự tiếp xúc hữu thức với linh hồn. [609] Điều đó có thể và thực sự tạo ra sức khỏe tốt, nhưng trong đa số trường hợp trung bình, nó cũng tùy thuộc vào đời sống và các ý định của phàm ngã—trong đời này và trong các đời trước; mãi cho đến khi ý chí của phàm ngã hướng về sự cải thiện tinh thần và một đời sống sạch hơn, thanh khiết hơn, linh hồn mới có thể thực sự trợ giúp.

This law carries also the implications of that basic relation which makes the threefold form of the man an integral part of the macrocosmic whole. All forms in all kingdoms are built by the lunar lords under an impulse emanating from the planetary Logos, working in cooperation with the Spirit of the Earth—the sumtotal of all the lunar lords and of the three types of energised substance which go to the creation of the physical, astral and mental bodies. The relation of the planetary Logos to this Spirit of the Earth (the relation of an evolutionary Being to an involutionary entity) is a reflection (distorted and under the influence of glamour) in the three worlds of the relation of the soul to the personality elemental. It is most useful for the healer to realise that in handling disease he is in reality handling involutionary lives and attempting to work with elementals. The natural trend of these elemental lives, all of them upon the involutionary arc, is to block and to frustrate his efforts and the efforts of the soul, and this—for them—is

Định luật này cũng mang theo những hàm ý của mối liên hệ căn bản khiến hình tướng tam phân của con người là một phần không thể tách rời của tổng thể đại thiên địa. Mọi hình tướng trong mọi giới đều được các nguyệt tinh quân xây dựng dưới một xung lực phát ra từ Hành Tinh Thượng Đế, hoạt động trong sự hợp tác với Tinh Linh Địa Cầu—tổng số của mọi nguyệt tinh quân và của ba loại chất liệu được tiếp sinh lực đi vào việc tạo nên các thể hồng trần, cảm dục và trí tuệ. Mối liên hệ của Hành Tinh Thượng Đế với Tinh Linh Địa Cầu này (mối liên hệ của một Hữu thể thăng thượng tiến hoá với một thực thể giáng hạ tiến hoá) là một phản ánh (bị bóp méo và dưới ảnh hưởng của ảo cảm) trong ba cõi thấp của mối liên hệ giữa linh hồn và hành khí phàm ngã. Điều rất hữu ích cho nhà chữa lành là nhận ra rằng khi xử lý bệnh tật, trên thực tế y đang xử lý các sự sống giáng hạ tiến hoá và đang cố gắng làm việc với các hành khí. Khuynh hướng tự nhiên của các sự sống hành khí này, tất cả đều ở trên cung giáng hạ tiến hoá, là ngăn chặn và làm thất bại các nỗ lực của y và các

their way of evolution; it is that which will eventually bring them on to the evolutionary are.

nỗ lực của linh hồn, và điều này—đối với chúng—là con đường tiến hoá của chúng; chính điều đó cuối cùng sẽ đưa chúng lên cung thăng thượng tiến hoá.

When the time comes that the soul can assume conscious control within and over the form, and can eventually create a form which is adequate to its spiritual needs, it will be because the elementals which are the sumtotal of the personality elemental have reached a point in their development where they are ready to move on to the path of return. The work of the soul is never the purely selfish one of having a medium of expression in the three worlds, as might sometimes [610] appear to the casual and superficial thinker. That is entirely incidental from the angle of the soul; it is a needed activity, but it involves also the sacrificial work of salvaging substance and forwarding the evolution of matter. As the Old Commentary expresses it: "The Mother (substance-matter) is saved by the birth of her Son (the Christ within, the spiritual consciousness)." This is true of the macrocosm as well as of the microcosm.

Khi thời điểm đến mà linh hồn có thể đảm nhận sự kiểm soát hữu thức bên trong và trên hình tướng, và cuối cùng có thể tạo ra một hình tướng thích hợp với các nhu cầu tinh thần của nó, thì đó sẽ là vì các hành khí là tổng số của hành khí phàm ngã đã đạt đến một điểm trong sự phát triển của chúng mà ở đó chúng sẵn sàng tiến lên Con Đường Trở Về. Công việc của linh hồn không bao giờ chỉ là công việc ích kỷ thuần túy nhằm có một trung gian biểu lộ trong ba cõi giới, như đôi khi [610] có thể có vẻ như vậy đối với người suy nghĩ hời hợt và nông cạn. Từ góc độ của linh hồn, điều đó hoàn toàn chỉ là thứ yếu; đó là một hoạt động cần thiết, nhưng nó cũng bao hàm công việc hi sinh là cứu vớt chất liệu và thúc đẩy sự tiến hoá của vật chất. Như *Cổ Luận* diễn tả: "Người Mẹ (chất liệu-vật chất) được cứu bởi sự ra đời của Con của bà (Đức Christ bên trong, tâm thức tinh thần)." Điều này đúng cho đại thiên địa cũng như cho tiểu thiên địa.

Here lies the secret of planetary suffering and of death. Our planetary Logos (viewing the truth from the angle of the macrocosm) is, as you know, one of the "imperfect Gods" of The Secret Doctrine, although perfect past our human comprehension—the comprehension of a unit in one of the kingdoms which constitute His body of manifestation. There is still no true balance between spirit and matter, though the point of balance has almost been achieved; the involutionary forces are still potent and the spiritual energies are still frustrated, though far less so than earlier in human history; the next great human race, following on our present one, will see a point of balance

Chính trong đây có bí mật của đau khổ hành tinh và của cái chết. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (xét chân lý từ góc độ đại thiên địa) như các bạn biết, là một trong những "Thượng đế bất toàn" của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, dù hoàn hảo vượt quá sự hiểu biết của con người chúng ta—sự hiểu biết của một đơn vị trong một trong các giới cấu thành thể biểu hiện của Ngài. Vẫn chưa có sự quân bình đích thực giữa tinh thần và vật chất, dù điểm quân bình gần như đã đạt được; các mãnh lực giáng hạ tiến hoá vẫn còn mạnh và các năng lượng tinh thần vẫn còn bị cản trở, dù ít hơn rất nhiều so với trước đây trong lịch sử nhân loại; giống dân lớn tiếp theo sau giống dân hiện nay của chúng ta sẽ chứng

reached which will usher in the so-called golden age. Points of friction will then be far fewer upon the planet and therefore in individual man; areas of frustration and of futile activity will die out. This can be seen working out in the body of an advanced person or an initiate to a great extent and for long periods in their incarnations; paralleling correspondences are as a general rule accurate.

kiến một điểm quân bình đạt được, điểm này sẽ mở ra cái gọi là thời đại hoàng kim. Khi đó các điểm ma sát sẽ ít hơn rất nhiều trên hành tinh và do đó trong từng con người; các khu vực bị cản trở và hoạt động vô ích sẽ biến mất. Điều này có thể được thấy đang diễn ra trong thân thể của một người tiến bộ hay một điểm đạo đồ ở mức độ lớn và trong những thời kỳ dài trong các lần lâm phàm của họ; các tương ứng song hành, như một quy luật chung, là chính xác.

This law gives an amazing picture, and one too which is full of hope, particularly if one considers certain facts which are present in the world today and compares them with conditions hundreds of years ago. The consciousness of humanity is awakened everywhere; the most undeveloped races are in process of achieving education, involving necessarily the discovery of the mind; goodwill is being recognised [611] as necessary to world unfoldment, and men are finding that "no man liveth unto himself"—or any nation either; they are registering the fact that it is simply commonsense and the part of wisdom to better conditions for all men everywhere. This is a new attitude and a fresh and most hopeful approach. Men are learning to know and understand each other; nations are arriving at a closer contact with one another; statesmen of all nations are wrestling together and in joint conclave with the problem of bettering human living conditions; everywhere there is thought, there is appraisal, and there is the struggle for freedom and for the truer values. What is all this but the effort of the soul of humanity to kill out disease, restore unhealthy areas to health and eliminate points of friction? Is not this what the spiritual man who is ill is seeking to bring about in his own body, and what the healer is attempting to aid him to do?

Định luật này đưa ra một bức tranh đáng kinh ngạc, và cũng là một bức tranh đầy hy vọng, đặc biệt nếu người ta xét đến một số sự kiện hiện diện trong thế giới ngày nay và so sánh chúng với các điều kiện của hàng trăm năm trước. Tâm thức của nhân loại đang được đánh thức ở khắp nơi; các giống dân kém phát triển nhất đang trong tiến trình đạt được giáo dục, điều tất yếu bao hàm sự khám phá trí tuệ; thiện chí đang được nhìn nhận [611] là cần thiết cho sự khai mở của thế giới, và con người đang nhận ra rằng "không ai sống cho riêng mình"—và không quốc gia nào cũng vậy; họ đang ghi nhận sự kiện rằng cải thiện điều kiện cho mọi người ở khắp nơi đơn giản là lẽ thường và là phần việc của minh triết. Đây là một thái độ mới và một cách tiếp cận mới mẻ, đầy hy vọng. Những người nam và nữ đang học cách biết và thấu hiểu nhau; các quốc gia đang đi đến một sự tiếp xúc gần gũi hơn với nhau; các chính khách của mọi quốc gia đang cùng nhau vật lộn và trong các hội nghị chung với vấn đề cải thiện điều kiện sống của con người; ở khắp nơi đều có tư tưởng, có sự lượng định, và có cuộc đấu tranh cho tự do và cho các giá trị chân thực hơn. Tất cả điều này là gì nếu không phải là nỗ lực của linh hồn nhân loại nhằm tiêu diệt bệnh tật, phục hồi các khu vực không lành mạnh về trạng thái khỏe mạnh và loại bỏ các điểm ma sát? Chẳng phải đây là điều mà con người tinh thần đang đau yếu tìm cách mang lại trong

chính thân thể của mình, và là điều mà nhà chữa lành đang cố gắng trợ giúp y thực hiện sao?

In so doing, the “lunar lords” and the forces of substance must eventually yield to the energy of the soul, and are benefited, whether they are microcosmic forces or macrocosmic.

Khi làm như vậy, các “nguyệt tinh quân” và các mãnh lực của chất liệu cuối cùng phải nhường bước trước năng lượng của linh hồn, và được lợi ích, dù chúng là các mãnh lực vi mô hay vĩ mô.

One of the things which frequently puzzle students is the statement that the dense physical body is not a principle. H.P.B. states this fact with emphasis; people are apt to think (unless they are theosophical fanatics) that he was incorrect or was intentionally misleading students. One of the points, little understood, is the nature of a principle. Yet only by understanding what a principle is can the beauty and accuracy of his statement be grasped. What, in the last analysis, is a principle? A principle is that which, macrocosmically speaking, is being developed upon each plane of our seven planes—the seven subplanes of the cosmic physical plane. It is the germ or the seed on each subplane which embodies some aspect of the divine unfolding consciousness; [612] it is that which is fundamentally related to some form of sensitivity; it is that to which the bodies, as they evolve, find that they can respond. A principle is a germ of awareness, carrying all the potentiality of full consciousness on some particular level of divine activity. It is that which makes knowledge and conscious response to environment possible; it is that which connotes a sequential and “unrolling” sensitive activity, resulting in divine understanding, possible and inevitable.

Một trong những điều thường làm các đạo sinh bối rối là phát biểu cho rằng thể xác đậm đặc không phải là một nguyên khí. H.P.B. đã nhấn mạnh sự kiện này; người ta có khuynh hướng nghĩ (trừ khi họ là những người cuồng tín Thông Thiên Học) rằng bà đã sai hoặc cố ý đánh lạc hướng các đạo sinh. Một trong những điểm ít được hiểu là bản chất của một nguyên khí. Tuy nhiên, chỉ bằng cách hiểu nguyên khí là gì thì vẻ đẹp và tính chính xác trong phát biểu của bà mới có thể được nắm bắt. Xét đến cùng, nguyên khí là gì? Một nguyên khí là cái mà, nói theo nghĩa đại thiên địa, đang được phát triển trên mỗi cõi của bảy cõi của chúng ta—bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ. Nó là mầm hay hạt giống trên mỗi cõi phụ, hiện thân cho một phương diện nào đó của tâm thức thiêng liêng đang khai mở; [612] nó là cái có liên hệ căn bản với một hình thức nhạy cảm nào đó; nó là cái mà các thể, khi tiến hoá, nhận ra rằng chúng có thể đáp ứng. Một nguyên khí là một mầm của sự nhận biết, mang trong nó toàn bộ tiềm năng của tâm thức trọn vẹn trên một cấp độ đặc thù nào đó của hoạt động thiêng liêng. Nó là cái làm cho tri thức và sự đáp ứng hữu thức với môi trường trở nên khả hữu; nó là cái hàm ý một hoạt động nhạy cảm tuần tự và “mở cuộn,” dẫn đến sự thấu hiểu thiêng liêng, vừa khả hữu vừa tất yếu.

The physical body, and to a far less extent the astral and mental bodies, are automatic

Thể xác, và ở mức độ thấp hơn rất nhiều là thể cảm dục và thể trí, hoạt động một cách

in their activity as aspects of a divine response apparatus, of a mechanism which enables the Heavenly Man, the planetary Logos and the spiritual man to register conscious response to that which is to be contacted under the divine plan and through the medium of a mechanism. At present, the physical body is the only one which is as yet so fully developed that it has in this planetary scheme of ours no further evolutionary development, except in so far as the spiritual man can affect stand most of the effect is produced in the etheric body and not in the dense physical. This is a point little grasped but of major importance.

tự động như các phương diện của một bộ máy đáp ứng thiêng liêng, của một cơ chế cho phép Đấng Thiên Nhân, Hành Tinh Thượng Đế và con người tinh thần ghi nhận sự đáp ứng hữu thức đối với điều phải được tiếp xúc theo Thiên Cơ và qua trung gian của một cơ chế. Hiện nay, thể xác là thể duy nhất đã phát triển đầy đủ đến mức trong hệ hành tinh này của chúng ta nó không còn sự phát triển tiến hoá nào nữa, ngoại trừ trong chừng mực con người tinh thần có thể tác động đến nó—và phần lớn tác động được tạo ra trong thể dĩ thái chứ không phải trong thể xác đậm đặc. Đây là một điểm ít được nắm bắt nhưng có tầm quan trọng lớn lao.

The dense physical body reached its high point of development and of interest (from the angle of mental attention and of hierarchical action) in the previous solar system. It was then the divine goal of the entire evolutionary process. This is not an easy point for humanity today to grasp. It is not possible or advisable for me to indicate the evolutionary stages through which this divine mechanism passed in preparation for the task to be undertaken in the present solar system. In this divine incarnation of our planetary Logos through the medium of this little planet, the Earth, the physical body is not a goal, but simply something which exists and must be accepted, and which must be adapted and [613] incorporated into the general evolutionary plan. That plan has to do entirely with consciousness. The physical body is simply (no more and no less) the vehicle of consciousness upon the physical plane, but the emphasis of attention is the etheric body as an expression of the subtler vehicles and their state of embodied consciousness. The physical body is important because it has to house and respond to every type of conscious response, from that of the lowest type of human being up to and inclusive of

Thể xác đậm đặc đã đạt đến đỉnh cao phát triển và tầm quan trọng của nó (xét từ góc độ chú ý trí tuệ và hoạt động của Thánh đoàn) trong hệ mặt trời trước. Khi ấy nó là mục tiêu thiêng liêng của toàn bộ tiến trình tiến hoá. Đây không phải là một điểm dễ để nhân loại ngày nay nắm bắt. Tôi không thể và cũng không nên chỉ ra các giai đoạn tiến hoá mà qua đó cơ chế thiêng liêng này đã đi qua để chuẩn bị cho nhiệm vụ sẽ được đảm nhận trong hệ mặt trời hiện nay. Trong lần lâm phàm thiêng liêng này của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta qua trung gian của hành tinh nhỏ bé này, Trái Đất, thể xác *không* phải là một mục tiêu, mà chỉ đơn giản là một cái gì đó hiện hữu và phải được chấp nhận, và phải được thích nghi và [613] kết hợp vào kế hoạch tiến hoá chung. Kế hoạch đó hoàn toàn liên quan đến tâm thức. Thể xác chỉ đơn giản (không hơn không kém) là vận cụ của tâm thức trên cõi hồng trần, nhưng trọng tâm của sự chú ý là thể dĩ thái như một biểu hiện của các vận cụ vi tế hơn và trạng thái tâm thức nhập thể của chúng. Thể xác quan trọng vì nó phải chứa đựng và đáp ứng với mọi loại đáp ứng hữu thức, từ loại thấp nhất của con người cho đến và bao gồm cả tâm thức của một điểm đạo đồ cấp ba. Các thể và hình tướng của sự sống hữu

the consciousness of an initiate of the third degree. The bodies and forms of the indwelling conscious life in the three subhuman kingdoms have an analogous but less difficult problem; I am here, however, considering only the physical body of a human being, which is not a principle because it is not in any way a goal; it is not the seed or germ of anything. Any changes wrought in the physical body are secondary to the goal of conscious response to the revelation of an emerging divinity. I have felt it necessary to emphasise this because of the confusion in men's minds anent the subject. To sum up: the physical body is not a principle; it is not a main object of attention of the aspirant; it automatically responds to the slowly unfolding consciousness in all the kingdoms of nature: it constantly remains that which is worked upon and not that which has an innate influence of its own; it is not important in the active process, for it is a recipient and not that which initiates activity. That which is important is the unfolding consciousness, the response of the indwelling spiritual man to life, circumstances, events and environment. The physical body responds. When the physical body becomes, in error, the object of attention, retrogression is indicated; and this is why all profound attention to the physical disciplines, to vegetarianism, to diet and to fasting, and to the present modes of (so-called) mental and divine healing, are undesirable [614] and not in line with the projected plan. Therefore undue consideration and excessive emphasis upon the physical body is reactionary and is like the worship of the golden calf by the children of Israel; it is reversion to that which at one time was of importance but today should be relegated to a minor position and below the threshold of consciousness.

thức nội tại trong ba giới dưới nhân loại có một vấn đề tương tự nhưng ít khó khăn hơn; tuy nhiên ở đây tôi chỉ xét đến thể xác của một con người, thể này không phải là một nguyên khí vì nó không phải là một mục tiêu theo bất kỳ cách nào; nó không phải là hạt giống hay mầm mống của bất cứ điều gì. Mọi thay đổi được tạo ra trong thể xác đều là thứ yếu so với mục tiêu là sự đáp ứng hữu thức đối với sự mặc khải của một thiên tính đang xuất hiện. Tôi thấy cần phải nhấn mạnh điều này vì sự lẫn lộn trong tâm trí con người về chủ đề này. Tóm lại: thể xác không phải là một nguyên khí; nó không phải là đối tượng chú ý chính của người chí nguyện; nó tự động đáp ứng với tâm thức đang từ từ khai mở trong mọi giới trong tự nhiên: nó luôn luôn vẫn là cái bị tác động lên chứ không phải cái có ảnh hưởng nội tại của riêng nó; nó không quan trọng trong tiến trình hoạt động, vì nó là kẻ tiếp nhận chứ không phải cái khởi xướng hoạt động. Điều quan trọng là tâm thức đang khai mở, là sự đáp ứng của con người tinh thần nội tại đối với sự sống, hoàn cảnh, biến cố và môi trường. Thể xác đáp ứng. Khi thể xác, do sai lầm, trở thành đối tượng của sự chú ý, thì sự thoái bộ được chỉ ra; và đây là lý do vì sao mọi sự chú ý sâu xa đến các kỷ luật hồng trần, đến việc ăn chay, chế độ ăn uống và nhịn ăn, và đến các phương thức hiện nay của sự chữa lành (được gọi là) trí tuệ và thiêng liêng, đều là không đáng mong muốn [614] và không phù hợp với kế hoạch được phóng chiếu. Vì vậy, sự quan tâm quá mức và nhấn mạnh thái quá vào thể xác là phản động và giống như sự thờ phụng con bê vàng của con cái Israel; đó là sự quay trở lại với cái đã từng quan trọng vào một thời điểm nào đó nhưng ngày nay nên được đẩy xuống một vị trí thứ yếu và dưới ngưỡng của tâm thức.

I have dealt with this here because in Law VII the fact of the endocrine glands is brought to our attention, and it is necessary that we approach this subject from the right point of view. The endocrine glands are a tangible part of the physical body; they are therefore a part of that created manifestation which is not regarded as a principle. They are, however, effective and potent and may not be ignored. It is essential that students regard these glands as effects and not causes of events and happenings and conditions in the body. The physical body—no matter what its victims may believe and declare—is always conditioned by inner causes; it is never, intrinsically, itself a cause. It is, in this solar system and on our planet, automatic and affected by causes generated on the inner planes or by the action of the soul. Please note the importance of this statement. The physical body has no true life of its own, but is simply —in this cycle—responsive to impulses emanating from elsewhere. Its achievement and its triumph is that it is an automaton. If you can grasp this adequately, we can safely proceed to the consideration of Law VII and Rule Four.

Tôi đã bàn đến điều này ở đây vì trong Định luật VII, sự kiện về các tuyến nội tiết được đưa ra trước sự chú ý của chúng ta, và cần thiết là chúng ta phải tiếp cận chủ đề này từ quan điểm đúng đắn. Các tuyến nội tiết là một phần hữu hình của thể xác; vì vậy chúng là một phần của biểu hiện được tạo ra mà không được xem là một nguyên khí. Tuy nhiên, chúng hữu hiệu và mạnh mẽ và không thể bị bỏ qua. Điều cốt yếu là các đạo sinh phải xem các tuyến này như các kết quả chứ không phải nguyên nhân của các biến cố, diễn tiến và tình trạng trong thân thể. *Thể xác*—bất kể các nạn nhân của nó có thể tin và tuyên bố điều gì—*luôn luôn bị tác động bởi các nguyên nhân bên trong; tự bản chất, nó không bao giờ là một nguyên nhân.* Trong hệ mặt trời này và trên hành tinh của chúng ta, nó là tự động và bị ảnh hưởng bởi các nguyên nhân được tạo ra trên các cõi bên trong hoặc bởi hoạt động của linh hồn. Xin lưu ý tầm quan trọng của phát biểu này. Thể xác không có sự sống đích thực của riêng nó, mà chỉ đơn giản—trong chu kỳ này—đáp ứng với các xung lực phát ra từ nơi khác. Thành tựu và chiến thắng của nó là ở chỗ nó là một cỗ máy tự động. Nếu các bạn có thể nắm được điều này một cách đầy đủ, chúng ta có thể an toàn tiến tới việc xem xét Định luật VII và Quy luật Bốn.

LAW VII — ĐỊNH LUẬT VII

When life or energy flows unimpeded and through right direction to its precipitation (the related gland), then the form responds and ill health disappears.

Khi sự sống hay năng lượng tuôn chảy không bị cản trở, dưới sự chỉ đạo đúng đắn, đến nơi nó ngưng tụ (tuyến liên quan), hình tướng sẽ đáp ứng và tình trạng sức khỏe kém sẽ biến mất.

One of the interesting factors which students should note is the doctrine of intermediaries which is to be found [615] in such rich abundance and is regarded as of

Một trong những yếu tố thú vị mà các đạo sinh nên lưu ý là giáo lý về các trung gian, được tìm thấy [615] phong phú đến như vậy và được xem là có tầm quan trọng sống còn

such vital importance in all occult teaching. It has been emphasised (though erroneously interpreted) in the Christian teaching anent the Christ; Christianity has presented Him as acting as the intermediary between an angry God and a pitiful and ignorant humanity. Such was by no means the intent of His coming or of His work, but into the real meaning I need not enter here. I have dealt with this theme elsewhere in connection with the New world Religion. (The Problems of Humanity, Chapter VI. & The Reappearance of the Christ, Chapter V.)

trong mọi giáo huấn huyền bí học. Nó cũng đã được nhấn mạnh (dù bị diễn giải sai) trong giáo huấn Cơ Đốc giáo liên quan đến Đức Christ; Cơ Đốc giáo đã trình bày Ngài như hành động như một trung gian giữa một Thượng đế giận dữ và một nhân loại đáng thương, vô minh. Tuyệt nhiên đó không phải là mục đích của sự giáng lâm của Ngài hay của công việc của Ngài, nhưng tôi không cần đi vào ý nghĩa thực sự ở đây. Tôi đã bàn đến chủ đề này ở nơi khác liên quan đến Tôn giáo Thế giới Mới. (*The Problems of Humanity, Chapter VI. & The Reappearance of the Christ, Chapter V.*)

It has been taught also in the esoteric presentation (and this is closely allied with the Christian doctrines) that the soul is the intermediary between the monad and the personality; the same idea is also found in many other religious presentations, i.e., the Buddha is shown as the intermediary between Shamballa and the Hierarchy, acting in this capacity once a year; the Hierarchy itself is the intermediary between Shamballa and Humanity; the etheric plane (and by this I mean the cosmic, planetary and individual etheric vehicles) is the intermediary between the higher planes and the dense physical body. The whole system of occult or esoteric revelation is based on this wonderful doctrine of interdependence, of a planned and arranged conscious linking, and of the transmission of energy from one aspect of divine manifestation to another; everywhere and through everything is circulation, transmission, and modes of passing energy from one form to another form, and always through an appropriate mechanism. This is true in the involutionary sense, in the evolutionary sense, and in a spiritual sense also; this latter is slightly different to the other two, as all initiates of the higher degrees know well. An entire thesis upon transmitting agencies could be

Nó cũng đã được dạy trong cách trình bày nội môn (và điều này liên hệ chặt chẽ với các giáo lý Cơ Đốc giáo) rằng linh hồn là trung gian giữa chân thần và phàm ngã; cùng một ý tưởng cũng được tìm thấy trong nhiều cách trình bày tôn giáo khác, tức là Đức Phật được cho thấy như trung gian giữa Shamballa và Thánh Đoàn, hành động trong tư cách này mỗi năm một lần; chính Thánh Đoàn là trung gian giữa Shamballa và Nhân loại; cõi dĩ thái (và bởi điều này tôi muốn nói đến các vận cụ dĩ thái vũ trụ, hành tinh và cá nhân) là trung gian giữa các cõi cao hơn và thể xác đậm đặc. Toàn bộ hệ thống mặc khải huyền bí học hay nội môn được đặt nền trên giáo lý kỳ diệu này về sự phụ thuộc lẫn nhau, về một sự liên kết hữu thức được hoạch định và sắp xếp, và về sự truyền dẫn năng lượng từ một phương diện của biểu hiện thiêng liêng sang một phương diện khác; ở khắp nơi và xuyên qua mọi sự đều có sự tuần hoàn, sự truyền dẫn, và các phương thức chuyển năng lượng từ hình tướng này sang hình tướng khác, và luôn luôn qua một cơ chế thích hợp. Điều này đúng theo nghĩa giáng hạ tiến hoá, theo nghĩa thăng thượng tiến hoá, và cả theo nghĩa tinh thần nữa; nghĩa sau này hơi khác với hai nghĩa kia, như mọi điểm đạo đồ ở các cấp cao đều biết rõ. Có thể viết cả một luận văn về các tác nhân truyền

written, and it would include, finally, the doctrine of Avatars. An Avatar is one [616] who has a peculiar facility or capacity (besides a self -initiated task and a preordained destiny) to work with energies, transmitted via the etheric body of a planet or of the solar system; this, however, is a deep mystery. It was demonstrated in a peculiar manner, and in relation to cosmic energy, by the Christ Who, for the first time in planetary history, transmitted the cosmic energy of love directly to the physical plane of our planet, and also in a peculiar manner to the fourth kingdom in nature, the human. This should indicate to you that though the love energy is the second aspect of divinity, the Christ embodied and transmitted four qualities of this aspect to humanity, and consequently to the other kingdoms in nature—the only four which humanity could absorb. Only one of these four is as yet beginning to express itself —the quality of goodwill. The other three will later be revealed, and one is related in a peculiar sense to the healing quality of love. According to The New Testament, this quality was called by the Christ "virtue" (a somewhat inaccurate translation of the word originally used); Christ employed it when healing force had been taken from Him and He said "virtue has gone out of me."

dẫn, và cuối cùng nó sẽ bao gồm giáo lý về các Đấng Hoá Thân. Một Đấng Hoá Thân là Đấng [616] có một khả năng hay năng lực đặc biệt (ngoài một nhiệm vụ do chính mình khởi xướng và một số mệnh đã được tiền định) để làm việc với các năng lượng, được truyền qua thể dĩ thái của một hành tinh hay của hệ mặt trời; tuy nhiên, đây là một huyền nhiệm sâu xa. Điều này đã được biểu lộ theo một cách đặc biệt, và liên quan đến năng lượng vũ trụ, bởi Đức Christ, Đấng lần đầu tiên trong lịch sử hành tinh đã truyền năng lượng vũ trụ của tình thương *trực tiếp* đến cõi hồng trần của hành tinh chúng ta, và cũng theo một cách đặc biệt đến giới thứ tư trong tự nhiên, giới nhân loại. Điều này nên chỉ cho các bạn thấy rằng dù năng lượng tình thương là phương diện thứ hai của thiên tính, Đức Christ đã hiện thân và truyền bốn phẩm tính của phương diện này đến nhân loại, và do đó đến các giới khác trong tự nhiên—chỉ bốn phẩm tính mà nhân loại có thể hấp thụ. Chỉ một trong bốn phẩm tính này hiện mới bắt đầu biểu lộ—phẩm tính thiện chí. Ba phẩm tính kia sẽ được mặc khải về sau, và một trong số đó liên hệ theo một ý nghĩa đặc biệt với phẩm tính chữa lành của tình thương. Theo *Tân Ước,* phẩm tính này đã được Đức Christ gọi là "đức hạnh" (một bản dịch hơi không chính xác của từ được dùng nguyên thủy); Đức Christ đã dùng nó khi mãnh lực chữa lành đã được rút ra khỏi Ngài và Ngài nói "đức hạnh đã ra khỏi ta."

I have called this to your attention because this truth is directly related to this seventh law. We have seen, in connection with all the healing processes, that the dense physical body is regarded esoterically as simply an automaton; it is only a recipient of transmitted energies. We have seen that the etheric body in or "substanding" every form is itself a structure for the transmission of energies coming from some source or

Tôi đã lưu ý các bạn đến điều này vì chân lý này liên hệ trực tiếp với định luật thứ bảy này. Chúng ta đã thấy, liên quan đến mọi tiến trình chữa lành, rằng thể xác đậm đặc được xem về mặt nội môn chỉ như một cỗ máy tự động; nó chỉ là kẻ tiếp nhận các năng lượng được truyền dẫn. Chúng ta đã thấy rằng thể dĩ thái ở trong hay "nâng đỡ" mọi hình tướng tự nó là một cấu trúc để truyền dẫn các năng lượng đến từ một nguồn này

another—the source being primarily the point where the life within the form lays its basic emphasis. For the average human being, this is usually the astral body, from which astral or emotional energy emanates and finds anchorage, prior to transmission into the [617] etheric body. There will be, however, in the majority of cases, a greater or less admixture of mental energy. Later, soul energy, reinforced (if I may use such a word) by the purified mind and transmitted through the personality, will condition the etheric body and control, consequently, the activities of the physical vehicle.

hay nguồn khác—nguồn ấy chủ yếu là điểm mà sự sống bên trong hình tướng đặt trọng tâm căn bản của nó. Đối với con người trung bình, điều này thường là thể cảm dục, từ đó năng lượng cảm dục hay cảm xúc phát ra và tìm được điểm neo giữ, trước khi truyền vào [617] thể dĩ thái. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp sẽ có một sự pha trộn nhiều hay ít của năng lượng trí tuệ. Về sau, năng lượng linh hồn, được tăng cường (nếu tôi có thể dùng một từ như vậy) bởi thể trí đã được thanh lọc và được truyền qua phàm ngã, sẽ tác động lên thể dĩ thái và do đó kiểm soát các hoạt động của vận cụ hồng trần.

This law brings to our attention the fact that the dense physical body, under the impact of subjective energies, in its turn produces a "structure for transmission" and automatically repeats the activity of the etheric body. It creates (in response to the inflow of energies from the etheric body, via the seven major centres) a dense physical interlocking structure, to which we have given the name "the endocrine glandular system." These glands—in their turn and in response to the inflowing energy from the etheric body—produce a secretion which is called a secretion of hormones, and this the glands transmit directly into the blood stream.

Định luật này đưa ra trước sự chú ý của chúng ta sự kiện rằng thể xác đậm đặc, dưới tác động của các năng lượng chủ quan, đến lượt nó tạo ra một "cấu trúc để truyền dẫn" và tự động lặp lại hoạt động của thể dĩ thái. Nó tạo ra (để đáp ứng với dòng năng lượng chảy vào từ thể dĩ thái, qua bảy trung tâm chính) một cấu trúc đậm đặc hồng trần đan kết với nhau, mà chúng ta đã đặt tên là "hệ thống tuyến nội tiết." Đến lượt mình, các tuyến này, để đáp ứng với năng lượng chảy vào từ thể dĩ thái, tạo ra một sự tiết ra được gọi là sự tiết hormone, và các tuyến truyền trực tiếp chất tiết này vào dòng máu.

It is not my intention to be overtechnical in my consideration of this subject; I write for the lay reader, and not for the medical profession, who are frank to admit how little they know, as yet, anent this subject. The medical research worker knows little anent the relation of the endocrine glands to the blood and to the total physiology of the human being; he knows little anent the relation of the various glands to each other; these constitute an interlocking directorate of vital importance, linked and united,

Tôi không có ý định trở nên quá kỹ thuật trong việc xem xét chủ đề này; tôi viết cho độc giả phổ thông, chứ không phải cho giới y khoa, những người thành thật thừa nhận rằng cho đến nay họ biết rất ít về chủ đề này. Nhà nghiên cứu y học biết rất ít về mối liên hệ của các tuyến nội tiết với máu và với toàn bộ sinh lý học của con người; ông biết rất ít về mối liên hệ của các tuyến khác nhau với nhau; các tuyến này tạo thành một ban điều hành đan kết có tầm quan trọng sống còn, được liên kết và hợp nhất, được tiếp sinh lực

animated and directed by the seven etheric centres. This is a factor naturally overlooked by the orthodox scientist in this field, and until he recognises that which produces the endocrine glands he will remain totally at sea as to cause and true results. The glands are direct precipitations of the seven types of energy flowing through the seven etheric centres. They control all the areas of the body. In their creation [618] you have a definite expression of the radiatory and the magnetic activity of all energies, for they are produced by radiation from the seven centres, but their effect—individual and combined—is magnetic. The radiation abstracts dense physical atoms and focusses them in the correct area in the physical body, so that they can act as distributors into the blood stream, and therefore into the dense physical body, of one aspect of the inflowing energy. I would have you note that only one aspect of the energy is thus distributed—that which corresponds to the third aspect of active intelligent substance; the other two latent aspects are distributed as pure energy, affecting areas but not affecting any localised focal point. A gland is such a localised focal point. I am anxious for this subject of the glands and their relation to the centres to be correctly understood. The entire subject is closely related to the art of healing; one of the effects of the application of the healing energy (through the medium of any centre conditioning the area wherein the point of friction is located) is the stimulation of the related gland and its increased activity. The glands are intermediaries, in the last analysis, between the healer and the patient, between the centre and the dense physical body, and between the etheric body and its automaton, the receiving dense physical vehicle.

và được định hướng bởi bảy trung tâm dĩ thái. Đây dĩ nhiên là một yếu tố bị nhà khoa học chính thống trong lĩnh vực này bỏ qua, và cho đến khi ông nhận ra cái tạo ra các tuyến nội tiết, ông sẽ vẫn hoàn toàn lạc lối về nguyên nhân và các kết quả chân thực. Các tuyến là những sự ngưng tụ trực tiếp của bảy loại năng lượng tuôn qua bảy trung tâm dĩ thái. Chúng kiểm soát mọi khu vực của thân thể. Trong sự tạo thành của chúng [618] các bạn có một biểu hiện xác định của hoạt động bức xạ và từ tính của mọi năng lượng, vì chúng được tạo ra bởi bức xạ từ bảy trung tâm, nhưng tác động của chúng—cá biệt và kết hợp—là từ tính. Bức xạ rút các nguyên tử hồng trần đậm đặc ra và tập trung chúng vào đúng khu vực trong thể hồng trần, để chúng có thể hoạt động như những bộ phân phối vào dòng máu, và do đó vào thể xác đậm đặc, của một phương diện của năng lượng chảy vào. Tôi muốn các bạn lưu ý rằng chỉ một phương diện của năng lượng được phân phối theo cách này—phương diện tương ứng với phương diện thứ ba của chất liệu thông tuệ hoạt động; hai phương diện tiềm ẩn kia được phân phối như năng lượng thuần túy, tác động lên các khu vực nhưng không tác động lên bất kỳ tiêu điểm khu trú nào. Một tuyến là một tiêu điểm khu trú như vậy. Tôi tha thiết mong chủ đề về các tuyến và mối liên hệ của chúng với các trung tâm được hiểu một cách đúng đắn. Toàn bộ chủ đề này liên hệ chặt chẽ với nghệ thuật chữa lành; một trong những tác động của việc áp dụng năng lượng chữa lành (qua trung gian của bất kỳ trung tâm nào tác động lên khu vực nơi điểm ma sát tọa lạc) là sự kích thích tuyến liên hệ và sự gia tăng hoạt động của nó. Xét đến cùng, các tuyến là những trung gian giữa nhà chữa lành và bệnh nhân, giữa trung tâm và thể xác đậm đặc, và giữa thể dĩ thái với cỗ máy tự động của nó, vận cụ hồng trần đậm đặc tiếp nhận.

In continuing our consideration of the immediate transmitting agency of the centres into the blood stream (the endocrine glands) I would like to point out that the centres work through this endocrine system through direct impact, through a ray or stream of energy, emanating from the central point within the centre. Through this medium they condition and control entire areas of the body and they do this through those aspects of the centres which we symbolically call the "petals of the lotus." In a point at the very centre of the lotus the life force is focussed, and as [619] it passes outward into the related gland, it takes on the quality of the energy for which the centre is responsible, because life force is essentially unqualified. The ray of life, if one may call it so, which is found at the heart of each centre, is identified monadically with its source, and possesses (when brought in contact with its petals) one major innate quality of attractive energy; all energy emanating from the one source in this solar system, is related to the energy which we call Love, and this energy is magnetic attraction. The petals of the lotus, and the area of surrounding energy which constitutes the form of the lotus, are qualified by one of the seven subsidiary types of energy; these emanate from the seven Rays which emerge out of the one Source, as Representatives of the manifold Creator.

Khi tiếp tục xem xét tác nhân truyền dẫn trực tiếp tức thời của các trung tâm vào dòng máu (các tuyến nội tiết), tôi muốn chỉ ra rằng các trung tâm hoạt động qua hệ nội tiết này bằng tác động trực tiếp, qua một tia hay dòng năng lượng, phát ra từ điểm trung tâm bên trong trung tâm. Qua trung gian này, chúng tác động và kiểm soát toàn bộ các vùng của thể xác, và chúng làm điều đó qua những phương diện của các trung tâm mà chúng ta gọi một cách biểu tượng là "các cánh hoa sen." Tại một điểm ở chính trung tâm của hoa sen, lực sự sống được tập trung, và khi [619] nó đi ra ngoài vào tuyến liên hệ, nó mang lấy phẩm tính của năng lượng mà trung tâm chịu trách nhiệm, bởi vì lực sự sống về bản chất là không có phẩm tính. Tia sự sống, nếu có thể gọi như vậy, được tìm thấy nơi tim của mỗi trung tâm, đồng nhất về mặt chân thần với cội nguồn của nó, và sở hữu (khi được đưa vào tiếp xúc với các cánh hoa của nó) một phẩm tính bẩm sinh chủ yếu của năng lượng hấp dẫn; mọi năng lượng phát ra từ nguồn duy nhất trong hệ mặt trời này đều liên hệ với năng lượng mà chúng ta gọi là Tình thương/Bác ái, và năng lượng này là sự hấp dẫn từ tính. Các cánh hoa sen, và vùng năng lượng bao quanh cấu thành hình tướng của hoa sen, được quy định bởi một trong bảy loại năng lượng phụ; các loại này phát ra từ bảy cung xuất hiện từ Nguồn duy nhất, như những Đấng Đại Diện của Đấng Sáng Tạo đa diện.

Within the solar system, as you know, are to be found the seven sacred planets, which are the custodians or the expression of these seven rays, of these seven qualities of divinity. within our planet, the Earth (which is not a sacred planet), there are likewise seven centres which become, as evolution proceeds, the recipients of the seven ray

Trong hệ mặt trời, như bạn biết, có bảy hành tinh thiêng liêng, là những vị gìn giữ hay biểu hiện của bảy cung này, của bảy phẩm tính thiên tính này. Trong hành tinh của chúng ta, Trái Đất (vốn không phải là một hành tinh thiêng liêng), cũng có bảy trung tâm, và khi tiến hoá diễn ra, chúng trở thành những nơi tiếp nhận bảy phẩm tính cung từ bảy hành tinh thiêng liêng, nhờ đó cung cấp

qualities from the seven sacred planets, thus providing

(within the solar ring-pass-not) a vast interlocking system of energies. Three of these centres, representing the three major rays, are well known to you:

(trong vòng-giới-hạn mặt trời) một hệ thống năng lượng khổng lồ đan xen nhau. Ba trong số các trung tâm này, tượng trưng cho ba cung chính, các bạn đã biết rõ:

1.	SHAMBALLA	Cung quyền năng hay mục đích. Phương diện thứ nhất. Năng lượng ý chí.
	Shamballa	*The ray of power or purpose. The first aspect. The energy of will.*
2.	THÁNH ĐOÀN	Cung bác ái–minh triết. Phương diện thứ hai. Năng lượng bác ái.
	The Hierarchy	*The ray of love-wisdom. The second aspect. The energy of love.*
3.	NHÂN LOẠI	Cung trí thông tuệ hoạt động. Phương diện thứ ba. Năng lượng trí tuệ hay tư tưởng.
	Humanity	*The ray of active intelligence. The third aspect. The energy of mind or thought.*

[620] There are four other centres, and these, with the above three, constitute the seven centres, or the seven planetary focal points of energy, which condition the bodily manifestation of our planetary Logos. Through them the Lord of the World, working from His Own level on a cosmic plane and through His divine Personality, Sanat Kumara, carries out His purposes upon our planet.

[620] Có bốn trung tâm khác, và chúng, cùng với ba trung tâm trên, cấu thành bảy trung tâm, hay bảy tiêu điểm năng lượng hành tinh, vốn tác động lên biểu hiện thể xác của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Qua chúng, Đức Chúa Tể Thế Giới, hoạt động từ cấp độ riêng của Ngài trên một cõi vũ trụ và qua phàm ngã thiêng liêng của Ngài, Đức Sanat Kumara, thực hiện các mục đích của Ngài trên hành tinh chúng ta.

Similarly, within the microcosm, man, the correspondences to these seven centres are to be found. Therein likewise are seven major centres, and they are the recipients of the energy emanating from the seven planetary centres, the custodians of the seven aspects of ray force; these seven energies—at various stages of potency—

Tương tự như vậy, trong tiểu thiên địa, con người, cũng có thể tìm thấy các đối ứng với bảy trung tâm này. Ở đó cũng có bảy trung tâm chính, và chúng là những nơi tiếp nhận năng lượng phát ra từ bảy trung tâm hành tinh, những vị gìn giữ bảy phương diện của lực cung; bảy năng lượng này—ở những giai đoạn mãnh lực khác nhau—tác động lên sự

condition the man's expression in the three worlds, make him what he is at any given moment whilst in incarnation, and indicate (by their effect or lack of effect upon the centres) his point in evolution.

biểu lộ của con người trong ba cõi giới, làm cho y là chính y ở bất kỳ thời điểm nào khi đang lâm phàm, và cho biết (qua tác động hay sự thiếu tác động của chúng lên các trung tâm) điểm tiến hoá của y.

Two of these centres in the human being are to be found in the head, and the other five are to be found up the spinal column. This spinal column is the physical symbol of that essential alignment which is the immediate goal of directed relationships, carried forward in consciousness by the spiritual man and brought about as a result of right meditation.

Hai trong số các trung tâm này nơi con người nằm trong đầu, và năm trung tâm kia nằm dọc theo cột sống. Cột sống này là biểu tượng hồng trần của sự chỉnh hợp thiết yếu mà đó là mục tiêu tức thời của các mối liên hệ có định hướng, được con người tinh thần thực hiện trong tâm thức và được mang lại như kết quả của sự tham thiền đúng đắn.

Meditation is a technique of the mind which eventually produces correct, unimpeded relationship; this is another name for alignment. It is therefore the establishment of a direct channel, not only between the one source, the monad, and its expression, the purified and controlled personality, but also between the seven centres in the human etheric vehicle. This is—perhaps astonishingly to you-putting the results of meditation on the basis of physical, or rather of etheric, effects, and may be regarded by you as indicating the very lowest phase of such results. This is due to the [621] fact that you lay the emphasis upon your mental reaction to the produced alignment, on the satisfaction you acquire from such an alignment, in which you register a new world or worlds of phenomena, and on the new concepts and ideas which consequently impinge upon your mind. But the true results (as divine and as esoterically desirable) are correct alignment, right relationship, and clear channels for the seven energies in the microcosmic system, thereby bringing about eventually a full expression of divinity. All the seven centres in the etheric vehicle of the Christ were

Tham thiền là một kỹ thuật của trí tuệ, cuối cùng tạo ra mối liên hệ đúng đắn, không bị ngăn trở; đó là một tên gọi khác của sự chỉnh hợp. Vì vậy, đó là việc thiết lập một kênh trực tiếp, không chỉ giữa nguồn duy nhất là chân thần và biểu hiện của nó là phàm ngã đã được thanh luyện và kiểm soát, mà còn giữa bảy trung tâm trong hiện thể dĩ thái của con người. Điều này—có lẽ làm các bạn ngạc nhiên—đặt các kết quả của tham thiền trên cơ sở các hiệu quả hồng trần, hay đúng hơn là dĩ thái, và các bạn có thể xem đó là chỉ ra giai đoạn thấp nhất của các kết quả ấy. Điều này là do sự [621] kiện rằng các bạn nhấn mạnh vào phản ứng trí tuệ của mình đối với sự chỉnh hợp đã được tạo ra, vào sự thoả mãn mà các bạn đạt được từ sự chỉnh hợp như thế, trong đó các bạn ghi nhận một thế giới hay những thế giới hiện tượng mới, và vào các khái niệm và ý tưởng mới do đó tác động lên thể trí các bạn. Nhưng các kết quả chân thực (vừa thiêng liêng vừa đáng mong muốn về mặt nội môn) là sự chỉnh hợp đúng đắn, mối liên hệ đúng đắn, và các kênh thông suốt cho bảy năng lượng trong hệ thống tiểu thiên địa, nhờ đó cuối cùng mang lại sự biểu lộ trọn vẹn của thiên tính. Tất cả bảy trung tâm trong hiện thể dĩ thái của Đức

rightly adjusted, correctly aligned, truly awakened and functioning, and properly receptive of all the seven streams of energy coming from the seven planetary centres; these put Him en rapport, therefore, and in full realised contact, with the One in Whom He lived and moved and had His being. The physiological result of this complete "esoteric surrender of the seven" (as it is sometimes called) to the incoming spiritual energies, in their right order and rhythm, was the appearance in the Christ of a perfect endocrine system. All His glands (both major and minor) were functioning correctly; this produced a "perfect man"—physically perfect, emotionally stable and mentally controlled. In modern terms, the "pattern of the behaviour" of the Christ—due to the perfection of His glandular system, as an effect of correctly awakened and energised centres—made Him an expression of divine perfection to the entire world; He was the first of our humanity to arrive at this point in evolution, and "the Eldest in a great family of brothers," as St. Paul expresses it. The current pictures of the Christ testify to their own complete inaccuracy, for they bear no witness to any glandular perfection; they are full of weakness and sweetness, but show little strength, alert power and aliveness. And the promise has gone forth that as He is, so may we be in this world.

Christ đều được điều chỉnh đúng đắn, chỉnh hợp chính xác, thực sự thức tỉnh và hoạt động, và tiếp nhận thích đáng mọi bảy dòng năng lượng đến từ bảy trung tâm hành tinh; vì vậy, những điều này đặt Ngài vào sự tương thông và tiếp xúc hoàn toàn được chứng nghiệm với Đấng mà trong Ngài, Ngài sống, vận động và hiện hữu. Kết quả sinh lý của sự "quy phục nội môn của bảy" hoàn toàn này (như đôi khi được gọi vậy) đối với các năng lượng tinh thần đi vào, theo đúng trật tự và nhịp điệu của chúng, là sự xuất hiện nơi Đức Christ của một hệ nội tiết hoàn hảo. Mọi tuyến của Ngài (cả chính lẫn phụ) đều hoạt động đúng đắn; điều này tạo ra một "con người hoàn hảo"—hoàn hảo về thể chất, ổn định về cảm xúc và được kiểm soát về trí tuệ. Theo thuật ngữ hiện đại, "mô hình hành vi" của Đức Christ—do sự hoàn hảo của hệ tuyến của Ngài, như một hiệu quả của các trung tâm được thức tỉnh và tiếp sinh lực đúng đắn—đã làm cho Ngài trở thành một biểu hiện của sự hoàn hảo thiêng liêng đối với toàn thế giới; Ngài là người đầu tiên trong nhân loại chúng ta đạt đến điểm này trong tiến hoá, và là "Người Anh Cả trong một đại gia đình huynh đệ," như Thánh Paul diễn tả. Những hình ảnh hiện nay về Đức Christ tự chứng tỏ sự thiếu chính xác hoàn toàn của chúng, vì chúng không làm chứng cho bất kỳ sự hoàn hảo tuyến nội tiết nào; chúng đầy vẻ yếu đuối và ngọt ngào, nhưng cho thấy rất ít sức mạnh, quyền năng tỉnh thức và sinh động. Và lời hứa đã được ban ra rằng Ngài thế nào, chúng ta cũng có thể thế ấy trong thế gian này.

[622]

[622]

This is a promise which lies behind the right understanding of the science of the centres; the factual reality of the centres will be proven to all men when the centres are gradually brought under control of the soul,

Đây là một lời hứa nằm sau sự thấu hiểu đúng đắn về khoa học các trung tâm; thực tại sự kiện của các trung tâm sẽ được chứng minh cho mọi người khi các trung tâm dần dần được đặt dưới sự kiểm soát của linh hồn,

are correctly and scientifically energised and brought to a condition of true "livingness," and begin to condition the entire area of the body in which a centre is found, and—between them—bringing every part of the human body under their radiatory and magnetic influence.

It is the centres which hold the body together and make it a coherent, energised and active whole. As you know, when death takes place, the consciousness thread withdraws from the head centre and the life thread withdraws from the heart centre. What has not been emphasised is that this dual withdrawal has an effect upon every centre in the body. The consciousness thread, anchored in the head centre, qualifies the petals of the lotus called in the oriental literature the "thousand-petalled lotus," and the petals of that lotus have a relationship and a definitely qualifying effect (both radiatory and magnetic) upon the petals in every one of the other major centres within the etheric body; the head centre preserves them in qualifying activity, and when this quality of conscious response is withdrawn from the head centre an immediate effect is felt in all the petals of all the centres; the qualifying energy is withdrawn, leaving the body via the head centre. The same general technique is true of the life thread which is anchored in the heart, after passing (in alliance with the consciousness thread) into and through the head centre. As long as the life thread is anchored in the heart it energises and preserves in livingness all the centres in the body, sending out its threads of life into a point which is found at the exact centre of the lotus, or at the heart of the centre. This is sometimes called "the jewel in the lotus," though the phrase [623] is more frequently applied to the monadic point at the heart of the egoic lotus on its own plane. When

được tiếp sinh lực một cách đúng đắn và khoa học, được đưa đến trạng thái "sống động" chân thực, và bắt đầu tác động lên toàn bộ vùng của thể xác nơi một trung tâm được tìm thấy, và—giữa chúng với nhau—đưa mọi phần của thể xác con người vào dưới ảnh hưởng bức xạ và từ tính của chúng.

Chính các trung tâm giữ cho thể xác gắn kết lại với nhau và làm cho nó thành một toàn thể cố kết, được tiếp sinh lực và hoạt động. Như bạn biết, khi cái chết xảy ra, Sợi dây Tâm thức rút khỏi trung tâm đầu và Sợi dây Sự Sống/sinh mệnh tuyến rút khỏi trung tâm tim. Điều chưa được nhấn mạnh là sự rút lui kép này có ảnh hưởng lên mọi trung tâm trong thể xác. Sợi dây Tâm thức, được neo trong trung tâm đầu, quy định các cánh hoa của hoa sen được gọi trong văn liệu phương Đông là "hoa sen ngàn cánh," và các cánh hoa của hoa sen ấy có một mối liên hệ và một tác động quy định rõ rệt (cả bức xạ lẫn từ tính) lên các cánh hoa trong từng trung tâm chính khác trong thể dĩ thái; trung tâm đầu duy trì chúng trong hoạt động có phẩm tính, và khi phẩm tính đáp ứng có ý thức này bị rút khỏi trung tâm đầu thì một tác động tức thời được cảm nhận trong mọi cánh hoa của mọi trung tâm; năng lượng quy định bị rút đi, rời khỏi thể xác qua trung tâm đầu. Kỹ thuật tổng quát tương tự cũng đúng với Sinh Mệnh Tuyến được neo trong tim, sau khi đi vào và đi qua trung tâm đầu (liên kết với Sợi dây Tâm thức). Chừng nào Sinh Mệnh Tuyến còn được neo trong tim, nó tiếp sinh lực và duy trì tính sống động trong mọi trung tâm của thể xác, gửi ra các sợi sự sống của nó vào một điểm nằm đúng nơi trung tâm của hoa sen, hay nơi tim của trung tâm. Điều này đôi khi được gọi là "ngọc trong hoa sen," mặc dù cụm từ [623] này thường được áp dụng hơn cho điểm chân thần nơi tim của Hoa Sen Chân Ngã trên cõi riêng của nó. Khi cái chết xảy ra và Sinh Mệnh Tuyến được linh hồn

death takes place and the life thread is gathered up by the soul and withdrawn from the heart into the head and from thence back into the soul body, it carries with it the life of each centre in the body; therefore, the body dies and disintegrates, and no longer forms a coherent, conscious, living whole.

thu lại, rút từ tim lên đầu và từ đó trở về thể linh hồn, nó mang theo sự sống của từng trung tâm trong thể xác; vì vậy, thể xác chết và tan rã, không còn tạo thành một toàn thể cố kết, hữu thức và sống động nữa.

Related to these centres, and reacting in strict unison with them, is the endocrine or glandular system, through which system—during incarnation—life or energy flows unimpeded and under right direction in the case of the highly developed man, or impeded and imperfectly directed in the case of the average or undeveloped human being; through this system of glandular control, the human form responds or does not respond to the surrounding world energies. In connection with our present theme of healing, a man can be sick and ill or well and strong, according to the state of the centres and their precipitation, the glands. It must ever be remembered that the centres are the major agency upon the physical plane through which the soul works, expresses life and quality, according to the point reached under the evolutionary process, and that the glandular system is simply an effect—inevitable and unavoidable of the centres through which the soul is working. The glands therefore express fully the point in evolution of the man, and according to that point are responsible for defects and limitations or for assets and achieved perfections. The man's conduct and behaviour upon the physical plane is conditioned, controlled and determined by the nature of his glands, and these are conditioned, controlled and determined by the nature, the quality and the livingness of the centres; these, in their turn are conditioned, controlled and determined by the soul, in increasing

Liên hệ với các trung tâm này, và phản ứng hoàn toàn đồng bộ với chúng, là hệ nội tiết hay hệ tuyến, qua hệ này—trong khi lâm phàm—sự sống hay năng lượng chảy không bị ngăn trở và dưới sự định hướng đúng đắn trong trường hợp con người phát triển cao, hoặc bị ngăn trở và được định hướng không hoàn hảo trong trường hợp con người trung bình hay chưa phát triển; qua hệ thống kiểm soát tuyến này, hình tướng con người đáp ứng hay không đáp ứng với các năng lượng thế giới xung quanh. Liên quan đến chủ đề trị liệu hiện nay của chúng ta, một người có thể bệnh tật và đau yếu hoặc khoẻ mạnh và cường tráng, tuỳ theo trạng thái của các trung tâm và sự ngưng tụ của chúng là các tuyến. Phải luôn ghi nhớ rằng các trung tâm là tác nhân chính trên cõi hồng trần qua đó linh hồn hoạt động, biểu lộ sự sống và phẩm tính, tuỳ theo điểm đạt được trong tiến trình tiến hoá, và rằng hệ tuyến chỉ đơn giản là một hiệu quả—tất yếu và không thể tránh—của các trung tâm qua đó linh hồn đang hoạt động. Vì vậy, các tuyến biểu lộ đầy đủ điểm tiến hoá của con người, và theo điểm đó mà chịu trách nhiệm về các khiếm khuyết và giới hạn hoặc về các ưu điểm và những sự hoàn thiện đã đạt được. Hành vi và cách ứng xử của con người trên cõi hồng trần được tác động, kiểm soát và quyết định bởi bản chất các tuyến của y, và các tuyến này được tác động, kiểm soát và quyết định bởi bản chất, phẩm tính và tính sống động của các trung tâm; đến lượt chúng, các trung tâm được tác động, kiểm soát và quyết định bởi linh hồn, với hiệu quả ngày càng tăng khi tiến hoá

effectiveness as evolution proceeds. Prior to soul control, they are conditioned, qualified [624] and controlled by the astral body, and later by the mind. The goal of the evolutionary cycle is to bring about this control, this conditioning, and this determining process by the soul; human beings are today at every imaginable stage of development within this process.

diễn ra. Trước khi có sự kiểm soát của linh hồn, chúng được tác động, định tính [624] và kiểm soát bởi thể cảm dục, và về sau bởi thể trí. Mục tiêu của chu kỳ tiến hoá là mang lại sự kiểm soát này, sự tác động này, và tiến trình quyết định này bởi linh hồn; ngày nay con người đang ở mọi giai đoạn phát triển có thể hình dung được trong tiến trình này.

I realise that much of the above is well known and in the nature of repetition. But I have felt it essential to repeat the story so that there may be a fresh clarity in your thinking.

Tôi nhận ra rằng phần lớn điều trên đây đã được biết rõ và có tính chất lặp lại. Nhưng tôi cảm thấy việc lặp lại câu chuyện này là thiết yếu để có thể có một sự sáng tỏ mới mẻ trong tư tưởng của các bạn.

It will be apparent to you also that the karmic process in any individual life must therefore work out through the medium of the glands, which condition the reaction of the person to circumstance and events. The results of all previous lives and of all activities carried on during those lives have been registered by the Lords of Karma; karmic law works in close cooperation with the lunar Lords, who build and construct the bodies which constitute the personality; later, the law works in an even closer cooperation with the soul purpose. The whole problem is necessarily most intricate and difficult. All I can do is to give certain indications.

Các bạn cũng sẽ thấy rõ rằng tiến trình nghiệp quả trong bất kỳ đời sống cá nhân nào vì thế phải vận hành qua trung gian các tuyến, vốn tác động lên phản ứng của con người đối với hoàn cảnh và biến cố. Kết quả của mọi kiếp sống trước và của mọi hoạt động được tiến hành trong các kiếp ấy đã được các Đấng Nghiệp Quả ghi nhận; luật nghiệp quả hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với các nguyệt tinh quân, những vị xây dựng và cấu tạo các thể tạo thành phàm ngã; về sau, luật này hoạt động trong một sự hợp tác còn chặt chẽ hơn với mục đích của linh hồn. Toàn bộ vấn đề này tất yếu là cực kỳ phức tạp và khó khăn. Tất cả những gì tôi có thể làm là đưa ra một số chỉ dẫn.

It is with this system of centres and their externalised effects, the glands, that the healer has to work and which he has to take into most careful consideration; all stimulation which he may be able, for instance, to convey to a centre in the patient's body, or all abstraction of energy from a centre, will have a most definite effect upon the allied or related gland, and therefore upon the secretion which that

Chính với hệ thống các trung tâm này và các hiệu quả ngoại hiện của chúng là các tuyến mà nhà trị liệu phải làm việc và phải hết sức cẩn trọng xem xét; chẳng hạn, mọi sự kích thích mà y có thể truyền đến một trung tâm trong thể xác bệnh nhân, hoặc mọi sự rút bớt năng lượng khỏi một trung tâm, sẽ có một tác động rất xác định lên tuyến tương ứng hay liên hệ, và do đó lên sự bài tiết mà tuyến ấy thường đổ vào dòng máu.

gland is in the habit of pouring into the blood stream.

As again you know, the seven major centres and their allied glands are as follows:

Như các bạn lại biết, bảy trung tâm chính và các tuyến liên hệ của chúng như sau:

1.	Luân xa đầu	Tuyến tùng.
	The head centre	*The pineal gland.*
2.	Luân xa ajna	Tuyến yên.
	The ajna centre	*The pituitary gland.*
3.	Luân xa cổ họng	Tuyến giáp.
	The throat centre	*The thyroid gland.*
4.	Luân xa tim	Tuyến ức.
	The heart centre	*The thymus gland.*
5.	Luân xa tùng thái dương	Tuyến tụy.
	The solar plexus centre	*The pancreas.*
6.	Luân xa xương cùng	Các tuyến sinh dục.
	The sacral centre	*The gonads.*
7.	Luân xa ở đáy cột sống	Các tuyến thượng thận.
	The centre at base of spine	*The adrenal glands.*

[625]There are also other centres and many other glands in the body, but these are the seven with which the healer works; the minor or subsidiary glands are conditioned by the centre controlling the area in which they are located. The healer, however,

[625] Cũng còn có các trung tâm khác và nhiều tuyến khác trong thể xác, nhưng đây là bảy trung tâm mà nhà trị liệu làm việc; các tuyến nhỏ hay phụ được tác động bởi trung tâm kiểm soát vùng nơi chúng tọa lạc. Tuy nhiên, nhà trị liệu từ chối làm phức tạp

refuses to complicate his thinking with the multiplicity and detail of the other lesser glandular system and with the intricacies of lesser interior relationships. The above list gives also the centres and glands which basically determine the state of health-good, indifferent or bad-and the psychological equipment of a man. Students should bear in mind that the primary effect of the activity of the glands and of their secretions is psychological. A man is, upon the physical plane, emotionally and mentally what his glandular system makes him, and incidentally what they makes him physically, because that is frequently determined by his psychological state of mind and emotions. The emphasis of the self-centred ordinary man is largely upon the physical vehicle, and he pays little or no attention to the balance or the imbalance of his endocrine system or setup (if I may use that word) from the angle of its determining his psychological effect upon his fellow men. It is not my intention to analyse the various glands, noting how they respond to the awakened or the unawakened condition of the centres, or how they limit or implement the responsiveness of the man to his environment or determine his interpretation of life and the passivity or the activity of his daily reactions to events and circumstance. A man, it may emphatically be stated, is what his glands make him, but they, in their turn, are only the effects of certain inner potent [626] sources of energy. Again, as you see, I repeat this vital truth.

tư tưởng của mình bằng tính đa tạp và chi tiết của hệ tuyến nhỏ khác và bằng những phức tạp của các mối liên hệ nội tại nhỏ hơn. Danh sách trên cũng đưa ra các trung tâm và các tuyến vốn về căn bản quyết định tình trạng sức khoẻ—tốt, trung bình hay xấu—và trang bị tâm lý của một người. Các đạo sinh nên ghi nhớ rằng hiệu quả chủ yếu của hoạt động các tuyến và các chất bài tiết của chúng là về mặt tâm lý. Một người, trên cõi hồng trần, về mặt cảm xúc và trí tuệ là như hệ tuyến của y làm cho y như thế, và thứ đến cũng là như chúng làm cho y về mặt thể chất, bởi vì điều đó thường được quyết định bởi trạng thái tâm lý của trí tuệ và cảm xúc của y. Sự nhấn mạnh của con người bình thường tập trung vào bản thân phần lớn đặt trên hiện thể vật chất, và y ít hoặc không chú ý gì đến sự quân bình hay mất quân bình của hệ nội tiết hay cơ cấu nội tiết của mình (nếu tôi có thể dùng từ đó) từ góc độ nó quyết định hiệu quả tâm lý của y lên những người đồng loại. Ý định của tôi không phải là phân tích các tuyến khác nhau, ghi nhận cách chúng đáp ứng với tình trạng thức tỉnh hay chưa thức tỉnh của các trung tâm, hoặc cách chúng giới hạn hay tăng cường khả năng đáp ứng của con người đối với môi trường của y, hay quyết định sự diễn giải của y về đời sống và tính thụ động hay tính hoạt động của các phản ứng hằng ngày của y đối với biến cố và hoàn cảnh. Có thể nhấn mạnh rằng một người là như các tuyến của y làm cho y như thế, nhưng đến lượt chúng, chúng chỉ là các hiệu quả của những [626] nguồn năng lượng nội tại mãnh liệt nào đó. Một lần nữa, như các bạn thấy, tôi lặp lại chân lý thiết yếu này.

It is for this reason that medical science will eventually find the truth (and already they are sensing it) that it is impossible to fundamentally change the personality and the physical equipment of a man through treating the glands themselves; little real

Chính vì lý do này mà khoa học y học cuối cùng sẽ tìm ra chân lý (và họ đã đang cảm nhận điều đó) rằng không thể thay đổi một cách căn bản phàm ngã và trang bị thể chất của một người bằng cách điều trị chính các tuyến; rất ít tiến bộ thực sự đã được thực

progress has been made along this line during the thirty or forty years during which the endocrinologists have considered and investigated this subject. Certain things have been found out; certain results of the activity or the inactivity of the glands have been noted; certain types of people have been recognised as illustrative of glandular activity or passivity; ameliorative measures have been applied and the action of a gland has been stimulated or retarded (with good or bad effects) through various methods and types of medication. Beyond this little is known, and the best minds in this particular field are conscious of the fact that they are face to face with a terra incognita. This situation will remain as it is until modern medical science recognises that the world of causes (as far as the endocrine glands are concerned) is the etheric body with its seven centres; they will then register the fact that all work in relation to the glands must be shifted away from the seven effects or precipitations of the centres on to the centres themselves.

hiện theo đường hướng này trong ba mươi hay bốn mươi năm mà các nhà nội tiết học đã xem xét và nghiên cứu đề tài này. Một số điều đã được phát hiện; một số kết quả của hoạt động hay sự bất hoạt của các tuyến đã được ghi nhận; một số loại người đã được nhận ra như minh hoạ cho hoạt động hay tính thụ động của tuyến; các biện pháp cải thiện đã được áp dụng và hoạt động của một tuyến đã được kích thích hay làm chậm lại (với hiệu quả tốt hay xấu) bằng nhiều phương pháp và loại thuốc khác nhau. Ngoài ra, người ta biết rất ít, và những trí tuệ ưu tú nhất trong lĩnh vực đặc biệt này ý thức được sự kiện rằng họ đang đối diện với một miền đất chưa biết. Tình trạng này sẽ vẫn như vậy cho đến khi khoa học y học hiện đại nhận ra rằng thế giới nguyên nhân (xét về các tuyến nội tiết) là thể dĩ thái với bảy trung tâm của nó; khi đó họ sẽ ghi nhận sự kiện rằng mọi công việc liên quan đến các tuyến phải được chuyển khỏi bảy hiệu quả hay sự ngưng tụ của các trung tâm sang chính các trung tâm.

The healer, therefore, ignores the gland involved and deals directly with the centre which conditions the “point of friction” and controls the area under its influence; this necessarily includes the gland which the centre has created, formed or precipitated and energised.

Vì vậy, nhà trị liệu bỏ qua tuyến liên quan và trực tiếp làm việc với trung tâm tác động lên “điểm ma sát” và kiểm soát vùng nằm dưới ảnh hưởng của nó; điều này tất yếu bao gồm tuyến mà trung tâm đã tạo ra, hình thành hay ngưng tụ và tiếp sinh lực.

The concept in the mind of the healer should be, as this law indicates, that an unimpeded channel or a clear passage must be formed along which health-giving life may flow from the “needed centre” in the healer’s etheric body [627] to the allied centre in the body of the patient and from thence into the blood stream, via the related gland. Forget not, the truth remains eternally right that the “blood is the life”‘—even if as yet

Khái niệm trong trí tuệ của nhà trị liệu nên là, như định luật này chỉ ra, rằng phải hình thành một kênh không bị ngăn trở hay một lối thông suốt dọc theo đó sự sống ban sức khoẻ có thể chảy từ “trung tâm cần thiết” trong thể dĩ thái của nhà trị liệu [627] đến trung tâm liên hệ trong thân thể của bệnh nhân và từ đó vào dòng máu, qua tuyến tương ứng. Đừng quên, chân lý vẫn mãi mãi đúng rằng “máu là sự sống”—dù cho các

inexplicable in its implications from the angle of the esotericist as well as from the angle of medical science.

hàm ý của nó từ góc độ của nhà bí truyền cũng như từ góc độ của khoa học y học vẫn chưa thể giải thích được.

Healers have to learn to work with the life principle, and not with some vague energy which is set in motion by the power of thought or by the potency of love, as is the case presented today by the various healing systems of the world which mankind has evolved. This life principle is contacted and set in motion by the mode of clearing certain etheric channels within the etheric structure which underlies every part of the patient's body. This clearance is not brought about by thinking health or by affirming divinity or by eliminating "error" in the mental approach, but by the much more prosaic method of directing streams of energy via certain centres, and thus affecting certain glands in the area of the physical body which is diseased and the seat of trouble, pain and distress.

Các nhà trị liệu phải học cách làm việc với nguyên khí sự sống, chứ không phải với một năng lượng mơ hồ nào đó được khởi động bởi quyền năng của tư tưởng hay bởi mãnh lực của tình thương, như trường hợp được trình bày ngày nay bởi các hệ thống trị liệu khác nhau của thế giới mà nhân loại đã phát triển. Nguyên khí sự sống này được tiếp xúc và được khởi động bằng phương thức khai thông một số kênh dĩ thái nhất định trong cấu trúc dĩ thái nằm bên dưới mọi phần của thể xác bệnh nhân. Sự khai thông này không được mang lại bằng cách nghĩ đến sức khoẻ hay khẳng định thiên tính hay loại bỏ "sai lầm" trong cách tiếp cận trí tuệ, mà bằng phương pháp thực tế hơn nhiều là định hướng các dòng năng lượng qua một số trung tâm nhất định, và như vậy tác động đến một số tuyến nhất định trong vùng thể xác đang bệnh và là nơi của rối loạn, đau đớn và khổ sở.

That thought or correct thinking is involved is necessarily true; the healer has to think clearly before he can bring about the desired results, but the energy poured into the patient's vehicle is not mental energy, but one of the seven forms of pranic or life energy. This travels along the line of force or the channel which relates and links all the centres and connects those centres with the glands. Forget not that this constitutes an interlinking and interlocking directorate of the following systems, and that-from the point of view of the esotericist—these systems are symbols of great cosmic processes:

Rằng tư tưởng hay tư duy đúng đắn có liên quan là điều tất nhiên đúng; nhà trị liệu phải suy nghĩ rõ ràng trước khi y có thể mang lại các kết quả mong muốn, nhưng năng lượng được tuôn vào hiện thể của bệnh nhân không phải là năng lượng trí tuệ, mà là một trong bảy dạng năng lượng prana hay năng lượng sự sống. Năng lượng này di chuyển dọc theo đường lực hay kênh liên hệ và nối kết tất cả các trung tâm và nối các trung tâm ấy với các tuyến. Đừng quên rằng điều này cấu thành một ban điều hành liên kết và đan xen của các hệ thống sau đây, và rằng—từ quan điểm của nhà bí truyền—các hệ thống này là những biểu tượng của các tiến trình vũ trụ vĩ đại:

1. The etheric body, as a whole, with its channels and communicating lines of energy which underlie every part [628] of the human body.

1. Thể dĩ thái như một toàn thể, với các kênh và các đường truyền thông năng lượng của nó nằm bên dưới mọi phần [628] của thể xác con người.

2. The seven related centres, each specifically qualified and each in touch, via the etheric fibres or threads of force, with each and every centre.

2. Bảy trung tâm liên hệ, mỗi trung tâm được định tính một cách đặc thù và mỗi trung tâm tiếp xúc, qua các sợi dĩ thái hay các sợi lực, với từng và mọi trung tâm.

3. The nadis, that system of slightly denser etheric channels or tiny threads of force which underlie the entire nervous system; they underlie every type of nerve and every type of nerve plexus.

3. Các nadi, hệ thống những kênh dĩ thái hơi đậm đặc hơn hay những sợi lực nhỏ bé nằm bên dưới toàn bộ hệ thần kinh; chúng nằm bên dưới mọi loại dây thần kinh và mọi loại đám rối thần kinh.

4. The nervous system itself, which is found extending its radius of influence throughout the entire body of a man.

4. Chính hệ thần kinh, được thấy đang mở rộng bán kính ảnh hưởng của nó khắp toàn thể cơ thể con người.

5. The endocrine or glandular system.

5. Hệ nội tiết hay hệ tuyến.

6. The blood stream, the recipient of streams of living energy from the endocrine system, via what are called the hormones.

6. Dòng máu, nơi tiếp nhận các dòng năng lượng sống từ hệ nội tiết, qua cái được gọi là các hormone.

7. The interrelated sumtotal, which is the divine manifestation of the spiritual man in any incarnation and at any point in evolution.

7. Tổng thể liên hệ lẫn nhau, là biểu hiện thiêng liêng của con người tinh thần trong bất kỳ lần lâm phàm nào và ở bất kỳ điểm tiến hoá nào.

Therefore, two great streams of energy permeate and animate this entire aggregation of systems: the life stream and the consciousness stream. One works through the nervous system (the consciousness stream) and the other through the blood stream. Both are in fact so closely related and allied that, in action, it is not easy for the ordinary man to differentiate between them.

Vì vậy, hai dòng năng lượng lớn thấm nhập và làm sinh động toàn bộ tập hợp các hệ thống này: dòng sự sống và dòng tâm thức. Một dòng hoạt động qua hệ thần kinh (dòng tâm thức) và dòng kia qua dòng máu. Thực ra cả hai liên hệ và gắn bó chặt chẽ đến mức, trong hoạt động, con người bình thường không dễ phân biệt giữa chúng.

The healer, however, does not work with the consciousness aspect; he works entirely with the life aspect; the perfect healer (something at present nonexistent) works through the closed and sealed point within the centre (the very heart of the centre). There the point of life is to be found. From this point within the centre, life rays out into the petals of the lotus, and the combination of the life at the centre and the consciousness, inherent in the petals, is the source of the living, breathing, sensitive human [629] being-from the physical angle-and this the healer must recognise.

Tuy nhiên, nhà trị liệu không làm việc với phương diện tâm thức; y hoàn toàn làm việc với phương diện sự sống; nhà trị liệu hoàn hảo (điều hiện nay chưa tồn tại) làm việc qua điểm khép kín và niêm phong bên trong trung tâm (chính tim của trung tâm). Ở đó có thể tìm thấy điểm sự sống. Từ điểm này bên trong trung tâm, sự sống toả ra vào các cánh hoa sen, và sự kết hợp của sự sống ở trung tâm với tâm thức vốn có trong các cánh hoa là nguồn gốc của con người sống động, hô hấp, nhạy cảm [629]—xét từ góc độ thể chất—và điều này nhà trị liệu phải nhận ra.

Behind this livingness and this consciousness is the Being, the spiritual man, the actor, the one who feels (in varying degrees), and the thinker. The simplicity of the above statement is somewhat misleading, as there are other factors and relationships and other energies which must be considered, but it is nevertheless basically true, and upon this truth the healer can act.

Đằng sau tính sống động này và tâm thức này là Bản Thể, con người tinh thần, tác nhân, kẻ cảm nhận (ở những mức độ khác nhau), và người suy tư. Tính đơn giản của phát biểu trên phần nào gây hiểu lầm, vì còn có những yếu tố và mối liên hệ khác cùng những năng lượng khác phải được xem xét, nhưng tuy vậy về căn bản nó vẫn đúng, và trên chân lý này nhà trị liệu có thể hành động.

It is interesting to point out that the Great Invocation now being distributed in the world is based upon this same fundamental concept of great systems, conditioning humanity as a whole, which can be energised by the inflow of streams of energy, bringing new life and health to the entire body of humanity via the planetary centres of divine livingness and consciousness.

Điều thú vị là Đại Khấn Nguyện hiện đang được phân phối trên thế giới được đặt nền trên cùng khái niệm căn bản này về các hệ thống lớn tác động lên toàn thể nhân loại, những hệ thống có thể được tiếp sinh lực bởi sự tuôn vào của các dòng năng lượng, mang lại sự sống và sức khoẻ mới cho toàn thể nhân loại qua các trung tâm hành tinh của tính sống động và tâm thức thiêng liêng.

Rule Four which accompanies Law VII is of major importance. This is because of its extreme simplicity, and because, if comprehended and followed, it forms a bridging rule between the subjective and the objective methods of handling disease. The law which we have just considered was also exceedingly simple and direct, and in its

Quy luật Bốn đi kèm với Định luật VII có tầm quan trọng lớn. Điều này là vì tính đơn giản cực độ của nó, và vì nếu được thấu hiểu và tuân theo, nó tạo thành một quy luật bắt cầu giữa các phương pháp chủ quan và khách quan trong việc xử lý bệnh tật. Định luật mà chúng ta vừa xem xét cũng cực kỳ đơn giản và trực tiếp, và trong các hàm ý của nó có

implications related to the subjective nature and the objective form. Students should not be deceived by simplicity and by plain, direct statements. There is a tendency to regard esoteric teaching as necessarily abstruse and indirect, requiring always the use of the "esoteric sense" (whatever is meant by that) in order to arrive at understanding. Yet the more advanced the teaching, very frequently the more simply is it expressed. Abstruseness is related to the ignorance of the student-not to the mode of presentation of the teacher. This rule runs as follows: [630]

liên hệ với bản chất chủ quan và hình tướng khách quan. Các đạo sinh không nên bị đánh lừa bởi tính đơn giản và bởi những phát biểu rõ ràng, trực tiếp. Có một khuynh hướng xem giáo huấn huyền bí học là tất yếu tối nghĩa và gián tiếp, luôn luôn đòi hỏi phải sử dụng "giác quan huyền bí" (dù điều đó có nghĩa là gì) để đi đến thấu hiểu. Tuy nhiên, giáo huấn càng cao siêu thì rất thường khi lại càng được diễn đạt đơn giản hơn. Sự tối nghĩa liên hệ với sự vô minh của đạo sinh—không phải với cách trình bày của huấn sư. Quy luật này như sau: [630]

RULE FOUR — QUY LUẬT BỐN

A careful diagnosis of disease, based on the ascertained outer symptoms, will be simplified to this extent-that once the organ involved is known, the centre in the etheric body which is in closest relation to it will be subjected to methods of occult healing, though the ordinary ameliorative, medical or surgical methods will not be withheld.

Một sự chẩn đoán cẩn trọng về bệnh tật, dựa trên các triệu chứng bên ngoài đã được xác định, sẽ được đơn giản hoá đến mức này—rằng một khi cơ quan bị bệnh đã được biết, thì trung tâm trong thể dĩ thái có liên hệ gần nhất với nó sẽ được áp dụng các phương pháp trị liệu huyền bí, mặc dù các phương pháp cải thiện thông thường, y khoa hay phẫu thuật sẽ không bị loại bỏ.

This rule requires little elucidation, for it is composed of clear, concise instructions. Let us list these instructions:

Quy luật này đòi hỏi rất ít sự làm sáng tỏ, vì nó gồm những chỉ dẫn rõ ràng, súc tích. Chúng ta hãy liệt kê các chỉ dẫn này:

1. There must be careful diagnosis, based on the ascertained outer symptoms.

1. Phải có sự chẩn đoán cẩn trọng, dựa trên các triệu chứng bên ngoài đã được xác định.

2. The organ which is the seat of the trouble must be located. Both these activities concern the dense physical body.

2. Phải xác định cơ quan là nơi phát sinh rối loạn. Cả hai hoạt động này đều liên quan đến thể xác đậm đặc.

3. The centre in the etheric body closest to the area of the trouble will next receive attention.

3. Kế đó, trung tâm trong thể dĩ thái gần nhất với vùng rối loạn sẽ được chú ý.

4. Methods of occult healing are then employed, directed to the stimulation, or the reverse, of the centre involved.

4. Khi ấy, các phương pháp trị liệu huyền bí được sử dụng, hướng đến việc kích thích, hoặc ngược lại, trung tâm liên hệ.

5. Simultaneously, all outer orthodox methods are employed.

5. Đồng thời, mọi phương pháp chính thống bên ngoài đều được sử dụng.

It is on this question of careful diagnosis that most modern so-called healers go astray. They do not know enough about the physical body, about the pathology of disease, about the primary or secondary symptoms, to determine the nature of the difficulty. this is because the usual healer has not had medical training, and at the same time he is not psychically equipped to arrive at a true diagnosis in an occult manner. He therefore falls back on the general assumption that the patient is sick, that the seat of the trouble appears to be in such or such an area of the physical body, that the patient complains of certain pains and aches, and that if the patient can be rendered acquiescent enough, [631] if he can grasp (along with the healer) the fact of his divinity-and who can, my brother?—then if he has faith in the healer, he can assuredly be healed.

Chính ở vấn đề chẩn đoán cẩn trọng này mà phần lớn những người được gọi là nhà trị liệu hiện đại đi sai đường. Họ không biết đủ về thể xác, về bệnh lý học của bệnh tật, về các triệu chứng nguyên phát hay thứ phát, để xác định bản chất của khó khăn. Điều này là vì nhà trị liệu thông thường chưa được đào tạo y khoa, đồng thời y cũng không được trang bị thông linh để đi đến một chẩn đoán chân thực theo cách huyền bí. Vì vậy, y quay về với giả định chung rằng bệnh nhân đang bệnh, rằng chỗ rối loạn dường như nằm ở vùng này hay vùng kia của thể xác, rằng bệnh nhân than phiền về một số cơn đau nhức, và rằng nếu bệnh nhân có thể được làm cho đủ mức thuận phục, [631] nếu y có thể nắm bắt (cùng với nhà trị liệu) sự kiện về thiên tính của mình—và ai có thể làm được điều đó, Huynh đệ của Tôi?—thì nếu y có đức tin nơi nhà trị liệu, chắc chắn y có thể được chữa lành.

The outstanding thing usually to note is the ignorance of both the patient and the healer; the thing to be deplored is the assumption of the healer that, if a healing does follow, it is due entirely to the healing methods followed, whereas the patient would, in all probability, have recovered in any case. The healing may have been hastened by the factor of faith, and faith is simply the focussing of the patient's energy in line with the injunction of the healer, and a consequent "display" of that energy in the diseased area in obedience to the law that "energy follows thought." The "explosion" (if I may use so forcible a word) of the energy of

Điều nổi bật thường cần ghi nhận là sự vô minh của cả bệnh nhân lẫn nhà trị liệu; điều đáng tiếc là giả định của nhà trị liệu rằng, nếu việc chữa lành thực sự xảy ra, thì hoàn toàn là do các phương pháp trị liệu đã được áp dụng, trong khi rất có thể bệnh nhân dù sao cũng đã hồi phục. Việc chữa lành có thể đã được thúc đẩy bởi yếu tố đức tin, và đức tin chỉ đơn giản là sự tập trung năng lượng của bệnh nhân phù hợp với chỉ dẫn của nhà trị liệu, và là sự "biểu lộ" tiếp theo của năng lượng ấy trong vùng bệnh theo sự tuân phục định luật rằng "năng lượng đi theo tư tưởng." "Sự bùng nổ" (nếu tôi có thể dùng một từ mạnh như vậy) của năng lượng đức

faith on the part of the two people involved-the healer and the patient-occultly and occasionally produces sufficient energy stimulation to bring about a cure where a cure in any case was inevitable. It has simply been a hastening process. This is not, however, a true occult healing and no true occult healing methods were employed or involved. Psychologically, the same thing can be seen taking place in the case of a "conversion," as the Fundamentalist School of Christianity calls it. The faith of the person and the faith of the evangelist, plus the faith of the audience (where there is one) bring about a psychological healing along the line of resolving cleavages, or produce an at-one-ment, even if only of a temporary nature.

tin nơi hai người liên hệ—nhà trị liệu và bệnh nhân—về mặt huyền bí và đôi khi tạo ra đủ sự kích thích năng lượng để mang lại một sự chữa lành *trong trường hợp mà dù sao sự chữa lành cũng là điều tất yếu.* Điều đó chỉ đơn giản là một tiến trình thúc đẩy nhanh hơn. Tuy nhiên, đây không phải là trị liệu huyền bí chân chính và không có phương pháp trị liệu huyền bí chân chính nào được sử dụng hay liên quan. Về mặt tâm lý, có thể thấy cùng một điều xảy ra trong trường hợp một "sự cải đạo," như Trường phái Cơ Đốc giáo Căn Bản gọi vậy. Đức tin của người ấy và đức tin của nhà truyền giáo, cộng với đức tin của thính giả (nếu có), mang lại một sự chữa lành tâm lý theo đường hướng giải quyết các chia cắt, hay tạo ra một sự hợp nhất, dù chỉ có tính tạm thời.

It must be increasingly borne in mind that there is nothing in the created world but energy in motion, and that every thought directs some aspects of that energy, though always within the sphere of influence of some greater thinking, directing energy. The healer's faith and the patient's faith are both examples of energy in motion, and at present usually the only energies employed in every case [632] of healing. Orthodox medicine also works with the same energies, supplementing its orthodox methods with the patient's faith in the physician and in his scientific knowledge.

Phải ngày càng ghi nhớ rằng trong thế giới được tạo thành không có gì ngoài năng lượng đang vận động, và rằng mọi tư tưởng đều định hướng một số phương diện của năng lượng ấy, dù luôn luôn ở trong phạm vi ảnh hưởng của một năng lượng tư tưởng chỉ đạo lớn hơn nào đó. Đức tin của nhà trị liệu và đức tin của bệnh nhân đều là những ví dụ về năng lượng đang vận động, và hiện nay thường là những năng lượng duy nhất được sử dụng trong mọi trường hợp [632] trị liệu. Y học chính thống cũng làm việc với cùng những năng lượng ấy, bổ sung các phương pháp chính thống của mình bằng đức tin của bệnh nhân nơi vị thầy thuốc và nơi tri thức khoa học của ông.

I am not here going to enlarge further on the injunction to use medical and surgical methods whenever possible. I have touched upon this subject several times in the course of this teaching upon healing. It is essential that people should realise that the ascertained knowledges of medicine and surgery are just as much an expression of

Ở đây tôi sẽ không nói thêm về chỉ dẫn phải sử dụng các phương pháp y khoa và phẫu thuật bất cứ khi nào có thể. Tôi đã đề cập đến chủ đề này nhiều lần trong tiến trình giáo huấn này về trị liệu. Điều thiết yếu là mọi người phải nhận ra rằng các tri thức đã được xác lập của y học và phẫu thuật cũng là một biểu hiện của kinh nghiệm và sự thấu hiểu

divine experience and understanding as the hopeful, assertive, yet fumbling methods of so-called divine healing-if not more so at present. Though much of the orthodox methods remain experimental, they are less so than the methods of the modern healers, and much of their scientific knowledge is proven and real. It should be used, and confidence can be expressed in it. The perfect healing combination is that of the medical man and the spiritual healer, each working in his own field, and both having faith in each other; this is not now the case. There is no need to call in divine aid to set bones which the surgeon is well equipped to do, or to clear up infection which the physician knows well how to handle. The healer can help and can hasten the healing process, but the orthodox physician can also hasten the work of the healer. Both groups need each other.

thiêng liêng chẳng kém gì những phương pháp đầy hy vọng, quả quyết nhưng còn vụng về của cái gọi là trị liệu thiêng liêng—nếu không muốn nói là hiện nay còn hơn thế. Dù phần lớn các phương pháp chính thống vẫn còn mang tính thực nghiệm, chúng ít mang tính thực nghiệm hơn các phương pháp của các nhà trị liệu hiện đại, và phần lớn tri thức khoa học của họ là đã được chứng minh và có thật. Nó nên được sử dụng, và có thể đặt niềm tin nơi đó. Sự kết hợp trị liệu hoàn hảo là sự kết hợp giữa vị y sĩ và nhà trị liệu tinh thần, mỗi người làm việc trong lĩnh vực riêng của mình, và cả hai đều có đức tin nơi nhau; hiện nay điều này chưa phải vậy. Không cần phải kêu gọi sự trợ giúp thiêng liêng để nắn xương mà bác sĩ phẫu thuật hoàn toàn có đủ khả năng làm, hoặc để làm sạch nhiễm trùng mà vị thầy thuốc biết rõ cách xử lý. Nhà trị liệu có thể giúp đỡ và có thể thúc đẩy tiến trình chữa lành, nhưng vị thầy thuốc chính thống cũng có thể thúc đẩy công việc của nhà trị liệu. Cả hai nhóm đều cần nhau.

I realise that what I have said here will please neither the spiritual healer nor the orthodox medical man. It is time, however, that they learn to appreciate each other and to work in cooperation. In the last analysis, the spiritual healer and the new modes of mental healing have relatively little to contribute in comparison with the work and the knowledge of the member of the orthodox profession. The debt of the world to its doctors and surgeons is very great. The debt to healers is decidedly not so great; they oft also poison the channel by bitterness and constant [633] criticism of the physician and of orthodox medicine. Surety of knowledge and experience prevents a similar attitude in the orthodox group, plus the realisation that even the spiritual healer will call in the doctor in times of emergency.

Tôi nhận ra rằng điều tôi nói ở đây sẽ không làm hài lòng cả nhà trị liệu tinh thần lẫn vị y sĩ chính thống. Tuy nhiên, đã đến lúc họ phải học cách trân trọng nhau và làm việc trong hợp tác. Xét cho cùng, nhà trị liệu tinh thần và các phương thức trị liệu trí tuệ mới có tương đối ít điều để đóng góp so với công việc và tri thức của thành viên ngành chính thống. Món nợ của thế giới đối với các bác sĩ và bác sĩ phẫu thuật là rất lớn. Món nợ đối với các nhà trị liệu thì rõ ràng không lớn đến thế; họ cũng thường đầu độc kênh dẫn bằng sự cay đắng và sự [633] chỉ trích liên tục đối với vị thầy thuốc và đối với y học chính thống. Sự chắc chắn của tri thức và kinh nghiệm ngăn cản một thái độ tương tự trong nhóm chính thống, cộng với sự nhận thức rằng ngay cả nhà trị liệu tinh thần cũng sẽ gọi bác sĩ đến trong những lúc khẩn cấp.

The law and the rule now to be considered will carry us into realms of real abstraction; it will not be easy for you to understand much of what I may say. This Law VIII takes us back to the very source of all phenomena as far as the human being is concerned-the will of the immortal soul to incarnate on earth or to withdraw from incarnation. It involves also the consideration of the factor of the Will in producing disease as the direct means of bringing about that withdrawal. So little is as yet understood anent the Will that it is particularly hard to explain.

Định luật và quy luật giờ đây sẽ được xem xét sẽ đưa chúng ta vào những lĩnh vực của sự trừu tượng thực sự; các bạn sẽ không dễ hiểu được nhiều điều tôi có thể nói. Định luật VIII này đưa chúng ta trở lại chính nguồn gốc của mọi hiện tượng xét theo con người—ý chí của linh hồn bất tử muốn lâm phàm trên trần gian hay rút khỏi lâm phàm. Nó cũng bao hàm việc xem xét yếu tố Ý Chí trong việc tạo ra bệnh tật như phương tiện trực tiếp để mang lại sự rút lui đó. Hiện nay người ta còn hiểu quá ít về Ý Chí nên đặc biệt khó giải thích.

LAW VIII — ĐỊNH LUẬT VIII

Disease and death are the result of two active forces. One is the will of the soul, which says to its instrument: "I draw the essence back." The other is the magnetic power of the planetary life, which says to the life within the atomic structure: "The hour of reabsorption has arrived. Return to me." Thus, under cyclic law, do all forms act.

Bệnh tật và cái chết là kết quả của hai mãnh lực hoạt động. Một là ý chí của linh hồn, nói với khí cụ của nó: "Ta rút tinh chất trở lại." Mãnh lực kia là quyền năng từ tính của sự sống hành tinh, nói với sự sống bên trong cấu trúc nguyên tử: "Giờ tái hấp thu đã đến. Hãy trở về với ta." Như vậy, dưới định luật chu kỳ, mọi hình tướng đều hành động.

Two aspects in the nature of the divine Will are called into play where disease and death are concerned: one is the will of the soul to being an incarnation to an end; another is the will of the spirit of the earth (the basic elemental force) to draw back into itself the released and temporarily isolated substance of which the soul had availed itself during the cycle of incarnation.

Hai phương diện trong bản chất của Ý Chí thiêng liêng được đưa vào hoạt động khi liên quan đến bệnh tật và cái chết: một là ý chí của linh hồn muốn chấm dứt một lần lâm phàm; phương diện kia là ý chí của tinh linh địa cầu (mãnh lực hành khí căn bản) muốn rút trở lại vào chính nó chất liệu đã được giải phóng và tạm thời cô lập mà linh hồn đã sử dụng trong chu kỳ lâm phàm.

The factor of time, the factor of the interplay between the point of will which is that of the soul, and the diffused ever present will of the elemental spirit of substance are involved, plus their cyclic relation. These we shall attempt to consider.

Yếu tố thời gian, yếu tố tương tác giữa điểm ý chí là của linh hồn, và ý chí khuếch tán luôn hiện diện của tinh linh hành khí của chất liệu đều có liên quan, cùng với mối liên hệ chu kỳ của chúng. Chúng ta sẽ cố gắng xem xét những điều này.

[634]

What I have here to say is of major importance and will throw a new and strange light upon the entire subject of disease. I will deal, first of all, with the second half of the law, which refers to the "magnetic power of the planetary life," which says to the life within the atomic structure: "The hour of reabsorption has arrived. Return to me."

To understand the reference, I would remind you that a human being is a spiritual entity, occupying or informing (which is the occult word I prefer) a dense physical vehicle. This dense physical body is part of the general structure of the entire planet, composed of living atoms which are under the control of, and are part of the life of the planetary entity. This dense physical vehicle is released into a temporary and directed freedom by the will of the informing soul, but remains at the same time an intrinsic part of the sumtotal of all atomic substance. This physical vehicle-having its own life and having a measure of intelligence which we call its instinctual nature-is called by esotericists the physical elemental. During incarnated life, it is the coherent force or agency by means of which the physical body preserves its particular form, under the impact of etheric livingness; this affects all the living atoms and brings them into relation with each other. The physical body is the great symbol (within the one Life) of the many of which it is constituted; it is the demonstrated fact of innate coherency, of unity, of synthesis and of relationship. Physical or planetary prana (the lowest form of pranic energy) is the life of the sumtotal of the atoms (of which all outer forms are composed) as they are brought into relation to the separated atomic structure of the

[634]

Điều tôi phải nói ở đây có tầm quan trọng lớn và sẽ rọi một ánh sáng mới lạ và kỳ lạ lên toàn bộ chủ đề bệnh tật. Trước hết, tôi sẽ bàn đến nửa sau của định luật, phần nói đến "quyền năng từ tính của sự sống hành tinh," vốn nói với sự sống bên trong cấu trúc nguyên tử: "Giờ tái hấp thu đã đến. Hãy trở về với ta."

Để hiểu lời ám chỉ này, tôi xin nhắc các bạn rằng một con người là một thực thể tinh thần, đang chiếm giữ hay phú linh (đó là từ huyền bí mà tôi thích dùng hơn) một hiện thể hồng trần đậm đặc. Thể xác đậm đặc này là một phần của cấu trúc chung của toàn bộ hành tinh, được cấu thành bởi các nguyên tử sống nằm dưới sự kiểm soát của, và là một phần của sự sống của, Thực Thể Hành Tinh. Hiện thể hồng trần đậm đặc này được giải phóng vào một sự tự do tạm thời và có định hướng bởi ý chí của linh hồn phú linh, nhưng đồng thời vẫn là một phần nội tại của tổng thể toàn bộ chất liệu nguyên tử. Hiện thể hồng trần này—có sự sống riêng của nó và có một mức độ trí tuệ mà chúng ta gọi là bản chất bản năng của nó—được các nhà bí truyền học gọi là tinh linh thể xác. Trong đời sống lâm phàm, nó là mãnh lực hay tác nhân cố kết nhờ đó thể xác duy trì hình tướng riêng biệt của nó dưới tác động của tính sống động dĩ thái; điều này ảnh hưởng đến mọi nguyên tử sống và đưa chúng vào mối liên hệ với nhau. Thể xác là biểu tượng lớn (trong Sự sống duy nhất) của cái nhiều mà nó được cấu thành; nó là sự kiện được biểu lộ của tính cố kết bẩm sinh, của hợp nhất, của tổng hợp và của liên hệ. Prana hồng trần hay hành tinh (dạng thấp nhất của năng lượng prana) là sự sống của tổng thể các nguyên tử (mà mọi hình tướng bên ngoài đều được cấu thành từ đó) khi chúng được đưa vào liên hệ

dense physical body of an individual informing soul in any kingdom of nature-particularly, from our point of study, the human kingdom. What is true in this connection of the individual or of [635] man, the microcosm, is true also of the planet, which—like man—is a coherent whole. This wholeness is due to the relation of two aspects of life: the life of the planetary Logos and the life of the spirit of the earth, which is the life of the sumtotal of all the atoms which compose all forms. To this sumtotal of living substance, of elemental life, man's dense physical body conforms and is therefore the symbol. These two lives, functioning microcosmically and also macrocosmically, create that living pranic energy which circulates throughout the etheric bodies of all forms, which produces coherency or a synthetic holding-together and which can be discerned when the densest aspect of the etheric body is seen, creating thus the health aura in plants, trees, sea life, animals and man. Other energies and potencies circulate through and condition the etheric vehicle, but I refer here only to the lowest physical aspect. This is indicative of the life of the elemental of our planet, the spirit of the earth—a divine life, making its own progress upon the involutionary are of manifestation.

với cấu trúc nguyên tử biệt lập của thể xác đậm đặc của một linh hồn phú linh cá biệt trong bất kỳ giới nào của thiên nhiên—đặc biệt, từ điểm nghiên cứu của chúng ta, là giới nhân loại. Điều đúng trong mối liên hệ này đối với cá nhân hay đối với [635] con người, tiểu thiên địa, cũng đúng đối với hành tinh, vốn—giống như con người—là một toàn thể cố kết. Tính toàn thể này là do mối liên hệ của hai phương diện sự sống: sự sống của Hành Tinh Thượng Đế và sự sống của tinh linh địa cầu, vốn là sự sống của tổng thể mọi nguyên tử cấu thành mọi hình tướng. Với tổng thể chất liệu sống này, của sự sống hành khí này, thể xác đậm đặc của con người phù hợp và vì thế là biểu tượng. Hai sự sống này, hoạt động ở cấp tiểu thiên địa và cả đại thiên địa, tạo ra năng lượng prana sống động lưu chuyển khắp các thể dĩ thái của mọi hình tướng, tạo ra sự cố kết hay sự gắn kết tổng hợp, và có thể được phân biện khi phương diện đậm đặc nhất của thể dĩ thái được nhìn thấy, nhờ đó tạo ra hào quang sức khoẻ nơi cây cỏ, cây lớn, sinh vật biển, động vật và con người. Những năng lượng và mãnh lực khác lưu chuyển qua và tác động lên hiện thể dĩ thái, nhưng ở đây tôi chỉ đề cập đến phương diện hồng trần thấp nhất. Điều này biểu thị sự sống của hành khí của hành tinh chúng ta, tinh linh địa cầu—một sự sống thiêng liêng, đang tự mình tiến bước trên cung giáng hạ tiến hoá của biểu hiện.

This spirit of the earth preserves its hold upon the atomic structures of which all forms are made, including the physical body of man; it gathers them together again eventually and reabsorbs those elements of its life which were temporarily isolated from it during any incarnated experience of any soul in any of the kingdoms in nature. These atoms, it must be noted, are imbued or conditioned by two factors for which the spirit of the earth is solely responsible:

Tinh linh địa cầu này duy trì sự nắm giữ của nó trên các cấu trúc nguyên tử mà từ đó mọi hình tướng được tạo thành, kể cả thể xác của con người; cuối cùng nó lại tập hợp chúng và tái hấp thu những yếu tố sự sống của nó vốn đã tạm thời bị tách khỏi nó trong bất kỳ kinh nghiệm lâm phàm nào của bất kỳ linh hồn nào trong bất kỳ giới nào của thiên nhiên. Cần lưu ý rằng các nguyên tử này được thấm nhuần hay được tác động bởi hai yếu tố mà

tinh linh địa cầu hoàn toàn chịu trách nhiệm:

1. The factor of the Karma of the life of the elemental of the planet. This is an involutionary, precipitating karma, entirely different to that of the planetary Logos, Who is a spiritual Life upon the evolutionary arc. This involutionary karma, therefore, conditions the life experience [636] from the purely physical angle of all forms composed of atomic substance.

1. Yếu tố nghiệp quả của sự sống của hành khí của hành tinh. Đây là một nghiệp quả giáng hạ tiến hoá, ngưng tụ, hoàn toàn khác với nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế, Đấng là một Sự sống tinh thần trên cung tiến hoá. Vì vậy, nghiệp quả giáng hạ tiến hoá này tác động lên kinh nghiệm sống [636] từ góc độ thuần *hồng trần* của mọi hình tướng được cấu thành từ chất liệu nguyên tử.

2. The factor of limitation. Apart from the karma, resulting in physical events, affecting all physical forms composed of this elemental essence, the physical vehicles of all lives in all the kingdoms of nature are also conditioned by the point in time of the cyclic influence of the planetary spirit and by its point in evolution. This involutionary spirit has not yet attained a point of perfection, but is progressing towards a specific goal which will be attained when the evolutionary arc of experience is reached. This lies very far ahead. Our planetary Logos, that great divine Life in Whom we live and move and have our being, is one of the "imperfect Gods" as yet, from the point of view of the goal set before all planetary Logoi. His body of expression, our planet, the Earth, is not yet a sacred planet. The spirit of the earth is yet very far from even the relative perfection of which a conscious human being is aware.

2. Yếu tố giới hạn. Ngoài nghiệp quả, vốn dẫn đến các biến cố hồng trần ảnh hưởng đến mọi hình tướng hồng trần được cấu thành từ tinh chất hành khí này, các hiện thể hồng trần của mọi sự sống trong mọi giới của thiên nhiên cũng còn bị tác động bởi điểm thời gian của ảnh hưởng chu kỳ của tinh linh hành tinh và bởi điểm tiến hoá của nó. Tinh linh giáng hạ tiến hoá này chưa đạt đến một điểm hoàn hảo, nhưng đang tiến tới một mục tiêu xác định sẽ đạt được khi cung tiến hoá của kinh nghiệm được chạm đến. Điều này còn ở rất xa phía trước. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, Sự sống thiêng liêng vĩ đại mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu, vẫn là một trong những "Thượng đế bất toàn," xét từ quan điểm của mục tiêu được đặt ra trước mọi Hành Tinh Thượng Đế. Thể biểu lộ của Ngài, hành tinh chúng ta là Trái Đất, vẫn chưa phải là một hành tinh thiêng liêng. Tinh linh địa cầu còn rất xa mới đạt đến ngay cả sự hoàn hảo tương đối mà một con người có ý thức nhận biết được.

The point in evolution of the spirit of the earth affects every atom in his body—the body of an involutionary entity. The result of this imperfection, which is not that of the planetary Logos but that of the spirit of the

Điểm tiến hoá của tinh linh địa cầu ảnh hưởng đến mọi nguyên tử trong thân thể của y—thân thể của một thực thể giáng hạ tiến hoá. Kết quả của sự bất toàn này, vốn không phải là của Hành Tinh Thượng Đế mà

earth, shows itself in the presence of disease in all forms in all the kingdoms of nature. Minerals are subject to disease and decay; even the "fatigue" of metals is a registered scientific fact; plants and animals all react to disease within the structure of their forms, and disease and death are inherent in the atom of which all organisms are composed. Man is not exempt. Disease, therefore, is not brought about by wrong thinking, as oft I have told you, or by any failure to affirm divinity. It is inherent in the form nature itself, being indicative of the imperfections from which the spirit of the earth suffers; [637] it is the mode par excellence whereby this elemental life retains integrity and the capacity to reabsorb that which is his but which has been brought under other direction by the attractive potency of the life of that which informs every other kingdom in nature during a cycle of incarnation. This will give you surely a new idea anent disease. Man creates, under soul impulsion and the will to incarnate, a form which is composed of substance already subjected to conditioning; it is already impregnated with the life impulses of the spirit of the earth. Man, in so doing, assumes responsibility for that elemental form but—at the same time—limits himself definitely by the nature of the atoms of which that form is composed. The atomic substance through which the spirit of the earth expresses itself has in it ever the "seeds of return," permitting a reabsorption. This substance is also composed of all grades and qualities of matter, from the very coarsest up to the very finest, as for instance the quality of the substance which makes the appearance of the Buddha or of the Christ possible. The Lord of the Earth, the planetary Logos, cannot find substance animated by the spirit of the earth of a quality and nature pure enough; He cannot, therefore, materialise or make an appearance, as can

là của tinh linh địa cầu, biểu lộ trong sự hiện diện của bệnh tật nơi mọi hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên. Khoáng vật chịu bệnh tật và phân rã; ngay cả "sự mỏi mệt" của kim loại cũng là một sự kiện đã được khoa học ghi nhận; thực vật và động vật đều phản ứng với bệnh tật trong cấu trúc hình tướng của chúng, và bệnh tật cùng cái chết vốn cố hữu trong nguyên tử mà từ đó mọi cơ thể được cấu thành. Con người cũng không được miễn trừ. Vì vậy, bệnh tật không do tư tưởng sai lầm gây ra, như tôi thường nói với các bạn, cũng không do bất kỳ sự thất bại nào trong việc khẳng định thiên tính. Nó vốn cố hữu trong chính bản chất hình tướng, là dấu hiệu cho những bất toàn mà tinh linh địa cầu đang chịu đựng; [637] đó là phương thức ưu việt nhất nhờ đó sự sống hành khí này duy trì tính toàn vẹn và khả năng tái hấp thu điều vốn là của y nhưng đã bị đặt dưới sự điều hướng khác bởi tiềm lực hấp dẫn của sự sống của cái đang thấm nhuần mọi giới khác trong thiên nhiên trong một chu kỳ lâm phàm. Điều này chắc chắn sẽ đem lại cho các bạn một ý niệm mới liên quan đến bệnh tật. Con người tạo ra, dưới sự thúc đẩy của linh hồn và ý chí lâm phàm, một hình tướng được cấu thành từ chất liệu đã chịu sự tác động định hình; nó đã được thấm đẫm những xung lực sự sống của tinh linh địa cầu. Khi làm như vậy, con người nhận lấy trách nhiệm đối với hình tướng hành khí đó nhưng—đồng thời—cũng tự giới hạn mình một cách rõ rệt bởi bản chất của các nguyên tử mà từ đó hình tướng ấy được cấu thành. Chất liệu nguyên tử mà qua đó tinh linh địa cầu biểu lộ chính mình luôn chứa trong nó "những hạt giống của sự trở về," cho phép một sự tái hấp thu. Chất liệu này cũng được cấu thành từ mọi cấp độ và phẩm tính của vật chất, từ thô nhất đến tinh tế nhất, như chẳng hạn phẩm tính của chất liệu làm cho sự xuất hiện của Đức Phật hay của Đức Christ trở nên khả hữu. Đức Chúa Tể của Địa Cầu, Hành Tinh Thượng Đế, không

the Buddha or the Christ. Few of Those who form the Council Chamber at Shamballa can find the needed or adequate substance by means of which to appear; They cannot take a dense physical body, and have to be content with an etheric vehicle. There are therefore three types of life, affecting the dense appearance of a human being during his restricted manifestation or incarnation:

thể tìm được chất liệu được tinh linh địa cầu linh hoạt hóa có phẩm tính và bản chất đủ thuần khiết; vì vậy, Ngài không thể hiện hình hay xuất hiện như Đức Phật hoặc Đức Christ có thể làm. Chỉ ít vị trong số Những Đấng tạo thành Phòng Hội Đồng tại Shamballa có thể tìm được chất liệu cần thiết hay thích đáng để xuất hiện; Các Ngài không thể mang một thể xác hồng trần đậm đặc, và phải bằng lòng với một vận cụ dĩ thái. Vì vậy có ba loại sự sống ảnh hưởng đến sắc tướng đậm đặc của một con người trong sự biểu hiện hạn định hay sự lâm phàm của y:

1. The life of the spiritual man himself, transmitted from the Monad, via the soul for the greater part of manifested existence. [638]

1. Sự sống của chính con người tinh thần, được truyền từ chân thần, qua linh hồn trong phần lớn thời kỳ tồn tại biểu hiện. [638]

2. The life of that sumtotal which is the elemental life of the fourth kingdom in nature, the human; this life is still an aspect (under the Law of Isolation or Limitation) of the life of the spirit of the earth.

2. Sự sống của tổng thể vốn là sự sống hành khí của giới thứ tư trong thiên nhiên, tức giới nhân loại; sự sống này vẫn còn là một phương diện (dưới Định luật Cô Lập hay Giới Hạn) của sự sống của tinh linh địa cầu.

3. The sumtotal of the life which is innate in atomic substance itself-the substance out of which all forms are made. This is the life of the spirit of the earth.

3. Tổng thể sự sống vốn bẩm sinh trong chính chất liệu nguyên tử—chất liệu mà từ đó mọi hình tướng được tạo nên. Đây là sự sống của tinh linh địa cầu.

We are not here referring to the soul in an atom or the soul of any form, great or small; we are referring exclusively to the life or first aspect. This expresses itself as the will-to-be; it is only active, though ever present, during form life or the phase of created manifestation. It is here that the Will factor makes its appearance and the relation between will, form and incarnation is to be found.

Ở đây chúng ta không nói đến linh hồn trong một nguyên tử hay linh hồn của bất kỳ hình tướng nào, lớn hay nhỏ; chúng ta chỉ nói riêng đến sự sống hay phương diện thứ nhất. Nó biểu lộ như ý chí-tồn tại; nó chỉ hoạt động, dù luôn hiện diện, trong đời sống hình tướng hay giai đoạn biểu hiện được tạo ra. Chính ở đây yếu tố Ý chí xuất hiện và mối liên hệ giữa ý chí, hình tướng và lâm phàm được tìm thấy.

One of the factors governing incarnation is the presence of what is called the will-to-

Một trong những yếu tố chi phối sự lâm phàm là sự hiện diện của cái được gọi là ý

live; when that is to be found, and when it is powerful in man, he is strongly anchored upon the physical plane: when that is not strongly present or is withdrawn, the man dies. Life in the physical body is preserved, technically and occultly, under the impulse of the powerful will-to-be of the incarnated spiritual man upon the magnetic power of the planetary life, inherent in every atom of the form nature; by means of these atoms-isolated and held by the Law of Attraction in form-he has come into being upon the physical plane. This magnetic power is the expression of the will (if such a word can be applied to the sense of coherency which distinguishes the spirit of the earth) of the planetary entity. It is a projection of his peculiar state of consciousness into an isolated form, created, occupied and indwelt by a soul, by a living man.

chí-sống; khi điều đó hiện diện, và khi nó mạnh nơi con người, y được neo rất chặt trên cõi hồng trần: khi nó không hiện diện mạnh mẽ hoặc bị rút đi, con người chết. Sự sống trong thể xác được duy trì, về mặt kỹ thuật và huyền bí học, dưới xung lực của ý chí-tồn tại mạnh mẽ của con người tinh thần đang lâm phàm tác động lên quyền năng từ tính của sự sống hành tinh, vốn cố hữu trong mọi nguyên tử của bản chất hình tướng; nhờ các nguyên tử này—được cô lập và được giữ trong hình tướng bởi Định luật Hấp Dẫn—y đã hiện hữu trên cõi hồng trần. Quyền năng từ tính này là biểu hiện của ý chí (nếu có thể dùng từ như vậy cho cảm thức cố kết vốn phân biệt tinh linh địa cầu) của thực thể hành tinh. Nó là một sự phóng chiếu trạng thái tâm thức đặc thù của y vào một hình tướng cô lập, được tạo ra, được chiếm giữ và được một linh hồn, một con người sống, cư ngụ.

[639]

[639]

I have several times used the expression "isolated form," for it is this peculiar aspect of isolation which conditions the physical body of a man (or of any living form, for that matter), rendering it detached, coherent and temporarily living its own life in response to the imposition of the livingness of the incarnating soul. Temporarily, the united power of the segregated and isolated atoms —particularly the planetary structure of the spirit of the earth—is in abeyance as regards individual reaction to the planetary life. Only the coherent, magnetic qualities persist in any form of activity and in conjunction with the will-to-live of the spiritual man or of any ensouling entity. This creates a coherent form, held together by two aspects of livingness: that of the spirit of the earth and that of the spiritual man. Therefore-to use words in an effort to

Tôi đã nhiều lần dùng cụm từ "hình tướng cô lập," vì chính phương diện cô lập đặc thù này tác động định hình thể xác của một con người (hay của bất kỳ hình tướng sống nào, nếu nói cho đúng), khiến nó tách rời, cố kết và tạm thời sống đời sống riêng của nó để đáp ứng với sự áp đặt của sinh động lực của linh hồn đang nhập thể. Tạm thời, quyền năng hợp nhất của các nguyên tử bị phân tách và cô lập—đặc biệt là cấu trúc hành tinh của tinh linh địa cầu—ở trong trạng thái đình chỉ xét về phản ứng cá nhân đối với sự sống hành tinh. Chỉ các phẩm tính cố kết, từ tính còn tồn tại trong bất kỳ hình thức hoạt động nào và kết hợp với ý chí-sống của con người tinh thần hay của bất kỳ thực thể phú linh nào. Điều này tạo ra một hình tướng cố kết, được giữ lại với nhau bởi hai phương diện của sinh động lực: của tinh linh địa cầu và của con người tinh thần. Vì vậy—dùng

arrive at understanding—two aspects of life and two forms of will or purpose are brought together. The higher is evolutionary; the lower is involutionary in nature. It is this which creates the conflict. One type of energy is evolutionary and the other is involutionary. It is these conflicting forces which present the problem of dualism —a dualism of the higher and the lower at many differing and varying stages. The final phase of the conflict is fought out, or rather wrought out, when the Dweller on the Threshold and the Angel of the Presence face each other. It is in that consummating event that the pull or conflict between the involutionary life and the evolutionary life, between the inchoate, magnetic will of the elemental forces (inherent in the atoms of which all three bodies of the personality are made) and the will of the spiritual man, on the verge of liberation from the magnetic control of substance, is brought to the issue. The spirit of the earth has its correspondence in the created expression of the spiritual man; it is to be found in the existence of the personality elemental; this personality [640] elemental can be and frequently is an inchoate force, swayed entirely by desire, and no true personality integration is present; it can, however, be a highly organised and potent factor, producing what is called a high grade personality and an effective instrument for the spiritual man in the three worlds of his evolution. This is followed later by the conflicts upon the Path of Discipleship and the Path of Initiation. Then the livingness of the spiritual man, and his will to manifest divinely, dominate to such an extent that the death of the personality is brought about; this culminates at the time of the third initiation. At that experience the monadic will comes in with such dynamic potency that the will of the elemental lives

ngôn từ để cố đạt đến sự thấu hiểu—hai phương diện của sự sống và hai hình thức của ý chí hay mục đích được đưa lại với nhau. Cái cao hơn thì thăng thượng tiến hoá; cái thấp hơn thì có bản chất giáng hạ tiến hoá. Chính điều này tạo ra xung đột. Một loại năng lượng là thăng thượng tiến hoá và loại kia là giáng hạ tiến hoá. Chính các mãnh lực xung đột này tạo ra vấn đề nhị nguyên tính —một nhị nguyên tính của cái cao và cái thấp ở nhiều giai đoạn khác nhau và biến đổi. Giai đoạn cuối cùng của cuộc xung đột được chiến đấu, hay đúng hơn được giải quyết, khi Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần của Hiện Diện đối diện nhau. Chính trong biến cố hoàn tất đó mà lực kéo hay xung đột giữa sự sống giáng hạ tiến hoá và sự sống thăng thượng tiến hoá, giữa ý chí từ tính sơ khai của các mãnh lực hành khí (cố hữu trong các nguyên tử mà từ đó cả ba thể của phàm ngã được tạo nên) và ý chí của con người tinh thần, đang ở ngưỡng giải thoát khỏi sự kiểm soát từ tính của chất liệu, được đưa đến chỗ quyết định. Tinh linh địa cầu có sự tương ứng của nó trong biểu hiện được tạo ra của con người tinh thần; nó được tìm thấy trong sự hiện hữu của hành khí phàm ngã; hành khí phàm ngã này [640] có thể là, và thường là, một mãnh lực sơ khai, hoàn toàn bị dục vọng chi phối, và không có sự tích hợp phàm ngã chân chính nào hiện diện; tuy nhiên, nó cũng có thể là một yếu tố được tổ chức cao và đầy tiềm lực, tạo ra cái được gọi là một phàm ngã cao cấp và một công cụ hữu hiệu cho con người tinh thần trong ba cõi thấp của sự tiến hoá của y. Tiếp theo đó về sau là các xung đột trên Con Đường Đệ Tử và Con Đường Điểm Đạo. Khi ấy sinh động lực của con người tinh thần, và ý chí của y muốn biểu hiện một cách thiêng liêng, chi phối đến mức cái chết của phàm ngã được mang lại; điều này đạt cực điểm vào thời điểm lần điểm đạo thứ ba. Trong kinh nghiệm đó, ý chí chân thần đi vào với tiềm lực năng động đến nỗi ý chí của

of the threefold personality is completely negated.

các sự sống hành khí của phàm ngã tam phân bị vô hiệu hóa hoàn toàn.

But (to return to our theme) the atomic substance, impregnated with the life of the spirit of the earth and with the driving force of its inchoate will, demonstrates as magnetic power and is constantly in conflict, within the body of manifestation of the informing soul, with the life of the soul. This conflict or friction is the main cause of what you call disease.

Nhưng (để trở lại chủ đề của chúng ta), chất liệu nguyên tử, được thấm đẫm sự sống của tinh linh địa cầu và mãnh lực thúc đẩy của ý chí sơ khai của nó, biểu lộ thành quyền năng từ tính và luôn luôn xung đột, bên trong thể biểu hiện của linh hồn đang thấm nhuần, với sự sống của linh hồn. Xung đột hay ma sát này là nguyên nhân chính của điều các bạn gọi là bệnh tật.

Disease is inharmony; it is the fault of fire by friction; diseased areas are areas of friction wherein the atomic substance is temporarily asserting its own type of livingness and responding (sometimes to the point of death) to the magnetic pull of the will of the spirit of the earth. If that pull proves adequately strong, the friction within the atomic structure, localised in the area of some etheric centre, will be of such a nature that the quality of the disease increases, the life of the spiritual man is slowly or rapidly withdrawn; the desire for existence, the spiritual will-to-he is not then as strong as the will to be reabsorbed—the will of the atoms constituting the physical body; the man, therefore, dies, in the usual sense of the term.

Bệnh tật là sự bất hoà; đó là lỗi của lửa ma sát; những vùng bệnh là những vùng ma sát trong đó chất liệu nguyên tử tạm thời đang khẳng định loại sinh động lực riêng của nó và đáp ứng (đôi khi đến mức chết) với lực kéo từ tính của ý chí của tinh linh địa cầu. Nếu lực kéo đó tỏ ra đủ mạnh, ma sát trong cấu trúc nguyên tử, được định vị trong khu vực của một trung tâm dĩ thái nào đó, sẽ có bản chất đến mức phẩm tính của bệnh gia tăng, sự sống của con người tinh thần bị rút đi chậm hay nhanh; dục vọng hiện hữu, ý chí-tồn tại tinh thần khi ấy không mạnh bằng ý chí được tái hấp thu—ý chí của các nguyên tử cấu thành thể xác; vì vậy, con người chết, theo nghĩa thông thường của từ này.

[641]

[641]

The planetary life says, “The hour of reabsorption has arrived. Return to me.” The urge to return is at present the dominant note in the substance of the bodies of humanity; it is responsible for the universal ill health which distinguishes the mass of human beings; this tendency has been dominant for centuries; the attitude is, however, slowly changing, and the time will eventually come when the atoms of the

Sự sống hành tinh nói: “Giờ tái hấp thu đã đến. Hãy trở về với ta.” Hiện nay, xung lực trở về là âm điệu chủ đạo trong chất liệu của thân thể con người; nó chịu trách nhiệm cho tình trạng sức khỏe kém phổ quát vốn phân biệt quần chúng nhân loại; khuynh hướng này đã chiếm ưu thế trong nhiều thế kỷ; tuy nhiên, thái độ ấy đang chậm rãi thay đổi, và rồi sẽ đến lúc các nguyên tử của thân thể, hay các mãnh lực hành khí, sẽ chỉ được gửi

bodies, or the elemental forces, will be sent back along the path of reabsorption only at the will of the spiritual man and in response to his express command, and not in response to the magnetic power of the spirit of the earth.

trở lại theo con đường tái hấp thu theo ý chí của con người tinh thần và để đáp ứng mệnh lệnh minh nhiên của y, chứ không phải để đáp ứng quyền năng từ tính của tinh linh địa cầu.

We have seen—as we considered the Laws and Rules to date—that fundamentally, disease and death are due to the withdrawal of solar life (the energy of the soul, sometimes called solar fire) either from some particular area of the physical body or from the entire body. This fact should remind students of the need to distinguish between the force or life of the "lunar lords," inherent in every atom of which all organs and forms are made, and the energy of the soul which permeates the entire body as an integrating factor. Speaking symbolically, therefore, there are times in which the life of these lunar lords are so dominant that the life of the soul is overpowered in some particular area, and the consequent withdrawal of the solar life produces disease; or-putting it another way-the friction which ensues when the lunar lords are not compliant produces disease. Yet death is not indicative of a full victory of the lunar lords, but rather that under the plan of the soul, and because the life cycle is complete, the energy of the soul is entirely withdrawn, leaving the lunar lords alone. At times (because it is also in the planning of the soul) the lunar lords temporarily are the victors, though death does not follow; convalescence is significant of the gradual re-entry of soul energy and its subsequent control [642] of the lunar lords. This aspect of soul energy is not that of those energies which represent and lead to the expression of soul quality. It is life energy, coming from the Monad which passes through the soul as a channel and medium of contact; its direct channel is, needless to say, the sutratma. It is

Như chúng ta đã thấy—khi xem xét các Định luật và quy luật cho đến nay—về căn bản, bệnh tật và cái chết là do sự rút lui của sự sống thái dương (năng lượng của linh hồn, đôi khi được gọi là lửa thái dương) hoặc khỏi một khu vực đặc thù nào đó của thể xác hoặc khỏi toàn thân thể. Sự kiện này nên nhắc các đạo sinh về nhu cầu phải phân biệt giữa mãnh lực hay sự sống của các nguyệt tinh quân, vốn cố hữu trong mọi nguyên tử mà từ đó mọi cơ quan và hình tướng được tạo nên, và năng lượng của linh hồn vốn thấm nhuần toàn bộ thân thể như một yếu tố tích hợp. Nói một cách biểu tượng, vì vậy, có những lúc sự sống của các nguyệt tinh quân này chiếm ưu thế đến nỗi sự sống của linh hồn bị áp đảo trong một khu vực đặc thù nào đó, và sự rút lui tiếp theo của sự sống thái dương tạo ra bệnh tật; hoặc—nói cách khác—ma sát phát sinh khi các nguyệt tinh quân không thuận phục tạo ra bệnh tật. Tuy nhiên, cái chết không cho thấy một chiến thắng trọn vẹn của các nguyệt tinh quân, mà đúng hơn là dưới Thiên Cơ của linh hồn, và vì chu kỳ sự sống đã hoàn tất, năng lượng của linh hồn được rút đi hoàn toàn, để lại các nguyệt tinh quân một mình. Đôi khi (vì điều đó cũng nằm trong sự hoạch định của linh hồn) các nguyệt tinh quân tạm thời là kẻ chiến thắng, dù cái chết không theo sau; sự hồi phục là dấu hiệu của sự tái nhập dần dần của năng lượng linh hồn và sự kiểm soát tiếp theo [642] của nó đối với các nguyệt tinh quân. Phương diện này của năng lượng linh hồn không phải là phương diện của những năng lượng biểu thị và dẫn đến sự biểu lộ phẩm tính linh hồn. Đó là năng lượng sự sống, đến từ chân thần, đi qua linh hồn như

not the antahkarana, or the creative thread or the thread of consciousness. These are frequently rendered inactive when acute disease is present, and the life aspect is weakening or rapidly or slowly withdrawing itself.

một kênh và trung gian tiếp xúc; kênh trực tiếp của nó, không cần phải nói, là sutratma. Nó không phải là antahkarana, hay sợi dây sáng tạo hoặc Sợi dây Tâm thức/thức tuyến. Những sợi dây này thường trở nên bất hoạt khi có bệnh cấp tính, và phương diện sự sống đang suy yếu hoặc đang rút lui nhanh hay chậm.

You can see, therefore, why it is that those who have succeeded in building the antahkarana, the rainbow bridge between the Monad and the personality, have established a contact (nonexistent in the average man) between the Monad, the Source of Life, and the personality—the expression of that Life in objectivity. The Monad then, and not the soul, controls the cycles of outward expression, and the initiate then dies at will and according to plan or the necessities of the work. This, of course, refers only to initiates of high degree. I felt these points to be interesting and also useful for you to know. Another point, growing out of all the above, indicates the all-inclusiveness of the divine Life, for the lunar lords are aspects of that Life as much as is the energy of the soul.

Vì vậy, các bạn có thể thấy tại sao những ai đã thành công trong việc xây dựng antahkarana, Cây cầu vồng giữa chân thần và phàm ngã, đã thiết lập một tiếp xúc (không hiện hữu nơi con người trung bình) giữa chân thần, Nguồn Sự Sống, và phàm ngã—biểu hiện của Sự sống đó trong tính khách quan. Khi ấy chân thần, chứ không phải linh hồn, kiểm soát các chu kỳ biểu hiện ra bên ngoài, và điểm đạo đồ khi ấy chết theo ý muốn và theo kế hoạch hoặc theo các nhu cầu của công việc. Dĩ nhiên, điều này chỉ nói đến các điểm đạo đồ cấp cao. Tôi cảm thấy những điểm này vừa lý thú vừa hữu ích để các bạn biết. Một điểm khác, phát sinh từ tất cả những điều trên, cho thấy tính bao gồm tất cả của Sự sống thiêng liêng, vì các nguyệt tinh quân cũng là những phương diện của Sự sống đó không kém gì năng lượng của linh hồn.

It is therefore of prime importance that cremation should be encouraged, and not the present method of burial. Cremation returns the life of the lunar lords more rapidly to the central reservoir of life than any other method, for “our God is a consuming Fire” and all fires have affinity with the central Fire.

Vì vậy, điều tối quan trọng là nên khuyến khích hỏa táng, chứ không phải phương pháp chôn cất hiện nay. Hỏa táng đưa sự sống của các nguyệt tinh quân trở về kho chứa sự sống trung tâm nhanh hơn bất kỳ phương pháp nào khác, vì “Thượng đế của chúng ta là một Lửa thiêu đốt” và mọi ngọn lửa đều có sự tương hợp với Lửa trung tâm.

Let us now study the rule which goes with Law VIII.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu quy luật đi kèm với Định luật VIII.

RULE FIVE — QUY LUẬT NĂM

The healer must seek to link his soul, his heart, his brain and his hands. Thus can he pour the vital healing force upon the patient. This is magnetic work. It cures [643] disease or increases the evil state, according to the knowledge of the healer.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, trái tim, bộ não và đôi tay của mình. Nhờ đó, y có thể tuôn đổ mãnh lực chữa lành mang sinh lực lên bệnh nhân. *Đây là công việc từ tính.* Công việc này chữa [643] khỏi bệnh hoặc làm tình trạng bệnh trầm trọng hơn, tùy theo tri thức của nhà trị liệu.

The healer must seek to link his soul, his brain, his heart and auric emanation. Thus can his presence feed the soul life of the patient. This is the work of radiation. The hands are needed not. The soul displays its power. The patient's soul responds through the response of his aura to the radiation of the healer's aura, flooded with soul energy.

Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, bộ não, trái tim và sự phát xạ hào quang của mình. Nhờ đó, sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng sự sống linh hồn của bệnh nhân. *Đây là công việc bức xạ.* Không cần đến đôi tay. Linh hồn biểu lộ quyền năng của nó. Linh hồn của bệnh nhân đáp ứng thông qua sự đáp ứng của hào quang bệnh nhân đối với bức xạ từ hào quang nhà trị liệu, vốn tràn ngập năng lượng linh hồn.

From just casually reading this Rule it will be obvious that its significance is vital to all successful healing work. It sums up the two modes of healing, based on two capacities of the healer, founded on two groups of related aspects in the healer's personality, and indicating two different points in evolution on the part of the healer. An analysis of this Rule will convey a still greater idea of its importance, for it indicates not only the lines along which the healer must train himself, but also certain interior relationships must be present, and these are dependent upon the point in evolution of the healer. Again, in one case the patient's physical body is the objective of the healing art, whilst in the other it is the patient's soul which feels the effect of the healing energy. In the first case the healer works with the prana or vital planetary fluid, and in the other with soul energy.

Chỉ cần đọc lướt qua Quy luật này, sẽ hiển nhiên rằng thâm nghĩa của nó có tính sống còn đối với mọi công việc chữa lành thành công. Nó tóm lược hai phương thức chữa lành, dựa trên hai năng lực của nhà chữa lành, đặt nền trên hai nhóm phương diện liên hệ trong phàm ngã của nhà chữa lành, và chỉ ra hai điểm tiến hoá khác nhau nơi nhà chữa lành. Một sự phân tích Quy luật này sẽ truyền đạt một ý niệm còn lớn hơn về tầm quan trọng của nó, vì nó không những chỉ ra các đường hướng mà nhà chữa lành phải tự huấn luyện, mà còn cho thấy một số tương quan nội tại phải hiện diện, và những tương quan này tùy thuộc vào điểm tiến hoá của nhà chữa lành. Lại nữa, trong một trường hợp, thể xác của bệnh nhân là mục tiêu của nghệ thuật chữa lành, trong khi ở trường hợp kia chính linh hồn của bệnh nhân cảm nhận hiệu quả của năng lượng chữa lành. Trong trường hợp thứ nhất, nhà chữa lành làm việc với prana hay lưu chất

sinh lực hành tinh, còn trong trường hợp kia với năng lượng linh hồn.

We can therefore, on the basis of this Rule, divide healers into two groups: one group wielding the vital etheric fluid which we call prana, and the second group working on a much higher level and employing an ability to draw down soul energy into the body (or rather, the personality) of the healer and—from the required centre—to send it forth again into the appropriate centre in the patient's body, but this time through the stimulation of the patient's aura controlled by the patient's soul. The two types of energy are of a widely different quality, for one is purely of the personality and is sometimes called animal magnetism, [644] and the other is of the soul, involving a type of work called radiation.

Vì vậy, trên cơ sở của Quy luật này, chúng ta có thể chia các nhà chữa lành thành hai nhóm: một nhóm vận dụng lưu chất dĩ thái sinh lực mà chúng ta gọi là prana, và nhóm thứ hai làm việc ở một cấp độ cao hơn nhiều và sử dụng khả năng kéo năng lượng linh hồn xuống thân thể (hay đúng hơn là phàm ngã) của nhà chữa lành và—từ trung tâm cần thiết—gửi nó ra lần nữa vào trung tâm thích hợp trong thân thể bệnh nhân, nhưng lần này thông qua sự kích thích hào quang của bệnh nhân do linh hồn bệnh nhân kiểm soát. Hai loại năng lượng này có phẩm tính rất khác nhau, vì một loại hoàn toàn thuộc về phàm ngã và đôi khi được gọi là *từ điện động vật*, [644] còn loại kia thuộc về linh hồn, bao hàm một loại công việc được gọi là bức xạ.

It should be noted here that in reality we have three types of healers:

Ở đây cần lưu ý rằng trên thực tế chúng ta có ba loại nhà chữa lành:

1. The healer who works purely through magnetism and brings to bear the healing vital life of the planetary etheric body as it uses his individual etheric body as a channel whereby prana can pour into the vital body of the patient.

1. Nhà chữa lành làm việc hoàn toàn qua từ điện và vận dụng sự sống sinh lực chữa lành của thể dĩ thái hành tinh khi nó dùng thể dĩ thái cá nhân của y như một kênh để prana có thể tuôn vào thể sinh lực của bệnh nhân.

2. The healer who works on a higher level, and necessarily therefore with a higher type of patient; he uses the energy of his own overshadowing soul in conjunction with the energy of his individualised soul, and thereby radiates it forth into the soul of the patient, via both of the auras.

2. Nhà chữa lành làm việc ở cấp độ cao hơn, và do đó tất yếu với một loại bệnh nhân cao hơn; y sử dụng năng lượng của linh hồn phủ bóng của chính mình kết hợp với năng lượng của linh hồn biệt ngã hóa của mình, và nhờ đó bức xạ nó vào linh hồn của bệnh nhân, qua cả hai hào quang.

3. The healer who can employ both techniques and whose range of contacts and possibilities of usefulness are far greater than the other two. He can employ with

3. Nhà chữa lành có thể sử dụng cả hai kỹ thuật và có phạm vi tiếp xúc cùng khả năng hữu dụng lớn hơn nhiều so với hai loại kia. Y có thể sử dụng với sự dễ dàng ngang nhau

equal facility the energy of the soul or the vital pranic force, and has therefore mastered the two techniques which govern the two sets of related faculties. This class of healer is much rarer than the other two.

năng lượng linh hồn hoặc mãnh lực prana sinh lực, và vì vậy đã làm chủ hai kỹ thuật chi phối hai bộ năng lực liên hệ. Loại nhà chữa lành này hiếm hơn nhiều so với hai loại kia.

At present, in the modern world, there is no true system of spiritual healing taught to would-be healers. There is instead an effort to base the whole procedure, plus the techniques employed, on purely mental levels, on systems of affirmation, modes of prayer, stimulation of the patient's will-to-live, and occasionally the use of magnetic or hypnotic passes in relation to the etheric body: various forms of applied subjective thinking are taught, but no true formula for an intelligent and expected cure, only the vague faith of the healer and of the patient and a blind autosuggestion [645] as to what the recognition and affirmation of divinity ought to produce.

Hiện nay, trong thế giới hiện đại, không có hệ thống chữa lành tinh thần chân chính nào được dạy cho những người muốn trở thành nhà chữa lành. Thay vào đó là một nỗ lực đặt toàn bộ tiến trình, cùng các kỹ thuật được sử dụng, trên các cấp độ thuần trí tuệ, trên các hệ thống khẳng định, các phương thức cầu nguyện, sự kích thích ý chí-sống của bệnh nhân, và đôi khi là việc dùng các động tác từ tính hay thôi miên liên quan đến thể dĩ thái: nhiều hình thức tư tưởng chủ quan được áp dụng được giảng dạy, nhưng không có công thức chân chính nào cho một sự chữa lành thông minh và có thể trông đợi, mà chỉ có niềm tin mơ hồ của nhà chữa lành và của bệnh nhân cùng một sự tự ám thị mù quáng [645] về điều mà sự nhận biết và khẳng định thiên tính lẽ ra phải tạo ra.

True healing, however, is based on certain broad principles which require definite mental acceptance; the methods, nevertheless, which are employed are as definitely physical, using the etheric currents and the centres in the etheric body, as the laying on of hands and the establishing of relations which affect the physical body, and which are not at all of a mental nature and do not require to be appropriated and held by the mind of the patient. The etheric body is physical in nature, and this must not be forgotten and needs frequent reiteration. As we have earlier seen, there are three basic principles, affirmed and believed by the healer who is greatly aided if the patient accepts them also:

Tuy nhiên, sự chữa lành chân chính dựa trên một số nguyên lý rộng lớn đòi hỏi sự chấp nhận trí tuệ rõ rệt; tuy vậy, các phương pháp được sử dụng lại rõ rệt là hồng trần, dùng các dòng dĩ thái và các trung tâm trong thể dĩ thái, cũng như việc đặt tay và thiết lập các mối liên hệ ảnh hưởng đến thể xác, và hoàn toàn không có bản chất trí tuệ cũng không đòi hỏi phải được thể trí của bệnh nhân tiếp nhận và giữ lấy. Thể dĩ thái có bản chất hồng trần, và điều này không được quên và cần được nhắc lại thường xuyên. Như chúng ta đã thấy trước đây, có ba nguyên lý căn bản, được nhà chữa lành khẳng định và tin tưởng, và y được trợ giúp rất nhiều nếu bệnh nhân cũng chấp nhận chúng:

1. There is no reality in separation. The planetary etheric body is a whole, unbroken and continuous; of this etheric body, those of the healer and the patient are integral, intrinsic parts.

1. Không có thực tại nào trong sự phân ly. Thể dĩ thái hành tinh là một toàn thể, không đứt đoạn và liên tục; trong thể dĩ thái này, thể dĩ thái của nhà chữa lành và của bệnh nhân là những phần toàn vẹn, nội tại.

2. There is an unbreakable (though probably unrealised) relationship between the healer's etheric body and that of the patient, which can be used when once contact has been induced, for a definite circulation of energies.

2. Có một mối liên hệ không thể phá vỡ (dù có lẽ không được nhận biết) giữa thể dĩ thái của nhà chữa lành và của bệnh nhân, có thể được sử dụng một khi tiếp xúc đã được tạo ra, cho một sự lưu chuyển năng lượng xác định.

3. The channels of relationship can be conductors of many different types of energy, transmitted by the healer to the patient. In this fact lies both hope and danger.

3. Các kênh liên hệ có thể là những vật dẫn của nhiều loại năng lượng khác nhau, được nhà chữa lành truyền cho bệnh nhân. Chính trong sự kiện này có cả hy vọng lẫn nguy hiểm.

There are other principles, but in connection with this Rule these three are essential and explanatory. Much consequently depends upon the knowledge, the understanding and the perceptiveness of the healer. The danger in both radiatory healing and magnetic healing consists in the fact that [646] where there is no trained healer, the amount of prana brought in or of soul energy distributed may produce death, as well as life. A healer may charge his etheric body with so much prana and project it so violently into the etheric body of the patient that he may do far more harm than good. Only long practice can teach the healer the right amount of energy to emit, and to learn this he would do well to use as little energy as possible, gradually increasing the quantity as he attains skill in action. Speaking in a broad and general way, and with the reminder that there are many exceptions to all rules, the magnetic healer will work with less developed people than will the spiritual healer using soul radiation, and he will deal primarily with those

Còn có những nguyên lý khác, nhưng liên quan đến Quy luật này thì ba nguyên lý này là thiết yếu và có tính giải thích. Do đó, nhiều điều tùy thuộc vào tri thức, sự thấu hiểu và khả năng cảm nhận tinh tế của nhà chữa lành. Mối nguy trong cả chữa lành bằng bức xạ lẫn chữa lành bằng từ tính nằm ở chỗ [646] khi không có nhà chữa lành *được huấn luyện*, lượng prana được đưa vào hay năng lượng linh hồn được phân phối có thể gây ra cái chết cũng như sự sống. Một nhà chữa lành có thể nạp vào thể dĩ thái của mình quá nhiều prana và phóng chiếu nó quá mãnh liệt vào thể dĩ thái của bệnh nhân đến nỗi y có thể gây hại nhiều hơn lợi. Chỉ có thực hành lâu dài mới có thể dạy nhà chữa lành lượng năng lượng đúng cần phát ra, và để học điều này, y nên dùng càng ít năng lượng càng tốt, rồi dần dần tăng số lượng khi đạt được kỹ năng trong hành động. Nói một cách rộng và tổng quát, và xin nhắc rằng có nhiều ngoại lệ đối với mọi quy luật, nhà chữa lành từ tính sẽ làm việc với những người kém phát triển hơn so với nhà chữa lành tinh thần dùng bức xạ linh hồn, và y sẽ chủ

diseases which are found below the diaphragm. Spiritual healers work primarily with the upper part of the body, through the centres above the diaphragm and with the head centre, thereby controlling all centres in the entire body. Their work is most delicate and subtle and involves far greater risks. The true healer who is an initiate employs both methods with equal facility.

yếu chữa trị những bệnh được tìm thấy bên dưới cơ hoành. Các nhà chữa lành tinh thần chủ yếu làm việc với phần trên của thân thể, qua các trung tâm phía trên cơ hoành và với trung tâm đầu, nhờ đó kiểm soát mọi trung tâm trong toàn thân thể. Công việc của họ tinh tế và vi tế hơn nhiều và bao hàm những rủi ro lớn hơn nhiều. Nhà chữa lành chân chính là một điểm đạo đồ sử dụng cả hai phương pháp với sự dễ dàng ngang nhau.

It is interesting, though not particularly useful to you, to point out that there are two other classes of healers who are sometimes found. They work quite differently to either of the methods mentioned above. They are:

Thật lý thú, dù không đặc biệt hữu ích cho các bạn, khi chỉ ra rằng còn có hai loại nhà chữa lành khác đôi khi được tìm thấy. Họ làm việc hoàn toàn khác với cả hai phương pháp đã nêu trên. Họ là:

1. Certain healers—few and far between—who have set up a relation with the spirit of the earth, the Ruler of all the lunar lords. Under certain formulas and given a certain amount of practice, these healers can invoke his aid and—in fact—command it. I do not advise any interested student to ponder overmuch along this line or to endeavour to set up a contact or to invoke his aid. Only initiates of high degree can deal safely with this powerful involutionary Elemental; they do so [647] only in connection with epidemics and international catastrophes such as the world war, in which thousands and thousands of bodies were involved. An individual not highly developed who endeavoured to establish rapport would probably only succeed in stimulating the lunar lords of his own little system to such an extent that his lower nature would be unduly energised—sometimes even to the point of death.

1. Một số nhà chữa lành—rất hiếm—đã thiết lập được một mối liên hệ với tinh linh địa cầu, Đấng cai quản mọi nguyệt tinh quân. Dưới những công thức nhất định và với một mức độ thực hành nào đó, các nhà chữa lành này có thể khẩn cầu sự trợ giúp của y và—thực ra—ra lệnh cho nó. Tôi không khuyên bất kỳ đạo sinh quan tâm nào suy ngẫm quá nhiều theo đường hướng này hay cố gắng thiết lập tiếp xúc hoặc khẩn cầu sự trợ giúp của y. Chỉ các điểm đạo đồ cấp cao mới có thể xử lý an toàn Hành khí giáng hạ tiến hoá đầy quyền năng này; Các Ngài làm như vậy [647] chỉ liên quan đến các dịch bệnh và các thảm họa quốc tế như chiến tranh thế giới, trong đó hàng ngàn và hàng ngàn thể xác có liên quan. Một cá nhân không phát triển cao mà cố gắng thiết lập sự giao cảm có lẽ chỉ thành công trong việc kích thích các nguyệt tinh quân của hệ nhỏ bé riêng của mình đến mức bản chất thấp của y bị tiếp sinh lực quá mức—đôi khi thậm chí đến mức chết.

2. Other healers, not as few as in the above group but relatively few, work in cooperation with a healing deva. Such devas exist and have the power of bestowing life.

2. Những nhà chữa lành khác, không hiếm như nhóm trên nhưng tương đối ít, làm việc trong sự hợp tác với một thiên thần chữa lành. Những thiên thần như vậy có tồn tại và

They are to the involutionary lunar lords what the great Lives at Shamballa are to us. They are not a menace to humanity but are not readily reached, except at a certain stage upon the Path where, symbolically speaking, a door or point of contact exists between the two evolutions, for the devas are not upon the involutionary arc. Relations are established through affinity, but this can be brought about only by the deva and not by the healer. If the healer is very advanced, his Master may instruct one of the serving devas to aid him. Only healers of great purity and of completely selfless motive can attract these angels, and when they do, the potency of their healing is much greater; they make fewer mistakes. They do not, for instance, attempt to heal patients for whom there is no healing possibility. The Angel of Death (and this time I am not speaking symbolically but am referring to an existing deva) will not permit a healing deva to collaborate: they are only permitted to approach where healing is indicated.

có quyền năng ban phát sự sống. Đối với các nguyệt tinh quân giáng hạ tiến hoá, họ cũng như các Sự sống vĩ đại tại Shamballa đối với chúng ta. Họ không phải là mối đe dọa cho nhân loại nhưng không dễ tiếp cận, ngoại trừ ở một giai đoạn nào đó trên Con Đường, nơi—nói một cách biểu tượng—có một cánh cửa hay điểm tiếp xúc tồn tại giữa hai cuộc tiến hoá, vì các thiên thần không ở trên cung giáng hạ tiến hoá. Các mối liên hệ được thiết lập qua sự tương hợp, nhưng điều này chỉ có thể được mang lại bởi thiên thần chứ không phải bởi nhà chữa lành. Nếu nhà chữa lành rất tiến bộ, Chân sư của y có thể chỉ thị cho một trong các thiên thần phụng sự trợ giúp y. Chỉ những nhà chữa lành có sự thanh khiết lớn lao và động cơ hoàn toàn vị tha mới có thể thu hút các thiên thần này, và khi họ làm được như vậy, tiềm lực chữa lành của họ lớn hơn nhiều; họ phạm ít sai lầm hơn. Chẳng hạn, họ không cố chữa cho những bệnh nhân mà đối với họ không có khả năng chữa lành. Thiên Thần của Cái Chết (và lần này tôi không nói theo biểu tượng mà đang nói đến một thiên thần hiện hữu) sẽ không cho phép một thiên thần chữa lành cộng tác: họ chỉ được phép đến gần nơi nào việc chữa lành được chỉ định.

We might now take the sentences in this Rule and study their meaning, as there are more significances in them than appear upon the surface. The first sentence in each [648] paragraph of this Rule starts with an important injunction to the healer:

Bây giờ chúng ta có thể lấy các câu trong Quy luật này và nghiên cứu ý nghĩa của chúng, vì trong đó có nhiều thâm nghĩa hơn là vẻ ngoài biểu lộ. Câu đầu tiên trong mỗi [648] đoạn của Quy luật này bắt đầu bằng một huấn lệnh quan trọng dành cho nhà chữa lành:

The healer must seek to link his soul, his heart, his brain and his hands. Thus can he pour the vital healing force upon the patient.

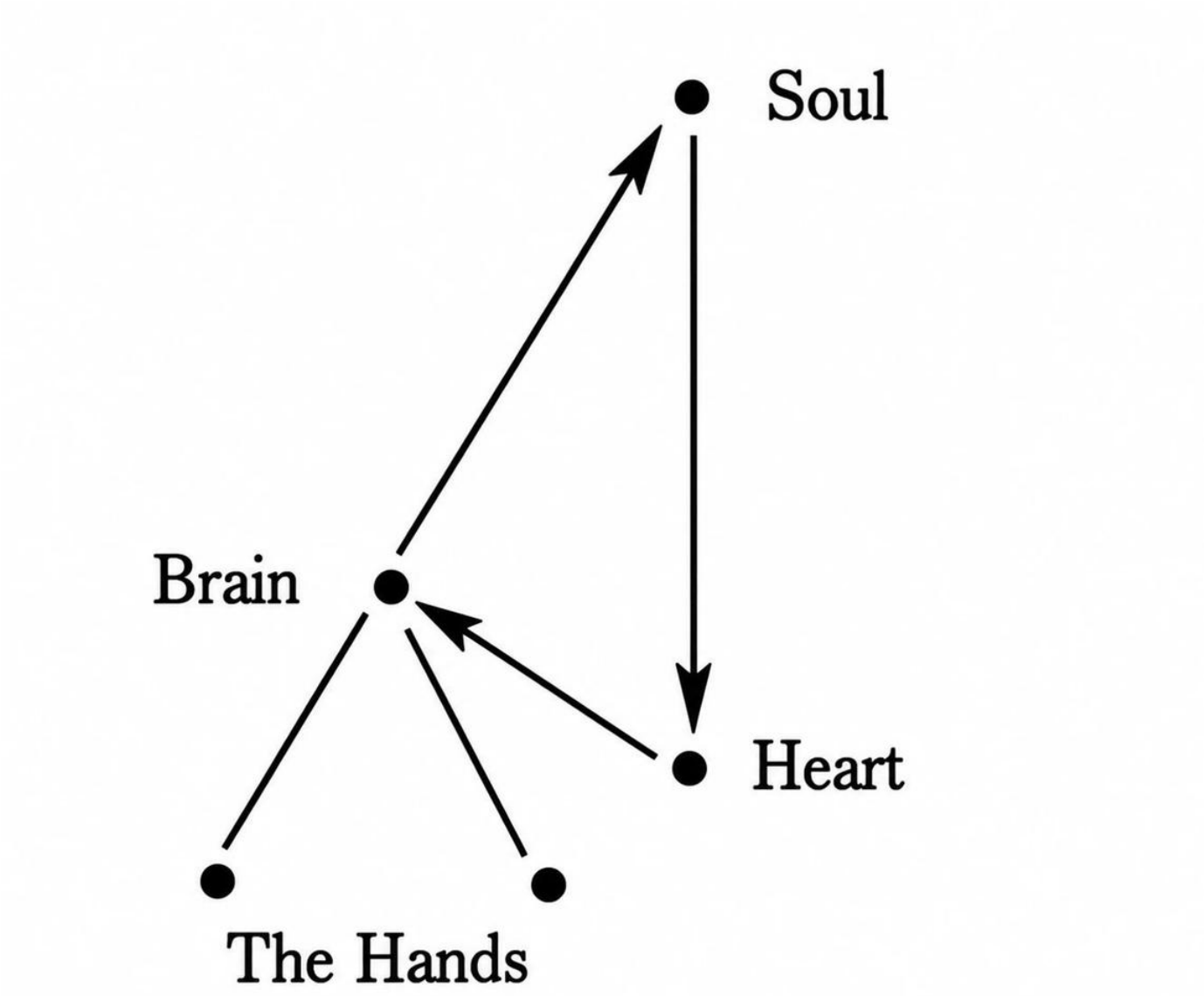
Nhà trị liệu phải tìm cách nối kết linh hồn, trái tim, bộ não và đôi tay của mình. Nhờ đó, y có thể tuôn đổ mãnh lực chữa lành mang sinh lực lên bệnh nhân.

This is the technique of the lowest type of true spiritual healer, and for this reason two

Đây là kỹ thuật của loại nhà chữa lành tinh thần chân chính thấp nhất, và vì lý do này

of the aspects of the dense physical body are included: the brain and the hands. The healer works, therefore, through a triangle and two lines of energy. The situation can be depicted in the following diagram:

mà hai phương diện của thể xác đậm đặc được bao gồm: bộ não và hai bàn tay. Vì vậy, nhà chữa lành làm việc qua một tam giác và hai đường năng lượng. Tình huống này có thể được mô tả trong sơ đồ sau:



The triangle is completed when the healing work is done and the energy is withdrawn from the hands to the brain again and from thence returned by an act of the will to the soul. When the healer (through practiced alignment) has linked up with his soul, he then draws the soul energy down into his heart centre, from whence he transfers it to the brain, where it is definitely focussed using the ajna centre as a distributing centre, he then uses his hands as the agency

Tam giác được hoàn tất khi công việc chữa lành được thực hiện và năng lượng được rút từ hai bàn tay trở lại bộ não và từ đó được trả về linh hồn bằng một hành vi của ý chí. Khi nhà chữa lành (qua sự chỉnh hợp đã được thực hành) đã liên kết với linh hồn của mình, y kéo năng lượng linh hồn xuống trung tâm tim, từ đó y chuyển nó đến bộ não, nơi nó được tập trung rõ rệt bằng cách dùng trung tâm ajna như một trung tâm phân phối; rồi y dùng hai bàn tay như tác

through which the directed energy can reach that area in the patient's body where the seat of the trouble is to be found. He passes the energy into the patient's approximate centre which governs the distressed area, from which it [649] permeates the surrounding part of the body, penetrating both to the centre of the trouble and to the limits of the distressed area.

nhân mà qua đó năng lượng được định hướng có thể đến khu vực trong thân thể bệnh nhân nơi phát sinh rối loạn. Y truyền năng lượng vào trung tâm gần đúng của bệnh nhân đang chi phối khu vực đau yếu, từ đó nó [649] thấm khắp phần chung quanh của thân thể, xuyên vào cả trung tâm của sự rối loạn lẫn các giới hạn của khu vực đau yếu.

There are two ways in which he uses his hands, and two methods which he employs:

Có hai cách y dùng hai bàn tay, và hai phương pháp y sử dụng:

1. The laying on of hands. This method is employed when the diseased area is strictly localised. The hands are laid on the centre in spine or head which may govern that area—the right hand being laid upon the spinal centre and the left hand on the part of the body immediately in front of the special area and over the part of the abdomen, chest or head in which the patient complains of distress. They are held in this position as long as the healer can hold the triangle of soul, heart and brain clearly in consciousness.

1. *Đặt tay lên.* Phương pháp này được dùng khi khu vực bệnh được định vị chặt chẽ. Hai bàn tay được đặt lên trung tâm ở cột sống hay đầu có thể chi phối khu vực đó—bàn tay phải đặt lên trung tâm cột sống và bàn tay trái đặt lên phần của thân thể ngay phía trước khu vực đặc thù ấy và trên phần bụng, ngực hay đầu nơi bệnh nhân than phiền đau đớn. Chúng được giữ ở vị trí này chừng nào nhà chữa lành còn có thể giữ tam giác linh hồn, tim và bộ não rõ ràng trong tâm thức.

2. The use of the hands in action. Here the healer, having ascertained the difficulty and then located the needed centre up the spine or in the head, creates a circulation of energy (through the action of his hands) through the centre in the patient's body controlling the distressed area, and thence outwards through that area towards himself. He uses the right hand first, holding it momentarily over the diseased organ or area and slowly withdraws it towards himself; he follows this rapidly with the left hand which works in the same manner. Both hands, you will note, are now being used positively. No part or aspect of the healer's body or bodies is ever permitted to be negative, and the fiction that the right hand is positive and the left

2. *Dùng hai bàn tay trong hành động.* Ở đây nhà chữa lành, sau khi đã xác định khó khăn và rồi định vị trung tâm cần thiết dọc cột sống hay trong đầu, tạo ra một sự lưu chuyển năng lượng (qua hành động của hai bàn tay) xuyên qua trung tâm trong thân thể bệnh nhân đang kiểm soát khu vực đau yếu, và từ đó đi ra ngoài qua khu vực ấy hướng về phía mình. Trước hết y dùng bàn tay phải, giữ nó trong chốc lát trên cơ quan hay khu vực bị bệnh rồi chậm rãi rút nó về phía mình; tiếp đó y nhanh chóng dùng bàn tay trái, bàn tay này làm việc theo cùng một cách. Các bạn sẽ lưu ý rằng giờ đây cả hai bàn tay đều được dùng với cực tính dương. Không phần nào hay phương diện nào của thân thể hay các thể của nhà chữa lành bao

hand is negative will have to be discarded. If one hand was negative, the healer would be liable to absorb into himself those diseased atoms which, when successful, he draws out of the area of distress. These do not respond to the action of his [650] hands through the medium of the centre in the patient's body nearest to the seat of trouble, but are drawn out through the area which has responded to the disease.

giờ được phép mang cực tính âm, và điều hư cấu rằng bàn tay phải mang cực tính dương còn bàn tay trái mang cực tính âm sẽ phải bị loại bỏ. Nếu một bàn tay mang cực tính âm, nhà chữa lành sẽ có nguy cơ hấp thu vào mình những nguyên tử bệnh hoạn mà, khi thành công, y kéo ra khỏi khu vực đau yếu. Những nguyên tử này không đáp ứng với hành động của [650] hai bàn tay của y qua trung tâm trong thân thể bệnh nhân gần nhất với nơi phát sinh rối loạn, mà bị kéo ra qua khu vực đã đáp ứng với bệnh.

In the first case, through the laying on of hands, of silent hands, of quiet hands, the energy flow is between the two hands, back and forth within the diseased area; the spinal centre is used all the time, and the activity set up, when successful, burns up and absorbs the forces causing the trouble without penetrating the body of the healer. In the second case, the forces are withdrawn by the action of the energy passing through the hands, applied one after the other in a regular time rhythm. They pass through the hands, but are unable to focus themselves there, owing to the concentration of the healing energies within the hands.

Trong trường hợp thứ nhất, qua việc đặt tay lên, của những bàn tay im lặng, của những bàn tay tĩnh tại, dòng năng lượng đi giữa hai bàn tay, qua lại trong khu vực bệnh; trung tâm cột sống được dùng suốt thời gian, và hoạt động được thiết lập, khi thành công, sẽ thiêu hủy và hấp thu các mãnh lực gây ra sự rối loạn mà không xuyên vào thân thể của nhà chữa lành. Trong trường hợp thứ hai, các mãnh lực được rút ra bởi tác động của năng lượng đi qua hai bàn tay, được áp dụng lần lượt theo một nhịp điệu thời gian đều đặn. Chúng đi qua hai bàn tay, nhưng không thể tự tập trung ở đó, do sự tập trung của các năng lượng chữa lành bên trong hai bàn tay.

Healers on the second, third and fifth rays use more generally the mode of laying on of hands or magnetic healing. This term applies to the direct act of laying on of hands upon the patient's physical body, and not to the action of the hands in the second method, when the hands are immersed in the etheric body of the patient and are definitely working in etheric matter. Healers on the first, fourth and seventh rays use the mode of "hand immersion," as it is sometimes called. The sixth ray healer is rare and is successful only when highly developed; he will then use both methods interchangeably. All spiritually advanced

Các nhà chữa lành thuộc cung hai, cung ba và cung năm thường dùng phương thức đặt tay lên hay *chữa lành từ tính*. Thuật ngữ này áp dụng cho hành động trực tiếp đặt tay lên thể xác của bệnh nhân, chứ không phải cho hành động của hai bàn tay trong phương pháp thứ hai, khi hai bàn tay được nhúng vào thể dĩ thái của bệnh nhân và rõ rệt đang làm việc trong vật chất dĩ thái. Các nhà chữa lành thuộc cung một, cung bốn và cung bảy dùng phương thức "nhúng tay," như đôi khi nó được gọi. Nhà chữa lành cung sáu thì hiếm và chỉ thành công khi phát triển cao; khi ấy y sẽ dùng cả hai phương pháp thay thế cho nhau. Mọi nhà chữa lành tiến bộ về

healers use both hands. Healers are, however, advised first of all to ascertain their ray, and then to perfect themselves in the type or mode of healing best suited to that ray; then, when adequately efficient and able to use facility and skill, they can add the mode of healing which is not so adaptable to their ray type. People on the sixth ray are advised to abstain from the healing art until they have arrived (consciously) at the [651] initiate stage. When both modes of magnetic healing have been mastered, the healer may employ both alternately in the act of healing, or he may use the mode of magnetic passes first so as to set up a changed activity in the diseased area, and then finally use a definite laying on of hands.

tinh thần đều dùng cả hai bàn tay. Tuy nhiên, trước hết các nhà chữa lành được khuyên nên xác định cung của mình, rồi hoàn thiện bản thân trong loại hay phương thức chữa lành thích hợp nhất với cung đó; sau đó, khi đã đủ hiệu quả và có thể sử dụng sự dễ dàng cùng kỹ năng, họ có thể thêm phương thức chữa lành không thích hợp bằng với loại cung của mình. Những người thuộc cung sáu được khuyên nên tránh nghệ thuật chữa lành cho đến khi họ đã đạt tới (một cách hữu thức) giai đoạn [651] điểm đạo đồ. Khi cả hai phương thức chữa lành từ tính đã được làm chủ, nhà chữa lành có thể dùng cả hai luân phiên trong hành động chữa lành, hoặc y có thể dùng phương thức các động tác từ tính trước để thiết lập một hoạt động đã thay đổi trong khu vực bệnh, rồi cuối cùng dùng một sự đặt tay rõ rệt.

At the close of the healing period the "sealing of the triangle" takes place. The energy, hitherto passing into the hands through the ajna centre from the brain, is withdrawn into the ajna centre, and from thence directed—by an act of the will—to the soul. The healing force is literally "turned off" and redirected; it is no longer available.

Vào cuối thời kỳ chữa lành, việc "niêm phong tam giác" diễn ra. Năng lượng, cho đến lúc đó đi vào hai bàn tay qua trung tâm ajna từ bộ não, được rút vào trung tâm ajna, và từ đó được định hướng—bằng một hành vi của ý chí—đến linh hồn. Mãnh lực chữa lành theo nghĩa đen được "tắt đi" và tái định hướng; nó không còn sẵn dùng nữa.

During the entire period of healing the healer says nothing. He is making no affirmation and uses no healing mantram. The process outlined here is that of the effect of energy or soul potency playing upon force. This is a point to be emphasised. The task of the healer is to preserve an attitude of intense concentration upon the triangle "existing in living lines of energy" (as it has been called) within his own fourfold aura-health aura, etheric body, astral body and mental body. This he must preserve intact and stable for the entire period of healing. Soul-heart-brain must be linked in such a

Trong suốt toàn bộ thời kỳ chữa lành, nhà chữa lành không nói gì. Y không đưa ra sự khẳng định nào và không dùng mantram chữa lành nào. Tiến trình được phác họa ở đây là tiến trình của hiệu quả của năng lượng hay tiềm lực linh hồn tác động lên mãnh lực. Đây là một điểm cần được nhấn mạnh. Nhiệm vụ của nhà chữa lành là duy trì một thái độ tập trung mãnh liệt vào tam giác "hiện hữu trong những đường năng lượng sống động" (như nó đã được gọi) bên trong hào quang tứ phân của chính y—hào quang sức khỏe, thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí. Y phải giữ điều này nguyên vẹn và ổn

"lighted" manner that a true clairvoyant would see a brilliant triangle in the healer's aura; the highest point of the triangle (that of the soul) he might fail to see unless he were himself highly developed, but he could not fail to see the signs of it in the inflaming energy to the heart and from the heart to the brain. The work done is silent work. There is therefore no loss of power at any time, as there always is through the spoken word or affirmation. It is not possible to hold the triangle geometrically correct and magnetically polarised if there is any sound made by the healer. This presupposes an advanced stage of alignment and of concentration and will [652] indicate to you some of the lines along which the healer's training should go.

định trong suốt toàn bộ thời kỳ chữa lành. Linh hồn-tim-bộ não phải được liên kết theo một cách "được soi sáng" đến nỗi một nhà thông nhãn chân chính sẽ thấy một tam giác rực sáng trong hào quang của nhà chữa lành; điểm cao nhất của tam giác (điểm của linh hồn) có thể ông không thấy được trừ khi chính ông phát triển cao, nhưng ông không thể không thấy các dấu hiệu của nó trong năng lượng bốc cháy đến tim và từ tim đến bộ não. Công việc được thực hiện là công việc *im lặng*. Vì vậy, không có sự mất mát quyền năng vào bất kỳ lúc nào, như luôn luôn có qua lời nói hay sự khẳng định được phát ra. Không thể giữ tam giác đúng về mặt hình học và được phân cực từ tính nếu nhà chữa lành phát ra bất kỳ âm thanh nào. Điều này giả định một giai đoạn chỉnh hợp và tập trung tiến bộ, và sẽ [652] chỉ cho các bạn một số đường hướng mà sự huấn luyện của nhà chữa lành nên đi theo.

This mode of healing "cures disease or increases the evil state, according to the knowledge of the healer." In some respects (though this is a stage of healing which is not the highest) it is nevertheless the one most responsible because, in the case of radiatory healing, the soul of the patient is working in cooperation with the healer and it is the soul then which has the major responsibility. In magnetic healing, the healer needs to cooperate closely with the patient's physician or surgeon dealing with the case; he will supply the technical knowledge, and thus prevent the healer from making mistakes.

Phương thức chữa lành này "chữa bệnh hoặc làm tăng tình trạng xấu, tùy theo tri thức của nhà chữa lành." Ở một số phương diện (dù đây là một giai đoạn chữa lành không phải là cao nhất), tuy nhiên nó lại là giai đoạn chịu trách nhiệm nhiều nhất bởi vì, trong trường hợp chữa lành bằng bức xạ, linh hồn của bệnh nhân đang làm việc hợp tác với nhà chữa lành và khi ấy chính linh hồn giữ trách nhiệm chủ yếu. Trong chữa lành từ tính, nhà chữa lành cần hợp tác chặt chẽ với bác sĩ hay phẫu thuật viên của bệnh nhân đang xử lý ca bệnh; người này sẽ cung cấp tri thức kỹ thuật, và nhờ đó ngăn nhà chữa lành phạm sai lầm.

Where death is definitely indicated and the "signs of death" are noted by both the doctor and the healer, the healer has not need to stop his work. By continuing it, he may increase the evil condition, but will nevertheless be aiding the patient by

Khi cái chết được chỉ định rõ rệt và "các dấu hiệu của cái chết" được cả bác sĩ lẫn nhà chữa lành ghi nhận, nhà chữa lành không cần phải ngừng công việc của mình. Bằng cách tiếp tục nó, y có thể làm tăng tình trạng xấu, nhưng dù vậy vẫn sẽ trợ giúp bệnh

hastening normally the act of dying. The old proverb is basically not true in all cases, that "where there is life there is hope." Life can and often is prolonged alter the will of the soul is towards the withdrawal of the soul life; the life of the atoms of the lunar lords can be fostered for a long time, and this greatly distresses the spiritual man who is aware of the process and the intent of his soul. What is kept alive is the physical body, but the interest of the true man is no longer focussed there.

nhân bằng cách đẩy nhanh một cách bình thường hành động chết đi. Câu tục ngữ xưa về căn bản không đúng trong mọi trường hợp rằng "còn sống là còn hy vọng." Sự sống có thể và thường được kéo dài sau khi ý chí của linh hồn hướng về việc rút lui sự sống linh hồn; sự sống của các nguyên tử của các nguyệt tinh quân có thể được nuôi dưỡng trong một thời gian dài, và điều này gây đau khổ lớn cho con người tinh thần, là người ý thức được tiến trình và ý định của linh hồn mình. Điều được giữ sống là thể xác, nhưng mối quan tâm của con người chân chính không còn tập trung ở đó nữa.

There inevitably comes a point, for instance in the case of malignant disease, where the physician knows that it simply is a question of time, and the spiritual healer can learn to recognise the same signs. Then, instead of the present silence on the part of both healer and doctor, where the patient is concerned, this remaining time will be employed (if the patient's faculties permit) with due preparation or the "beneficent and happy withdrawal" of the soul; the patient's [653] family and friends will share in the preparation. In the early stages of the new world religion, this attitude towards death will be inculcated. An entirely new concept of death, with the emphasis upon conscious withdrawal, will be taught, and funeral services, or rather the crematory services, will be joyous events because their emphasis will be upon release and return.

Chẳng hạn, tất yếu sẽ đến một điểm, trong trường hợp bệnh ác tính, khi bác sĩ biết rằng đơn giản chỉ còn là vấn đề thời gian, và nhà chữa lành tinh thần có thể học cách nhận ra cùng những dấu hiệu ấy. Khi đó, thay vì sự im lặng hiện nay của cả nhà chữa lành lẫn bác sĩ đối với bệnh nhân, khoảng thời gian còn lại này sẽ được dùng (nếu các năng lực của bệnh nhân cho phép) để chuẩn bị thích đáng cho "sự rút lui đầy ân phúc và hạnh phúc" của linh hồn; gia đình và bạn bè của [653] bệnh nhân sẽ cùng tham gia sự chuẩn bị. Trong các giai đoạn đầu của tôn giáo thế giới mới, thái độ này đối với cái chết sẽ được truyền dạy. Một quan niệm hoàn toàn mới về cái chết, nhấn mạnh vào sự rút lui hữu thức, sẽ được giảng dạy, và các lễ tang, hay đúng hơn là các nghi lễ hỏa táng, sẽ là những sự kiện vui tươi vì trọng tâm của chúng sẽ đặt vào sự giải thoát và trở về.

The magnetic work, however, will cure if the patient's destiny indicates it, if the soul intends to prolong the life cycle unexpectedly in order to fulfill some duty, or if the patient is very far advanced spiritually and the Hierarchy requires his services for a longer term.

Tuy nhiên, công việc từ tính sẽ chữa lành nếu số mệnh của bệnh nhân chỉ ra điều đó, nếu linh hồn có ý định kéo dài chu kỳ sự sống một cách bất ngờ để hoàn thành một bổn phận nào đó, hoặc nếu bệnh nhân đã tiến bộ rất xa về tinh thần và Thánh Đoàn cần sự phụng sự của y trong một thời gian lâu hơn.

Let us now consider radiatory healing.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến chữa lành bằng bức xạ.

We shall now be dealing with a very different situation than that of the one we have just been considering. In radiatory healing, the patient (either consciously or unconsciously) is working with the healer and is cooperating with him. The basic premise in radiatory healing is that the patient is a person who has, at least to some degree, established rapport with his soul. This having been brought about, the healer knows that a channel of contact can be counted upon and that the soul interest can be evoked in its representative, the man upon the physical plane. He knows also that success in radiatory healing is dependent, to a great extent, upon the ability of his own soul to establish a firm relation with the soul of the patient. When the patient is conscious and able to cooperate, the work is greatly helped; according to the healer's capacity to avail himself of alignment and recognised contact will be the quality of the aid he will be able to give to the one who needs his assistance. When the patient is unconscious, even that provides no real hindrance, provided the healer can bring his soul and the patient's soul into relationship; in [654] fact in some cases the unconsciousness of the patient can be a help, for too earnest, emphatic and impatient help can offset the work—quiet, silent and controlled-by the healer.

Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến một tình huống rất khác với tình huống mà chúng ta vừa xem xét. Trong chữa lành bằng bức xạ, bệnh nhân (dù hữu thức hay vô thức) đang làm việc với nhà chữa lành và đang hợp tác với y. Tiền đề căn bản trong chữa lành bằng bức xạ là bệnh nhân là một người đã, ít nhất ở một mức độ nào đó, thiết lập được sự giao cảm với linh hồn của mình. Khi điều này đã được mang lại, nhà chữa lành biết rằng có thể trông cậy vào một kênh tiếp xúc và rằng *mối quan tâm của linh hồn* có thể được gợi lên nơi đại diện của nó, tức con người trên cõi hồng trần. Y cũng biết rằng thành công trong chữa lành bằng bức xạ tùy thuộc, ở mức độ lớn, vào khả năng của chính linh hồn y trong việc thiết lập một mối liên hệ vững chắc với linh hồn của bệnh nhân. Khi bệnh nhân tỉnh táo và có thể hợp tác, công việc được trợ giúp rất nhiều; tùy theo năng lực của nhà chữa lành trong việc tận dụng sự chỉnh hợp và tiếp xúc đã được nhận biết mà phẩm tính của sự trợ giúp y có thể đem lại cho người cần sự hỗ trợ của y sẽ như thế nào. Khi bệnh nhân bất tỉnh, ngay cả điều đó cũng không tạo ra trở ngại thực sự nào, miễn là nhà chữa lành có thể đưa linh hồn mình và linh hồn bệnh nhân vào mối liên hệ; thật ra, [654] trong một số trường hợp, tình trạng bất tỉnh của bệnh nhân có thể là một trợ giúp, vì sự trợ giúp quá sốt sắng, quá nhấn mạnh và thiếu kiên nhẫn có thể hóa giải công việc—tĩnh lặng, im lặng và được kiểm soát—do nhà chữa lành thực hiện.

Once, however, the rapport is established, the work of the healer simply consists in holding the relationship steady; no interference must be permitted in the work being done by the patient's soul, set in motion by the aid of the healer. The Master

Tuy nhiên, một khi sự giao cảm đã được thiết lập, công việc của nhà chữa lành chỉ đơn giản là giữ mối liên hệ ấy vững vàng; không được cho phép có sự can thiệp nào vào công việc đang được linh hồn của bệnh nhân thực hiện, vốn đã được khởi động nhờ

Jesus on the Cross could not respond to any saving process (even had He desired to do so) because the soul body—as is always the case at the fourth initiation-was destroyed; there was nothing to respond to the evocative power of an outside person, interested or loving. As an adept and as one in whom monadic consciousness was firmly established, the powers then available to Jesus could not be used in the saving of His physical body. At the same time, it must be remembered that He would have no desire to save it, because He now possessed the power (demonstrated later in the Gospel story) to create a body at will in order to meet His needs. The subtle and subjective sin of the apostles was that they were not interested in evoking the living activity of the Master on His Own behalf (even though He would never do so; this they did not know), but were entirely preoccupied with their own grief. The evocation, had they attempted it, would have been useless, but the good that might have come to them and the revelation they might have received as to the deathlessness of the soul would have greatly illuminated them and might have produced a Christianity built around a living Christ and not around a dead Christ.

sự trợ giúp của nhà chữa lành. Chân sư Jesus trên Thập Giá không thể đáp ứng với bất kỳ tiến trình cứu rỗi nào (ngay cả nếu Ngài muốn làm vậy) bởi vì thể linh hồn—như luôn luôn xảy ra ở lần điểm đạo thứ tư—đã bị hủy diệt; không còn gì để đáp ứng với quyền năng gợi lên của một người bên ngoài, dù quan tâm hay yêu thương. Là một chân sư và là một Đấng mà tâm thức chân thần đã được thiết lập vững chắc, các quyền năng khi ấy sẵn có cho Đức Jesus không thể được dùng để cứu thể xác của Ngài. Đồng thời, cần nhớ rằng Ngài sẽ không có mong muốn cứu nó, bởi vì giờ đây Ngài sở hữu quyền năng (được chứng minh về sau trong câu chuyện Phúc Âm) để tạo ra một thân thể theo ý muốn nhằm đáp ứng nhu cầu của Ngài. Tội lỗi vi tế và chủ quan của các tông đồ là ở chỗ họ không quan tâm đến việc gợi lên hoạt động sống động của Chân sư vì lợi ích của Chính Ngài (dù Ngài sẽ không bao giờ làm như vậy; điều này họ không biết), mà hoàn toàn bận tâm với nỗi đau buồn của chính họ. Sự gợi lên, nếu họ đã cố thực hiện, sẽ vô ích, nhưng điều tốt lành có thể đến với họ và sự mặc khải họ có thể nhận được về tính bất tử của linh hồn hẳn đã soi sáng họ rất nhiều và có thể đã tạo ra một Cơ Đốc giáo được xây dựng quanh một Đức Christ sống chứ không phải quanh một Đức Christ đã chết.

In radiatory healing, we are told that “the healer must seek to link his soul, his brain, his heart and auric emanation.” You will note two points connected with this particular instruction which differ from that given in the case of magnetic healing: [655]

Trong chữa lành bằng bức xạ, chúng ta được bảo rằng “nhà chữa lành phải tìm cách liên kết linh hồn, bộ não, tim và sự phát xạ hào quang của mình.” Các bạn sẽ lưu ý hai điểm liên quan đến chỉ dẫn đặc thù này khác với chỉ dẫn được đưa ra trong trường hợp chữa lành từ tính: [655]

1. The order of the triangle of energies created is different.

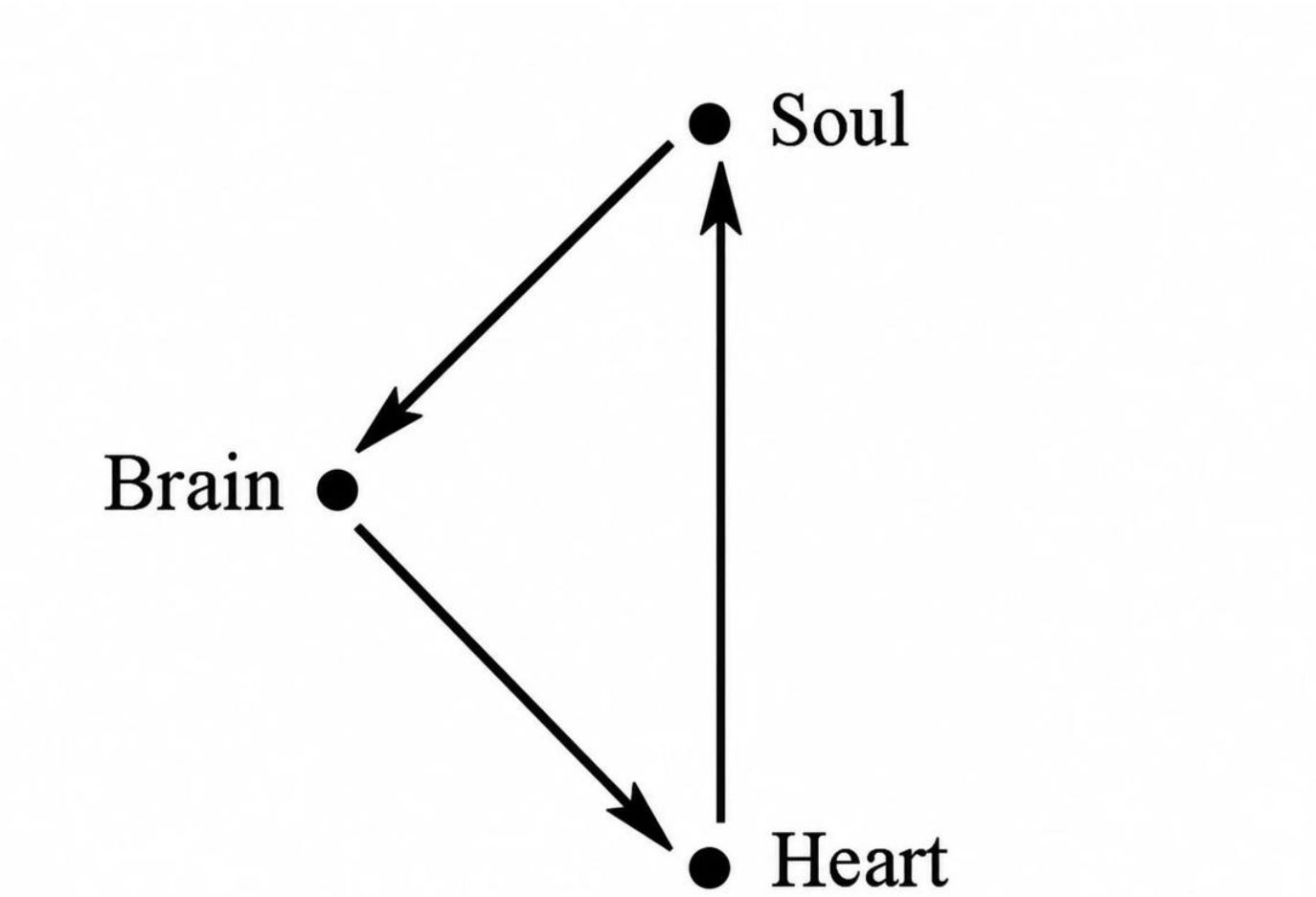
1. Trật tự của tam giác năng lượng được tạo ra là khác.

2. The means of contact are subtle and not tangible.

2. Phương tiện tiếp xúc thì vi tế chứ không hữu hình.

The energy released follows a direct line of contact with the brain, and the healer starts with a closed triangle and not with an open one, as in the case of magnetic healing. The triangle created is a simple one, and there is no physical contact and outlet as in magnetic healing:

Năng lượng được giải phóng đi theo một đường tiếp xúc trực tiếp với bộ não, và nhà trị liệu bắt đầu với một tam giác khép kín chứ không phải với một tam giác mở, như trong trường hợp trị liệu từ tính. Tam giác được tạo ra là một tam giác đơn giản, và không có sự tiếp xúc hồng trần hay lối thoát nào như trong trị liệu từ tính:



The brain of the healer is involved, but there is no physical contact of any kind with the patient. The result is a constant circulation of force from the soul back again to the soul. This causes necessarily an augmenting and an energising of the threefold personality of the healer, and therefore of his auric emanation. His aura would be seen by a clairvoyant as greatly extended, in rapid motion, and energised by light from his own soul, but with all its radiation turned in the

Bộ não của nhà trị liệu có tham dự, nhưng không có bất kỳ sự tiếp xúc hồng trần nào với bệnh nhân. Kết quả là một sự tuần hoàn mãnh lực liên tục từ linh hồn rồi trở lại linh hồn. Điều này tất yếu gây nên sự gia tăng và tiếp sinh lực cho phàm ngã tam phân của nhà trị liệu, và do đó cho sự phát xạ hào quang của y. Hào quang của y sẽ được một nhà thông nhãn nhìn thấy là mở rộng rất lớn, chuyển động nhanh, và được tiếp năng lượng bởi ánh sáng từ chính linh hồn của y,

direction of the patient. By this means the healing force of the healer stimulates all the three personality vehicles of the patient; the patient's soul is aided in the work it has to do. The healer will consequently find it necessary to stand at that side of the patient in which the trouble is located, so that the radiation of his aura can more easily penetrate. This is the easiest way, but not the most effective. Where the patient's vitality is strong, he [656] should lie on the side, and the healer should stand behind the patient so that the energy pouring through, which the healer may be using and which is potently energising his aura with soul energy, may affect the patient's aura and thus facilitate the entry of the healing radiation, which the healer is contributing, to the centre or centres needed. Where the patient is very highly developed, the healer should stand at the patient's head. His personal effect is not then so great, but that does not matter because it is not needed; the soul of the patient will be adequate to the task. All that is needed is that the aura of the healer, blending with that of the patient, creates a tone of quiet rhythmic activity around the head centre. No physical contact by the hands is now required, and the healer must on no account touch the patient.

nhưng toàn bộ bức xạ của nó đều hướng về phía bệnh nhân. Bằng phương tiện này, mãnh lực trị liệu của nhà trị liệu kích thích cả ba vận cụ phàm ngã của bệnh nhân; linh hồn của bệnh nhân được trợ giúp trong công việc mà nó phải làm. Do đó, nhà trị liệu sẽ thấy cần phải đứng ở phía bệnh nhân nơi có chỗ rối loạn, để bức xạ của hào quang y có thể xuyên thấu dễ dàng hơn. Đây là cách dễ nhất, nhưng không phải là cách hữu hiệu nhất. Khi sinh lực của bệnh nhân mạnh, y [656] nên nằm nghiêng, và nhà trị liệu nên đứng phía sau bệnh nhân để năng lượng tuôn qua, mà nhà trị liệu có thể đang sử dụng và đang tiếp năng lượng mạnh mẽ cho hào quang của y bằng năng lượng linh hồn, có thể tác động đến hào quang của bệnh nhân và nhờ đó tạo thuận lợi cho sự đi vào của bức xạ trị liệu mà nhà trị liệu đang đóng góp, đến trung tâm hay các trung tâm cần thiết. Khi bệnh nhân phát triển rất cao, nhà trị liệu nên đứng ở đầu bệnh nhân. Khi ấy tác động cá nhân của y không lớn lắm, nhưng điều đó không quan trọng vì không cần đến nó; linh hồn của bệnh nhân sẽ đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Tất cả những gì cần thiết là hào quang của nhà trị liệu, hòa lẫn với hào quang của bệnh nhân, tạo ra một âm điệu hoạt động nhịp nhàng yên tĩnh quanh trung tâm đầu. Lúc này không cần sự tiếp xúc hồng trần bằng tay, và nhà trị liệu tuyệt đối không được chạm vào bệnh nhân.

The situation is summed up for us in the words: "Thus can his presence feed the soul life of the patient. This is the work of radiation. The hands are needed not."

Tình huống này được tóm lược cho chúng ta trong những lời sau: "Như thế sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng sự sống linh hồn của bệnh nhân. Đây là công việc bức xạ. Không cần đến đôi tay."

Speaking symbolically, it is almost as if a great vortex of power were set up by the contact between the two auras and by their high vibration: by its means the soul of the patient can work more easily. An initiate, if

Nói theo biểu tượng, gần như thể một xoáy lực lớn được thiết lập bởi sự tiếp xúc giữa hai hào quang và bởi rung động cao của chúng: nhờ đó linh hồn của bệnh nhân có thể hoạt động dễ dàng hơn. Một điểm đạo đồ, nếu có

present, would see a golden stream of energy pouring straight down through the energised bodies of the patient's personality into the centre nearest to the area of trouble. Approach is made via the head centre directly to the point of difficulty, and towards this point the aura of the healer is also directed. The mental attitude of the patient is strengthened and clarified by the mental emanation of the healer's aura; his emotional reaction, often very powerful, is equally aided to attain dispassion and quiet, and the etheric and health auras have a definite effect upon the corresponding aspects of the patient's aura.

mặt, sẽ thấy một dòng năng lượng màu vàng kim tuôn thẳng xuống qua các thể được tiếp năng lượng của phàm ngã bệnh nhân vào trung tâm gần nhất với vùng rối loạn. Sự tiếp cận được thực hiện qua trung tâm đầu trực tiếp đến điểm khó khăn, và về phía điểm này hào quang của nhà trị liệu cũng được hướng tới. Thái độ trí tuệ của bệnh nhân được tăng cường và làm sáng tỏ bởi sự phát xạ trí tuệ từ hào quang của nhà trị liệu; phản ứng cảm xúc của y, thường rất mạnh, cũng được trợ giúp tương tự để đạt tới sự vô tư và yên tĩnh, và các hào quang dĩ thái và sức khỏe có một tác động rõ rệt lên các phương diện tương ứng trong hào quang của bệnh nhân.

[657]

[657]

Radiatory healing is brought about by the mingling of the two auras, both of them responsive to soul contact; the soul aspect of both persons (under control of the soul) is then directed towards some area of the patient's physical body. This produces a tremendous effect upon the diseased area, and the centre in that same locality becomes exceedingly energised. The work of the healer during this process is one of intense quiescence. Having made his contact, he simply waits and has nothing more to do but to hold his soul alignment steady and permit nothing to disturb his personality vehicles. His task was accomplished when he made his own soul contact and then reached out and contacted the patient's soul. This he could do because he knows all souls are one: eventually the art of healing will be one of the demonstrating factors in proving the unity of all souls.

Trị liệu bằng bức xạ được thực hiện nhờ sự hòa trộn của hai hào quang, cả hai đều đáp ứng với tiếp xúc linh hồn; khi ấy phương diện linh hồn của cả hai người (dưới sự kiểm soát của linh hồn) được hướng về một vùng nào đó trong thể xác của bệnh nhân. Điều này tạo ra một tác động to lớn lên vùng bị bệnh, và trung tâm ở cùng khu vực đó trở nên được tiếp năng lượng cực kỳ mạnh. Công việc của nhà trị liệu trong tiến trình này là một trạng thái tĩnh lặng mãnh liệt. Sau khi đã tạo được tiếp xúc, y chỉ đơn giản chờ đợi và không còn gì phải làm ngoài việc giữ vững sự chỉnh hợp linh hồn của mình và không cho phép bất cứ điều gì làm xáo trộn các vận cụ phàm ngã của y. Nhiệm vụ của y đã hoàn tất khi y tạo được tiếp xúc với chính linh hồn mình rồi vươn ra và tiếp xúc với linh hồn của bệnh nhân. Y có thể làm điều này vì y biết mọi linh hồn là một: cuối cùng nghệ thuật trị liệu sẽ là một trong những yếu tố chứng minh sự hợp nhất của mọi linh hồn.

This rule, therefore, concludes with the words: "The patient's soul responds through the response of his aura to the radiation of the healer's aura, Flooded with soul energy." It is consequently a question of the soul energy of both parties meeting on all three levels of human awareness. The expression "the soul" is here in the singular because unity (if only for a moment) has been reached. The soul of the patient recognises this unity by the "occult quickening" of his own aura and by its responsiveness to the entering radiations from the healer's aura. This flooding with soul energy through the medium of related auras is, all of it, directed as one unified effort towards the area of disease in the patient's body. You can see, therefore, that-consciously or unconsciously-the work can go forward and produce either healing or that "quickening of atoms which leads by soul direction unto release," as the Old commentary calls the act of dying.

Vì vậy, quy luật này kết thúc bằng những lời: "Linh hồn của bệnh nhân đáp ứng thông qua sự đáp ứng của hào quang y đối với bức xạ của hào quang nhà trị liệu, được tràn ngập năng lượng linh hồn." Do đó, đây là vấn đề năng lượng linh hồn của cả hai bên gặp nhau trên cả ba cấp độ nhận biết của con người. Cụm từ "linh hồn" ở đây ở số ít vì sự hợp nhất (dù chỉ trong chốc lát) đã đạt được. Linh hồn của bệnh nhân nhận ra sự hợp nhất này nhờ "sự làm sinh động huyền bí" của chính hào quang y và nhờ sự đáp ứng của nó đối với các bức xạ đi vào từ hào quang của nhà trị liệu. Sự tràn ngập năng lượng linh hồn này qua trung gian của các hào quang có liên hệ, toàn bộ đều được hướng như một nỗ lực hợp nhất duy nhất về phía vùng bệnh trong thân thể của bệnh nhân. Vì vậy, bạn có thể thấy rằng—một cách hữu thức hay vô thức—công việc có thể tiến hành và tạo ra hoặc sự chữa lành hoặc "sự làm sinh động các nguyên tử dẫn, dưới sự chỉ đạo của linh hồn, đến giải thoát," như *Cổ Luận* gọi hành động chết.

When it becomes evident that it is the patient's destiny to die, the technique of the healer alters somewhat. He [658] then takes his place at the patient's head, and from that point deflects all his own radiations to the seat of the disease, causing necessarily a great acceleration of vibratory activity. The patient, in the meantime, consciously through brain recognition or unconsciously under soul direction, begins the process of withdrawing all consciousness from the body. This is why so many people are in a coma prior to death. When this act of the withdrawal of consciousness has been started, the work of the healer ends. He "shuts off" his soul contact and reassumes control of his aura as a medium of his own spiritual expression; it becomes no longer an instrument for healing by radiatory activity,

Khi trở nên hiển nhiên rằng số mệnh của bệnh nhân là phải chết, kỹ thuật của nhà trị liệu thay đổi đôi chút. Khi ấy y [658] đứng vào vị trí ở đầu bệnh nhân, và từ điểm đó làm lệch tất cả các bức xạ của chính mình về nơi phát sinh bệnh, tất yếu gây nên một sự gia tốc lớn của hoạt động rung động. Trong khi đó, bệnh nhân, một cách hữu thức qua sự nhận biết của bộ não hoặc vô thức dưới sự chỉ đạo của linh hồn, bắt đầu tiến trình rút toàn bộ tâm thức ra khỏi thân thể. Đây là lý do tại sao rất nhiều người ở trong trạng thái hôn mê trước khi chết. Khi hành động rút tâm thức này đã bắt đầu, công việc của nhà trị liệu chấm dứt. Y "ngắt" tiếp xúc linh hồn của mình và lấy lại quyền kiểm soát hào quang của mình như một trung gian cho sự biểu lộ tinh thần riêng của y; nó không còn là một công cụ để trị liệu bằng hoạt động bức

and leaves the patient alone automatically to complete the withdrawal of the consciousness thread and the life thread, from the head and heart centres.

xạ nữa, và tự động để bệnh nhân một mình hoàn tất việc rút sợi dây tâm thức và sợi dây sự sống ra khỏi các trung tâm đầu và tim.

This is a broad and general outline of the processes followed in magnetic and radiatory healing. I have here given you the skeleton structure of the idea, but not the details; more can be inferred and given when we study the seven methods of healing with their ray implications.

Đây là một phác thảo rộng và tổng quát về các tiến trình được theo trong trị liệu từ tính và trị liệu bằng bức xạ. Ở đây tôi đã trao cho các bạn bộ khung của ý tưởng, chứ không phải các chi tiết; có thể suy ra và trình bày thêm khi chúng ta nghiên cứu bảy phương pháp trị liệu cùng với các hàm ý về cung của chúng.

This teaching has been given in such a manner that the student will have to hunt through its pages and gather together the facts needed, and thus formulate the first stage of the procedure of spiritual healing; unless he is himself a spiritual healer and ready to read between the lines and to distinguish between symbolism and fact, he will be misled and his work rendered useless. This is intended; for the healing art —when perfectly applied under correct formulas—can be dangerous. It must be remembered that although energy is thought, it is also, from a higher point of view, fire. The entire technique, procedure, and formulas will have to be discovered, subjected to experiment and the results noted before the true spiritual healing can take place; [659] by the time this investigation has been completed, it will be a safer matter than it is today. In the meantime, much good can be accomplished and a great deal learnt if those interested read, study, meditate, carefully experiment, and thus gradually build up this much needed science as a co-partner in the medical science of modern times.

Giáo huấn này đã được trao theo cách mà đạo sinh sẽ phải tìm kiếm trong các trang của nó và gom lại những dữ kiện cần thiết, rồi nhờ đó hình thành giai đoạn đầu của thủ tục trị liệu tinh thần; trừ phi chính y là một nhà trị liệu tinh thần và sẵn sàng đọc giữa các dòng cũng như phân biệt giữa biểu tượng và sự kiện, y sẽ bị dẫn lạc và công việc của y trở nên vô dụng. Điều này là có chủ ý; vì nghệ thuật trị liệu—khi được áp dụng hoàn hảo dưới các công thức đúng—có thể nguy hiểm. Cần nhớ rằng tuy năng lượng là tư tưởng, nhưng từ một quan điểm cao hơn, nó cũng là lửa. Toàn bộ kỹ thuật, thủ tục và các công thức sẽ phải được khám phá, đem ra thử nghiệm và ghi nhận kết quả trước khi sự trị liệu tinh thần chân chính có thể diễn ra; [659] đến khi cuộc khảo cứu này hoàn tất, việc ấy sẽ an toàn hơn hiện nay. Trong khi đó, có thể đạt được nhiều điều tốt đẹp và học được rất nhiều nếu những ai quan tâm đọc, nghiên cứu, tham thiền, thử nghiệm cẩn trọng, và nhờ đó dần dần xây dựng khoa học rất cần thiết này như một đối tác đồng hành với y học của thời hiện đại.

Let us now consider Law IX.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến Định luật IX.

In Law IX and Rule Six we shall be dealing with such basic fundamentals that our problem will be to formulate the teaching in such a concise manner that vast themes may be briefly handled, and at the same time appear clear and simple. This law is in reality a definition of the Law of Evolution, but given from the spiritual angle. The Law of Evolution—as commonly understood—concerns the evolution of the form aspect as it is gradually fitted to be an exponent or an expression of soul energy, and later of monadic energy.

Trong Định luật IX và Quy luật Sáu, chúng ta sẽ bàn đến những nền tảng căn bản đến mức vấn đề của chúng ta sẽ là trình bày giáo huấn theo cách thật súc tích để những chủ đề bao la có thể được xử lý ngắn gọn, đồng thời vẫn hiện ra rõ ràng và đơn giản. Định luật này thực ra là một định nghĩa của Định luật Tiến hoá, nhưng được đưa ra từ góc độ tinh thần. Định luật Tiến hoá—như thường được hiểu—liên quan đến sự tiến hoá của phương diện hình tướng khi nó dần dần được thích nghi để trở thành một tác nhân biểu lộ hay một biểu hiện của năng lượng linh hồn, và về sau là của năng lượng chân thần.

This law, which might be termed the Law of Perfection, deals with the interior energies which are responsible for the working of the Law of Evolution. It is the higher aspect or the determining cause of the lower; the laws subsidiary to the Law of Perfection are loosely called (by the neophyte the spiritual laws, but of these he knows little and unifies them all in his mind under the general idea that they are an expression of the love aspect of Deity. That is essentially true, from the quality angle, if it is recognised at the same time that the love aspect is essentially pure reason and not an emotional sentiment expressing itself through kind actions.

Định luật này, có thể được gọi là Định luật Toàn Thiện, bàn đến các năng lượng nội tại chịu trách nhiệm cho sự vận hành của Định luật Tiến hoá. Nó là phương diện cao hơn hay nguyên nhân quyết định của phương diện thấp hơn; các định luật phụ thuộc vào Định luật Toàn Thiện được người sơ cơ gọi một cách lỏng lẻo là các định luật tinh thần, nhưng về chúng y biết rất ít và hợp nhất tất cả trong trí y dưới ý niệm chung rằng chúng là một biểu hiện của phương diện bác ái của Thượng đế. Điều đó về căn bản là đúng, xét từ góc độ phẩm tính, nếu đồng thời nhận ra rằng phương diện bác ái về bản chất là lý trí thuần túy chứ không phải một tình cảm cảm xúc biểu lộ qua những hành động tử tế.

The rule which accompanies this law deals with the relation of love and will, and is consequently of high importance to the initiate. I would remind you here that the [660] only true healer is the initiate, and therefore the last two laws (Law IX and Law X) can only be truly understood by the initiated disciple. They are, however, profoundly interesting intellectually to the beginner, the enquirer and the aspirant, because (theoretically at least) he can grasp some of their meaning, though he is as yet

Quy luật đi kèm với định luật này bàn đến mối liên hệ giữa bác ái và ý chí, và do đó có tầm quan trọng cao đối với điểm đạo đồ. Ở đây tôi muốn nhắc các bạn rằng [660] nhà trị liệu chân chính duy nhất là điểm đạo đồ, và vì vậy hai định luật cuối cùng (Định luật IX và Định luật X) chỉ có thể được đệ tử được điểm đạo thực sự thấu hiểu. Tuy nhiên, về mặt trí tuệ, chúng cực kỳ lý thú đối với người mới bắt đầu, người tìm hiểu và người chí nguyện, vì (ít nhất về mặt lý thuyết) y có thể nắm được phần nào ý nghĩa của chúng, dù

quite incapable of "keeping the law"—spiritually understood.

hiện giờ y hoàn toàn chưa có khả năng "tuân giữ định luật"—theo nghĩa tinh thần.

LAW IX — ĐỊNH LUẬT IX

Perfection calls imperfection to the surface. Good drives evil from the form of man in time and space. The method used by the Perfect One and that employed by Good, is "perfect harmlessness". This is not negativity, but Perfect Poise, a completed point of view, and divine understanding.

Sự toàn hảo gọi sự bất toàn trồi lên bề mặt. Điều Thiện đẩy điều ác ra khỏi hình tướng con người trong thời gian và không gian. Phương pháp được Đấng Toàn Thiện sử dụng và phương pháp mà Điều Thiện dùng là "tính vô tổn hại hoàn hảo". Đây không phải là tính thụ động, mà là sự quân bình hoàn hảo, một quan điểm toàn vẹn và sự thấu hiểu thiêng liêng.

This law is profoundly simple and means exactly what it says. It can be interpreted in two ways:

Định luật này sâu sắc mà đơn giản, và có nghĩa đúng như những gì nó nói. Nó có thể được diễn giải theo hai cách:

1. It concerns the spiritual development of man through the medium of form, and the mode or law whereby the latent hold of matter—impregnated by selfishness and by all that is recognised as evil—is removed, and man stands free.

1. Nó liên quan đến sự phát triển tinh thần của con người qua trung gian hình tướng, và phương thức hay định luật nhờ đó sự bám giữ tiềm ẩn của vật chất—được thấm nhiễm bởi tính ích kỷ và bởi mọi điều được nhận biết là ác—được loại bỏ, và con người đứng tự do.

2. It can also be interpreted in terms of healer and patient. Oft the effect of the activity and knowledge of the true healer is to bring to the surface (in an acute form) the evil (disease) within the form. The result of this can either be the elimination of the disease and the securing of health, or the form will succumb to the increase of the difficulty and the probability is that the patient will die. It is therefore fortunate that the average healer is so futile that such a dire possibility is not present!

2. Nó cũng có thể được diễn giải theo nghĩa nhà trị liệu và bệnh nhân. Thường thì tác động của hoạt động và tri thức của nhà trị liệu chân chính là đưa lên bề mặt (dưới một hình thức cấp tính) điều ác (bệnh tật) ở bên trong hình tướng. Kết quả của điều này hoặc là sự loại bỏ bệnh tật và đạt được sức khỏe, hoặc hình tướng sẽ khuất phục trước sự gia tăng của khó khăn và rất có thể bệnh nhân sẽ chết. Vì vậy thật may là nhà trị liệu trung bình lại bất lực đến mức khả năng nghiêm trọng như thế không hiện diện!

The method employed under the Law of Perfection is called "perfect harmlessness," and that was ever the method used [661] by

Phương pháp được dùng dưới Định luật Toàn Thiện được gọi là "tính vô tổn hại hoàn hảo," và đó luôn luôn là phương pháp được

the Christ, the Perfect One. It is not the harmlessness enjoined so often by me as I speak to aspirants, but a harmlessness imposed by the spiritual man and by his natural destiny. It is an ignoring of the effect or the result upon the form nature. Frequently I have told you that the Hierarchy works only with the spiritual nature or with the soul of humanity, and that—to the Master—the form is regarded as relatively of no importance. Release from the threefold form is ever regarded by the spiritual man as the greatest possible good, provided it comes to him under law, as the result of his spiritual destiny and of karmic decision: it must not come as an arbitrary act, or as an escape from life and its consequences upon the physical plane, or as self-imposed. Of this strange working of the Law of Perfection (strange to man's limited point of view), the war (1914-1945) was a striking instance. Millions died; more millions suffered cruelly in their form nature, and many more millions underwent (and are still undergoing) the mental agony of insecurity, suspense and poverty. Nevertheless, two major results of a spiritual nature, working under the Law of Perfection, resulted:

[661] Đức Christ, Đấng Toàn Thiện, sử dụng. Đó không phải là tính vô tổn hại mà tôi thường khuyên nhủ khi nói với những người chí nguyện, mà là một tính vô tổn hại do con người tinh thần áp đặt và do số mệnh tự nhiên của y. Đó là sự không lưu tâm đến tác động hay kết quả trên bản chất hình tướng. Tôi đã thường nói với các bạn rằng Thánh đoàn chỉ hoạt động với bản chất tinh thần hay với linh hồn của nhân loại, và rằng—đối với Chân sư—hình tướng được xem là tương đối không quan trọng. Sự giải thoát khỏi hình tướng tam phân luôn luôn được con người tinh thần xem là điều thiện lớn lao nhất có thể có, miễn là nó đến với y theo định luật, như kết quả của số mệnh tinh thần của y và của quyết định nghiệp quả: nó không được đến như một hành động tùy tiện, hay như một sự trốn chạy khỏi cuộc sống và các hậu quả của nó trên cõi hồng trần, hoặc do chính mình áp đặt. Về sự vận hành kỳ lạ này của Định luật Toàn Thiện (kỳ lạ đối với quan điểm hạn hẹp của con người), chiến tranh (1914-1945) là một ví dụ nổi bật. Hàng triệu người đã chết; nhiều triệu người khác đau khổ tàn nhẫn trong bản chất hình tướng của họ, và còn nhiều triệu người nữa đã trải qua (và vẫn đang trải qua) nỗi thống khổ trí tuệ của sự bất an, căng thẳng và nghèo đói. Tuy nhiên, hai kết quả lớn có bản chất tinh thần, vận hành dưới Định luật Toàn Thiện, đã xuất hiện:

1. Souls were released from a backward and decaying civilisation—for such is your vaunted civilisation from the angle of the Hierarchy—and will return in better bodies to a civilisation and a culture more in conformity with the needs of the spiritual man. The main reason why there has been such a complete destruction of the old forms (physical, emotional and mental) is that they constituted a complete imprisonment of the

1. Các linh hồn đã được giải thoát khỏi một nền văn minh lạc hậu và suy tàn—vì đó chính là nền văn minh mà các bạn vẫn tự hào, xét từ góc độ của Thánh đoàn—và sẽ trở lại trong những thân thể tốt hơn vào một nền văn minh và một nền văn hóa phù hợp hơn với nhu cầu của con người tinh thần. Lý do chính khiến có sự hủy diệt hoàn toàn như vậy đối với các hình tướng cũ (hồng trần, cảm xúc và trí tuệ) là vì chúng tạo thành một sự giam cầm hoàn toàn đối với linh hồn

soul and negated all true growth for the masses of men.

2. From the rich to the poor, from the intelligent to the ignorant, one thing is now clearly grasped and will increasingly colour human thinking: happiness and [662] success are not dependent upon the possession of things or upon material good. That idea is the mistake of organised labour as it fights and strikes for more money in order to live more richly; it is also the mistake of the general public as it reacts to the action of labour, for it rebels against the curtailment of the steady inflow of material goods. Humanity has made this mistake for untold ages, and has erred grievously in its emphasis upon that which benefits the form. This is the good in the Russian position as it wars on capitalism and lays an emphasis upon education. However, its ruthlessness and cruelty and (above all else) its suppression of the rights of the individual citizen to certain of the essential freedoms may eventually negate the beauty and the hope of the initial idealism. Russia is right in her idealism, but terribly and basically wrong in her techniques. The United States and Great Britain are at a midway point. They have a vision but know not how to materialise it and make it true, for they favour not (and rightly) a totalitarian regime. The capitalistic spirit and the latent fascism of the United States are at this time a definite menace to world peace, and the capitalists are blocking the efforts of the men of goodwill. Great Britain is at present impotent, financially ruined, her old imperialistic policies entirely in the discard, and her people discouraged: she is therefore so preoccupied with the struggle to live (and she will live) that there is little time, interest or energy left to make the vision true.

và ngăn cản mọi sự tăng trưởng chân chính của quần chúng nhân loại.

2. Từ người giàu đến người nghèo, từ người thông minh đến người ngu dốt, hiện nay có một điều được nắm bắt rõ ràng và sẽ ngày càng nhuộm màu tư tưởng nhân loại: hạnh phúc và [662] thành công không tùy thuộc vào việc sở hữu đồ vật hay của cải vật chất. Ý tưởng đó là sai lầm của lao động có tổ chức khi nó đấu tranh và đình công để có nhiều tiền hơn nhằm sống sung túc hơn; đó cũng là sai lầm của công chúng nói chung khi họ phản ứng với hành động của giới lao động, vì họ nổi loạn chống lại sự cắt giảm dòng chảy đều đặn của hàng hóa vật chất. Nhân loại đã phạm sai lầm này từ những thời đại không thể đếm được, và đã lầm lạc nghiêm trọng trong việc nhấn mạnh vào điều có lợi cho hình tướng. Đây là điều tốt trong lập trường của nước Nga khi nước này chống lại chủ nghĩa tư bản và nhấn mạnh vào giáo dục. Tuy nhiên, sự tàn nhẫn và độc ác của nó và (trên hết) việc đàn áp quyền của công dân cá nhân đối với một số tự do thiết yếu có thể cuối cùng triệt tiêu vẻ đẹp và hy vọng của chủ nghĩa lý tưởng ban đầu. Nước Nga đúng trong chủ nghĩa lý tưởng của mình, nhưng sai lầm khủng khiếp và căn bản trong các kỹ thuật của mình. Hoa Kỳ và Anh Quốc đang ở một điểm ở giữa. Họ có một tầm nhìn nhưng không biết làm thế nào để hiện thực hóa nó và biến nó thành sự thật, vì họ không ủng hộ (và đúng như vậy) một chế độ toàn trị. Tinh thần tư bản và chủ nghĩa phát xít tiềm ẩn của Hoa Kỳ hiện nay là một mối đe dọa rõ rệt đối với hòa bình thế giới, và các nhà tư bản đang ngăn cản những nỗ lực của những người thiện chí. Hiện nay Anh Quốc bất lực, kiệt quệ về tài chính, các chính sách đế quốc cũ của mình hoàn toàn bị loại bỏ, và dân chúng của nước này chán nản: vì vậy họ quá bận tâm với cuộc đấu tranh để sống còn (và họ sẽ sống) đến nỗi còn rất ít thời gian, quan

tâm hay năng lượng để biến tầm nhìn thành hiện thực.

There is, as you know, always a correspondence between the individual man and the world of men as a whole. Just as today practically every human being has something wrong with him physically—eyes, ears, teeth or bodily ills of some [663] nature—so humanity is sick and awaiting healing. The healing will be brought about through the medium of the New Group of World Servers and by the men of goodwill, aided by the Hierarchy, from which planetary centre the healing energies will be drawn. Imperfection has been drawn to the surface; the evils to be eliminated are known to everybody, and this has all taken place under the influence of the Law of Perfection. I am dealing here with the general situation rather than with the individual relation between the healer and a patient. I do so for the simple reason that only an initiate of experience and of understanding can keep this law or obey this rule, and of such there are only a very few on earth today. The sickness of humanity as a race, and as a result of aeons of wrong living, of selfish purpose and of greed, has produced a mass of physical ills; today millions of children are born either openly diseased or with the seed of disease in them. When the evil which has made its presence felt, and when the imperfections which have been drawn to the surface have been cured or driven back to their own place, then—and only then—will physical disease come to an end or yield easily to treatment.

Như các bạn biết, luôn luôn có một sự tương ứng giữa con người cá nhân và thế giới loài người nói chung. Cũng như ngày nay thực tế mọi con người đều có điều gì đó không ổn về mặt hồng trần—mắt, tai, răng hay những bệnh tật thân thể [663] nào đó—thì nhân loại cũng đang bệnh hoạn và chờ được chữa lành. Sự chữa lành sẽ được mang lại qua trung gian của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và bởi những người thiện chí, được Thánh đoàn trợ giúp, từ trung tâm hành tinh đó các năng lượng chữa lành sẽ được rút ra. Bất toàn đã được kéo lên bề mặt; những điều ác cần được loại bỏ ai cũng biết, và tất cả điều này đã diễn ra dưới ảnh hưởng của Định luật Toàn Thiện. Ở đây tôi đang bàn đến tình hình chung hơn là mối liên hệ cá nhân giữa nhà trị liệu và một bệnh nhân. Tôi làm vậy vì lý do đơn giản là chỉ một điểm đạo đồ có kinh nghiệm và thấu hiểu mới có thể giữ định luật này hay tuân theo quy luật này, và hiện nay trên Trái Đất chỉ có rất ít người như thế. Bệnh tật của nhân loại xét như một chủng tộc, và như kết quả của những đại kiếp sống sai lầm, mục đích ích kỷ và lòng tham, đã tạo ra một khối lượng bệnh tật hồng trần; ngày nay hàng triệu trẻ em sinh ra hoặc mang bệnh rõ rệt hoặc mang trong mình mầm bệnh. Khi điều ác đã làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận, và khi những bất toàn đã được kéo lên bề mặt được chữa lành hoặc bị đẩy lui về đúng chỗ của chúng, thì—và chỉ khi ấy—bệnh tật hồng trần mới chấm dứt hoặc dễ dàng khuất phục trước sự điều trị.

In considering the general subject of imperfection and of evil, we are dealing here with causes (and this the initiate must ever do); when these causes are themselves removed, then the effects will also

Khi xét đến chủ đề chung về bất toàn và điều ác, ở đây chúng ta đang bàn đến các nguyên nhân (và điểm đạo đồ luôn luôn phải làm điều này); khi chính các nguyên nhân ấy được loại bỏ, thì các kết quả cũng sẽ biến

disappear. Christian Science and Unity are therefore right in their general theory and premises, but totally wrong in their emphases and methods. In the long run, all the work they do today is relatively futile, except in so far that they preserve and enunciate the Law of Perfection, even though they do so in a muddled manner and their teaching is tainted with the universal selfishness.

mất. Vì vậy, Christian Science và Unity đúng trong lý thuyết và tiền đề chung của họ, nhưng hoàn toàn sai trong các điểm nhấn và phương pháp của họ. Về lâu dài, toàn bộ công việc họ làm ngày nay tương đối vô ích, ngoại trừ ở chỗ họ duy trì và công bố Định luật Toàn Thiện, dù họ làm điều đó một cách rối rắm và giáo huấn của họ bị nhuốm màu tính ích kỷ phổ quát.

[664]

[664]

You have oft been told that there are two modes of achievement; the long hard way of evolution, in which aeons are taken to arrive at relatively small results, or the short, still harder but much more rapid way of initiation. For ages it remained a question (a moot point, do you not call it?) whether the world of men would choose (and had better choose) the slow but safe method. It is a method in which imperfection is only very gradually eliminated, without much strain and with small effort on the part of man. It is a mode whereby good is only slowly realised and evil only slowly, very slowly, driven out. The will-to-good of Shamballa is, under the usual evolutionary system, only faintly present, and many, many aeons would still lie. ahead of humanity before even the present point of human development could have been attained.

Các bạn đã thường được bảo rằng có hai phương thức thành tựu; con đường dài khó nhọc của tiến hoá, trong đó phải mất những đại kiếp mới đạt được những kết quả tương đối nhỏ, hoặc con đường ngắn hơn, vẫn khó hơn nhưng nhanh hơn nhiều, của điểm đạo. Trong nhiều thời đại, vẫn còn là một câu hỏi (một điểm còn tranh luận, chẳng phải các bạn gọi thế sao?) liệu thế giới loài người có chọn (và tốt hơn là nên chọn) phương pháp chậm nhưng an toàn hay không. Đó là một phương pháp trong đó bất toàn chỉ được loại bỏ rất dần dần, không có nhiều căng thẳng và với ít nỗ lực từ phía con người. Đó là một phương thức nhờ đó điều thiện chỉ được chứng nghiệm chậm chạp và điều ác chỉ bị đẩy ra chậm chạp, rất chậm chạp. Ý Chí-hướng Thiện của Shamballa, dưới hệ thống tiến hoá thông thường, chỉ hiện diện mờ nhạt, và còn rất, rất nhiều đại kiếp nữa sẽ vẫn còn ở phía trước nhân loại trước khi ngay cả điểm phát triển hiện nay của con người có thể đạt được.

But something happened which had not been foreseen even by the Hierarchy. During the past two hundred years the entire picture has been altered. Individual men, in adequate numbers, achieved initiation and entered the Ashrams of the Masters, and through the decision of these successful

Nhưng đã xảy ra một điều mà ngay cả Thánh đoàn cũng không tiên liệu. Trong hai trăm năm qua, toàn bộ bức tranh đã thay đổi. Những con người cá nhân, với số lượng đủ lớn, đã đạt điểm đạo và đi vào các ashram của các Chân sư, và qua quyết định của những người chí nguyện thành công này, và

aspirants, and subject to their continued activity, it was decided by them but for humanity that the rapid hard way was to be tried. Since that time three factors have been present:

tùy thuộc vào hoạt động tiếp tục của họ, họ đã quyết định thay cho nhân loại rằng con đường nhanh và khó sẽ được thử nghiệm. Kể từ đó, ba yếu tố đã hiện diện:

1. The factor of tremendous progress in raising the consciousness of mankind, en masse, to much higher intellectual levels. To this the growth of education, the discoveries of science and the control of the material plane and of the air bear testimony.

1. Yếu tố của sự tiến bộ to lớn trong việc nâng tâm thức của nhân loại, xét như một khối, lên những cấp độ trí tuệ cao hơn nhiều. Sự phát triển của giáo dục, những khám phá của khoa học và sự kiểm soát cõi hồng trần và không khí là bằng chứng cho điều này.

2. The factor of worldwide distress, of economic disaster, of world wars, of natural cataclysms and of the myriad occurrences and difficulties which make individual life, national life and planetary life so hard these days. No one is exempt and there is no distinction shown. [665]

2. Yếu tố của khổ đau toàn cầu, của thảm họa kinh tế, của các cuộc chiến tranh thế giới, của các tai biến thiên nhiên và của vô số biến cố và khó khăn khiến đời sống cá nhân, đời sống quốc gia và đời sống hành tinh trở nên quá khó khăn trong những ngày này. Không ai được miễn trừ và không có sự phân biệt nào được thể hiện. [665]

3. The factor of the growth of knowledge anent the Hierarchy and, above all else, of the spiritual Plan. This has necessitated the presentation of a goal to man by the working aspirants and disciples, plus the outlining of the techniques of the Path whereby that goal can be reached. This has not been accomplished by the religious church groups throughout the world, but by members of the Ashrams. All that the churches have done is to preserve in the public mind the fact of God Transcendent, whilst ignoring the fact of God Immanent, to testify to the existence of the Christ whilst travestying His teaching, and to teach the fact of immortality, whilst ignoring the Law of Rebirth.

3. Yếu tố của sự tăng trưởng tri thức liên quan đến Thánh đoàn và, trên hết, liên quan đến Thiên Cơ tinh thần. Điều này đã đòi hỏi phải trình bày cho con người một mục tiêu bởi những người chí nguyện và đệ tử đang hoạt động, cộng với việc phác họa các kỹ thuật của Con Đường nhờ đó mục tiêu ấy có thể đạt tới. Điều này không được thực hiện bởi các nhóm giáo hội tôn giáo trên khắp thế giới, mà bởi các thành viên của các ashram. Tất cả những gì các giáo hội đã làm là duy trì trong tâm trí công chúng sự kiện về Thượng đế Siêu Việt, trong khi bỏ qua sự kiện về Thượng đế Nội Tại, làm chứng cho sự hiện hữu của Đức Christ trong khi xuyên tạc giáo huấn của Ngài, và dạy về sự kiện bất tử trong khi bỏ qua Định luật Tái Sinh.

Humanity is, therefore, progressing rapidly upon the Upward Way, and two things can be looked for as a consequence: first, that the imperfections and evil (one latent and the

Vì vậy, nhân loại đang tiến nhanh trên Con Đường Đi Lên, và có thể trông đợi hai điều như một hệ quả: thứ nhất, rằng những bất toàn và điều ác (một cái tiềm ẩn và cái kia

other active though retreating) will become increasingly apparent to intelligent man, and secondly, that the mode of their elimination will also become known.

đang hoạt động dù đang rút lui) sẽ ngày càng trở nên hiển nhiên đối với con người thông minh, và thứ hai, rằng phương thức loại bỏ chúng cũng sẽ được biết đến.

I deal not here with the nature of imperfection or the purpose of evil. Do I need to point out to any of my readers how inescapably both are present? I might point out that imperfection is inherent in the nature of matter itself and constitutes an inheritance from a previous solar system. I might indicate that evil emanates from that hierarchy of evil Forces which are the material correspondence to the spiritual Hierarchy; this is related to the fact that all our planes are composed of substance of the cosmic physical plane. It might also be stated that when the imperfection of matter is realised and corrected, and when the interest and emphasis of humanity is turned away from material conditions, then the Forces of Evil will have nothing in the three worlds (the three lower levels of the cosmic physical plane) [666] upon which to work; there will be nothing they can influence, and no mode of influencing man will then exist as far as evil is concerned. I cannot expect you at this time to comprehend the meaning of my words. They are, however, related to the words in the Great Invocation which say, "and seal the door where evil dwells." There is a door into an evil realm and into blackness, just as there is a door into a world of goodness and light; the devil is to man who is dedicated and consecrated to evil what the Dweller on the Threshold is to the spiritual aspirant.

Ở đây tôi không bàn đến bản chất của bất toàn hay mục đích của điều ác. Tôi có cần chỉ ra cho bất kỳ độc giả nào của tôi thấy rằng cả hai hiện diện không thể tránh khỏi như thế nào không? Tôi có thể chỉ ra rằng bất toàn vốn có trong chính bản chất của vật chất và tạo thành một di sản từ một hệ mặt trời trước. Tôi có thể nêu rằng điều ác phát xuất từ huyền giai các Mãnh Lực ác, là đối ứng vật chất của Thánh đoàn; điều này liên hệ đến sự kiện rằng tất cả các cõi của chúng ta đều được cấu tạo bằng chất liệu của cõi hồng trần vũ trụ. Cũng có thể nói rằng khi sự bất toàn của vật chất được nhận ra và sửa chữa, và khi mối quan tâm và sự nhấn mạnh của nhân loại được chuyển khỏi các điều kiện vật chất, thì các Mãnh Lực Ác sẽ không còn gì trong ba cõi giới (ba cấp độ thấp của cõi hồng trần vũ trụ) [666] để hoạt động; sẽ không còn gì mà chúng có thể ảnh hưởng, và sẽ không còn phương thức nào để ảnh hưởng đến con người trong chừng mực điều ác có liên quan. Tôi không thể mong các bạn vào lúc này hiểu được ý nghĩa lời tôi nói. Tuy nhiên, chúng liên hệ đến những lời trong Đại Khấn Nguyện nói rằng, "Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác" Có một cánh cửa đi vào một cõi ác và vào bóng tối, cũng như có một cánh cửa đi vào một thế giới của điều thiện và ánh sáng; quỷ dữ đối với con người tận hiến và thánh hiến cho điều ác cũng như Kẻ Chận Ngõ đối với người chí nguyện tinh thần.

The main task of the spiritual Hierarchy has ever been to stand between the Forces of Evil and humanity, to bring imperfection into the light so that evil can "find no place" for action, and to keep the door open into the

Nhiệm vụ chính của Thánh đoàn luôn luôn là đứng giữa các Mãnh Lực Ác và nhân loại, đưa sự bất toàn ra ánh sáng để điều ác có thể "không tìm thấy chỗ" cho hành động, và giữ cánh cửa mở vào cõi tinh thần. Điều này

spiritual realm. This the Hierarchy has done, with small help from humanity; this situation is now changed and the world war was the symbol and the guarantee of that change; in it the Forces of Light, the massed United Nations, fought the Forces of Evil upon the physical plane and routed them. There has been a far greater spiritual significance to the war than has yet been realised. It marked a world turning point; it reoriented humanity towards the good; it drove back the Forces of Evil and made definitely clear (and this was new and needed) the true distinction between good and evil, and this not in a theological sense-as stated by the church commentators—but practically and obviously. It is evidenced by the disastrous economic situation and by the greed of prominent men in every country. The world of men (through the obviousness of the distinction between good and evil) has awakened to the fact of materialistic exploitation, to the lack of real freedom and to the rights, as yet unclaimed, of the individual. Man's ability to resist slavery has become apparent everywhere. That the strugglers towards freedom are employing wrong methods and are endeavouring [667] oft to fight evil with evil is entirely true, but this indicates only transitional techniques and a temporary phase; it is temporary from the point of view of the Hierarchy (though possibly long from the angle of men in the three worlds), but it need not necessarily be long today.

Thánh đoàn đã làm, với rất ít sự trợ giúp từ nhân loại; tình hình này nay đã thay đổi và chiến tranh thế giới là biểu tượng và sự bảo đảm của sự thay đổi đó; trong đó các Mãnh Lực Ánh Sáng, tức khối Liên Hiệp Quốc, đã chiến đấu với các Mãnh Lực Ác *trên cõi hồng trần* và đánh tan chúng. Chiến tranh có một ý nghĩa tinh thần lớn lao hơn nhiều so với điều đã được nhận ra cho đến nay. Nó đánh dấu một bước ngoặt thế giới; nó tái định hướng nhân loại về phía điều thiện; nó đẩy lùi các Mãnh Lực Ác và làm sáng tỏ dứt khoát (và điều này là mới mẻ và cần thiết) sự phân biệt chân thực giữa thiện và ác, và điều này không theo nghĩa thần học—như các nhà bình luận giáo hội đã phát biểu—mà theo cách thực tiễn và hiển nhiên. Điều đó được chứng minh bởi tình hình kinh tế tai hại và bởi lòng tham của những người nổi bật ở mọi quốc gia. Thế giới loài người (nhờ tính hiển nhiên của sự phân biệt giữa thiện và ác) đã thức tỉnh trước sự kiện bóc lột vật chất, trước sự thiếu vắng tự do chân chính và trước những quyền của cá nhân mà cho đến nay vẫn chưa được đòi hỏi. Khả năng chống lại chế độ nô lệ của con người đã trở nên hiển nhiên ở khắp nơi. Việc những người đấu tranh hướng tới tự do đang dùng những phương pháp sai lầm và thường [667] cố gắng chiến đấu với điều ác bằng điều ác là hoàn toàn đúng, nhưng điều này chỉ cho thấy các kỹ thuật chuyển tiếp và một giai đoạn tạm thời; nó là tạm thời theo quan điểm của Thánh đoàn (dù có thể dài theo góc nhìn của con người trong ba cõi giới), nhưng ngày nay nó không nhất thiết phải kéo dài.

So great has been the progress of man during the past two hundred years that the Council Chamber at Shamballa was forced to take notice. As a result of this attention by the Great Lives around Sanat Kumara and Their interest in the affairs of men, two things happened:

Sự tiến bộ của con người trong hai trăm năm qua đã lớn đến mức Phòng Hội Đồng tại Shamballa buộc phải chú ý. Kết quả của sự chú ý này từ các Đấng Sự Sống Vĩ Đại quanh Đức Sanat Kumara và sự quan tâm của Các Ngài đến công việc của loài người là hai điều đã xảy ra:

1. The will aspect of divinity made its first definite and direct contact with the human mind. The impact was direct and not deflected-as had hitherto been the case-to the Hierarchy and from thence to humanity. According to the type of man or group who responded or reacted to this contact, so were the results; they were very good or exceedingly bad. Great and good men appeared and enunciated the truths needed for the New Age, and of these Lincoln, Roosevelt, Browning, Briand and a host of lesser men could be cited. Evil and pernicious men also emerged, such as Hitler and the group he gathered around him, bringing much evil upon the Earth.

1. Phương diện ý chí của thiên tính đã tạo ra tiếp xúc đầu tiên rõ rệt và trực tiếp với trí tuệ con người. Tác động là trực tiếp chứ không bị chuyển hướng—như trước đây vẫn thế—đến Thánh đoàn rồi từ đó đến nhân loại. Tùy theo loại người hay nhóm nào đáp ứng hoặc phản ứng với tiếp xúc này mà kết quả xuất hiện; chúng rất tốt hoặc cực kỳ xấu. Những con người vĩ đại và tốt lành đã xuất hiện và công bố những chân lý cần thiết cho Kỷ Nguyên Mới, và trong số đó có thể kể Lincoln, Roosevelt, Browning, Briand và vô số người kém nổi bật hơn. Những con người ác độc và tai hại cũng nổi lên, như Hitler và nhóm mà hắn tập hợp quanh mình, mang lại nhiều điều ác cho Trái Đất.

2. At the same time, the will-to-good from Shamballa evoked the latent goodwill in man, so that today and increasingly over the past one hundred years, goodness of heart, kindness in action, consideration for others and mass action to promote human welfare have spread over the Earth.

2. Đồng thời, Ý Chí-hướng Thiện từ Shamballa đã gợi lên thiện chí tiềm ẩn trong con người, đến nỗi ngày nay và ngày càng tăng trong suốt một trăm năm qua, lòng tốt, sự tử tế trong hành động, sự quan tâm đến người khác và hành động tập thể nhằm thúc đẩy phúc lợi nhân loại đã lan rộng khắp Trái Đất.

The emergence of imperfection and the planned effort of evil have been paralleled by the appearance of the New Group of World Servers and by the preparation which the Hierarchy is making towards its externalisation upon the [668] physical plane. The Hierarchy is at this time exceedingly powerful; its Ashrams are full of initiates and disciples, and its periphery or magnetic field is drawing countless thousands of aspirants towards it. The war struck a mortal blow to material evil, and its hold on humanity is greatly weakened.

Sự xuất hiện của bất toàn và nỗ lực có kế hoạch của điều ác đã song hành với sự xuất hiện của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và với sự chuẩn bị mà Thánh đoàn đang thực hiện hướng tới sự ngoại hiện của mình trên [668] cõi hồng trần. Hiện nay Thánh đoàn cực kỳ hùng mạnh; các ashram của nó đầy những điểm đạo đồ và đệ tử, và chu vi hay từ trường của nó đang thu hút vô số hàng ngàn người chí nguyện về phía nó. Chiến tranh đã giáng một đòn chí tử vào điều ác vật chất, và sự bám giữ của nó đối với nhân loại đã suy yếu rất nhiều.

Confound not evil with the activities of the gangster or the criminal. Criminals and gangsters are the result of the emerging massed imperfections: they are the victims

Đừng nhầm lẫn điều ác với các hoạt động của bọn du đãng hay tội phạm. Tội phạm và du đãng là kết quả của những bất toàn tập thể đang nổi lên: họ là nạn nhân của vô

of ignorance, mishandling when children and misunderstanding down the ages of right human relations; the Law of Rebirth will eventually lead them on the way to good. Those men are truly evil who seek to enforce a return to the bad old ways, who endeavour to keep their fellowmen in slavery of some kind or another, who block the expression of one or all of the Four Freedoms, who gain material riches at the expense of the exploited, or who seek to hold for themselves and for gain the produce of the earth, and thus make the cost of life's necessities prohibitive to those not richly endowed. Those who thus work, think and plan are to be found in every nation, and are usually of prominence because of their riches and influence; however, they sin against light and not through ignorance; their goals are material and not spiritual. They are relatively few compared to the countless millions of men, but are exceedingly powerful; they are highly intelligent but unscrupulous, and it is through them that the Forces of Evil work, holding back progress, promoting poverty, breeding hatred and class distinctions, fostering racial differences for their own ends, and keeping ignorance in power. Their sin is great and it is hard for them to change, because power and the will-to-power (as it militates against the will-to-good) is a dominant all-controlling factor in their lives; these men are today working against the unity of the United Nations, [669] through their greed, their determination to own the resources of the earth (such as oil, mineral wealth and food) and thus keep the people weak and with inadequate food. These men, who are found in every nation, thoroughly understand each other and are working together in great combines to exploit the riches of the earth at the expense of humanity.

minh, của sự xử lý sai lầm khi còn nhỏ và của sự hiểu sai về những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người qua nhiều thời đại; Định luật Tái Sinh cuối cùng sẽ dẫn họ đi trên con đường hướng thiện. Những người thực sự ác là những kẻ tìm cách áp đặt sự quay trở lại những lối cũ xấu xa, cố giữ đồng loại của mình trong một loại nô lệ nào đó, ngăn chặn sự biểu lộ của một hay tất cả Bốn Tự Do, thu lợi vật chất bằng cái giá của những người bị bóc lột, hoặc tìm cách giữ cho riêng mình và vì lợi lộc sản vật của trái đất, và do đó làm cho chi phí của những nhu yếu phẩm cuộc sống trở nên quá đắt đối với những người không được ưu đãi giàu có. Những kẻ làm việc, suy nghĩ và hoạch định như thế có mặt ở mọi quốc gia, và thường nổi bật vì sự giàu có và ảnh hưởng của họ; tuy nhiên, họ phạm tội chống lại ánh sáng chứ không phải vì vô minh; mục tiêu của họ là vật chất chứ không phải tinh thần. Họ tương đối ít so với vô số hàng triệu con người, nhưng cực kỳ quyền lực; họ rất thông minh nhưng vô lương tâm, và chính qua họ mà các Mãnh Lực Ác hoạt động, kìm hãm tiến bộ, thúc đẩy nghèo đói, gây sinh hận thù và phân biệt giai cấp, nuôi dưỡng khác biệt chủng tộc vì mục đích riêng của họ, và giữ cho vô minh nắm quyền. Tội lỗi của họ rất lớn và họ khó thay đổi, vì quyền lực và ý chí-quyền lực (khi nó chống lại Ý Chí-hướng Thiện) là một yếu tố thống trị, kiểm soát toàn bộ trong đời sống của họ; ngày nay những người này đang hoạt động chống lại sự hợp nhất của Liên Hiệp Quốc, [669] qua lòng tham của họ, qua quyết tâm sở hữu các tài nguyên của trái đất (như dầu mỏ, khoáng sản và lương thực) và do đó giữ cho dân chúng yếu đuối và thiếu ăn. Những người này, có mặt ở mọi quốc gia, hiểu nhau rất rõ và đang cùng nhau hoạt động trong những tổ hợp lớn để khai thác sự giàu có của trái đất với cái giá phải trả của nhân loại.

Russia is today singularly free of such men, so I refer not here to that vast country, as many of her enemies might surmise. Russia is making great mistakes, but they are the mistakes of a fanatical ideologist or of a gangster who sins because of ignorance, through immaturity or in fury at the evil things with which he is surrounded. This is something totally different to the evil with which I have been dealing, and it will not last, because Russia will learn; these others do not learn.

Ngày nay nước Nga đặc biệt không có những người như thế, vì vậy ở đây tôi không nói đến quốc gia rộng lớn ấy, như nhiều kẻ thù của nước này có thể suy đoán. Nước Nga đang phạm những sai lầm lớn, nhưng đó là những sai lầm của một nhà ý thức hệ cuồng tín hoặc của một tên du đãng phạm tội vì vô minh, do non nớt hoặc trong cơn giận dữ trước những điều ác bao quanh hắn. Điều này hoàn toàn khác với điều ác mà tôi đang bàn đến, và nó sẽ không kéo dài, vì nước Nga sẽ học hỏi; còn những kẻ kia thì không học.

I have used the above illustration so as to make my theme somewhat clearer. The whole problem of evil is, however, too vast to contemplate here, nor is it advisable or wise to discuss the source of evil (not of imperfection), the Black Lodge. Energy follows thought, and the spoken word can be potently evocative: therefore, until one is a member of the Great White Lodge, it is the part of wisdom to avoid consideration of forces potent enough intelligently to use the latent imperfection in humanity and to impose the vast evil of war, with all its results and far-reaching effects, upon humanity. The Black Lodge is the problem of the White Lodge, and not the problem of humanity. For aeons the Hierarchy has handled this problem, and is now in process of solving it. It is essentially, however, the main consideration and problem of Shamballa, for it is connected with the will aspect, and only the will-to-good will suffice to blot out and annihilate the will-to-evil. Goodwill will not suffice, though the united and invocative appeal of the [670] men of goodwill throughout the world-increasingly voiced through the Great Invocation-will serve "to seal the door where evil dwells."

Tôi đã dùng minh họa trên để làm cho chủ đề của tôi phần nào rõ hơn. Tuy nhiên, toàn bộ vấn đề điều ác quá rộng lớn để xem xét ở đây, và cũng không thích hợp hay khôn ngoan khi bàn đến nguồn gốc của điều ác (không phải của bất toàn), tức Hắc đoàn. Năng lượng đi theo tư tưởng, và lời nói ra có thể gợi lên một cách mạnh mẽ: vì vậy, cho đến khi một người là thành viên của Thánh đoàn, thì phần minh triết là tránh xét đến những mãnh lực đủ mạnh để sử dụng một cách thông minh sự bất toàn tiềm ẩn trong nhân loại và áp đặt điều ác to lớn của chiến tranh, cùng với mọi kết quả và ảnh hưởng sâu rộng của nó, lên nhân loại. Hắc đoàn là vấn đề của Thánh đoàn, chứ không phải vấn đề của nhân loại. Trong nhiều đại kiếp, Thánh đoàn đã xử lý vấn đề này, và hiện nay đang trong tiến trình giải quyết nó. Tuy nhiên, về bản chất, đó là mối quan tâm và vấn đề chính của Shamballa, vì nó liên hệ đến phương diện ý chí, và chỉ Ý Chí-hướng Thiện mới đủ để xóa bỏ và hủy diệt ý chí-hướng ác. Thiện chí sẽ không đủ, dù lời kêu gọi hợp nhất và khẩn cầu của [670] những người thiện chí trên khắp thế giới—ngày càng được cất lên qua Đại Khấn Nguyện—sẽ giúp "đóng kín cửa vào nẻo ác"

It is behind that door and in dealing with the forces there concealed (and mobilised) that

Chính ở phía sau cánh cửa đó và trong việc đối phó với các mãnh lực bị che giấu (và

the Hierarchy is effective; the methods and modes whereby They protect humanity from mobilised evil, and are gradually driving the evil back, would not be understood by you who have not yet passed through the door which leads to the Way of the Higher Evolution.

được huy động) ở đó mà Thánh đoàn tỏ ra hữu hiệu; các phương pháp và cách thức nhờ đó Các Ngài bảo vệ nhân loại khỏi điều ác đã được huy động, và đang dần dần đẩy lùi điều ác, sẽ không được các bạn hiểu, những người chưa đi qua cánh cửa dẫn đến Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

What shall I say concerning harmlessness? It is not easy for me to show or prove to you the effectiveness of the higher aspect, spiral or phase of harmlessness as employed by the Hierarchy, under the direction of the Perfect One, the Christ. The harmlessness with which I have earlier dealt has relation to the imperfections with which humanity is wrestling, and is difficult for you to apply in and under all circumstances, as well you know. The harmlessness to which I refer in connection with you is not negative, or sweet or kindly activity, as so many believe; it is a state of mind and one which in no way negates firm or even drastic action; it concerns motive and involves the determination that the motive behind all activity is goodwill. That motive might lead to positive and sometimes disagreeable action or speech, but as harmlessness and goodwill condition the mental approach, nothing can eventuate but good.

Tôi sẽ nói gì về tính vô tổn hại? Đối với tôi không dễ để chỉ ra hay chứng minh cho các bạn hiệu quả của phương diện cao hơn, vòng xoắn hay giai đoạn của tính vô tổn hại như được Thánh đoàn sử dụng, dưới sự chỉ đạo của Đấng Toàn Thiện, Đức Christ. Tính vô tổn hại mà tôi đã bàn đến trước đây có liên hệ với những bất toàn mà nhân loại đang vật lộn, và như các bạn biết rõ, thật khó để các bạn áp dụng nó trong và dưới mọi hoàn cảnh. Tính vô tổn hại mà tôi nói đến liên hệ với các bạn không phải là sự thụ động, hay hoạt động ngọt ngào hoặc tử tế, như nhiều người tin; đó là một trạng thái trí tuệ và không hề loại trừ hành động cứng rắn hay thậm chí quyết liệt; nó liên quan đến động cơ và bao hàm quyết tâm rằng động cơ đằng sau mọi hoạt động là thiện chí. Động cơ ấy có thể dẫn đến hành động hay lời nói tích cực và đôi khi khó chịu, nhưng vì tính vô tổn hại và thiện chí tác động lên cách tiếp cận trí tuệ, nên không gì có thể xảy ra ngoài điều thiện.

On a higher turn of the spiral, the Hierarchy also employs harmlessness, but it is related to the will-to-good and involves the use of dynamic, electric energy under intuitive direction; this type of energy is never brought into activity by man; it is energy which he cannot yet handle. This type of harmlessness is based on complete self-sacrifice, wherein the will-to-sacrifice, the will-to-good and the will-to-power (three phases of the will aspect, as expressed through the [671] Spiritual Triad) are all

Ở một vòng xoắn cao hơn, Thánh đoàn cũng sử dụng tính vô tổn hại, nhưng nó liên hệ với Ý Chí-hướng Thiện và bao hàm việc sử dụng năng lượng điện động dưới sự chỉ đạo trực giác; loại năng lượng này không bao giờ được con người đưa vào hoạt động; đó là năng lượng mà y chưa thể xử lý. Loại tính vô tổn hại này dựa trên sự hy sinh bản thân hoàn toàn, trong đó ý chí-hi sinh, Ý Chí-hướng Thiện và ý chí-quyền lực (ba giai đoạn của phương diện ý chí, như được biểu lộ qua [671] Tam Nguyên Tinh Thần) đều được

fused into one dynamic energy of a deeply spiritual nature. This energy is the epitome of complete or perfect harmlessness, where humanity and the subsidiary kingdoms in nature are concerned, but it is expulsive in its effect and dynamic in its annihilating impact, where the Forces of Evil are concerned.

dung hợp thành một năng lượng động duy nhất có bản chất tinh thần sâu xa. Năng lượng này là tinh hoa của tính vô tổn hại trọn vẹn hay hoàn hảo, xét về nhân loại và các giới phụ thuộc trong thiên nhiên, nhưng nó có tác dụng trục xuất và có tác động hủy diệt đầy năng động đối với các Mãnh Lực Ác.

A close but esoteric study of the three temptations of the Christ will reveal three major occasions when the Perfect One, expressing this higher harmlessness, forced the exponent of evil to retreat. This triple episode is symbolically related, but is factual in nature. Little thought has ever been given to what would have been the worldwide effect down the centuries if the Christ had not reacted as He did; speculation is of little use, but it might be stated that the entire course of history and of the evolutionary progress of humanity would have been altered, and in a dire and awful manner. But the dynamic harmlessness, the expression of the will-to-good and the demonstration of the will-to-power (forcing evil to leave Him) marked a most important crisis in the life of the Christ. The Gospel story (with its resume of the five initiations) concerns the progress and triumph of the Master Jesus; the story of the three temptations indicated the taking of a still higher initiation, the sixth, by the Christ; this conferred on Him complete mastery over evil, and not mastery over imperfection; it was because He was the "Perfect One" that He could take this initiation.

Một nghiên cứu kỹ lưỡng theo huyền bí học về ba cám dỗ của Đức Christ sẽ cho thấy ba dịp lớn khi Đấng Toàn Thiện, biểu lộ tính vô tổn hại cao hơn này, đã buộc kẻ đại diện cho điều ác phải rút lui. Giai đoạn tam phân này có liên hệ biểu tượng, nhưng có bản chất sự kiện. Ít ai từng suy nghĩ về ảnh hưởng toàn cầu qua nhiều thế kỷ sẽ ra sao nếu Đức Christ đã không phản ứng như Ngài đã làm; suy đoán ít có ích, nhưng có thể nói rằng toàn bộ tiến trình lịch sử và sự tiến bộ tiến hoá của nhân loại hẳn đã bị thay đổi, và theo một cách khủng khiếp, tai hại. Nhưng tính vô tổn hại năng động, sự biểu lộ của Ý Chí-hướng Thiện và sự chứng minh của ý chí-quyền lực (buộc điều ác rời khỏi Ngài) đã đánh dấu một cuộc khủng hoảng cực kỳ quan trọng trong đời sống của Đức Christ. Câu chuyện Phúc Âm (với phần tóm lược năm lần điểm đạo) liên quan đến sự tiến bộ và chiến thắng của Chân sư Jesus; câu chuyện về ba cám dỗ cho thấy việc Đức Christ tiếp nhận một điểm đạo còn cao hơn nữa, lần thứ sáu; điều này ban cho Ngài quyền làm chủ hoàn toàn đối với điều ác, chứ không phải quyền làm chủ đối với bất toàn; chính vì Ngài là "Đấng Toàn Thiện" mà Ngài có thể tiếp nhận điểm đạo này.

I have given you much for mature consideration and thrown some light upon an initiation of which little, naturally, can be known. I would call your attention also to the three fundamental requirements for a successful approach to this initiation:

Tôi đã trao cho các bạn nhiều điều để suy xét chín chắn và đã soi sáng phần nào về một điểm đạo mà dĩ nhiên ít điều có thể được biết đến. Tôi cũng muốn lưu ý các bạn đến ba yêu cầu căn bản để tiếp cận thành công điểm đạo này: sự quân bình hoàn hảo, một quan điểm

perfect poise, a completed point of view and divine understanding. You would find it of interest to see how these three qualities work out in relation to the [672] three temptations; in so doing much light would be thrown on the life, nature and character of the Christ.

đã hoàn tất và sự thấu hiểu thiêng liêng. Các bạn sẽ thấy thú vị khi xem ba phẩm tính này vận hành như thế nào trong liên hệ với [672] ba cám dỗ; khi làm như vậy, nhiều ánh sáng sẽ được rọi vào đời sống, bản chất và tính cách của Đức Christ.

Under the Law of Perfection we are given the key to the civilisation and cycle of evolution which He inaugurated—the ideal of which is not lost, though the application of the teaching He gave has been neglected by the churches and by mankind. You will note also that one temptation takes place on the summit of a high mountain; from that elevation both time and space are totally negated, for the vision of Christ ranged from the past, through the present and on into the future. This state of awareness (I cannot call it consciousness, and awareness is almost as inaccurate a word) is only possible after the fifth initiation, reaching a high point of expression at the sixth initiation.

Dưới Định luật Toàn Thiện, chúng ta được trao chiếc chìa khóa cho nền văn minh và chu kỳ tiến hoá mà Ngài đã khai mở—lý tưởng của nó không bị mất đi, dù việc áp dụng giáo huấn mà Ngài đã trao đã bị các giáo hội và nhân loại bỏ bê. Các bạn cũng sẽ lưu ý rằng một cám dỗ diễn ra trên đỉnh một ngọn núi cao; từ độ cao đó cả thời gian lẫn không gian đều hoàn toàn bị vượt qua, vì linh thị của Đức Christ trải dài từ quá khứ, xuyên qua hiện tại và đi vào tương lai. Trạng thái nhận biết này (tôi không thể gọi nó là tâm thức, và nhận biết cũng gần như là một từ không chính xác) chỉ có thể có sau lần điểm đạo thứ năm, đạt đến một điểm biểu lộ cao ở lần điểm đạo thứ sáu.

I would like to consider with you the nature of the three requirements presented as essential for a certain initiation, because they provide the link between Law IX and Rule Six. The rule is so clear and concise that it needs but little explanation, emphasising, as it does, energy which must be used and that which must not. It says:

Tôi muốn cùng các bạn xét đến bản chất của ba yêu cầu được trình bày là thiết yếu cho một điểm đạo nhất định, vì chúng cung cấp mối liên kết giữa Định luật IX và Quy luật Sáu. Quy luật này rõ ràng và súc tích đến mức chỉ cần rất ít giải thích, vì nó nhấn mạnh năng lượng nào phải được sử dụng và năng lượng nào không được sử dụng. Nó nói:

RULE SIX — QUY LUẬT SÁU

The healer or the healing group must keep the will in leash. It is not will which must be used, but love.

Nhà trị liệu hoặc nhóm trị liệu phải kiềm chế ý chí. Không phải ý chí phải được sử dụng, mà là bác ái.

These three basic requirements concern attainment on various planes of the universe; though I dealt with them in

Ba yêu cầu căn bản này liên quan đến thành tựu trên nhiều cõi khác nhau của vũ trụ; dù tôi đã bàn đến chúng trong liên hệ với việc

connection with the approach to the sixth initiation, they have— on a lower turn of the spiral—their correspondences, and are therefore of practical application by the initiated disciple, particularly one who has taken the third initiation. Let us take them, one by one, into our thinking:

tiếp cận lần điểm đạo thứ sáu, chúng vẫn có —ở một vòng xoắn thấp hơn—những đối ứng của chúng, và do đó có thể được đệ tử được điểm đạo áp dụng một cách thực tiễn, đặc biệt là người đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ ba. Chúng ta hãy lần lượt đưa chúng vào tư tưởng của mình:

Perfect Poise indicates complete control of the astral body, so that emotional upheavals are overcome, or at [673] least are greatly minimised in the life of the disciple. It indicates also, on the higher turn of the spiral, an ability to function freely on buddhic levels, owing to complete liberation (and consequent poise) from all the influences and impulses which are motived from the three worlds. This type or quality of poise connotes-if you will think deeply-an abstract state of mind; nothing which is regarded as nonperfection can create disturbance. You can realise surely that, if you were entirely free from all emotional reactions, your clarity of mind and your ability to think clearly would be enormously increased, with all that that involves

Sự Quân Bình Hoàn Hảo biểu thị sự kiểm soát hoàn toàn thể cảm dục, để những xáo trộn cảm xúc được vượt qua, hoặc ít [673] nhất được giảm thiểu rất nhiều trong đời sống của đệ tử. Nó cũng biểu thị, ở vòng xoắn cao hơn, một khả năng hoạt động tự do trên các cấp độ Bồ đề, nhờ sự giải thoát hoàn toàn (và do đó là sự quân bình) khỏi mọi ảnh hưởng và xung lực được thúc đẩy từ ba cõi giới. Loại hay phẩm tính quân bình này hàm ý—nếu các bạn suy nghĩ sâu sắc—một trạng thái trí tuệ trừu tượng; không điều gì được xem là bất toàn có thể tạo ra xáo trộn. Chắc hẳn các bạn có thể nhận ra rằng, nếu các bạn hoàn toàn thoát khỏi mọi phản ứng cảm xúc, thì sự sáng suốt của trí tuệ và khả năng suy nghĩ rõ ràng của các bạn sẽ tăng lên vô cùng, cùng với tất cả những gì điều đó bao hàm.

Naturally, the perfect poise of an initiated disciple and that of the initiated Master are different, for one concerns the effect of the three worlds or their non-effect, and the other concerns adaptability to the rhythm of the Spiritual Triad; nevertheless, the earlier type of poise must precede the later achievement, hence my consideration of the subject. This perfect poise (which is a possible achievement for you who read) is arrived at by ruling out the pulls, the urges, impulses and attractions of the astral or emotional nature, and also by the practice of what I have earlier mentioned: Divine Indifference.

Dĩ nhiên, sự quân bình hoàn hảo của một đệ tử được điểm đạo và của một Chân sư được điểm đạo là khác nhau, vì một bên liên quan đến tác động của ba cõi giới hay sự không tác động của chúng, còn bên kia liên quan đến khả năng thích ứng với nhịp điệu của Tam Nguyên Tinh Thần; tuy nhiên, loại quân bình trước phải đi trước thành tựu sau, do đó tôi mới xét đến chủ đề này. Sự quân bình hoàn hảo này (là một thành tựu có thể có đối với các bạn đang đọc) đạt được bằng cách loại trừ những sức kéo, những thôi thúc, xung lực và hấp lực của bản chất cảm dục hay cảm xúc, và cũng bằng việc thực hành điều mà trước đây tôi đã đề cập: Điềm nhiên thiêng liêng.

A Completed Point of View. This necessarily and primarily refers to the universal outlook of the Monad, and therefore to an initiate of the higher degrees. It can, however, be interpreted on a lower rung of the ladder of evolution and refers to the function of the soul as an Observer in the three worlds and the completed all-round picture such an observer gradually attains. This is brought about by the development of the two qualities of detachment and discrimination. These two qualities, [674] when expressed on the Way to the Higher Evolution, become Abstraction and the Will-to-good.

Một Quan Điểm Hoàn Chỉnh. Điều này tất yếu và trước hết ám chỉ quan điểm phổ quát của chân thần, và vì thế ám chỉ một điểm đạo đồ ở các cấp cao. Tuy nhiên, nó có thể được diễn giải ở một nấc thấp hơn trên chiếc thang tiến hoá và ám chỉ chức năng của linh hồn như một Đấng Quan Sát trong ba cõi giới và bức tranh toàn diện hoàn chỉnh mà một đấng quan sát như thế dần dần đạt được. Điều này được mang lại nhờ sự phát triển của hai phẩm tính là tách rời và phân biện. Hai phẩm tính này, [674] khi được biểu lộ trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu, trở thành Sự Trừu Xuất và Ý Chí-hướng Thiện.

A completed point of view-as experienced on soul levels—indicates the removal of all barriers and the freedom of the disciple from the great heresy of separateness; he has therefore created an unclogged channel for the inflow of pure love. Perfect poise, viewed from the same level, has removed all impediments and those emotional factors which have hitherto blocked the channel, thus preparing the way for the Observer to see truly; the disciple then functions as a clear channel for love.

Một quan điểm hoàn chỉnh—như được kinh nghiệm trên các cấp độ linh hồn—cho thấy sự loại bỏ mọi rào cản và sự giải thoát của đệ tử khỏi Đại Tà thuyết về tính tách biệt; vì thế y đã tạo ra một kênh thông suốt cho dòng bác ái thuần khiết tuôn vào. Sự quân bình hoàn hảo, khi được nhìn từ cùng cấp độ ấy, đã loại bỏ mọi chướng ngại và những yếu tố cảm xúc từ trước đến nay đã ngăn chặn kênh này, nhờ đó chuẩn bị con đường để Đấng Quan Sát thấy đúng thật; khi ấy đệ tử hoạt động như một kênh trong sáng cho bác ái.

Divine Understanding must also be studied from two points of view. As a soul quality, it indicates a mind which can be held steady in the light, and can therefore reflect the pure reason (pure love) which qualifies the reflections of the Son of Mind, the soul on its own plane. On the higher Way of the Master, it relates to that identification which supersedes the individualistic consciousness; all barriers have gone, and the initiate sees things as they are; he knows the causes of which all phenomena are the ephemeral effects. This, consequently, enables Him to understand the Purpose, as it emanates from Shamballa, just as the lesser

Sự Thấu Hiểu thiêng liêng cũng phải được nghiên cứu từ hai quan điểm. Với tư cách là một phẩm tính của linh hồn, nó cho thấy một trí tuệ có thể được giữ vững trong ánh sáng, và vì thế có thể phản chiếu lý trí thuần khiết (bác ái thuần khiết), vốn tạo phẩm tính cho những phản chiếu của Con của Trí Tuệ, tức linh hồn trên cõi riêng của nó. Trên Con đường cao hơn của Chân sư, nó liên hệ đến sự đồng hoá vượt lên trên tâm thức cá nhân chủ nghĩa; mọi rào cản đều đã biến mất, và điểm đạo đồ thấy sự vật đúng như chúng là; y biết các nguyên nhân mà mọi hiện tượng chỉ là những hiệu quả phù du của chúng. Do đó, điều này giúp Ngài thấu hiểu Thiên Ý, như nó xuất lộ từ Shamballa, cũng như điểm

initiate understands the Plan as it is formulated by the Hierarchy.

đạo đồ thấp hơn thấu hiểu Thiên Cơ như nó được Thánh Đoàn hoạch định.

All three of these divine attributes are, in some measure, essential in the development of the initiate-healer; he must work at their unfoldment as part of his necessary equipment; he must know that all reactions of an emotional nature create a wall or barrier between the free flow of healing force and the patient, and that the barrier is created by him and not by the patient. The emotions of the [675] patient should have no effect upon the healer and should fail to deviate him from the intense concentration needed for his work; these emotions of the patient cannot in themselves create a barrier strong enough to deflect the healing force.

Cả ba thuộc tính thiêng liêng này, ở một mức độ nào đó, đều thiết yếu cho sự phát triển của điểm đạo đồ chữa lành; y phải nỗ lực khai mở chúng như một phần trong trang bị cần thiết của mình; y phải biết rằng mọi phản ứng có bản chất cảm xúc đều tạo ra một bức tường hay rào cản giữa dòng chảy tự do của mãnh lực chữa lành và bệnh nhân, và rằng rào cản ấy do chính y tạo ra chứ không phải do bệnh nhân. Những cảm xúc của [675] bệnh nhân không nên có ảnh hưởng nào lên người chữa lành và không được làm y lệch khỏi sự tập trung mãnh liệt cần thiết cho công việc của mình; tự bản thân những cảm xúc ấy của bệnh nhân không thể tạo ra một rào cản đủ mạnh để làm chệch hướng mãnh lực chữa lành.

A completed point of view involves at least the attempt by the disciple to penetrate into the world of causes, and thus learn (if possible) what it is that is responsible for the disease of the patient. This need not involve penetration into previous incarnations, nor is that essential, in spite of what some modern and generally fraudulent healers may claim. There is usually enough psychological evidence, or indications of inherited tendencies, to give the healer his clue and to enable him to get a somewhat complete picture of the situation. It is obvious that this “penetration” into the causes of the trouble will only be possible if the healer loves enough; because he loves, he has achieved a poise which brings negation to the world of illusion and of glamour. Divine understanding is simply the application of the principle of pure love (pure reason) to all men and to all circumstances, plus right interpretation of the existing difficulties of the patient, or of

Một quan điểm hoàn chỉnh ít nhất bao hàm nỗ lực của đệ tử nhằm thâm nhập vào thế giới của các nguyên nhân, và nhờ đó học biết (nếu có thể) điều gì chịu trách nhiệm về bệnh tật của bệnh nhân. Điều này không nhất thiết bao hàm việc thâm nhập vào các kiếp trước, và điều đó cũng không thiết yếu, bất chấp điều mà một số người chữa lành hiện đại và nói chung là giả trá có thể tuyên bố. Thường thường có đủ bằng chứng tâm lý học, hoặc những dấu hiệu về các khuynh hướng di truyền, để cho người chữa lành đầu mối của mình và giúp y có được một bức tranh phần nào hoàn chỉnh về tình huống. Hiển nhiên là sự “thâm nhập” vào các nguyên nhân của rắc rối này sẽ chỉ có thể nếu người chữa lành yêu thương đủ nhiều; bởi vì y yêu thương, y đã đạt được một sự quân bình vô hiệu hóa thế giới của ảo tưởng và ảo cảm. Sự thấu hiểu thiêng liêng đơn giản là việc áp dụng nguyên lý bác ái thuần khiết (lý trí thuần khiết) cho mọi người và mọi hoàn cảnh, cộng với sự diễn giải đúng

those which may exist between patient and healer.

đắn những khó khăn hiện có của bệnh nhân, hoặc của những khó khăn có thể tồn tại giữa bệnh nhân và người chữa lành.

To these requirements I would like to add another factor: that of the doctor, physician or surgeon who is physically responsible for the patient. In the coming new era, the healer will work always with the scientific aid of the trained medical man; this is a factor which causes bewilderment, at present, to the average modern healer belonging to some cult or expressing some unorthodox phase of healing.

Vào những đòi hỏi này, tôi muốn thêm một yếu tố khác: đó là bác sĩ, y sĩ hay phẫu thuật viên chịu trách nhiệm về mặt thể xác đối với bệnh nhân. Trong kỷ nguyên mới đang đến, người chữa lành sẽ luôn luôn làm việc với sự trợ giúp khoa học của nhà y khoa được đào tạo; hiện nay, đây là một yếu tố gây bối rối cho người chữa lành hiện đại trung bình thuộc một giáo phái nào đó hoặc biểu lộ một phương diện chữa lành không chính thống nào đó.

It will therefore be apparent how these three divine requirements (when stepped down for the use of the disciple in the modern world) indicate a line of training or of self-discipline [676] to which all should apply themselves. When they have mastered even some of the earliest phases of this triple achievement, they will find that they can apply Rule Six with ease.

Do đó, sẽ thấy rõ ba đòi hỏi thiêng liêng này (khi được hạ xuống để đệ tử trong thế giới hiện đại sử dụng) cho thấy một đường lối huấn luyện hay tự kỷ luật [676] mà tất cả nên áp dụng cho chính mình. Khi họ đã làm chủ được dù chỉ một vài giai đoạn sớm nhất của thành tựu tam phân này, họ sẽ thấy rằng họ có thể áp dụng quy luật Sáu một cách dễ dàng.

What is meant by the words “to keep the will in leash”? The will aspect here considered is not that of the will-to-good and its lower expression goodwill. The will-to-good signifies the stable, immovable orientation of the initiated disciple, whilst goodwill can be regarded as its expression in daily service. The will-to-good, as expressed by a higher initiate, is a dynamic energy having predominantly a group effect; for this reason, the higher initiates seldom concern themselves with the healing of an individual. Their work is too potent and too important to permit them to do so, and the will energy, embodying as it does divine Purpose, might prove destructive in its effects upon an individual. The patient would not be able to receive or absorb it. It is,

Những lời “giữ ý chí trong vòng kiềm chế” có nghĩa là gì? Phương diện ý chí được xét ở đây không phải là phương diện của Ý Chí-hướng Thiện và biểu hiện thấp hơn của nó là thiện chí. Ý Chí-hướng Thiện biểu thị sự định hướng ổn định, bất lay chuyển của đệ tử được điểm đạo, trong khi thiện chí có thể được xem như biểu hiện của nó trong phụng sự hằng ngày. Ý Chí-hướng Thiện, như được biểu lộ bởi một điểm đạo đồ cao hơn, là một năng lượng năng động có tác động chủ yếu lên nhóm; vì lý do này, các điểm đạo đồ cao hiếm khi bận tâm đến việc chữa lành cho một cá nhân. Công việc của Các Ngài quá mạnh mẽ và quá quan trọng để cho phép Các Ngài làm như vậy, và năng lượng ý chí, vì nó hiện thân cho Thiên Ý, có thể tỏ ra có tác động hủy diệt đối với một cá nhân. Bệnh

however, assumed that goodwill colours the entire attitude and thinking of the healing disciple.

nhân sẽ không thể tiếp nhận hay hấp thụ nó. Tuy nhiên, giả định rằng thiện chí nhuốm màu toàn bộ thái độ và tư tưởng của đệ tử chữa lành.

The will which must be kept in leash is the will of the personality which, in the case of the initiated disciple, is of a very high order. It also relates to the will of the soul, emanating from the petals of sacrifice in the egoic lotus. All true healers have to create a healing thoughtform, and through this they consciously or unconsciously work. It is this thoughtform which must be kept free from a too powerful use of the will, for it can (unless held in leash, stepped down, modified or, if needed, eliminated altogether) destroy not only the thoughtform created by the healer, but it can also build a barrier between healer and patient; the initial rapport is thus broken. Only a Christ can heal by the use of the will, and He seldom in reality healed at all; in the cases where He is reported to have done so, His reason was to prove the possibility of healing; but-as you will [677] note if you are familiar with the Gospel story—He gave no instructions to His disciples upon the art of healing. This is significant.

Ý chí phải được giữ trong vòng kiềm chế là ý chí của phàm ngã, mà trong trường hợp của đệ tử được điểm đạo, thuộc một trật tự rất cao. Nó cũng liên hệ đến ý chí của linh hồn, phát ra từ các cánh hoa hi sinh trong Hoa Sen Chân Ngã. Mọi người chữa lành chân chính đều phải tạo ra một Hình tư tưởng chữa lành, và thông qua đó họ làm việc một cách hữu thức hay vô thức. Chính Hình tư tưởng này phải được giữ cho khỏi bị sử dụng ý chí quá mạnh, vì ý chí có thể (trừ phi được kiềm chế, hạ xuống, điều chỉnh hoặc, nếu cần, loại bỏ hoàn toàn) hủy diệt không chỉ Hình tư tưởng do người chữa lành tạo ra, mà còn có thể dựng nên một rào cản giữa người chữa lành và bệnh nhân; do đó sự giao cảm ban đầu bị phá vỡ. Chỉ một Đức Christ mới có thể chữa lành bằng việc sử dụng ý chí, và trên thực tế Ngài hiếm khi chữa lành chút nào; trong những trường hợp có ghi lại rằng Ngài đã làm như vậy, lý do của Ngài là để chứng minh khả năng chữa lành; nhưng—như bạn sẽ [677] lưu ý nếu bạn quen thuộc với câu chuyện Phúc Âm—Ngài không đưa ra chỉ dẫn nào cho các đệ tử của Ngài về nghệ thuật chữa lành. Điều này đầy ý nghĩa.

The self-will (no matter of how high a quality) of the healer, and his determined effort to heal the patient, create a tension in the healer which can seriously deflect the healing current of energy. When this type of will is present, as it frequently is in the inexperienced healer or the non-initiated healer, the healer is apt to absorb the patient's difficulty and will experience symptoms of the trouble and the pain. His willful determination to be of help acts like a

Ý chí cá nhân (dù có phẩm tính cao đến đâu) của người chữa lành, và nỗ lực cương quyết của y nhằm chữa lành bệnh nhân, tạo ra một sự căng thẳng nơi người chữa lành có thể làm chệch hướng nghiêm trọng dòng năng lượng chữa lành. Khi loại ý chí này hiện diện, như thường xảy ra nơi người chữa lành thiếu kinh nghiệm hoặc người chữa lành chưa được điểm đạo, người chữa lành dễ hấp thụ khó khăn của bệnh nhân và sẽ kinh nghiệm các triệu chứng của bệnh và cơn đau. Sự quyết tâm đầy ý chí của y muốn giúp

boomerang and he suffers, whilst the patient is not really helped.

đỡ hoạt động như một chiếc boomerang và y phải chịu đau khổ, trong khi bệnh nhân thực sự không được giúp đỡ.

So the instruction is to use love, and here a major difficulty emerges. How can the healer use love, freed from its emotional or lower quality, and bring it through in its pure state for the healing of the patient? Only as the healer has cultivated the three requirements, and has therefore developed himself as a pure channel. He is apt to be so preoccupied with himself, with the definition of love, and with the determination to heal the patient that the three requirements are neglected. Then both he and the patient are wasting each other's time. He need not brood or worry about the nature of pure love, or endeavour too ardently to understand how pure reason and pure love are synonymous terms, or whether he can show sufficient love to effect a healing. Let him ponder on the three requirements, particularly the first, and let him fulfill within himself these three requirements as far as in him lies and his point in evolution permits. He will then become a pure channel and the hindrances to the inflow of pure love will be automatically removed for "as a man thinketh in his heart so is he"; then, without obstruction or difficulty pure love will pour through him and the patient will be healed —if such is the law for him.

Vì vậy, chỉ dẫn là hãy dùng bác ái, và ở đây một khó khăn lớn xuất hiện. Làm sao người chữa lành có thể dùng bác ái, được giải thoát khỏi phẩm tính cảm xúc hay thấp của nó, và chuyển nó qua trong trạng thái thuần khiết để chữa lành bệnh nhân? Chỉ khi người chữa lành đã vun bồi ba đòi hỏi ấy, và vì thế đã phát triển chính mình thành một kênh thuần khiết. Y dễ bị bận tâm quá mức về chính mình, về định nghĩa của bác ái, và về quyết tâm chữa lành bệnh nhân đến nỗi ba đòi hỏi ấy bị sao lãng. Khi đó cả y lẫn bệnh nhân đều đang lãng phí thời gian của nhau. Y không cần phải trầm tư hay lo lắng về bản chất của bác ái thuần khiết, hoặc cố gắng quá mức để hiểu cách nào lý trí thuần khiết và bác ái thuần khiết là những thuật ngữ đồng nghĩa, hay liệu y có thể biểu lộ đủ bác ái để tạo ra một sự chữa lành hay không. Hãy để y suy ngẫm về ba đòi hỏi ấy, đặc biệt là đòi hỏi thứ nhất, và hãy để y hoàn thành trong chính mình ba đòi hỏi này xa đến mức khả năng của y và điểm tiến hoá của y cho phép. Khi ấy y sẽ trở thành một kênh thuần khiết và những chướng ngại đối với dòng bác ái thuần khiết tuôn vào sẽ tự động được loại bỏ vì "con người nghĩ trong tim mình thế nào thì y là thế ấy"; khi đó, không có cản trở hay khó khăn, bác ái thuần khiết sẽ tuôn qua y và bệnh nhân sẽ được chữa lành—nếu đó là định luật đối với y.

[678]

[678]

We come now to the final and the most mysterious law of all that I have given you. I called your attention to it earlier, and there pointed out that this "last law is an enunciation of a new law which is substituted for the Law of Death, and which

Giờ đây chúng ta đi đến định luật cuối cùng và huyền nhiệm nhất trong tất cả những định luật mà tôi đã trao cho các bạn. Tôi đã lưu ý các bạn đến nó từ trước, và ở đó đã chỉ ra rằng "định luật cuối cùng này là sự phát biểu của một định luật mới thay thế Định

has reference only to those found upon the later stages of the Path of Discipleship and the stages upon the Path of Initiation." By these later stages I refer to the period after the second initiation and prior to taking the third. This law does not apply in any way as long as the emotional nature can disturb the clear rhythm of the personality as it responds to the impact of soul energy, and later to monadic. There is not, therefore, a great deal that I can make clear to you as regards the full working of this law, but I can indicate certain most interesting ideas and correspondences; these will foster in you constructive speculative thinking, yet at the same time they embody proven facts for those of us who are initiated disciples of the Christ or of Sanat Kumara.

luật Tử Vong, và chỉ liên quan đến những ai ở trên các giai đoạn sau của Con Đường Đệ Tử và các giai đoạn trên Con Đường Điểm Đạo." Bởi các giai đoạn sau này, tôi muốn nói đến thời kỳ sau lần điểm đạo thứ hai và trước khi nhận lần điểm đạo thứ ba. Định luật này hoàn toàn không áp dụng chừng nào bản chất cảm xúc còn có thể làm xáo trộn nhịp điệu rõ ràng của phàm ngã khi nó đáp ứng với tác động của năng lượng linh hồn, và về sau là năng lượng chân thần. Vì vậy, không có nhiều điều tôi có thể làm sáng tỏ cho các bạn liên quan đến sự vận hành đầy đủ của định luật này, nhưng tôi có thể chỉ ra một số ý tưởng và tương ứng rất lý thú; những điều này sẽ nuôi dưỡng trong các bạn tư duy suy đoán có tính xây dựng, đồng thời chúng hiện thân cho những sự kiện đã được chứng minh đối với những người như chúng tôi là các đệ tử được điểm đạo của Đức Christ hay của Đức Sanat Kumara.

LAW X — ĐỊNH LUẬT X

Hearken, O Disciple, to the call which comes from the Son to the Mother, and then obey. The Word goes forth that form has served its purpose. The principle of mind then organises itself and then repeats the Word: The waiting form responds and drops away. The soul stands free.

Hãy lắng nghe, hỡi Đệ tử, tiếng gọi từ Người Con đến Người Mẹ, rồi tuân theo. Linh từ phát ra rằng hình tướng đã phụng sự Mục Đích của nó. Nguyên khí trí tuệ khi ấy tự tổ chức lấy mình rồi lặp lại Linh từ: Hình tướng đang chờ đáp ứng và rơi rụng đi. Linh hồn đứng tự do.

Respond, O Rising One, to the call which comes within the sphere of obligation; recognise the call, emerging from the Ashram or from the Council Chamber where waits the Lord of Life Himself. The Sound goes forth. Both soul and form together must renounce the principle of life, and thus permit the Monad to stand free. The soul responds. The form then shatters the connection. Life is now liberated, owning the quality of conscious knowledge and the

Hãy đáp ứng, hỡi Đấng Đang Vươn Lên, tiếng gọi đến trong phạm vi nghĩa vụ; hãy nhận ra tiếng gọi phát ra từ Ashram hoặc từ Phòng Hội Đồng, nơi chính Chúa Tể của Sự Sống đang chờ đợi. Âm Thanh phát ra. Cả linh hồn lẫn hình tướng phải cùng từ bỏ nguyên khí sự sống, nhờ đó để Chân Thần đứng tự do. Linh hồn đáp ứng. Hình tướng khi ấy phá vỡ sự nối kết. Sự sống nay được giải phóng, mang phẩm tính của tri thức hữu thức và thành quả của mọi kinh nghiệm. Đây là

fruit of all experience. These are the gifts of soul and form combined.

[679]

This Law X is the forerunner of many new laws concerning the relation of soul to form or of spirit to matter; this one is given first for two reasons:

1. It can be applied by disciples and thus proven to be true to the mass of men, and above all, to the scientific world.

2. In the mass of testimony and in the type of death (called at this stage "transference") the fact of the Hierarchy and of Shamballa can be established.

There are three sources of the abstraction which we call "death" if we exclude accident (which may be incident to other people's karma), war (which involves planetary karma) and natural catastrophes (which are connected entirely with the body of manifestation of the One in Whom we live and move and have our being).

I might pause here at this thought and make somewhat clearer to you the distinction between this "unknown God," who expresses himself through the planet as a whole, and Sanat Kumara in His high place at Shamballa. Sanat Kumara is in Himself the essential Identity, responsible for the manifested worlds, but so great is His command of energies and forces—owing to His cosmic unfoldment that He requires the entire planet through which to express all that He is. Having the full consciousness of the cosmic astral plane and of the cosmic

những tặng phẩm do linh hồn và hình tướng cùng đem lại.

[679]

Định luật X này là tiền thân của nhiều định luật mới liên quan đến mối quan hệ giữa linh hồn và hình tướng hay giữa tinh thần và vật chất; định luật này được đưa ra trước tiên vì hai lý do:

1. Nó có thể được các đệ tử áp dụng và nhờ đó được chứng minh là chân thật đối với quần chúng, và trên hết là đối với thế giới khoa học.

2. Trong khối lượng chứng cứ và trong loại tử vong (ở giai đoạn này được gọi là "chuyển dịch"), sự kiện về Thánh Đoàn và về Shamballa có thể được xác lập.

Có ba nguồn của sự trừ xuất mà chúng ta gọi là "cái chết" nếu loại trừ tai nạn (có thể là do nghiệp quả của người khác), chiến tranh (liên quan đến nghiệp quả hành tinh) và các thảm họa thiên nhiên (hoàn toàn gắn với thể biểu hiện của Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu).

Tôi có thể dừng lại ở đây nơi tư tưởng này và làm cho các bạn hiểu rõ hơn phần nào sự phân biệt giữa "Thượng đế chưa được biết đến" này, Đấng biểu lộ chính mình qua toàn thể hành tinh, và Đức Sanat Kumara ở địa vị cao cả của Ngài tại Shamballa. Đức Sanat Kumara tự thân là Bản Sắc cốt yếu, chịu trách nhiệm về các thế giới biểu hiện, nhưng quyền năng của Ngài đối với các năng lượng và mãnh lực lớn lao đến mức—do sự khai mở vũ trụ của Ngài—Ngài cần đến toàn thể hành tinh để biểu lộ tất cả những gì Ngài là. Với tâm thức trọn vẹn của cõi cảm dục vũ

mental plane, He can apply energies and forces-under cosmic law—which create, sustain and utilise, for the ends of His divine Purpose, the entire planet. He animates the planet with His life; He sustains the planet and all that is in or on it through His soul quality, which He imparts in varying measure to every form; He creates continuously the new forms needed to express the "life more abundantly" and the "increasing purpose of His will" which the progress of the ages makes [680] cyclically possible. We live at this time in a cycle wherein His intense activity is utilising the technique of divine destruction for the release of the spiritual life, and He is simultaneously creating the new structure of civilisation which will express more fully the evolutionary attainment of the planet and the kingdoms in nature, leading eventually to the perfect expression of His divine life and purpose.

trụ và cõi trí vũ trụ, Ngài có thể vận dụng các năng lượng và mãnh lực—dưới định luật vũ trụ—những thứ tạo ra, duy trì và sử dụng, cho các mục đích của Thiên Ý của Ngài, toàn thể hành tinh. Ngài làm sinh động hành tinh bằng sự sống của Ngài; Ngài duy trì hành tinh và mọi sự trong hay trên đó qua phẩm tính linh hồn của Ngài, điều mà Ngài truyền đạt với mức độ khác nhau cho mọi hình tướng; Ngài liên tục tạo ra những hình tướng mới cần thiết để biểu lộ "sự sống dồi dào hơn" và "mục đích ngày càng tăng của ý chí Ngài" mà sự tiến bộ của các thời đại làm cho [680] có thể theo chu kỳ. Hiện nay chúng ta đang sống trong một chu kỳ mà hoạt động mãnh liệt của Ngài đang sử dụng kỹ thuật hủy diệt thiêng liêng để giải phóng sự sống tinh thần, đồng thời Ngài đang tạo ra cấu trúc mới của nền văn minh sẽ biểu lộ đầy đủ hơn thành tựu tiến hoá của hành tinh và các giới trong thiên nhiên, cuối cùng dẫn đến sự biểu lộ hoàn hảo của sự sống và mục đích thiêng liêng của Ngài.

It would perhaps be wise if we took this tenth Law somewhat in detail, where possible, so as to arrive at the synthesis which it is intended to convey: we will thus gain some realisation that death itself is a part of the creative process of synthesising. It is essential that new ideas and a new approach to the entire problem of dying are inaugurated.

Có lẽ sẽ là khôn ngoan nếu chúng ta xét định luật thứ mười này phần nào chi tiết, ở nơi nào có thể, để đi đến sự tổng hợp mà nó được dự định truyền đạt: nhờ đó chúng ta sẽ đạt được một sự chứng nghiệm nào đó rằng chính cái chết là một phần của tiến trình sáng tạo mang tính tổng hợp. Điều thiết yếu là những ý tưởng mới và một cách tiếp cận mới đối với toàn bộ vấn đề chết phải được khởi xướng.

Hearken, O Disciple, to the call which comes from the Son to the Mother, and then obey.

Hãy lắng nghe, hỡi Đệ tử, tiếng gọi từ Người Con đến Người Mẹ, rồi tuân theo.

Even whilst we realise from the context that this refers to the discarding of the physical body, it is useful to remember that this form of wording can signify much more than that. It can be interpreted to mean the entire relation of soul and personality, and to

Ngay cả khi chúng ta nhận ra từ văn cảnh rằng điều này ám chỉ việc bỏ đi thể xác, vẫn hữu ích khi nhớ rằng cách diễn đạt này có thể hàm ý nhiều hơn thế. Nó có thể được diễn giải là toàn bộ mối quan hệ giữa linh hồn và phàm ngã, và bao hàm sự tuân phục

involve the prompt obedience of the Mother (the personality) to the Son (the soul). Without his prompt obedience, involving as it does the recognition of the informing Voice, the personality will remain deaf to the call of the soul to relinquish the body. No habitual response has been developed. I would ask you to ponder on the implications.

mau lẹ của Người Mẹ (phàm ngã) đối với Người Con (linh hồn). Nếu không có sự tuân phục mau lẹ ấy, vốn bao hàm sự nhận biết Tiếng Nói đang thấm nhuần, phàm ngã sẽ vẫn điếc trước tiếng gọi của linh hồn yêu cầu từ bỏ thể xác. Chưa có sự đáp ứng theo thói quen nào được phát triển. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về những hàm ý này.

I am, I know, recapitulating when I point out that the Mother aspect is the material aspect and the soul—on its own plane—is the Son. This injunction, therefore, concerns the relation of matter and soul, and thus lays the foundation for all the relationships which the disciple has to learn to recognise. Obedience is not here enforced; [681] it is contingent upon hearing; then obedience follows as the next development. This is an easier process, little as you may think it. This distinction, relative to the process of obedience, is interesting because the process of learning by hearing is always slow and is one of the qualities or aspects of the stage of orientation. Learning by sight is definitely connected with the Path of Discipleship, and any who wish to become wise and true workers must learn to distinguish between the hearers and those who see. A realisation of the difference would lead to basic changes in technique. In the one case, you are working with those who are definitely under the influence and control of the Mother, and who need to be trained to see. In the other, you are dealing with those who have heard and who are developing the spiritual correspondence of sight. They are therefore susceptible to the vision.

Tôi biết rằng tôi đang nhắc lại khi chỉ ra rằng phương diện Mẹ là phương diện vật chất và linh hồn—trên cõi riêng của nó—là Người Con. Vì vậy, mệnh lệnh này liên quan đến mối quan hệ giữa vật chất và linh hồn, và nhờ đó đặt nền tảng cho mọi mối quan hệ mà đệ tử phải học để nhận biết. Sự tuân phục ở đây không bị cưỡng bách; [681] nó tùy thuộc vào việc nghe thấy; rồi sự tuân phục theo sau như bước phát triển kế tiếp. Đây là một tiến trình dễ hơn, dù bạn có thể không nghĩ như vậy. Sự phân biệt này, liên quan đến tiến trình tuân phục, thật lý thú vì tiến trình học bằng nghe luôn luôn chậm và là một trong những phẩm tính hay phương diện của giai đoạn định hướng. Học bằng thấy rõ ràng gắn với Con Đường Đệ Tử, và bất kỳ ai muốn trở thành người hoạt động khôn ngoan và chân chính đều phải học cách phân biệt giữa những người nghe và những người thấy. Sự nhận ra khác biệt ấy sẽ dẫn đến những thay đổi căn bản trong kỹ thuật. Trong trường hợp thứ nhất, bạn đang làm việc với những người rõ ràng còn ở dưới ảnh hưởng và sự kiểm soát của Người Mẹ, và cần được huấn luyện để thấy. Trong trường hợp thứ hai, bạn đang làm việc với những người đã nghe và đang phát triển sự tương ứng tinh thần của thị giác. Vì thế họ dễ tiếp nhận linh ảnh.

The Word goes forth that form has served its purpose.

Linh từ phát ra rằng hình tướng đã phụng sự Mục Đích của nó.

This word, or this "spiritual proclamation" of the soul, may have a twofold purpose: it may produce death, or it may simply result in a withdrawal of the soul from its instrument, the threefold personality. This might consequently result in leaving the form uninformed and without any dweller in the body. When this happens the personality (and by this I mean the physical, astral and mental man) will continue to function. If it is of a high grade quality, very few people will realise that the soul is absent. This frequently happens in old age or serious illness, and it may persist for years. It sometimes happens where infants are concerned, and you then have either death or imbecility, as there has been no time to train the lower personality vehicles. A little thinking along the lines of this "forthgoing Word" will throw much light on circumstances which are [682] regarded as baffling, and on states of consciousness which have hitherto constituted almost insoluble problems.

Linh từ này, hay "sự tuyên cáo tinh thần" này của linh hồn, có thể có mục đích nhị phân: nó có thể tạo ra cái chết, hoặc chỉ đơn giản dẫn đến sự rút lui của linh hồn khỏi công cụ của nó, tức phàm ngã tam phân. Do đó, điều này có thể dẫn đến việc để lại hình tướng không được thấm nhuần và không có người cư ngụ trong thân thể. Khi điều này xảy ra, phàm ngã (và bởi điều này tôi muốn nói con người hồng trần, cảm dục và trí tuệ) sẽ tiếp tục hoạt động. Nếu nó có phẩm tính cao, rất ít người sẽ nhận ra rằng linh hồn vắng mặt. Điều này thường xảy ra trong tuổi già hoặc bệnh nặng, và có thể kéo dài nhiều năm. Đôi khi điều này xảy ra nơi trẻ sơ sinh, và khi ấy bạn có hoặc cái chết hoặc tình trạng thiểu năng trí tuệ, vì chưa có thời gian để huấn luyện các vận cụ phàm ngã thấp. Một chút suy nghĩ theo đường hướng của "Linh từ phát ra" này sẽ soi sáng nhiều hoàn cảnh vốn [682] được xem là khó hiểu, và những trạng thái tâm thức từ trước đến nay gần như tạo thành những vấn đề không thể giải quyết.

The principle of mind then organises itself and then repeats the Word. The waiting form responds and drops away.

Nguyên khí trí tuệ khi ấy tự tổ chức lấy mình rồi lặp lại Linh từ. Hình tướng đang chờ đợi đáp ứng và rơi rụng.

In the aspect of death here dealt with it is the mind which acts as the agent of authority, transmitting to the brain (where the thread of consciousness is located) the instructions to vacate. This is then passed on by the man in the body to the heart (where the life thread is anchored), and then —as you well know—the process of withdrawal begins. What transpires in those timeless moments prior to death no one as yet knows, for no one has returned to tell us. If they had done so, the question is: Would they have been believed? The probability is that they would not.

Trong phương diện của cái chết được bàn đến ở đây, chính trí tuệ hoạt động như tác nhân của thẩm quyền, truyền đến bộ não (nơi sợi dây tâm thức tọa lạc) chỉ thị phải rời bỏ. Điều này sau đó được con người trong thân thể chuyển đến tim (nơi Sinh Mệnh Tuyến được neo giữ), và rồi—như các bạn đều biết rõ—tiến trình rút lui bắt đầu. Điều gì xảy ra trong những khoảnh khắc phi thời gian trước cái chết thì cho đến nay chưa ai biết, vì chưa ai quay lại để kể cho chúng ta. Nếu họ đã làm như vậy, câu hỏi là: liệu họ có được tin không? Khả năng là không.

The first paragraph of this Law X deals with the passing out from the body (meaning the form aspect of the threefold lower man) of the average intelligent aspirant, looking at this law from one of its lowest correspondences; however, under the same Law of Correspondences, the death of all men, from the lowest type of man up to and inclusive of the aspirant, is basically distinguished by the same identical process; the difference exists in the degree of consciousness evidenced—consciousness of process and intention. The result is the same in all cases:

Đoạn đầu tiên của Định luật X này bàn về việc ra khỏi thân thể (nghĩa là phương diện hình tướng của phàm nhân tam phân thấp) của người chí nguyện thông minh trung bình, khi nhìn định luật này từ một trong những tương ứng thấp nhất của nó; tuy nhiên, theo cùng định luật tương ứng, cái chết của mọi người, từ loại người thấp nhất cho đến và bao gồm cả người chí nguyện, về căn bản được phân biệt bởi cùng một tiến trình y hệt; sự khác biệt nằm ở mức độ tâm thức được biểu lộ—tâm thức về tiến trình và ý định. Kết quả là như nhau trong mọi trường hợp:

The soul stands free.

Linh hồn đứng tự do.

This moment of true freedom can be brief and fleeting as in the case of the undeveloped man, or it can be of long duration, according to the usefulness of the aspirant upon the inner planes; with this I have earlier dealt and have no need to repeat myself here. Progressively, as the urges and influences of the three lower levels of consciousness [683] weaken their hold, the period of dissociation becomes longer and longer, and is characterised by a developing clarity of thought and by a recognition of essential being, and this in progressive stages. This clarity and progress may not be brought through into full realisation or expression when rebirth again takes place, for the limitations imposed by the dense physical body are excessive; nevertheless, each life sees a steady growth in sensitivity, and also the storing up of esoteric information, using the word "esoteric" to signify all that does not concern normal form life or the average consciousness of man in the three worlds.

Khoảnh khắc tự do đích thực này có thể ngắn ngủi và thoáng qua như trong trường hợp của người chưa phát triển, hoặc có thể kéo dài lâu, tùy theo mức độ hữu dụng của người chí nguyện trên các cõi bên trong; điều này tôi đã bàn đến trước đây và không cần lặp lại ở đây. Dần dần, khi các thúc đẩy và ảnh hưởng của ba cấp độ tâm thức thấp [683] suy yếu sự nắm giữ của chúng, thời kỳ phân ly trở nên ngày càng dài hơn, và được đặc trưng bởi sự sáng tỏ tư tưởng ngày càng phát triển cùng với sự nhận biết bản thể cốt yếu, và điều này theo các giai đoạn tiến triển. Sự sáng tỏ và tiến bộ này có thể không được mang vào sự chứng nghiệm hay biểu lộ đầy đủ khi tái sinh lại diễn ra, vì những giới hạn do thể xác đậm đặc áp đặt là quá lớn; tuy nhiên, mỗi kiếp sống đều chứng kiến sự tăng trưởng đều đặn về tính nhạy cảm, và cả sự tích lũy thông tin huyền bí, dùng từ "huyền bí" để chỉ tất cả những gì không liên quan đến đời sống hình tướng bình thường hay tâm thức trung bình của con người trong ba cõi giới.

Esoteric living (as it develops) falls into three stages, broadly speaking; these are carried

Đời sống huyền bí (khi nó phát triển) rơi vào ba giai đoạn, nói một cách khái quát; những

forward within the consciousness of the man and parallel the recognition and ordinary aspects of form life on the three levels of experience:

giai đoạn này được tiến hành trong tâm thức của con người và song hành với sự nhận biết và các phương diện thông thường của đời sống hình tướng trên ba cấp độ kinh nghiệm:

1. The stage of reception of concepts, of ideas and of principles, thus gradually asserting the existence of the abstract mind.

1. Giai đoạn tiếp nhận các khái niệm, các ý tưởng và các nguyên lý, nhờ đó dần dần khẳng định sự hiện hữu của trí trừu tượng.

2. The stage of "light reception," or that period when spiritual insight is developed, when the vision is seen and accepted as true, and when the intuition or "buddhic perception" is unfolded. This carries with it the assertion as to the existence of the Hierarchy.

2. Giai đoạn "tiếp nhận ánh sáng," hay thời kỳ khi sự thấu thị tinh thần được phát triển, khi linh ảnh được thấy và được chấp nhận là chân thật, và khi trực giác hay "tri giác Bồ đề" được khai mở. Điều này kéo theo sự khẳng định về sự hiện hữu của Thánh Đoàn.

3. The stage of abstraction, or the period wherein complete orientation is brought about, the way into the Ashram is made clear, and the disciple begins to build the antahkarana between the personality and the Spiritual Triad. It is in this stage that the nature of the will is dimly seen, carrying with its recognition the implication that there is a "centre where the will of God is known."

3. Giai đoạn trừ xuất, hay thời kỳ trong đó sự định hướng hoàn chỉnh được mang lại, con đường vào ashram được làm cho rõ ràng, và đệ tử bắt đầu xây dựng antahkarana giữa phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần. Chính trong giai đoạn này mà bản chất của ý chí được thấy *mờ nhạt*, và cùng với sự nhận biết ấy là hàm ý rằng có một "trung tâm nơi Ý Chí của Thượng Đế được biết đến."

[684]

[684]

Students are apt to think that death ends things, whereas from the angle of termination we are dealing with values which are persistent, with which there is no interference, nor can there be any, and which hold within themselves the seeds of immortality. I would have you ponder on this and know that everything that is of true spiritual value is persistent, ageless, immortal and eternal. Only that dies which is valueless, and—from the standpoint of humanity—that means those factors which emphasise and assume importance where

Đạo sinh dễ nghĩ rằng cái chết chấm dứt mọi sự, trong khi từ góc độ của *sự chấm dứt* chúng ta đang bàn đến những giá trị bền vững, không bị can thiệp, cũng không thể bị can thiệp, và tự chúng chứa đựng những hạt giống của sự bất tử. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về điều này và biết rằng mọi thứ có giá trị tinh thần chân thật đều bền vững, không tuổi, bất tử và vĩnh cửu. Chỉ cái gì vô giá trị mới chết, và—từ quan điểm của nhân loại—điều đó có nghĩa là những yếu tố nhấn mạnh và mang tầm quan trọng khi hình tướng được xét đến. Nhưng những giá trị dựa trên

the form is concerned. But those values which are based on principle and not upon the detail of appearance have in them that undying principle which leads a man from the "gates of nativity, through the gates of perception, to the gates of purpose"—as the Old Commentary expresses it.

nguyên lý chứ không dựa trên chi tiết của sắc tướng thì có trong chúng nguyên khí bất tử dẫn dắt con người từ "các cổng sinh ra, qua các cổng tri giác, đến các cổng mục đích"—như *Cổ Luận* diễn tả.

I have endeavoured to show you how the first part of this Law X has a simple application to mankind, as well as an abstract and abstruse meaning for esotericists.

Tôi đã cố gắng chỉ cho các bạn thấy phần đầu của Định luật X này có một ứng dụng đơn giản đối với nhân loại, cũng như một ý nghĩa trừu tượng và khó hiểu đối với các nhà bí truyền học.

The last paragraph in this Law X cannot be interpreted in this same manner nor applied in this way. it concerns only the "passing over" or the "discarding of hindrances" by very advanced disciples and initiates. This is made clear by the use of the words, "O Rising One"—a term applied only to those who have taken the fourth initiation and who are therefore held by no aspect whatsoever of the form nature, even so high or transcendental a form as the soul in its own vehicle, the causal body or the egoic lotus. Yet again, facility in response to this law must be and is developed in the earlier stages of discipleship, where listening, responsiveness and occult obedience are developed and have their extensions in the higher levels of spiritual experience.

Đoạn cuối trong Định luật X này không thể được diễn giải theo cùng cách ấy cũng không thể được áp dụng theo cách ấy. Nó chỉ liên quan đến việc "vượt qua" hay "vứt bỏ các chướng ngại" của những đệ tử và điểm đạo đồ rất cao cấp. Điều này được làm rõ bởi việc dùng những lời "hỡi Đấng Đang Vươn Lên"—một thuật ngữ chỉ áp dụng cho những ai đã nhận lần điểm đạo thứ tư và vì thế không còn bị bất kỳ phương diện nào của bản chất hình tướng giữ lại, ngay cả một hình tướng cao hay siêu việt như linh hồn trong vận cụ riêng của nó, thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã. Tuy nhiên, khả năng đáp ứng dễ dàng với định luật này phải được và thực sự được phát triển trong các giai đoạn sớm hơn của địa vị đệ tử, nơi sự lắng nghe, tính đáp ứng và sự tuân phục huyền bí được phát triển và có những mở rộng của chúng trên các cấp độ cao hơn của kinh nghiệm tinh thần.

Here we must again consider words and phrases if we are to understand their true meaning. [685]

Ở đây chúng ta lại phải xét đến các từ ngữ và cụm từ nếu muốn hiểu ý nghĩa chân thật của chúng. [685]

Respond, O Rising One, to the call which comes forth from the sphere of obligation.

Hãy đáp ứng, hỡi Đấng Đang Vươn Lên, tiếng gọi phát ra từ khối cầu của nghĩa vụ.

What is this sphere of obligation to which the initiate of high standing must pay attention? The whole of life experience, from the sphere of nativity up to the highest limits of spiritual possibility, are covered by four words, applicable at various stages of evolution. They are: Instinct, Duty, Dharma, Obligation; an understanding of the differences serves to bring illumination, and consequently, right action.

Khối cầu của nghĩa vụ này là gì mà điểm đạo đồ cao cấp phải chú ý đến? Toàn bộ kinh nghiệm sống, từ khối cầu sinh ra cho đến những giới hạn cao nhất của khả năng tinh thần, được bao trùm bởi bốn từ, áp dụng ở các giai đoạn tiến hoá khác nhau. Đó là: Bản năng, Bổn phận, Dharma, Nghĩa vụ; sự thấu hiểu các khác biệt này giúp mang lại soi sáng, và do đó, hành động đúng đắn.

1. The sphere of instinct. This refers to the fulfillment, under the influence of simple animal instinct, of the obligations which any assumed responsibility brings, even when assumed with no true understanding. An illustration of this is the instinctual care of a mother for her offspring or the relation of male and female. With this we need not deal in any detail, as it is well recognised and understood, at least by those who have passed out of the sphere of elementary instinctual obligations. To them no particular calls come, but this instinctual world of give and take is superseded by a higher sphere of responsibility eventually.

1. *Khối cầu của bản năng.* Điều này ám chỉ việc hoàn thành, dưới ảnh hưởng của bản năng động vật đơn giản, những nghĩa vụ mà bất kỳ trách nhiệm nào đã nhận lấy đều mang theo, ngay cả khi được nhận lấy mà không có sự hiểu biết chân thật. Một minh họa cho điều này là sự chăm sóc theo bản năng của người mẹ đối với con cái mình hay mối quan hệ giữa nam và nữ. Chúng ta không cần bàn chi tiết về điều này, vì nó đã được nhận biết và thấu hiểu rõ, ít nhất là bởi những ai đã vượt ra khỏi khối cầu của các nghĩa vụ bản năng sơ đẳng. Đối với họ không có những tiếng gọi đặc biệt nào đến, nhưng thế giới bản năng của cho và nhận này cuối cùng được thay thế bởi một khối cầu trách nhiệm cao hơn.

2. The sphere of duty. The call that comes from this sphere comes from a realm of consciousness which is more strictly human and not so predominantly animal as is the instinctual realm. It sweeps into its field of activity all classes of human beings and demands from them—life after life—the strict fulfillment of duty. The "doing of one's duty," for which one gets small praise and little appreciation, is the first step towards the unfoldment of that divine principle which we call the sense of responsibility, and which—when unfolded—indicates a steadily growing soul control. The fulfillment [686] of duty, the sense of

2. *Khối cầu của bổn phận.* Tiếng gọi đến từ khối cầu này phát ra từ một lĩnh vực tâm thức mang tính người rõ rệt hơn và không quá thiên về động vật như lĩnh vực bản năng. Nó cuốn vào trường hoạt động của mình mọi tầng lớp người và đòi hỏi nơi họ—kiếp này qua kiếp khác—sự hoàn thành nghiêm ngặt bổn phận. "Làm tròn bổn phận của mình," điều mà người ta nhận được rất ít lời khen và ít sự trân trọng, là bước đầu tiên hướng tới sự khai mở nguyên khí thiêng liêng mà chúng ta gọi là ý thức về trách nhiệm, và nguyên khí này—khi được khai mở—cho thấy sự kiểm soát ngày càng tăng của linh hồn. Việc hoàn thành [686] bổn

responsibility, and the desire to serve are three aspects of one and the same thing: discipleship in its embryonic stage. This is a hard saying for those who are caught in the seemingly hopeless toils of duty fulfillment; it is hard for them to realise that this duty which seems to keep them chained to the humdrum, apparently meaningless and thankless duties of daily life, is a scientific process leading them to higher phases of experience, and eventually into the Master's Ashram.

phận, ý thức về trách nhiệm, và ước muốn phụng sự là ba phương diện của cùng một điều: địa vị đệ tử trong giai đoạn phôi thai của nó. Đây là một lời khó nghe đối với những ai bị mắc kẹt trong những lưới bổn phận dường như vô vọng; đối với họ thật khó nhận ra rằng chính bổn phận dường như trói buộc họ vào những bổn phận thường nhật đơn điệu, dường như vô nghĩa và không được biết ơn ấy, lại là một tiến trình khoa học dẫn họ đến những giai đoạn kinh nghiệm cao hơn, và cuối cùng vào ashram của Chân sư.

3. The Sphere of Dharma. This is the outcome of the two previous stages; it is that in which the disciple recognises, for the first time with clarity, his part in the whole process of world events and his inescapable share in world development. Dharma is that aspect of karma which dignifies any particular world cycle and the lives of those implicated in its working out. The disciple begins to see that if he shoulders his phase or part in this cyclic dharma and works understandingly at its right fulfillment, he is beginning to comprehend group work (as the Masters comprehend it) and to do his just share in lifting the world karma, working out in cyclic dharma. Instinctual service, the fulfillment of all duty, and a sharing in group dharma are all blended in his consciousness and become one great act of living faithful service; he is then at the point of moving forward upon the Path of Discipleship, in which the Path of Probation is completely lost to sight.

3. *Khối Cầu của Dharma.* Đây là kết quả của hai giai đoạn trước; đó là giai đoạn trong đó đệ tử lần đầu tiên nhận ra một cách rõ ràng phần của mình trong toàn bộ tiến trình của các biến cố thế giới và phần chia không thể tránh khỏi của mình trong sự phát triển của thế giới. Dharma là phương diện của nghiệp quả làm cho bất kỳ chu kỳ thế giới đặc thù nào và đời sống của những ai liên can đến sự triển khai của nó trở nên cao quý. Đệ tử bắt đầu thấy rằng nếu y gánh vác giai đoạn hay phần việc của mình trong dharma theo chu kỳ này và làm việc một cách thấu hiểu để hoàn thành đúng đắn nó, thì y đang bắt đầu hiểu công việc nhóm (như các Chân sư hiểu) và làm phần chia chính đáng của mình trong việc giải trừ nghiệp quả thế giới, đang được triển khai trong dharma theo chu kỳ. Phụng sự theo bản năng, việc hoàn thành mọi bổn phận, và sự chia sẻ trong dharma nhóm đều được hòa trộn trong tâm thức của y và trở thành một hành vi lớn lao duy nhất của đời sống phụng sự trung tín; khi ấy y ở vào điểm tiến lên trên Con Đường Đệ Tử, trong đó Con Đường Dự Bị hoàn toàn khuất khỏi tầm nhìn.

These three aspects of living activity are the embryonic expression in the life of the disciple of the three divine aspects:

Ba phương diện của hoạt động sống này là biểu hiện phôi thai trong đời sống của đệ tử của ba phương diện thiêng liêng:

a. Instinctual living.... intelligent application.

a. Sống theo bản năng.... sự áp dụng thông minh.

b. Duty.....responsible love. [687]

b. Bổn phận..... bác ái có trách nhiệm. [687]

c. Dharma..... will, expressed through the Plan.

c. Dharma..... ý chí, được biểu lộ qua Thiên Cơ.

4. The sphere of obligation. The initiate, having learnt the nature of the three other spheres of right action, and-through the activity of those spheres—having unfolded the divine aspects, passes now into the sphere of obligation. This sphere, which can be entered only after a large measure of liberation has been achieved, directs the reactions of the initiate in two phases of his life:

4. *Khối cầu của nghĩa vụ.* Điểm đạo đồ, sau khi đã học được bản chất của ba khối cầu hành động đúng đắn kia, và—qua hoạt động của những khối cầu ấy—đã khai mở các phương diện thiêng liêng, giờ đây đi vào khối cầu của nghĩa vụ. Khối cầu này, chỉ có thể được bước vào sau khi đã đạt được một mức độ giải thoát lớn, định hướng các phản ứng của điểm đạo đồ trong hai giai đoạn của đời sống y:

a. In the Ashram, where he is governed by the Plan; this Plan is recognised by him as expressing his major obligation to life. I use the word “life” in its deepest esoteric sense.

a. Trong ashram, nơi y được Thiên Cơ chi phối; Thiên Cơ này được y nhận ra là biểu lộ nghĩa vụ lớn lao của y đối với sự sống. Tôi dùng từ “sự sống” theo nghĩa huyền bí sâu xa nhất của nó.

b. In Shamballa, where the emerging Purpose of Sanat Kumara (of which the Plan is an interpretation in time and space) begins to have meaning and significance according to his point in evolution and his approach to the Way of the Higher Evolution.

b. Trong Shamballa, nơi Thiên Ý đang xuất hiện của Đức Sanat Kumara (mà Thiên Cơ là một sự diễn giải trong thời gian và không gian) bắt đầu có ý nghĩa và thâm nghĩa tùy theo điểm tiến hoá của y và sự tiếp cận của y đến Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

In the Ashram, the life of the Spiritual Triad gradually supersedes the life of the soul-controlled personality. In the Council Chamber at Shamballa, the life of the Monad supersedes all other expressions of the essential Reality. More I may not say.

Trong ashram, sự sống của Tam Nguyên Tinh Thần dần dần thay thế sự sống của phàm ngã do linh hồn kiểm soát. Trong Phòng Hội Đồng tại Shamballa, sự sống của chân thần thay thế mọi biểu hiện khác của Thực Tại cốt yếu. Tôi không thể nói thêm.

Recognise the call, emerging from the Ashram or from the Council Chamber where waits the Lord of Life Himself.

hãy nhận ra tiếng gọi phát ra từ Ashram hoặc từ Phòng Hội Đồng, nơi chính Chúa Tể của Sự Sống đang chờ đợi.

Here again we come up against the whole underlying, evolutionary theme of Invocation and Evocation. Here, it is the two higher centres of the divine Existence which are invoking ceaselessly the lower centre; one of the factors governing the whole creative process is dependent upon the [688] skill of the Great Lives in evoking response from the human and subhuman kingdoms or grouped lives within the three worlds of form life. Men are so pre-occupied with their own problems that they are apt to think that-in the long run—what happens is entirely due to their behaviour, conduct, and invocative powers. There is, however, another side to the picture; this involves the skill in action, the understanding hearts and the clear unimpeded will of both the Hierarchy and Shamballa.

Ở đây một lần nữa chúng ta chạm đến toàn bộ chủ đề nền tảng, mang tính tiến hoá của Khẩn Cầu và Gợi Lên. Ở đây, chính hai trung tâm cao hơn của Sự Tồn Tại thiêng liêng đang không ngừng khẩn cầu trung tâm thấp hơn; một trong những yếu tố chi phối toàn bộ tiến trình sáng tạo phụ thuộc vào [688] kỹ năng của các Sự Sống Vĩ Đại trong việc gợi lên sự đáp ứng từ các giới nhân loại và dưới nhân loại hay các sự sống được nhóm lại trong ba cõi giới của đời sống hình tướng. Con người quá bận tâm với những vấn đề của riêng mình đến nỗi họ dễ nghĩ rằng—xét cho cùng—điều gì xảy ra hoàn toàn là do hành vi, cách cư xử và năng lực khẩn cầu của họ. Tuy nhiên, còn có một mặt khác của bức tranh; điều này bao hàm kỹ năng trong hành động, những trái tim thấu hiểu và ý chí sáng tỏ không bị cản trở của cả Thánh Đoàn lẫn Shamballa.

It will be apparent to you, therefore, how essential it is that all disciples and initiates should know exactly where they stand on the Path, the final aspect of the ladder of evolution; otherwise, they will misinterpret the call and fail to recognise the source of the outgoing sound. How easily this can happen becomes apparent to every advanced teacher of occultism and esotericism when he perceives bow easily unimportant people and beginners interpret calls and messages they hear or receive as coming to them from some high and elevated source, Whereas they are in all probability hearing that which emanates from their own subconscious, from their own souls, or from some teacher (not a Master) who is attempting to help them.

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ việc mọi đệ tử và điểm đạo đồ phải biết chính xác mình đang đứng ở đâu trên Con Đường, phương diện cuối cùng của chiếc thang tiến hoá, là điều thiết yếu biết bao; nếu không, họ sẽ diễn giải sai tiếng gọi và không nhận ra nguồn của âm thanh phát ra. Điều này có thể xảy ra dễ dàng đến mức nào trở nên hiển nhiên đối với mọi huấn sư cao cấp của huyền bí học và bí truyền học khi ông nhận thấy những người không quan trọng và những người mới bắt đầu dễ dàng diễn giải các tiếng gọi và thông điệp mà họ nghe hay nhận được như đến với họ từ một nguồn cao cả và siêu việt nào đó, trong khi rất có thể họ đang nghe điều phát ra từ chính tiềm thức của mình, từ chính linh hồn của mình, hoặc từ một huấn sư nào đó (không phải một Chân sư) đang cố gắng giúp họ.

The call referred to here, however, comes from the highest possible sources and must not be confused with the little voices of little men.

Tuy nhiên, tiếng gọi được nói đến ở đây đến từ những nguồn cao nhất có thể có và không được nhầm lẫn với những tiếng nói nhỏ bé của những con người nhỏ bé.

The SOUND goes forth.

Âm Thanh phát ra.

It is not my intention here to deal with the creative sound, beyond calling to your attention the fact that it is creative. The Sound which was the first indication of the activity of the planetary Logos is not a word, but a full reverberating sound, holding within itself all other sounds, all chords and certain musical tones (which have been given the name of the "music of the spheres") and dissonances, [689] unknown as yet to the modern ear. It is this Sound which the "Rising One" must learn to recognise, and to which he must respond not only by means of the sense of hearing and its higher correspondences, but through a response from every part and aspect of the form nature in the three worlds. I would

Ở đây tôi không có ý định bàn về âm thanh sáng tạo, ngoài việc lưu ý các bạn đến sự kiện rằng nó *có tính sáng tạo.* Âm Thanh là dấu hiệu đầu tiên của hoạt động của Hành Tinh Thượng Đế không phải là một lời, mà là một âm thanh vang dội trọn vẹn, tự nó chứa đựng mọi âm thanh khác, mọi hợp âm và một số âm điệu âm nhạc (đã được gọi là "âm nhạc của các khối cầu") cùng những nghịch âm, [689] cho đến nay tai hiện đại vẫn chưa biết. Chính Âm Thanh này mà "Đấng Đang Vươn Lên" phải học để nhận ra, và y phải đáp ứng với nó không chỉ bằng giác quan nghe và các tương ứng cao hơn của nó, mà còn bằng sự đáp ứng từ mọi phần và mọi phương diện của bản chất hình tướng trong ba cõi giới. Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng từ

remind you also that from the angle of the fourth initiation even the egoic vehicle, the soul body, is regarded and treated as a part of the form nature.

góc độ của lần điểm đạo thứ tư, ngay cả vận cụ chân ngã, thể linh hồn, cũng được xem và được xử lý như một phần của bản chất hình tướng.

Though the "shattering of the Temple of Solomon" takes place at the time of the fourth initiation, those qualities of which it was composed have been absorbed into the vehicles which the initiate is using for all His contacts in the three worlds. He is now essentially the essence of all His bodies, and —from His point of view and technical understanding—it must be borne in mind that the entire mental plane is one of the three planes which constitute the cosmic dense physical plane; this is a point oft forgotten by students, who almost invariably place the soul body and the mental permanent atom outside the form limits and what they call the three worlds. Technically and from higher angles, this is not so, and this fact definitely changes and conditions the thinking and work of the initiate of the fourth and higher degrees. It accounts also for the need for the egoic body to disappear.

Mặc dù "sự phá vỡ Đền thờ Solomon" diễn ra vào lúc lần điểm đạo thứ tư, những phẩm tính mà nó được cấu thành đã được hấp thụ vào các vận cụ mà điểm đạo đồ đang sử dụng cho mọi tiếp xúc của Ngài trong ba cõi giới. Giờ đây Ngài về bản chất là tinh túy của mọi thể biểu hiện của Ngài, và—từ quan điểm cùng sự thấu hiểu kỹ thuật của Ngài—cần phải ghi nhớ rằng toàn bộ cõi trí là một trong ba cõi cấu thành cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ; đây là một điểm mà đạo sinh thường quên, vì họ hầu như luôn đặt thể linh hồn và nguyên tử trường tồn trí tuệ ra ngoài các giới hạn của hình tướng và cái mà họ gọi là ba cõi giới. Về mặt kỹ thuật và từ các góc nhìn cao hơn, điều này không đúng, và sự kiện này rõ ràng làm thay đổi và tác động lên tư tưởng cùng công việc của điểm đạo đồ ở lần điểm đạo thứ tư và cao hơn. Nó cũng giải thích nhu cầu thể chân ngã phải biến mất.

The Sound reverberates throughout the four higher subplanes of the cosmic physical plane; these are the higher correspondence of the four etheric levels of the physical plane in the three worlds—the three dense physical and the four etheric planes. It must be remembered, therefore, that our planes, with which we are so familiar, are the cosmic physical, and that the one we know the best is the densest of the seven—hence so much of our struggle and difficulty.

Âm Thanh vang dội khắp bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ; đó là tương ứng cao hơn của bốn cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần trong ba cõi giới—ba cõi hồng trần đậm đặc và bốn cõi dĩ thái. Vì vậy, cần nhớ rằng các cõi của chúng ta, vốn quá quen thuộc với chúng ta, là cõi hồng trần vũ trụ, và cõi mà chúng ta biết rõ nhất là cõi đậm đặc nhất trong bảy cõi—do đó mới có quá nhiều đấu tranh và khó khăn của chúng ta.

[690]

[690]

From "the silence which is sound, the reverberating note of Shamballa," the sound

Từ "sự im lặng vốn là âm thanh, âm điệu vang dội của Shamballa," âm thanh tự tập

focusses itself either in the Spiritual Triad or in the Ashram, according to the status of the initiate and whether he is high in the ashramic circles, or still higher, in the circles through which radiates the light from the Council Chamber. In the first case, it will be the heart centre which responds to the sound, and from thence the whole body; in the second case, consciousness has been superseded by a still higher type of spiritual recognition, to which we have given the inadequate name of identification. Where the sound has been registered in the heart of the initiate, he has unfolded all possible types of knowledge which the form nature—soul and body—can make possible; when the registration is in the head, identification has produced such complete unity with all spiritual expressions of life, the word "more" (meaning increased) must perforce give way to the word "deep," in the sense of penetration. Having said this, brother of mine, how much have you comprehended?

trung hoặc trong Tam Nguyên Tinh Thần hoặc trong ashram, tùy theo địa vị của điểm đạo đồ và liệu y ở cao trong các vòng tròn ashram, hay còn cao hơn nữa, trong các vòng tròn mà qua đó ánh sáng từ Phòng Hội Đồng tỏa chiếu. Trong trường hợp thứ nhất, chính trung tâm tim sẽ đáp ứng với âm thanh, và từ đó toàn bộ thân thể; trong trường hợp thứ hai, tâm thức đã được thay thế bởi một loại nhận biết tinh thần còn cao hơn nữa, mà chúng ta đã đặt cho cái tên không đầy đủ là sự đồng hoá. Nơi âm thanh đã được ghi nhận trong tim của điểm đạo đồ, y đã khai mở mọi loại tri thức khả hữu mà bản chất hình tướng—linh hồn và thân thể—có thể làm cho có thể; khi sự ghi nhận ở trong đầu, sự đồng hoá đã tạo ra sự hợp nhất trọn vẹn đến mức với mọi biểu hiện tinh thần của sự sống, từ "nhiều hơn" (nghĩa là gia tăng) buộc phải nhường chỗ cho từ "sâu," theo nghĩa thâm nhập. Sau khi nói điều này, huynh đệ của tôi, bạn đã thấu hiểu được bao nhiêu?

It is at this point that the initiate is confronted for the first time with the Seven Paths, because each Path constitutes a mode of penetrating into realms of realisation beyond our planet altogether.

Chính tại điểm này mà điểm đạo đồ lần đầu tiên đối diện với Bảy Con Đường, bởi vì mỗi Con Đường cấu thành một phương thức thâm nhập vào những lĩnh vực chứng nghiệm vượt hẳn ngoài hành tinh của chúng ta.

In order to do this, the initiate has to demonstrate his mastery of the Law of Differentiation and arrive at a knowledge of the Seven Paths through differentiating the seven sounds which make up the one Sound, but which are not related to the seven sounds which compose the threefold AUM.

Để làm được điều này, điểm đạo đồ phải chứng tỏ sự làm chủ của mình đối với Định luật Biến Phân và đi đến tri thức về Bảy Con Đường bằng cách phân biệt bảy âm thanh hợp thành một Âm Thanh duy nhất, nhưng không liên hệ với bảy âm thanh cấu thành AUM tam phân.

Both soul and form together must renounce the principle of life, and thus permit the Monad to stand free. The soul responds. The form then shatters the connection.

Cả linh hồn lẫn hình tướng phải cùng từ bỏ nguyên khí sự sống, nhờ đó để Chân Thần đứng tự do. Linh hồn đáp ứng. Hình tướng khi ấy phá vỡ sự nối kết.

[691]

You can see here why I emphasised the fact that the initiate is the recipient of the essential quality or qualities which form has revealed and developed, and which the soul has absorbed. At this particular crisis, the initiate within the Ashram or "on His way of glory to the Place where dwells the Lord" (Shamballa) summarises or contains within himself all the essential good which was stored in the soul prior to its destruction at the fourth initiation. He epitomises in himself the knowledge and the wisdom of aeons of struggle and of patient endurance. Nothing further is to be gained by adhering either to the soul or to the form. He has taken all they had to give which throws light on the spiritual Law of Sacrifice. It is interesting to note how the soul becomes at this point simply the intermediary between the personality and the initiate of high degree. But now there is nothing more to relate, to report or to transmit, and—as the Sound reverberates—the soul disappears, as testimony of response. It is now but an empty shell, but its substance is of so high an order that it becomes an integral part of the buddhic level, and its function there is etheric. The principle of life is renounced and returns to the reservoir of universal life.

I would have you take notice of the importance of form activity. It is the Form which shatters the connection (the usually despised, belittled, frustrated form is that which performs the final act), bringing complete liberation. The "Lunar Lord" of the personality has achieved his goal, and those elements which have composed his three vehicles (physical, astral, mental), together with the life principle, will constitute the

[691]

Ở đây các bạn có thể thấy vì sao tôi nhấn mạnh sự kiện rằng điểm đạo đồ là người tiếp nhận phẩm tính hay các phẩm tính cốt yếu mà hình tướng đã bộc lộ và phát triển, và linh hồn đã hấp thụ. Trong cuộc khủng hoảng đặc biệt này, điểm đạo đồ trong ashram hay "trên con đường vinh quang của Ngài đến Nơi Chúa Tể ngự trị" (Shamballa) tóm kết hay chứa đựng trong chính mình mọi điều thiện cốt yếu đã được tích trữ trong linh hồn trước khi nó bị hủy diệt ở lần điểm đạo thứ tư. Ngài là hiện thân thu gọn trong chính mình của tri thức và minh triết của các đại kiếp đấu tranh và nhẫn nại chịu đựng. Không còn gì để đạt được thêm bằng cách bám vào linh hồn hay hình tướng. Ngài đã nhận lấy tất cả những gì chúng có thể trao, điều này soi sáng Định luật Hi Sinh tinh thần. Thật lý thú khi lưu ý cách linh hồn ở điểm này đơn giản trở thành trung gian giữa phàm ngã và điểm đạo đồ cao cấp. Nhưng giờ đây không còn gì để liên hệ, để báo cáo hay để truyền đạt nữa, và—khi Âm Thanh vang dội—linh hồn biến mất, như bằng chứng của sự đáp ứng. Giờ đây nó chỉ còn là một vỏ rỗng, nhưng chất liệu của nó thuộc một trật tự cao đến mức nó trở thành một phần không thể tách rời của cấp độ Bồ đề, và chức năng của nó ở đó là dĩ thái. Nguyên khí sự sống được từ bỏ và trở về hồ chứa của sự sống phổ quát.

Tôi muốn bạn lưu ý đến tầm quan trọng của hoạt động của hình tướng. Chính *Hình tướng* làm tan vỡ sự nối kết (hình tướng thường bị khinh miệt, xem nhẹ, làm cho thất vọng ấy chính là cái thực hiện hành vi cuối cùng), đem lại sự giải thoát hoàn toàn. "Nguyệt tinh quân" của phàm ngã đã đạt được mục tiêu của y, và những yếu tố đã cấu thành ba vận cụ của y (hồng trần, cảm dục, trí tuệ), cùng với nguyên khí sự sống, sẽ tạo thành

atomic substance of the first body of manifestation of some soul seeking incarnation for the first time. This is closely related to the abstruse subject of the permanent atoms. It marks a moment of high initiation for this Lunar Lord when he shatters the connection [692] and severs all relation with the hitherto informing soul. He is no longer just a shadow, but has now those qualities which make him "substantial" (in the esoteric sense) and a new factor in time and space.

chất liệu nguyên tử của thể biểu hiện đầu tiên của một linh hồn đang tìm cách nhập thể lần đầu tiên. Điều này liên hệ chặt chẽ với chủ đề huyền nhiệm về các nguyên tử trường tồn. Nó đánh dấu một khoảnh khắc điểm đạo cao đối với nguyệt tinh quân này khi y làm tan vỡ sự nối kết [692] và cắt đứt mọi liên hệ với linh hồn vốn từ trước đến nay đã thấm nhuần y. Y không còn chỉ là một cái bóng nữa, mà giờ đây có được những phẩm tính khiến y trở nên "thực chất" (theo nghĩa huyền bí) và là một yếu tố mới trong thời gian và không gian.

The remaining words of this law need no explanation and mark a fitting finish for this section of our studies:

Những lời còn lại của định luật này không cần giải thích và đánh dấu một kết thúc thích hợp cho phần nghiên cứu này của chúng ta:

Life is now liberated, owning the qualities of conscious knowledge and the fruit of all experience. These are the gifts of soul and form combined.

Sự sống giờ đây được giải thoát, sở hữu những phẩm tính của tri thức hữu thức và thành quả của mọi kinh nghiệm. Đây là những tặng phẩm do linh hồn và hình tướng cùng đem lại.

CHAPTER IX - The Seven Modes of Healing — CHƯƠNG IX - Bảy Phương Thức Trị Liệu

[694]

IT WILL BE OBVIOUS to you that even if the techniques or the seven modes of healing-relating as they do to the energies of the seven rays-were exactly imparted to you, it would be rare indeed to find a healer who was competent to use them in this interim period in world affairs. We are passing out of one age into another, and this necessarily creates difficulties which have hitherto not been recognised. This is the first time in human history wherein humanity is intelligent enough to register understanding of the implications of this happening, and far-sighted enough to be able to vision, imagine and plan for the new future. For another thing, the soul ray of the average aspirant is seldom in control to such an extent that it can bring adequate illumination and ray potency; until it is in control, these ray methods and techniques, determining the use and direction of the ray energies, are useless. This should not bring to you disappointment, but simply an attitude of expectancy, particularly where the younger students and readers are concerned. All things considered, this hiatus between expectancy and possibility is exceedingly good.

There has been so much given out during the past century along the lines of magical work, that more at this time would not be wise; so many mantrams and Words of Power have been communicated, and so wide a use of the [694] OM has prevailed, that a great deal of damage might be looked for as a result. Such damage has not,

[694]

RÕ RÀNG với bạn rằng ngay cả nếu các kỹ thuật hay bảy phương thức trị liệu—vì chúng liên hệ đến các năng lượng của bảy cung—được truyền đạt chính xác cho bạn, thì cũng thật hiếm có thể tìm được một nhà trị liệu đủ năng lực để sử dụng chúng trong giai đoạn chuyển tiếp này của tình hình thế giới. Chúng ta đang đi ra khỏi một kỷ nguyên để bước vào một kỷ nguyên khác, và điều này tất yếu tạo ra những khó khăn mà từ trước đến nay chưa được nhận ra. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại mà nhân loại đủ thông minh để ghi nhận sự thấu hiểu về những hàm ý của biến cố này, và đủ tầm nhìn xa để có thể hình dung viễn cảnh, tưởng tượng và hoạch định cho tương lai mới. Hơn nữa, cung linh hồn của người chí nguyện trung bình hiếm khi kiểm soát đến mức có thể mang lại sự soi sáng đầy đủ và năng lực cung; cho đến khi nó nắm quyền kiểm soát, các phương pháp và kỹ thuật cung này, vốn quyết định việc sử dụng và định hướng các năng lượng cung, đều vô dụng. Điều này không nên khiến bạn thất vọng, mà chỉ nên tạo ra một thái độ mong đợi, đặc biệt đối với các đạo sinh và độc giả trẻ tuổi hơn. Xét mọi mặt, khoảng gián đoạn giữa sự mong đợi và khả năng này là cực kỳ tốt.

Trong thế kỷ qua đã có quá nhiều điều được truyền ra theo đường lối công việc huyền thuật, đến nỗi vào lúc này truyền thêm nữa sẽ không khôn ngoan; quá nhiều mantram và Quyền năng từ đã được truyền đạt, và việc sử dụng [694] OM đã lan rộng đến mức người ta có thể chờ đợi rất nhiều tổn hại xảy ra như một kết quả. Tuy nhiên, tổn hại như

however, occurred. The relatively low point in evolution of the average student and experimenter has served as a protection, and little has been set in motion—either good or bad—by what they have attempted to do. Healings have frequently taken place (at least temporary healings), owing largely to the susceptibility of the patient to suggestion and his confidence in the healer. None of these healings can be traced esoterically to the scientific methods of occultism. In spite of this protection, or rather because of it, I am communicating no Ray Words at this time, such as the trained initiate employs when engaged in the healing work. These Words have to he accompanied by a trained use of the spiritual will, and (where the ordinary man and healer is concerned) even the lowest aspect of the will remains as yet undeveloped, and only self-will (which is determined, selfish desire) is expressed. It would therefore be a waste of my time to give instruction along these lines. I have felt it necessary to explain this, so that there will be no undue expectancy that I shall impart the mysterious and the hitherto unknown. I seek only to lay the foundation for a future structure of knowledge, when it will be safe, wise and right to convey those "focussing Points," those "organising Words," and those "expressed Intentions" of the correctly trained occult healer. I seek to generate in you also a wise and searching expectancy which will use the little that I am able to impart, and the symbolic words I may dictate, and so prepare for a greater understanding later.

thế đã không xảy ra. Điểm tiến hoá tương đối thấp của đạo sinh và người thực nghiệm trung bình đã đóng vai trò như một sự bảo vệ, và rất ít điều—dù tốt hay xấu—đã được khởi động bởi những gì họ cố gắng làm. Việc trị lành thường đã xảy ra (ít nhất là những sự trị lành tạm thời), phần lớn do bệnh nhân dễ tiếp nhận sự ám thị và do sự tin tưởng của y nơi nhà trị liệu. Không một sự trị lành nào trong số này có thể được truy nguyên một cách huyền bí đến các phương pháp khoa học của huyền bí học. Bất chấp sự bảo vệ này, hay đúng hơn là vì nó, hiện nay tôi không truyền đạt các Linh từ Cung như điểm đạo đồ lão luyện sử dụng khi dấn thân vào công việc trị liệu. Những Linh từ này phải được đi kèm với việc sử dụng được huấn luyện của ý chí tinh thần, và (đối với con người bình thường và nhà trị liệu bình thường) ngay cả phương diện thấp nhất của ý chí vẫn còn chưa phát triển, và chỉ có ý chí vị kỷ (là dục vọng ích kỷ có tính quyết đoán) được biểu lộ. Vì vậy, sẽ là lãng phí thời gian của tôi nếu đưa ra chỉ dẫn theo các đường lối này. Tôi thấy cần phải giải thích điều này, để sẽ không có sự mong đợi quá mức rằng tôi sẽ truyền đạt điều huyền bí và điều từ trước đến nay chưa được biết đến. Tôi chỉ tìm cách đặt nền móng cho một cấu trúc tri thức trong tương lai, khi việc truyền đạt những "Điểm hội tụ", những "Linh từ tổ chức", và những "Ý định được phát biểu" của nhà huyền bí học trị liệu được huấn luyện đúng đắn sẽ là an toàn, khôn ngoan và đúng đắn. Tôi cũng tìm cách khơi dậy nơi bạn một sự mong đợi khôn ngoan và truy xét, biết sử dụng chút ít mà tôi có thể truyền đạt, cùng những lời biểu tượng mà tôi có thể đọc cho bạn, và nhờ đó chuẩn bị cho một sự thấu hiểu lớn hơn về sau.

In the meantime there are certain things I can teach you which will be profitable. They may perchance enhance the visioned and realised difficulties, but may nevertheless

Trong lúc này có một số điều tôi có thể dạy bạn mà sẽ hữu ích. Có thể chúng sẽ làm tăng thêm những khó khăn đã được hình dung và nhận ra, nhưng tuy vậy vẫn có thể tỏ ra hữu

prove useful in indicating the ground which must still be [695] covered before the healer arrives at correct and sustained healing.

dụng trong việc chỉ ra chặng đường còn phải được [695] đi qua trước khi nhà trị liệu đạt đến sự trị lành đúng đắn và bền vững.

This section will be very short indeed, compared with the rest of this volume; it will consist simply of a series of summarised and condensed statements which will provide a textbook for the healer, a reference book for guidance to which he can refer. These statements will be under three classifications:

Phần này quả thật sẽ rất ngắn so với phần còn lại của tập sách này; nó sẽ chỉ gồm một loạt các phát biểu tóm lược và cô đọng, cung cấp một sách giáo khoa cho nhà trị liệu, một sách tham khảo để hướng dẫn mà y có thể tra cứu. Những phát biểu này sẽ nằm dưới ba phân loại:

I. The Seven Ray Energies.

I. Bảy Năng Lượng Cung.

II. The Rays of the Healer and the Patient.

II. Các Cung của Nhà Trị Liệu và của Bệnh Nhân.

III. The Seven Healing Techniques.

III. Bảy Kỹ Thuật Trị Liệu.

These statements will complete Volume IV of A Treatise on the Seven Rays and will carry much information to the initiated disciple, and even in part to the intelligent aspirant; they should make their healing work more effectual, even though only the preliminary work and elementary rules are given. Needless to add, the healer has to perfect himself in this initial activity and—as he works—he may himself (alone and unaided) penetrate into the deeper meanings of this phase of the Ageless Wisdom.

Những phát biểu này sẽ hoàn tất Tập IV của bộ Luận về Bảy Cung và sẽ mang nhiều thông tin đến cho đệ tử được điểm đạo, và thậm chí phần nào cho người chí nguyện thông minh; chúng sẽ làm cho công việc trị liệu của họ hữu hiệu hơn, dù chỉ có công việc sơ bộ và các quy luật căn bản được đưa ra. Không cần nói thêm, nhà trị liệu phải tự hoàn thiện mình trong hoạt động khởi đầu này và—khi y làm việc—chính y có thể tự mình (một mình và không được trợ giúp) thâm nhập vào những ý nghĩa sâu xa hơn của giai đoạn này của Minh Triết Ngàn Đời.

THE SEVEN RAY ENERGIES — BẢY NĂNG LƯỢNG CUNG

Fifteen Statements.

Mười lăm phát biểu.

1. The seven rays embody and express the totality of energies which circulate throughout our planetary form.

1. Bảy cung thể hiện và biểu lộ tổng thể các năng lượng đang lưu chuyển khắp hình tướng hành tinh của chúng ta.

2. These seven ray energies are the seven forces which unitedly compose the primary Ray of Love-Wisdom. This is the second ray of our solar system and the dominating ray in every planetary expression within the solar system. The seven rays are, all of them, subsidiary rays of this great cosmic ray. [696]

2. Bảy năng lượng cung này là bảy mãnh lực cùng nhau hợp thành Cung Bác Ái – Minh Triết nguyên thủy. Đây là cung hai của hệ mặt trời chúng ta và là cung chi phối trong mọi biểu hiện hành tinh bên trong hệ mặt trời. Cả bảy cung đều là những cung phụ của cung vũ trụ vĩ đại này. [696]

3. No matter upon which ray the healer may be found, he must always work through the second subray of that ray—the ray of love-wisdom in each ray. By means of this, he becomes connected with or related to the governing soul and personality rays. The second ray has the capacity of all-inclusiveness.

3. Dù nhà trị liệu có thể thuộc cung nào đi nữa, y luôn luôn phải làm việc qua cung phụ thứ hai của cung đó—cung bác ái-minh triết trong mỗi cung. Nhờ phương tiện này, y trở nên được nối kết với hay liên hệ với các cung linh hồn và phàm ngã chi phối. Cung hai có năng lực bao gồm tất cả.

4. The second ray and the second subray on all rays are themselves dual in expression. The healer must learn to work through the love aspect and not through the wisdom aspect. This takes much training in the practice of spiritual differentiation.

4. Cung hai và cung phụ thứ hai trên mọi cung tự chúng có biểu hiện nhị phân. Nhà trị liệu phải học cách làm việc qua phương diện bác ái chứ không qua phương diện minh triết. Điều này đòi hỏi nhiều huấn luyện trong việc thực hành sự biến phân tinh thần.

5. Those vehicles in the form nature which are on the line of 2-4-6 must be used by the healer when practicing the healing art. If he has no vehicles or bodies on this line of basic energy, he will not be able to heal. This is seldom realised. It is rare, however, to find an equipment lacking all second ray energy outlets.

5. Những vận cụ trong bản chất hình tướng thuộc đường 2-4-6 phải được nhà trị liệu sử dụng khi thực hành nghệ thuật trị liệu. Nếu y không có vận cụ hay thể nào trên đường năng lượng căn bản này, y sẽ không thể trị liệu. Điều này hiếm khi được nhận ra. Tuy nhiên, hiếm có một cơ cấu nào lại thiếu hoàn toàn mọi lối thoát năng lượng cung hai.

6. Those healers who are on the second ray, or who are equipped with a powerful second ray vehicle, are usually great healers. The Christ, being the truest exponent of the second ray ever known on earth, was greatest of all the healing sons of God.

6. Những nhà trị liệu thuộc cung hai, hoặc được trang bị một vận cụ cung hai mạnh mẽ, thường là những nhà trị liệu vĩ đại. Đức Christ, là hiện thân chân thực nhất của cung hai từng được biết đến trên Trái Đất, là vĩ đại nhất trong tất cả các Con của Thượng đế có năng lực trị liệu.

7. The ray of the soul conditions and determines the technique to be employed. The ray in the personality vehicles most closely related to the second ray (for which all the subrays act as channels) is the one through which the healing energy must flow.

7. Cung của linh hồn tác động và quyết định kỹ thuật phải được sử dụng. Cung trong các vận cụ phàm ngã có liên hệ gần nhất với cung hai (mà mọi cung phụ đều hoạt động như những kênh dẫn cho nó) là cung mà qua đó năng lượng trị liệu phải tuôn chảy.

8. The second subray of the soul ray determines the approach to the healing problem immediately confronting the healer; this energy is transmuted into healing force when passing through the appropriate personality vehicle. To be appropriate it must be on the line of 2-4-6. [697]

8. Cung phụ thứ hai của cung linh hồn quyết định cách tiếp cận đối với vấn đề trị liệu đang trực tiếp đối diện nhà trị liệu; năng lượng này được chuyển hoá thành mãnh lực trị liệu khi đi qua vận cụ phàm ngã thích hợp. Để là thích hợp, nó phải ở trên đường 2-4-6. [697]

9. The appropriate vehicle can be either the mental body or the emotional body. With the mass of men being centred in the astral nature, the healing will usually be most successful if the healer's channel of transmission is that body also.

9. Vận cụ thích hợp có thể là thể trí hoặc thể cảm xúc. Vì đại đa số con người đều tập trung nơi bản chất cảm dục, việc trị liệu thường sẽ thành công nhất nếu kênh truyền dẫn của nhà trị liệu cũng là thể đó.

10. A triangle of energies is therefore formed; it is composed of:

10. Vì vậy, một tam giác năng lượng được hình thành; nó gồm có:

a. The energy of the soul.

a. Năng lượng của linh hồn.

b. The appropriate vehicle.

b. Vận cụ thích hợp.

c. The etheric body, through either the heart or the solar plexus centre.

c. Thể dĩ thái, qua trung tâm tim hoặc trung tâm tùng thái dương.

11. Within the etheric body, a secondary triangle is formed for the circulation of energy between:

11. Bên trong thể dĩ thái, một tam giác thứ yếu được hình thành để năng lượng lưu chuyển giữa:

a. The head centre, the centre of reception.

a. Trung tâm đầu, trung tâm tiếp nhận.

b. The ajna centre, the centre for directed distribution.

b. Trung tâm ajna, trung tâm để phân phối có định hướng.

c. The centre which registers—as the line of least resistance—the energy of the soul ray, whichever of the seven rays that may be.

c. Trung tâm ghi nhận—như con đường ít trở ngại nhất—năng lượng của cung linh hồn, bất kể đó có thể là cung nào trong bảy cung.

12. This secondary triangle is related to the primary triangle by an "act of deliberation." This is a part of the technique which I am withholding.

12. Tam giác thứ yếu này liên hệ với tam giác chính bằng một "hành vi cân nhắc có chủ ý". Đây là một phần của kỹ thuật mà tôi đang giữ lại.

13. The healer who is sincere and experienced can (in default of the esoteric formula producing connection between the two triangles) do much to bring about some definite relation by a deliberate act of faith and by the firm statement of his fixed intention.

13. Nhà trị liệu chân thành và có kinh nghiệm có thể (khi thiếu công thức huyền bí tạo ra sự nối kết giữa hai tam giác) làm được nhiều điều để tạo ra một mối liên hệ xác định nào đó bằng một hành vi đức tin có chủ ý và bằng sự phát biểu vững chắc về *ý định cố định* của y.

14. The greater triangle is that which affects the healer and makes him a transmitting agent; the lesser triangle is the one which produces the effect upon the patient and through which the healer—on the physical plane—works.

14. Tam giác lớn là tam giác tác động lên nhà trị liệu và làm cho y trở thành một tác nhân truyền dẫn; tam giác nhỏ là tam giác tạo ra hiệu quả nơi bệnh nhân và qua đó nhà trị liệu—trên cõi hồng trần—làm việc.

15. The procedure of the healer will therefore fall into three parts, prior to the conscious act of healing: [698]

15. Vì vậy, thủ tục của nhà trị liệu sẽ rơi vào ba phần, trước hành vi trị liệu hữu thức: [698]

Process One.

Tiến trình Một.

a. The healer will definitely and consciously link up with his own soul.

a. Nhà trị liệu sẽ dứt khoát và hữu thức nối kết với linh hồn của chính mình.

b. He will then determine which of his personality vehicles is to be used; this will be based upon its reaction to energies, channeling along the line 2-4-6.

b. Sau đó y sẽ xác định vận cụ phàm ngã nào của mình sẽ được sử dụng; điều này sẽ dựa trên phản ứng của nó đối với các năng lượng, dẫn truyền theo đường 2-4-6.

c. By an act of the will he will then relate the soul energy, via the desired vehicle, with the appropriate centre in the etheric body; the heart or the solar plexus, always preferably the former.

c. Bằng một hành vi của ý chí, sau đó y sẽ liên hệ năng lượng linh hồn, qua vận cụ mong muốn, với trung tâm thích hợp trong thể dĩ thái; tim hoặc tùng thái dương, nhưng luôn luôn tốt hơn là trung tâm trước.

Process two.

Tiến trình Hai.

a. He will next create the secondary triangle by focussing his attention in the centre of reception, the head centre.

a. Tiếp theo y sẽ tạo ra tam giác thứ yếu bằng cách tập trung sự chú ý của mình vào trung tâm tiếp nhận, tức trung tâm đầu.

b. He will then connect this head centre, through the power of the creative imagination, with the centre between the eyebrows, and will hold the energy there because it is the directing agency.

b. Sau đó y sẽ nối kết trung tâm đầu này, bằng quyền năng của sự tưởng tượng sáng tạo, với trung tâm giữa hai chân mày, và sẽ giữ năng lượng ở đó vì đó là tác nhân định hướng.

c. He will endeavour to gather into this ajna centre the energy of that centre within his etheric body which is related to his soul ray.

c. Y sẽ cố gắng tập hợp vào trung tâm ajna này năng lượng của trung tâm trong thể dĩ thái của mình có liên hệ với cung linh hồn của y.

Process Three.

Tiến trình Ba.

He then, with deliberation, performs the act of linking the two triangles; once this is done, he is ready for the healing action.

Sau đó, với sự cân nhắc có chủ ý, y thực hiện hành vi nối kết hai tam giác; một khi điều này được thực hiện, y đã sẵn sàng cho hành động trị liệu.

THE RAYS OF HEALER AND OF PATIENT. — CÁC CUNG CỦA NHÀ TRỊ LIỆU VÀ CỦA BỆNH NHÂN.

It will be apparent to the most superficial reader that the variation or the identity between the rays of the healer [699] and his patient constitutes a factor of importance: many conditioning factors will be presented; there will also be present a contrast between the soul rays and the personality rays of both

Ngay cả với độc giả hời hợt nhất cũng sẽ thấy rõ rằng sự khác biệt hay đồng nhất giữa các cung của nhà trị liệu [699] và bệnh nhân của y tạo thành một yếu tố quan trọng: nhiều yếu tố chi phối sẽ xuất hiện; cũng sẽ có sự tương phản giữa các cung linh hồn và các cung phàm ngã của cả hai bên liên hệ. Vì vậy, bạn có thể có những điều kiện trong đó:

parties concerned. You may have, therefore, conditions in which:

1. The soul rays are identical and the personality rays are different.

2. The personality rays are the same but the soul rays are not.

3. The rays are similar in both cases.

4. The rays of neither soul nor personality are the same.

5. The soul ray is not known but the personality ray is apparent. The ray of the personality is easily ascertained, but there is often no indication as to the soul ray. This can apply to both healer and patient.

6. Nothing is known anent the rays of either party.

I am not bringing into this discussion any reference to the rays of the mental, astral or physical vehicles, though they have a definite and sometimes a decisive effect and the knowledge is most useful when known. The trained healer, when in possession of this knowledge, can use a secondary technique as an aid to the basic method, and use the appropriate lower vehicle (either his own or that of the patient) through which to pour a secondary stream of healing energy, thus enhancing the work of the primary stream. The addition of this secondary stream implies quite advanced knowledge on the part of the healer, or accurate information given by the patient. This is, as you may surmise, somewhat rare to find. People can, by careful study and the

1. Các cung linh hồn giống nhau và các cung phàm ngã khác nhau.

2. Các cung phàm ngã giống nhau nhưng các cung linh hồn thì không.

3. Các cung tương tự nhau trong cả hai trường hợp.

4. Các cung của cả linh hồn lẫn phàm ngã đều không giống nhau.

5. Cung linh hồn không được biết nhưng cung phàm ngã thì rõ ràng. Cung của phàm ngã dễ xác định, nhưng thường không có dấu hiệu nào về cung linh hồn. Điều này có thể áp dụng cho cả nhà trị liệu lẫn bệnh nhân.

6. Không biết gì về các cung của cả hai bên.

Tôi không đưa vào cuộc thảo luận này bất kỳ tham chiếu nào đến các cung của các vận cụ trí tuệ, cảm dục hay hồng trần, dù chúng có một tác động xác định và đôi khi có tính quyết định, và tri thức ấy rất hữu ích khi được biết. Nhà trị liệu được huấn luyện, khi sở hữu tri thức này, có thể sử dụng một kỹ thuật thứ yếu như một trợ giúp cho phương pháp căn bản, và dùng vận cụ thấp thích hợp (hoặc của chính y hoặc của bệnh nhân) qua đó tuôn đổ một dòng năng lượng trị liệu thứ yếu, nhờ vậy tăng cường công việc của dòng chính. Việc thêm vào dòng thứ yếu này hàm ý tri thức khá cao cấp nơi nhà trị liệu, hoặc thông tin chính xác do bệnh nhân cung cấp. Như bạn có thể đoán, điều này khá hiếm gặp. Con người có thể, bằng sự nghiên cứu cẩn thận và việc tập hợp các trường hợp tương

assembling of known analogous instances, ascertain with a fair degree of success the nature of the two major [700] rays; it takes, however, an initiate of some standing to recognise and work through the rays of one of the lower bodies, and therefore be in a position to distribute the healing force through two centres simultaneously. We will not consequently consider more than the relation of the rays controlling the healer and the patient from the angle of soul and personality.

đồng đã biết, xác định với mức độ thành công khá cao bản chất của hai cung lớn [700]; tuy nhiên, cần một điểm đạo đồ có vị thế nào đó mới có thể nhận ra và làm việc qua các cung của một trong các thể thấp, và do đó ở vào vị trí phân phối mãnh lực trị liệu qua hai trung tâm cùng một lúc. Vì vậy, chúng ta sẽ không xét gì hơn ngoài mối liên hệ của các cung kiểm soát nhà trị liệu và bệnh nhân từ góc độ linh hồn và phàm ngã.

It is not possible for me to take each of the rays of both healer and patient and trace for you the appropriate technique; this will become clearer if you consider the great number of difficulties which are presented when both the rays of the two parties concerned are brought into relationship. In Discipleship in the New Age the rays are given of a large number of disciples. You might, as an experimental exercise, take these various rays, as assigned, and place each of these disciples in the part of either healer or patient, and see what centres would be employed in the case of some disease (each based in a different location in the human body), and then attempt to decide what method, mode or procedure the healer would be wise to follow. At the same time you should remember two things: first, that all these people are members of a second ray Ashram; also that they are disciples, and consequently their rays are apparent and obvious to the healer, which greatly helps. You could determine also what ray energy should be employed in the healing process, through what centre in yourself, as the healer, and the disciple as a patient, you should work and whether you are in a position to use a secondary technique. Then, having through the use of the imagination worked at an imaginary healing, look around among your friends

Tôi không thể lấy từng cung của cả nhà trị liệu lẫn bệnh nhân và vạch ra cho bạn kỹ thuật thích hợp; điều này sẽ trở nên rõ hơn nếu bạn xét đến số lượng lớn những khó khăn được đặt ra khi các cung của hai bên liên hệ được đem vào tương quan. Trong *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới*, các cung được nêu ra của một số lượng lớn đệ tử. Bạn có thể, như một bài tập thực nghiệm, lấy các cung khác nhau này như đã được chỉ định, và đặt mỗi đệ tử ấy vào vai trò hoặc nhà trị liệu hoặc bệnh nhân, rồi xem những trung tâm nào sẽ được sử dụng trong trường hợp một bệnh nào đó (mỗi bệnh đặt nền trên một vị trí khác nhau trong cơ thể con người), rồi sau đó cố gắng quyết định phương pháp, phương thức hay thủ tục nào mà nhà trị liệu nên khôn ngoan tuân theo. Đồng thời bạn nên nhớ hai điều: thứ nhất, tất cả những người này đều là thành viên của một ashram cung hai; thứ hai, họ là các đệ tử, và do đó các cung của họ là hiển nhiên và rõ ràng đối với nhà trị liệu, điều này giúp ích rất nhiều. Bạn cũng có thể xác định năng lượng cung nào nên được sử dụng trong tiến trình trị liệu, qua trung tâm nào trong chính bạn, với tư cách nhà trị liệu, và trong đệ tử với tư cách bệnh nhân, bạn nên làm việc, và liệu bạn có ở vào vị trí sử dụng một kỹ thuật thứ yếu hay không. Rồi sau đó, khi đã dùng sự tưởng tượng để thực hiện một cuộc trị liệu tưởng tượng, hãy nhìn quanh trong số bạn

and acquaintances for those whom you believe possess similar ray conditions and—if they are ailing or ill—seek to help them in the same way as you attempted to aid an imaginary patient: note then what happens. Avoid the use [701] of a secondary technique, for you are more liable to be entirely wrong where the three lower vehicles are involved than with the two major expressions of life. The rest of this subject can perhaps be clarified by certain statements which will become clearer as esoteric psychology emerges as a definite educational subject in the decades which lie ahead.

bè và người quen của bạn để tìm những người mà bạn tin là có các điều kiện cung tương tự và—nếu họ đau yếu hay bệnh hoạn—hãy tìm cách giúp họ theo cùng cách như bạn đã cố giúp một bệnh nhân tưởng tượng: rồi ghi nhận điều gì xảy ra. Hãy tránh sử dụng [701] một kỹ thuật thứ yếu, vì bạn dễ hoàn toàn sai lầm hơn nhiều khi ba vận cụ thấp có liên quan so với khi chỉ xét hai biểu hiện lớn của sự sống. Phần còn lại của chủ đề này có lẽ có thể được làm sáng tỏ bằng một số phát biểu sẽ trở nên rõ ràng hơn khi Tâm Lý Học Nội Môn xuất hiện như một môn học giáo dục xác định trong những thập niên sắp tới.

1. The healer should ascertain his rays, and then proceed with his work on the basis of that information. When that knowledge is not available, he should refrain from the attempt to heal.

1. Nhà trị liệu nên xác định các cung của mình, rồi sau đó tiến hành công việc trên cơ sở thông tin đó. Khi tri thức ấy không có sẵn, y nên kiềm chế không cố gắng trị liệu.

2. When unable—from lack of this knowledge—to carry forward the healing work, let him confine himself to the task of acting as a channel for the energy of love to the patient.

2. Khi không thể—do thiếu tri thức này—tiến hành công việc trị liệu, hãy để y giới hạn mình vào nhiệm vụ hành động như một kênh dẫn cho năng lượng bác ái đến với bệnh nhân.

3. The healer will find it easier in most cases to ascertain his rays, or one of them at least, than to know the rays of the patient.

3. Trong đa số trường hợp, nhà trị liệu sẽ thấy dễ xác định các cung của mình, hay ít nhất một trong số đó, hơn là biết các cung của bệnh nhân.

There are two reasons for this:

Có hai lý do cho điều này:

a. The fact that he seeks to heal and help indicates a fair measure of advancement upon the spiritual way. Such advancement is required for correct finding of the ray quality. A little study of himself and of the possible rays present should in time show him the nature of the energies controlling him.

a. Sự kiện y tìm cách trị liệu và giúp đỡ cho thấy một mức độ tiến bộ khá đáng kể trên con đường tinh thần. Sự tiến bộ như vậy là cần thiết để tìm ra đúng phẩm tính cung. Một ít nghiên cứu về chính mình và về các cung có thể hiện diện, theo thời gian, sẽ cho y thấy bản chất của các năng lượng đang kiểm soát y.

b. The patient, if advanced, is liable not to seek his help, but will handle his own problem, through the soul and through the Ashram, if affiliated with one. If he is not advanced, the personality ray will be more easily ascertained than the soul ray, and will therefore provide the point of contact.

b. Bệnh nhân, nếu tiến bộ, có thể sẽ không tìm đến sự giúp đỡ của y, mà sẽ tự xử lý vấn đề của mình, qua linh hồn và qua ashram, nếu có liên kết với một ashram. Nếu không tiến bộ, cung phàm ngã sẽ dễ được xác định hơn cung linh hồn, và do đó sẽ cung cấp điểm tiếp xúc.

[702]

[702]

4. The healer, having to his satisfaction determined upon the rays or ray conditioning him, should then prepare himself for the healing task by a minimum of five hours of most careful preparation, related to his mind, the thinking apparatus. I mean not five hours of consecutive mental control and reflection, but a period of quiet thought, carried on—when possible-wherein the healer studies the patient and familiarises himself with:

4. Nhà trị liệu, sau khi đã xác định một cách thỏa đáng các cung hay cung đang tác động lên mình, nên chuẩn bị cho nhiệm vụ trị liệu bằng tối thiểu năm giờ chuẩn bị hết sức cẩn thận, liên hệ đến thể trí của y, bộ máy tư duy. Ý tôi không phải là năm giờ liên tục kiểm soát trí tuệ và suy tư, mà là một khoảng thời gian suy nghĩ yên tĩnh, được tiến hành—khi có thể—trong đó nhà trị liệu nghiên cứu bệnh nhân và làm quen với:

a. The problem of the disease and its particular nature.

a. Vấn đề của bệnh và bản chất đặc thù của nó.

b. Its location in the physical body.

b. Vị trí của nó trong thể xác.

c. The centre involved and (when he is an enlightened disciple) with its condition.

c. Trung tâm liên hệ và (khi y là một đệ tử giác ngộ) với tình trạng của trung tâm ấy.

d. The acuteness of the difficulty and the chance of a cure.

d. Tính cấp tính của khó khăn và cơ may chữa khỏi.

e. The danger of death or not.

e. Nguy cơ tử vong hay không.

f. The psychological condition of the patient.

f. Tình trạng tâm lý của bệnh nhân.

g. The rays of the patient, if feasible; these, if known, will condition his approach.

g. Các cung của bệnh nhân, nếu có thể; nếu được biết, chúng sẽ tác động lên cách tiếp cận của y.

5. Thus prepared, the healer focusses his attention in his own ray. When he only possesses general and not specific knowledge of his own ray or rays and those of the patient, the healer may proceed upon the surmise that one or both are along the line of 1-3-5-7 or 2-4-6 and act upon that general assumption. To possess specific and particularised knowledge is useful, but where it exists not, and particular rays cannot be assigned, it is often possible to determine whether the general trend of the character is along the line of love or of the will, and then to act accordingly. The problem then is whether the relation between healer and [703] patient will be from personality to personality, from soul to soul, or from personality to soul and vice versa. When the relation is that of personality to personality (and this will be the most usual), the energy with which the healer will work is simply that of planetary prana; the effect of this will be to stimulate the natural processes of the physical body and (in cooperation with nature and so in line with the patient's karma) so fortify his physical vehicle that he can cast off the disease or can be aided to face with confidence the processes of death, and with calm and intelligent understanding pass out to the subtler realms of being. Where the relation is that of the soul of the healer to the personality of the patient, the healer will work with ray energy, pouring his own ray energy through the centre which is controlling the diseased area. When both the soul of the healer and that of the patient are working in cooperation there can be the blending of two energies or (where similar rays are present) the strengthening of one energy and a greatly hastened work of healing or of dissolution. The healer must ever bear in mind that his task is either to heal—under the karmic law—or to aid in the

5. Được chuẩn bị như vậy, nhà trị liệu tập trung sự chú ý của mình vào cung riêng của mình. Khi y chỉ sở hữu tri thức tổng quát chứ không phải tri thức đặc thù về cung hay các cung của mình và của bệnh nhân, nhà trị liệu có thể tiến hành trên giả định rằng một hoặc cả hai thuộc đường 1-3-5-7 hoặc 2-4-6 và hành động theo giả định tổng quát đó. Có được tri thức đặc thù và chi tiết là hữu ích, nhưng khi điều đó không có, và không thể chỉ định các cung cụ thể, thì thường vẫn có thể xác định liệu xu hướng tổng quát của tính cách là theo đường bác ái hay theo đường ý chí, rồi hành động tương ứng. Khi ấy vấn đề là liệu mối liên hệ giữa nhà trị liệu và [703] bệnh nhân sẽ là từ phàm ngã đến phàm ngã, từ linh hồn đến linh hồn, hay từ phàm ngã đến linh hồn và ngược lại. Khi mối liên hệ là phàm ngã với phàm ngã (và đây sẽ là trường hợp thông thường nhất), năng lượng mà nhà trị liệu sẽ làm việc chỉ đơn giản là prana hành tinh; hiệu quả của nó sẽ là kích thích các tiến trình tự nhiên của thể xác và (hợp tác với tự nhiên và do đó phù hợp với nghiệp quả của bệnh nhân) tăng cường vận cụ hồng trần của y để y có thể loại bỏ bệnh tật hoặc có thể được giúp đỡ để đối diện với các tiến trình của cái chết bằng sự tự tin, và với sự bình thản và thấu hiểu thông minh mà đi ra các cõi giới vi tế hơn của bản thể. Khi mối liên hệ là từ linh hồn của nhà trị liệu đến phàm ngã của bệnh nhân, nhà trị liệu sẽ làm việc với năng lượng cung, tuôn đổ năng lượng cung riêng của mình qua trung tâm đang kiểm soát khu vực bị bệnh. Khi cả linh hồn của nhà trị liệu lẫn của bệnh nhân cùng làm việc trong sự hợp tác, có thể có sự hòa trộn của hai năng lượng hoặc (khi có các cung tương tự hiện diện) sự tăng cường của một năng lượng và công việc trị liệu hay tan rã được đẩy nhanh rất nhiều. Nhà trị liệu phải luôn ghi nhớ rằng nhiệm vụ của y hoặc là trị lành—dưới định luật nghiệp quả—hoặc là trợ giúp trong các tiến trình

processes of dissolution, bringing about, therefore, a higher form of healing. Unless the healer is a higher initiate and can work in full awareness of circumstances and governing conditions, sudden healings and dramatically arrested disease will not occur. If they do occur, it will be due to three things:

tan rã, do đó mang lại một hình thức trị liệu cao hơn. Trừ phi nhà trị liệu là một điểm đạo đồ cao cấp hơn và có thể làm việc trong sự nhận biết đầy đủ về các hoàn cảnh và các điều kiện chi phối, những sự trị lành đột ngột và bệnh tật bị chặn đứng một cách ngoạn mục sẽ không xảy ra. Nếu chúng có xảy ra, điều đó sẽ là do ba điều:

a. The destiny of the patient whose time has not yet come.

a. Định mệnh của bệnh nhân mà thời điểm của y vẫn chưa đến.

b. The interposition of the patient's own soul, who is, in the last analysis, the agent of karma. [704]

b. Sự can thiệp của chính linh hồn bệnh nhân, vốn xét cho cùng là tác nhân của nghiệp quả. [704]

c. The aid of the healer which proved adequate enough to give the patient the necessary confidence and added strength to bring about his own healing.

c. Sự trợ giúp của nhà trị liệu tỏ ra đủ để đem lại cho bệnh nhân sự tự tin cần thiết và sức mạnh gia tăng để tự mình mang lại sự trị lành.

10. Nobody is ever brought back from the "gates of death" whose karma indicates that his time has come; the life cycle on the physical plane then ends unless he is a worker in an Ashram, a disciple of some standing whose work and presence is still needed on earth to complete his assigned task. Then the Master of the Ashram may add His knowledge and energy to that of the healer or to that of the patient, and bring about a temporary postponement of departure. Upon this the healer may not count, or the patient either, for they know not the full and warranting circumstances.

10. Không ai bao giờ được đưa trở lại từ "cổng tử thần" nếu nghiệp quả của y cho thấy thời điểm của y đã đến; chu kỳ sự sống trên cõi hồng trần khi ấy chấm dứt trừ phi y là một người hoạt động trong một ashram, một đệ tử có vị thế nào đó mà công việc và sự hiện diện của y vẫn còn cần thiết trên Trái Đất để hoàn tất nhiệm vụ được giao. Khi ấy Chân sư của ashram có thể thêm tri thức và năng lượng của Ngài vào tri thức và năng lượng của nhà trị liệu hoặc của bệnh nhân, và mang lại một sự trì hoãn tạm thời cho việc ra đi. Nhà trị liệu không thể trông cậy vào điều này, bệnh nhân cũng vậy, vì họ không biết các hoàn cảnh đầy đủ và đủ căn cứ.

11. There are certain elementary requirements or conditions in which the healer should work and which are necessary. These are:

11. Có một số đòi hỏi hay điều kiện sơ đẳng mà nhà trị liệu nên làm việc trong đó và là cần thiết. Đó là:

a. Complete quiet in the sickroom, as far as possible.

a. Sự yên tĩnh hoàn toàn trong phòng bệnh, càng nhiều càng tốt.

b. As few people in the patient's room as wisdom may dictate. The thinking and thoughtforms of the people present can either be distracting or distracted, and thereby deflect the healing currents; on the other hand, they can sometimes strongly aid the healer's work.

b. Càng ít người trong phòng bệnh nhân càng tốt theo như minh triết chỉ định. Tư tưởng và các hình tư tưởng của những người hiện diện có thể hoặc gây xao lãng hoặc bị xao lãng, và do đó làm chệch các dòng trị liệu; mặt khác, đôi khi chúng có thể trợ giúp mạnh mẽ cho công việc của nhà trị liệu.

c. The patient-again when possible-should lie on his back, or on his side so that centres up the spine are turned towards the healer. In some cases (and these the healer must himself determine) he should lie in such a position that the healer can hold his hands above the area of disease, though in no case must the healer touch the patient's body.

c. Bệnh nhân—một lần nữa, khi có thể—nên nằm ngửa, hoặc nằm nghiêng sao cho các trung tâm dọc theo cột sống quay về phía nhà trị liệu. Trong một số trường hợp (và những trường hợp này nhà trị liệu phải tự xác định) y nên nằm ở tư thế sao cho nhà trị liệu có thể giữ hai tay của mình phía trên vùng bệnh, dù trong bất kỳ trường hợp nào nhà trị liệu cũng không được chạm vào thể xác của bệnh nhân.

12. When quiet, peace and silence have been reached, the healer will proceed with the appropriate technique. The [705] quiet, peace and silence mentioned above refer not only to physical conditions, but to the emotional and mental states of the healer and the patient as well as of those present; this is not always easy to attain.

12. Khi sự yên tĩnh, bình an và im lặng đã đạt được, nhà trị liệu sẽ tiến hành với kỹ thuật thích hợp. [705] Sự yên tĩnh, bình an và im lặng được nhắc đến ở trên không chỉ liên quan đến các điều kiện hồng trần, mà còn đến các trạng thái cảm xúc và trí tuệ của nhà trị liệu và bệnh nhân cũng như của những người hiện diện; điều này không phải lúc nào cũng dễ đạt được.

Where the healer has not the appropriate technique or does not understand the formulas given later in this instruction, he can assemble his own technique and rules after a close study of these healing instructions, which contain enough material and suggestions for such an action.

Khi nhà trị liệu không có kỹ thuật thích hợp hoặc không hiểu các công thức được đưa ra sau này trong chỉ dẫn này, y có thể tự tập hợp kỹ thuật và các quy luật của riêng mình sau khi nghiên cứu kỹ các chỉ dẫn trị liệu này, vốn chứa đủ chất liệu và gợi ý cho một hành động như vậy.

The Seven Healing Techniques — Bảy Kỹ Thuật Trị Liệu

The techniques I shall have to give in the form of seven ancient symbolic statements or formulas, gathered out of the Book Of Rules for Initiated Disciples. I dare not yet give the simple physical application of these ray techniques, as it would be too dangerous. When rightly used and understood they carry terrific force and—in the wrong hands—could work real damage. May I remind you here that the Black Lodge initiates likewise heal or produce death and disease, and employ very similar techniques; the difference lies in the fact that they can work only with the personality rays of both healer and patient, and because they are more potent on the physical plane than are the Members of the Great White Lodge, their work is frequently most effective. The spiritual healer, working with the energies of light whenever possible, is seldom as effective physically.

Tôi sẽ phải đưa ra các kỹ thuật dưới hình thức bảy phát biểu hay công thức biểu tượng cổ xưa, được rút ra từ *Sách Các Quy Luật dành cho Đệ Tử được Điểm Đạo.* Tôi chưa dám đưa ra ứng dụng hồng trần đơn giản của các kỹ thuật cung này, vì điều đó sẽ quá nguy hiểm. Khi được sử dụng và thấu hiểu đúng đắn, chúng mang một mãnh lực khủng khiếp và—trong những bàn tay sai lầm—có thể gây ra tổn hại thực sự. Xin nhắc bạn ở đây rằng các điểm đạo đồ của Hắc đoàn cũng trị liệu hoặc gây ra cái chết và bệnh tật, và sử dụng những kỹ thuật rất tương tự; sự khác biệt nằm ở chỗ họ chỉ có thể làm việc với các cung phàm ngã của cả nhà trị liệu lẫn bệnh nhân, và bởi vì họ mạnh hơn *trên cõi hồng trần* so với các Thành Viên của Thánh đoàn, công việc của họ thường rất hữu hiệu. Nhà trị liệu tinh thần, làm việc với các năng lượng của ánh sáng bất cứ khi nào có thể, hiếm khi hữu hiệu về mặt hồng trần bằng.

The members of the Black Lodge, or healers working under its influence, are, however, totally unable to work on a patient who is spiritually oriented to the slightest degree, and is therefore coming under the control of the soul; neither can they work through a healer who is spiritually oriented. When they attempt to do so they find themselves combatted by energy coming from the Ashram towards [706] which either the healer or the patient is moving or with which he is affiliated, even if he has his place only upon the periphery. Where the average unthinking man is concerned, the danger of "black" interference is nil; the dark forces do not interest themselves in any unimportant person, save with those of potency and influence who can serve their ends. Also their evil work is only possible at the moment (or cycle) wherein the man is

Tuy nhiên, các thành viên của Hắc đoàn, hay các nhà trị liệu làm việc dưới ảnh hưởng của nó, hoàn toàn không thể làm việc trên một bệnh nhân có định hướng tinh thần dù chỉ ở mức nhỏ nhất, và do đó đang đi vào dưới sự kiểm soát của linh hồn; họ cũng không thể làm việc qua một nhà trị liệu có định hướng tinh thần. Khi họ cố làm như vậy, họ thấy mình bị chống lại bởi năng lượng đến từ ashram mà [706] nhà trị liệu hoặc bệnh nhân đang tiến tới hay có liên kết với nó, ngay cả khi y chỉ có vị trí ở chu vi. Đối với con người trung bình không suy nghĩ, nguy cơ bị can thiệp "đen" là không có; các mãnh lực tối tăm không quan tâm đến bất kỳ người không quan trọng nào, ngoại trừ những người có năng lực và ảnh hưởng có thể phục vụ mục đích của chúng. Ngoài ra, công việc xấu xa của chúng hiện nay chỉ có thể xảy ra vào khoảnh khắc (hay chu kỳ) khi

making decision as to whether he will move in spiritual living, remain static where he is, or turn with deliberation (which is exceedingly rare) to the path of pure selfishness. This path leads to the Black Lodge.

con người đang quyết định xem y sẽ tiến bước trong đời sống tinh thần, vẫn trì trệ ở chỗ mình đang đứng, hay cố ý quay sang (điều này cực kỳ hiếm) con đường của tính ích kỷ thuần túy. Con đường này dẫn đến Hắc đoàn.

Some disciple in the early part of next century will take these techniques or magical statements, relating to the healing work, and interpret them and elucidate them. They are susceptible of three significances, the lowest of which the modern student may succeed in interpreting for himself if he reflects adequately and lives spiritually. Here are the seven statements.

Một đệ tử nào đó vào đầu thế kỷ tới sẽ lấy những kỹ thuật hay các phát biểu huyền thuật này, liên hệ đến công việc trị liệu, mà diễn giải và làm sáng tỏ chúng. Chúng có thể tiếp nhận ba ý nghĩa, trong đó ý nghĩa thấp nhất là điều mà đạo sinh hiện đại có thể tự mình thành công trong việc diễn giải nếu y suy tư đầy đủ và sống một đời sống tinh thần. Đây là bảy phát biểu.

THE SEVEN STATEMENTS

BẢY PHÁT BIỂU

1. The first ray technique.

1. Kỹ thuật cung một.

Let the dynamic force which rules the hearts of all within Shamballa come to my aid, for I am worthy of that aid. Let it descend unto the third, pass to the fifth and focus on the seventh. These words mean not what doth at sight appear. The third, the fifth, the seventh lie within the first and come from out the Central Sun of spiritual livingness. The highest then awakens within the one who knows and within the one who must be healed and thus the two are one. This is mystery deep. The blending of the healing force effects the work desired; it may bring death, [707] that great release, and re-establish thus the fifth, the third, the first, but not the seventh.

Hãy để mãnh lực năng động cai quản trái tim của tất cả những ai ở trong Shamballa đến trợ giúp tôi, vì tôi xứng đáng với sự trợ giúp đó. Hãy để nó giáng xuống cái thứ ba, đi qua cái thứ năm và hội tụ vào cái thứ bảy. Những lời này không có nghĩa như vẻ ngoài thoạt nhìn. Cái thứ ba, cái thứ năm, cái thứ bảy nằm bên trong cái thứ nhất và đi ra từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương của sự sống tinh thần. Khi ấy cái cao nhất thức tỉnh bên trong người biết và bên trong người phải được trị lành và như vậy cả hai là một. Đây là huyền nhiệm sâu xa. Sự hòa trộn của mãnh lực trị liệu tạo ra công việc mong muốn; nó có thể mang lại cái chết, [707] sự giải thoát vĩ đại ấy, và nhờ đó tái lập cái thứ năm, cái thứ ba, cái thứ nhất, nhưng không phải cái thứ bảy.

This dynamic first ray energy is usually employed by the trained spiritual healer when it is apparent to him that the patient's hour has come and release approaches. In

Năng lượng cung một năng động này thường được nhà trị liệu tinh thần được huấn luyện sử dụng khi đối với y rõ ràng rằng giờ của bệnh nhân đã đến và sự giải

cases where the first ray is the soul ray of either healer or patient, this application of first ray energy must move from head centre to head centre, and from thence to the area of distress and to the centre allied with the location. This may cause (when healing is possible and karmically correct) a temporary increase of the trouble; this is owing to the fact that the incoming energy "expels dynamically" the very seed or roots of the disease. There may be a rise in temperature, or a collapse of some kind or another, and for this the healer, the patient and the attendant physician must be prepared and should take the needed physical steps for amelioration—steps as ordained by the orthodox medical profession, which will offset the purely physical reaction. Where the soul ray of the patient is not on the first ray, but the first ray is the ray of the personality, the healer must use great caution in applying first ray energy, and should proceed very slowly and gradually through the centre on the line of 1-3-5-7 which is nearest to the seat of trouble, passing the energy through that centre and thence to the centre (whichever that may be) found in the locality of the disease. If that particular centre happens to be on the line of 3-5-7, the healer will have to exercise special care, or else the dynamic first ray energy will destroy and not heal.

thoát đang gần kề. Trong những trường hợp mà cung một là cung linh hồn của nhà trị liệu hoặc của bệnh nhân, việc áp dụng năng lượng cung một này phải đi từ trung tâm đầu đến trung tâm đầu, và từ đó đến vùng đau khổ và đến trung tâm liên kết với vị trí ấy. Điều này có thể gây ra (khi việc trị lành là có thể và đúng theo nghiệp quả) một sự gia tăng tạm thời của chứng bệnh; điều này là do năng lượng đi vào "tống xuất một cách năng động" chính hạt giống hay gốc rễ của bệnh. Có thể có sự tăng nhiệt độ, hoặc một sự suy sụp dưới hình thức này hay hình thức khác, và vì điều này nhà trị liệu, bệnh nhân và vị y sĩ chăm sóc phải được chuẩn bị và nên thực hiện những bước hồng trần cần thiết để làm dịu bớt—những bước như được ngành y chính thống quy định, vốn sẽ hóa giải phản ứng thuần túy hồng trần. Khi cung linh hồn của bệnh nhân không thuộc cung một, nhưng cung một là cung của phàm ngã, nhà trị liệu phải hết sức thận trọng khi áp dụng năng lượng cung một, và nên tiến hành rất chậm rãi và dần dần qua trung tâm trên đường 1-3-5-7 gần nhất với nơi phát sinh chứng bệnh, truyền năng lượng qua trung tâm đó rồi từ đó đến trung tâm (bất kể là trung tâm nào) được tìm thấy trong khu vực của bệnh. Nếu trung tâm đặc biệt ấy tình cờ ở trên đường 3-5-7, nhà trị liệu sẽ phải đặc biệt cẩn trọng, nếu không năng lượng cung một năng động sẽ hủy diệt chứ không trị lành.

2. The second ray technique.

2. Kỹ thuật cung hai.

Let the healing energy descend, carrying its dual lines of life and its magnetic force. Let that magnetic living force withdraw and supplement that [708] which is present in the seventh, opposing four and six to three and seven, but dealing not with five. The circular, inclusive vortex—descending to the

Hãy để năng lượng trị liệu giáng xuống, mang theo các đường đôi của sự sống và mãnh lực từ tính của nó. Hãy để mãnh lực sống từ tính ấy rút bớt và bổ sung cho cái [708] đang hiện diện trong cái thứ bảy, đặt bốn và sáu đối lại ba và bảy, nhưng không tác động đến năm. Vòng xoáy tròn, bao gồm tất cả—giáng xuống điểm—làm xáo trộn, loại bỏ

point—disturbs, removes and then supplies and thus the work is done.

rồi cung ứng và như vậy công việc được hoàn tất.

The heart revolves; two hearts revolve as one; the twelve within the vehicle, the twelve within the head and the twelve upon the plane of soul endeavour, cooperate as one and thus the work is done. Two energies achieve this consummation and the three whose number is a twelve respond to the greater twelve. The life is known and the years prolonged.

Trái tim xoay chuyển; hai trái tim xoay chuyển như một; mười hai bên trong vận cụ, mười hai bên trong đầu và mười hai trên cõi nỗ lực của linh hồn, hợp tác như một và như vậy công việc được hoàn tất. Hai năng lượng đạt đến sự viên mãn này và ba cái mà số của chúng là mười hai đáp ứng với mười hai lớn hơn. Sự sống được biết đến và những năm tháng được kéo dài.

If this ancient statement is read in the light of any knowledge you may have (and you probably have more than you realise), particularly knowledge anent the centres, the primary or easiest interpretation will appear.

Nếu phát biểu cổ xưa này được đọc dưới ánh sáng của bất kỳ tri thức nào bạn có thể có (và có lẽ bạn có nhiều hơn bạn nhận ra), đặc biệt là tri thức liên quan đến các trung tâm, thì cách diễn giải đầu tiên hay dễ nhất sẽ xuất hiện.

3. The third ray technique.

3. Kỹ thuật cung ba.

The healer stands and weaves. He gathers from the three, the five, the seven that which is needed for the heart of life. He brings the energies together and makes them serve the third; he thus creates a vortex into which the one distressed must descend and with him goes the healer, and yet they both remain in peace and calm. Thus must the angel of the Lord descend into the pool and bring the healing life.

Nhà trị liệu đứng và dệt. Y tập hợp từ cái ba, cái năm, cái bảy điều cần thiết cho trái tim của sự sống. Y gom các năng lượng lại và làm cho chúng phụng sự cái thứ ba; nhờ đó y tạo ra một vòng xoáy mà người đau khổ phải đi xuống vào đó và cùng với y nhà trị liệu cũng đi xuống, nhưng cả hai vẫn ở trong bình an và tĩnh lặng. Như vậy thiên thần của Chúa phải đi xuống hồ nước và mang sự sống trị liệu đến.

The “pool of waters” figures here and may cause much questioning as to its significance. Its elementary interpretation relates in reality to the central and major cause of much disease (as we have earlier seen), the emotional nature, which it is the task of the third aspect of divinity [709] to control. Ponder on this, for much enlightenment may come.

“Hồ nước” được nêu ra ở đây và có thể gây nhiều thắc mắc về ý nghĩa của nó. Cách diễn giải sơ đẳng của nó thực ra liên hệ đến nguyên nhân trung tâm và chủ yếu của nhiều bệnh tật (như chúng ta đã thấy trước đây), tức bản chất cảm xúc, mà phương diện thứ ba của thiên tính có nhiệm vụ [709] kiểm soát. Hãy suy ngẫm về điều này, vì nhiều soi sáng có thể đến.

The next healing technique is longer and far more abstruse. There is little of it that you will understand; it is entirely related, as far as our theme is concerned, to man himself and to the aphorism: "Man, know thyself."

Kỹ thuật trị liệu tiếp theo dài hơn và huyền nhiệm hơn nhiều. Có rất ít điều trong đó mà bạn sẽ hiểu; xét theo chủ đề của chúng ta, nó hoàn toàn liên hệ đến chính con người và đến châm ngôn: "Con người, hãy *biết* chính mình."

4. The fourth ray technique.

4. Kỹ thuật cung bốn.

The healer knows the place where dissonance is found. He also knows the power of sound and the sound which must be heard. Knowing the note to which the fourth great group reacts and linking it to the great Creative Nine, he sounds the note which brings release, the note which will bring absorption into one. He educates the listening ear of him who must be healed; he likewise trains the listening ear of him who must go forth. He knows the manner of the sound which brings the healing touch; and also that which says: Depart. And thus the work is done.

Nhà trị liệu biết nơi tìm thấy sự bất hòa. Y cũng biết quyền năng của âm thanh và âm thanh phải được nghe. Biết âm điệu mà nhóm lớn thứ tư đáp ứng và nối kết nó với Chín Sáng Tạo vĩ đại, y xướng lên âm điệu mang lại sự giải thoát, âm điệu sẽ mang lại sự hấp thu vào một. Y giáo dục tai lắng nghe của người phải được trị lành; y cũng huấn luyện tai lắng nghe của người phải đi ra. Y biết cách thức của âm thanh mang lại sự chạm đến trị liệu; và cũng biết âm thanh nói rằng: Hãy ra đi. Và như vậy công việc được hoàn tất.

This fourth technique is one that—in default of true ray knowledge—can be of general usefulness, because this fourth ray governs the fourth kingdom in nature, the human. The healer along this line of work (and such healers are practically nonexistent at this time because the fourth ray is not in incarnation) heals primarily through the use of the appropriate sound or sounds. In the early stages when this technique comes into demonstration, music will be largely used by the healer to bring about a cure or to facilitate the process of death or departure. It will, however, be music with one constantly recurring chord, which will embody the note of the fourth ray and of the human kingdom. Healing by the means of sound will be one of the first healing unfoldments [710] to be noted at the close of the next century. More teaching along this

Kỹ thuật thứ tư này là một kỹ thuật—khi thiếu tri thức cung chân thực—có thể có ích lợi tổng quát, bởi vì cung bốn này cai quản giới thứ tư trong thiên nhiên, tức giới nhân loại. Nhà trị liệu theo đường lối công việc này (và những nhà trị liệu như thế thực tế hiện nay không tồn tại vì cung bốn không Đang lâm phàm) trị liệu chủ yếu qua việc sử dụng âm thanh hay các âm thanh thích hợp. Trong các giai đoạn đầu khi kỹ thuật này đi vào biểu hiện, âm nhạc sẽ được nhà trị liệu sử dụng rộng rãi để mang lại sự chữa lành hoặc để làm dễ dàng tiến trình chết hay ra đi. Tuy nhiên, đó sẽ là âm nhạc với một hợp âm liên tục tái diễn, thể hiện âm điệu của cung bốn và của giới nhân loại. Trị liệu bằng phương tiện âm thanh sẽ là một trong những sự khai mở trị liệu đầu tiên [710] được ghi nhận vào cuối thế kỷ tới. Truyền dạy thêm theo đường lối này sẽ vô ích cho

line would be useless until the fourth ray again cycles into manifestation.

đến khi cung bốn lại tuần hoàn vào biểu hiện.

5. The fifth ray technique.

5. Kỹ thuật cung năm.

That which has been given must be used; that which emerges from within the given mode will find its place within the healer's plan. That which is hidden must be seen and from the three, great knowledge will emerge. For these the healer seeks. To these the healer adds the two which are as one, and so the fifth must play its part and the five must play its part and the five must function as if one. The energies descend, pass through and disappear, leaving the one who could respond with karma yet to dissipate and taking with them him who may not thus respond and so must likewise disappear.

Điều đã được ban cho phải được sử dụng; điều xuất hiện từ bên trong phương thức đã cho sẽ tìm thấy chỗ của nó trong kế hoạch của nhà trị liệu. Điều bị che giấu phải được thấy và từ cái ba, tri thức lớn sẽ xuất hiện. Nhà trị liệu tìm kiếm những điều này. Vào những điều này nhà trị liệu thêm vào cái hai vốn là một, và như vậy cái thứ năm phải đóng vai trò của nó và cái năm phải đóng vai trò của nó và cái năm phải hoạt động như thể là một. Các năng lượng giáng xuống, đi xuyên qua rồi biến mất, để lại người có thể đáp ứng với nghiệp quả còn phải làm tiêu tan và mang theo người không thể đáp ứng như vậy và do đó cũng phải biến mất.

The obvious and simplest meaning of the fifth ray mode of healing is that the healer, working scientifically and largely on concrete levels, employs all aids to bring about a cure, starting with appropriate physical care and passing on to subtler modes of healing. Again I would point out that physical aid can be as divinely used as the more mysterious methods which the metaphysical healer of the present time believes to be so profoundly more effective. Just as all modern knowledge, developed on the physical plane, through the personalities of men and women of insight and genius everywhere, is useful to the disciple and initiate, in time and space, so it is with the medical sciences. Just as right application of these varying sciences has to be made by the disciple or the initiate in order to bring about spiritual results, so must it be when the healer is at work.

Ý nghĩa hiển nhiên và đơn giản nhất của phương thức trị liệu cung năm là nhà trị liệu, làm việc một cách khoa học và phần lớn trên các cấp độ cụ thể, sử dụng mọi trợ giúp để mang lại sự chữa lành, bắt đầu bằng sự chăm sóc hồng trần thích hợp rồi tiến đến các phương thức trị liệu vi tế hơn. Một lần nữa tôi muốn chỉ ra rằng sự trợ giúp hồng trần có thể được sử dụng một cách thiêng liêng cũng như những phương pháp huyền nhiệm hơn mà nhà trị liệu siêu hình học hiện nay tin là hiệu quả sâu xa hơn nhiều. Cũng như mọi tri thức hiện đại, được phát triển trên cõi hồng trần, qua các phàm ngã của những người nam và nữ có nội kiến và thiên tài ở khắp nơi, đều hữu ích cho đệ tử và điểm đạo đồ trong thời gian và không gian, thì các khoa học y học cũng vậy. Cũng như việc áp dụng đúng đắn các khoa học đa dạng này phải được đệ tử hay điểm đạo đồ thực hiện để mang lại các kết quả tinh thần, thì cũng phải như thế khi nhà trị liệu đang làm việc.

All work becomes spiritual when rightly motivated, when wise discrimination is employed and soul power is [711] added to the knowledge gained in the three worlds. The dynamic use of energy in one of its seven streams, added to the sane understanding and work of the modern physician, aided by the healer (who works as does a catalyst), can produce miracles when destiny so ordains. The metaphysical healer who works solely on the subtler levels is like the spiritual worker who fails so constantly to precipitate the needed financial assets on the physical plane. This is caused frequently by a subtle—though usually unrecognised—sense of superiority with which the average healer and the esotericist views his problem of materialisation of either physical health or money. Ponder on this and realise that fifth ray methods carry through to the physical plane; there they engender conflict and eventually produce a physical precipitation of the desired nature. In what I have said anent the fifth ray techniques, I have given more hints and information than in any of the others.

Mọi công việc đều trở thành tinh thần khi được thúc đẩy đúng đắn, khi sự phân biện minh triết được vận dụng và quyền năng linh hồn được [711] thêm vào tri thức đã đạt được trong ba cõi giới. Việc sử dụng năng lượng một cách năng động trong một trong bảy dòng của nó, cộng với sự thấu hiểu lành mạnh và công việc của vị y sĩ hiện đại, được trợ giúp bởi người chữa lành (làm việc như một chất xúc tác), có thể tạo ra những điều kỳ diệu khi định mệnh an bài như vậy. Nhà chữa lành siêu hình chỉ làm việc trên các cấp độ vi tế hơn cũng giống như người hoạt động tinh thần luôn luôn thất bại trong việc ngưng tụ những tài sản tài chính cần thiết trên cõi hồng trần. Điều này thường do một cảm giác ưu việt vi tế—dù thường không được nhận ra—mà người chữa lành trung bình và nhà bí truyền học nhìn vấn đề hiện hình của mình, dù là sức khỏe thể xác hay tiền bạc. Hãy suy ngẫm về điều này và nhận ra rằng các phương pháp cung năm được thực hiện đến tận cõi hồng trần; tại đó chúng gây ra xung đột và cuối cùng tạo ra một sự ngưng tụ hồng trần có bản chất như mong muốn. Trong những gì tôi đã nói liên quan đến các kỹ thuật cung năm, tôi đã đưa ra nhiều gợi ý và thông tin hơn bất kỳ kỹ thuật nào khác.

6. The sixth ray technique.

6. Kỹ thuật cung sáu.

Cleaving the waters, let the power descend, the healer cries. He minds not how the waters may respond; they oft bring stormy waves and dire and dreadful happenings. The end is good. The trouble will be ended when the storm subsides and energy has fulfilled its charted destiny. Straight to the heart the power is forced to penetrate, and into every channel, nadi, nerve and spleen the power must seek a passage and a way and thus confront the enemy who has elected entrance and settled down to live.

Xẻ đôi các dòng nước, hãy để quyền năng giáng xuống, người chữa lành kêu lên. Y không bận tâm các dòng nước có thể đáp ứng ra sao; chúng thường mang đến những đợt sóng dữ dội và những biến cố nghiêm trọng, kinh hoàng. Kết cuộc là tốt đẹp. Rắc rối sẽ chấm dứt khi cơn bão lắng xuống và năng lượng đã hoàn thành định mệnh đã được vạch sẵn của nó. Quyền năng bị buộc phải xuyên thấu thẳng vào tim, và vào mọi kênh dẫn, nadi, dây thần kinh và lá lách, quyền năng phải tìm một lối đi và một con

Ejection—ruthless, sudden and complete—is undertaken by the one who sees naught else but perfect functioning and brooks no interference. This perfect functioning opens thus the door to life eternal or to life on earth for yet a little while.

đường, và như thế đối mặt với kẻ thù đã chọn cách xâm nhập và định cư để sống. Sự tống xuất—tàn nhẫn, đột ngột và hoàn toàn—được thực hiện bởi người không thấy gì khác ngoài sự vận hành hoàn hảo và không chấp nhận bất kỳ sự can thiệp nào. Sự vận hành hoàn hảo này do đó mở cánh cửa dẫn đến sự sống vĩnh cửu hoặc đến sự sống trên trần gian thêm một thời gian ngắn nữa.

[712]

[712]

This technique is curiously potent and sudden when the healer is on the sixth ray; the results are drastic and full of pain, but the results are sure-healing or death, and oft the latter. The sixth ray healer is seldom disciplined or wise at this time, owing to this being the end of the sixth ray cycle. When again the sixth ray comes into manifestation, humanity will have progressed far along the Path and the present aggressive, too sure, fanatical sixth ray healer will not re-appear. Today they are the majority, and their work is not good; it is well-intentioned, but the technique is ignorantly applied and the end justifies not the assurance of the healer, leading to frequent deception of the patient.

Kỹ thuật này có một năng lực kỳ lạ và đột ngột khi người chữa lành thuộc cung sáu; các kết quả thì quyết liệt và đầy đau đớn, nhưng các kết quả thì chắc chắn—chữa lành hoặc chết, và thường là điều sau. Người chữa lành cung sáu vào lúc này hiếm khi có kỷ luật hoặc minh triết, vì đây là lúc kết thúc chu kỳ cung sáu. Khi cung sáu lại đi vào biểu hiện, nhân loại sẽ đã tiến rất xa trên Con Đường và người chữa lành cung sáu hung hăng, quá tự tin, cuồng tín hiện nay sẽ không tái xuất hiện. Ngày nay họ chiếm đa số, và công việc của họ không tốt; ý định thì tốt, nhưng kỹ thuật được áp dụng một cách ngu dốt và kết quả không biện minh cho sự quả quyết của người chữa lành, dẫn đến sự lừa dối bệnh nhân thường xuyên.

7. The seventh ray technique.

7. Kỹ thuật cung bảy.

Energy and force must meet each other and thus the work is done. Colour and sound in ordered sequence must meet and blend and thus the work of magic can proceed. Substance and spirit must evoke each other and, passing through the centre of the one who seeks to aid, produce the new and good. The healer energises thus with life the failing life, driving it forth or anchoring it yet more deeply in the place of destiny. All seven must be used and through the seven there must pass the energies the need

Năng lượng và mãnh lực phải gặp nhau và như thế công việc được hoàn thành. Màu sắc và âm thanh trong trình tự có trật tự phải gặp nhau và hòa trộn, và như thế công việc huyền thuật có thể tiến hành. Chất liệu và tinh thần phải gợi lên lẫn nhau và, đi qua trung tâm của người tìm cách trợ giúp, tạo ra điều mới mẻ và tốt lành. Người chữa lành như thế tiếp sinh lực bằng sự sống cho sự sống đang suy tàn, đẩy nó ra ngoài hoặc neo nó sâu hơn nữa vào nơi chốn của định mệnh. Cả bảy phải được sử dụng và qua bảy điều ấy

requires, creating the new man who has for ever been and will for ever be, and either here or there.

phải chuyển vận các năng lượng mà nhu cầu đòi hỏi, tạo ra con người mới, Đấng đã luôn luôn hiện hữu và sẽ mãi mãi hiện hữu, hoặc ở đây hoặc ở đó.

In this technique you have the clue to them all, for the work of the seventh ray healer is to bring together the life and the substance which will take the place of the substance which is diseased and bring new life to aid the recovery. The glory of life lies in consummation and in emergence. This is the prime task and the prime reward of all true [713] healers. It is this technique of attraction and substitution which will be brought to a fine point of scientific expression in the coming new age wherein the seventh ray will dominate our planet, producing that which is new and needed and determining the coming culture, civilisation and science.

Trong kỹ thuật này bạn có đầu mối cho tất cả các kỹ thuật kia, vì công việc của người chữa lành cung bảy là đưa lại gần nhau sự sống và chất liệu sẽ thay thế cho chất liệu đang bệnh hoạn và đem sự sống mới đến để trợ giúp sự hồi phục. Vinh quang của sự sống nằm trong sự viên mãn và trong sự xuất hiện. Đây là nhiệm vụ hàng đầu và cũng là phần thưởng hàng đầu của mọi người chữa lành chân chính [713]. Chính kỹ thuật hấp dẫn và thay thế này sẽ được đưa đến một mức biểu đạt khoa học tinh vi trong kỷ nguyên mới đang đến, trong đó cung bảy sẽ chi phối hành tinh chúng ta, tạo ra điều mới mẻ và cần thiết, đồng thời quyết định nền văn hóa, văn minh và khoa học sắp đến.

In conclusion I would like to tell you the reasons I am refraining from more detailed information and from a clear analysis of the wording of these ancient formulas of healing. Apart from the reason, earlier stated, that men are not yet ready to be given explicit instructions, for the time being anything I might say would appear to you puerile. That is the curious word which seems to be descriptive of possible immediate reaction. We are on the verge of entering a new era in scientific unfoldment, owing to the discovery of how to release the energy of the atom. Not even the scientists responsible for the discovery have the faintest idea of the far-reaching effects of this momentous happening. From the angle of our subject and the theme of this volume, an entirely new language related to energy and force is already in the making: the use of the discovery in the handling of disease will, in almost the immediate future (from the

Sau cùng tôi muốn cho bạn biết những lý do khiến tôi không đi vào thông tin chi tiết hơn và không phân tích rõ ràng ngôn từ của các công thức chữa lành cổ xưa này. Ngoài lý do đã nêu trước đó, rằng con người chưa sẵn sàng để được trao những chỉ dẫn minh bạch, thì trong lúc này bất cứ điều gì tôi có thể nói cũng sẽ có vẻ ấu trĩ đối với bạn. Đó là từ kỳ lạ dường như mô tả được phản ứng tức thời có thể có. Chúng ta đang ở ngưỡng cửa bước vào một kỷ nguyên mới của sự khai mở khoa học, nhờ việc khám phá ra cách giải phóng năng lượng của nguyên tử. Ngay cả các nhà khoa học chịu trách nhiệm cho khám phá ấy cũng không có ý niệm mơ hồ nhất về những ảnh hưởng sâu rộng của biến cố trọng đại này. Từ góc độ đề tài của chúng ta và chủ đề của tập sách này, một ngôn ngữ hoàn toàn mới liên hệ đến năng lượng và mãnh lực đã đang được hình thành: việc sử dụng khám phá ấy trong xử lý bệnh tật, trong một tương lai gần như tức khắc (xét từ góc độ huyền bí

occult angle) be regarded as little short of miraculous.

học), sẽ được xem là hầu như không kém gì phép lạ.

This discovery of atomic liberation has been brought about by the activity of the first ray in relation to the incoming seventh ray and has its analogous situation in the liberation of the Master at the fifth initiation (when the door of the tomb bursts wide open) and in the act of dying, when the imprisoned soul finds release. In the light of future scientific happenings, these ancient techniques will become much clearer, and in the meantime any explanation of their true "energetic import" would be meaningless. The [714] new and coming terminology will throw light on the ancient formulas, and in time you will see how much can be conveyed to the intelligent healer of that new generation by what seems to you both disappointing, without use or significance, and needlessly abstruse.

Khám phá về sự giải phóng nguyên tử này đã được mang lại bởi hoạt động của cung một trong liên hệ với cung bảy đang đi vào, và có tình huống tương tự của nó trong sự giải thoát của Chân sư ở lần điểm đạo thứ năm (khi cánh cửa mồ mả bật tung rộng mở) và trong hành động chết, khi linh hồn bị giam hãm tìm được sự giải thoát. Dưới ánh sáng của các biến cố khoa học tương lai, các kỹ thuật cổ xưa này sẽ trở nên rõ ràng hơn nhiều, và trong lúc này bất kỳ lời giải thích nào về "ý nghĩa năng lượng" đích thực của chúng cũng sẽ vô nghĩa. Thuật ngữ mới và đang đến [714] sẽ soi sáng các công thức cổ xưa, và theo thời gian bạn sẽ thấy có thể truyền đạt được bao nhiêu điều cho người chữa lành thông tuệ của thế hệ mới ấy bằng những gì đối với bạn dường như vừa gây thất vọng, vừa vô dụng hoặc không có thâm nghĩa, lại vừa tối nghĩa một cách không cần thiết.

In this interim period between the past and that which is on its way, it is not easy for even a Master of the Wisdom to speak or teach, particularly in connection with the theme of healing. The physical body is not yet generally recognised as an electrical unit; its nature as pure atomic energy is not yet realised; the fact of the energy body, the etheric vehicle, is not at this time recognised in the teachings of the modern medical schools, though the fact has been discussed; the explosive nature of energy, when in contact with force, or of the soul in relation to substance, is completely unknown or veiled in mystical language. Until such time as the new scientific formulas and the new approach (which the discovery of the release of atomic energy has made possible) have become more generally understood, are a

Trong giai đoạn chuyển tiếp này giữa quá khứ và điều đang trên đường đến, ngay cả một Chân sư Minh Triết cũng không dễ nói hay giảng dạy, đặc biệt liên quan đến chủ đề chữa lành. Thể xác vẫn chưa được nhìn nhận rộng rãi như một đơn vị điện; bản chất của nó như năng lượng nguyên tử thuần túy vẫn chưa được nhận ra; sự kiện về thể năng lượng, vận cụ dĩ thái, vào lúc này chưa được công nhận trong giáo huấn của các trường y khoa hiện đại, dù sự kiện ấy đã được bàn đến; bản chất bùng nổ của năng lượng khi tiếp xúc với mãnh lực, hoặc của linh hồn trong liên hệ với chất liệu, hoàn toàn chưa được biết đến hoặc bị che phủ trong ngôn ngữ thần bí. Cho đến khi các công thức khoa học mới và cách tiếp cận mới (mà việc khám phá sự giải phóng năng lượng nguyên tử đã làm cho khả hữu) được thấu hiểu rộng rãi

familiar subject of discussion and couched in familiar language, the coming science of healing must remain behind a veil of unsuitable language and hidden by inappropriate words.

hơn, trở thành một chủ đề thảo luận quen thuộc và được diễn đạt bằng ngôn ngữ quen thuộc, thì khoa học chữa lành sắp đến vẫn phải ở sau một bức màn của ngôn ngữ không thích hợp và bị che giấu bởi những từ ngữ không tương xứng.

This fact, as I have oft told you, handicaps all new presentations of truth; the language of the electrical engineer or of the automobile draftsman, for instance, would have been entirely meaningless to the average man a hundred years ago. So it is with the new themes and the great discoveries which are on their way and which will eventually affect every department of human life, including the Art of Healing.

Sự kiện này, như tôi đã thường nói với bạn, gây trở ngại cho mọi sự trình bày mới về chân lý; chẳng hạn, ngôn ngữ của kỹ sư điện hoặc của người thiết kế ô tô hẳn đã hoàn toàn vô nghĩa đối với người bình thường cách đây một trăm năm. Với các chủ đề mới và những khám phá lớn đang trên đường đến cũng vậy, và cuối cùng chúng sẽ ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của đời sống con người, kể cả Nghệ Thuật Chữa Lành.

I sign myself, because it has been given out who I am, as the Master Djwhal Khul.

Tôi ký tên mình, vì đã được công bố tôi là ai, là Chân sư *Djwhal Khul*.

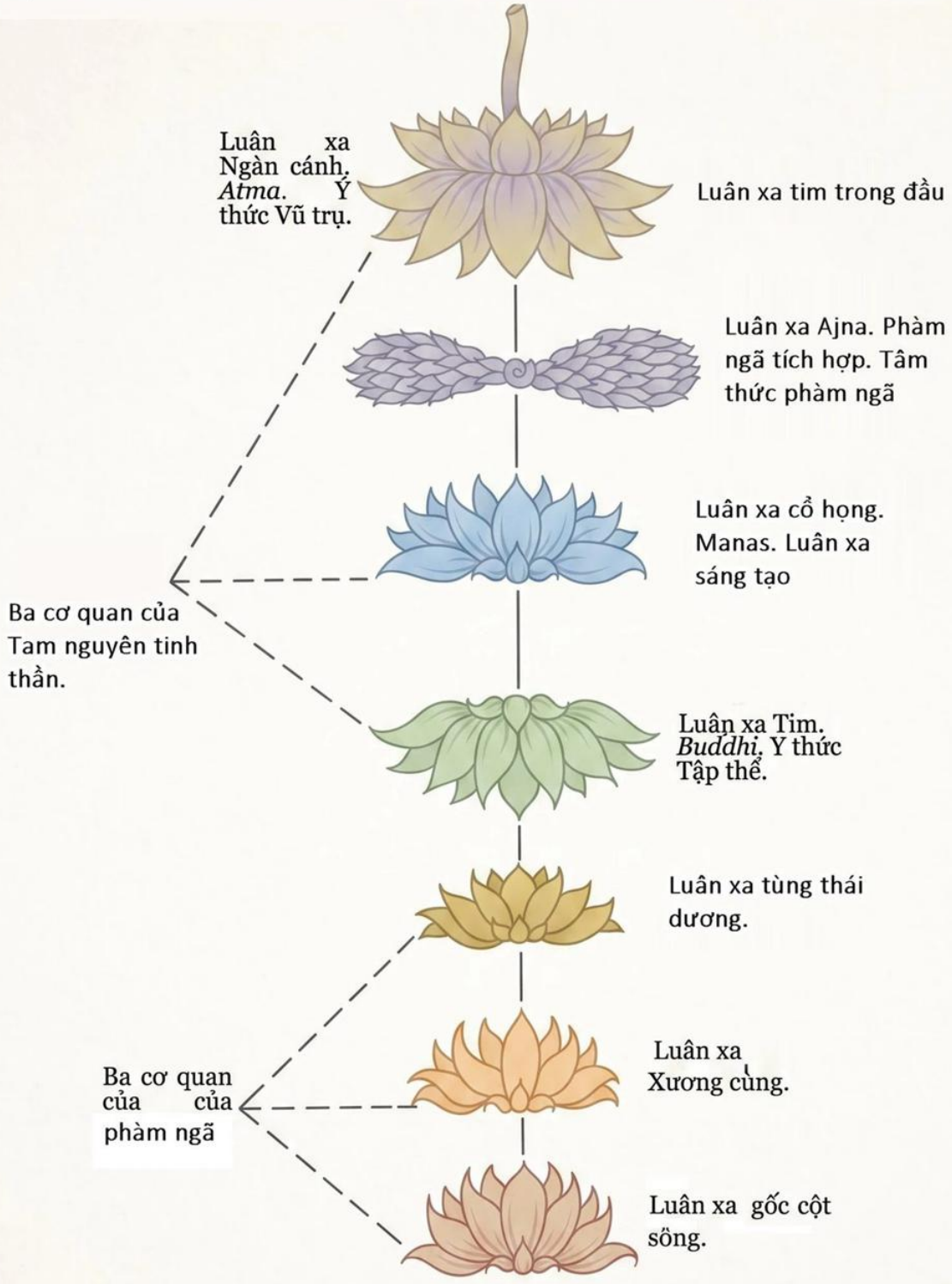
THE TIBETAN

CHÂN SƯ TÂY TẠNG

RELECTION OF THE SPIRITUAL TRIAD IN THE PERSONALITY

PHẢN ÁNH CỦA TAM NGUYÊN TINH THẦN TRONG PHÀM NGÃ

SỰ PHẢN CHIẾU CỦA TAM NGUYÊN TINH THẦN TRONG PHÀM NGÃ



Sự phản chiếu của Tam nguyên tinh thần trong phàm ngã hoàn tất khi luân xa Ajna hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của linh hồn. Biểu đồ này không nhằm biểu thị đúng số cánh hoa trong các luân xa

THE ARCANE SCHOOL — TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship	Sự huấn luyện cho địa vị đệ tử trong kỷ nguyên mới
is provided by the Arcane School.	được cung cấp bởi *Trường Arcane.*
The principles of the Ageless Wisdom	Các nguyên lý của Minh Triết Ngàn Đời
are presented through esoteric meditation,	được trình bày qua tham thiền huyền bí,
study and service as a way of life.	học tập và phụng sự như một *lối sống.*
Contact the publishers for information.	Xin liên hệ nhà xuất bản để biết thông tin.